

THE CLASSIC MASTERPIECE



KEN FOLLETT



NHỮNG CỘT TRỤ
CỦA TRÁI ĐẤT



Table of Contents

TÁC GIẢ

MỞ ĐẦU

PHẦN MỘT 1135 – 1136

PHẦN HAI

PHẦN BA

PHẦN BỐN

PHẦN NĂM 1136 - 1137

PHẦN SÁU

PHẦN BẢY

PHẦN TÁM 1140 - 1142

PHẦN CHÍN

PHẦN MƯỜI

PHẦN MƯỜI MỘT 1142 – 1145

PHẦN MƯỜI HAI

PHẦN MƯỜI BA

PHẦN MƯỜI BỐN 1152 – 1155

PHẦN MƯỜI LĂM

PHẦN MƯỜI SÁU

PHẦN MƯỜI BẢY 1170 -1174

PHẦN MƯỜI TÁM

CHÚ THÍCH

KEN FOLLETT

NHỮNG CỘT TRỤ CỦA TRÁI ĐẤT

Nguyên tác: The Pillars of the Earth (Kingsbridge #1)
Ngô Nguyễn Minh Nan dịch

©By Publisher Macmillan 1989

TÁC GIẢ



KEN FOLLETT

Ken Follett sinh ngày 05 tháng 6 năm 1949 tại Cardiff, Wales, Anh quốc, con trai lớn nhất của ông Martin, một vị thanh tra thuế vụ và bà Veenie Follett.

Cũng như những vợ chồng trẻ sau thời Đệ Nhị Thế Chiến, cha mẹ cậu Ken không thể đầy đủ phương tiện để cho cậu con trai có được một cuộc sống vàng son nên rất tự nhiên, từ năm lên 7 tuổi, đã tự tưởng tượng ra cho mình những cuộc phiêu lưu của cậu. Cha mẹ Ken Follett lại là những người thiên chúa giáo rất sùng đạo, cấm cậu bé không được xem truyền hình,

nghe radio hoặc đi xem ciné, nhưng Ken Follett đã vượt qua sự "cô lập" hàng ngày bằng thú đọc sách.

Khi được 10 tuổi, gia đình Follett dời Cardiff về Luân Đôn sống. Tại đây Ken Follett hoàn tất trung học và theo học tại University College, London; cũng theo lời của Ken Follet việc chọn lựa triết học như một định mệnh để sau này cho phép ông liên kết giữa triết học và những chuyện hư cấu.

Trong lúc chờ đợi những thành công, thực tế khá phũ phàng đuổi bắt Ken Follett: Cô bạn gái của chàng sinh viên triết học mang thai, hai người làm đám cưới và chỉ một thời gian thật ngắn sau đó Emanuele, một đứa bé trai ra chào đời vào tháng 7 năm 1968. Follet đóng hai vai trò cùng lúc vào lúc mới được 19 tuổi: Người sinh viên trẻ và người cha.

Bấy giờ người ta đang ở vào thời kỳ cuối những năm 1960, chiến tranh Việt Nam đang trong giai đoạn cao điểm và Follett khởi sự đam mê chính trị.

Tháng 9 năm 1970, sau khi tốt nghiệp triết học tại University College Luân Đôn, Ken Follett theo học cấp tốc 3 tháng về nghề ký giả rồi làm việc với tư cách phóng viên cho tờ South Wales Echo ở Cardiff. Rồi năm 1973 sau khi Marie Claire, cô con gái thứ hai ra chào đời, Ken về làm cho tờ Evening News tại Londres. Cùng lúc Ken Follett sáng tác những truyện hư cấu vào ban đêm và những ngày nghỉ cuối tuần.

Năm 1974, Ken Follett bỏ nghề báo chí đến làm việc cho nhà xuất bản Everest Books. Cũng trong năm này, Ken Follett xuất bản hai tác phẩm đầu tiên: The Big Needle và The Big Black với bút hiệu Simon Myles.

Năm 1975, tác phẩm The Big Hit được Follett cho xuất bản cũng với bút hiệu Symon Myles rồi sau đó tác phẩm The Shakeout với tên thật là Ken Follett.

Nhờ vào những lời khuyến cáo của người đại lý văn chương, Al Zuckerman, sách dần dần bán khá chạy.

Rồi tác phẩm Eye of the Needle ra đời, một tác phẩm trinh thám căng thẳng và độc đáo với một nhân vật nữ với cá tính khó thể quên được trong vai chính. Tác phẩm đã đoạt giải Edgar và ngay sau đó đã bán được hơn 10 triệu ấn bản - đưa Ken Follett lên hàng đầu những tác giả lừng danh cũng

như đã cho phép Ken Follet tậu một ngôi biệt thự ở miền nam nước Pháp để sống và sáng tác.

Ba năm sau, gia đình Follet trở về Anh; cư trú tại Surrey. Tại đây Ken Follett lao đầu vào những chương trình quyên góp quỹ và trợ giúp vào những vận động bầu cử cho đảng Lao Động Anh. Trong lúc thực hiện những việc này Follett đã quen biết một nữ thành viên của đảng Xã Hội Anh mà ông sẽ lấy làm vợ vào năm 1985, Barbara Follet Broer cũng là dân biểu Stevenage từ năm 1997 và được bổ nhiệm chức vụ bộ trưởng trong chính phủ của thủ tướng Gordon Brown vào ngày 3 tháng 10 năm 2008.

Ken Follett đã sáng tác 14 tập truyện trong 23 năm và hoàn toàn là những tác phẩm bestsellers.

Sau 5 tập tiểu thuyết gián điệp với thành công vô cùng lớn : Eye of the Needle, Triple, The Key to Rebecca, The Man from St Petersburg và Lie Down with Lions, vào năm 1989 Ken Follett đã gây ngạc nhiên cho độc giả bằng sự thay đổi một cách triệt để với tác phẩm The Pillars of the Earth, một truyện đề cập tới việc kiến tạo một ngôi giáo đường vào thời Trung cổ. Tập sách xuất bản tháng 9 năm 1989 đã nằm trong bảng danh sách những bestsellers kéo dài suốt 18 tuần lễ và nằm hàng thứ 1 tại Canada, Anh, Ý, Đức (suốt 6 năm). Sách được chọn bởi Oprah Winfrey cho hiệp hội sách vào cuối năm 2007, "Pillars" thêm một lần nữa vẫn là một best seller 18 năm sau ngày xuất bản lần đầu tiên. Tiếp sau đó là Night over Water, A Dangerous Fortune, và A Place Called Freedom.

Ken Follett lại viết truyện giật gân trở lại. The Third Twin một tiểu thuyết ly kỳ nóng bỏng với một nhân vật khoa học nữ bị vấp phải một kinh nghiệm bí mật về khoa di truyền học. Bản quyền truyện đã bán cho CBS với giá 1 triệu 400 ngàn dollars, kỷ lục cho một phim truyền hình ngắn 4 tiếng đồng hồ. The Third Twin được xếp hạng sách bán chạy thứ 2 trên thế giới sau tác phẩm của nhà văn Hoa Kỳ John Grisham trên hit parade những tiểu thuyết thành công.

The Hammer of Eden, một tác phẩm hồi hộp hiện đại xuất bản năm 1998, sau đó Code to Zero xuất bản năm 2000, liên quan đến cuộc chiến

tranh lạnh trong những năm 50 được đứng hàng thứ nhất trong danh sách best seller tại Hoa Kỳ, Đức và Ý.

Ken Follett lại quay sang viết về thời kỳ Đệ Nhị Thế Chiến với hai tiểu thuyết: Tiếp đó là Jackdaws (2001), nói về những người nữ chiến binh quân đội đồng minh nhảy dù xuống đất Pháp để phá hoại hệ thống thông tin liên lạc của quân đội Đức quốc xã, tiểu thuyết này đã đoạt giải Corine Prize năm 2003 rồi đến tiểu thuyết Hornet Flight xuất bản năm 2002 đề cập tới cuộc phiêu lưu của những người Đan Mạch trẻ tuổi bỏ trốn quê hương họ trên một chiếc máy bay hai cánh Hornet. Trong thời kỳ tìm kiếm tài liệu viết , Follett đã học lái một chiếc máy bay sưu tập cũ, chiếc Hornet Moth của cơ sở Havilland Aircraft Company.

Whiteout, xuất bản năm 2004, đề cập về một chuyện đánh cắp một loại vi khuẩn giết người tại một phòng thí nghiệm...

Tiểu thuyết được Ken Follett vừa cho xuất bản vào tháng 10 năm 2007 là World Without End, truyện được người đọc chờ đợi, tiếp theo của The Pillars of the Earth.

Suốt 32 tuần lễ tác phẩm World Without End đứng trong bảng danh sách bestseller của tờ New York Times.

Tính tới nay Ken Follett là một nhà văn có những tác phẩm bán nhiều nhất trên thế giới, hơn 100 triệu ấn bản.

MỞ ĐẦU

«Những đứa trẻ là những người đến chỗ tử hình sớm nhất.»

Trời vẫn còn tối khi ba bốn người trong bọn chúng rón rén ra khỏi túp lều lụp xụp, bước đi trong đôi giày lông nhẹ nhàng như con mèo. Một lớp tuyết mới bao phủ thành phố nhỏ như một chiếc áo mới và dấu chân của chúng để lại dấu vết trên mặt tuyết trắng. Chúng chọn con đường băng qua những căn lều bằng gỗ, đi dọc con đường bùn lầy đã đóng băng, đến vùng chợ yên tĩnh, nơi các giá treo cổ đang đợi.

Những đứa trẻ xem thường những gì mà người lớn tuổi coi trọng. Chúng coi thường vẻ đẹp và chế giễu điều tốt lành. Khi gặp một người gù, chúng sẽ cười nhạo và khi gặp một con thú bị thương, chúng sẽ ném đá cho đến chết. Chúng tự hào về những thương tích, hãnh diện khi mang những vết sẹo và dành sự ngưỡng mộ đặc biệt cho những người có tật: một đứa trẻ mất một ngón tay có thể được coi là lãnh tụ của chúng. Chúng thích bạo lực. Chúng có thể đi hàng nghìn dặm để xem cuộc đổ máu, và chúng sẽ chẳng bao giờ bỏ qua buổi tử hình.

Một chàng gái vào giàn treo cổ. Chàng khác trèo lên, đặt ngón tay cái lên cổ, vặn khuôn mặt mình theo tư thế treo cổ ghê rợn rồi buông mình rơi xuống: những đứa khác hò reo cổ vũ, làm cho hai con chó vừa chạy đến bãi chợ vừa sủa vang. Một chàng rất trẻ vô ý ăn một trái táo, một người lớn tuổi đánh vào mũi cậu và lấy trái táo đi. Tức giận, chàng trai ném hòn đá vào con chó và đuổi nó đi. Sau đó không còn gì để làm, chúng ngồi trên vỉa hè trong mái hiên ngôi nhà thờ lớn, chờ đợi một cái gì đó sẽ xảy ra.

Ánh nến chập chờn phía sau cửa chớp của những ngôi nhà bằng gỗ và đá chung quanh quảng trường, những ngôi nhà của thợ thủ công và thương gia giàu có. Các cô giúp việc và các chàng trai học nghề đang thắp lửa nấu nước và cháo. Bầu trời chuyển từ đen qua xám. Cư dân thành thị bước ra khỏi cánh cửa chật hẹp, quần mình trong chiếc áo choàng bằng len thô, và run rẩy xuống sông lấy nước.

Chẳng bao lâu sau, một nhóm thanh niên trẻ, người coi ngựa, công nhân và thợ học nghề nghênh ngang vào chợ. Bằng những cú đâm cú đá chúng đuổi những đứa trẻ khác ra khỏi cổng nhà thờ, rồi dựa lưng vào vòm đá, tự cào vào mình, nhổ nước miếng xuống đất và kể một cách rành mạch về cái chết của những người bị treo cổ. Nếu họ may mắn, một chàng thanh niên nói, cổ họ sẽ gãy ngay khi họ rơi xuống, đó là một cái chết nhanh chóng không đau đớn; nếu không, họ sẽ bị treo trên dây, miệng mở ra đóng vào như con cá bị đưa ra khỏi nước, cho đến khi bị nghẹt thở mà chết; một chàng khác nói, thời gian chết như thế kéo dài bằng một người đi một dặm đường; và một người chàng khác nói, nó có thể còn kinh khủng hơn thế nữa, vì cậu đã nhìn thấy một người khi chết cổ họ dài một thước Anh.

Các bà lớn tuổi lập thành một nhóm ở đầu khác của khu chợ, tránh xa đám thanh niên có những lời khiếm nhã đối với các bà, mặc dù các bà bằng tuổi bà của chúng. Các bà lớn tuổi dậy sớm, ngay cả khi họ không có con nhỏ để săn sóc, và họ là những người đầu tiên nhóm lửa và quét dọn lò sưởi. Người lãnh đạo trong nhóm, bà góa Brewster lực lưỡng, cũng tham gia với họ. Bà lăn dễ dàng một thùng bia như một đứa trẻ lăn một bánh xe. Trước khi bà mở nắp thùng, một đám đông khách hàng đã chờ sẵn với bình và xô trong tay.

Cảnh sát trưởng mở cổng thành cho các nông dân vào, họ sống trong những căn nhà chật hẹp bên ngoài tường thành. Một vài người mang trứng, sữa và bơ vào bán; một số khác vào để mua bia và bánh mì; và một số khác đứng lại trong khu chợ chờ giờ tử hình.

Lâu lâu mọi người lại ngẩng đầu lên, cảnh giác như con chim sẻ, nhìn lên tòa lâu đài trên ngọn núi phía trên thị trấn. Họ nhìn thấy khói bốc lên từ bếp lửa, và ánh lửa bập bùng của ngọn đuốc đằng sau khung cửa sổ bằng đá. Và, vào lúc mặt trời bắt đầu lên đằng sau đám mây mù, cánh cửa hùng vĩ mở ra và một nhóm nhỏ đi ra. Trước tiên viên cảnh sát trưởng cười một con ngựa chiến màu đen tuyền, theo sau là một xe bò chở tù nhân bị trói. Đằng sau xe ba người đàn ông cưỡi ngựa, và mặc dù ở xa không thể thấy rõ mặt họ, nhưng y phục của họ tiết lộ họ là hiệp sĩ, linh mục và tu sĩ. Hai kỵ binh đi sau đoàn người.

Một ngày trước đó, tất cả họ đã có mặt tại tòa án, được xử trong nhà thờ. Chính vị linh mục đã bắt được tên trộm; vị tu sĩ đã xác định chiếc chén bạc là của nhà dòng; vị hiệp sĩ là chủ của kẻ trộm đã xác định người này là một người bỏ trốn; và cảnh sát trưởng đã tuyên án ông phải chết.

Trong khi họ chậm rãi xuống đồi, phần còn lại của thị trấn đã tụ họp xung quanh giá treo cổ. Những người đến sau cùng là những công dân danh dự: người bán thịt, thợ bánh mì, hai thợ da, hai thợ rèn, thợ làm dao và cung tên. Tất cả có vợ cùng đi.

Đám đông theo dõi cuộc tử hình với cảm xúc lẫn lộn. Bình thường họ rất phấn khởi về các buổi tử hình. Người tử tù thường là một kẻ trộm, và họ ghét kẻ trộm kịch liệt, vì họ ăn cắp tài sản của những người phải vất vả làm ăn. Nhưng kẻ trộm hôm nay khác. Không ai biết ông là ai hay ông từ đâu tới. Ông không ăn cắp của họ, nhưng ăn cắp của một tu viện cách đây hai mươi dặm. Và ông ăn cắp một chén bạc cần đá quý, một cái mà giá trị của nó quá lớn đến nỗi nó không có thể bán được. Nó không giống như ăn cắp một miếng thịt nguội hay một con dao mới hay một chiếc thắt lưng tốt mà sự mất mát của nó sẽ làm cho một ai đó đau lòng. Họ không thể ghét một người vì tội ăn trộm một món đồ đối với họ không có giá trị. Có một vài tiếng nhạo báng và huýt sáo khi tù nhân bước vào bãi chợ, nhưng chỉ có một số ít hưởng ứng, và chỉ có đám trẻ nhiệt tình nhạo báng ông.

Hầu hết cư dân thị trấn không có mặt tại tòa án ngày hôm qua, bởi vì ngày xử án không phải là ngày nghỉ lễ và họ phải đi làm kiếm sống, vì thế đây là lần đầu tiên họ được nhìn thấy kẻ trộm. Ông còn quá trẻ, khoảng hai mươi đến ba mươi tuổi, cao bình thường, khổ người tầm vóc, nhưng bề ngoài của ông kỳ quặc. Da ông trắng như tuyết trên mái nhà, cặp mắt lồi màu xanh sáng và tóc ông có màu giống như củ cà rốt vừa gọt vỏ. Các cô gái giúp việc cho rằng ông xấu xí; các bà lớn tuổi thương hại ông và đám trẻ cười rĩ cho đến khi chúng ngã lăn xuống.

Viên cảnh sát trưởng là người quen thuộc, nhưng ba người khác, những người đã quyết định số phận của kẻ trộm, là người lạ. Vị hiệp sĩ, một người đàn ông mập có mái tóc vàng, chắc chắn là người quan trọng, bởi vì ông cười một con ngựa chiến, một con thú khổng lồ mà giá của nó bằng một

người thợ mộc làm việc trong mười năm. Vị tu sĩ già hơn, có lẽ năm mươi hay nhiều hơn, một người cao, gầy, ngồi thụt trong yên ngựa như thể đời sống là một gánh nặng đối với ông. Nổi bật nhất là vị linh mục, một người trẻ có chiếc mũi nhọn và mái tóc đen, mặc y phục đen và cười con ngựa màu hạt dẻ. Ông có một cái nhìn cảnh giác và nguy hiểm, giống như một con mèo đen có thể đánh hơi thấy một tổ chuột con.

Một cậu nhỏ nhắm cẩn thận và phun nước miếng vào người tù. Đó là một cú bắn tốt, nó trúng ngay giữa hai mắt của ông ấy. Ông lên tiếng chửi rủa và lao vào người nhổ nước miếng, nhưng hai sợi dây cột vào cạnh xe đã giữ ông lại. Sự việc xảy ra không có gì đáng nói, ngoại trừ ngôn ngữ ông dùng là tiếng Pháp Norman, ngôn ngữ của giới quý tộc. Thế thì ông được sinh ra trong một gia đình quý tộc sao? Hay ông đã xa gia đình từ lâu? Không ai biết.

Cỗ xe bò dừng ngay dưới giá treo cổ. Viên cảnh sát thừa phát lại trèo lên xe, cầm sợi dây thòng lọng trên tay. Tù nhân bắt đầu chống cự. Đám trẻ reo hò – chúng sẽ buồn, nếu tù nhân yên lặng chấp nhận. Sự chống cự của ông có giới hạn, vì cánh tay và chân ông bị cột chặt, nhưng ông lắc đầu từ bên này sang bên kia, tránh không cho sợi dây thòng lọng tròng vào cổ mình. Một lúc sau ông thừa phát lại, một người đàn ông vạm vỡ, lùi lại rồi đâm vào bụng người tù. Ông ấy khom mình xuống và vị thừa phát lại tròng sợi dây vào đầu ông ấy rồi cột nút. Sau đó ông nhảy xuống đất, kéo căng sợi dây, thử xem đầu dây kia đã được móc chắc chắn vào giá treo chưa.

Thời điểm này là lúc quyết định. Nếu bây giờ tù nhân giãy dụa, dây sẽ thắt vào cổ ông và ông sẽ chết sớm.

Những người đàn ông bên cạnh tháo dây cột chân tù nhân và để ông đứng một mình trên thùng xe, hai cánh tay ông vẫn bị cột phía sau lưng. Một sự yên lặng bao trùm trên đám đông.

Vào giây phút này thường xảy ra những xáo trộn: mẹ của tù nhân sẽ la hét hoặc bà vợ sẽ rút dao ra, lao về phía trước để cứu tù nhân. Một đôi khi tù nhân kêu gọi lòng thương xót của Chúa hoặc nguyên rủa người xử mình. Hai kỵ binh dàn sang hai bên, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

Lúc đó, tù nhân cất tiếng hát.

Ông có giọng hát cao, rất trong. Lời của bài hát bằng tiếng Pháp, nhưng ngay cả những người không hiểu ngôn ngữ này, cũng có thể biết qua giai điệu thê lương của nó đó là một bài hát của đau buồn và mất mát.

«Một chim sơn ca, bị bắt trong lưới thợ săn
Hát ngọt ngào như chưa bao giờ đã hát
Như giai điệu rơi
Có thể chia cách đôi cánh và chiếc tổ.»

Khi ông hát, ông nhìn thẳng vào một người nào đó trong đám đông. Dần dần đám đông hướng mắt về phía đó và nhận ra một cô gái chừng mười lăm tuổi. Khi mọi người nhìn cô, họ ngạc nhiên vì trước đó họ không hề thấy cô. Cô có mái tóc dài màu nâu sẫm, dày và mạnh khỏe, buông xõa xuống bờ trán rộng. Cô có đường nét bình thường, bờ môi đầy đặn, quyến rũ. Các bà già nhận ra vòng bụng và cặp ngực căng phồng của cô, các bà kết luận là cô đang mang thai và đoán rằng người tù chính là bố của đứa bé chưa sinh. Nhưng những người khác không để ý gì, ngoại trừ đến đôi mắt của cô. Có lẽ cô đẹp, nhưng cô có đôi mắt trũng sâu, tinh anh màu vàng rờn, rất sáng và xuyên thấu đến nỗi khi cô nhìn bạn, bạn sẽ cảm thấy như cô có thể nhìn thấu tâm hồn bạn, và bạn sẽ phải lẩn trốn đôi mắt ấy, vì sợ đôi mắt ấy có thể khám phá ra bí ẩn của bạn. Cô ăn mặc rách rưới và dòng nước mắt chảy xuống trên đôi má mềm mại của cô.

Người phu xe nhìn chờ đợi về phía người thừa phát lại. Người thừa phát lại nhìn viên cảnh sát trưởng, chờ đợi cái gật đầu của ông. Vị linh mục trẻ sốt ruột thúc viên cảnh sát trưởng, nhưng ông không quan tâm. Ông để người tử tù tiếp tục hát. Đó là giây phút chờ đợi kinh hoàng, trong khi giọng hát dễ thương của người đàn ông xấu xí ngăn sự chết lại.

«Vào buổi hoàng hôn, thợ săn đến bắt mồi,
Con sơn ca chẳng còn được tự do.
Tất cả chim trời và con người chắc phải chết,
Nhưng những bài ca sẽ sống mãi thiên thu»

Khi bài ca chấm dứt, viên cảnh sát trưởng nhìn người thừa phát lại và gật đầu. Người thừa phát lại la to: "Hup!" và dùng dây thừng dài quất vào lưng bò. Cùng lúc người phu xe quất dây da của mình. Con bò tiến về phía

trước, người tù đứng so le trên xe, con bò kéo xe đi và người tử tù treo mình trong không trung. Sợi dây căng thẳng và cổ tù nhân gãy, kêu lên một tiếng tách.

Một tiếng thét cất lên và mọi người nhìn vào cô gái.

Không phải chính cô hét mà đó là tiếng hét của vợ người bán dao kéo đứng bên cạnh cô. Nhưng cô gái là nguyên nhân gây nên tiếng thét. Đầu gối cô quỳ xuống trước giàn giá treo cổ, hai cánh tay duỗi dài, trong tư thế chuẩn bị thốt lên một lời nguyện. Mọi người thu mình lại vì sợ: ai cũng biết rằng những lời nguyện của người bị oan sẽ mang lại hậu quả rõ rệt, và mọi người đều nghi ngờ rằng trong vụ tử hình này có một điều gì đó không đúng. Đám trẻ đều khiếp sợ.

Cô gái hướng đôi mắt thôi miên của mình về phía ba người lạ: vị hiệp sĩ, tu sĩ và linh mục; rồi cô thốt lên lời nguyện, vang lên như tiếng chuông: "Tôi nguyện các ông phải bệnh hoạn và đau khổ, phải đói khát và đau đớn; nhà các ông sẽ bị lửa thiêu rụi, và con cái các ông sẽ bị treo cổ; kẻ thù của các ông sẽ tiến triển thịnh vượng, và các ông sẽ về già trong buồn bã, ân hận và chết trong quần quai hôi thối ..." Khi cô nói những câu sau cùng, cô thò tay vào trong bị và lôi ra một con gà trống sống. Một con dao đã có sẵn trên tay cô từ bao giờ, và bằng một nhát dao, cô cắt đứt đầu con gà.

Khi máu vẫn còn chảy, cô ném con gà mất đầu về phía vị linh mục có mái tóc đen. Nó rơi nhanh, nhưng máu nó vương đầy lên ông, lên vị tu sĩ và hiệp sĩ. Ba người sợ hãi tránh xa, nhưng máu gà đã bắn lên họ, tung tóe lên mặt và nhuộm lên quần áo họ.

Cô gái quay lại và chạy đi.

Đám đông mở đường cho cô đi và đóng lại phía sau cô. Một khoảnh khắc của hỗn loạn. Sau cùng viên cảnh sát trưởng nhìn hai kỵ binh và giận dữ ra lệnh cho họ đuổi theo cô. Họ chen lấn qua đám đông, đẩy dạt đàn ông, đàn bà và trẻ em qua hai bên, nhưng cô gái đã vượt xa khỏi tầm mắt, và mặc dù viên cảnh sát rất muốn tìm cô, ông cũng biết rằng ông sẽ chẳng tìm ra cô.

Ông cảnh sát trưởng quay đi trong phần nộ. Vị hiệp sĩ, tu sĩ và linh mục không theo dõi cuộc tẩu thoát của cô gái. Họ vẫn chăm chăm nhìn vào giá

treo cổ. Viên cảnh sát trưởng dõi mắt theo họ. Kẻ trộm đã chết treo ở đầu dây, khuôn mặt nhợt nhạt của ông đã tái xanh. Trong khi đó, dưới thân xác đông đưa trong gió của ông, con gà trống cụt đầu nhưng chưa chết chạy vòng vòng trên vùng tuyết đầy máu.

PHẦN MỘT

1135 – 1136

I

Dưới chân một ngọn đồi dốc, đằng sau một dòng suối trong lành, Tom đang xây một căn nhà.

Bức tường đã xây cao được ba mét và càng lúc càng cao nhanh hơn. Hai người thợ xây của Tom đã làm việc liên tục dưới ánh nắng mặt trời, đường bay của họ náo, tấp và vồ nhẹ, trong khi công nhân của họ đổ mồ hôi dưới sức nặng của các khối đá lớn. Alfred, người con trai của Tom, trộn vữa, đếm to từng xẻng cát khi cậu hất nó lên tấm đan. Ngoài ra còn có ông thợ mộc làm việc trên ghế băng bên cạnh Tom, cẩn thận dùng búa và đục hoàn thành một tấm gỗ sồi.

Alfred mười bốn tuổi, to lớn như Tom. Tom cao hơn hầu hết những người khác một cái đầu, Alfred chỉ thấp hơn một chút và vẫn còn lớn. Họ giống nhau: cả hai có mái tóc màu nâu nhạt, cặp mắt xanh với tròng mắt màu nâu. Người ta nói họ là một cặp đẹp trai. Sự khác biệt giữa họ là Tom có bộ râu nâu xoắn, trong khi Alfred chỉ có một bộ lông tơ vàng đẹp. Tóc trên đầu của Alfred ngày xưa cũng có màu y như vậy, Tom triu mến nhớ lại. Bây giờ Alfred đã lớn, Tom ước muốn cậu thích thú hơn trong công việc, bởi vì cậu còn phải học nhiều hơn nữa nếu cậu muốn trở thành một thợ xây giống bố, nhưng cho đến bây giờ Alfred vẫn không thích thú làm việc và chưa nắm vững được nguyên tắc xây dựng.

Khi ngôi nhà được hoàn thành, nó sẽ là ngôi nhà sang trọng nhất trong khu vực xung quanh. Tầng hầm là nhà kho, với mái vòm, như thế nó sẽ

không bị bắt lửa. Tầng trên dùng để ở, một cầu thang từ ngoài dẫn lên trên, chiều cao của nó làm cho việc tấn công gặp khó khăn và việc phòng thủ được dễ dàng. Sát nhà ở là một ống khói. Đây là một đối mới căn bản. Một lần duy nhất, Tom thấy một ngôi nhà có ống khói, và nó thu hút ông đến nỗi ông quyết định sao chép nó. Ở cuối ngôi nhà, bên trên phòng khách là một phòng ngủ nhỏ, đó là một phòng mà con gái các bá tước ngày nay đòi hỏi – nó thật tế nhị khi ngủ chung với đàn ông, người giúp việc và chó săn trong phòng khách lớn. Nhà bếp sẽ ở riêng trong tòa nhà khác, bởi vì trước sau gì chúng cũng sẽ bắt lửa, nên xây chúng tách biệt ra xa, rồi từ đó đem các thức ăn nóng lên nhà trên.

Tom đang xây cửa nhà. Các cột cửa được làm tròn trông giống như các cột trụ – một chút khác biệt dành cho cặp vợ chồng quý tộc sinh sống ở đây. Dõi mắt nhìn theo mô hình bằng gỗ mà ông dùng làm mẫu, ông đục khối đá cẩn thận bằng chiếc búa bằng gỗ. Một mảnh vỡ nhỏ rơi ra khỏi bề mặt, làm cho hình dáng nó tròn hơn. Chiếc cột đá đã nhẵn đủ cho một nhà thờ chính tòa.

Một lần ông đã xây nhà thờ chính tòa ở Exeter. Lúc đầu ông coi công việc này cũng giống như các công việc khác. Ông đã tức giận và khó chịu khi ông thợ xây dựng chính cảnh báo rằng công việc ông thực hiện không đủ tiêu chuẩn: ông biết rằng so với các thợ khác, ông là một thợ xây hơn trung bình. Nhưng sau đó ông nhận ra rằng bức tường của nhà thờ chính tòa không phải chỉ là tốt, mà còn phải hoàn hảo. Bởi vì nhà thờ chính tòa dành cho Thiên Chúa, và cũng bởi vì tòa nhà quá lớn nên ngay một lỗi nhỏ trong bức tường, một lệch lạc nhỏ khỏi sự cân bằng tuyệt đối, cũng có thể làm tòa nhà sụp đổ. Sự oán giận của Tom dần dần biến thành niềm đam mê. Sự kết hợp giữa tham vọng về một tòa nhà vĩ đại và sự chú ý đến các chi tiết cực kỳ nhỏ đã mở mắt cho Tom nhìn thấy sự kỳ diệu của nghề thủ công. Ông học từ người thợ xây dựng chính ở Exeter về tầm quan trọng của tỷ lệ, biểu tượng của các con số và công thức ma thuật để tìm ra đúng chiều dày của bức tường hay góc của một bậc trên cầu thang cuốn. Những điều đó quyến rũ ông. Ông ngạc nhiên khi biết rằng nhiều thợ xây đã không hiểu được nguyên tắc xây dựng đó.

Sau một thời gian Tom đã trở thành cánh tay mặt của người xây dựng tổng thể chính, và lúc đó ông bắt đầu nhìn thấy những thiếu sót của người xây dựng chính. Người xây dựng chính là một thợ thủ công tuyệt vời, nhưng lại không có tài tổ chức. Ông bối rối khi gặp vấn đề như lo cho đủ số lượng đá theo nhu cầu của thợ hồ, theo dõi thợ rèn sản xuất các công cụ đúng thời điểm, nung đủ vôi và cát cho thợ làm vữa, chặt cây cho thợ mộc, và thu đủ số tiền từ nhà thờ để trả chi phí cho mọi chuyện.

Nếu Tom đã ở lại Exeter cho đến khi người xây dựng chính qua đời, thì có lẽ ông đã có thể trở thành người kế nghiệp; nhưng nhà thờ đã không còn tiền – một phần là do quản lý yếu kém của người xây dựng chính - và các thợ thủ công đã dời đi tìm việc ở nơi khác. Tom được giao cho việc cai quản thành trì Exeter: xây dựng, sửa chữa và cải thiện thành trì. Nó là một công việc suốt đời, nếu không có tai nạn gì xảy ra. Nhưng Tom đã từ chối, bởi vì ông ước mơ xây một nhà thờ chính tòa.

Vợ ông, Agnes, đã chẳng hiểu quyết định này của ông. Họ có thể đã có một ngôi nhà bằng đá tốt, những người giúp việc, một căn buồng riêng và thịt trên bàn ăn mỗi buổi tối; và bà đã chẳng bao giờ tha thứ cho Tom về việc từ chối cơ hội này. Bà không thể hiểu được sự hấp dẫn không thể cưỡng lại được của việc xây dựng một ngôi nhà thờ chính tòa: sự say mê tổ chức công việc phức tạp, sự thách đố thông minh trong việc tính toán, sự cao lớn của bức tường và vẻ đẹp hùng vĩ của tòa nhà sau khi hoàn thành. Một lần Tom đã được thưởng thức thứ rượu này, Tom sẽ chẳng bao giờ hài lòng với công việc khác nữa.

Từ mười năm nay, họ chẳng bao giờ ở lại đâu lâu dài. Ông thiết kế một tu viện, làm việc một hoặc hai năm cho tòa lâu đài, hay xây một nhà phố cho một thương gia giàu có; nhưng bao lâu ông tiết kiệm được một số tiền, ông lại cùng với vợ và con cái ra đi tìm kiếm một ngôi nhà thờ chính tòa.

Từ ghế ngồi, ông nhìn lên thấy Agnes đứng trên bờ công trình xây dựng, cầm một giỏ đồ ăn trên tay và mang một bình bia bên hông phía bên kia. Trời đúng ngọ. Ông nhìn bà trù mến. Không ai cho bà là đẹp, nhưng khuôn mặt bà đầy nghị lực: vầng trán rộng, đôi mắt nâu to, mũi cao, miệng mạnh

khỏe. Mái tóc đen của bà chia ngôi ở giữa và cột lại phía sau. Bà là linh hồn của Tom.

Bà rót bia cho Tom và Alfred. Họ đứng đó một lúc lâu, hai người đàn ông vạm vỡ và một phụ nữ khỏe mạnh, cùng uống bia trong ly bằng gỗ; và thành viên thứ tư của gia đình bước ra khỏi cánh đồng lúa mì: Martha, bảy tuổi, đẹp như đoá hoa thủy tiên màu vàng, nhưng là một đoá hoa thủy tiên mất một cánh, vì một chiếc răng bị sún và răng mới chưa mọc lại. Cô chạy lại bên Tom, hôn lên bộ râu bụi bặm của ông và xin một ngụm bia. Ông ôm cơ thể gầy gò của cô. "Đừng uống nhiều quá, nếu không con sẽ rơi xuống hố đấy," ông yêu thương nói. Cô lão đảo đi một vòng, giả vờ như đang say rượu.

Mọi người ngồi xuống đồng gỗ. Agnes đưa cho Tom một lát bánh mì, một miếng thịt nguội dày và một củ hành nhỏ. Ông lấy một miếng bánh mì nhỏ và gọt hành. Agnes đưa đồ ăn cho các con và bà cùng ăn. Có lẽ đó là vô trách nhiệm, Tom nghĩ, khi ông bỏ công việc ở Exerte để đi tìm kiếm một ngôi nhà thờ chính tòa, nhưng mặc dù liều lĩnh, tôi vẫn luôn có thể nuôi sống gia đình tôi.

Ông lấy dao ăn trong chiếc túi da phía trước, cắt một miếng hành và ăn với một miếng bánh. Hành có vị ngọt và hăng hăng trong miệng.

Agnes nói: "Em lại có con." Tom ngừng nhai và nhìn chăm chăm vào bà. Niềm vui hồi hộp chụp xuống trên ông. Ông không biết nói gì, chỉ đần người nhìn bà. Sau vài phút bà đỏ mặt, và nói: "Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên."

Tom ôm bà vào lòng. "Tốt lắm," ông nói, miệng toe toét cười vì vui. "Một đứa bé để kéo bộ râu anh. Và anh nghĩ nó sẽ là Alfred."

"Đừng quá vui bây giờ," Agnes cảnh cáo. "Đặt tên cho đứa bé khi nó chưa sinh ra không mang lại may mắn."

Tom gật đầu đồng ý. Agnes đã sẩy thai nhiều lần, một đứa khác đã chết trong bụng mẹ và một bé gái khác, Matilda, chỉ sống được hai năm.

"Tuy thế tôi vẫn muốn một con trai," ông nói. "Bây giờ Alfred đã lớn. Khi nào sẽ sinh?"

"Sau Giáng Sinh."

Tom bắt đầu tính toán. Khung ngôi nhà sẽ xong trước khi trời trở lạnh, và các tường bằng đá phải được che phủ bằng rơm qua suốt mùa đông. Các thợ xây sẽ dành những tháng lạnh để cắt đá cho cửa sổ, mái vòm, lò sưởi; trong khi đó thợ mộc sẽ làm sàn, cửa ra vào và cửa chớp, và Tom sẽ dựng giàn giáo cho công việc ở tầng trên. Rồi mùa xuân đến, họ sẽ làm tầng hầm, nền nhà, nhà trên và lợp mái. Công việc sẽ nuôi sống gia đình cho đến lễ Chúa Lên Trời, khi đó đứa bé sẽ được nửa tuổi. Sau đó họ sẽ lại lên đường. "Tốt," ông hài lòng nói. "Thật tốt." Ông ăn một miếng hành nữa.

"Em đã quá già để sinh con," Agnes nói. "Đây là lần cuối cùng." Tom nghĩ về điều bà nói. Ông không chắc bà bao nhiêu tuổi, nhưng nhiều phụ nữ vào lứa tuổi của bà vẫn còn sinh con. Tuy nhiên, sự thật là khi họ già, họ sẽ phải vất vả nhiều hơn và những đứa trẻ sẽ không mạnh mẽ. Không nghi ngờ gì, bà có lý. Nhưng làm sao bà có thể chắc chắn là bà không có thai một lần nữa? Ông ngạc nhiên. Rồi ông biết tại sao, và một đám mây phủ bóng trên tâm trạng háo hức của ông.

"Anh sẽ có một công việc tốt trong thị trấn," ông nói, cố gắng xoa dịu bà. "Một nhà thờ chính tòa hay một dinh thự. Sau đó, chúng ta sẽ có ngôi nhà lớn với sàn gỗ và một người giúp việc để giúp em và con nhỏ."

Khuôn mặt bà cứng lại, bà nói trong hoài nghi: "Có thể như vậy." Bà không thích nghe nói về nhà thờ. Nếu Tom đã không làm cho nhà thờ, bây giờ có lẽ bà đang ở trong một căn nhà phố, và với số tiền tiết kiệm chôn dưới lò sưởi, bà sẽ không còn phải lo lắng gì nữa.

Tom nhìn đi chỗ khác và lấy một miếng thịt hun khói. Họ có lý do để ăn mừng, nhưng họ đang bất hòa. Ông cảm thấy bị bỏ rơi. Ông nhai miếng thịt cứng, rồi ông nghe tiếng vó ngựa. Ông nghiêng đầu lắng nghe. Người cưỡi ngựa đến từ hướng đường, đi tắt ngang qua khu rừng, tránh con đường xuyên qua làng.

Một lúc sau, một người đàn ông trẻ tuổi xuống ngựa. Ông trông giống như một người cận vệ, một hiệp sĩ trong thời gian thực tập. "Chủ ông đang đến," ông ấy nói.

Tom đứng lên. "Ông muốn nói là chủ Percy?" Percy Hamleigh là một trong những người quan trọng nhất trong miền này. Ông là chủ thung lũng

này và nhiều mảnh đất khác, và ông đang trả tiền xây căn nhà này.

"Con ông ta," người cận vệ nói ngắn gọn.

"William trẻ phải không?" Con của ông Percy dự định sau khi kết hôn sẽ về sống trong căn nhà này. Cậu ấy đã đính hôn với cô Aliena, con gái của bá tước ở Shiring.

"Đúng như thế," người cận vệ nói. "Và cậu ấy đang giận dữ."

Trái tim Tom chùng xuống. Ở thời điểm tốt nhất, giàn xếp với chủ nhà đã là khó khăn. Còn khi chủ nhà đang trong cơn giận dữ thì chuyện ấy còn khó khăn hơn nữa. "Cậu ấy đang giận dữ về chuyện gì?"

"Cô dâu từ chối lời cầu hôn của cậu ấy."

"Con gái của bá tước?" Tom nói trong ngạc nhiên. Lòng ông nhói lên một nỗi sợ hãi: ông vừa nghĩ tương lai ông sẽ vững vàng như thế nào. "Tôi nghĩ mọi chuyện đã ổn thỏa."

"Dường như tất cả chúng ta đều nghĩ như vậy – ngoài trừ cô Aliena," người cận vệ nói. "Lúc cô gặp cậu ấy, cô lo sợ sẽ không lấy được cậu ấy dù được cả thế giới và con chim dễ gà."

Tom cau mày lo lắng. Ông không muốn điều đó là sự thật. "Nhưng cậu ấy không xấu trai, như tôi được biết."

Agnes nói: "Dường như có một sự khác biệt giữa hai người. Nếu con gái bá tước được lấy người mà cô ta thích, chúng ta sẽ bị cai trị bởi nhóm người hát rong lê lững và nhóm người mắt đen sống ngoài vòng pháp luật."

"Nhưng phụ nữ có thể thay đổi quan điểm," Tom nói trong hy vọng.

"Cô ấy sẽ thay đổi, nếu mẹ cô ấy cho cô ấy ăn đòn." Agnes nói.

"Mẹ cô ấy đã qua đời," người cận vệ nói.

Agnes gật đầu. "Điều đó giải thích tại sao cô ấy không biết gì về thực tế của đời sống. Nhưng tôi không hiểu tại sao bố cô ấy không thúc ép cô ấy."

Người cận vệ nói: "Dường như có lần bố cô ấy đã hứa là ông sẽ không gả cô ấy cho người nào mà cô ghét."

"Một lời hứa ngu xuẩn!" Tom giận dữ nói. "Làm sao một người đàn ông mạnh mẽ lại có thể trói buộc mình theo sở thích của một cô gái theo cách

đó. Việc hôn nhân của cô ấy có thể ảnh hưởng đến liên minh quân sự, tài chánh của bá tước... và ngay cả việc xây dựng ngôi nhà này."

Người cận vệ nói: "Cô ấy có một em trai, vì thế việc cô lấy ai không quá quan trọng."

"Mặc dù vậy..."

"Và bá tước là một người cứng rắn," người cận vệ tiếp tục. "Ông sẽ không thay đổi lời hứa, ngay cả lời hứa với một đứa bé." Ông nhún vai. "Người ta nói như vậy."

Tom nhìn bức tường đá thấp của ngôi nhà đang thành hình. Ông chưa dành dụm đủ tiền để nuôi sống gia đình qua mùa đông. Ông rùng mình khi nhận ra điều đó. "Có lẽ cậu ấy sẽ tìm được một cô dâu khác để chia sẻ với cậu ấy trong ngôi nhà này. Cậu ấy có thể chọn lựa cô dâu trong toàn miền."

Alfred nói bằng giọng ồm ồm của chàng trai trong lứa tuổi dậy thì. "Trời ơi!, con nghĩ cậu ấy đang tới." Dõi theo mắt cậu, mọi người nhìn vào cánh đồng. Một con ngựa phi nước đại đến từ phía làng, làm bụi và đất từ con đường bay lên. Kích thước cũng như tốc độ của con ngựa làm Alfred sợ: nó vĩ đại. Trước đó Tom đã thấy con thú như vậy, nhưng có lẽ Alfred chưa bao giờ thấy. Nó là một con ngựa chiến, cao đến cầm một người đàn ông và to tương ứng với tỷ lệ. Những con ngựa chiến như thế này không được nuôi ở Anh, nhưng được nhập cảng từ nước ngoài và rất mắc.

Tom cất phần bánh dư còn lại vào trong túi da của mình, rồi nheo mắt chống lại ánh sáng mặt trời và nhìn vào cánh đồng. Con ngựa có cặp tai ngoặc lại phía sau, lỗ mũi hinh lên, nhưng đầu con ngựa hất lên, và đối với Tom nó là dấu hiệu con ngựa có thể điều khiển được. Điều đó chắc chắn, vì khi nó đến gần, người phi ngựa ngã người ra sau, kéo dây cương và con thú khổng lồ đi chậm lại. Bây giờ Tom có thể cảm thấy tiếng vó ngựa trên mặt đất dưới chân mình. Ông nhìn quanh tìm Martha để bế cô lên, tránh cho cô những nguy hiểm. Agnes cũng nghĩ như vậy. Nhưng Martha không thấy đâu.

"Trong cánh đồng lúa mì," Agnes nói, nhưng Tom đã tưởng tượng ra được điều đó và rảo bước theo bờ đê của cánh đồng. Ông rẽ dạt đám lúa mì với nỗi lo trong lòng, nhưng ông không tìm ra đứa bé.

Ông nghĩ chỉ còn có một việc có thể làm là tìm cách làm cho con ngựa đi chậm lại. Ông bước vào con đường, đi về phía con thú, dang rộng cánh tay. Con ngựa nhìn thấy ông, ngẩng đầu để nhìn rõ hơn và đi chậm lại. Rồi, muốn làm cho Tom khiếp đảm, người cưỡi ngựa thúc ngựa tiến lên.

"Đồ điên!" Tom hét lên, nhưng người cưỡi ngựa không nghe tiếng.

Đúng vào lúc đó Martha bước ra khỏi cánh đồng, đi vào con đường, cách Tom vài mét.

Tom đứng như trời trồng. Rồi ông nhảy về phía trước, la hét và vẫy tay; nhưng nó là con ngựa chiến, được huấn luyện để phục vụ giữa đám đông, giữa tiếng la hét, nên nó không chùn bước. Martha đứng giữa con đường hẹp, nhìn chằm chằm như bị chết đứng vì con thú khổng lồ. Lúc đó Tom nhận ra rằng, ông không thể đến bên cô trước con ngựa được. Ông đứng trệt sang một bên đường, tay ông đung vào lúa mì; và cùng lúc con ngựa tránh về phía bên kia. Bàn đạp nơi yên ngựa phớt trên mái tóc mềm mại của Martha, móng ngựa tạo nên một lỗ tròn trên mặt đất bên cạnh bàn chân trần của cô bé; rồi con ngựa đi xa, rầy đầy bụi lên cả hai bố con, và Tom bế cô bé trong tay, ghì chặt cô vào trái tim đang đập thành thịch của mình.

Martha khóc. Tom đưa cô bé cho Agnes và đứng đợi William. Cậu chủ trẻ là một người cao, khỏe mạnh, chừng hai mươi tuổi, có mái tóc vàng và đôi mắt hẹp như luôn nhú mắt nhìn vào ánh mặt trời. Cậu mặc một áo chèn màu đen ngắn với quần đen và mang đôi giày da có dây đai đan lên tới đầu gối. Cậu ngồi vững vàng trên lưng ngựa và dường như không bàng hoàng về những gì vừa xảy ra. Thằng bé ngu ngốc này ngay cả không biết hấn vừa làm gì, Tom nghĩ một cách chua chát. Tôi muốn vắn cổ cậu ấy.

William dừng ngựa phía trước đồng gỗ và nhìn xuống công nhân xây dựng. "Ai chịu trách nhiệm ở đây?" cậu hỏi.

Tom muốn nói nếu cậu đã làm con tôi đau, tôi sẽ giết cậu, nhưng ông dẫn cơn giận của mình lại. Nó giống như ông phải nuốt một ngụm đắng vào miệng. Ông đến gần con ngựa và giữ lấy dây cương. "Tôi là người thợ cả ở đây", ông nói một cách cứng rắn. "Tôi tên là Tom".

"Căn nhà này không cần nữa," William nói. "Hãy sa thải hết các thợ của ông."

Đó là điều mà Tom đang lo sợ. Nhưng ông vẫn hy vọng rằng William đang bốc đồng trong cơn tức giận, và nếu thuyết phục được, cậu ấy có thể thay đổi ý kiến. Với cố gắng, ông cất giọng thân thiện và hợp lý. "Nhưng nhiều việc đã hoàn thành," ông nói. "Tại sao cậu lại lãng phí những gì cậu đã phải trả? Thế nào cũng có ngày cậu cần đến căn nhà này."

"Đừng dạy tôi phải quản lý công việc của tôi như thế nào, thợ cả Tom à," William nói. "Tất cả các ông bị sa thải." Cậu giật mạnh dây cương, nhưng Tom đã nắm lấy nó. "Đừng đụng đến ngựa của tôi," cậu nói một cách đe dọa.

Tom chịu đựng. William muốn kéo con ngựa ngất đầu lên. Tom rờ trong túi và lấy ra miếng bánh mì ông ăn dở. Ông giơ ra cho con ngựa và nó cắn một miếng. "Có nhiều điều chúng ta cần nói trước khi cậu đi, chủ của tôi ạ," ông nói dịu dàng.

William nói: "Nếu ông không để ngựa của tôi đi, tôi sẽ lấy đầu của ông." Tom nhìn thẳng vào ông chủ, cố gắng không để lộ vẻ sợ hãi. Mặc dù ông to lớn hơn William, nhưng nếu ông chủ nhỏ này rút gươm ra, thì sự to lớn của ông cũng chẳng giúp được gì.

Agnes sợ hãi lẩm bẩm: "Hãy làm những gì ông chủ nói, anh ạ."

Một sự yên lặng chết người. Những thợ khác đứng yên như bức tượng, lặng lẽ nhìn những gì xảy ra. Tom biết phải thận trọng trong lúc này. Nhưng William đã sắp dẫm lên đũa con gái nhỏ của ông và điều đó làm cho Tom điên lên, vì thế ông nói khi trái tim ông đập nhanh: "Cậu phải trả tiền cho chúng tôi."

William kéo dây cương nhưng Tom đã giữ chặt dây cương, và con ngựa không còn tập trung, nó rúc vào túi da của Tom để tìm thêm thức ăn. "Hãy yêu cầu bố tôi trả tiền lương cho các ông," William nói trong tức giận.

Tom nghe giọng nói ghê tởm của một người thợ mộc: "Chúng tôi sẽ làm chuyện đó, ông chủ ạ. Cảm ơn ông nhiều lắm."

Kẻ hèn nhất, Tom nghĩ, nhưng chính ông cũng đang run. Tuy nhiên, ông vẫn cố gắng nói. "Nếu cậu muốn sa thải chúng tôi, cậu phải trả cho chúng tôi theo tục lệ. Nhà của bố cậu ở cách đây hai ngày đi bộ, và nếu chúng tôi đến nơi, có thể ông ấy không có nhà."

"Nhiều người đã phải chết vì những lý do đơn giản hơn điều này," William nói. Má cậu đỏ lên vì giận.

Tom liếc nhìn thấy người cận vệ đặt tay lên đuôi kiếm. Tom biết rằng đã đến lúc ông phải dừng lại và hạ mình xuống, nhưng sự giận dữ cuộn lại trong bụng ông, vì thế mặc dù rất sợ ông vẫn không buông cương ngựa. "Hãy trả cho chúng tôi trước, rồi hãy giết tôi," ông nói một cách bất cần. "Cậu có thể bị treo cổ hay không; nhưng sớm muộn gì cậu cũng chết, và khi đó tôi sẽ ở trên thiên đàng, còn cậu ở dưới hỏa ngục."

Lập tức nụ cười mỉa mai trên khuôn mặt William biến mất và mặt cậu tái đi. Tom ngạc nhiên: điều gì đã làm cho thằng bé này sợ đến thế? Chắc chắn không phải vì ông đã nhắc đến chuyện treo cổ: vì một bá tước khó có thể bị treo cổ vì tội giết một thợ thủ công. Hay ông sợ hãi trước hỏa ngục?

Họ nhìn nhau chăm chăm. Tom ngạc nhiên và lòng cảm thấy nhẹ nhàng khi thái độ giận dữ và khinh thường của William biến mất và thay vào đó là sự sợ hãi kinh hoàng. Sau cùng, William lấy túi tiền trong thắt lưng ra, ném cho ông người cận vệ và nói: "Hãy trả cho họ."

Tom đẩy vận may của mình. Khi William kéo cương ngựa, con ngựa ngẩng đầu rồi bước sang bên, Tom bám vào ngựa, giữ chặt dây cương và nói: "Một tuần lương cho việc đuổi việc, đó là phong tục." Ông nghe thấy hơi thở của Agnes ngay đằng sau lưng ông, và ông biết, bà nghĩ là ông điên nên mới kéo dài cuộc giằng co này. Nhưng ông nhấn mạnh thêm. "Và sáu xu cho công nhân, mười hai cho thợ mộc và thợ hồ, và hai mươi bốn xu cho tôi. Tất cả là sáu mươi sáu xu." Ông có thể cộng tiền nhanh hơn bất cứ người nào mà ông đã biết.

Người cận vệ nhìn ông chủ dò hỏi. William tức giận nói: "Được."

Tom buông dây cương và lùi lại.

William quay ngựa và thúc mạnh, con ngựa lao nhanh về phía cánh đồng lúa mì.

Bất ngờ Tom ngồi xuống trên đồng gỗ. Ông ngạc nhiên về những gì mới xảy ra. Có điên thì mới dám thách thức chủ William như thế. Ông cảm thấy may mắn vì vẫn còn sống.

Tiếng chân ngựa chiến của William như tiếng sấm xa dần, và người hầu cận trút toàn bộ túi tiền trên mặt phản. Tom cảm thấy một gợn sóng của chiến thắng khi các đồng xu bạc lăn ra trong ánh sáng mặt trời. Đó là ngu dại, nhưng nó đem lại kết quả: ông đã đòi được tiền lương cho chính ông và nhân viên của ông. "Ngay cả bá tước cũng phải theo tục lệ," ông nói như để khích lệ mình.

Agnes đã nghe ông nói. "Mong rằng anh sẽ chẳng bao giờ làm việc cho William nữa," bà nói chua chát.

Tom mỉm cười với bà. Ông hiểu rằng, bà nói câu kinh vì bà quá sợ. "Đừng cau mày quá, nếu không em sẽ chẳng còn gì, ngoài sữa chua trong ngực khi con mình sinh ra."

"Em không thể nuôi cả gia đình được, trừ khi anh tìm được một công việc trong mùa đông."

"Còn lâu mùa đông mới đến," Tom nói.

II

Suốt mùa hè họ ở lại trong làng. Sau đó, họ mới nhận ra rằng quyết định này là một sai lầm kinh khủng, nhưng vào thời điểm đó nó hợp lý, bởi vì Tom, Agnes và Alfred, mỗi người đều có thể kiếm được một xu cho một ngày làm việc trên cánh đồng vào mùa gặt. Khi mùa thu đến, họ phải lên đường, mang theo một bao tiền xu nặng và một con heo mập.

Đêm đầu tiên họ ngủ trong mái vòm của cổng ngôi nhà thờ làng, vào đêm thứ hai họ tìm thấy một tu viện trong vùng quê và họ tạm trú trong nhà khách tu viện. Ngày thứ ba họ ở giữa khu rừng Chute, một dải đất rộng gồm những bụi rậm và rừng cây, trên một con đường không rộng hơn chiều rộng của một chiếc xe bò, giữa hàng cây sồi ở hai bên đường.

Tom mang theo những công cụ nhỏ trong một túi khoác vai và đeo chiếc búa bên dây thắt lưng. Ông bó chiếc áo choàng dưới cánh tay trái và cầm

một cây sắt nhọn trong tay phải, dùng nó như chiếc gậy đi đường. Ông vui vì lại được lên đường. Công việc sắp tới có thể ông sẽ tìm được ở một nhà thờ chính tòa. Có thể ông sẽ là thợ xây dựng chính và ở lại đó suốt đời, và xây một ngôi nhà thờ thật tuyệt vời để nó bảo đảm ông sẽ được lên thiên đàng.

Agnes đựng một vài vật dụng nội trợ trong chiếc nôi và đeo nó sau lưng. Alfred mang theo những công cụ làm việc mà họ cần dùng để xây một ngôi nhà mới ở một nơi nào đó: một cái rìu, một cái rìu lưỡi vòm, một cái cưa, một cái búa nhỏ, một cái dùi để đục lỗ qua da hoặc gỗ và một cái xẻng. Martha còn quá nhỏ để mang theo bất cứ đồ gì, nhưng cô cài chén ăn cơm và dao ăn vào thắt lưng và đeo áo choàng mùa đông trên lưng. Ngoài ra, cô còn có nhiệm vụ dắt theo con heo cho đến khi có thể bán nó ở chợ.

Tom để mắt quan sát Agnes khi họ băng ngang khu rừng bao la vô tận. Thời kỳ mang thai đã qua một nửa, bây giờ bà mang trong bụng một trọng lượng đáng kể, giống như gánh nặng bà mang trên lưng. Nhưng bà tỏ ra không mệt mỏi. Alfred cũng vậy, mọi sự đều ổn: cậu ở lứa tuổi mà các chàng trai có quá nhiều năng lực mà các cậu không biết phải làm gì với chúng. Chỉ có Martha là mệt mỏi. Đôi chân gầy của cô được sinh ra để chạy nhảy vui chơi hơn là để đi những đoạn đường dài. Cô luôn luôn lèo đèo theo sau, vì thế lâu lâu mọi người phải dừng lại chờ cho cô và con heo theo kịp.

Trên đường đi, Tom nghĩ về ngôi nhà thờ chính tòa mà ông sẽ xây một ngày nào đó. Như mọi khi, ông bắt đầu hình dung một mái vòm. Nó rất đơn giản: hai cột chống giữ một nửa vòng cung. Rồi ông tưởng tượng cái thứ hai cũng giống như vậy. Sau đó, ở trong đầu, ông đẩy hai mái vòm vào với nhau thành một mái vòm sâu. Rồi ông cộng thêm một cái nữa, rồi một cái nữa, rồi nhiều cái nữa, cho đến khi ông có một hàng mái vòm, tất cả dính vào nhau tạo thành một đường hầm. Đây là kiến trúc căn bản của tòa nhà, còn lại là mái nhà che mưa và hai bức tường đỡ mái. Một ngôi nhà thờ chính ra là một đường hầm, rồi cải tiến cho nó đẹp.

Một đường hầm thường rất tối, vì thế mà sự cải tiến cần thiết đầu tiên là cửa sổ. Nếu bức tường đủ mạnh, người ta có thể tạo ra những lỗ trong nó.

Các lỗ sẽ tròn ở đầu, hai bên thẳng và một bề cửa phẳng – nói chung nó có cùng hình dáng với mái vòm. Dùng cùng hình dáng cho mái, cửa sổ và cửa ra vào là một trong những yếu tố làm cho tòa nhà đẹp. Đầu đặn là yếu tố khác nữa, và Tom tưởng tượng ra mười hai cửa sổ giống nhau, đều nhau, nằm dọc theo bức tường của đường hầm.

Tom cố gắng hình dung phần trên cửa sổ, nhưng sự tập trung của ông bị chi phối vì ông cảm thấy mình đang bị theo dõi. Đó là một ý tưởng ngu ngốc, ông nghĩ, nếu có dĩ nhiên là ông bị theo dõi bởi chim, cáo, mèo, sóc, chuột, chồn và chuột đồng đầy rẫy trong rừng.

Họ ngồi xuống bên cạnh một con rạch vào buổi trưa. Họ uống nước sạch, ăn thịt nguội và táo dại mà họ nhặt được trong rừng.

Vào buổi chiều, Martha mệt mỏi. Có lúc cô ấy ở đằng sau họ cả trăm mét. Đứng chờ cho cô ấy bắt kịp, Tom nhớ lại khi Alfred ở tuổi đó, cậu đã là một đứa trẻ đẹp, mái tóc vàng, mạnh mẽ và táo bạo. Tình thương và sự tức giận trộn lẫn trong Tom khi ông quan sát Martha la mắng con heo vì quá chậm chạp. Rồi một nhân vật bước ra khỏi bụi rậm ngay trước mặt cô. Những gì xảy ra sau đó quá nhanh, đến nỗi Tom không thể tin được. Người lạ vừa xuất hiện trên đường giơ một cây gậy cao trên đầu. Một tiếng kêu kinh hoàng thoát ra từ cổ họng Tom, nhưng trước khi ông có thể thốt ra, người lạ đã đập cây gậy xuống Martha. Hẳn đập trúng vào phía bên đầu của Martha và Tom còn nghe thấy âm thanh ghê tởm của những cú đập tiếp nối sau đó. Cô ngã xuống đất như một con búp bê rơi xuống.

Tom chạy lại, chân ông thỉnh thoảng trượt trên mặt đất cứng giống như bước chân con ngựa chiến của William. Ông ước mong đôi chân có thể mang ông đi nhanh hơn. Khi chạy, ông thấy những gì đang xảy ra giống như ở một bức tranh được vẽ cao trên tường nhà thờ, bởi vì ông có thể nhìn thấy, nhưng ông không thể thay đổi được nó. Kẻ tấn công chắc là kẻ sống ngoài vòng pháp luật. Hẳn lùn, chắc nịch, mặc áo dài màu nâu, đi chân trần. Hẳn nhìn thẳng vào Tom, và Tom có thể nhìn thấy một khuôn mặt tàn tật kinh dị: môi hẳn bị cắt, có lẽ bị trừng phạt vì tội nói dối, và miệng hẳn bây giờ là một nụ cười xếch ghê rợn thường xuyên được bao quanh bởi nhiều vết sẹo.

Cảnh tượng kinh khủng đã làm Tom quên đi thân thể Martha đang nằm bất động trên mặt đường.

Kẻ tội phạm rời mắt nhìn Tom và chăm chú vào con heo. Trong nháy mắt, hấn cúi xuống, bắt con heo lên, kẹp con vật dưới cánh tay và lao trở lại vào bụi cây, mang theo tài sản giá trị duy nhất của gia đình Tom.

Tom quỳ xuống bên cạnh Martha. Ông đặt bàn tay to lớn của mình lên ngực nhỏ bé của cô và cảm thấy nhịp tim của cô ổn định và mạnh mẽ, và nỗi lo của ông vơi đi; nhưng đôi mắt của cô vẫn khép kín và trong mái tóc bạch kim của cô có dòng máu đỏ tươi.

Một lúc sau, Agnes quỳ xuống bên cạnh ông. Bà sờ vào ngực, cổ tay và trán cô, rồi bà nhìn Tom một cách cứng rắn. "Con sẽ sống," bà nói bằng giọng cương quyết. "Hãy lấy lại con heo."

Tom nhanh chóng tháo chiếc bị đựng đồ nghề và bỏ chúng lại trên mặt đất. Bằng tay trái, ông lấy chiếc búa sắt từ trong thắt lưng. Trong khi tay phải ông vẫn giữ cây gậy nhọn bằng sắt. Ông còn nhìn thấy những bụi cây bị chà đạp nơi kẻ trộm đến và đi, và ông có thể nghe tiếng lợn kêu trong rừng. Ông lao vào bụi cây.

Con đường mòn dễ đi. Kẻ tội phạm là người vạm vỡ, lại chạy với con heo vùng vẫy dưới cánh tay nên hấn để lại dấu vết qua vườn rau, bụi cây và những cây non. Chạy đằng sau, lòng đầy ước muốn man rợ, Tom muốn tóm cổ tên trộm và đập cho hấn bất tỉnh. Ông bị ngã nhào xuống qua bụi cây bạch dương, lăn xuống sườn đồi, té văng qua vũng bùn lầy vào một con đường hẹp. Ở đó, ông dừng lại. Kẻ trộm có thể đã đi về phía trái hay phải, và bây giờ không có đám cỏ dập nát chỉ cho ông đường đi. Tom cảnh giác và nghe thấy tiếng heo kêu đâu đó bên phía trái. Ông cũng nghe thấy tiếng chân của người nào đó vượt qua khu rừng phía sau ông – Alfred, có lẽ. Cậu đang đuổi theo con heo.

Con đường đưa ông xuống chỗ trũng, rồi quanh gấp và bắt đầu lên cao. Bây giờ ông nghe rõ tiếng heo kêu. Ông chạy lên dốc, thở mệt mỏi – những năm dài hít bụi đá đã làm phổi ông suy yếu. Bất ngờ đường trở lại bằng phẳng và ông nhìn thấy tên trộm, chỉ cách ông hai mươi hay ba mươi mét, đang chạy như bị ma đuổi. Tom chạy nước rút, cố bắt được hấn. Nếu ông

có thể tiếp tục chạy, ông phải bắt kịp hăn, vì một người ôm con heo thì không thể chạy nhanh hơn người tay không. Nhưng bây giờ ngực ông đau. Kẻ trộm chỉ còn cách xa mười lăm, rồi mười hai mét. Tom giơ cao chiếc gậy sắt giống như giơ ngọn giáo trên đầu. Chỉ gần hơn một chút nữa là ông có thể phóng nó. Mười một mét, mười -

Trước khi ngọn giáo rời khỏi tay, ông liếc thấy một khuôn mặt gầy, đội chiếc mũ lưỡi trai màu xanh, xuất hiện từ trong bụi cây bên đường. Đã quá trễ để tránh. Một thanh gỗ to được ném ra đường trước mặt ông, ông vấp vào nó và ngã xuống.

Ông đánh rơi chiếc thanh sắt, nhưng ông vẫn còn chiếc búa. Ông lộn vòng và ngồi dậy trên đầu gối. Ông nhìn thấy hai người: một người đội mũ xanh và một người đầu hói với bộ râu trắng. Chúng chạy về phía Tom.

Ông tránh sang một bên và vung búa xuống tên đội mũ xanh. Hăn tránh nên búa sắt lớn chỉ giáng xuống trên vai hăn. Hăn kêu lên rồi gục xuống đất, giữ chặt vai như thể nó bị gãy. Tom không còn đủ giờ để vung búa lên cho hăn thêm một đòn chí tử nữa, vì trong lúc đó tên đầu hói đến gần. Tom đâm đầu búa vào tên đầu hói, làm gãy xương má hăn.

Cả hai quần quai với vết thương và chạy trốn. Tom biết không ai trong chúng còn có thể chiến đấu. Ông nhìn quanh tìm kiếm. Tên trộm vẫn chạy trên đường. Tom chạy theo hăn, cố quên sự đau đớn trong ngực. Nhưng chỉ sau vài mét, ông nghe thấy một giọng quen thuộc đằng sau ông.

Alfred.

Ông ngừng chạy và nhìn lại.

Alfred đang đánh nhau với cả hai tên trộm. Cậu dùng cả tay lẫn chân. Cậu đâm ba bốn cái lên đầu tên đội mũ xanh, rồi đá vào chân tên đầu hói. Nhưng hai người đàn ông đã bao vây cậu, xiết chặt vòng vây đến nỗi cậu không còn đủ chỗ để đâm và đá mạnh được. Tom do dự giữa việc đuổi bắt lấy lại con heo hay trở lại cứu con. Sau đó tên đầu hói đá trúng đằng sau cẳng chân Alfred, cậu ngã xuống đất. Hai người nhào xuống trên cậu và đâm đá xuống trên mặt và thân thể cậu.

Tom chạy lại, tấn công tên đầu hói, ném hăn vào trong bụi rậm, rồi quay lại và bổ búa xuống tên đội mũ xanh. Lần trước hăn đã cảm nhận được sức

nặng của chiếc búa và một cánh tay vẫn còn đau. Hắn né tránh cán búa đầu tiên, rồi quay lại và nhảy vào bụi cây, trước khi Tom có thể giáng xuống lần thứ hai.

Tom quay lại và nhìn thấy tên đầu hói đang chạy trốn xuống đường. Ông nhìn vào hướng khác: không còn thấy bóng dáng kẻ trộm và con heo đầu nữa. Ông buông lời chửi rủa cay đắng: con heo là một nửa những gì ông đã cứu vớt lại được trong mùa hè này. Ông khụy xuống đất và thở dốc.

"Chúng ta đã đánh đuổi được cả ba tên," Alfred hào hứng nói.

Tom nhìn cậu. "Nhưng họ đã lấy mất con heo của chúng ta," ông nói. Sự tức giận đốt cháy lòng ông giống như rượu táo chua. Họ đã mua con heo vào mùa xuân, vừa khi họ tiết kiệm đủ những đồng xu, và họ đã nuôi béo nó trong suốt mùa hè. Một con heo mập có thể bán được sáu mươi xu. Chỉ cần một vài bắp cải và một bao thóc nữa, nó có thể nuôi sống cả gia đình trong suốt mùa đông và mua được một đôi giày da, cũng như một hoặc hai bóp ví. Mất con heo là một thảm họa.

Tom nhìn Alfred một cách ghanh tị. Cậu đã phục hồi sau cuộc rượt đuổi và đánh nhau, và đang sốt ruột chờ bố cậu. Bao nhiêu năm trước đây, Tom nghĩ, tôi cũng đã có thể chạy nhanh như gió mà không cảm thấy tim mình đập mạnh. Khi đó tôi ở lứa tuổi... hai mươi. Nó dường như đã trở thành quá khứ.

Ông đứng lên.

Khi họ đi bộ trên con đường về, Tom để tay ông lên đôi vai rộng của Alfred. Cậu vẫn còn thấp hơn bố một bàn tay, nhưng chẳng bao lâu nữa cậu sẽ bắt kịp và có thể còn cao lớn hơn. Tôi hy vọng đầu óc nó cũng phát triển theo, Tom nghĩ và nói: "Bất cứ người ngu nào cũng có thể tham gia đánh nhau, nhưng người khôn ngoan thì biết cách tránh xa chúng." Alfred nhìn ông xa vắng.

Họ ra khỏi đường, vượt qua khu lầy lội và bắt đầu leo dốc, đi theo dấu vết tên trộm để lại. Khi họ đi ngang qua bụi dương, Tom nghĩ đến Martha, và cơn tức giận lại quặn lên trong lòng ông. Kẻ tội phạm đã đánh cô không thương tiếc, bởi vì cô không có gì để chống cự lại hắn.

Tom vội bước nhanh hơn và chẳng bao lâu sau, ông và Alfred đã ra đến đường đi. Martha vẫn nằm chỗ cũ, không cử động. Mắt cô vẫn đóng, và máu đã khô trong tóc cô. Agnes ở bên cạnh cô – và bên cạnh họ, trước sự ngạc nhiên của Tom, có một phụ nữ và một bé trai. Ông chợt hiểu rằng thật chẳng có gì ngạc nhiên khi ông cảm thấy bị theo dõi trong rừng trước đây. Ông cúi xuống, đặt tay lên ngực Martha. Cô thở bình thường.

"Chẳng bao lâu nữa cô ấy sẽ tỉnh," người đàn bà lạ nói bằng một giọng uy quyền. "Rồi cô ấy sẽ nôn mửa. Sau đó cô sẽ khỏe lại."

Tom tò mò nhìn bà. Bà ấy quỳ, cúi mình trên Martha. Bà ấy còn trẻ, có lẽ trẻ hơn Tom cả chục tuổi. Chiếc áo da ngắn của bà để lộ thân thể rám nắng mềm mại. Bà có một khuôn mặt đẹp, có mái tóc nâu đen xõa xuống trên trán. Tom cảm thấy một day dứt thêm khát. Rồi bà ngẩng lên, liếc nhìn ông: đôi mắt sâu, tinh anh, có màu vàng mật ong khác thường, một đôi mắt làm cho khuôn mặt bà có một vẻ huyền bí, và ông cảm thấy chắc rằng bà cũng biết ông đang nghĩ gì.

Ông quay nhìn chỗ khác tránh bối rối, và ông bắt gặp ánh mắt Agnes. Bà đang bực bội nhìn ông. Bà hỏi: "Con heo đâu?"

"Còn có hai kẻ tội phạm khác nữa," Tom nói.

Alfred nói: "Chúng ta đánh bại họ, nhưng người ăn cắp con heo thì chạy mất."

Agnes cau mặt nhìn, nhưng không nói gì.

Người đàn bà lạ nói: "Một cách nhẹ nhàng, chúng ta có thể di chuyển bé gái vào trong bóng râm." Bà đứng lên, và Tom nhận ra rằng bà ấy nhỏ con, ít nhất là nhỏ hơn ông một cái chân. Ông cúi xuống, cẩn thận bế Martha lên. Cơ thể trẻ thơ của cô dường như nhẹ hẫng trên tay ông. Ông bế cô dọc theo con đường vài mét, rồi đặt cô xuống bãi cỏ dưới bóng mát của một cây sồi già. Cô vẫn còn yếu.

Alfred thu lượm các công cụ đã bị phân tán rải rác trên đường trong cuộc ẩu đả. Đứa con trai của người đàn bà lạ chăm chú nhìn, mắt cậu to và miệng mở rộng, không nói gì. Cậu trẻ hơn Alfred khoảng ba tuổi và dễ nhìn, Tom quan sát, nhưng không có nét đẹp gợi cảm của mẹ. Cậu có làn da tái xanh, mái tóc đỏ cam và đôi mắt xanh hơi cong. Cậu có cái nhìn ngơ

ngăn của một người đàn độn, Tom nghĩ; những đứa trẻ như thế này thường hay chết yếu hay sẽ lớn lên trong làng dành cho người gốc nghèo. Alfred cảm thấy không thoải mái trong cái nhìn chăm chăm của cậu bé.

Trong khi Tom đang quan sát, cậu bé giật lấy cái cửa từ tay Alfred mà không nói gì, rồi xem xét nó như thể nó là một cái gì đó kỳ lạ. Alfred tức giận vì thái độ vô lễ của cậu bé, cậu giật nó lại, và cậu bé vẫn thờ ơ để cho Alfred giật lại. Bà mẹ nói: "Jack! Hãy giữ tư cách của con." Bà ấy có vẻ xấu hổ.

Tom nhìn bà. Đứa trẻ không giống bà chút nào. "Bà có phải là mẹ nó không?" Tom hỏi.

"Vâng, tôi là Ellen."

"Chồng bà đâu?"

"Chết rồi."

Tom ngạc nhiên. "Bà đi một mình sao?" ông hoài nghi hỏi. Khu rừng này đủ nguy hiểm cho đàn ông giống như ông: một người đàn bà đi một mình sẽ khó có hy vọng sống sót.

"Chúng tôi không phải là người qua đường," Ellen nói. "Chúng tôi sống trong rừng."

Tom bị sốc. "Bà muốn nói bà là —" ông ngừng lại, không muốn xúc phạm bà.

"Người sống ngoài vòng pháp luật," bà nói. "Vâng, ông nghĩ rằng mọi kẻ tội phạm đều giống như Faramond Openmouth, người đã lấy trộm của ông con heo ư?"

"Đúng vậy," Tom nói, mặc dù chính ra ông định nói rằng tôi chẳng bao giờ nghĩ một người sống ngoài vòng pháp luật lại có thể là một phụ nữ xinh đẹp như bà. Không thể kiềm chế được sự tò mò, ông hỏi: "Bà bị phạm tội gì?"

"Tôi nguyên rửa một linh mục," bà nói, rồi quay đi.

Đối với Tom, đó không phải là tội phạm, hay có lẽ vị linh mục đó có nhiều quyền lực hay chuyện này quá nhạy cảm; hay có lẽ Ellen đã không muốn nói sự thật.

Ông nhìn Martha. Một lúc sau cô mở mắt. Cô bối rối, pha lẫn chút sợ hãi. Agnes quỳ bên cạnh cô. "Con được an toàn rồi," bà nói. "Mọi chuyện sẽ tốt đẹp."

Martha ngồi thẳng lên và nôn mửa. Agnes ôm chặt cô cho đến khi cơn co thắt qua đi. Tom rất cảm kích: dự đoán của Ellen đã thành sự thật. Bà cũng nói là Martha sẽ lành và có lẽ chuyện ấy cũng đáng tin nữa. Ông cảm thấy nỗi lo nhẹ đi và ông ngạc nhiên một chút về sức mạnh cảm xúc của chính ông. Tôi không thể chịu đựng được nếu mất đứa con gái nhỏ bé này, ông nghĩ; và ông phải chiến đấu để ngăn dòng nước mắt lại. Ông bắt gặp cái nhìn thiện cảm của Ellen, và một lần nữa ông cảm thấy đôi mắt vàng nhợt của bà ấy có thể nhìn thấu trái tim ông.

Ông bẻ một cành cây sồi, tước lấy lá và dùng chúng để lau mặt Martha. Cô vẫn còn rất tái.

"Cô ấy cần nghỉ ngơi," Ellen nói. "Hãy để cô ấy nằm xuống đó một lúc, bằng khoảng thời gian của một người đi bộ ba dặm."

Tom liếc nhìn mặt trời. Trời vẫn còn rất sáng. Ông ngồi xuống chờ đợi. Agnes ru Martha dịu dàng trong vòng tay. Cậu bé Jack bây giờ chuyển sự chú ý qua Martha và nhìn chăm chăm vào cô với cùng vẻ ngu ngốc. Tom muốn biết nhiều về Ellen. Ông tự hỏi, không biết Ellen có bị thuyết phục để kể câu chuyện về bà. Ông không muốn bà đi khỏi.

„Chuyện đó xảy ra làm sao?" ông hỏi bà một cách phồng chùng.

Bà nhìn vào mắt ông, rồi bắt đầu kể.

Bố bà là một hiệp sĩ, bà ấy kể với họ. Ông là một người to lớn, mạnh mẽ và hung bạo. Ông muốn có một người con trai, một người có thể cùng phi ngựa, đi săn và vật lộn với ông, một người cùng uống rượu và say sưa qua đêm với ông. Về khía cạnh này ông là một người đàn ông thiếu may mắn, vì ông không có con trai mà là có Ellen, và rồi vợ ông qua đời. Ông cưới thêm người vợ nữa, nhưng bà vợ thứ hai này hiếm muộn. Ông coi thường bà vợ kế này và đuổi bà đi. Ông đúng là người đàn ông tàn nhẫn, nhưng ông không đối xử như thế với Ellen, người luôn ngưỡng phục ông và cùng chia sẻ với ông quan điểm khinh thường vợ hai của ông. Khi mẹ kế đi khỏi, Ellen sống và lớn lên trong một ngôi nhà toàn đàn ông. Bà cắt tóc ngắn,

mang một con dao găm và học không được chơi với mèo hay chăm sóc con chó già. Vào lứa tuổi của Martha, bà đã nhổ xuống đất, ăn hột táo và thúc vào bụng ngựa. Bà biết rằng tất cả đàn ông không thuộc băng của bố bà được gọi là 'người nịnh hót' và các bà không theo họ được gọi là 'ngu như lợn', mặc dù bà không biết chắc – và không quan tâm lắm – những điều nhục mạ này có nghĩa gì.

Lắng nghe giọng bà trong làn gió nhẹ của buổi chiều thu, Tom nhắm mắt lại, tưởng tượng một người con gái ngực phẳng với khuôn mặt bụi bặm, ngồi chung bàn với bọn côn đồ của bố, uống rượu mạnh, cụng ly và hát những ca khúc về chiến tranh, kể chuyện cướp bóc và hãm hiếp, về ngựa, lâu đài và trinh nữ cho đến khi bà ngủ thiếp đi, gục đầu với mái tóc ngắn trên chiếc bàn gỗ thô.

Nếu như bà cứ mãi mãi có bộ ngực phẳng thì có lẽ bà sẽ hạnh phúc suốt đời. Nhưng thời gian đến, khi các đàn ông nhìn bà một cách khác. Họ không còn cười khi bà nói: "Tránh đường cho tôi đi, nếu không tôi sẽ cắt trứng của các ông cho heo ăn." Một vài người trong số họ nhìn chăm chăm khi bà cởi áo dài len và đi ngủ với quần áo lót bằng lụa. Khi đi tiểu ở trong rừng, họ phải quay lưng lại phía bà, một điều mà trước đây họ chẳng bao giờ làm.

Một ngày kia bà thấy bố bà nói chuyện với cha sở một cách chăm chú - một chuyện hiếm khi xảy ra – và cả hai người cứ nhìn bà, như họ đang nói về bà. Sáng hôm sau bố bà nói với bà: "Đi với Henry và Everard, và làm những gì mà họ bảo." Sau đó ông hôn lên trán bà. Bà tự hỏi, chuyện gì đã làm bố bà thay đổi – có phải ông dịu hiền hơn trong tuổi già của ông? Bà thắng yên con ngựa đua màu xám – bà không muốn cưỡi con ngựa của đàn bà hoặc con ngựa con của trẻ nhỏ - và lên đường với hai người đàn ông bên cạnh.

Họ đem bà đến một tu viện nữ và bỏ bà lại đó.

Khi hai người đàn ông ra về, cả nơi đó vang lên lời chửi rủa thô tục của bà. Bà đâm vị tu viện trưởng rồi đi bộ cả đoạn đường về lại nhà bố. Ông cột chân tay bà vào yên con lừa và gửi bà trở lại tu viện. Bà bị nhốt trong phòng phạt cho đến khi vết thương của vị tu viện trưởng lành. Căn phòng

lạnh, ẩm thấp và tối như đêm đen, và bà có nước để uống nhưng không có đồ ăn. Khi bà được ra khỏi phòng đó, bà lại đi bộ về nhà. Bố bà lại gửi bà đi, và lần này bà bị đánh trước khi bị nhốt vào trong phòng.

Sau cùng họ hoán cải được bà, dĩ nhiên, và bà mặc áo tập sinh, sống theo quy luật và học cầu nguyện, mặc dù trong tâm hồn bà ghét các nữ tu, coi thường các Thánh và không tin bất cứ điều gì người ta nói với bà về Thiên Chúa bằng lý thuyết. Nhưng bà học đọc và viết, bà thành thạo về âm nhạc, toán và vẽ. Ngoài tiếng Pháp và tiếng Anh mà bà đã nói trong gia đình, bà học thêm tiếng Latin.

Đời sống trong tu viện không quá xấu. Nó là một cộng đoàn gồm các cá nhân độc thân với các quy định đặc thù và các nghi thức, và đó chính là lối sống mà bà đã quen. Tất cả các nữ tu phải làm việc chân tay và Ellen được phân công lo cho ngựa. Chẳng bao lâu sau bà phụ trách chuồng ngựa.

Sự nghèo khó không làm bà bận tâm. Sự vâng phục không dễ dàng gì, nhưng cuối cùng bà cũng theo. Quy luật thứ ba, sự trinh khiết, bà chẳng coi trọng lắm, và có những lúc để thách thức vị tu viện trưởng, bà khai tâm cho một hay nhiều nữ tu tập sinh về những thú vui của –

Vào lúc này Agnes gián đoạn câu chuyện của Ellen. Bà mang Martha theo, đi tìm nguồn suối để lau mặt cô và giặt chiếc áo của cô. Bà đem cả Alfred theo, để bảo vệ, mặc dù bà nói bà sẽ không đi quá xa. Jack đứng lên theo họ, nhưng Agnes cứng rắn nói cậu ở lại và dường như cậu hiểu, vì cậu lại ngồi xuống. Tom nhận ra Agnes đã muốn đem các con đi để chúng không nghe được câu chuyện vô đạo và sỗ sàng này, và bà cũng không muốn để Tom ở lại một mình với Ellen.

Một ngày nọ, Ellen tiếp tục, con ngựa nhỏ của vị tu viện trưởng bị què cách tu viện vài ngày đường. Tu viện Kingsbridge tình cờ ở gần đó, vì thế bà mượn một con ngựa khác ở đó. Sau khi trở về, bà nói Ellen đem trả lại ngựa và lấy con ngựa què về.

Ở đó, trong chuồng ngựa của tu viện, nằm trong bóng ngôi nhà thờ chính tòa cũ kỹ đổ nát của Kingsbridge, Ellen gặp một thanh niên trẻ, trông giống như một con chó con bị đánh đập. Cậu có sự mềm mại và cái mũi cảnh giác của một con chó con, nhưng cậu sợ hãi và nhút nhát như thể tất cả thú vui

chơi đã bị đánh bật ra khỏi cậu. Khi bà nói, cậu không hiểu gì. Bà thử bằng tiếng Latin, nhưng cậu không phải là tu sĩ. Sau cùng bà nói vài chữ bằng tiếng Pháp, khuôn mặt ông vui tươi rạng rỡ và ông trả lời lại trong cùng một ngôn ngữ.

Ellen chẳng bao giờ trở lại tu viện nữa. Từ đó bà sống trong rừng, trước hết trong một túp lều bằng cành lá, sau đó trong một hang động khô ráo. Bà không quên khả năng của đàn ông mà bà đã học được ở nhà bố: bà vẫn có thể săn nai, bắt thỏ, bắn thiên nga bằng cung; bà có thể mổ thịt, làm sạch và nấu chín; và bà còn biết cạo, thuộc da và dùng chúng may quần áo. Như một trò chơi, bà ăn trái cây rừng, các loại hạt và rau cỏ. Còn những vật khác cần thiết như muối, quần áo len, chiếc rìu hay con dao mới, bà phải ăn cắp.

Thời gian tồi tệ nhất là khi Jack được sinh ra...

Nhưng anh chàng người Pháp ra sao? Tom muốn hỏi. Có phải ông ấy là bố của Jack không? Và nếu như vậy, ông ấy đã chết lúc nào? Và ra sao? Nhưng nhìn vào khuôn mặt bà, ông biết bà không muốn kể về phần này của câu chuyện, và bà là người không dễ bị thuyết phục, vì thế ông giữ những câu hỏi này cho riêng mình.

Vào thời điểm đó, bố bà qua đời và nhóm người xung quanh ông tản mác đi, vì thế bà không còn người thân hoặc bạn bè nào trên thế giới. Khi Jack được sinh ra, bà đốt lửa suốt đêm ở cửa hang. Bà có đồ ăn, nước uống, và có dao, cung tên để chống sói và chó hoang; và ngay cả bà có một chiếc áo choàng dày màu đỏ mà bà đã ăn cắp của một giám mục để quần cho đứa nhỏ. Nhưng bà không chuẩn bị cho sự đau đớn và sự sợ hãi của việc sinh nở, và trong một thời gian dài bà nghĩ rằng bà sẽ chết. Tuy nhiên, đứa nhỏ được sinh ra khỏe mạnh và bà được sống sót.

Ellen và Jack đã trải qua một cuộc sống thô sơ, đơn giản trong mười một năm sau đó. Rừng cho họ những gì họ cần, miễn là họ phải thận trọng tích trữ đủ táo, các loại hạt và thịt ướp muối hoặc hun khói cho các tháng mùa đông. Ellen thường nghĩ rằng nếu giả sử như thế giới không có vua, bá tước, giám mục và cảnh sát thì mọi người có thể sống như thế này và hoàn toàn hạnh phúc.

Tom hỏi bà đã xử lý như thế nào với những người sống ngoài vòng pháp luật khác, những người như Raramond Openmouth. Điều gì sẽ xảy ra nếu họ đề lên bà vào ban đêm và cưỡng hiếp bà? Ông tự hỏi và khi nghĩ như vậy, chỗ thắt lưng của ông bị kích thích, mặc dù ông chẳng bao giờ cưỡng hiếp người đàn bà nào, ngay cả vợ ông.

Các kẻ tội phạm khác sợ Ellen, bà kể cho Tom, ngược nhìn Tom bằng đôi mắt trong sáng và ông hiểu tại sao: họ nghĩ bà là một phù thủy. Chỉ đối với những người lữ hành qua rừng, những người biết rằng họ có quyền ăn cắp, cưỡng hiếp và giết chết những tội phạm mà không sợ bị pháp luật trừng phạt – những người đó Ellen phải tránh. Tại sao bà lại không tránh Tom? Bởi vì bà thấy một đứa trẻ bị thương và bà muốn giúp đỡ, vì chính bà cũng có một đứa con.

Bà đã truyền đạt cho Jack kiến thức về vũ khí và săn bắn mà bà đã học trong nhà của bố bà. Sau đó bà dạy cậu những gì bà học được từ các nữ tu: đọc và viết, nhạc và toán, tiếng Pháp và tiếng Latin, cách vẽ và ngay cả những câu truyện về Kinh Thánh. Và trong những đêm dài mùa đông, bà truyền lại cho cậu di sản của chàng trai người Pháp, người biết nhiều câu truyện, thơ và bài hát hơn bất cứ một người nào khác trên thế giới.

Tom không tin rằng Jack có thể đọc và viết. Tom có thể viết tên mình, và một vài chữ như xu, mét và gia; và Agnes, con gái của một mục sư, biết nhiều hơn, mặc dù bà ấy viết chậm và lười bà cứng đờ trong cửa miệng; và Alfred không viết được chữ nào, ngay cả không nhận ra tên mình; còn Martha không biết gì. Có thể nào một đứa bé nửa ngu nửa dại này lại có thể đọc và viết hơn cả gia đình Tom?

Ellen nói Jack viết, và cậu san phẳng mặt đất rồi viết lên đó. Tom nhận ra được chữ thứ nhất, Alfred, nhưng không biết các chữ khác, và ông thấy mình ngu dốt; Ellen cứu sự bối rối của ông bằng cách đọc to cả câu: "Alfred lớn hơn Jack." Rồi Jack vẽ nhanh hai hình người, một người lớn hơn người kia, và mặc dù nét vẽ thô sơ người ta vẫn có thể hiểu một người có bờ vai rộng nhìn khó chịu, và người nhỏ hơn cười toe toét. Tom là người có khả năng phác thảo, ông cũng ngạc nhiên về sự đơn giản và có sức thuyết phục của bức tranh vẽ trên đất.

Nhưng đứa trẻ dường như là một đứa ngốc.

Ellen đã nhận ra điều đó, bà thừa nhận, như đoán được ý nghĩ của Tom. Jack chẳng bao giờ có bạn cùng lứa, hoặc sự thân thiện của người khác, ngoại trừ mẹ cậu, và kết quả là cậu lớn lên như một con thú hoang. Mặc dù đã học tất cả, cậu vẫn không biết cư xử với người khác. Đó là lí do tại sao cậu im lặng, cứng đầu và chộp giật.

Khi bà kể điều này, lần đầu tiên thấy bà bị tổn thương. Bà đánh mất đi sự tự lập bất khả xâm phạm của mình, và Tom nhìn thấy bà bối rối, hầu như thất vọng. Vì Jack, bà cần tham dự vào xã hội, nhưng bằng cách nào? Giả sử bà là đàn ông, bà có thể thuyết phục vài lãnh chúa để xin thuê một nông trại, nhất là khi bà nói dối là bà trở về từ một chuyến hành hương đến Giêrusalem hay Santiago de Compostela. Có một vài nông dân phụ nữ, nhưng họ là các góa phụ sống với con trai lớn của họ. Không có lãnh chúa nào cung cấp trang trại cho một phụ nữ với con nhỏ. Không người nào muốn thuê bà làm việc cho họ trong thành phố cũng như nơi miền quê; bên cạnh đó bà không có nơi ở, và công nhân không chuyên nghiệp thường không được cho chỗ ăn nghỉ. Bà không có căn tính.

Tom thông cảm bà. Bà đã cho con bà mọi thứ bà có thể cho, nhưng nó vẫn chưa đủ. Nhưng ông không biết cách nào để bà thoát khỏi nghịch cảnh này. Mặc dù bà xinh đẹp, tháo vát và mạnh mẽ, nhưng bà đã bị kết án phải trải qua suốt quãng đời còn lại trốn tránh trong rừng với đứa con lập dị này.

Agnes, Martha và Alfred trở về. Tom nhìn Martha lo lắng, nhưng cô ấy trông như là không có gì tồi tệ đã vừa xảy ra cho cô, ngoài khuôn mặt mới được gột rửa. Trong một thời gian dài, Tom đã chìm đắm trong vấn đề của Ellen, nhưng bây giờ ông nhớ đến hoàn cảnh của chính mình: ông đang thất nghiệp và con heo đã bị ăn cắp. Buổi chiều lên. Ông thu thập tài sản còn lại của mình.

Ellen hỏi: "Ông định đi đâu?"

"Winchester," Tom nói với cô. Winchester có một pháo đài, một cung điện, nhiều tu viện, và quan trọng nhất trong tất cả – một ngôi nhà thờ chính tòa.

"Salisbury gần hơn," Ellen nói. "Và lần sau cùng khi tôi ở đó, họ đang xây lại ngôi nhà thờ chính tòa, mở rộng hơn xưa."

Trái tim Tom nhẩy múa. Đó là cái mà ông đang tìm kiếm. Nếu ông tìm được một công việc trong một dự án xây nhà thờ, ông tin rằng sau đó ông sẽ có thể trở thành người xây dựng chính. "Đường nào dẫn tới Salisbury?" ông háo hức hỏi.

"Ngược lại đường ông vừa đến, khoảng ba hoặc bốn dặm. Ông có nhớ ngã ba đường, nơi ông đã quẹo trái?"

"Có, bên cạnh một ao nước bẩn."

"Đúng đó. Ngã ba phía phải dẫn đến Salisbury."

Họ ra đi. Agnes không thích Ellen, tuy nhiên bà vẫn ân cần nói: "Cảm ơn cô đã chăm sóc cho Martha."

Ellen cười và tiếc nuối nhìn họ ra đi.

Khi họ đã đi được vài phút, Tom quay lại. Ellen vẫn nhìn theo họ, hai chân dang rộng, bàn tay che nắng mặt trời và đưa con trai đứng bên cạnh. Tom vẫy tay và bà vẫy lại.

"Một người phụ nữ hấp dẫn," ông nói với Agnes.

Agnes không nói gì.

Alfred nói: "Đứa con trai thật kỳ lạ."

Họ bước đi trong nắng mặt trời mùa thu thấp. Tom tò mò không biết thị trấn Salisbury ra sao: ông chưa bao giờ đến đó. Ông thấy thích thú. Dĩ nhiên ông muốn xây một nhà thờ chính tòa từ nền móng, nhưng điều đó có lẽ chẳng xảy ra, dễ hơn nên tìm một tòa nhà cũ để sửa lại hay nối rộng ra hoặc xây lại một phần. Nhưng điều đó đủ cho ông rồi, miễn là nó có triển vọng để sau này ông có thể xây theo phác họa của riêng ông.

Martha hỏi: "Tại sao người đàn ông lạ lại đánh con?"

"Bởi vì hắn muốn ăn cắp con heo của chúng ta." Agnes trả lời.

"Ông ấy chỉ nên lấy con heo của ông ấy," Martha nói phẫn nộ, như thể cô chỉ nhận ra một điều là kẻ tội phạm đã làm điều gì đó sai trái.

Vấn đề của Ellen sẽ được giải quyết nếu bà ấy có một nghề thủ công, Tom suy nghĩ lại. Một thợ nề, một thợ mộc, một thợ dệt hoặc một thợ thuộc da sẽ không gặp hoàn cảnh như của bà, vì họ vẫn có thể đến thành phố tìm

việc. Có một vài bà làm thợ thủ công, nhưng thông thường họ là góa phụ hoặc vợ của thợ thủ công. "Những gì Ellen cần," Tom nói lớn, "là một người chồng."

Agnes nói quả quyết: "Tốt, nhưng bà ấy không thể có chồng của tôi."

III

Ngày họ mất con heo cũng là ngày cuối cùng của thời tiết êm dịu. Họ qua đêm trong một nhà kho, và khi họ ra khỏi nhà kho vào buổi sáng, bầu trời có màu của mái nhà lá, và có một cơn gió lạnh mang theo mưa. Họ lấy áo khoác dày bằng nỉ ra khỏi bọc, mặc chúng vào, thắt chặt dưới cằm và kéo mũ ra phía trước để mưa khỏi rơi vào mặt. Họ ra đi trong một tâm trạng ảm đạm, bốn bóng ma âm thầm trong cơn mưa bão, đôi guốc gỗ của họ gõ nước tung tóe dọc theo con đường đầy nước và bùn lầy.

Tom thắc mắc không biết ngôi nhà thờ chính tòa Salisbury ra sao. Nhà thờ chính tòa là một nhà thờ, trong căn bản, giống như các nhà thờ khác: nó đơn giản là một nhà thờ, nơi vị giám mục đặt ngai tòa của ngài. Nhưng trong thực tế, nhà thờ chính tòa lớn nhất, giàu nhất, vĩ đại nhất và phức tạp nhất trong vùng. Nhà thờ chính tòa ít khi chỉ là một đường hầm với các cửa sổ. Hầu hết chúng có ba đường hầm, một cái cao ở giữa và hai cái nhỏ hơn ở hai bên cạnh, tạo thành một gian giữa với lối đi hai bên. Hai bên tường của đường hầm giữa được đơn giản đi, chỉ còn lại hai hàng cột liên kết bởi mái vòm, tạo thành một đường mái vòm. Đường đi hai bên dùng cho các cuộc rước kiệu – rất ngoạn mục trong nhà thờ chính tòa – và cũng cung cấp không gian cho các nhà nguyện nhỏ hai bên dành riêng cho các vị Thánh đặc biệt, những vị Thánh thu hút thêm tiền dâng cúng. Nhà thờ chính tòa là tòa nhà mắc nhất thế giới, còn hơn cả dinh thự và lâu đài, và chúng cũng cần tiền để bảo trì.

Salisbury gần hơn là Tom nghĩ. Vào giữa buổi sáng họ trèo lên đồi, và thấy một con đường trước mặt dẫn xuống một khúc quanh dài, rồi xuyên qua một cánh đồng, phùng lên giữa đồng bằng như một con thuyền nhô lên trên mặt hồ. Từ đó họ có thể nhìn thấy thành phố Salisbury kiên cố trên đồi. Thành phố chìm trong mưa, nhưng Tom có thể nhìn thấy nhiều tháp, bốn hoặc năm cái, cao hơn bức tường thành. Ông lên tinh thần khi thấy nhiều công trình bằng đá.

Một cơn gió lạnh thổi qua cánh đồng, làm mặt và chân tay họ buốt lạnh khi họ đi theo con đường vào cổng phía đông. Bốn con đường gặp nhau dưới chân đồi, ở giữa khu nhà được la rộng ra từ thị trấn, và nơi đây có nhiều lữ khách cùng đi với họ, bước đi với tấm lưng còng và đầu cúi xuống bằng ngang thời tiết tới nơi trú ẩn sau bức tường.

Trên sườn dốc dẫn đến cổng thành, họ gặp một xe bò chở đầy đá – một dấu hiệu rất hy vọng cho Tom. Người phu xe cúi xuống sau xe bằng gỗ thô, đẩy xe bằng vai của mình, dùng sức mình phụ lực với hai con bò để đẩy chiếc xe lên dốc. Tom thấy cơ hội tốt để làm bạn. Ông ra hiệu cho Alfred, cả hai đặt vai vào sau xe và giúp đẩy xe lên.

Các bánh xe bằng gỗ to lớn đi ầm ầm qua cây cầu bằng gỗ bắc ngang một con hào khô rất lớn. Công sự đào đắp bằng đất thật là kinh khủng: phải đào đất, lấy đất đi để tạo thành bức tường thành, điều đó phải cần đến hàng trăm công nhân, Tom nghĩ, một công trình còn to lớn hơn là đào nền móng cho một nhà thờ chính tòa. Cây cầu bắc ngang con hào lúc lắc và kêu cọt kẹt dưới sức nặng của chiếc xe và hai con thú to lớn.

Độ dốc giảm đi và xe bò có thể di chuyển dễ dàng hơn khi họ đến gần cổng vào. Người phu xe đứng thẳng lên, Tom và Alfred cũng làm như vậy. "Cảm ơn lòng tốt của các ông," người phu xe nói.

Tom hỏi: "Ông chở đá làm gì vậy?"

"Cho nhà thờ chính tòa mới."

"Xây mới sao? Tôi nghe nói chỉ nối rộng thêm thôi mà?"

Người phu xe gật đầu. "Đó là những gì họ nói cách đây mười năm về trước. Nhưng bây giờ nó mới nhiều hơn cũ."

Đó là một tin tốt cho Tom. "Ai là thợ xây dựng tổng thể chính?"

"John thành Shaftesbury, mặc dù Giám mục Roger có công nhiều trong việc thiết kế."

Nó là điều bình thường. Rất ít khi giám mục để thợ xây dựng chính làm việc một mình. Một trong những vấn đề của thợ xây dựng chính là làm dịu những tưởng tượng nóng bỏng của hàng giáo sĩ và đặt ra những giới hạn thực tế cho những tưởng tượng mơ hồ của họ. Nhưng chính John thành Shaftesbury là người chịu trách nhiệm về việc thuê nhân công.

Người phu xe gật đầu khi nhìn thấy túi đồ nghề của Tom. "Thợ xây?"

"Vâng, đang đi tìm việc."

"Ông sẽ tìm được," người phu xe nói chung chung. "Nếu không tìm được ở nhà thờ chính tòa, có lẽ cũng tìm được ở lâu đài."

"Ai chỉ đạo ở lâu đài?"

"Cũng vậy. Roger vừa là giám mục vừa là người cai quản thành trì."

Dĩ nhiên, Tom nghĩ. Ông đã nghe về quyền lực của Roger vùng Salisbury, người từ lâu đã được coi là thân cận với nhà vua.

Họ đi qua cổng vào thành. Quảng trường đầy các tòa nhà, người và thú vật, đầy đến nỗi dường như nó có nguy cơ làm nổ tung cả bức tường thành và rơi xuống các thành hào. Các nhà gỗ chen nhau vai kề vai, xô đẩy tìm chỗ như khán giả đi xem buổi tử hình. Mỗi khoảng hở trên mặt đất đều được dùng cho cái gì đó. Nơi hai ngôi nhà được xây với con hẻm ở giữa, một ai đó đã xây một nửa căn nhà trong hẻm, không có cửa sổ. Mặt tiền nhà dù có nhỏ, ngay cả đối với căn nhà nhỏ nhất, cũng tạo nên một gian hàng bán rượu bia, bánh mì hoặc táo; và ngay cả chỗ đó có nhỏ bé, nó cũng có chuồng ngựa, chuồng heo, một đồng phân hay một thùng nước.

Thị trấn rất ồn ào. Mưa cũng không làm bớt đi tiếng ồn ào của thợ thủ công, tiếng rao của người bán hàng rong, tiếng mọi người chào hỏi nhau, thương lượng và cãi vã, tiếng thú vật hí, sủa và đánh nhau.

Cất giọng to hơn tiếng ồn ào, Martha hỏi: "Mùi gì hôi thối?"

Tom mỉm cười. Một vài năm nay cô không ở trong thị trấn. "Đó là mùi của con người," ông nói với cô.

Đường phố chỉ rộng hơn chiếc xe bò một chút, nhưng người phu xe không để con thú của mình dừng lại, sợ rằng chúng không bắt đầu lại được;

vì thế ông đánh cho chúng vượt qua mọi trở ngại. Hai con thú âm thầm chen qua đám đông, không phân biệt một ai, chúng xô đẩy một hiệp sĩ trên lưng con ngựa chiến, một cán bộ kiểm lâm với cây cung, một tu sĩ mập trên lưng con ngựa nhỏ, cũng như xô đẩy các binh lính, người ăn mày, bà nội trợ và gái điếm.

Chiếc xe bò đi sau một người chần cừu già. Ông đang cố gắng giữ đàn cừu nhỏ của ông đi chung với nhau. Hôm nay là ngày chợ, Tom nhận ra. Khi xe bò đi ngang qua, một con cừu lao vào qua cánh cửa mở rộng của một quán bia, và trong một khoảnh khắc toàn bộ đàn cừu đã ở trong nhà, kêu be be, làm hoảng loạn và xô đẩy bàn ghế, làm đổ cả thùng bia.

Mặt đất dưới chân là một biển bùn và rác. Tom để ý đến trường hợp nước mưa rơi trên mái nhà, và chiều rộng cần thiết của chiếc rãnh cho nước mưa trôi đi; và ông cũng nhận thấy tất cả nước mưa rơi trên mái của nửa thị trấn chảy qua con đường này. Trong một cơn bão xấu, ông nghĩ, có lẽ bạn cần một chiếc thuyền để qua đường.

Khi họ đến lâu đài trên đỉnh đồi, đường phố rộng rãi hơn. Ở đây có những căn nhà đá, một hoặc hai căn cần phải sửa chữa lại. Chúng thuộc sở hữu của thợ thủ công và thương gia, những người có cửa hàng và tiệm ở tầng dưới và sống ở tầng trên. Với đôi mắt thực tế, Tom nhìn vào những đồ bày bán và có thể nói rằng đây là một thị trấn thịnh vượng. Tất cả mọi người cần phải có dao và nôi, nhưng chỉ người giàu có mới mua khăn choàng thêu, dây thắt lưng được trang trí và vòng bạc.

Ở phía trước lâu đài, người phu xe cho các con bò quẹo phải, Tom và gia đình đi theo sau. Con đường dẫn quanh một phần tư vòng tròn, dọc theo chân thành lũy lâu đài. Đi qua một cửa khác, họ rời bỏ sự náo nhiệt của thị trấn nhanh như khi họ đi vào, và họ bước vào một vùng xoáy khác: sự bận rộn nhưng có trật tự của một công trường xây dựng lớn.

Họ ở phía trong khu đất có tường bao quanh của nhà thờ chính tòa, ngôi nhà thờ chiếm toàn bộ khu tây bắc của thị trấn hình tròn. Tom đứng một lúc lâu để cảm nhận nó. Chỉ cần nhìn, nghe và ngửi nó cũng đã tạo cho ông một sự rộn ràng giống như một ngày nắng ấm. Khi xe chở đá đến, hai xe trống khác đi ra. Trong mái che của nhà kho dọc theo tường nhà thờ có thể

nhìn thấy những thợ xây đang đẽo các khối đá bằng đục sắt và búa lớn bằng gỗ để tạo nên các hình dạng có thể được ghép vào với nhau, làm nên chân cột, hàng cột, trụ tường, vòm, cửa sổ, ngưỡng cửa, tháp nhọn và lan can. Ở giữa khu đất, tách rời khỏi các công trình xây dựng khác, ngọn lửa đang cháy có thể nhìn thấy được xuyên qua các khung cửa mở; người thợ rèn đang làm những công cụ mới và tiếng kêu của búa đập trên đe vang dội khắp khu vực. Đối với nhiều người, đó là một cảnh hỗn loạn, nhưng Tom nhìn thấy đây là một cơ chế lớn và phức tạp mà ông muốn điều hành. Ông biết mỗi người đang làm gì và ông có thể nhìn thấy ngay công việc đã tiến triển tới đâu: Họ đang xây mặt tiền phía đông.

Giàn giáo ngang qua phía cuối hướng đông, ở độ cao hai mươi lăm hay ba mươi mét, đang hoạt động. Các thợ xây ở cổng vòm đang chờ cho cơn mưa nhẹ dần, nhưng những nhân công vẫn vác đá trên vai chạy lên chạy xuống trên thang. Cao hơn, trên khung mái, thợ ống nước trông giống như những con nhện leo trên mạng bằng gỗ, đóng đinh các phen sắt và lắp đặt các ống dẫn nước và máng xối.

Tom nhận ra rằng việc xây dựng sắp hoàn tất. Nếu ông được thuê làm việc ở đây, công việc sẽ không kéo dài hơn vài năm nữa – không đủ thời gian để ông có thể lên đến vị trí một thợ cả, chưa nói gì đến thợ xây dựng chính. Tuy nhiên, nếu được nhận vào làm, ông sẽ nhận lời, bởi vì mùa đông đang đến. Nếu còn con heo, ông và gia đình có thể sống qua mùa đông không việc làm, nhưng bây giờ không còn con heo, Tom phải tìm việc.

Họ đi theo chiếc xe bò ngang qua công trường đến nơi các tảng đá được xếp đồng. Với thái độ biết ơn, con bò cúi đầu vào máng nước. Người phu xe hỏi lớn một thợ xây đi ngang qua: "Thợ xây dựng chính ở đâu?"

"Trong lâu đài," thợ xây trả lời.

Người phu xe gật đầu và quay lại phía Tom. "Ông sẽ tìm thấy ông ấy trong lâu đài của giám mục, tôi mong điều đó."

"Cảm ơn!"

"Tôi cũng cảm ơn ông."

Tom rời công trường, Agnes và các con cũng đi theo. Họ trở lại con đường chen chúc, chật chội đến trước lâu đài. Đây có một hào khô khác và

một thành lũy thứ hai bằng đất bao quanh trung tâm đồn lũy. Họ đi qua cây cầu kéo. Trong một chòi canh bên cạnh cổng ra vào, một ông mập mặc áo dài bằng da ngồi trên ghế, nhìn ra trời mưa bên ngoài. Ông mang một thanh kiếm. Tom nói với ông. "Chào ông, Tôi là thợ xây Tom. Tôi muốn gặp thợ xây dựng chính John thành Shaftesbury."

"Ở chỗ giám mục," viên bảo vệ đáp hờ hững.

Họ đi vào bên trong. Giống như các lâu đài khác, đây là một tổng hợp của nhiều tòa nhà linh tinh trong một bức tường đất. Chiều rộng của sân khoảng chừng một trăm dặm. Đối diện với cổng, ở phía xa, là một pháo đài lớn để trú ẩn khi bị tấn công và cao hơn thành lũy để có thể quan sát xung quanh. Bên trái gồm các tòa nhà thấp lộn xộn, đa số bằng gỗ: một chuồng thú vật dài, một nhà bếp, một lò bánh mì và nhiều nhà kho. Ở giữa sân có một giếng nước. Về phía bên phải, chiếm nguyên phía nửa bắc của toàn bộ công trình là một nhà đá to, dễ nhận ra đó là một cung điện. Nó được xây dựng giống như kiểu của ngôi nhà thờ mới, với cửa lớn và cửa sổ có đầu tròn.

Ngôi nhà có hai tầng và còn mới. Trong một góc, thợ xây vẫn đang làm việc, dường như đang xây một cây tháp. Mặc dù trời mưa, có rất nhiều người ở trong sân, đến rồi đi, hay đội mưa đi vội vã từ tòa nhà này sang tòa nhà khác: kỵ binh, linh mục, thương gia, thợ xây dựng và nhân viên phục vụ lâu đài.

Tom có thể nhìn thấy lâu đài có nhiều cửa ra vào, tất cả đều mở, mặc dù trời mưa. Ông không biết chắc phải làm gì bây giờ. Nếu thợ xây dựng chính là giám mục, có lẽ ông không nên quấy rầy ngài. Về khía cạnh khác, một giám mục không phải là một ông vua; và Tom là một người tự do và là một thợ xây kinh doanh hợp pháp, không phải là một nông nô với đòn khiếu nại. Ông quyết định liều lĩnh. Để Agnes và Martha ở lại, ông đi với Alfred xuyên qua khu sân lầy lội tới lâu đài và đi qua cánh cửa gần nhất.

Họ đến một nhà nguyện nhỏ có một mái vòm tròn và một cửa sổ ở xa cuối nhà nguyện, bên trên bàn thờ. Gần cửa ra vào, một linh mục ngồi ở bàn cao, viết nhanh trên da. Ông nhìn lên.

Tom nói rất nhanh: "Thợ xây dựng chính John ở đâu?"

"Trong phòng mặc áo lễ," vị linh mục nói, hất đầu về một cánh cửa bên tường đối diện.

Tom không yêu cầu xin gặp thợ xây dựng chính. Ông biết rằng nếu ông làm như thế ông được mời đến thì ông sẽ bớt được thời gian chờ đợi rườm rà. Ông đi qua nhà nguyện nhỏ và bước vào phòng mặc áo lễ.

Đó là một phòng vuông nhỏ được thắp sáng bởi nhiều ngọn nến. Căn phòng hầu như được đổ đầy cát. Cát mịn đã được gạt phẳng hoàn hảo theo quy tắc. Có hai người trong phòng. Hai người liếc nhìn Tom, rồi lại chú ý vào cát. Vị giám mục, một người già với đôi mắt nhăn nheo, đang vẽ trên cát bằng một cây gậy nhọn. Người thợ xây dựng chính, mặc chiếc tạp dề da, quan sát Tom một cách kiên nhẫn và với một cảm xúc nghi ngờ.

Tom chờ đợi trong lo lắng. Ông phải tạo ấn tượng tốt: lịch sự mà không hạ mình, tỏ ra hiểu biết mà không khoe trương. Một thợ xây dựng chính muốn người thuộc hạ của mình vâng lời cũng như khéo léo, Tom biết điều đó từ kinh nghiệm của những năm thuê người.

Giám mục đang phác họa một tòa nhà hai tầng với cửa sổ rộng ở cả ba phía. Ông là một người vẽ dự án giỏi, ông vẽ các đường rất thẳng và các góc chính xác. Ông vẽ một dự án mặt bằng và một dự án trực diện. Nhưng Tom nhận ra ngay là ngôi nhà này sẽ không thể xây được.

Đức giám mục chấm dứt và nói: "Đây."

John quay lại Tom và nói: "Chuyện gì vậy?"

Tom giả vờ như là ông được hỏi ý kiến về bản vẽ. Ông nói: "Ông không thể có những cửa sổ lớn như thế trong nhà có mái vòm."

Đức giám mục nhìn ông giận dữ. "Đó là một phòng viết, không phải tầng có mái vòm."

"Nó cũng sẽ đổ."

John nói: "Ông ta có lý."

"Nhưng họ cần ánh sáng để viết."

John nhún vai và quay lại Tom. "Ông là ai?"

"Tôi tên là Tom và tôi là một thợ xây."

"Tôi cũng đã đoán như thế. Ông đến đây làm gì?"

"Tôi đi tìm việc," Tom nín thở.

John lắc đầu ngay. "Tôi không thể thuê ông."

Trái tim Tom thất vọng. Ông muốn quay gót, nhưng ông chờ đợi một cách lịch sự để biết lý do.

"Chúng tôi đã xây dựng mười năm nay," John tiếp. "Hầu hết các thợ có nhà trong phố. Chúng tôi sắp hoàn tất, và bây giờ tôi có nhiều thợ xây hơn là tôi thực sự cần đến."

Tom biết không còn hy vọng gì, nhưng ông nói: "Thế thì với lâu đài thì sao?"

"Cũng như vậy," John nói. Đó là nơi tôi sử dụng nhân công dư thừa của tôi. Nếu không phải vì điều này và vì các lâu đài khác của giám mục Roger, tôi đã sa thải các thợ xây lâu rồi."

Ton gật đầu. Bằng một giọng bình thường, cố gắng không để lộ âm thanh thất vọng, ông nói: "Ông có biết về công việc ở các nơi khác không?"

"Một tu viện ở Shaftesbury đang được xây dựng từ đầu năm. Có lẽ họ vẫn đang làm. Nó ở cách đây một ngày đường."

"Cảm ơn." Tom quay đi.

"Tôi rất tiếc," John gọi với theo. "Dường như ông là người tốt."

Tom ra đi, không trả lời lại. Ông cảm thấy chán nản. Ông đã cho phép mình hy vọng quá sớm: không có gì đáng ngạc nhiên khi bị từ chối. Nhưng ông đã bị phấn kích về viễn tượng có thể lại được xây nhà thờ chính tòa. Bây giờ ông phải chấp nhận làm việc trên một bức tường thành đơn điệu, hoặc một ngôi nhà xấu xí của một thợ bạc.

Ông vươn vai và đi ngược lại sân lâu đài, nơi Agnes và Martha đang đợi. Ông không tỏ cho bà biết sự thất vọng của mình. Ông luôn cố gắng tạo ra ấn tượng rằng mọi chuyện đều tốt đẹp, rằng ông đang làm chủ tình hình, và nó không quá quan trọng vì nếu không tìm được việc làm ở đây, chắc chắn cũng sẽ tìm được một công việc trong thị trấn sau hoặc sau nữa. Ông biết nếu ông tỏ ra bất cứ dấu hiệu chán nản nào, Agnes sẽ hối thúc ông tìm một nơi định cư, và ông không muốn điều đó, trừ khi ông tìm được một thị trấn, nơi một nhà thờ chính tòa sẽ được xây dựng.

"Anh không tìm được việc gì ở đây," ông nói với Agnes. "Chúng ta hãy lên đường."

Bà nhìn ông bờ ngờ. "Anh đã nghĩ rằng, một ngôi nhà thờ và một lâu đài đang xây dựng sẽ có chỗ cho một người thợ xây đó sao?"

"Cả hai hầu như sắp hoàn thành," Tom giải thích. "Họ có nhiều công nhân hơn họ cần."

Toàn bộ gia đình vượt qua cây cầu và vào lại con đường đông đúc của thị trấn. Họ đã vào Salisbury qua cửa phía đông, và sẽ ra theo cửa phía tây, bởi vì con đường đó dẫn tới Shaftesbury. Tom rẽ phải, vào con đường dẫn qua một khu phố mà họ đã chẳng nhìn thấy trước đó.

Ông dừng lại trước một căn nhà đá trông như đang cần đến sự sửa chữa. Vừa dùng để xây dựng ngôi nhà này quá xấu, nên bây giờ nó đã hư hại và rơi ra, tuyết giá bám vào trong các lỗ và làm nứt các viên đá. Nếu nó không được sửa chữa trước mùa đông, sự thiệt hại sẽ lớn hơn. Tom quyết định tìm ra người chủ ngôi nhà.

Lối vào tầng trệt là một mái vòng cung rộng. Cánh cửa bằng gỗ mở rộng, và giữa khung cửa là một nghệ nhân đang ngồi với một cái búa trong tay phải và một cái dùi trong tay trái. Ông đang khắc một thiết kế phức tạp trên yên ngựa bằng gỗ. Phía sau ông, Tom có thể nhìn thấy cửa tiệm gỗ và da, và một cậu bé với một cây chổi đang quét vỏ bào.

Tom nói: "Chào ông."

Người thợ làm yên ngựa ngược lên, xem Tom thuộc tầng lớp nào nếu ông ấy cần đến một yên ngựa, và gật đầu cộc lốc.

"Tôi là một thợ xây cả," Tom tiếp tục. "Tôi thấy ông cần đến dịch vụ của tôi."

"Tại sao?"

"Vừa đang rơi ra, những viên đá đang bị nứt rạn và nhà ông chắc không tồn tại sau mùa đông này."

Người thợ đóng yên ngựa lắc đầu. "Thị trấn này có nhiều thợ xây. Tại sao tôi phải thuê một người lạ?"

"Rất tốt." Tom quay đi. "Mong Thiên Chúa ở với ông."

"Tôi cũng hy vọng như thế," thợ làm yên ngựa nói.

"Một đồng nghiệp thô lỗ," Agnes thì thầm khi họ đi ra.

Con đường dẫn họ đến một khu chợ. Ở đây, trong khu bùn lầy này, nông dân từ các vùng nông thôn trao đổi những cái ít ỏi dư thừa của họ như thịt, ngũ cốc, sữa hay trứng, để lấy những thứ họ cần và không tự làm được như chậu, lưỡi cày, dây thừng và muối. Thông thường khu chợ đầy màu sắc và náo nhiệt. Có tiếng mặc cả, cãi nhau và vui đùa. Có bánh kẹo rẻ tiền cho trẻ em, một đôi khi có nhóm hát rong hay nhào lộn. Nhiều khi người ta gặp những cô gái điếm, những thương binh với những câu chuyện về sa mạc miền đông và nhóm người du mục Saracen. Những người có công việc kinh doanh tốt thường khó kìm hãm được sự cảm dỗ để ăn mừng, để mua bia rượu, vì thế luôn luôn có một bầu khí ồn ào vào giữa trưa. Những người khác mất những đồng xu vào cờ bạc, và điều đó thường dẫn đến việc đánh nhau. Nhưng bây giờ, vào một buổi sáng mưa gió, sau mùa gặt, khi các sản phẩm đã được bán hoặc được cất vào kho, ngôi chợ trở nên vắng vẻ. Những nông dân ướt đẫm nước mưa buôn bán một cách lặng lẽ với chủ gian hàng, và mỗi người mong sớm về lại ngôi nhà của mình bên ánh lửa hồng.

Gia đình Tom chen qua đám đông chán nản, làm ngơ trước lời chào hàng của người bán xúc xích và mài dao. Khi họ gần đến phía xa bên kia khu chợ, Tom thấy con heo của ông.

Ông quá ngạc nhiên đến nỗi lúc đầu ông không tin vào mắt mình. Sau đó Agnes rít lên: "Tom, hãy nhìn kia!" và ông biết bà cũng đã thấy nó.

Không còn nghi ngờ gì. Ông biết rõ con heo, như ông biết rõ Alfred và Martha. Con heo được giữ chặt bởi một người đàn ông có nước da hồng hào, có kích thước của một người ăn nhiều thịt và còn hơn nữa: chắc ông là người bán thịt. Cả Tom và Agnes đứng nhìn chăm chăm vào ông ta, và bởi vì họ ngăn trở đường đi nên ông ấy chú ý đến họ.

"Tốt chứ?" ông ấy nói, bối rối vì ánh mắt của họ và ông nóng lòng muốn đi.

Chính Martha là người phá sự yên lặng. "Đó là con heo của chúng tôi!" cô hào hứng nói.

"Đúng vậy," Tom nói và bình thản nhìn vào người bán thịt.

Qua cái nhìn lén, Tom nhận ra rằng ông ấy biết con heo này là con heo ăn cắp. Nhưng ông ta nói: "Tôi vừa mua nó năm mươi xu, và đó là con heo

của tôi."

"Dù ông mua của bất cứ ai, con heo này không phải là của người ấy và họ không có quyền bán. Không ngạc nhiên gì khi ông mua nó quá rẻ. Ông đã mua nó của ai?"

"Của một nông dân."

"Một người mà ông biết?"

"Không. Hãy nghe đây, tôi là người bán thịt cho các đơn vị đồn trú. Tôi không thể đòi hỏi những người đến bán cho tôi một con heo hoặc một con bò là họ phải tìm được mười hai người làm chứng và thề rằng con vật này là của họ."

Người đàn ông bước sang bên và muốn bỏ đi, nhưng Tom đã túm lấy tay ông và ngăn ông lại. Ông ấy giận dữ, nhưng sau đó ông ấy nhận ra rằng nếu ông ấy tham dự vào một cuộc ẩu đả, ông ấy sẽ phải buông con heo ra, và nếu một người trong gia đình Tom bắt được, khi đó cán cân sẽ thay đổi và chính người bán thịt phải chứng minh quyền sở hữu của ông. Vì thế, ông ấy hạ mình và nói: "Nếu ông muốn buộc tội tôi, ông hãy đi trình cảnh sát."

Tom cân nhắc điều đó nhanh chóng và bác bỏ nó. Ông không có bằng chứng. Thay vào đó, ông hỏi: "Người bán con heo cho ông trông như thế nào?"

Người bán thịt nhìn một cách quý quyết và nói: "Giống như mọi người khác."

"Ông ta có che miệng không?"

"Bây giờ tôi mới để ý, ông ta có che miệng."

"Hắn là một tội phạm và hắn che giấu một vết cắt," Tom nói một cách chua chát. "Tôi cho rằng ông đã không chú ý đến điều đó."

"Ai cũng ướt đầm nước mưa!" Người bán thịt biện hộ. "Mọi người đều bị ướt mặt."

"Hãy nói cho tôi biết, hắn đã đi được bao lâu rồi?"

"Vừa xong."

"Hắn đi đâu?"

"Tới tiệm bia, tôi đoán như vậy."

"Để tiêu hết số tiền của tôi," Tom nói một cách kinh tởm. "Đi đi, đi cho khuất mắt. Một ngày nào đó chính ông cũng sẽ bị ăn cắp, và ông sẽ ước muốn rằng không có nhiều người vì tham lam mà trước khi mua không hỏi xem nó xuất xứ từ đâu."

Người bán thịt nhìn giận dữ, và ngập ngừng như muốn đáp trả, nhưng sau đó ông nghĩ lại và ra đi.

Agnes hỏi: "Sao anh lại để cho hăn đi?"

"Bởi vì ông ấy được nhiều người ở đây biết đến, còn anh thì không," Tom nói. "Nếu anh đánh ông ấy, anh sẽ bị đổ tội. Và bởi vì tên anh không được viết trên móng con heo, nên không ai có thể nói nó là của anh hay không."

"Nhưng đó là tất cả những gì chúng ta tiết kiệm được."

"Chúng ta có thể lấy lại tiền bán heo, dĩ nhiên," Tom nói. "Hãy im đi để anh suy nghĩ." Cuộc cãi vã với người bán thịt đã làm cho ông bức bối, vì thế ông đã nói một cách cay nghiệt với Agnes. "Ở một nơi nào đó trong thành phố có một người không có môi và có năm mươi xu trong túi. Tất cả những gì chúng ta cần làm là tìm ra hăn và lấy lại tiền từ hăn."

"Đúng," Agnes nói một cách quyết liệt.

"Em đi ngược lại con đường chúng ta đã đi. Đi đến gần nhà thờ. Anh sẽ đi tiếp tục và đến nhà thờ bằng hướng khác. Rồi chúng ta trở lại bằng con đường kế tiếp, và cứ tiếp tục như thế. Nếu hăn không có trên đường, hăn phải ở trong một quán bia nào đó. Nếu em gặp hăn, em hãy ở lại và nói Martha đi tìm anh. Anh mang Alfred theo. Đừng để cho tên tội phạm thấy em."

"Đừng lo," Agnes nói dứt khoát. "Em cần tiền đó để nuôi con."

Tom sờ vào tay bà và mỉm cười. "Em là một con sư tử, Agnes à."

Bà nhìn vào mắt ông một lúc, rồi bất thành linh bà đứng trên đầu ngón chân và hôn lên môi ông, một nụ hôn ngắn nhưng mãnh liệt. Sau đó bà quay lại, cùng với Martha đi ngược lại khu chợ. Tom nhìn cho đến khi bà khuất khỏi tầm mắt, ông cảm thấy lo âu cho bà, mặc dù biết bà rất can đảm; rồi ông cùng với Alfred đi về hướng ngược lại.

Kẻ trộm có vẻ như cảm thấy an toàn. Khi hắn ăn trộm con heo, Tom đang đi theo hướng Manchester, nên hắn đã đi hướng ngược lại để bán con heo ở Salisbury. Vì người phụ nữ sống ngoài vòng pháp luật, Ellen, nói với Tom rằng một ngôi nhà thờ đang được sửa sang ở Salisbury, nên ông đã thay đổi dự định và vô tình bắt kịp kẻ trộm ở đây. Tuy nhiên, kẻ trộm nghĩ hắn sẽ chẳng gặp Tom nữa, và điều này cho Tom một cơ hội để bắt hắn bất ngờ.

Tom đi chậm dọc theo con đường lầy lội, liếc vào các cửa mở như tình cờ. Ông không muốn bị để ý, bởi vì sự tìm kiếm này có thể kết thúc bằng bạo lực và ông không muốn mọi người nhớ đến một người thợ xây cao lớn đang dò xét thị trấn. Hầu hết ngôi nhà là những túp lều bình thường bằng gỗ, vách đất và mái lá, có rơm trên nền nhà, một lò sưởi ở giữa và một vài đồ nội thất tự chế. Một thùng rượu và vài chiếc ghế băng tạo nên một quán bia; một chiếc giường ở góc với một tấm màn che mang dấu hiệu có gái điếm; một đám đông ồn ào quanh một chiếc bàn là biểu hiện của trò chơi đỏ đen.

Một người đàn bà sơn môi đỏ vạch ngực của bà trước mặt ông, ông lắc đầu và vội vàng đi qua. Ông đã bị cám dỗ một cách thầm kín bởi ý tưởng muốn làm chuyện đó với một người đàn bà hoàn toàn xa lạ, trong ánh sáng ban ngày, và trả tiền cho họ, nhưng trong suốt cuộc đời ông chưa bao giờ thử nó.

Ông nghĩ đến Ellen, người đàn bà sống bên ngoài pháp luật. Cô có một cái gì đó hấp dẫn. Cô có sức quyến rũ mạnh mẽ, nhưng đôi mắt sâu thẳm của cô đáng sợ. Lời mời của cô gái điếm làm Tom cảm thấy bất mãn một lúc, nhưng sự thu hút của Ellen đã chẳng hao mòn đi, và thành linh ông có một ước muốn ngu dốt là chạy trở lại vào rừng tìm cô và rơi vào lòng cô.

Ông đến gần nhà thờ mà không thấy kẻ trộm. Ông nhìn người thợ làm ống nước đang đóng đinh tấm chì trên mái nhà gỗ phía trên gian giữa nhà thờ. Họ chưa bắt đầu lợp mái nhà hai gian bên cạnh, nên vẫn có thể nhìn thấy nửa vòng cung hỗ trợ, nối kết thành ngoài của gian bên cạnh với tường chính của gian giữa, nâng đỡ đỉnh nhà thờ. Ông chỉ cho Alfred. "Không có sự hỗ trợ này, bức tường chính sẽ cong và oằn ra, vì trọng lượng của các

vòm đá bên trong," ông cắt nghĩa. "Hãy nhìn xem nửa vòng cung thẳng hàng với các trụ trong bức tường của gian bên. Chúng cũng thẳng hàng với các trụ cột của mái vòm trong gian giữa. Và các cửa sổ của hai gian bên cạnh thẳng hàng với mái vòm của gian giữa. Đường mạnh với đường mạnh và đường yếu với yếu." Alfred nhìn bối rối và bực bội. Tom thở dài.

"Tom nhìn thấy Agnes đi lại từ phía đối diện, và đầu óc ông trở về với vấn đề trước mắt. Mũ che phủ mặt của bà, nhưng ông nhận ra cằm bà chìa ra phía trước, bước chân vững vàng. Người công nhân vai rộng bước sang một bên, nhường chỗ cho bà đi qua. Nếu bà có một cuộc chiến với kẻ trộm, ông nghĩ một cách chắc chắn, nó sẽ là một cuộc chiến cân bằng.

"Anh có thấy hẵn không?" bà hỏi.

"Không, và một cách hiển nhiên là em cũng không." Tom hy vọng kẻ trộm chưa ra khỏi thị trấn. Chắc chắn hẵn sẽ chưa đi khi hẵn chưa tiêu đồng xu nào. Tiền không thể dùng trong rừng.

Agnes cũng nghĩ như vậy. "Hẳn ở một chỗ nào đó quanh đây. Hãy tiếp tục tìm kiếm."

"Chúng ta đi ngược lại bằng hai con đường khác nhau và gặp nhau ở khu chợ."

Tom và Alfred đi lại bước đường qua công trường xây dựng và ra khỏi cửa thành. Mưa thấm qua áo khoác của họ, và Tom vụng trộm nghĩ đến ly bia và một bát canh thịt bò bên cạnh bếp lửa của một quán bia. Rồi ông nghĩ đến ông đã phải vất vả thế nào để mua được con heo, và hồi tưởng lại người đàn ông không môi đã đập thanh gỗ không thương tiếc vào đầu Martha như thế nào, và sự tức giận làm ông nóng người.

Không dễ gì mà có thể tìm kiếm một cách hệ thống, vì các đường xá không trật tự. Họ lang thang đây đó, theo các dãy nhà, và có nhiều khúc quanh gấp cũng như những ngõ cụt. Chỉ có một con đường thẳng dẫn từ cổng phía đông đến chiếc cầu của lâu đài. Lần trước ông đã đi bên cạnh thành lũy của lâu đài. Lần này ông tìm kiếm ở vùng ngoại ô, đi luôn lách tới tường thành và trở lại vào trong. Đây là khu dân cư nghèo, với các căn nhà xiêu vẹo, những quán bia ồn ào và khu điếm lâu đời nhất. Từ trung tâm đổ dốc xuống vùng biên của thành phố, vì thế rác rưởi của khu phố nhà

giàu trôi xuống các đường phố và đọng lại bên thành lũy. Một cái gì đó cũng tương tự đối với con người, vì khu này tập trung nhiều hơn những người tàn tật và ăn xin, trẻ em và phụ nữ nghèo đói và người say rượu.

Nhưng người đàn ông không môi vẫn biệt tăm.

Hai lần Tom phát hiện ra một người có hình dáng và kích thước giống hẵn, ông đã cố nhìn kỹ hơn nhưng chỉ thấy khuôn mặt xa lạ.

Ông chấm dứt cuộc tìm kiếm ở khu chợ, và nơi đó Agnes đang sốt ruột chờ ông, bà căng thẳng và đôi mắt bà rạng rỡ. "Em đã tìm thấy hẵn!" bà rít lên.

Tom cảm thấy hồi hộp và lo âu. "Ở đâu?"

"Hẳn vào trong một tiệm ăn ở cổng phía đông."

"Hãy đưa anh đến đó."

Họ đi vòng quanh tòa lâu đài đến chiếc cầu, đi xuống con đường thẳng đến cổng phía đông, rồi quẹo vào trong một mê lộ của những con hẻm dưới những bức tường. Một lúc sau Tom nhìn thấy tiệm ăn. Nó không là một căn nhà mà chỉ là một mái dốc trên bốn cây cột dựa lên tường thành; một ngọn lửa khổng lồ ở phía sau đang quay một con cừu trên một cái xiên, bên cạnh đó là một cái vạc đang sôi. Trời vào khoảng giữa trưa, và nơi nhỏ bé đó đầy người, hầu hết là đàn ông. Mùi thơm của thịt làm bao tử Tom cồn cào. Ông đưa mắt lục soát đám đông, sợ rằng kẻ trộm đã biến mất trong thời gian ông đi đến đây. Ông phát hiện ra hẵn ngay lập tức, ngồi trên chiếc ghế xa đám đông, ăn một bát hầm bằng một chiếc muỗng, cầm chiếc khăn trước mặt để che miệng.

Tom quay ngay lại để hẵn không thể nhìn thấy ông. Bây giờ ông phải quyết định xử lý hẵn như thế nào. Ông đủ giận để đánh kẻ trộm ngã xuống và lấy ví tiền của hẵn. Nhưng đám đông sẽ không để ông đi. Ông sẽ phải biện minh, không những với đám đông mà còn với cảnh sát. Tom có quyền và rõ ràng ông là một người đứng đắn và là một thợ xây; trong khi kẻ trộm là một người sống ngoài vòng pháp luật, nghĩa là hẵn không có ai xác minh cho sự trung thực của hẵn. Nhưng sự xác minh cho tất cả các việc đó sẽ mất thời gian, có thể hàng tuần nếu cảnh sát phải công tác xa ở vùng quê nào

đó; và nếu một cuộc ẩu đả xảy ra có thể sẽ bị buộc tội vì phá vỡ sự hòa bình của nhà vua.

Không. Tốt hơn nên giải quyết tên trộm một cách riêng rẽ.

Hắn không thể ở lại đêm trong thị trấn, vì hắn không có nhà ở đây, và hắn không thể tìm được chỗ tạm trú khi hắn không chứng minh được hắn là một người đứng đắn. Vì thế hắn phải ra đi trước khi các cổng thành đóng khi đêm xuống.

Và chỉ có hai cổng.

"Có lẽ hắn sẽ trở ra bằng con đường hắn đến." Tom nói với Agnes. "Anh sẽ đợi bên ngoài cổng phía đông. Hãy để Alfred canh chừng cửa phía tây. Em ở lại trong thị trấn xem kẻ trộm làm gì. Giữ Martha bên cạnh em, nhưng đừng cho hắn thấy. Nếu em muốn gửi một thông điệp cho anh hoặc Alfred, hãy nhờ Martha."

"Vâng," Agnes nói ngắn gọn.

Alfred nói: "Con nên làm gì nếu hắn đi ra phía con?" Cậu có vẻ hí hửng.

"Không làm gì cả," Tom nói chắc nịch. "Quan sát xem hắn đi theo con đường nào, rồi đợi. Martha sẽ đón bố, và chúng ta sẽ cùng nhau đuổi theo hắn." Alfred nhìn thất vọng, và Tom nói: "Con hãy làm như bố nói. Bố không muốn mất con như mất con heo."

Alfred gật đầu miễn cưỡng.

"Chúng ta lên đường, trước khi hắn nhận ra chúng ta tụ tập lại và âm mưu với nhau. Hãy đi."

Tom rời họ ngay, không quay mặt lại. Ông có thể tin Agnes sẽ thực hiện theo kế hoạch. Ông vội vã đến cửa phía đông và rời thị trấn, qua cây cầu gỗ ọp ẹp mà ông đã đẩy chiếc xe bò qua sáng hôm nay. Thẳng trước mặt ông là con đường đến Winchester, về hướng đông, con đường thẳng tắp, giống như một tấm thảm dài trải qua các ngọn đồi và thung lũng. Về phía trái, con đường mà Tom – có lẽ kẻ trộm cũng vậy – đã đến Salisbury, con đường Roma, uốn quanh trên một ngọn đồi rồi biến mất. Kẻ trộm chắc chắn sẽ đi con đường này.

Tom đi xuống đồi, xuyên qua các cụm nhà ở ngã tư, rồi quẹo vào đường Roma. Ông cần phải ẩn trốn. Ông bước đi theo con đường, tìm kiếm chỗ

thích hợp. Ông đi hai trăm dặm mà không tìm được chỗ nào ẩn trốn. Nhìn lại, ông nhận ra là đã đi quá xa: ông không còn nhận ra khuôn mặt của những người ở ngã tư đường, vì thế ông không thể biết người đàn ông không môi có đi theo con đường đến Winchester không. Ông quan sát phong cảnh lần nữa. Con đường có mương hai bên, có thể là chỗ ẩn trốn trong mùa khô, nhưng hôm nay đầy nước. Bên ngoài dãy mương, đất nhô lên như một cái bướu. Trong cánh đồng phía nam của con đường, một vài con bò đang gặm cỏ. Tom chú ý đến một con bò nằm ở bên cạnh mô đất cao của cánh đồng, một phần con bò bị che đậy bởi mô đất. Với một tiếng thở dài, ông quay gót trở lại. Ông nhảy qua mương và đá vào con bò. Nó đứng lên và đi khỏi. Tom nằm xuống chỗ đất ẩm và khô ráo mà con bò để lại. Ông kéo chiếc mũ che mặt và chờ đợi. Ông tiếc rẻ nếu ông biết lo xa, ông đã mua vài miếng bánh trước khi rời thị trấn.

Ông lo lắng pha lẫn chút sợ hãi. Kẻ phạm pháp là một người nhỏ con, nhưng hăng di chuyển nhanh và ác độc như ông đã nhìn thấy khi hăng đánh Martha và ăn cắp con heo. Tom sợ hãi một chút về việc có thể bị thương, nhưng ông lo lắng hơn vì có thể sẽ không lấy lại được tiền.

Ông mong Agnes và Martha được an toàn. Agnes có thể tự lo được cho bà, ông biết như vậy; và ngay cả khi tên trộm phát hiện ra bà, hăng có thể làm được gì bà? Hăng sẽ cảnh giác hơn, thế thôi.

Từ chỗ nằm, Tom có thể nhìn thấy tháp nhà thờ. Ông ước gì đã có thể nhìn được vào phía trong. Ông rất tò mò về cách giải quyết những cột trụ của mái vòm. Những cột trụ này thường rất to, các mái vòm bắt đầu từ đỉnh của nó: hai vòm đi về hướng bắc và nam, nối với các cột trụ bên cạnh trong mái vòm; và một đi về hướng đông hoặc tây, qua gian bên cạnh. Nó trông không đẹp, bởi vì có một cái gì không đúng khi một mái vòm bắt đầu từ đầu một cây trụ tròn. Nếu Tom xây nhà thờ chính tòa, mỗi trụ sẽ là một cụm trụ, và mỗi mái vòm vươn lên từ đầu của mỗi trụ – sự sắp xếp như vậy sẽ hợp lý và đẹp hơn.

Ông bắt đầu tưởng tượng về sự trang trí cho các vòm. Hình thẳng là hình thức thông thường – không mất nhiều kỹ năng để khắc chữ chi và hình thoi

– nhưng Tom ưa thích những chùm lá, chúng đem lại sự nhẹ nhàng của thiên nhiên vào trong nét đều đặn của những phiến đá.

Sự hình dung về ngôi nhà thờ xâm chiếm tâm hồn ông cho đến giữa chiều, khi ông nhìn thấy hình dáng nhỏ bé và mái tóc bạch kim của Martha chạy qua cây cầu và xuyên qua dãy nhà. Cô do dự giữa ngã tư, rồi theo con đường phía phải. Tom nhìn cô đang tiến về phía ông. Cô nhúu mày phân vân không biết ông ở đâu. Khi cô đến vừa tầm, ông gọi nhẹ nhàng: "Martha".

Khi thấy ông, cô kêu lên một tiếng nhỏ. Cô chạy lại, nhẩy qua mương. "Mẹ gửi cho bố cái này," cô nói, và lấy ra một vật quăn trong áo khoác.

Nó là một miếng thịt nóng. "Trời ơi! Mẹ con là một phụ nữ chu đáo," Tom nói, và cắn một miếng lớn. Nó được làm với thịt bò và hành tây, và nó ngon tuyệt.

Martha ngồi xồm bên cạnh Tom trên cỏ. "Chuyện của người ăn trộm heo của chúng ta xảy ra như thế này," cô nói. Cô tập trung để nhớ lại những gì cô được dặn để nói. Cô quá dễ thương đến nỗi làm Tom nín thở. "Ông ấy ra khỏi tiệm ăn và gặp một phụ nữ với khuôn mặt son phấn, rồi vào nhà bà ta. Chúng con đợi bên ngoài."

Trong khi đó kẻ tội phạm tiêu tiền của chúng ta cho một gái điếm, Tom nghĩ một cách chua chát. "Hãy kể tiếp đi con."

"Ông ấy không ở lâu trong nhà bà đó, và khi ông đi ra, ông đến một quán bia. Bây giờ ông đang ở đó. Ông không uống nhiều nhưng ông chơi cờ bạc."

"Bố mong hăn thắng," Tom nói gần giọng. "Có vậy thôi sao?"

"Đó là tất cả."

"Con có đói không?"

"Con có một miếng bánh nhỏ."

"Con đã kể cho Alfred tất cả điều đó chứ?"

"Chưa, bây giờ con sẽ đi đến anh ấy."

"Nói với anh ấy, cố gắng giữ mình cho khô ráo."

"Cố gắng giữ mình khô ráo," cô lặp lại. "Con phải nói điều đó trước hay sau khi kể câu chuyện về người đàn ông đã ăn cắp con heo của chúng ta?"

Dĩ nhiên điều đó không quan trọng lắm. "Sau đó," Tom nói. Ông mỉm cười với cô. "Con là một bé gái thông minh. Con đi đi."

"Con thích trò chơi này," cô nói. Cô vẫy tay và ra đi, đôi chân trẻ thơ thoăn thoắt nhảy qua mương và chạy ngược lại hướng thị trấn. Tom quan sát cô với tình thương và sự tức giận trong lòng. Ông và Agnes đã làm việc cực khổ để kiếm tiền nuôi sống con cái, và ông sẵn sàng giết người để lấy lại cái mà họ đã bị ăn cắp.

Có lẽ kẻ tội phạm cũng sẵn sàng giết người nữa. Kẻ tội phạm sống bên ngoài vòng pháp luật, như tên gọi đã ngụ ý: họ sống trong bạo lực. Đây có lẽ không phải là lần đầu mà Faramond Openmouth chống lại nạn nhân của hắn. Hắn là người nguy hiểm.

Một điều đáng ngạc nhiên là ánh sáng mặt trời bắt đầu yếu dần rất sớm, như một đôi khi xảy ra vào buổi chiều mùa thu ẩm ướt. Tom lo lắng không biết có còn nhận ra được kẻ trộm trong mưa nữa không. Khi gần tối, sự đi lại thưa dần, vì hầu hết du khách đã ra về đúng lúc để kịp về nhà khi đêm xuống. Ánh sáng của nến và đèn lồng bắt đầu chập chờn trong những căn nhà cao của thị trấn và trong các túp lều vùng ngoại ô. Tom bi quan tự hỏi không biết kẻ trộm có ở lại trong thị trấn suốt đêm không. Có lẽ hắn có bạn bè không lương thiện trong thị trấn, những người cho hắn lưu trú mặc dù biết hắn là tên tội phạm. Có lẽ -

Rồi, Tom nhìn thấy một người che khăn trên miệng.

Hắn đi qua chiếc cầu bằng gỗ, đi gần hai người đàn ông khác. Đối với Tom, đó là điều bất ngờ vì hai người đồng lõa của tên trộm, tên đầu hói và tên đội mũ xanh, cả hai có thể đã cùng đi với hắn đến Salisbury. Tom đã không thấy họ trong thị trấn, nhưng có thể ba người đã chia tay nhau một lúc rồi lại tập trung lại để cùng về. Tom nguyên rủa: Ông không nghĩ ông có thể chống lại ba tên. Nhưng khi đến gần, nhóm người tách ra, và Tom nhẹ nhõm nhận ra rằng họ không đi chung với nhau.

Hai người đầu tiên là ông bố và người con trai, hai nông dân có đôi mắt đen gần nhau và lỗ mũi hếch. Họ đi theo con đường Roma và người đàn ông che khăn theo sau.

Ông nghiên cứu dáng đi của tên trộm khi hắn đến gần. Hắn đã hết say. Thật đáng tiếc!

Nhìn về phía thị trấn, ông thấy một đàn bà và một em bé vội vã qua cầu: Agnes và Martha. Ông bị sốc. Ông không dự kiến họ có mặt khi ông đối đầu với tên trộm. Tuy nhiên ông nhận ra rằng ông đã không ra lệnh cho họ.

Ông căng thẳng khi tất cả đi về phía ông. Tom to lớn nên hầu hết bỏ cuộc khi phải đối đầu với ông; nhưng kẻ tội phạm này là người liều lĩnh và không thể nói điều gì sẽ xảy ra trong cuộc chiến.

Hai người nông dân đi qua, vui vẻ kể về ngựa. Tom lấy búa có bọc sắt ở đầu từ thắt lưng và cầm nó trong tay phải. Ông ghét những tên trộm cướp, những người không làm việc nhưng ăn cắp đồ ăn của người lương thiện. Ông sẽ không ngần ngại cho người này một cái búa.

Kẻ trộm dường như đi chậm lại khi hắn đến gần, hầu như hắn cảm thấy sự nguy hiểm. Tom đợi cho đến khi hắn chỉ còn cách bốn hay năm dặm – quá gần để chạy ngược lại, và quá xa để chạy đi. Rồi Tom lăn mình qua bờ, nhảy qua mương và chặn đường hắn.

Người đàn ông chết đứng, nhìn chăm chăm vào ông. "Cái gì vậy?" hắn hỏi một cách lo lắng.

Hắn không nhận ra tôi, Tom nghĩ. Ông nói: "Ông ăn cắp con heo của tôi hôm qua và bán cho người bán thịt hôm nay."

"Tôi không bao giờ -"

"Đừng chối." Tom nói. "Hãy đưa cho tôi số tiền mà ông đã bán được, và tôi sẽ không đánh ông."

Lúc đầu ông tưởng kẻ trộm sẽ nghe lời. Ông cảm thấy thất vọng, khi hắn do dự. Sau đó, tên trộm quay gót và chạy thẳng về phía Agnes.

Hắn không đủ nhanh để chạy qua bà và trong một lúc cả hai người lão đảo từ bên này đường qua bên kia đường giống như trong một điệu nhảy vụng về. Rồi hắn nhận ra rằng bà đã cố tình chặn đường hắn, và hắn đẩy bà sang bên. Bà giơ chân ngáng hắn. Chân bà trúng đầu gối hắn và cả hai ngã xuống.

Trái tim Tom hỗn hển, khi ông lao nhanh đến bên bà. Kẻ trộm quỳ lên được, đặt một đầu gối trên lưng bà. Tom nắm lấy cổ áo hắn và kéo mạnh

hắn ra. Ông lôi hắn tới lề đường trước khi hắn có thể lấy lại thăng bằng, rồi ném hắn xuống mương.

Agnes đứng dậy. Martha chạy đến bên bà. Tom nói nhanh: "Em không sao chứ?"

"Vâng," Agnes trả lời.

Hai người nông dân dừng lại quan sát, và họ chăm chú nhìn vào cảnh tượng. Kẻ trộm chống gối trong mương. "Hắn là một tên tội phạm," Agnes nói với họ để mong họ can thiệp. "Hắn ăn cắp con heo của chúng tôi." Người nông dân không trả lời, nhưng chờ đợi xem sự gì sẽ xảy ra.

Tom nói với tên trộm một lần nữa. "Hãy trả tiền lại cho tôi và tôi sẽ để ông đi."

Tên trộm ra khỏi mương với một con dao trong tay, lao vào Tom nhanh như chuột. Agnes hét lên. Tom né tránh. Con dao thoáng qua mặt ông và ông cảm thấy đau nơi cắn.

Ông lùi lại và dơ búa lên khi con dao lướt qua một lần nữa. Tên trộm lùi lại. Lưỡi dao và chiếc búa vun vút trong không khí của buổi tối ẩm ướt mà không đụng nhau.

Ngay lập tức cả hai đứng lặng yên, đối diện nhau, thở hổn hển. Cầm của Tom đau. Ông nhận ra rằng hai người bằng sức nhau, mặc dù Tom lớn hơn, nhưng tên trộm có một con dao, và dao nguy hiểm hơn chiếc búa của thợ xây. Ông cảm thấy ớn lạnh khi ông nhận ra rằng ông có thể sắp chết. Bất thành linh ông cảm thấy như không thở được.

Từ khóe mắt ông nhìn thấy một chuyển động đột ngột. Tên trộm cũng nhận ra, phóng một cái nhìn về phía Agnes và cúi đầu xuống khi viên đá từ tay bà bay vào hắn.

Tom phản ứng nhanh, vung búa vào đầu tên trộm.

Nó trúng vào đúng lúc hắn ngẩng đầu lên. Búa sắt đập vào trán phía chân tóc. Đó là một cú đánh vội vã, không mang tất cả sức mạnh của Tom. Tên trộm loạng choạng nhưng không ngã.

Tom đánh hắn một cái nữa.

Đòn này nặng hơn: Ông có nhiều giờ để giơ búa lên cao khỏi đầu và nhắm nó vừa lúc tên trộm choáng váng. Tom nghĩ về Martha khi ông giáng

búa xuống. Nó trúng với tất cả sức lực của ông, và tên trộm gục xuống đất giống như con búp bê rơi.

Tom quỳ xuống bên tên trộm, xem xét hắn. "Vớ tiền hắn ở đâu? Vớ tiền hắn ở đâu?" Rất khó lay chuyển thân thể mềm rũ của hắn. Sau hết, Tom đặt hắn nằm ngửa và mở chiếc áo choàng của hắn. Có một bóp bằng da lớn đeo vào dây thắt lưng. Tom tháo chiếc móc. Bên trong là một túi len mềm mại. Ông kéo nó ra. Nó nhẹ. "Không có gì!" Tom nói. "Hắn phải có chiếc ví khác nữa."

Ông kéo chiếc áo choàng từ phía dưới người đàn ông và cẩn thận xem xét khắp nơi. Không còn chiếc túi nào, không có phần cứng nào. Ông tháo chiếc giày ra: không có gì bên trong. Ông lấy con dao ăn từ thắt lưng và cắt đứt giày: không có gì.

Sốt ruột, ông trượt con dao bên trong cổ áo len của tên trộm và rạch tới viền: không có thắt lưng dẫu tiền.

Tên trộm nằm giữa con đường lầy lội, trần truồng. Hai người nông dân nhìn chăm chăm vào Tom tưởng như ông bị điên. Giận dữ, Tom nói với Agnes: "Hắn không còn đồng xu nào."

"Có lẽ ông ấy đã thua cờ bạc hết," bà cay đắng nói.

"Anh mong hắn bị đốt trong lửa hỏa ngục," Tom nói.

Agnes quỳ xuống và sờ vào ngực hắn. "Đó là nơi ông ta đang ở," bà nói. "Anh đã giết hắn."

Cất giọng to hơn tiếng ồn ào, Martha hỏi: "Mùi gì hôi thối?"

Tom mỉm cười. Một vài năm nay cô không ở trong thị trấn. "Đó là mùi của con người," ông nói với cô.

Đường phố chỉ rộng hơn chiếc xe bò một chút, nhưng người phu xe không để con thú của mình dừng lại, sợ rằng chúng không bắt đầu lại được; vì thế ông đánh cho chúng vượt qua mọi trở ngại. Hai con thú âm thầm chen qua đám đông, không phân biệt một ai, chúng xô đẩy một hiệp sĩ trên lưng con ngựa chiến, một cán bộ kiểm lâm với cây cung, một tu sĩ mập trên lưng con ngựa nhỏ, cũng như xô đẩy các binh lính, người ăn mày, bà nội trợ và gái điếm.

Chiếc xe bò đi sau một người chăn cừu già. Ông đang cố gắng giữ đàn cừu nhỏ của ông đi chung với nhau. Hôm nay là ngày chợ, Tom nhận ra. Khi xe bò đi ngang qua, một con cừu lao vào qua cánh cửa mở rộng của một quán bia, và trong một khoảnh khắc toàn bộ đàn cừu đã ở trong nhà, kêu be be, làm hoảng loạn và xô đẩy bàn ghế, làm đổ cả thùng bia.

Mặt đất dưới chân là một biển bùn và rác. Tom để ý đến trường hợp nước mưa rơi trên mái nhà, và chiều rộng cần thiết của chiếc rãnh cho nước mưa trôi đi; và ông cũng nhận thấy tất cả nước mưa rơi trên mái của nửa thị trấn chảy qua con đường này. Trong một cơn bão xấu, ông nghĩ, có lẽ bạn cần một chiếc thuyền để qua đường.

Khi họ đến lâu đài trên đỉnh đồi, đường phố rộng rãi hơn. Ở đây có những căn nhà đá, một hoặc hai căn cần phải sửa chữa lại. Chúng thuộc sở hữu của thợ thủ công và thương gia, những người có cửa hàng và tiệm ở tầng dưới và sống ở tầng trên. Với đôi mắt thực tế, Tom nhìn vào những đồ bày bán và có thể nói rằng đây là một thị trấn thịnh vượng. Tất cả mọi người cần phải có dao và nôi, nhưng chỉ người giàu có mới mua khăn choàng thêu, dây thắt lưng được trang trí và vòng bạc.

Ở phía trước lâu đài, người phu xe cho các con bò quẹo phải, Tom và gia đình đi theo sau. Con đường dẫn quanh một phần tư vòng tròn, dọc theo chân thành lũy lâu đài. Đi qua một cửa khác, họ rời bỏ sự náo nhiệt của thị trấn nhanh như khi họ đi vào, và họ bước vào một vùng xoáy khác: sự bận rộn nhưng có trật tự của một công trường xây dựng lớn.

Họ ở phía trong khu đất có tường bao quanh của nhà thờ chính tòa, ngôi nhà thờ chiếm toàn bộ khu tây bắc của thị trấn hình tròn. Tom đứng một lúc lâu để cảm nhận nó. Chỉ cần nhìn, nghe và ngửi nó cũng đã tạo cho ông một sự rộn ràng giống như một ngày nắng ấm. Khi xe chở đá đến, hai xe trống khác đi ra. Trong mái che của nhà kho dọc theo tường nhà thờ có thể nhìn thấy những thợ xây đang đeo các khối đá bằng đục sắt và búa lớn bằng gỗ để tạo nên các hình dạng có thể được ghép vào với nhau, làm nên chân cột, hàng cột, trụ tường, vòm, cửa sổ, ngưỡng cửa, tháp nhọn và lan can. Ở giữa khu đất, tách rời khỏi các công trình xây dựng khác, ngọn lửa đang cháy có thể nhìn thấy được xuyên qua các khung cửa mở; người thợ rèn

đang làm những công cụ mới và tiếng kêu của búa đập trên đe vang dội khắp khu vực. Đối với nhiều người, đó là một cảnh hỗn loạn, nhưng Tom nhìn thấy đây là một cơ chế lớn và phức tạp mà ông muốn điều hành. Ông biết mỗi người đang làm gì và ông có thể nhìn thấy ngay công việc đã tiến triển tới đâu: Họ đang xây mặt tiền phía đông.

Giàn giáo ngang qua phía cuối hướng đông, ở độ cao hai mươi lăm hay ba mươi mét, đang hoạt động. Các thợ xây ở cổng vòm đang chờ cho cơn mưa nhẹ dần, nhưng những nhân công vẫn vác đá trên vai chạy lên chạy xuống trên thang. Cao hơn, trên khung mái, thợ ống nước trông giống như những con nhện leo trên mạng bằng gỗ, đóng đinh các phen sắt và lắp đặt các ống dẫn nước và máng xối.

Tom nhận ra rằng việc xây dựng sắp hoàn tất. Nếu ông được thuê làm việc ở đây, công việc sẽ không kéo dài hơn vài năm nữa – không đủ thời gian để ông có thể lên đến vị trí một thợ cả, chưa nói gì đến thợ xây dựng chính. Tuy nhiên, nếu được nhận vào làm, ông sẽ nhận lời, bởi vì mùa đông đang đến. Nếu còn con heo, ông và gia đình có thể sống qua mùa đông không việc làm, nhưng bây giờ không còn con heo, Tom phải tìm việc.

Họ đi theo chiếc xe bò ngang qua công trường đến nơi các tảng đá được xếp đồng. Với thái độ biết ơn, con bò cúi đầu vào máng nước. Người phu xe hỏi lớn một thợ xây đi ngang qua: "Thợ xây dựng chính ở đâu?"

"Trong lâu đài," thợ xây trả lời.

Người phu xe gật đầu và quay lại phía Tom. "Ông sẽ tìm thấy ông ấy trong lâu đài của giám mục, tôi mong điều đó."

"Cảm ơn!"

"Tôi cũng cảm ơn ông."

Tom rời công trường, Agnes và các con cũng đi theo. Họ trở lại con đường chen chúc, chật chội đến trước lâu đài. Đây có một hào khô khác và một thành lũy thứ hai bằng đất bao quanh trung tâm đồn lũy. Họ đi qua cây cầu kéo. Trong một chòi canh bên cạnh cổng ra vào, một ông mập mặc áo dài bằng da ngồi trên ghế, nhìn ra trời mưa bên ngoài. Ông mang một thanh kiếm. Tom nói với ông. "Chào ông, Tôi là thợ xây Tom. Tôi muốn gặp thợ xây dựng chính John thành Shaftesbury."

"Ở chỗ giám mục," viên bảo vệ đáp hờ hững.

Họ đi vào bên trong. Giống như các lâu đài khác, đây là một tổng hợp của nhiều tòa nhà linh tinh trong một bức tường đất. Chiều rộng của sân khoảng chừng một trăm dặm. Đối diện với cổng, ở phía xa, là một pháo đài lớn để trú ẩn khi bị tấn công và cao hơn thành lũy để có thể quan sát xung quanh. Bên trái gồm các tòa nhà thấp lùn xộn, đa số bằng gỗ: một chuồng thú vật dài, một nhà bếp, một lò bánh mì và nhiều nhà kho. Ở giữa sân có một giếng nước. Về phía bên phải, chiếm nguyên phía nửa bắc của toàn bộ công trình là một nhà đá to, dễ nhận ra đó là một cung điện. Nó được xây dựng giống như kiểu của ngôi nhà thờ mới, với cửa lớn và cửa sổ có đầu tròn.

Ngôi nhà có hai tầng và còn mới. Trong một góc, thợ xây vẫn đang làm việc, dường như đang xây một cây tháp. Mặc dù trời mưa, có rất nhiều người ở trong sân, đến rồi đi, hay đội mưa đi vội vã từ tòa nhà này sang tòa nhà khác: kỵ binh, linh mục, thương gia, thợ xây dựng và nhân viên phục vụ lâu đài.

Tom có thể nhìn thấy lâu đài có nhiều cửa ra vào, tất cả đều mở, mặc dù trời mưa. Ông không biết chắc phải làm gì bây giờ. Nếu thợ xây dựng chính là giám mục, có lẽ ông không nên quấy rầy ngài. Về khía cạnh khác, một giám mục không phải là một ông vua; và Tom là một người tự do và là một thợ xây kinh doanh hợp pháp, không phải là một nông nô với đơn khiếu nại. Ông quyết định liều lĩnh. Để Agnes và Martha ở lại, ông đi với Alfred xuyên qua khu sân lầy lội tới lâu đài và đi qua cánh cửa gần nhất.

Họ đến một nhà nguyện nhỏ có một mái vòm tròn và một cửa sổ ở xa cuối nhà nguyện, bên trên bàn thờ. Gần cửa ra vào, một linh mục ngồi ở bàn cao, viết nhanh trên da. Ông nhìn lên.

Tom nói rất nhanh: "Thợ xây dựng chính John ở đâu?"

"Trong phòng mặc áo lễ," vị linh mục nói, hất đầu về một cánh cửa bên tường đối diện.

Tom không yêu cầu xin gặp thợ xây dựng chính. Ông biết rằng nếu ông làm như thế ông được mời đến thì ông sẽ bớt được thời gian chờ đợi rườm rà. Ông đi qua nhà nguyện nhỏ và bước vào phòng mặc áo lễ.

Đó là một phòng vuông nhỏ được thắp sáng bởi nhiều ngọn nến. Căn phòng hầu như được đổ đầy cát. Cát mịn đã được gạt phẳng hoàn hảo theo quy tắc. Có hai người trong phòng. Hai người liếc nhìn Tom, rồi lại chú ý vào cát. Vị giám mục, một người già với đôi mắt nhăn nheo, đang vẽ trên cát bằng một cây gậy nhọn. Người thợ xây dựng chính, mặc chiếc tạp dề da, quan sát Tom một cách kiên nhẫn và với một cảm xúc nghi ngờ.

Tom chờ đợi trong lo lắng. Ông phải tạo ấn tượng tốt: lịch sự mà không hạ mình, tỏ ra hiểu biết mà không khoe trương. Một thợ xây dựng chính muốn người thuộc hạ của mình vâng lời cũng như khéo léo, Tom biết điều đó từ kinh nghiệm của những năm thuê người.

Giám mục đang phác họa một tòa nhà hai tầng với cửa sổ rộng ở cả ba phía. Ông là một người vẽ dự án giỏi, ông vẽ các đường rất thẳng và các góc chính xác. Ông vẽ một dự án mặt bằng và một dự án trực diện. Nhưng Tom nhận ra ngay là ngôi nhà này sẽ không thể xây được.

Đức giám mục chấm dứt và nói: "Đây."

John quay lại Tom và nói: "Chuyện gì vậy?"

Tom giả vờ như là ông được hỏi ý kiến về bản vẽ. Ông nói: "Ông không thể có những cửa sổ lớn như thế trong nhà có mái vòm."

Đức giám mục nhìn ông giận dữ. "Đó là một phòng viết, không phải tầng có mái vòm."

"Nó cũng sẽ đổ."

John nói: "Ông ta có lý."

"Nhưng họ cần ánh sáng để viết."

John nhún vai và quay lại Tom. "Ông là ai?"

"Tôi tên là Tom và tôi là một thợ xây."

"Tôi cũng đã đoán như thế. Ông đến đây làm gì?"

"Tôi đi tìm việc," Tom nín thở.

John lắc đầu ngay. "Tôi không thể thuê ông."

Trái tim Tom thất vọng. Ông muốn quay gót, nhưng ông chờ đợi một cách lịch sự để biết lý do.

"Chúng tôi đã xây dựng mười năm nay," John tiếp. "Hầu hết các thợ có nhà trong phố. Chúng tôi sắp hoàn tất, và bây giờ tôi có nhiều thợ xây hơn

là tôi thực sự cần đến."

Tom biết không còn hy vọng gì, nhưng ông nói: "Thế thì với lâu đài thì sao?"

"Cũng như vậy," John nói. Đó là nơi tôi sử dụng nhân công dư thừa của tôi. Nếu không phải vì điều này và vì các lâu đài khác của giám mục Roger, tôi đã sa thải các thợ xây lâu rồi."

Ton gật đầu. Bằng một giọng bình thường, cố gắng không để lộ âm thanh thất vọng, ông nói: "Ông có biết về công việc ở các nơi khác không?"

"Một tu viện ở Shaftesbury đang được xây dựng từ đầu năm. Có lẽ họ vẫn đang làm. Nó ở cách đây một ngày đường."

"Cảm ơn." Tom quay đi.

"Tôi rất tiếc," John gọi với theo. "Dường như ông là người tốt."

Tom ra đi, không trả lời lại. Ông cảm thấy chán nản. Ông đã cho phép mình hy vọng quá sớm: không có gì đáng ngạc nhiên khi bị từ chối. Nhưng ông đã bị phấn kích về viễn tượng có thể lại được xây nhà thờ chính tòa. Bây giờ ông phải chấp nhận làm việc trên một bức tường thành đơn điệu, hoặc một ngôi nhà xấu xí của một thợ bạc.

Ông vươn vai và đi ngược lại sân lâu đài, nơi Agnes và Martha đang đợi. Ông không tỏ cho bà biết sự thất vọng của mình. Ông luôn cố gắng tạo ra ấn tượng rằng mọi chuyện đều tốt đẹp, rằng ông đang làm chủ tình hình, và nó không quá quan trọng vì nếu không tìm được việc làm ở đây, chắc chắn cũng sẽ tìm được một công việc trong thị trấn sau hoặc sau nữa. Ông biết nếu ông tỏ ra bất cứ dấu hiệu chán nản nào, Agnes sẽ hối thúc ông tìm một nơi định cư, và ông không muốn điều đó, trừ khi ông tìm được một thị trấn, nơi một nhà thờ chính tòa sẽ được xây dựng.

"Anh không tìm được việc gì ở đây," ông nói với Agnes. "Chúng ta hãy lên đường."

Bà nhìn ông bờ ngờ. "Anh đã nghĩ rằng, một ngôi nhà thờ và một lâu đài đang xây dựng sẽ có chỗ cho một người thợ xây đó sao?"

"Cả hai hầu như sắp hoàn thành," Tom giải thích. "Họ có nhiều công nhân hơn họ cần."

Toàn bộ gia đình vượt qua cây cầu và vào lại con đường đông đúc của thị trấn. Họ đã vào Salisbury qua cửa phía đông, và sẽ ra theo cửa phía tây, bởi vì con đường đó dẫn tới Shaftesbury. Tom rẽ phải, vào con đường dẫn qua một khu phố mà họ đã chẳng nhìn thấy trước đó.

Ông dừng lại trước một căn nhà đá trông như đang cần đến sự sửa chữa. Vừa dùng để xây dựng ngôi nhà này quá xấu, nên bây giờ nó đã hư hại và rơi ra, tuyết giá bám vào trong các lỗ và làm nứt các viên đá. Nếu nó không được sửa chữa trước mùa đông, sự thiệt hại sẽ lớn hơn. Tom quyết định tìm ra người chủ ngôi nhà.

Lối vào tầng trệt là một mái vòng cung rộng. Cánh cửa bằng gỗ mở rộng, và giữa khung cửa là một nghệ nhân đang ngồi với một cái búa trong tay phải và một cái dùi trong tay trái. Ông đang khắc một thiết kế phức tạp trên yên ngựa bằng gỗ. Phía sau ông, Tom có thể nhìn thấy cửa tiệm gỗ và da, và một cậu bé với một cây chổi đang quét vỏ bào.

Tom nói: "Chào ông."

Người thợ làm yên ngựa ngước lên, xem Tom thuộc tầng lớp nào nếu ông ấy cần đến một yên ngựa, và gật đầu cộc lốc.

"Tôi là một thợ xây cả," Tom tiếp tục. "Tôi thấy ông cần đến dịch vụ của tôi."

"Tại sao?"

"Vừa đang rơi ra, những viên đá đang bị nứt rạn và nhà ông chắc không tồn tại sau mùa đông này."

Người thợ đóng yên ngựa lắc đầu. "Thị trấn này có nhiều thợ xây. Tại sao tôi phải thuê một người lạ?"

"Rất tốt." Tom quay đi. "Mong Thiên Chúa ở với ông."

"Tôi cũng hy vọng như thế," thợ làm yên ngựa nói.

"Một đồng nghiệp thô lỗ," Agnes thì thầm khi họ đi ra.

Con đường dẫn họ đến một khu chợ. Ở đây, trong khu bùn lầy này, nông dân từ các vùng nông thôn trao đổi những cái ít ỏi dư thừa của họ như thịt, ngũ cốc, sữa hay trứng, để lấy những thứ họ cần và không tự làm được như chậu, lưỡi cày, dây thừng và muối. Thông thường khu chợ đầy màu sắc và náo nhiệt. Có tiếng mặc cả, cãi nhau và vui đùa. Có bánh kẹo rẻ tiền cho trẻ

em, một đôi khi có nhóm hát rong hay nhào lộn. Nhiều khi người ta gặp những cô gái điếm, những thương binh với những câu chuyện về sa mạc miền đông và nhóm người du mục Saracen. Những người có công việc kinh doanh tốt thường khó kìm hãm được sự cảm dỗ để ăn mừng, để mua bia rượu, vì thế luôn luôn có một bầu khí ồn ào vào giữa trưa. Những người khác mất những đồng xu vào cờ bạc, và điều đó thường dẫn đến việc đánh nhau. Nhưng bây giờ, vào một buổi sáng mưa gió, sau mùa gặt, khi các sản phẩm đã được bán hoặc được cất vào kho, ngôi chợ trở nên vắng vẻ. Những nông dân ướt đẫm nước mưa buôn bán một cách lặng lẽ với chủ gian hàng, và mỗi người mong sớm về lại ngôi nhà của mình bên ánh lửa hồng.

Gia đình Tom chen qua đám đông chán nản, làm ngơ trước lời chào hàng của người bán xúc xích và mài dao. Khi họ gần đến phía xa bên kia khu chợ, Tom thấy con heo của ông.

Ông quá ngạc nhiên đến nỗi lúc đầu ông không tin vào mắt mình. Sau đó Agnes rít lên: "Tom, hãy nhìn kia!" và ông biết bà cũng đã thấy nó.

Không còn nghi ngờ gì. Ông biết rõ con heo, như ông biết rõ Alfred và Martha. Con heo được giữ chặt bởi một người đàn ông có nước da hồng hào, có kích thước của một người ăn nhiều thịt và còn hơn nữa: chắc ông là người bán thịt. Cả Tom và Agnes đứng nhìn chăm chăm vào ông ta, và bởi vì họ ngăn trở đường đi nên ông ấy chú ý đến họ.

"Tốt chứ?" ông ấy nói, bối rối vì ánh mắt của họ và ông nóng lòng muốn đi.

Chính Martha là người phá sự yên lặng. "Đó là con heo của chúng tôi!" cô hào hứng nói.

"Đúng vậy," Tom nói và bình thản nhìn vào người bán thịt.

Qua cái nhìn lén, Tom nhận ra rằng ông ấy biết con heo này là con heo ăn cắp. Nhưng ông ta nói: "Tôi vừa mua nó năm mươi xu, và đó là con heo của tôi."

"Dù ông mua của bất cứ ai, con heo này không phải là của người ấy và họ không có quyền bán. Không ngạc nhiên gì khi ông mua nó quá rẻ. Ông đã mua nó của ai?"

"Của một nông dân."

"Một người mà ông biết?"

"Không. Hãy nghe đây, tôi là người bán thịt cho các đơn vị đồn trú. Tôi không thể đòi hỏi những người đến bán cho tôi một con heo hoặc một con bò là họ phải tìm được mười hai người làm chứng và thề rằng con vật này là của họ."

Người đàn ông bước sang bên và muốn bỏ đi, nhưng Tom đã túm lấy tay ông và ngăn ông lại. Ông ấy giận dữ, nhưng sau đó ông ấy nhận ra rằng nếu ông ấy tham dự vào một cuộc ẩu đả, ông ấy sẽ phải buông con heo ra, và nếu một người trong gia đình Tom bắt được, khi đó cán cân sẽ thay đổi và chính người bán thịt phải chứng minh quyền sở hữu của ông. Vì thế, ông ấy hạ mình và nói: "Nếu ông muốn buộc tội tôi, ông hãy đi trình cảnh sát."

Tom cân nhắc điều đó nhanh chóng và bác bỏ nó. Ông không có bằng chứng. Thay vào đó, ông hỏi: "Người bán con heo cho ông trông như thế nào?"

Người bán thịt nhìn một cách quý quýet và nói: "Giống như mọi người khác."

"Ông ta có che miệng không?"

"Bây giờ tôi mới để ý, ông ta có che miệng."

"Hắn là một tội phạm và hắn che giấu một vết cắt," Tom nói một cách chua chát. "Tôi cho rằng ông đã không chú ý đến điều đó."

"Ai cũng ướt đầm nước mưa!" Người bán thịt biện hộ. "Mọi người đều bị mặt."

"Hãy nói cho tôi biết, hắn đã đi được bao lâu rồi?"

"Vừa xong."

"Hắn đi đâu?"

"Tới tiệm bia, tôi đoán như vậy."

"Để tiêu hết số tiền của tôi," Tom nói một cách kinh tởm. "Đi đi, đi cho khuất mắt. Một ngày nào đó chính ông cũng sẽ bị ăn cắp, và ông sẽ ước muốn rằng không có nhiều người vì tham lam mà trước khi mua không hỏi xem nó xuất xứ từ đâu."

Người bán thịt nhìn giận dữ, và ngập ngừng như muốn đáp trả, nhưng sau đó ông nghĩ lại và ra đi.

Agnes hỏi: "Sao anh lại để cho hăn đi?"

"Bởi vì ông ấy được nhiều người ở đây biết đến, còn anh thì không," Tom nói. "Nếu anh đánh ông ấy, anh sẽ bị đổ tội. Và bởi vì tên anh không được viết trên móng con heo, nên không ai có thể nói nó là của anh hay không."

"Nhưng đó là tất cả những gì chúng ta tiết kiệm được."

"Chúng ta có thể lấy lại tiền bán heo, dĩ nhiên," Tom nói. "Hãy im đi để anh suy nghĩ." Cuộc cãi vã với người bán thịt đã làm cho ông bức bối, vì thế ông đã nói một cách cay nghiệt với Agnes. "Ở một nơi nào đó trong thành phố có một người không có môi và có năm mươi xu trong túi. Tất cả những gì chúng ta cần làm là tìm ra hăn và lấy lại tiền từ hăn."

"Đúng," Agnes nói một cách quyết liệt.

"Em đi ngược lại con đường chúng ta đã đi. Đi đến gần nhà thờ. Anh sẽ đi tiếp tục và đến nhà thờ bằng hướng khác. Rồi chúng ta trở lại bằng con đường kế tiếp, và cứ tiếp tục như thế. Nếu hăn không có trên đường, hăn phải ở trong một quán bia nào đó. Nếu em gặp hăn, em hãy ở lại và nói Martha đi tìm anh. Anh mang Alfred theo. Đừng để cho tên tội phạm thấy em."

"Đừng lo," Agnes nói dứt khoát. "Em cần tiền đó để nuôi con."

Tom sờ vào tay bà và mỉm cười. "Em là một con sư tử, Agnes à."

Bà nhìn vào mắt ông một lúc, rồi bất thành linh bà đứng trên đầu ngón chân và hôn lên môi ông, một nụ hôn ngắn nhưng mãnh liệt. Sau đó bà quay lại, cùng với Martha đi ngược lại khu chợ. Tom nhìn cho đến khi bà khuất khỏi tầm mắt, ông cảm thấy lo âu cho bà, mặc dù biết bà rất can đảm; rồi ông cùng với Alfred đi về hướng ngược lại.

Kẻ trộm có vẻ như cảm thấy an toàn. Khi hăn ăn trộm con heo, Tom đang đi theo hướng Manchester, nên hăn đã đi hướng ngược lại để bán con heo ở Salisbury. Vì người phụ nữ sống ngoài vòng pháp luật, Ellen, nói với Tom rằng một ngôi nhà thờ đang được sửa sang ở Salisbury, nên ông đã thay đổi dự định và vô tình bắt kịp kẻ trộm ở đây. Tuy nhiên, kẻ trộm nghĩ hăn sẽ chẳng gặp Tom nữa, và điều này cho Tom một cơ hội để bắt hăn bất ngờ.

Tom đi chậm dọc theo con đường lầy lội, liếc vào các cửa mở như tình cờ. Ông không muốn bị để ý, bởi vì sự tìm kiếm này có thể kết thúc bằng bạo lực và ông không muốn mọi người nhớ đến một người thợ xây cao lớn đang dò xét thị trấn. Hầu hết ngôi nhà là những túp lều bình thường bằng gỗ, vách đất và mái lá, có rơm trên nền nhà, một lò sưởi ở giữa và một vài đồ nội thất tự chế. Một thùng rượu và vài chiếc ghế băng tạo nên một quán bia; một chiếc giường ở góc với một tấm màn che mang dấu hiệu có gái điếm; một đám đông ồn ào quanh một chiếc bàn là biểu hiện của trò chơi đỏ đen.

Một người đàn bà sơn môi đỏ vạch ngực của bà trước mặt ông, ông lắc đầu và vội vàng đi qua. Ông đã bị cám dỗ một cách thầm kín bởi ý tưởng muốn làm chuyện đó với một người đàn bà hoàn toàn xa lạ, trong ánh sáng ban ngày, và trả tiền cho họ, nhưng trong suốt cuộc đời ông chưa bao giờ thử nó.

Ông nghĩ đến Ellen, người đàn bà sống bên ngoài pháp luật. Cô có một cái gì đó hấp dẫn. Cô có sức quyến rũ mạnh mẽ, nhưng đôi mắt sâu thẳm của cô đáng sợ. Lời mời của cô gái điếm làm Tom cảm thấy bất mãn một lúc, nhưng sự thu hút của Ellen đã chẳng hao mòn đi, và thành linh ông có một ước muốn ngu dốt là chạy trở lại vào rừng tìm cô và rơi vào lòng cô.

Ông đến gần nhà thờ mà không thấy kẻ trộm. Ông nhìn người thợ làm ống nước đang đóng đinh tấm chì trên mái nhà gỗ phía trên gian giữa nhà thờ. Họ chưa bắt đầu lợp mái nhà hai gian bên cạnh, nên vẫn có thể nhìn thấy nửa vòng cung hỗ trợ, nối kết thành ngoài của gian bên cạnh với tường chính của gian giữa, nâng đỡ đỉnh nhà thờ. Ông chỉ cho Alfred. "Không có sự hỗ trợ này, bức tường chính sẽ cong và oằn ra, vì trọng lượng của các vòm đá bên trong," ông cắt nghĩa. "Hãy nhìn xem nửa vòng cung thẳng hàng với các trụ trong bức tường của gian bên. Chúng cũng thẳng hàng với các trụ cột của mái vòm trong gian giữa. Và các cửa sổ của hai gian bên cạnh thẳng hàng với mái vòm của gian giữa. Đường mạnh với đường mạnh và đường yếu với yếu." Alfred nhìn bối rối và bực bội. Tom thở dài.

"Tom nhìn thấy Agnes đi lại từ phía đối diện, và đầu óc ông trở về với vấn đề trước mắt. Mũ che phủ mặt của bà, nhưng ông nhận ra cằm bà chìa

ra phía trước, bước chân vững vàng. Người công nhân vai rộng bước sang một bên, nhường chỗ cho bà đi qua. Nếu bà có một cuộc chiến với kẻ trộm, ông nghĩ một cách chắc chắn, nó sẽ là một cuộc chiến cân bằng.

"Anh có thấy hăn không?" bà hỏi.

"Không, và một cách hiển nhiên là em cũng không." Tom hy vọng kẻ trộm chưa ra khỏi thị trấn. Chắc chắn hăn sẽ chưa đi khi hăn chưa tiêu đồng xu nào. Tiền không thể dùng trong rừng.

Agnes cũng nghĩ như vậy. "Hăn ở một chỗ nào đó quanh đây. Hãy tiếp tục tìm kiếm."

"Chúng ta đi ngược lại bằng hai con đường khác nhau và gặp nhau ở khu chợ."

Tom và Alfred đi lại bước đường qua công trường xây dựng và ra khỏi cửa thành. Mưa thấm qua áo khoác của họ, và Tom vụng trộm nghĩ đến ly bia và một bát canh thịt bò bên cạnh bếp lửa của một quán bia. Rồi ông nghĩ đến ông đã phải vất vả thế nào để mua được con heo, và hồi tưởng lại người đàn ông không môi đã đập thanh gỗ không thương tiếc vào đầu Martha như thế nào, và sự tức giận làm ông nóng người.

Không dễ gì mà có thể tìm kiếm một cách hệ thống, vì các đường xá không trật tự. Họ lang thang đây đó, theo các dãy nhà, và có nhiều khúc quanh gấp cũng như những ngõ cụt. Chỉ có một con đường thẳng dẫn từ cổng phía đông đến chiếc cầu của lâu đài. Lần trước ông đã đi bên cạnh thành lũy của lâu đài. Lần này ông tìm kiếm ở vùng ngoại ô, đi luôn lách tới tường thành và trở lại vào trong. Đây là khu dân cư nghèo, với các căn nhà xiêu vẹo, những quán bia ồn ào và khu điếm lâu đời nhất. Từ trung tâm đổ dốc xuống vùng biên của thành phố, vì thế rác rưởi của khu phố nhà giàu trôi xuống các đường phố và đọng lại bên thành lũy. Một cái gì đó cũng tương tự đối với con người, vì khu này tập trung nhiều hơn những người tàn tật và ăn xin, trẻ em và phụ nữ nghèo đói và người say rượu.

Nhưng người đàn ông không môi vẫn biệt tăm.

Hai lần Tom phát hiện ra một người có hình dáng và kích thước giống hăn, ông đã cố nhìn kỹ hơn nhưng chỉ thấy khuôn mặt xa lạ.

Ông chấm dứt cuộc tìm kiếm ở khu chợ, và nơi đó Agnes đang sốt ruột chờ ông, bà căng thẳng và đôi mắt bà rạng rỡ. "Em đã tìm thấy hăn!" bà rít lên.

Tom cảm thấy hồi hộp và lo âu. "Ở đâu?"

"Hăn vào trong một tiệm ăn ở cổng phía đông."

"Hãy đưa anh đến đó."

Họ đi vòng quanh tòa lâu đài đến chiếc cầu, đi xuống con đường thẳng đến cổng phía đông, rồi quẹo vào trong một mê lộ của những con hẻm dưới những bức tường. Một lúc sau Tom nhìn thấy tiệm ăn. Nó không là một căn nhà mà chỉ là một mái dốc trên bốn cây cột dựa lên tường thành; một ngọn lửa khổng lồ ở phía sau đang quay một con cừu trên một cái xiên, bên cạnh đó là một cái vạc đang sôi. Trời vào khoảng giữa trưa, và nơi nhỏ bé đó đầy người, hầu hết là đàn ông. Mùi thơm của thịt làm bao tử Tom cồn cào. Ông đưa mắt lục soát đám đông, sợ rằng kẻ trộm đã biến mất trong thời gian ông đi đến đây. Ông phát hiện ra hăn ngay lập tức, ngồi trên chiếc ghế xa đám đông, ăn một bát hầm bằng một chiếc muỗng, cầm chiếc khăn trước mặt để che miệng.

Tom quay ngay lại để hăn không thể nhìn thấy ông. Bây giờ ông phải quyết định xử lý hăn như thế nào. Ông đủ giận để đánh kẻ trộm ngã xuống và lấy ví tiền của hăn. Nhưng đám đông sẽ không để ông đi. Ông sẽ phải biện minh, không những với đám đông mà còn với cảnh sát. Tom có quyền và rõ ràng ông là một người đứng đắn và là một thợ xây; trong khi kẻ trộm là một người sống ngoài vòng pháp luật, nghĩa là hăn không có ai xác minh cho sự trung thực của hăn. Nhưng sự xác minh cho tất cả các việc đó sẽ mất thời gian, có thể hàng tuần nếu cảnh sát phải công tác xa ở vùng quê nào đó; và nếu một cuộc ẩu đả xảy ra có thể sẽ bị buộc tội vì phá vỡ sự hòa bình của nhà vua.

Không. Tốt hơn nên giải quyết tên trộm một cách riêng rẽ.

Hăn không thể ở lại đêm trong thị trấn, vì hăn không có nhà ở đây, và hăn không thể tìm được chỗ tạm trú khi hăn không chứng minh được hăn là một người đứng đắn. Vì thế hăn phải ra đi trước khi các cổng thành đóng khi đêm xuống.

Và chỉ có hai công.

"Có lẽ hăn sẽ trở ra bằng con đường hăn đến." Tom nói với Agnes. "Anh sẽ đợi bên ngoài cổng phía đông. Hãy để Alfred canh chừng cửa phía tây. Em ở lại trong thị trấn xem kẻ trộm làm gì. Giữ Martha bên cạnh em, nhưng đừng cho hăn thấy. Nếu em muốn gửi một thông điệp cho anh hoặc Alfred, hãy nhờ Martha."

"Vâng," Agnes nói ngắn gọn.

Alfred nói: "Con nên làm gì nếu hăn đi ra phía con?" Cậu có vẻ hí hửng.

"Không làm gì cả," Tom nói chắc nịch. "Quan sát xem hăn đi theo con đường nào, rồi đợi. Martha sẽ đón bố, và chúng ta sẽ cùng nhau đuổi theo hăn." Alfred nhìn thất vọng, và Tom nói: "Con hãy làm như bố nói. Bố không muốn mất con như mất con heo."

Alfred gật đầu miễn cưỡng.

"Chúng ta lên đường, trước khi hăn nhận ra chúng ta tụ tập lại và âm mưu với nhau. Hãy đi."

Tom rời họ ngay, không quay mặt lại. Ông có thể tin Agnes sẽ thực hiện theo kế hoạch. Ông vội vã đến cửa phía đông và rời thị trấn, qua cây cầu gỗ ọp ẹp mà ông đã đẩy chiếc xe bò qua sáng hôm nay. Thẳng trước mặt ông là con đường đến Winchester, về hướng đông, con đường thẳng tắp, giống như một tấm thảm dài trải qua các ngọn đồi và thung lũng. Về phía trái, con đường mà Tom – có lẽ kẻ trộm cũng vậy – đã đến Salisbury, con đường Roma, uốn quanh trên một ngọn đồi rồi biến mất. Kẻ trộm chắc chắn sẽ đi con đường này.

Tom đi xuống đồi, xuyên qua các cụm nhà ở ngã tư, rồi quẹo vào đường Roma. Ông cần phải ẩn trốn. Ông bước đi theo con đường, tìm kiếm chỗ thích hợp. Ông đi hai trăm dặm mà không tìm được chỗ nào ẩn trốn. Nhìn lại, ông nhận ra là đã đi quá xa: ông không còn nhận ra khuôn mặt của những người ở ngã tư đường, vì thế ông không thể biết người đàn ông không môi có đi theo con đường đến Winchester không. Ông quan sát phong cảnh lần nữa. Con đường có mương hai bên, có thể là chỗ ẩn trốn trong mùa khô, nhưng hôm nay đầy nước. Bên ngoài dãy mương, đất nhô lên như một cái bướu. Trong cánh đồng phía nam của con đường, một vài

con bò đang gặm cỏ. Tom chú ý đến một con bò nằm ở bên cạnh mô đất cao của cánh đồng, một phần con bò bị che đậy bởi mô đất. Với một tiếng thở dài, ông quay gót trở lại. Ông nhảy qua mương và đá vào con bò. Nó đứng lên và đi khỏi. Tom nằm xuống chỗ đất ẩm và khô ráo mà con bò để lại. Ông kéo chiếc mũ che mặt và chờ đợi. Ông tiếc rẻ nếu ông biết lo xa, ông đã mua vài miếng bánh trước khi rời thị trấn.

Ông lo lắng pha lẫn chút sợ hãi. Kẻ phạm pháp là một người nhỏ con, nhưng hăn di chuyển nhanh và ác độc như ông đã nhìn thấy khi hăn đánh Martha và ăn cắp con heo. Tom sợ hãi một chút về việc có thể bị thương, nhưng ông lo lắng hơn vì có thể sẽ không lấy lại được tiền.

Ông mong Agnes và Martha được an toàn. Agnes có thể tự lo được cho bà, ông biết như vậy; và ngay cả khi tên trộm phát hiện ra bà, hăn có thể làm được gì bà? Hăn sẽ cảnh giác hơn, thế thôi.

Từ chỗ nằm, Tom có thể nhìn thấy tháp nhà thờ. Ông ước gì đã có thể nhìn được vào phía trong. Ông rất tò mò về cách giải quyết những cột trụ của mái vòm. Những cột trụ này thường rất to, các mái vòm bắt đầu từ đỉnh của nó: hai vòm đi về hướng bắc và nam, nối với các cột trụ bên cạnh trong mái vòm; và một đi về hướng đông hoặc tây, qua gian bên cạnh. Nó trông không đẹp, bởi vì có một cái gì không đúng khi một mái vòm bắt đầu từ đầu một cây trụ tròn. Nếu Tom xây nhà thờ chính tòa, mỗi trụ sẽ là một cụm trụ, và mỗi mái vòm vươn lên từ đầu của mỗi trụ – sự sắp xếp như vậy sẽ hợp lý và đẹp hơn.

Ông bắt đầu tưởng tượng về sự trang trí cho các vòm. Hình thẳng là hình thức thông thường – không mất nhiều kỹ năng để khắc chữ chi và hình thoi – nhưng Tom ưa thích những chùm lá, chúng đem lại sự nhẹ nhàng của thiên nhiên vào trong nét đều đặn của những phiến đá.

Sự hình dung về ngôi nhà thờ xâm chiếm tâm hồn ông cho đến giữa chiều, khi ông nhìn thấy hình dáng nhỏ bé và mái tóc bạch kim của Martha chạy qua cây cầu và xuyên qua dãy nhà. Cô do dự giữa ngã tư, rồi theo con đường phía phải. Tom nhìn cô đang tiến về phía ông. Cô nhúu mày phân vân không biết ông ở đâu. Khi cô đến vừa tầm, ông gọi nhẹ nhàng: "Martha".

Khi thấy ông, cô kêu lên một tiếng nhỏ. Cô chạy lại, nhảy qua mương. "Mẹ gửi cho bố cái này," cô nói, và lấy ra một vật quấn trong áo khoác.

Nó là một miếng thịt nóng. "Trời ơi! Mẹ con là một phụ nữ chu đáo," Tom nói, và cắn một miếng lớn. Nó được làm với thịt bò và hành tây, và nó ngon tuyệt.

Martha ngồi xổm bên cạnh Tom trên cỏ. "Chuyện của người ăn trộm heo của chúng ta xảy ra như thế này," cô nói. Cô tập trung để nhớ lại những gì cô được dặn để nói. Cô quá dễ thương đến nỗi làm Tom nín thở. "Ông ấy ra khỏi tiệm ăn và gặp một phụ nữ với khuôn mặt son phấn, rồi vào nhà bà ta. Chúng con đợi bên ngoài."

Trong khi đó kẻ tội phạm tiêu tiền của chúng ta cho một gái điếm, Tom nghĩ một cách chua chát. "Hãy kể tiếp đi con."

"Ông ấy không ở lâu trong nhà bà đó, và khi ông đi ra, ông đến một quán bia. Bây giờ ông đang ở đó. Ông không uống nhiều nhưng ông chơi cờ bạc."

"Bố mong hăn thắng," Tom nói gần giọng. "Có vậy thôi sao?"

"Đó là tất cả."

"Con có đói không?"

"Con có một miếng bánh nhỏ."

"Con đã kể cho Alfred tất cả điều đó chứ?"

"Chưa, bây giờ con sẽ đi đến anh ấy."

"Nói với anh ấy, cố gắng giữ mình cho khô ráo."

"Cố gắng giữ mình khô ráo," cô lặp lại. "Con phải nói điều đó trước hay sau khi kể câu chuyện về người đàn ông đã ăn cắp con heo của chúng ta?"

Dĩ nhiên điều đó không quan trọng lắm. "Sau đó," Tom nói. Ông mỉm cười với cô. "Con là một bé gái thông minh. Con đi đi."

"Con thích trò chơi này," cô nói. Cô vẫy tay và ra đi, đôi chân trẻ thơ thoăn thoắt nhảy qua mương và chạy ngược lại hướng thị trấn. Tom quan sát cô với tình thương và sự tức giận trong lòng. Ông và Agnes đã làm việc cực khổ để kiếm tiền nuôi sống con cái, và ông sẵn sàng giết người để lấy lại cái mà họ đã bị ăn cắp.

Có lẽ kẻ tội phạm cũng sẵn sàng giết người nữa. Kẻ tội phạm sống bên ngoài vòng pháp luật, như tên gọi đã ngụ ý: họ sống trong bạo lực. Đây có lẽ không phải là lần đầu mà Faramond Openmouth chống lại nạn nhân của hắn. Hắn là người nguy hiểm.

Một điều đáng ngạc nhiên là ánh sáng mặt trời bắt đầu yếu dần rất sớm, như một đôi khi xảy ra vào buổi chiều mùa thu ẩm ướt. Tom lo lắng không biết có còn nhận ra được kẻ trộm trong mưa nữa không. Khi gần tối, sự đi lại thưa dần, vì hầu hết du khách đã ra về đúng lúc để kịp về nhà khi đêm xuống. Ánh sáng của nến và đèn lồng bắt đầu chập chờn trong những căn nhà cao của thị trấn và trong các túp lều vùng ngoại ô. Tom bị quan tởm hỏi không biết kẻ trộm có ở lại trong thị trấn suốt đêm không. Có lẽ hắn có bạn bè không lương thiện trong thị trấn, những người cho hắn lưu trú mặc dù biết hắn là tên tội phạm. Có lẽ -

Rồi, Tom nhìn thấy một người che khăn trên miêng.

Hắn đi qua chiếc cầu bằng gỗ, đi gần hai người đàn ông khác. Đối với Tom, đó là điều bất ngờ vì hai người đồng lõa của tên trộm, tên đầu hói và tên đội mũ xanh, cả hai có thể đã cùng đi với hắn đến Salisbury. Tom đã không thấy họ trong thị trấn, nhưng có thể ba người đã chia tay nhau một lúc rồi lại tập trung lại để cùng về. Tom nguyên rủa: Ông không nghĩ ông có thể chống lại ba tên. Nhưng khi đến gần, nhóm người tách ra, và Tom nhẹ nhõm nhận ra rằng họ không đi chung với nhau.

Hai người đầu tiên là ông bố và người con trai, hai nông dân có đôi mắt đen gần nhau và lỗ mũi hếch. Họ đi theo con đường Roma và người đàn ông che khăn theo sau.

Ông nghiên cứu dáng đi của tên trộm khi hắn đến gần. Hắn đã hết say. Thật đáng tiếc!

Nhìn về phía thị trấn, ông thấy một đàn bà và một em bé vội vã qua cầu: Agnes và Martha. Ông bị sốc. Ông không dự kiến họ có mặt khi ông đối đầu với tên trộm. Tuy nhiên ông nhận ra rằng ông đã không ra lệnh cho họ.

Ông căng thẳng khi tất cả đi về phía ông. Tom to lớn nên hầu hết bỏ cuộc khi phải đối đầu với ông; nhưng kẻ tội phạm này là người liều lĩnh và không thể nói điều gì sẽ xảy ra trong cuộc chiến.

Hai người nông dân đi qua, vui vẻ kể về ngựa. Tom lấy búa có bọc sắt ở đầu từ thắt lưng và cầm nó trong tay phải. Ông ghét những tên trộm cướp, những người không làm việc nhưng ăn cắp đồ ăn của người lương thiện. Ông sẽ không ngần ngại cho người này một cái búa.

Kẻ trộm dường như đi chậm lại khi hấn đến gần, hầu như hấn cảm thấy sự nguy hiểm. Tom đợi cho đến khi hấn chỉ còn cách bốn hay năm dặm – quá gần để chạy ngược lại, và quá xa để chạy đi. Rồi Tom lăn mình qua bờ, nhảy qua mương và chặn đường hấn.

Người đàn ông chết đứng, nhìn chăm chăm vào ông. "Cái gì vậy?" hấn hỏi một cách lo lắng.

Hấn không nhận ra tôi, Tom nghĩ. Ông nói: "Ông ăn cắp con heo của tôi hôm qua và bán cho người bán thịt hôm nay."

"Tôi không bao giờ -"

"Đừng chối." Tom nói. "Hãy đưa cho tôi số tiền mà ông đã bán được, và tôi sẽ không đánh ông."

Lúc đầu ông tưởng kẻ trộm sẽ nghe lời. Ông cảm thấy thất vọng, khi hấn do dự. Sau đó, tên trộm quay gót và chạy thẳng về phía Agnes.

Hấn không đủ nhanh để chạy qua bà và trong một lúc cả hai người lão đảo từ bên này đường qua bên kia đường giống như trong một điệu nhảy vụng về. Rồi hấn nhận ra rằng bà đã cố tình chặn đường hấn, và hấn đẩy bà sang bên. Bà giơ chân ngáng hấn. Chân bà trúng đầu gối hấn và cả hai ngã xuống.

Trái tim Tom hỗn hển, khi ông lao nhanh đến bên bà. Kẻ trộm quỳ lên được, đặt một đầu gối trên lưng bà. Tom nắm lấy cổ áo hấn và kéo mạnh hấn ra. Ông lôi hấn tới lề đường trước khi hấn có thể lấy lại thăng bằng, rồi ném hấn xuống mương.

Agnes đứng dậy. Martha chạy đến bên bà. Tom nói nhanh: "Em không sao chứ?"

"Vâng," Agnes trả lời.

Hai người nông dân dừng lại quan sát, và họ chăm chú nhìn vào cảnh tượng. Kẻ trộm chống gối trong mương. "Hấn là một tên tội phạm," Agnes

nói với họ để mong họ can thiệp. "Hắn ăn cắp con heo của chúng tôi." Người nông dân không trả lời, nhưng chờ đợi xem sự gì sẽ xảy ra.

Tom nói với tên trộm một lần nữa. "Hãy trả tiền lại cho tôi và tôi sẽ để ông đi."

Tên trộm ra khỏi mương với một con dao trong tay, lao vào Tom nhanh như chuột. Agnes hét lên. Tom né tránh. Con dao thoáng qua mặt ông và ông cảm thấy đau nơi cằm.

Ông lùi lại và dơ búa lên khi con dao lướt qua một lần nữa. Tên trộm lùi lại. Lưỡi dao và chiếc búa vun vút trong không khí của buổi tối ẩm ướt mà không đụng nhau.

Ngay lập tức cả hai đứng lặng yên, đối diện nhau, thở hổn hển. Cằm của Tom đau. Ông nhận ra rằng hai người bằng sức nhau, mặc dù Tom lớn hơn, nhưng tên trộm có một con dao, và dao nguy hiểm hơn chiếc búa của thợ xây. Ông cảm thấy ớn lạnh khi ông nhận ra rằng ông có thể sắp chết. Bất thành linh ông cảm thấy như không thở được.

Từ khóe mắt ông nhìn thấy một chuyển động đột ngột. Tên trộm cũng nhận ra, phóng một cái nhìn về phía Agnes và cúi đầu xuống khi viên đá từ tay bà bay vào hắn.

Tom phản ứng nhanh, vung búa vào đầu tên trộm.

Nó trúng vào đúng lúc hắn ngẩng đầu lên. Búa sắt đập vào trán phía chân tóc. Đó là một cú đánh vội vã, không mang tất cả sức mạnh của Tom. Tên trộm loạng choạng nhưng không ngã.

Tom đánh hắn một cái nữa.

Đòn này nặng hơn: Ông có nhiều giờ để giơ búa lên cao khỏi đầu và nhắm nó vừa lúc tên trộm choáng váng. Tom nghĩ về Martha khi ông giáng búa xuống. Nó trúng với tất cả sức lực của ông, và tên trộm gục xuống đất giống như con búp bê rơi.

Tom quỳ xuống bên tên trộm, xem xét hắn. "Vị tiền hắn ở đâu? Vị tiền hắn ở đâu?" Rất khó lay chuyển thân thể mềm rũ của hắn. Sau hết, Tom đặt hắn nằm ngửa và mở chiếc áo choàng của hắn. Có một bóp bằng da lớn đeo vào dây thắt lưng. Tom tháo chiếc móc. Bên trong là một túi len mềm mại.

Ông kéo nó ra. Nó nhẹ. "Không có gì!" Tom nói. "Hắn phải có chiếc ví khác nữa."

Ông kéo chiếc áo choàng từ phía dưới người đàn ông và cẩn thận xem xét khắp nơi. Không còn chiếc túi nào, không có phần cứng nào. Ông tháo chiếc giày ra: không có gì bên trong. Ông lấy con dao ăn từ thắt lưng và cắt đế giày: không có gì.

Sốt ruột, ông trượt con dao bên trong cổ áo len của tên trộm và rạch tới viền: không có thắt lưng dẫu tiền.

Tên trộm nằm giữa con đường lầy lội, trần truồng. Hai người nông dân nhìn chăm chăm vào Tom tưởng như ông bị điên. Giận dữ, Tom nói với Agnes: "Hắn không còn đồng xu nào."

"Có lẽ ông ấy đã thua cờ bạc hết," bà cay đắng nói.

"Anh mong hắn bị đốt trong lửa hỏa ngục," Tom nói.

Agnes quỳ xuống và sờ vào ngực hắn. "Đó là nơi ông ta đang ở," bà nói. "Anh đã giết hắn."

IV

Vào dịp lễ Giáng sinh họ thiếu ăn.

Mùa đông đến sớm, và trời vừa lạnh, vừa khắc nghiệt lại chẳng chịu khắc phục giống như cái đục sắt của người thợ đá. Táo vẫn còn trên cây khi cơn tuyết đầu tiên phủ xuống cánh đồng. Người ta gọi nó là đợt rét đột ngột, nghĩ rằng nó sẽ chóng qua, nhưng không phải vậy. Những ngôi làng cày trễ trong mùa thu đã bị vỡ lười cày trên đất cứng như đá. Các nông dân vội vàng giết heo, muối chúng cho mùa đông, và các lãnh chúa giết gia súc, vì sự chần thả gia súc trong mùa đông không thể bằng mùa hè. Nhưng mùa đông dài vô tận làm cỏ héo úa và một số thú vật còn lại chết bằng cách này hay cách khác. Chó sói tuyệt vọng, chúng vào trong làng khi trời nhá nhem tối và cướp đi những con gà gầy còm và những trẻ thơ bơ phờ.

Về phía xây dựng, chẳng bao lâu sau khi cơn tuyết đầu mùa đổ xuống, các bức tường được xây trong mùa hè phải được vôi vàng che phủ bằng rơm và phân để đề phòng cái lạnh khắc nghiệt nhất, bởi vì vữa trong tường chưa khô hẳn, và nếu nó bị đóng băng, tường sẽ nứt ra. Việc làm vữa bị ngưng lại, cho đến khi mùa xuân trở lại. Nhiều thợ hồ chỉ được mướn cho mùa hè, và giờ đây họ trở về làng cũ, nơi họ không còn là thợ hồ nữa mà làm mọi nghề, dành cả mùa đông làm lưỡi cày, yên ngựa, công cụ lao động, xe bò, xẻng, cửa và bất cứ việc gì cần đến bàn tay khéo léo với chiếc búa, đục và cưa. Các thợ hồ khác di chuyển vào trong các nhà có mái che và suốt ngày cắt đá theo những hình dạng phức tạp. Nhưng tuyết đổ quá sớm và công việc tiến triển quá nhanh, và bởi vì các nông dân bị đói, nên các giám mục, các người cai quản thành trì và các lãnh chúa có ít tiền để chi cho việc xây dựng hơn họ dự định. Và vì thế khi mùa đông vừa đến, một số thợ hồ đã bị sa thải.

Tom và gia đình đi bộ từ Salisbury tới Shaftesbury, rồi từ đó đến Sherborne, Wells, Bath, Bristol, Gloucester, Oxford, Wallingford và Windsor. Ở mọi nơi, ngọn lửa bên trong nhà cháy rực, và sân nhà thờ cũng như các bức tường thành còn vang lên bài ca của sắt trên đá cứng, và thợ xây dựng chính làm những mô hình nhỏ về các mái vòm và khung vòm bằng bàn tay khéo léo của họ. Một vài thợ xây dựng chính thiếu kiên nhẫn, thô lỗ và bất lịch sự; những người khác nhìn những đứa con gầy guộc và bà vợ đang mang thai của Tom một cách buồn bã, rồi nói những lời tử tế và lấy làm tiếc; nhưng mọi người đều cùng nói một câu: Không, ở đây không có việc cho ông.

Bất cứ khi nào có thể, họ lợi dụng lòng hiếu khách của các tu viện, nơi mà khách vắng lai luôn được cho một bữa ăn và một nơi để ngủ - chỉ cho một đêm duy nhất. Khi những trái dâu đen chín trên bụi cây, họ sống nhờ đó như những con chim. Trong rừng, Agnes nhóm lửa dưới chiếc nồi sắt và nấu cháo. Nhưng vẫn có nhiều lần, họ phải mua bánh từ tiệm và cá từ cửa hàng, hay ăn trong quán bia hoặc tiệm ăn, dĩ nhiên nó mắc hơn là họ tự nấu; và vì thế tiền của họ hao đi nhanh chóng.

Tự bản chất, Martha đã gầy sắn nhưng càng ngày càng gầy hơn. Alfred vẫn phát triển cao hơn, giống như cỏ dại phát triển trong đất bằng, và cậu cao lêu nghêu. Bản thân Agnes ăn ít, nhưng đứa bé trong bụng bà tham ăn, và Tom có thể thấy rằng bà bị cơn đói dày vò. Một đôi khi ông ra lệnh cho bà ăn nhiều hơn, và ý chí cứng như sắt của bà cũng phải quy lụy vì uy quyền của chồng và của đứa con chưa sinh. Bà vẫn chưa phát mập và hồng hào như trong thời gian mang thai khác. Thay vào đó, bà gầy gò mặc dù bụng bà phình to, giống như đứa trẻ thiếu ăn trong nạn đói.

Từ khi rời Salisbury họ đã đi vòng quanh ba phần tư của một vòng tròn lớn, và vào cuối năm họ đã trở lại khu rừng rộng lớn, trải dài từ Windsor tới Winchester. Tom đã bán công cụ thợ xây của mình, và không phải tất cả, nhưng một vài xu đã được chi tiêu: ông phải mượn đồ nghề hoặc mua nó bao lâu ông tìm được việc làm. Nếu ông không tìm được việc ở Winchester, ông không biết phải làm sao. Ông có anh em ở vùng quê của ông; nhưng ở mãi phía bắc, cách đây vài tuần du hành, và gia đình ông sẽ chết đói trước khi đến được đó. Agnes là đứa con duy nhất và cha mẹ bà đã qua đời. Không có công việc đồng áng giữa mùa đông. Có lẽ Agnes sẽ tìm được vài xu như một người giúp việc trong một gia đình giàu có ở Winchester. Bà chắc chắn không còn có thể lang thang lâu hơn trên đường, vì ngày sinh đã gần kề.

Nhưng Winchester còn ba ngày đường nữa và bây giờ họ đói. Dâu đen đã hết, không có bóng tu viện nào trước mắt, và Agnes không còn gì trong chiếc nôi mà bà đeo trên lưng. Đêm hôm trước họ đã đổi một con dao lấy một ổ bánh lúa mạch, bốn bát canh không thịt, và một nơi để ngủ qua đêm bên cạnh đồng lửa trong túp lều của một nông dân. Từ đó họ không thấy ngôi làng nào. Nhưng vào cuối buổi chiều, Tom nhìn thấy khói bốc lên sau hàng cây, và họ tìm thấy căn nhà năm đơn độc của một viên kiểm lâm, một viên cảnh sát kiểm lâm của nhà vua. Ông ấy đưa cho họ một bao củ cải để đổi lấy cái rìu nhỏ của Tom.

Họ đi bộ thêm ba dặm và Agnes cho biết bà đã quá mệt để tiếp tục đi. Tom ngạc nhiên. Trong cả thời gian chung sống với nhau, chưa bao giờ bà nói quá mệt cho bất cứ điều gì.

Bà ngồi xuống trong bóng mát của một cây dẻ bên đường đi. Tom đào một lỗ nhỏ để đốt lửa, dùng một cái xẻng gỗ - một trong vài đồ dùng còn lại vì không ai muốn mua nó. Trẻ em thu thập cành cây và Tom mời lửa, rồi ông lấy nôi, đi tìm một dòng suối. Ông trở lại với nôi đầy nước đá và đặt lên cạnh đồng lửa, Agnes cắt một số củ cải. Martha thu nhặt hạt dẻ rơi xuống từ cây và Agnes chỉ chúng cách gọt vỏ và nghiền phần mềm bên trong thành bột thô để làm cho súp củ cải đặc hơn. Tom nói Alfred đi tìm thêm củ, trong khi đó ông lấy một cây gậy và đi thọc xuống lá rừng khô, mong sẽ tìm thấy một con nhím hay một con sóc đang ngủ đông để cho vào nôi súp. Nhưng may mắn không đến với ông.

Ông ngồi xuống bên cạnh Agnes trong khi màn đêm buông xuống và nôi súp đang nấu. "Chúng ta còn chút muối nào không?" ông hỏi bà.

Bà lắc đầu. "Anh đã ăn cháo nhiều tuần nay không có muối," bà nói. "Anh không nhận ra điều đó à?"

"Không."

"Đói là gia vị tốt nhất."

"Vâng, chúng ta có nhiều gia vị đó." Bất ngờ Tom cảm thấy một khủng khiếp. Ông cảm nhận gánh nặng của thất vọng chồng chất trong bốn tháng qua và ông không còn can đảm nữa. Ông nói bằng giọng chán chường: "Đâu là những sai lầm, Agnes?"

"Mọi sự," bà nói. "Anh không tìm được việc làm trong suốt mùa đông. Anh có một công việc trong mùa xuân; nhưng người con gái của lãnh chúa đã hủy cuộc hôn nhân và chủ William đã hủy việc xây dựng của chúng ta. Sau đó chúng ta quyết định ở lại làm việc trong mùa gặt – đó là một sai lầm."

"Chắc chắn đối với anh, tìm việc trong mùa hè thì dễ hơn là tìm việc trong mùa thu."

"Và mùa đông đến sớm. Và mặc dù tất cả những điều đó, chúng ta vẫn được bảo đảm, nhưng rồi con heo của chúng ta bị ăn cắp."

Tom gật đầu một cách mệt mỏi. "Điều an ủi duy nhất của anh là được biết rằng tên trộm bây giờ đang chịu nhiều cực hình trong hỏa ngục."

"Em cũng hy vọng như vậy."

"Em có nghi ngờ về điều đó không?"

"Các linh mục không biết nhiều như họ nói. Hãy nhớ rằng bố em cũng là một linh mục."

Tom nhớ rất rõ. Một bức tường của nhà thờ giáo xứ của bố bà đã sụp đổ không thể sửa chữa được, và Tom đã được thuê để xây lại. Linh mục không được lập gia đình, nhưng vị này có bà giúp việc, và bà giúp việc có một người con gái. Trong làng có một bí mật mà mọi người đều biết đó là linh mục là bố của cô gái. Agnes không đẹp lắm, ngay cả sau đó, nhưng da bà tươi trẻ và bà tràn đầy nghị lực. Bà nói chuyện với Tom khi ông làm việc ở đó. Một đôi khi gió thổi quần áo sát vào người bà, nên Tom có thể nhìn thấy đường cong của thân thể bà, như thể bà đang khóa thân. Một đêm bà đến căn lều nhỏ nơi ông ngủ, đặt tay lên miệng ông như ra hiệu đừng nói gì, và cởi quần áo ra để ông có thể thấy thân thể trần truồng của bà dưới ánh trăng, và rồi ông ôm lấy thân thể mạnh mẽ, trẻ trung của bà trong cánh tay và họ làm tình.

"Khi đó chúng ta đều là trinh nữ," ông nói to.

Bà biết ông đang nghĩ gì. Bà mỉm cười, và khuôn mặt bà đượm buồn, và bà nói: "Dường như đã lâu rồi."

Martha nói: "Chúng ta có thể ăn bây giờ chưa?"

Mùi của súp làm bao tử Tom cồn cào. Ông nhúng bát vào cái vạc sôi và lấy ra vài miếng củ cải trong cháo lỏng. Ông dùng cạnh sắc của con dao để thử củ cải. Nó chưa kỹ hẳn, nhưng ông quyết định không chờ thêm nữa. Ông đưa cho mỗi con một chén, rồi đem một chén cho Agnes.

Bà nhìn chăm chú và ưu tư. Bà thổi cho súp nguội, rồi đưa bát lên miệng.

Trẻ em ăn nhanh hết phần mình và muốn nữa. Tom lấy nồi ra khỏi lửa, dùng ven áo choàng để tay mình không bị bỏng, và gạt hết phần súp còn lại vào chén của các con.

Khi ông trở về bên cạnh Agnes, bà hỏi: "Còn anh thì sao?"

"Ngày mai anh sẽ ăn," ông nói.

Bà quá mệt để tranh luận.

Tom và Alfred khêu lửa cao lên và thu thập đủ củi để đốt qua đêm. Sau đó tắt cả cuống trong áo choàng và nằm xuống ngủ trên đồng lá.

Tom ngủ không sâu, và khi Agnes rên, ông thức giấc ngay. "Cái gì vậy?" ông thì thầm.

Bà lại rên. Khuôn mặt bà nhợt nhạt và đôi mắt khép kín. Một lúc sau bà nói: "Đứa bé sắp ra đời."

Trái tim Tom lỡ nhịp. Không thể ở đây, ông nghĩ; không thể ở đây trên nền đất lạnh giữa rừng sâu này. "Nhưng nó chưa đến ngày," ông nói.

"Nó đến sớm."

Tom giữ giọng bình tĩnh. "Nước đã chảy ra chưa?"

"Sau khi chúng ta rời căn lều của viên kiểm lâm," Agnes thở hỗn hển, mắt vẫn không mở.

Tom nhớ một lần bà đã bất thành linh lẩn vào trong bụi cây như để trả lời một cuộc gọi khẩn cấp của thiên nhiên. "Và có những cơn đau không?"

"Kể từ lúc đó."

Bà đã giữ kín điều đó.

Alfred và Martha cũng đã dậy. Alfred hỏi: "Chuyện gì xảy ra vậy?"

"Đứa nhỏ sắp chào đời," Tom nói.

Martha bật khóc.

Tom cau mày. "Em có thể đi trở lại căn lều của viên kiểm lâm không?" ông hỏi Agnes. Ở đó ít nhất họ có mái nhà, có rơm để nằm và có người giúp đỡ.

Agnes lắc đầu. "Đứa bé sắp ra."

Như vậy là chẳng còn bao lâu nữa! Họ đang ở trong khu hoang vắng nhất của khu rừng. Từ sáng nay họ không nhìn thấy ngôi làng nào, và viên kiểm lâm nói cả ngày mai nữa họ cũng sẽ không thấy cái nào. Điều đó có nghĩa là không thể tìm ra một phụ nữ làm nữ hộ sinh. Chính Tom phải lo cho con mình, trong cái lạnh, chỉ có sự giúp đỡ của các con, và nếu có chuyện xảy ra, ông không có thuốc, không có kiến thức.

Đây là lỗi của tôi, Tom nghĩ. Tôi lấy bà làm vợ khi bà còn trẻ và tôi đưa bà vào cảnh túng thiếu. Bà tin tưởng tôi sẽ lo cho bà, và bây giờ bà đang sinh con giữa trời trong mùa đông. Ông luôn xem thường những đàn ông sinh con rồi để chúng chết đói; và bây giờ ông cũng không khá gì hơn họ. Ông cảm thấy xấu hổ.

"Em quá mệt," Agnes nói. "Em không tin rằng em có thể sinh con ra. Em cần nghỉ." Khuôn mặt bà lấp lánh trong ánh lửa, với một màng mỏng mồ hôi.

Tom nhận ra ông phải gắng sức lên. Ông muốn cho Agnes sức mạnh. "Anh sẽ giúp em," ông nói. Không có gì bí ẩn và phức tạp về những gì sắp xảy ra. Ông đã quan sát nhiều đứa trẻ được sinh ra. Công việc thường được một người đàn bà thực hiện, bởi vì họ hiểu người mẹ cảm thấy như thế nào và vì thế họ có thể giúp người mẹ nhiều hơn; nhưng không có lý do gì tại sao một người đàn ông lại không thể làm việc đó khi cần thiết. Trước hết ông phải để cho bà được thoải mái: rồi tìm xem bao lâu nữa đứa bé sẽ sinh ra, sau đó chuẩn bị tinh thần, rồi làm cho bà bình tĩnh và trấn an bà trong khi chờ đợi.

"Em cảm thấy thế nào?" ông hỏi bà.

"Lạnh," bà trả lời.

"Hãy đến gần ngọn lửa," ông nói. Ông cởi áo khoác và trải trên nền xa ngọn lửa một mét. Agnes cố tự đứng lên. Tom dìu bà lên, và để bà nhẹ nhàng ngồi xuống trên áo khoác của ông.

Ông quỳ xuống bên cạnh bà. Áo dài len bà đang mặc bên dưới áo choàng có hàng nút dài phía trước. Ông mở hai nút và đưa bàn tay vào phía trong. Agnes thở hỗn hển.

"Em có đau không?" ông hỏi, ngạc nhiên và lo âu.

"Không," bà nói với một nụ cười ngắn. "Tay anh lạnh quá."

Ông cảm thấy vòng bụng của bà. Sự căng tròn cao hơn và nhọn hơn tối hôm qua, khi hai người đã ngủ chung trong đồng rơm trên nền túp lều của nông dân. Tom ấn mạnh hơn, cảm thấy hình dạng của thai nhi. Ông thấy một đầu thân thể, ngay dưới rốn của Agnes; nhưng ông không xác định được chỗ đầu kia đâu. Ông nói: "Anh có thể cảm thấy đít của nó, nhưng không thấy đầu."

"Bởi vì nó đang trên đường ra," bà nói.

Ông đắp cho bà và choàng áo khoác xung quanh bà. Ông phải chuẩn bị nhanh chóng. Ông nhìn các con. Martha khụt khịt. Alfred sợ hãi nhìn. Phải cho chúng điều gì để làm.

"Alfred, con đem nồi ra sưởi. Rửa sạch nó và lấy đầy nước sạch đem về. Martha, con thu một số lau sậy và làm cho bố hai vòng dây dài, mỗi cái đủ lớn cho một vòng cổ. Bây giờ nhanh lên. Các con sẽ có một em trai hay em gái khi bình minh ló dạng."

Chúng đi khỏi. Tom lấy ra con dao ăn và một hòn đá cứng nhỏ và bắt đầu mài lưỡi dao cho sắc. Agnes lại rên. Tom bỏ con dao xuống và cầm lấy tay bà.

Ông đã ngồi với bà như thế này khi những đứa con khác được sinh ra: Alfred; rồi Matilda, đứa bé đã mất khi được hai tuổi; và Martha; và đứa khác đã chết khi sinh ra, một đứa con trai mà ông đã ngấm ngấm dự định đặt tên là Harold. Nhưng mỗi lần đều có người giúp đỡ và trấn an – mẹ Agnes giúp Alfred, một nữ hộ sinh trong làng giúp Matilda và Harold, và một bà trong ấp giúp Martha. Lần này ông phải tự làm lấy một mình. Nhưng ông không được tỏ ra lo lắng: ông phải làm cho bà cảm thấy hạnh phúc và tin tưởng.

Bà nhẹ nhõm khi cơn co thắt qua đi. Tom nói: "Em có nhớ khi Martha được sinh ra, bà Isabella đã giúp như một nữ hộ sinh?"

Agnes mỉm cười. "Khi đó anh đang xây một nhà nguyện và anh yêu cầu bà sai người giúp việc đi đem bà đỡ từ làng về... Và bà ấy nói: 'bà phù thủy say rượu đó ư?' Và bà đưa chúng ta vào phòng của bà, và chủ Robert đã không thể lên giường cho đến khi Martha được sinh ra."

"Bà ấy là người đàn bà tốt."

"Không có nhiều người phụ nữ giống bà ấy."

Alfred trở về với chiếc nồi đầy nước. Tom để nó xuống gần đồng lửa, không gần quá vì sợ nó sôi, chỉ để gần để có nước ấm. Agnes thò tay vào trong áo khoác, lấy ra một túi lụa nhỏ có đựng một miếng giẻ sạch mà bà đã chuẩn bị.

Martha trở lại, tay cầm đầy lau sậy. Cô ngồi xuống tuốt lá. "Bố cần vòng sậy để làm gì?" cô hỏi.

"Một việc rất quan trọng, rồi con sẽ thấy," Tom nói. "Hãy làm thật tốt."

Alfred nhìn bồn chồn và bối rối. "Con đi thu thêm củi," Tom nói với cậu. "Hãy làm một đồng lửa lớn hơn." Cậu trai ra đi, vui vì có cái gì đó để làm.

Khuôn mặt của Agnes căng thẳng khi bà bắt đầu rặn, đẩy đứa nhỏ ra khỏi bụng, tạo ra một tiếng động giống như một cây rung rinh trong bão. Tom có thể nhìn thấy rằng sự cố gắng này lấy đi sức mạnh dự trữ cuối cùng của bà; và ông ước muốn với tất cả tâm hồn rằng ông có thể rặn thay bà, chịu đựng thay cho bà và cho bà một chút nhẹ nhàng. Sau cùng, dường như sự đau đớn giảm dần, và Tom có thể thở. Agnes dường như chìm vào giấc ngủ.

Alfred trở về, trên tay đầy củi.

Agnes tỉnh lại và nói. "Em lạnh quá."

Tom nói: "Alfred, hãy đốt thêm lửa. Martha, nằm xuống bên mẹ và giữ cho mẹ ấm." Cả hai vâng lời với đôi mắt lo âu. Agnes vòng tay ôm Martha và giữ chặt cô, run rẩy.

Tom đầy lo âu. Ngọn lửa bùng lên, nhưng không khí lại lạnh hơn. Nó dường như quá lạnh đến nỗi nó có thể giết chết đứa bé qua hơi thở đầu tiên của nó. Sinh ra ở ngoài đường là chuyện đã được biết tới; trong thực tế nó thường xảy ra trong mùa gặt, khi mọi người quá bận rộn và người đàn bà phải làm cho tới giây phút cuối; nhưng trong mùa gặt mặt đất khô ráo, cỏ mềm mại và không khí dịu dàng. Ông đã chẳng bao giờ nghe nói về đàn bà sinh con bên ngoài trong mùa đông.

Agnes rướn người, chống mình trên khuỷu tay và dang rộng chân.

"Cái gì vậy?" ông hỏi bằng giọng sợ hãi.

Bà quá căng thẳng để trả lời.

Tom nói: "Alfred, hãy quỳ sau lưng mẹ, cho mẹ dựa lưng vào."

Khi Alfred vào vị trí, Tom mở áo choàng của Agnes và mở cúc váy. Quỳ giữa hai chân bà, ông có thể nhìn thấy cửa miệng đã rộng ra một chút. "Không lâu đâu em," ông thì thầm, cố giữ giọng nói không run vì lo sợ.

Bà thoải mái ra, nhắm nghiền đôi mắt và dựa thân mình vào Alfred. Cửa miệng dường như đã co lại một chút. Rừng như im lặng, chỉ còn tiếng lửa kêu lách tách. Bất thành linh Tom nghĩ về người phụ nữ sống bên ngoài pháp luật, Ellen, đã sinh con một mình trong rừng. Thật đáng sợ. Bà lo sợ một con sói có thể đến trong lúc bà bất lực và tha đứa trẻ mới sinh đi, bà ấy

đã kể. Năm nay sói táo bạo hơn bình thường, người ta nói, nhưng chắc chắn chúng sẽ không dám tấn công một nhóm bốn người.

Agnes căng thẳng thêm và những hạt mồ hôi xuất hiện trên khuôn mặt méo mó của bà. Lần này đứa bé sẽ ra, Tom nghĩ. Ông sợ hãi. Ông xem cửa miệng một lần nữa, và lần này ông có thể nhìn thấy, qua ánh sáng của đồng lửa, mái tóc đen của đầu em bé đang được đẩy ra. Ông nghĩ đến cầu nguyện, nhưng bây giờ không còn thời gian để cầu nguyện. Agnes bắt đầu thở ngắn và nhanh. Cửa miệng giãn nở rộng hơn – rộng không thể tin được - và chiếc đầu đứa bé đi xuyên qua, mặt úp xuống. Một lúc sau Tom nhìn thấy đôi tai nhẵn bên cạnh đầu đứa bé, rồi làn da gấp nơi cổ. Ông chưa có thể xác nhận được đứa bé có bình thường không.

"Đầu nó ra rồi," ông nói, nhưng Agnes biết điều đó, dĩ nhiên, bởi vì bà có thể cảm thấy nó, và bà thấy thoải mái hơn. Chậm rãi đứa bé quay lại, vì thế Tom có thể nhìn thấy đôi mắt nhắm và cái miệng ướm đầy máu và các chất lỏng trong lòng mẹ.

Martha kêu lên: "Ôi! Hãy nhìn khuôn mặt nhỏ xíu của nó kìa!"

Agnes nghe cô nói, mỉm cười, rồi lại căng thẳng trở lại. Tom cúi xuống giữa hai đùi của bà và đỡ chiếc đầu nhỏ bằng bàn tay trái khi vai nó ra, trước hết một bên, rồi hai bên. Sau đó, phần còn lại của cơ thể tuột ra nhanh chóng, và Tom đặt bàn tay phải dưới mông đứa bé và giữ nó khi bàn chân bé nhỏ đó trườn vào sự lạnh lẽo của thế giới.

Cửa miệng của Agnes bắt đầu đóng lại ngay xung quanh sợi dây rốn màu xanh bắt đầu từ chiếc rốn của đứa bé.

Tom nhắc đứa bé và xem xét nó một cách lo lắng. Có nhiều máu, và ông sợ có điều gì ghê gớm không đúng xảy ra; nhưng qua sự kiểm soát cẩn thận ông không thấy thương tích nào. Ông nhìn vào giữa hai chân đứa bé. Nó là con trai.

"Trông nó ghê gớm!" Martha nói.

"Nó hoàn hảo," Tom nói, và ông cảm thấy nhẹ mình. "Một đứa con trai hoàn hảo."

Đứa bé mở miệng và khóc.

Tom nhìn Agnes. Ánh mắt họ gặp nhau và họ mỉm cười.

Tom ôm đứa bé mỏng manh sát vào ngực mình. "Martha, lấy cho bố một bát nước từ trong nồi." Cô nhẩy lên để làm điều ông ra lệnh. "Miếng giẻ để ở đâu, Agnes?" Agnes chỉ vào túi bằng lụa nằm trên mặt đất bên cạnh vai bà. Alfred đưa nó cho Tom. Khuôn mặt cậu tràn nước mắt. Đây là lần đầu tiên cậu nhìn thấy đứa trẻ được sinh ra.

Tom nhúng miếng giẻ vào bát nước nóng và nhẹ nhàng rửa sạch máu và nước nhờn trên mặt đứa bé. Agnes cởi hàng cúc phía trước của áo dài và Tom đặt đứa bé vào vòng tay bà. Nó vẫn khóc. Tom quan sát, sợi dây rốn màu xanh từ bụng đứa bé đến háng của Agnes ngừng đập, teo lại và biến thành màu trắng.

Tom nói với Martha: "Con đưa cho bố những sợi dây con làm. Bây giờ con sẽ thấy công dụng của nó."

Cô đưa cho ông hai sợi dây làm bằng lau sậy. Ông cột chung quanh giây rốn ở hai nơi, kéo nút cột chặt lại. Rồi ông dùng dao cắt dây rốn giữa hai nút cột.

Ông ngồi xuống trên chân mình. Họ đã vượt qua. Điều nguy hiểm nhất đã qua và đứa bé mạnh khỏe. Ông cảm thấy tự hào.

Agnes di chuyển đứa bé để mặt nó áp vào ngực bà. Miệng nhỏ xiu của nó tìm núm vú to của bà, ngừng khóc và bắt đầu mút.

Martha nói bằng giọng hí hửng: "Làm sao nó biết nó phải làm điều đó?"

"Đó là một mẫu nhiệm," Tom nói. Ông đưa bát cho cô và nói: "Lấy cho mẹ con một ít nước sạch để uống."

"Vâng," Agnes nói với lòng biết ơn, như thể bà vừa nhận ra rằng bà quá khát. Martha đem nước đến và bà uống sạch. "Thật tuyệt vời," bà nói. "Cảm ơn con."

Bà nhìn xuống đứa bé đang bú, rồi nhìn lên Tom. "Anh là người đàn ông tốt," bà lặng lẽ nói. "Em yêu anh."

Tom thấy nước mắt mình rơi. Ông mỉm cười với bà, rồi cúi xuống nhìn. Ông thấy bà vẫn ra nhiều máu. Sợi dây rốn nằm cuộn tròn trong vũng máu trên áo khoác của Tom, giữa chân của Agnes.

Ông nhìn lên lần nữa. Đứa bé đã thôi bú và chìm vào giấc ngủ. Agnes phủ chiếc áo choàng lên nó, rồi bà nhắm mắt lại.

Một lúc sau, Martha nói với Tom: "Bố đang chờ gì thế"

"Nhau thai," Tom nói với cô.

"Cái đó là cái gì?"

"Rồi con sẽ thấy."

Bà mẹ và đứa bé ngủ vùi một lúc, rồi Agnes mở mắt. Bắp thịt của bà căng thẳng, cửa mình của bà giãn ra một chút và nhau thai xuất ra. Tom cầm lấy nó trong tay và quan sát nó. Nó giống như cái gì đó trên bàn hàng thịt. Nhìn kỹ hơn ông thấy dường như nó bị rách, như thiếu một miếng. Nhưng ông chẳng bao giờ nhìn kỹ nhau thai, và ông cho rằng nó luôn luôn như thế, bởi vì luôn luôn nó phải tách ra từ dạ mẹ. Ông cho nó vào lửa. Khi nó cháy, nó có một mùi khó chịu, nhưng nếu ông ném nó đi, nó sẽ thu hút cáo và ngay cả chó sói đến.

Agnes vẫn còn chảy máu. Tom nhớ rằng bao giờ nhau thai cũng đi ra theo máu, nhưng ông không nhớ nhiều lắm. Ông nhận ra rằng sự nghiêm trọng chưa qua khỏi. Ông cảm thấy mệt vì sự căng thẳng và vì thiếu ăn; nhưng sự làm việc say mê đã giúp ông vượt qua và ông ghìm mình lại.

"Em vẫn còn ra máu, một ít," ông nói với Agnes, cố gắng để âm thanh không mang theo sự lo lắng như ông đang có.

"Nó sẽ ngưng thôi," bà nói. "Hãy đắp cho em."

Tom cài nút chiếc váy của bà, rồi quấn áo khoác chung quanh chân bà.

Alfred hỏi: "Bây giờ con có thể nghỉ một chút không?"

Cậu vẫn còn quỳ đằng sau Agnes và đỡ bà. Cậu chắc bị tê, Tom nghĩ, vì ở mãi trong một tư thế.

"Bố sẽ thay con," Tom nói.

Agnes sẽ thoải mái hơn với đứa bé nếu nửa phần trên của bà nằm cao hơn, ông nghĩ; và một thân thể đằng sau bà cũng giữ bà ấm và bảo vệ bà khỏi gió. Ông đổi chỗ cho Alfred. Alfred lăm bắm vì đau khi duỗi chân ra. Tom vòng tay quanh Agnes và đứa bé. "Em cảm thấy thế nào?" ông hỏi bà.

"Chỉ thấy mệt."

Đứa bé khóc. Agnes di chuyển để nó có thể tìm thấy núm vú. Khi nó bú, bà lại chìm vào giấc ngủ.

Tom băn khoăn. Một mỗi là chuyện thường, nhưng đối với Agnes đó là một trạng thái hôn mê, điều đó làm ông lo lắng. Bà yếu quá.

Đứa bé ngủ, và một lúc sau hai đứa trẻ cũng ngủ thiếp đi, Martha cuộn tròn bên Agnes và Alfred duỗi dài phía bên kia ngọn lửa. Tom giữ Agnes trong vòng tay, vuốt ve bà nhẹ nhàng. Lâu lâu ông lại hôn lên trán bà. Ông cảm thấy cơ thể bà thoải mái hơn khi bà chìm sâu trong giấc ngủ. Có lẽ đó là điều tốt nhất cho bà, Tom quyết định. Ông sờ lên má bà. Da bà lạnh và ẩm ướt, mặc dù ông đã cố gắng giữ cho bà ấm. Ông đưa tay vào trong áo choàng và sờ lên ngực đứa bé. Đứa bé ấm và tim nó đập mạnh. Tom mỉm cười. Một đứa bé dẻo dai; một đứa bé sống sót.

Agnes xúc động. "Tom?"

"Em."

"Anh có nhớ đêm em đến với anh, trong căn lều của anh, khi anh còn làm việc cho nhà thờ của bố em?"

"Dĩ nhiên rồi," ông nói, vỗ nhẹ vào bà. "Làm sao anh có thể quên được?"

"Em chẳng bao giờ hối hận đã trao thân cho anh. Chẳng một lúc nào. Mỗi khi em nghĩ về buổi tối đó, em rất hạnh phúc."

Ông mỉm cười. Ông vui vì được biết điều đó. "Anh cũng vậy," ông nói. "Anh rất vui vì em đã làm điều đó."

Bà thiếp ngủ một lúc, rồi lại nói: "Em hy vọng anh sẽ xây nhà thờ chính tòa của anh."

Ông ngạc nhiên. "Anh cứ nghĩ là em chống lại chuyện đó."

"Vâng, nhưng em sai. Anh xứng đáng cho một cái gì đó thật tuyệt vời."

Ông không hiểu bà muốn nói gì.

"Hãy xây một ngôi nhà thờ chính tòa thật đẹp cho em," bà nói.

Bà không hoàn toàn tỉnh táo. Ông vui khi bà thiếp ngủ một lần nữa. Lần này cơ thể bà ủ rũ, đầu bà nghiêng qua một bên. Tom đỡ đứa bé để đầu nó không rơi khỏi ngực bà.

Họ nằm như vậy một lúc lâu. Cuối cùng em bé thức dậy và khóc. Agnes không trả lời. Tiếng khóc đánh thức Alfred và cậu lặn qua nhìn vào em mình.

Tom nhẹ nhàng lay Agnes. "Thức dậy đi em," ông nói. "Con đòi ăn."

"Bố ơi!" Alfred nói trong sợ hãi. "Hãy nhìn vào mặt mẹ."

Tom có linh tính. Bà đã chảy quá nhiều máu. "Agnes!" ông nói. "Dậy đi em!" Không có trả lời. Bà bất tỉnh. Ông bật dậy, đặt bà nằm thẳng xuống trên nền đất. Mặt bà trắng khùng khiếp. Tiên đoán những gì kinh khủng sẽ đến, ông mở nếp gấp của áo choàng quanh đùi bà.

Máu ở khắp nơi.

Alfred thở hỗn hển.

Tom thì thầm: "Xin Chúa Giêsu Kitô cứu chúng con."

Tiếng đứa bé khóc đánh thức Martha. Cô thấy máu và hét lên. Tom bế cô lên, đánh lên má cô. Cô im lặng. "Đừng la to," ông bình tĩnh nói và đặt cô xuống đất.

Alfred hỏi: "Có phải mẹ mất rồi không?"

Tom đặt tay lên ngực Agnes, ngay phía bên trái ngực bà. Tim không còn đập.

Không còn nhịp tim.

Ông nhấn mạnh hơn. Da thịt bà ấm áp, và phần dưới ngực nặng của bà đung vào tay ông, nhưng bà không còn thở, và không còn nhịp tim.

Một cái lạnh tê cóng ụp xuống trên Tom như một lớp sương mù. Bà đã đi. Ông nhìn chăm chăm vào khuôn mặt bà. Làm sao mà bà lại không còn ở đây được? Tom muốn bà cử động, mở đôi mắt, lôi kéo hơi thở. Ông giữ tay trên ngực bà. Một đôi khi trái tim có thể hoạt động lại, người ta nói như vậy – nhưng bà đã mất quá nhiều máu...

Ông nhìn Alfred. "Mẹ đã qua đời," ông thì thào.

Alfred nhìn vào ông im lặng. Martha bắt đầu khóc. Tôi phải chăm sóc chúng, Tom nghĩ. Tôi phải vì chúng mà mạnh mẽ.

Nhưng Tom muốn khóc, muốn đặt vòng tay xung quanh bà và giữ thân thể bà khỏi lạnh dần, và nhớ lại khi bà còn là một thiếu nữ, rồi cười nói, rồi yêu nhau. Ông khóc thốn thức, giơ nắm tay lên trời vô tình. Ông nén tim ông. Ông phải tỉnh táo, phải mạnh mẽ vì những đứa con.

Không có nước mắt chảy trên mặt ông.

Ông nghĩ: Tôi phải làm gì trước?

Đào một huyệt.

Tôi phải đào một huyệt sâu, đặt bà nằm trong đó để tránh chó sói, và bảo vệ xương cốt của bà cho đến ngày phán xét; và rồi đọc kinh cho linh hồn bà. Ôi Agnes, Tại sao em lại để anh một mình?

Đứa bé mới sinh vẫn đang khóc. Mắt nó nhắm nghiền, và miệng nó đóng mở nhịp nhàng như nó có thể nhận lương thực từ không khí. Nó cần ăn. Ngực của Agnes căng đầy sữa ấm. Tại sao không? Tom nghĩ. Ông chuyển đứa bé về phía ngực bà. Đứa bé tìm thấy núm vú và bú. Tom quấn áo choàng của Agnes chặt hơn xung quanh đứa bé.

Martha chăm chú nhìn, mắt mở to, miệng mút ngón tay. Tom nói với cô: "Con có thể giữ em ở đó để nó không rơi xuống không?"

Cô gật đầu rồi quỳ xuống bên cạnh người mẹ đã chết và đứa em.

Tom nhặt chiếc xẻng. Bà đã chọn vị trí này để nghỉ, và bà đã ngồi dưới bóng cây hạt dẻ. Hãy chọn nơi này làm nơi cho bà an nghỉ. Ông thối thức, chiến đấu chống lại sự lười cuốn muốn ngồi xuống mà khóc. Ông đánh dấu một hình vuông trên mặt đất, vài mét xa khỏi gốc cây, nơi không có rễ cây; sau đó ông bắt đầu đào.

Công việc làm ông thoải mái ra. Khi ông tập trung cắm chiếc xẻng xuống mặt đất khô cứng và hất đất đi, phần tâm trí còn lại của ông trở nên trống rỗng và ông tìm được bình tĩnh. Ông thay đổi với Alfred, bởi vì cậu cũng có thể tìm thấy sự thoải mái trong công việc chân tay đều đặn. Họ đào nhanh, cố gắng nhiều, và mặc dù trời lạnh buốt, cả hai đổ mồ hôi như trời đang nóng ban trưa.

Đến lúc Alfred nói: "Như vậy chưa đủ sao?"

Tom nhận ra rằng ông đang đứng trong một hố sâu, sâu bằng chiều cao của ông. Ông không muốn công việc chấm dứt. Ông miễn cưỡng gật đầu. "Được rồi," ông nói. Rồi ông trèo ra ngoài.

Bình minh đã lên khi ông đào xong. Martha đã bế đứa bé lên, ngồi bên đống lửa và ru nó. Tom đến gần Agnes và quỳ xuống. Ông quấn áo choàng chặt quanh người bà, để chừa mặt bà ra, rồi bế bà lên. Ông đi đến ngôi mộ và đặt bà nằm bên cạnh. Rồi ông nhảy xuống hố.

Ông đưa bà xuống, đặt bà nhẹ nhàng trên mặt đất. Ông nhìn bà một lúc lâu, quỳ xuống bên cạnh bà trong ngôi mộ lạnh lẽo của bà. Ông hôn môi bà

lần cuối, một cách dịu dàng. Rồi ông vuốt mắt bà.

Ông trèo lên khỏi ngôi mộ. "Các con hãy đến đây," ông nói. Alfred và Martha đến gần, mỗi người đứng một phía bên ông, Martha ôm em bé. Tom đặt vòng tay xung quanh mỗi đứa. Họ nhìn vào mộ, Tom nói: "Các con hãy nói: Xin Chúa chúc phúc cho mẹ con!"

Cả hai cùng nói: "Xin Chúa chúc phúc cho mẹ con."

Martha thốn thức và nước mắt của Alfred chảy ra. Tom ôm cả hai con vào lòng và nuốt dòng nước mắt của mình.

Ông buông chúng và nhặt chiếc xẻng lên. Martha hét lớn khi ông hất xẻng đất đầu tiên xuống mộ. Alfred đặt cánh tay quanh em gái. Tom tiếp tục xúc. Ông không thể chịu đựng được khi hất đất lên mặt bà, vì thế ông phủ đất từ bàn chân bà, rồi chân bà và mình bà, và chất đất thành đống cao, tạo thành một gò đất, vì thế mà mỗi xẻng đất sau đó chảy xuống, phủ cổ bà, rồi miệng bà mà ông đã hôn, và sau cùng khuôn mặt bà bị phủ kín, không bao giờ còn được nhìn thấy một lần nữa.

Ông nhanh chóng đổ đất đầy ngôi mộ.

Khi xong việc, ông đứng nhìn gò đất. "Vĩnh biệt em, em yêu," ông thì thầm. "Em là người vợ tốt, và anh yêu em."

Với một cố gắng, ông quay đi.

Chiếc áo choàng của ông vẫn còn trên mặt đất nơi Agnes đã nằm sinh con. Nửa dưới đầm ướt với nước đã đóng băng và máu khô. Ông lấy dao và cắt vào giữa áo khoác. Ông ném phần có máu vào trong lửa.

Martha vẫn ôm em. "Đưa em cho bố," Tom nói. Cô nhìn chăm chăm vào ông với sự sợ hãi trong ánh mắt. Ông quần đứa bé trần truồng trong phần sạch của áo khoác và đặt nó trên mộ. Đứa bé khóc.

Ông quay về phía các con. Chúng nhìn ông chăm chăm, yên lặng. Ông nói: "Chúng ta không có sữa để cho em bé sống, vì thế nó sẽ phải ở lại đây với mẹ nó."

Martha nói: "Nhưng em sẽ chết."

"Đúng," Tom nói, kiềm giọng nói thật cứng. "Bất cứ chúng ta làm gì, đứa bé cũng sẽ chết." Ông ước muốn đứa bé ngừng khóc.

Ông thu thập tài sản còn lại và đặt chúng vào trong nôi, rồi đeo nôi sau lưng, như Agnes vẫn làm.

"Chúng ta đi," ông nói.

Martha bắt đầu sụt sùi. Alfred mặt trắng bệch. Họ lên đường trong ánh sáng xám của một buổi sáng trời lạnh. Sau cùng tiếng khóc của đứa bé yếu dần rồi biến mất.

Ở lại bên ngôi mộ không tốt, vì các đứa trẻ không thể ngủ ở đó, và một đêm canh thức cũng không mang lại gì. Vì thế, tiếp tục di chuyển sẽ tốt hơn cho mọi người.

Tom bước nhanh, nhưng tư tưởng của ông bây giờ bay nhảy tự do, ông không còn kiểm soát được chúng. Không có gì để làm, trừ đi bộ: không có thỏa thuận để thực hiện, không có việc để làm, không có gì để lên kế hoạch, không có gì để nhìn vào, ngoài trừ khu rừng ảm đạm và bóng đêm chập chờn trong ánh đuốc. Ông nghĩ về Agnes, lần theo dấu kỷ niệm, rồi tự mỉm cười, và nói với bà những gì ông nhớ; sau đó ông bàng hoàng khi nhận ra là bà đã chết, sự bàng hoàng như một nỗi đau thể lý giáng xuống trên ông. Ông thấy mình lúng túng, như thể một cái gì đó hoàn toàn không thể hiểu nổi đã xảy ra, mặc dù chết khi sinh con là chuyện thường tình trong thế giới phụ nữ trong lứa tuổi của bà, và góa vợ trong thế giới đàn ông trong lứa tuổi của ông. Nhưng cảm giác về sự mất mát như một vết thương đau. Ông đã nghe nói rằng những người bị cắt những ngón chân không thể đứng lên được và luôn luôn bị ngã cho đến khi họ học đi. Ông cảm thấy giống như vậy, như một phần của ông bị cắt bỏ, và ông không thể quen được với tư tưởng rằng nó đã mất vĩnh viễn.

Ông cố gắng không nghĩ về bà, nhưng ông vẫn nhớ bà ra sao khi bà chết. Nó dường như không thể tin được là mới cách đây mấy giờ bà vẫn sống, và bây giờ bà không còn nữa. Ông nhớ lại khuôn mặt bà, khi bà cố sức sinh con và nụ cười hãnh diện khi bà nhìn vào đứa bé. Ông nhớ lại những gì bà nói với ông sau đó: Em hy vọng anh sẽ xây nhà thờ chính tòa của anh ; và sau đó, xây một nhà thờ chính tòa thật đẹp cho em.

Bà đã nói như thế bà biết là bà sẽ chết.

Khi tiếp tục đi, ông nghĩ nhiều hơn về đứa bé ông đã để lại, quần trong nửa áo choàng, nằm trên ngôi mộ mới. Có lẽ nó vẫn sống, trừ khi một con cáo đã ngửi thấy mùi nó. Tuy nhiên nó sẽ chết trước khi mặt trời lên. Nó sẽ còn khóc một lúc nữa, rồi nó sẽ nhắm mắt lại. Trong giấc ngủ nó sẽ bị cảm lạnh, và đời nó sẽ trôi qua nhanh chóng.

Trừ khi một con cáo đã ngửi thấy mùi của đứa bé.

Tom không thể làm được gì cho đứa bé. Nó cần sữa để sống còn, nhưng ông không có: không có làng xóm nơi Tom có thể tìm thấy một người cho nó bú, không có cừu, dê hay bò để cung cấp những gì tương tự cần thiết. Tất cả những gì ông có thể cho nó là củ cải, và chắc chắn củ cải cũng giết nó như con cáo.

Càng đi việc nghĩ đến đứa bé bị bỏ rơi càng làm ông khinh hoàng. Ông biết, nó là một điều thường xảy ra: Những nông dân có gia đình lớn và nông trại nhỏ, thường bỏ rơi trẻ sơ sinh cho chết, và đôi khi vị linh mục cũng ngoảnh mặt làm ngơ; nhưng Tom không thuộc nhóm người đó, ông nghĩ. Ông sẽ mang nó trên tay cho đến khi nó chết, và rồi chôn nó. Dĩ nhiên nó không mang lại gì, nhưng nó là những điều hợp lý cần phải làm.

Ông nhận ra trời đã sáng.

Đột nhiên ông dừng lại.

Các đứa trẻ đứng yên, nhìn chăm chăm vào ông chờ đợi. Chúng đã sẵn sàng cho mọi chuyện; không còn gì là bình thường nữa.

"Bố không nên bỏ rơi em," Tom nói.

Alfred nói: "Nhưng chúng ta không thể nuôi em. Em đã gắn liền với sự chết."

"Tuy nhiên bố không nên bỏ rơi em," Tom nói.

Martha nói: "Chúng ta quay trở lại."

Tom vẫn còn do dự. Quay trở lại nghĩa là thừa nhận mình đã sai khi bỏ rơi đứa bé.

Nhưng đó là sự thật. Ông đã sai.

Ông quay người lại. "Đúng," ông nói. "Chúng ta quay lại."

Bây giờ tất cả những nguy hiểm mà trước đó ông cố gắng coi thường dường như bất ngờ lại có khả năng xảy ra hơn. Chắc chắn một con cáo đã

đánh mùi thấy đứa bé, và đã tha đứa bé đến hang của nó. Hay có thể đó là một con chó sói. Lợn rừng cũng nguy hiểm, mặc dù chúng không ăn thịt. Và còn con cú thì sao? Một con cú không thể tha đứa bé đi được, nhưng nó có thể mổ mắt đứa bé.

Ông bước nhanh hơn, cảm thấy choáng váng vì kiệt sức và đói. Martha phải chạy để theo kịp ông, nhưng cô không kêu ca.

Ông rất sợ những gì ông sẽ nhìn thấy khi trở lại ngôi mộ. Thú ăn thịt rất tàn nhẫn, và chúng biết khi nào một sinh vật không còn tự lực được.

Ông không chắc chắn họ đã đi được bao xa: ông đã mất cảm giác về thời gian. Khu rừng hai bên đường dường như lạ lẫm, mặc dù ông vừa đi qua đó. Ông lo lắng tìm kiếm mảnh đất nơi ngôi mộ được chôn. Chắc chắn ngọn lửa chưa tàn – họ đã đốt nó rất cao... ông xem xét kỹ các cây, tìm kiếm chiếc lá đặc biệt của loài dê ngựa. Họ đi đến một khúc quanh mà ông không nhớ và ông bắt đầu tự hỏi, có phải ông đã đi qua ngôi mộ mà không nhìn thấy nó, sau đó ông nhìn thấy một ánh sáng màu cam mờ phía trước.

Trái tim ông dường như ngừng đập. Ông bước nhanh hơn và đôi mắt mở rộng. Vâng, đó là một đồng lửa. Ông chạy nhanh. Ông nghe Martha la to, có lẽ cô nghĩ là ông bỏ rơi cô, và ông gọi to: "Chúng ta đến nơi rồi!" và ông nghe tiếng bước chân hai đứa trẻ đằng sau ông.

Ông đến ngang tầm với cây hạt dê ngựa, tim ông đập thành thịch trong lồng ngực. Ngọn lửa vẫn cháy. Có đồng gỗ. Có mảng máu trên mặt đất nơi Agnes đã chảy máu đến chết. Có ngôi mộ, một u đất mới mà dưới đó bà đang nằm. Và trên ngôi mộ không có gì.

Tom điên cuồng nhìn quanh, tâm trí của ông hỗn loạn. Không có dấu hiệu gì về đứa bé. Dòng nước mắt thất vọng chảy trên mắt Tom. Ngay cả nửa mảnh áo choàng quấn đứa bé cũng biến mất. Tuy nhiên ngôi mộ không bị xáo trộn – không có dấu chân của thú vật trên mặt đất mềm, không có máu, không có dấu hiệu là đứa bé đã bị kéo đi...

Tom bất ngờ cảm thấy là ông không còn nhìn thấy rõ nữa, ngay cả ông không còn suy nghĩ được nữa. Bây giờ ông biết ông đã làm một điều khủng khiếp là bỏ rơi đứa bé khi nó vẫn còn sống. Khi ông biết nó đã chết, ông có

thể nhắm mắt ngủ. Nhưng có lẽ nó vẫn còn sống ở một nơi nào đó, một nơi rất gần. Ông quyết định đi xung quanh tìm nó.

Alfred hỏi: "Bố đi đâu?"

"Chúng ta phải đi tìm em," ông nói với các con.

Ông để chúng đi xung quanh, xa ngọn lửa, xuyên qua bụi cây. Ông cảm thấy bối rối, nhưng ông cố gắng tập trung vào một việc, một việc cấp thiết là tìm ra đứa bé. Giờ này ông không cảm thấy đau buồn, ông chỉ còn một quyết tâm khốc liệt, mạnh mẽ và trong tâm trí một nhận biết kinh hoàng rằng tất cả việc này là do lỗi của ông. Ông mò mẫm trong rừng, bối tung mặt đất bằng đôi mắt, lâu lâu dừng bước lại để nghe ngóng tiếng khóc đều đều không thể nhầm lẫn được của trẻ sơ sinh; nhưng khi ông và các con yên lặng, khu rừng cũng lặng im.

Ông đã mất dấu tích thời gian. Ông không còn biết ông đã đi bao lâu. Ông đi theo vòng tròn, nên một lúc sau ông lại trở về chốn cũ, nhưng khoảng thời gian của mỗi vòng mỗi lúc một lâu hơn. Ông tự hỏi tại sao ông chưa đi qua túp lều của viên kiểm lâm và ông mơ hồ biết rằng ông đã lạc lối, và có lẽ ông không còn đi vòng quanh ngôi mộ, mà thay vào đó ông đã ngẫu nhiên đi xuyên qua rừng; nhưng điều đó không quan trọng, miễn là ông vẫn tiếp tục tìm kiếm.

"Bố ơi!" Alfred nói.

Tom nhìn cậu, tức tối vì dòng tư tưởng bị ngắt ngang. Alfred cũng Martha, cô dường như ngủ vùi trên lưng anh. Tom hỏi: "Gì vậy con?"

"Chúng ta có thể nghỉ một chút không?" Alfred hỏi.

Tom do dự. Ông không muốn dừng lại, nhưng Alfred trông như muốn gục. "Được," ông nói miễn cưỡng. "Nhưng không quá lâu."

Họ đang lên dốc. Có lẽ có một dòng nước dưới chân dốc. Ông khát. Ông đỡ lấy Martha, bế cô trong tay và đi xuống dốc. Như mong đợi, ông tìm thấy một dòng suối nhỏ trong lành, các bờ rìa đã đóng băng. Ông đặt Martha xuống bên bờ. Cô không tỉnh dậy. Ông và Alfred quỳ xuống, múc nước lạnh trong tay.

Alfred nằm xuống bên cạnh Martha và nhắm mắt lại. Tom nhìn quanh. Ông ở trong một khoảng rừng thưa đầy lá rụng. Hàng cây xung quanh thấp,

cây sồi rậm rạp, những cành trần quăn vào với nhau trên đầu. Tom đi ngang cánh rừng thưa, nghĩ sẽ tìm ra đứa bé đằng sau hàng cây, nhưng khi ông đến được phía bên kia, chân ông rã rời và ông buộc phải ngồi xuống đột ngột.

Trời đầy ánh sáng ban ngày, nhưng sương mù bao phủ và dường như trời không ấm hơn so với nửa đêm. Ông run rẩy, không còn kiểm soát được mình. Ông nhận ra rằng ông đã đi loanh quanh mà chỉ mặc có chiếc áo trong. Ông ngạc nhiên không biết chiếc áo khoác của ông ở đâu, nhưng ông không còn nhớ được. Có thể vì sương mù hay mắt ông có chuyện gì xảy ra, bởi vì ông không còn có thể nhìn thấy những đứa con ở phía xa bên kia khu rừng thưa. Ông muốn chỗi dậy đi về phía chúng, nhưng chân ông có một cái gì đó không ổn.

Một lúc sau, ánh sáng mặt trời yếu ớt xuyên qua đám mây, và chẳng bao lâu sau thiên thần xuất hiện.

Bà đến từ hướng đông, mặc một chiếc áo choàng mùa đông bằng lông cừu, tất cả màu trắng. Ông nhìn bà đến gần mà không ngạc nhiên hay tò mò. Ông nhìn bà bằng ánh mắt vô tri, trống rỗng, không cảm xúc như thể ông nhìn vào những cây sồi to lớn xung quanh. Khuôn mặt trái soan của bà được che bởi mái tóc đen rậm, và áo choàng che giấu bàn chân, vì thế mà dường như bà lướt đi trên lá khô. Bà dừng lại trước mặt ông, và đôi mắt vàng rờn nhợt của bà dường như có thể nhìn vào tâm hồn ông và hiểu nỗi đau của ông. Bà nhìn quen thuộc, như gần đây ông đã nhìn thấy hình thiên thần này trong một nhà thờ nào đó. Rồi bà cởi áo khoác. Dưới lớp áo đó bà trần truồng. Bà có thân thể của một phụ nữ trần gian vào lứa tuổi giữa đôi mươi, với làn da nhợt nhạt và núm vú hồng. Tom luôn luôn cho rằng thân thể thiên thần hoàn toàn không có lông, nhưng thiên thần này là một ngoại lệ.

Bà ngồi xuống trên đầu gối trước mặt ông, nơi ông ngồi gác chân lên nhau dưới một cây sồi. Bà nghiêng người về phía ông và hôn vào môi ông. Ông đã quá choáng váng bởi cú sốc trước đó, nên không có thể cảm nhận được sự ngạc nhiên vào lúc này. Bà đẩy ông xuống nhẹ nhàng cho đến khi ông nằm thẳng, rồi bà cởi áo choàng và nằm trên ông, ép chặt cơ thể trần

trường của bà vào ông. Ông cảm thấy hơi nóng của thân thể bà xuyên qua bộ áo trong của ông và ông ngừng run rẩy.

Bà ôm khuôn mặt đầy râu của ông trong tay và hôn ông, khao khát, giống như một người uống một ly nước lạnh sau một ngày dài khô cổ. Lúc sau bà đưa tay lần theo cánh tay ông xuống đến cổ tay, rồi cầm bàn tay ông đưa lên ngực bà. Một cách phản xạ, ông nắm chặt chúng. Chúng mềm mại và săn chắc và núm vú bà căng lên dưới ngón tay ông.

Trong tâm trí ông tưởng tượng mình đã chết. Thiên đường không được coi là như thế này, ông biết, nhưng ông hầu như không quan tâm. Ông đánh mất khả năng phê phán, khả năng suy tư hợp lý. Và ông để cho thân xác ông điều khiển. Ông rướn người lên, ép cơ thể ông mạnh vào bà, hút lấy sức mạnh từ hơi nóng và sự trần truồng của bà. Bà mở miệng và đẩy lưỡi bà vào miệng ông, tìm kiếm lưỡi ông, và ông hăm hờ đáp lại.

Bà đẩy mình ra xa ông một chút, nâng cao người lên khỏi thân thể ông. Ông quan sát, sững sờ, khi bà kéo chiếc váy lên cao, rồi bà ngồi trên ông. Với đôi mắt nhìn xuyên qua tất cả bà nhìn ông, rồi bà hạ mình xuống. Đó là giây phút trêu ngươi khi thân thể họ đụng nhau, và bà lưỡng lự; rồi ông cảm thấy mình ở trong bà. Nó là một cảm xúc của khoái lạc vô bờ, ông cảm thấy mình có thể nổ tung vì sung sướng. Bà cử động đôi hông, mỉm cười với ông và hôn lên khuôn mặt ông.

Sau một thời gian ngắn, bà nhắm mắt lại, thở hỗn hển, và ông hiểu rằng bà mất sự kiềm chế. Ông quan sát bà trong niềm đam mê khoái cảm. Bà thốt ra tiếng kêu nhỏ đều đặn, di chuyển nhanh hơn và nhanh hơn, và trạng thái ngây ngất của bà đụng đến chỗ sâu thẳm nhất trong tâm hồn bị thương của ông, đến nỗi ông không biết có nên khóc cho nỗi tuyệt vọng hay hét lên vì vui hay cười vì điên dại; và rồi sự bùng nổ của khoái cảm lắc mạnh họ như những cây bị giật trong cơn bão gió, một lần nữa và một lần nữa; cho đến khi niềm đam mê của họ giảm xuống, và bà ấy gục xuống trên ngực ông.

Họ nằm như thế rất lâu. Sức nóng từ thân thể bà làm ông ấm lại. Ông trôi vào giấc ngủ nhẹ. Dường như nó ngắn, và nó giống như một giấc mơ ban

ngày hơn là một giấc ngủ thật; nhưng khi ông mở mắt, tâm trí ông minh mẫn.

Ông nhìn người phụ nữ trẻ nằm trên người ông, và ông nhận ra ngay bà không phải là một thiên thần, mà là người phụ nữ sống ngoài vòng pháp luật, Ellen, người mà ông đã gặp trong khu rừng vào ngày con heo bị mất. Bà cảm thấy ông nhúc nhích nên mở mắt ra, nhìn ông với cái nhìn vừa trù mẩn vừa sợ hãi. Bất ngờ ông nghĩ đến các con. Ông lăn Ellen nhẹ nhàng sang bên rồi ngồi dậy. Alfred và Martha nằm trên lá, quần mình trong áo choàng, và ánh mặt trời chiếu trên khuôn mặt đang ngủ của chúng. Sau đó những biến cố của tối hôm trước vụt trở lại với ông, và ông nhớ lại Agnes đã chết, và đứa trẻ mới sinh - con trai ông - đã biến mất; và ông vùi mặt vào hai bàn tay.

Ông nghe Ellen huýt sáo, tiếng sáo có âm thanh lạ. Ông nhìn lên. Một nhân vật xuất hiện từ trong rừng, và Tom nhận ra đứa con trông kỳ dị của bà, Jack, với làn da trắng chết chóc và mái tóc màu cam và đôi mắt màu xanh tươi sáng giống chim. Tom đứng lên, chỉnh sửa lại quần áo, và Ellen cũng đứng, đóng lại áo khoác.

Đứa bé mang theo vật gì đó, và cậu mang nó tới chỉ cho Tom. Tom nhận ra nó. Nó là nửa chiếc áo choàng mà Tom đã quần đứa nhỏ trước khi đặt nó trên mộ của Agnes.

Không thể hiểu được, Tom nhìn chăm chăm vào đứa bé và rồi vào Ellen. Bà nắm bàn tay ông trong tay bà, nhìn vào mắt ông, và nói: "Con ông vẫn sống."

Tom không dám tin vào bà. Câu nói đó quá kỳ diệu, quá hạnh phúc. "Nó không thể còn sống," ông nói.

"Nó còn sống."

Tom bắt đầu hy vọng. "Thật không?" ông hỏi. "Thật không?"

Bà gật đầu. "Thật. Em sẽ đưa anh đến đó."

Tom nhận ra những gì bà muốn nói là thật. Một dòng của nhẹ nhàng và hạnh phúc đổ xuống trên ông. Ông khụy xuống, quỳ gối trên mặt đất; và rồi, sau cùng, giống như cửa thoát nước được mở, ông khóc.

V

"Jack nghe tiếng trẻ thơ khóc," Ellen giải thích. "Cậu ấy đang trên đường xuống suối, tới một nơi phía bắc của vùng này, nơi cậu có thể săn vịt bằng đá. Cậu không biết phải làm gì, vì thế cậu chạy về nhà gọi em ra. Nhưng trong khi chúng em trên đường đến đó, chúng em gặp một linh mục, cười một con ngựa nhỏ, mang theo đứa bé."

Tom nói: "Anh phải tìm ông ấy."

"Đừng vội vàng," Ellen nói. "Em biết ông ấy ở đâu. Ông quẹo vào một con đường, rất gần ngôi mộ, một con đường dẫn tới một tu viện nhỏ ẩn trong rừng."

"Đứa bé cần sữa."

"Các tu sĩ có dê."

"Tạ ơn Chúa," Tom nhiệt thành nói.

"Em sẽ đưa anh tới đó, sau khi anh đã có cái gì để ăn," bà nói. "Nhưng..." bà cau mày. "Đừng vội nói với các con anh về tu viện."

Tom liếc qua cánh rừng thưa. Alfred và Martha vẫn ngủ. Jack đã đến chỗ chúng nằm và nhìn chúng chăm chăm.

"Tại sao không?"

"Em không rõ lắm... Em chỉ nghĩ nếu đợi thì khôn ngoan hơn."

"Nhưng con em sẽ nói với chúng."

Bà lắc đầu. "Cậu ấy nhìn thấy vị linh mục, nhưng em không nghĩ cậu ấy biết hết việc còn lại."

"Được." Tom nói nghiêm nghị. "Nếu anh đã biết em ở gần đây, em đã có thể cứu sống Agnes của anh."

Ellen lắc đầu, và mái tóc đen nhầy múa trên khuôn mặt bà. "Không có thể làm được gì đâu, ngoài việc giữ cho bà ấy được ấm, và anh đã làm điều ấy. Khi người đàn bà ra máu bên trong, một là nó ngưng và bà ấy cảm thấy khỏe hơn, hoặc nó không ngưng và bà ấy chết."

Dòng nước mắt Tom chảy xuống, và Ellen nói: "Em xin lỗi."

Tom gật đầu im lặng.

Bà nói: "Nhưng người sống phải lo cho người sống, và anh cần đồ ăn nóng và chiếc áo choàng mới." Bà đứng lên.

Họ đánh thức lũ trẻ. Tom nói với chúng rằng em bé được an toàn vì Ellen và Jack đã nhìn thấy một linh mục bế nó và một chút nữa Tom và Ellen sẽ đi tìm vị linh mục, nhưng trước hết Ellen muốn lo cho họ ăn. Các đứa trẻ đón nhận tin đáng ngạc nhiên này một cách bình thản: bây giờ không gì có thể làm cho chúng sửng sốt. Cũng như chúng, Tom cũng không còn có thể kinh ngạc. Đối với ông đời sống chuyển động quá nhanh, đã làm thay đổi tất cả. Nó giống như ngồi trên lưng con ngựa đang chạy trốn: mọi chuyện xảy ra quá nhanh đến nỗi không còn có giờ để phản ứng lại với các biến cố, và tất cả những gì ông có thể làm là bám chặt và cố giữ bình tĩnh. Agnes đã sinh con trong đêm lạnh và đứa bé được sinh ra khỏe mạnh diệu kỳ. Mọi chuyện dường như ổn, nhưng Agnes, người bạn đời của Tom, đã chảy máu và chết trên tay ông, và ông đã mất trí. Số phận của đứa bé dường như đã được định đoạt và họ bỏ nó lại trên mộ, sau đó họ vô vọng tìm nó. Rồi Ellen xuất hiện, và Tom đã tưởng bà là một thiên thần, và họ đã yêu nhau như trong mơ; và bà ấy nói đứa bé vẫn sống và được an toàn. Cuộc sống có bao giờ đi chậm lại hơn để Tom có thể nghĩ về những biến cố kinh hoàng này?

Họ lên đường. Tom đã luôn luôn cho rằng những người sống ngoài vòng pháp luật là những người sống trong sự bất thỉu và cơ cực, nhưng Ellen không như ông nghĩ. Tom tò mò không biết nhà bà sẽ ra sao. Bà dẫn họ trên những con đường ngoằn ngoèo xuyên qua rừng. Ở đó không có đường mòn, nhưng bà chẳng do dự bước qua con rạch, cúi mình dưới các lùm cây, vượt qua khu đầm lầy băng giá, vòng quanh các bụi rậm và thân cây to lớn của cây sồi gầy đổ. Sau cùng bà đi về phía bụi cây dâu đen và dường như biến mất trong đó. Theo sau bà, Tom thấy rằng, trái với ấn tượng đầu tiên của ông, có một lối đi hẹp xuyên qua các bụi cây. Ông đi theo bà. Bụi dâu đen đan chéo làm thành mái vòm trên đầu ông và trong đó chỉ còn ánh sáng lơ mơ. Ông đứng yên, chờ cho mắt mình quen dần với bóng tối. Dần dần ông nhận ra ông đang ở trong một hang động.

Không khí ẩm. Đằng trước ông, một ngọn lửa âm ỉ trên một lò sưởi bằng đá phẳng. Khói bay thẳng lên: có một ống khói tự nhiên ở đâu đó. Tường hang động một bên được căng bằng da sói, bên kia bằng da hươu. Một đùi thịt hun khói treo từ mái hang trên đầu ông. Ông nhìn thấy một hộp tự làm đầy táo chua, nến bắc trên bờ tường, và lau sậy khô trên nền nhà. Trong một góc bếp một nồi đang nấu, giống như trong bất cứ gia đình bình thường nào; và qua mùi vị, nó có cùng hương vị của một loại súp đặc như những người khác cũng ăn – rau luộc với xương thịt và các loại rau thơm. Tom ngạc nhiên. Nhà này thoải mái hơn nhiều nhà của các nông nô.

Ở bên kia ngọn lửa là hai chiếc nệm làm bằng da hươu và có lẽ được nhồi bằng lau sậy. Trên đầu mỗi nệm để một tấm lông sói được cuộn gọn gàng. Đó là nơi ngủ của Ellen và Jack. Ở phía sau hang động là bộ sưu tập kinh khủng về vũ khí và thiết bị săn bắn: một cây cung, nhiều mũi tên, bẫy thỏ, một số dao găm, một cây thương có đầu được mài nhọn và thoi trong lửa; và, giữa những dụng cụ thô sơ này là ba cuốn sách. Tom rất kinh ngạc: ông đã chẳng bao giờ nhìn thấy sách trong một gia đình, huống chi là trong một hang động, vì ông nghĩ sách thuộc về nhà thờ.

Cậu bé Jack lấy một bát gỗ, múc vào nồi rồi uống. Alfred và Martha chăm chú nhìn cậu một cách thèm thuồng. Ellen nhìn Tom như xin lỗi và nói: "Jack, khi chúng ta có người lạ, chúng ta mời họ trước khi chúng ta ăn."

Cậu bé nhìn chăm chăm vào bà, hoang mang. "Tại sao?"

"Bởi vì đó là một phép lịch sự cần làm. Hãy đưa cho các trẻ khác một ít súp."

Điều đó không thuyết phục Jack lắm, nhưng cậu vâng lời mẹ. Ellen đưa cho Tom một ít súp. Ông ngồi trên nền nhà và uống. Nó có hương vị của thịt, và nó sưởi ấm lòng ông. Ellen đặt một tấm lông quanh vai ông. Sau khi ông uống hết súp, ông dùng ngón tay ăn nốt rau và thịt. Hàng tuần nay rồi ông không được ăn thịt. Nó dường như là thịt vịt – có lẽ do Jack săn bằng ná bắn đá.

Họ ăn cho đến khi sạch nồi; sau đó Alfred và Martha nằm xuống trên đồng lau sậy trên nền nhà. Trước khi chúng ngủ, Tom nói với chúng rằng

ông và Ellen sẽ đi tìm vị linh mục, và Ellen nói với Jack ở lại để săn sóc chúng cho đến khi họ trở lại. Hai đứa trẻ mệt mỏi gật đầu và nhắm mắt lại.

Tom và Ellen ra đi, Tom mặc tấm lông thú mà Ellen đã đắp lên vai ông để giữ cho ông ấm. Vừa khi ra khỏi bụi dâu đen, Ellen dừng lại, quay về phía Tom, kéo đầu ông xuống và hôn lên môi ông.

"Em yêu anh," bà nói mãnh liệt. "Em yêu anh từ lúc em gặp anh lần đầu. Em luôn luôn mơ một người đàn ông mạnh mẽ và dịu dàng, và em nghĩ trên đời này không có những người đàn ông như thế. Rồi em gặp anh. Em muốn anh. Nhưng em biết anh yêu vợ anh. Trời ơi, em ghen tỵ với bà ấy. Em thật sự đau buồn vì bà ấy đã chết, thật sự đau lòng, bởi vì em có thể nhìn thấy nỗi đau trong mắt anh, và tất cả nước mắt đang chờ rơi xuống, và trái tim em vỡ ra khi em thấy anh buồn. Nhưng bây giờ bà ấy đã mất, em muốn anh là của riêng em."

Tom không biết nói gì. Khó có thể tin rằng một người phụ nữ xinh đẹp, tháo vát và tự lập lại có thể yêu ông ngay qua lần gặp gỡ đầu tiên; khó hơn nữa để biết bây giờ ông cảm thấy như thế nào. Ông vừa bị héo mòn vì mất Agnes – Ellen có lý khi nói rằng ông đang ngăn dòng nước mắt lại, bởi vì ông cảm thấy sức nặng của nó trong mắt ông. Nhưng ông cũng khao khát Ellen, với thân thể tuyệt vời nóng bỏng, với đôi mắt vàng rờn và sự ham muốn không biết xấu hổ của bà. Ông cảm thấy tội lỗi ghê gớm vì đã ham muốn Ellen khi Agnes vừa mới nằm trong mộ được mấy tiếng.

Ông nhìn bà, và một lần nữa đôi mắt của bà lại nhìn vào trái tim ông, và bà nói: "Bây giờ anh không cần phải nói gì. Anh cũng đừng phải xấu hổ. Em biết anh yêu bà ấy. Bà ấy cũng yêu anh, em có thể nói điều đó. Anh vẫn còn yêu bà ấy – dĩ nhiên rồi. Anh sẽ còn yêu bà ấy mãi mãi."

Bà đã nói ông không nên nói gì, ngoài ra ông cũng không có gì để nói. Ông bị cảm vì người phụ nữ ngoại thường này. Dường như mọi việc bà làm đều đúng. Việc bà biết chuyện gì đang đè nặng trong trái tim ông làm ông cảm thấy thoải mái hơn và bây giờ ông không cần phải xấu hổ vì điều gì nữa. Ông thở dài.

"Như vậy tốt hơn," bà nói. Bà cầm tay ông và họ cùng nhau đi ra khỏi hang động.

Sau khi đi qua khu rừng rậm chừng một dặm, họ đến một con đường. Trên đường đi Tom cứ liếc trộm Ellen, người đi bên cạnh ông. Ông nhớ lại rằng khi ông gặp bà lần đầu, ông đã nghĩ đôi mắt kỳ lạ của bà làm bà bớt đẹp đi. Ông không thể hiểu tại sao ông lại cảm thấy như thế. Bây giờ đối với ông đôi mắt kỳ lạ này là sự biểu lộ cá tính đặc biệt của bà và làm bà đẹp hoàn hảo. Chỉ có một điều là tại sao bà lại yêu ông.

Họ đi được thêm ba bốn dặm nữa. Tom vẫn mệt, nhưng tô súp đã cho ông sức mạnh; và mặc dù ông tin tưởng vào Ellen hoàn toàn, ông vẫn còn lo vì chưa nhìn thấy đứa bé tận mắt.

Khi họ có thể nhìn thấy tu viện qua hàng cây, Ellen nói: "Trước hết chúng ta chưa nên để cho các tu sĩ nhìn thấy chúng ta."

Tom không hiểu. "Tại sao?" ông hỏi.

"Anh đã bỏ rơi đứa bé. Điều đó tương tự như giết người. Em đề nghị trước hết chúng ta quan sát tu viện và xem họ ra sao."

Tom không nghĩ ông sẽ gặp rắc rối trong trường hợp này, nhưng sự cẩn thận không có hại gì, vì thế ông gật đầu đồng ý và theo Ellen vào những tàn cây. Một vài phút sau, họ nấp kín bên bìa rừng.

Đó là một tu viện rất nhỏ. Tom đã xây nhiều tu viện, và ông đoán rằng tu viện này chỉ được gọi là một cái am, một chi nhánh hay một tiền đồn của một nhà dòng hay một tu viện. Chỉ có hai tòa nhà bằng đá: nhà nguyện và nhà ở. Phần còn lại được làm bằng gỗ và phen đất: một nhà bếp, một chuồng ngựa, một kho thóc và một dãy tòa nhà nông nghiệp nhỏ hơn. Nhà cửa và khu vực nơi đây sạch sẽ và đẹp mắt, người ta có cảm tưởng rằng các tu sĩ làm việc tay chân nhiều như cầu nguyện.

Ở đó không có nhiều người. "Hầu hết các tu sĩ đã đi làm," Ellen nói. "Họ đang xây một nhà kho trên đỉnh đồi." Bà liếc nhìn lên trời. "Họ sẽ trở về vào giờ cơm trưa."

Tom quan sát khoảng rừng thưa. Ở phía trên, phía bên phải của họ, ông nhìn thấy hai nhân vật, một phần bị che bởi một đàn dê nhỏ. "Hãy nhìn," ông nói với Ellen và chỉ tay về phía hai người đó. "Người đang ngồi xuống là một linh mục, và..."

"Và ông đang giữ một cái gì đó trong lòng."

"Chúng ta hãy đến gần hơn."

Họ xuyên qua rừng, men theo khu rừng thưa, và đến một địa điểm gần đàn dê. Trái tim Tom rộn ràng khi ông nhìn thấy vị linh mục ngồi trên chiếc ghế. Ông có một đứa bé trong lòng, và đứa bé đó là của Tom. Tom nói không nên lời. Đó là sự thật, đứa nhỏ còn sống. Ông cảm thấy muốn quàng tay quanh vị linh mục và ôm ông.

Có một tu sĩ trẻ ở bên cạnh vị linh mục. Nhìn kỹ hơn, Tom thấy vị tu sĩ trẻ nhúng một miếng giẻ vào thùng sữa dê, ông đoán như thế - và đặt góc ướt sũng của miếng giẻ đó vào trong miệng đứa bé. Thật là khéo.

"Vâng," Tom nói một cách bứt rứt. "Tốt hơn anh nên đến và thú nhận những gì anh đã làm, và mang con anh về."

Ellen nhìn Tom. "Anh hãy suy nghĩ cho kỹ đã, Tom," bà nói. "Sau đó anh sẽ làm gì?"

Ông không biết hẳn bà ấy muốn gì. "Xin các tu sĩ sữa," ông nói. "Họ có thể thấy tôi nghèo. Họ cho tôi của bố thí."

"Rồi sao?"

"Vâng, anh hy vọng họ sẽ cho anh sữa để đứa bé có thể sống được trong ba ngày, cho đến khi anh đến Manchester."

"Rồi sau đó?" bà kiên nhẫn. "Anh sẽ nuôi đứa trẻ bằng cách nào?"

"Vâng, anh sẽ tìm việc làm."

"Anh đã tìm việc từ lần trước khi em gặp anh, vào cuối mùa hè," bà nói. Bà dường như có một chút cáu giận với Tom, ông không biết tại sao. "Anh không có tiền và không có đồ nghề," bà ấy tiếp tục. "Điều gì sẽ xảy ra với đứa bé, nếu anh không tìm được việc làm ở Manchester?"

"Anh không biết," Tom nói. Ông cảm thấy bị tổn thương, vì bà nói gay gắt với ông. "Anh phải làm gì? – sống như em sao? Anh không thể săn vịt bằng đá – Anh là một thợ xây."

"Anh có thể để đứa bé ở lại đây," bà nói.

Tom như bị sét đánh. "Để đứa bé lại?" ông nói. "Khi mà anh vừa mới tìm lại được nó?"

"Anh sẽ được an tâm vì đứa bé được ấm và được nuôi nấng. Anh không phải mang nó theo khi anh đi tìm việc làm. Và khi anh tìm được một việc gì

đó, anh có thể trở lại đây và mang đứa bé theo anh."

Bản năng của Tom trỗi dậy, chống lại ý tưởng đó. "Anh không biết," ông nói, "các tu sĩ sẽ nghĩ sao về việc anh bỏ rơi đứa bé?"

"Họ đã biết anh làm điều đó," bà sốt ruột nói. "Vấn đề chỉ là anh thú nhận nó bây giờ hay trễ hơn."

"Các tu sĩ có biết cách chăm sóc trẻ sơ sinh không?"

"Họ biết nhiều về việc đó như anh vậy."

"Anh nghi ngờ về điều đó."

"Vâng, họ đã nghĩ ra cách để cho một trẻ sơ sinh ăn, những đứa bé còn nhỏ chỉ biết mút."

Tom bắt đầu nhìn ra bà có lý. Mặc dù ông rất muốn giữ đứa bé trong vòng tay mình, ông cũng không thể phủ nhận được là các tu sĩ có thể chăm sóc trẻ sơ sinh tốt hơn ông. Ông không có lương thực, không có tiền và không có triển vọng tìm được việc làm. "Để nó lại một lần nữa," ông buồn bã nói. "Anh nghĩ rằng anh phải làm như vậy." Ông ở lại nơi ông đang đứng; qua khu rừng thưa ông nhìn vào nhân vật nhỏ bé trong lòng vị linh mục. Tóc nó đen, giống như tóc của Agnes. Tom đã có quyết định trong trí, nhưng ông chưa thể bỏ cậu bé được.

Sau đó một nhóm lớn các tu sĩ xuất hiện ở phía xa của khu rừng thưa, mười lăm hay hai mươi người, mang theo rìu và cưa. Một nguy hiểm có thể xảy ra nếu Tom và Ellen bị phát hiện. Họ khom người trở lại vào bụi cây. Bây giờ Tom không còn có thể thấy đứa bé nữa.

Họ đi len lỏi qua những bụi cây. Khi họ ra đến đường, họ bắt đầu chạy. Họ nắm tay nhau chạy ba hoặc bốn trăm bước; sau đó Tom kiệt sức. Tuy nhiên họ đã ở một khoảng cách an toàn. Họ ra khỏi con đường và tìm một nơi xa tầm mắt để nghỉ ngơi.

Họ ngồi trên một đồng cỏ, lấp lánh bởi đốm sáng mặt trời. Tom nhìn Ellen đang ngả lưng, thở khó nhọc, đôi má đỏ ửng, môi bà mỉm cười với ông. Áo bà hở cổ, lộ ra chiếc cổ và một phần ngực của bà. Bất ngờ ông cảm thấy một sự khao khát muốn nhìn bà trần truồng một lần nữa, và sự thèm muốn này mạnh hơn cảm xúc tội lỗi của ông. Ông cúi xuống hôn bà, rồi do

dự, bởi vì bà trông thật đáng yêu. Ông nói không suy nghĩ, và ông ngạc nhiên về những gì ông nói: "Ellen, em có muốn làm vợ anh không?"

PHẦN HAI

I

Peter thành Wareham sinh ra là một kẻ gây rối.

Ông đã được chuyển từ tu viện chính ở Kingsbridge tới một tu viện chi nhánh nhỏ trong rừng, và nó cũng dễ hiểu tại sao tu viện trưởng tại Kingsbridge đã sợ hãi tống khứ ông đi. Là một người cao đẹp, khoảng gần ba mươi tuổi, ông có trí tuệ minh mẫn và thái độ khinh miệt, và ông thường xuyên sống trong tình trạng phẫn nộ, mặc dù sự phẫn nộ của ông chính đáng. Khi mới đến và được giao làm việc đồng áng, ông làm việc cật lực, rồi phê bình người khác về sự lười biếng của họ. Tuy nhiên, điều ngạc nhiên cho ông là hầu hết các tu sĩ đều có thể theo kịp ông, và những người trẻ còn làm ông phải cố gắng lắm mới theo kịp được họ. Ông thấy sự phê bình về ăn không ngồi rồi của ông không có kết quả và ông tìm một tính xấu khác để chỉ trích: thú mê ăn uống.

Ông bắt đầu chỉ ăn nửa phần bánh mì của ông và không ăn thịt. Cả ngày ông chỉ uống nước sôi, pha loãng bia và từ chối uống rượu. Ông khiến trách một tu sĩ trẻ, khỏe mạnh vì đã xin thêm một phần cháo, và làm cho một đứa trẻ rớt nước mắt vì đã tinh nghịch uống rượu của người khác.

Không có nhiều bằng chứng về việc các tu sĩ mê ăn uống, Tu viện trưởng Philip nghĩ khi họ từ đỉnh đồi trở về tu viện vào giờ cơm trưa. Các tu sĩ trẻ gầy và có bắp thịt rắn chắc, các tu sĩ lớn tuổi có lớp da rạm nắng và dẻo dai. Không ai trong họ có vòng bụng to phì vì do ăn nhiều hay lười biếng làm việc. Philip nghĩ tất cả các tu sĩ nên gầy. Những tu sĩ béo mập sẽ gây nguyên cớ cho người nghèo ghen tức và căm hờn người phục vụ của Thiên Chúa.

Một cách đặc trưng, Peter đã cải trang lời buộc tội như lời thú tội. "Tôi phạm tội mê ăn uống," ông nói như vậy vào buổi sáng hôm nay, khi họ ngồi nghỉ ngơi trên những thân cây mà họ mới đốn, ăn lúa mạch đen và uống bia. "Tôi đã không giữ giới luật của Thánh Biển Đức, vì Ngài dạy các tu sĩ không nên ăn thịt và uống rượu." Ông nhìn quanh vào các tu sĩ khác, đầu ông ngẩng cao và đôi mắt đen đầy niềm tự hào, sau cùng ông nhìn chăm chăm vào Philip. "Và mọi người ở đây có cùng tội này," ông chấm dứt.

Thật buồn vì Peter như vậy, Philip nghĩ. Người đàn ông này hy sinh cho công việc của Thiên Chúa, và ông có một tâm trí tốt và một nghị lực mạnh mẽ để thực hiện mục đích. Nhưng dường như ông bị một nhu cầu thôi thúc để cảm thấy mình đặc biệt và muốn những người khác phải luôn luôn để ý đến ông, và điều này đòi ông phải tạo ra những màn kịch. Ông thực sự là một sự phiền toái. Nhưng Philip thương ông nhiều hơn những người khác, vì Philip có thể nhìn thấy, đằng sau sự ngạo mạn và khinh miệt là một tâm hồn bất an của một người không thực sự tin rằng có người nào đó yêu thương ông.

Philip nói: "Điều này cho chúng ta một cơ hội để nhớ lại những gì Thánh Biển Đức đã nói về chủ đề này. Anh có nhớ chính xác những lời này không, Peter?"

"Ngài nói: 'Tất cả, ngoài trừ những người bệnh, nên tiết chế thịt,' và sau đó: 'rượu không phải là đồ uống của các tu sĩ,'" Peter lặp lại.

Philip gật đầu. Như ông đã nghi ngờ, Peter không biết rõ lẽ luật như ông. "Gần đúng như vậy, Peter," ông nói. "Thánh Biển Đức không đề cập đến thịt chung chung, nhưng đề cập đến 'thịt của động vật bốn chân,' và Ngài ngoại trừ không những cho người bệnh, mà còn cho những người yếu. Ý ngài muốn nói gì về 'người yếu'? Ở đây, trong cộng đoàn bé nhỏ của chúng ta, chúng ta có thể nhìn thấy những anh em bị yếu mệt vì công việc vất vả ngoài đồng, những anh em này cần ăn thịt bò bây giờ để bảo vệ sức khỏe của họ."

Peter lắng nghe những điều này trong im lặng sững sờ, trán ông nhăn nhó không hài lòng, cặp lông mày trĩu nặng cau lại trên lỗ mũi cong lớn. Khuôn mặt ông che giấu một cuộc chống đối thầm kín.

Philip tiếp tục: "Về chủ đề rượu, Thánh Biển Đức nói: 'chúng ta đọc được rằng rượu không phải là đồ uống của tất cả các tu sĩ.' Việc sử dụng cụm từ 'chúng ta đọc được rằng' ngụ ý ngài không hoàn toàn tán thành việc cấm uống rượu. Ngài cũng nói rằng nửa lít rượu một ngày đủ cho mỗi người. Và ngài cảnh giác chúng ta không được uống cho đến chán. Phải chăng, rõ ràng là ngài không mong đợi các tu sĩ tránh rượu hoàn toàn?"

"Nhưng ngài nói rằng trong mọi sự chúng ta phải giữ tính thanh đạm," Peter nói.

"Và anh nghĩ là ở đây chúng ta không giữ thanh đạm đủ?" Philip hỏi ông.

"Tôi giữ," ông nói bằng giọng vang rền.

"Hãy để những người được Thiên Chúa cho họ món quà của sự tiết chế biết rằng họ sẽ nhận được phần thưởng thích hợp cho họ," Philip trích dẫn. "Nếu anh cảm thấy lương thực ở đây quá dư giả, anh có thể ăn ít hơn. Nhưng hãy nhớ vị thánh cũng nói những điều khác nữa. Ngài trích thư thứ nhất gửi cho giáo đoàn Côrintô, trong đó thánh Phao Lô nói: 'mỗi người có món quà riêng của Thiên Chúa, người này có món quà này, người kia có món quà kia.' Và vị thánh nói với chúng ta: 'Vì lý do này, không nên xác định số lượng đồ ăn của người khác.' Peter, làm ơn nhớ lấy điều đó, khi anh ăn chay và suy gẫm về tội mê ăn uống."

Họ đi làm trở lại, Peter mang bộ mặt như phải tử vì đạo. Ông không dễ dàng được bình yên, Philip nhận ra điều đó. Trong ba lời khấn của các tu sĩ về nghèo khó, khiết tịnh và vâng lời, điều khó khăn cho Peter là vâng lời.

Có nhiều cách đối xử với các tu sĩ không vâng lời, dĩ nhiên: biệt giam, phạt đồ ăn và nước uống, đánh đòn, sau cùng là vạ tuyệt thông và sa thải khỏi tu viện. Philip không ngần ngại dùng các phương thức đó, nhất là khi các tu sĩ muốn thử quyền bính của ông. Vì thế ông được coi là người cứng rắn. Nhưng trong thực tế ông ghét sử dụng hình phạt – nó mang lại bầu khí bất hòa giữa anh em tu sĩ và làm cho mọi người mất hạnh phúc. Tuy nhiên trong trường hợp của Peter, hình phạt không giúp gì – thực vậy, nó chỉ làm cho ông thêm kiêu ngạo và thêm hiềm thù. Philip phải tìm ra cách kiểm soát Peter và cùng lúc làm cho ông nên mềm mại. Điều đó không dễ dàng.

Nhưng, ông nghĩ, nếu mọi chuyện đều dễ dàng, con người chẳng cần đến sự hướng dẫn của Thiên Chúa.

Họ đến khu đất phá hoang của tu viện trong rừng. Khi họ đi ngang qua một khoảng không gian thoáng, Philip nhìn thấy thầy John vẫy họ một cách thúc bách từ chuồng dê. Ông có tên là Johnny Eightpence, và ông có một chút vấn đề trong đầu. Philip băn khoăn không biết ông đang phấn khích về chuyện gì. Cùng với Johnny là một người trong y phục linh mục. Ông nhìn quen quen và Philip vội vàng tiến về phía họ.

Vị linh mục thấp, ngổ gọn và vào lứa tuổi giữa hai mươi. Ông có mái tóc đen cắt ngắn và đôi mắt xanh lấp lánh sự thông minh nhanh nhẹn. Nhìn vào ông thì đối với Philip như thể nhìn vào gương. Vị linh mục, ông kinh ngạc nhận ra đó là em trai Francis của ông.

Và Francis đang bế một đứa bé mới sinh.

Philip không biết điều gì làm ông ngạc nhiên: Francis hay đứa bé. Các tu sĩ quây quần xung quanh. Francis đứng lên và trao đứa bé cho Johnny; rồi Philip ôm ông. “Em làm gì ở đây?” Philip thích chí nói. “Và tại sao em lại có đứa bé?”

“Chút nữa em sẽ kể cho anh tại sao em lại ở đây.” Francis nói. “Về đứa bé, em tìm thấy nó ở trong rừng, hoàn toàn một mình, nằm gần một đồng lửa đang cháy.” Francis ngừng lại.

“Rồi sau đó...” Philip nhắc nhở ông.

Francis nhún vai. “Em không biết phải kể thêm gì nữa, bởi vì đó là tất cả những gì em biết. Em đã hy vọng có thể đến đây tối qua, nhưng em không thể đến được, vì thế em đã qua đêm ở một túp lều của nông dân. Em rời đó vào buổi bình minh sáng nay, và khi em đang cưỡi ngựa trên đường đi, em nghe tiếng trẻ khóc. Một lúc sau em thấy nó. Em bế nó lên và đem nó đến đây. Đó là tất cả câu chuyện.”

Philip nhìn ngờ vực vào bọc nhỏ trong tay Johnny. Ông ngập ngừng đưa tay ra, nâng một góc của chiếc chăn. Ông nhìn thấy một khuôn mặt đỏ hỏn nhăn nheo, một chiếc miệng há rộng không răng và một đầu nhỏ không tóc – một mẫu nhỏ của một tu sĩ già. Ông mở to bọc hơn và nhìn thấy đôi vai mỏng manh nhỏ bé, cánh tay đang vẫy và bàn tay nắm chặt lại như nắm

đấm. Ông nhìn vào cuống rốn treo từ lỗ rốn em bé. Nó xanh nhạt kinh khủng. Đó là điều tự nhiên? Philip tự hỏi. Nó giống như một vết thương được khâu, và tốt hơn nên để nguyên như vậy. Ông kéo tấm chăn xuống sâu hơn. "Một bé trai," ông nói với chút xấu hổ, rồi đóng chăn lại. Một trong số tu sĩ tập sinh cười khúc khích.

Bất ngờ Philip cảm thấy bất lực. Tôi phải làm gì với nó đây? Ông nghĩ. Cho nó ăn?

Đứa trẻ khóc, và âm thanh đung vào tình cảm của ông giống như một bài hát tình yêu quen thuộc. "Nó đói," ông nói, và ông tự hỏi trong lòng: Làm sao tôi biết được điều đó?

Một trong số các tu sĩ nói: "Chúng ta không thể cho nó ăn."

Philip định nói: Tại sao không? Nhưng ông chợt nhận ra tại sao không: vì không có phụ nữ nào ở xung quanh đây.

Tuy nhiên, Johnny đã giải quyết vấn đề, Philip nhìn thấy. Johnny ngồi xuống ghế với đứa trẻ trong lòng. Cậu có trong tay một chiếc khăn với một góc quấn lại như soăn ốc. Cậu nhúng góc khăn vào thùng sữa, để cho khăn thấm chất lỏng, rồi cho miếng vải vào miệng đứa bé. Đứa bé há miệng, mút vào khăn và nuốt.

Philip cảm thấy phấn khởi. "Rất thông minh, Johnny," ông nói trong ngạc nhiên.

Johnny cười toe toét. "Em đã làm điều này một lần rồi, khi con dê cái chết trước khi con dê con cai sữa," cậu hãnh diện nói.

Tất cả các tu sĩ chăm chú theo dõi Johnny lập lại động tác đơn giản của việc nhúng đầu khăn vào sữa và cho đứa bé bú. Vừa khi cậu đặt đầu khăn vào môi đứa bé, một vài tu sĩ há hốc miệng, Philip nhìn thích thú. Việc cho đứa bé ăn theo cách này thật mất giờ, nhưng một cách nào đó, việc cho đứa bé ăn là một công việc chậm rãi.

Peter thành Warenham hòa mình trong sự thích thú chung của mọi người nên đã quên chỉ trích. Bây giờ ông tỉnh lại và nói: "Nó sẽ ít việc hơn nếu tìm ra được mẹ của đứa bé."

Francis nói: "Tôi nghi ngờ về điều đó. Bà mẹ này chắc không có cưới hỏi gì và đã vi phạm luân lý. Tôi tưởng tượng cô ấy còn rất trẻ. Có lẽ cô ấy

định giữ bí mật việc mang thai; rồi, khi thời điểm đến, cô đã vào rừng, đốt lửa; sau đó sinh con một mình, bỏ mặc con cho chó sói rồi đi về. Cô ấy sẽ ẩn mình để không bị tìm ra."

Đứa bé hầu như thiếp ngủ. Rồi bỗng đồng, Philip lấy đứa bé từ tay Johnny. Ông ôm nó vào lòng, đỡ nó trong tay và ru nó. "Một sinh vật đáng thương," ông nói. "Đáng thương, thật đáng thương." Sự thúc đẩy muốn bảo vệ và săn sóc đứa bé dâng lên như một dòng nước chảy mạnh. Ông nhận ra rằng các tu sĩ đang nhìn ông chăm chăm, kinh ngạc về sự biểu lộ bất ngờ về sự nhạy cảm của ông. Họ đã chẳng bao giờ nhìn thấy ông săn sóc một ai, dĩ nhiên, bởi vì những săn sóc tình cảm thuộc về thể xác bị nghiêm cấm trong tu viện. Rõ ràng là họ đã nghĩ ông không có khả năng về chuyện đó. Tốt thôi, ông nghĩ, bây giờ họ biết sự thật.

Peter thành Warenham lại lên tiếng. "Chúng ta phải mang đứa nhỏ đến Winchester, rồi cố gắng tìm ra một bà mẹ nuôi."

Nếu điều này do một người khác nói, Philip có lẽ đã không nhanh chóng phản đối lại; nhưng người đó lại là Peter, nên Philip vội vàng nói, và lời nói này làm quan hệ giữa ông và Peter chẳng bao giờ còn như trước nữa. "Chúng ta không muốn giao nó cho một bà mẹ nuôi," ông nói dứt khoát. "Đứa bé này là một món quà của Thiên Chúa." Ông nhìn quanh tất cả họ. Các tu sĩ nhìn ông với đôi mắt mở to, theo dõi lời ông nói. "Chính chúng ta sẽ chăm sóc nó," ông tiếp tục. "Chúng ta sẽ nuôi nó, dạy dỗ nó và cho nó nên người trong đường lối của Thiên Chúa. Rồi, khi đứa bé thành một người lớn, cậu ấy sẽ trở thành tu sĩ, và qua cách đó chúng ta trao cậu ấy lại cho Thiên Chúa.

Một sự yên lặng sững sờ.

Rồi Peter nói trong tức giận: "Không thể được! Một bé sơ sinh không thể được nuôi nấng bởi các tu sĩ!"

Philip bắt gặp ánh mắt em trai của ông, và cả hai mỉm cười, trao đổi ký ức thời thơ ấu. Khi Philip lên tiếng, giọng ông trĩu nặng quá khứ. "Không thể ư? Không, Peter ạ. Ngược lại, tôi hoàn toàn tin chắc điều đó có thể làm được. Bằng chứng là em tôi đây. Chúng tôi biết từ kinh nghiệm riêng. Phải vậy không, Francis?"

Vào ngày hôm đó bố ông bị thương nặng và trở về nhà.

Philip là người đầu tiên nhìn thấy ông, cưỡi ngựa lên sườn đồi đến một làng nhỏ miền núi ở Bắc Wales. Philip sáu tuổi chạy ra gặp ông như thường lệ; nhưng lần này ông bố không bế cậu bé lên lưng ngựa, đặt ngồi phía trước ông như mọi khi. Ông cưỡi ngựa chậm rãi, ngồi sụp trong yên ngựa, giữ dây cương trong tay phải, và tay trái buông rũ xuống. Gương mặt ông tái nhợt và quần áo ông đầy máu. Philip vừa tò mò vừa lo âu, vì chưa bao giờ ông nhìn thấy bố mình tỏ ra yếu đuối.

Ông bố nói: "Gọi mẹ con về."

Khi họ đưa ông vào trong nhà, mẹ ông cắt áo sơ mi của ông. Philip kinh hoàng: nhìn thấy bà mẹ tần tảo cố ý cắt hỏng bộ áo tốt còn kinh hoàng hơn là nhìn thấy máu. "Bây giờ đừng lo cho anh," ông bố nói, nhưng giọng quát tháo bình thường của ông đã yếu đi thành tiếng thì thầm và không làm ai lưu ý đến – lại một sự kiện kinh hoàng khác, vì thông thường lời ông là luật. "Hãy để anh ở lại, và mọi người hãy đến tu viện ngay," ông nói. "Người Anh quốc chết tiệt chẳng bao lâu nữa sẽ đến đây." Có một tu viện với một nhà thờ ở trên đỉnh đồi, nhưng Philip không hiểu tại sao họ phải đến đó vì hôm nay không phải là chủ nhật. Mẹ nói: "Nếu anh mất nhiều máu hơn, anh sẽ không thể đi đâu nữa." Nhưng dì Gwen nói bà sẽ báo động, rồi bà đi ra ngoài.

Nhiều năm sau khi Philip nhớ lại những biến cố xảy ra sau đó, ông nhận ra rằng vào thời điểm đó mọi người đã quên ông và đưa em bốn tuổi Francis của ông, và không ai nghĩ đến việc đem họ đến nơi an toàn trong tu viện. Dân chúng nghĩ về con cái của họ và cho rằng Philip và Francis được an toàn vì chúng ở với bố mẹ chúng; nhưng bố chảy máu đến chết và mẹ gắng sức cứu ông, và người Anh đã đến và bắt cả bốn người họ.

Không có kinh nghiệm gì trong khoảng đời sống ngắn ngủi để chuẩn bị cho ông đối phó với hai kỵ binh khi họ đá cửa và xông vào trong căn nhà một phòng. Trong một tình huống khác họ không đáng sợ, vì họ là những thanh niên to lớn, lông ngóng mà ông thường gặp. Những thanh niên này thường chế diễu đàn bà lớn tuổi, lạm dụng người Do Thái và đánh nhau bên cạnh những quán bia về đêm. Nhưng bây giờ (sau nhiều năm Philip hiểu,

khi ông có thể nghĩ một cách khách quan về ngày đó) hai chàng thanh niên này bị say máu. Họ đã ở giữa cuộc chiến, đã nghe tiếng kêu trong lúc hấp hối, đã nhìn thấy bạn bè ngã xuống, và họ hoảng sợ, theo nghĩa đen, đã mất trí. Nhưng họ đã chiến thắng và sống sót, và bây giờ họ truy lùng quân thù của họ. Chỉ còn có một thứ làm họ thỏa mãn, đó là thêm máu, thêm tiếng kêu la, thêm thương tích và thêm chết chóc; và tất cả điều đó được viết trên khuôn mặt quẫn quai của họ khi họ bước vào nhà, giống như những con cáo vào trong chuồng gà.

Mọi chuyện xảy ra rất nhanh, mặc dù sau đó Philip có thể nhớ từng bước chân của họ, như thể nó kéo dài rất lâu. Cả hai người mặc áo giáp nhẹ, giống như một áo ngắn bằng dây xích sắt và một chiếc mũ bằng da với đai sắt. Cả hai đều rút gươm ra. Một người xấu xí, có chiếc mũi to cong và hàm răng xơ xác trong một nụ cười méo xệch giống như khi. Người kia có râu um tùm đầy máu người, có lẽ như vậy, vì ông ấy hầu như không bị thương. Hai người đi lại trong phòng, không dừng bước. Đôi mắt tàn nhẫn, tính toán của họ rời Philip và Francis, rồi tập trung vào ông bố. Họ nhào vào ông trước khi người khác có thể phản ứng.

Bà mẹ đang cúi xuống, bằng cánh tay trái của ông. Bà chỗi dậy, đối diện với kẻ xâm phạm, mắt bà bừng lên niềm can đảm tuyệt vọng. Ông bố vùng đứng lên và đưa tay tới nắm gươm. Philip bật ra tiếng kêu kinh hoàng.

Người đàn ông xấu xí nâng lưỡi gươm qua đầu rồi bổ xuống – lần đầu xuống đầu mẹ, rồi đẩy bà sang bên mà không đâm bà, bởi vì có lẽ hẳn không muốn mạo hiểm mắc lưỡi gươm của mình trong một thân thể, trong khi ông bố vẫn còn sống. Vài năm sau Philip nhớ lại: vào lúc đó ông chạy tới mẹ mà ông không hiểu rằng bà không còn có thể bảo vệ ông. Bà vấp vấp, choáng váng và người đàn ông xấu xí đến bên bà, giơ cao thanh gươm một lần nữa. Philip bám vào váy bà khi bà lão đảo, choáng váng; và ông bất lực nhìn về phía bố.

Ông bố kéo gươm ra khỏi bao và giơ lên bảo vệ. Người đàn ông xấu xí đánh lưỡi gươm xuống và hai lưỡi gươm đụng nhau, vang lên như chuông. Giống như mọi đứa trẻ khác, Philip nghĩ bố ông không thể thua; và đây là lúc ông biết sự thật. Bố yếu vì mất nhiều máu. Khi hai lưỡi gươm gặp nhau,

lưỡi gươm của ông giảm xuống; và kẻ tấn công giơ gươm lên và bổ xuống nhanh chóng. Mũi gươm giáng xuống vào bắp thịt cổ, gần vai. Philip hét lên khi nhìn thấy lưỡi dao sắc cắt dào da thịt bố. Người đàn ông xấu xí kéo tay lại, và đâm lưỡi gươm vào bụng ông.

Tê liệt vì kinh hoàng, Philip nhìn mẹ. Mắt ông gặp mắt bà vừa lúc người đàn ông khác, người có râu, đánh bà gục xuống. Bà ngã xuống trên nền nhà bên cạnh Philip với máu tuôn ra từ vết thương trên đầu. Người đàn ông có râu thay đổi tay cầm gươm, đảo ngược nó để mũi nó quay xuống và cầm nó cả hai tay; rồi ông giơ cao, trông giống như đang đâm chính mình, và đâm mạnh xuống. Có tiếng vỡ ghê tởm của xương bị bể khi lưỡi gươm đâm vào ngực bà. Lưỡi dao vào sâu, quá sâu. Philip để ý, ngay cả khi ông đã tiều tụy vì sợ hãi hoảng loạn. Lưỡi dao đã đi qua lưng bà đến mặt đất, đóng chặt bà vào nền nhà như một cây đinh.

Tuyệt vọng, Philip lại nhìn bố. Ông thấy bố ông sụp xuống trên thanh gươm của người đàn ông xấu xí và phun ra một cục máu lớn. Kẻ tấn công lùi lại, giật cây gươm, cố gắng kéo nó ra. Ông bố vấp vấp đi theo để người lính không rút gươm ra được. Người đàn ông xấu xí hét lên vì tức, và xoáy lưỡi gươm vào bụng ông. Lần này lưỡi gươm tụt ra, bố ông gục xuống nền nhà và tay ông dè lên hồ sâu trên bụng như thể muốn che lại vết thương. Philip luôn tưởng tượng bên trong con người nhiều hay ít cũng rắn chắc, và ông kinh hoàng và buồn nôn vì các ống và cơ quan đáng sợ rơi ra từ bụng bố. Kẻ tấn công giơ cao gươm, chĩa mũi gươm xuống, trên thân thể ông, và đâm xuống lưỡi gươm cuối cùng giống như người đàn ông có râu đã làm với mẹ ông.

Hai người Anh quốc nhìn nhau và hoàn toàn bất ngờ, Philip đọc được sự bất căng thẳng trên khuôn mặt họ. Cả hai, họ quay lại nhìn ông và Francis. Một người gật đầu và người kia nhún vai, và Philip nhận ra rằng họ định giết ông và em ông bằng cách mổ bụng họ bằng lưỡi gươm sắc này, và khi ông nhận ra nó sẽ đau làm sao, sự khiếp sợ đốt cháy trong ông cho đến khi ông cảm thấy như thể đầu ông sẽ vỡ ra.

Người đàn ông có râu cúi xuống nhanh chóng và móc Francis lên bằng một bàn chân. Ông giữ Francis lộn ngược trong không, trong khi

đứa bé gào thét gọi mẹ mà nó không hiểu rằng mẹ nó đã chết. Người đàn ông xấu xí lôi thanh gươm ra khỏi xác của ông bố, và kéo tay lại như chuẩn bị đâm qua tim Francis.

Cú đâm chẳng bao giờ xảy ra. Một giọng nói như ra lệnh vang lên, và hai người đàn ông chết lạnh. Tiếng la hét ngừng lại và Philip nhận ra chính ông là người đã la hét. Ông nhìn ra cửa và thấy Viện phụ Peter đứng đó trong bộ áo choàng giản dị, với cơn thịnh nộ của Thiên Chúa trong mắt, và giữ cây thánh giá trong tay như một thanh gươm.

Khi Philip mơ lại những ngày đó trong cơn ác mộng và thức dậy với mồ hôi ướt đầm và tiếng la hét trong bóng tối, ông luôn có thể giữ mình bình tĩnh lại, và ru mình vào lại giấc ngủ, bằng cách nhớ lại cảnh cuối cùng. Ông nhớ lại những tiếng la hét được im lặng, những vết thương được băng bó bởi một người không có vũ khí gì, mà chỉ với cây thập giá trên tay.

Viện phụ Peter lại lên tiếng. Philip không hiểu ngôn ngữ ông dùng – nó là tiếng Anh, dĩ nhiên – nhưng ý nghĩa thì rõ ràng, vì hai người kỵ binh trông có vẻ xấu hổ, và tên có râu để Francis nhẹ nhàng xuống đất. Vẫn đang nói, vị tu sĩ tự tin bước vào nhà. Người kỵ binh lùi lại một bước, như thể họ sợ ông – họ với gươm và áo giáp, và ông ấy với một áo choàng bằng len và một cây thánh giá! Ông quay lưng lại phía họ, một thái độ khinh miệt, và cúi xuống nói chuyện với Philip. Giọng của ông thực tiễn. "Tên con là gì?"

"Philip."

"À, vâng, cha nhớ rồi. Và tên em con là gì?"

"Francis."

"Được rồi." Viện phụ nhìn vào những thân thể đầm máu trên nền nhà. "Có phải đây là mẹ con không?"

"Vâng," Philip nói, và ông cảm thấy hoảng loạn khi ông chỉ vào thân xác đầy vết đâm của bố ông và nói: "Và đây là bố con."

"Cha biết," vị tu sĩ nói dịu dàng. "Con không phải la hét nữa, con phải trả lời câu hỏi của cha. Con có hiểu rằng họ đã chết rồi không?"

"Con không biết," Philip đau khổ nói. Ông biết một động vật chết nghĩa là như thế nào, nhưng làm sao điều đó có thể xảy ra cho bố và mẹ của ông

được?

Viện phụ nói: "Nó giống như người đang ngủ."

"Nhưng mắt họ mở!" Philip hét lên.

"Ừ, tốt hơn chúng ta nên vuốt mắt cho họ."

"Vâng," Philip nói. Ông tưởng như thế sẽ giải quyết mọi chuyện.

Viện phụ Peter đứng lên, nắm tay Philip và Francis, và dắt chúng đi ngang phòng đến bên xác ông bố. Ông quỳ xuống, nắm tay của Philip trong tay ông. "Cha sẽ chỉ cho con," ông nói. Ông di chuyển tay Philip trên mặt bố ông, nhưng bất ngờ Philip sợ không dám chạm vào người bố ông, bởi vì thân xác ông trông xa lạ, nhợt nhạt, mềm rũ và đầy vết thương ghê gớm, và ông vội rút tay về. Rồi ông sợ hãi nhìn Viện phụ Peter – một người mà không ai dám cãi lời. "Đến đây!" ông nói nhẹ nhàng và lại nắm lấy tay Philip. Lần này Philip không kháng cự. Cầm ngón trỏ của Philip, vị tu sĩ giúp đưa bé chạm vào mí mắt của ông bố và ấn nó xuống cho đến khi đôi mắt trũng trũng của ông khép kín. Rồi ông lay tay Philip và nói: "Hãy vuốt mắt kia nữa." Bây giờ không cần sự giúp đỡ, Philip đung vào mắt bố ông và đóng nó lại. Sau đó ông cảm thấy thoải mái hơn.

Viện phụ nói: "Chúng ta cũng vuốt mắt mẹ con nữa chứ?"

"Vâng."

Họ quỳ xuống bên cạnh thi thể của bà. Viện phụ lau máu trên mặt bà bằng tay áo. Philip nói: "Còn Francis thì sao?"

"Có lẽ cậu ấy cũng giúp con nữa," viện phụ nói.

"Hãy làm những gì anh làm," Philip nói với em mình. "Hãy vuốt mắt cho mẹ như anh đã làm cho bố, như thế mẹ có thể ngủ yên."

"Họ đang ngủ sao?" Francis hỏi.

"Không, nhưng dường như thế," Philip nói một cách uy quyền, "vì thế mà mẹ cần nhắm mắt."

"Được," Francis nói và không do dự, cậu đưa bàn tay mũm mĩm và cẩn thận vuốt mắt mẹ.

Rồi viện phụ kéo chúng đứng lên, mỗi cậu một tay, và không nhìn vào các kỹ binh, ông đưa chúng ra khỏi nhà và theo con đường đồi đến tu viện.

Ông cho chúng ăn trong nhà bếp của tu viện; và để chúng không có giờ bận rộn với những suy nghĩ, ông nói chúng giúp chuẩn bị bữa ăn trưa cho các tu sĩ. Ngày hôm sau ông đưa chúng đi nhìn thi thể bố mẹ chúng đã được tắm rửa, mặc quần áo, sạch các vết thương, được đặt nằm trong quan tài, hai chiếc gần nhau trong gian giữa nhà thờ. Không phải chỉ có họ, còn nhiều thân nhân của họ cũng chết, bởi vì không phải tất cả dân làng đều có thể đến được tu viện để trốn tránh quân xâm lược. Viện phụ Peter dẫn chúng đến lễ an táng, và lo liệu cho chúng nhìn thấy hai quan tài được cho xuống trong một huyệt. Khi Philip kêu la, Francis cũng la theo. Một vài người bắt chúng yên, nhưng viện phụ nói: "Hãy để chúng khóc." Chỉ sau đó, khi chúng hiểu sâu thẳm trong tâm hồn rằng cha mẹ chúng đã ra đi vĩnh viễn và chẳng bao giờ trở lại, lúc đó ông mới nói với chúng về tương lai.

Trong số những người thân của chúng, không có gia đình nào còn lại trọn vẹn: trong mọi trường hợp, không bố thì mẹ đã bị giết. Không có người thân nào chăm sóc cho những đứa nhỏ này. Chỉ còn lại hai lựa chọn. Một là chúng có thể cho hoặc bán cho một nông dân như một nô lệ lao động cho đến khi chúng đủ lớn và đủ mạnh để chạy trốn. Hai là chúng được trao cho Chúa.

Cho những đứa bé vào tu viện không phải là việc mới lạ. Lứa tuổi thông thường được nhận vào tu viện là mười một, và ít nhất là năm tuổi, bởi vì các tu sĩ không quen chăm sóc trẻ thơ. Một đôi khi đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, một đôi khi chúng mất cha hoặc mẹ, một đôi khi cha mẹ chúng có quá nhiều con trai. Thường thường khi trao đứa nhỏ cho tu viện, họ cũng tặng tu viện một món quà tương xứng – một nông trại, một nhà thờ hoặc ngay cả một làng. Trong trường hợp vì nghèo túng, món quà không cần thiết. Tuy nhiên, bố của Philip đã để lại một trang trại đồi khiêm tốn, vì thế các cậu bé này không phải là một trường hợp vì từ thiện. Viện phụ Peter đề nghị rằng tu viện sẽ nhận các cậu bé và trang trại; các thân nhân còn sống của các cậu đồng ý; và sự thỏa thuận này được công nhận bởi Hoàng tử của Gwynedd, Gruffyd ap Cynan, người đã bị tạm thời hạ bệ, nhưng không bị hoàn toàn truất phế bởi quân đội xâm lược của vua Henry, những người đã giết bố của Philip.

Viện phụ biết nhiều về sâu khổ, nhưng bất chấp sự thông thái của ông, ông cũng không tưởng tượng được những gì sẽ xảy ra với Philip. Sau khoảng một năm, khi nỗi đau đã phôi phai, và hai cậu bé đã quen với đời sống trong tu viện, Philip bị giằng vặt bởi một sự tức giận không nguôi. Điều kiện sống trong tu viện trên đỉnh đồi không quá xấu để biện minh cho sự tức giận của cậu: ở đó có đồ ăn, quần áo, lò sưởi trong phòng ngủ vào mùa đông, và ngay cả một chút tình yêu và tình cảm; và kỷ luật nghiêm ngặt cũng như những nghi thức tẻ nhạt ít nhất cũng tạo nên trật tự và ổn định; nhưng Philip bắt đầu tỏ thái độ như thể ông bị giam giữ một cách bất công. Ông bất tuân mệnh lệnh, làm giảm thẩm quyền của các viên chức tu viện trong mọi cơ hội, ăn cắp đồ ăn, làm bể trứng, thả ngựa đi, chế giễu người bệnh và xúc phạm người lớn tuổi. Một tội phạm ông đã dừng lại đó là phạm sự thánh, và vì lý do đó viện phụ đã tha cho ông các lỗi lầm khác. Và sau cùng ông đã vượt qua khỏi nó. Vào một ngày lễ giáng sinh, ông nhìn lại mười hai tháng qua và nhận ra rằng trong cả năm ông đã chẳng phải ở trong nhà phạt một đêm nào.

Đó không phải là lý do duy nhất giúp ông trở về đời sống bình thường. Có lẽ sự thích thú trong lớp học đã giúp ông. Lý thuyết một cách toán học của âm nhạc đã thu hút ông, và ngay cả cách thức chia động từ Latin cũng có một lô gic nhất định. Ông được đưa vào giúp việc cho cha quản lý, người cung cấp mọi sự cần thiết cho tu viện, từ đôi dép cho tới hạt giống; và điều đó cũng khơi dậy sở thích của ông. Dần dần ông tỏ lòng ngưỡng mộ John, một tu sĩ trẻ đẹp trai, khỏe mạnh, một gương mẫu trong việc học, thánh thiện, thông thái và tử tế. Hoặc vì muốn bắt chước John, hoặc từ khuynh hướng riêng của mình, hoặc cả hai, ông đã bắt đầu tìm được niềm an ủi trong việc cầu nguyện và phục vụ hàng ngày. Và vì thế ông bước vào tuổi thành niên, với cách tổ chức của tu viện ảnh hưởng đến tâm trí ông và sự hòa hợp thánh thiện trong tai ông.

Trong việc học, cả hai Philip và Francis bỏ xa những đứa trẻ khác cùng lứa tuổi, nhưng họ cho rằng đó là bởi vì họ được sống trong tu viện và được huấn luyện một cách chặt chẽ hơn. Ở giai đoạn này họ không nhận ra rằng họ đặc biệt. Ngay cả khi họ càng ngày càng nhận nhiều trách nhiệm dạy

học trong trường hơn, và nhận bài học trực tiếp từ tu viện trưởng thay vì từ vị giáo tập mô phạm già cả, họ nghĩ họ đi trước bởi vì họ đã được bắt đầu sớm hơn.

Khi họ nhìn lại tuổi trẻ của họ, Philip nhận ra dường như có một giai đoạn vàng son ngắn ngủi, một năm hoặc ngắn hơn, giữa giai đoạn cuối cuộc nổi loạn của ông và cuộc tấn công của sự ham muốn xác thịt. Sau đó là thời kỳ giãn vạt của những tư tưởng không thanh sạch, những giấc mơ xấu trong đêm, những buổi xưng tội đáng xấu hổ với cha giải tội (thường là viện phụ), với việc đền tội vô hạn và việc hành xác tai họa.

Sự ham muốn xác thịt chẳng bao giờ ngừng dày vò ông, nhưng nó trở thành ít quan trọng hơn, vì thế mà nó chỉ đôi khi làm phiền ông trong những trường hợp họa hiểm như khi đầu óc và thân thể ông nhàn rỗi; giống như một vết thương cũ đau lại khi thời tiết thay đổi.

Francis gặp cuộc chiến này trễ hơn, và mặc dù ông không thổ lộ việc này với Philip, nhưng Philip có cảm tưởng Francis đã ít dùng cảm chiến đấu chống lại lòng ham muốn xấu này. Tuy nhiên, vấn đề chính là họ đã hòa giải được với những đam mê, những kẻ thù lớn nhất trong đời sống tu sĩ.

Khi Philip làm việc với cha quản lý, Francis làm việc cho cha tu viện trưởng, phụ tá của Viện phụ Peter. Khi cha quản lý qua đời, Philip mới hai mươi một tuổi, và ngay cả còn trẻ, ông vẫn đảm nhận công việc đó. Và khi Francis được hai mươi một tuổi, viện phụ đề nghị tạo một công việc mới và trao cho ông, đó là tu viện phó. Nhưng đề nghị này gây nên một khủng hoảng cho ông. Francis xin từ bỏ trách nhiệm, cũng như rời khỏi tu viện. Ông muốn được thụ phong linh mục và phục vụ Thiên Chúa trong thế giới bên ngoài.

Philip ngạc nhiên và kinh hoàng. Ông chẳng bao giờ nghĩ rằng một người trong họ sẽ rời khỏi tu viện, và bây giờ nó làm ông bối rối khi ông nhận ra rằng ông là người thừa kế ngai vàng. Nhưng sau nhiều cuộc bàn cãi và dò xét lương tâm, Francis quyết định đi vào trong thế giới, và chẳng bao lâu sau ông trở thành tuyên úy cho bá tước thành Gloucester.

Trước khi những điều đó xảy ra, Philip nhìn thấy tương lai mình thật giản dị: ông sẽ là một tu sĩ, sống một cuộc sống khiêm nhường và vâng lời,

và trong tuổi già, có lẽ sẽ trở thành viện phụ, và phấn đấu theo gương mẫu của cha Peter. Bây giờ ông tự hỏi Thiên Chúa có ý định nào cho ông. Ông nhớ lại ví dụ về những nén vàng: Thiên Chúa muốn đầy tớ của Ngài phát triển lĩnh vực của họ, chứ không chỉ đơn thuần là bảo tồn nó. Với sự bối rối, ông đã chia sẻ suy nghĩ này với Viện phụ Peter, nhận thức tỉnh táo rằng ông sẽ bị khiển trách vì niềm tự hào của mình.

Ông ngạc nhiên khi viện phụ nói: "Cha tự hỏi còn bao lâu nữa con sẽ lãnh nhiệm vụ này. Dĩ nhiên con được chỉ định cho công việc khác nữa. Con sinh ra ở một nơi gần tu viện, mồ côi khi lên sáu, lớn lên bởi các tu sĩ, trở thành quản lý khi mới hai mươi một tuổi – Thiên Chúa không cần quan tâm nhiều đến việc huấn luyện cho một người sẽ trải qua đời sống của mình trong một tu viện nhỏ trên ngọn đồi khô cằn nằm sâu trong rừng núi này. Ở đây không có đủ chỗ cho con. Con phải đi khỏi nơi đây."

Philip bị choáng váng bởi điều này, nhưng trước khi rời vị viện phụ, có một câu hỏi làm ông bận tâm, và ông bật thành lời. "Nếu tu viện này không quá quan trọng, tại sao Chúa lại đặt cha ở đây?"

Viện phụ Peter mỉm cười: "Có lẽ để lo lắng cho con."

Cuối năm đó, viện phụ đến Canterbury thăm viếng tổng giám mục, sau khi trở về ông nói với Philip: "Cha đã trao con cho tu viện trưởng ở Kingsbridge."

Philip nản lòng, tu viện Kingsbridge là một trong những tu viện lớn nhất và quan trọng nhất trong nước. Đó là một tu viện chính tòa: nhà thờ của tu viện là nhà thờ chính tòa, nơi có tòa giám mục, và giám mục thường là tu viện trưởng của tu viện, mặc dù trong thực tế nó được điều hành bởi tu viện trưởng.

"Tu viện trưởng James là một người bạn cũ của cha," Viện phụ Peter nói với Philip. "Trong những năm sau này ông trở nên chán nản, cha không biết tại sao. Dù sao, Kingsbridge cần nhiệt huyết trẻ trung. Đặc biệt, James đang có vấn đề với một tu viện chi nhánh trong rừng, và ông cần một người đáng tin cậy để điều hành tu viện và đưa nó trở về con đường kính sợ Chúa."

"Vì thế con sẽ là tu viện trưởng của tu viện?" Philip nói trong ngạc nhiên.

Viện phụ gật đầu. "Và nếu đúng rằng Thiên Chúa có nhiều việc cho con làm, chúng ta có thể chờ đợi Ngài sẽ giúp con giải quyết mọi khó khăn trong tu viện này."

"Và nếu chúng ta sai?"

"Con luôn luôn có thể trở về đây và làm quản lý của cha. Nhưng chúng ta không sai, con à, rồi con sẽ thấy."

Cuộc chia tay đầy nước mắt. Ông đã trải qua mười bảy năm ở đây, và các tu sĩ là gia đình của ông. Gia đình này còn thực tế với ông hơn là gia đình với cha mẹ, những người đã bị lấy đi khỏi ông một cách dã man. Có lẽ ông sẽ chẳng bao giờ gặp lại các tu sĩ này nữa, vì thế ông buồn.

Lúc đầu Kingsbridge làm ông quá sợ. Tu viện được các bức tường bao quanh còn lớn hơn nhiều làng mạc; nhà thờ chính tòa là một hang động lớn, âm đạm; nhà tu viện trưởng là một cung điện nhỏ. Nhưng khi ông làm quen với vẻ lớn lao bên ngoài, ông nhìn thấy dấu hiệu của thờ ơ mà viện phụ Peter đã nhận xét về người bạn cũ của ngài. Nhà thờ cần một sự tu bổ tổng quát; giờ kinh đọc vội vàng; kỷ luật giữ thinh lặng thường xuyên bị phá vỡ; và có quá nhiều người làm hơn là các tu sĩ. Thay vì ngạc nhiên Philip trở thành tức giận. Ông muốn nắm cổ Tu viện trưởng James, lay ông và nói: "Làm sao cha dám làm điều này? Làm sao cha lại cho Chúa những lời kinh vội vàng? Làm sao cha lại cho phép các tập sinh chơi xúc xắc và các tu sĩ giữ những con chó cưng? Tại sao cha lại sống trong một cung điện, bao quanh bởi các người hầu hạ, trong khi nhà Chúa lại hư hại và rơi vào tình trạng đổ nát?" Dĩ nhiên, ông không nói những lời như thế. Ông có một cuộc phỏng vấn ngắn, hình thức với Tu viện trưởng James, một người cao, gầy, còng lưng như thể gánh nặng rắc rối của thế giới đè trên đôi vai tròn của ngài. Rồi ông nói chuyện với Tu viện phó Remigius. Vào lúc bắt đầu câu chuyện, Philip nói bóng gió là tu viện phải có một số thay đổi, chờ mong những người có trách nhiệm trong tu viện sẽ tán đồng; nhưng Remigius nhìn Philip như muốn nói: ông nghĩ ông là ai? Rồi ông đổi đề tài.

Remigius nói rằng tu viện Thánh St. John trong rừng đã được thiết lập ba năm trước với một ít đất và một số tài sản, và bây giờ nó nên tự lập, nhưng thực tế nó vẫn cần sự trợ giúp từ nhà dòng mẹ. Ngoài ra còn có những vấn

đề khác: một phó tế đã qua đêm ở đó và đã phê bình về sự bê bối của các giờ kinh nguyện; khách lữ hành cho rằng họ bị cướp bởi các tu sĩ trong vùng; ngoài ra còn có những tin đồn nhảm nhí... Sự kiện là Remigius không có thể hoặc không muốn đưa ra những chi tiết cụ thể là những dấu hiệu khác về cách điều hành biếng nhác của tu viện. Philip run lên vì thịnh nộ. Tu viện là để làm vinh danh Chúa. Nếu nó không làm được điều đó, nó không còn ý nghĩa. Tu viện Kingsbridge còn xấu xa hơn thế nữa. Nó làm Chúa tủi hổ vì sự ỳ ạch của nó. Nhưng Philip không thể làm gì khác. Điều tốt nhất mà ông có thể hy vọng là cải cách một trong các tu viện nhỏ của Kingsbridge.

Trên cuộc hành trình hai ngày đến tu viện trong rừng, ông nghiền ngẫm những thông tin ít ỏi ông nhận được, và cân nhắc trong thâm tâm về cách thức ông phải hành động. Trước tiên ông sẽ hành xử nhẹ nhàng, ông quyết định như thế. Thông thường một tu viện trưởng sẽ được các tu sĩ bầu lên; nhưng trong trường hợp của một tu viện chi nhánh, được coi như một nhà phụ của tu viện chính, bề trên của tu viện chính có thể chỉ định tu viện trưởng cho tu viện chi nhánh. Vì thế Philip đã không được yêu cầu để trở thành ứng viên cho cuộc bầu cử, và điều đó cũng có nghĩa là ông không thể đương nhiên có được sự hậu thuẫn của các tu sĩ ở đó. Ông phải bắt đầu công việc một cách chậm rãi và cẩn thận. Ông cần tìm hiểu nhiều hơn về những khó khăn trước khi ông có thể quyết định cách nào tốt nhất để giải quyết chúng. Ông phải chiếm được sự tôn trọng và tin tưởng của các tu sĩ, đặc biệt những người lớn tuổi hơn ông và những người ghen tỵ với vị trí của ông. Và khi nào ông nhận được đầy đủ thông tin và vai trò lãnh đạo của ông đã vững vàng, ông sẽ hành động một cách mạnh mẽ.

Nhưng rồi mọi chuyện lại khác.

Trời âm đạm hơn vào ngày thứ hai khi ông kiểm con ngựa nhỏ đi theo bờ biên của mảnh đất khai hoang và xem xét ngôi nhà mới của ông. Ở đó, trong lúc này, chỉ có một ngôi nhà đá, nhà nguyện (Philip đã xây nhà ngủ bằng đá vào năm sau.) Những nhà khác bằng gỗ nhìn xiêu vẹo. Philip không thể chấp nhận, vì đối với ông mọi thứ do các tu sĩ làm nên phải vững bền, và điều đó có giá trị cho cái chuồng heo cũng như ngôi nhà thờ chính

tòa. Khi nhìn quanh, ông khám phá ra những bằng chứng khác chứng tỏ tính lỏng lẻo đã làm ông bị sốc ở Kingsbridge: không có hàng rào, cỏ khô được đổ ra bên ngoài cửa chuồng, và một đồng phân bên cạnh ao cá. Ông cảm thấy mặt ông căng lên vì tức giận bị kiềm nén, và ông nhủ lòng: nhẹ nhàng, nhẹ nhàng.

Lúc đầu ông không thấy ai. Đó phải là chuyện bình thường, vì đó là giờ kinh chiều và hầu hết tu sĩ phải ở trong nhà nguyện. Ông quất vào hông con ngựa con và đi qua thửa đất khai hoang tới một túp lều trông giống như một chuồng súc vật. Một thanh niên có những cọng rơm trên mái tóc và có một cái nhìn xa vắng trên khuôn mặt thò đầu qua cửa và ngạc nhiên nhìn chăm chăm vào Philip.

"Tên anh là gì?" Philip nói và rồi, sau một lúc do dự, ông nói thêm: "Con thân yêu."

"Họ gọi con là Johnny Eightpence," chàng trai trẻ nói.

Philip xuống ngựa và trao dây cương cho cậu. "Tốt, Johnny Eightpence, con có thể tháo yên ngựa cho cha."

"Vâng, thưa cha." Cậu vắt dây cương qua một đường ray và ra đi.

"Con đi đâu thế?" Philip cứng rắn hỏi.

"Để nói cho các anh em khác biết là có một người lạ ở đây."

"Con phải thực hành sự vâng lời, Johnny. Tháo yên ngựa xuống! Cha sẽ tự nói cho các anh em biết là cha đang ở đây."

"Vâng, thưa cha." Nhìn một cách sợ hãi, Johnny cúi xuống làm nhiệm vụ của mình.

Philip nhìn quanh. Ở giữa vùng đất khai hoang là một tòa nhà dài giống như một hội trường lớn. Gần đó là một tòa nhà nhỏ hình tròn, có khói bốc lên từ một lỗ trên mái. Đó có lẽ là nhà bếp. Ông quyết định xem bữa ăn tối ra sao. Trong những tu viện nghiêm ngặt, mỗi ngày chỉ có một bữa ăn, bữa ăn trưa vào lúc mặt trời đứng bóng; nhưng đây hiển nhiên không phải là một tu viện nghiêm ngặt, và có thể ở đây sẽ có một bữa ăn nhẹ sau giờ kinh chiều, một vài lát bánh mì với pho mát hay với cá ướp muối, hay một bát cháo lúa mạch với các loại rau. Tuy nhiên, khi ông đến gần nhà bếp, ông

ngửi thấy một mùi thơm không thể nhầm lẫn được của thịt nướng. Ông dừng lại, cau mày, rồi đi vào.

Hai tu sĩ và một cậu bé đang ngồi quanh lò sưởi. Khi Philip quan sát, một tu sĩ đưa một chiếc bình cho người khác, và người đó uống. Cậu bé đang quay một cái xiên và trên cái xiên là một con heo nhỏ.

Họ nhìn lên ngạc nhiên khi Philip bước vào. Không nói gì, ông lấy chiếc bình từ tay vị tu sĩ và ngửi. Rồi ông nói: "Tại sao các anh lại uống rượu?"

"Bởi vì nó làm cho tim tôi rộn ràng, người xa lạ ạ!" vị tu sĩ nói. "Hãy uống một hơi đi."

Rõ ràng là họ không được cảnh báo để chờ đợi vị tu viện trưởng mới. Cũng rõ ràng là họ không sợ bị một tu sĩ văng lai nào đó thông báo cho tu viện chính ở Kingsbridge về thái độ của họ. Philip nổi giận đến nỗi muốn đập chiếc bình lên đầu vị tu sĩ, nhưng ông hít một hơi dài và nói dịu dàng. "Những đứa con của người nghèo phải nhịn đói để cung cấp thịt và đồ uống cho chúng ta," ông nói. "Nó để làm vinh danh Chúa, chứ không phải để làm trái tim chúng ta rộn ràng. Tối nay các anh sẽ không có rượu nữa." Ông đi ra, mang theo bình rượu.

Khi ông đi ra, ông nghe một tu sĩ nói theo sau lưng: "Ông nghĩ ông là ai?" Ông không trả lời. Chẳng bao lâu nữa họ sẽ tự tìm ra.

Ông để bình rượu bên ngoài nhà bếp và đi theo khu đất khai hoang về phía nhà nguyện, nắm chặt tay rồi nhả ra, cố gắng kiềm chế cơn giận. Đứng vội vàng, ông tự nhủ. Hãy thận trọng. Hãy chờ đợi.

Ông dừng lại một lúc trong mái hiên nhỏ của nhà nguyện cho tâm hồn lắng đọng, rồi nhẹ nhàng đẩy cánh cửa gỗ sồi lớn và âm thầm đi vào.

Khoảng một chục các tu sĩ và một vài tập sinh đứng quay lưng về phía ông trong hàng ngũ rời rạc. Đối diện với họ là cha phụ trách phụng vụ đang đọc từ cuốn sách mở sẵn trước mặt. Ông xướng kinh nhanh chóng và các tu sĩ thưa lại hồi hợt. Ba cây nến cao thấp khác nhau chảy sáp trên khăn bàn thờ dơ bẩn.

Phía sau, hai tu sĩ trẻ đang nói chuyện, không quan tâm đến giờ kinh và thảo luận về một cái gì đó sôi nổi. Khi Philip đến ngang hàng ghế của họ, một tu sĩ nói một điều gì đó khô khan, và người kia cười to, át cả tiếng của

người chủ sự giờ kinh. Đó là giọt nước cuối cùng đối với Philip và tất cả quyết định phải hành động nhẹ nhàng biến khỏi tâm trí ông. Ông cất tiếng hét lên: "Hãy yên lặng."

Tiếng cười ngưng lại. Người chủ sự giờ kinh ngừng đọc. Nhà nguyện lặng thinh, các tu sĩ ngó quanh rồi nhìn chăm chú vào Philip.

Ông đến bên vị tu sĩ đã cười và nắm lấy tai ông. Ông cùng trạc tuổi với Philip, cao hơn, nhưng ông quá kinh ngạc để phản kháng khi Philip ấn đầu ông xuống. "Quỳ xuống!" Philip nói lớn. Một lúc lâu dường như vị tu sĩ cố gắng để gỡ mình ra; nhưng ông biết ông sai, và đúng như Philip chờ đợi, sự chống đối của ông dần dần bị quy phục vì lương tâm tội lỗi của ông; và khi Philip kéo tai ông mạnh hơn, ông quỳ xuống.

"Tất cả mọi người," Philip ra lệnh. "Hãy quỳ xuống!"

Tất cả các tu sĩ có lời khấn vâng lời, và sự vô kỷ luật mà họ đang sống hiện nay cũng không xóa bỏ được tập quán của hàng nhiều năm. Vì thế một nửa các tu sĩ và tất cả các tập sinh quỳ xuống.

"Tất cả anh em đã vi phạm lời khấn," Philip nói, tỏ thái độ coi thường. "Mỗi người trong anh em đều xúc phạm đến Thiên Chúa." Ông nhìn quanh, tìm kiếm mắt họ. "Việc đền tội của anh em bắt đầu từ bây giờ," sau cùng ông nói.

Chậm rãi họ quỳ xuống, từng người một, chỉ trừ người chủ tọa giờ kinh vẫn đứng. Ông ấy là người mập mạp, có đôi mắt buồn ngủ và già hơn Philip khoảng hai mươi tuổi. Philip đến gần ông, đi vòng quanh các tu sĩ đang quỳ. "Hãy đưa sách cho tôi," ông nói.

Vị phụ trách phụng vụ ngang ngược nhìn lại, không nói gì.

Philip bước đến và cầm lấy cuốn sách lớn. Người chủ tọa giờ kinh không buông ra. Philip do dự. Hai ngày qua ông đã quyết định phải cẩn thận và hành động chậm rãi, nhưng bây giờ ông đang ở đây, với bụi đường còn lấm đôi chân, ông mạo hiểm tất cả trong cuộc đối đầu với một người mà ông chưa biết. "Đưa cho tôi cuốn sách và quỳ xuống," ông lập lại.

Một nét nhạo báng trên khuôn mặt, ông hỏi: "Ông là ai?"

Philip lại do dự. Rõ ràng ông là một tu sĩ, từ quần áo đến mái tóc; và họ phải đoán qua tư cách của ông rằng ông là người có thẩm quyền; nhưng nó

chưa rõ ràng là ông có quyền cao hơn người chủ sự giờ kinh không. Tất cả những gì ông cần nói là: tôi là tu viện trưởng mới của anh em, nhưng ông không muốn. Đột nhiên ông có cảm tưởng là nên thuyết phục bằng quyền uy luân lý.

Vị phụ trách phụng vụ cảm thấy sự không chắc chắn của ông và tận dụng nó. "Làm ơn nói cho tất cả chúng tôi biết," ông nói với vẻ lịch sự giả dối, "người đã ra lệnh cho chúng tôi quỳ xuống trước mặt họ là ai?"

Tất cả sự do dự chợt tan biến và ông nghĩ: Thiên Chúa ở với tôi, tôi còn sợ gì? Ông hít một hơi dài, và lời ông phát ra như tiếng gầm, vang từ nền gạch cho đến mái trần vòm bằng đá. "Đó chính là Thiên Chúa, Người ra lệnh cho các anh quỳ xuống trước sự hiện diện của Ngài!" ông gầm lên.

Vị phụ trách phụng vụ dường như mất đi một chút tự tin. Philip lợi dụng cơ hội, giật lấy cuốn sách. Vị phụ trách phụng vụ bây giờ đã mất hết thẩm quyền và sau cùng ông miễn cưỡng quỳ xuống.

Che dấu sự nhẹ nhõm trong lòng, Philip nhìn quanh và nói: "Tôi là tu viện trưởng mới của anh em."

Ông vẫn để mọi người quỳ trong khi ông tiếp tục giờ kinh. Thời gian kéo dài lâu, vì ông để họ lập đi lập lại lời đáp ca cho đến khi họ có thể đáp đều hoàn hảo. Rồi ông để họ ra khỏi nhà nguyện trong yên lặng, đi qua mảnh đất khai hoang vào nhà cơm. Ông cho đem con heo quay vào lại nhà bếp, ra lệnh mang bánh mì và bia nhẹ ra, rồi đặt một tu sĩ đọc sách lớn tiếng trong khi các tu sĩ khác ăn. Sau khi ăn xong, ông để họ, vẫn trong yên lặng, đi về nhà ngủ.

Ông ra lệnh đem giường từ nhà dành riêng cho tu viện trưởng vào trong phòng ngủ chung: ông sẽ ngủ cùng phòng với các tu sĩ. Đó là cách đơn giản nhất và hiệu nghiệm nhất chống lại tội không trinh khiết.

Đêm đầu tiên ông không ngủ. Ông ngồi bên cây nến, yên lặng cầu nguyện cho đến nửa đêm, và đó là lúc ông đánh thức các tu sĩ dậy cho giờ kinh đêm. Ông cử hành giờ kinh nhanh chóng để cho họ hiểu rằng ông không phải là người hoàn toàn tàn nhẫn. Các tu sĩ khác lên giường ngủ lại, nhưng Philip không ngủ.

Ông ra ngoài vào lúc bình minh, trước khi các tu sĩ thức dậy, và nhìn xung quanh, nghĩ về ngày đang đến. Một cánh đồng vừa được khai hoang từ rừng, và ở ngay giữa là một gốc vĩ đại, chắc là gốc của một cây sồi lớn. Nó cho ông một ý tưởng.

Sau giờ kinh sáng và bữa điểm tâm, ông đưa tất cả các tu sĩ ra ngoài đồng với dây thừng và rìu, và dành cả buổi sáng nhổ gốc cây lớn, một nửa kéo bằng dây thừng, một nửa khác chặt rễ bằng rìu, tất cả cùng nhau hò hét " Hê-êêêêê". Khi gốc cây đã bật ra khỏi mặt đất, Philip cho họ bia, bánh và một miếng thịt mà hôm qua ông đã từ chối không cho họ ăn trong bữa tối.

Đó không phải là kết thúc của các vấn đề, nhưng nó là bắt đầu của cách giải quyết. Từ khi bắt đầu ông đã từ chối hỏi xin nhà mẹ bất cứ sự gì, ngoài lúa mì để làm bánh và nển cho nhà nguyện. Sự nhận biết rằng họ sẽ không có thịt nào khác, ngoài những thịt mà họ đã để dành hoặc săn bắt được, làm cho các tu sĩ chăm chú hơn vào việc trồng nho, nuôi gia súc và bẫy chim; và trước đây họ đã trốn các giờ kinh bằng cách ra ngoài làm việc, bây giờ họ vui vì Philip cắt bớt giờ kinh trong nhà nguyện để họ có nhiều giờ hơn ở ngoài đồng.

Sau hai năm họ đã tự cung cấp, và hai năm sau nữa họ đã cung cấp cho tu viện chính ở Kingsbridge thịt gia súc, thịt rừng, và pho mát làm bằng sữa dê, một sản phẩm đã trở thành món ngon nổi tiếng. Tu viện phát triển thịnh vượng, các giờ kinh nghiêm trang và trang trọng, các tu sĩ khỏe mạnh và hạnh phúc.

Philip hài lòng – nhưng tu viện chính ở Kingsbridge, mỗi ngày một tồi tệ hơn.

Chính ra nó phải là một trung tâm tôn giáo hàng đầu trong vương quốc, nhận nhíp với các sinh hoạt, thư viện được các học giả ngoại quốc đến nghiên cứu, tu viện trưởng được các nam tước tìm đến xin ý kiến, di tích thánh thu hút khách hành hương từ khắp quốc gia, nhà khách nổi tiếng trong giới quý tộc và lòng bác ái của nó rộng mở đến các người nghèo. Nhưng nhà thờ đổ nát, một nửa tòa nhà tu viện để không, tu viện mắc nợ nần. Philip đến Kingsbridge ít nhất một năm một lần, và lần nào ông cũng

tức giận khi nhìn thấy gia tài quý giá do các tín hữu dâng cúng và được gia tăng do các tu sĩ tận tâm đã bị tàn phá do sự bất cẩn, giống như của thừa kế của người con hoang đàng đã bị phung phí.

Một phần của vấn đề là tu viện nằm trong một ngôi làng nhỏ trên một con đường phụ ít người qua lại. Từ thời vua William thứ nhất - người được gọi là người chinh phục hay người con ngoài hôn thú, tùy theo quan niệm - hầu hết các nhà thờ chính tòa đã chuyển về thành phố lớn, nhưng Kingsbridge đã thoát được cơn lốc này. Tuy nhiên, trong cái nhìn của Philip, nó không phải là vấn đề không thể vượt qua được: một tu viện sầm uất với một nhà thờ chính tòa thì chính nó sẽ là một thành phố.

Vấn đề thực sự là tính thờ ơ của tu viện trưởng lớn tuổi James. Với bàn tay thiếu nghị lực ở bánh lái, con thuyền sẽ bị thổi đi trong cơn giông tố và chẳng biết đi về đâu.

Và, trong sự tức giận cay đắng của Philip, tu viện Kingsbridge vẫn tiếp tục đi xuống bao lâu James còn sống.

Họ quấn đứa bé trong khăn sạch và đặt nó trong một giỏ đựng bánh như một cái nôi. Với chiếc bụng nhỏ đầy sữa dê, nó dường như thiêu ngủ. Philip trao cho Johnny Eightpence trách nhiệm lo cho đứa bé, vì mặc dù cậu lãng trí trong vài công việc, cậu có bàn tay dịu dàng với sinh vật bé nhỏ và mỏng dòn.

Philip tò mò muốn biết lý do nào đã đưa Francis đến tu viện. Ông thử vài lần trong bữa ăn trưa, nhưng Francis không đáp động tới, và Philip phải đè nén sự tò mò của mình.

Sau bữa trưa đến giờ học. Ở đây họ không có khu nội cấm riêng biệt, nhưng các tu sĩ có thể ngồi trong mái hiên của nhà nguyện để đọc, hay đi bộ trong sân. Lâu lâu họ cũng được phép vào nhà bếp để sưởi ấm, theo thói quen. Philip và Francis đi dạo theo bờ sân vườn, bên cạnh nhau, như họ đã thường làm trong khu nội cấm của tu viện tại Wales; và Francis lên tiếng nói.

"Vua Henry luôn luôn coi giáo hội là một phần nằm dưới quyền cai trị của ông," ông bắt đầu. "Ông can thiệp vào việc đặt các giám mục, tăng thuế, và ngăn chặn thẩm quyền của giáo hoàng."

"Anh biết," Philip nói. "Còn gì nữa không?"

"Vua Henry đã chết."

Philip đứng dừng lại. Ông không ngờ chuyện đó.

Francis tiếp tục: "Nhà vua chết trong lâu đài săn bắn ở trong khu rừng tại Lyon, Normandy, sau một bữa ăn với cá mút đá mà ông thích, mặc dù chúng không hợp với ông ấy."

"Khi nào?"

"Hôm nay là ngày đầu năm, vì thế chính xác là một tháng trước."

Philip bị sốc. Henry là vua trước khi Philip sinh ra. Ông chưa bao giờ sống trong thời điểm băng hà của một vị vua, nhưng ông biết nó đồng nghĩa với khủng hoảng, và có thể có chiến tranh. "Chuyện gì sẽ xảy ra?" ông lo lắng nói.

Họ lại tiếp tục đi dạo. Francis nói: "Vấn đề là kẻ thừa kế ngai vàng đã bị giết trên biển nhiều năm trước – có lẽ anh còn nhớ."

"Anh nhớ." Khi đó Philip mười hai tuổi. Đó là sự kiện đầu tiên có tầm quan trọng quốc gia đã ảnh hưởng đến ký ức tuổi thơ của ông, và nó đã làm ông nhận thức về thế giới bên ngoài tu viện. Con trai vua đã chết trong tai nạn tàu được gọi là 'con tàu trắng', bên ngoài bờ biển Cherbourg. Viện phụ Peter, người kể những điều này cho Philip, đã lo lắng rằng chiến tranh và tình trạng hỗn loạn sẽ theo sau cái chết của người kế vị; nhưng trong thực tế, vua Henry vẫn duy trì sự kiểm soát và đời sống vẫn tiếp diễn, không gây xáo trộn gì đối với Philip và Francis.

"Vua có nhiều người con khác, dĩ nhiên," Francis tiếp tục. "Ít nhất hai mươi người khác, gồm cả bá tước Robert thành Gloucester mà em đang phục vụ; nhưng như anh biết, tất cả họ đều là con ngoài hôn thú. Ông chỉ có một người con chính thức – nhưng đó lại là một con gái, Maud. Một người con ngoài hôn thú không thể lên ngôi, nhưng một người đàn bà lên ngôi lại tệ hơn."

"Vua Henry không đề nghị người nối nghiệp sao?" Philip hỏi.

"Có, ông chọn Maud. Bà ấy có một người con trai, cũng có tên là Henry. Vị vua già có một ước mơ sâu xa là cháu trai của ông sẽ lên nối ngôi."

Nhưng đứa bé bây giờ chưa được ba tuổi. Vì thế nhà vua đã bắt các bá tước phải thề trung thành với Maud."

Philip bối rối. "Nếu nhà vua muốn Maud kế vị mình, và các bá tước đã thề trung thành với bà... thì đâu là vấn đề?"

"Luật pháp chẳng bao giờ đơn giản," Francis nói. "Maud kết hôn với Geoffrey thành Anjou. Anjou và Normandy là kẻ thù từ nhiều thế hệ. Các bá tước Norman của chúng ta ghét người Angevins. Thành thực mà nói, vị vua cũ đã quá lạc quan khi cho rằng một nhóm nam tước Anglo-Norman sẽ trao nước Anh và Normandy cho một người Angevin, dù có thề hay không thề."

Philip kinh ngạc về người em của ông, về sự hiểu biết và thái độ coi thường của ông đối với những người quan trọng nhất trong đất nước. "Làm sao em biết các chuyện này?"

"Các nam tước đã họp nhau ở Le Neubourg để quyết định phải làm gì. Không cần thiết nói thêm rằng chủ của em, Bá tước Robert, cũng ở đó; và em đi với ông để viết thư cho ông ấy."

Philip nhìn Francis dò hỏi, nghĩ về những thay đổi trong đời sống của em ông. Rồi ông nhớ ra điều gì đó. "Bá tước Robert là người con trai lớn nhất của vị vua cũ, có đúng không?"

"Vâng, và ông ấy rất tham quyền; nhưng ông ấy chấp nhận quan điểm chung rằng những người con ngoài hôn thú phải chiếm vương quốc của mình, chứ không phải đương nhiên thừa hưởng nó."

"Ai có mặt ở đó nữa?"

"Vua Henry có ba người cháu, con trai của người chị. Người lớn tuổi nhất là Theobald thành Blois; rồi đến Stephen, người được vua yêu mến nhất và được tặng nhiều bất động sản ở nước Anh này; và người con nhỏ nhất của gia đình, Henry, người mà anh biết là giám mục của Winchester. Các bá tước ưa thích người cháu lớn nhất, Theobald, vì theo truyền thống mà có lẽ anh cũng cho là hợp lý." Francis nhìn Philip và cười to.

"Hoàn toàn hợp lý," Philip nói với một mỉm cười. "Vì thế mà Theobald sẽ là vua mới của chúng ta?"

Francis lắc đầu. "Ông ấy nghĩ ông ấy sẽ là vua, nhưng chúng ta, những người còn trẻ có cách để đưa chúng ta lên." Họ đi đến góc xa nhất của cánh đồng mới khai hoang, rồi quay trở lại. "Trong khi Theobald ân cần tiếp nhận sự thần phục của các bá tước, Stephen vượt qua eo biển nước Anh đến Winchester, và với sự giúp đỡ của người em giám mục Henry, ông tịch thu lâu đài ở đó và – quan trọng nhất – kho tàng của hoàng gia."

Philip định nói: Vì thế Stephan là vua mới của chúng ta. Nhưng ông cắn lưỡi lại: ông đã nói về Maud và Theobald và cả hai lần đều sai.

Francis tiếp tục: "Stephan chỉ cần một điều nữa là ông sẽ chắc chắn chiến thắng: sự hỗ trợ của giáo hội. Bởi vì ông chỉ thực sự là vua khi nào ông được vị tổng giám mục phong vương ở Westminster."

"Nhưng điều đó quá dễ dàng," Philip nói. "Em Henry của ông ấy là một giáo sĩ quan trọng nhất trong nước – giám mục của Winchester, tu viện trưởng của Glastonbury, giàu có như Salamon, hầu như quyền lực bằng với tổng giám mục của Canterbury. Và nếu Giám mục Henry không có ý định hỗ trợ ông, tại sao ông ấy lại giúp Stephen chiếm Winchester?"

Francis gật đầu. "Em phải nói rằng cách giải quyết của Giám mục Henry trong cuộc khủng hoảng này rất tuyệt. Anh xem, ông ấy không giúp Stephan vì tình anh em."

"VẬY ĐỘNG CƠ NÀO THÚC ĐẨY ÔNG LÀM CHUYỆN ĐÓ?"

"Một vài phút trước em đã nhắc anh về cách vua cũ Henry đã đối xử với giáo hội như là một phần trong vương quốc, dưới sự cai trị của ông. Giám mục Henry muốn chắc chắn rằng vua mới của chúng ta, dù ai cũng được, sẽ đối xử tốt hơn với giáo hội. Vì thế trước khi ông hỗ trợ, Henry muốn Stephen thề trang trọng là sẽ bảo vệ quyền lợi và đặc quyền của giáo hội."

Philip rất ấn tượng. Mối quan hệ của Stephen đối với giáo hội đã được xác định, ngay lúc triều đại của ông bắt đầu, và theo các điều khoản giáo hội đưa ra. Nhưng có lẽ quan trọng nhất là tiền lệ. Giáo hội có quyền phong vương, nhưng cho đến nay giáo hội không có quyền đặt điều kiện trước. Đã đến lúc không có vua nào có thể lên nắm quyền mà trước đó không thỏa thuận với giáo hội. "Điều này rất quan trọng cho chúng ta," Philip nói.

“Stephen dĩ nhiên có thể phản bội lời hứa,” Francis nói. “Nhưng như anh luôn luôn đúng. Ông ấy sẽ chẳng bao giờ còn có thể hoàn toàn không quan tâm đến giáo hội như thời Henry nữa. Nhưng có nguy hiểm khác. Hai trong số các bá tước cay đắng với những gì Stephen làm. Một là Bartholomew, bá tước vùng Shiring.”

“Anh biết ông ấy. Shiring chỉ cách đây một ngày đường. Bartholomew được cho là người sùng đạo.”

“Có lẽ như vậy. Như em biết ông là một bá tước tự mãn, cứng đầu, người không phản bội lời thề trung thành với Maud.”

“Và bá tước không hài lòng khác là ai?”

“Bá tước của em, Robert thành Gloucester. Em đã nói với anh, ông ấy đầy tham vọng. Tâm hồn ông bị dày vò bởi vì ông nghĩ rằng nếu chỉ có ông là con chính thức, ông sẽ là vua. Ông muốn đưa người em gái cùng cha khác mẹ lên ngôi, tin rằng bà ấy sẽ tùy thuộc rất nhiều vào người anh trai của bà để hướng dẫn và tư vấn cho bà, vì thế dù không mang danh vua, nhưng trong mọi lãnh vực ông thực sự là vua.”

“Ông ấy có hành động gì để chuẩn bị cho chuyện đó không?”

“Em sợ như vậy.” Francis hạ thấp giọng, mặc dù gần đó chẳng có ai. “Robert và Bartholomew, cùng với Maud và chồng bà dự định tổ chức một cuộc nổi loạn. Họ dự định lật đổ Stephen và đưa Maud lên ngôi.”

Philip dừng bước. “Như vậy mọi sự mà giám mục của Winchester đạt được sẽ mất hết!” Ông nắm chặt cánh tay em trai. “Nhưng, Francis...”

“Em biết anh đang nghĩ gì.” Đột nhiên nét tự phụ của Francis biến mất, và ông có vẻ lo lắng sợ hãi. “Nếu bá tước Robert biết em kể cho anh, ông ấy sẽ treo cổ em. Ông ấy tin tưởng em hoàn toàn. Nhưng lòng trung thành của em đối với giáo hội là tuyệt đối – và nó phải được thể hiện.”

“Nhưng em có thể làm gì?”

“Em nghĩ về một cuộc hội kiến với vua mới và kể cho ông mọi sự. Dĩ nhiên hai bá tước nổi loạn sẽ chối tất cả, và em sẽ bị treo cổ vì tội phản bội; nhưng cuộc nổi loạn sẽ thất bại và em sẽ được lên thiên đàng.”

Philip lắc đầu. “Chúng ta được dạy rằng chúng ta không được tìm kiếm việc tử đạo.”

“Và em nghĩ Chúa có nhiều việc để em làm trên mặt đất này. Em đang được gia đình của một bá tước lớn tin tưởng, và nếu em ở lại đó và tiến thân bằng cách làm việc chăm chỉ, em sẽ làm được nhiều việc để thăng tiến quyền lợi của giáo hội và luật pháp quốc gia.”

“Còn cách nào nữa không?”

Francis nhìn vào mắt Philip. “Đó là lý do tại sao em đến đây.”

Philip cảm thấy sợ hãi. Francis dự định yêu cầu ông tham gia, dĩ nhiên; ngoài ra không có lý do gì để ông tiết lộ những bí mật nguy hiểm này.

Francis tiếp tục: “Em không thể phản bội nhóm phản loạn, nhưng anh có thể.”

Philip nói: “Xin Chúa Giêsu Kitô và các thánh gìn giữ anh.”

“Nếu âm mưu phản bội bị phát hiện ở đây, ở miền Nam, không ai nghi về những người thân của gia đình Gloucester. Không ai biết em ở đây; ngay cả không ai biết anh là anh trai của em. Anh có thể tìm một vài cách giải thích hợp lý tại sao anh biết những tin tức này: Thí dụ như anh có thể đã nhìn thấy nhóm kỵ binh, hay một người nào đó trong gia đình bá tước Bartholomew tiết lộ câu chuyện này trong khi xưng tội với một linh mục mà anh quen biết.”

Philip kéo chiếc áo choàng sát người hơn, run rẩy. Bất ngờ dường như trời trở lạnh. Nó nguy hiểm, rất nguy hiểm. Họ bàn chuyện về việc can thiệp vào chính trị của hoàng gia, những chuyện đã thường giết chết ngay cả những người tham gia có kinh nghiệm. Những người bên ngoài như Philip thì chỉ ngu ngốc mới tham gia vào.

Nhưng có nhiều chuyện đang diễn biến. Philip không thể đứng nhìn nhóm phản loạn chống lại vị vua đã được giáo hội chọn, không thể đứng yên khi ông có một cơ hội để ngăn cản nó. Và mặc dù nó nguy hiểm cho Philip, nhưng nó còn là một cuộc tự sát đối với Francis nếu âm mưu này bị bại lộ.

Philip nói: “Kế hoạch của nhóm người nổi dậy ra sao?”

“Bá tước Bartholomew ngay bây giờ đang trên đường trở về Shiring. Từ đó ông sẽ gửi một thông điệp cho tất cả những người theo ông ở miền Nam nước Anh. Bá tước Robert sẽ đến Gloucester một hoặc hai ngày sau đó và

sẽ tập hợp lực lượng của mình ở miền Tây. Sau cùng Brian Fitzcount, người canh giữ lâu đài Wallingford, sẽ đóng cửa thành; và toàn bộ vùng tây nam nước Anh sẽ thuộc nhóm nổi loạn mà không cần đánh nhau.”

“Như vậy dường như đã quá muộn!” Philip nói.

“Thực sự chưa muộn đâu. Chúng ta còn khoảng một tuần. Nhưng anh phải ra tay nhanh.”

Trong một cảm xúc sâu thẳm Philip nhận ra rằng ít nhiều gì ông đã quyết tâm thực hiện điều đó. “Anh không biết phải nói với ai,” ông nói. “Thông thường người ta sẽ đến bá tước, nhưng trong trường hợp này ông là thủ phạm. Cảnh sát có lẽ cũng đứng về phía ông ấy. Chúng ta phải tìm ra một người chắc chắn đứng về phía chúng ta.”

“Tu viện trưởng ở Kingsbridge thì sao?”

“Tu viện trưởng của anh đã già lại còn mệt mỏi. Khả năng là ông ta sẽ không làm gì cả.”

“Phải có người nào đó.”

“Đó là giám mục.” Philip chưa bao giờ thực sự nói chuyện với giám mục của Kingsbridge, nhưng ông chắc chắn ông ấy sẽ đón tiếp và lắng nghe Philip; ông đương nhiên đứng về phía Stephen, vì Stephen được giáo hội chọn; và ông có đủ quyền lực để làm một cái gì đó.”

Francis hỏi: “Giám mục sống ở đâu?”

“Cách đây một ngày rưỡi đàng.”

“Anh nên đi ngay hôm nay.”

“Đúng vậy,” Philip nói với một trái tim nặng trĩu.

Francis hồi hận. “Em muốn là người khác làm chuyện này chứ không phải anh.”

“Anh cũng vậy,” Philip bùi ngùi nói. “Anh cũng vậy.”

Philip triệu tập các tu sĩ trong căn nhà nguyện nhỏ, loan báo nhà vua đã băng hà. “Chúng ta hãy cầu nguyện cho cuộc chuyển tiếp được tốt đẹp và cho vị vua mới, người sẽ yêu mến giáo hội nhiều hơn vua Henry cũ,” ông nói. Nhưng ông không nói với họ rằng chìa khóa cho cuộc chuyển tiếp hòa bình một cách nào đó nằm trong tay ông. Thay vào đó, ông nói: “Một tin

khác nữa là tôi phải đến tu viện mẹ Kingsbridge của chúng ta. Và tôi phải đi ngay hôm nay.”

Tu viện phó sẽ chủ tọa các buổi đọc kinh, cha thủ quỹ lo trang trại, nhưng không có công việc nào cho Peter thành Wareham, vì Philip sợ rằng nếu ông đi lâu Peter sẽ gây nhiều rắc rối đến nỗi khi ông trở lại tu viện không còn là tu viện nữa. Ông không thể nghĩ ra cách kiểm soát Peter mà không chạm vào tự ái của ông ấy, nhưng ông không còn giờ, vì thế ông chỉ có thể làm những gì tốt nhất có thể.

“Buổi sáng nay chúng ta đã nói về thói mê ăn uống,” ông nói sau một lúc yên lặng. “Chúng ta phải cảm ơn anh Peter vì đã nhắc nhở chúng ta rằng khi Thiên Chúa chúc phúc cho trang trại của chúng ta và cho chúng ta sự giàu có, không phải để chúng ta béo ra và thoải mái ra, mà để làm vinh danh ngài. Một trong các trách nhiệm thiêng liêng của chúng ta là chia sẻ sự giàu có của chúng ta cho người nghèo. Cho đến bây giờ chúng ta chưa chu toàn nhiệm vụ này, lý do chính là vì ở trong rừng này chúng ta không có ai để chia sẻ. Anh Peter đã nhắc nhở chúng ta phải đi ra ngoài và tìm kiếm người nghèo để giúp đỡ họ.”

Các tu sĩ ngạc nhiên: họ nghĩ cuộc tranh luận về thói mê ăn uống đã chấm dứt. Chính Peter cũng không chắc chắn. Ông hài lòng vì lại trở thành tâm điểm của sự chú ý, nhưng ông cảnh giác những gì Philip muốn dự tính.

“Tôi đã quyết định,” Philip nói tiếp, “mỗi tuần chúng ta sẽ cho người nghèo một xu tính theo đầu mỗi tu sĩ trong cộng đoàn của chúng ta. Điều này có nghĩa là chúng ta phải ăn ít đi một chút và chúng ta vui mừng chờ mong phần thưởng trên trời. Điều quan trọng hơn là chúng ta muốn đồng xu của chúng ta chắc chắn phải được dùng đúng mục đích. Khi bạn cho người nghèo một xu để mua bánh cho gia đình, có thể người ấy sẽ đi thẳng đến quán bia, say sưa rồi về nhà đánh vợ con, như vậy thì thà rằng không có lòng từ thiện của chúng ta thì tốt hơn. Vì thế chúng ta nên cho họ bánh; tốt hơn nữa nên cho con cái họ bánh. Cho kẻ đói ăn là một nhiệm vụ thiêng liêng phải làm với sự cẩn trọng giống như chữa bệnh hoặc giáo dục trẻ em. Vì lý do này mà nhiều tu viện đặt một người lo việc từ thiện, chịu trách nhiệm về bố thí. Chúng ta cũng làm như vậy.”

Philip nhìn quanh. Tất cả các tu sĩ đều chú ý và quan tâm. Peter tỏ vẻ hài lòng, rõ ràng quyết định này là một chiến thắng đối với ông. Không ai đoán được điều gì sẽ xảy ra.

“Trách nhiệm cho việc từ thiện là một công việc khó khăn. Người phụ trách phải đi đến các thị trấn và các làng mạc, thường xuyên đến Winchester. Ở đó ông phải đến với tầng lớp người dơ bẩn nhất, xấu xa nhất và tồi tệ nhất, bởi vì những người đó là những người nghèo. Ông phải cầu nguyện cho họ khi họ phạm đến ông, thăm viếng họ khi họ bị bệnh tật và tha thứ cho họ khi họ tìm cách lừa đảo và cướp giật của ông. Ông cần sức mạnh, sự khiêm nhường và tính kiên nhẫn bền bỉ. Ông sẽ thiếu đi tiện nghi của tu viện này vì ông phải đi xa nhiều hơn là ông ở với chúng ta.”

Ông nhìn quanh một lần nữa. Bây giờ mọi người đều dè dặt, vì không ai muốn nhận công việc này. Ông dừng ánh mắt của mình nơi Peter. Peter nhận ra điều gì sẽ đến và mặt ông cúi xuống.

“Chính Peter đã kéo sự chú ý của chúng ta vào lãnh vực bị lãng quên này,” Philip nói chậm rãi. “Vì thế tôi quyết định Peter là người có vinh dự trở thành người phụ trách việc từ thiện của chúng ta.” Ông mỉm cười. “Anh có thể bắt đầu công việc ngay ngày hôm nay.” Mặt ông ấy tái đi.

Anh sẽ luôn vắng nhà, không còn thời giờ để gây rắc rối, Philip nghĩ; và sự tiếp xúc với người nghèo khó, thấp hèn của những ngõ hẻm hôi thối vùng Winchester sẽ làm anh giảm đi sự khinh miệt về một cuộc sống thoải mái.

Tuy nhiên, Peter nhận ra đây rõ ràng là một hình phạt, trong trắng và đơn giản, và ông nhìn Philip với một biểu hiện của lòng căm thù đến nỗi Philip cảm thấy đau.

Ông quay mặt đi và nhìn vào người khác. “Sau cái chết của một vị vua luôn luôn có nhiều nguy hiểm và bất an,” ông nói. “Anh em hãy luôn cầu nguyện cho tôi trong thời gian tôi đi vắng.”

II

Vào buổi trưa ngày thứ hai của cuộc hành trình, Tu viện trưởng Philip chỉ còn cách tòa giám mục vài dặm đường. Khi càng đến gần, lòng ông càng rộn lên. Ông đã nghĩ ra cách để giải thích làm sao ông biết tin về âm mưu của cuộc nổi dậy. Nhưng có thể giám mục không tin, hoặc tin nhưng đòi bằng chứng. Tệ hơn nữa – điều này trước đó Philip đã không nghĩ đến, nhưng chỉ có từ sau khi Francis đi khỏi, và nó là điều có thể hình dung nhưng khó có thể xảy ra – nếu giám mục thuộc về nhóm những người chủ mưu và ủng hộ nhóm nổi loạn. Ông ấy có thể là bạn thân của bá tước ở Shiring. Việc có nhiều giám mục đặt quyền lợi cá nhân lên trên quyền lợi của giáo hội thì không có gì lạ.

Giám mục có thể tra tấn Philip để ông tiết lộ nguồn thông tin. Dĩ nhiên ông không có quyền này, nhưng Philip cũng không có quyền chống lại hoàng gia. Philip nhớ lại những dụng cụ tra tấn được vẽ trong các bức tranh về hỏa ngục. Những bức tranh này lấy cảm hứng từ những gì xảy ra trong ngục tối của các bá tước và giám mục. Philip cảm thấy ông không có đủ sức mạnh để chết vì đạo.

Khi ông nhìn thấy một nhóm lũ hành trên đường trước mặt, bản năng tự vệ đầu tiên của ông là tránh họ, bởi vì ông đi một mình và có nhiều kẻ trộm trên đường không do dự ăn cắp của các tu sĩ. Rồi ông nhìn thấy hai nhân vật là trẻ em, và người khác là một phụ nữ. Một nhóm gia đình thường an toàn hơn. Ông lon ton đến gần họ.

Khi đến gần ông có thể nhìn thấy họ rõ hơn. Họ là một người đàn ông cao lớn, một đàn bà nhỏ con, một thanh niên cao như người đàn ông, và hai trẻ em. Bên ngoài trông họ nghèo khổ: họ không mang theo gói tài sản nhỏ nào và họ ăn mặc rách rưới. Người đàn ông lớn xương, nhưng hốc hác, như ông bị bệnh hoặc đói ăn. Ông cảnh giác nhìn Philip, và âu yếm kéo các trẻ em đến gần ông và nói thì thầm điều gì đó. Lúc đầu Philip đoán ông ta khoảng năm mươi tuổi, nhưng bây giờ ông thấy người đàn ông khoảng ba mươi, mặc dù khuôn mặt ông có nhiều vết nhăn vì lo âu.

Người đàn bà nói: “Ồ! Tu sĩ.”

Philip nhìn thẳng vào bà. Đó là điều không bình thường khi người đàn bà lên tiếng trước chồng và nói bất lịch sự đối với một tu sĩ, vì một cách tôn

trọng bà phải xưng hô bằng “thầy” hoặc bằng “cha”. Người đàn bà trẻ hơn chồng khoảng mười tuổi, và bà có đôi mắt sâu màu vàng rờn nhạt khác thường, tạo nên một sức hấp dẫn. Philip cảm thấy bà nguy hiểm.

“Chào cha,” người đàn ông nói, như để xin lỗi về thái độ vô lễ của vợ.

“Xin Chúa chúc lành cho ông,” Philip nói, cho ngựa đi chậm lại. “Ông là ai?”

“Tom, một thợ xây, đang tìm kiếm việc làm.”

“Và không tìm thấy việc gì, tôi đoán thế.”

“Đúng như vậy.”

Philip gật đầu. Đó là câu chuyện phổ biến. Thợ xây dựng thủ công thường lang thang tìm việc, và một đôi khi họ không tìm được việc làm vì không may mắn hoặc không có nhiều người xây dựng. Những người này thường tận dụng lòng hiếu khách của tu viện. Nếu trước đó họ có việc làm, khi họ ra đi họ sẽ dâng cúng nhiều, hoặc họ đã đi tìm việc lâu rồi và chẳng có gì để dâng cúng. Chào đón thân tình cả hai hạng người trên, là một biểu hiện lòng từ tâm của tu viện.

Người thợ xây này chắc chắn không có một xu dính túi, mặc dù vợ ông trông đàn ông. Philip nói: “Thôi, tôi có vài đồ ăn trong túi, và bây giờ là giờ cơm trưa, và bác ái là một bốn phần thiêng liêng; vì thế nếu ông và gia đình cùng ăn với tôi, tôi sẽ nhận được phần thưởng trên trời, cũng như tôi có người ăn chung.”

“Ông thật tốt,” Tom nói. Ông nhìn người đàn bà. Bà ta nhún vai, rồi gật đầu nhẹ. Không ngập ngừng người đàn ông nói: “Chúng tôi chấp nhận lòng bác ái của ông và cảm ơn ông.”

“Cảm ơn Chúa, không phải cảm ơn tôi,” Philip nói một cách máy móc.

Người đàn bà nói: “Cảm ơn những nông dân, người đã cung cấp một phần mười đồ ăn,”

Đây là người đàn bà sắc bén, Philip nghĩ nhưng không nói gì.

Philip dừng lại ở một khoảng đất khai hoang nhỏ, nơi con ngựa nhỏ của ông có thể tìm được cỏ héo úa của mùa đông. Trong lòng Philip mừng thầm vì có cơ để đến tòa giám mục trẻ hơn và trì hoãn cuộc nói chuyện đáng sợ với giám mục. Người thợ xây nói ông cũng trên đường đến tòa giám mục,

hy vọng giám mục muốn sửa sang hoặc xây dựng thêm. Khi họ nói, Philip ngấm ngấm quan sát gia đình. Người đàn bà quá trẻ để có thể là mẹ của chàng trai lớn nhất. Cậu như con bê, mạnh mẽ, vụng về và nhìn một cách ngu ngốc. Chàng thanh niên khác nhỏ và khác thường, tóc màu cà rốt, da trắng như tuyết và cặp mắt lõi xanh sáng; và cậu nhìn mọi chuyện một cách chăm chú với một cái nhìn trống vắng, Philip nhớ đến Johnny Eightpence, chỉ có điều khác biệt là cậu bé này cho bạn một cái nhìn hiểu biết và trưởng thành. Trong cách thức của cậu, cậu cũng phức tạp như mẹ cậu, Philip nghĩ. Đứa trẻ thứ ba là một bé gái khoảng sáu tuổi. Cô liên tục khóc, và bố cô quan tâm đến cô với sự lo lắng yêu thương, luôn vỗ nhẹ an ủi cô, mặc dù ông không nói gì. Rõ ràng ông thích cô bé. Ông cũng vỗ về vợ ông, một lần, và Philip bắt gặp cái nhìn thèm muốn thể xác khi mắt họ gặp nhau.

Người đàn bà sai các trẻ em đi tìm lá to để dùng làm đĩa. Philip mở túi. Tom nói: “Thưa cha, tu viện của ông ở đâu?”

“Trong rừng, cách đây một ngày đàng về phía tây.” Người đàn bà sắc sảo nhìn và Tom ngược đôi mắt nâu. “Ông có biết tu viện đó không?” Philip hỏi.

Vì lý do gì đó, Tom nhìn một cách khó xử. “Trên đường đến Salisbury, chúng tôi đã phải qua gần đó,” ông nói.

“Ô, dĩ nhiên, ông sẽ phải, nhưng nó ở xa đường chính, vì thế mà ông sẽ không nhìn thấy nó, trừ khi ông biết nó ở đâu và đi tìm nó.”

“À, tôi hiểu,” Tom nói mà tâm trí ông dường như ở chỗ khác.

Philip chợt có một ý tưởng. “Hãy kể cho tôi – ông bà có gặp người phụ nữ nào trên đường đi không? Một phụ nữ có lẽ còn rất trẻ, đi một mình, và, với một trẻ thơ không?”

“Không,” Tom nói. Giọng của ông bình thường nhưng Philip cảm thấy ông quan tâm sâu xa. “Tại sao ông lại hỏi thế?”

Philip mỉm cười. “Tôi sẽ kể cho ông bà nghe. Buổi sáng ngày hôm qua một trẻ sơ sinh được tìm thấy trong rừng và được đem đến tu viện của tôi. Nó là một bé trai và tôi nghĩ nó chỉ mới sinh được một ngày. Nó có thể mới sinh đêm hôm trước. Vì thế người mẹ của đứa bé phải ở trong vùng cùng thời gian với ông.”

“Chúng tôi không thấy ai cả,” Tom lập lại. “Ông làm gì với đứa bé?”

“Cho nó ăn bằng sữa dê. Cậu bé dường như hợp với nó.”

Cả hai chăm chú nhìn Philip. Ông nghĩ câu chuyện đánh động trái tim mỗi người. Một lúc sau Tom nói: “ Ông đang đi tìm người mẹ của đứa bé, phải không?”

“Ồ, không. Tôi chỉ tình cờ hỏi vậy thôi. Nếu tôi gặp bà ấy, dĩ nhiên tôi sẽ trao trả đứa bé lại cho bà, nhưng rõ ràng là bà không muốn nó và bà không muốn người khác tìm ra bà.”

“Vậy điều gì sẽ xảy ra cho đứa bé?”

“Chúng tôi sẽ nuôi nó lớn lên trong tu viện. Nó sẽ là con của Chúa. Chính tôi đã được nuôi nấng qua cách này, và em tôi cũng vậy. Bố mẹ của chúng tôi qua đời sớm, khi chúng tôi còn bé, và sau đó vị viện phụ là bố, và các tu sĩ là gia đình của chúng tôi. Chúng tôi được nuôi ăn, được ấm áp và chúng tôi được học.”

Người đàn bà nói: “Và cả hai trở thành tu sĩ.” Bà nói điều đó với một chút mỉa mai, như thể nó chứng tỏ rằng việc từ thiện của tu viện sau cùng cũng chỉ vì quyền lợi của mình.

Philip vui vì có thể phản đối lại bà. “Không, em trai tôi rời tu viện.”

Những đứa trẻ trở về. Chúng không tìm được lá lớn nào – điều này không dễ trong mùa đông – vì thế họ ăn không có đĩa. Philip cho họ tất cả bánh và pho mát. Họ nhào vào đồ ăn như những con vật chết đói. “Chúng tôi tự làm lấy pho mát này trong tu viện,” ông nói. “Hầu hết mọi người thích nó, khi nó mới, giống như thế này, nhưng nó sẽ ngon hơn nếu để nó chín mùi. Họ quá đói để lắng nghe điều đó. Họ ăn sạch bánh và pho mát trong thời gian ngắn. Philip có ba trái lê. Ông lấy nó từ trong túi ra và trao cho Tom. Tom chia cho mỗi đứa trẻ một trái.

Philip đứng lên. “Tôi sẽ cầu nguyện cho ông tìm được việc làm.”

Tom nói: “Nếu ông nhớ, thưa cha, ông có thể nói điều đó với giám mục. Ông biết nhu cầu của chúng tôi và ông biết chúng tôi trung thực.”

“Tôi sẽ nói.”

Tom giữ ngựa trong khi Philip trèo lên. “Ông là người tốt, thưa cha,” ông nói, và Philip ngạc nhiên khi thấy nước mắt trong mắt Tom.

“Chúa ở cùng ông,” Philip nói.

Tom giữ đầu ngựa một lúc lâu. “Đứa trẻ mà ông kể về - đứa trẻ được tìm thấy.” Ông nói nhỏ như sợ những đứa trẻ khác nghe thấy. “Ông đã... đặt tên cho nó chưa?”

“Rồi. Chúng tôi gọi nó là Jonathan, nghĩa là một món quà của Thiên Chúa.”

“Jonathan, tôi thích tên đó.” Tom rời dây cương.

Philip tò mò nhìn ông một lúc, rồi trẩy ngựa đi.

Giám mục của Kingsbridge không sống ở Kingsbridge. Dinh thự của ông ở miền Nam – trên sườn đồi đối diện trong một thung lũng xinh tươi, xa nhà thờ lạnh lẽo bằng đá và các tu sĩ buồn thảm khoảng một ngày đường. Philip thấy như vậy cũng đúng, vì nếu phải lo quá nhiều cho công việc nhà thờ, ông sẽ sao lãng những nhiệm vụ khác như thu tiền thuê nhà đất, xử án và vận động ở triều đình. Điều đó cũng tốt cho các tu sĩ nữa, vì giám mục ở càng xa, ngài sẽ ít can thiệp hơn vào công việc của họ.

Trời đủ lạnh để tuyết rơi vào buổi chiều hôm Philip đến. Một cơn gió lạnh thổi qua thung lũng giám mục và những đám mây thấp màu xám che lấp căn nhà bằng đá cẩm thạch trên sườn đồi. Đó không phải là tòa lâu đài, nhưng nó được bảo vệ kỹ càng. Khu rừng xung quanh được dọn sạch khoảng một trăm dặm. Căn nhà được bao bọc bởi một hàng rào gỗ cao bằng đầu người, với một thông hào chứa nước mưa bên ngoài. Lính canh ở ngoài cổng có thái độ cầu thả, nhưng gươm của họ nặng.

Dinh thự là một ngôi nhà đẹp bằng đá có hình chữ E. Tầng trệt là một nhà nguyện hầm, nhiều cửa to nặng nằm trong bức tường dày, nhưng không có cửa sổ. Một cánh cửa mở rộng, qua đó Philip nhìn thấy thùng và bao tải trong bóng tối. Những cửa khác đóng chặt và được xích lại. Philip tự hỏi không biết có gì ở đằng sau đó: nếu giám mục có các tù nhân thì đây sẽ là nơi giam giữ họ.

Cánh giữa của chữ E là một cầu thang bên ngoài dẫn lên khu phòng khách bên trên nhà nguyện. Căn phòng chính, đường thẳng đứng của chữ E, là hành lang. Hai phòng tạo thành đầu và cuối của E là một ngôi nhà

nguyện và phòng ngủ, Philip đoán như thế. Có những cửa sổ chớp nhỏ như những mắt tròn nhỏ nghi ngờ nhìn ra thế giới bên ngoài.

Cùng thuộc về dinh thự là một nhà bếp và một lò nướng bánh mì bằng đá cũng như chuồng xúc vật bằng gỗ và một nhà kho. Tất cả tòa nhà trong tình trạng tốt – đó là điều không may cho thợ xây Tom, Philip nghĩ.

Có vài con ngựa tốt trong chuồng, vài nhân viên phục vụ, một nhóm kỵ binh rải rác khắp nơi. Có lẽ giám mục có khách.

Philip đưa ngựa cho một cậu bé trông ngựa và bước lên bậc thềm với một linh cảm về cảnh tượng của một nơi đầy cảm giác chiến tranh kinh hoàng. Đây là những hàng dài những người đến khiếu kiện, những bà mẹ với trẻ em đến để xin phúc lành? Ông bước vào một thế giới xa lạ, và ông đang nắm giữ một bí mật nguy hiểm. Có thể một thời gian lâu nữa tôi mới có thể ra khỏi nơi này, ông sợ hãi nghĩ. Ước gì Francis đã chẳng sai tôi đến đây.

Ông lên đến đầu cầu thang. Đó là những tư tưởng không xứng đáng, ông tự nhủ. Nơi đây tôi có cơ hội phục vụ Thiên Chúa và giáo hội, và tôi lại lo lắng về sự an toàn của chính mình. Một số người phải đối diện với nguy hiểm mỗi ngày, ngoài trận tuyến, trên biển khơi, trên cuộc hành hương và trong cuộc thập tự chinh. Ngay cả một tu sĩ đôi khi cũng phải chịu đựng sợ hãi và run rẩy.

Ông hít một hơi dài rồi bước vào.

Hội trường tối tăm và mờ tối. Philip đóng nhanh cửa để tránh không khí lạnh tràn vào, rồi chăm chú nhìn vào bóng tối. Một đồng lửa sáng rực ở phía đối diện với căn phòng. Ánh lửa đó và những cánh cửa sổ nhỏ cung cấp ánh sáng duy nhất cho căn phòng. Chung quanh đồng lửa là một nhóm người, một vài người trong y phục giáo sĩ và những người khác trong y phục đất tiền nhưng đã cũ kỹ thuộc giới quý tộc thấp kém. Họ đang tham gia thảo luận, giọng họ thấp và rõ ràng. Chỗ ngồi của họ không xếp đặt, nhưng tất cả nhìn và nói với một linh mục, người ngồi ở giữa nhóm giống như con nhện ở giữa mạng. Ông là một người gầy, và cách ông để chân cũng như cánh tay dài để trên thành ghế trông như thể ông đang chuẩn bị

nhảy lên. Với mái tóc đen bóng, khuôn mặt nhợt nhạt, cái mũi nhọn và bộ y phục đen tạo cho ông vẻ đẹp và đe dọa.

Nhưng ông không phải là giám mục.

Người quản lý đứng dậy khỏi ghế bên cửa và nói với Philip: “Chào cha, ông muốn gặp ai?” Cùng lúc một con chó săn nằm bên đồng lửa ngẩng đầu lên và gầm gừ. Người đàn ông trong y phục đen ngẩng nhanh đầu lên, nhìn thấy Philip và chấm dứt cuộc nói chuyện ngay lập tức bằng cách dơ một cánh tay lên. “Cái gì vậy?” ông nói cộc cằn.

“Kính chào,” Philip nói lịch sự. “Tôi đến đây gặp giám mục.”

“Ngài không có ở đây,” vị linh mục nói thô bạo.

Trái tim Philip trĩu nặng. Ông đã khiếp sợ cuộc nói chuyện và nguy hiểm của nó, nhưng bây giờ ông cảm thấy công ông đến đây thành vô ích. Ông sẽ làm gì với bí mật khủng khiếp của mình? Ông nói với vị linh mục: “Khi nào giám mục sẽ trở lại?”

“Chúng tôi không biết. Ông có việc gì với ngài?”

Giọng nói của vị linh mục thô lỗ và Philip thấy đau. “Công việc của Thiên Chúa,” ông nói sắc sảo. “Ông là ai?”

Vị linh mục nhướng mày, ngạc nhiên khi bị thách đố, và những người khác hoàn toàn yên lặng, như thể đang chờ đợi một cuộc bùng nổ; nhưng sau một lúc ông trả lời nhẹ nhàng. “Tôi là tổng đại diện của giám mục. Tên tôi là Waleran Bigod.”

Một tên hay cho một linh mục, Philip nghĩ. Ông nói: “Tên tôi là Philip. Tôi là tu viện trưởng tu viện Thánh Gioan trong rừng, một chi nhánh của tu viện Kingsbridge.”

“Tôi đã nghe nói về ông,” Waleran nói. “Ông là Philip thành Gwynedd.”

Philip rất ngạc nhiên. Ông không thể tưởng tượng nổi tại sao một vị tổng đại diện có thể biết được tên của một người thấp bé như ông. Nhưng thứ hạng của ông, mặc dù nó khiêm tốn, nhưng cũng đủ làm thay đổi thái độ của Waleran. Cái nhìn căm gắt biến mất trên khuôn mặt của vị tổng đại diện. “Hãy đến bên ngọn lửa,” ông nói. “Ông có muốn một ly rượu nóng làm nóng người không?” Ông ra hiệu cho một người ngồi trên ghế dựa vào tường và một nhân vật rách rưới đứng lên làm nhiệm vụ.

Philip đến gần lửa. Waleran nói điều gì đó nhỏ nhẹ và những người khác đứng lên và bắt đầu ra về. Philip ngồi xuống, hâm nóng bàn tay, trong khi Waleran đi theo khách ra cửa. Philip thắc mắc không biết họ bàn chuyện gì, và tại sao vị tổng đại diện không kết thúc buổi họp bằng lời cầu nguyện.

Người đầy tớ rách rưới trao cho ông một tách bằng gỗ. Ông nhấp một ngụm rượu gia vị nóng và chuẩn bị cho bước đi kế tiếp. Nếu không gặp được giám mục, Philip nên quay sang ai? Ông nghĩ đến việc đi gặp Bá tước Bartholomew và đơn giản xin ông nghĩ lại cuộc nổi loạn của mình. Ý tưởng thật lố bịch: bá tước sẽ nhốt ông trong ngục tối và vất chìa khóa đi. Còn lại là cảnh sát trưởng, người mà trong lý thuyết là đại diện của hoàng gia trong vùng. Nhưng chưa thể nói cảnh sát trưởng đứng về phe nào khi chưa biết ai sẽ là vua. Philip nghĩ, sau cùng tôi phải mạo hiểm. Ông khao khát về lại với đời sống đơn giản của tu viện, nơi mà ông chỉ có kẻ thù nguy hiểm nhất là Peter thành Warenham.

Khách của Waleran đã ra về, và cánh cửa khóa lại tiếng ồn của ngựa trong sân. Waleran trở lại bên đồng lửa và kéo lại chiếc ghế lớn.

Philip bận tâm với vấn đề của ông và thực sự không muốn nói chuyện với tổng đại diện, nhưng ông cảm thấy phải cư xử lịch sự. “Tôi hy vọng đã không làm ngưng buổi họp của ông,” ông nói.

Waleran làm một cử chỉ như không quan tâm. “Nó đã hầu như kết thúc,” ông nói. “Những đề tài này luôn luôn kéo dài. Chúng tôi thảo luận về việc gia hạn hợp đồng cho thuê đất của giáo phận – vấn đề này có thể được giải quyết trong vài phút, nếu những người tham dự có thêm một chút khả năng quyết định.” Ông vẫy bàn tay xương xẩu như muốn đuổi tất cả các hợp đồng thuê mướn và các chủ thuê ra khỏi tâm trí. “Bây giờ, tôi nghe ông đang làm tốt công việc trong tu viện nhỏ trong rừng.”

“Tôi rất ngạc nhiên là ông biết về việc đó,” Philip trả lời.

“Giám mục, theo quyền bính, là viện phụ của tu viện Kingsbridge, vì thế ngài có trách nhiệm phải quan tâm.”

Hay giám mục có một tổng đại diện có đầy đủ thông tin, Philip nghĩ. Ông nói: “Vâng, Thiên chúa đã chúc lành cho chúng tôi.”

“Đúng vậy.”

Họ đang nói tiếng Pháp Norman, ngôn ngữ mà Waleran và khách của ông đã nói, ngôn ngữ của chính phủ; nhưng trong cách phát âm của Waleran có một chút lạ, và sau vài phút Philip nhận ra rằng ngôn ngữ mẹ đẻ của Waleran là tiếng Anh. Điều đó có nghĩa là ông không phải là người quý tộc Norman, nhưng là một người bản xứ, người đã nỗ lực vươn lên bằng sự cố gắng của mình – giống như Philip.

Một lúc sau điều này được minh xác khi Waleran chuyển sang tiếng Anh và nói: “Tôi cầu mong Chúa ban phúc lành tương tự trên tu viện Kingsbridge.”

Philip không phải là người duy nhất khó chịu về tình trạng ở Kingsbridge. Có lẽ Waleran biết nhiều dữ kiện ở đó hơn Philip. Philip nói: “Tu viện trưởng James ra sao?”

“Bệnh,” Waleran trả lời ngắn gọn.

Như vậy ông ấy không có thể làm điều gì chống lại cuộc nổi loạn của Bá tước Bartholomew, Philip buồn chán nghĩ. Ông sẽ phải đến Shiring và tìm lấy cơ hội với cảnh sát trưởng.

Ông chợt nghĩ ra rằng Waleran là người biết mọi người quan trọng trong miền. “Cảnh sát trưởng của Shiring ra sao?” ông hỏi.

Waleran nhún vai. “Phản đạo, kiêu ngạo, tham nhũng. Tất cả cảnh sát trưởng là như vậy. Tại sao ông lại hỏi như vậy?”

“Nếu tôi không gặp được giám mục, tôi phải đi gặp cảnh sát trưởng.”

“Ông biết đấy, tôi là người thân tín của giám mục,” Waleran nói với một cái mỉm cười. “Nếu tôi có thể giúp...” Ông mở bàn tay, tỏ cử chỉ của một người hào phóng nhưng cũng biết mình có thể bị từ chối.

Philip đã thoải mái một chút vì nghĩ rằng giây phút kinh hoàng bị hoãn lại một hay hai ngày, nhưng bây giờ lòng ông lại đầy âu lo. Ông có thể tin tưởng tổng đại diện Waleran không? Thái độ thoải mái của Waleran dường như chỉ là đóng kịch, ông nghĩ: ông làm như ông không ép nói, nhưng thật ra có lẽ ông đang nôn nao muốn biết những gì Philip muốn nói với giám mục.

Tuy nhiên đó không phải là lý do để không tin tưởng ông. Ông dường như là người khôn ngoan. Ông cứng rắn đủ để làm điều gì đó chống lại

nhóm phản loạn? Nếu ông không tự mình làm được, có lẽ ông sẽ liên hệ với giám mục. Philip chợt có một ý tưởng rằng trong thực tế sự tin tưởng vào Waleran có một ưu thế lớn; bởi vì giám mục có lẽ đòi biết nguồn thông tin thật của Philip, tổng đại diện không có quyền làm chuyện đó, và ông phải bằng lòng với câu chuyện mà Philip kể cho ông, cho dù ông tin hay không.

Waleran mỉm cười một lần nữa. “Nếu ông còn nghĩ lâu hơn, tôi bắt đầu tin rằng ông không tin tưởng tôi!”

Philip cảm thấy ông hiểu Waleran. Waleran là một người giống ông: trẻ, có học thức và thông minh. Ông quá trần tục đối với quan điểm của Philip, có lẽ, nhưng điều này có thể tha thứ được cho một linh mục, người phải dành nhiều thời gian của mình cho các chủ đề và đàn bà, và không có may mắn được sự che chở của tu viện. Waleran là một người ngoan đạo từ trong tâm hồn, Philip nghĩ. Ông sẽ làm điều đúng cho giáo hội.

Philip ngập ngừng trước khi quyết định. Cho đến bây giờ chỉ có ông và Francis biết bí mật. Khi ông kể cho người thứ ba, một điều gì đó sẽ xảy ra. Ông hít một hơi dài.

“Ba ngày trước, một người bị thương đến tu viện của tôi trong rừng,” ông bắt đầu, âm thầm cầu nguyện xin tha thứ cho sự nói dối của ông. “Ông ấy là người có vũ trang, đi con ngựa đẹp và nhanh, và ông đã vượt qua một hoặc hai dặm đường. Ông phải cưỡi ngựa nhanh lắm, vì khi ngã, tay ông và xương sườn bị gãy. Chúng tôi bó tay ông, nhưng chúng tôi không giúp được gì cho xương sườn của ông, và ông ấy ho ra máu, một dấu hiệu của vết thương bên trong.” Trong khi kể, Philip quan sát khuôn mặt Waleran. Cho đến lúc đó, ông không tỏ gì khác ngoài sự chăm chú nghe. “Tôi khuyên ông ấy nên xưng tội, vì ông ấy có thể chết. Ông ấy kể cho tôi một bí mật.”

Ông do dự, không biết Waleran đã biết bao nhiêu về diễn biến chính trị. “Tôi mong ông biết rằng Stephen thành Blois đã lên ngôi vua nước Anh với lời chúc phúc của giáo hội.”

Waleran biết nhiều hơn Philip. “Và ông được phong vương ở Westminster ba ngày trước lễ giáng sinh,” ông nói.

“Đúng rồi!” Francis đã không biết điều đó.

“Bí mật là gì?” Waleran sốt ruột hỏi.

Philip liếc. “Trước khi ông chết, người kỵ binh nói với tôi rằng chủ Bartholomew của ông, bá tước của Shiring, đã âm mưu với Robert thành Gloucester thành lập một nhóm nổi loạn chống lại Stephen.” Ông quan sát mặt của Waleran, ngừng thở.

Đôi má nhợt nhạt của Waleran trở thành trắng. Ông chồm mình trên ghế về phía trước. “Ông có nghĩ là ông ấy nói sự thật không?” ông cấp bách hỏi.

“Người sắp chết thường nói sự thật với cha giải tội của mình.”

“Có lẽ ông ấy lập lại một tin đồn xì xào trong nhà bá tước.”

Philip không nghĩ Waleran lại nghi ngờ như thế. Ông vội vàng ứng xử. “Ồ, không,” ông nói. “Ông là một sứ giả được Bá tước Bartholomew sai đi tập hợp lực lượng của bá tước ở Hampshire.”

Đôi mắt thông minh của Waleran dò xét nét mặt của Philip. “Ông ta có văn thư nào không?”

“Không.”

“Có bất kỳ con dấu, hay biểu hiệu thẩm quyền của bá tước không?”

“Không có gì cả.” Philip bắt đầu ra mồ hôi. “Tôi đoán những người ông ấy đến gặp đều biết ông ấy là người đại diện cho thẩm quyền của bá tước.”

“Tên ông ta là gì?”

“Francis,” Philip ngu xuẩn nói, và muốn cắn lưỡi mình.

“Chỉ có điều đó sao?”

“Ông ấy không nói ông ấy còn có tên nào nữa.” Philip có cảm giác rằng câu chuyện của ông đang dần dần bị phanh phui ra manh mối dưới sự tra hỏi của Waleran.

“Vũ khí và đồ trang bị có thể xác định được ông ấy là ai.”

“Ông không có đồ trang bị,” Philip thất vọng nói. “Chúng tôi chôn vũ khí của ông ta với thi thể ông ấy – Tu sĩ không cần đến thanh gươm. Chúng ta có thể đào ông lên, nhưng tôi nói với ông rằng chúng tầm thường và giống như những thanh gươm khác – Tôi không nghĩ ông sẽ tìm ra manh

mỗi ở đó...” Ông muốn đánh lạc hướng điều tra của Waleran. “Ông nghĩ có cách nào giải quyết không?”

Waleran cau mày. “Thật khó để biết phải làm gì khi không có bằng chứng. Những người chủ mưu đơn giản sẽ từ chối và rồi kết án những người tố cáo.” Ông không nói tới trường hợp đặc biệt khi câu chuyện không đúng sự thật, nhưng Philip đoán ông đang nghĩ về điều đó. Waleran tiếp tục: “Ông đã kể cho ai khác chưa?”

Philip lắc đầu.

“Khi ông rời khỏi đây, ông sẽ đi đâu?”

“Kingsbridge. Tôi phải tạo ra một lý do để rời tu viện, vì thế tôi nói tôi đi thăm tu viện chính, và bây giờ tôi phải làm như thế để cho sự nói dối thành thật.”

“Đừng kể việc này cho bất cứ ai ở đó.”

“Tôi sẽ không kể.” Philip không có ý định đó, nhưng ông ngạc nhiên tại sao Waleran lại chú trọng vào điểm này. Có lẽ vì lợi ích riêng: nếu ông dự định mạo hiểm phơi bày âm mưu, ông muốn chắc chắn nó có lợi cho ông. Ông đầy tham vọng. Nhưng như thế càng tốt cho mục tiêu của Philip.

“Hãy để chuyện này cho tôi.” Waleran đột nhiên lại cộc cằn, và sự tương phản với thái độ của ông trước đây làm Philip nhận ra rằng thái độ nhàn nhạt của ông được mặc vào và cởi ra giống như một cái áo khoác.

“Ông sẽ đến tu viện Kingsbridge bây giờ, và không đến cảnh sát nữa, phải không?”

“Vâng.” Philip cảm nhận mọi việc yên ổn, ít nhất trong một thời gian, và một gánh nặng trên vai được lấy đi. Ông không bị ném vào ngục tối, bị tra tấn và cáo buộc tội nổi loạn. Ông đã trao trách nhiệm cho người khác – một người hoàn toàn vui vẻ chấp nhận nó.

Ông đứng lên đi về cửa sổ gần nhất. Nó vào khoảng sau trưa, và ánh sáng mặt trời còn đầy. Ông muốn rời đây và để lại bí mật đằng sau ông. “Nếu tôi đi bây giờ, tôi có thể đi được tám hay mười dặm trước khi màn đêm buông xuống,” ông nói.

Waleran không ép ông ở lại. “Nếu thế, ông sẽ đến làng Bassingbourn. Ông có thể ngủ đêm ở đó. Nếu ông đi vào sáng sớm, ông có thể đến tu viện

Kingsbridge vào buổi trưa.”

“Vâng.” Philip rời khỏi cửa sổ và nhìn vào Waleran. Tổng đại diện cau mày nhìn vào lửa, chìm sâu trong suy nghĩ. Philip quan sát ông một lúc lâu. Waleran không chia sẻ dòng tư tưởng của ông. Philip ước mong ông có thể biết chiếc đầu thông thái đó đang nghĩ gì. “Tôi phải đi ngay,” ông nói.

Waleran ra khỏi dòng tư tưởng và lại lịch thiệp. Ông mỉm cười và đứng lên. “Được,” ông nói. Ông cùng đi với Philip đến cửa và theo xuống thang tới sân.

Một đứa bé giữ ngựa đem ngựa đến cho Philip, rồi gấn yên lên. Waleran có thể nói lời tạm biệt rồi trở lại lò sưởi, nhưng ông chờ. Philip đoán ông muốn xem có chắc là Philip lên đường đến Kingsbridge, chứ không phải đến Shiring không.

Philip lên ngựa, cảm thấy vui hơn là khi ông đến. Khi ông vừa muốn ra đi, ông nhìn thấy thợ xây Tom vào qua cổng, theo sau là gia đình ông. Philip nói với Waleran: “Đây là người thợ xây tôi đã gặp trên đường. Dường như ông là người trung thực bị rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Nếu ông cần sửa chữa bất cứ cái gì, ông sẽ hài lòng với ông ấy.”

Waleran không trả lời. Ông ấy đang chăm chú vào gia đình khi họ đi qua khu đa hợp. Ông mất đi sự đĩnh đạc và điềm tĩnh của ông. Miệng ông há to và mắt ông nhìn chăm chăm. Ông giống như người bị một cú sốc.

“Cái gì vậy?” Philip sợ hãi hỏi.

“Người đàn bà đó!” Giọng nói của Waleran chỉ còn là tiếng thì thầm.

Philip nhìn bà. “Bà ấy đẹp,” ông nói, lần đầu tiên ông nhận ra. “Nhưng chúng ta đã được dạy rằng tốt hơn cho linh mục là sống khiết tịnh. Hãy quay mắt đi, tổng đại diện ạ.”

Waleran không nghe gì. “Tôi nghĩ bà ấy đã chết,” ông lẩm bẩm. Rồi dường như ông chợt nhớ đến Philip, ông rời mắt khỏi người đàn bà, nhìn vào Philip và tập trung tư tưởng. “Cho tôi gửi lời thăm tu viện trưởng ở Kingsbridge,” ông nói. Rồi ông tát vào hông ngựa của Philip, con vật nhẩy về phía trước và chạy nhanh qua cổng; và khi Philip có thể thu ngắn dây cương và kiểm soát được con ngựa, ông đã đi quá xa để nói lời tạm biệt.

III

Vào gần trưa hôm sau, Philip nhìn thấy tu viện Kingsbridge, đúng như Waleran đã dự báo. Từ phía lưng đồi đầy cây cối ông nhìn vào phong cảnh không sức sống, những cánh đồng tuyết phủ chỉ thỉnh thoảng còn lại những nhánh cây khô. Ông không thấy người nào, vì trong cái chết của mùa đông không có việc gì để làm trên cánh đồng. Một vài dặm bên kia cánh đồng phủ tuyết, ngôi nhà thờ chính tòa đứng trên một ngọn đồi; một tòa nhà đồ sộ, chồm hồm như một đài tưởng niệm trên một ngọn đồi nghĩa trang.

Philip đi theo con đường xuống dốc và Kingsbridge biến mất khỏi tầm mắt. Con ngựa điềm tĩnh đi cẩn thận theo con đường trơn trượt. Philip nghĩ về Tổng đại diện Waleran. Waleran quá đỉnh đạc, tự tin và có khả năng đến nỗi Philip thấy mình còn quá trẻ và ngây thơ, mặc dù hai người không mấy khác nhau về tuổi tác. Waleran đã dễ dàng làm chủ cuộc họp: ông đã ân cần tiễn đưa khách, lắng nghe câu chuyện của Philip, nhìn ngay ra vấn đề quan trọng là thiếu bằng chứng, nhanh chóng nhận ra rằng cách điều tra không mang lại kết quả, và nhanh chóng đưa Philip lên đường – bây giờ Philip mới nhận ra rằng không có gì bảo đảm là Waleran sẽ thực hiện điều gì đó.

Philip cười buồn bã khi nhận ra ông đã bị lừa như thế nào. Waleran ngay cả không hứa sẽ nói cho giám mục những gì Philip tường thuật. Nhưng Philip tin rằng vì tham vọng lớn, mà ông khám phá ra, một cách nào đó Waleran sẽ sử dụng thông tin này. Ông nhận ra rằng Waleran có một chút nào đó mang ơn ông.

Vì bị ấn tượng mạnh về Waleran, nên Philip càng bị hấp dẫn về một yếu điểm duy nhất của tổng đại diện: phản ứng của ông ấy đối với vợ của thợ xây Tom. Đối với Philip bà ấy dường như có sự nguy hiểm tàng ẩn. Rõ ràng Waleran thấy bà hấp dẫn. Tuy nhiên còn có điều gì hơn thế nữa. Waleran đã phải gặp bà trước đó, bởi vì ông ấy nói: tôi nghĩ bà ấy đã chết. Nó có vẻ như ông đã phạm tội với bà ấy trong một quá khứ xa. Nếu xem

xét cách ông không muốn Philip quanh quẩn ở lại đó để biết thêm, chắc hẳn ông có điều gì đó cảm thấy có lỗi.

Ngay cả bí mật tội lỗi này cũng không làm giảm sự đánh giá của Philip về Waleran. Waleran là một linh mục, không phải một tu sĩ. Khiết tịnh luôn là một phần thiết yếu trong đời sống của tu viện, nhưng nó không ép buộc cho các linh mục. Giám mục có các bà quản gia và cha xứ có các bà nội trợ. Giống như luật chống lại những tư tưởng xấu, luật sống độc thân là một luật rất khó giữ. Nếu Thiên Chúa không tha thứ cho các linh mục dâm dăng, chỉ có rất ít hàng giáo sĩ ở trên trời.

Kingsbridge lại xuất hiện trước mắt, khi Philip lên đến đỉnh đồi sau đó. Ngôi nhà thờ đồ sộ với nhiều mái vòm tròn, với các cửa sổ nhỏ và thấp nổi lên giữa vùng xung quanh, cũng giống như tu viện trội hẳn lên trong làng. Mặt tiền phía tây của nhà thờ, đối diện với Philip, có hai tháp đôi, một cái đã bị đổ do sấm chớp cách đây bốn năm. Nó chưa được xây lại và nó làm cho mặt tiền của nhà thờ trở nên thảm hại. Mỗi lần đến đây, Philip đều tức giận về quang cảnh này, vì đối với ông đồng gạch vụn trước cổng luôn luôn là một nhắc nhở đáng xấu hổ về sự suy sụp luân lý của tu viện Kingsbridge.

Các tòa nhà tu viện đều làm bằng đá vôi trắng, đứng thành từng nhóm xung quanh ngôi nhà thờ, giống như những kẻ âm mưu xung quanh ngôi vua. Bên ngoài bức tường thấp bao quanh tu viện có những túp lều bằng rơm và đất sét. Những nông dân canh tác trong vùng xung quanh cũng như những nhân công trong tu viện sinh sống ở đây. Một con sông nhỏ chảy vội qua góc tây nam ngôi làng, cung cấp nước sạch cho tu viện. Một cây cầu bằng gỗ cũ kỹ bắc ngang con sông. Khi Philip đến đó, ông cảm thấy tức giận cáu kỉnh. Tu viện Kingsbridge là một sự xấu hổ cho giáo hội của Chúa và cho các tu viện, nhưng Philip không thể làm gì chống lại nó. Sự tức giận hòa lẫn với sự bất lực trở nên chua chát trong lòng ông.

Cây cầu thuộc quyền sở hữu của tu viện và tu viện thu thuế cầu. Vừa khi cây cầu kêu cọt kẹt dưới sức nặng của Philip và con ngựa, một tu sĩ già xuất hiện bên kia cầu và đi ra mở chiếc rào cản. Ông nhận ra Philip và vẫy tay. Philip nhận ra ông đi khắp khiêng và nói: “Thầy Paul, chân anh bị làm sao thế?”

“Chỉ là một vết da nứt. Mùa xuân đến nó sẽ hết.”

Philip nhìn thấy ông chỉ có đôi dép. Paul là một con chim già chịu khó, nhưng ông đã quá lớn tuổi để ở cả ngày bên ngoài trời trong thời tiết này. “Anh cần một lò sưởi,” Philip nói.

“Điều đó sẽ là một phúc lành,” Paul nói. “Nhưng cha Remigius nói rằng tiền cho lò sưởi sẽ tốn hơn tiền thu nhập của thuế cầu.”

“Anh thu bao nhiêu?”

“Một xu cho ngựa, và một xu nữa cho người.”

“Có nhiều người đi qua cầu không?”

“Vâng, có rất nhiều.”

“Vậy tại sao chúng ta không thể có một lò sưởi?”

“Dạ, các tu sĩ không phải trả, dĩ nhiên, ngoài ra những người phục vụ trong tu viện cũng như dân làng cũng không phải trả. Chỉ vài ba ngày mới có một hiệp sĩ hoặc một thợ hàn đi qua. Ngoài ra vào các ngày lễ lớn, khi mọi người trong vùng kéo nhau về dự lễ trong nhà thờ chính tòa, khi đó chúng ta thu được nhiều tiền thuế cầu.”

“Như vậy chúng ta chỉ nên thu tiền cầu trong ngày lễ lớn, và cho anh một lò sưởi,” Philip nói.

Paul nhìn Philip lo sợ. “Xin anh đừng nói gì với Remigius. Nếu không, ông ấy nghĩ tôi không hài lòng với công việc.”

“Đừng sợ,” Philip nói. Ông thúc cho ngựa đi vào để Paul không nhìn được biểu hiện trên gương mặt ông. Hành động ngu dốt này làm ông tức giận. Paul đã dành cả đời phục vụ Thiên Chúa và tu viện, và bây giờ, vào cuối đời ông phải đau khổ và lạnh lẽo chỉ để thu một hoặc hai tiền thuế cầu mỗi ngày. Đó không chỉ là tàn nhẫn mà còn là lãng phí, bởi vì một người lớn tuổi kiên nhẫn như Paul có thể giao cho những công việc hữu dụng khác – giả sử như nuôi gà – nó sẽ đem lại nhiều lợi nhuận cho tu viện hơn là thu thuế cầu. Nhưng tu viện trưởng lại quá già và thờ ơ, còn đối với tu viện phó Remingus chắc cũng như vậy. Đó là một tội nặng, Philip cay đắng nghĩ, khi phí phạm giá trị con người và vật chất mà Thiên Chúa đã yêu thương ban tặng.

Trong tâm trạng không thể khoan nhượng, ông thúc ngựa qua khoảng trống giữa các căn chòi đến thẳng cổng tu viện. Khuôn viên tu viện là một hình vuông, ở giữa là nhà thờ chính tòa. Tất cả những tòa nhà phía bắc và tây của nhà thờ dùng cho mục đích công cộng, thực tế và thể tục; trong khi các tòa nhà phía nam và đông dành riêng cho tu viện, tinh thần và thánh thiện.

Vì thế lối vào sân tu viện nằm ở góc tây bắc. Cổng tu viện mở và người tu sĩ trẻ trong phòng gác vẫy Philip. Ngay đằng sau cổng, bên cạnh bức tường phía tây là chuồng xúc vật, một công trình bằng gỗ, nhìn còn chắc chắn hơn là nhà ở của những người dân phía bên kia bức tường. Hai đứa trẻ ngồi trên đồng rơm. Chúng không là tu sĩ, mà chỉ là nhân viên trong tu viện. Khi Philip và con ngựa đi vào, chúng miễn cưỡng đứng lên, rõ ràng không hài lòng vì người khách đến tạo thêm công việc cho chúng. Mùi hôi thối xông lên mũi Philip. Ông nhận ra chuồng ngựa từ ba bốn tuần lễ rồi chưa được quét phân. Với sự tức giận sẵn có, ông không thể bỏ qua sự lơ là của chúng. Khi ông giao dây cương ngựa, ông nói: “Trước khi các anh cột ngựa của tôi, các anh hãy dọn sạch chuồng ngựa và trải rơm mới. Sau đó dọn các chuồng ngựa khác. Nếu rơm luôn luôn ướt, móng ngựa sẽ bị thối. Các anh không có quá nhiều việc đến nỗi không thể dọn sạch chuồng được.” Cả hai trông ủ rũ, vì thế ông nói thêm: “Hãy làm như tôi nói, hoặc các anh sẽ mất ngày lương vì tội lười biếng.” Ông định đi nhưng rồi ông chợt nhớ ra điều gì. “Trong túi tôi có pho mát. Hãy đem nó xuống nhà bếp cho thầy Milius.”

Ông đi ra mà không đợi câu trả lời. Sáu mươi nhân công phục vụ cho bốn mươi lăm tu sĩ trong tu viện, đó là một dư thừa đáng xấu hổ trong đôi mắt của Philip. Những công nhân không có đủ việc làm thường dễ trở nên lười biếng đến nỗi họ còn chênh mảng ngay cả công việc ít ỏi được giao cho họ; điều đó rõ ràng nơi hai đứa trẻ chăm sóc chuồng ngựa. Đó là những điển hình về sự lơ là của Tu viện trưởng James.

Philip đi theo bức tường phía tây, qua nhà khách, tò mò xem ngoài ông còn có người khách nào không. Nhưng căn phòng rộng lạnh lẽo và hoang vắng; trước thềm là một đồng lá rụng do gió thổi xô vào từ mùa thu trước.

Ông rẽ trái, đi qua sân vườn có cỏ mọc thưa thớt ngăn cách nhà khách và nhà thờ, vì trong nhà khách có cả những người ít sùng đạo cũng như phụ nữ tá túc. Ông đến mặt tiền phía tây nhà thờ, nơi có cổng cho mọi người ra vào. Đồng gạch vụn của tháp chuông bị đổ vẫn nằm đó, nơi nó rơi xuống, thành một đồng cao hơn đầu người.

Giống như các nhà thờ khác, nhà thờ Kingsbridge có hình dạng một cây thánh giá. Hướng tây mở vào gian giữa, tương tự như chiều đứng của cây thánh giá. Từ giữa gian cung thánh trở ra hai phía bắc và nam, tương tự như hai cánh cây thánh giá. Đằng sau bàn thờ, phía đông của nhà thờ được dành cho các tu sĩ. Phía cuối cùng là ngôi mộ của Thánh Adolphus, nơi có rất nhiều khách hành hương đến kính viếng.

Philip bước vào gian giữa nhà thờ và nhìn xuống những mái vòm tròn và các hàng cột uy nghi hai bên. Khung cảnh càng đè nặng tâm trạng ông. Đó là một tòa nhà ảm thấp và tối tăm; và tình trạng của nó lại tồi tệ thêm kể từ lần ông viếng thăm lần trước. Những cánh cửa sổ trong hai gian bên thấp, giống như đường hầm hẹp trong bức tường dày. Sát trên mái nhà, ánh sáng xuyên qua những cánh cửa sổ to soi tỏ bức tranh trên trần, để thấy rõ chúng bị mờ xấu như thế nào. Hình các tông đồ và các thánh chỉ còn là bóng mờ. Mặc dù gió lạnh thổi vào – bởi vì các cửa sổ không có kính - một mùi ảm thấp của quần áo thoang thoảng trong không khí. Từ phía kia của nhà thờ, nơi đang có một thánh lễ, vang vọng lời ca phụng vụ bằng tiếng Latin. Philip đi xuống gian giữa. Nền nhà chưa bao giờ được lát gạch, trong những góc, nơi chưa có guốc của nông dân và dép của các tu sĩ đặt đến, nó đã mọc rêu. Những vòng xoắn khắc vào hàng cột lớn, cũng như đường liên đới giữa các vòm ngày xưa được trang trí và mạ vàng. Chỗ này chỗ kia còn sót lại nét vàng mỏng, dấu vết của những bức tranh cũ. Vôi vữa giữa những viên đá đã mục nát và rơi xuống, chất thành từng đồng dưới chân tường. Philip cảm thấy cơn giận của mình lại sôi lên. Các khách thăm viếng ngôi nhà thờ này phải được chiêm ngấm vẻ huy hoàng của Đấng Toàn năng. Nông dân là những người bình dị, họ phán đoán mọi sự qua những gì họ nhìn thấy. Khi thấy ngôi nhà thờ này, có lẽ họ sẽ nghĩ Thiên Chúa là đáng bất cần, thờ ơ, một Đấng không có khả năng nhận ra tội lỗi của họ và

không biết đánh giá sự thờ phượng của họ. Và chính những người nông dân này là những người đóng góp sức lực và mồ hôi cho ngôi nhà thờ nhiều nhất. Đó là một sự xúc phạm khi đền đáp họ bằng ngôi mộ đổ nát này.

Philip quỳ gối xuống trước bàn thờ một lúc lâu, ý thức rằng ngay cả sự giận dữ đúng đắn cũng không phù hợp với tâm trí của người cầu nguyện. Khi cơn giận đã giảm, ông đứng lên và tiếp tục đi.

Gian ngang phía đông của nhà thờ được chia làm hai. Phía trước là những hàng ghế bằng gỗ, nơi dành riêng cho giờ kinh của các tu sĩ. Phía sau là mộ thánh. Philip đi xung quanh bàn thờ. Ông muốn tìm một chỗ trong khu dành cho các tu sĩ, nhưng ông phải dừng lại vì một quan tài ngăn lối ông đi.

Ông thật sự ngạc nhiên. Không ai thông báo cho ông về cái chết của một tu sĩ nào – nhưng thực ra từ khi đến đây ông chỉ nói chuyện với ba người: với thầy Paul già, người không còn minh mẫn, và với hai đứa trẻ trong chuồng ngựa mà ông cũng chẳng cho họ điều kiện để chuyện trò. Ông bước đến gần quan tài xem ai là người đã qua đời. Ông nhìn vào bên trong, tìm ông lỗ một nhịp.

Đó là Tu viện trưởng James.

Philip đứng há hốc miệng. Bây giờ mọi chuyện sẽ đổi khác, sẽ có một tu viện trưởng mới, sẽ có một hy vọng mới.

Niềm phấn khởi thầm kín là một phản ứng không thể chấp nhận được đối với cái chết của một người anh đáng kính, ngay cả mặc dù ông đã có những sai lầm nào đi nữa. Philip tập trung nét mặt và tâm trí cho phù hợp với bối cảnh tang thương. Ông quan sát người qua đời. Vị tu viện trưởng có mái tóc bạc, khuôn mặt gầy và lưng gù. Bây giờ nét mặt mọi triền miên biến mất, và thay vì lo âu và thất vọng, dường như ông đang có sự bình yên. Khi Philip quỳ bên cạnh quan tài, ông tự hỏi không biết người đàn ông lớn tuổi này đã phải chịu đau khổ về vấn đề gì trong những năm cuối đời: một tội chưa xưng ra, hối tiếc một phụ nữ hay sai lầm với một người vô tội. Bất cứ chuyện gì đã xảy ra, ông sẽ không nói bây giờ, nhưng trong ngày phán xét.

Mặc dù cố tập trung, Philip vẫn không khỏi nghĩ về tương lai. Tu viện trưởng James, một người thiếu quyết đoán, sợ sệt và nhu nhược đã để tu

viện xuống dốc. Bây giờ cần một người mới, một người đem các nhân viên lười biếng vào kỷ luật, xây dựng lại tháp chuông nhà thờ đã đổ nát, biết sử dụng tài nguyên phong phú, tạo cho tu viện một sức mạnh về đạo đức. Philip quá háo hức để có thể ngồi yên. Ông đứng lên, đi với tâm hồn nhẹ nhàng mới về hướng các tu sĩ đang hát kinh và tìm một chỗ trống ở hàng ghế sau cùng.

Andrew thành Newyork, người phụ trách phụng vụ, đang chủ sự nghi thức. Ông là một người nóng tính, mặt đỏ. Ông thuộc thành phần lãnh đạo của tu viện, lo về hành chính. Trách nhiệm của ông bao gồm mọi việc thánh: tổ chức thánh lễ, sách lễ, di tích thánh, áo lễ và đồ trang trí trong nhà thờ, đặc biệt là về việc trùng tu nhà thờ. Dưới quyền ông là người phụ trách thánh ca, và một thủ kho để chăm sóc chén thánh và chân nến bằng vàng bạc và các đồ thánh khác. Không ai có thẩm quyền trên người phụ trách phụng vụ, ngoài tu viện trưởng và tu viện phó Remigius mà Andrew rất thân.

Andrew đọc thánh vịnh với giọng bình thường như mọi ngày. Tâm trạng Philip bất loạn, một lúc sau ông nhận ra rằng nghi thức không đúng như quy định. Một nhóm tu sĩ trẻ ồn ào, nói chuyện và cười đùa. Philip nhận ra họ đang trêu chọc vị giáo tập già, người đang ngủ gật. Các tu sĩ trẻ - hầu hết đã là tập sinh của vị giáo tập già này – chắc vẫn còn nhớ bàn tay cứng rắn đã dẫn dắt họ. Họ ném những viên đất bắn về phía ông. Mỗi lần, khi viên đất trúng ông, ông giật mình, quay người lại, nhưng không thức giấc. Hình như Andrew không biết gì. Philip nhìn sang vị tu sĩ chịu trách nhiệm về trật tự. Ông ngồi ở dãy ghế bên kia và đang nói chuyện với một tu sĩ khác. Ông không quan tâm đến nghi lễ, cũng như thái độ của các tu sĩ trẻ khác.

Philip quan sát một lúc lâu, mặc dù ông không còn có thể kiên nhẫn nữa. Người cầm đầu đám tu sĩ trẻ phá rối là một chàng đẹp trai, khoảng hai mươi một tuổi, có một nụ cười tinh quái. Philip thấy cậu lấy đầu lưỡi dao ăn hơ trên ngọn nến, rồi lấy sáp nến bắn lên đầu hói của vị giáo tập. Sáp nóng trúng đầu làm ông tỉnh dậy, kêu lên. Các tu sĩ trẻ phá lên cười.

Philip thở dài đứng lên. Ông đến sau lưng chàng cầm đầu, nắm tai chàng và kéo chàng ra ngoài. Andrew ngược lên khỏi sách lễ, cau mày nhìn Philip

khi họ đi ra: ông không biết gì về những gì vừa xảy ra.

Xa khỏi tầm nghe của các tu sĩ khác, Philip ngừng lại, bỏ tai cậu ra và nói: “Em tên gì?”

“William Beavis.”

“Ma quỷ nào xúi dục em trong thánh lễ?”

William nhìn hờn dỗi. “Em đã mệt mỏi với phụng vụ.”

Philip không cảm thông với các tu sĩ hay than phiền. “Mệt mỏi?” ông nói cao giọng hơn. “Hôm nay em đã làm gì?”

William nói ngang ngược. “Kinh đêm và kinh sớm, rồi kinh sáng trước bữa điểm tâm, rồi kinh giờ ba, thánh lễ, học hành và bây giờ lễ trọng.”

“Em đã ăn gì chưa?”

“Có, ăn điểm tâm rồi.”

“Và bây giờ em muốn ăn trưa?”

“Vâng.”

“Hầu hết những người bằng tuổi em phải làm việc đổ mồ hôi từ sáng sớm đến lúc mặt trời lặn trên cánh đồng, để có được bữa ăn sáng và bữa trưa... Và bên cạnh đó luôn dành một chút bánh của họ cho em. Em có biết tại sao họ làm thế không?”

“Dạ biết,” William nói, hai chân đá nhau và nhìn xuống đất.

“Tại sao?”

“Họ làm như thế vì họ muốn các tu sĩ cầu nguyện cho họ.”

“Đúng. Cơm bánh, thịt, nhà ngủ làm bằng đá được sưởi ấm bằng lửa trong mùa đông là công lao của những nông dân. Và em mệt mỏi đến nỗi không thể ngồi yên được cho họ trong thánh lễ.”

“Em xin lỗi.”

Philip quan sát kỹ William. Cậu không phải là chàng trai tệ. Lỗi lớn nhất là ở cấp trên của cậu, những người lỏng lẻo để cho chuyện đùa giỡn xảy ra trong nhà thờ. Philip nói nhỏ nhẹ: “Nếu việc phụng vụ làm cho em mệt mỏi, tại sao em lại muốn thành tu sĩ?”

“Em là con trai thứ năm.”

Philip gật đầu. “Và khi tu viện nhận em, bố em đã tặng tu viện một miếng đất?”

“Vâng, một trang trại.”

Đó là câu chuyện thường xảy ra: Một người có quá nhiều con trai, họ sẽ dâng một đứa con cho Chúa. Để Chúa không thể từ chối, họ dâng một tài sản để nâng đỡ con trong tu viện nghèo. Bằng cách đó nhiều người trẻ, vì họ không có ơn gọi, trở thành tu sĩ không vâng lời.

Philip nói: “Giả sử em được chuyển đến một trang trại, hay đến tu viện nhỏ của anh trong rừng, nơi mà giờ làm việc ngoài đồng nhiều hơn là giờ cầu nguyện, em có nghĩ là như thế em dễ dàng tham dự giờ kinh một cách trang nghiêm và đạo đức hơn không?”

Nét mặt William rạng rỡ ra. “Vâng, em nghĩ như vậy.”

“Anh cũng nghĩ như vậy. Anh sẽ xem có cách nào không. Nhưng đừng hy vọng quá, chúng ta phải chờ cho đến khi có một bề trên mới và xin ông chuyển em.”

“Tuy nhiên, cảm ơn anh.”

Giờ lễ chấm dứt, và các tu sĩ rời khỏi nhà thờ theo hàng ngũ. Philip đưa một ngón tay lên miệng, ra dấu chấm dứt cuộc nói chuyện. Khi các tu sĩ đi ngang qua, Philip và William đi vào hàng, theo họ ra ngoài vào dãy hành lang tiếp giáp với phía nam của gian giữa nhà thờ và vào tu viện. Ở đó cuộc rước chấm dứt. Philip muốn đi về phía nhà bếp, nhưng bất ngờ gặp ngay vị phụ trách phụng vụ đứng trước mặt ông, chân dang rộng, bàn tay chống nạnh, ông nói: “Anh Philip.”

“Anh Andrew,” Philip nói, thắc mắc không biết ông ấy có ý định gì.

“Tại sao anh lại quấy rầy buổi lễ của tôi?”

Philip rất kinh ngạc. “Quấy rầy buổi lễ?” ông lặp lại vì không tin vào tai mình. “Một tu sĩ trẻ đã không có thái độ đứng đắn. Cậu ấy...”

“Tôi có khả năng đối phó với các hành vi sai trái trong buổi lễ của tôi.” Andrew cao giọng nói. Các tu sĩ đang chuẩn bị giải tán, đứng nán lại, xem những gì xảy ra.

Philip không thể hiểu được sự tức giận của ông ấy. Các tu sĩ trẻ và các tập sinh thường được các tu sĩ lớn tuổi nhắc bảo và chỉnh đốn lại trong giờ kinh, và không có luật nào nói rằng nhiệm vụ này chỉ dành riêng cho người phụ trách phụng vụ. Philip nói: “Nhưng anh không biết chuyện gì xảy ra.”

“Hay có thể tôi thấy, nhưng tôi quyết định sẽ xử lý sau.”

Philip chắc chắn ông không thấy gì. “Anh đã thấy gì?” Philip thách đố.

“Đừng điều tra tôi!” Andrew hét lớn. Mặt đỏ của ông thành tím ngắt. “Anh là bề trên của một tu viện nhỏ trong rừng, nhưng tôi là người phụ trách phụng vụ ở đây từ mười hai năm nay, và tiến hành các giờ lễ trong nhà thờ chính tòa theo ý tôi. Tôi không cần sự giúp đỡ của người lạ chỉ bằng nửa tuổi tôi.”

Philip bắt đầu nghĩ có lẽ ông đã thực sự sai, nếu không tại sao Andrew lại nổi giận như thế? Nhưng quan trọng hơn, một cuộc tranh cãi ngoài hành lang không tốt cho các tu sĩ khác, và nó phải chấm dứt. Cẩn rằng, Philip nuốt niềm kiêu hãnh xuống, rồi cúi đầu tuân phục: “Tôi nhận lỗi và tôi khiêm nhường xin lỗi anh,” ông nói.

Andrew chuẩn bị cho một cuộc tranh luận lâu hơn, vì thế ông không hài lòng về cuộc rút lui quá sớm của đối phương. “Đừng để chuyện đó xảy ra một lần nữa,” ông lạnh nhạt nói.

Philip không trả lời. Andrew muốn phải có lời nói sau cùng, vì thế bất cứ lời nói nào của ông cũng tạo nên cơ hội cho một lời đáp trả khác. Ông nhìn xuống đất, cắn lưỡi, trong khi Andrew nhìn ông trừng trừng. Sau cùng người phụ trách phụng vụ bỏ đi, đầu ngẩng cao.

Các tu sĩ khác nhìn Philip. Sự hạ nhục của Andrew làm ông tức giận, nhưng ông chấp nhận nó bởi vì một tu sĩ tự cao là một tu sĩ xấu. Không nói thêm lời nào, ông rời khỏi dãy hành lang.

Khu nhà của các tu sĩ nằm ở phía nam tu viện: phòng ngủ ở góc phía đông nam và nhà ăn ở tây nam. Philip đi về hướng tây, ngang qua nhà ăn và ra ngoài sân, từ đó ông có thể nhìn thấy nhà khách và chuồng ngựa. Ở đây trong góc tây nam của sân vườn là sân bếp, bao bọc ba phía là nhà ăn, nhà bếp, lò bánh mì và xưởng bia. Một xe ngựa chở đầy củ cải đứng trong sân đang chờ được rở xuống. Philip trèo lên thềm nhà bếp và đi vào.

Bầu khí như dội vào mặt ông. Không khí nặng mùi cá chiên, tiếng nồi chảo va vào nhau và tiếng ra lệnh. Ba đầu bếp mặt đỏ vì nóng và đang vội vàng chuẩn bị cho bữa ăn tối với sự giúp đỡ của sáu hay bảy người phụ việc trẻ. Hai lò bếp nấu, mỗi cái ở một đầu nhà bếp: ngọn lửa cháy rực, bên

trên có hơn hai mươi xiên cá đang được một cậu bé quay. Mùi thơm của cá làm Philip nhỏ nước miếng. Cà rốt được nấu trong nồi sắt lớn treo trên ngọn lửa. Hai thanh niên đang cắt bánh mì trắng thành những miếng dày lớn. Giám sát sự hỗn loạn này là một tu sĩ: thầy Milius, nhà bếp trưởng, cùng lứa tuổi với Philip. Ông ngồi trên một ghế cao, quan sát các hoạt động xung quanh ông với một nụ cười bình thản như mọi sự đã được tổ chức chu đáo và hoàn hảo dưới con mắt kinh nghiệm của ông. Ông mỉm cười với Philip và nói: “Cảm ơn anh về những pho mát!”

“À, Vâng.” Philip đã quên chuyện đó, nhiều việc đã xảy ra từ khi ông đến đây. “Nó được làm từ sữa lấy vào buổi sáng – thầy sẽ thấy nó có mùi vị khác.”

“Miệng tôi đã chảy nước miếng rồi. Nhưng anh trông có vẻ buồn. Có chuyện gì vậy?”

“Không, không có gì cả. Tôi có những lời gay gắt với Andrew.” Philip làm một cử chỉ như muốn xua đuổi câu chuyện đã qua đi. “Tôi có thể lấy một hòn đá nóng trong lò không?”

“Dĩ nhiên.”

Luôn luôn có một vài viên đá trong bếp lửa, sẵn sàng dùng để làm nóng nhanh một ít nước hoặc súp. Philip giải thích: “Thầy Paul, phục vụ trên cầu, có một vết da nứt, nhưng Remigius không cho thầy lò sưởi.” Ông dùng cái cặp dài và lấy ra một hòn đá nóng từ trong lò ra.

Milius mở tủ lấy ra một mảnh da cũ. “Đây, bọc nó trong này.”

“Cảm ơn.” Philip đặt viên đá vào giữa miếng da cũ rồi gấp các góc lại cẩn thận.

“Nhanh lên,” Milius nói. “Sắp đến giờ ăn rồi.”

Philip rời nhà bếp. Ông đi qua sân bếp, ra đến cổng. Phía tay trái, bên trong bức tường phía tây, là nhà máy xay. Một kênh phía trên tu viện đã được đào từ nhiều năm trước để dẫn nước từ sông vào hồ nhà máy xay. Sau khi làm cho các bánh xe của nhà máy xay quay, nước chảy trong một kênh ngầm đến nhà máy bia, nhà bếp, giếng nước trong sân tu viện, nơi các tu sĩ rửa tay trước bữa ăn, và sau cùng là nhà vệ sinh bên cạnh khu phòng ngủ,

sau đó nước quay về hướng nam và nhập lại vào dòng sông. Một trong những tu viện trưởng ban đầu đã có một kế hoạch thông minh.

Có một đồng rơm bần bên ngoài chuồng, Philip nhận ra hai đứa trẻ đã theo lệnh ông và dọn chuồng. Ông ra khỏi cổng, đi qua làng về phía chiếc cầu.

Điều tôi quả trách William Beavis có đúng không? Ông tự hỏi khi ông đi ngang căn lều. Ông nghĩ đúng. Ngược lại, ông sẽ sai nếu ông làm ngơ trước những quấy rầy như vậy trong giờ kinh phụng vụ.

Ông đến cây cầu và cúi nhìn vào nơi trú ẩn của Paul. “Hãy sưởi ấm chân anh,” ông nói và đưa viên đá nóng bọc trong da. “Khi nó nguội hơn, hãy bỏ miếng da và đặt chân anh trực tiếp lên hòn đá. Nó sẽ ấm đến nửa đêm.”

Thầy Paul cảm động biết ơn. Ông bỏ dép và đặt ngay chân mình lên. “Tôi có thể cảm thấy bớt đau ngay,” ông nói.

“Nếu anh đặt hòn đá vào bếp lửa tối nay, sáng mai nó lại nóng ngay,” Philip nói.

“Thầy Milius không chống lại chứ?” Paul lo lắng hỏi.

“Tôi bảo đảm chuyện này.”

“Anh thật tốt với tôi, anh Philip à.”

“Không có gì.” Philip bỏ đi trước khi Paul trở nên lúng túng vì biết ơn. Nó chỉ là một hòn đá nóng.

Ông trở về tu viện. Ông vào lại trong sân và rửa tay ở một bồn rửa bằng đá nơi bức tường phía nam, rồi bước vào phòng ăn. Trên bục, một tu sĩ đang đọc to. Bữa ăn theo quy luật, ngoài trừ việc đọc sách, phải giữ im lặng. Nhưng người ta vẫn nghe thấy không những tiếng nhai ăn của hơn bốn mươi tu sĩ mà còn nghe thấy tiếng thì thầm. Philip ngồi vào chỗ trống bên chiếc bàn dài. Tu sĩ bên cạnh ông đang ăn ngon. Ông bắt gặp ánh mắt Philip và thì thầm: “Hôm nay có cá tươi!”

Philip gật đầu. Ông đã nhìn thấy nó trong bếp. Dạ dày của ông cồn cào.

Vị tu sĩ nói: “Chúng tôi nghe nói anh có cá tươi mỗi ngày trong tu viện của anh ở trong rừng.” Giọng ông có pha lẫn ghen tị.

Philip lắc đầu. “Những ngày khác chúng tôi có thịt gia cầm,” ông thì thầm.

Vị tu sĩ như có vẻ ghen tị hơn. “Ở đây chỉ có cá muối, sáu lần trong tuần.”

Một người phục vụ mang đến trước mặt Philip một miếng bánh mì lớn và một con cá thơm mùi gia vị của Milius. Philip chảy nước miếng. Khi ông vừa lấy con dao định cắt cá, một tu sĩ ở đầu bàn đứng lên, chỉ vào ông. Đó là người giữ trật tự hay giám thị. Philip nghĩ, không biết lại chuyện gì đây?

Vị giám thị phá luật im lặng, ông có quyền đó. “Anh Philip!”

Các tu sĩ khác ngừng ăn và căn phòng chìm trong yên lặng.

Philip ngừng con dao trên con cá và nhìn lên chờ đợi.

Vị giám thị nói: “Quy luật là: người đến trễ không được ăn.”

Philip thở dài. Đường như hôm nay ông luôn luôn làm sai. Ông cắt con dao, trao lát bánh và con cá lại cho người phục vụ và cúi đầu nghe đọc sách.

Trong lúc rảnh sau bữa ăn tối, ông đến nhà kho dưới nhà bếp để nói chuyện với Cuthbert Whitehead, quản lý tu viện. Nhà kho là một hang lớn tối, với cột to thấp và cửa sổ nhỏ. Không khí khô và đầy mùi: hoa bia và mật ong, táo cũ và gia vị khô, pho mát và dấm. Thầy Cuthbert luôn có mặt ở đây, vì công việc đa dạng không cho phép ông tham dự nhiều giờ kinh phụng vụ. Điều đó cũng phù hợp với ông: ông rất thông minh, đôi chân đứng trên mặt đất và không còn nhiều giờ cho đời sống tinh thần. Là người quản lý, ông trách nhiệm cho các nhu cầu vật chất, khác với người phụ trách phụng vụ: Cuthbert cung cấp cho mọi nhu cầu thực tế của các tu sĩ, thu thập sản phẩm của trang trại trong tu viện và đem ra chợ, cũng như mua những gì mà các tu sĩ và công nhân không sản xuất được. Công việc đòi hỏi tài tổ chức và sự tính toán cẩn thận. Cuthbert không làm việc một mình: Milius, nhà bếp trưởng, chịu trách nhiệm về các bữa ăn hàng ngày và còn có một người lo về quần áo cho các tu sĩ. Cả hai ở dưới sự kiểm soát của Cuthbert. Ngoài ra còn có ba người dưới quyền ông, tuy vẫn có một sự độc lập nhất định: người lo phòng khách, người lo cho các tu sĩ già, bệnh tật trong khu nhà bên cạnh và người lo về bác ái. Mặc dù ông có nhiều người cộng tác, nhưng nhiệm vụ của ông thật lớn. Ông giữ các con số và dữ kiện

trong đầu, lập luận rằng giấy mực là một sự phí phạm. Philip nghi ngờ rằng Cuthberth chưa biết đọc và biết viết. Người ta đặt tên cho ông là “Đầu trắng” vì do thời còn trẻ ông đã có tóc bạc. Bây giờ ông đã sáu mươi, những sợi tóc còn lại mọc ra từ tai và lỗ mũi của ông như thể nó muốn đua với cái đầu hói của ông. Philip, cũng là quản lý khi còn ở Wales, thông cảm với sự lo lắng và tính cáu kỉnh của ông. Vì thế Cuthberth rất thích Philip. Bây giờ biết rằng Philip đã bỏ lỡ bữa ăn tối, Cuthberth lấy ra từ thùng nửa tá lê. Chúng đã teo lại, nhưng còn ngon và Philip ăn nó với lòng biết ơn, trong khi Cuthberth càu nhàu về tài chính của tu viện.

“Tôi không thể hiểu tại sao một tu viện lại có thể ở trong tình trạng nợ nần,” Philip nói, miệng đầy trái cây.

“Tu viện không nên nợ,” Cuthberth nói. “Tu viện có nhiều đất và thu nhiều tiền thuế từ các nhà xứ hơn bao giờ hết.”

“Vậy tại sao chúng ta không giàu?”

“Anh biết hệ thống của chúng ta ở đây – tài sản của tu viện được chia cho các lãnh vực. Người phụ trách phụng vụ có đất của ông ấy, tôi có đất của tôi, phần nhỏ hơn cho cha giáo tập, cho người phụ trách nhà khách, cho người lo về y tế và bác ái. Phần còn lại dành cho tu viện. Mỗi người dùng tài sản của mình để chu toàn trách vụ của mình.

“Có gì sai trong cách tổ chức đó?”

“Vâng, tất cả tài sản này phải được chăm nom! Thí dụ như giả sử chúng ta có mảnh đất cho thuê bằng tiền mặt, chúng ta không nên trao nó cho người trả giá cao nhất rồi ngồi chờ thu tiền. Chúng ta phải tìm ra người thuê tốt và giám sát để họ làm tốt công việc; nếu không cánh đồng sẽ úng nước, đất trở thành chai cứng, và khi người thuê không có khả năng trả tiền thuê, họ sẽ trả lại đất cho chúng ta trong tình trạng tồi tệ. Hay lấy thí dụ một trang trại được chăm sóc bởi nhân viên của chúng ta và quản lý bởi các tu sĩ: nếu chỉ đến lấy các sản phẩm mà không có người thường xuyên đến theo dõi thì các tu sĩ trở thành biếng nhác và đờn trụy, nhân viên sẽ ăn cắp các loại cây trồng, và trang trại càng ngày càng sản xuất ít hơn. Ngay cả một nhà thờ cũng cần được chăm sóc. Chúng ta không nên chỉ nghĩ đến lấy tiền thuế. Chúng ta phải đặt các nhà thờ trong tay những linh mục tốt, biết

tiếng Latin và có một đời sống thánh thiện. Nếu không mọi người rơi vào tình trạng không có Chúa. Họ kết hôn, sinh con và chết mà không có lời chúc phúc của giáo hội, và họ sẽ lừa dối chúng ta khi khai thuế.

“Những người có trách nhiệm trong tu viện nên quản lý tài sản một cách cẩn thận,” Philip nói, khi ông ăn quả lê cuối cùng.

Cuthberth rót một chén rượu từ vại và đưa cho Philip. “Họ nên làm như vậy, nhưng họ có nhiều chuyện khác trong đầu. Tuy nhiên, cha giáo tập biết gì về việc đồng áng? Tại sao người phụ trách về y tế lại phải có khả năng quản lý đất đai? Tuy vậy, một tu viện trưởng cứng rắn sẽ đòi hỏi họ phải biết sử dụng hết khả năng của họ, dĩ nhiên tới một mức độ nào đó. Nhưng chúng ta có một tu viện trưởng yếu đuối từ ba mươi năm nay, và bây giờ chúng ta không có tiền để sửa sang nhà thờ chính tòa, chúng ta phải ăn cá muối sáu ngày trong tuần, và không có tập sinh nào cũng như không có khách nào đến nhà khách.”

Philip nhấp rượu nho trong yên lặng ảm đạm. Ông thấy quá khó để suy nghĩ một cách lạnh lùng về sự phung phí kinh khủng tài sản này của Thiên Chúa. Ông muốn tóm lấy những người có trách nhiệm và lay cho đến khi họ tỉnh thức. Nhưng trong trường hợp này, người có trách nhiệm nằm trong quan tài, phía sau bàn thờ. Ở đó ít nhất le lói một niềm hy vọng. “Chẳng bao lâu chúng ta sẽ có một tu viện trưởng mới,” Philip nói. “Ông ấy sẽ đưa tất cả vào trật tự.”

Cuthberth nhìn ông bằng một cái nhìn đặc biệt.

“Remigius? Ông ấy sẽ đưa mọi việc vào trật tự ư?”

Philip không chắc chắn về những gì Cuthberth nói. “Remigius sẽ không phải là tu viện trưởng mới, phải không?”

“Có thể ông ấy sẽ là.”

Philip mất tinh thần. “Nhưng ông ấy không khá hơn Tu viện trưởng James. Tại sao anh em lại bỏ phiếu cho ông ấy?”

“Vâng, họ nghi ngờ người lạ, vì thế họ sẽ không bỏ phiếu cho người họ không biết. Điều đó có nghĩa là một trong chúng ta sẽ được bầu. Và Remigius là tu viện phó, người cao cấp nhất trong số chúng ta ở đây.”

“Nhưng không có luật lệ nào quy định chúng ta phải bỏ phiếu cho người cao cấp nhất,” Philip chống lại. “Nó có thể là một người khác trong ban lãnh đạo. Nó có thể là anh.”

Cuthberth gật đầu. “Tôi đã được hỏi, nhưng tôi từ chối.”

“Tại sao?”

“Tôi đã già, Philip. Công việc tôi đang làm có thể đánh tôi ngã quỵ, nhưng chỉ vì tôi đã quen với nó nên tôi thi hành nó một cách máy móc. Đối với tôi bất cứ một trách nhiệm nào thêm cũng là quá nhiều. Tôi không có sức để lãnh đạo một tu viện xuống dốc về kinh tế và cải cách nó. Thực tế, tôi không khá hơn Remigius.”

Philip vẫn chưa có thể tin được điều đó. “Còn những người khác: người phụ trách phụng vụ, người giám thị, cha giáo tập...”

“Cha giáo tập đã già và còn mệt mỏi hơn tôi. Người phụ trách nhà khách là người say mê ăn uống và rượu chè. Và người phụ trách phụng vụ cũng như người giám thị đã cam kết bỏ phiếu cho Remigius. Tại sao? Tôi không biết, nhưng tôi đoán là Remigius hứa cho người phụ trách phụng vụ làm tu viện phó và người giám thị lên chức phụ trách phụng vụ, như một phần thưởng cho sự hỗ trợ của họ.”

Philip ngồi bệt xuống bao bột trên nền nhà. “Anh muốn nói rằng Remigius đã chuẩn bị xong cho cuộc bầu cử?”

Cuthberth không trả lời ngay. Ông đứng lên, đi tới hướng khác của nhà kho, nơi ông đã chuẩn bị theo hàng một bồn tắm bằng gỗ đầy lươn sống, một xô nước sạch, và một thùng chứa một phần ba nước muối. “Hãy giúp tôi,” ông nói. Ông lấy ra một con dao. Ông chọn một con lươn từ trong bồn tắm, đập đầu nó xuống sàn đá, sau đó dùng dao rút ruột nó. Ông đưa con lươn, vẫn còn quần quai cho Philip. “Hãy rửa nó trong xô, sau đó thả nó vào thùng,” ông nói. “Cái này sẽ làm giảm sự thèm ăn của chúng ta trong mùa chay.”

Philip rửa con lươn nửa sống nửa chết trong xô nước một cách cẩn thận như ông có thể, rồi thả nó vào trong nước muối.

Cuthberth bắt con lươn khác và nói: “Còn có một người, một ứng viên có thể là một tu viện trưởng cải tổ tốt và chức vụ của người đó hiện nay, mặc

dù dưới tu viện phó, nhưng ngang hàng với người phụ trách phụng vụ hay quản lý.”

Philip thả con lươn vào thùng. “Ai vậy?”

“Anh.”

“Tôi?” Philip quá ngạc nhiên, ông thả con lươn trên sàn nhà. Về mặt tổ chức hành chính, ông có chức vụ trong ban lãnh đạo của tu viện, nhưng ông chẳng bao giờ nghĩ ông ngang hàng với người phụ trách phụng vụ hoặc những người khác, bởi vì tất cả đều hơn ông nhiều tuổi. “Tôi còn quá trẻ -”

“Hãy nghĩ về việc đó,” Cuthberth nói. “Anh đã sống cả đời trong tu viện. Anh đã làm quản lý vào lứa tuổi hai mươi mốt. Anh đã làm tu viện trưởng của một tu viện nhỏ từ bốn hay năm năm nay – và anh đã cải tổ nó. Đối với mọi người, rõ ràng là bàn tay Chúa ở trên anh.”

Philip bắt lại được con lươn trốn chạy trên nền nhà và bỏ nó vào thùng nước muối. “Bàn tay Chúa ở với mọi người,” ông nói như đánh lạc hướng. Một phần nào ông choáng váng với đề nghị của Cuthberth. Ông muốn một tu viện trưởng mới đầy năng lực cho Kingsbridge, nhưng ông không nghĩ chính ông sẽ đảm nhiệm chức vụ này. “Đúng, tôi có thể là một tu viện trưởng tốt hơn Remigius,” ông trầm ngâm nói.

Cuthberth trông có vẻ hài lòng. “Nếu anh có lỗi, Philip, đó là sự ngây thơ của anh.”

Philip không nghĩ mình quá ngây thơ. “Ý anh muốn nói gì?”

“Anh không quan tâm đến động cơ thúc đẩy trong con người. Hầu hết chúng ta cũng vậy. Thí dụ như cả tu viện đã giả định anh là một ứng viên và anh đến đây để thu hút phiếu của họ.”

Philip phản nộ. “Lý do nào đã khiến họ nghĩ như thế?”

“Hãy thử nhìn vào hành vi của chính anh bằng một cái nhìn của một đầu óc đa nghi: Anh đến đây không hẹn trước. Anh đến đây chỉ vài ngày sau khi Tu viện trưởng James qua đời, như thể có một người thân cận của anh gửi cho anh một thông điệp bí mật.”

“Nhưng làm sao họ có thể tưởng tượng được tôi đã chuẩn bị điều đó?”

“Họ không biết, nhưng họ tin rằng anh thông minh hơn họ.” Cuthberth tiếp tục làm một con lươn khác. “Và hãy nhìn xem thái độ của anh ngày

hôm nay. Anh đi vào, ra lệnh dọn chuồng ngựa. Rồi anh xử sự với người phá rối trong thánh lễ. Anh nói về việc chuyển William Beavis tới nhà khác, khi mọi người đều biết rằng việc chuyển tu sĩ từ nhà này sang nhà khác là đặc quyền riêng của tu viện trưởng. Anh ngầm chỉ trích Remigius khi lấy một hòn đá nóng cho thầy Paul trên cầu. Và sau cùng anh đem một miếng pho mát thơm ngon cho nhà bếp - và chúng tôi đều có một miếng sau bữa ăn tối - và mặc dù không ai nói pho mát từ đâu đến, nhưng không ai có thể nhầm lẫn được hương vị pho mát từ tu viện St. John trong rừng.

Philip bối rối khi nghĩ rằng hành động của ông đã bị hiểu sai như vậy. “Bất cứ người nào cũng làm như thế.”

“Bất cứ tu sĩ lớn tuổi nào cũng có thể làm một việc. Nhưng không ai khác có thể làm tất cả. Anh đi vào và thay đổi! Anh đã bắt đầu cải cách. Và dĩ nhiên, người thân cận của Remigius đã phản kháng lại. Đó là lý do tại sao người phụ trách phụng vụ đã trách mắng anh trong hành lang tu viện.”

“Thì ra đó là lời giải thích! Tôi tự hỏi chuyện gì đã xảy ra cho ông ấy.” Philip trầm ngâm khi rửa con lươn. “Và tôi đoán rằng khi người giám thị ra lệnh bắt tôi bỏ bữa ăn, đó cũng là vì cùng một lý do.”

“Chính xác.” Đó là cách hạ anh xuống trước mặt các tu sĩ khác. Tôi nghi ngờ cả hai trường hợp đều phản tác dụng: Cả hai lời khiển trách đều vô lý, tuy nhiên anh đã chấp nhận nó một cách vui vẻ. Thực tế thái độ của anh trông rất thánh thiện.”

“Tôi làm điều đó không vì mục đích gì.”

“Các thánh cũng không. Có tiếng chuông báo hiệu giờ kinh chiều. Tốt hơn anh để những con lươn lại cho tôi. Sau giờ kinh là giờ học, và trong khuôn viên tu viện cho phép thảo luận. Một số anh em muốn nói chuyện với anh.”

“Đừng đi quá xa!” Philip lo âu nói. “Mọi người giả định tôi muốn trở thành tu viện trưởng, không có nghĩa là tôi sẵn sàng ứng cử.” Viễn tượng về một cuộc tranh cử đối với ông là một điều không thoải mái. Ngoài ra ông cũng không chắc chắn với chính mình: Tôi có thực sự sẵn sàng từ bỏ tu viện của tôi trong rừng, một tu viện bây giờ đã vào nề nếp để đánh đổi lấy

những vấn đề phức tạp của Kingsbridge không? “Tôi cần thời gian suy nghĩ,” ông năn nỉ.

“Tôi biết,” Cuthberth đứng thẳng lên, nhìn vào mắt Philip. “Khi anh suy nghĩ, làm ơn nhớ đến điều này: Tự hào quá mức là một tội quen thuộc, nhưng một người cũng dễ dàng chống lại ý Chúa qua sự khiêm nhường quá mức.”

Philip gật đầu. “Tôi nhớ. Cảm ơn anh.”

Ông rời khỏi nhà kho và vội vã vào tu viện. Tâm trí ông hỗn loạn khi ông theo các tu sĩ khác vào nhà thờ. Ông nhận ra ông bị cảm kích dữ dội trước viễn tượng có thể trở thành tu viện trưởng của Kingsbridge. Đã nhiều năm qua ông tức giận về cách hoạt động đáng hổ thẹn của tu viện, và bây giờ ông có cơ hội để đem tất cả vào trật tự theo ý mình. Bất ngờ ông không chắc ông có thể làm được việc đó không. Vấn đề không phải là chỉ xem những gì cần phải làm và ra lệnh làm việc đó: Con người phải được thuyết phục, bất động sản phải được quản lý, tiền bạc phải được làm ra. Đó là công việc dành cho một đầu óc khôn ngoan. Và trách nhiệm thật nặng nề!

Như mọi khi, nhà thờ cho ông bình an. Sau hành vi sai trái vào buổi sáng hôm nay, các tu sĩ bây giờ yên lặng và nghiêm trang. Khi ông lắng nghe lời kinh quen thuộc và lập lại đáp ca như ông đã làm nhiều năm nay, ông cảm thấy tâm trí ông rõ ràng hơn.

Tôi có muốn thành tu viện trưởng của Kingsbridge không? ông tự hỏi, và câu trả lời đến ngay lập tức: có! Để ngăn ngừa sự đổ nát của nhà thờ này, để sửa sang và sơn phết lại nó và đổ đầy nó với tiếng ca của hàng trăm tu sĩ và tiếng của hàng ngàn giáo dân cùng đọc lên “Lạy Cha” – Chỉ cho riêng những điều đó, ông muốn nhận trách nhiệm. Rồi còn tài sản của tu viện phải tổ chức và hồi sinh lại, làm cho chúng phát triển và sinh lợi. Ông muốn nhìn thấy từng đám trẻ ngồi học đọc và viết trong góc tu viện. Ông muốn nhà khách đầy ánh sáng và hơi ấm để các bá tước và các giám mục đến thăm và tặng lại tu viện những món quà quý giá. Ông muốn một thư viện có đầy những sách về kiến trúc. Vâng, ông muốn trở thành tu viện trưởng của Kingsbridge.

Còn vì lý do nào khác không? Ông tự hỏi. Khi tôi hình dung tôi là một tu viện trưởng, tôi làm những điều này vì vinh danh Thiên Chúa, tôi có một chút tự hào nào trong trái tim tôi không?”

Ồ, có chứ.

Trong bầu khí lạnh và thánh thiện của nhà thờ, ông không thể tự lừa dối mình. Mục đích của ông là làm vinh danh Chúa, nhưng làm vinh danh Philip cũng làm ông thích thú. Ông thích ý tưởng khi ông ra lệnh mà không ai có thể từ chối. Ông tưởng tượng mình đang quyết định và xử án, khuyến bảo và khuyến khích, ban việc đền tội và ân xá như ông cảm thấy phù hợp. Ông tưởng tượng dân chúng nói: “Philip thành Gwynedd đã cải tổ nơi đây. Trước đây nó đáng khiến trách biết bao, nhưng bây giờ hãy nhìn vào nó kìa!”

Nhưng tôi sẽ làm tốt, ông nghĩ. Thiên chúa cho tôi bộ não để quản lý tài sản và khả năng để lãnh đạo các nhóm người. Tôi đã chứng tỏ điều đó khi làm quản lý ở Gwynedd và làm tu viện trưởng ở St. John trong rừng. Và khi tôi điều hành công việc, các tu sĩ được hạnh phúc. Trong tu viện của tôi không có những người già bị nứt chân và những người trẻ không thất vọng vì thiếu việc. Tôi chăm sóc đến mọi người.

Mặt khác, nếu so sánh với tu viện ở Kingsbridge thì cả hai tu viện Gwynedd và St. John trong rừng dễ dàng hơn. Tu viện ở Gwynedd luôn luôn tiến triển tốt. Tu viện chi nhánh trong rừng có vài rắc rối khi ông đảm nhận trách nhiệm, nhưng nó nhỏ bé và dễ kiểm soát. Cải cách Kingsbridge là một công việc đòi hỏi cả đời người. Phải mất hàng tuần để tìm ra nguồn tài nguyên của nó, thí dụ như bao nhiêu đất, ở đâu và đất để làm gì, đất là rừng hay đồng cỏ hay đồng lúa mì. Phải mất cả năm để có thể kiểm soát tài sản phân tán, để tìm xem điều gì sai và đưa vào trật tự, và để nối kết các phần tử thành một tổng thể. Tất cả những gì Philip đã làm được ở tu viện trong rừng là thúc đẩy cho khoảng chục tu sĩ trẻ chịu khó làm việc ngoài đồng và cầu nguyện nghiêm trang trong nhà thờ.

Đúng rồi, ông thừa nhận, động cơ thúc đẩy tôi không tinh tuyền và khả năng của tôi không chắc chắn. Có lẽ tôi nên từ chối việc đề cử. Ít nhất qua

đó tôi tránh được tội háo danh. Nhưng Cuthberth đã nói gì? “Một người cũng dễ dàng chống lại ý Chúa qua sự khiêm hạ quá mức.”

Chúa muốn gì? Sau cùng ông tự hỏi. Chúa có muốn Remigius không? Khả năng của Remigius không bằng tôi và động cơ thúc đẩy ông có lẽ cũng không tinh ròng. Còn có ứng viên khác không? Hiện tại không. Nếu Chúa không tỏ ra một chọn lựa thứ ba, chúng ta phải chọn lựa giữa tôi và Remigius. Rõ ràng rằng Remigius sẽ lãnh đạo tu viện theo cách ông đã lãnh đạo nó khi Tu viện trưởng James bị bệnh. Nợ nần và vô công rồi việc vẫn tiếp tục, không có biện pháp nào ngăn chặn sự sụp đổ của tu viện. Và tôi? Tôi đầy tự hào và tài năng của tôi cần phải kiểm chứng. Nhưng tôi sẽ cố gắng cải tổ tu viện, và nếu Chúa cho tôi sức mạnh, tôi sẽ thành công.

Được rồi, sau đó ông nói với Chúa khi giờ kinh chấm dứt: Con sẽ nhận lời đề cử và con sẽ chiến đấu với tất cả sức mạnh của con để thắng được cuộc bầu cử; và nếu Chúa không muốn con vì bất cứ lý do nào, Chúa có thể ngăn con lại bằng cách nào Chúa muốn.

Mặc dù Philip đã sống trong tu viện hai mươi hai năm, nhưng ông sống trong thời kỳ lâu dài của các tu viện trưởng, vì thế ông chưa trải qua cuộc bầu cử tu viện trưởng nào. Nó là một biến cố độc đáo trong đời sống tu viện, bởi vì trong việc bỏ phiếu các tu sĩ không phải vâng lời – bất ngờ, mọi người đều bình đẳng.

Đã có một thời, nếu truyền thuyết là sự thật, các tu sĩ bình đẳng trong mọi sự. Một nhóm người quyết định quay lưng lại với thế giới ham muốn xác thịt và xây dựng một nơi thánh trong sa mạc, nơi họ sống cuộc sống thờ phượng Thiên Chúa và tự kềm chế bản thân; và họ chọn lấy một vùng đất cằn cỗi, phá rừng và đắp đầm lầy, rồi họ làm ruộng và cùng nhau xây nhà thờ. Trong thời kỳ này họ thật sự là anh em. Tu viện trưởng, như danh hiệu ngụ ý, chỉ có nghĩa là người đầu tiên trong số anh em ngang hàng, và họ hứa vâng lời quy luật của Thánh Biển Đức, không phải vâng lời ban lãnh đạo. Nhưng tất cả những gì còn lại từ thời dân chủ nguyên thủy đó là cuộc bầu cử tu viện trưởng và viện phụ.

Một vài tu sĩ không biết phải sử dụng quyền bầu cử của họ ra sao. Họ muốn được hướng dẫn phải bỏ phiếu ra sao, hoặc họ muốn trao quyền

quyết định cho một ủy ban các tu sĩ già có kinh nghiệm. Một số người khác lạm dụng đặc quyền và trở thành xác láo; họ đòi hỏi ân huệ cho sự ủng hộ của họ. Hầu hết các tu sĩ lo âu để có một quyết định đúng đắn.

Chiều hôm đó trong tu viện, Philip nói chuyện với hầu hết mọi người, cá nhân hoặc trong nhóm nhỏ. Thẳng thắn ông nói với họ rằng ông muốn lãnh trách nhiệm đó và ông cảm thấy ông có thể làm tốt hơn Remigius vì ông còn trẻ. Ông trả lời câu hỏi của họ, hầu hết là hỏi về đồ ăn và nước uống. Ông chấm dứt mỗi buổi nói chuyện bằng câu nói: “ Nếu mỗi người chúng ta quyết định qua suy tư và cầu nguyện, Thiên Chúa chắc chắn sẽ ban phước cho người được chọn.” Philip biết câu nói này hợp với hoàn cảnh và ông cũng tin điều đó.

“Chúng ta sẽ thẳng,” Milius, nhà bếp trưởng, nói vào buổi sáng hôm sau, khi Philip và ông ăn sáng với bánh mì đen và bia.

Philip cần một miếng lớn và uống một hớp bia để làm bánh mì mềm ra trong miệng. Milius là một người trẻ, thông minh và sinh động. Ông bảo vệ Cuthberth và hâm mộ Philip. Ông có mái tóc đen thẳng, khuôn mặt nhỏ với các nét đều đặn. Cũng như Cuthberth, ông phục vụ Thiên Chúa qua công việc thực tế hàng ngày và bỏ bê nhiều giờ kinh phụng vụ. Philip hoài nghi về sự lạc quan của ông. “Làm sao anh lại đi đến kết luận như thế?” ông nghi ngờ hỏi lại.

“Tất cả những người về phía Cuthberth đều hỗ trợ anh – thầy phụ trách tài chính, thầy lo về y tế, cha giáo tập và tôi – bởi vì chúng tôi biết anh là người cung cấp giỏi, và đây là một vấn đề lớn của tu viện dưới sự lãnh đạo hiện nay. Rất nhiều tu sĩ bình thường muốn bỏ phiếu cho anh chỉ vì một lý do đơn giản: họ nghĩ anh sẽ lãnh đạo tu viện tốt hơn, và điều đó có nghĩa là đời sống sẽ thoải mái hơn và có thực phẩm tốt hơn.

Philip nhú mày. “Tôi không muốn lừa dối ai. Ưu tiên của tôi là sửa sang lại nhà thờ và lo cho các giờ kinh phụng vụ được trang nghiêm. Sau đó mới lo đến ăn uống.”

“Cứ như vậy, và họ cũng biết điều đó,” Milius nói với một chút vội vàng. “Đó là lý do tại sao thầy lo nhà khách và một hai anh em khác vẫn còn muốn bỏ phiếu cho Remigius – họ ưa thích một đời sống thoải mái, dưới

một ban lãnh đạo yếu nhược. Những người ủng hộ khác của ông ấy là chân tay hoặc những người mong có được những đặc quyền khi ông ấy lãnh đạo – vị phụ trách phụng vụ, cha giám thị, thầy phụ trách kho tàng và một số người khác. Thầy phụ trách thánh ca là bạn của cha phụ trách phụng vụ, nhưng tôi nghĩ chúng ta có thể thu phục ông ấy về phía chúng ta, đặc biệt nếu anh hứa sẽ chỉ định một người lo về thư viện.

Philip gật đầu. Thầy phụ trách thánh ca lo về âm nhạc, và cảm thấy lo thêm về sách vở là một trách nhiệm quá nặng cho ông. “Đó là một ý tưởng tốt,” Philip nói. “Chúng ta cần một người quản thủ thư viện để xây dựng một bộ sưu tập sách quý giá.”

Milius đứng lên khỏi ghế và mài con dao nhà bếp. Ông có quá nhiều năng lực và phải làm gì với đôi tay của mình, Philip quyết định.

“Có tất cả bốn mươi bốn tu sĩ có quyền bầu cử,” Milius nói. Có tất cả bốn mươi lăm, nhưng một người đã qua đời. “Ước tính tốt nhất của tôi là có mười tám người theo chúng ta và mười người theo Remigius, còn lại mười sáu người chưa quyết định. Chúng ta cần hai mươi ba phiếu cho đủ đa số. Điều đó có nghĩa là anh cần thêm năm phiếu từ những người còn do dự.”

“Cứ như anh nói, nó có vẻ dễ dàng,” Philip nói. “Còn bao lâu nữa sẽ đến cuộc bầu cử?”

“Tôi không thể nói được. Các tu sĩ được quyền xác định ngày bỏ phiếu. Nhưng nếu chúng ta tiến hành nhanh quá, giám mục có thể từ chối công nhận cuộc bầu cử. Và nếu chúng ta chậm quá, ngài có thể ra lệnh triệu tập. Ông ấy cũng có quyền đề cử ứng viên. Cho đến bây giờ ông ấy vẫn chưa biết rằng tu viện trưởng cũ đã qua đời.”

“Như vậy nó có thể kéo dài.”

“Đúng. Và bao lâu chúng ta tin rằng mình đã có thể chiếm được đa số phiếu, anh phải trở về tu viện của anh cho đến khi mọi chuyện trôi qua.”

Philip bất ngờ với đề nghị đó. “Tại sao?”

“Sự quen thuộc tạo ra sự coi thường”. Milius thích thú mài dao. “Hãy tha thứ cho tôi nếu tôi nói một cách thiếu tôn trọng, nhưng chính vì anh đã hỏi tôi. Ở thời điểm này anh có một hào quang. Đặc biệt đối với thế hệ trẻ chúng tôi, anh là người chúng tôi ngưỡng phục. Trong tu viện nhỏ của anh,

anh đã làm một phép lạ, cải tổ nó và làm cho nó trở thành độc lập. Anh là một tu sĩ kỷ cương, nhưng cũng lo cho các tu sĩ ăn uống đầy đủ. Anh sinh ra là một nhà lãnh đạo nhưng anh cũng có thể cúi đầu chấp nhận lời khiển trách như một tập sinh trẻ. Anh hiểu Kinh Thánh và anh cũng có thể làm loại pho mát tốt nhất trong vùng.”

“Và anh nói hơi quá!”

“Không nhiều quá!”

“Tôi không nghĩ là mọi người lại nghĩ về tôi như vậy – đó là điều không bình thường.”

“Tôi đồng ý với anh điểm đó,” Milius nói với một cái nhún vai. “Và nó sẽ không kéo dài một khi họ biết anh nhiều hơn. Anh sẽ đánh mất hào quang đó, nếu anh ở lại đây. Họ sẽ nhìn thấy anh móc răng và cào móng, họ sẽ nghe thấy anh ngáy và đánh rầm, họ sẽ biết tâm tính của anh, cách anh ứng xử khi anh nóng tính, khi lòng tự ái của anh bị tổn thương hay khi anh đau đầu. Chúng ta không muốn họ biết điều đó. Hãy để họ quan sát lỗi lầm và sự cầu thả của Remigius từ ngày này qua ngày khác, trong khi hình ảnh của anh vẫn tỏa sáng và hoàn hảo trong mắt họ.”

“Tôi không thích như vậy,” Philip nói bằng giọng lo âu. “Có một cái gì đó dối trá trong đó.”

“Không có gì là không trung thực cả,” Milius chống lại. “Đó là một phản ánh thực sự anh có thể phục vụ Thiên chúa và tu viện như thế nào nếu anh là tu viện trưởng – và Remigius sẽ lãnh đạo xấu như thế nào.”

Philip lắc đầu. “Tôi không muốn mình được coi là một thiên thần. Nhưng tốt, tôi sẽ không ở lại đây – tôi phải trở về với tu viện trong rừng của tôi. Nhưng chúng ta phải thẳng thắn với anh em. Chúng ta yêu cầu họ chọn ra một người có những sai lầm và không hoàn hảo, một người cần sự giúp đỡ và lời cầu nguyện của họ.”

“Hãy nói với họ như thế!” Milius thích thú nói to. “Điều đó sẽ làm hài lòng họ.”

Ông ấy là người không thay đổi được, Philip nghĩ. Ông dối bề ngoài. “Theo anh, những anh em còn do dự thuộc thành phần nào?”

“Họ bảo thủ,” Milius nói không do dự. “Họ nhìn thấy Remigius là một người lớn tuổi, một người chỉ có vài thay đổi nhỏ. Họ có thể dự đoán được những gì sẽ tới và họ đã quen với cách lãnh đạo của ông ấy.”

Philip gật đầu đồng ý. “Và họ nhìn tôi thận trọng, như một con chó lạ có thể cắn.”

Chuông báo hiệu giờ họp. Philip uống nốt bia. “Họ dự định tấn công vào anh, Philip. Tôi không đoán được bằng cách nào, nhưng họ sẽ bêu xấu anh là trẻ trung, thiếu kinh nghiệm, bướng bỉnh và không đáng tin tưởng. Anh phải bình tĩnh, thận trọng và suy nghĩ chín chắn trước khi nói, nhưng hãy để cho tôi và Cuthberth bảo vệ anh.”

Philip bắt đầu thấy sợ hãi. Ông không quen với cách suy nghĩ này, phải cân nhắc từng cử động và tính toán xem người khác giải thích và đánh giá nó ra làm sao. Với một giọng nói không hài lòng, ông nói: “Bình thường, tôi chỉ nghĩ xem Chúa xét xử thái độ của tôi ra sao.”

“Tôi biết, tôi biết,” Milius sốt ruột nói. “Nhưng để giúp người bình thường nhìn thấy hành động của anh trong ánh sáng sự thật thì không phải là một tội.”

Philip nhú mày. Milius có vẻ có lý.

Họ rời nhà bếp, đi ngang qua nhà ăn tới tu viện. Philip rất lo âu. Tấn công? Một cuộc tấn công nghĩa là làm sao? Có phải họ sẽ nói dối về ông? Ông phải phản kháng thế nào? Nếu người ta nói dối về ông, ông sẽ giận dữ. Ông có nên ngăn chặn sự tức giận của mình để biểu lộ sự bình tĩnh? Nhưng nếu ông xử sự như thế, các anh em khác có thể nghĩ sự bịa đặt là sự thật? Ông quyết định xử sự như ông là, có lẽ chỉ thêm một chút nghiêm trang và uy nghiêm hơn.

Nhà họp là một căn nhà tròn nhỏ bên tường phía đông của tu viện. Các băng ghế được sắp xếp theo vòng tròn quy vào tâm điểm. Nó lạnh vì không có lò sưởi. Ánh sáng đến từ cửa sổ cao nằm ở phía trên tầm mắt, nên không thể nhìn ra ngoài. Trong phòng họp họ chỉ nhìn thấy các tu sĩ khác.

Hầu hết các tu sĩ trong tu viện đã hiện diện. Họ thuộc nhiều lứa tuổi, từ mười bảy cho đến bảy mươi; cao và thấp, đen và trắng; tất cả mặc áo choàng giản dị bằng len thô không tẩy trắng và mang dép da. Thầy phụ

trách nhà khách đã có mặt ở đó, bụng tròn và cái mũi đỏ của ông tiết lộ tính hư tật xấu của ông, một tật xấu có thể tha thứ được nếu giả sử lâu lâu ông thu được một vài khách, Philip nghĩ. Đó là thầy phụ trách về y phục, người thúc dục các tu sĩ thay áo choàng và cạo râu vào dịp lễ Giáng sinh, cũng như tắm rửa (việc tắm rửa vào dịp lễ này được khuyến nên làm, nhưng không bắt buộc). Dựa vào bức tường xa là một thầy lớn tuổi, chu đáo, trầm tư vẫn còn nhiều tóc đen hơn là trắng, người ít nói, nhưng lời nói của ông có hiệu lực. Ông có thể là một ứng viên tốt cho chức vụ tu viện trưởng, nhưng ông được coi là người khép kín. Đó là thầy Simon với cái nhìn lén lút và bàn tay không ngừng cử động, người mà (như Milius thăm thềm vào tai Philip) quá thường xưng tội về tội thiếu khiết tịnh, đến nỗi người ta cho rằng ông thích xưng tội hơn là sợ tội. Ngay cả William Beavis cũng có mặt, cậu rất nghiêm trang. Thầy Paul xuất hiện, không còn khập khiễng. Cuthberth Whitehead bình tĩnh và rất tự chủ. John nhỏ, thầy thấp bé phụ trách về kho bạc cũng hiện diện, ngoài ra còn có Pierre, cha giám thị, người đã ngăn chặn bữa ăn của Philip ngày hôm qua. Philip nhìn quanh, ông nhận ra mọi người đang chú ý đến mình. Ông xấu hổ cúi đầu xuống.

Remigius bước vào với sự đồng hành của Andrew, cha phụ trách phụng vụ, và họ ngồi xuống bên cạnh John nhỏ và Pierre. Vì thế, Philip nghĩ, ít nhất họ đã tỏ ra họ thuộc về một phe.

Buổi họp bắt đầu với phần đọc sách về tiểu sử của vị thánh trong ngày: Simeon Stylites. Ông là một nhà ẩn tu, người đã sống cả cuộc đời trên một cái cột. Mặc dù không ai có thể phủ nhận khả năng hành xác của ngài, nhưng Philip luôn có một nghi ngờ thầm kín về giá trị thực sự của những lời chứng về ngài: đám đông lũ lượt đến với ông, nhưng họ đến để tìm kiếm của ăn tinh thần hay vì tò mò?

Sau lời nguyện đến phần đọc một chương sách của Thánh Biển Đức. Chính vì việc đọc mỗi chương hàng ngày mà tên của buổi họp cũng như của căn nhà này được mang tên đó - chapter. Remigius đứng lên đọc, và khi ông gián đoạn với cuốn sách mở trước mặt, Philip nhìn vào ông, lần đầu tiên nhìn ông qua đôi mắt một đối thủ. Remigius có một thái độ và cách ăn nói nhanh, có hiệu quả, tạo cho ông một uy quyền như thể ông có khả năng;

nhưng nó hoàn toàn trái ngược với con người thật của ông. Quan sát kỹ hơn cho thấy những gì nằm sau khuôn mặt ông: đôi mắt màu xanh hơi lồi luôn chuyển động, miệng ông chần chờ hai ba lần trước khi nói, tay ông nắm lại rồi lại mở ra. Những thẩm quyền ông có là do kiêu ngạo và nóng giận và khinh thường người dưới quyền.

Philip ngạc nhiên, tại sao ông lại tự đọc chương sách. Một lúc sau ông hiểu. “Bậc thứ nhất của đức khiêm nhường là sự vâng lời nhanh chóng,” Remigius đọc. Ông chọn chương năm về sự vâng phục để nhắc nhở mọi người hiện diện về vị trí của ông và sự tuân phục của người thuộc quyền. Đó là một chiến thuật đe dọa. Remigius là một người ranh mãnh. “Họ không sống như họ muốn sống, cũng không theo ước muốn và thú vui của riêng mình, nhưng theo lệnh truyền và sự hướng dẫn của người khác trong tu viện, và họ ước muốn được lãnh đạo bởi một viện phụ,” ông đọc. “Không có gì đáng nghi ngờ, những lời này chuyên chờ lời nói của Chúa chúng ta: ‘Tôi không đến để làm theo ý riêng tôi, nhưng để làm theo Đấng đã sai tôi.’” Remigius vẽ ra đường hướng tranh đấu: trong bối cảnh này ông muốn trình bày thẩm quyền đã được thiết lập.

Phần tiếp theo của cuộc họp là những lời nguyện cho những người đã qua đời, và hôm nay dĩ nhiên là cầu nguyện cho linh hồn Tu viện trưởng James. Phần sống động nhất của buổi họp luôn luôn là phần sau cùng: thảo luận về công việc, thú nhận những sai lầm và vạch ra những hành vi sai trái.

Remigius bắt đầu: “Trong thánh lễ hôm qua có một sự xáo trộn.”

Philip cảm thấy nhẹ nhõm. Bây giờ ông hiểu ông sẽ bị tấn công bằng cách nào. Ông không chắc chắn hành động của ông hôm qua là đúng, nhưng ông biết tại sao họ đã làm thế và ông sẵn sàng bảo vệ mình.

Remigius tiếp tục: “Chính tôi không có mặt – tôi ở trong nhà vì có việc cần – nhưng cha phụ trách phụng vụ kể cho tôi những gì đã xảy ra.”

Ông bị Cuthberth cắt ngang. “Đừng vì thế mà trách cứ mình, anh Remigius ạ,” ông nói bằng giọng nhẹ nhàng. “Chúng tôi biết rằng, về nguyên tắc, không bao giờ được đặt công việc của tu viện lên trên thánh lễ, nhưng chúng tôi hiểu rằng cái chết của tu viện trưởng kính mến của chúng

ta đã tạo ra nhiều công việc quá khả năng thông thường của anh, mà anh phải giải quyết. Tôi chắc rằng tất cả mọi người ở đây đều đồng ý là anh không phải xin lỗi về chuyện đó.”

Con cáo già khôn ngoan, Philip nghĩ. Dĩ nhiên, Remigius không có ý định thú nhận lỗi lầm. Tuy nhiên, Cuthberth đã tha lỗi cho ông ấy, qua đó mọi người cảm thấy như Remigius đã thừa nhận một lỗi lầm. Bây giờ, ngay cả nếu Philip mắc một lỗi lầm, ông vẫn ở ngang mức độ với Remigius. Ngoài ra, Cuthberth đã gây ra sự hoài nghi khi ông cho rằng Remigius gặp khó khăn với công việc của tu viện trưởng trước. Với một vài lời nói nghe có vẻ tử tế, Cuthberth đã hạ uy quyền của Remigius. Remigius nhìn giận dữ. Philip cảm thấy niềm vui chiến thắng như làm ông nghẹt thở.

Andrew, người phụ trách phụng vụ nhìn Cuthberth buộc tội: “Tôi chắc chắn không ai trong chúng ta muốn chỉ trích vị tu viện phó của chúng ta,” ông nói. “Sự xáo trộn gây ra bởi anh Philip, người từ tu viện St. John trong rừng đến thăm viếng chúng ta. Philip đem William Beavis ra ngoài và khiến trách anh ấy trong lúc tôi đang cử hành thánh lễ.”

Remigius làm ra vẻ buồn. “Có lẽ tất cả chúng ta đều đồng ý rằng anh Philip nên làm chuyện đó sau thánh lễ.”

Philip dò xét thái độ của các tu sĩ khác. Họ dường như chẳng đồng ý cũng như chẳng không đồng ý với những gì đang nói. Họ theo dõi diễn biến như khán giả tại một giải đấu, trong đó không quan trọng ai đúng hay ai sai mà sự quan tâm duy nhất là ai sẽ thắng.

Philip muốn bào chữa là nếu tôi chờ đợi, sự xáo trộn sẽ kéo dài trong suốt buổi lễ, nhưng ông nhớ lại lời khuyên của Milius nên im lặng; Milius nói dùm ông: “Tôi cũng không thể tham dự thánh lễ như mọi khi, vì ngay trước bữa ăn tối; vì thế, xin anh kể cho tôi, anh Andrew ạ, chuyện gì đã xảy ra để anh Philip phải nhúng tay vào?”

“Có một vài xáo trộn trong đám tu sĩ trẻ,” người phụ trách phụng vụ hờn dỗi trả lời. “Tôi dự định sẽ nói với họ sau thánh lễ.”

“Tôi hiểu anh không quan tâm đến các chi tiết nhỏ, vì tâm hồn anh tập trung trong thánh lễ,” Milius nói. “Nhưng may mắn là chúng ta còn có cha

giám thị, người có trách nhiệm chú ý đến những hành vi sai trái của chúng ta. Hãy kể cho chúng tôi, anh Pierre ạ, anh đã quan sát thấy gì?”

Cha giám thị nhìn một cách thù hận: “Giống như những gì cha phụ trách phụng vụ đã kể.”

Milius nói: “Dường như chúng ta phải hỏi trực tiếp anh Philip về những chi tiết đã xảy ra.”

Milius quá khôn ngoan, Philip nghĩ. Ông đã xác định cả người phụ trách phụng vụ và người giám thị cũng không nhìn thấy gì xảy ra trong buổi lễ. Mặc dù Philip ngưỡng phục khả năng biện chứng của Milius, nhưng ông do dự để tiếp tục cuộc chơi. Cuộc bầu một tu viện trưởng không phải là cuộc tranh tài về trí thông minh, mà là tìm kiếm ý Thiên Chúa. Ông lưỡng lự. Milius nhìn ông như muốn nói: Bây giờ là cơ hội của anh! Nhưng Philip có một sự cứng đầu nhất định, nó tỏ ra rõ nhất khi ông bị đẩy vào vị trí không rõ ràng về mặt đạo đức. Ông nhìn vào mắt Milius và nói: “Nó giống như những gì anh em đã miêu tả.”

Mặt Milius ửng đỏ. Ông nhìn chăm chăm vào Philip. Ông mở miệng, nhưng rõ ràng không biết phải nói gì. Philip cảm thấy mắc lỗi, ông cúi xuống. Tôi sẽ cắt nghĩa cho anh sau, ông nghĩ, chỉ sợ ông ấy quá tức giận.

Remigius muốn tiếp tục bản cáo trạng, nhưng một giọng nói cất lên: “Tôi muốn thú nhận.”

Mọi người chăm chú nhìn. William Beavis, người gây ra vấn đề, đứng lên và có vẻ xấu hổ. “Tôi đã bắn một viên bòn vào cha giáo tập, rồi cười,” anh ấy nói bằng giọng trầm và rõ ràng. “Anh Philip đã làm tôi xấu hổ. Tôi xin Chúa tha tội cho tôi và xin anh em cho tôi việc đền tội.” Anh đột ngột ngồi xuống.

Trước khi Remigius kịp phản ứng, một tu sĩ trẻ khác đứng lên và nói: “Tôi xin thú nhận. Tôi cũng đã làm như vậy. Tôi xin việc đền tội.” Anh ấy ngồi xuống. Sự bộc phá đột ngột của lương tâm tội lỗi có sức lan truyền: tu sĩ thứ ba thú nhận, rồi thứ tư, rồi đến tu sĩ thứ năm.

Vì thế sự thật dần dần được phơi bày ra ánh sáng, mặc dù Philip đã thận trọng và ông không khỏi hài lòng. Ông thấy Milius gắng giữ nụ cười chiến

thắng. Lời thú tội chứng tỏ rằng có một cuộc nổi loạn nhỏ ngay trước mũi của người phụ trách phụng vụ và người giám thị.

Remigius trừng phạt những người có tội một tuần im lặng: họ không thể nói chuyện với ai và cũng không ai có thể nói chuyện với họ. Hình phạt này nặng hơn chúng ta tưởng. Khi còn trẻ, Philip đã từng trải qua. Ngay cả một ngày bị cô lập đã là một bức xúc, một tuần lễ hoàn toàn cô lập là một cực hình.

Các tu sĩ trẻ đã làm cho Remigius nổi giận vì bị qua mặt. Sau khi họ tự thú, ông không làm được gì khác ngoài việc trừng phạt họ, mặc dù qua đó ông như thừa nhận trước mặt các tu sĩ khác rằng Philip đúng. Cuộc tấn công vào Philip đã đi sai đường, và Philip chiến thắng. Mặc dù có một chút cắn rứt, ông vui mừng vì chiến thắng đó.

Nhưng sự sỉ nhục vị tu viện phó chưa kết thúc.

Cuthberth nói tiếp. “Còn có một xáo trộn sau thánh lễ mà chúng ta phải thảo luận. Cuộc xáo trộn này xảy ra trong hành lang tu viện.” Philip ngạc nhiên không biết sự gì lại đến đây. “Anh Andrew cáo buộc anh Philip về cách ứng xử sai trái.” Dĩ nhiên ông ấy đã làm, Philip nghĩ; mọi người đều biết việc đó. Cuthberth nói tiếp: “Như tất cả chúng ta đều biết thời gian và nơi chốn cho những cuộc buộc tội là ở đây và bây giờ, trong buổi họp này. Và đó là lý do tại sao tổ phụ chúng ta lại quy định như thế. Sự tức giận nên để nguôi ngoai qua đêm và những bất bình có thể thảo luận vào ngày hôm sau trong bầu khí của trầm tĩnh và chừng mực; và tất cả cộng đoàn có thể đóng góp trí tuệ tập thể để tìm ra giải pháp cho vấn đề. Nhưng, tôi phải nói, anh Andrew đã bất chấp nguyên tắc hợp lý này. Anh đã chống đối Philip ngay tại hành lang tu viện bằng những lời lẽ nóng nảy, làm phiền tới mọi người. Nếu chúng ta bỏ qua, không xét về những hành vi như vậy, sẽ không công bằng với các anh em trẻ, những người đã bị phạt vì việc họ đã làm.”

Nó thật tàn nhẫn và tài giỏi, Philip vui mừng nghĩ. Câu hỏi liệu Philip có đúng khi đem William ra khỏi thánh lễ để quở trách hay không đã chẳng được thảo luận. Mỗi một cố gắng để đem nó ra lại trở thành một cuộc điều tra về hành vi của người tố cáo. Và nó phải như vậy, vì việc khiếu nại của

Andrew chống lại Philip là không đúng. Cuthberth và Milius đã thành công trong việc làm cho Remius và hai người trong phe bị mất uy tín.

Khuôn mặt đỏ thừng ngày của Andrew biến thành màu tím, và Remigius trông sợ hãi. Philip hài lòng – họ đáng bị như vậy – nhưng bây giờ ông sợ sự sỉ nhục họ có nguy cơ đi quá xa. “Nó không thích hợp để các anh em trẻ thảo luận về hình phạt cho các anh em lớn tuổi của họ,” Andrew nói. “Hãy để tu viện phó xử lý vấn đề này một cách riêng tư.” Nhìn quanh, ông thấy các tu sĩ khác đã chấp nhận đề nghị của ông, và ông nhận ra rằng mặc dù không cố ý ông đã đạt được điểm khác.

Dường như mọi chuyện đã qua. Philip chắc chắn những người trước kia còn do dự, nay đã theo phía ông. Nhưng Remigius lại cất giọng: “Có một vấn đề khác tôi phải nêu lên.”

Philip nghiên cứu khuôn mặt của tu viện phó. Ông nhìn tuyệt vọng. Philip liếc nhìn người phụ trách phụng vụ Andrew và người giám thị Pierre và thấy cả hai đều ngạc nhiên. Đây là một việc không dự tính trước.

“Hầu hết anh em đều biết giám mục có quyền đề cử ứng viên cho cuộc bầu cử tu viện trưởng của chúng ta,” Remigius bắt đầu. “Có thể ngài không công nhận việc chúng ta bầu. Sự phân quyền này có thể dẫn tới cuộc tranh cãi giữa giám mục và tu viện, như một vài anh em lớn tuổi đã biết qua những kinh nghiệm đau khổ. Bởi vì giám mục không có thể ép buộc chúng ta chấp nhận ứng viên của ngài, cũng như chúng ta không thể khẳng khái chống lại ngài mà đòi ứng viên của chúng ta. Trong những cuộc tranh cãi như thế chỉ có đàm phán mới tìm ra được giải pháp. Trong thực tế, kết quả tùy thuộc vào sự quyết tâm và đồng tâm của anh em – nhất là sự đồng tâm.”

Philip đã có một linh cảm xấu về việc này. Remigius đã kìm được cơn giận và trở lại bình tĩnh và kiên cường. Philip chưa biết chuyện gì sẽ tới, nhưng cảm giác chiến thắng của mình bay mất.

“Lý do tôi đề cập đến vấn đề này hôm nay là vì tôi có hai thông tin quan trọng,” Remigius tiếp tục nói. “Thứ nhất là có nhiều hơn một ứng viên được anh em trong phòng này đề cử.” Điều đó không ai ngạc nhiên, Philip nghĩ. “Thứ hai là giám mục cũng sẽ đề cử một ứng viên.”

Remigius dừng lại. Đó là sự im lặng ý nghĩa. Đó là một tin xấu cho cả hai phe. Một người nói: “Anh có biết giám mục đề cử ai không?”

“Vâng,” Remigius nói, và trong khoảnh khắc đó Philip biết ông ấy nói dối. “Người mà giám mục chọn là anh Osbert thành Newbery.”

Một hai tu sĩ hụt hơi. Các tu sĩ khác kinh ngạc. Họ biết Osbert, bởi vì ông đã là giám thị ở Kingsbridge một thời gian. Ông là con ngoài hôn thú của giám mục, và ông coi giáo hội hoàn toàn như phương tiện để nhờ đó ông có thể sống cuộc sống lười biếng và đầy đủ. Ông chẳng bao giờ nỗ lực nghiêm túc để giữ lời khấn của mình, và luôn dựa vào tình cha con để thoát khỏi rắc rối. Viễn tượng ông sẽ là tu viện trưởng làm mọi người kinh hoàng – kể cả người theo Remigius. Chỉ có thầy phụ trách nhà khách và một hoặc hai người đòi truy theo ông có thể ủng hộ Osbert với hy vọng có được một sự lãnh đạo nhu nhược và cầu thả.

Remigius cày thêm. “Nếu chúng ta đề cử hai ứng viên, giám mục có thể nói rằng chúng ta chia rẽ và không thể đồng tâm hợp trí được, vì thế ngài phải quyết định cho chúng ta, và chúng ta phải chấp nhận sự chọn lựa của ngài. Nếu chúng ta muốn chống lại Osbert, chúng ta chỉ nên đưa ra một ứng viên, và, có lẽ tôi phải nói thêm, chúng ta phải chắc chắn là ứng viên của chúng ta không dễ bị từ chối, thí dụ như vì lý do còn quá trẻ hoặc thiếu kinh nghiệm.”

Có tiếng rì rào của sự đồng ý. Philip bị đánh gục. Trước đây vài phút ông chắc chắn đã chiến thắng, nhưng chiến thắng đã bị lấy đi khỏi tay ông. Bây giờ tất cả theo Remigius, coi ông như một ứng viên vững chắc, ứng viên duy nhất có thể đánh bại được Osbert. Philip cảm thấy chắc chắn Remigius đã bịa chuyện về Osbert, nhưng nó không có sự khác biệt. Bây giờ các tu sĩ sợ hãi, họ quay về với Remigius; và điều đó có nghĩa là tu viện Kingsbridge sẽ còn chịu đựng nhiều năm suy tàn.

Trước khi có người nào có thể lên tiếng, Remigius nói: “Chúng ta chấm dứt nơi đây. Anh em sẽ suy nghĩ và cầu nguyện về vấn đề này khi các anh em làm việc của Chúa ngày hôm nay.” Ông đứng lên và đi ra, theo sau là Andrew, Pierre và John nhỏ, cả ba người tỏ vẻ chiến thắng.

Vừa khi họ đi khỏi, một cuộc trò chuyện vang lên giữa những người khác. Milius nói với Philip: “Tôi không ngờ Remigius lại có một thủ thuật như thế.”

“Ông ta nói dối.” Philip cay đắng nói. “Tôi chắc chắn về điều đó.”

Cuthberth nhập bọn và nghe nhận xét của Philip. “Nó thực sự không quan trọng về việc ông ta có nói dối hay không, phải thế không?” ông nói. “Mỗi đe dọa là đủ.”

“Sự thật cuối cùng sẽ ra ánh sáng,” Philip nói.

“Không nhất thiết,” Milius lập lại. “Giả sử như giám mục không đề cử Osbert, Remigius sẽ lập luận rằng giám mục rút lui vì sợ một cuộc tranh cãi với một tu viện hiệp nhất.”

“Tôi không sẵn sàng bỏ cuộc,” Philip cứng rắn nói.

“Chúng ta phải làm gì?” Milius hỏi.

“Chúng ta phải tìm ra sự thật,” Philip nói.

“Chúng ta không thể,” Milius nói.

Philip nghĩ nát óc. Sự thất vọng làm ông đau đớn.

Tại sao chúng ta không hỏi?” ông nói.

“Hỏi? Ý anh muốn hỏi ai?”

“Hỏi giám mục xem ý định của ngài là gì.”

“Bằng cách nào?”

“Chúng ta có thể gửi một thông điệp đến tòa giám mục, phải không?” Philip nói. Ông nhìn Cuthberth.

Cuthberth trầm ngâm. “Vâng, tôi thường gửi các thông điệp ra ngoài. Tôi có thể gửi một thông điệp đến tòa giám mục.”

Milius nói một cách hoài nghi: “Và hỏi giám mục xem ý của ngài thế nào?”

Philip nhú mày. Đó là vấn đề.

Cuthberth đồng ý với Milius. “giám mục sẽ không nói cho chúng ta biết,” ông nói.

Bất ngờ Philip có một ý tưởng. Mặt ông rạng rỡ lên, ông dấn vào lòng bàn tay khi ông nhìn thấy giải pháp.

“Không,” ông nói. “Giám mục sẽ không nói cho chúng ta. Nhưng tổng đại diện của ngài sẽ nói.”

Đêm đó Philip mơ về Jonathan, đứa trẻ bị bỏ rơi. Trong giấc mơ đứa bé ở trong hiên nhà nguyện tu viện St. John trong rừng và Philip ở phía trong, đang đọc kinh giờ nhất, trong khi con chó sói từ bìa rừng đến, đi qua cánh đồng, lướt nhẹ như con rắn và bắt đứa bé. Philip không phản ứng gì; ông sợ bị quấy rầy giờ kinh phụng vụ và sợ bị Remigius và Andrew khiển trách, cả hai đều có mặt ở đó (mặc dù trong thực tế cả hai chưa bao giờ đến tu viện này). Ông quyết định hét lên, nhưng mặc dù cố gắng, ông cũng không hét lên được thành tiếng, giống như thường xảy ra trong giấc mơ. Ông cố gắng một lần nữa, rồi một lần nữa – và ông tỉnh dậy. Ông run rẩy trên giường, nghe hơi thở của các tu sĩ đang ngủ xung quanh ông và từ từ xác định rằng con chó sói không có thật.

Từ khi đến Kingsbridge hầu như ông không nghĩ đến đứa bé. Ông tự nghĩ ông sẽ làm gì với đứa bé nếu ông trở thành tu viện trưởng. Sau đó mọi thứ sẽ khác. Một đứa bé trong một tu viện nhỏ giữa rừng không đáng quan tâm lắm, mặc dù nó là điều bất thường. Cũng đứa trẻ này ở tu viện Kingsbridge sẽ tạo nên nhiều rắc rối. Ngược lại, điều đó có gì là sai? Nó không phải là một tội khi cho người ta có cơ hội nói về nó. Nếu ông trở thành tu viện trưởng, ông có thể làm những gì ông cho rằng thích hợp. Ông có thể đem Johnny Eightpence theo tới Kingsbridge để lo cho đứa nhỏ. Ý tưởng này làm ông hài lòng. Đó là điều mà tôi sẽ làm, ông nghĩ. Rồi ông chợt nhớ rằng hầu như ông sẽ không thể thành tu viện trưởng.

Ông nằm thao thức cho đến bình minh, trong cơn sốt của thiếu kiên nhẫn. Ông không thể làm gì để giải quyết trường hợp của ông. Nói chuyện với các tu sĩ khác chỉ là vô ích, vì tư tưởng họ bị xâm chiếm bởi mối đe dọa về Osbert. Một vài người tiếp cận với Philip và nói họ rất buồn vì ông thất bại, như thể cuộc bầu cử đã diễn ra. Ông chống lại sự cảm dỗ muốn gọi họ là hèn nhát. Ông chỉ mỉm cười nói với họ rằng có thể họ sẽ ngạc nhiên. Nhưng niềm tin của ông không đủ mạnh. Tổng đại diện Waleran có thể không ở tòa giám mục; hay ông ở đó nhưng không muốn nói cho Philip

biết dự định của giám mục. Hoặc có thể nhất, theo cá tính của tổng đại diện, ông sẽ đưa ra dự định của chính ông.

Philip thức dậy lúc bình minh với các tu sĩ khác và đi vào nhà thờ cho giờ kinh sáng, giờ kinh đầu tiên trong ngày. Sau đó ông đi về phía nhà ăn, định ăn sáng với các tu sĩ khác, nhưng Milius chặn ông lại, với một cử chỉ lén lút ra hiệu cho ông vào nhà bếp. Philip theo ông, đầu óc ông căng thẳng. Sứ giả có thể đã trở về: điều đó xảy ra quá nhanh. Ông phải nhận được trả lời ngay và trở về ngay chiều hôm qua. Ngay cả như thế nó vẫn quá nhanh. Philip không thấy một con ngựa nào trong chuồng có khả năng hành trình nhanh chóng như thế. Nhưng câu trả lời là gì?

Không phải sứ giả đang đợi ông trong nhà bếp, nhưng chính là Tổng đại diện Waleran Bigod.

Philip nhìn ông ngạc nhiên. Hình dáng gầy gò trong y phục đen ngời trên ghế trông giống như con quạ trên cành cây. Đầu lỗ mũi ông đỏ vì lạnh. Ông đang hâm nóng đôi bàn tay trắng lạnh quanh một ly rượu gia vị nóng.

“Ông đến đây thật là tốt quá,” Philip thốt ra.

“Tôi vui vì ông đã viết thư cho tôi,” Waleran lạnh lùng nói.

“Có thật là giám mục đề cử Osbert không?” Philip nôn nóng hỏi.

Waleran giơ một tay lên ngăn ông nói. “Tôi sẽ trở lại vấn đề đó. Cuthberth vừa kể cho tôi những chuyện ngày hôm qua.”

Philip giấu sự thất vọng của mình. Đây sẽ không phải là một câu trả lời thẳng. Ông quan sát khuôn mặt Waleran, cố gắng xem ông đang nghĩ gì. Waleran chắc chắn có kế hoạch riêng, nhưng Philip không đoán được kế hoạch đó là gì.

Cuthberth, người mà lúc đầu Philip không để ý, ngồi bên đồng lửa và nhúng bánh mì vào bia để làm mềm bánh cho hàm răng già cỗi của ông, tiếp tục tường thuật về buổi họp tối qua. Philip bồn chồn, chân này đá chân kia và cố gắng đọc qua cử điệu của Waleran. Ông lấy một miếng bánh, nhưng ông khó nuốt trôi được. Ông uống một ly bia, chỉ để cho bàn tay mình bớt dư thừa.

“Và vì thế,” Cuthberth kết thúc, “cơ hội duy nhất của chúng tôi là cố gắng xác minh ý muốn của giám mục. Và một cách may mắn, Philip gần

đây đã được gặp gỡ ông. Vì thế chúng tôi gửi tới ông một lá thư.”

Philip nóng ruột nói: “Và bây giờ ông nói cho chúng tôi biết những gì chúng tôi muốn biết?”

“Vâng, tôi sẽ nói cho ông.” Waleran đặt ly rượu gia vị xuống. “Giám mục muốn con mình trở thành tu viện trưởng Kingsbridge.”

Trái tim Philip chùng xuống. “Thế là Remigius nói sự thật.”

Waleran tiếp tục: “Tuy nhiên giám mục không dám liều tranh cãi với các tu sĩ.”

Philip nhú mào. Đây là ít nhiều mà Remigius đã dự báo – nhưng có điều gì không hoàn toàn đúng. Philip nói với Waleran: “Ông không đến đây qua cách này chỉ để nói cho chúng tôi điều đó.”

Waleran nhìn Philip một cách khâm phục, và Philip biết ông đã đoán đúng. “Không,” Waleran nói. “Giám mục đã yêu cầu tôi kiểm tra tình hình của tu viện. Và ngài trao quyền cho tôi thay ngài đề cử một ứng viên. Thật vậy, tôi có mang theo con dấu của giám mục, vì thế tôi có thể viết thư đề cử chính thức và ràng buộc ngay tại chỗ. Các ông thấy, tôi có toàn quyền của giám mục.”

Philip cần một thời gian để tiêu hóa nó. Waleran được trao quyền đề cử ứng viên và đóng ấn nó với con dấu của giám mục. Điều đó có nghĩa là giám mục đã hoàn toàn trao việc này trong tay Waleran. Ông đang nói chuyện với người có thẩm quyền của giám mục.

Philip lấy một hơi sâu và nói: “Ông có đồng ý với những gì Cuthberth nói với ông là nếu Osbert được đề cử, có thể sẽ xảy ra một cuộc tranh cãi mà giám mục muốn tránh không?”

“Đúng, tôi hiểu điều đó,” Waleran nói.

“Vì thế ông không muốn đề cử Osbert.”

“Không.”

Philip căng thẳng như giây cung. Các tu sĩ sẽ rất vui mừng được thoát khỏi viễn tượng đe dọa về Osbert, và vì thế sẽ biết ơn bỏ phiếu cho bất cứ ai mà Waleran đề cử.

Waleran bây giờ có uy quyền để chọn tu viện trưởng mới.

Philip hỏi: “Vậy ông sẽ đề cử ai?”

Waleran nói: “Ông... hay Remigius.”

“Khả năng của Remigius...”

“Tôi biết khả năng của ông ấy và khả năng của ông,” Waleran nói trong khi giơ bàn tay gầy guộc để ngắt lời Philip. “Và tôi cũng biết ai trong hai người sẽ là tu viện trưởng tốt.” Ông yên lặng một lúc. “Nhưng đó là vấn đề khác.”

Chuyện gì nữa đây? Philip tự hỏi. Còn sự gì khác phải xem xét, ngoài việc chọn ra tu viện trưởng tốt nhất? Ông nhìn những người khác. Milius cũng bối rối, chỉ có Cuthbert già là có một nụ cười nhẹ, như thể ông biết điều gì sẽ đến.

Waleran nói: “Cũng như ông, tôi mong những chức vụ quan trọng trong giáo hội được trao cho những người năng động, có khả năng, bất kể đến tuổi tác; thay vì được trao như phần thưởng cho những người đã phục vụ lâu dài hoặc cho những người lớn tuổi mà về thánh thiện có thể lớn hơn khả năng lãnh đạo của họ.”

“Dĩ nhiên,” Philip sốt ruột nói, không nhìn thấy ý nghĩa thâm sâu mà Waleran muốn nói.

“Chúng ta phải làm việc chung với nhau cho mục đích này – cả ba các ông và tôi.”

Milius nói: “Tôi không hiểu ông muốn gì?”

“Tôi hiểu,” Cuthbert nói.

Waleran cười nhẹ với Cuthbert, rồi quay lại với Philip. “Hãy để tôi nói thẳng với các ông,” ông nói. “Giám mục đã già. Một ngày gần đây ông sẽ qua đời, và chúng ta sẽ cần một tân giám mục, cũng như hôm nay chúng ta cần tu viện trưởng mới. Các tu sĩ của Kingsbridge có quyền bầu giám mục mới, bởi vì giám mục của Kingsbridge cũng là viện phụ của tu viện.”

Philip nhăn mặt. Điều đó có nhĩa gì? Họ đang chọn một tu viện trưởng, chứ không phải chọn giám mục. Nhưng Waleran tiếp tục. “Dĩ nhiên, tu sĩ các ông không hoàn toàn tự do chọn tân giám mục, bởi vì tổng giám mục và vua cũng có những đề nghị theo quan điểm của họ; nhưng sau cùng chính các tu sĩ hợp thức hóa việc bổ nhiệm. Và khi thời điểm đó đến, ba người trong các ông có một ảnh hưởng quan trọng trên quyết định này.”

Cuthbert gật gù như chừng những gì ông đoán là đúng, và bây giờ Philip cũng vậy, cũng hiểu mơ hồ những gì sắp đến.

Waleran chấm dứt: “Ông muốn tôi đề cử ông làm tu viện trưởng. Tôi muốn ông đề cử tôi làm giám mục.”

Thì ra là vậy.

Philip nhìn chăm chú vào Waleran. Mọi chuyện thật đơn giản. Tổng đại diện muốn làm một cuộc trao đổi.

Philip bị sốc. Nó không hoàn toàn là sự mua bán chức vụ trong giáo hội, một hành động được gọi là tội của Simony; nhưng nó cũng có cảm giác thương mại khó chịu.

Ông cố gắng nghĩ một cách khách quan về đề nghị này. Điều đó có nghĩa là ông sẽ thành tu viện trưởng. Trái tim ông đập nhanh hơn khi ông nghĩ về nó. Điều đó cũng có nghĩa là Waleran có lẽ sẽ thành giám mục vào một thời điểm nào đó. Ông sẽ là một giám mục tốt chăng? Chắc chắn ông là người có thẩm quyền và ông dường như không có tệ nạn nghiêm trọng. Ông phục vụ Thiên Chúa một cách thực tế và trong thế giới, cũng như Philip vậy. Philip nhận thấy thái độ trắng trợn của Waleran, nhưng ông cũng cảm thấy nó xuất phát từ ý muốn thật là bảo vệ và phát triển giáo hội.

Ai có thể là ứng viên khi giám mục qua đời? Có lẽ Osbert. Những chức vụ trong giáo hội được truyền từ cha sang con không mới lạ, mặc dù các giáo sĩ phải sống độc thân. Dĩ nhiên, nếu Osbert là giám mục, ông sẽ là một gánh nặng cho giáo hội hơn là ông trở thành tu viện trưởng, Philip nghĩ. Thà rằng ủng hộ một ứng viên xấu như Waleran, hơn là để cho Osbert thành giám mục. Còn có các ứng viên khác không? Không thể đoán được. Có thể còn nhiều năm nữa giám mục mới qua đời.

Cuthbert nói với Waleran: “Chúng tôi không thể bảo đảm ông sẽ được bầu.”

“Tôi biết,” Waleran nói. “Tôi chỉ yêu cầu các ông đề cử tôi. Đó cũng chính xác là điều tôi làm cho các ông – một sự đề cử.”

Cuthbert gật đầu. “Tôi đồng ý với điều đó,” ông nói long trọng.

“Tôi cũng vậy,” Milius nói.

Tổng đại diện và hai tu sĩ nhìn Philip. Ông do dự, giằng co. Đây không phải là cách để chọn giám mục, ông biết; nhưng tu viện ở trong tay ông. Nó không đúng để đánh đổi chức vụ thánh này lấy chức vụ thánh kia, như người buôn bán ngựa, nhưng nếu ông từ chối, kết quả có thể là Remigius thành tu viện trưởng và Osbert thành giám mục.

Tuy nhiên, những lý luận hợp lý bây giờ có nghĩa gì? Ước muốn được trở thành tu viện trưởng giống như một sức mạnh không thể cưỡng lại được ở trong ông, và ông không thể từ chối, bất kể lợi và hại. Ông nhớ lại lời nguyện ông đã nói với Chúa hôm qua rằng ông muốn tranh đấu cho trách vụ này. Ông ngược mắt lên và nói lời nguyện khác: Nếu Chúa không muốn điều đó xảy ra, thì xin hãy làm tê liệt miệng lưỡi con, ngăn hơi thở con trong họng và ngăn cản con nói.

Rồi ông nhìn Waleran và nói: “Tôi chấp nhận.”

Giường của tu viện trưởng rất lớn – ít nhất ba lần lớn hơn giường mà Philip đã từng ngủ qua. Tủ giường bằng gỗ cao bằng nửa người, trên đó có nệm lông. Có màn cửa chung quanh để tránh gió lùa và trên màn cửa được thêu cảnh trong Kinh thánh bởi bàn tay của một nữ bệnh nhân ngoan đạo. Philip quan sát chiếc giường với chút suy tư. Dường như đối với ông, một phòng ngủ riêng cho tu viện trưởng là một lãng phí – Philip chưa từng có trong đời một phòng ngủ riêng, và đêm nay là đêm đầu tiên ông ngủ một mình. Chiếc giường quá lớn. Ông suy nghĩ có nên cho đem đến một chiếc nệm rơm từ phòng ngủ, và đem chiếc giường này vào khu bệnh viện, nơi nó sẽ làm giảm bớt nỗi đau của các tu sĩ già không. Nhưng dĩ nhiên giường này không chỉ dành cho Philip. Khi tu viện có một vị khách đặc biệt, thí dụ như giám mục hay bá tước hay ngay cả nhà vua, thì những vị khách này sẽ ngủ trong phòng này, còn tu viện trưởng sẽ dời đi nơi khác. Vì thế, thực sự Philip không có thể bỏ nó đi được.

“Ông sẽ ngủ ngon đêm nay,” Waleran nói, không mang chút ghen tỵ nào.

“Tôi nghĩ như vậy,” Philip nói với vẻ ngờ vực.

Mọi chuyện đến quá nhanh. Waleran đã viết một lá thư cho tu viện, ngay trong nhà bếp, yêu cầu các tu sĩ phải tổ chức ngay cuộc bầu cử và ông đề

cử Philip. Ông ký tên lá thư bằng tên giám mục và đóng dấu bằng triện giám mục. Rồi cả bốn người họ vào trong nhà họp.

Vừa khi Remigius nhìn thấy họ vào, ông biết cuộc tranh đấu đã kết thúc. Waleran đọc lá thư, và các tu sĩ vỗ tay khi ông xưng tên Philip. Remigius đủ thông minh để từ bỏ cuộc bỏ phiếu và thừa nhận sự thất cử của mình.

Philip trở thành tu viện trưởng.

Ông tiếp tục điều hành buổi họp còn lại và kết thúc nó nghiêm chỉnh. Sau đó ông đi qua bãi cỏ đến nhà tu viện trưởng ở góc đông nam sân tu viện, để chính thức nhận nơi ở.

Khi thấy chiếc giường ông nhận ra đời ông đã thay đổi hoàn toàn và không thể quay ngược lại. Bây giờ ông trở thành đặc biệt, khác xa các tu sĩ khác. Ông có uy quyền và đặc quyền. Và ông có trách nhiệm. Ông là người duy nhất đảm bảo cho cộng đoàn nhỏ gồm bốn mươi lăm tu sĩ này được sống và được thịnh vượng. Nếu họ đói, đó là lỗi của ông; nếu họ thành đồi trụy, đó là tội của ông; nếu họ làm thiệt hại giáo hội của Chúa, Chúa sẽ bắt Philip chịu trách nhiệm. Ông đã tìm gánh nặng này, ông nhắc nhở mình, bây giờ ông phải chịu.

Nhiệm vụ đầu tiên của ông trong trách vụ tu viện trưởng là hướng dẫn các tu sĩ vào nhà thờ tham dự thánh lễ. Hôm nay là lễ Chúa hiển linh, ngày thứ mười hai sau lễ Giáng sinh, và là ngày lễ nghỉ. Tất cả dân làng sẽ tham dự thánh lễ, và có nhiều người khác đến từ các vùng xung quanh. Một nhà thờ chính tòa khang trang với một cộng đoàn tu sĩ mạnh mẽ và thánh lễ trang trọng sẽ thu hút cả hàng nghìn người. Ngay cả Kingsbridge buồn tẻ cũng thu hút được hầu hết hàng quý tộc địa phương, bởi vì thánh lễ cũng là dịp cho họ gặp người láng giềng và nói chuyện kinh doanh.

Trước thánh lễ Philip còn có vài việc để nói chuyện với Waleran, bởi vì bây giờ họ chỉ còn lại một mình. “Thông tin mà tôi trao đổi với ông,” ông bắt đầu, “về bá tước Shiring...”

Waleran gật đầu. “Tôi quên mất chuyện đó, thật ra nó còn quan trọng hơn vấn đề ai sẽ là tu viện trưởng hoặc giám mục. Họ chờ ông ấy ở Shiring ngày mai.”

“Ông dự định như thế nào?” Philip lo lắng hỏi.

“Tôi muốn dùng ngài Percy Hamleigh. Tôi hy vọng ông ấy sẽ có mặt trong thánh lễ hôm nay.”

“Tôi có nghe nói về ông ấy, nhưng tôi chưa gặp ông ấy.” Philip nói.

“Hãy để ý đến một ông béo có một bà vợ xấu và một người con đẹp trai. Ông không làm bà ấy được đâu – trông bà ấy chướng mắt lắm.”

“Điều gì làm ông tin rằng họ sẽ theo vua Stephen chống lại Bartholomew?”

“Họ ghét Bá tước Bartholomew thậm tệ.”

“Tại sao?”

“Con trai của họ, William, đã đính hôn với con gái bá tước, nhưng cô ấy lại từ chối anh ấy, và đám cưới bị hủy bỏ. Đó là một sự sỉ nhục cho gia đình Hamleigh. Cho đến bây giờ họ vẫn còn đau đớn về chuyện đó và chỉ tìm cơ hội trả thù Bartholomew.”

Philip gật đầu hài lòng. Ông vui vì đã trút được trách nhiệm và tu viện Kigsbridge có đủ vấn đề mà ông cần giải quyết. Waleran có thể lo những công việc bên ngoài thế giới.

Họ rời nhà tu viện trưởng và đi trở lại tu viện. Các tu sĩ đang đợi. Philip đứng đầu hàng và đoàn rước bắt đầu di chuyển.

Nó là một giây phút thật đẹp khi ông đi vào nhà thờ với giọng ca của các tu sĩ dâng sau ông. Ông yêu thích điều đó nhiều hơn là ông tưởng. Ông tìm kiếm lời giải thích tại sao ông lại có cảm giác hạnh phúc này. Ông nói với lòng mình rằng vị trí mới, ưu việt của ông hiện nay biểu tượng quyền lực mà ông phải chu toàn tốt. Ông ước muốn Viện phụ Peter từ Gwynedd có thể nhìn thấy ông – vị viện phụ già đó chắc sẽ hài lòng lắm!

Ông hướng dẫn các tu sĩ vào hàng ghế trong cung thánh. Một lễ trọng như thế này thông thường được giám mục cử hành. Hôm nay thánh lễ do người đại diện của giám mục chủ sự, Tổng đại diện Waleran. Khi Waleran bắt đầu, Philip đảo mắt tìm kiếm gia đình mà Waleran đã miêu tả. Có khoảng một trăm năm mươi người đứng trong gian giữa, những người giàu có trong áo choàng mùa đông nặng nề và giầy da, các nông dân trong áo khoác thô và guốc gỗ. Philip không gặp khó khăn để tìm ra gia đình Hamleigh. Họ đứng phía trên, gần bàn thờ. Ông nhìn thấy người đàn bà

trước. Waleran đã không phóng đại – bà xấu ghê gớm. Mặc dù bà đội khăn mỏ quạ, nhưng khuôn mặt bà lộ ra. Ông nhìn thấy da bà bị ung nhọt mà tay bà luôn luôn sờ vào. Bên cạnh bà là người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi: đó phải là Percy. Quần áo của ông tỏ ra ông thuộc hạng giàu có và quyền lực đáng kể, nhưng không thuộc hàng đầu của các lãnh chúa và bá tước. Người con trai đứng dựa vào một cột lớn trong gian giữa. Anh là một thanh niên đẹp với mái tóc vàng và đôi mắt ngạo mạn. Một cuộc hôn nhân với một gia đình quý tộc sẽ giúp gia đình Hamleigh vượt qua được biên giới phân chia hàng quý tộc tỉnh lẻ và hàng quý tộc của vương quốc. Nó chẳng ngạc nhiên gì khi họ tức giận vì cuộc hôn nhân bị hủy bỏ.

Philip tập trung lại vào thánh lễ. Đối với Philip, Waleran cử hành thánh lễ quá nhanh. Ông tự hỏi mình lần nữa không biết việc ông đề cử Waleran làm giám mục khi đức giám mục hiện tại qua đời có đúng không? Ông là người dẫn thân, nhưng ông coi thường phụng vụ. Quyền lực và sự giàu sang của giáo hội sau cùng chỉ có nghĩa khi phục vụ để cứu các linh hồn. Philip quyết định không nên quan tâm đến Waleran quá nhiều. Những gì xảy ra đã xảy ra; và giám mục có thể ngăn chặn tham vọng của Waleran nếu ngài sống thêm hai mươi năm nữa.

Cộng đoàn rối loạn. Dĩ nhiên, không ai trong họ biết đáp lại trong thánh lễ, ngoại trừ một số kinh quen thuộc và đáp lại Amen; chỉ có các linh mục và tu sĩ tích cực tham gia. Một số người tham dự trong thỉnh lặng tôn kính, những người khác đi xung quanh, chào hỏi lẫn nhau và chuyện trò. Họ là những người chất phát, Philip nghĩ: mình phải làm gì để thu hút sự chú ý của họ.

Thánh lễ sắp kết thúc và Waleran nói với cộng đoàn: “Hầu hết quý vị đã biết tu viện trường quý mến của Kingsbridge đã qua đời. Thi thể của ngài vẫn nằm đây với chúng ta trong nhà thờ này, và sẽ được an táng trong nghĩa trang tu viện sau bữa ăn chiều nay. Giám mục và các tu sĩ đã chọn cha Philip thành Gwynedd, người đã dẫn chúng tôi vào nhà thờ sáng nay, làm người nối nghiệp.”

Ông ngừng lại, và Philip đứng lên định dẫn cuộc rước ra. Nhưng Waleran nói tiếp: “Tôi có một tin buồn khác để thông báo.”

Philip ngạc nhiên. Ông kịp thời ngồi xuống.

“Tôi vừa nhận được tin,” Waleran nói. Ông ấy không nhận được tin gì, Philip biết rõ vì họ ở cùng nhau cả buổi sáng hôm nay. Tổng đại diện lại muốn chuyện gì đây?

“Thông tin nói với chúng ta về một mất mát làm chúng ta đau buồn,” một lần nữa ông ngừng lại.

Một người nào đó qua đời – nhưng là ai? Waleran đã biết chuyện đó trước khi ông đến, nhưng ông giữ bí mật và ông ấy giả vờ như mới nghe tin ấy. Tại sao?

Philip chỉ có thể nghĩ về một chuyện có thể xảy ra – và nếu điều đó đúng, Waleran còn tham vọng và vô đạo đức hơn Philip tưởng tượng. Có thực sự là ông ấy đã lừa dối tất cả họ? Có phải Philip chỉ là con tốt trong ván cờ của Waleran không?

Những lời nói cuối cùng của Waleran xác nhận sự lo âu đó. “Anh chị em thân mến,” ông nói nghiêm trọng, “giám mục của Kingsbridge đã qua đời.”

PHẦN BA

I

“Con chó đó chắc cũng có ở đây,” mẹ William nói. “Tôi chắc chắn như vậy.”

William nhìn mặt tiền nhà thờ Kingsbridge với cảm giác lo sợ pha lẫn với nhớ thương. Nếu công nương Aliena có mặt ở thánh lễ Hiến linh này thì đó là một xấu hổ đốn đau cho gia đình cậu, tuy nhiên trái tim cậu đập nhanh hơn khi nghĩ rằng cậu sẽ được gặp lại cô.

Họ chạy nước kiệu theo con đường dẫn đến Kingsbridge, William và cha cậu trên lưng con ngựa chiến và mẹ cậu trên lưng con ngựa đua đẹp. Ba hiệp sĩ và ba người giúp việc theo sau họ. Họ đi thành một đoàn ấn tượng và thậm chí đáng sợ, và William hài lòng về nó. Các nông dân, những người đi bộ đến Kingsbridge, sợ hãi rẽ sang hai bên khi họ nghe thấy tiếng chân mạnh mẽ của đoàn ngựa đến gần.

Bà mẹ đã sôi sục vì giận. “Tất cả họ đều biết, ngay cả những nông dân tồi tệ” bà nói qua kẽ răng, “và họ còn kể chuyện khôi hài về chúng ta: ‘Khi nào cô dâu không còn là cô dâu?’ Rồi họ trả lời: ‘Khi chàng rể là William Hamleigh!’ Tôi đã đánh một người vì điều đó, nhưng tình hình vẫn không tốt hơn. Tôi muốn bắt con chó đó, lột sống da nó, treo da nó trên một cành cây để cho chim xé xác nó ra.”

William ước mong mẹ cậu đừng nói thêm gì về chuyện đó. Gia đình đã bị sỉ nhục rồi, và đó là do lỗi của William – hay mẹ cậu đã cho là như vậy – và cậu không muốn nhớ lại nó.

Họ đi trên cây cầu gỗ ọp ẹp bắc ngang qua sông dẫn đến làng Kingsbridge và thúc ngựa trên con đường chính đến tu viện. Đã có hai

mười hoặc ba mươi con ngựa đang gặm bãi cỏ thừa trên các nấm mồ ở phía bắc nhà thờ, nhưng không con nào đẹp như ngựa của nhà Hamleigh.

Họ đi đến chuồng và giao ngựa cho các đứa trẻ giữ ngựa của tu viện. Rồi họ đi theo hàng ngũ qua khoảng sân xanh: William và bố đi hai bên mẹ, đằng sau là các kỵ binh và sau cùng là các người giúp việc. Mọi người tránh qua hai bên, dành chỗ cho họ đi; nhưng William có thể thấy họ huých nhau và chỉ trỏ, và cậu có thể chắc chắn rằng họ đang xì xào về đám cưới bị hủy bỏ của cậu. Cậu liều liếc nhìn mẹ, và qua cái nhìn giận dữ trên khuôn mặt của bà, cậu nhận ra rằng bà cũng đang nghĩ như vậy.

Họ đi vào nhà thờ.

William ghét ngôi nhà thờ. Nhà thờ lạnh lẽo và âm u ngay cả khi trời đẹp, và luôn luôn thoang thoảng mùi ẩm thấp trong các góc tối và đường đi thấp hai bên. Tệ hại nhất là nhà thờ gợi cậu nhớ đến những đau khổ của hỏa ngục, và cậu sợ hỏa ngục.

Cậu đảo mắt lướt qua nhà thờ. Lúc đầu cậu không thể phân biệt được các khuôn mặt vì quá tối. Khi mắt cậu đã quen với bóng tối, cậu vẫn chưa nhìn thấy Aliena. Họ tiến lên theo lối đi. Vẫn chưa thấy bóng dáng cô đâu. Cậu vừa cảm thấy nhẹ nhõm, vừa cảm thấy thất vọng. Rồi cậu thấy cô và trái tim cậu lỡ một nhịp.

Aliena đứng phía trước bên phía nam của gian giữa, hộ tống bởi một hiệp sĩ mà William không quen biết, xung quanh còn có nhiều kỵ binh và các bà phục vụ. Mặc dù cô đứng quay lưng về phía cậu, nhưng mái tóc xoắn đen của cô vẫn không thể nhầm lẫn. Cậu đang nhìn cô thì cô quay lại. William nhìn thấy đôi gò má mềm mại và chiếc mũi cao kiêu hãnh. Đôi mắt đen của cô bắt gặp ánh mắt cậu. Cậu ngưng thở. Cặp mắt đen này bình thường đã lớn, lại mở rộng hơn khi nhìn thấy cậu. William làm bộ như không thấy cô, nhưng cậu không thể rời ánh mắt cậu đi. Cậu muốn cô mỉm cười với cậu, hay chỉ cần đôi môi đầy đặn của cô nhếch lên, không cần gì nhiều mà chỉ là dấu hiệu của một sự quen biết lịch sự. Cậu nghiêng đầu chào cô, chỉ một chút, đúng hơn là một cái gật đầu. Nét mặt cô cứng lại và cô quay lên.

William co rúm lại như thế cậu bị đau. Cậu cảm thấy mình như con chó bị đuổi ra khỏi đường, và cậu muốn cuộn tròn mình trong một góc, không muốn ai để ý đến cậu. Cậu liếc sang hai bên xem có ai đã nhìn thấy cậu và cô ấy đã trao đổi ánh mắt với nhau không. Khi cậu cùng với bố mẹ đi xa hơn về phía trước, cậu nhận ra nhiều người nhìn cậu rồi lại nhìn Aliena, huých lẫn nhau và xì xào. Cậu nhìn thẳng về phía trước, tránh cái nhìn của mọi người. Cậu cố gắng giữ cao đầu. Làm sao cô ấy lại có thể làm điều đó với chúng tôi? Cậu nghĩ. Chúng tôi là một trong các gia đình danh tiếng nhất ở miền Nam nước Anh, và cô ấy làm chúng tôi xấu hổ. Ý nghĩ này làm cậu tức giận và cậu mong được rút kiếm ra tấn công một ai đó, bất cứ người nào.

Cảnh sát trưởng của Shiring chào bố William và họ bắt tay nhau. Dân chúng quay đi chỗ khác, tìm điều gì mới mẻ để thì thầm. Sự tức giận vẫn còn sôi sục trong William. Đám quý tộc trẻ đến bên Aliena và từng người cúi đầu chào cô. Hình như cô đang mỉm cười với mọi người.

Thánh lễ bắt đầu. William tự hỏi tại sao mọi chuyện lại diễn ra xấu thế. Bá tước Bartholomew có một con trai để thừa hưởng danh hiệu và tài sản của ông. Vì thế ông muốn dùng người con gái cho một việc duy nhất là để liên minh với các thế lực khác. Aliena là một trinh nữ mười sáu tuổi, không có ý định trở thành nữ tu, nên mọi người đều nghĩ rằng một cuộc hôn nhân giữa cô và một nhà quý tộc trẻ mười chín tuổi là quá đẹp đôi. Bởi vì về mặt lợi trong chính trị, cha cô đã có thể gả cô cho một bá tước béo phì bốn mươi tuổi hoặc thậm chí cho một bá tước đầu hói sáu mươi tuổi.

Khi cuộc hôn nhân đã được định đoạt, William và cha mẹ cậu đã không cần giữ kín đáo, ngược lại họ đã loan tin trong tất cả vùng xung quanh. Cuộc gặp gỡ lần đầu giữa William và Aliena chỉ là hình thức, nhưng Aliena không nghĩ như vậy.

Dĩ nhiên, họ không phải là những người xa lạ. Cậu còn nhớ cô khi cô còn trẻ. Cô có một khuôn mặt tinh quái và chiếc mũi hếch. Mái tóc ngang bướng của cô ngày đó bị cắt ngắn. Cô hay gây gỗ, cứng đầu, táo bạo và hách dịch. Cô luôn luôn tổ chức các trò chơi cho trẻ em, quyết định chúng chơi trò gì, và ai thuộc nhóm nào. Cô cũng xét xử các tranh chấp và cho

điểm. William bị cô thu hút, và cũng bất bình vì tính cách chỉ huy của cô. Cậu có thể bỏ dở cuộc chơi và bắt cô chú ý đến cậu; nhưng điều đó không kéo dài, vì sau cùng cô cũng làm chủ được tình hình, khiến cậu cảm thấy bối rối, bị thua, bị bỏ rơi, bị tức giận và bị lấn át – giống như cậu đang cảm thấy bây giờ.

Sau khi mẹ cô qua đời, cô du hành nhiều với bố và William ít khi gặp cô. Tuy nhiên cậu vẫn thường thấy cô, đủ để biết rằng cô đã trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, hấp dẫn, và cậu rất vui khi biết cô là người đính hôn của cậu. Dù cô ấy kết hôn với cậu vì yêu cậu hay không, nhưng William vẫn muốn đi gặp cô và làm mọi chuyện để có thể cưới cô.

Cô ấy có thể còn là trinh nữ, nhưng cậu không còn. Trong số những thiếu nữ cậu quen, có nhiều cô gần đẹp như Aliena, nhưng không ai được sinh ra trong gia đình quyền quý như Aliena. Cậu đã trải qua kinh nghiệm rằng con gái bị quyến rũ bởi quần áo đẹp đẽ của cậu và cách cậu chi tiền cho rượu ngọt và những giây băng sặc sỡ; và nếu cậu dụ được họ đến một chuồng ngựa hoang vắng nào đó, thường thường họ chiều theo ý cậu - một cách sẵn sàng hay ít sẵn sàng hơn.

Thật ra William là một người dễ thân mật với phụ nữ. Lúc đầu cậu thường để họ nghĩ là cậu không thực sự để ý đến họ. Nhưng khi cậu ở một mình với Aliena, sự tự tin đã bỏ rơi cậu. Cô mặc chiếc áo lụa xanh sáng, rộng và dài. Tất cả những gì cậu có thể nghĩ, đó là về thân thể bên trong chiếc áo dài đó mà chẳng bao lâu nữa cậu có thể nhìn khi nào cậu muốn. Cậu gặp cô ấy khi cô đang đọc sách. Đó là một việc không bình thường đối với một phụ nữ không phải là nữ tu. Cậu hỏi cô đang đọc sách gì, chỉ để tâm trí cậu tránh khỏi bộ ngực của cô đang nhấp nhô dưới lớp áo lụa màu xanh.

“Nó mang tựa đề ‘Tiểu thuyết của Alexander’. Nó là câu chuyện của vua Alexander đại đế và cách ông thu phục những mảnh đất tuyệt vời ở phía đông, nơi mà những viên đá quý mọc lên trên gốc nho và cây cối có thể nói chuyện.”

William không thể tưởng tượng được tại sao một người lại có thể phạm thời giờ vào những chuyện ngu ngốc như thế, nhưng cậu đã không

nói như vậy. Cậu kể cho cô về con ngựa của cậu, về con chó và về thành quả của cậu trong săn bắn, trong đấu vật và cưỡi ngựa. Cô không ấn tượng về chuyện đó như cậu hy vọng. Cậu kể về căn nhà bố cậu đã xây cho họ, và, để giúp cô chuẩn bị cho nhiệm vụ làm vợ trong gia đình, cậu cho cô biết cậu muốn mọi việc trong gia đình ra sao. Cậu cảm thấy cô không còn lắng nghe, nhưng cậu không biết tại sao. Cậu ngồi gần cô bao nhiêu có thể, vì cậu muốn ôm ghì lấy cô, muốn cảm nhận cô và tìm hiểu xem bộ ngực này có to như cậu tưởng tượng không; nhưng cô nghiêng người ra khỏi cậu, khoanh tay và gác chéo chân. Thái độ của cô như cấm đoán, đến nỗi cậu phải từ bỏ ý định và tự an ủi mình rằng, chẳng bao lâu nữa cậu có thể làm với cô mọi chuyện cậu thích.

Tuy nhiên khi cậu ở đó, cô đã không tỏ điều gì về dự định của cô. Cô chỉ nói nhẹ nhàng: “Tôi không nghĩ chúng ta hợp nhau.” Nhưng William cho đó là sự khiêm tốn của thiếu nữ và bảo đảm với cô rằng họ rất hợp nhau.

Cậu không biết rằng ngay sau khi cậu đi khỏi, cô sẽ ập vào người bố cô và loan báo rằng cô sẽ không kết hôn với cậu. Không gì có thể lay chuyển được cô, thà rằng cô sẽ vào tu viện; và ngay cả họ có dùng dây sắt kéo cô đến bàn thờ, cô cũng sẽ không mở miệng nói lên sự đồng ý. Con chó cái! William nghĩ; con chó cái này! Nhưng cậu không thể chửi Aliena như mẹ cậu đã chửi cô. Cậu không muốn lột sống da Aliena. Cậu muốn nằm lên trên thân thể nóng bỏng của cô và hôn cô.

Thánh lễ Hiến Linh kết thúc với phần loan báo về cái chết của giám mục. William hy vọng tin này sẽ làm lu mờ tin giạt gân về đám cưới bị hủy bỏ của cậu. Các tu sĩ ra khỏi nhà thờ theo đoàn rước, và tiếng trò chuyện vui vẻ phát ra khi cộng đoàn vừa ra tới cửa. Nhiều người trong số họ đã có quan hệ vật chất hoặc tinh thần với giám mục – ví dụ như người thuê nhà, hay như công nhân trên đất của ngài – và mọi người đều quan tâm xem ai sẽ là người nổi nghiệp và người nổi nghiệp có thay đổi gì không. Cái chết của một người có vị trí quan trọng luôn tạo ra nguy hiểm cho người thuộc quyền.

William theo cha mẹ xuống gian giữa và cậu ngạc nhiên khi thấy Tổng đại diện Waleran tiến về phía họ. Ông di chuyển nhanh qua đám đông,

giống như con chó đen trong cánh đồng đầy bò; và giống như những con bò, đám đông lo sợ nhìn ông và rời xa ông một hai bước. Ông làm ngơ trước đám nông dân và trao đổi vài câu với mỗi người trong tầng lớp quý tộc. Khi ông đến bên gia đình Hamleigh, ông chào bố của William, bỏ qua William, rồi lại chú ý đến bà mẹ. “Cuộc hôn nhân như vậy thật xấu hổ,” ông nói.

William đỏ mặt. Tên khùng này nghĩ rằng ông lịch sự với lời phi báng đó sao?

Bà mẹ không quan tâm đến nó như William. “Tôi không phải là người thù lâu,” bà nói dối.

Waleran bỏ qua chuyện đó. “Tôi nghe thông tin về Bá tước Bartholomew mà có lẽ ông bà quan tâm,” ông nói. Giọng ông nhẹ nhàng, vì thế mà không ai nghe được, và William phải cố gắng lắm mới có thể theo dõi được câu chuyện. “Dường như bá tước không giữ lời thề với nhà vua đã mất.”

Ông bố nói: “Bartholomew luôn là một người đạo đức giả cứng đầu.”

Waleran nhìn đau khổ. Ông muốn họ lắng nghe chứ không bình luận. “Bartholomew và Robert, bá tước thành Gloucester sẽ không chấp nhận vua Stephan mà giáo hội và các bá tước đã chọn như ông biết.”

William tự hỏi tại sao tổng đại diện lại nói về những cuộc tranh cãi của các bá tước. Ngay bố cậu cũng nghĩ như vậy, nên ông nói: “Nhưng các bá tước không thể chống lại chuyện đó được.”

Bà mẹ thông cảm sự nóng ruột của Waleran vì những ý kiến xen vào của chồng. “Hãy nghe đã!” bà rít lên.

Waleran nói: “Những gì tôi nghe được là họ đang âm mưu một cuộc phản loạn và đưa Maud lên làm nữ hoàng.”

William không thể tin vào tai mình. Có thể nào một tổng đại diện lại có những tuyên bố liều lĩnh như thế, và ở ngay đây, giữa nhà thờ chính tòa Kingsbridge? Dù nó đúng hay sai, người ta cũng có thể bị treo cổ về chuyện đó.

Ông bố giật mình, nhưng bà mẹ trầm tư nói: “Robert thành Gloucester là anh em khác mẹ với Maud... Chuyện đó có thể xảy ra.”

William tự hỏi làm sao mẹ mình lại có thể biết những tin tức nóng hổi như thế, Nhưng bà rất thông minh và bà luôn luôn đứng trong mọi chuyện.

Waleran nói: “Bất cứ ai có thể loại bỏ được Bartholomew và ngăn chặn cuộc nổi loạn, người đó sẽ được vua Stephan và Mẹ giáo hội ghi ơn đời đời.”

“Thật vậy sao?” ông bố nói với giọng bàng hoàng, nhưng bà mẹ gật đầu một cách khôn ngoan.

“Bartholomew dự kiến sẽ trở về vào ngày mai,” Waleran nói điều đó trong khi ông ngược lên, nhìn vào mắt mỗi người. Ông quay lại bà mẹ và nói: “Tôi nghĩ, ông bà sẽ là người quan tâm đến vấn đề này nhất.” Rồi ông quay đi, chào những người khác.

William chăm chăm nhìn theo ông. Đó có phải là những gì thực sự ông muốn nói?

Bố mẹ William đi ra, và cậu theo họ ra ngoài, qua cổng vòng cung lớn. Cả ba đều im lặng. William đã nghe nói về cuộc dàn xếp trước đây năm tuần về việc ai sẽ là vua, nhưng mọi việc đã xong khi Stephan được tấn phong ở tu viện Westminster ba ngày trước lễ Giáng sinh. Bây giờ, nếu Waleran đúng, mọi chuyện lại bắt đầu lại. Nhưng tại sao Waleran lại thổ lộ chuyện này cho gia đình Hamleigh?

Họ đi qua bãi cỏ xanh đến chuồng ngựa. Ngay sau khi họ xa khỏi đám đông bên ngoài cổng nhà thờ, khi không còn ai nghe lén được nữa, ông bố hào hứng nói: “Thật là một may mắn. Người đã sỉ nhục gia đình mình sẽ phải ra tòa vị tội phản quốc!”

William không nhìn thấy tại sao đó lại là một may mắn, nhưng bà mẹ hiểu, bởi vì bà gật đầu đồng ý.

Ông bố tiếp tục: “Chúng ta có thể bắt giam ông ấy bằng đầu gươm nhọn, và treo cổ ông ấy lên cành cây gần nhất.”

William chưa nghĩ đến chuyện đó, nhưng bây giờ cậu hiểu ra trong nháy mắt: nếu Bartholomew là một kẻ phản bội, người ta có thể giết ông. “Chúng ta có thể trả thù ông ấy,” William bật miệng nói. “Và thay vì bị phạt, chúng ta lại được vua ban thưởng!” Họ lại có thể ngẩng cao đầu, và –

“Kẻ ngu ngốc!” bà mẹ tức giận nói. “Kẻ mù quáng! Kẻ đần độn! Các ông muốn treo cổ Bartholomew lên cây. Các ông có muốn biết những gì sẽ xảy ra sau đó không?”

Không ai dám nói gì. Tốt hơn không nên trả lời câu hỏi của bà, nhất là khi bà ở trong tâm trạng như thế này.

Bà nói tiếp: “Robert thành Gloucester sẽ chối là ông ấy không có bất cứ âm mưu gì, rồi ông ấy sẽ ôm lấy vua Stephen và thề trung thành; và sau cùng chính hai ông là người bị treo cổ vì tội giết người.”

William rùng mình. Ý nghĩ bị treo cổ làm cậu khiếp sợ. Cậu đã có những ác mộng về nó. Tuy nhiên cậu thấy mẹ cậu đúng: vua có thể tin hoặc giả bộ tin rằng không ai dám táo bạo chống lại ông, và ông sẵn sàng thí hai mạng sống để bảo vệ uy tín.

Ông bố nói: “Em có lý. Chúng ta sẽ trói Bartholomew như một con lợn bị đem đi giết và đem ông ấy đến giao cho nhà vua ở Winchester. Chúng ta sẽ tố cáo ông ở đó và nhận phần thưởng của vua.”

“Tại sao các ông không nghĩ thêm được chút nữa?” bà mẹ khinh khỉnh nói. Bà rất căng thẳng và William có thể thấy bà cũng háo hức như bố, nhưng chỉ qua cách khác. “Các ông nghĩ là Tổng đại diện Waleran không muốn đem kẻ phản bội này nộp cho nhà vua sao?” bà nói. “Ông ấy không muốn phần thưởng cho ông ấy sao? Các ông không biết là từ trong thâm tâm ông ấy rất muốn trở thành giám mục của Kingsbridge sao? Tại sao ông ấy lại ưu tiên dành cho các ông quyền bắt giữ Hamleigh? Tại sao ông ấy lại gặp chúng ta trong nhà thờ như một sự tình cờ, thay vì đến gặp chúng ta ở nhà? Tại sao cuộc trao đổi của chúng ta ngắn gọn và không trực tiếp?”

Bà ngưng lại một chút, như chờ đợi câu trả lời, nhưng cả hai William và ông bố biết rằng bà thật sự không cần câu trả lời. William nhớ lại rằng các linh mục không được dính vào chuyện đổ máu, và có lẽ đó là lý do tại sao Waleran không muốn tham dự vào việc bắt giữ Bartholomew; nhưng nghĩ sâu hơn, cậu nhận ra Waleran không có sự thận trọng này.

“Tôi sẽ nói cho các ông tại sao,” bà mẹ tiếp tục. “Bởi vì ông ấy chưa chắc chắn có phải Bartholomew là kẻ phản bội không. Thông tin của ông ấy không đáng tin cậy. Tôi không đoán được ông ấy đã lấy thông tin này ở

đâu – có lẽ qua một câu chuyện trong khi say, hay nhận được tin tức này không rõ ràng, hoặc nói chuyện với một điệp viên không đáng tin cậy. Trong mọi trường hợp, ông ấy không sẵn sàng để tay mình nhúng chàm. Ông ấy sẽ không buộc tội Bartholomew một cách công khai, vì khi lời buộc tội không đúng, ông ấy sẽ bị kết án là kẻ vu khống. Ông ấy muốn người khác mạo hiểm và làm công việc bẩn thỉu cho ông ấy. Khi công việc đã xong và sự phản bội được chứng minh, ông ấy sẽ bước ra và đòi phần thưởng của mình. Nếu Bartholomew vô tội, Waleran sẽ chẳng thừa nhận đã kể cho chúng ta ngày hôm nay.”

Dường như nó đúng như bà diễn tả. Không có bà, William và ông bố có thể đã rơi vào bẫy của Waleran. Họ đóng vai trò mật thám cho ông và nhận những rủi ro thay cho ông. Nhận định về chính trị của bà mẹ thật chính xác.

Ông bố nói: “Vậy theo ý em, chúng ta nên bỏ qua chuyện này sao?”

“Chắc chắn là không,” đôi mắt bà sáng lên. “Nó vẫn là một cơ hội để tiêu diệt những người đã làm nhục chúng ta.” Cậu bé giữ ngựa đã đem ngựa ra. Bà cầm dây cương, ra hiệu cho cậu đi nhưng chưa lên ngựa ngay. Đứng bên hông ngựa, trầm tư vỗ vào cổ nó và nói nhẹ: “Chúng ta cần bằng chứng về âm mưu để khi chúng ta buộc tội, không ai có thể chối cãi được. Chúng ta phải tìm bằng chứng một cách lén lút, không tiết lộ những gì chúng ta đang tìm kiếm. Khi chúng ta có bằng chứng, chúng ta có thể bắt Bartholomew, điệu ông ta đến vua. Đối diện với bằng chứng, Bartholomew sẽ phải thú nhận và xin lỗi, khi đó chúng ta sẽ yêu cầu phần thưởng của mình.”

“Và phủ nhận là Waleran đã giúp chúng ta,” ông bố nói thêm.

Bà mẹ lắc đầu. “Hãy cho ông ấy chia sẻ chiến thắng và phần thưởng của ông ấy. Sau đó ông ấy sẽ mang ơn chúng ta. Điều đó chỉ có lợi cho chúng ta.”

“Nhưng chúng ta tìm kiếm bằng chứng về âm mưu này như thế nào?” ông bố lo lắng hỏi.

“Chúng ta phải tìm cách len lỏi vào lâu đài của Bartholomew và quan sát nó,” bà mẹ cau mày nói. “Điều đó không dễ dàng. Không người nào cho chúng ta thăm viếng, vì ai cũng biết chúng ta ghét Bartholomew.”

William chợt nảy ra sáng kiến. “Con sẽ đi,” cậu nói.

Bố mẹ cậu, cả hai đều giật mình. Bà mẹ nói: “Người ta sẽ ít để ý đến con hơn là bố con, mẹ nghĩ như vậy, nhưng ý định của con ra làm sao?”

William đã nghĩ về điều đó. “Con có thể đến thăm Aliena,” cậu nói, và tim cậu đập nhanh hơn khi nghĩ về điều đó. “Con có thể xin cô ấy suy nghĩ lại quyết định của cô ấy. Thực sự cô ấy không biết rõ về con. Cô ấy đánh giá con sau khi chúng con gặp nhau. Con có thể là một người chồng tốt của cô ấy. Có lẽ cần phải tán tỉnh cô ấy lâu hơn.” Cậu dấu nụ cười hoài nghi để bố mẹ cậu không nhận ra là thật sự cậu muốn làm điều đó.

“Một lý do đáng tin cậy,” bà mẹ nói. Bà chăm chú nhìn William: “Lạy Chúa, con hy vọng thằng nhỏ này có một ít thông minh của mẹ nó.”

Lần đầu tiên trong những tháng qua William cảm thấy lạc quan, khi cậu được sai đến lâu đài bá tước vào ngày sau lễ Chúa Hiền Linh. Trời sáng và lạnh. Gió bắc làm lạnh đôi tai cậu và cỏ đông cứng rạo rạo dưới chân con ngựa chiến. Cậu mặc một chiếc áo choàng màu xám viền lông thỏ trên chiếc áo chên màu đỏ thẫm.

Walter, người giúp việc, cùng đồng hành với cậu. Khi William mười hai tuổi, Walter đã là người giám hộ của cậu, và đã dạy cậu cưỡi ngựa, săn bắn, đấu kiếm và quyền anh. Bây giờ ông vừa là người giúp việc, vừa là người đồng hành và cũng là người cận vệ. Ông cao như William nhưng bệ vệ hơn. Mặc dù lớn hơn William chín hay mười tuổi, ông vẫn còn trẻ để đi uống rượu và săn gấu, nhưng cũng đủ lớn để giữ cậu khỏi những phiền toái có thể xảy ra. Ông là bạn thân của William.

Trước viễn tượng được gặp lại Aliena, William háo hức, mặc dù cậu biết một lần nữa cậu sẽ phải đối diện với sự từ chối và sỉ nhục. Cái nhìn của cô trong nhà thờ Kingsbridge, khi cậu nhìn vào đôi mắt đen của cô, đã làm cháy lên niềm khao khát của cậu. Cậu mong muốn được nói chuyện với cô, được gần cô, nhìn thấy mái tóc quăn xù, quan sát những chuyển động dưới áo cô.

Đồng thời, cơ hội trả thù cũng nung đốt lòng thù hận trong lòng William. Cậu phấn khích với tư tưởng cậu có thể gột rửa mọi sỉ nhục mà gia đình cậu đã phải chịu đựng.

Cậu ước muốn cậu biết rõ hơn cậu muốn tìm gì trong lâu đài bá tước. Cậu chắc chắn sẽ tìm ra manh mối, xem câu chuyện của Waleran có thật không, bởi nếu nó thật thì chắc chắn phải có dấu hiệu của việc chuẩn bị chiến tranh trong lâu đài. Khi đó ngựa phải được gom lại, vũ khí phải được lau chùi, và lương thực phải được chuẩn bị. Tuy nhiên, tìm ra âm mưu là một việc, nhưng tìm ra bằng chứng của âm mưu lại là việc khác.

William không có một chút tưởng tượng gì về bằng chứng của một cuộc mưu phản phải như thế nào. Vì thế, cậu quyết định mở to mắt quan sát và hy vọng một cái gì đó sẽ xảy ra. Đó không phải là một kế hoạch lớn lao, và trong lòng cậu có một nỗi lo dai dẳng là cơ hội trả thù sẽ vượt khỏi tay cậu.

Càng đến gần, cậu càng hồi hộp. Cậu tự hỏi không biết người ta có từ chối không cho cậu vào lâu đài không, và cậu mất một vài phút lo sợ cho đến khi cậu nhận ra rằng lâu đài là một nơi công cộng và đóng cửa lâu đài mà không có lý do là dấu hiệu có một âm mưu đang tiến hành.

Bá tước Bartholomew ở cách Shiring vài dặm. Lâu đài ở Shiring là doanh trại của cảnh sát quận, vì thế bá tước có một lâu đài riêng ở ngoại ô. Ngôi làng mọc lên xung quanh bức tường lâu đài được gọi là làng ‘lâu đài bá tước’. William đã đến đó, nhưng hôm nay cậu quan sát nó qua ánh mắt của kẻ tấn công.

Có một hào sâu, rộng mang hình số tám, với các tường thành bên trên nhỏ hơn bức tường phía dưới. Số đất đào lên từ hào sâu được chất đống bên trong hai vòng tròn, tạo ra thành lũy.

Ở chân vòng số tám là một cây cầu bắc qua con hào. Đây là lối vào duy nhất. Không có lối thẳng vào vòng tròn phía trên, mà người ta chỉ có thể đi qua vòng dưới, rồi đi qua cây cầu bắc ngang qua hào sâu. Vòng trên là chốn thiêng liêng.

Khi William và Walter cưỡi ngựa qua cánh đồng mênh mông, họ nhìn thấy nhiều người đến rồi đi. Hai người trang bị vũ khí đi qua cây cầu rồi phi nước đại theo hai hướng khác nhau, và một nhóm bốn người cưỡi ngựa đi qua cầu trước khi William và Walter đi vào.

William nhận ra rằng phần cuối của cây cầu dẫn đến cổng thành bằng đá vào lâu đài. Trên tường thành bằng đất, những tháp canh được chia đều, vì

thế mà toàn bộ khu vực được bảo vệ chắc chắn. Tấn công trực diện lâu đài này sẽ là công việc kéo dài và đẫm máu, và gia đình Hamleigh không thể tập hợp đủ người để bảo đảm thành công, William ủ rũ kết luận.

Dĩ nhiên hôm nay lâu đài mở cửa. William giới thiệu tên mình trong phòng gác bên cạnh cổng vào lâu đài và được cho vào ngay. Trong vòng tròn phía dưới, được chia cắt với thế giới bên ngoài qua bức tường đất, là những dãy nhà thông thường: chuồng ngựa, nhà bếp, nhà xưởng, một ngọn tháp và một nhà nguyện.

Một bầu khí rộn ràng trong lâu đài. Người giữ ngựa, người giúp việc đi vội vàng và nói lớn tiếng, chào hỏi nhau và pha trò. Một người quan sát bình thường có thể nghĩ đó chỉ là một bầu khí vui vì bá tước mới trở về, nhưng William đoán đằng sau đó còn có gì hơn nữa.

Cậu để Walter ở chuồng ngựa và đi qua khu đối diện với cổng thành, nơi đây có một cây cầu bắc qua hào vào vòng trên. Khi cậu qua cầu, cậu bị một người lính gác chặn lại và hỏi cậu đi đâu, và cậu nói: “Tôi đến gặp cô Aliena.”

Người gác không biết cậu, nhưng ông nhìn cậu từ đầu đến chân, chú ý đến áo khoác đẹp và áo chên màu đỏ thắm, ông định giá cậu như một người cầu hôn đầy hy vọng. “Có thể ông sẽ gặp một phụ nữ trẻ trong hội trường lớn,” ông nói với một nụ cười điệu.

Trung tâm của vòng dưới là một tòa nhà bằng đá hình vuông, ba tầng lầu với những bức tường dày. Như thông thường, tầng trệt là một nhà kho. Hội trường lớn ở bên trên nhà kho, lên đó bằng chiếc cầu thang bằng gỗ phía ngoài và chiếc thang có thể được rút vào trong. Trong tầng trên cùng là phòng ngủ của bá tước, và đó sẽ là nơi ông đứng lần cuối cùng khi gia đình Hamleigh đến bắt ông, William nghĩ.

Bố cục của tòa nhà là một trở ngại lớn cho kẻ tấn công. William đã chẳng bao giờ quan tâm đến điều đó, bây giờ cậu nhận ra chức năng của các yếu tố khác nhau trong công trình xây dựng. Ngay cả khi kẻ tấn công vào được vòng dưới, họ còn phải vượt qua cây cầu và một cổng nhà khác, sau đó phải vượt qua pháo đài vững chắc. Để lên được đến vòng trên, có lẽ họ phải tạo ra một cầu thang, và sau đó sẽ là một cuộc chiến đẫm máu để

tấn công từ hội trường lớn lên đến phòng ngủ của bá tước. Cách duy nhất để chiếm lâu đài là lén lút, William nhận ra điều đó, và cậu vẽ vờ ý tưởng xem lén lút vào bằng cách nào.

Cậu trèo lên cầu thang và bước vào hội trường lớn. Đầy người trong đó, nhưng bá tước không có mặt. Ở góc xa bên tay trái là cầu thang dẫn lên phòng ngủ. Mười lăm hoặc hai mươi hiệp sĩ và kỵ binh ngồi xung quanh chân cầu thang, nói chuyện thì thầm với nhau. Đó là việc không bình thường, vì hiệp sĩ và kỵ binh thuộc hai tầng lớp xã hội khác nhau. Hiệp sĩ sở hữu đất đai và sống bằng cách cho thuê đất, trong khi những binh sĩ được trả tiền từng ngày. Hai nhóm người này chỉ thân thiện với nhau khi có mùi của chiến tranh.

William nhận ra một số người trong họ: Gilbert Catfae, một chiến sĩ già, nóng tính, có râu mép lồi thõm và bộ râu dài, đã trên bốn mươi tuổi nhưng vẫn cường tráng; Ralph thành Lyme, người tiêu nhiều tiền cho quần áo hơn cả cô dâu, hôm nay mặc áo khoác xanh với áo trong bằng lụa đỏ; Jack Fitz Guillaume là một hiệp sĩ, mặc dù ông chỉ bằng tuổi William; và nhiều khuôn mặt khác mà William đã gặp đâu đó. Cậu gật đầu chào về phía họ, nhưng họ chẳng quan tâm đến cậu – nhiều người biết cậu, nhưng cậu còn quá trẻ để trở thành quan trọng.

Cậu nhìn quanh và ngay lập tức thấy Aliena ở phía bên kia hội trường.

Hôm nay trông cô khác. Hôm qua trong buổi lễ ở nhà thờ, cô mặc bộ quần áo bằng lụa và len mịn, cùng với vòng, băng và giày nhọn. Hôm nay cô mặc chiếc áo ngắn của một nông dân hay của một trẻ em, và đi chân trần. Cô ngồi trên ghế băng, chăm chú vào một trò chơi trên tấm bảng.

Khi William nhìn, cô kéo áo và gác chân lên nhau, tình cờ để lộ đầu gối, và cô nhăn mũi cau mày. Hôm qua cô là một phụ nữ quý phái, hôm nay cô là một đứa trẻ dễ bị tổn thương, và William thấy cô càng hấp dẫn hơn. Thành linh cậu cảm thấy xấu hổ, vì một đứa trẻ như thế mà lại có thể gây cho cậu bao nhiêu đau khổ và cậu muốn có cơ hội để cho cô biết cậu có thể làm chủ cô. Nó là cảm xúc của ham muốn.

Cô chơi với một cậu bé nhỏ hơn cô khoảng ba tuổi. Cậu bé bồn chồn, thiếu kiên nhẫn, như thể cậu không thích trò chơi này. William có thể nhìn

thấy nét giống nhau của hai người. Thật vậy, William nhớ lại, cậu bé trông giống Aliena thời còn trẻ, với lỗ mũi hếch và mái tóc ngắn. Cậu chắc là Richard, em trai của cô, người thừa kế gia tài của bá tước.

William đến gần hơn. Richard ngược nhìn cậu, rồi lại chú ý đến trò chơi. Aliena đang tập trung. Tấm bảng gỗ có hình thánh giá và chia thành từng hình vuông với màu sắc khác nhau. Các viên đá trắng và đen hình như làm bằng ngà voi. Rõ ràng nó là một quà tặng mà cha cô đã đem về từ Normandie. William chú ý đến Aliena. Khi cô nghiêng mình về phía trước, cổ áo cô mở rộng và cậu có thể nhìn thấy phần đầu ngực của cô. Chúng lớn như cậu đã tưởng tượng. Cậu nuốt nước bọt.

Richard di chuyển một viên đá trên bảng, và Aliena nói: “Không, em không thể chơi như thế.”

Đứa bé phản đối: “Tại sao không?”

“Bởi vì nó không đúng như luật chơi, đồ ngu.”

“Em không thích luật chơi,” Richard nhùng nhằng nói.

Aliena khùng lên: “Em phải theo luật chơi!”

“Tại sao em phải theo?”

“Em phải theo, đó là lý do tại sao!”

“Được, em không theo,” cậu bé nói, và lật úp tấm bảng xuống nền nhà, ném các viên đá đi.

Nhanh như chớp, Aliena cho cậu bé một cái tát vào mặt.

Cậu bé khóc to lên. Niềm tự hào và khuôn mặt của cậu đau nhói. “Chị,” cậu bé ngập ngừng, “con quý - đồ đĩ”. Cậu bé quay mình và chạy đi, nhưng sau ba bước cậu đụng ngay William.

William dùng một cánh tay kéo cậu lên, giữ cậu trên không và nói: “Đừng cho các linh mục nghe thấy em gọi chị bằng tên như thế.”

Richard cựa quậy và la to: “Đừng làm tôi đau – hãy để tôi đi!”

William giữ cậu bé thêm một lúc. Richard thôi vùng vẫy và bắt đầu khóc to. William để cậu bé xuống và cậu chạy đi trong nước mắt.

Aliena nhìn chăm chăm vào William, quên mất trò chơi, cô cau mày. “Anh đến đây làm gì?” cô hỏi. Giọng cô trầm và bình tĩnh, giọng nói của một người lớn tuổi.

William ngồi xuống ghế băng, hài lòng về cách cậu đã xử với Richard. “Anh đến đây để gặp em,” cậu nói.

Một thoáng cảnh giác xuất hiện trên mặt cô. “Để là gì?”

William tìm vị trí ngồi để cậu có thể quan sát cầu thang. Cậu thấy một người chạc bốn mươi tuổi ăn mặc như một người phục vụ cao cấp, có mũ tròn và áo chên ngắn bằng vải tốt. Người phục vụ ra hiệu, và một hiệp sĩ và một binh sĩ lên lầu chung với nhau. William nhìn Aliena và nói: “Anh muốn nói chuyện với em.”

“Về chuyện gì?”

“Về em và anh.” Qua vai của cô, cậu nhìn thấy người phục vụ tiến đến họ. Trong cách đi của người đàn ông có một chút nữ tính. Một tay ông cầm đường mía màu nâu. Tay khác ông cầm một củ xoắn trông giống như củ gừng. Người đàn ông rõ ràng là người quản lý lâu đài và giữ tước gia vị, một tủ khóa kín để trong phòng ngủ của bá tước, và bây giờ ông đem gia vị đến cho người nấu ăn: Đường có lẽ để làm bánh táo và gừng dùng cho cá mút đá.

Aliena dõi theo mắt nhìn của William. “Ô, chào Matthew.”

Người quản lý mỉm cười và bẻ một miếng đường cho cô. William có cảm giác Matthew rất thân thiện với Aliena. Một chút gì đó trong thái độ của Aliena tiết lộ cho ông ấy biết rằng cô đang không thoải mái, bởi vì nụ cười của ông biến thành một cái cau mày, và ông ấy nói: “Có chuyện gì không?” ông nói nhẹ nhàng.

“Không, cảm ơn ông.”

Matthew nhìn William và khuôn mặt ông tỏ vẻ bất ngờ.

“William Hamleigh trẻ phải không?”

William xấu hổ vì được biết đến, mặc dù cậu biết điều này không thể tránh khỏi. “Hãy giữ lấy đường cho trẻ em,” cậu nói, mặc dù Matthew không mời cậu ăn. “Tôi không cần đến nó.”

“Rất tốt, thưa ngài.” Cái nhìn của Matthew tỏ ra rằng ông không muốn có vấn đề với con cái của giai cấp quý tộc. Ông quay lại phía Aliena. “Bố cô mang về một số tơ lụa mềm mại tuyệt vời. Tôi sẽ chỉ cho cô xem sau.”

“Cảm ơn!” cô nói.

Matthew đi ra.

William nói: “Chàng gốc nữ tính.”

Aliena nói: “Tại sao anh lại thiếu lịch sự với ông ấy như vậy?”

“Tôi không muốn người phục vụ của em gọi tôi là ‘William Hamleigh trẻ’.” Đó không phải là cách tốt nhất để lấy lòng phụ nữ. William nhận ra điều đó trong tâm trạng chán nản, vì chính ra cậu phải lịch lãm. Cậu mỉm cười và nói: “Nếu em là vợ anh, người phục vụ của anh sẽ gọi em là ‘thưa bà’.”

“Có phải anh đến đây để nói về chuyện đám cưới không?” cô hỏi, và William khám phá ra vẻ nghi ngờ trong giọng cô.

“Em không biết rõ về anh,” William nói bằng giọng phản đối. Cậu đã không kiểm soát được cuộc nói chuyện này, cậu đau buồn nhận ra. Cậu dự định có một cuộc nói chuyện ngăn trước khi bước vào công việc, nhưng cô quá thẳng thắn và cởi mở, đến nỗi cậu ép buộc phải nói ra điều cậu muốn. “Em đã hiểu sai về anh. Anh không biết lần trước, khi chúng mình gặp nhau, anh đã làm gì để em không thích anh; nhưng bất cứ vì lý do nào, em đã quyết định quá vội vàng.”

Cô quay mặt đi, cô tìm một câu trả lời hợp lý. Đằng sau cô, William nhìn thấy một hiệp sĩ và một binh sĩ đi xuống cầu thang, rồi đi ra ngoài, tìm kiếm một cái gì đó. Một lúc sau người đàn ông trong y phục linh mục – có lẽ thư ký của bá tước – xuất hiện phía trên và vẫy tay. Hai hiệp sĩ đứng dậy và đi lên cầu thang: Ralph thành Lyme với chiếc áo chên đỏ xẫm và một người đàn ông đầu hói già hơn. Rõ ràng những người trong hội trường lớn đang cuốn bị để gặp bá tước từng người một hay hai người một trong phòng ngủ của ông. Nhưng tại sao?

“Sau một thời gian dài,” Aliena nói. Cô đè nén một số cảm xúc. Nó có thể là giận dữ, nhưng William có cảm giác như đó là nụ cười. “Sau tất cả những rắc rối, giận dữ và tai tiếng; cuối cùng khi nó đã chìm xuống, anh lại nói với tôi là tôi đã làm sai?”

Như cô ấy diễn tả, nó nghe có vẻ không thuyết phục, William nghĩ. “Nó không chìm xuống chút nào hết – mọi người vẫn bàn tán về nó, mẹ tôi vẫn

giận dữ, bố tôi không thể ngẩng đầu lên giữa đám đông,” cậu nói. “Đối với chúng tôi, nó chưa chấm dứt.”

“Như vậy tất cả chỉ vì danh dự của gia đình anh, phải không?”

Có một nét nguy hiểm trong giọng nói của cô, nhưng William phớt lờ nó. Bất ngờ cậu nhận ra bá tước cần gì nơi các hiệp sĩ và binh lính này: ông gửi các thông điệp. “Danh dự gia đình ư?” cậu hỏi một cách băng quơ. “Vâng.”

“Tôi biết tôi phải nghĩ về danh dự gia đình, về liên minh giữa các gia đình và về tất cả điều đó,” Aliena nói. “Nhưng một cuộc hôn nhân không cần tất cả những thứ đó.” Cô có vẻ đang ngẫm nghĩ để đưa ra một quyết định. “Có lẽ tôi nên kể cho anh về mẹ tôi. Bà ghét bố tôi. Bố tôi không phải là người xấu, thực tế ông là một người vĩ đại, và tôi yêu ông, nhưng ông quá nghiêm khắc và chẳng bao giờ hiểu mẹ tôi. Bà là một người vui tính, thích cười, thích kể chuyện, và yêu âm nhạc. Nhưng bố tôi đã biến bà thành bất hạnh.” Mắt Aliena đầm nước mắt, nhưng William không để ý, vì cậu đang nghĩ về thông điệp mà bá tước gửi đi. “Đó là lý do tại sao bà mất – bởi vì ông không cho bà hạnh phúc. Tôi biết điều đó. Và ông ấy cũng biết nữa, như anh thấy. Đó là lý do tại sao ông hứa với tôi là ông sẽ chẳng bao giờ gả tôi cho một người mà tôi không thích. Bây giờ anh đã hiểu chưa?”

Thông điệp này là mệnh lệnh, William nghĩ, mệnh lệnh của Bá tước Bartholomew gửi cho bạn bè và liên minh phải sẵn sàng chiến đấu. Và những sứ giả này là bằng chứng.

Cậu nhận ra Aliena đang chăm chăm nhìn cậu. “Cưới một người mà em không thích?” cậu nói, vọng lại những chữ cuối của cô. “Em không thích anh?”

Mắt cô bừng lên giận dữ. “Anh đã không lắng nghe,” cô nói. “Anh thật ích kỷ đến nỗi anh không thể nghĩ về cảm xúc của người khác. Lần trước đến đây, anh đã làm gì? Anh nói và nói về chính anh và không hỏi tôi một câu.”

Giọng cô gần như hét lên, và khi cô ngưng lại, William thấy những người ở phía bên kia căn phòng đã yên lặng, lắng nghe. Cậu cảm thấy xấu hổ. “Đừng nói to quá!” cậu nói với cô.

Cô không màng quan tâm đến. “Anh muốn biết tại sao tôi không thích anh phải không? Được rồi, tôi sẽ kể cho anh. Tôi không thích anh vì anh không có kiến thức về văn hóa. Tôi không thích anh vì anh không thích đọc. Tôi không thích anh vì anh chỉ để ý đến chó, ngựa và chính anh.”

Gilbert Catface và Jack Fitz Guillaume bật cười to. William đỏ mặt. Những người này không là gì cả, họ chỉ là những hiệp sĩ mà họ dám cười cậu, con của Percy Hamleight. Cậu đứng lên.

“Được rồi,” cậu nói khấn trương, không muốn Aliane nói tiếp.

Nhưng Aliane không lui bước. “Tôi không thích anh vì anh ích kỷ, đần độn và ngu ngốc,” cô la lên. Bây giờ tất cả các hiệp sĩ đều cười. “Tôi không thích anh, tôi khinh anh, tôi ghét anh và tôi không ưa anh. Và đó là lý do tại sao tôi không muốn lấy anh.”

Các hiệp sĩ vỗ tay reo mừng. William co rúm trong lòng. Tiếng cười của họ làm cậu nhỏ bé đi, yếu đuối và bất lực như một đứa bé, và khi còn bé, cậu luôn sợ hãi. Cậu tránh mặt Aliane, cố gắng đè nén cảm xúc trên mặt, và đi qua phòng nhanh bao nhiêu có thể, nhưng không chạy, trong khi tiếng cười to hơn. Sau cùng cậu ra đến cửa, đẩy nó và đi nhanh ra ngoài. Cậu đóng mạnh cửa sau lưng cậu và theo cầu thang chạy xuống lầu, nghệt thở vì xấu hổ; và âm thanh của tiếng cười nhạo báng vang bên tai cậu suốt con đường qua khu sân lầy lội ra đến cổng.

Sau một dặm, con đường từ lâu đài bá tước đến Shiring cắt ngang con đường chính. Ở ngã tư đường, người du hành có thể rẽ hướng bắc để đi về Gloucester và biên giới xứ Welsh, hay rẽ hướng nam để đi Winchester và bãi biển. William và Walter quay về hướng nam.

Nỗi đau khổ của William đã trở thành thù hận và làm cậu không thốt lên lời. Cậu muốn làm khổ Aliane và giết tất cả các hiệp sĩ này. Cậu muốn đâm thanh kiếm vào những chiếc miệng đã cười cậu và ăn lưỡi kiếm xuống tận cổ, và cậu nghĩ về cách để trả thù được ít nhất một người trong số họ. Nếu điều đó thành công, cậu cũng tìm được bằng chứng cậu cần. Viễn tượng này cho cậu niềm an ủi.

Trước hết cậu phải bắt kịp một người trong số họ. Vừa tới chỗ con đường dẫn vào bờ rừng, William xuống ngựa và đi bộ, dắt theo con ngựa.

Walter theo sau trong im lặng, tôn trọng tâm trạng của cậu. William đến một đoạn đường hẹp và dừng lại. Cậu quay sang Walter và nói: “Ai chiến đấu với dao giỏi hơn, anh hay tôi?”

“Tôi đánh nhau cận chiến tốt hơn,” Walter nói thận trọng. “Nhưng ông ném chính xác hơn, thưa ngài.” Họ gọi cậu là ngài khi cậu giận dữ.

“Ông có thể làm cho con ngựa chạy ngang qua ngã xuống, phải vậy không?”

“Vâng, với một cây gậy to.”

“Hãy đi và tìm một cây thích hợp, cắt nó ra và ông sẽ có một cây gậy tốt.”

Walter ra đi.

William dẫn hai con ngựa vào rừng và cột chúng trong cánh đồng ở một khoảng cách xa đường. Ông tháo yên ngựa, rồi rút ra một sợi dây và dây đai – đủ để trói chân tay một hay hai người. Kế hoạch của cậu thật đơn giản, nhưng cậu không còn giờ để nghĩ ra một cái gì đó tốt hơn nữa, vì thế cậu phải hy vọng điều tốt nhất sẽ đến.

Trên đường trở về, cậu tìm thấy một khúc cây sồi khô cứng để dùng như dùi cui.

Walter đang đợi với cây gậy trên tay. William chọn một nơi mà Walter có thể nằm chờ đợi, đằng sau một cây sồi rậm gần con đường. “Đừng giơ cây gậy ra quá sớm, vì như thế con ngựa có thể nhảy qua nó,” cậu cảnh báo. “Nhưng cũng đừng giơ ra quá trễ, vì ông không thể cản được chân sau của nó. Tốt nhất là thọc gậy vào giữa hai chân trước của nó. Và cố gắng cắm đầu nhọn vào mặt đất, như vậy nó sẽ không chạy qua bên cạnh được.”

Walter gật đầu. “Tôi đã nhìn thấy người ta làm rồi.”

William đi ngược lại hướng lâu đài bá tước khoảng ba mươi dặm. Nhiệm vụ của cậu là làm cho con ngựa phi nước đại để nó không kịp tránh cây gậy của Walter đưa ra. Cậu ẩn mình bên cạnh con đường đi. Sớm hay muộn, một sứ giả của Bartholomew cũng sẽ đi ngang qua đây. William mong nó sẽ tới nhanh. Cậu sốt ruột muốn thực hiện ngay kế hoạch của mình.

Những hiệp sĩ này không biết gì, khi họ cười tôi là lúc tôi đang dò thám họ, cậu nghĩ như thế và cảm thấy lòng vui đi. Nhưng một người trong số họ

chẳng bao lâu nữa sẽ biết. Rồi ông ấy sẽ hối hận vì đã cười cậu. Và thay vì cười, cậu muốn ông ấy sẽ cúi xuống đất, hôn lên giày cậu. Ông ấy sẽ khóc lóc, cầu xin và năn nỉ xin tha, và tôi sẽ làm khổ ông ấy hơn nữa.

Cậu có một niềm an ủi khác. Nếu kế hoạch thành công, nó có thể là ngày sụp đổ của Bá tước Bartholomew và là sự sống lại của gia đình Hamleigh. Và tất cả những người đã khúc khích cười vì đám cưới bị hủy bỏ của cậu sẽ run rẩy trong sợ hãi, và một vài người trong số họ sẽ đau khổ hơn là sợ.

Sự sụp đổ của Bartholomew cũng là sự sụp đổ của Aliena, và đó là điều tốt nhất. Niềm tự hào và thái độ trịch thượng của cô sẽ phải thay đổi khi bố cô bị treo cổ như kẻ phản bội. Nếu cô ấy muốn vài lựa mận và đường ngọt, cô ấy sẽ phải lấy William. Cậu tưởng tượng cô khiêm nhường và ăn năn đem cho cậu một bánh nóng từ trong bếp, đôi mắt to đen nhìn cậu, hăm dọa lấy lòng cậu, mong chờ sự âu yếm và bờ môi mềm mại của cô hé mở chờ đợi nụ hôn của cậu.

Dòng tưởng tượng của cậu bị đứt đoạn vì tiếng vó ngựa trên bùn đông cứng. Cậu cầm con dao, nâng nó lên để cân nhắc trọng lượng và sự thăng bằng của nó. Đầu dao nhọn cả hai phía sẽ dễ đâm vào hơn. Cậu đứng dựa lưng vào thân cây. Cậu cầm đầu dao, chờ đợi và dường như nín thở. Cậu lo lắng. Cậu sợ lưỡi dao sẽ không trúng đích, hay con ngựa không ngã quỵ, hay người cưỡi ngựa có thể giết chết Walter, vì thế mà William phải một mình chiến đấu với hắn. Tiếng vó ngựa có một cái gì đó khác thường khi chúng đến gần. Cậu thấy Walter chăm chú nhìn cậu qua bụi cây với một cái cau mày lo lắng; ông cũng nghe thấy nó. Sau đó cậu nhận ra nó không phải là một mà là hai ngựa. Cậu phải quyết định nhanh chóng. Họ có nên tấn công một lúc hai người không? Cậu để cho họ đi qua và chờ đợi cơ hội khác. Nó đáng thất vọng, nhưng nó cũng khôn ngoan nhất. Cậu vẫy tay ra hiệu cho Walter. Walter gật đầu đồng ý và lui vào nơi ẩn trốn.

Một lúc sau hai con ngựa đến trong tầm mắt. William nhìn thấy tấm lụa đỏ và nhận ra đó là Ralph thành Lyme. Rồi ông nhìn thấy đầu hói của người đồng hành với Ralph. Hai người chạy nhanh qua và mất hút.

Mặc dù thất vọng, William hài lòng vì dự đoán của cậu về việc bá tước sai các sứ giả đi là đúng. Tuy nhiên cậu lo lắng không biết Bartholomew có

chính sách luôn sai hai người đi cùng một lúc không. Đó là biện pháp đề phòng tự nhiên. Ngay cả du khách cũng đi theo nhóm khi có thể để được an toàn hơn. Về mặt khác, Bartholomew có nhiều sứ điệp nhưng lại có giới hạn về nhân số, và ông có thể nhận thấy nó lãng phí khi sai hai hiệp sĩ đi vì một thông điệp. Hơn nữa, các hiệp sĩ là người có võ lực, có thể chống lại với trộm cướp trên đường. Ngoài ra, một trận chiến với các hiệp sĩ không mang lại nhiều lợi ích, vì hiệp sĩ chẳng có gì để cướp, thanh kiếm của họ cũng chẳng dễ bán và con ngựa thường cũng bị thương trong cuộc tập kích. Vì thế hiệp sĩ là người an toàn nhất trong rừng.

William dùng đầu dao gài trên đầu. Cả hai đều có thể.

Cậu chờ đợi. Khu rừng yên lặng. Ánh mặt trời mùa đông yếu ớt chiếu thất thường qua các cành cây dày đặc, rồi biến mất. Bụng của William cho cậu biết đã đến giờ ăn tối. Một con hươu đi qua đường, chỉ cách chỗ cậu vài mét, không biết nó đang bị một người đói theo dõi. William không còn kiên nhẫn.

Nếu có một cặp khác cưỡi ngựa đến, cậu quyết định cũng sẽ phải tấn công. Nó nguy hiểm thật, nhưng cậu có lợi thế của bất ngờ và cậu có Walter, một người chiến đấu giỏi. Ngoài ra đây là cơ hội cuối cùng của cậu. Cậu biết rằng cậu có thể bị giết chết, và cậu sợ, nhưng nó còn tốt hơn là sống trong nhục nhã triền miên. Ít nhất, chết trong một cuộc chiến là một kết thúc trong danh dự.

Điều tốt nhất là, cậu nghĩ, nếu Aliena xuất hiện một mình trên con ngựa con trắng. Cô sẽ bị ngã khỏi ngựa, cánh tay và chân bầm tím và bị bắn vào bụi cây dâu rừng. Gai sẽ làm xước da mềm mại của cô và làm cô chảy máu. William sẽ nhảy lên mình cô và đè cô xuống đất.

Cậu tiếp tục tưởng tượng, vẽ ra cảnh cậu tận hưởng bộ ngực lên xuống của cô khi cậu giạng chân ngồi trên mình cô, tưởng tượng ra khuôn mặt kinh hoàng của cô khi cô nhận ra cô đang bị phò mặc trong tay cậu. Và cậu nghe có tiếng vó ngựa.

Lần này chỉ có một con.

Cậu đứng lên, lấy dao ra, dựa lưng vào thân cây và lắng nghe.

Nó là một con ngựa nhanh, không phải con ngựa chiến, nhưng là một con ngựa đua tốt. Nó chở một trọng lượng vừa phải, có thể là một người không vũ khí, và đi trong nhịp độ đều đặn, không có tiếng thở phì phèo. William bắt gặp ánh mắt Walter và gật đầu: Đây là bằng chứng. Ông giơ cao tay mặt, cầm con dao đằng mũi.

Từ xa, con ngựa của William hí vang.

Âm thanh vang lên trong rừng vắng. Con ngựa đang đến thay đổi ngay bước chân. Người cưỡi ngựa nói: “Ồi!” và cho ngựa đi chậm lại. William chửi thề nhỏ. Người cưỡi ngựa bây giờ sẽ cảnh giác và mọi chuyện sẽ khó khăn hơn. Quá trễ, William ước gì cậu đã đem con ngựa của cậu đi xa hơn.

Vì con ngựa bây giờ đi thong thả nên William không thể ước định được nó còn bao nhiêu xa. Mọi chuyện không như ý cậu muốn. Cậu chống lại cơn cám dỗ muốn thò đầu ra khỏi chỗ ẩn nấp. Cậu căng thẳng lắng nghe. Bất ngờ cậu nghe tiếng ngựa khịt mũi, rất gần, chỉ còn cách chỗ cậu đứng một khoảng rộng. Nó thấy cậu sau khi cậu thấy nó. Nó dè dặt và người cưỡi ngựa cầu nhàu.

William chửi thề. Cậu nhận ra ngay rằng con ngựa có thể quay lại và đi đường khác. Cậu lén người qua phía đằng sau con ngựa, giơ cánh tay lên ném. Cậu nhận ra người cưỡi ngựa, một người có râu, cau mày giữ dây cương: Đó là ông già Gilbert Catfae. William ném con dao.

Nó là một cú ném chính xác. Con ngựa co quắp lại. Trước khi Gilbert có thể phản ứng, nó hoảng sợ phi nước đại, tiến thẳng vào khu vực phục kích của Walter.

William chạy theo nó. Con ngựa đến chỗ của Walter trong vài phút. Gilbert không kiểm soát được con vật – ông đang khổ cực cố giữ mình trên yên ngựa. Chúng đã đến ngang với vị trí Walter, và William nghĩ: Bây giờ, Walter, bắt đầu đi!

Walter hành động quá điệu nghệ đến nỗi William không nhìn thấy cây gậy thò ra sau bụi cây. Cậu chỉ thấy chân trước ngựa quy xuống, như chừng tất cả sức mạnh đột nhiên biến mất. Chân sau cụp vào chân trước. Sau đó đầu ngựa gục xuống, thân sau dựng ngược lên và nó nặng nề ngã xuống.

Gilbert bị hất tung lên. William muốn đỡ ông, nhưng bị con ngựa ngã cản lối.

Gilbert rơi xuống, lăn vòng rồi đứng lên. William sợ ông chạy trốn. Và Walter xuất hiện từ bụi cây, nhảy lên đá vào lưng Gilbert và đè ông xuống.

Cả hai người ngã mạnh xuống đất. Cả hai cùng lúc lấy lại thăng bằng, và William kinh ngạc nhìn thấy Gilbert tỉnh quái cầm con dao trên tay. William nhảy qua con ngựa ngã, đóng đưa cây gậy giống như Gilbert dơ con dao của mình. Cây gậy đập trúng đầu Gilbert.

Gilbert loạng choạng nhưng rồi đứng lên được. Ông này dai thật, William nghĩ. William dơ gậy lên, nhưng Gilbert nhanh hơn, và cầm dao nhảy vào William. William mặc quần áo đi tán gái, chứ không phải đi đánh nhau, và mũi dao sắc đâm trúng chiếc áo khoác bằng len đẹp. Gilbert tấn công cậu, không cho cậu có cơ hội giơ cao cây gậy. Mỗi lần Gilbert lao vào, William lại lùi lại; nhưng William không có đủ giờ để phục hồi, và Gilbert luôn ở gần cậu. Thành linh William sợ chết. Rồi Walter đến đằng sau Gilbert và đá vào chân ông, làm ông ngã xuống.

William cảm thấy nhẹ nhõm. Có lúc cậu đã tưởng phải chết. Cậu cảm tạ Chúa vì đã có Walter.

Gilbert cố ngồi lên, nhưng Walter đá vào mặt ông. William đánh ông thêm hai đòn cho đến khi ông nằm im.

Họ lật ông xuống, và Walter ngồi lên đầu ông, trong khi William trói tay ông lại đằng sau. Rồi William cởi giầy của Gilbert, cột chân ông bằng một khúc dây da.

Cậu đứng lên, nhìn Walter và Walter mỉm cười. Cả hai hài lòng vì đã trói được ông trên nền đất.

Bước tiếp theo là làm cho Gilbert thú nhận.

Walter lật ông lại. Khi ông nhận ra William, niềm kinh ngạc biến thành nỗi sợ hãi. William hài lòng. Gilbert hối hận vì đã cười, William nghĩ như vậy. Một lúc nữa, ông sẽ còn hối hận hơn.

Ngựa của Gilbert đã đứng lên. Nó chạy đi vài mét, nhưng dừng lại. Bây giờ nó thở mạnh và chăm chú nhìn quanh mỗi khi gió xào xạc trên cây. Dao

của William đã rơi ra ngoài. William nhặt lại con dao và Walter đi bắt lại ngựa.

William lắng nghe âm thanh của vó ngựa. Một người đưa thư khác có thể đến bất cứ lúc nào. Nếu điều đó xảy ra, Gilbert phải được đem đi khỏi nơi đây và phải giữ ông im lặng. Nhưng không có con ngựa nào đến.

Walter bắt lại ngựa của Gilbert. Họ đặt Gilbert nằm ngang sau lưng ngựa, rồi dẫn qua rừng, đến nơi William đã cột ngựa. Những con ngựa khác bồn chồn khi chúng ngửi thấy mùi máu từ vết thương con ngựa của Gilbert, vì thế William phải cột nó ở xa.

Cậu nhìn quanh để tìm một cây thích hợp. Cậu chọn một cây đu có một nhánh lớn chìa ra, cao khỏi mặt đất khoảng tám chín mét. Cậu chỉ cho Walter. “Tôi muốn treo Gilbert lên cành cây này,” cậu nói.

Walter cười thích thú. “Ông muốn làm gì với ông ấy, thưa ngài?”

“Ông sẽ thấy.”

Khuôn mặt của Gilbert trắng bạch vì sợ. William thông sợi dây dưới nách của người đàn ông, cột chặt phía sau và vắt nó qua cành cây.

“Nâng ông ta lên,” cậu nói với Walter.

Walter treo ông lên. Gilbert luồn lách và tách ra được khỏi tay Walter. Walter lấy khúc cây của William và đánh vào đầu Gilbert cho đến khi ông lảo đảo rồi lại treo ông ấy lên. William ném đầu dây qua cành cây nhiều lần rồi kéo chặt. Walter bỏ tay ra và Gilbert đong đưa nhẹ nhàng trên cành cây, chân ông treo cách mặt đất khoảng một mét.

“Hãy tìm một số củi,” William nói.

Họ đốt lửa phía dưới, và William đốt nó bằng đá lửa. Sau một vài phút ngọn lửa bắt đầu bắt lên. Sức nóng làm Gilbert tỉnh lại.

Khi ông nhận ra những gì đang xảy ra cho mình, ông hoảng loạn rên rỉ: “Xin vui lòng bỏ tôi xuống. Tôi xin lỗi vì đã cười ông, xin hãy thương xót tôi.”

William yên lặng. Sự thần phục của Gilbert làm William hài lòng, nhưng đó không phải là cái mà William nhắm tới.

Khi sức nóng bắt đầu chạm tới ngón chân trần của Gilbert, ông co chân lên tránh lửa. Khuôn mặt ông đỏ mồ hôi, và có mùi cháy như quần áo bị bắt

lửa. William biết đã đến lúc tra hỏi: “Ông đến lâu đài ngày hôm nay để làm gì?”

Gilbert nhìn ông với đôi mắt mở lớn. “Để tỏ lòng kính trọng của tôi,” ông nói. “Điều đó có gì là sai?”

“Tại sao ông phải tỏ lòng kính trọng?”

“Bá tước vừa trở về từ Normandy.”

“Ông được triệu tập đặc biệt phải không?”

“Không.”

Nó có thể đúng, William nghĩ. Thấm vẩn một tù nhân không đơn giản như cậu tưởng. Ông hỏi tiếp: “Bá tước đã nói gì với ông trong phòng ngủ của ông ấy?”

“Ông chào tôi và cảm ơn tôi đã đến chào đón ông ấy trở về.”

Có chút thận trọng nào trong mắt ông ấy không? William không chắc chắn. Cậu hỏi: “Còn gì nữa?”

“Ông hỏi tôi về gia đình, về làng xóm.”

“Không còn gì nữa sao?”

“Không còn gì. Tại sao ông lại quan tâm đến những gì ông ấy nói?”

“Ông ấy đã nói gì với anh về vua Stephan và hoàng hậu Maud?”

“Không nói gì cả. Tôi đã nói với ông rồi.”

Gilbert không thể co chân lâu hơn nữa, và chân ông rũ xuống trên đồng lửa. Sau một giây, ông đau đớn hét lên và cơ thể ông co giật. Sự co giật giúp chân ông xa đám lửa trong giây lát. Ông nhận ra rằng sự đau đớn sẽ giảm đi khi ông đóng cửa người. Tuy nhiên, mỗi cái đóng cửa qua ngọn lửa lại làm ông hét lên.

Một lần nữa William tự hỏi không biết Gilbert có nói sự thật không. Không có cách nào để biết. Một lúc nào đó, ông ấy sẽ nói tất cả những gì mà William muốn ông nói. Vì thế tôi không nên nói rõ cho ông ấy biết tôi muốn nghe gì từ ông ấy, cậu nghĩ và bắt đầu lo lắng. Ai đã nghĩ rằng việc thẩm vấn là chuyện dễ dàng?

Bằng giọng bình tĩnh như nói chuyện, cậu hỏi thêm: “Ông đi đâu bây giờ?”

Gilbert hét lên trong đau đớn và tuyệt vọng: “Điều đó có liên quan gì?”

“Ông đi đâu?”

“Về nhà.”

Ông ấy đã mất trí. William biết nơi ông ấy sống. Nó ở phía bắc, nhưng ông lại đang đi về hướng nam.

“Ông đang đi đâu?” William hỏi lần nữa.

“Ông muốn gì nơi tôi?”

“Tôi biết ông nói dối,” William nói. “Hãy nói cho tôi sự thật.” Cậu nghe Walter lẩm bẩm đồng ý và cậu nghĩ: Tôi đã làm khá hơn. “Ông đang đi đâu?” cậu hỏi lần thứ tư.

Gilbert đã quá mệt để có thể đứng đưa mình thêm nữa. Rên rỉ trong đau đớn, ông dừng lại trên đồng lửa và cố gắng co chân lên khỏi đồng lửa. Nhưng bây giờ ngọn lửa cháy quá cao, lên đến đầu gối. William ngửi thấy một mùi quen thuộc nhưng khó chịu. Sau một lúc cậu nhận ra đó là mùi thịt cháy, và nó quen thuộc, bởi vì nó giống như mùi của bữa cơm chiều. Da chân Gilbert chuyển thành màu nâu và nứt ra, lông chân thành màu đen, chất béo từ thịt ông nhỏ xuống lửa thành giọt. Sự quẫn quại đau đớn của Gilbert là sự háo hức của William. Mỗi tiếng kêu của Gilbert là một rung động trong lòng cậu. Cậu có quyền lực làm cho người khác đau khổ, và cậu thích thế. Nó giống như cảm giác khi cậu gạ gẫm được một cô gái, đưa cô ấy đi xa, nơi không ai có thể nghe thấy tiếng cô kháng cự, và đẩy cô xuống đất, kéo váy cô lên tới eo, và biết rằng bây giờ không gì có thể ngăn cản cậu có được cô ấy.

Gần như miễn cưỡng, cậu hỏi lần nữa: “Ông đi đâu?”

Bằng một giọng nói giống như tiếng kêu, Gilbert nói: “Sherborne.”

“Tại sao?”

“Cắt tôi xuống, tôi sẽ kể cho ông tất cả.”

William cảm nhận chiến thắng đã gần bên. Ông rất hài lòng. Nhưng mục tiêu chưa hoàn thành. Cậu nói với Walter: “Hãy kéo chân ông ra khỏi lửa.”

Walter túm lấy áo dài của Gilbert và kéo chân ông xa lửa.

“Rồi, hãy nói đi,” William nói.

“Bá tước có năm mươi hiệp sĩ ở xung quanh Sherborn,” Gilbert nói trong tiếng kêu. “Tôi có nhiệm vụ tập hợp họ và đưa họ về lâu đài bá tước.”

William mỉm cười. Cậu hài lòng vì những dự đoán của cậu được xác minh. “Và bá tước muốn làm gì với các hiệp sĩ này?”

“Ông ấy không nói.”

William nói với Walter: “Hãy nương ông ấy thêm một chút nữa.”

“Đừng!” Gilbert thét lên. “Tôi sẽ kể cho ông!”

Walter do dự.

“Nhanh lên,” William cảnh báo.

“Họ muốn chiến đấu cho hoàng hậu Maud, chống lại Stephan,” sau đó Gilbert nói.

Đó là bằng chứng. William vui mừng vì sự thành công của mình. “Và khi tôi hỏi ông điều này trước mặt bố tôi, ông cũng trả lời giống như vậy chứ?” cậu hỏi.

“Vâng, vâng.”

“Và khi bố tôi hỏi ông trước mặt vua, ông cũng nói sự thật chứ?”

“Vâng.”

“Hãy thề với thánh giá.”

“Tôi thề với thánh giá, tôi sẽ nói sự thật.”

“Amen,” William hài lòng nói và dập tắt ngọn lửa.

Họ trói Gilbert vào yên ngựa của ông và đi chậm rãi. Người hiệp sĩ không còn giữ thăng mình trên ngựa được, và William không muốn ông chết, bởi vì ông chết thì sẽ không còn tác dụng. Vì thế cậu cố gắng đối xử với ông không quá tệ. Sau đó họ đi qua một dòng suối, cậu hất nước lạnh lên chân bị đốt cháy của Gilbert. Ông ấy kêu lên đau đớn, nhưng có lẽ nó sẽ tốt cho ông ấy.

William thấy một cảm xúc tuyệt vời của chiến thắng pha lẫn với cảm xúc kỳ lạ của thất vọng. Cậu chưa bao giờ giết người, và cậu muốn giết Gilbert. Tra tấn một người đàn ông mà không giết ông, cũng giống như lột trần được một cô gái mà không cưỡng hiếp cô. Càng nghĩ về điều này, cậu càng cảm thấy cần một phụ nữ.

Có lẽ khi cậu về đến nhà... không, cậu không có giờ. Cậu phải kể cho bố mẹ cậu những gì đã xảy ra, và họ muốn Gilbert thú nhận điều này trước mặt một linh mục và có lẽ trước vài nhân chứng khác nữa; và rồi họ phải

lên kế hoạch bắt Bá tước Bartholomew vào ngay ngày mai, trước khi Bartholomew có thể triệu tập được nhiều binh sĩ. Và William vẫn chưa nghĩ ra cách vào thành lén lút, mà không cần tấn công lâu dài...

Cậu nghĩ với niềm thất vọng, vì còn lâu nữa cậu mới lại thấy một người phụ nữ hấp dẫn. Vừa khi đó một người xuất hiện trên con đường trước mặt.

Một nhóm năm người tiến về phía William, trong đó có một người đàn bà tóc đen khoảng hai mươi lăm tuổi, không còn là một phụ nữ nữa, nhưng còn trẻ đủ. Càng đến gần, William càng chú ý: Bà ấy xinh đẹp, mái tóc màu nâu sẫm, cặp mắt sâu có màu vàng rờn mạnh. Bà mảnh mai, làn da rám nắng mềm mại.

“Lùi lại,” William nói với Walter. “Giữ người hiệp sĩ đằng sau ông khi tôi nói chuyện với họ.”

Nhóm người dừng lại, thận trọng nhìn cậu. Rõ ràng họ là một gia đình: một người đàn ông cao lớn có lẽ là chồng, một chàng trai trưởng thành nhưng chưa có râu và hai đứa bé theo sau. Người đàn ông trông quen thuộc, William bắt đầu nhận ra. “Ông có biết tôi không?” cậu hỏi.

“Tôi biết ông,” người đàn ông nói. “Và tôi cũng biết con ngựa của ông, vì ông mà con ngựa đã có lần sắp giết chết đứa con gái của tôi.”

Quá khứ trở lại với William. Con ngựa của ông chưa đụng đứa bé, nhưng đã gần. “Ông đã xây nhà cho tôi,” cậu nói. “Và khi tôi đuổi ông, ông đã đòi tiền bồi thường và hầu như muốn đe dọa tôi.”

Người đàn ông trông kiêu ngạo và không phủ nhận điều đó.

“Bây giờ ông không nên tự mãn nữa,” William nói với giọng cười mỉa mai. Cả gia đình dường như chết đuối. Dần dần một ngày sẽ đến, ngày mà những người có ân oán với gia đình Hamleigh sẽ phải trả. “Ông có đói không?”

“Vâng, chúng tôi đang đói,” người thợ xây nói với giọng giận dữ.

William nhìn người phụ nữ lần nữa. Với đôi chân hơi dang rộng và chiếc cằm vươn cao, cô nhìn cậu không chút sợ hãi. Aliena đã khơi dậy sự ham muốn nơi cậu và bây giờ cậu muốn thỏa mãn nơi người đàn bà này. Bà đầy sức sống, cậu cảm thấy chắc chắn: bà sẽ chống cự, sẽ cào cấu. Như vậy càng tốt.

“Bà này không phải là vợ ông, phải không ông thợ xây?” cậu nói. “Tôi nhớ vợ ông – một con bò xấu xí.”

Bóng tối của đau khổ phủ trên gương mặt ông, và ông nói: “Vợ tôi đã qua đời.”

“Và ông chưa đưa bà này đến nhà thờ, phải không? Và ông chưa trả một xu nào cho linh mục.” Đằng sau William, Walter ho và những con ngựa bồn chồn. “Giả sử tôi cho ông tiền mua đồ ăn,” William nói với người thợ xây để như ông.

“Tôi sẽ nhận nó với lòng biết ơn,” người đàn ông nói, mặc dù lời nói của William làm ông đau khổ vì ông phải quy lụy.

“Tôi muốn nói về một món quà. Tôi sẽ mua vợ ông.”

Chính người đàn bà lên tiếng: “Tôi không phải để bán, cậu nhỏ ạ.”

Sự khinh miệt của cô làm William tức giận. Tao sẽ cho mày biết tao là đàn ông hay cậu nhỏ, khi tao đưa mày ra một chỗ riêng, cậu nghĩ. Cậu nói với người thợ xây: “Tôi sẽ cho ông một ký bạc để đổi lấy người đàn bà này.”

“Cô ấy không phải để bán.”

Sự tức giận của William lớn hơn. Cậu đã cho người sắp chết đổi một gia tài mà lời đề nghị của cậu bị từ chối. Cậu nói: “Đồ ngu, nếu ông không lấy tiền, tôi sẽ đâm chết ông và sẽ hăm hiếp cô ấy trước mặt các đứa bé này!”

Bàn tay người thợ xây lần dưới áo khoác. Chắc chắn ông có vũ khí, William nghĩ. Ông rất cao lớn, và mặc dù ông ấy gầy như con dao, nhưng ông sẽ chiến đấu để bảo vệ vợ ông. Người phụ nữ kéo áo khoác qua bên, đặt tay lên con dao găm dài đút ở thắt lưng. Và cậu bé lớn cũng đủ gây ra rắc rối nữa.

Walter nói bằng giọng thấp nhưng mạnh mẽ: “Thưa ngài, chúng ta không có giờ cho chuyện đó nữa.”

William miễn cưỡng gật đầu. Ông phải đưa Gilbert về nhà. Không nên trì hoãn việc này chỉ vì một người phụ nữ. Cậu phải chịu đựng.

Cậu nhìn vào gia đình nhỏ gồm năm người đói, rách rưới, sẵn sàng chiến đấu chống lại hai người lực lưỡng có ngựa và gươm. Cậu không thể hiểu

họ. “Được rồi, sau đó sẽ chết đói,” cậu nói. Cậu đá vào hông ngựa và tiếp tục đi. Chẳng bao lâu sau, họ xa khỏi tầm mắt.

II

Sau khi họ đi xa chỗ họ đã gặp Hamleigh được một hai dặm, Ellen nói: “Bây giờ chúng ta có thể đi chậm hơn không?”

Tom nhận ra ông đã đi quá nhanh. Ông sợ phải cùng với Alfred chiến đấu chống lại hai người vũ trang trên lưng ngựa. Tom không có vũ khí. Ông thò tay vào áo khoác để tìm chiếc búa xây tường, và ông chợt đau đớn nhớ lại là ông đã đổi nó vài tuần trước cho một bao yến mạch. Ông không biết tại sao cuối cùng William đã dừng lại, nhưng ông muốn xa họ càng xa càng tốt để tránh trường hợp bá tước trẻ tuổi này thay đổi ý định xấu xa của cậu.

Tom đã không tìm được việc làm tại cung điện giám mục ở Kingsbridge và ở các nơi khác mà ông đã cố tìm. Tuy nhiên có một mỏ đá trong vùng lân cận của Shiring, và một mỏ đá - không giống như việc xây dựng - luôn có việc làm trong mùa đông cũng như mùa hè. Dĩ nhiên, Tom có tay nghề cao trong việc xây dựng và công việc xây dựng của ông được trả cao hơn là làm mỏ đá. Nhưng ông không quan tâm đến điều đó, việc quan trọng bây giờ là nuôi sống gia đình. Mỏ đá ở Shiring thuộc Bá tước Bartholomew, và Tom nghe nói, ông ấy ở trong lâu đài cách thành phố vài dặm về phía tây.

Hoàn cảnh của ông, từ ngày có Ellen, lại càng trầm trọng hơn. Ông biết chỉ vì tình yêu, bà đã muốn chia sẻ số phận với ông mà không quan tâm đến hậu quả. Trong thực tế, bà không có ý niệm rõ ràng là Tom không dễ gì tìm ra việc làm. Bà không thực sự đối diện với khả năng là có thể họ sẽ không sống sót qua mùa đông này. Tom muốn giữ bà ở lại với ông, nhưng một phụ nữ sẽ đặt con mình lên trên hết, và Tom sợ bà ấy sẽ bỏ ông.

Họ đã ở với nhau một tuần: bấy ngày của tuyệt vọng và bấy đêm của hạnh phúc. Mỗi ngày Tom thức dậy, tràn đầy hạnh phúc và lạc quan. Ban

ngày ông bị đói, trẻ con mệt mỏi và Ellen buồn rầu. Một số ngày họ có đồ ăn – giống như ngày họ gặp vị linh mục với phô mát – và một số ngày họ nhai thịt khô từ đồ dự trữ của Ellen. Nó giống như nhai da nai khô, nhưng vẫn tốt hơn là không có gì để nhai. Nhưng khi màn đêm về, họ nằm xuống, lạnh lẽo và cơ cực, họ ôm chặt nhau cho ấm áp; sau đó họ vuốt ve và hôn nhau. Lúc đầu Tom muốn vào bà ngay lập tức, nhưng bà nhẹ nhàng từ chối: bà muốn chơi đùa và hôn nhau lâu hơn. Ông làm theo ý bà và ông thấy thích. Ông mạnh dạn khám phá cơ thể bà, âu yếm bà ở những chỗ mà ông chưa bao giờ âu yếm Agnes. Ông vuốt ve và hôn vào tai, vào nách và vào khe hông của bà. Có những đêm họ chúi đầu trong áo choàng và cười khúc khích. Có những đêm họ trao nhau sự âu yếm dịu dàng. Một đêm kia, khi họ ở một mình trong nhà khách tu viện, và trẻ con đã ngủ say, bà đã chủ động, nài nỉ và đòi hỏi ông làm theo ý bà. Bà chỉ cho ông cách kích thích bà bằng ngón tay, và ông làm theo, kinh ngạc và bị kích động vì sự bạo dạn của bà. Khi tất cả đã qua, họ lại rơi vào một giấc ngủ sâu, nghỉ ngơi với nỗi sợ hãi, và lo âu của ngày tháng được rửa sạch trong tình yêu.

Trời đã xế trưa. Tom đoán rằng William Hamleigh đã đi xa, vì thế ông quyết định dừng lại nghỉ ngơi. Họ không còn đồ ăn gì ngoài thịt rừng phơi khô. Tuy nhiên buổi sáng hôm nay họ đã xin được vài miếng bánh của một gia đình nông dân sống đơn lẻ. Người đàn bà đã cho họ một thùng bia lớn không có nắp, và nói với họ nên giữ thùng gỗ lại. Ellen đã giữ lại nửa thùng bia cho bữa trưa.

Tom ngồi trên một gốc cây cổ thụ và Ellen ngồi bên cạnh. Bà uống bia một hơi dài rồi trao nó cho Tom. “Anh có muốn một vài miếng thịt nữa không?” bà hỏi.

Ông lắc đầu và uống vài hơi bia. Ông có thể cho tất cả vào miệng, nhưng ông muốn dành cho trẻ con. “Hãy để dành thịt,” ông nói với Ellen. “Chúng ta có thể nhận được súp ở lâu đài.”

Alfred đưa bia lên miệng uống cạn.

Jack nhìn kinh ngạc và Martha bật khóc. Alfred cười đều.

Ellen nhìn Tom. Sau vài phút bà nói: “Anh không nên để Alfred làm như thế.”

Tom nhún vai. “Nó lớn hơn các đứa khác, vì thế nó cần nhiều hơn.”

“Nó luôn luôn nhận được phần lớn hơn. Những đứa nhỏ cũng cần một chút.”

“Đừng lên mất giờ can thiệp vào cuộc cãi nhau của trẻ con,” Tom nói.

Giọng Ellen mạnh hơn. “Anh đã nói Alfred luôn bắt nạt các em, nhưng anh không làm gì để ngăn chặn chuyện đó.”

“Đó không phải là bắt nạt,” Tom nói. “Trẻ con luôn tranh giành nhau.”

Bà lắc đầu tỏ vẻ bối rối. “Em không hiểu anh. Trong các lãnh vực khác, anh là một người đàn ông tốt. Chỉ riêng đối với Alfred là anh mù quáng.”

Bà ấy phóng đại, Tom nghĩ. Nhưng ông không muốn làm mất lòng bà, ông nói: “Hãy cho các đứa bé ít thịt.”

Ellen mở túi xách. Bà vẫn đau khổ. Bà cắt một miếng thịt cho Martha và một miếng khác cho Jack. Alfred đưa tay ra, nhưng Ellen lờ đi. Tom nghĩ bà ấy nên cho cậu một ít. Alfred không có gì sai. Ellen chỉ không hiểu cậu. Cậu là một đứa con trai lớn, Tom hãnh diện nghĩ. Cậu cần ăn nhiều cũng như cậu có một chút nóng tính, và nếu đó là một tội thì nửa số thanh niên trong tuổi thanh niên sẽ bị nguyên rủa.

Họ nghỉ ngơi một lúc rồi lại lên đường. Jack và Martha đi trước, vẫn còn nhai thịt khô. Hai đứa trẻ chơi với nhau tốt, mặc dù chúng khác nhau về tuổi tác – Martha sáu tuổi và Jack khoảng mười một hay mười hai. Martha thích chơi với Jack, và Jack vui được trải qua kinh nghiệm mới là có bạn cùng chơi. Một đáng tiếc là Alfred không thích Jack. Tom ngạc nhiên về điều này: ông chờ đợi Jack, một người chưa trưởng thành, phải từng phục Alfred; nhưng nó lại không như vậy. Alfred mạnh mẽ hơn, dĩ nhiên, nhưng thằng nhỏ Jack lại thông minh hơn.

Tom không muốn nghĩ về chúng nhiều. Ông còn nhiều chuyện phải lo nghĩ hơn là về cuộc cãi vã của trẻ con. Trong thâm tâm đôi khi ông nghĩ không biết ông có tìm được việc làm nữa không. Có lẽ họ sẽ phải lang thang ngày này qua ngày nọ cho đến khi từng người một ngã xuống mà chết: một đứa trẻ chết cồng trong một buổi sáng băng giá, rồi đứa khác không đủ sức chống trả lại cơn sốt, Ellen bị hãm hiếp và bị giết chết vì một tên côn đồ đi ngang qua như William Hamgleigh, và Tom càng ngày càng

gầy hơn cho đến một ngày ông quá yếu không còn đứng dậy được vào buổi sáng, nên vẫn nằm trên mặt đất lạnh rồi rơi vào bất tỉnh.

Ellen sẽ bỏ ông trước khi những điều đó xảy ra, dĩ nhiên. Bà sẽ trở về với hang động của bà, nơi vẫn còn một thùng táo và một bao hạt dẻ, đủ giữ cho hai người sống sót qua mùa đông, nhưng không đủ cho năm người. Trái tim Tom sẽ tan vỡ, nếu bà ấy làm điều đó.

Ông tự hỏi không biết đứa bé bây giờ ra sao. Các tu sĩ gọi nó là Jonathan. Tom thích tên gọi đó, nó có nghĩa là món quà của Thiên Chúa, như lời tu sĩ đã nói, người đã cho ông pho mát. Tom tưởng tượng bé Jonathan đỏ hỏn, nhăn nheo và đầu chưa có tóc, như khi nó được sinh ra. Bây giờ chắc nó đã khác: một tuần là một khoảng thời gian dài cho đứa bé mới sinh. Nó đã lớn, đôi mắt nó mở to và nó đã biết những gì xảy ra xung quanh: một tiếng động sẽ làm nó hoảng sợ và một bài hát có thể ru nó ngủ. Khi nó ợ, góc miệng nó cong lên. Các tu sĩ có lẽ không biết điều đó nên lại tưởng nó đang cười.

Tom hy vọng họ sẽ chăm sóc nó tốt. Tu sĩ với pho mát cho ấn tượng rằng họ tử tế và có khả năng. Dù sao, chắc chắn họ có thể chăm sóc đứa bé tốt hơn là Tom, người vô gia cư và không còn đồng xu nào dính túi. Khi tôi trở thành thợ chính của một công trình xây dựng lớn và kiếm được bốn mươi tám xu hàng tuần cộng thêm phần phụ cấp, tôi sẽ biếu tu viện tiền, ông nghĩ.

Họ đến bìa rừng và chẳng bao lâu sau lâu đài xuất hiện trước mắt họ.

Tom lên tin thần, nhưng ông đè nén cảm xúc của mình: ông đã đau khổ hàng tháng vì thất vọng, và ông đã học được rằng càng hy vọng nhiều lúc bắt đầu thì lại càng đau khổ nhiều khi bị từ chối.

Họ đến lâu đài qua cánh đồng hoang vu. Martha và Jack tìm thấy một con chim nhỏ bị thương và cả gia đình dừng lại nhìn nó. Nó là một con chim hồng tước, quá nhỏ đến nỗi người ta có thể không nhìn thấy nó. Khi Martha cúi mình xuống, nó nhảy đi, nhưng hầu như không còn có thể bay đi được. Cô bắt nó lên, bế sinh vật bé nhỏ trong lòng bàn tay.

“Nó run rẩy!” cô nói. “Tôi không thể cho nó ăn. Nó sợ hãi.”

Con chim không còn cố gắng trốn chạy, nhưng nằm yên trong bàn tay Martha, đôi mắt sáng của nó nhìn vào những người xung quanh. Jack nói: “Tôi nghĩ nó bị gãy cánh.”

Alfred nói: “Để tôi xem.” Cậu lấy con chim từ tay cô.

“Chúng ta sẽ cho nó ăn,” Martha nói. “Có lẽ nó sẽ khá hơn.”

“Không, nó sẽ không khá hơn,” Alfred trả lời và cậu vặn cổ nó bằng bàn tay to lớn của cậu.

Ellen nói: “Ôi! Trời ơi!”

Martha bật khóc lần thứ hai trong ngày hôm đó.

Alfred cười và ném con chim xuống đất.

Jack nhặt con chim lên. “Nó đã chết,” cậu nói.

Ellen nói: “Chuyện gì đã xảy ra với mày, Alfred?”

Tom nói: “Cậu ấy không làm gì sai. Con chim đã sắp chết.”

Tom tiếp tục đi và mọi người theo sau. Ellen lại tức giận với Alfred một lần nữa, và nó làm Tom tức. Tại sao lại gây chuyện vì một con chim hồng tước? Tom nhớ lại ông đã cảm thấy ra sao khi ông mười bốn tuổi, một đứa trẻ trong thân thể một đàn ông: đời sống có quá nhiều bức bối. Ellen đã nói, việc gì liên quan đến Alfred ông bị mù quáng, nhưng bà không hiểu.

Cây cầu gỗ dẫn qua thông hào vào tới cổng lâu đài đã xiêu vẹo và mỏng manh, nhưng có lẽ bá tước thích thế: một cây cầu là phương tiện cho kẻ xâm nhập vào và nó càng dễ gãy thì nó lại càng chắc chắn cho lâu đài. Bức tường thành bên ngoài làm bằng đất, có các tháp đá đứng ở các khoảng cách đều nhau. Trước mặt họ, bên kia cây cầu, là một nhà gác bằng đá, giống như hai tháp với một cầu kết nối. Bao nhiêu công trình bằng đá, Tom nghĩ; không một lâu đài nào chỉ làm bằng bùn đất và gỗ. Ngày mai tôi có thể làm việc. Ông nhớ lại cảm giác được cầm công cụ tốt trong tay, cạo và đục trên khối đá, tạo các cạnh vuông và làm nhẵn mặt đá, và cảm giác khô của bụi đá trong lỗ mũi. Tối mai có thể tôi sẽ có một bụng no – no với đồ ăn do ông làm ra, không cần xin xỏ.

Đến gần hơn, với đôi mắt nhà nghề, ông thấy lỗ châu mai trên nóc nhà gác bên cổng đang ở trong tình trạng hư hại nặng. Một vài viên đá to đã rơi

ra, để lại những lỗ hổng trong bức tường. Ngay trong vòm cổng chính cũng có những viên đá lỏng lẻo.

Hai lính canh ngoài cổng chăm chú một cách cảnh giác. Có lẽ họ đang chờ đợi những xáo động có thể xảy ra. Một người hỏi Tom muốn gì.

“Thợ đá. Tôi hy vọng được thuê làm trong mỏ đá của bá tước,” ông trả lời.

“Hãy gặp quản lý của bá tước,” người lính canh tận tình giúp đỡ. “Tên ông ấy là Matthew. Có thể ông sẽ gặp ông ấy ở đại sảnh.”

“Cảm ơn,” Tom nói. “Ông ấy là người ra sao?”

Người lính gác cười với đồng nghiệp và nói: “Không thể gọi là ‘ông ấy’,” và cả hai cùng cười.

Tom nghĩ ông sẽ sớm tìm ra tại sao họ lại cười. Ông đi vào và Ellen cùng với các trẻ theo sau. Các công trình xây dựng trong bức tường thành hầu hết bằng gỗ, mặc dù một số được nâng lên trên đế bằng đá, và chỉ có một công trình hoàn toàn bằng đá, đó là nhà nguyện. Khi họ đi ngang qua sân lâu đài, Tom nhận ra những tháp xung quanh có nhiều lỗ hổng và lỗ châu mai đã hư hại. Họ đi qua thông hào thứ hai, vào vòng trong và dừng lại trước trạm gác. Tom nói với người lính canh là ông muốn gặp ông quản lý Matthew. Sau đó họ đi vào khu tháp canh và lên cầu thang gỗ đến đại sảnh.

Tom thấy cả hai, ông quản lý và bá tước, ngay khi ông bước vào. Ông nhận ra họ qua quần áo. Bá tước Bartholomew mặc áo dài, phía tay áo bùng lên và viền có thêu ren. Quản lý Matthew mặc một áo dài ngắn hơn, giống như Tom đang mặc, nhưng bằng vải mềm mại. Trên đầu ông đội một mũ tròn nhỏ. Cả hai người ở gần lò sưởi – bá tước ngồi và ông quản lý đứng. Tom đi về phía họ, nhưng dừng lại ở một khoảng cách đủ xa để tỏ lòng kính trọng. Ông chờ đợi cho đến khi họ chú ý đến ông. Bá tước Bartholomew là một người cao lớn, khoảng năm mươi, tóc bạc và một khuôn mặt xanh xao, gầy và kiêu căng. Ông không trông giống như một người có sự hào phóng. Ông quản lý trẻ hơn. Cách ông đứng gọi cho Tom nhớ lại lời nhận xét của người lính gác: ông trông có vẻ nữ tính. Tom không biết phải nghĩ gì về ông ấy.

Còn có nhiều người khác trong đại sảnh, nhưng không ai để ý đến Tom. Ông chờ đợi, cảm thấy hy vọng rồi lại lo sợ. Cuộc nói chuyện của bá tước với ông quản lý kéo dài như bất tận. Sau cùng cuộc nói chuyện cũng kết thúc, và người quản lý quay sang một bên. Tom tiến về phía trước, nén tim lại. “Ông có phải là Matthew không?” ông hỏi.

“Đúng.”

“Tôi tên là Tom. Thợ xây dựng tổng thể chính. Tôi là một nghệ nhân tốt, và con cái tôi đang đói. Tôi nghe ông có một mỏ đá.” Ông nín thở.

“Chúng tôi có một mỏ đá, nhưng chúng tôi không cần khai thác đá nữa,” Matthew nói. Ông nhìn về phía bá tước, ông ấy lắc đầu. “Không,” Matthew nói. “Chúng tôi không thể thuê ông.”

Tốc độ quyết định nhanh chóng đó phá vỡ tim Tom. Nếu người ta trân trọng, suy nghĩ thận trọng về nó rồi từ chối ông, ông có thể dễ chấp nhận hơn. Matthew không phải là người độc ác, Tom nghĩ, nhưng ông quá bận rộn, và Tom và gia đình chết đói của ông chỉ là một việc phải giải quyết nhanh bao nhiêu có thể.

Tom nói một cách tuyệt vọng: “Tôi có thể sửa chữa vài chỗ trong lâu đài này.”

“Chúng tôi có một quản gia lo tất cả chuyện đó cho chúng tôi,” Matthew nói.

Quản gia là một người lo lắng mọi chuyện trong lâu đài, thường được đào tạo như một thợ mộc. “Tôi là thợ xây,” Tom nói. “Bức tường tôi xây sẽ chắc chắn hơn.”

Matthew khó chịu khi phải tranh cãi với ông, và dường như muốn nói điều gì đó giận dữ; rồi ông ấy thấy đám trẻ và mặt ông dịu lại. “Tôi rất muốn cho ông một công việc, nhưng chúng tôi không cần ông.”

Tom gật đầu. Bây giờ ông nên khiêm tốn chấp nhận những gì ông quản lý nói, cố tạo ra bộ mặt đáng thương để xin một bữa ăn và một chỗ ngủ qua đêm. Nhưng Ellen đang ở với ông, và ông sợ bà sẽ bỏ đi, vì thế ông thử thêm lần nữa. Ông nói lớn tiếng để bá tước có thể nghe được: “Tôi hy vọng trong tương lai gần, ông không có cuộc đánh nhau nào.”

Hiệu quả còn kinh khủng hơn ông chờ đợi. Matthew rùng mình, và bá tước đứng lên rồi nói: “Tại sao ông lại nói điều đó?”

Tom nhận ra ông đã đánh trúng tim đen. “Bởi vì công trình phòng thủ của ông hư hại nặng nề,” ông nói.

“Hư hại làm sao?” bá tước nói. “Phải cụ thể.”

Bá tước phát câu nhưng lắng nghe. Tom lấy một hơi dài. Sau này tôi không còn cơ hội nữa, Tom nghĩ. “Vừa trong tường ở cổng thành đã rơi ra. Với một cây xà beng, kẻ thù có thể cạy ra một vài viên đá, và khi đã có một lỗ hổng thì rất dễ để kéo bức tường đổ xuống. Ngoài ra” – ông vội vã không kịp thở, không cho ai nhẩy vào bình luận hay phản đối – “Ngoài ra, các lỗ châu mai của ông đã hư hại. Trong trường hợp có tấn công, chúng không còn là chỗ bảo vệ cho các binh lính bắn cung và hiệp sĩ của ông nữa...”

“Tôi biết lỗ châu mai dùng làm gì,” bá tước ngắt lời ông. “Còn gì nữa không?”

“Có. Phòng dự trữ trong tòa nhà này có cửa bằng gỗ. Nếu tôi tấn công vào lâu đài, tôi sẽ đi qua cửa đó và châm lửa đốt.”

“Và nếu ông là bá tước, ông sẽ ngăn chặn điều đó như thế nào?”

“Tôi sẽ chuẩn bị một đồng đá, một đồng cát và vôi, và một thợ xây chờ sẵn để xây chặn cửa ra vào khi gặp nguy hiểm.”

Bá tước Bartholomew nhìn Tom. Đôi mắt xanh nhạt của ông cau lại và vầng trán ông nhăn lên. Tom không hiểu vẻ mặt của ông. Có phải ông ấy giận Tom vì đã chỉ trích quá nhiều về sự phòng thủ của lâu đài? Người ta sẽ chẳng bao giờ có thể nói một bá tước sẽ phản ứng như thế nào khi bị chỉ trích. Tốt nhất, cứ để họ có những sai sót của họ. Nhưng Tom là người tuyệt vọng.

Sau cùng, dường như bá tước đã tìm ra được kết luận. Ông quay sang Matthew và nói: “Thuê người này.”

Tiếng kêu vui mừng trào lên cổ và Tom phải giữ lại. Ông không thể tin được điều ấy. Ông nhìn Ellen và cả hai mỉm cười hạnh phúc. Martha, người không phải ý tứ như người lớn, la lên: “Hurra!”

Bá tước quay đi, nói chuyện với một hiệp sĩ đứng gần. Matthew mỉm cười với Tom. “Ông đã ăn trưa chưa?” ông hỏi.

Tom nuốt nước bọt. Ông cảm thấy quá hạnh phúc đến nỗi gần khóc. “Chưa, chúng tôi chưa ăn gì.”

“Tôi sẽ đưa ông xuống nhà bếp.”

Với sự háo hức, họ theo người quản lý ra khỏi đại sảnh, đi qua cây cầu tới vòng dưới. Nhà bếp là một tòa nhà bằng gỗ, chân tường bằng đá. Matthew nói họ đợi bên ngoài. Có mùi ngọt ngào trong không khí, chứng tỏ họ đang nướng bánh trong đó. Bụng Tom cồn cào và nước miếng chảy đầy trong miệng. Một lúc sau ông quản lý đi ra và đưa cho Tom một bình bia lớn. “Lát nữa họ sẽ đem bánh mì và thịt nguội ra,” ông nói. Rồi ông bỏ đi.

Tom uống một hơi rồi đưa bình cho Ellen. Bà đưa cho Martha trước, sau đó bà uống một hớp và trao bình cho Jack. Trước khi Jack uống, Alfred dành lấy. Jack quay đi, giữ bình bia không cho Alfred lấy. Tom không muốn đám trẻ cãi nhau, nhất là vào lúc này, khi mọi chuyện dường như đã tốt đẹp. Ông định can thiệp – qua đó ông lại phá vỡ quy tắc của chính ông về việc không can thiệp vào cuộc xung đột của trẻ con – vừa khi đó Jack quay người lại và ngoan ngoãn đưa bình cho Alfred.

Alfred đặt bình lên miệng và bắt đầu uống. Tom mới chỉ uống một ngụm và ông nghĩ bình bia sẽ lại đến phiên ông; nhưng Alfred dường như muốn uống cạn. Và một điều kỳ lạ xảy ra: khi Alfred nâng bình cao hơn để uống cạn, một con vật nhỏ rơi ra trên mặt cậu.

Alfred kêu lên kinh hãi và bỏ bình xuống. Cậu gạt con vật có lông ra khỏi mặt, nhảy lui lại. “Cái gì vậy?” cậu rít lên. Con vật rơi xuống đất. Cậu nhìn xuống, mặt trắng bệch và run rẩy vì ghê sợ.

Tất cả đều nhìn. Nó là con chim hồng tước đã chết.

Tom bắt gặp ánh mắt của Ellen, và cả hai nhìn Jack.

Bây giờ cậu đứng lặng lẽ, quan sát Alfred đang kinh hoàng. Trên khuôn mặt thông minh của cậu hiện lên nụ cười hài lòng.

Jack biết cậu sẽ phải trả giá cho việc đó.

Alfred sẽ trả thù bằng một cách nào đó. Khi những người khác không để ý, có thể Alfred sẽ đâm vào bụng cậu. Đó là một cú đâm được cậu ấy yêu

thích, vì nó gây đau đớn nhưng không để lại dấu vết. Jack đã nhìn thấy cậu ấy đâm Martha nhiều lần như vậy.

Nhưng một cú đâm như thế thì cũng xứng đáng để được nhìn khuôn mặt sợ hãi và kinh hoàng của Alfred khi con chim hồng tước chết rớt ra từ bình bia.

Alfred ghét Jack. Đó là một trải nghiệm mới cho Jack. Mẹ cậu luôn yêu cậu, ngoài ra không ai có tình cảm gì cho cậu. Không có lý do gì cắt nghĩa được sự thù hận của Alfred. Cậu ấy cũng đối xử như vậy với Martha. Cậu ấy luôn véo cô, kéo mái tóc cô và làm cô vấp ngã. Khi Martha thích thú cái gì, cậu ấy thường tìm cách phá vỡ nó. Mẹ của Jack nhìn thấy những gì đang xảy ra và ghét cậu ấy, nhưng bố của Alfred dường như nghĩ rằng nó hoàn toàn bình thường, ngay cả mặc dù bản thân ông là người tốt, hiền lành và rõ ràng yêu Martha. Toàn bộ vấn đề phức tạp, nhưng nó hấp dẫn.

Mọi thứ đều hấp dẫn. Jack đã chẳng bao giờ có thời gian thú vị như vậy trong đời cậu. Mặc dù Alfred, mặc dù luôn cảm thấy đói, mặc dù mẹ cậu luôn để ý tới Tom thay vì tới cậu, Jack say mê những biến cố kỳ lạ và những kinh nghiệm mới.

Tòa lâu đài là cái cuối cùng trong loạt các kỳ diệu. Cậu đã nghe về lâu đài: trong những buổi tối mùa đông ở trong rừng, mẹ cậu đã dạy cậu những bài hát, những truyện thơ bằng tiếng Pháp về các hiệp sĩ và phù thủy; và lâu đài trong truyện được miêu tả như chốn nường thân và lãng mạn. Bởi vì cậu chưa bao giờ nhìn thấy tận mắt một lâu đài, nên cậu tưởng tượng nó là một phiên bản, giống nhưng lớn hơn hang động cậu đang sống. Lâu đài thực tế quá tuyệt vời: nó quá lớn, có quá nhiều tòa nhà, quá nhiều người, mỗi người làm công việc của mình. Người lo cho ngựa, người kéo nước, người cho gà ăn, người làm bánh, người mang vác, mang rơm cho sàn nhà, mang củi cho lò sưởi, bao bột, kiện vải, kiếm, yên ngựa và thư từ. Tom kể cho cậu rằng thông hào và tường không phải tự nhiên mà có, nhưng nó đã được đào và xây dựng bởi hàng chục nhân công cùng nhau làm việc.

Vào cuối ngày, khi trời đã tối, những người đã vất vả trong ngày kéo nhau đến đại sảnh của pháo đài. Đèn bắc được đốt lên và lửa được khuếch đại hơn, và những con chó trốn lạnh cũng đến gần. Đàn ông và đàn bà cùng

nhau mang những chân bàn và mặt bàn từ trong kho bên cạnh và xếp bàn thành hình chữ T, rồi đặt các ghế dựa phía trên chữ T và các băng ghế dọc theo phần dưới. Jack chưa bao giờ thấy nhiều người cùng nhau làm việc như thế, và cậu ngạc nhiên là họ làm việc một cách vui vẻ. Họ mỉm cười và cười to khi họ nâng những mặt bàn nặng, cùng nhau hò hét “hai, ba!” và “về phía tôi, về phía tôi,” và “nào, đặt xuống.” Jack ghen tị với tình đồng đội của họ và tự hỏi liệu một ngày nào đó cậu có thể chia sẻ với họ tình đồng đội này không.

Một lúc sau, tất cả cùng ngồi vào ghế băng. Một trong những người phục vụ trong lâu đài phân phối những bát to bằng gỗ và muỗm bằng gỗ, đếm to mỗi khi ông đặt nó xuống bàn; sau đó ông đi một vòng nữa và đặt một lát bánh mì dày màu nâu trên mỗi bát. Một người phục vụ khác đem chén và đổ đầy bia từ những bình bia lớn. Jack, Martha và Alfred cùng ngồi chung ở cuối chữ T, mỗi đứa lấy một chén bia, vì thế mà chúng không còn phải cãi nhau. Jack cầm chén của cậu lên, nhưng mẹ cậu nói cậu nên chờ đã.

Sau khi bia đã được chia, cả hội trường yên lặng. Jack chờ đợi, háo hức như mọi khi, xem chuyện gì sẽ xảy ra. Một lúc sau Bá tước Bartholomew xuất hiện ở cầu thang phòng ngủ. Ông đi xuống, theo sau là người quản lý Matthew, rồi đến ba hoặc bốn người khác ăn mặc sang trọng, một cậu bé, và một sinh vật tuyệt đẹp mà Jack chưa bao giờ nhìn thấy.

Đó là một thiếu nữ hay một bà, cậu không biết rõ. Cô mặc áo trắng, đuôi áo dài kéo trên đất khi cô xuống cầu thang. Mái tóc đen bao trùm khuôn mặt cô, và cô có cặp mắt đen, đen thẫm. Jack nhận ra rằng đây là người, mà những bài hát nói về, khi chúng ám chỉ đến những công chúa xinh đẹp trong lâu đài. Không ngạc nhiên gì về việc các hiệp sĩ khóc khi công chúa chết.

Khi cô đến chân cầu thang Jack nhận ra cô còn rất trẻ, chỉ lớn hơn cậu vài tuổi; nhưng đầu cô ngẩng cao và cô đi đến đầu bàn như một nữ hoàng. Cô ngồi xuống bên cạnh Bá tước Bartholomew.

“Cô ấy là ai?” Jack hỏi thăm.

Martha trả lời: “Cô ấy chắc là con của bá tước.”

“Tên cô ấy là gì?”

Martha nhún vai, nhưng một cô gái có khuôn mặt bần thiêu ngồi bên cạnh Jack nói: “Cô ấy được gọi là Aliena. Cô ấy đẹp tuyệt vời.”

Bá tước cụng ly với Aliena, rồi chậm rãi nhìn mọi người xung quanh bàn và uống. Đó là dấu hiệu mà mọi người chờ đợi. Tất cả mọi người làm theo, họ nâng ly trước khi uống.

Đồ ăn tối được đựng trong vạc hấp lớn. Bá tước được phục vụ trước, rồi đến con gái của ông, rồi đến con trai và những người đàn ông ngồi ở đầu bàn; sau đó các người khác tự phục vụ. Đó là cá muối trong một nồi gia vị. Jack múc vào chén và ăn hết sạch, rồi ăn bánh mì chấm với nước súp dầu. Trong lúc nhai cậu nhìn Aliena, bị thu hút bởi mọi việc cô làm, từ cách cô dùng đầu dao tách xương cá nhỏ ra, rồi thanh nhĩa đưa vào miệng qua hàm răng trắng muốt, cho đến giọng nói uy quyền khi cô gọi người phục vụ và ra lệnh cho họ. Tất cả mọi người dường như thích cô. Họ tới nhanh khi cô gọi, mỉm cười khi cô nói, và vội vã thi hành khi cô ra lệnh. Các đàn ông trẻ xung quanh bàn hay nhìn cô, Jack quan sát thấy, và một số người thể hiện khi họ nghĩ cô đang nhìn về phía họ. Nhưng chủ yếu cô quan tâm đến những người lớn tuổi ngồi chung với bố cô, lo lắng cho họ có đủ bánh và rượu, đặt câu hỏi với họ và lắng nghe họ trả lời. Jack tự hỏi cảm giác sẽ như thế nào khi một nàng công chúa xinh đẹp nói chuyện với cậu, rồi nhìn cậu bằng đôi mắt lớn khi cậu trả lời.

Sau bữa ăn tới phần âm nhạc. Hai người đàn ông và một đàn bà chơi nhạc với chuông cừu, trống và ống điều được làm từ xương động vật và chim muông. Bá tước nhắm mắt, thả hồn trong âm nhạc, nhưng Jack không thích âm điệu ám ảnh, u sầu họ chơi. Cậu thích những bài hát vui vẻ mẹ mình hát. Những người khác dường như cũng có cảm tưởng như vậy, vì họ bồn chồn, cựa quậy, và có chung một cảm giác nhẹ nhõm khi âm nhạc kết thúc.

Jack hy vọng được đến gần Aliena, nhưng cậu bị thất vọng vì cô rời khỏi phòng vừa khi âm nhạc chấm dứt và bước lên cầu thang. Chắc cô có một phòng ngủ riêng trên lầu, cậu nghĩ như thế.

Các trẻ em và một số người lớn chơi cờ tướng, hay chơi với nhau suốt buổi tối và những người chăm chỉ khác làm thắt lưng, mũ, tất, găng tay,

khăn quàng cổ, ống điều, hột xúc xắc, xẻng và roi ngựa. Jack chơi cờ tướng và lần nào cậu cũng thắng. Một binh lính tức giận vì bị thua một đứa trẻ và mẹ cậu bảo cậu ngừng chơi. Cậu đi xung quanh hội trường, lắng nghe cuộc nói chuyện. Một số người nói chuyện lý lẽ, cậu nhận thấy, họ nói chuyện về cánh đồng và về thú vật, về các giám mục và vua chúa; trong khi đó một số khác chỉ trêu chọc nhau và kể những câu chuyện hài hước. Cậu cảm thấy tất cả đều hấp dẫn.

Sau cùng, đèn bắc tắt dần. Bá tước đã đi ngủ, và sáu mươi, bảy mươi người khác cuộn mình trong áo khoác, nằm xuống ngủ trên nền nhà đã phủ rơm.

Như thường lệ, mẹ cậu và Tom ngủ chung với nhau, dưới áo khoác lớn của Tom, và bà ôm ông như bà đã ôm Jack khi cậu còn bé. Cậu nhìn ghen tị. Cậu có thể nghe thấy họ nói chuyện thì thầm với nhau, và mẹ cậu cười nhỏ, thân mật. Một lúc sau thân thể họ chuyển động theo nhịp dưới áo khoác. Lần đầu tiên khi cậu thấy điều đó, Jack đã lo lắng thật sự, nghĩ rằng dù nó có là gì đi nữa thì nó vẫn gây đau đớn; nhưng họ hôn nhau khi làm điều đó và mặc dù một đôi khi mẹ cậu rên rỉ, cậu có thể nói đó là tiếng rên rỉ thỏa mãn. Cậu không dám hỏi mẹ về điều đó, cậu cũng không biết tại sao. Bây giờ, khi ngọn lửa đã tàn, cậu nhìn thấy các cặp khác cũng làm như thế, và nó buộc cậu đi đến kết luận rằng đó là chuyện bình thường. Nó chỉ là một bí mật khác, cậu nghĩ, và chẳng bao lâu sau cậu thiếp đi trong giấc ngủ.

Trẻ em dậy sớm vào ban sáng, nhưng bữa sáng chưa được dọn lên, cho đến khi nào thánh lễ kết thúc, và thánh lễ chỉ bắt đầu khi nào bá tước thức dậy, vì thế chúng phải chờ đợi. Một người phục vụ dậy sớm thúc dục họ lấy củi cho đủ dùng trong ngày. Người lớn bắt đầu tỉnh dậy khi gió lạnh ban sáng thổi qua cửa. Và khi các trẻ em mang củi vào, chúng gặp Aliena.

Cô xuống cầu thang như buổi tối hôm qua, nhưng hôm nay cô trông khác. Cô mặc áo ngắn và đi giày cao. Mái tóc lợn sóng của cô được cột lại phía sau, lộ ra chiếc cằm duyên dáng, đôi tai nhỏ và chiếc cổ trắng. Đôi mắt đen to, mà tối qua trông nghiêm trang và người lớn, bây giờ lấp lánh niềm vui. Theo sau cô là cậu bé mà tối qua đã ngồi chung bàn với cô và bá tước.

Cậu trông lớn hơn Jack một hai tuổi, nhưng cậu chưa trưởng thành đủ như Alfred. Cậu tò mò nhìn Jack, Martha và Alfred, nhưng người con gái lên tiếng trước. “Các bạn là ai?” cô hỏi.

Alfred trả lời: “Bố tôi là thợ xây, ông sẽ sửa sang lại lâu đài này. Tôi là Alfred. Em gái tôi là Martha. Đây là Jack.”

Khi cô đến gần, Jack ngửi thấy mùi hoa oải hương và cậu thầm thán phục vì làm sao một người lại có thể có mùi của loài hoa? “Bạn bao nhiêu tuổi?” cô hỏi Alfred.

“Mười bốn.” Alfred khúm núm trước cô, Jack có thể nói như vậy. Sau một lúc Alfred buột miệng: “Bạn bao nhiêu tuổi?”

“Mười lăm. Các bạn muốn ăn gì không?”

“Có.”

“Đi với tôi!”

Tất cả đi theo cô ra khỏi sảnh đường và xuống cầu thang. Alfred nói: “Nhưng họ không dọn ăn sáng trước thánh lễ.”

“Họ làm những gì tôi nói với họ,” Aliena hất đầu lên nói.

Cô dẫn họ qua cây cầu tới vòng bên dưới và nói chúng đợi trước nhà bếp, trong khi cô đi vào. Martha thì thầm với Jack: “Có phải cô đẹp không?” Cậu im lặng gật đầu. Một vài phút sau Aliena đi ra với một bình bia và một bánh mì trắng. Cô bẻ bánh thành từng miếng to và trao cho mỗi người, sau đó cô cũng chuyển bình bia cho họ.

Sau đó Martha bẽn lễn hỏi: “Mẹ bạn đâu?”

“Mẹ tôi đã qua đời,” Aliena nói nhanh.

“Bạn có buồn không?” Martha hỏi.

“Tôi đã buồn, nhưng đã lâu rồi.” Cô chỉ vào cậu bé bên cạnh. “Richard không còn nhớ gì đến nó nữa.”

Richard phải là em của cô, Jack nghĩ.

“Mẹ tôi cũng đã qua đời,” Martha nói và nước mắt tràn ra.

“Lâu chưa?” Aliena hỏi.

“Mẹ tôi chết cách đây một tuần.”

Giọt nước mắt của Martha dường như chẳng làm Aliena buồn lòng, Jack nghĩ; trừ khi cô cố gắng giấu nỗi đau của mình. Cô hỏi đột ngột: “VẬY

người đàn bà đi theo các bạn là ai?”

Jack háo hức nói: “Đó là mẹ tôi.” Cậu vui vì được nói với cô.

Cô quay về phía cậu như lần đầu tiên cô thấy cậu. “Vậy, bố bạn đâu?”

“Tôi không có bố,” cậu nói. Cậu thích thú khi cô nhìn cậu.

“Ông ấy cũng chết rồi sao?”

“Không,” Jack nói. “Tôi chưa bao giờ có bố.”

Một khoảnh khắc của yên lặng, rồi Aliena, Richard và Alfred phá lên cười. Jack bối rối và nhìn trống vắng vào họ; và tiếng cười của họ tăng lên cho đến khi cậu thấy xấu hổ. Không có bố thì có gì đáng cười? Ngay cả Martha cũng mỉm cười, nước mắt cô đã biến đi.

Alfred nói với giọng chế giễu: “Làm sao có bạn, nếu bạn không có bố?”

“Từ mẹ tôi. Tất cả những gì non trẻ đều sinh ra từ mẹ chúng,” Jack nói, lòng đầy hoang mang. “Ông bố có liên quan gì đến chuyện đó?”

Mọi người lại cười to hơn. Richard nhẩy cồm lên vì thích thú, rồi chỉ ngón tay vào Jack. Alfred nói với Aliena: “Cậu ấy không biết gì. Chúng tôi tìm thấy cậu ấy ở trong rừng.”

Má Jack nóng lên vì xấu hổ. Cậu đã quá vui vì được nói với Aliena, và bây giờ cô nghĩ cậu là một thằng hề, một người rừng ngu dốt. Điều tẻ nhạt nhất là cậu vẫn không biết cậu sai ở chỗ nào. Cậu muốn khóc và nó lại càng tồi tệ hơn. Miếng bánh mắc nghẹn trong cổ họng và cậu nuốt không trôi. Cậu nhìn Aliena, khuôn mặt dễ thương của cô phảng phất sự thích thú, và cậu không còn có thể chịu đựng được nữa, cậu ném miếng bánh xuống đất và bỏ đi.

Không quan tâm đi đâu, cậu đi cho đến khi tới bờ tường lâu đài. Cậu leo theo con dốc lên đến đỉnh tường. Ở đó, cậu ngồi trên nền đất lạnh, nhìn ra bên ngoài, thương phận mình, ghét Alfred và Richard và ngay cả Martha và Aliena. Nàng công chúa vô tâm, cậu nghĩ.

Chuông vang lên báo hiệu giờ lễ. Nghi thức tôn giáo lại là một bí ẩn khác đối với cậu. Nghi thức dùng một ngôn ngữ chẳng phải tiếng Anh, cũng chẳng phải tiếng Pháp. Linh mục hát và nói với các bức tượng, bức ảnh và ngay cả với những đấng vô hình. Mẹ cậu luôn tránh dự nghi thức

khi có thể. Khi dân cư trong lâu đài trên đường đến nhà nguyện, Jack nhồm qua đầu bức tường thành, ngồi phía bên kia để không ai có thể thấy cậu.

Lâu đài được bao bọc bởi những cánh đồng bằng phẳng và hoang vu, phía xa có rừng cây. Hai khách đi bộ qua đồng bằng về hướng lâu đài. Bầu trời đầy mây xám. Jack tự hỏi không biết trời có đổ tuyết không.

Hai người khách sớm nữa xuất hiện trong tầm mắt của Jack. Hai người ngồi trên lưng ngựa. Họ phi nhanh về lâu đài, vượt qua hai người khách trước. Họ đi ngựa qua cây cầu gỗ tới cổng gác. Tất cả bốn khách phải đợi đến khi thánh lễ xong, vì ngoại trừ những người lính gác, tất cả dân cư đều ở trong nhà nguyện.

Một giọng nói bất ngờ làm Jack giật mình: “Thì ra con ở đây.” Đó là mẹ cậu. Cậu quay sang mẹ, và bà nhận thấy ngay là cậu rất buồn. “Có chuyện gì vậy con?”

Cậu muốn được bà an ủi, nhưng cậu cứng lòng nói: “Con có bố không?”

“Có,” bà nói. “Mỗi người đều có bố.” bà quỳ xuống bên cậu.

Cậu quay mặt đi. Cậu bị sỉ nhục là do lỗi của mẹ cậu, vì bà đã không kể cho cậu nghe về bố cậu. “Điều gì đã xảy ra với bố?”

“Bố con đã qua đời.”

“Khi con còn nhỏ?”

“Trước khi con được sinh ra.”

“Làm sao ông ấy có thể là bố con, nếu ông ấy chết trước khi con sinh ra?”

“Trẻ nhỏ phát triển từ tinh trùng. Tinh trùng phát ra từ người đàn ông và được ươm trồng trong lòng người mẹ. Và tinh trùng lớn thành đứa bé trong bụng bà ta, và khi nó sẵn sàng, nó được sinh ra.”

Jack ngồi yên lặng một lúc, nghiền ngẫm với thông tin này. Cậu liên tưởng tới cái mà người lớn làm ban đêm. “Tom cũng đang trồng tinh trùng trong mẹ phải không?”

“Có thể.”

“Như vậy chúng ta sẽ có đứa trẻ mới.”

Bà gật đầu. “Một đứa em trai cho con, con có thích không?”

“Con không quan tâm,” cậu nói. “Tom đã lấy mất mẹ của con rồi. Một em trai không thay đổi được gì hết.”

Bà đặt tay quanh cậu và ôm cậu. “Không ai có thể lấy mẹ khỏi con được,” bà nói.

Lời đó làm cậu cảm thấy thoải mái hơn.

Họ ngồi với nhau một lúc, rồi bà nói: “Ở đây lạnh quá. Chúng ta đi về lò sưởi, chờ bữa ăn sáng.”

Cậu gật đầu. Họ đứng lên, đi theo dốc tường thành xuống dưới. Không còn dấu hiệu nào của bốn khách đến thăm. Có lẽ họ vào nhà nguyện.

Khi Jack và mẹ cậu theo cầu thang xuống tầng dưới, Jack hỏi: “Tên bố con là gì?”

“Jack, cùng tên với con,” bà nói. “Người ta gọi ông ấy là Jack Shareburg.”

Điều đó làm cậu hứng khởi. Cậu có cùng tên với bố cậu. “Vì thế nếu có người khác cũng có tên là Jack, con có thể nói với mọi người rằng con là Jack Jackson.”

“Con có thể, Người ta không luôn luôn gọi con như con muốn, nhưng con có thể thử.”

Jack gật đầu. Cậu cảm thấy tốt hơn. Bây giờ cậu có thể cảm nhận mình như là Jack Jackson. Cậu không phải xấu hổ nữa. Ít nhất cậu biết cậu có bố, và cậu biết tên của bố cậu: Jack Shareburg.

Họ đến cổng nhà ở vòng trên. Không có lính gác. Mẹ Jack ngừng lại, nhăn mặt. “Mẹ có cảm giác là lạ, hình như ở đây có gì bất thường xảy ra,” bà nói. Giọng bà bình tĩnh và chậm rãi, nhưng Jack nhận ra trong đó có sự sợ hãi và cậu linh cảm một điều xấu sẽ xảy ra.

Mẹ cậu bước vào phòng gác trong tầng trệt của chòi canh. Một lúc sau Jack nghe hơi thở hỗn hển của bà. Cậu vào phía sau bà. Bà đang bị sốc, bàn tay che miệng, nhìn chăm chăm xuống sàn nhà.

Người lính gác nằm thẳng trên mặt đất, cánh tay mềm nhũn để hai bên. Cổ ông bị cắt, một vũng máu tươi trên đất bên cạnh ông. Và không nghi ngờ gì nữa, ông đã chết.

III

Vào giữa đêm, William Hamleigh và ông bố lên đường cùng với một trăm hiệp sĩ và kỵ binh, và bà mẹ trong hậu quân. Đội quân với đuốc trong tay rầm rập tiến đến lâu đài, khuôn mặt che kín chống lạnh, có lẽ đã làm dân làng trên đường họ đi qua hoảng sợ. Họ đến ngã tư khi trời còn tối đen. Từ đây họ để ngựa đi chậm, cho chúng nghỉ ngơi và để làm giảm tiếng ồn. Khi trời hừng sáng, họ ẩn nấp trong rừng, bên cạnh cánh đồng xung quanh lâu đài của Bá tước Bartholomew.

Trong cuộc thăm viếng ngắn, William không thể đếm được quân số trong lâu đài. Mặc dù cậu đã cố gắng cắt nghĩa là nhiều người trong số họ hôm đó còn được sai đi, và nhiều người lại đến khi William rời khỏi, nhưng mẹ cậu vẫn mắng cậu thậm tệ. Có còn hơn không, bố cậu nói. Tuy nhiên, cậu đoán chừng có khoảng bốn mươi người. Vì thế nếu từ lúc đó không có gì thay đổi, gia đình Hamleigh có lợi thế hai chống một.

Dĩ nhiên, họ không có đủ quân để vây lâu đài. Vì thế họ có một kế hoạch chiếm lâu đài nhanh chóng. Vấn đề là đoàn quân có thể bị các lính gác khám phá ra từ xa, và lâu đài đã đóng cửa khi họ đến nơi. Câu trả lời là phải tìm ra một cách để cửa lâu đài mở, khi đoàn quân từ chỗ ẩn nấp trong rừng tiến vào lâu đài.

Dĩ nhiên người giải quyết vấn đề này là bà mẹ.

“Chúng ta cần đánh lạc hướng họ,” bà nói trong khi tay bà cạy một cái mụn trên cằm. “Cần có một cái gì đó làm họ hoảng loạn, vì thế họ sẽ không chú ý đến đoàn quân cho đến khi nó đã quá trễ, ví dụ như lửa chẳng hạn.”

Ông bố nói: “Nếu có người lạ vào và châm lửa, dĩ nhiên họ sẽ đề phòng.”

“Chúng ta phải làm kín đáo,” William nói.

“Dĩ nhiên thôi,” bà mẹ sốt ruột nói. “Anh phải làm điều đó khi họ đang tham dự thánh lễ.”

“Con?” William hỏi.

Cậu vừa được cử lo trách nhiệm cho đoàn quân tiên phong.

Ánh nắng ban mai lên chậm chạp, rất chậm. William nóng lòng chờ đợi. Trong đêm, cậu, ông bố và bà mẹ đã chỉnh sửa ý tưởng cơ bản cho tuyệt hảo, nhưng vẫn có nhiều chuyện có thể xảy ra không đúng ý: vì bất cứ lý do nào đó đoàn quân tiên phong không vào được trong thành, hoặc họ bị nghi ngờ và không thể hành động lén lút được, hoặc có thể họ bị bắt trước khi đạt được bất cứ điều gì. Ngay cả kế hoạch có thành công, thì cũng phải chiến đấu, và đây là cuộc chiến thực sự đầu tiên của William. Trong cuộc chiến người ta có thể bị thương hoặc thiệt mạng, và William có thể là một trong những người không may mắn đó. Lòng cậu co lại vì sợ. Aliena sẽ có mặt ở đó, cô sẽ biết nếu cậu bại trận. Ngược lại cô cũng ở đó nhìn cậu nếu cậu chiến thắng. Cậu tưởng tượng mình phóng vào phòng ngủ của cô với lưỡi kiếm đầy máu trong tay. Khi đó cô sẽ hối hận vì đã cười cậu.

Từ lâu đài vang lên tiếng chuông báo hiệu giờ lễ.

William gật đầu và hai người tách ra khỏi nhóm, đi qua cánh đồng đến lâu đài. Họ là Raymond và Ranulf, hai người lực lưỡng có khuôn mặt và bắp thịt chắc chắn, lớn hơn William vài tuổi. Chính cậu đã tự ý chọn họ: bố cậu đã cho cậu quyền kiểm soát hoàn toàn. Bố cậu sẽ hướng dẫn cuộc tấn công chính.

William nhìn Raymond và Ranulf đi nhanh trên cánh đồng đóng băng. Trước khi họ đến lâu đài, William ngược nhìn Walter và cả hai cười ngựa qua cánh đồng. Lính canh trên lỗ châu mai sẽ thấy hai cặp, một đi bộ và một đi ngựa, tiến về lâu đài. Trông họ hoàn toàn không có gì nguy hiểm.

Sự tính toán thời gian của William chính xác: Cậu và Walter vượt qua Raymond và Ranulf khoảng vài bước trước cửa vào lâu đài. Tại cầu họ xuống ngựa. Tim William đập mạnh. Nếu bây giờ cậu sai lầm, toàn bộ cuộc tấn công sẽ thất bại.

Có hai lính gác ở cổng. William đã ác mộng rằng sẽ có một cuộc phục kích và chục kỵ binh sẽ nhảy ra bằm cậu thành từng mảnh. Các lính canh có vẻ cảnh giác, nhưng không lo lắng. Họ không mặc áo giáp. Walter và William mặc áo mắt xích dưới áo choàng của họ.

Ruột William bồn chồn. Một trong hai người lính canh nhận ra cậu. “Chào ngài William,” ông vui vẻ nói. “Ông đến xin cưới lần nữa à?”

William nói “Ôi, trời ơi!” bằng giọng yếu ớt, rồi cậu đâm lưỡi dao vào bụng lính gác, dưới lồng ngực, thấu vào tim.

Người đàn ông thở hỗn hển, gục xuống và mở miệng như muốn la lên. Một tiếng la có thể làm hỏng mọi việc. Hoảng loạn, không biết phải làm gì, William rút con dao ra khỏi vết thương của người lính gác, rồi đâm mạnh vào cổ họng ông. Một dòng máu chảy ra, nhưng tiếng la tắt nghẽn. Đôi mắt của ông ta nhắm lại. William lại kéo con dao ra, người lính gác ngã xuống đất.

Ngựa của William hoảng sợ vì những chuyển động đột ngột và chạy sang bên cạnh. Cậu chụp được dây cương của nó, rồi nhìn Walter. Ông cũng bắt được người lính gác ở cổng kia. Walter đã giết người lính kia một cách hiệu quả hơn, bằng cách cắt cổ ông và ông chết trong yên lặng. Lần sau tôi cũng phải làm như thế, William nghĩ, khi tôi muốn làm cho người khác yên lặng. Rồi cậu nghĩ: Tôi đã làm điều đó! Tôi đã giết một người!

Cậu nhận ra rằng cậu không còn sợ hãi nữa.

Cậu đưa dây cương cho Walter và chạy theo cầu thang xoắn lên tháp canh ở cổng. Phía trên cùng là phòng kéo cầu lên. Với hai nhát kiếm, cậu đã có thể cắt đứt sợi dây cáp. Cậu ném đầu dây ra ngoài cửa sổ. Nó rơi nhẹ nhàng xuống thông hào, không gây tiếng động nào. Bây giờ cây cầu không còn có thể kéo lên, không còn có thể cản bước tiến quân của bố cậu. Đây là một ý tưởng mà họ đã nghĩ ra đêm hôm qua.

Raymond và Ranunf đến cổng gác vừa lúc William đến chân cầu thang. Nhiệm vụ đầu tiên của họ là phá hủy cánh cổng lớn bằng gỗ sồi dẫn từ cầu vào sân lâu đài. Mỗi người lấy ra một cái búa gỗ và một cái đục, rồi cố gắng đục vỡ xung quanh các bản lề sắt to lớn. Tiếng búa nện trên cái đục làm William giật mình.

William đem hai xác lính canh vào trong phòng gác. Vì mọi người ở trong nhà nguyện, nên hai xác chết này chỉ có thể khám phá ra khi mọi chuyện đã trễ.

Walter đưa cho cậu dây cương, và cả hai đi qua cổng vào trong sân lâu đài theo hướng chuồng ngựa. William phải cố gắng lắm mới bước đi bình thường được. Cậu đi chậm rãi và lén lút nhìn tên lính trên tháp canh. Có ai trong họ nhìn thấy dây kéo cầu rơi vào thông hào không? Có ai thắc mắc về âm thanh của búa không? Một vài người nhìn cậu và Walter, nhưng dường như họ không để ý lắm, và tiếng búa nhẹ dần đi bên tai William và có lẽ không còn nghe thấy trên đỉnh tháp. William cảm thấy nhẹ nhõm. Kế hoạch đang diễn biến tốt.

Họ đến chuồng ngựa và đi vào trong. Cả hai treo dây cương lỏng lẻo trên xà ngang để con thú có thể tự giải thoát được. Sau đó William lấy đá lửa, chà thành đốm lửa và đốt đồng rơm dưới sàn nhà. Nó bắn và ẩm thấp, nhưng chẳng bao lâu nó bắt lửa. Cậu châm thêm ba đồng lửa khác, và Walter cũng làm như vậy. Họ đứng nhìn một lúc. Con ngựa ngửi thấy mùi khói và dậm chân trong chuồng. William đứng thêm một lúc. Ngọn lửa cháy lớn hơn. Và đó là kế hoạch.

Cậu và Walter rời chuồng ngựa, đi ra ngoài sân. Ở ngoài cổng, ẩn dưới mái hiên, Raymond và Ranunf vẫn đang đọc bản lễ ra. William và Walter đi về hướng nhà bếp, tạo ra ấn tượng như là họ đi tìm cái gì ăn. Không có ai ở ngoài sân: mọi người ở trong nhà nguyện. Tình cờ nhìn lên tháp canh, William thấy lính canh không nhìn vào lâu đài mà nhìn ra ngoài đồng, dĩ nhiên đó là trách nhiệm của họ. Tuy vậy William vẫn cảnh giác vì nếu một người nào đó từ trong nhà phóng ra thách thức họ thì họ sẽ phải giết người ấy ở đây, giữa sân thoáng này; và nếu có người nhìn thấy thì cuộc chơi coi như chấm dứt.

Họ đi quanh nhà bếp và đi lên cầu dẫn đến tòa nhà phía trên. Họ nghe thấy âm thanh trầm lặng của giờ lễ khi họ đi qua nhà nguyện. Trong đó có Bá tước Bartholomew, William bồn chồn nghĩ, và ông ấy không biết gì về đạo quân ở cách đây một dặm, bốn quân thù đã vào trong thành và chuồng ngựa của ông đang bốc cháy. Aliena cũng đang ở trong nhà nguyện, quỳ gối cầu nguyện. Chẳng bao lâu nữa cô sẽ quỳ trước mặt tôi, William nghĩ, và máu dồn lên đầu làm cậu chóng mặt.

Họ đến cây cầu thứ hai và đi qua. Họ đã cắt đứt dây kéo cầu thứ nhất và đã phá cổng, vì thế đoàn quân của họ chắc chắn có thể vào thành. Nhưng bá tước vẫn có thể chạy qua cây cầu thứ hai này và trốn trong khu nhà phía trên. Nhiệm vụ tiếp theo của William là kéo chiếc cầu thứ hai này lên để không ai qua lại được. Như vậy bá tước sẽ bị cô lập và bất lực trong khu nhà phía dưới.

Họ đến cổng nhà thứ hai và một lính bước ra khỏi phòng gác nói: “Ông đến sớm thế.”

William nói: “Chúng tôi được triệu tập để gặp bá tước.” Cậu tiến đến gần người lính gác, nhưng ông ấy nhanh chóng lùi lại. William không muốn ông lùi lại quá xa, vì như thế ông sẽ ra khỏi mái hiên và những người lính gác của khu nhà phía trên có thể nhìn thấy.

“Bá tước ở trong nhà nguyện,” người lính gác nói.

“Chúng tôi sẽ đợi.” người lính gác này phải bị giết nhanh chóng và không gây tiếng động, nhưng William không biết phải đến gần ông bằng cách nào. Cậu nhìn Walter cầu cứu, nhưng Walter chờ đợi kiên nhẫn, thái độ bất động.

“Trong thành trì có lửa,” người lính gác nói. “Hãy đến đó mà sưởi ấm.” William ngập ngừng, và người lính gác nhìn đi chỗ khác. “Các ông còn chờ gì nữa?” ông ấy tức mình nói.

William tuyệt vọng tìm kiếm câu trả lời. Sau cùng cậu hỏi: “Chúng tôi có thể có cái gì để ăn không?”

“Không, chỉ sau thánh lễ,” người lính gác nói. “Bữa ăn sáng được dọn trong sảnh đường.”

Bây giờ William nhận ra Walter đã âm thầm sang bên cạnh. Nếu người lính gác chỉ quay thêm một chút thôi, Walter sẽ ở sau lưng ông. William đi một vài bước theo hướng ngược lại, ngang qua người lính gác và nói: “Tôi không hài lòng với lòng hiếu khách của bá tước.” Người lính quay lại. “Chúng tôi đã đi đoạn đường dài...” William nói.

Lúc đó Walter ra tay.

Ông bước ra sau người lính gác và đặt tay lên vai ông. Với bàn tay trái ông kéo cầm người lính gác ra sau, với con dao ở bàn tay phải ông cắt cổ

người lính. William thở phào. Mọi chuyện xảy ra trong chớp mắt.

Hai người họ, William và Walter, đã giết được ba người trước bữa ăn sáng. William có một cảm xúc ly kỳ về quyền lực. Từ bây giờ không ai còn có thể cười cậu, cậu nghĩ.

Walter kéo xác người lính vào phòng gác. Cách xây công nhà này giống hệt cái trước, với một cầu thang tròn ốc dẫn lên phòng kéo cầu phía trên. William lên cầu thang và Walter theo sau.

William đã không thám thính phòng này khi cậu ở đây ngày hôm qua. Cậu không nghĩ tới và cũng khó tìm ra lý do để thám thính tháp canh. William giả định sẽ có một bánh xe kéo. Khi họ đến nơi, họ thấy chỉ có dây mà không có bánh xe kéo. Cây cầu chỉ kéo bằng sức người. William và Walter cầm lấy kéo, nhưng chiếc cầu không chuyển động. Đó là công việc cần đến mười người.

William cần một lúc mới hiểu ra tại sao chiếc cầu thứ nhất lại có bánh kéo: mỗi tối chúng đều được kéo lên, còn chiếc cầu thứ hai này chỉ được kéo lên khi cần.

Nhưng nát đầu về chuyện đó có ích lợi gì? Vấn đề là bây giờ phải làm sao. Nếu cậu không thể kéo cầu lên, ít nhất cậu phải đóng cổng lại, như vậy mới cầm chân bá tước lại được.

Cậu chạy xuống thang, Walter theo sát sau. Khi cậu đến chân cầu thang, cậu bị sốc. Không phải mọi người đều ở trong nhà nguyện, dường như vậy. Cậu thấy một người đàn bà và một cậu bé từ phòng gác đi ra

William chùn bước. Ngay lập tức cậu nhận ra người đàn bà. Bà ấy là vợ ông thợ xây mà hôm qua cậu đã cố mua với giá một cân bạc. Bà nhìn thấy cậu và cặp mắt xuyên thấu màu mặt ong nhìn thẳng vào cậu. Cậu biết trong mắt bà, cậu không thể đóng vai người khách vô tội đang chờ bá tước được, vì bà chẳng tin. Cậu phải tìm cách làm cho bà im lặng. Và cách duy nhất là giết bà, nhanh chóng và không gây tiếng động, như họ đã giết các người lính canh.

Đôi mắt biết hết mọi chuyện của bà nhìn thấy ý định đó trên gương mặt cậu. Bà nắm tay con và quay đi. Tom định tóm bà, nhưng bà nhanh hơn. Bà chạy vào trong sân, nhắm hướng đại sảnh. William và Walter chạy theo sau.

Đôi chân bà nhẹ nhàng, trong khi những người kia mặc áo giáp, mang theo vũ khí. Bà đến chân cầu thang dẫn lên đại sảnh. Khi bà chạy lên cầu thang, bà hét lên. William nhìn lên các bức tường chung quanh. Tiếng hét đã thu hút sự chú ý của hai lính gác. Cuộc chơi chấm dứt. William ngừng chạy và đứng dưới chân cầu thang, thở mạnh. Walter cũng thế. Hai, rồi ba, rồi bốn người lính gác chạy xuống thành lũy vào sân. Người đàn bà mất hút trong đại sảnh, tay vẫn giữ tay cậu bé. Bà không còn quan trọng. Bây giờ lính gác đã được báo động, cái chết của bà không còn cần thiết nữa.

Cậu và Walter rút kiếm ra, đứng bên cạnh nhau, sẵn sàng chiến đấu vì mạng sống của họ.

Linh mục vừa đưa Mình thánh Chúa lên cao, Tom nhận ra có điều bất thường xảy ra cho ngựa. Ông nghe thấy nhiều tiếng hí và tiếng ngựa dậm chân hơn bình thường. Một lúc sau, một người nào đó làm gián đoạn bài hát Latin của linh mục qua giọng nói to: “Tôi ngửi thấy mùi cháy.”

Tom cũng ngửi thấy nữa, và mọi người cũng vậy. Tom cao hơn mọi người và có thể nhìn thấy qua cửa sổ nếu ông kiễng chân lên. Ông bước qua bên và nhìn ra ngoài. Chuồng ngựa đang cháy.

“Cháy nhà!” ông nói, và trước khi ông có thể nói gì thêm, giọng ông đã bị lẫn át bởi tiếng la hét của các người khác. Mọi người tuôn ra cửa. Thánh lễ ngưng lại. Tom giữ Martha lại, vì sợ cô ta có thể bị thương khi chen lẫn và bảo Alfred cũng ở lại. Ông tự hỏi không biết Ellen và Jack ở đâu.

Một lúc sau không còn ai trong nhà nguyện, ngoại trừ ba cha con ông và vị linh mục.

Tom đưa các con ra ngoài. Một vài người đang cởi dây cho ngựa khỏi chết cháy, người khác chạy ra giếng múc nước chữa lửa. Không thấy Ellen đâu. Những con ngựa hoảng loạn chạy trong sân, tiếng vó ngựa nổi lên âm ầm. Tom nhăn trán và nghe kỹ hơn: tiếng ầm ầm quá lớn, nó như tiếng chân của hàng trăm con ngựa chứ không phải của hai mươi, ba mươi con. Đột nhiên ông có một linh cảm chẳng lành. “Con ở lại đây, Martha!” ông nói. “Alfred, con hãy lo cho em.” Ông chạy lên bờ thành lũy. Nó là một dốc cao và ông phải chậm lại cho đến khi đến được đầu thành. Trên đỉnh, ông thở hổn hển, nhìn ra ngoài.

Nỗi lo của ông đã đúng. Tim ông lạnh đi vì sợ. Trên cánh đồng màu nâu, tám mươi đến một trăm kỵ binh mạnh mẽ tiến vào lâu đài. Đó là một cảnh tượng rừng mình: Áo khoác bằng móc xích sắt và lưỡi kiếm rút ra khỏi vỏ lấp lánh dưới ánh mặt trời buổi sáng. Những con ngựa phi nước đại và hơi thở nóng thoát ra từ lỗ mũi chúng. Những kỵ binh gập người trên lưng ngựa, cùng tiến về một mục tiêu. Không có tiếng thúc quân, không có tiếng la hét, chỉ có tiếng đập ầm ầm như sấm của hàng trăm chân ngựa.

Tom nhìn về sân lâu đài. Tại sao không có ai nghe thấy tiếng đoàn quân đang tiến vào? Vì âm thanh của chúng đã bị bức tường thành ngăn cản, cộng với tiếng ồn ào trong sân. Tại sao các lính gác không nhìn thấy? Vì họ đã rời trạm gác để đi chữa lửa. Cuộc tấn công đã được một người thông minh chủ mưu. Bây giờ là lúc Tom phải báo động.

Và Ellen ở đâu?

Mắt ông mở lớn, nhưng ông không thấy Ellen. Một phần lớn sân đã phủ đầy khói. Ông phát hiện ra Bá tước Bartholomew ở bên cạnh giếng nước, cố gắng tổ chức chữa lửa. Tom từ tường thành chạy xuống, xuyên qua sân đến bên giếng nước. Ông nắm vai bá tước và hét vào tai ông: “Có tấn công!”

“Cái gì?”

“Chúng ta bị tấn công.”

Bá tước đang nghĩ về ngọn lửa. “Bị tấn công? Ai tấn công?”

“Hãy nghe đây,” Tom nói. “Hàng trăm kỵ binh.”

Bá tước nghiêng đầu. Tom thấy sự tỉnh ngộ trên khuôn mặt nhợt nhạt, quyền quý của ông. Rồi bất thành lình ông sợ hãi nói: “Ông có nhìn thấy chúng không?”

“Có.”

“Ai – ừ, không cần biết ai! Ông nói một trăm kỵ binh?”

“Vâng.”

“Peter Ralph!” Bá tước gọi người chỉ huy quân đội. “Đó là một cuộc đánh úp. Lửa này chỉ để đánh lạc hướng chúng ta. Chúng ta bị tấn công.” Cũng giống như bá tước, trước hết họ không hiểu, sau đó họ lắng nghe và sau cùng họ sợ hãi. Bá tước hét lên: “Hãy ra lệnh cho quân lính mang

gươm – Nhanh lên! Nhanh lên!” Ông quay lại Tom. “Hãy theo tôi, người thợ xây – ông khỏe mạnh, chúng ta có thể đóng cửa thành.” Ông chạy qua sân và Tom theo sau. Nếu họ có thể đóng cửa thành và kéo cầu đúng lúc, họ có thể ngăn cản được hàng trăm người.

Họ đến cổng thành. Họ nhìn thấy đoàn quân đi qua cổng vòm. Chỉ còn cách hơn một dặm. “Hãy nhìn vào cổng!” bá tước hét lên.

Hai cánh cổng nằm trên mặt đất. Bản lề của nó đã được gỡ ra khỏi tường. Một số kẻ thù đã có mặt ở đây trước đó, Tom nghĩ. Lòng ông bồn chồn vì sợ.

Tom nhìn lại vào sân, vẫn dõi mắt tìm Ellen. Ông không thể thấy bà. Bà ấy ra sao? Bây giờ mọi chuyện có thể xảy ra. Ông cần ở bên cạnh và bảo vệ bà.

“Cây cầu!” bá tước nói.

Cách tốt nhất để bảo vệ Ellen là ngăn cản kẻ tấn công ở bên ngoài, Tom nhận ra. Bá tước chạy lên cầu thang xoắn dẫn lên phòng kéo cầu, và Tom nỗ lực theo sau. Nếu cây cầu được kéo lên, còn lại một vài người có thể bảo vệ cổng thành. Nhưng khi ông đến được phòng kéo cầu, tim ông thót lại. Dây kéo cầu đã bị cắt. Không còn cách nào kéo cầu lên.

Bá tước Bartholomew cay đắng nguyên rủa: “Kẻ nào lên kế hoạch này thì xảo quyệt như Lu Xi Phe.”

Tom chợt nghĩ rằng ai đã phá hủy cổng thành, cắt dây kéo cầu và đốt lửa, người đó phải còn ở đâu đó trong thành, và ông sợ hãi tự hỏi, kẻ đó ở đâu.

Bá tước nhìn qua cánh cửa sổ. “Trời ơi! Họ sắp đến nơi rồi!” Ông chạy xuống thang.

Tom theo sát chân ông. Trong cổng thành nhiều hiệp sĩ đã mang gươm và đội mũ sắt. Bá tước Bartholomew ra lệnh. “Ralph và John, lừa một số ngựa lên cầu để ngăn đường vào của quân giặc. Richard, Peter và Robin, lấy thêm quân và phòng thủ nơi đây! Còn ông thợ xây, thu thập đầy tớ và trẻ em qua bên kia cầu, lên phía khu nhà bên trên.”

Tom vui vì có cơ để tìm Ellen. Trước tiên ông chạy đến nhà nguyện. Alfred và Martha trông có vẻ sợ hãi, vẫn đứng ở chỗ cũ, nơi ông đã để chúng lại vài giờ trước đây. “Hãy đến đại sảnh,” ông hét lên. “Khi con gặp

bất cứ trẻ em và đàn bà nào, hãy nói họ theo con – đó là lệnh của bá tước. “Chạy đi!” Chúng chạy đi ngay lập tức.

Tom nhìn quanh. Ông sẽ theo chúng sau: ông không muốn bị bắt ở khu nhà dưới. Nhưng ông cũng muốn dành vài phút để thi hành mệnh lệnh của bá tước. Ông chạy tới chuồng ngựa, nơi nhiều người vẫn đổ từng xô nước lên ngọn lửa. “Hãy quên đám cháy đi, lâu đài đang bị tấn công,” ông hét lên. “Hãy mang con em lên đại sảnh.”

Khói bốc lên mắt ông và ông chỉ có thể nhìn qua nước mắt. Ông dụi mắt và chạy đến một đám đông nhỏ đang đứng nhìn ngọn lửa thiêu rụi chuồng ngựa. Ông lập lại cho họ mệnh lệnh, cũng như với nhóm chăn ngựa, những người đang cố gắng cột lại những con ngựa đã sống chuồng.

Khói làm ông ho. Nghẹt thở, ông chạy trở lại qua sân, đến cây cầu dẫn đến khu nhà phía trên. Ông nghỉ ở đó, thở hỗn hển và nhìn lại. Dòng người tuôn đến trên cầu. Ông chắc chắn Ellen và Jack đã đến đại sảnh, nhưng ông sợ ông có thể mất họ. Ở cổng nhà phía dưới, các hiệp sĩ của bá tước đứng sát bên nhau. Ngoài ra không thấy gì, chỉ có khói. Bất ngờ Bá tước Bartholomew xuất hiện bên cạnh ông, với máu trên gươm và nước mắt trên mặt vì khói. “Hãy cứu lấy mình!” bá tước la lên với Tom. Vào lúc đó những kẻ tấn công phá vỡ được cổng nhà phía dưới, đẩy lui các hiệp sĩ phòng thủ. Tom quay lại và chạy qua cầu.

Mười lăm hay hai mươi người của bá tước đứng ở cổng nhà thứ hai, sẵn sàng bảo vệ khu nhà phía trên. Họ dạt qua hai bên để bá tước và Tom đi qua. Khi vòng vây đóng lại, Tom nghe thấy tiếng chân ngựa vang trên cầu gỗ phía sau ông. Những người phòng thủ không còn cơ hội. Trong đầu, Tom nhận ra cuộc đột kích có một kế hoạch khéo léo và hoàn hảo. Nhưng tư tưởng chính của ông vẫn là nỗi lo sợ cho Ellen và các con. Một trăm binh sĩ khát máu sắp tràn vào. Ông chạy qua khu nhà phía trên đến đại sảnh.

Nửa đường trên chiếc cầu thang gỗ, ông quay nhìn lại. Những người phòng thủ ở cổng nhà thứ hai hầu như bị các kỵ binh uy hiếp. Bá tước ở ngay sau Tom. Chỉ còn đủ thời gian cho hai người vào sảnh đường và kéo

cầu lên vào phía trong. Tom chạy lên những bậc thang còn lại và nhảy vào sảnh đường – và rồi cậu nhìn thấy những kẻ tấn công thật thông minh.

Đoàn quân tiên phong, người đã phá cổng, cắt dây cáp kéo cầu, và châm lửa đốt chuồng bò, lại có một nhiệm vụ khác: họ đã đến sảnh đường phục kích tất cả những ai đến đó lánh nạn.

Bây giờ ngay trong đại sảnh, bốn người mặc áo xích sắt đang đứng. Chung quanh họ là xác chết đầy máu và những hiệp sĩ bị thương của bá tước, những người bị đánh khi bước vào sảnh đường. Và người cầm đầu của đoàn quân tiên phong, Tom nhìn thấy và bị sốc, là William Hamleigh.

Tom nhìn chăm chú, choáng váng vì bất ngờ. Mắt William mở rộng, khát máu. Tom nghĩ cậu sẽ giết ông, nhưng trước khi ông có thời gian để sợ hãi, một tay sai của William đã cầm cánh tay ông, kéo ông vào trong và đẩy ông ra khỏi đường đi.

Thì ra gia đình Hamleigh là người tấn công lâu đài Bá tước Bartholomew. Nhưng tại sao?

Tất cả người phục vụ và trẻ em tụ lại thành một đồng sợ hãi ở phía xa sảnh đường. Như vậy chỉ có binh lính là bị giết. Tom rà sát những khuôn mặt trong hội trường, và, với sự thờ phào và biết ơn, ông nhìn thấy Alfred, Martha, Ellen và Jack, tất cả quây quần với nhau, trông sợ hãi nhưng vẫn sống và dường như không bị thương tích.

Trước khi ông đến với họ, một cuộc chiến nổ ra ngay cửa ra vào. Bá tước Bartholomew và hai hiệp sĩ xông vào và bị Hamleigh đang chờ đợi phục kích. Một người của bá tước bị đánh gục ngay lập tức, nhưng người khác bảo vệ bá tước với gươm trên tay. Nhiều hiệp sĩ đứng sau lưng bá tước, và bất ngờ một cuộc chiến sát lá cà trong khoảng chật hẹp, và dao và nắm đấm được sử dụng vì không có chỗ cho gươm giáo dài. Có những lúc tưởng chừng như nhóm của bá tước thắng thế; nhưng rồi vài người của bá tước quay ngược lại và phòng thủ từ đằng sau: rõ ràng là quân tấn công đã xâm nhập vào khu nhà dưới và đang leo lên cầu thang gỗ tấn công vào đại sảnh.

Một giọng nói quyền lực vang lên: “Ngừng lại!”

Quân của cả hai phía đứng trong tư thế phòng thủ, và cuộc chiến ngưng lại.

Cùng giọng nói cất lên: “Bartholomew thành Shiring, ông có đầu hàng không?”

Tom nhìn thấy bá tước quay và nhìn ra cửa. Các hiệp sĩ bước qua hai bên cho ông nhìn ra. “Hamleigh,” bá tước lẩm bẩm bằng một giọng nói bình thản. Rồi ông lên giọng nói: “Ông sẽ để cho gia đình và thuộc hạ của tôi bình yên chứ?”

“Được.”

“Ông có thề không?”

“Tôi thề trước mặt Chúa, nếu ông đầu hàng.”

“Tôi đầu hàng,” Bá tước Bartholomew nói.

Một tràng pháo tay từ bên ngoài.

Tom quay đi. Martha chạy qua phòng, đến với ông. Ông bế cô lên, rồi ôm Ellen.

“Chúng ta được an toàn,” Ellen nói với dòng nước mắt trên mặt. “Tất cả chúng ta, mọi người đều an toàn.”

“An toàn,” Tom nói cay đắng, “nhưng lại một lần nữa trắng tay.”

Bất ngờ William ngừng cổ vũ. Cậu là con của Bá tước Percy, và nó không xứng đáng khi cậu la hét và reo hò như những người lính khác. Cậu chỉnh lại khuôn mặt thành một thái độ hài lòng quý phái.

Họ đã chiến thắng. Cậu đã thực hiện kế hoạch, không phải không có một số tổn thất, nhưng nó xuôi chảy, và cuộc tấn công thành công lớn vì sự chuẩn bị của cậu. Cậu không thể đếm được bao nhiêu người cậu đã giết và gây thương tích, nhưng cậu không hề hấn gì. Nhưng tại sao lại có máu trên mặt, cậu nghĩ. Khi cậu lau đi, nó lại chảy ra. Nó phải là máu của cậu. Cậu đặt tay lên mặt, rồi lên đầu. Một số tóc của cậu đã mất, và khi cậu đụng vào da đầu, nó đau như lửa. Cậu đã không đội mũ sắt, bởi vì như thế sẽ gây nghi ngờ. Bây giờ, khi cậu biết mình bị thương, cậu cũng cảm thấy nó đau. Cậu không quan tâm đến. Một vết thương là một huy chương của lòng dũng cảm.

Bố cậu lên bậc thang và đối diện với Bá tước Bartholomew ở cửa. Bartholomew đưa đuôi kiếm ra như dấu hiệu đầu hàng. Percy đón lấy và quân của ông vỗ tay một lần nữa.

Khi sự ồn ào qua đi, William nghe Bartholomew hỏi: “Tại sao các ông lại làm chuyện này?”

Ông bố trả lời: “Ông âm mưu chống nhà vua.”

Bartholomew ngạc nhiên vì Bá tước Percy biết điều này, và khuôn mặt lộ nét kinh ngạc. William ngừng thở, tự hỏi không biết Bartholomew, trong sự tuyệt vọng vì thất bại, có thú nhận âm mưu trước những người đang hiện diện không. Nhưng ông giữ lại bình tĩnh, đứng thẳng người và nói: “Tôi sẽ bảo vệ danh dự của tôi trước mặt nhà vua, chứ không ở đây.”

Ông bố gật đầu. “Như ông muốn. Hãy nói với quân của ông bỏ vũ khí xuống và rời khỏi lâu đài.”

Bá tước lẩm bẩm lời ra lệnh cho các hiệp sĩ của mình, và từng người một, họ đến trước mặt Percy Hamleigh và bỏ kiếm xuống đất. William thích thú khi nhìn cảnh tượng đó. Hãy nhìn tất cả họ hạ mình trước bố tôi, cậu hãnh diện nghĩ.

Percy Hamleigh ra lệnh cho một hiệp sĩ: “Tụ hợp các con ngựa sống chuồng lại và đem vào chuồng. Một số người khác thu thập vũ khí của những người chết và bị thương.” Vũ khí và ngựa của người chiến bại thuộc về kẻ chiến thắng, tất nhiên: quân sĩ của Bartholomew sẽ giải tán, đi bộ và tay không. Người của Hamleigh cũng thu sạch các kho chứa đồ. Những con ngựa bị tịch thu sẽ chở đầy hàng hóa về Hamleigh, ngôi làng được mang tên gia đình Hamleigh. Ông bố gọi một hiệp sĩ và nói: ”Sắp xếp nhân viên nhà bếp và bảo họ chuẩn bị bữa ăn trưa. Những đầy tớ khác cho họ về.” Người ta đói sau trận chiến: bây giờ sẽ là một tiệc mừng. Lương thực và rượu ngon nhất của Bá tước Bartholomew sẽ được đem ra ăn và uống ở đây trước khi lên đường về nhà.

Một lúc sau, các hiệp sĩ đứng xung quanh ông bố và Bartholomew dạt ra làm hai, tạo thành lối đi, và bà mẹ tiến vào.

Trông bà nhỏ bé giữa những binh sĩ lực lưỡng, nhưng khi bà mở khăn che mặt, những người chưa bao giờ biết bà bị sốc. Bà nhìn ông bố. “Một chiến thắng tuyệt vời,” bà nói với giọng hài lòng.

William muốn nói: Đó là vì công việc được chuẩn bị tốt, phải không mẹ?

Cậu cắn lưỡi, nhưng bố cậu đã nói thay cậu: “Chính William đã chuẩn bị cho chúng ta.”

Bà mẹ quay qua cậu, và cậu háo hức chờ đợi bà đến chúc mừng. “Có phải anh ấy đã làm không?”

“Đúng,” ông bố nói. “Cậu con trai đã thực hiện tốt đẹp công việc này.”

“Bà mẹ gật đầu. “Có lẽ ông nói đúng,” bà nói.

Trái tim William ấm lên vì lời khen của bà và cậu cười ngu ngốc.

Bà mẹ nhìn Bá tước Barthalomew. “Bá tước, cúi đầu xuống trước tôi,” bà nói.

Bá tước nói: “Không.”

Bà mẹ nói: “Bắt đứa con gái cho tôi.”

William nhìn quanh. Lúc đó cậu đã quên Aliena. Cậu rảo mắt qua các khuôn mặt của đầy tớ và trẻ em, và phát hiện ra cô ngay, đang đứng với Matthew, người quản lý lâu đài. William đi đến bên cô, nắm cánh tay cô và đưa tới bà mẹ. Matthew đi theo họ.

Bà mẹ nói: “Cắt tai nó.”

Aliena hét lên.

William cảm thấy một rung động lạ trong bụng dưới thắt lưng.

Khuôn mặt của Bartholomew biến thành xám. “Ông đã hứa ông sẽ không làm hại cô, nếu tôi đầu hàng,” ông nói. “Ông đã thề điều đó.”

Bà mẹ nói: “Sự bảo vệ của chúng tôi sẽ tùy theo sự đầu hàng của ông.”

Thật thông minh, William nghĩ.

Bartholomew nhìn thách thức.

William tự hỏi ai sẽ là người được chọn để cắt tai Aliena. Có lẽ bà mẹ sẽ cho cậu cơ hội. Tư tưởng đó làm cậu hứng khởi.

Bà mẹ nói với Bartholomew: “Quỳ xuống!”

Chậm rãi Bartholomew quỳ xuống, cúi thấp đầu.

William cảm thấy thất vọng.

Bà mẹ lên giọng. “Hãy nhìn,” bà nói to cho những người đang tụ tập. “Đừng bao giờ quên số phận của người đã lăng mạ gia đình Hamleigh!” Bà ngạo nghễ nhìn quanh, và tim của William đập mạnh vì hãnh diện. Danh dự của gia đình được phục hồi.

Bà mẹ quay đi và ông bố tiếp tục. “Đem ông ấy đến phòng ngủ của ông ấy,” ông nói. “Nhớ canh chừng ông ấy cẩn thận.”

Bartholomew đứng dậy.

Ông bố nói với William: “Đem cô gái đi theo.”

William cầm chắc cánh tay cô. Cậu muốn chạm vào cô. Cậu sẽ đưa cô lên phòng ngủ. Không thể nói được những gì sẽ xảy ra. Nếu cậu còn lại một mình với cô ta, cậu có thể làm những gì cậu muốn làm với cô ấy. Cậu có thể cởi quần áo cô ra, nhìn vào sự trần truồng của cô. Cậu sẽ...

Bartholomew nói: “Hãy cho quản lý Matthew theo chúng tôi để chăm sóc cho con gái tôi.”

Ông bố nhìn Matthew. “Ông ta có thể tin tưởng được,” ông nói với một nụ cười gượng. “Được.”

William nhìn vào khuôn mặt của Aliena. Mặt cô vẫn trắng, nhưng thậm chí cô lại đẹp hơn khi cô sợ hãi. Nó rất thú vị để ngắm cô trong tình trạng dễ tổn thương này. Cậu muốn đè bẹp thân thể cô dưới thân cậu, muốn nhìn thấy sự sợ hãi trên khuôn mặt cô khi cậu banh chân cô ra. Bốc đồng, cậu cúi mặt cậu sát mặt cô và nói bằng giọng nhỏ nhẹ: “Anh vẫn muốn cưới em làm vợ”

Cô rút tay ra khỏi tay cậu. “Cưới tôi” cô nói lớn tiếng bằng giọng khinh miệt. “Tôi thà chết còn hơn là cưới anh, đồ con cóc đáng khinh bỉ!”

Các hiệp sĩ cười thoải mái, và vài đầy tớ cười khẩy.

William cảm thấy mặt mình đỏ bừng.

Bà mẹ bất ngờ bước lên và tát vào mặt Aliena.

Bartholomew muốn bênh vực con, nhưng bị các hiệp sĩ chặn lại. “Câm miệng lại,” bà mẹ nói với Aliena. “Mày không còn là một phụ nữ quý phái nữa – mày là con của kẻ phản bội, chẳng bao lâu nữa mày sẽ cơ cực và đói khát. Mày không còn xứng đáng với con tao. Hãy xa khỏi mắt tao và đừng nói gì nữa.”

Aliena quay đi. William rời tay cô và cô đi theo bố cô. Khi cậu nhìn cô đi, William nhận ra rằng vị trả thù ngọt ngào đã thành cay đắng trong miệng cậu.

Cô thực sự là nữ anh hùng, giống như nàng công chúa trong thơ ca, Jack nghĩ. Cậu quan sát, ngưỡng phục khi cô bước lên bậc thang với bố cô, đầu cô ngẩng cao. Cả phòng yên lặng cho đến khi cô đi khỏi. Khi cô đi, nó giống như một ngọn đèn lụi tắt. Jack nhìn vào chỗ nơi cô đã đứng.

Một hiệp sĩ vào và hỏi: “Ai là người nấu bếp ở đây?”

Thợ nấu bếp cả không dám nhận, nhưng người khác chỉ vào ông.

“Ông chuẩn bị nấu ăn cho trưa nay,” người hiệp sĩ nói. “Đem theo người giúp và đi xuống bếp.” Người bếp chọn từ đám đông một vài người. Người hiệp sĩ lên giọng. “Những người còn lại hãy ra khỏi lâu đài. Đi nhanh lên! Nếu còn quý mạng sống mình thì đừng lấy những gì không thuộc về mình. Gươm chúng tôi đã vướng máu, bây giờ thêm một chút cũng chẳng sao đâu. Đi đi!”

Tất cả lê bước ra cửa. Mẹ Jack cầm tay cậu và Tom cầm tay Martha. Alfred đứng gần bên. Tất cả họ mặc áo khoác, và họ không có tài sản gì khác ngoài quần áo của họ và con dao ăn. Cùng với đám đông họ xuống cầu thang, đi qua cầu, xuyên qua khu nhà bên dưới, đi qua nhà gác, bước qua cổng đã thành vô dụng, rời khỏi lâu đài mà không lần nào ngừng bước nghỉ ngơi. Khi họ bước qua khỏi cây cầu vào cánh đồng, bên kia thông hào, sự căng thẳng giãn ra giống như dây cung bị đứt, và tất cả họ bắt đầu hào hứng nói về những thử thách của họ ở trong sảnh đường. Jack nghe vu vơ khi cậu đi cùng họ. Mọi người gọi lại hành động anh hùng của mình. Cậu không can đảm – cậu đơn giản chỉ là người chạy trốn.

Aliena là người dũng cảm duy nhất. Khi cô bước vào sảnh đường và nhận ra đó không phải là nơi trú ẩn mà là một cái bẫy, cô đã lo lắng cho những người giúp việc và trẻ em, nói với họ ngồi xuống, giữ yên lặng và tránh đường của những chiến binh, la hét quân của Hamleigh khi họ đối xử tồi tệ với tù nhân hoặc vung kiếm trên những người đàn ông không vũ khí hoặc đàn bà. Cô hành động như thể cô là người không thể bị thương tích.

Mẹ cậu rờ mái tóc cậu. “Con đang nghĩ gì thế?”

“Con đang tự hỏi không biết có chuyện gì xảy ra cho nàng công chúa không?”

Bà biết cậu nói về ai. “Công nương Aliena?”

“Cô giống như công chúa trong thơ ca sống trong lâu đài. Nhưng các hiệp sĩ không đạo đức như các bài thơ viết về họ.”

“Đúng thế,” bà nói dứt khoát.

“Điều gì có thể xảy ra cho cô ta?”

Bà lắc đầu. “Thực sự mẹ không biết.”

“Mẹ của cô ấy đã chết.”

“Như vậy cô ấy sẽ có một giai đoạn khó khăn.”

“Con cũng nghĩ như vậy.” Jack ngừng nói. “Cô ấy đã cười con vì con không biết gì về vai trò của đàn ông trong việc sinh con. Nhưng dù vậy con vẫn thích cô ấy.”

Mẹ cậu vòng tay ôm cậu. “Mẹ xin lỗi đã không kể cho con về vai trò của những người bố.”

Cậu chạm vào tay bà, chấp nhận lời xin lỗi của bà. Họ đi trong im lặng. Lâu lâu một gia đình lại tách ra khỏi đường, vượt qua cánh đồng tìm đến nhà người thân hay bạn bè để xin bữa ăn sáng và nghĩ về tương lai trước mặt. Hầu hết họ ở lại bên nhau cho đến ngã tư, rồi họ chia tay, một số đi về hướng bắc hay nam, một số tiếp tục đi thẳng theo hướng chợ Shiring. Ellen bỏ tay Jack và đặt một tay lên cánh tay Tom làm ông dừng lại. “Chúng ta sẽ đi đâu?” bà hỏi.

Ông ngạc nhiên khi bị hỏi, như thể ông chờ đợi mọi người sẽ theo ông đi bất cứ nơi đâu mà không thắc mắc. Jack nhận ra rằng mẹ cậu thường làm cho Tom ngạc nhiên. Có lẽ vợ cũ của ông thuộc mẫu người khác.

“Chúng ta đến tu viện Kingsbridge,” Tom nói.

“Kingsbridge!” Ellen dường như rùng mình. Jack tự hỏi không biết tại sao.

Tom không chú ý đến. “Tối qua tôi nghe tu viện có tu viện trưởng mới,” ông tiếp tục. “Thường thường một người mới sẽ sửa chữa hoặc thay đổi nhà thờ.”

“Tu viện trưởng cũ đã chết?”

“Vâng.”

Vì lý do nào đó, Ellen được xoa dịu bởi tin tức đó. Chắc chắn bà phải biết tu viện cũ, Jack nghĩ, và cậu không thích ông ấy.

Sau cùng Tom nghe thấy có chút băn khoăn trong giọng nói của bà. “Có chuyện gì không ổn với Kingsbirdge?” ông hỏi bà.

“Em đã ở đó. Nó cách đây một ngày đằng.”

Jack biết không phải đoạn đường dài làm phiền mẹ cậu, nhưng Tom không biết. “Không lâu như thế,” ông nói. “Chúng ta sẽ đến đó vào giữa trưa ngày mai.”

“Vâng.”

Họ lại tiếp tục.

Một lúc sau Jack cảm thấy đau trong bụng. Lúc đầu cậu không biết tại sao. Cậu không bị đau trong khi ở lâu đài và Alfred cũng không đánh cậu trong hai ngày qua. Nhưng sau cùng nhận ra tại sao.

Cậu lại đói.

PHẦN BỐN

I

Nhà thờ chính tòa Kingsbridge nhìn không hấp dẫn. Nó là một công trình đồ sộ, thấp và có những bức tường dày và cửa sổ nhỏ. Nó được xây dựng trước thời của Tom, trong thời kỳ mà những người xây nhà chưa nhận ra tầm quan trọng của tỷ lệ. Thế hệ của Tom nhận ra rằng một bức tường thẳng cứng cáp, thực chất thì tốt hơn là bức tường dày, và từ bức tường này có thể trở ra những cửa sổ lớn, miễn là vòm cửa sổ là một nửa vòng tròn hoàn hảo. Từ xa, nhà thờ trông có vẻ lệch, khi đến gần Tom biết tại sao: một trong tháp đôi ở đầu phía tây đã bị sụp đổ. Ông háo hức. Tu viện trưởng chắc muốn xây lại nó. Niềm hy vọng đẩy bước chân ông. Ông đã được thuê ở lâu đài lãnh chúa, rồi nhìn thấy chủ mới bị thất bại trong cuộc chiến và bị bắt. Điều đó làm ông đau lòng. Ông cảm thấy ông không thể chịu đựng được một sự thất vọng như thế nữa.

Ông liếc nhìn Ellen. Ông sợ một ngày nào đó bà thấy ông không tìm được việc làm, rồi gia đình có thể lâm cảnh chết đói, và bà sẽ quyết định bỏ ông. Bà mỉm cười với ông, nhưng mặt bà tối sầm lại khi bà ngược nhìn bóng nhà thờ lờ mờ từ xa. Bà không thoải mái khi gặp linh mục và tu sĩ, ông nhận ra điều đó. Ông tự hỏi có phải bà cảm thấy có lỗi vì họ thật sự chưa kết hôn với lời chúc lành của giáo hội không.

Khu vực tu viện đầy nhộn nhịp và công việc. Tom đã nhìn thấy có những tu viện ử rũ và những tu viện bận rộn, nhưng Kingsbridge khác thường. Bầu khí như vào mùa xuân – mùa của ba tháng dọn dẹp đầu năm. Bên ngoài chuồng ngựa, hai tu sĩ chải chuốt ngựa và tu sĩ thứ ba làm sạch hàng rào, trong khi các tập sinh dọn phân chuồng. Nhiều tu sĩ dọn dẹp và lau

chùi nhà khách bên cạnh chuồng ngựa, và một xe rơm sạch đứng sẵn trước cửa, chuẩn bị để được rải lên nền nhà sạch.

Tuy nhiên không có ai làm việc nơi tháp đổ. Tom nghiên cứu đồng gạch vỡ còn lại. Tháp này đã đổ cách đây vài năm, bởi vì cạnh các viên đá đã bị sương giá và mưa bào mòn, gạch vữa đã bị cuốn trôi, và đồng gạch đã lún sâu vào đất. Điều đáng chú ý là việc sửa chữa đã không được thực hiện, dù nhà thờ chính tòa luôn được coi là ưu tiên. Có lẽ Tom đến sau khi các tu sĩ đã lên kế hoạch xây dựng lại. Ông lại bỏ lỡ cơ hội.

“Không ai nhận ra tôi,” Ellen nói.

“Em đã đến đây bao giờ?” Tom hỏi cô.

“Mười ba năm trước.”

“Thế thì không có gì ngạc nhiên khi họ không nhận ra em.”

Khi họ đi ngang qua mặt tiền phía tây, Tom mở một cửa gỗ to và nhìn vào bên trong. Gian giữa tối tăm và ảm đạm, với hàng cột đồ sộ và mái trần bằng gỗ cũ. Tuy nhiên, nhiều tu sĩ đang sơn tường bằng những cọ dài, và những người khác đang lau nền nhà bám đầy đất. Tu viện trưởng mới rõ ràng muốn thu dọn toàn bộ khu vực. Đó là dấu hiệu đầy hy vọng. Tom khép cửa lại.

Bên cạnh nhà thờ, trong sân nhà bếp, một nhóm tập sinh đứng xung quanh một thùng nước dơ, cạo rửa bồ hóng và mỡ ra khỏi nồi niêu và đồ dùng nhà bếp bằng những viên đá nhọn. Đốt ngón tay họ đỏ lên vì bàn tay luôn nhúng trong nước lạnh. Khi họ nhìn thấy Ellen, họ cười khúc khích và quay mặt đi.

Tom hỏi một tập sinh xem người quản lý ở đâu. Chính ra ông phải hỏi người phụ trách phụng vụ, bởi vì công việc của nhà thờ là nhiệm vụ của người phụ trách phụng vụ; nhưng người quản lý thường dễ gặp hơn. Tuy nhiên, sau cùng chính tu viện trưởng mới là người quyết định. Người tập sinh chỉ cho ông tầng hầm của một căn nhà ở sân tu viện. Tom đi vào qua một cửa mở, Ellen và các trẻ em theo sau. Tất cả dừng lại nơi ngưỡng cửa để mắt quen dần với bóng tối.

Tòa nhà này mới hơn và xây chắc chắn hơn nhà thờ, Tom có thể nói ngay. Không khí khô và không có mùi ẩm thấp. Trong thực tế, mùi pha trộn

của đồ ăn dự trữ trong nhà kho làm cho bao tử ông quặn quaoại, bởi vì hai ngày qua ông chưa ăn gì. Khi mắt ông đã quen dần với bóng tối, ông thấy tầng hầm có nền nhà lát gạch, những cột nhà to và thấp, và trần là một mái vòm. Một lúc sau ông thấy một người cao lớn, hói đầu đang xúc muối vào nồi. “Ông có phải là quản lý ở đây không?” Tom hỏi, nhưng ông dùng tay ra hiệu cho Tom yên lặng, và Tom biết ông đang đếm. Tất cả họ chờ ông trong yên lặng. Sau cùng ông nói: “... năm mươi tám, năm mươi chín, sáu mươi!” rồi ông đặt muôi xuống.

Tom nói: “Tôi là Tom, thợ xây dựng tổng thể chính, và tôi muốn xây lại cây tháp phía tây bắc nhà thờ.”

“Tôi là Cuthbert, được gọi là đầu trắng, người quản lý, và tôi rất vui khi nó được xây lại,” ông trả lời. “Nhưng chúng tôi phải hỏi tu viện trưởng Philip. Ông có biết chúng tôi có một tu viện trưởng mới rồi không?”

“Vâng,” Cuthbert thuộc lớp tu sĩ vui vẻ, Tom nhận định, một người bình dân và dễ tính. Ông thích nói chuyện. “Và tu viện trưởng mới dường như muốn cải tiến bộ mặt của tu viện.”

Cuthbert gật đầu. “Nhưng ông ấy không muốn trả tiền thuê người. Ông có nhận thấy tất cả công việc đều do các tu sĩ thực hiện không? Ông không muốn nhận thêm người, ông cho rằng tu viện đã có quá nhiều người phục vụ.”

Đó là một tin xấu. “Các tu sĩ nghĩ gì về chuyện đó?” Tom hỏi một cách tế nhị.

Cuthbert cười, và khuôn mặt vốn dĩ nhăn nhúm của ông lại nhăn thêm. “Ông là một người thực tế, thợ xây Tom ạ. Có phải ông chưa bao giờ thấy các tu sĩ làm việc vất vả, phải không? Đúng, tu viện trưởng mới không bắt buộc ai cả. Nhưng ông diễn giải quy tắc của thánh Biển Đức theo cách là những người làm việc chân tay vất vả được ăn thịt đỏ và uống rượu nho, trong khi những người dành nhiều giờ cho học tập và cầu nguyện sẽ chỉ dùng cá muối và bia nhạt. Ông ta cũng có thể lý giải cho ông về chuyện đó. Nhưng điều quan trọng là ông ấy có nhiều tình nguyện viên cho các công việc nặng nhọc, đặc biệt là thành phần trẻ.” Cuthbert tỏ vẻ không chống lại chuyện đó, ông chỉ hoang mang.

Tom nói: “Nhưng các tu sĩ không thể xây được các bức tường đá, mặc dù họ có thể ăn nhiều.” Khi ông đang nói, ông nghe thấy tiếng trẻ thơ khóc. Tiếng khóc của trẻ thơ đánh động trái tim ông. Ông cần một lúc lâu mới nhận ra rằng tại sao trong tu viện lại có một trẻ thơ.

“Trước hết chúng ta hỏi tu viện trưởng,” Cuthbert nói, nhưng Tom không còn có thể lắng nghe. Tiếng khóc của một bé thơ còn rất nhỏ, chỉ khoảng một hoặc hai tuần, vang lên đâu đó và nó đang đến gần. Tom bắt gặp ánh mắt của Ellen. Bà ấy cũng đang giật mình. Rồi có một bóng tối trên ngưỡng cửa. Một cái gì đó chặn ở cổ ông. Một tu sĩ bế một bé thơ. Tom nhìn vào mặt nó. Nó là con ông.

Tom nuốt nước bọt xuống. Khuôn mặt bé thơ vẫn đỏ, nó đã có thể nắm chặt bàn tay và miệng nó mở rộng, chìa ra hàm lợi. Tiếng khóc của nó không phải là tiếng khóc của đau đớn hay bệnh tật, nhưng chỉ thông thường là tiếng đòi ăn. Nó là một đứa bé khỏe mạnh, và Tom cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy con mình bình an.

Tu sĩ bế nó là một người vui vẻ, khoảng hai mươi tuổi, có mái tóc ngang bướng và một nụ cười rộng, giống như khờ khạo. Không giống các tu sĩ khác, ông không có phản ứng gì về sự hiện diện của một người phụ nữ. Ông mỉm cười với tất cả mọi người, rồi nói với Cuthbert. “Jonathan cần thêm sữa.”

Tom muốn bế đứa bé trong tay mình. Ông cố gắng làm mặt nghiêm, không muốn biểu lộ cảm xúc của mình ra mặt. Ông lén lút nhìn các đứa con. Tất cả những gì chúng biết là đứa bé bị bỏ rơi đã được một linh mục tìm thấy khi đi ngang qua đó. Ngay cả chúng cũng không biết vị linh mục đó đã mang nó đến một tu viện nhỏ trong rừng. Khuôn mặt của chúng không tỏ vẻ gì, ngoại trừ sự tò mò. Chúng không liên tưởng được đứa bé này chính là đứa bé chúng đã bỏ lại trong rừng.

Cuthbert lấy một cái muôi và múc sữa từ trong xô vào một bình nhỏ. Ellen nói với tu sĩ trẻ: “Cho phép tôi được bế đứa bé không?” Cô đưa tay ra và tu sĩ trao đứa bé cho bà. Tom ghen tị với bà. Ông cầu mong được ôm chặt đứa nhỏ đó vào trái tim ông. Ellen ru nó và nó im lặng.

Cuthbert nhìn lên và nói: “Đúng, Johnny Eightpence là một người giữ trẻ tốt, nhưng ông không có sự nhạy cảm của phụ nữ.”

Ellen nhìn ông. “Tại sao người ta lại gọi ông là Johnny Eightpence?”

Cuthbert trả lời thay ông. “Bởi vì một đồng đối với ông chỉ là tám xu,” ông nói, rồi chỉ tay vào đầu để ra dấu rằng Johnny không bình thường. “Nhưng ông ta hiểu nhu cầu của tạo vật bé nhỏ này hơn chúng ta, những người cho mình là khôn ngoan. Đó là một phần trong mục đích rộng lớn của Thiên Chúa, tôi chắc như vậy,” ông chấm dứt một cách mơ hồ.

Ellen nhích gần tới Tom và đưa đứa nhỏ cho Tom. Bà đã đọc được ước muốn của ông. Ông nhìn bà bằng cái nhìn biết ơn sâu sắc, rồi bế đứa bé trong bàn tay thô của ông. Ông có thể cảm nhận nhịp tim của đứa bé qua tấm chăn bọc nó. Vật liệu của chăn rất tốt: ông tự hỏi không biết làm sao các tu sĩ có len mềm như vậy. Ông ôm đứa bé vào ngực và ru nó. Kỹ thuật ru con của ông không bằng Ellen, nên đứa bé lại bật khóc, nhưng Tom không quan tâm: tiếng khóc inh ỏi của đứa bé là âm nhạc bên tai ông, bởi vì nó có nghĩa là đứa nhỏ ông bỏ lại trong rừng bây giờ khỏe mạnh và cứng cáp. Mặc dù đau đớn, ông thấy mình đã quyết định đúng khi để đứa bé lại trong tu viện.

Ellen hỏi Johnny: “Đứa bé ngủ ở đâu?”

Lần này ông tự trả lời: “Nó có một giường nhỏ trong phòng ngủ của chúng tôi.”

“Cả đêm nó sẽ đánh thức các ông dậy.”

“Đàng nào chúng tôi cũng dậy giữa đêm, cho giờ kinh đêm,” Johnny nói.

“Dĩ nhiên! Tôi quên rằng ban đêm các tu sĩ cũng mất ngủ như các bà mẹ.”

Cuthbert đưa cho Johnny bình sữa. Johnny lấy đứa bé từ tay Tom bằng cánh tay còn lại một cách thành thạo. Tom không muốn trao đứa bé, nhưng trong mắt các tu sĩ, ông không có quyền gì để giữ nó, vì thế ông phải để nó đi. Một lúc sau Johnny và đứa bé đi khỏi, và Tom phải chống lại ý định muốn theo họ và nói: hãy chờ một chút, nó là con tôi, trả nó lại cho tôi. Ellen đứng bên cạnh ông và siết chặt tay ông trong một cử chỉ cảm thông kín đáo.

Tom nhận ra ông có lý do mới để hy vọng. Nếu ông có thể làm việc ở đây, ông có thể trông thấy Jonathan mỗi ngày và như thế nó cũng giống như là ông đã chẳng bỏ rơi đứa bé. Nó quá đẹp đến nỗi ông không dám mơ nó là sự thật.

Đôi mắt tinh đời của Cuthbert quan sát thấy Martha và Jack mở to mắt nhìn vào chiếc bình đầy kem sữa mà Johnny đã đem đi, ông hỏi: “Các trẻ nhỏ có muốn sữa không?”

“Vâng, thưa cha, chúng nó muốn,” Tom nói. Chính ông cũng muốn uống nữa.

Cuthbert lấy sữa vào hai bát bằng gỗ và đưa cho Martha và Jack. Cả hai uống nhanh chóng, để lại vòng trắng xung quanh miệng. “Một ít nữa không?” Cuthbert đề nghị.

“Vâng,” cả hai cùng đáp. Tom nhìn Ellen, biết rằng bà cũng cảm thấy như ông, sâu sắc biết ơn khi nhìn thấy con mình được cho ăn.

Khi Cuthbert múc sữa vào bát, ông tình cờ hỏi: “Các ông từ đâu đến?”

“Từ lâu đài lãnh chúa, gần Shiring,” Tom nói. “Chúng tôi rời đó sáng qua.”

“Từ lúc đó đến giờ, các ông đã ăn gì chưa?”

“Chưa,” Tom nói thẳng thừng. Ông biết Cuthbert rất tốt, nhưng ông sợ phải thừa nhận là ông không đủ khả năng để nuôi các con ăn.

“Có vài trái táo kia ăn tạm để chờ tới giờ cơm,” Cuthbert nói và chỉ vào thùng táo gần cửa.

Alfred, Ellen và Tom đi tới thùng táo, trong khi Martha và Jack uống chén sữa thứ hai. Alfred cố ôm đầy táo trong cánh tay. Tom lấy bớt ra khỏi tay cậu và nói nhỏ: “Chỉ nên lấy hai hoặc ba thôi.” Cậu lấy ba.

Tom ăn táo với lòng biết ơn, và bụng ông dễ chịu hơn, nhưng ông tự hỏi không biết đã sắp đến giờ ăn chưa. Thông thường các tu sĩ ăn trước khi trời tối để tiết kiệm đèn, ông vui vẻ nhớ lại.

Cuthbert nhìn Ellen dò hỏi: “Tôi có biết bà không?”

Bà bất an. “Tôi không nghĩ thế.”

“Bà trông quen lắm,” ông nói chắc chắn.

“Khi còn nhỏ, tôi đã sống gần đây,” bà nói.

“Có thể như thế,” ông nói. “Đó là lý do tại sao tôi có cảm giác bà già hơn trước tuổi.”

“Ông phải có một trí nhớ tốt lắm.”

Ông cau mày nhìn bà. “Không tốt lắm đâu,” ông nói. “Tôi chắc chắn còn một chuyện gì đó nữa... Không vấn đề gì. Tại sao các ông bà lại rời khỏi lâu đài lãnh chúa?”

“Lâu đài bị tấn công vào buổi sáng ngày hôm qua, và đã thất thủ,” Tom trả lời. “Bá tước Bartholomew bị tố tội phản quốc.”

Cuthbert bị sốc. “Xin các thánh phù trợ chúng con!” ông kêu lên, và bất ngờ ông trông giống như một người già sợ hãi trước con bò đấu. “Phản quốc?”

Có tiếng chân bên ngoài. Tom quay lại nhìn thấy một tu sĩ khác bước vào. Cuthbert nói: “Đây là tu viện trưởng mới.”

Tom nhận ra tu viện trưởng. Đó là Philip, người mà họ đã gặp trên đường đến tòa giám mục, người đã cho họ pho mát ngon miệng. Bây giờ mọi chuyện rõ ràng: tu viện trưởng mới của Kingsbridge là tu viện trưởng cũ của tu viện nhỏ trong rừng, và ông đã mang Jonathan theo ông tới đây. Tim Tom nhảy mừng vì hy vọng. Philip là người tốt, và dường như ông thích và tin tưởng Tom. Chắc chắn ông sẽ cho Tom một công việc.

Philip nhận ra Tom. “Chào thợ xây Tom.” Ông nói. “Như vậy là ông không tìm được việc làm ở dinh thự giám mục à?”

“Thưa cha không. Ngài tổng đại diện không muốn tôi, và giám mục không có ở đó.”

“Đúng thế, ông ấy không có ở đó – ông ấy ở trên trời, mặc dù lúc đó chúng ta không biết.”

“Giám mục qua đời rồi sao?”

“Đúng.”

“Tin đó cũ rồi,” Cuthbert sốt ruột xen vào. “Tom và gia đình vừa đến từ lâu đài lãnh chúa. Bá tước Bartholomew đã bị bắt và lâu đài đã bị chiếm.”

Philip đứng im. “Đã rồi!” ông lẩm bẩm.

“Đã rồi?” Cuthbert lập lại. “Tại sao anh lại nói là ‘đã rồi’?” Dường như ông thích Philip nhưng cảnh giác về ông ấy, giống một người bố có con ra

trận đã lâu, rồi trở về nhà với một thanh gươm trong thắt lưng và một cái nhìn nguy hiểm trong mắt. “Anh biết là chuyện này sẽ xảy ra?” ông hỏi.

Philip hơi bối rối. “Không, không hoàn toàn,” ông nói không chắc chắn. “Tôi đã nghe tin đồn là Bá tước Bartholomew chống lại vua Stephen.” Ông bình tĩnh lại. “Tất cả chúng ta nên biết ơn,” ông tuyên bố. “Stephen hứa sẽ bảo vệ giáo hội, ngược lại Maud có thể áp bức chúng ta như bố bà. Vâng, đây đúng thực là tin vui.” Ông trông có vẻ hài lòng như chính ông đã thực hiện nó.

Tom không thích nói về Bá tước Bartholomew. “Nó không phải là tin vui cho tôi,” ông nói. “Bá tước đã thuê tôi, trước đó một ngày, để củng cố lại công trình phòng thủ của lâu đài. Thậm chí tôi chưa nhận được đồng lương nào.”

“Thật đáng buồn,” Philip nói. “Ai đã tấn công lâu đài?”

“Ngài Percy Hamleigh.”

“À!” Philip gật đầu, và một lần nữa Tom cảm thấy thông tin của ông chỉ xác nhận những gì Philip chờ đợi.

“Ông đang cải tiến một số việc ở đây,” Tom nói, cố gắng xoay chủ đề vào điều ông muốn.

“Tôi đang cố gắng,” Philip nói.

“Ông muốn xây lại tháp nhà thờ, tôi chắc chắn như thế.”

“Xây lại tháp chuông, sửa lại mái nhà, san bằng nền nhà – vâng, tôi muốn làm tất cả chuyện đó. Và dĩ nhiên, ông muốn xin việc,” ông nói thêm, như nhận ra lý do tại sao Tom có mặt ở đây. “Tôi không cần suy nghĩ. Tôi ước muốn thuê ông. Nhưng tôi sợ không thể trả lương cho ông được. Tu viện không còn xu nào.”

Tom cảm thấy như bị đấm. Ông đã tin sẽ tìm được việc làm ở đây, mọi chuyện tỏ ra là công việc ở đây đang cần ông. Ông không thể tin vào tai mình. Ông nhìn chăm chăm vào Philip. Thật khó mà tin rằng tu viện không có tiền. Người quản lý đã nói mọi công việc đều do các tu sĩ làm, nhưng mặc dù như vậy, một tu viện luôn luôn có thể mượn tiền của người Do Thái. Tom cảm thấy đây là con đường cùng của ông. Tất cả những gì đã giúp ông vượt qua mùa đông, bây giờ dường như không còn nữa, và ông

cảm thấy yếu đuối và bất lực. Tôi không thể tiếp tục nữa, ông nghĩ. Tôi đã kiệt sức.

Philip nhìn thấy nỗi khổ của ông. “Tôi có thể cung cấp cho ông bữa ăn tối, chỗ ngủ và một số đồ ăn buổi sáng,” ông nói.

Tom giận dữ cay đắng. “Tôi chấp nhận,” ông nói, “nhưng tốt hơn tôi muốn tự kiếm ra nó.”

Philip nhúm mày khi nhận ra sự tức giận của Tom. Nhưng ông nói bằng giọng nhẹ nhàng. “Xin Chúa – đó không phải là ăn xin, nó là một lời cầu nguyện.” Rồi ông đi ra.

Những người khác nhìn Tom với một chút sợ hãi. Ánh mắt họ nhìn ông làm ông tức giận. Ông đi ra sau Philip vài bước, đứng lại trong sân, nhìn vào nhà thờ cũ kỹ, cố gắng kiểm soát cảm xúc của mình.

Một lúc sau, Ellen và các đứa trẻ cũng theo ra. Ellen đặt tay quanh hông ông trong một cử chỉ an ủi, điều đó làm cho các tập sinh huých cùi chỏ vào nhau và xì xào với nhau. Tom không chú ý tới họ. “Tôi sẽ cầu nguyện,” ông nói chua chát. “Tôi sẽ cầu nguyện cho sấm sét đánh vào nhà thờ và san bằng nó xuống.”

Từ hai ngày qua, Jack biết sợ tương lai.

Trong giai đoạn sống ngắn ngủi vừa qua, cậu chẳng bao giờ phải nghĩ xa hơn ngày mai; nếu cậu phải nghĩ, cậu cũng biết những gì đang chờ đợi. Trong rừng ngày này giống ngày khác, và các mùa thay đổi từ từ. Bây giờ cậu không biết, ngày qua ngày, cậu sẽ làm gì, sẽ ăn gì.

Điều tồi tệ nhất là cơn đói triền miên. Jack đã bí mật ăn cỏ và lá cây để làm giảm cơn đói, nhưng nó lại gây nên một sự đau bụng khác. Martha thường khóc vì đói. Jack và Martha luôn đi với nhau. Cô nhìn cậu – trước đó cậu chưa bao giờ thấy. Sự bất lực không làm giảm cơn đau của cô, nó lại còn gây đau khổ cho cậu hơn là chính cơn đói của cậu.

Nếu còn sống trong hang động, cậu còn biết đi đâu để săn vịt, để tìm hạt hoặc ăn cắp trứng; nhưng ở đây, trong làng mạc và thị trấn này, trên những con đường xa lạ, cậu đã mất tất cả. Tất cả những gì cậu biết là Tom đã tìm được việc làm.

Buổi chiều họ ở trong nhà khách của tu viện. Nó là tòa nhà một phòng đơn giản, nền đất và một lò sưởi ở giữa, giống như nhà các nông dân khác, nhưng đối với Jack, người đã luôn sống trong hang động, nó tuyệt vời. Cậu tò mò về cách xây nhà và Tom hướng dẫn cậu. Đầu tiên, ông cắt nghĩa cho cậu, người ta phải chặt hai cây nhỏ, bỏ các cành đi, và đặt song song với nhau trong một góc, đặt thêm hai cây nữa tương tự như vậy cách đó bốn bước, dùng cây làm thêm hai hình tam giác rồi đặt lên đầu, sau đó nối liền hai khung với nhau bằng những xà ngang. Song song với xà ngang cột chặt những cành nhỏ hay thanh gỗ tạo thành mái dốc xuống mặt đất. Lau sậy được đặt trên mái và trộn với bùn cho nó không thấm nước. Hai đầu hồi được làm bằng cọc đóng xuống mặt đất, những ô nhỏ trong đó được trát bằng bùn. Mỗi đầu hồi có một cửa ra vào, không có cửa sổ.

Mẹ Jack rải rơm mới lên nền nhà, và Jack châm ngọn lửa bằng đá lửa cậu luôn mang theo bên mình. Khi những người khác ở xa, không nghe tiếng, Jack hỏi tại sao tu viện trưởng không muốn nhận Tom, mặc dù có nhiều việc phải làm. “Bao lâu nhà thờ còn sử dụng được, ông muốn tiết kiệm,” Ellen nói. “Nếu toàn bộ nhà thờ sụp đổ, họ bắt buộc phải xây lại, nhưng nếu chỉ là một cây tháp, họ còn có thể chấp nhận được.”

Khi ánh sáng ban ngày lùi dần vào hoàng hôn, một cậu bé giúp việc trong bếp đem đến một nồi súp và một ổ bánh mì cao bằng đầu người – và tất cả chỉ cho mình họ. Nồi súp được nấu với các loại rau, rau thơm và xương thịt, trên mặt nó lấp lánh chất béo. Ổ bánh mì được gọi là bánh ngựa; được làm bằng các loại ngũ cốc, lúa mạch đen, yến mạch cũng như đậu trắng và đen khô. Nó là loại bánh rẻ nhất, Alfred nói, nhưng đối với Jack, người đã không có gì ăn từ mấy ngày qua, bánh này ngon tuyệt. Jack ăn cho đến khi bụng cậu đau. Alfred ăn cho đến khi không còn gì.

Khi họ ngồi bên đống lửa để tiêu cơm, Jack nói với Alfred: “Tại sao tháp nhà thờ lại đổ?”

“Có lẽ nó bị sét đánh,” Alfred nói. “Hay là do lửa.”

“Nhưng nó không có vật liệu nào dễ cháy,” Jack nói. “Tất cả đều làm bằng đá.”

“Mái của nó không bằng đá, đồ ngu,” Alfred khinh bỉ nói. “Mái nhà được làm bằng gỗ.”

Jack nghĩ một lúc lâu về điều đó. “Và nếu mái nhà cháy, cả tòa nhà sẽ sụp xuống?”

Alfred nhún vai. “Một đôi khi.”

Chúng ngồi yên lặng một lúc lâu. Tom và mẹ của Jack đang thầm thì với nhau ở phía bên kia lò sưởi. Jack nói: “Đứa bé thật ngộ nghĩnh.”

“Ngộ nghĩnh điều gì?” Alfred nói.

“Đứa em bé nhỏ của anh bị thất lạc trong rừng, cách xa đây hàng nhiều dặm, và bây giờ một đứa bé lại xuất hiện ở đây trong tu viện.”

Ngay cả Alfred lẫn Martha hầu như tin rằng không có sự trùng hợp nào đáng chú ý, vì thế Jack cũng nhanh chóng quên nó.

Các tu sĩ đã đi ngủ ngay sau bữa ăn tối, và họ cũng không cung cấp nệm cho các khách bình dân, vì thế gia đình của Tom ngồi nhìn lửa lò sưởi cho đến khi nó tắt, rồi họ nằm xuống trên nền rơm.

Jack vẫn thức nghĩ ngợi. Cậu nghĩ rằng nếu nhà thờ sụp đổ tối nay, tất cả mọi vấn đề sẽ được giải quyết. Tu viện trưởng sẽ thuê Tom xây lại nhà thờ, tất cả họ sẽ ở lại đây, sống trong căn nhà đẹp đẽ này, và họ sẽ có súp xương thịt và bánh mì mãi mãi.

Nếu tôi là Tom, cậu nghĩ, chính tôi sẽ châm lửa đốt nhà thờ. Tôi sẽ nhẹ nhàng thức dậy khi mọi người đang ngủ ngon, lén vào nhà thờ, nhúm lửa với viên đá lửa của tôi, sau đó leo trở về đây trong khi ngọn lửa bắt đầu lan rộng, và giả vờ ngủ khi được báo động. Và khi mọi người hắt các xô nước vào lửa, như khi ngọn lửa bùng cháy ở lâu đài lãnh chúa, tôi sẽ nhập đoàn với họ như thể tôi cũng như họ muốn dập tắt ngọn lửa.

Alfred và Martha đã ngủ ngon – Jack nhận ra điều đó qua hơi thở của họ. Tom và Ellen đã làm những việc họ thường làm dưới áo choàng của Tom, Alfred cho biết nó được gọi là “giao hợp”, sau đó họ cũng ngủ thiếp đi. Dường như Tom không có ý định thức dậy đốt nhà thờ.

Nhưng ông định làm gì? Ông để gia đình đi mãi cho đến khi chết đói sao?

Khi họ ngủ ngon, và cậu biết họ đã ngủ say khi cậu nghe hơi thở của bốn người nhịp nhàng, chậm rãi. Cậu nảy sinh ý định tự đốt nhà thờ.

Ý tưởng này làm tim cậu đập nhanh vì sợ.

Cậu phải thức dậy thật êm. Cậu mở cửa và bước ra ngoài mà không đánh thức ai. Cửa nhà thờ chắc đóng kín, nhưng chắc chắn phải có cách vào, nhất là cho những người nhỏ con.

Nếu vào được bên trong, cậu sẽ tìm cách lên mái nhà. Trong hai tuần lễ với Tom, cậu đã học hỏi được nhiều điều. Tom luôn nói về nhà cửa, hầu hết nhắm tới Alfred, nhưng cậu không quan tâm, còn Jack lắng tai nghe. Cậu đã phát hiện ra rằng các nhà thờ lớn đều có các cầu thang xây vào trong tường để trèo lên khi cần sửa chữa. Cậu sẽ tìm thấy cầu thang và trèo lên.

Cậu ngồi dậy trong đêm tối, lắng nghe hơi thở của các người khác. Cậu có thể phân biệt được hơi thở của Tom qua tiếng khò khè, bị gây ra do bao năm hút bụi đá, mẹ cậu nói vậy. Alfred ngáy to, rồi trở mình và im lặng.

Sau khi cậu châm lửa đốt, cậu phải trở về nhà khách nhanh. Các tu sĩ sẽ làm gì nếu bắt được cậu? Ở Shiring, Jack đã nhìn thấy một cậu bé trạc lứa tuổi cậu bị trói và bị đánh vì đã ăn cắp đường của một tiệm tạp hóa. Cậu bé đã rú lên khi roi mây làm mông cậu chảy máu. Nó còn kinh khủng hơn là hai người giết nhau trong cuộc chiến, như xảy ra ở lâu đài lãnh chúa, và hình ảnh của đứa trẻ bị đánh chảy máu ám ảnh Jack. Cậu sợ chuyện này cũng xảy ra cho cậu.

Nếu tôi làm chuyện này, tôi sẽ chẳng bao giờ nói với ai.

Cậu lại nằm xuống, kéo áo choàng sát vào mình và nhắm mắt lại.

Cậu thắc mắc không biết cửa nhà thờ có khóa không. Nếu nó đóng, cậu sẽ vào qua cửa sổ. Không ai có thể nhìn thấy cậu nếu cậu ở phía bắc nhà thờ. Phòng ngủ của các tu sĩ ở phía nam, bị hành lang tu viện che khuất, và phía đó không có gì ngoài trừ khu nghĩa trang.

Cậu chần chừ một lúc rồi đứng lên.

Rơm tươi xào xạc dưới chân. Cậu lắng nghe lần nữa hơi thở của bốn người đang ngủ. Bây giờ hoàn toàn yên lặng; không có cả tiếng chuột chạy trong rơm. Cậu bước đi một bước, nín thở, lắng nghe. Những người khác ngủ và ngủ. Cậu không còn kiên nhẫn và bước nhanh ra cửa. Khi cậu dừng

lại, đàn chuột chắc nhận ra không có gì phải sợ hãi, nên tiếp tục cào bới, còn con người vẫn ngủ.

Cậu đập vào cánh cửa với đầu ngón tay, rồi rờ tay xuống thanh gỗ ngang. Đó là một thanh gỗ sồi gài trên hai móc đỡ. Cậu dơ tay đỡ, cầm nó và nâng lên. Nó nặng hơn cậu nghĩ, và sau khi nâng nó lên được vài phân, cậu phải để nó xuống. Khi nó rơi xuống móc đỡ, nó kêu rất to. Cậu sững người, lắng nghe. Hơi thở khò khè của Tom ngưng lại. Tôi phải nói gì, nếu tôi bị bắt? Jack nghĩ tuyệt vọng. Tôi sẽ nói là tôi định đi ra ngoài ... ra ngoài... Tôi biết, tôi sẽ nói là tôi ra ngoài để đi tiểu. Cậu thoải mái ra vì đã tìm được lý do. Cậu nghe Tom trở mình, và chờ đợi giọng nói trầm, khàn khàn của ông, nhưng nó đã không đến, và Tom lại bắt đầu thở đều đặn.

Màu bạc của góc cửa lấp lánh ma quái. Trời phải có trăng, Jack nghĩ. Cậu lại nắm thanh ngang, lấy hơi và cố nâng nó lên. Lần này cậu đã đo lường được trọng lượng của nó. Cậu nâng nó lên và kéo nó về phía mình, nhưng cậu đã không nâng cao đủ, và nó không ra khỏi móc đỡ. Cậu nâng nó lên vài phân nữa, và nó ra khỏi. Cậu giữ nó ngang ngực, rồi từ từ quỳ xuống trên đầu gối, và đặt nó lên đất. Cậu giữ tư thế đó một lúc, cố gắng thở nhịp nhàng, chờ cho cánh tay bớt đau. Không có âm thanh nào từ những người khác, chỉ có tiếng ồn ào của giấc ngủ.

Cẩn thận, Jack mở một cánh cửa. Bản lề sắt kêu kèn kẹt và một cơn gió lạnh thổi qua cánh cửa mở. Cậu rùng mình. Cậu kéo áo choàng sát mình và mở cửa rộng thêm. Cậu lướt nhanh ra và đóng cửa lại.

Đám mây tan đi, và mặt trăng di chuyển trên bầu trời. Có một cơn gió lạnh. Có lúc Jack bị cám dỗ trở về với sự ấm áp ngọt ngào của ngôi nhà. Ngôi nhà thờ đồ sộ, với tháp chuông đã bị đổ, đứng sừng sững trong ánh trăng. Bức tường dày và cửa sổ nhỏ làm cho nó trông như một lâu đài. Nó trông xấu xí.

Tất cả im lặng. Bên ngoài bức tường tu viện, trong làng, có thể còn những nhóm người ngồi uống bia bên cạnh ánh sáng lò sưởi, hoặc may vá bên ánh sáng của cây đèn bắc, nhưng ở đây không có gì nhúc nhích. Jack vẫn còn do dự, nhìn vào nhà thờ. Nhà thờ nhìn lại cậu với cái nhìn tố cáo,

như thế nó biết ý định của cậu. Cậu giữ bỏ cảm giác ma quái bằng cái nhún vai, và đi ngang khu cỏ xanh rộng tới phía tây.

Cửa nhà thờ khóa.

Cậu đi xung quanh tới phía bắc và nhìn vào các cửa sổ nhà thờ. Một số cửa sổ được căng bằng những tấm vải lụa to, chắn cơn lạnh vào. Chúng đủ to để cậu chui vào, nhưng chúng quá cao để có thể trèo lên. Cậu khảo sát bức tường bằng ngón tay, tìm kiếm những nơi hồ vữa đã rơi ra, nhưng nó không đủ lớn để chân cậu có thể đặt lên. Cậu cần cái gì đó để làm thang leo lên.

Cậu dự định lấy đá từ đồng gạch vụn xây một cầu thang tạm thời, nhưng tảng đá vỡ quá nặng và không đều nhau. Cậu có cảm giác ban ngày cậu đã nhìn thấy cái gì đó có thể dùng cho mục đích của cậu và cậu bắt đầu để nhớ lại. Ánh mắt cậu dõi theo ánh trăng trên nghĩa địa đến chuồng ngựa, và cậu nhớ ra một bụi nhỏ, chỉ có hai hoặc ba bậc, để giúp những người thấp bé có thể trèo lên lưng con ngựa to lớn. Một tu sĩ đã đứng trên đó để chải bờm ngựa.

Cậu đi qua chuồng ngựa. Nó không phải là vật đáng giá để ăn trộm, nên nó không bị cất đi vào ban đêm. Cậu đi nhẹ nhàng, nhưng ngựa nghe tiếng chân cậu và trở nên hoảng loạn, một vài con khịt mũi và ho. Cậu đứng lại, sợ hãi. Có thể các cậu chặn ngựa ngủ trong chuồng. Cậu đứng lặng yên một lúc, lắng nghe tiếng chuyển động của con người, nhưng không có gì và ngựa cũng yên lặng.

Cậu không tìm thấy bụi gỗ. Có lẽ nó được để gần tường. Jack nhìn qua bóng trăng. Rất khó để nhìn thấy gì. Thận trọng cậu đi đến chuồng và đi theo chiều dài của nó. Những con ngựa nghe thấy tiếng chân cậu, và khi cậu đến gần, chúng hoảng sợ, một con hí vang. Jack chết cứng. Một giọng nói vang lên: “im, im.” Khi cậu đứng đó chết cứng như một bức tượng, cậu thấy bụi gỗ ngay trước mặt, chỉ cần một bước chân nữa là cậu có thể cầm nó lên. Cậu đợi thêm vài phút. Không còn tiếng động trong chuồng ngựa. Cậu cúi xuống, lấy nó lên và vác nó trên vai. Cậu quay lại, đi ngang bãi cỏ về lại nhà thờ. Chuồng ngựa im lặng.

Khi cậu trèo lên bậc cao nhất của bụi gỗ, nó vẫn chưa cao đủ để cậu đứng đến cửa sổ. Thật tức mình: ngay cả cậu không thể nhìn vào trong. Thực tế cậu vẫn chần chừ có nên thực hiện kế hoạch nữa không, nhưng cậu không muốn dừng lại vì những trở ngại bên ngoài. Cậu ước mơ được cao lớn như Alfred.

Có một cách khác để cậu có thể thử. Cậu lùi lại, lấy đà, nhẩy một chân lên bụi gỗ rồi tung người lên. Cậu dễ dàng với tới cửa sổ và bám vào khung đá. Cậu hít người lên, ngồi vào bệ cửa sổ. Nhưng khi cậu tính chui vào qua lỗ hồng, cậu gặp một bất ngờ. Cửa sổ bị chặn bởi mắt lưới sắt mà từ bên ngoài cậu không thể nhìn thấy vì nó đen. Jack quỳ trên thành cửa, kiểm tra nó bằng cả hai tay. Không có cách vào: dường như nó được làm để ngăn cản những người muốn len vào khi nhà thờ đã khóa.

Thất vọng, cậu nhẩy xuống đất. Cậu lấy bụi gỗ và mang nó lại chỗ cũ. Lần này ngựa không gây tiếng ồn.

Cậu nhìn vào phía tháp đồng hồ, phía tay trái cửa ra vào. Cậu cẩn thận trèo lên đồng hồ, nhìn vào phía trong nhà thờ, tìm cách vào qua đồng hồ nát. Khi mặt trăng đi vào đám mây, cậu chờ đợi cho đến khi nó xuất hiện lại. Cậu lo ngại trọng lượng của cậu, mặc dù nhỏ, nhưng nó có thể làm đổ đồng hồ, và nếu cậu không chết thì cũng đủ đánh thức mọi người dậy. Khi mặt trăng lại hiện ra, cậu quyết định mạo hiểm. Tim cậu đập mạnh. Cậu bắt đầu leo, đa số các viên đá chắc chắn, một vài viên lung lay dưới chân cậu. Ban ngày cuộc leo trèo như thế này sẽ làm cậu thú vị, vì có sự giúp đỡ khi cần thiết và lương tâm không bị áy náy; nhưng bây giờ cậu quá lo lắng, và bước chân không còn vững vàng. Cậu trượt trên mặt đá trơn và xuyết rớt xuống: và cậu quyết định ngừng lại.

Cậu đứng trên cao, đủ để nhìn xuống mái nhà của lối đi chạy dọc theo phía bắc của gian giữa. Cậu hy vọng tìm thấy một lỗ trong mái, hay có lẽ một khe hở giữa mái nhà và đồng hồ gạch vụn, nhưng không có. Mái nhà chạy qua khu đồng hồ nát, không chỗ nào có lỗ hồng để có thể chui vào. Jack vừa thất vọng, vừa nhẹ người.

Cậu trèo xuống, lưng dựa vào đồng hồ gạch vỡ, nhìn quanh để tìm chỗ đặt chân xuống. Càng xuống gần mặt đất, cậu càng cảm thấy dễ chịu. Cậu nhẩy

những mét cuối cùng, và may mắn rơi xuống an toàn trên cỏ.

Cậu lại quay trở về hướng bắc của nhà thờ và đi vòng xung quanh. Trong hai tuần qua cậu đã thấy nhiều nhà thờ, tất cả hầu như có cùng hình dạng. Phần lớn nhất là gian giữa, luôn nằm về hướng tây. Và hai cánh, Tom gọi là gian ngang, quay về hai hướng bắc và nam. Phần cuối ở hướng đông, còn được gọi là chánh điện, và nó ngắn hơn gian giữa. Kingsbridge có nét đặc biệt là cuối hướng tây có hai tháp, mỗi tháp đứng bên một phía cửa ra vào, như để cân bằng với gian ngang.

Có một cửa ra vào ở gian ngang phía bắc. Jack thử và thấy cửa đóng. Cậu tiếp tục đi tới đầu phía đông: không còn cửa nào. Cậu dừng lại, nhìn qua sân cỏ. Trong góc xa phía đông nam khu tu viện có thêm hai dãy nhà, phòng y tế và nhà của tu viện trưởng. Cả hai tối tăm và yên lặng. Cậu tiếp tục, đi xung quanh đầu phía đông và dọc theo hướng nam của chánh điện cho đến khi cậu đến gian giữa phía nam. Cuối gian ngang giữa, như bàn tay trong cánh tay, là một tòa nhà hình tròn còn được gọi là phòng hội. Giữa gian ngang và phòng họp là một đường đi hẹp dẫn vào tu viện. Jack đi theo con đường hẹp đó.

Cậu đến một sân vuông, có một thảm cỏ ở giữa và xung quanh là lối đi có mái che. Đá trắng nhạt của mái vòm có màu trắng ma quái dưới ánh trăng và lối đi tối tăm vì bị bóng tối bao phủ. Jack đợi một lúc cho đến khi mắt cậu quen dần với bóng tối.

Con đường dẫn Jack tới hành lang phía đông. Về phía bên trái cậu có thể nhận ra cánh cửa đến phòng họp. Xa hơn phía tay trái, ở cuối đầu phía nam của hành lang phía đông, cậu có thể thấy, đối diện với cậu, một cánh cửa khác, cánh cửa mà cậu nghĩ có lẽ dẫn tới phòng ngủ của các tu sĩ. Phía tay phải của cậu, một cánh cửa khác dẫn vào gian ngang phía nam của nhà thờ. Cậu thử và cửa đóng.

Cậu đi theo bức tường phía bắc. Ở đó cậu tìm thấy một cửa dẫn vào gian giữa của nhà thờ. Nó cũng đóng.

Trên tường phía tây không có gì cho đến khi cậu đến góc tây nam, ở đó cậu tìm thấy cửa vào phòng ăn. Chắc có nhiều thực phẩm, cậu nghĩ, để nuôi

sống các tu sĩ mỗi ngày. Gần đó có một vòi nước với một bồn nhỏ: các tu sĩ rửa tay ở đó trước mỗi bữa ăn.

Cậu tiếp tục đi theo bức tường phía nam. Giữa đường có một mái vòm. Jack đi ngang qua đó và đến một hành lang nhỏ, bên tay phải là nhà ăn và bên trái là phòng ngủ của các tu sĩ. Cậu tưởng tượng đằng sau bức tường đá kia, các tu sĩ đang ngủ say trên nền nhà. Cuối hành lang không có gì, ngoại trừ con dốc lầy lội dẫn xuống sông. Jack đứng đó nhìn dòng nước bên dưới, cách đó khoảng trăm mét. Không biết tại sao cậu lại nhớ tới câu chuyện về một hiệp sĩ bị chặt đầu nhưng vẫn sống; và cậu tưởng tượng chàng hiệp sĩ không đầu ra khỏi dòng sông và đi về phía cậu. Không có gì ở đó, nhưng cậu vẫn sợ. Cậu quay lại, vội vã trở về tu viện. Ở đó cậu thấy an toàn hơn.

Cậu ngập ngừng dưới mái vòm, ánh trăng chiếu vào khu tứ giác. Phải có một con đường để lên vào tòa nhà đồ sộ như thế, cậu nghĩ, nhưng cậu không biết phải tìm ở đâu nữa. Một cách nào đó cậu vui, cậu nghĩ cậu đang làm một cái gì đó nguy hiểm đáng sợ, và nếu nó không thể thực hiện được thì càng tốt. Mặt khác cậu sợ hãi khi nghĩ đến phải rời tu viện và lên đường vào sáng mai: lại đi bộ, đói, thất vọng và với sự giận dữ của Tom, nước mắt của Martha. Mọi chuyện có thể tránh được chỉ bằng tia lửa nhỏ từ đá lửa mà cậu mang theo trong chiếc túi đeo bên thắt lưng.

Một cái gì đó chuyển động ở góc nhìn của cậu. Cậu chăm chú nhìn, trái tim đập nhanh hơn. Cậu quay đầu và nhìn thấy một hình dáng ma quái cầm một cây nến, lướt nhẹ nhàng theo bức tường phía đông, hướng về nhà thờ. Một tiếng hét chực thoát ra khỏi cổ cậu, nhưng cậu vội ngăn xuống. Những bóng khác theo sau. Jack bước lùi lại mái vòm, tránh xa khỏi tầm mắt, và cho một nắm tay lên miệng, cắn vào da để ngăn mình khỏi kêu to lên. Cậu nghe thấy tiếng rên rỉ lạ thường. Cậu chăm chú nhìn trong sợ hãi tột độ. Rồi từ từ cậu hiểu ra: những gì cậu đang thấy là một cuộc rước của các tu sĩ đi từ phòng ngủ tới nhà thờ cho giờ kinh đêm. Vừa đi họ vừa hát. Mặc dù bây giờ cậu hiểu ra những gì cậu nhìn thấy, cậu vẫn hoảng sợ, sau đó dù nhẹ nhõm hơn, nhưng cậu lại run rẩy mà không làm gì ngăn lại được.

Tu sĩ đi đầu mở cửa nhà thờ bằng một chìa khóa bằng sắt lớn. Các tu sĩ đi vào. Không người nào quay lại nhìn vào hướng cậu. Hầu hết họ vẫn còn

nửa tỉnh nửa mê. Họ không đóng cửa phía sau lưng.

Khi đã hoàn hồn, Jack nhận ra bây giờ cậu có thể vào nhà thờ.

Nhưng cậu không thể bước nổi.

Tôi chỉ đi vào xem, cậu nhủ thầm. Khi vào trong đó, tôi không phải làm gì cả. Tôi chỉ nhìn xem có cách nào lên được mái nhà. Tôi không phải châm lửa đốt. Tôi chỉ muốn xem.

Cậu lấy hơi dài, rồi bước ra khỏi mái vòm và lướt nhanh qua hành lang. Cậu do dự ở cửa nhà thờ và nhìn vào trong. Trên bàn thờ và khu các tu sĩ đang đứng, đằng sau các băng ghế có ánh nến, nhưng ánh nến chỉ đủ soi sáng cho một vùng nhỏ giữa một không gian rộng lớn, trống trải, vì thế mà tường và lối đi vẫn chìm trong bóng tối. Một tu sĩ đứng ở bàn thờ làm cái gì đó mà Jack không hiểu, các tu sĩ khác lâu lâu lại cất tiếng hát. Jack không thể hiểu được tại sao người ta lại có thể ra khỏi giường chiếu ấm áp vào giữa đêm để chỉ làm những việc này.

Cậu chui qua cửa, đứng gần tường.

Cậu ở trong nhà thờ. Bóng tối che dấu cậu. Tuy nhiên cậu không thể đứng mãi ở đây vì họ sẽ nhìn thấy cậu khi đi ra. Cậu lén vào xa hơn. Ngọn nến leo lét không ngừng tạo nên bóng lập lờ. Tu sĩ ở bàn thờ nếu ngược đầu lên sẽ nhìn thấy Jack, nhưng ông dường như đắm mình hoàn toàn vào những gì ông đang làm. Jack di chuyển nhanh chóng từ cột này sang cột khác, tuy nhiên cậu cũng chú ý dừng lại, để cho chuyển động của cậu không thường xuyên, nhưng lập lờ như những bóng của cây nến chiếu trên nền nhà. Ánh sáng càng tỏ hơn khi cậu đến gần khu giữa. Cậu sợ tu sĩ trên bàn thờ có thể bất ngờ ngẩng đầu lên, thấy cậu, nhảy vào cậu và tóm lấy gáy cậu.

Cậu đến được phía bên kia và may mắn ẩn mình trong bóng tối của gian giữa.

Cậu dừng lại thờ, cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Rồi cậu di chuyển dọc theo lối đi về phía tây cuối nhà thờ, vẫn bất thường dừng lại, như cậu đang rình một con nai. Khi cậu đến chỗ xa nhất, tối nhất của nhà thờ, cậu ngồi xuống bên chân cột và chờ cho giờ cầu nguyện chấm dứt.

Cậu cúi cảm xuống sâu trong áo choàng và thổi hơi vào ngực cho ấm. Đời sống của cậu đã thay đổi nhiều trong hai tuần qua. Cậu tưởng như thời gian cậu sống thoải mái với mẹ trong rừng đã qua lâu rồi. Cậu biết cậu sẽ chẳng bao giờ cảm thấy an toàn nữa. Bây giờ cậu đã biết về đói, và lạnh, và nguy hiểm, và tuyệt vọng, cậu sẽ luôn sợ chúng.

Ông nhìn trộm xung quanh hàng cột. Trên bàn thờ, nơi những ngọn nến tỏa sáng nhất, cậu có thể nhận ra trần nhà bằng gỗ trên cao. Cậu biết nhà thờ kiểu mới có vòm trần bằng đá, nhưng Kingsbridge đã cũ. Mà trần bằng gỗ sẽ cháy mau.

Tôi không có ý định làm chuyện đó, cậu nghĩ.

Tom sẽ rất vui nếu nhà thờ cháy đổ. Jack không chắc chắn là cậu có thích Tom không – ông quá mạnh mẽ, cứng rắn và hay ra lệnh. Jack đã quen với cách dịu dàng của mẹ. Nhưng Jack ấn tượng về Tom và kính sợ. Những người đàn ông khác mà Jack biết là những người sống ngoài vòng pháp luật – nguy hiểm, tàn bạo, những người chỉ biết bạo lực và xảo quyệt, những người chỉ thích đâm dao và lưng người khác. Tom là lớp người mới, tự hào và không sợ hãi ngay cả khi không có vũ khí. Jack chẳng bao giờ quên cách Tom đã đối diện với William Hamleigh, lúc mà William muốn mua mẹ với giá một cân bạc. Jack đã ấn tượng vì William sợ hãi. Jack đã kể với mẹ là cậu chẳng bao giờ tưởng tượng nổi một người có thể can đảm như Tom, và bà đã nói: “Đó là lý do tại sao chúng ta đã ra khỏi rừng. Con cần một người để noi theo.”

Jack lúng túng với nhận xét đó, nhưng thật sự là cậu muốn làm điều gì đó để gây ấn tượng cho Tom. Đốt nhà thờ không phải để gây ấn tượng, vì tốt hơn không nên cho ai biết về nó, ít nhất trong một vài năm. Nhưng có lẽ sẽ có ngày Jack nói với Tom: “Dượng có nhớ đêm mà nhà thờ Kingsbridge cháy, và tu viện trưởng đã thuê dượng để xây dựng lại, và tất cả chúng ta có đồ ăn, nơi trú ẩn và sau đó chúng ta được an toàn không? Vâng, con sẽ kể cho dượng nghe làm sao ngọn lửa bắt cháy...” Lúc đó sẽ là khoảnh khắc tuyệt vời!

Nhưng tôi không dám làm chuyện đó, cậu nghĩ.

Tiếng hát ngưng bật, tiếng gót chân lê trên nền nhà. Giờ kinh chấm dứt. Các tu sĩ rời khỏi băng ghế, tiến ra phía cửa. Jack chuyển vị trí của mình quanh chiếc cột để không bị nhìn thấy khi các tu sĩ đi ra.

Các tu sĩ thối tắt các ngọn nến, nhưng để lại ngọn nến cháy trên bàn thờ. Tiếng cửa đóng. Jack đợi thêm một chút, để tránh tình trạng còn có người ở lại trong nhà thờ. Không còn tiếng động nào. Sau cùng cậu ra khỏi chỗ ẩn bên chân cột.

Cậu đi lên gian giữa. Đó là một cảm giác kỳ lạ khi ở một mình trong tòa nhà đồ sộ, lạnh lẽo, trống trải này. Cảm giác giống như con chuột, cậu nghĩ, trốn trong một góc khi những người to lớn ở xung quanh, rồi chui ra khi họ đi khỏi. Cậu đến bàn thờ, lấy cây nến to, còn đang cháy trong tay. Bây giờ cậu cảm thấy tự tin hơn.

Với nến trong tay, cậu bắt đầu xem xét ngôi nhà thờ. Ở một góc, nơi gian giữa gặp gian cánh phía nam, nơi mà cậu sợ đôi mắt của tu sĩ trên bàn thờ bắt gặp, nơi đó có một cánh cửa trong tường với một cái chốt đơn giản. Cậu cố gắng mở chốt. Cánh cửa mở ra.

Ngọn nến soi tỏ một chiếc cầu thang xoắn ốc, nó quá nhỏ đến nỗi một người mập không thể đi qua, quá thấp đến nỗi Tom phải cúi mình. Cậu lên bậc thang.

Cậu đến một phòng hẹp. Ở một phía, một hàng vòm nhỏ trở ra phía gian giữa. Trần dốc từ đỉnh mái vòm xuống nền nhà ở phía bên kia. Nền nhà không bằng phẳng, nhưng cong xuống hai bên. Jack cần một lúc lâu để định vị được cậu đang ở đâu. Cậu đang ở gian cánh phụ phía nam của gian giữa. Mái vòm của gian phụ tạo thành nền mà Jack đang đứng. Từ bên ngoài nhà thờ, gian phụ này có thể nhìn thấy và nó có mái che, mái che đó là trần nhà chếch trên đầu Jack. Lối đi thấp hơn là gian giữa, vì thế cậu phải đi lâu nữa mới tới mái chính của tòa nhà.

Cậu đi về phía tây và khám phá theo lối đi nhỏ. Bây giờ các tu sĩ đã ra khỏi, và cậu không sợ bị phát hiện nữa, cậu thấy thú vị. Nó giống như cậu trèo lên cây và thấy rằng ở trên đỉnh cao nhất, tất cả những cây được nối liền với nhau mà bên dưới không thấy được vì những cành lá thấp, và cậu có thể đi xung quanh một thế giới bí mật, cách mặt đất vài mét.

Cuối hành lang nhỏ là một cửa nhỏ khác. Cậu đi qua đó và thấy mình ở trong tòa tháp tây nam, tòa tháp không bị sập. Gian phòng cậu đang ở chắc hẳn ít có người đến, bởi vì nó còn thô sơ và chưa hoàn thành, và thay vì một nền bằng phẳng, nó chỉ có những thanh ngang và lỗ hổng. Tuy nhiên, xung quanh bức tường có một thang gỗ không tay vịn. Jack trèo lên.

Lưng chừng tường, Jack khám phá ra một khung cửa nhỏ mở. Cậu rướn người vào và dơ cao nển. Cậu đang ở trong mái nhà, trên trần bằng gỗ và dưới mái nhà bằng lá.

Lúc đầu cậu không nhận dạng được những xà gỗ ngang dọc. Sau đó cậu nhận ra được cấu trúc: Những xà ngang bằng gỗ sồi to lớn làm căng chiều rộng của gian giữa từ bắc đến nam. Mỗi xà ngang liên kết với hai kèo tạo thành hình tam giác. Hàng tam giác đều đặn này kéo dài, vượt ra khỏi tầm ánh sáng của ngọn nến. Nhìn xuống, giữa các dầm, cậu có thể nhìn thấy phía sau trần bằng gỗ của gian giữa.

Ở rìa mái nhà, trong góc của đáy hình tam giác, là lối đường đi. Jack bò qua lỗ hổng nhỏ và vào lối đi. Ở đó vừa đủ chỗ cho cậu đứng thẳng người: một người lớn phải cúi mình. Cậu đi trên đó một vài bước. Ở đây có đủ gỗ cho một cuộc hỏa hoạn lớn. Cậu ngửi, cố gắng tìm ra mùi gì trong không khí. Cậu xác định đó là hắc ín. Các gỗ trên mái nhà được tẩm bằng hắc ín. Chúng sẽ cháy như rơm.

Một chuyển động đột ngột trên nền nhà làm cậu giật mình và trái tim cậu đập mạnh. Cậu nghĩ về chàng hiệp sĩ cụt đầu trong dòng sông và các tu sĩ như bóng ma trong hành lang tu viện. Sau đó cậu nghĩ về những con chuột và cảm thấy bớt sợ. Nhưng khi cậu nhìn kỹ hơn, cậu thấy đó là những con chim: chúng làm tổ dưới mái vòm trước cửa nhà thờ.

Mái nhà theo mô hình của nhà thờ bên dưới, tỏa ra hai cánh. Jack đi xa qua khu trung tâm giữa các gian và đứng trong một góc. Cậu nhận ra cậu đang ở trên cầu thang xoắn ốc mà cậu đã trèo lên. Nếu cậu dự định châm lửa, đây là nơi cậu phải khởi sự. Từ đây nó sẽ theo bốn phía: phía tây dọc theo gian giữa, hướng nam dọc theo gian ngang hướng nam, và xuyên qua khu trung tâm tới chánh điện và gian ngang hướng bắc.

Những gỗ chính của mái nhà được làm từ tim của gỗ sồi, và mặc dù chúng được tẩm hắc ín, chúng cũng không thể bắt lửa từ một ngọn nến. Tuy nhiên, dưới mái hiên là một đồng gỗ dư và bào gỗ, phần còn lại của những bao và dây thừng bị sa thải, cũng như tổ chim bị bỏ hoang. Chúng là những mối lửa hoàn hảo. Những gì cậu cần làm là gom nó lại và xếp nó chồng lên.

Ngọn nến đã gần cháy rụi.

Mọi chuyện dường như dễ dàng: gom rác lại, dùng ngọn nến châm lửa vào, và bỏ lại, rồi đi băng ngang sân như một bóng ma, lên vào nhà khách, đóng cửa lại, cuộn tròn trong chăn và chờ báo động.

Nhưng nếu người ta bắt gặp cậu...

Nếu bây giờ cậu bị bắt, cậu sẽ nói là cậu muốn khám phá nhà thờ, và cùng lắm là cậu bị một trận đòn. Nhưng nếu họ bắt được cậu đang châm lửa đốt nhà thờ, họ sẽ phạt nhiều hơn thế nữa. Cậu nhớ lại chàng ăn cắp đường ở Shiring, và mông chàng bị chảy máu làm sao. Cậu nhớ lại những hình phạt mà những người sống ngoài vòng pháp luật đã phải chịu: Faramond Openmouth bị cắt môi, Jack Flathat bị mất tay và Alan Catface bị nhốt trong nhà kho và bị ném đá, và từ đó ông không nói được nữa. Thậm chí còn có những câu chuyện về những người đã chẳng sống sót sau hình phạt: một kẻ giết người bị cột vào một thùng, phía trong thùng có gắn đinh nhọn, và người ta lăn thùng này xuống một triền dốc cho đinh găm vào cơ thể ông; một người ăn trộm ngựa bị thiêu sống; một cô điếm ăn cắp bị xuyên qua cột nhọn. Họ sẽ làm gì với một đứa trẻ châm lửa đốt nhà thờ?

Thận trọng, cậu thu rác dễ cháy từ dưới mái hiên thành một đồng trên lối đi, chính xác dưới một trong những xà ngang to lớn.

Khi cậu đã thu được một đồng cao khoảng một mét, cậu ngồi xuống, chăm chú nhìn nó.

Ngọn nến của cậu bập bùng. Chỉ còn vài phút nữa cậu sẽ mất cơ hội.

Với một động tác nhanh, cậu châm ngọn lửa vào miếng bao vải. Nó bắt lửa. Ngọn lửa bắt nhanh vào vỏ gỗ bào, rồi sang tổ chim đã khô; và rồi ngọn lửa đỏ rực.

Tôi vẫn có thể dập tắt nó, Jack nghĩ.

Các mối lửa cháy nhanh quá: với tốc độ này nó sẽ cháy hết trước khi mái nhà bén lửa. Jack vội vã thu thêm rác và chất lên trên. Ngọn lửa cháy cao hơn. Tôi vẫn có thể dập tắt nó, cậu nghĩ. Hắc ín được quét trên xà ngang bắt đầu đen và bốc khói. Rác đã cháy hết. Tôi có thể để ngọn lửa tự tắt đi, cậu nghĩ. Rồi cậu nhìn thấy lối đi bằng gỗ đang cháy. Tôi vẫn có thể dập tắt ngọn lửa bằng áo khoác của tôi, cậu nghĩ. Thay vào đó, cậu ném thêm rác vào lửa và quan sát nó cháy cao hơn.

Khói bốc lên từ trong góc nhỏ của mái hiên và hơi nóng toát ra, mặc dù bên kia mái hiên là khí lạnh ban đêm. Một vài thanh gỗ nhỏ bắt đầu cháy. Rồi, sau cùng, một ngọn lửa nhỏ nhen nhúm từ xà chính lớn.

Nhà thờ chánh tòa đang cháy.

Nó đã được thực hiện. Bây giờ không còn có thể quay trở lại.

Jack thấy sợ. Bất ngờ cậu muốn đi ra nhanh, và trở về nhà khách. Cậu muốn được cuộn tròn lại trong áo khoác, nép mình trong đồng rơm, nhắm mắt lại và được thở đều như những người xung quanh.

Cậu rút lui theo lối đi cạnh mái nhà.

Khi đến cuối đường, cậu nhìn lại. Ngọn lửa lan rộng nhanh chóng một cách đáng ngạc nhiên, có lẽ vì gỗ được tẩm hắc ín. Tất cả gỗ nhỏ đã bị cháy, các xà chính bắt đầu bắt lửa và ngọn lửa lan ra lối đi. Jack quay lưng lại.

Cậu chui mình vào tháp và đi xuống cầu thang, sau đó theo phòng nhỏ qua hành lang và vội vã lao nhanh xuống cầu thang xoắn ốc vào gian giữa. Cậu chạy nhanh đến cửa, nơi cậu đã vào.

Cánh cửa khóa.

Cậu nhận ra mình đã quá ngu. Các tu sĩ đã mở khóa cửa khi họ đi vào, thì dĩ nhiên khi đi ra họ sẽ khóa lại.

Sự sợ hãi trào lên cổ cậu. Cậu châm lửa đốt nhà thờ và bây giờ cậu bị nhốt trong đó.

Cậu chiến đấu với cơn sợ và cố gắng suy nghĩ. Cậu đã thử các cửa từ bên ngoài và mọi cửa đều khóa; nhưng có lẽ một vài cửa chỉ khóa bằng thanh cửa, chứ không bằng ổ khóa, nên chúng có thể mở được từ bên trong.

Cậu vội vã xuyên qua khu trung tâm đến gian phía bắc và thử cánh cửa của hàng hiên phía bắc. Cửa khóa.

Cậu chạy nhanh xuống gian giữa tới đầu cuối phía tây và thử ở mỗi cửa ra vào. Cả ba cửa đều đóng bằng khóa. Sau cùng cậu thử chiếc cửa nhỏ, dẫn từ lối đi phía bắc của tu viện vào gian ngang phía nam. Cửa đó cũng khóa nữa.

Jack muốn khóc, nhưng điều đó không tốt. Cậu nhìn lên mái trần bằng gỗ. Cậu đang mơ hay đó là sự thật mà cậu có thể nhìn thấy, qua ánh trăng, một ít khói bốc lên từ trần nhà, gần góc của gian ngang phía nam.

Cậu nghĩ: Tôi phải làm gì bây giờ?

Nếu các tu sĩ thức dậy, vội vã vào nhà thờ để chữa lửa, trong sự hốt hoảng như vậy chắc không ai để ý đến một cậu bé lẻn ra khỏi cửa? Hoặc người ta sẽ nhìn thấy cậu ngay, tóm lấy và la mắng cậu? Hoặc họ vẫn ngủ, không hay biết gì, cho đến khi toàn bộ tòa nhà sụp đổ, và cậu bị đè bẹp dưới đồng đá lớn?

Nước mắt trào lên mắt, và cậu ước gì mình đã chẳng châm ngọn nến vào đồng rác.

Cậu nhìn quanh. Nếu cậu đến một cửa sổ và hét lên, liệu có ai nghe thấy không?

Từ trên cao có một vật gì đó sập xuống. Cậu ngẩng lên và nhìn thấy một lỗ hổng trên trần gỗ, nơi một xà ngang lớn rơi xuống và xuyên thủng mái trần. Cái lỗ tạo ra một vết đỏ trên nền đen. Một lúc sau lại một tiếng ầm khác, và một xà ngang lớn chọc thủng trần nhà và rơi xuống, quay một vòng trong không khí, đập mặt đất gây ra một tiếng ầm làm rung chuyển hàng cột ở gian giữa. Sau đó là làn mưa của những tia lửa và than hồng rơi xuống. Jack lắng nghe và chờ đợi tiếng kêu gào, tiếng cầu cứu hay tiếng chuông báo động; nhưng không có gì. Từng thanh gỗ vẫn tiếp tục đổ xuống. Và khi tiếng đổ này không đánh thức họ dậy, chắc hẳn họ cũng chẳng nghe thấy tiếng kêu cứu của cậu.

Tôi sẽ chết ở đây, cậu điên dại nghĩ; tôi sẽ bị đốt cháy hay bị nghiền nát, chỉ trừ khi tôi tìm được một lối ra.

Cậu nghĩ tới cây tháp bị sụp đổ. Cậu đã dò thám nó từ bên ngoài và không tìm thấy đường vào, nhưng lúc đó cậu quá nhát, sợ bị rơi xuống và sợ đồng đá tụt xuống. Có lẽ nếu cậu coi lại, lần này từ bên trong, cậu có thể thấy những cái mà cậu không để ý đến; và có lẽ sự tuyệt vọng sẽ giúp cậu, ép cậu chui qua chỗ mà trước đây cậu đã không tìm thấy.

Cậu chạy tới cuối hướng tây. Ánh sáng của ngọn lửa chiếu qua trần nhà, kết hợp với ngọn lửa hắt lên từ những xà ngang rơi xuống trên nền nhà trong gian giữa, bây giờ tạo nên một ánh sáng mạnh hơn cả ánh trăng, và mái vòm của gian giữa tràn đầy màu vàng thay vì bạc.

Jack tìm hiểu đồng đá đổ nát từ tòa tháp. Chúng vững vàng như một bức tường. Không có đường xuyên qua. Một cách ngớ ngẩn cậu vụt miệng kêu lên “Mẹ ơi!” mặc dù cậu biết bà sẽ chẳng bao giờ nghe được.

Một lần nữa cậu cố gắng chống lại sự sợ hãi. Trong trí của cậu có một cái gì đó về tháp đổ này. Cậu đã có thể vào bên trong tháp kia, cây tháp không bị đổ, bằng cách đi dọc theo đường đi bên trên gian ngang phía nam. Nếu bây giờ cậu đi dọc theo đường đi bên trên gian ngang phía bắc, cậu sẽ phải nhìn thấy một lỗ hổng trong đồng đá đổ nát, một lỗ hổng không thể thấy được từ mặt đất.

Cậu chạy tới khu trung tâm, đứng dưới gian ngang phía bắc để tránh những xà ngang đang cháy có thể rơi xuống qua trần nhà. Phía này, cũng như ở phía kia, phải có một cửa nhỏ và một cầu thang xoắn ốc. Cậu đến góc gian chính và gian ngang phía bắc. Cậu không tìm thấy cửa. Cậu nhìn quanh góc: không chỗ nào có cửa. Cậu không thể tin được làm sao cậu lại bất hạnh như thế. Thật điên cuồng: phải có một cửa nào đó vào hành lang!

Cậu nghĩ nát óc, cố giữ bình tĩnh. Có một lối đi vào tháp đổ, cậu phải tìm ra nó. Tôi có thể đi trở lại dưới gầm mái nhà, xuyên qua cây tháp tây nam còn tốt, cậu nghĩ. Tôi có thể đi ngang qua tới phía mái nhà bên kia. Ở đó có thể có một lỗ nhỏ, lối vào tháp đổ. Đó có thể là lối ra.

Cậu lo lắng nhìn lên trần nhà. Bây giờ ngọn lửa là một hỏa ngục. Nhưng cậu không còn nghĩ ra cách nào khác.

Trước hết cậu phải đi xuyên qua gian giữa. Cậu nhìn lên một lần nữa. Như cậu thấy, không gì có thể rơi xuống ngay được. Cậu lấy hơi, lao nhanh

qua phía bên kia. Không có gì rớt trên đầu cậu.

Ở gian ngang phía nam, cậu mở cánh cửa nhỏ và chạy lên cầu thang xoắn ốc. Khi cậu lên đến phía trên và bước vào hành lang, cậu cảm nhận sức nóng của ngọn lửa phía trên. Cậu chạy theo hành lang, xuyên qua cửa vào tháp vẫn còn tốt và lên cầu thang.

Cậu chui đầu vào và trườn qua mái vòm nhỏ vào khu dưới mái nhà. Phòng đầy khói và hơi nóng. Tất cả những xà lớn đã bị cháy, và ở góc xa một đà lớn nhất đang cháy mạnh. Mùi hắc ín làm cậu ho. Cậu do dự rồi bước lên một trong những dầm lớn ở gian giữa và bắt đầu đi qua. Lúc đó cậu ướt đầm mồ hôi vì nóng, nước mắt chảy ra và cậu khó có thể nhìn thấy chỗ cậu đang định đi. Cậu ho, chân cậu trượt ra khỏi cây dầm và cậu mất thăng bằng. Một chân cậu đứng trên dầm, chân kia trong không trung. Chân phải cậu rớt xuống trần, và đáng sợ, nó xuyên qua chỗ gỗ mục. Một hình ảnh thoáng qua đầu cậu về chiều cao của gian giữa và nếu cậu xuyên qua mái nhà, cậu sẽ rớt như thế nào; và cậu hét lên khi cậu ngã về phía trước, đưa hai tay ra trước mặt, tưởng tượng cậu quay quay trong không khí giống như những xà ngang đã rơi. Nhưng gỗ trần nhà đã đỡ cậu.

Cậu vẫn cứng người, sợ hãi, ngồi chống trên hai tay và đầu gối, trong khi chân kia vẫn còn cắm trong lỗ sâu của trần nhà. Sau đó sức nóng gay gắt của đám cháy làm cậu hoàn hồn. Cậu nhẹ nhàng kéo chân ra khỏi lỗ. Cậu nhồm người trên hai tay và đầu gối, rồi trườn người về phía trước.

Khi cậu đến được phía bên kia, nhiều xà ngang đã rơi xuống gian giữa. Toàn bộ nhà như bị lung lay và giàn dầm dưới chân cậu run lên như một dây cung. Cậu dừng lại, và ghì chặt. Các chấn động giảm đi. Jack trườn lên và một lúc sau cậu đến lối đi phía bắc.

Nếu dự đoán của cậu sai, và ở đó không có cửa vào khu đổ nát của tòa tháp bên tây bắc, cậu sẽ phải đi ngược lại.

Khi cậu đứng thẳng người lên, cậu gặp một cơn gió đêm lạnh. Phải có một khoảng hở, nhưng nó có lớn đủ cho một cậu bé chui qua không?

Cậu bước ba bước về hướng tây và ngừng lại trước khi cậu bước vào khoảng trống.

Trước mặt cậu là một khoảng trống lớn, nhìn ra đồng đá của tháp đổ đầy ánh trăng. Đầu gối cậu run lên. Cậu sắp thoát hỏa ngục.

Nhưng cậu đang ở trên cao, ở mãi trên mái nhà, và đồng đá đổ nát còn quá xa để cậu có thể nhảy xuống. Bây giờ cậu có thể trốn chạy khỏi đám cháy, nhưng cậu có thể xuống được dưới mà không bị gãy cổ không? Đàng sau cậu, ngọn lửa nhanh chóng đến gần hơn, và khói bay ra ngùn ngụt qua khoảng trống cậu đang đứng.

Tháp này có một cầu thang xoắn phía trong tường, giống như tháp kia cũng có, nhưng hầu như chúng đã hư hại trong vụ sụp đổ. Tuy nhiên khi các tấm ván được xây vào tường bằng vôi vữa, chúng để lại những mấu trong tường, một đôi khi chỉ là một lỗ sâu. Jack tự hỏi không biết cậu có thể xuống theo các mấu đó không. Cậu nhận ra mùi cháy: áo choàng của cậu nóng lên. Một lúc nữa nó sẽ bắt lửa. Cậu không còn chọn lựa nào khác.

Cậu ngồi xuống, đưa tay nắm lấy mấu chốt gần nhất, hai tay nắm chặt rồi thả một chân xuống cho đến khi tìm được chỗ đứng. Sau đó cậu cho chân kia xuống, dò kiểm mấu chốt tiếp, cậu nhẹ nhàng xuống được một bậc. Các mấu chốt vững vàng. Cậu xuống thêm bước nữa, thử sức chịu đựng của mấu chốt tiếp theo trước khi bước lên nó. Lần này có phần lỏng lẻo. Cậu bước xuống thận trọng, giữ chặt nếu bị đóng đưa bằng tay. Mỗi bước nguy hiểm đưa cậu gần đến đồng đá đổ nát. Khi cậu xuống, các mấu chốt dường như nhỏ hơn, có thể những mấu chốt bên dưới bị thiệt hại hơn. Jack đặt chân vào một mấu chốt chỉ rộng bằng ngón chân cái. Khi cậu đặt trọng lượng của cậu lên đó, chân cậu bị trượt ra ngoài. Dù chân kia của cậu đứng trên một mấu cứng, nhưng khi tất cả trọng lượng của cậu chỉ dồn vào nó, mấu chốt bể ra. Cậu cố gắng dùng tay bám vào, nhưng mấu chốt quá nhỏ đến nỗi cậu không bám chặt được. Và cậu bị trượt, rơi vào khoảng không.

Cậu rơi xuống mạnh, hai tay và đầu gối đập xuống đồng đá đổ nát. Lúc đó cậu bị sốc và sợ hãi, cậu nghĩ cậu sẽ phải chết; nhưng cậu nhận ra rằng rốt xuống được là một may mắn lớn cho cậu. Tay cậu đau và đầu gối bị thương, nhưng cậu vẫn an toàn.

Sau một lúc cậu trèo xuống khỏi đồng đá và khi chỉ còn vài mét, cậu nhảy xuống đất.

Cậu được an toàn và muốn hét to lên. Cậu đã ra được và cậu cảm thấy hãnh diện vì cậu đã có một cuộc mạo hiểm ly kỳ.

Nhưng nó vẫn chưa kết thúc. Ở đây bên ngoài chỉ có một mùi khói nhẹ trong không khí và tiếng ồn của đám cháy; mặc dù nó nghe điếc tai dưới mái nhà, nhưng bây giờ nó chỉ còn như tiếng gió thổi từ xa. Chỉ có ánh sáng đỏ đằng sau cửa sổ chứng tỏ rằng nhà thờ đang cháy. Tuy nhiên, những chấn động cuối cùng này phải quấy rầy giấc ngủ của ai đó, và vào một lúc nào đó một tu sĩ sẽ mơ màng ra khỏi phòng ngủ và tự hỏi rằng trận động đất mà ông đang cảm nhận là sự thật hay chỉ là giấc mơ. Jack đã đốt nhà thờ - một tội ác ghê gớm dưới mắt các tu sĩ. Và cậu phải trốn ngay.

Cậu chạy ngang qua bãi cỏ đến nhà khách. Tất cả yên ắng. Cậu dừng lại bên ngoài, thở hổn hển. Nếu cậu vào nhà với hơi thở như thế này, cậu sẽ đánh thức mọi người. Cậu cố gắng kiểm soát hơi thở của cậu, nhưng nó lại tồi tệ hơn. Cậu phải ở lại đây cho đến khi hơi thở bình thường lại.

Tiếng chuông vang lên phá tan yên tĩnh, và tiếp tục khẩn trương; không thể nhầm lẫn được, đó là tiếng chuông báo động. Jack chết cứng. Nếu bây giờ cậu đi vào, họ sẽ biết. Nhưng nếu cậu không vào...

Cánh cửa nhà khách mở, và Martha đi ra. Jack chăm chăm nhìn cô, sợ hãi.

“Anh đã đi đâu?” cô nói nhẹ nhàng. “Anh có mùi khói.”

Một lời nói dối chính đáng đến trong đầu cậu. “Anh vừa mới ra,” cậu tuyệt vọng nói. “Anh nghe thấy tiếng chuông.”

“Anh nói dối,” Martha nói. “Anh đã đi lâu rồi. Em biết, vì em tỉnh.”

Jack nhận ra là cậu không thể nói dối cô được. “Có ai thức nữa không?” Cậu sợ hãi hỏi.

“Không, chỉ có em.”

“Đừng nói cho ai biết là anh đã ra khỏi nhà. Làm ơn!”

Cô nghe thấy nỗi lo lắng trong giọng nói của cậu và nhẹ nhàng nói. “Được, em sẽ giữ bí mật. Anh đừng lo!”

“Cảm ơn!”

Vào lúc đó Tom gãi đầu bước ra.

Jack sợ hãi. Tom sẽ nghĩ sao?

“Chuyện gì vậy?” Tom ngái ngủ hỏi. Ông nhướng mũi lên ngửi. “Có mùi khói.”

Jack chỉ vào nhà thờ chính tòa bằng cánh tay run rẩy. “Con nghĩ là...” cậu nói và nuốt xuống. Mọi chuyện sẽ tốt đẹp, cậu an ủi lòng mình. Tom sẽ cho rằng Jack vừa thức dậy trước đó, sau Martha. Jack nói một lần nữa, lần này tự tin hơn. “Hãy nhìn vào nhà thờ,” cậu nói với Tom. “Con nghĩ, nó là lửa.”

II

Philip vẫn chưa quen ngủ một mình. Ông nhớ không khí ngọt ngào của phòng ngủ chung, âm thanh ngáy và trăn trọc của những người khác, sự làm phiền khi một tu sĩ già thức dậy đi vệ sinh (thông thường sẽ có các tu sĩ già khác theo sau, một cuộc xếp hàng như đi rước làm các tu sĩ trẻ thích thú). Khi đêm về, ông không bận tâm vì ở một mình, nhất là khi ông mệt mỏi; nhưng giữa đêm khi ông thức dậy cho giờ kinh đêm, ông khó có thể ngủ lại được. Thay vì trở lại chiếc giường to êm ấm (ông có một chút ngại ngùng vì ông đã quen nhanh chóng với nó), ông sẽ châm lửa và đọc sách bên ánh sáng của cây nến, hay quỳ gối cầu nguyện hoặc chỉ ngồi yên lặng suy nghĩ.

Ông có nhiều chuyện để suy nghĩ. Tài chánh của tu viện tồi tệ hơn ông dự đoán. Lý do chính có lẽ là toàn bộ tổ chức ít làm ra tiền. Tu viện có nhiều đất đai canh tác cho thuê, nhưng nhiều nông trại có những hợp đồng thuê dài hạn với tiền thuê thấp, và một số họ trả tiền thuê qua sản phẩm – bao nhiêu bao bột, bao nhiêu thùng táo, bao nhiêu xe củ cải. Những mảnh đất không cho thuê do các tu sĩ tự canh tác, nhưng họ dường như không có khả năng tạo nên sản phẩm để bán. Nguồn thu nhập quan trọng của tu viện là những nhà thờ thuộc quyền sở hữu, từ đó tu viện nhận được một phần mười tiền thu nhập. Thật không may, hầu hết nhà thờ này nằm dưới quyền

của người phụ trách phụng vụ, và Philip khó có thể tìm ra ông nhận được bao nhiêu và ông chi tiêu như thế nào. Không có tài khoản bằng văn bản. Tuy nhiên, rõ ràng là thu nhập của người phụ trách phụng vụ quá ít, hay sự điều hành của ông quá tệ để có thể bảo quản nhà thờ chính tòa trong tình trạng tốt; mặc dù từ nhiều năm qua người phụ trách phụng vụ đã thu thập được một bộ sưu tập ấn tượng về chén thánh và đồ thánh trang trí bằng vàng bạc và đá quý.

Philip không nắm được các chi tiết cho đến khi ông có giờ để tham quan tài sản đất đai của tu viện ở khắp nơi. Một điều rõ ràng là từ mấy năm nay tu viện trưởng cũ đã mượn tiền từ người cho vay ở Winchester và London để đáp ứng chi phí hàng ngày. Philip quá chán nản khi ông nhận ra tình trạng bi thảm này.

Tuy nhiên, khi suy nghĩ và cầu nguyện về việc này, ông tìm ra một giải pháp rõ ràng hơn. Philip có một kế hoạch qua ba giai đoạn. Chính ông sẽ từ từ kiểm soát tài chánh của tu viện. Vào thời điểm này, mỗi người có trách nhiệm trong tu viện đều kiểm soát một phần tài sản, và chi phí cho lãnh vực của họ với thu nhập từ tài sản đó: quản lý, người lo phụng vụ, người phụ trách nhà khách, người phụ trách tập sinh và người lo y tế, mỗi người đều có trang trại và nhà thờ 'của họ'. Đương nhiên không ai trong họ thừa nhận họ có quá nhiều tiền, và nếu họ có dư họ cũng chi tiêu hết vì sợ phần dư sẽ bị xung vào quỹ chung. Philip quyết định sẽ chỉ định một chức vụ mới, được gọi là người phụ trách tài chánh, người nhận tất cả tiền thuộc về tu viện, không có ngoại lệ, và đưa cho mỗi người có trách nhiệm số tiền mà ông ấy cần.

Người phụ trách tài chánh dĩ nhiên sẽ là người Philip có thể tin tưởng được. Trước tiên ông định giao cho Cuthbert đầu trắng, người quản lý; nhưng ông chợt nhớ lại Cuthbert không thích viết. Điều đó không tốt. Từ bây giờ trở đi mọi thu nhập và chi tiêu sẽ phải viết trong một cuốn sổ lớn. Philip quyết định chỉ định Milius, người đầu bếp trẻ, làm tài chánh. Những người có trách nhiệm khác trong tu viện sẽ không thích ý tưởng này. Philip không sợ sự chống đối của họ lắm, vì bây giờ ông là tu viện trưởng và đa

số các tu sĩ, những người biết hoặc nghe về những khó khăn tài chánh của tu viện, sẽ ủng hộ cải cách của ông.

Khi ông kiểm soát được tài chánh, ông sẽ thực hiện bước thứ hai của kế hoạch. Tất cả các đất canh tác xa sẽ được cho thuê bằng tiền mặt. Điều này sẽ giúp chấm dứt chi phí vận chuyển hàng hóa qua đoạn đường dài. Tu viện có một trang trại ở Yorkshire cho thuê, họ trả tiền thuê đất là mười hai con cừu, và họ gửi đều đặn mỗi năm số cừu này đến Kingsbridge, ngay cả chi phí vận chuyển còn cao hơn giá trị của mười hai con cừu, và ngoài ra một nửa trong số chúng lại bị chết dọc đường. Trong tương lai, chỉ có những trang trại gần nhất mới cung cấp thực phẩm cho tu viện.

Ông cũng lên kế hoạch thay đổi cách tổ chức sản xuất. Hiện nay mỗi trang trại sản xuất mỗi thứ một ít – một số ngũ cốc, một số thịt, một số sữa. Nhiều năm qua Philip đã nghĩ rằng như thế là lãng phí. Mỗi trang trại chỉ sản xuất đủ các mặt hàng cho nhu cầu của riêng họ - hay đúng hơn phải nói rằng, mỗi trang trại luôn luôn tiêu thụ hết những gì họ sản xuất được. Philip muốn mỗi trang trại tập trung vào một lãnh vực duy nhất. Tất cả ngũ cốc sẽ được trồng theo nhóm ở Somerset, nơi tu viện cũng có những nhà máy xay. Sườn đồi xanh tươi của Wiltshire sẽ nuôi bò cho thịt và bơ. Tu viện nhỏ St. John trong rừng sẽ nuôi dê và làm pho mát.

Trọng tâm cải cách kinh tế của Philip là chuyển đổi tất cả trang trại nhỏ và trung bình, những trang trại có đất không màu mỡ, thành trang trại nuôi cừu.

Ông đã trải qua thời niên thiếu của ông trong một tu viện có trang trại nuôi cừu (mọi trang trại ở Wales đều nuôi cừu), và ông đã thấy giá lông cừu tăng chậm nhưng vững, tăng hàng năm kể từ khi ông còn nhớ được cho đến ngày nay. Với thời gian, cừu sẽ giải quyết được vấn đề tài chánh triền miên của tu viện.

Đó là giai đoạn thứ hai của kế hoạch. Bước thứ ba là phá hủy nhà thờ cũ và xây lại nhà thờ mới. Nhà thờ hiện nay quá cũ, xấu và không thực dụng; và thực tế là tháp đổ ở phía tây bắc có thể làm toàn bộ cấu trúc suy yếu. Nhà thờ mới sẽ cao hơn, dài hơn và – quan trọng nhất – sáng hơn. Chúng cũng được thiết kế làm nổi bật ngôi mộ quan trọng và di tích thánh để

khách hành hương đến thăm viếng. Vào thời buổi này, các nhà thờ chính tòa thường thêm những bàn thờ nhỏ và nhà nguyện bên cạnh dành kính các vị thánh đặc biệt. Một nhà thờ thiết kế tốt, đáp ứng được nhu cầu phong phú về các giờ kinh lễ của cộng đoàn, có thể thu hút được nhiều bốn đạo và khách hành hương hơn hiện nay; và trong thời gian dài, nhà thờ có thể tự trang trải được chi phí xây dựng của nó. Khi Philip có thể ổn định kinh tế của tu viện trên nền tảng chắc chắn, ông sẽ xây một nhà thờ mới, biểu tượng cho sự tái sinh của Kingsbridge.

Nó sẽ là biểu tượng sự thành công của ông.

Ông dự tính sẽ có đủ tiền trong mười năm để xây lại nhà thờ. Ông giật mình – khi đó ông đã gần bốn mươi tuổi. Tuy nhiên ông hy vọng trong vòng một năm nữa, ông có khả năng thực hiện việc sửa chữa ngôi nhà thờ cũ để vào dịp lễ Chúa Thánh thần nhà thờ sẽ có bộ mặt khang trang hơn.

Bây giờ, khi đã có kế hoạch, ông cảm thấy vui vẻ và lạc quan trở lại. Khi đang cân nhắc về chi tiết, ông lơ mơ nghe thấy một tiếng nổ từ xa, giống như tiếng đóng cửa mạnh. Ông tự hỏi không biết ai đã thức dậy và đi ra khỏi phòng ngủ hay hành lang vào giờ này. Ông cho rằng nếu có vấn đề, ông sẽ được thông báo ngay, và tư tưởng của ông lại trở về với tiền thuê và thuế nhà thờ. Một nguồn thu nhập dồi dào nữa của tu viện là quà tặng của cha mẹ những trẻ muốn nhập tu viện, nhưng để thu hút được những tập sinh đúng đắn, tu viện cần một trường học tốt.

Dòng tư tưởng của ông lại bị gián đoạn, lần này bởi một tiếng nổ lớn đến nỗi làm nhà lung lay nhẹ. Đó chắc chắn không phải là tiếng cánh cửa vị đập mạnh, ông nghĩ. Chuyện gì xảy ra ngoài kia? Ông đến bên cửa sổ và mở ra. Gió lạnh thổi vào làm ông lạnh run. Ông nhìn sang nhà thờ, phòng họp, hành lang, phòng ngủ và nhà bếp. Tất cả xuất hiện bình thường dưới ánh trăng. Khi ông thở, không khí buốt lạnh làm răng ông đau. Nhưng có một cái gì khác thường trong không khí. Ông ngửi, và ông thấy mùi khói.

Ông cau mày lo lắng, nhưng ông không thấy lửa.

Ông quay đầu vào trong phòng và ngửi lần nữa. Ông nghĩ rằng có thể ông ngửi thấy mùi khói từ lò sưởi, nhưng không thấy gì. Bối rối và khẩn

trường, ông nhanh chóng sỏ chân vào giày, nhặt chiếc áo choàng và chạy ra khỏi nhà.

Mùi khói mạnh hơn khi ông vội vã băng ngang sân về hướng hành lang. Không còn nghi ngờ gì nữa, một phần của tu viện bị cháy. Trước hết ông nghĩ đến nhà bếp – các đám cháy thường bắt đầu từ nhà bếp. Ông chạy qua con đường nhỏ giữa nhà ngang phía nam và phòng họp, rồi đi qua sân tu viện. Ban ngày ông sẽ đi ngang qua phòng ăn tới sân nhà bếp, nhưng cửa phòng ăn đóng vào ban đêm, vì thế ông đi ra xuyên qua mái vòm của bức tường phía nam và quay phải tới đằng sau nhà bếp. Không có dấu hiệu của lửa ở đó, cũng không phải trong xưởng bia cũng không phải lò bánh mì, và mùi khói dường như nhẹ hơn ở đây. Ông chạy xa hơn và nhìn qua các góc bên nhà máy bia, xuyên qua sân cỏ đến nhà khách và chuồng ngựa. Ở đó dường như hoàn toàn yên tĩnh.

Có thể cháy ở phòng ngủ sao? Chỉ phòng ngủ mới có lò sưởi. Nghĩ đến ông rùng mình. Trên đường chạy trở lại tu viện, một viễn tượng kinh khủng đến trong đầu, khi ông tưởng tượng tất cả các tu sĩ nằm trên giường, bất tỉnh vì khói và phòng ngủ cháy rực. Ông chạy đến cửa phòng ngủ. Khi ông đến nơi, cửa chọt mở và Cuthbert bước ra, đem theo một ngọn đèn.

Cuthbert nói ngay: “Anh có nghĩ thấy gì không?”

“Có! Anh em tu sĩ, tất cả bình an chứ?”

“Ở đây không có gì bị cháy.”

Philip thấy nhẹ nhõm. Ít nhất những người dưới quyền ông được an toàn. “Vậy cháy ở đâu?”

“Nhà bếp làm sao?” Cuthbert nói.

“Không có gì – tôi có kiểm soát rồi.” Bây giờ, sau khi biết không ai gặp nguy hiểm, ông bắt đầu lo về tài sản. Ông vừa suy nghĩ về tài chánh, và ông biết hiện nay ông không thể sửa sang gì được. Ông nhìn vào nhà thờ. Có phải có màu đỏ nhạt phía sau cửa sổ không?

Philip nói: “Cuthbert, lấy chìa khóa nhà thờ nơi người phụ trách phụng vụ.”

Cuthbert đi trước ông. “Tôi có đây.”

“Anh chu đáo quá.”

Họ vội vã đi dọc theo bức tường phía đông tới cửa gian phụ phía nam. Cuthbert vội vàng mở khóa. Khi cánh cửa bật ra, khói bốc ra.

Trái tim Philip ngừng đập. Làm sao nhà thờ có thể cháy được?

Ông bước vào. Lúc đầu cảnh tượng thật khó hiểu. Trên nền nhà thờ, xung quanh bàn thờ và trong gian phụ phía nam này có nhiều mảnh gỗ lớn đang cháy. Lửa bắt ra từ đâu? Tại sao lại có nhiều khói? Và tiếng động như sấm, tiếng động chắc chắn do một đám cháy lớn, từ đâu phát ra?

Cuthbert la to: “Hãy nhìn lên!”

Philip nhìn lên và ông tìm được câu trả lời. Mái trần cháy dữ dội. Ông nhìn nó, thật kinh hoàng: từ dưới nhìn lên trông giống như hỏa ngục. Hầu hết bức trần tô điểm hình vẽ đã biến mất, để lộ ra giàn mái đen và rực lửa, ngọn lửa và khói nhẩy múa trong một điệu nhẩy hung bạo. Philip đứng im bất động cho đến khi cổ ông bị đau vì ngẩng lên, ông mới tỉnh hồn.

Ông chạy đến khu trung tâm, đứng trước bàn thờ, và nhìn quanh nhà thờ. Toàn bộ mái nhà đã bốc cháy, từ cửa phía tây đến cuối hướng đông và xuyên qua cả hai gian phụ hai bên. Trong lúc hoảng loạn ông nghĩ làm sao có thể đem nước lên đó? Ông tưởng tượng một hàng dài các tu sĩ xách nước chạy theo đường hành lang, nhưng ông nhận ra ngay là nó không thể thực hiện được: ngay cả một trăm người cũng không thể xách đủ nước lên mái để dập tắt ngọn lửa bùng bùng như hỏa ngục này được. Toàn bộ mái nhà thờ sắp bị phá hủy, ông nhận ra điều đó với một trái tim tan nát; và mưa gió, bão tuyết sẽ rơi xuống cho đến khi ông tìm được đủ tiền để dựng lại một mái mới.

Một tiếng gậy khiến ông nhìn lên. Ngay trên đầu ông, một thanh ngang lớn sắp nghiêng qua một bên. Nó sắp rơi lên đầu ông. Ông đi lại gian phụ phía nam, nơi Cuthbert đang đứng run sợ. Toàn bộ một phần mái gồm kèo và dầm, cộng thêm tấm chì lớn rơi xuống. Philip và Cuthbert đứng nhìn, chết sững, quên cả sự an toàn của họ. Mái nhà rơi xuống một mái vòm lớn của khu trung tâm. Sức nặng của gỗ và chì làm nứt tường đá của mái vòm và tạo nên một âm thanh như sấm. Mọi thứ xảy ra từ từ: những thanh gỗ rơi xuống từ từ, mái vòm nứt ra từ từ, tường đá vỡ ra từ từ rơi trong không trung. Nhiều xà ngang đã lỏng ra, và rồi với một tiếng nổ như một chuỗi

sấm sét, một phần bức tường phía bắc đổ xuống, trượt vào gian phụ phía bắc.

Philip hoảng sợ. Nhìn cảnh tượng một ngôi nhà đồ sộ như thế bị phá hủy tạo nên một cú sốc kinh hoàng. Nó giống như nhìn một ngọn núi đổ xuống hay một con sông thành khô cạn: Ông không thể nghĩ nó có thể thực sự xảy ra. Ông không thể tin vào mắt mình. Nó làm ông mất phương hướng và ông không biết phải làm gì.

Cuthbert kéo tay áo ông. “Đi ra!” ông hét lên.

Philip không rời mắt khỏi cảnh tượng. Ông nhớ lại ông đã dự định mười năm tiết kiệm và làm việc cật lực để cải tổ lại nền tài chính của tu viện. Bây giờ, bất ngờ, ông phải xây lại mái nhà mới, bức tường phía bắc mới, và có lẽ còn nhiều hơn thế nữa, nếu sự phá hủy còn tiếp tục... Đây là một công việc của ma quỷ, ông nghĩ. Làm sao một mái nhà có thể bắt lửa vào một đêm băng giá vào tháng giêng?

“Coi chừng, chúng ta sẽ chết!” Cuthbert hét lên, và sự sợ hãi trong giọng nói của ông làm rung động trái tim Philip. Ông quay lại và cả hai chạy ra khỏi nhà thờ vào tu viện.

Các tu sĩ đã được đánh thức và đang ra khỏi phòng ngủ. Khi họ đi ra, dĩ nhiên họ đứng lại và nhìn vào nhà thờ. Thầy phụ trách nhà bếp Millius đứng ở cửa, hối thúc họ đi tiếp để tránh bế tắc, chỉ đạo họ ra khỏi nhà thờ và đi về hướng nam của tu viện. Giữa đường họ thấy Tom đứng đó, ông nói họ quay lại dưới mái vòm và đi qua bằng cách đó. Philip nghe Tom nói: “Đi đến nhà khách – tránh xa nhà thờ ra.”

Ông ấy lo xa quá, Philip nghĩ, ở trong tu viện họ chưa đủ an toàn sao? Nhưng điều đó cũng chẳng thiệt hại gì và nó có thể là một biện pháp phòng ngừa hợp lý. Thực ra, ông nghĩ lại, chính ông phải là người nghĩ ra chuyện ấy.

Nhưng sự thận trọng của Tom làm ông phân vân, không biết sự phá hủy sẽ còn đi đến đâu. Nếu tu viện không an toàn thì phòng họp sẽ ra sao? Ở đó, trong phòng bên với tường đá dày và không cửa sổ, có một két bằng gỗ sồi, trong đó chứa một ít tiền họ có, cộng với chén lễ bằng đá quý, tất cả tài liệu của tu viện cũng như giấy chứng nhận quyền sở hữu của tu viện. Một

lúc sau ông nhìn thấy Alan, người phụ trách kho báu, một tu sĩ trẻ làm việc chung với người phụ trách phụng vụ và đặc trách về đồ thánh.

Philip gọi ông. “Kho đồ quý của tu viện phải được dời ra khỏi nhà họp – người phụ trách phụng vụ ở đâu?”

“Ông đi rồi, thưa cha.”

“Đi tìm ông ấy, lấy chìa khóa, rồi đem những gì quý giá ra khỏi phòng họp và đem xuống nhà khách. Chạy đi!”

Alan chạy đi. Philip quay về phía Cuthbert. “Tốt hơn anh nên kiểm soát xem anh ấy có thi hành không.” Cuthbert gật đầu và theo Allen.

Philip nhìn lại nhà thờ. Trong vài khoảnh khắc, tư tưởng ông đã bị chi phối, bây giờ ngọn lửa trở nên mạnh mẽ, ánh lửa chiếu qua mọi cửa sổ. Thực ra người phụ trách phụng vụ phải nghĩ đến kho báu của tu viện, thay vì vội vã trốn chạy, lo cho bản thân mình. Có điều gì bị bỏ quên không? Philip không thể suy nghĩ một cách hệ thống, vì mọi chuyện xảy ra quá nhanh chóng. Các tu sĩ đã vào nơi an toàn, kho báu được di chuyển đến chỗ bảo đảm.

Ông đã quên các Thánh.

Ở cuối nhà thờ phía đông, dưới ngai giám mục, là mộ thánh Adolphus, vị tử đạo người Anh trong thời tiên khởi. Trong mộ là một quan tài bằng gỗ chứa xương thánh nhân. Vào những thời điểm định kỳ, nắp ngôi mộ được mở ra cho dân chúng nhìn thấy quan tài. Ngày nay thánh Adolphus không được biết đến nhiều như ngày xưa, khi mà những bệnh nhân đã được chữa lành một cách kỳ diệu khi chạm đến mộ ngài. Hài cốt của một vị thánh là một điểm thu hút lớn cho một nhà thờ, thúc đẩy sự thờ phượng và hành hương. Chúng mang lại nhiều tiền cho nhà thờ đến nỗi, một cách xấu hổ, các tu sĩ đã ăn cắp xương thánh của các nhà thờ khác. Philip dự định làm sống lại sự tôn thờ thánh Adolphus. Ông phải cứu hài cốt thánh.

Ông cần sự hỗ trợ để mở nắp mộ và mang quan tài đi. Người phụ trách phụng vụ chính ra phải nghĩ đến chuyện này. Nhưng ông đã biến mất. Người tu sĩ tiếp sau ra khỏi phòng ngủ là Remigius, vị tu viện phó kiêu căng. Ông ấy cũng phải làm chuyện đó. Philip gọi ông và nói: “Giúp tôi cứu hài cốt thánh.”

Đôi mắt xanh nhạt của Remigius sợ hãi nhìn nhà thờ đang cháy, nhưng sau một lúc do dự, ông theo Philip đi theo đường phía đông và bước qua ngưỡng cửa.

Vào bên trong, Philip dừng lại. Ông mới ra ngoài chỉ vài phút mà ngọn lửa đã bốc nhanh. Có mùi khó chịu trong mũi và ông nhận ra rằng các gỗ trong mái nhà đều tẩm hắc ín để tránh mục nát. Mặc dù ngọn lửa cháy phừng phực, vẫn có một cơn gió lạnh: khói thoát ra từ lỗ hồng trên mái, và ngọn lửa kéo không khí lạnh vào qua các cửa sổ. Gió lùa quạt ngọn lửa bốc lên. Than hồng rơi như mưa trên sàn nhà thờ, và nhiều thanh xà ngang lớn cháy trên mái trông như chúng có thể rơi xuống bất cứ lúc nào. Cho đến bây giờ ông chỉ lo lắng về các tu sĩ khác, rồi đến tài sản của tu viện, nhưng bây giờ lần đầu tiên ông lo sợ cho chính mình, và ông do dự khi đi xa hơn vào hỏa ngục.

Càng do dự lâu, nguy hiểm càng lớn; và nếu ông nghĩ về nó nhiều quá, thần kinh ông sẽ yếu đi. Ông vén áo choàng lên, hô to: “Hãy theo tôi!” và chạy vào gian phụ. Ông tránh những đốm lửa nhỏ trên nền nhà, hồi hộp vì bất cứ lúc nào một thanh gỗ cháy cũng có thể rơi xuống. Ông không kịp thở và muốn hét lên vì căng thẳng. Rồi, bất ngờ, ông đến được chỗ an toàn ở lối đi phía bên kia.

Ông dừng lại ở đó một lúc. Lối đi có mái vòm bằng đá nên không bắt lửa. Remigius ở bên cạnh ông. Philip hít phải khói, ông ho và thở hỗn hển. Đi ngang qua gian phụ chỉ mất vài phút, nhưng dường như nó kéo dài lâu hơn một giờ kinh đêm.

“Chúng ta sẽ bị chết!” Remigius nói.

“Thiên Chúa sẽ phù trợ chúng ta,” Philip nói. Rồi ông nghĩ: “Vì thế tại sao tôi lại sợ?”

Không có giờ cho suy tư thần học.

Ông đi dọc theo gian phụ và ở khúc quanh ông rẽ vào gian cung thánh, vẫn giữ lối đi cạnh. Ông cảm thấy sức nóng từ các băng ghế bằng gỗ giữa gian cung thánh, và sự mất mát này đau nhói tim ông: những băng ghế này được thực hiện tốn kém và chạm trổ đẹp. Ông xua chúng ra khỏi tâm trí và

tập trung vào nhiệm vụ trước mắt. Ông đi qua gian cung thánh đến cuối nhà thờ phía đông.

Mộ thánh nằm ở nửa giữa nhà thờ. Đó là một mộ đá lớn đặt nằm trên chân thắp. Philip và Remigius phải mở nắp đá, đặt nó qua một bên, bê quan tài lên khỏi mộ đá và đem nó đến chỗ an toàn trong khi mái nhà trên đầu họ đang cháy. Philip nhìn Remigius. Đôi mắt xanh nhạt của ông mở to sợ hãi. Vì Remigius, Philip giấu nỗi sợ hãi của mình. “Anh cầm đầu kia, tôi đầu này,” ông chỉ tay và nói, và không chờ câu trả lời, ông chạy đến ngôi mộ.

Remigius theo sau.

Họ đứng ở hai đầu và nâng nắp mộ. Cả hai đều nâng.

Nắp mộ không di chuyển.

Philip nhận ra rằng ông phải cần nhiều người nữa. Ông không dừng lại để suy nghĩ. Nhưng bây giờ đã quá trễ: Nếu ông đi ra và gọi thêm trợ giúp, khi ông trở lại có thể gian phụ không còn đi qua được nữa. Nhưng ông cũng không thể để xương thánh ở lại đây. Một xà ngang có thể rơi xuống đập vỡ ngôi mộ và quan tài bằng gỗ sẽ bị bắt lửa, rồi tro tàn bay trong gió. Như vậy sẽ là một sự phạm thánh khủng khiếp và là một sự mất mát lớn lao cho nhà thờ chính tòa.

Ông chợt có một ý tưởng. Ông di chuyển xung quanh và đến bên ngôi mộ, rồi ra lệnh cho Remigius đứng bên cạnh ông. Ông quỳ xuống, đặt cả hai tay vào cạnh nắp mộ và đẩy hết sức. Khi Remigius cùng làm theo ông, nắp mộ mở ra. Chậm rãi họ nâng nó cao hơn. Philip đứng trên một đầu gối, Remigius làm theo; rồi cả hai đứng lên. Khi nắp mộ nằm nghiêng, họ cố hơn và nó lăn qua một bên. Nó rơi xuống đất và bể thành hai.

Philip nhìn vào trong mộ. Quan tài ở trong tình trạng tốt, gỗ vẫn tốt, thanh tay cầm bằng sắt bị hoen rỉ bên ngoài. Philip đứng ở một đầu, nắm lấy hai tay cầm. Ở đầu kia, Remigius cũng làm tương tự. Họ nâng quan tài lên một vài phân, nhưng nó nặng hơn Philip tưởng tượng, và một lúc sau Remigius buông tay và nói: “Tôi không thể tiếp tục – tôi già hơn anh.”

Philip đè nén sự tức giận. Quan tài có thể được lót bằng chì. Nhưng bây giờ, nắp mộ đã được mở, quan tài thậm chí dễ bị tổn hại hơn trước. “Hãy đến đây,” Philip gọi lớn tiếng. “Chúng ta cố nâng đầu này.”

Remigius đến bên ngôi mộ, đứng gần Philip. Mỗi người nắm lấy tay cầm của hòm và nâng. Đầu hòm nâng lên tương đối dễ dàng. Khi họ dựng quan tài đứng thẳng, họ ngưng lại thở. Philip nhận ra rằng họ đã nâng phía cuối quan tài, vì thế bây giờ thánh nhân đứng dựng đầu xuống. Philip âm thầm xin lỗi. Những mảnh gỗ cháy nhỏ rơi xuống thường xuyên bên cạnh họ. Mỗi khi có tia lửa bắn lên áo choàng của ông, Remigius giữ chúng điên cuồng cho đến khi nó rơi xuống, và mỗi khi có cơ hội ông ấy đều ngược nhìn mái nhà cháy. Philip có thể nhận ra ông ấy đã mất hết can đảm.

Họ lật nghiêng quan tài để nó dựng vào thành mộ, sau đó đẩy thêm. Đầu kia được nâng cao hơn khỏi mặt đất và quan tài nằm bấp bênh trên cạnh ngôi mộ; rồi họ hạ nó xuống cho đến khi đầu kia đụng mặt đất. Họ lật quan tài một lần nữa cho nó nằm đúng mặt. Xương thánh bị lẫn lộn trong đó như viên xúc xắc bị lẫn trong bát, Philip nghĩ và nhìn nhận đây là sự phạm thánh mà ông chưa bao giờ làm, nhưng không còn cách nào khác.

Đứng ở đầu quan tài, mỗi người nắm một tay cầm, nâng lên, và kéo xuyên qua nhà thờ đến chỗ tương đối an toàn dưới mái vòm. Góc quan tài bằng sắt cày lên thành rãnh nhỏ trên nền đất. Khi họ đến gần mái vòm, một phần của mái nhà gồm những thanh gỗ cháy và chì nóng rơi xuống ngay chỗ mộ thánh mà bây giờ chỉ còn là mộ trống. Tiếng rơi vang lên điếc tai, sàn nhà rung lên và mộ thánh bị vỡ thành mảnh vụn. Một xà ngang lớn rơi chỉ cách Philip và Remigius có vài phân, đập vào quan tài làm tay họ rớt ra. Mọi chuyện quá sức chịu đựng đối với Remigius. “Đây là công việc của ma quỷ!” ông điên dại hét lên và chạy đi.

Philip chạy theo ông. Nếu đêm nay ma quỷ thực sự hành động ở đây, thì không thể nói được những gì còn có thể xảy ra. Philip chưa bao giờ nhìn thấy ma quỷ nhưng ông đã nghe nhiều người kể về chuyện đó. Nhưng các tu sĩ là để chống lại Satan, không chạy trốn nó, Philip tự nhủ một cách nghiêm khắc. Chờ mong, ông nhìn vào những gian phụ, rồi ông hít một hơi dài, nắm hai tay cầm và nâng quan tài lên.

Ông tìm cách kéo quan tài qua những xà ngang nằm trên nền nhà. Gỗ quan tài bị nứt mẻ, nhưng ngạc nhiên là không bị hư hỏng. Ông kéo nó xa thêm. Một đám than hồng nhỏ rơi xuống xung quanh ông. Ông liếc nhìn lên

mái nhà. Có phải trên đó là một nhân vật hai chân đang nhẩy múa nhạo báng trong ngọn lửa hay đó chỉ là ngọn khói? Ông nhìn xuống và thấy áo choàng của mình đã bắt lửa. Ông quỳ xuống, dùng tay hất lửa ra và đập áo xuống nền nhà, và ngọn lửa bị dập tắt ngay. Rồi ông nghe thấy một tiếng động, nó như tiếng rít của hai thanh gỗ cọ vào nhau, hay là tiếng cười nhạo báng của một con quỷ. “Lạy thánh Adolphus, xin bảo vệ con,” ông kêu xin và lại tiếp tục kéo chiếc quan tài.

Từng phân, ông kéo quan tài trên mặt đất. Lúc này ma quỷ để ông yên. Ông không nhìn lên – tốt nhất không nên liếc nhìn con quỷ. Cuối cùng ông đến được chỗ an toàn trên lối đi, và cảm thấy an tâm hơn. Tăm lưng đau đòi hỏi ông phải dừng lại nghỉ ngơi vài phút. Còn một đoạn đường dài mới đến được cửa gần nhất ở gian phụ phía nam. Ông không chắc chắn có kéo được quan tài qua cả đoạn đường dài đó không, trước khi toàn bộ mái nhà rơi xuống. Có lẽ đó là điều ma quỷ chờ đợi. Philip không thể ngăn cản mình ngược nhìn lên ngọn lửa trên cao. Khi ông nhìn lên, nhân vật hai chân trốn sau thanh gỗ màu đen. Nó biết tôi không thể làm được, Philip nghĩ. Ông nhìn theo lối đi, ông bị cám dỗ bỏ hài cốt thánh lại và chạy đi vì sự sống của mình – và ông nhìn thấy thầy Milius, Cuthbert đầu trắng và thợ xây Tom đang tiến về phía ông, cả ba nhân vật hữu hình vội vã đến giúp ông. Trái tim ông nhẩy mừng, và bất ngờ ông không còn chắc chắn thực sự có một con quỷ ở trên mái nhà không.

“Tạ ơn Chúa!” ông cầu xin. “Làm ơn giúp tôi,” ông nói với những người đến giúp, nhưng thực ra không cần thiết.

Thợ xây Tom xem xét mái nhà cháy. Dường như ông không thấy con quỷ nào, nhưng ông nói: “Chúng ta hãy làm nhanh lên.” Mỗi người nắm lấy một góc và nâng quan tài lên vai họ. Nó vẫn nặng, mặc dù bốn người khiêng. Philip ra lệnh: “Tiến lên!” Họ đi dọc lối đi nhanh bao nhiêu có thể, oằn người vì nặng.

Khi họ đến gian phụ phía nam. Tom kêu lên: “Đợi đã!” Nền nhà có nhiều đám cháy nhỏ, và nhiều mảnh gỗ vỡ rơi xuống liên tục. Philip cố gắng tìm kiếm một lối đi xuyên qua đồng lửa. Họ chưa kịp tiếp tục đi thì một tiếng

ầm vang lên ở cuối nhà thờ phía tây. Philip nhìn lên đầy sợ hãi. Tiếng ầm ầm thành tiếng sấm.

Tom bí ẩn nói: “Nó yếu, giống như cái kia.”

“Cái gì?” Philip la to.

“Tháp phía tây nam.”

“Ồ, không!”

Tiếng sấm to hơn. Philip nhìn, kinh hoàng, khi toàn bộ bức tường nhà thờ phía tây nghiêng về phía trước, như bàn tay Chúa xô nó. Hơn mười mét mái nhà rơi xuống gian giữa với sức va chạm như một cuộc động đất. Sau đó toàn bộ tòa tháp tây nam sụp đổ và đất đá rơi giống như trận lở đất vào trong nhà thờ.

Philip tê liệt vì sốc. Nhà thờ đổ nát trước mắt ông. Sẽ cần hàng nhiều năm để xây dựng lại phần thiệt hại ngay cả khi ông có thể tìm được tiền. Ông phải làm gì? Làm sao tu viện Kingsbridge có thể tiếp tục? Có phải đây là kết cục của tu viện Kingsbridge?

Ông tỉnh lại vì quan tài di chuyển trên vai ông khi ba người khác tiếp tục đi. Philip đi theo, nơi đâu họ kéo đi. Tom tìm kiếm lối đi xuyên qua những đám cháy. Một cục gỗ cháy rơi đúng trên nóc quan tài, nhưng may mắn nó trượt xuống đất mà không trúng họ. Một lúc sau họ đến phía bên kia và đi qua cửa, ra khỏi nhà thờ vào không khí lạnh ban đêm.

Sự thiệt hại của nhà thờ làm Philip không còn sức sống, nên ông cũng không còn cảm xúc gì khi được thoát nạn. Họ vội vã đi quanh hành lang tu viện và đi qua cổng vòng cung ở phía nam. Khi họ đã đi xa khỏi những tòa nhà, Tom nói: “Đủ rồi.” Họ đặt quan tài cẩn thận xuống mặt đất giá lạnh.

Philip cần vài phút để thở. Trong lúc nghỉ ngơi ông nhận ra rằng lúc này không phải là lúc hành động mù quáng. Ông là tu viện trưởng, ông có trách nhiệm ở đây. Ông phải làm gì bây giờ? Việc quan trọng đầu tiên là kiểm soát xem tất cả các tu sĩ có an toàn không. Ông hít thêm hơi thở, rồi vươn vai và nhìn vào người bên cạnh. “Cuthbert, anh ở lại đây và trông coi quan tài của thánh nhân,” ông nói. “Những người còn lại theo tôi.”

Ông dẫn họ đi phía sau nhà bếp, ngang qua nhà máy bia và nhà máy xay, rồi xuyên qua sân đến nhà khách. Các tu sĩ, gia đình Tom và hầu hết dân

làng đang đứng thành nhóm ở đó, thì thăm với nhau và nhìn vào nhà thờ rực lửa. Philip quay lại nhìn vào nhà thờ trước khi nói chuyện với họ. Cảnh tượng thật đau lòng. Toàn bộ phía tây là một đồng đồ nát, và ngọn lửa lớn bốc lên từ những gì còn lại trên mái nhà.

Ông không nhìn nữa. “Mọi người có mặt hết ở đây chưa?” ông nói to.

Nếu anh em biết có ai vắng mặt, làm ơn nói to tên người đó.”

Một người nào đó nói: “Cuthbert đầu trắng.”

“Anh ấy đang bảo vệ xương thánh. Còn ai nữa không?”

Không còn người nào.

Philip nói với Milius: “Hãy đếm các tu sĩ. Tất cả phải là bốn mươi lăm người, cả anh và tôi.” Ông biết mình có thể tin tưởng Milius được nên ông không bận tâm đến vấn đề đó nữa và quay qua thợ xây Tom. “Cả gia đình của ông có ở đây không?”

Tom gật đầu rồi chỉ vào gia đình mình. Họ đứng gần tường nhà khách; người đàn bà, đứa con trai lớn và hai đứa nhỏ. Đứa con trai nhỏ nhìn Philip sợ hãi. Đây phải là một biến cố kinh hoàng cho đứa trẻ, ông nghĩ.

Người phụ trách phụng vụ ngồi trên thùng bọc sắt chứa những đồ quý giá của tu viện. Philip đã quên chuyện đó: ông an tâm khi thấy nó an toàn. Ông nói với người phụ trách phụng vụ: “Anh Andrew, hài cốt thánh Adolphus ở sau phòng ăn. Anh đem theo một số anh em và mang hài cốt thánh đến...” Ông nghĩ một lúc. Nơi an toàn nhất có lẽ là nhà tu viện trưởng. “Đem tới nhà tôi.”

“Đem tới nhà anh?” Andrew cãi lại. “Hài cốt các thánh thuộc về trách nhiệm của tôi, không phải của anh.”

“Nếu như vậy thì anh đã phải cứu hài cốt đó khỏi nhà thờ!” Philip nóng lên. “Hãy làm theo lời tôi, không nói thêm lời nào nữa!” Người phụ trách phụng vụ miễn cưỡng đứng lên, trông có vẻ tức giận.

Philip nói: “Làm nhanh lên, nếu không tôi sẽ cách chức anh ngay tại đây và bây giờ!” Ông quay lưng lại và nói với Milius. “Bao nhiêu?”

“Bốn mươi bốn, cộng với Cuthbert. Mười một tập sinh. Năm khách. Mọi người có mặt đủ cả.”

“Đó là một hồng ân.” Philip nhìn vào đồng lửa. Đó là một điều kỳ diệu vì mọi người vẫn sống sót và không ai bị thương tích gì. Ông nhận ra mình đã hết hơi, nhưng ông quá lo lắng, không thể ngồi yên và nghỉ ngơi được. “Có gì quý giá mà chúng ta cần cứu nữa không?” ông nói. “Chúng ta có thùng giữ đồ quý giá và xương thánh...”

Alan, người quản lý kho báu, lên tiếng. “Còn sách vở thì sao?”

Philip rên rỉ. Dĩ nhiên, những cuốn sách! Chúng được giữ trong tủ khóa ở hành lang phía đông, gần cửa vào phòng họp, nơi các tu sĩ có thể sử dụng trong lúc nghiên cứu. Cần nhiều thời gian để đem các cuốn sách ra khỏi tủ. Có lẽ một số người trẻ khỏe mạnh có thể khênh cả tủ đến một nơi an toàn. Philip nhìn quanh. Người phụ trách phụng vụ đã chọn nửa tá người theo ông để khênh hài cốt thánh và họ đã đi đến giữa sân. Philip chọn ba tu sĩ trẻ và ba tập sinh lớn tuổi, rồi ông bảo họ theo ông.

Ông trở lại khoảng sân trước nhà thờ đang cháy. Ông quá mệt để có thể chạy. Họ đi ngang qua nhà máy xay lúa, nhà máy bia, và đi đằng sau nhà bếp vào phòng ăn. Cuthbert đầu trắng và người phụ trách phụng vụ đang lo việc di chuyển hài cốt thánh. Philip hướng dẫn nhóm theo lối đi giữa phòng ăn và phòng ngủ và dưới đường mái vòm phía nam vào trong hành lang tu viện.

Ông có thể cảm nhận sức nóng của lửa. Tủ sách lớn có trạm trổ hình Mô Sê với bia đá. Philip chỉ đạo nhóm trẻ nghiêng tủ sách về phía trước, rồi ghé vai vào vách. Họ khênh nó theo hành lang tới đường có mái vòm phía nam. Ở đó Philip dừng nghỉ, quay nhìn lại, trong khi nhóm trẻ vẫn tiếp tục đi. Trái tim ông nặng trĩu nỗi buồn khi ông nhìn cảnh tượng nhà thờ bị tàn phá. Bây giờ còn ít khói, nhưng nhiều lửa. Toàn bộ mái nhà đã bị thiêu hủy. Khi ông quan sát, mái nhà trên khu trung tâm dường như trệ xuống, và ông nhận ra chẳng bao lâu nữa nó sẽ sập xuống. Một tiếng nổ như sấm, lớn hơn mọi tiếng nổ từ trước đến giờ, và toàn bộ mái của gian phụ phía nam rơi xuống. Philip cảm thấy một nỗi đau, như chính thân thể ông đang bị cháy. Một lúc sau bức tường của gian phụ nghiêng về phía hành lang tu viện. Xin Chúa giúp chúng con, nó sắp đổ, Philip nghĩ. Khi bức tường đá rạn nứt và bể ra, ông nhận ra nó đang đổ về phía ông, và ông quay lại định chạy;

nhưng trước khi ông bước được ba bước, một vật gì đập trúng phía sau đầu ông và ông bất tỉnh.

Đối với Tom, ngọn lửa cuồng nhiệt đang phá hủy nhà thờ Kingsbridge lại là ngọn hải đăng của hy vọng.

Ông nhìn qua sân cỏ vào đám cháy bốc cao lên trời từ những tàn tích của nhà thờ, và tất cả những gì ông có thể nghĩ là: điều đó có nghĩa là ông có việc làm.

Tư tưởng này có trong đầu Tom từ khi ông bước ra khỏi nhà khách với đôi mắt ngái ngủ và nhìn thấy ánh lửa đỏ chập chờn sau cửa sổ nhà thờ. Tâm hồn Tom chứa đựng một sự xấu hổ và lạc quan hạnh phúc trong suốt thời gian qua, ngay cả khi ông thúc giục các tu sĩ ra khỏi nơi nguy hiểm, hặc khi ông chạy vào nhà thờ đang cháy tìm Philip cũng như khêngh hải cốt thánh ra ngoài.

Bây giờ, khi có thời gian suy nghĩ lại, ông biết mình không được phép vui vì nhà thờ bị cháy; nhưng rồi, ông nghĩ, không ai bị thương, và kho báu của tu viện được an toàn, ngoài ra nhà thờ đã cũ và xấu xí; vì thế tại sao lại không vui?

Các tu sĩ trẻ trở lại qua sân cỏ, khêngh theo tử sách nặng. Tất cả những gì tôi có thể làm bây giờ, Tom nghĩ, là làm sao tôi nhận được công việc xây dựng lại ngôi nhà thờ này. Và bây giờ là lúc nói chuyện với tu viện trưởng Philip.

Tuy nhiên, Philip không đi chung với các tu sĩ khêngh tử sách. Họ đến nhà khách và đặt tử sách xuống. “Tu viện trưởng ở đâu?” Tom hỏi họ.

Người lớn tuổi nhất ngạc nhiên và quay nhìn lại. “Tôi không biết,” ông nói. “Tôi nghĩ ông ấy đi sau chúng tôi.”

Có lẽ ông ở lại để quan sát đám cháy, Tom nghĩ; nhưng có thể ông đang gặp khó khăn.

Không để mất giờ, Tom chạy qua sân cỏ và vòng đằng sau nhà bếp. Ông hy vọng Philip được an toàn, không những vì ông tốt, nhưng còn vì ông là người bảo trợ của Jonathan. Không có Philip thì không biết chuyện gì đã xảy ra cho đứa bé.

Tom thấy Philip trong lối đi giữa phòng ăn và phòng ngủ. Ông an tâm khi thấy Philip ngồi thẳng, tuy bị choáng váng nhưng không bị thương. Tom giúp ông đứng lên.

“Một cái gì đó đánh vào đầu tôi,” Philip chệnh choáng nói.

Tom bỏ ông, nhìn vào gian phụ phía nam đã đổ vào hành lang tu viện. “May mắn là ông vẫn sống,” Tom nói. “Chắc Chúa có một chương trình cho ông.”

Philip lắc đầu cho tỉnh táo. “Tôi bị bất tỉnh một lúc, nhưng bây giờ đã khá rồi. Những cuốn sách ở đâu?”

“Họ đã đem đến nhà khách.”

“Chúng ta hãy đến đó.”

Tom cầm lấy tay Philip khi họ đi. Tu viện trưởng không bị thương nặng, nhưng ông buồn, Tom có thể thấy điều đó.

Khi họ trở về nhà khách, ngọn lửa trong nhà thờ đã giảm; tuy nhiên ông có thể nhìn rõ khuôn mặt mọi người, và ông hoảng sợ nhận ra là trời đã hừng sáng.

Philip tổ chức lại công việc. Ông bảo thầy nhà bếp Milius nấu cháo cho mọi người và cho quyền Cuthbert đầu trắng mở một thùng rượu làm ấm người trong lúc chờ đợi. Ông ra lệnh đốt lửa lò sưởi và cho các tu sĩ lớn tuổi vào sưởi ấm. Trời bắt đầu mưa. Những hạt mưa do gió mang theo cứng lạnh làm ngọn lửa trong nhà thờ tàn nhanh.

Khi mọi người bận rộn, Tu viện trưởng Philip đi một mình ra khỏi nhà khách, theo hướng nhà thờ. Tom thấy ông và đi theo. Đây là cơ hội. Nếu ông được trao việc, ông sẽ làm việc ở đây nhiều năm.

Philip đứng nhìn chăm chăm vào đồng hồ nát cuối nhà thờ phía tây, lắc đầu buồn bã, giống như chính đời sống của ông bị tàn phá vậy. Tom đứng yên lặng bên ông. Một lúc sau Philip đi tiếp, dọc theo phía bắc của gian chính, xuyên qua nghĩa địa. Tom đi với ông, nghiên cứu những thiệt hại.

Bức tường phía bắc của gian giữa vẫn còn đứng vững, nhưng gian phụ phía bắc và một phần bức tường phía bắc của gian cung thánh đã đổ. Phần cuối nhà thờ phía đông vẫn còn. Họ đi xung quanh phần cuối và nhìn về

phía nam. Hầu hết bức tường phía nam đã đổ xuống và gian phụ phía nam đã sụp đổ vào hành lang tu viện. Nhà họp vẫn còn đứng vững.

Họ đi đến cổng có mái vòm dẫn vào lối đi phía đông của hành lang tu viện. Ở đó một đồng gạch đã cản ngăn họ lại. Trông có vẻ hỗn độn, nhưng với cặp mắt rành nghề, Tom biết rằng hành lang tu viện không bị thiệt hại nặng, chỉ bị chôn vùi dưới đồng gạch đổ nát. Ông trèo lên đồng đá vụn cho đến khi ông có thể nhìn vào trong nhà thờ. Ngay sau bàn thờ, một cầu thang dẫn xuống tầng hầm. Tầng hầm nằm ngay dưới gian cung thánh. Tom nhìn vào, nghiên cứu những vết nứt trên nền nhà bằng đá. Ông không thấy gì. Có thể tầng hầm vẫn còn nguyên vẹn. Ông không nói cho Philip biết bây giờ: ông sẽ giữ thông tin này cho đến một thời điểm quan trọng.

Philip đi tiếp, đi vòng phía sau phòng ngủ. Tom vội vã theo ông. Họ thấy nhà ngủ không ảnh hưởng gì. Tiếp theo họ thấy một số tòa nhà khác ít nhiều không hề hấn gì: phòng ăn, nhà bếp, lò bánh mì, nhà máy bia. Philip có thể tìm thấy trong đó sự an ủi, nhưng mặt ông vẫn buồn.

Họ chấm dứt nơi họ đã bắt đầu, đằng trước đầu phía tây đã bị tàn phá. Họ đi với nhau một vòng khuôn viên tu viện mà không nói với nhau một lời. Philip thở dài và phá vỡ sự yên lặng. “Đó là công việc của ma quỷ,” ông nói.

Tom nghĩ: đây là thời điểm của tôi. Ông thở một hơi dài và nói: “Nó có thể là công việc của Thiên Chúa.”

Philip nhìn ông ngạc nhiên. “Tại sao như thế?”

Tom nói cẩn thận: “Không ai bị thương. Sách vở, kho báu và hài cốt thánh được cứu. Chỉ có nhà thờ hư hỏng. Có lẽ Chúa muốn một nhà thờ mới.”

Philip mỉm cười hoài nghi. “Và tôi cho rằng Chúa muốn ông xây dựng nó.” Ông không quá choáng váng để không nhận ra rằng cách suy nghĩ của Tom là cách muốn nghĩ đến mình.

Tom đứng trên mặt đất. “Nó có thể là như vậy,” ông bướng bỉnh nói. “Không phải ma quỷ sai một thợ xây dựng tổng thể đến đây vào đúng đêm nhà thờ bị cháy.”

Philip nhìn đi chỗ khác. “Tốt, sẽ có một nhà thờ mới, nhưng tôi không biết bao giờ. Và lúc này tôi phải làm gì? Làm sao tu viện có thể tiếp tục sống? Chúng tôi ở đây là để phụng thờ Thiên Chúa và học hỏi.”

Philip chìm trong tuyệt vọng. Đây là lúc Tom có thể cho ông niềm hy vọng. “Con trai tôi và tôi có thể dọn sạch hành lang tu viện và có thể sử dụng lại trong vòng một tuần lễ,” ông nói, cố giữ cho giọng nói của ông có vẻ tin cậy hơn.

Philip ngạc nhiên. “Ông có thể làm điều đó thật không?” Rồi gương mặt ông lại thay đổi, và ông trông có vẻ thất vọng. “Nhưng làm sao với nhà thờ?”

“Thế còn tầng hầm? Ông có thể cử hành nghi thức phụng vụ ở đó, phải không?”

“Vâng, tốt lắm.”

Tôi chắc chắn tầng hầm không bị hư hại nhiều,” Tom nói. Đúng như thế, ông gần như chắc điều đó.

Philip nhìn ông như thể ông là thiên thần của lòng thương xót.

“Không cần nhiều thời gian để khai thông con đường từ hành lang tu viện đến tầng hầm,” Tom nói. “Hầu hết phía nhà thờ bên đó đã hoàn toàn bị phá hủy, nó thật là may mắn và thật kỳ lạ, bởi vì nó có nghĩa là không còn nguy cơ bị sụp gạch nữa. Tôi đã khảo sát những bức tường vẫn còn đứng. Có lẽ một số chỗ cần chống đỡ, sau đó, chúng cần được kiểm soát mỗi ngày về nứt nẻ và ngay cả như vậy ông cũng không nên vào nhà thờ khi có gió mạnh.” Tất cả những điều đó quan trọng, nhưng Tom có thể nhận thấy Philip không quan tâm lắm. Những gì Philip cần bây giờ là những tin tích cực, để nâng tinh thần ông. Và cách thức là cho ông những gì ông muốn. Tom đổi giọng nói. “Với một vài tu sĩ trẻ cùng tôi làm việc, tôi có thể sửa chữa vài thứ và trong vòng hai tuần lễ tu viện sẽ lại có cuộc sống bình thường.”

Philip nhìn chăm chăm vào ông. “Hai tuần?”

“Hãy cho tôi và gia đình tôi đồ ăn và chỗ ở, và ông có thể trả lương cho tôi khi nào ông có tiền.”

“Trong hai tuần lễ, ông có thể sửa sang lại tu viện cho tôi?” ông hỏi lại hoài nghi.

Tom không chắc chắn ông có thể làm xong trong hai tuần không, nhưng nếu nó kéo dài thêm một tuần thì cũng chẳng chết ai.

Hai tuần”, ông nói chắc chắn. “Sau đó, chúng ta có thể kéo những bức tường còn lại xuống – đó là công việc của thợ chuyên nghiệp, nếu ông muốn được an toàn - rồi dọn các đồng đồ nát, xếp các viên đá để sử dụng lại. Trong khi đó chúng ta có thể lên kế hoạch cho nhà thờ mới.” Tom nín thở. Ông đã làm những gì ông có thể. Chắc chắn Philip sẽ thuê ông ngay bây giờ.

Philip gật đầu, lần đầu tiên ông mỉm cười. “Tôi nghĩ, Chúa đã sai ông đến với tôi,” ông nói. “Chúng ta đi ăn sáng, sau đó bắt tay vào việc.”

Tom run rẩy thở phào. “Cảm ơn!” ông nói. Có một chút run run trong giọng nói của ông mà ông không kiểm soát được, nhưng ông không quan tâm đến nữa, và với tiếng nấc ông nói: “Tôi không thể nói cho ông biết điều này giá trị đối với tôi lớn lao như thế nào.”

Sau bữa sáng, Philip có một cuộc họp bất thường trong nhà kho của Cuthbert, dưới nhà bếp. Các tu sĩ hồi hộp. Họ là những người đã chọn hay ít nhất đã quen với một cuộc sống an toàn, có kế hoạch và bình thản, nên bây giờ họ mất phương hướng. Sự hoang mang của họ làm Philip động lòng. Hơn bao giờ hết, ông cảm thấy mình là người chần chừ, và nhiệm vụ của người chần chừ là chăm sóc cho những sinh vật bất lực; ngoài ra đây không phải là những động vật câm, mà họ là những người anh em của ông, và ông yêu thương họ. Cách thức để an ủi họ, ông đã quyết định, là nói cho họ những gì sẽ xảy ra, dùng công việc chân tay để họ quên đi những căng thẳng, và trở về với đời sống thường ngày sớm bao nhiêu có thể.

Mặc dù trong điều kiện bất thường, Philip không rút ngắn nghi thức buổi họp. Ông ra lệnh đọc tiểu sử vị tử đạo trong ngày, sau đó là lời nguyện cho những tu sĩ đã qua đời. Đây là lý do tồn tại của đan viện: cầu nguyện là sự biện minh cho sự hiện diện của họ. Tuy nhiên, một số các tu sĩ còn bất an, ông chọn chương hai mươi trong quy luật của thánh Biển Đức, phần có tựa

đề là “về sự tôn kính khi cầu nguyện.” Sau đó là tên những người đã qua đời. Nghi thức quen thuộc làm dịu thần kinh họ, và ông thấy nét sợ hãi đã biến khỏi khuôn mặt những người xung quanh, có lẽ các tu sĩ đã nhận ra rằng thế giới của họ chưa kết liễu.

Vào cuối buổi họp, Philip đứng dậy nói với họ. “Thảm họa xảy ra cho chúng ta vào đêm qua thực ra chỉ ảnh hưởng đến thể lý,” ông nói, cố gắng diễn tả sự ấm áp và bình tĩnh qua giọng nói của mình bao nhiêu có thể. “Đời sống chúng ta thuộc về tinh thần; công việc của chúng ta là cầu nguyện, thờ phượng và chiêm niệm.” Ông nhìn quanh phòng họp, gấp gờ bao nhiêu ánh mắt có thể để thu hút sự chú ý của họ; rồi ông nói: “Chúng ta sẽ tiếp tục công việc đó trong vài ngày tới, điều đó tôi hứa với anh em.”

Ông dừng lại để cho lời ông được thấm thía. Sự căng thẳng trong phòng đã dịu đi. Ông để cho họ yên tĩnh một lúc, rồi ông tiếp tục: “Thiên Chúa, trong sự khôn ngoan của Ngài, đã gửi cho chúng ta một thợ xây ngày hôm qua để giúp chúng ta vượt qua cơn khủng hoảng này. Ông đã bảo đảm với tôi, nếu chúng ta làm việc dưới sự chỉ đạo của ông, tu viện chúng ta có thể sử dụng lại bình thường trong vòng một tuần.

Có tiếng thì thầm của sự hài lòng bất ngờ.

“Tôi sợ rằng nhà thờ của chúng ta sẽ không sử dụng lại được cho các buổi phụng vụ - nó phải xây lại, và dĩ nhiên nó cần nhiều năm. Tuy nhiên thợ xây Tom tin rằng tầng hầm không bị thiệt hại nhiều. Tầng hầm được củng cố, vì thế chúng ta có thể cử hành nghi thức phụng vụ ở đó. Tom nói rằng ông ấy có thể làm cho nó chắc chắn lại trong vòng một tuần, sau khi tu viện sửa xong. Vì thế, như anh em thấy, chúng ta có thể cử hành thánh lễ lại bình thường vào chủ nhật trước mùa chay.”

Một lần nữa lại có thể nghe thấy được sự thở phào nhẹ nhõm của họ.

Philip thấy ông đã thành công trong việc làm họ thoải mái và an tâm. Vào lúc bắt đầu buổi họp, họ sợ hãi và bối rối; bây giờ họ bình tĩnh và hy vọng. Philip nói thêm: “Anh em nào cảm thấy yếu mệt, không lao động chân tay được sẽ được miễn. Anh em nào làm việc cả ngày với thợ xây Tom sẽ được phép ăn thịt đỏ và uống rượu vang.”

Philip ngồi xuống. Remigius là người đầu tiên lên tiếng. “Chúng ta phải trả cho người thợ xây này bao nhiêu tiền?” ông nghi ngờ hỏi.

Người ta có thể tin rằng Remigius cố gắng tìm lỗi. “Bây giờ không phải trả gì,” Philip lập lại. “Tom biết chúng ta gặp khó khăn về tài chánh. Ông ấy chỉ cần chúng ta cung cấp thực phẩm và chỗ ăn ở cho ông và gia đình, cho đến khi chúng ta có thể trả tiền lương cho ông ấy.” Đó là mơ hồ, Philip nhận ra: nó có nghĩa là Tom có quyền nhận tiền lương từ khi tu viện có thể trả. Nhưng trong thực tế tu viện nợ tiền lương mỗi ngày của ông ấy, bắt đầu từ hôm nay. Nhưng trước khi Philip có thể cắt nghĩa sự thỏa thuận, Remigius lên tiếng tiếp. “Và họ sẽ ở đâu?”

“Tôi cho họ ở nhà khách.”

“Họ có thể ở trọ trong một gia đình dưới làng.”

“Tom đã cho chúng ta một đề nghị rộng lượng,” Philip sốt ruột nói. “Chúng ta may mắn có được ông ta. Tôi không muốn ông ta ngủ chung ở nhà những người khác trong chuồng dê và lợn, trong khi chúng ta có nhà đằng hoàng bỏ không.”

“Gia đình này có hai người đàn bà...”

“Một đàn bà và một bé gái,” Philip chữa lại.

“Thì một đàn bà. Nhưng chúng tôi không muốn một người đàn bà sống trong tu viện.”

Các tu sĩ thì thầm. Họ không thích cách ngụ biện của Remigius. Philip nói: “Chuyện đàn bà ở lại nhà khách là chuyện hoàn toàn bình thường.”

“Nhưng không phải cho người đàn bà này.” Remigius buột miệng nói, sau đó ông hối hận ngay.

Philip nhú mày. “Vậy là anh biết người đàn bà đó?”

“Bà ấy đã ở vùng này,” Remigius nói miễn cưỡng.

Philip tò mò. Đây là lần thứ hai ông chứng kiến thái độ bất thường về người vợ của thợ xây Tom: Waleran Bigod cũng đã hoảng hốt khi nhìn thấy bà. Philip nói: “Có chuyện gì với bà ấy?”

Trước khi Remigius có thể trả lời, thầy Paul, người tu sĩ lớn tuổi trông coi cây cầu, lên tiếng. “Tôi nhớ,” ông nói bằng giọng nói mơ hồ. “Có một phụ nữ hoang dã ở trong rừng đã thường sống ở đây – ô, phải mười lăm

năm trước đây rồi. Người vợ ông thợ xây nhắc tôi nhớ đến người đàn bà đó.”

“Người ta nói bà ấy là một phù thủy,” Remigius nói. “Chúng ta không thể để một phù thủy sống trong tu viện.”

“Tôi không biết về chuyện đó,” thầy Paul nói trong cùng giọng chậm rãi, thâm trầm. “Bất cứ phụ nữ nào sống hoang dã, dù sớm hay muộn, đều bị gọi là phù thủy. Người ta nói như thế, nhưng không phải như vậy. Tôi để cho Tu viện trưởng Philip xét đoán trong sự khôn ngoan của ông, xem bà ấy có là mối nguy hiểm không.”

“Sự khôn ngoan không đến ngay lập tức khi nhận một trách vụ trong tu viện,” Remigius phản đối.

“Đúng vậy,” thầy Paul nói chậm rãi. Ông nhìn thẳng vào Remigius và nói: “Một đôi khi nó chẳng bao giờ đến.”

Các tu sĩ cười về món đòn đánh trả này, nhất là món đòn đó lại đến từ một người mà không ai ngờ đến. Philip phải giả vờ là không hài lòng. Ông vỗ tay ra hiệu yên lặng. “Đủ rồi!” ông nói. “Vấn đề này hệ trọng. Tôi sẽ hỏi người đàn bà này. Bây giờ chúng ta trở lại nhiệm vụ của chúng ta. Những ai muốn miễn lao động có thể lui về trạm xá để cầu nguyện và chiêm niệm. Những người khác hãy theo tôi.”

Ông rời nhà kho và đi quanh phía sau nhà bếp đến cổng mái vòm phía nam, qua đó vào hành lang tu viện. Một vài tu sĩ rời nhóm và đi vào trạm xá, trong số họ có Remigius và người phụ trách phụng vụ Andrew. Cả hai không có gì là đau yếu cả, Philip nghĩ, nhưng nếu họ tham gia nhóm lao động có lẽ họ sẽ gây thêm khó khăn, vì thế ông vui khi họ đi. Hầu hết các tu sĩ theo Philip.

Dưới sự điều hành của Tom, một số nhân viên của tu viện đã bắt tay vào việc thu dọn. Ông đứng ở đầu đồng đá đồ nát trong sân tu viện với một viên phấn to trong tay, đánh dấu các viên đá bằng mẫu tự T, chữ đầu trong tên của ông.

Lần đầu tiên Philip tự hỏi làm sao có thể di chuyển những viên đá to lớn này. Chúng quá lớn để một người có thể nâng lên. Ông không cần chờ lâu

để có câu trả lời: một viên đá được lăn vào hai thanh ngang nằm song song và hai người khiêng đi. Thợ xây Tom chắc chắn đã chỉ cho họ làm thế.

Công việc tiến hành nhanh chóng, với sự giúp đỡ của hầu hết sáu mươi người giúp việc trong tu viện, tạo thành một dòng người mang đá đi, rồi trở lại lấy thêm. Quang cảnh làm Philip lên tinh thần, và ông dâng một lời cầu nguyện tạ ơn âm thầm vì đã có thợ xây Tom.

Tom nhìn thấy tu viện trưởng và trèo xuống khỏi đồng đá vụn. Trước khi nói chuyện với Philip, ông quay sang một người giúp việc, người thợ may chuyên may áo cho các tu sĩ. “Hãy chỉ dẫn cho các tu sĩ đi khên đá,” ông ra lệnh. “Chú ý là chỉ khên những viên đá tôi đã đánh dấu, nếu không cả đồng đá sẽ trượt xuống và làm chết người.” Ông quay sang Philip. “Tôi đã đánh dấu để họ có đủ việc làm một thời gian.”

“Họ mang đá đi đâu?” Philip hỏi.

“Đi theo tôi, tôi sẽ chỉ cho ông. Tôi cũng muốn kiểm soát xem họ có xếp đúng cách không.”

Philip đi với Tom. Những viên đá được đem đến phía đông của khu tu viện. “Một vài nhân viên vẫn phải làm việc thường nhật của họ,” Philip nói trong khi đi. “Người giữ ngựa vẫn phải chăm sóc ngựa, người phục vụ trong bếp vẫn phải nấu ăn, một số người phải kiểm củi, cho gà ăn và đi chợ. Nhưng công việc của họ không quá sức nên tôi có thể dành một nửa số nhân viên cho ông. Ngoài ra ông có thêm khoảng ba mươi tu sĩ.”

Tom gật đầu. “Được rồi!”

Họ đi qua cuối nhà thờ phía đông. Người lao động xếp những hòn đá vẫn còn ẩm dựa vào bức tường phía đông của khu tu viện, một vài mét cách trạm xá và nhà tu viện trưởng. Tom nói: “Những tảng đá cũ phải được giữ gìn cho nhà thờ mới. Chúng không được dùng để xây tường, vì những đá đã dùng rồi khi dùng lại chúng không còn tốt; nhưng chúng có thể dùng làm chân tường. Tất cả các viên đá vỡ cũng phải được cất giữ. Chúng sẽ được trộn với vữa và đổ vào khoang giữa của bức tường mới, tạo thành cốt lõi của tường.”

“Tôi hiểu.” Philip quan sát trong khi Tom chỉ thị công nhân cách xếp đá lồng vào nhau để đồng đá không bị đổ. Nó chứng tỏ rằng Tom không thiếu

kinh nghiệm chuyên môn.

Khi Tom đã vừa ý với công nhân, Philip nắm tay ông và dẫn ông đi xung quanh nhà thờ, tới nghĩa địa phía bắc. Mưa đã ngừng, nhưng đá của các ngôi mộ vẫn ướt. Các tu sĩ được chôn cất ở phía đông nghĩa trang, dân làng ở phía tây. Gian phụ nhà thờ phía bắc phân chia hai phần của nghĩa trang bây giờ đã bị tàn phá. Philip và Tom dừng lại. Ánh mặt trời yếu ớt chiếu qua đám mây. Trong ánh sáng ban ngày, không có gì còn là bí ẩn ở những xà gỗ đen. Philip cảm thấy xấu hổ vì đêm qua ông nghĩ đã nhìn thấy con quỷ.

Ông nói: “Một vài tu sĩ không thoải mái vì có một phụ nữ sống trong khu tu viện.” Nét mặt Tom tỏ ra một cái gì đó còn hơn là lo lắng: ông dường như sợ hãi, thậm chí hoảng sợ. Ông thực sự yêu bà, Philip nghĩ. Ông vội vàng tiếp tục: “Nhưng tôi không muốn ông ở trong làng, ở chung với các gia đình khác. Để tránh phiền phức, tốt hơn bà ấy nên thận trọng. Nói với bà ấy tránh xa các tu sĩ bao nhiêu có thể, đặc biệt là các tu sĩ trẻ. Bà nên che khăn mặt khi bà phải đi trong khu tu viện. Hơn hết, bà nên tránh làm bất cứ việc gì có thể gây nghi ngờ rằng bà là một phù thủy.”

“Chúng tôi sẽ làm,” Tom nói. Có một sự quyết tâm trong giọng nói của ông, và ông trông có một chút nản lòng. Philip nhớ lại vợ của người thợ xây là một phụ nữ nhậy bén, có lập trường. Bà ấy sẽ không hài lòng với những quy định về cách cư xử này. Tuy nhiên, ngày hôm qua gia đình bà còn túng thiếu, vì thế bà phải nhìn thấy sự hạn chế này chỉ là một giá nhỏ bà phải trả cho chỗ ăn ở và sự an toàn của gia đình bà.

Họ đi tiếp tục. Đêm qua Philip đã nhìn sự tàn phá này như một bi kịch siêu nhiên, một thất bại kinh khủng đối với quyền lực của văn minh và tôn giáo thật, một cú đánh vào sự nghiệp của ông. Bây giờ nó dường như là một vấn đề mà ông phải giải quyết, dù nó ghê gớm, thậm chí khó khăn, nhưng không siêu phàm. Sự thay đổi chủ yếu là do Tom. Philip cảm thấy rất biết ơn Tom.

Họ đến cuối phía tây. Philip nhìn thấy một con ngựa tốt đã được xếp yên trong chuồng ngựa, và ông ngạc nhiên. Ai là người chuẩn bị đi hôm nay,

ông nghĩ. Ông để Tom đi về hành lang tu viện, còn ông tự mình đến chuồng ngựa điều tra.

Một trong những người giúp việc cho người phụ trách phụng vụ đã ra lệnh thắt yên ngựa: Alan trẻ, người đã cứu kho báu từ nhà họp.

“Anh đi đâu vậy?” Philip nói.

“Em đến tòa giám mục,” Alen trả lời. “Anh Andrew sai em đi lấy nến, nước phép và bánh lễ, bởi vì những thứ này đã bị tổn hại trong đám cháy và chúng ta phải cử hành nghi thức phụng vụ sớm bao nhiêu có thể.”

Điều đó đúng. Tất cả những thứ này được cất trong hòm khóa ở gian cung thánh, và hòm này chắc đã bị cháy. Philip vui vì người phụ trách phụng vụ đã lo đến chuyện đó. “Tốt,” ông nói. “Nhưng đợi một chút. Nếu anh đến tòa giám mục, anh có thể mang thư của tôi cho giám mục Weleran. Nhờ một số vận động, bây giờ Waleran là giám mục được đề cử; nhưng Philip không thể rút lại lời ủng hộ của mình, vì thế ông phải đối xử với Waleran như một giám mục. “Tôi muốn gửi một báo cáo về cuộc hỏa hoạn cho ông ấy.”

“Vâng, thưa cha,” Alan trả lời, “nhưng em cũng có một thư của Remigius gửi cho giám mục.”

“Ồ! Thế à!” Philip ngạc nhiên. Remigius quá chu đáo, ông nghĩ. “Được,” ông nói với Alan. “Đi cẩn thận, và xin Chúa cùng đi với anh.”

“Cám ơn cha.”

Philip đi về lại hướng nhà thờ và thấy Remigius vội vã đi. Tại sao ông ấy và người phụ trách phụng vụ lại vội vã thế? Điều đó đủ làm Philip khó chịu. Bức thư vừa rồi kể về hỏa hoạn của nhà thờ? Hay có một chuyện gì khác trong đó?

Philip ngừng lại giữa đường trên sân cỏ và quay nhìn lại. Ông có quyền lấy lá thư và đọc nó. Nhưng đã trễ: Alan đã phi qua cổng. Philip nhìn theo anh ấy, cảm thấy một chút thất vọng. Vào lúc đó, vợ Tom bước ra khỏi cửa nhà khách, mang theo một chiếc rổ, có lẽ là tro của lò sưởi, và đi về hướng đồng phân gần chuồng ngựa. Philip quan sát bà. Cách bà đi rất đẹp, giống như dáng đi của một con ngựa tốt.

Ông lại nghĩ về lá thư Remigius gửi cho Waleran. Một cách nào đó nó chỉ là trực giác, nhưng dù sao cũng đáng lo vì ông đoán rằng nội dung chính của bức thư không phải về cuộc hỏa hoạn.

Không có một lập luận chính đáng, nhưng ông cảm thấy chắc chắn lá thư viết về vợ của ông thợ xây.

III

Jack thức dậy khi gà gáy cú cu đầu tiên. Cậu mở mắt ra và thấy Tom dậy. Cậu vẫn nằm lắng nghe Tom đá trên mặt đất trước cửa. Cậu muốn mò đến chỗ ấm áp Tom đã để lại và ôm mẹ, nhưng cậu biết nếu Alfred nhìn thấy cậu ấy sẽ cười cậu chết, vì thế cậu ở lại chỗ cũ. Tom trở lại và đánh thức Alfred dậy.

Tom và Alfred uống phần bia còn lại từ bữa tối hôm trước và ăn bánh cũ, rồi họ đi làm. Một số bánh còn dư, và Jack hy vọng hôm nay họ sẽ để lại, nhưng cậu thất vọng: Như thường lệ, Alfred đã đem theo.

Alfred làm việc cả ngày bên cạnh Tom. Jack và mẹ một đôi khi đi vào rừng. Mẹ đặt bẫy, trong khi Jack săn vịt bằng ná cao su. Bất cứ thứ gì họ bắt được, họ đem bán cho dân làng hoặc quản lý Cuthbert. Đây là nguồn tiền mặt duy nhất, vì Tom không được trả lương. Với số tiền này họ mua quần áo, da hay mỡ để làm nến. Vào những ngày họ không vào rừng, mẹ sẽ đóng giày, may quần áo, làm nến hay mũ, trong khi Jack và Martha chơi với trẻ em trong làng. Vào chủ nhật, sau thánh lễ, Tom và bà mẹ thường hay ngồi nói chuyện bên lò sưởi. Một đôi khi họ bắt đầu hôn nhau, và Tom đưa tay vào trong váy của mẹ, rồi họ đuổi các đứa trẻ ra ngoài và khóa cửa lại. Đây là thời điểm xấu nhất trong tuần, vì Alfred tỏ vẻ khó chịu và đổ sự nóng giận của cậu lên hai đứa trẻ.

Hôm nay là ngày thường, và Alfred sẽ bận rộn từ sáng đến tối. Jack thức dậy và đi ra ngoài. Trời lạnh nhưng khô. Một lúc sau Martha cũng ra.

Khuôn viên nhà thờ đổ nát đã đầy người, họ khênh đá, xúc gạch vụn qua hai bên, dùng gỗ chống lại các bức tường và phá hủy những cái không còn sử dụng được.

Mọi người, kể cả các tu sĩ và dân làng, đều đồng ý là ma quỷ đã đốt nhà thờ, vì thế mà Jack trong một thời gia dài đã quên rằng chính cậu là người châm lửa. Khi cậu nhớ lại chính cậu là người châm lửa, cậu cảm thấy hài lòng với chính cậu. Cậu đã dám mạo hiểm và cứu gia đình khỏi chết đói.

Các tu sĩ sẽ ăn sáng trước, và người lao động phải chờ cho đến khi các tu sĩ đi vào nhà họp. Đó là thời gian chờ đợi lâu dài đối với Jack và Martha. Jack thường đói bụng khi ngủ dậy và không khí lạnh buổi sáng làm tăng thêm sự thèm ăn của cậu.

“Chúng ta hãy đến sân nhà bếp,” Jack nói. Những người giúp việc trong bếp có thể cho chúng ta ít bánh vụn. Martha đồng ý ngay: Cô luôn coi Jack là người tuyệt vời và luôn đồng ý với những gì Jack đề nghị.

Khi chúng đến khu nhà bếp, chúng gặp thầy Bernard, người phụ trách lò bánh. Bởi vì những người giúp việc đang làm việc bên ngoài, nên ông phải tự đi lấy củi. Ông còn trẻ, nhưng mập. Ông thở hổn hển và đổ mồ hôi vì gánh nặng của bó củi. “Chúng con sẽ lấy củi giúp thầy,” Jack đề nghị.

Bernard ném củi xuống bên cạnh lò nấu và đưa cho Jack chiếc giỏ rộng. “Trên đời còn có những đứa trẻ tốt,” ông thở hổn hển. “Chúa chúc lành cho các con.”

Jack cầm giỏ và cả hai chạy đến đồng củi đằng sau nhà bếp. Chúng xếp gỗ đầy giỏ và khiêng giỏ về.

Khi chúng trở về, lò đã nóng, và Bernard đổ giỏ của chúng trực tiếp vào lửa và sai chúng đi lấy thêm. Tay Jack bị đau nhưng bao tử của cậu còn đau hơn, và cậu vội vã lấy đầy một rổ nữa.

Lần thứ hai, khi chúng trở lại, Bernard đang xếp bánh lên một cái khay. “Hãy lấy cho thầy một giỏ củi nữa, và các con sẽ có bánh nóng,” ông nói. Miệng Jack đầy nước.

Lần thứ ba chúng xếp đầy giỏ, cao hơn những lần trước và lão đạo đi về, mỗi đứa cầm một tay nắm. Vừa khi chúng đến sân, chúng gặp Alfred đi với một cái xô, có lẽ trên đường đi lấy nước từ con rạch chảy từ hồ xay lúa

ngang qua sân cỏ trước khi biến mất dưới lòng đất của nhà máy bia. Alfred ghét Jack nhất là từ khi cậu cho con chim chết vào trong ly bia của cậu ấy. Thông thường khi nhìn thấy Alfred, Jack sẽ tránh và tìm lối khác đi. Bây giờ cậu tự hỏi có nên đặt giỏ xuống và chạy không, nhưng điều đó có vẻ hèn nhát, ngoài ra cậu có thể nghĩ thấy mùi bánh mới từ lò, và cậu đói cồn cào; vì thế cậu nắm chặt chiếc giỏ đi tiếp mà trái tim đập thành thịch.

Alfred cười chùng, cả hai khiêng một trọng lượng mà mình cậu có thể bê được dễ dàng. Chúng tránh xa cậu một vòng, nhưng cậu đi về phía chúng và đẩy Jack ngã xuống. Jack ngã mạnh xuống đất, và cảm thấy đau nơi xương sống. Giỏ đổ nghiêng và củi vương vãi. Nước mắt cậu chảy ra, vì tức giận chứ không phải vì đau đớn. Nó không đẹp khi Alfred làm chuyện đó rồi bỏ đi, trong khi chúng không trêu ghẹo cậu. Jack chỗi dậy, kiên nhẫn nhặt củi vào giỏ, và làm ra vẻ không có gì để Martha khỏi phải lo lắng. Chúng cầm giỏ lên và tiếp tục đi vào lò bánh.

Ở đó chúng có phần thưởng của chúng. Khay bánh được để cho nguội trên một kệ đá. Khi chúng vào, Bernard lấy một cái cho vào miệng, rồi nói: “Rất ngon. Tự lấy mà ăn. Nhưng coi chừng, nó còn nóng lắm đấy.”

Jack và Martha mỗi người lấy một nắm. Jack cắn cẩn thận, sợ nóng miệng, nhưng nó ngon quá đến nỗi cậu ăn hết luôn một lúc. Cậu nhìn vào những miếng bánh còn lại. Còn lại chín cái. Cậu liếc nhìn thầy Bernard, người đang cười với cậu. “Thầy biết con muốn gì,” vị tu sĩ nói. “Tiếp tục đi, lấy nhiều vào.”

Jack nâng vạt áo choàng và quần phần còn lại vào trong đó. “Chúng ta đem về cho mẹ,” cậu nói với Martha.

“Con là đứa trẻ tốt,” Bernard nói. “Vây, đi thôi!”

“Cám ơn thầy,” Jack nói.

Chúng rời lò bánh và đi thẳng về nhà khách. Jack hào hứng. Mẹ cậu sẽ hài lòng với cậu. Cậu bị cám dỗ ăn một cái bánh nữa trước khi đưa cho mẹ, nhưng cậu chống lại nó: Nó sẽ rất đẹp nếu biếu mẹ tất cả nhiều như vậy.

Khi chúng đi qua sân cỏ, chúng lại gặp Alfred.

Có lẽ cậu đã lấy đầy xô nước rồi đi đổ nó, và bây giờ cậu quay lại để lấy thêm. Jack quyết định tỏ vẻ lãnh đạm và hy vọng Alfred sẽ bỏ qua cho cậu.

Nhưng cách cậu mang bánh, quẩn nó trong vạt áo choàng, không thể che dấu được; và Alfred quay về phía chúng.

Jack sẽ sẵn sàng cho cậu một cái, nhưng cậu biết Alfred sẽ lấy tất cả khi anh ấy có cơ hội. Jack bật chạy.

Alfred đuổi theo và chẳng bao lâu bắt kịp cậu. Alfred dơ một chân ra cản Jack, và Jack ngã bay xuống. Bánh nóng nằm rải rác khắp mặt đất.

Alfred nhặt lên một cái, lau đất bám trên nó và đưa vào miệng. Mắt anh ấy mở to vì ngạc nhiên. “Bánh mới!” anh ấy nói, rồi bắt đầu nhặt những cái khác.

Jack tranh chân, cố gắng lấy một trong những chiếc bánh rơi, nhưng Alfred đánh cậu với cả bàn tay một cách mạnh mẽ khiến cậu ngã xuống một lần nữa. Alfred vội vàng vơ phần bánh còn lại, rồi đi, miệng nhai ngấu nghiến. Jack bật khóc.

Martha nhìn thông cảm, nhưng Jack không muốn sự thông cảm: cậu đã chịu quá nhiều sỉ nhục. Cậu bỏ đi, khi Martha theo sau, cậu quay lại và nói: “Đi chỗ khác!” Cô đau đớn, nhưng cô dừng lại và để cậu đi.

Cậu đi về phía đồng đồ nát, lau khô nước mắt bằng vạt áo dài. Trong trái tim cậu có tư tưởng giết người. Tôi đã phá hủy nhà thờ chính tòa, cậu nghĩ; tôi có thể giết Alfred.

Khu vực xung quanh chỗ đồ nát đã được dọn và quét sạch. Một vài quan chức trong giáo hội sẽ đến khảo sát sự thiệt hại, Jack nhớ lại.

Alfred có ưu thế về thể lực: cậu có thể làm gì cậu muốn vì cậu rất to lớn. Jack đi quanh một lúc, tức giận, ước gì Alfred ở trong nhà thờ này khi những viên đá đổ xuống.

Sau cùng cậu thấy Alfred. Cậu ấy ở trong gian phụ phía bắc, hốt đá vụn vào giỏ, và cậu ấy bám đầy bụi. Gần giỏ là một xà ngang của mái nhà còn lại hầu như không bị hư hại, chỉ bị cháy xém và đen vì hắc ín. Jack dùng ngón tay chà lên bề mặt của thang gỗ, nó để lại một đường màu trắng. Bị cảm hứng, Jack viết lên thanh gỗ: “Alfred là một con heo.”

Một vài nhân công để ý đến. Họ ngạc nhiên là Jack biết viết. Một thanh niên trẻ hỏi: “Cậu viết gì vậy?”

“Hãy hỏi Alfred,” Jack trả lời.

Alfred nhìn vào bảng viết và khó chịu. Cậu ấy có thể đọc được tên mình, Jack biết điều đó, nhưng không đọc được phần còn lại. Cậu ấy nổi giận. Cậu biết cậu bị xúc phạm, nhưng cậu không biết bị xúc phạm như thế nào, và đó là sự nhục nhã. Cậu trông có vẻ ngu ngốc. Sự tức giận của Jack đã dịu đi. Alfred to con hơn, nhưng Jack thông minh hơn.

Không người nào biết những chữ đó có nghĩa gì. Rồi một tập sinh đi qua, đọc hàng chữ, mỉm cười. “Alfred là ai?” Cậu ấy hỏi.

“Anh đó,” Jack nói và dùng ngón cái chỉ. Alfred giận dữ, nhưng cậu không biết phải làm gì, vì thế cậu ấy đứng dựa vào cái xẻng, nhìn khờ dại.

Anh tập sinh cười. “Một con heo! Ê! Anh đang đào gì – hạt sỏi chẳng?” Anh ấy nói.

“Chắc vậy!” Jack hào hứng nói, để có một đồng minh.

Alfred ném chiếc xẻng và túm lấy Jack.

Jack đã chuẩn bị, và lao đi như mũi tên từ một cây cung. Người tập sinh đưa một chân ra ngăn chân Jack – có lẽ vì muốn cân bằng hai phía – nhưng Jack nhanh nhẹ nhảy qua. Cậu chạy dọc theo nơi trước đây là thánh điện, chạy xung quanh đồng đá đổ nát và nhảy qua những xà ngang trên mặt đất. Cậu có thể nghe thấy tiếng chân và hơi thở nặng nề của Alfred ngay phía sau, và sự sợ hãi tăng thêm tốc độ cho cậu.

Một lúc sau cậu nhận ra cậu đã chạy sai đường. Cuối nhà thờ không có đường ra. Cậu đã sai lầm. Cậu nhận ra, với trái tim ủ rũ, rằng lần này cậu sẽ bị đau lắm.

Nửa bức tường cuối phía đông đã bị đổ, và những tảng đá được xếp chồng lên đỡ phần còn lại của bức tường. Không còn cách nào khác, cậu đành trèo lên đồng đá. Lên đến đỉnh đồng đá, cậu thấy trước mặt là một vực thẳm cao khoảng năm mét. Cậu đứng chênh vênh bên bờ vực. Nó quá cao để nhảy xuống mà không bị thương tích. Alfred chụp lấy cổ chân cậu và cậu mất thăng bằng. Cậu đứng một chân trên tường, một chân trên không, hai tay quẫy mạnh để lấy lại thế đứng. Alfred giữ chặt cổ chân cậu, rồi bất ngờ thả ra. Jack rơi xuống, không còn có thể điều khiển được thế rơi, và cậu nghe thấy mình hét lên. Phía bên trái cậu đập xuống đất, mặt cậu không may mắn đập vào một hòn đá.

Trong mắt cậu, bầu trời như tối lại.

Khi cậu mở mắt ra, Alfred đứng trên cậu – chắc cậu ấy phải tìm ra được một lối xuống. Bên cạnh cậu ấy là một vị tu sĩ lớn tuổi. Jack biết ông; đó là Remigius, tu viện phó. Remigius nhìn cậu và nói: “Đứng lên, cậu bé!”

Jack không biết mình có thể đứng lên được không. Cậu không thể cử động phía tay trái. Mặt cậu phía trái đã bị tê liệt. Cậu nghĩ cậu sẽ chết, nhưng ngạc nhiên thay, cậu có thể cử động. Dùng cánh tay phải đẩy mình lên, cậu phải vật lộn với đau đớn mới đứng lên được, đặt tất cả trọng lượng vào chân phải. Khi sự tê dại qua đi, cậu cảm thấy đau.

Remigius cầm cánh tay trái của cậu. Jack kêu lên vì đau. Remigius bỏ cậu và nắm tai Alfred. Có lẽ ông sẽ có hình phạt kinh khủng cho cả hai, Jack nghĩ. Nhưng Jack đau quá không còn muốn quan tâm đến điều đó.

Remigius nói với Alfred. “Nào, cậu nhỏ, tại sao em lại giết em trai của em?”

“Nó không phải là em của em,” Alfred nói.

Nét mặt Remigius thay đổi. “Không phải em trai của em?” ông nói. “Các em không có chung cha và mẹ sao?”

“Bà ấy không phải là mẹ em, Alfred nói. “Mẹ em đã chết.”

Một cái nhìn xảo quyệt hiện ra trên khuôn mặt ông. “Mẹ em chết khi nào?”

“Vào lễ Giáng sinh.”

“Lễ Giáng sinh vừa qua?”

“Vâng.”

Mặc dù đau đớn, Jack vẫn có thể nhìn ra Remigius rất quan tâm về vấn đề này vì lý do nào đó. Giọng nói của vị tu sĩ run lên vì kinh ngạc khi ông nói: “Vì thế bố của em chỉ gặp mẹ của cậu bé này mới đây thôi?”

“Vâng.”

“Và từ khi họ... ở chung với nhau, họ có gặp linh mục và làm phép cưới không?”

“Uh... Em không biết.” Alfred không hiểu ‘phép cưới’ là gì, Jack có thể nói điều đó. Chính cậu cũng không hiểu.

Remigius sốt ruột nói: “Họ có làm đám cưới không?”

“Không.”

“Tôi hiểu.” Đường như Remigius hài lòng với câu trả lời này, mặc dù Jack đã nghĩ khác. Vị tu sĩ nghĩ một lúc lâu, không nói lời nào, rồi như nhớ tới hai cậu bé, ông nói: “Tốt, nếu các em muốn ở trong khu tu viện và ăn bánh của các tu sĩ, các em không được đánh nhau, ngay cả khi các em không là anh em ruột với nhau. Chúng tôi, những người con của Chúa, không muốn nhìn thấy đổ máu – đó là một trong những lý do tại sao chúng tôi sống một cuộc sống xa lìa thế giới.” Với lời phát biểu ngắn gọn này, Remigius cho hai đứa trẻ tự do và quay đi. Và Jack có thể chạy về với mẹ.

Nó kéo dài ba tuần, thay vì hai tuần, nhưng Tom đã chuẩn bị tầng hầm sẵn sàng như một nhà thờ tạm thời, và hôm nay giám mục đề cử sẽ đến cử hành thánh lễ đầu tiên trong đó. Tu viện đã dọn sạch đồng đồ nát, và Tom đã sửa chữa những phần hư hỏng: Hành lang tu viện là một kiến trúc đơn giản, nó chỉ là một đường đi với mái che, vì thế mà công việc sửa sang dễ dàng. Hầu hết phần còn lại của nhà thờ chỉ là đồng đồ nát, một số bức tường còn lại nhưng có nguy cơ sụp xuống, nhưng Tom đã dọn sạch một đường đi xuyên qua gian phụ phía nam tới cầu thang tầng hầm.

Tom nhìn quanh. Tầng hầm có diện tích đủ lớn, khoảng năm mươi mét vuông, đủ cho các buổi đọc kinh của các tu sĩ. Nó là một căn phòng khá tối, với hàng cột nặng và một mái vòm thấp, nhưng nó được xây chắc chắn, đó là lý do tại sao nó sống sót qua cơn hỏa hoạn. Họ đem đến một cái bàn để làm bàn thờ, và những băng ghế từ phòng ăn làm ghế ngồi cho các tu sĩ. Khi người phụ trách phụng vụ đem đến khăn trải bàn thờ và chân nến trạm đá quý, nó trông tuyệt vời.

Khi công việc trở lại bình thường, nhân công của Tom cũng giảm đi. Hầu hết các tu sĩ sẽ trở về với đời sống cầu nguyện của họ, và nhiều người làm công việc chân tay sẽ trở về công việc đồng áng và hành chính của tu viện. Tuy nhiên, Tom vẫn có nửa số công nhân trong tu viện làm việc với ông. Tu viện trưởng Philip đã thi hành một cải tổ mạnh mẽ số công nhân phục vụ trong tu viện, ông cảm thấy số nhân công quá đông. Nếu có ai không sẵn sàng chuyên công việc của họ như giữ ngựa hoặc phụ bếp, ông sẵn sàng đuổi họ. Một vài người đã đi, nhưng hầu hết còn ở lại.

Tu viện đã nợ Tom ba tháng tiền lương. Số lương cho một thợ xây dựng tổng thể chính là bốn xu một ngày, tất cả lên đến bảy mươi hai xu. Mỗi ngày nợ càng tăng, và nó càng khó khăn hơn cho Philip để có thể trả hết cho Tom. Sau nửa năm Tom sẽ yêu cầu ông bắt đầu trả tiền lương cho ông. Khi đó ông sẽ nhận được hai ký rưỡi bạc, số tiền mà Philip phải trả trước khi ông có thể sa thải Tom. Số nợ làm Tom cảm thấy an tâm.

Dù đó là một cơ hội, nhưng ông không dám tin rằng công việc này sẽ kéo dài suốt đời ông. Đây là một nhà thờ chính tòa; và nếu những người có thẩm quyền quyết định xây một nhà thờ mới, và nếu họ tìm ra tiền để trả cho nó, nó có thể là một kiến trúc lớn nhất trong vương quốc, với hàng chục thợ xây làm việc trong nhiều thập kỷ.

Thực sự điều đó quá lớn để hy vọng. Nói chuyện với các tu sĩ và dân làng, Tom biết rằng Kingsbridge đã chẳng bao giờ có một nhà thờ chính tòa quan trọng. Nó nằm xa trong một ngôi làng yên tĩnh, có hàng loạt giám mục không tham vọng và rõ ràng nó xuống dốc. Tu viện thì tầm thường và không có xu nào dính túi. Hầu hết các tu viện thu hút vua chúa, giám mục và khách quan trọng vì họ có nhà khách sang trọng, có trường học nổi tiếng, có thư viện lớn lao, hay vì sự nghiên cứu của các triết gia tu sĩ hay sự uyên bác của tu viện trưởng hay viện phụ; nhưng Kingsbridge đã không có những danh tiếng này. Khả năng là Philip sẽ xây một nhà thờ nhỏ, xây dựng đơn giản, trang bị khiêm tốn, và việc xây dựng không kéo dài hơn mười năm.

Tuy nhiên, nó thích hợp hoàn toàn với Tom. Ngay cả trước khi đồng đồ nát nguội đi, Tom nhận ra rằng đây là cơ hội cho ông xây nhà thờ chính tòa.

Tu viện trưởng Philip từ lâu đã tin rằng Thiên Chúa đã gửi Tom đến Kingsbridge. Tom biết rằng ông chiếm được sự tin tưởng của Philip qua cách tổ chức hiệu quả việc thu dọn và làm cho tu viện có thể sống được. Khi thời điểm đến ông sẽ nói với Philip về kiểu mẫu nhà thờ mới. Nếu ông biết cẩn thận dùng hoàn cảnh, đây là một cơ hội mà Philip sẽ đề nghị ông vẽ kiểu mẫu. Thực tế là nhà thờ mới có lẽ sẽ khiêm tốn, vì thế mà phương án sẽ được giao cho Tom, thay vì giao cho một bậc thầy có nhiều kinh nghiệm về xây dựng nhà thờ chính tòa. Niềm hy vọng của Tom rất lớn.

Chuông đổ báo hiệu giờ họp. Đây cũng là dấu hiệu các nhân công khác đi ăn sáng. Tom rời tầng hầm và đi đến phòng ăn. Trên đường đi ông gặp Ellen.

Bà đứng giậm dứ trước mặt ông, như muốn cản đường ông và đôi mắt bà có một cái nhìn kỳ lạ. Martha và Jack ở bên cạnh bà. Jack nhìn khủng khiếp: một mắt nhắm lại, phía khuôn mặt trái bị bầm tím và sưng lên, và lết đi trên chân phải, như thể chân trái không còn cử động được. Tom thương hại cậu. “Điều gì xảy ra cho con?” ông hỏi.

Ellen nói: “Alfred đã gây nên.”

Tom rên rỉ trong lòng. Ông cảm thấy xấu hổ thay cho Alfred, vì cậu lớn hơn Jack nhiều. Nhưng Jack không phải là thiên thần. Có lẽ Alfred đã bị trêu chọc. Tom ngoái quanh tìm cậu, và thấy cậu đang đi về nhà ăn, mặt đầy bụi. “Alfred!” ông gầm lên. “Lại đây!”

Alfred quay quanh, nhìn thấy và chậm rãi đến gần, trông như có vẻ có lỗi.

Tom nói với cậu ấy: “Con làm điều này à?”

“Nó ngã từ bức tường xuống,” Alfred nói ủ rũ.

“Con có đẩy nó không?”

“Con chạy theo nó.”

“Ai đã bắt đầu trước?”

“Jack đặt cho con một tên.”

Jack nói qua hàm môi sưng vù: “Con gọi anh là con heo, vì anh đã lấy bánh của chúng con.”

“Bánh?” Tom nói. “Con lấy bánh ở đâu trước bữa ăn sáng?”

“Thầy làm bánh Bernard cho chúng con bánh, vì chúng con lấy củi cho thầy.”

“Con phải chia bánh cho Alfred,” Tom nói.

“Con sẽ chia.”

Alfred nói: “Vậy tại sao mày lại chạy đi?”

“Tôi mang nó về nhà cho mẹ,” Jack phản ứng. “Bởi vì anh sẽ ăn hết.”

Mười bốn năm nuôi con đã dạy Tom rằng không dễ gì để khám phá ra điều gì đúng hay điều gì sai trong cuộc tranh cãi của trẻ con. “Hãy đi ăn

sáng, cả ba đứa, và nếu hôm nay còn đánh nhau, Alfred, con sẽ có một bộ mặt giống Jack, và bố sẽ là người làm điều đó. Bây giờ giải tán.”

Các đứa trẻ đi khỏi.

Tom và Ellen đi chậm hơn. Sau một lúc Ellen nói: “Đó là tất cả những gì anh muốn nói sao?”

Tom nhìn vào bà. Bà vẫn còn giận, nhưng ông không thể làm được gì. Ông nhún vai: “Như thường lệ, cả hai đứa đều có lỗi.”

“Tom, làm sao anh có thể nói như thế được?”

“Đứa này cũng xấu như đứa kia.”

“Alfred lấy bánh của chúng. Jack gọi Alfred là con lợn. Đó không phải là lý do đến nỗi phải đổ máu.”

Tom lắc đầu. “Con trai luôn đánh nhau. Em không thể dành cả cuộc đời của em để xét xử các cuộc tranh cãi của chúng. Tốt nhất hãy để chúng tự giải quyết lấy.”

“Không thể để như thế được, Tom,” bà nói bằng giọng nghiêm trọng. “Hãy nhìn mặt của Jack, rồi nhìn vào Alfred. Đó không phải là kết quả cuộc đánh nhau của trẻ con. Đó là cuộc tấn công đòi bại của một người đàn ông trưởng thành đối với một cậu bé.”

Tom phần nộ vì thái độ của bà. Alfred không hoàn hảo, ông biết, nhưng Jack cũng vậy. Tom không muốn Jack trở thành người được yêu thích, nuông chiều trong gia đình này. “Alfred không phải là người đàn ông trưởng thành, nó mới mười bốn tuổi. Nhưng nó đi làm. Nó góp phần trong việc nuôi sống gia đình, trong khi đó Jack chỉ chơi suốt ngày giống như một đứa trẻ. Trong quan niệm của anh, Jack phải tỏ sự tôn trọng đối với Alfred. Nhưng nó không tôn trọng Alfred, rồi em sẽ thấy.”

“Em không quan tâm đến điều ấy!” Ellen nói. “Anh có thể nói những gì anh thích, nhưng con em bị thâm tím và có thể bị thương nặng, và em không chấp nhận được!” Bà bắt đầu khóc. Bằng giọng êm hơn, nhưng vẫn đầy tức giận, bà nói: “Nó là con em và em không thể chịu được khi nhìn thấy nó như vậy.”

Tom thông cảm bà, và ông muốn an ủi bà, nhưng ông sợ phải thú nhận là thua cuộc. Ông có cảm tưởng cuộc đối thoại này là một bước ngoặt. Sống

riêng với mẹ, ngoài ra không còn ai khác, Jack quá được chiều chuộng. Tom không muốn thừa nhận rằng Jack cần một sự bảo trợ đặc biệt để chống lại những va chạm trong cuộc sống hàng ngày. Điều đó sẽ tạo ra một tiền lệ gây ra những khó khăn bất tận trong những năm tới. Tom biết, thực sự lần này Alfred đã đi quá xa, và ông cũng muốn nói chuyện với Alfred về chuyện này; nhưng ông không muốn nói bây giờ. “Đánh nhau là một phần trong đời sống,” ông nói với Ellen. “Jack phải học để chấp nhận hay để tránh chúng. Tôi không thể bảo vệ nó cả đời được.”

“Anh có thể bảo vệ nó khỏi đứa con ác độc của anh.”

Tom nhăn mặt. Ông ghét nghe bà gọi Alfred là ác độc. “Tôi có thể, nhưng tôi sẽ không làm,” ông tức giận nói. “Jack phải học để tự bảo vệ lấy mình.”

“Thế thì anh xuống hỏa ngục!” Ellen nói, rồi bà quay lại và ra đi.

Tom đi vào nhà ăn. Túp lều bằng gỗ, nơi các công nhân ăn uống, đã bị hư hại khi tháp tây nam đổ xuống, vì thế họ dùng bữa trong nhà ăn tu viện sau khi các tu sĩ đã ăn xong và đi khỏi. Tom ngồi xa những người khác, không muốn tiếp xúc. Người phụ bếp đem cho ông một bình bia và vài miếng bánh trong một cái giỏ. Ông nhúng một miếng bánh trong bia cho mềm và bắt đầu ăn.

Alfred là một thanh niên có quá nhiều sinh lực, ông nghĩ và thở dài vào ly bia. Cậu có một chút ác ôn, Tom biết trong thâm tâm của mình, nhưng cậu sẽ trầm tĩnh lại với thời gian. Trong lúc này, Tom sẽ không đòi hỏi con cái ông phải đối xử đặc biệt với đứa con mới đến. Chúng đã phải chịu đựng quá nhiều. Chúng đã mất mẹ, chúng đã phải lang thang trên đường, chúng đã gần chết đói. Ông sẽ không đặt thêm gánh nặng trên chúng, nếu ông có thể làm được. Chúng được quyền hưởng một chút sự nuông chiều. Jack phải tránh xa Alfred.

Một sự bất đồng ý kiến với Ellen luôn để lại cho Tom một trái tim u sầu. Họ đã cãi nhau nhiều lần, thường là về con cái. Cho đến bây giờ, cuộc cãi nhau vừa rồi là tồi tệ nhất. Khi mặt bà đánh lại và thù địch, ông không thể hiểu được, vì mới trước đó họ còn say đắm trong tình yêu. Trong sự tức

giận, bà dường như là một người lạ; sự giận dữ đã xâm nhập vào đời sống bình yên của ông.

Ông đã chẳng bao giờ có những cuộc cãi vã tức giận, gay gắt với người vợ thứ nhất như thế. Nhìn lại, dường như ông và Agnes luôn đồng ý với nhau về những vấn đề quan trọng, và ngay cả khi họ không đồng ý với nhau, họ cũng không làm cho người khác tức giận. Cuộc sống chung giữa người đàn ông và đàn bà phải như thế, ông nghĩ. Ellen phải nhận ra rằng bà là một thành phần trong một gia đình và bà không thể chỉ giữ ý riêng của mình.

Ngay cả khi Ellen tức giận nhất, ông cũng chẳng bao giờ ước muốn bà ấy ra đi, nhưng mỗi lần như vậy ông thường nghĩ về Agnes với niềm tiếc nuối. Agnes đã chia sẻ với ông một phần lớn cuộc đời ông, và bây giờ ông luôn có cảm giác mất mát một cái gì đó. Khi bà còn sống, ông đã chẳng bao giờ nghĩ rằng ông may mắn có được bà, hay biết ơn vì có bà; nhưng bây giờ bà đã qua đời, ông nhớ bà và cảm thấy xấu hổ vì đã đối xử với bà như đó là chuyện đương nhiên.

Vào những khoảnh khắc yên tĩnh trong ngày, sau khi đã phân công, chỉ dẫn nhân công và họ đã bận rộn với công việc của họ, Tom trở lại với tay nghề của mình, xây lại bức tường, sửa lại hàng cột trong tầng hầm, và một đôi khi ông tưởng tượng ông đang nói chuyện với Agnes. Chủ yếu ông nói về Jonathan, người con trai mới sinh của họ. Tom nhìn thấy nó mỗi ngày, khi nó được cho ăn trong nhà bếp, đi dạo trong hành lang tu viện và được đem vào phòng ngủ của tu sĩ. Nó dường như hoàn toàn khỏe mạnh và vui vẻ, và không ai, ngoại trừ Ellen, biết rằng ông có một quan tâm đặc biệt đến nó. Tom cũng nói với Agnes về Alfred và Tu viện trưởng Philip và ngay cả về Ellen, cắt nghĩa cảm xúc của ông về họ giống như ông đã làm (ngoại trừ trường hợp của Ellen) khi Agnes còn sống. Ông cũng kể cho bà về kế hoạch cụ thể trong tương lai: niềm hy vọng được thuê làm ở đây nhiều năm và giấc mơ của ông về việc tự vẽ dự án và xây dựng một nhà thờ chính tòa. Trong đầu, ông nghe thấy tiếng bà trả lời và lời bà hỏi. Có khi bà hài lòng, khuyến khích, hào hứng, nghi ngờ hoặc có khi không đồng ý. Một đôi khi ông cảm thấy bà đúng, một đôi khi sai. Nếu ông kể cho ai nghe về cuộc đời

thoại này, chắc họ sẽ nói rằng ông nói chuyện với ma, và ông cần đến linh mục, nước phép và trừ tà; nhưng ông biết những gì đang xảy ra không phải là cái gì siêu nhiên. Nó xảy ra vì ông biết bà quá rõ đến nỗi ông có thể tưởng tượng được bà sẽ cảm thấy như thế nào và sẽ nói gì trong tình huống như vậy.

Agnes đến trong trí ông vào những lúc ông không ngờ. Khi ông gọt vỏ một quả lê cho Martha bằng con dao ăn, ông nhớ lại Agnes đã luôn cười ông, vì ông cố gắng muốn gọt vỏ thành một dải liên tục. Bất cứ khi nào ông phải viết, ông lại nghĩ đến bà, bởi vì bà đã truyền lại cho ông những gì bà học được từ bố bà, một mục sư; và ông nhớ lại bà đã dạy ông cách cắt một cây viết lông hoặc cách đánh vần chữ ‘caementarius’, chữ Latin có nghĩa là ‘thợ xây.’ Khi ông rửa mặt vào chủ nhật, ông sẽ chà xà bông vào bộ râu và nhớ lại khi còn trẻ, bà đã nói với ông rằng rửa sạch râu sẽ giữ cho mặt khỏi bị chấy và mụn. Không ngày nào qua đi mà không có những liên hệ nhắc nhớ đến bà.

Ông biết ông may mắn có được Ellen. Bà độc nhất có một cái gì đó bất thường, và cái bất thường đó làm cho bà trở thành thu hút. Ông biết ơn bà vì bà đã an ủi ông trong lúc ông đau khổ vào buổi sáng sau khi Agnes qua đời; nhưng một đôi khi ông ước muốn ông đã gặp bà ấy vài ngày – thay vì vài giờ - sau khi ông đã chôn cất vợ ông, để ông có đủ thời gian một mình than khóc. Ông không cần thời gian tang chế - đó chỉ dành cho vua chúa và các tu sĩ, không phải cho dân thường – nhưng ông cần thời gian để quen với sự vắng mặt của Agnes trước khi bắt đầu sống chung với Ellen. Những ngày đầu tiên sau khi Agnes qua đời, ông đã không có những tư tưởng này. Mỗi đe dọa bị chết đói cộng với kích thích về tình dục của Ellen tạo ra trong ông cảm xúc phấn chấn cuồng loạn. Nhưng kể từ khi ông có việc làm và đời sống ổn định, ông cảm thấy nỗi đau của sự hối tiếc. Và một đôi khi, khi ông nghĩ như thế về Agnes, dường như không những ông nhớ thương Agnes mà ông còn khóc thầm cho tuổi trẻ đã qua của mình. Chẳng bao giờ ông còn có thể khờ dại, hung hăng, ham sống và mạnh mẽ như ông đã là, khi ông rơi vào tình yêu với Agnes.

Ông ăn hết bánh và rời nhà ăn trước mọi người khác. Ông đi vào hành lang tu viện. Ông hài lòng với công việc của ông ở đây: thật khó mà tưởng tượng được rằng mới ba tuần trước khuôn viên này đã bị chôn vùi dưới đồng gạch đổ nát. Dấu hiệu còn lại duy nhất của cuộc thảm họa là những vết đá nứt mà ông không tìm được cái thay thế.

Mặc dù vậy vẫn còn nhiều bụi. Ông phải quét hành lang lần nữa, sau đó rải nước. Ông đi qua nhà thờ đổ nát. Trong gian phụ phía bắc ông nhìn thấy một thanh xà ngang đen với dòng chữ trên hắc ín: “Alfred là một con heo.” Điều này đã làm Alfred điên tức. Nhiều thanh gỗ rơi từ mái nhà đã không bị cháy thành tro, vì thế còn nhiều xà ngang đen nằm rải rác khắp nơi. Tom quyết định sẽ quy tụ một nhóm công nhân để thu thập những thanh gỗ này và mang nó đến hàng củi. “Hãy dọn cho nó gọn gàng,” Agnes luôn nói khi có người quan trọng đến thăm. “Em muốn họ cảm thấy vui, và em muốn hãnh diện về anh.” Vâng, em yêu, Tom nghĩ, và ông tự mỉm cười khi ông bắt tay vào việc.

Waleran Bigod và đoàn tùy tùng xuất hiện ở xa khoảng một dặm trên cánh đồng. Họ có ba người, phóng ngựa nhanh. Waleran dẫn đầu trên con ngựa đen, chiếc áo choàng đen bay ra phía sau. Philip và những người trọng tuổi có chức vụ trong tu viện đứng đợi ở chuồng ngựa để chào họ.

Philip không chắc chắn phải đối xử với Waleran như thế nào. Không thể phủ nhận được là Waleran đã lừa dối ông, vì ông ấy đã không nói cho Philip biết là giám mục đã chết; nhưng khi sự việc xảy ra rõ ràng, Waleran cũng không tỏ ra xấu hổ; và Philip đã không biết phải nói điều gì với ông ấy. Ông vẫn chưa biết phải nói gì, nhưng ông đoán rằng sự phàn nàn không đem lại kết quả gì. Ngoài ra toàn bộ bi kịch đã bị che khuất bởi thảm họa của cuộc hỏa hoạn. Philip chỉ cần cảnh giác hơn với ông trong tương lai.

Ngựa của Waleran là con ngựa đực, mặc dù đã đi nhiều dặm nhưng nó vẫn hoảng hốt và dễ bị kích động. Ông giữ đầu nó xuống khi ông đi vào chuồng ngựa. Philip không đồng ý: giáo sĩ không cần phải phô trương trên lưng ngựa, và hầu hết những người theo Chúa chọn con vật hiền lành hơn.

Waleran nhảy xuống ngựa bằng một chuyển động nhẹ nhàng và đưa dây cương cho người giữ ngựa. Philip chào ông một cách xã giao. Waleran

quay người và quan sát đồng đồ nát. Với vẻ mặt âm đạm ông nói: “Đây là một ngọn lửa đất tiền, Philip ạ,” Ông dường như thực sự đau khổ, một điều làm Philip ngạc nhiên.

Trước khi Philip có thể trả lời, Remigius lên tiếng: “Đây là công việc của ma quỷ, thưa ngài giám mục.”

“Các anh nghĩ như thế sao?” Waleran nói. “Theo kinh nghiệm của tôi, ma quỷ thường hỗ trợ các tu sĩ trong công việc như thế, giả sử như các tu sĩ đốt lửa trong nhà thờ để sưởi ấm trong giờ kinh sáng, hay vô ý để quên nến cháy trong gác chuông.”

Philip thích thú khi nhìn thấy Waleran cho Remigius một trận, nhưng ông không thể không chống lại những lời kết tội của Waleran. “Tôi đã cho điều tra về nguyên nhân gây ra cuộc hỏa hoạn,” ông nói. “Không ai đốt lửa trong nhà thờ vào tối hôm đó – tôi chắc chắn điều đó vì chính tôi có mặt trong buổi đọc kinh đêm. Và trước đó hàng tháng không có ai trèo lên mái nhà thờ.”

“Vậy ông giải thích ngọn lửa từ đâu tới?” Waleran hoài nghi hỏi.

Philip lắc đầu. “Không có bão. Ngọn lửa dường như bắt đầu ở vùng lân cận của khu trung tâm. Như thường lệ, sau giờ kinh chúng tôi để lại trên bàn thờ một cây nến cháy. Có thể khăn bàn thờ bén lửa, và một đốm lửa đã được gió đưa lên trần nhà bằng gỗ, một trần nhà đã cũ và khô.” Philip nhún vai. “Nó không phải là một lời giải thích hợp lý, nhưng đó là lời giải thích tốt nhất mà chúng tôi có.”

Waleran gật đầu. “Chúng ta hãy quan sát kỹ hơn những thiệt hại.”

Họ di chuyển ra ngoài, về phía nhà thờ. Hai người cùng đoàn với Waleran là một kỵ binh và một linh mục trẻ. Chàng kỵ binh ở lại trông ngựa. Vị linh mục tháp tùng Waleran, và được giới thiệu với Philip là Dean Baldwin. Khi họ đi ngang qua sân cỏ đến nhà thờ, Remigius đặt tay lên cánh tay của Waleran, giữ ông lại và nói: “Nhà khách không thiệt hại gì, ông thấy đó.”

Mọi người dừng lại và quay đầu lại. Philip tự hỏi không biết Remigius đang muốn gì đây. Nếu nhà khách không bị thiệt hại gì, tại sao mọi người lại đứng lại và nhìn nó? Vợ của người thợ xây đang từ bếp lên, và tất cả họ

quan sát bà đi vào nhà. Philip nhìn Waleran. Ông dường như bị sốc. Philip nhớ lại thời điểm tại tòa giám mục, khi Waleran nhìn thấy vợ của người thợ xây, và ông dường như đã hoảng sợ. Có điều gì về người đàn bà này?

Waleran liếc nhanh Remigius và gật đầu thật nhẹ, sau đó ông quay về phía Philip và nói: “Ai sống ở đó?”

Philip hoàn toàn chắc chắn Waleran đã nhận ra bà, nhưng ông trả lời: “Ông thợ xây cả và gia đình ông ấy.”

Waleran gật đầu và họ tiếp tục di chuyển. Bây giờ Philip biết tại sao Remigius đã gọi sự chú ý đến nhà khách: ông muốn chắc chắn Waleran nhìn thấy người phụ nữ. Philip quyết tâm sẽ hỏi bà vào dịp sớm nhất.

Họ đi vào trong khu đồ nát. Một nhóm bảy hoặc tám người, gồm các tu sĩ và nhân công của tu viện đang nâng một xà ngang bị cháy một nửa dưới sự hướng dẫn của Tom. Toàn khu vực bận rộn nhưng gọn gàng. Philip cảm thấy không khí nhộn nhịp và hiệu quả là công của ông, mặc dù Tom là người chịu trách nhiệm.

Tom đến gặp họ. Ông cao hơn hẳn mọi người. Philip nói với Waleran: “Đây là thợ xây chính của chúng tôi, Tom. Ông ấy đã điều động để làm cho hành lang tu viện và tầng hầm có thể sử dụng lại. Chúng tôi rất biết ơn ông ấy.”

“Tôi nhớ ông,” Waleran nói với Tom. “Ông đã đến gặp tôi sau lễ giáng sinh. Tôi không có việc cho ông.”

“Vâng, đúng thế,” Tom nói bằng giọng trầm và đầy bụi. “Có lẽ Chúa để dành tôi để tôi giúp Tu viện trưởng Philip trong thời gian rắc rối này.”

“Một thợ xây thần học,” Waleran chế giễu.

Tom đỏ mặt dưới làn da đầy bụi. Philip nghĩ rằng Waleran phải có thần kinh mạnh lắm mới dám nhạo cười người đàn ông to lớn như thế, ngay cả mặc dù Waleran là giám mục và Tom chỉ là một thợ xây.

“Bước kế tiếp của ông là gì?” Waleran hỏi.

“Chúng ta phải làm cho nơi đây an toàn bằng cách đập xuống những bức tường còn lại, trước khi chúng rơi vào người nào đó,” Tom trả lời, đủ ngoan ngoãn. “Rồi chúng ta sẽ dọn sạch khu vực để chuẩn bị xây nhà thờ mới.

Chúng ta phải tìm những cây cao sớm bao nhiêu có thể để làm xà cho mái nhà mới – gỗ càng được ngâm dầu lâu thì mái nhà càng tốt.

Philip nói với vàng: “Trước khi chúng ta bắt đầu chặt cây, chúng ta phải tìm ra tiền để trả cho họ.”

“Chúng ta sẽ nói về chuyện đó sau,” Waleran nói một cách bí ẩn.

Sự nhận xét này làm Philip háo hức. Ông hy vọng Waleran có một kế hoạch tìm tiền để xây dựng nhà thờ chính tòa. Nếu tu viện phải tùy thuộc vào nguồn lực riêng, công trình không thể bắt đầu trong nhiều năm nữa. Philip đã trăn trở điều này trong ba tuần qua, và ông vẫn chưa tìm ra được giải pháp.

Ông hướng dẫn nhóm đi dọc theo con đường đã được dọn sẵn thông qua đồng cỏ nát đến hành lang tu viện. Qua một cái nhìn, Waleran có thể nhận ra khu vực này đã được sửa sang. Họ tiếp tục di chuyển từ đó xuyên qua sân cỏ đến nhà tu viện trưởng, nằm ở góc đông nam tu viện.

Khi đã vào trong, Waleran cởi áo khoác và ngồi xuống, đưa bàn tay nhột nhột trên lò sưởi. Thầy Milius, người phụ trách nhà bếp, phục vụ rượu gia vị nóng trong chén bằng gỗ nhỏ. Waleran nhăm nháp và nói với Philip: “Ông có bao giờ nghĩ rằng thợ xây Tom đã châm lửa để cho mình có việc làm không?”

“Có, tôi có nghĩ đến,” Phillip trả lời. “Nhưng tôi không nghĩ ông ấy đã làm chuyện đó. Ông ấy phải vào được trong nhà thờ, và nhà thờ thì chắc chắn đã khóa.”

“Ông ấy có thể lén vào ban ngày và trốn ở trong đó.”

“Như thế ông ấy sẽ không ra được sau khi châm lửa,” ông lắc đầu. “Đó không phải là lý do thực sự ông chắc chắn Tom vô tội. “Dù sao tôi không tin ông ấy có thể làm như vậy. Ông ấy là người thông minh – hơn là ông nghĩ lúc mới gặp – nhưng ông ấy không quỷ quyệt. Nếu ông ấy có tội, tôi nghĩ tôi có thể nhận ra trên khuôn mặt ông ấy, khi tôi nhìn vào mắt ông ấy và hỏi ông ấy nghĩ ngọn lửa bắt đầu từ đâu.”

Một chút ngạc nhiên cho Philip, Waleran đồng ý ngay lập tức. “Tôi tin ông có lý,” ông ấy nói. “Một cách nào đó, tôi không thấy là ông ấy có thể đốt nhà thờ. Ông ấy không phải là mẫu người như vậy.”

“Chúng ta chẳng bao giờ biết chắc chắn ngọn lửa bắt đầu từ đâu,” Philip nói. “Nhưng chúng ta phải đối diện với vấn đề làm sao có tiền để xây nhà thờ mới. Tôi không biết...”

“Vâng,” Waleran cắt lời và giơ tay ngăn Philip lại. Ông nhìn những người khác trong phòng. “Tôi phải nói chuyện riêng với Philip,” ông nói. “Những người còn lại xin tạm ra khỏi phòng.”

Philip hồi hộp. Ông không thể tưởng tượng được tại sao Waleran lại nói chuyện riêng với ông về việc này.

Remigius nói: “Trước khi chúng tôi đi, thưa ngài giám mục, có một số điều anh em đã nhờ tôi nói với ngài.”

Philip nghĩ: Chuyện gì đây?

Waleran nhướng mày hoài nghi. “Và tại sao họ lại nhờ ông, thay vì nhờ tu viện trưởng, để nói vấn đề đó với tôi?”

“Bởi vì Tu viện trưởng Philip không lắng nghe điều họ khiếu nại.”

Philip tức giận và hoang mang. Đây không phải là điều khiếu nại. Remigius chỉ muốn gây khó khăn cho Philip trước mặt giám mục tân cử. Philip bắt gặp một cái nhìn dò xét của Waleran. Ông nhún vai và tỏ vẻ không tập trung. “Tôi không chờ đợi để nghe những lời phàn nàn,” ông nói. “Làm ơn vào đề ngay, ông Remigius – nếu ông hoàn toàn chắc chắn rằng vấn đề này đủ quan trọng để yêu cầu sự chú ý của một giám mục.”

Remigius nói: “Có một phụ nữ sống trong tu viện.”

“Không cần lập lại nữa,” Philip nói với sự bức tức. “Bà ấy là vợ của người thợ xây, và bà ấy ở trong nhà khách.”

“Bà ấy là một phù thủy,” Remigius nói.

Philip tự hỏi tại sao Remigius lại làm điều này. Ông đã một lần thử đưa đề tài này ra và đã bị chống đối. Mọi người không đồng quan điểm trong vấn đề này, nhưng tu viện trưởng có quyền, và Waleran phải ủng hộ Philip, trừ khi ông muốn được tham gia mỗi khi Remigius không đồng quan điểm với bề trên của ông ấy. Một mội, Philip nói: “Bà ấy không phải là một phù thủy.”

“Anh đã thăm vấn người phụ nữ chưa?” Remigius hỏi.

Philip nhớ lại ông đã hứa sẽ hỏi bà ấy, nhưng ông chưa làm: Ông đã gặp chồng bà và bảo ông ấy về nói với bà là phải thận trọng, nhưng chính ông chưa nói chuyện với người phụ nữ đó. Nó là một điều đáng tiếc, vì nó cho phép Remigius gây điểm; nhưng nó không phải là một điểm, và Philip cảm thấy chắc chắn Waleran không đứng về phía Remigius. “Tôi chưa thăm vấn bà ấy,” Philip thừa nhận. “Nhưng không có bằng chứng gì về việc bà ấy là một phù thủy, và cả gia đình ấy hoàn toàn trung thực và là Kitô hữu.”

“Bà ấy là một phù thủy và phạm tội gian dân,” Remigius nói. Sự tức giận làm mặt ông đỏ bừng.

“Anh muốn nói cái gì?” Philip tức lên. “Bà ấy gian dân với ai?”

“Với ông thợ xây.”

“Ông ấy là chồng bà, anh ngu dốt ạ.”

“Không, ông ấy không phải,” Remigius đặc thẳng nói. “Họ không cưới hỏi, và họ chỉ sống với nhau từ một tháng nay.”

Philip buông tay. Ông không ngờ chuyện đó. Remigius đã làm ông hoàn toàn bất ngờ.

Nếu những gì Remigius nói là thật, thì người phụ nữ này, nói theo cách nghiêm túc, là một người gian dân. Đó là một loại gian dân thường được bỏ qua, bởi vì nhiều cặp ở với nhau một thời gian và đã không nhận được phép lành của linh mục, thông thường cho đến khi họ có đứa con thứ nhất. Thực vậy, ở những vùng quê xa, các cặp thường sống như vợ chồng trong hàng chục năm, sinh con cái, và khi một linh mục đến thăm, họ xin ngài làm phép cưới cho họ khi họ đã có cháu. Tuy nhiên, đó là sự cho phép của các linh mục coi xù dành cho những nông dân nghèo ở vùng xa các xứ đạo. Nhưng đây lại là trường hợp của một nhân viên quan trọng của tu viện, xảy ra trong khuôn viên tu viện.

“Điều gì cho phép anh nghĩ rằng họ chưa cưới hỏi?” Philip nghi ngờ nói, mặc dù ông cảm thấy chắc chắn Remigius đã kiểm tra sự kiện trước khi trình bày trước mặt Waleran

“Tôi gặp hai đứa trẻ đánh nhau, và chúng bảo tôi chúng không phải là anh em. Sau đó, toàn bộ câu chuyện bị lộ ra.”

Philip thất vọng vì Tom. Gian dân là một tội thông thường, nhưng đối với các tu sĩ, những người từ bỏ tất cả nhục dục, thì đó là một tội ghê gớm. Làm sao ông lại dám làm điều này? Ông phải biết rằng Philip ghét điều đó. Philip cảm thấy tức giận Tom hơn là ông đã tức giận Remigius. Nhưng Remigius đã che dấu. Philip hỏi ông ấy: “Tại sao ông không nói cho tôi, tu viện trưởng của ông, biết ngay về điều này?”

“Tôi chỉ mới nghe biết điều này sáng nay thôi.”

Philip ngồi dựa lưng vào ghế, thất bại. Remigius đã đánh bật ông và bây giờ ông bị coi như khờ dại. Đây là cuộc trả thù của Remigius cho cuộc thất bại trong cuộc bầu cử vừa qua. Philip nhìn Waleran. Cuộc khiêu nại được trình lên ông ấy và bây giờ ông ấy có thể tuyên án.

Waleran không chần chừ. “Trường hợp này đủ rõ ràng,” ông nói. “Người phụ nữ phải xưng tội, và làm việc đền tội công khai. Bà phải rời khỏi tu viện và sống trong sạch, xa Tom một năm. Sau đó họ có thể kết hôn.”

Một năm xa cách là một hình phạt nặng nề. Philip cảm thấy nó hợp lý vì cả hai đã gây tai tiếng cho tu viện. Nhưng ông lo lắng không biết bà ấy sẽ phản ứng ra sao. “Bà ấy có thể không từng phục lời tuyên án của ông,” ông nói.

Waleran nhún vai. “Thì bà ấy sẽ bị thiêu đốt trong hỏa ngục.”

“Nếu bà ấy rời Kingsbridge, tôi sợ Tom sẽ đi theo bà.”

“Chúng ta sẽ có thợ xây dựng chính khác.”

“Dĩ nhiên.” Philip tiếc nếu mất Tom. Nhưng qua biểu hiện của Waleran, Philip có thể nói rằng đối với ông ấy không có gì quan trọng nếu Tom và vợ ông rời Kingsbridge và chẳng bao giờ quay trở lại; và ông ngạc nhiên tại sao bà ấy lại quá quan trọng như thế.

Waleran nói: “Bây giờ giải tán, và để tôi nói chuyện với tu viện trưởng.”

“Đợi vài phút,” Philip nói mạnh. Đây là nhà ông, và đây là tu sĩ của ông. Ông là người triệu tập và giải tán họ, chứ không phải Waleran. “Chính tôi sẽ nói chuyện với ông thợ xây về chuyện này. Không ai trong anh em được phép nói cho bất cứ ai, anh em nghe rõ chưa? Tôi sẽ có một hình phạt nặng cho những ai không vâng lời tôi trong việc này. Đã rõ chưa, Remigius?”

“Vâng,” Remigius nói.

Philip nhìn Remigius dò hỏi và không nói gì. Nó là một sự yên lặng mang nhiều ý nghĩa.

“Vâng, thưa cha,” sau cùng Remigius nói.

“Được rồi, anh em đi đi.”

Remigius, Andrew, Milius, Cuthbert và Dean Baldwin tất cả đi ra. Waleran tự lấy thêm một ít rượu nóng và đuổi chân ra phía lò sưởi. “Đàn bà luôn gây phiền toái,” ông nói. “Khi một con ngựa cái ở trong chuồng, tất cả con ngựa đực bắt đầu tấn công người giữ ngựa, đá vào chuồng và gây náo loạn. Ngay cả những con ngựa thiện cũng bắt đầu có thái độ bất thường. Các tu sĩ giống như ngựa thiện: họ từ chối đam mê thể lý, nhưng họ vẫn còn có thể say đắm.”

Philip bối rối. Ông cảm thấy không cần có những lời nói rõ ràng như thế. Ông nhìn xuống bàn tay. “Việc xây dựng nhà thờ mới sẽ như thế nào?” ông nói.

“Vâng. Có lẽ ông đã nghe rằng việc mà ông đến gặp tôi - về việc Bá tước Bartholomew có âm mưu chống lại vua Stephan – mang lại nhiều điều tốt cho chúng ta.”

“Vâng.” Nó tưởng chừng như đã lâu lắm rồi, từ ngày Philip đến tòa giám mục, trong sợ hãi và run rẩy, nói về âm mưu chống nhà vua mà giáo hội đã chọn. “Tôi nghe Percy Hamleigh đã tấn công lâu đài lãnh chúa và bắt ông ấy làm tù nhân.”

“Đúng – Bartholomew bây giờ ở trong ngục thất ở Winchester, đợi nghe tuyên án về số phận của mình,” Waleran nói với vẻ hài lòng.

“Còn Bá tước Robert của Gloucester thì sao? Ông là một trong những người chủ mưu cuộc nổi dậy.”

“Ông ấy bị hình phạt nhẹ hơn. Trong thực tế không bị gì. Ông đã cam kết trung thành với vua Stephan, và sự dính líu của ông với vụ âm mưu đã được... bỏ qua.”

“Nhưng những việc này có liên quan gì đến nhà thờ chính tòa mới của chúng ta?”

Waleran đứng dậy và đi ra cửa sổ. Khi ông nhìn ra nhà thờ đổ nát, có một nét buồn trong mắt ông, và Philip nhận ra rằng mặc dù Waleran tính toán

thế tục, nhưng ông có một lòng đạo đức. “Nhà vua còn mắc nợ chúng ta vì chúng ta đã giúp nhà vua chống lại âm mưu của Bartholomew. Không nên để lâu quá, ông và tôi phải đi gặp nhà vua.”

“Gặp vua?” Philip nói. Ông có một chút bối rối bởi đề nghị này.

“Nhà vua sẽ hỏi chúng ta muốn được phần thưởng gì.”

Philip nhận ra điều Waleran muốn nói và ông hớn hở. “Và chúng ta nói với ông ấy là...”

Waleran quay trở lại, nhìn vào mắt Philip, và đôi mắt ấy trông giống như viên ngọc đen, lấp lánh tham vọng. “Chúng ta sẽ nói với ông ấy là chúng ta muốn có một nhà thờ chính tòa mới cho Kingsbridge,” ông nói.

Tom biết rằng cơn giận dữ của Ellen sẽ trào lên.

Bà đã tức giận về những gì xảy ra cho Jack. Tom cần phải xoa dịu bà. Nhưng bây giờ lại thêm thông tin về “việc đền tội”, nó sẽ kích động bà. Ông ước mong có thể trì hoãn một hai ngày cho bà có thời gian nguôi ngoai; nhưng ông không thể, bởi vì Tu viện trưởng Philip đã nói bà phải đi ngay trước khi trời tối. Ông phải nói với bà ngay lập tức, và mặc dù Philip đã nói với ông vào giữa trưa, nhưng mãi đến giờ cơm chiều Tom mới nói với Ellen.

Họ đi vào nhà cơm với những công nhân khác, khi các tu sĩ đã chấm dứt bữa ăn của họ và đi ra. Các bàn ăn đầy người, nhưng Tom nghĩ rằng nó có thể không phải là một điều xấu: sự hiện diện của người khác có thể kiềm chế bà, ông nghĩ.

Ông đã sai lầm, chẳng bao lâu nữa ông sẽ nhận ra.

Ông cố gắng khai triển thông tin dần dần. Trước hết ông nói: “Họ biết chúng ta chưa kết hôn.”

“Ai nói với họ?” bà tức giận nói. “Có phải một vài kẻ phá đám không?”

“Alfred. Nhưng đừng đổ lỗi cho nó – tu sĩ ranh mãnh Remgius đã moi móc từ nó. Tuy nhiên, chúng ta đã chẳng dặn chúng phải giữ kín điều đó.”

“Tôi không đổ lỗi cho nó,” bà trầm tĩnh nói. “Vậy họ nói gì?”

Ông nghiêng người qua bàn và nói bằng giọng trầm: “Họ nói em là người gian dân,” ông nói, hy vọng không người nào nghe thấy.

“Một gian phụ?” bà nói to. “Còn anh thì sao? Các tu sĩ không biết rằng gian dân phải cần đến hai người ư?”

Những người ngồi bên cạnh bắt đầu cười.

“Pssst!” Tom ra hiệu. “Họ nói chúng ta phải kết hôn.”

Bà nhìn ông chăm chăm. “Nếu tất cả chỉ có vậy thì anh không phải nhìn em buồn bã như vậy. Hãy nói cho em nghe phần còn lại.”

“Họ muốn em xưng tội.”

“Đạo đức giả,” bà nổi cáu nói.

Có nhiều tiếng cười hơn. Người ta ngừng nói chuyện và lắng nghe Ellen nói.

“Hãy nói nhỏ thôi,” Tom năn nỉ.

“Em nghĩ rằng họ bắt em làm việc đền tội nữa. Sĩ nhục là một phần của nó. Họ muốn em làm gì? Nói đi, hãy nói sự thật, anh không thể nói dối một phù thủy.”

“Đừng nói như thế!” Tom rít lên. “Nó làm cho mọi sự thành trầm trọng hơn.”

“Vậy hãy nói cho em.”

“Chúng ta phải xa nhau một năm, và em phải sống trong sạch...”

“Đái vào nó!” Ellen la lên.

Bây giờ mọi người nhìn.

“Đái vào anh, thợ xây Tom à!” bà nói. Bà nhận ra bà có một số đông khán giả. “Đái vào các ông các bà nữa,” bà nói. Hầu hết mọi người cười to. Thật khó mà làm tổn thương một phụ nữ đáng yêu với khuôn mặt đỏ bừng và đôi mắt vàng mở rộng. Bà đứng lên. “Đái vào tu viện Kingsbridge!” Bà nhảy lên bàn, và mọi người vỗ tay. Bà đi trên mặt bàn. Người ta dọn dẹp chén đĩa và ly bia cho bà có lối đi, rồi họ ngồi lại và cười nói. “Đái vào tu viện trưởng!” bà nói. “Đái vào tu viện phó, người lo phụng vụ, người lo thánh ca, người lo kho báu, và tất cả tài liệu, đặc ân và thùng đầy tiền bạc!” Bà đi đến cuối bàn. Đằng sau đó là một bàn nhỏ, nơi một tu sĩ sẽ ngồi đọc sách trong bữa ăn tối của các tu sĩ. Có một cuốn sách mở trên bàn. Ellen nhảy từ bàn ăn sang bàn đọc sách.

Bất ngờ Tom biết bà định làm gì. “Ellen!” ông gọi. “Đừng! Làm ơn đừng!”

“Đái trên tu luật Thánh Biển Đức!” bà hét lên. Rồi bà vén váy lên, khụy gối xuống và đái trên cuốn sách mở.

Các đàn ông cười vang, đập vào bàn, la hét, huýt sáo và vỗ tay. Tom không chắc chắn họ chia sẻ quan điểm với Ellen về việc coi thường luật của thánh Biển Đức, hay họ thích nhìn một phụ nữ xinh đẹp phơi trần trước mặt họ. Có một cái gì đó khiêu dâm trong thái độ thô tục sỗ sàng của bà, nhưng nó cũng hấp dẫn để coi một người công khai lăng mạ cuốn sách mà các tu sĩ kính trọng. Bất cứ vì lý do nào, họ thích nó.

Bà nhảy xuống bàn, và trong tiếng vỗ tay, bà chạy ra khỏi cửa.

Mọi người nói chuyện như pháo rang. Chưa ai đã thấy cảnh đó bao giờ. Tom hoảng sợ và xấu hổ: hậu quả sẽ khó lường, ông biết. Nhưng một cách nào đó ông nghĩ: Bà thuộc hạng đàn bà nào?

Ngay sau đó Jack cũng đứng lên và theo mẹ ra ngoài, với một nụ cười trên khuôn mặt sừng phồng.

Tom nhìn Alfred và Martha. Alfred có một chút hoang mang, nhưng Martha cười khúc khích. “Đi thôi, cả hai đứa,” Tom nói và cả ba rời nhà ăn.

Khi họ ra ngoài, họ không thấy Ellen. Họ đi qua sân cỏ về nhà khách và thấy Ellen ở đó. Bà ngồi trên ghế đợi ông. Bà mặc áo choàng, và cầm chiếc bị da lớn. Bà trông lạnh lùng, im lặng và trầm ngâm. Trái tim Tom lạnh đi khi ông nhìn thấy chiếc túi sách, nhưng ông làm như không thấy. “Sẽ phải trả giá đắt trong hỏa ngục,” ông nói.

“Em không tin có hỏa ngục,” bà nói.

“Anh hy vọng họ cho em xưng tội và làm việc đền tội.”

“Em không xưng tội.”

Sự tự kiềm chế nổ ra. “Ellen, em đừng đi!”

Bà trông buồn rầu. “Hãy nghe đây, Tom. Trước khi gặp anh, em có thực phẩm để ăn và có nơi để ở. Em được an toàn, chắc chắn và có thể tự sống: Em không cần ai. Từ khi em ở với anh, em đã đến gần sự chết đói hơn bất cứ lúc nào khác trong đời em. Bây giờ anh có việc, nhưng không có gì là

chắc chắn: tu viện không có tiền để xây một nhà thờ mới, và anh có thể lại lang thang trên đường vào mùa đông tới.”

“Philip sẽ tìm được tiền bằng cách nào đó,” Tom nói. “Anh chắc ông ấy sẽ làm được.”

“Anh không thể chắc chắn,” bà nói.

“Em không tin anh,” Tom cay đắng nói. Rồi trước khi có thể ngăn mình, ông nói thêm: “Em giống như Agnes, em không tin vào nhà thờ chính tòa của anh.”

“Ô, Tom, nếu chỉ về phía em, em sẽ ở lại,” bà buồn bã nói. “Nhưng hãy nhìn vào con em.”

Tom nhìn Jack. Khuôn mặt cậu thâm tím, tai cậu sưng lên to gấp đôi kích thước bình thường, lỗ mũi đầy máu khô và một răng cửa bị gãy.

Ellen nói: “Em sợ nó sẽ lớn lên giống như một con vật nếu em tiếp tục sống trong rừng. Nhưng nếu đây là giá phải trả để dạy nó sống như những người khác thì giá đó quá mắc. Vì thế em trở lại rừng.”

“Đừng nói thế,” Tom tuyệt vọng nói. “Chúng ta hãy bàn về chuyện đó. Đừng quyết định vội vàng...”

“Đó không phải là quyết định vội vàng, Tom,” bà buồn bã nói. “Em quá buồn đến nỗi không còn có thể tức giận được nữa. Em thực sự muốn trở thành vợ anh, nhưng không phải bằng mọi giá.”

Nếu Alfred đã không đuổi Jack, chuyện này đã không xảy ra, Tom nghĩ. Nhưng đó chỉ là chuyện trẻ con, phải không? Hay Ellen có lý khi bà nói rằng Tom có điều gì đó mù quáng về Alfred? Tom bắt đầu cảm thấy mình có lỗi. Có lẽ ông phải có một đường lối cứng rắn hơn với Alfred. Con trai đánh nhau là chuyện thường, nhưng Jack và Martha nhỏ hơn Alfred. Có lẽ nó đúng là một đứa bắt nạt.

Nhưng bây giờ nó đã quá trễ để thay đổi nó. “Em hãy ở lại trong làng,” Tom tuyệt vọng nói. “Hãy đợi một thời gian xem mọi chuyện sẽ ra sao.”

“Bây giờ em không nghĩ là các tu sĩ sẽ cho phép em ở lại.”

Ông nhận ra bà có lý. Ngôi làng thuộc quyền sở hữu của tu viện và tất cả các gia đình trả tiền thuê cho tu viện – thường thường bằng hình thức một ngày làm việc – và các tu sĩ sẽ từ chối người nào họ không thích. Nếu họ từ

chối Ellen, mọi người có thể hiểu được. Bà đã tự quyết định và - theo nghĩa đen – bà đã đá vào cơ hội của bà.

“Anh sẽ đi với em,” ông nói. “Tu viện còn thiếu chúng ta bảy mươi hai xu. Chúng ta lại lang thang. Chúng ta sẽ sống sót, trước khi...”

“Thế còn con cái của anh thì sao?” bà dịu dàng nói.

Tom nhớ lại Martha đã khóc vì đói. Ông biết ông không thể để cho cô chịu như thế một lần nữa. Và còn đứa con nhỏ Jonathan sống với các tu sĩ ở đây. Tôi không muốn bỏ rơi nó một lần nữa, Tom nghĩ; tôi đã làm chuyện đó và tôi hận bản thân tôi về việc đó.

Nhưng ông không thể chịu đựng được khi nghĩ sẽ mất Ellen.

“Đừng xé lòng mình,” bà nói. “Em sẽ không lang thang trên đường với anh một lần nữa. Đó không phải là giải pháp – Hoàn cảnh hiện nay còn tốt hơn nhiều so với những gì chúng ta đã trải qua. Em về lại rừng và anh không đi với em.”

Ông nhìn bà chăm chăm. Ông muốn tin rằng bà không có ý như thế, nhưng khuôn mặt bà nói lên rằng bà sẽ làm. Ông không còn có thể nghĩ được gì để nói bà ở lại. Ông mở miệng nói, nhưng không thành lời. Ông cảm thấy bất lực. Bà thở mạnh, ngực bà lên xuống theo cảm xúc. Ông muốn vuốt ve bà, nhưng ông cảm thấy bà không muốn. Tôi sẽ chẳng bao giờ được ôm bà một lần nữa, ông nghĩ. Điều đó khó có thể tin được. Nhiều tuần qua, ông đã nằm bên bà hàng đêm, vuốt ve bà thân thiết như vuốt ve chính mình; và bây giờ bất ngờ như bị ngăn cấm, và bà trở thành người xa lạ.

“Đừng buồn như vậy,” bà nói. Mắt bà đầm lệ.

“Anh không biết phải làm gì,” ông nói. “Anh rất buồn.”

“Em xin lỗi đã làm anh bất hạnh.”

“Đừng xin lỗi về điều đó. Hãy lấy làm tiếc rằng em đã làm cho anh quá hạnh phúc. Điều đó làm anh đau. Vì em cho anh quá nhiều hạnh phúc.”

Một tiếng nấc từ môi bà. Bà quay người và ra đi, không nói lời nào.

Jack và Martha đi ra sau bà. Alfred ngật ngưỡng, rồi cũng theo họ đi ra.

Tom đứng bất động nơi chiếc ghế mà bà đã ngồi. Không, ông nghĩ, nó không thể là sự thật, bà ấy không bỏ rơi tôi.

Ông ngồi xuống ghế mà bà đã để lại. Vẫn còn hơi ấm từ thân thể bà, một thân thể mà ông quá yêu. Ông cố ngăn dòng nước mắt.

Ông biết bây giờ bà sẽ không thay đổi ý định. Bà chẳng bao giờ lưỡng lự: Bà là người dám quyết định và thực hiện nó.

Có thể một lúc nào đó bà sẽ ân hận.

Đó là một mảy may hy vọng. Ông biết bà yêu ông. Điều đó không thay đổi. Mới đêm hôm qua bà còn yêu ông say đắm, như một người khát nước; và sau khi ông đã thỏa mãn, bà còn lăn lộn trên mình ông, liên tục hôn ông, rúc đầu trong râu ông cho đến khi bà mệt nhừ. Nhưng họ không chỉ thích những điều đó. Họ còn thích thú với từng giây phút họ ở bên nhau. Họ nói chuyện liên tục, nhiều hơn là trước đây ông và Agnes đã nói. Bà sẽ nhớ tôi như tôi nhớ bà, ông nghĩ. Sau khi cơn giận của bà chùng xuống, và đời sống trở lại bình thường, bà sẽ khao khát có một người nào đó để nói chuyện, một thân thể vững chắc để nương tựa, một khuôn mặt có râu để hôn. Khi đó bà sẽ nhớ đến tôi.

Nhưng bà rất tự hào. Bà quá tự cao để có thể quay lại, ngay cả khi bà muốn.

Ông bật dậy khỏi ghế. Ông phải nói với bà những gì trong đầu ông. Ông ra khỏi nhà. Bà ở cổng tu viện, nói lời từ giả với Martha. Tom chạy qua chuồng ngựa và bắt kịp bà.

Bà trao cho ông một nụ cười buồn. “Tạm biệt anh, Tom.”

Ông nắm lấy tay bà. “Một ngày nào đó em sẽ trở lại chứ? Chỉ để thăm nhau? Nếu anh biết em không xa anh mãi mãi, biết rằng một ngày nào đó anh sẽ gặp em, ngay cả cho một giây phút ngắn ngủi – nếu anh biết điều đó, anh có thể chịu đựng được.”

Bà ngần ngại.

“Làm ơn!” Tom năn nỉ

“Vâng,” bà nói.

“Hãy thề đi.”

“Lời thề không có giá trị gì với em.”

“Nhưng nó có giá trị cho anh.”

“Được, em thề.”

“Cảm ơn em.” Ông kéo bà dịu dàng vào ông. Bà không chống lại. Ông ôm bà và sự tự kiềm chế của ông bị phá vỡ. Nước mắt chảy xuống khuôn mặt ông. Sau cùng bà buông ông ra. Miễn cưỡng ông để bà đi. Bà đi về phía cổng.

Lúc đó có một tiếng ồn từ chuồng ngựa. Đó là tiếng dậm chân và thở mạnh của con ngựa chứng. Tự nhiên bà nhìn quanh. Đó là con ngựa của Waleran Bigod và giám mục chuẩn bị lên ngựa. Mắt ông gặp mắt Ellen và ông chết cứng.

Vào lúc đó bà cất tiếng hát.

Tom không biết bài hát, mặc dù bà thường hát. Bài hát có cung điệu buồn kinh khủng và lời bằng tiếng Pháp, nhưng Tom không hiểu bài hát muốn nói gì.

Một chim sơn ca, bị bắt trong lưới người thợ săn

Hát ngọt ngào như chưa bao giờ đã hát

Như giai điệu rơi

Có thể chia cách đôi cánh và chiếc tổ.

Tom nhìn vị giám mục. Waleran hoảng sợ: Miệng ông há to, mắt mở rộng, khuôn mặt trắng như xác chết. Tom ngạc nhiên: Làm sao một bài hát đơn giản lại có một sức mạnh làm hoảng sợ một người đàn ông như thế?

Chim sơn ca chẳng bao giờ còn được tự do.

Vào buổi hoàng hôn, thợ săn đến bắt mồi,

Chim trời và con người chắc chắn phải chết,

Nhưng những bài ca sẽ sống mãi thiên thu.

Ellen gọi to: “Tạm biệt Walern Bigod. Tôi rời Kingsbridge, nhưng tôi sẽ không rời xa ông. Tôi sẽ lại đến trong giấc mơ của ông.”

Và trong giấc mơ của anh, Tom nói.

Một lúc, không ai chuyển động.

Ellen quay đi. Bà cầm chiếc bị trong tay; và tất cả nhìn trong yên lặng, khi bà đi qua cổng tu viện và mất hút trong bóng tối nhá nhem của buổi chiều tà.

PHẦN NĂM

1136 - 1137

I

Sau khi Ellen đi rồi, nhà khách hoàn toàn yên lặng vào chủ nhật. Alfred chơi bóng đá với bạn bè trong làng trên đồng cỏ bên dòng sông. Martha buồn vì thiếu Jack, cô chơi trò chơi như đang nhặt rau, nấu súp và mặc quần áo cho búp bê. Tom làm việc trên thiết kế nhà thờ chính tòa.

Ông đã một hai lần gợi ý cho Philip nên nghĩ về kiểu nhà thờ nào ông muốn xây, nhưng Philip không để ý hoặc muốn làm ngơ. Ông có nhiều điều phải lo. Nhưng Tom vẫn nghĩ về nó, nhất là vào các ngày chủ nhật. Ông thích ngồi trong nhà khách, nhìn ngôi nhà thờ đổ nát qua sân cỏ. Một đôi khi ông phác thảo trên bảng đá, nhưng hầu hết ông thực hiện trong đầu. Ông biết rằng một số người khó hình dung các vật thể và không gian trừu tượng, nhưng đối với ông nó rất dễ dàng.

Ông đã chiếm được cảm tình và lòng biết ơn của Philip qua việc ông xử lý đồng đồ nát; nhưng Philip vẫn chỉ coi ông là một thợ xây. Ông đã thuyết phục Philip là ông có khả năng thiết kế và xây dựng một nhà thờ chính tòa.

Vào một ngày chủ nhật, hai tháng sau khi Ellen bỏ đi, ông cảm thấy đã sẵn sàng để vẽ.

Ông làm một tấm đan bằng lau sậy và cành mềm, khoảng ba mét mỗi chiều, đóng khung bằng gỗ xung quanh để nó trông giống như cái khay. Rồi ông đốt cháy một số phần vôi, trộn lẫn với một số thạch cao, và đổ vào khay. Và khi hỗn hợp đã khô, ông dùng một cây kim vẽ lên đó. Ông dùng

một thước bằng sắt cho những đường thẳng, dùng một góc sắt cho những cạnh vuông và com-pa cho những đường vòng.

Ông muốn thực hiện ba bản vẽ: một tiết diện để cắt nghĩa nhà thờ sẽ được xây như thế nào; một mặt thẳng để minh họa tỷ lệ đẹp của nó; và một mặt bằng để tỏ rõ phòng ốc. Ông bắt đầu với thiết kế tiết diện.

Ông tưởng tượng nhà thờ chính tòa là một ổ bánh mì dài, rồi ông cắt lớp vỏ đầu phía tây để nhìn vào bên trong, và ông bắt đầu vẽ.

Nó rất đơn giản. Ông vẽ một cổng vòm có mái phẳng. Đó là gian giữa, nhìn từ cuối nhà thờ vào. Nó cũng có một trần bằng gỗ, giống như nhà thờ cũ. Tom rất muốn xây một mái vòm cong bằng đá, nhưng ông biết Philip không có khả năng để chi phí cho việc đó.

Trên đỉnh gian giữa ông vẽ một mái nhà hình tam giác. Chiều rộng của tòa nhà sẽ được xác định bởi chiều rộng của mái nhà, và ngược lại nó bị giới hạn bởi số gỗ có sẵn. Rất khó để có được những xà ngang dài hơn ba mươi lăm mét – và chúng rất mắc, vì những gỗ tốt rất có giá nên chủ nhân của nó đã chặt sớm và đem bán trước khi nó đủ cao. Gian giữa của ngôi nhà thờ có lẽ sẽ là ba mươi hai thước.

Gian giữa ông phác họa rất cao, cao bao nhiêu có thể. Nhưng nhà thờ chính tòa phải là một tòa nhà ẩn tượng, tạo nên sự kính sợ với kích thước của nó, hướng mắt mọi người lên trời với độ cao của nó. Một lý do thu hút nhiều người đến nhà thờ chính tòa là vì nó lớn nhất trong thời kỳ đó. Một người chưa bao giờ đến nhà thờ chính tòa, người đó trải qua một cuộc đời mà chẳng bao giờ thấy một tòa nhà còn lớn hơn túp lều họ đang ở.

Thật không may, tòa nhà Tom định vẽ có trọng lượng của chì và gỗ trên mái nhà quá nặng, vì thế các bức tường sẽ phình ra hai bên và sụp xuống. Chúng phải có cột đỡ.

Vì mục đích này, Tom vẽ hai đường đi có mái vòm, cao bằng nửa gian giữa và ở hai bên. Đây là hai gian phụ. Chúng có trần cong bằng đá: bởi vì gian phụ thấp và rộng nên chi phí cho đá không tốn nhiều. Mỗi gian phụ có một mái nhà dốc.

Các gian phụ, liên kết với gian giữa bằng mái vòm đá, sẽ hỗ trợ gian giữa, nhưng chúng không cao đủ. Tom phải xây thêm những hỗ trợ khác,

chia thành khoảng cách đều đặn, trong khoảng trống của mái gian phụ, bên trên những xà ngang và dưới mái nhà. Ông vẽ một vòm bằng đá bắt đầu từ đỉnh tường của gian phụ sang tới tường của gian giữa. Đầu cuối của thanh hỗ trợ dựa trên tường gian phụ, nơi đó ông xây một cái đòn phụ nhô ra từ bên cạnh bức tường bên ngoài nhà thờ. Ông đặt một tháp nhỏ trên đầu đòn để tăng thêm trọng lượng và trang trí cho nó đẹp hơn.

Một nhà thờ cao uy nghi mà không có những yếu tố tăng cường của gian phụ, các thanh hỗ trợ và các đòn phụ thì không thể đứng vững được; nhưng điều đó khó mà cắt nghĩa cho một tu sĩ, vì thế ông vẽ phác thảo để làm cho nó rõ ràng hơn.

Ông cũng vẽ nền móng, sâu dưới bức tường. Những ai không hiểu về xây dựng thường ngạc nhiên về độ sâu của nền móng.

Nó là một bản vẽ đơn giản, quá đơn giản mà thợ xây tổng thể chính không cần đến, nhưng nó cần thiết để trình bày cho Tu viện trưởng Philip. Tom muốn ông hiểu những gì được đề xuất, hình dung ra tòa nhà và thích thú về nó. Rất khó để tưởng tượng một ngôi nhà thờ lớn, vững chắc khi mà trước mặt bạn chỉ là một vài đường vẽ trên tấm thạch cao. Philip sẽ cần tất cả sự hướng dẫn mà Tom có thể cho ông.

Bức tường ông vẽ trông vững chắc, nhìn từ ngoài vào, nhưng thực tế nó không phải như vậy. Bây giờ Tom bắt đầu vẽ hình trông nghiêng của bức tường gian giữa, nhìn từ bên trong nhà thờ. Chúng có ba bậc: Bậc thấp nhất không thể gọi là tường, vì chúng là những hàng cột mà đầu cột nối với nhau bằng mái vòm tròn. Nó được gọi là đường có mái vòm và qua nó có thể nhìn thấy những cửa sổ đầu tròn của gian phụ. Cửa sổ và đường có mái vòm phải hợp với nhau để ánh sáng có thể chiếu vào gian giữa. Những cột trụ ở gian giữa sẽ thẳng hàng với trụ đỡ trên bức tường bên ngoài.

Bên trên mỗi mái vòm của đường đi là một hàng ba mái vòm nhỏ tạo thành một hành lang trên lầu, nơi các tín hữu có thể đứng tham dự thánh lễ. Ánh sáng không xuyên qua đó, bởi vì đằng sau chúng là mái nhà của gian phụ. Bên trên hành lang đó là bức tường có cửa sổ cho ánh sáng chiếu vào gian giữa.

Vào thời điểm khi nhà thờ chính tòa Kingsbridge cũ được xây dựng, các thợ xây cho rằng bức tường dày sẽ mạnh mẽ, vì thế họ sợ không dám làm nhiều cửa sổ lớn, nên ánh sáng cũng không vào được. Những thợ xây tân thời hiểu rằng một tòa nhà đủ vững vàng nếu bức tường của nó thẳng và chắc chắn.

Tom phác họa ba bậc của bức tường gian giữa – đường có mái vòm của gia phụ, hành lang trên lầu và bức tường có cửa sổ lấy ánh sáng phía trên – chính xác theo đúng tỷ lệ 3:1:2. Đường mái vòm là một nửa chiều cao của bức tường, và đường hành lang trên lầu bằng một phần ba phần còn lại. Mọi sự trong nhà thờ đều theo sát tỷ lệ: nó cho tòa nhà một cảm giác nhẹ nhàng. Nghiên cứu lại bản vẽ, Tom cho rằng nó hoàn toàn thanh nhã. Nhưng không biết Philip sẽ nghĩ gì? Tom có thể nhìn thấy mái vòm, từ hàng trước đến hàng sau cùng, như đi diễn hành theo chiều dài của nhà thờ trong nắng chiều, với những khuôn đúc và trạm trổ. Nhưng Philip có thấy như vậy không?

Ông bắt đầu với bản vẽ thứ ba, đó là mặt bằng của nhà thờ. Trong trí tưởng tượng ông thấy mười hai mái vòm trong đường đi. Nhà thờ như thế bị chia thành mười hai nhịp hay ô. Gian giữa có sáu nhịp và bốn nhịp ở gian cung thánh. Ở nhịp thứ bảy và tám là khu trung tâm, từ đó hướng ra hai phía tạo thành hai gian ngang. Bên trên khu trung tâm vươn lên một tháp cao.

Tất cả nhà thờ chính tòa, và hầu như các nhà thờ khác cũng vậy, thường có mặt bằng hình chữ thập. Hình thánh giá là biểu tượng quan trọng nhất của Kitô giáo, nhưng nó còn có lý do thực dụng nữa: Các gian ngang tạo nên các không gian hữu ích cho các nhà nguyện phụ, văn phòng, cũng như phòng mặc áo lễ.

Sau khi vẽ xong mặt bằng nhà thờ, Tom trở lại với bản vẽ chính, cho thấy bên trong của nhà thờ nhìn từ cuối nhà thờ lên. Bây giờ ông vẽ tháp chuông vươn lên trên và đằng sau gian giữa.

Tháp nhà thờ phải cao hơn gian giữa ít nhất là một rưỡi hoặc cao gấp đôi. Mấu chốt nhất tạo cho tòa nhà một nét đặc sắc hấp dẫn cân đối, trong đó các gian phụ, gian chính và tháp nhà thờ cao theo tỷ lệ 1:2:3. Tháp nhà

thờ cao sẽ ấn tượng hơn, bởi vì gian chính sẽ gấp đôi gian phụ, và tháp gấp đôi gian chính, tỷ lệ sẽ là 1:2:4. Tom chọn mẫu ấn tượng: đây là nhà thờ chính tòa duy nhất mà ông xây, và ông muốn nó vươn lên tới trời. Ông hy vọng Philip sẽ cảm thấy như vậy.

Nếu Philip chấp nhận dự án, dĩ nhiên Tom sẽ vẽ nó lại một lần nữa, cẩn thận hơn và chính xác với kích thước. Và còn nhiều thứ phải vẽ: bệ cột, cột, khung cửa, tháp nhỏ, cầu thang, tượng đầu thú vật và vô số các chi tiết khác nữa – Tom sẽ phải vẽ hàng năm. Nhưng những gì ông có trước mặt là cái cốt yếu của tòa nhà, và nó mang những yếu tố: đơn giản, rẻ tiền, thanh thoát và hoàn toàn theo tỷ lệ.

Ông nóng lòng muốn chỉ cho ai đó xem.

Ông tìm kiếm một thời điểm thuận tiện để đem nó đến Philip; nhưng bây giờ đã xong, ông muốn Philip thấy nó ngay lập tức.

Philip có nghĩ là ông kiêu ngạo không? Tu viện trưởng không yêu cầu ông chuẩn bị bản vẽ. Có lẽ trong đầu ông đã có một thợ xây dựng chính khác, người có nhiều kinh nghiệm hơn ông. Ông ấy có thể khinh miệt cố gắng của Tom.

Ngược lại, nếu Tom không chỉ gì cho Philip, ông ấy có thể nghĩ Tom không đủ khả năng thiết kế, và có thể mượn người nào đó mà không hỏi ý kiến của Tom. Tom thà bị coi là tự phụ hơn là bị người nào đó cướp mất công việc. Buổi chiều trời vẫn còn nắng. Philip chắc ở trong nhà tu viện trưởng, đọc Kinh thánh. Tom quyết định đến gõ cửa phòng ông.

Cẩn thận mang theo bản vẽ, ông ra khỏi nhà.

Khi ông đi ngang qua khu đổ nát, viễn tượng có thể xây một nhà thờ mới dường như có vẻ khó khăn: tất cả những hòn đá to, tất cả những xà ngang gỗ, tất cả những thợ thủ công, và cần biết bao năm tháng... Ông phải kiểm tra lại tất cả, tìm kiếm nguồn nguyên liệu ổn định, giám sát chất lượng gỗ và đá, mượn và sa thải nhân công, không một mối kiểm soát công việc của thợ bằng hòn rọi và thước nước, làm mẫu cho khuôn đúc, vẽ kiểu và chế tạo máy nâng... Ông tự hỏi không biết ông có chu toàn được không.

Rồi ông nghĩ, nó sẽ sung sướng làm sao khi tạo nên được cái gì đó từ đồng gạch vụn, khi một ngày nào đó trong tương lai được nhìn thấy ngôi

nhà thờ mới mọc lên trên đồng điêu tàn, và có thể nói: Tôi đã xây nó.

Ngoài ra còn một ý nghĩ khác trong trí ông, dấu ẩn trong góc sâu bụi bặm; một cái mà ông khó thú nhận với chính mình. Agnes đã chết không có phép lành của linh mục, và bà được chôn cất ở một nơi không phải là đất thánh. Ông rất muốn trở lại mộ bà, mang theo một linh mục để cầu nguyện cho bà và đặt lên đó một bia mộ nhỏ; nhưng ông sợ rằng khi ông gọi sự chú ý đến nơi chôn cất của bà, một cách nào đó câu chuyện của đứa bé bị bỏ rơi có thể bị phơi bày ra ánh sáng. Bỏ rơi một đứa bé được coi là tội giết người. Khi nhiều tuần lễ đã trôi qua, ông lo sợ nhiều hơn về linh hồn của Agnes, và nơi chôn bà có phải là nơi tốt không. Ông không dám hỏi linh mục về chuyện đó vì ông không muốn kể chi tiết. Nhưng ông tự an ủi mình rằng nếu ông xây được một ngôi nhà thờ chính tòa, Thiên Chúa chắc chắn sẽ ân huệ cho ông; và ông thắc mắc không biết ông có thể xin cho Agnes nhận được ân huệ đó thay ông không. Nếu ông có thể cống hiến công việc xây nhà thờ cho Agnes, ông cảm thấy linh hồn của bà được thanh thoát và bà có thể an nghỉ.

Ông đến nhà tu viện trưởng, một nhà bằng đá trên đất bằng. Cửa mở, mặc dù hôm đó là một ngày trời lạnh. Ông do dự. Ông tự nhủ lòng: Bình tĩnh, năng lực, kiến thức, chuyên môn. Một chuyên gia về mọi lãnh vực của một tòa nhà hiện đại. Một người mà bạn có thể tin tưởng.

Ông bước vào. Nhà chỉ có một phòng. Một bên kê chiếc giường lớn với màn cửa sang trọng, phía kia là một bàn thờ nhỏ với tượng Thánh giá và chân nến. Tu viện trưởng đứng ở cửa sổ, đọc một bản viết trên giấy da, vàng trán nhăn nheo lo lắng. Ông nhìn lên, mỉm cười với Tom. “Ông có cái gì đó?”

“Bản vẽ, thưa cha,” Tom nói và cố giữ giọng bình tĩnh, rõ ràng. “Bản vẽ của nhà thờ chính tòa mới. Tôi có thể chỉ cho ông không?”

Philip vừa tỏ vẻ ngạc nhiên, vừa tò mò. “Dĩ nhiên,” ông nói.

Trong góc có một bức lớn. Tom đem nó đến bên cửa sổ có ánh sáng và đặt tấm thạch cao lên trên. Philip nhìn vào bản vẽ. Tom quan sát nét mặt ông. Tom có thể nhận ra rằng tu viện trưởng chưa bao giờ nhìn thấy một

bản vẽ mặt thẳng, mặt bằng và mặt cắt nhìn xuyên qua tòa nhà. Ông cau mày.

Tom bắt đầu cắt nghĩa. Ông chỉ vào bản mặt thẳng. “Ông đang đứng ở trung tâm gian giữa, nhìn vào bức tường,” Tom nói. “Đây là hàng cột của đường đi có mái vòm. Chung nối với nhau bởi mái vòm. Qua đường mái vòm, ông có thể nhìn thấy cửa sổ trong gian phụ. Bên trên đường mái vòm là hành lang, và bên trên đó là khoảng tường có hàng cửa sổ.”

Nét mặt của Philip rạng rỡ. Ông bắt đầu hiểu và ông có thể học nhanh chóng. Ông nhìn bản vẽ mặt bằng, và Tom có thể nhìn thấy vẻ bối rối của ông.

Tom nói: “Khi chúng ta đi chung quanh khu vực, và đánh dấu nơi đâu bức tường sẽ được xây, nơi đâu cột trụ sẽ được dựng và vị trí cửa ra vào và trụ tường, chúng ta sẽ có một bản vẽ giống thế này, và nó sẽ cho chúng ta biết nơi đâu phải đóng cọc và căng dây.”

Khuôn mặt Philip lại tươi ra. Tom nghĩ, việc Philip không hiểu bản vẽ ngay là một cơ hội tốt cho ông, vì qua đó Tom có thể chứng tỏ được sự đáng tin và khả năng của ông. Sau đó Philip nhìn vào bản vẽ mặt cắt. Tom cắt nghĩa: “Đây là ở giữa gian chính, có mái gỗ. Đằng sau gian chính là tháp nhà thờ. Đây là gian phụ, ở hai bên gian chính. Ở cạnh bên ngoài của gian phụ là trụ tường.”

“Trông có vẻ lộn lầy,” Philip nói. Bản vẽ mặt cắt ấn tượng ông hơn cả. Nó giống như mặt tiền phía tây được mở ra, giống như cửa tủ mở và người ta có thể nhìn vào phía trong.

Ánh mắt Philip lại quay về với bản vẽ mặt bằng. “Gian chính chỉ có sáu ô sao?”

“Vâng, gian cung thánh có bốn ô.”

“Nó có quá nhỏ không?”

“Ông có thể chi phí cho một công trình lớn hơn không?”

“Tôi không có khả năng xây dựng cái gì cả,” Philip nói. “Ông có biết dự án ông đang có đây sẽ tốn bao nhiêu không?”

“Tôi biết chắc chắn phí tổn xây dựng của nó,” Tom nói. Ông nhìn thấy nét kinh ngạc trên mặt Philip: Ông đã không ngờ Tom biết tính toán. Tom

đã dành nhiều giờ tính toán đến đồng xu cuối cùng cho dự án của ông. Tuy nhiên, ông đưa cho Philip một con số chẵn. “Nó sẽ không tốn hơn ba ngàn.”

Philip cười. “Tôi đã tốn cả hàng tuần qua để tính toán tiền thu nhập hàng năm của tu viện.” Ông vấy bản giấy da mà ông đang đọc một cách lo lắng khi Tom bước vào. “Đây là câu trả lời. Ba trăm trong một năm. Chúng tôi tiêu hết từng đồng xu.”

Tom không ngạc nhiên. Trong thời gian qua tu viện đã được điều hành một cách yếu kém, điều đó quá rõ. Ông tin rằng Philip sẽ cải tổ kinh tế tu viện. “Ông sẽ tìm được tiền, thưa cha,” ông nói. “Với sự giúp đỡ của Chúa,” ông thêm vào.

Philip lại nhìn vào bản vẽ, ông chưa chắc chắn. “Cần bao nhiêu năm để xây nhà thờ này?”

“Nó tùy thuộc vào số nhân công,” Tom nói. “Khi ông muốn ba mươi thợ xây, cùng với những người làm công nhật, thợ học nghề, thợ mộc và thợ rèn phụ việc với họ, thời gian hoàn thành sẽ mất mười lăm năm: một năm cho chân móng, bốn năm cho gian cung thánh, bốn năm cho hai gian ngang và sáu năm cho gian chính.”

Một lần nữa Philip nhìn ấn tượng. “Tôi ước muốn ban lãnh đạo trong tu viện của tôi có khả năng tính toán và dự phóng trước như ông,” ông nói. Ông đảm chiêu nghiên cứu bản vẽ. “Vì thế mỗi năm tôi phải tìm ra hai trăm đồng. Khi chúng ta tính như vậy, nghe nó không có vẻ khó lắm.” Ông ngẫm nghĩ. Tom phấn khởi: Philip đã bắt đầu nghĩ về nó như là một dự án có thể thực hiện, không phải chỉ là một thiết kế trừu tượng. “Giả sử tôi có nhiều tiền hơn, việc xây dựng có nhanh hơn không?”

“Đến một giới hạn nào đó,” Tom trả lời thận trọng. Ông không muốn làm cho Philip quá lạc quan, vì nó có thể gây thất vọng. “Ông có thể muốn sáu mươi thợ, và xây toàn bộ nhà thờ cùng lúc, thay vì xây từ đông sang tây; và nó sẽ mất khoảng tám đến mười năm. Nhiều hơn sáu mươi người, trong một kích thước xây dựng như thế này, họ sẽ dẫm chân lên nhau và làm chậm tiến độ.”

Philip gật đầu. “Nếu tôi chỉ có ba mươi thợ xây, phần nhà thờ phía đông sẽ hoàn tất trong năm năm?”

“Vâng, và ông có thể sử dụng nó cho các giờ kinh, và thiết lập một bàn thờ cho xương thánh Adolphus.”

“Thật sao!” Philip thật sự hào hứng. “Tôi đã nghĩ mười năm nữa chúng tôi mới có nhà thờ mới.” Ông nhìn Tom thăm dò. “Trước đây ông đã xây nhà thờ chính tòa chưa?”

“Chưa, nhưng tôi đã thiết kế và xây nhiều nhà thờ nhỏ. Ngoài ra tôi làm việc nhiều năm ở nhà thờ chính tòa Exeter, với nhiệm vụ là trợ tá cho thợ xây dựng tổng thể chính.”

“Ông muốn tự mình xây nhà thờ chính tòa này, phải không?”

Tom ngập ngừng. Ông biết ông nên thẳng thắn với Philip, một người không có kiên nhẫn cho chuyện vòng vo. “Vâng, thưa cha. Tôi muốn ông chỉ định tôi làm thợ xây dựng tổng thể chính,” ông nói bình tĩnh bao nhiêu có thể.

“Tại sao?”

Tom không ngờ Philip lại đặt câu hỏi đó. Có nhiều lý do. Bởi vì tôi đã nhìn thấy nhiều nhà thờ chính tòa xấu và tôi có thể xây đẹp hơn, ông nghĩ. Bởi vì đối với một nghệ nhân bậc thầy không có gì thỏa mãn hơn, có lẽ ngoại trừ tình yêu đối với một phụ nữ đẹp, là được thực hiện kỹ năng của mình. Bởi vì những việc như vậy cho cuộc đời con người ý nghĩa. Philip muốn câu trả lời nào? Tu viện trưởng có lẽ muốn ông nói điều gì đạo đức. Không ngần ngại, ông nói sự thật. “Bởi vì nó sẽ rất đẹp,” ông nói.

Philip lạnh lùng nhìn ông. Tom không thể nói ông tức giận hay ông nghĩ gì. “Bởi vì nó sẽ rất đẹp,” Philip lặp lại. Tom bắt đầu cảm thấy nó thật ngớ ngẩn, và muốn nói thêm điều gì đó, nhưng ông không biết nói gì. Nhưng sau đó ông nhận ra rằng Philip thật sự không nghi ngờ gì hết. Lời nói của Tom đánh động tâm hồn ông. Sau cùng Philip gật đầu, như tỏ vẻ đồng ý sau khi đắn đo. “Vâng, và còn gì tốt hơn là làm những điều đẹp đẽ cho Thiên Chúa?” Tom nói.

Tom vẫn yên lặng, chờ đợi Philip nói câu: “vâng, ông sẽ là thợ cả.”

Philip dường như đi đến quyết định. “Tôi đang chuẩn bị cùng với giám mục Waleran đến gặp vua ở Winchester trong ba ngày nữa,” ông nói. “Tôi không biết dự định của giám mục, nhưng tôi chắc chắn chúng tôi sẽ xin vua Stephen giúp đỡ trong việc xây dựng nhà thờ mới cho Kingsbridge.”

“Chúng tôi mong nhà vua sẽ chấp nhận ước muốn của ông,” Tom nói.

“Vua còn nợ chúng ta một đặc ân,” Philip nói với một nụ cười bí ẩn. “Ông phải giúp chúng ta.”

“Và nếu ông ấy giúp?” Tom nói.

“Tôi nghĩ Chúa đã gửi ông đến cho tôi với một mục đích, thợ xây Tom ạ,” Philip nói. “Nếu vua Stephen trợ cấp chúng ta tiền bạc, ông có thể xây nhà thờ.”

Đến lượt Tom cảm động. Ông không biết phải nói gì. Ông đạt được ước mơ trong đời – tuy còn tùy thuộc vào điều kiện. Mọi sự tùy thuộc vào sự trợ giúp của vua. Ông gật đầu, chấp nhận lời hứa và mạo hiểm. “Cảm ơn cha,” ông nói. Chuông đổ báo hiệu giờ kinh tối. Tom thu dọn bản vẽ.

“Ông có cần nó không?” Philip hỏi.

Tom nhận ra rằng để bản vẽ ở lại đây thì tốt hơn. Nó sẽ luôn nhắc nhở Philip. “Không, tôi không cần nó,” ông nói. “Tôi có nó trong đầu.”

“Tốt, tôi sẽ giữ nó ở đây.”

Tom gật đầu và đi ra cửa. Ông chợt nghĩ nếu ông không hỏi về Agnes bây giờ, có lẽ ông sẽ chẳng bao giờ hỏi nữa. Ông quay lại.

“Thưa cha,”

“Vâng?”

“Vợ trước của tôi... bà tên là Agnes... bà đã chết mà không được linh mục làm phép và không được chôn ở đất thánh. Bà không có tội, nó chỉ là ... do hoàn cảnh. Tôi phân vân... Một đôi khi một người xây một nhà nguyện, hay thành lập một tu viện trong hy vọng rằng đời sau Thiên Chúa sẽ nhớ đến lòng đạo đức của họ. Ông có nghĩ rằng thiết kế của tôi có giúp cứu linh hồn Agnes không?”

Philip nhăn trán. “Abraham được yêu cầu dâng đứa con duy nhất. Thiên Chúa không bao giờ đòi hỏi của lễ bằng máu nữa, bởi vì của lễ lớn lao nhất đã được dâng tiến. Nhưng câu chuyện Abraham muốn nói lên ý nghĩa là

Thiên Chúa đòi hỏi những gì tốt nhất chúng ta có, những gì quý giá trong trái tim chúng ta. Có phải thiết kế này là cái tốt nhất ông có thể dâng lên Thiên Chúa không?”

“Ngoại trừ các con tôi, vâng.”

“Vậy hãy yên tâm, thợ xây Tom ạ. Chúa sẽ chấp nhận điều ông dâng Chúa.”

II

Philip không hiểu tại sao Waleran Bigod muốn gặp ông tại tại lâu đài đồ nát của Bá tước Bartholomew.

Ông buộc phải đến thị trấn Shiring và qua đêm ở đó, rồi sáng nay lên đường tới lâu đài bá tước. Khi con ngựa từ từ chạy đến và tòa lâu đài lờ mờ hiện ra trong sương mù buổi sáng, ông đoán ra nó có thể vì thuận lợi: Waleran trên đường từ chỗ này đến chỗ kia, vì thế qua đây gần hơn là đến Kingsbridge, và lâu đài là một nơi dễ đến.

Philip muốn biết nhiều hơn về những dự định của Waleran. Từ ngày Waleran đến thăm nhà thờ cũ bị cháy đến nay, Philip không gặp lại ông. Waleran không biết Philip cần bao nhiêu tiền để xây nhà thờ, và Philip cũng không biết Waleran dự định muốn yêu cầu gì nơi vua. Dường như Waleran muốn giữ ý định riêng cho mình. Điều đó làm Philip lo âu.

Ông mừng vì thợ xây Tom đã cho ông biết về phí tổn cần thiết để xây dựng nhà thờ mới. Một lần nữa ông lại vui vì có Tom bên cạnh. Tom là người của ngạc nhiên. Ông không biết đọc và viết, nhưng ông có thể thiết kế nhà thờ, vẽ dự án, tính toán số nhân công và thời gian xây dựng, và tính ra được chi phí cần thiết cho toàn bộ công trình. Ông là một người trầm tĩnh, mặc dù bên ngoài trông ông đáng sợ: ông cao lớn, đầy râu, mặt rạm nắng, đôi mắt sắc sảo và vầng trán cao. Một đôi khi Philip cảm thấy như bị đe dọa bởi Tom và ông cố gắng trấn tĩnh bằng giọng nói chân thành. Nhưng

Tom rất nghiêm nghị. Cuộc đàm thoại về người vợ của ông thật cảm động, và nó biểu lộ lòng đạo đức mà trước đó ông chưa bao giờ tỏ ra. Tom là một trong những người giữ niềm tin tôn giáo của mình sâu thẳm trong tim. Một đôi khi họ là những người tốt nhất.

Khi Philip đến lâu đài, tâm hồn ông trĩu nặng. Trước đây nó là một lâu đài thịnh vượng, có thành trì bảo vệ khu vực xung quanh, tạo công ăn việc làm cho bao nhiêu người trong vùng. Bây giờ nó chỉ còn là đồng cỏ nát, những túp lều chung quanh chân tường đã thành hoang phế, giống như các cành cây trụi lá vào mùa đông. Và Philip chịu trách nhiệm về nó. Ông đã tiết lộ âm mưu được cửu mang nơi đây, và đã kéo cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, qua Percy Hamleigh, đến trên lâu đài và cư dân nơi đây.

Ông nhận ra bức tường thành và nhà khách không bị tổn thất nhiều trong cuộc chiến. Nó có nghĩa là kẻ tấn công đã vào bên trong trước khi cổng thành có thể đóng lại. Ông đi ngựa qua cây cầu gỗ vào trong sân thứ nhất của lâu đài. Nơi đây chứng tích cuộc chiến rõ ràng hơn: ngoài ngôi nhà nguyện bằng đá, tất cả những kiến trúc khác của lâu đài chỉ còn lại những thanh gỗ cháy dở ngổn ngang trên mặt đất, và một cơn gió nhẹ thổi bay những tro tàn dọc theo chân tường thành.

Không có dấu hiệu của giám mục. Philip đi ngựa qua sân, vượt qua cầu dẫn vào khu vực bên trên. Ở đây có một khu nhà ở bằng đá với một cầu thang bằng gỗ trông lỏng lẻo dẫn lên cửa vào lầu hai. Philip nhìn lên tường thành phòng thủ với những cửa sổ hẹp: mặc dù nó vĩ đại, nhưng nó vẫn không bảo vệ được Bartholomew.

Từ những cửa sổ này, ông có thể nhìn qua tường thành và quan sát giám mục đến. Ông cột con ngựa vào tay cầm của cầu thang và đi lên.

Khi ông vừa đứng nhẹ, cửa mở ra. Ông bước vào trong. Hội trường lớn tối tăm và bụi bặm, lò sưởi nguội lạnh, có một cầu thang xoắn ốc dẫn lên trên. Philip đi tới cửa sổ. Bụi làm ông khó chịu. Từ cửa sổ ông không nhìn thấy gì, nên ông quyết định lên tầng trên.

Trên đầu cầu thang xoắn, ông đối diện với hai cánh cửa. Ông đoán cửa nhỏ vào nhà vệ sinh và cửa lớn dẫn vào phòng ngủ bá tước. Ông đi vào cửa lớn.

Phòng không trống.

Philip ngừng lại, chết cứng. Ở đó, giữa phòng, đối diện với ông là một phụ nữ đẹp tuyệt vời. Lúc đầu ông tưởng mình đang mơ, và tim ông rộn ràng. Những lọn tóc đen gọn lên như đám mây bao phủ khuôn mặt mê hồn. Cô nhìn ông qua đôi mắt mở lớn, và ông nhận ra cô cũng giật mình giống như ông. Khi ông thoải mái ra và sắp bước vào phòng thì ông bị ghì chặt từ phía sau và cảm thấy một lưỡi kiếm lạnh đè vào cổ ông, và một giọng đàn ông hỏi: “Ông là ai?”

Cô gái di chuyển về phía ông. “Hãy nói tên ra, nếu không Matthew sẽ giết ông,” cô nói một cách uy quyền.

Thái độ của cô cho thấy cô thuộc gia đình quyền quý, nhưng ngay cả quyền quý cũng không được phép hăm dọa tu sĩ. “Hãy nói với Matthew bỏ tay ra khỏi tu viện trưởng của Kingsbridge, nếu không ông sẽ gặp khó khăn,” Philip điềm tĩnh nói.

Ông được trả tự do. Ông quay lưng lại và thấy một người đàn ông mảnh khảnh chạc tuổi ông. Matthew có lẽ từ nhà vệ sinh ra.

Ông quay lại phía cô gái. Cô khoảng mười bảy tuổi. Mặc dù cô kiêu kỳ, nhưng cô ăn mặc xoàng xĩnh. Khi ông đang quan sát cô, chiếc hòm sắt tường đằng sau cô mở lên và một cậu bé nhẩy ra, nhìn bên lên. Cậu cầm một thanh kiếm. Philip không biết cậu nằm trong đó chờ đợi hay vì ẩn trốn.

“Còn cô là ai?” Philip hỏi.

“Tôi là con gái của bá tước ở Shiring, tên tôi là Aliena.”

Con gái của bá tước! Philip nghĩ. Tôi không biết cô ta vẫn sống ở đây. Ông nhìn cậu con trai. Cậu khoảng mười lăm tuổi, trông giống cô gái, ngoại trừ mũi tẹt và mái tóc ngắn. Philip nhướng mắt hỏi cậu.

“Tôi là Richard, người thừa hưởng gia tài của bá tước,” cậu bé nói bằng giọng ồm ồm của tuổi dậy thì.

Đằng sau Philip, người đàn ông nói: “Còn tôi là Matthew, quản lý của lâu đài.”

Ba người này đã ẩn nấp ở đây từ khi Bá tước Bartholomew bị bắt, Philip nhận ra. Người quản lý chăm sóc các trẻ nhỏ: ông ta phải có một kho thực

phẩm và tiền bạc cất dấu. Philip quay về phía cô gái: “Tôi biết bố cô ở đâu nhưng mẹ cô đâu?”

“Mẹ tôi đã chết từ nhiều năm qua.”

Philip cảm thấy có lỗi. Những đứa trẻ giờ thành mồ côi, và một phần do lỗi của ông. “Cô không có họ hàng nào khác chăm sóc cho cô sao?”

“Tôi đang trông giữ lâu đài cho đến khi bố tôi trở về,” cô nói. Philip nhận ra chúng đang sống trong thế giới ảo tưởng. Chúng đang sống như chúng vẫn thuộc về một gia đình giàu có và quyền lực. Với người cha trong tù và bị giáng chức, cô là người con gái khác. Cậu con trai không còn thừa hưởng gì cả. Bá tước Bartholomew sẽ chẳng bao giờ trở về lâu đài này nữa, chỉ trừ khi nhà vua quyết định treo cổ ông ở đây. Ông thương hại cô, nhưng một cách nào đó ông thán phục ý chí mạnh mẽ của cô, một ý chí nuôi sống sự tưởng tượng và lôi kéo hai người khác theo. Cô phải là một nữ hoàng, ông nghĩ.

Từ bên ngoài văng về tiếng vó ngựa trên gỗ: nhiều con ngựa đang đi qua cây cầu gỗ. Aliena nói với Philip: “Tại sao ông lại đến đây?”

“Một cái hẹn,” Philip nói. Ông quay lại và bước về phía cửa, nhưng Matthew ngăn ông lại. Họ đứng yên lặng nhìn nhau. Bốn người trong phòng không động tĩnh. Philip tự hỏi có phải họ muốn chặn không cho ông đi. Nhưng rồi người quản lý đứng qua một bên.

Philip đi ra. Ông kéo vạt áo choàng và vội vã xuống thang. Khi ông xuống đến dưới, ông nghe thấy tiếng bước chân sau ông. Matthew bắt kịp ông.

“Đừng nói cho ai biết chúng tôi ở đây,” ông nói.

Philip nhận ra Matthew hiểu hoàn cảnh thực tế của họ. “Các ông muốn ở đây bao lâu?” Philip hỏi.

“ Bao lâu có thể,” người quản lý trả lời.

“Và nếu các ông phải đi, các ông sẽ đi đâu?”

“Tôi không biết.”

Philip gật đầu. “Tôi sẽ giữ bí mật,” ông nói.

“Cảm ơn cha.”

Philip đi ngang qua hội trường bụi bặm và ra ngoài. Nhìn xuống, ông thấy giám mục Waleran và hai người khác đang gìm cương gần con ngựa của ông. Waleran mặc một áo choàng nặng bằng lông màu đen và đội mũ lông đen. Ông nhìn lên và Philip bắt gặp đôi mắt tái nhợt của ông. “Kính chào giám mục,” Philip trân trọng nói. Ông xuống cầu thang gỗ. Hình ảnh cô gái trên lầu vẫn ám ảnh ông và ông không dễ đuổi nó ra khỏi đầu như ông muốn. Waleran xuống ngựa. Ông có hai người tùy tùng, Philip nhận ra: Dean Baldwin và người kỵ binh.

Ông gật đầu chào họ, rồi quỳ xuống hôn tay Waleran. Waleran chấp nhận sự kính trọng nhưng không quan tâm lắm: một lúc sau ông rút tay về. Ông thích quyền lực thực sự chứ không phải vỏ bên ngoài của nó.

“Ông chỉ đi có một mình, Philip?” Waleran hỏi.

“Vâng. Tu viện nghèo và đoàn tùy tùng đối với tôi là một phung phí. Khi tôi còn là tu viện trưởng của St. John ở trong rừng, tôi chẳng có hộ tống và tôi vẫn sống.”

Waleran nhún vai. “Đi theo tôi,” ông nói. “Tôi muốn chỉ ông điều này.” Ông đi qua sân tới tòa tháp gần nhất. Philip theo sau. Waleran vào qua cửa thấp ở chân tháp và trèo lên cầu thang bên trong. Những con giời treo mình trên mái trần thấp và Philip cúi đầu xuống, sợ đụng vào chúng.

Rồi họ lên đến đỉnh, đứng trên thành lũy nhìn qua vùng xung quanh.

“Đây là một trong những lãnh địa bá tước nhỏ nhất trong nước,” Waleran nói.

“Đúng vậy.” Philip rùng mình. Trên đó gió lạnh và ẩm ướt, và áo choàng của ông cũng không dày như của Waleran. Ông tự hỏi không biết Waleran muốn chỉ ông điều gì.

“Một vài mảnh đất màu mỡ, nhưng đa số là rừng và đất đá.”

“Vâng.” Vào một ngày đẹp trời, họ có thể thấy nhiều khu rừng và đồng ruộng, nhưng bây giờ, mặc dù sương mai đã tan, nhưng họ khó có thể nhận ra góc khu rừng phía nam và đồng cỏ xung quanh lâu đài.

“Lãnh địa này có một quặng mỏ sản xuất những tảng đá vôi thượng hạng,” Waleran tiếp tục. “Rừng của nó có nhiều gỗ tốt và nông trại của nó

tạo ra của cái đáng kể. Nếu chúng ta được lãnh địa này, Philip, chúng ta có thể xây nhà thờ chính tòa của chúng ta.”

“Nếu ngựa có cánh, chúng có thể bay,” Philip nói.

“Ôi, người yếu lòng tin!”

Philip nhìn chăm chăm vào Waleran. “Ông nói thật đấy chứ?”

“Rất thật.”

Philip vẫn còn hoài nghi, tuy vậy một hy vọng mong manh nẩy lên trong ông. Nếu điều này thành sự thật! Nhưng ông nói: “Vua cần sự hỗ trợ về quân sự. Ông ấy sẽ trao lãnh địa này cho người nào có thể đem quân ra trận.”

“Nhà vua mắc nợ giáo hội về vương miện của ông, và mắc nợ chúng ta về chiến thắng Bartholomew. Hiệp sĩ không phải là tất cả những gì ông ta cần.”

Waleran nói nghiêm trang, Philip nhận ra. Điều ấy có thể không? Nhà vua có thể trao lãnh địa của Shiring cho giáo hội, để tài trợ kinh tế cho việc xây nhà thờ chính tòa Kingsbridge không? Khó có thể tin được, mặc dù lập luận của Waleran là hợp lý. Nhưng Philip không thể ngừng tưởng tượng nó sẽ tuyệt vời làm sao nếu có được đá, gỗ và tiền trả cho thợ; và Philip nhớ Tom nói rằng ông có thể mượn sáu mươi thợ và hoàn thành nhà thờ trong tám đến mười năm. Chỉ nghĩ về nó thôi đã thấy thú vị.

“Nhưng còn cừu bá tước sẽ ra sao?” ông hỏi.

“Bartholomew đã thú nhận tội phản quốc. Ông không bao giờ chối tội mưu phản, nhưng ông cho rằng những gì ông làm không phải là phản quốc, vì Stephan là một kẻ cướp ngôi. Tuy nhiên, sự tra tấn của nhà vua đã làm ông đầu hàng.”

Philip rùng mình và không dám nghĩ họ đã làm gì Bartholomew để một người đàn ông cứng rắn như ông ấy phải thay đổi. Ông đuổi tư tưởng này ra khỏi đầu. “Lãnh địa của Shiring,” ông lẩm bẩm. Nó là một yêu cầu vô cùng tham vọng. Nhưng ý tưởng này đáng sợ. Ông cảm thấy đầy sự lạc quan vô lý.

Waleran ngược nhìn bầu trời. “Chúng ta hãy đi,” ông nói. “Nhà vua đợi chúng ta ngày kia.”

William Hamleigh quan sát hai người của Chúa từ nơi cậu ẩn nấp đằng sau tường lũy của tháp bên cạnh. Cậu biết cả hai người. Người cao ráo, người giống như con chim đen với chiếc mũi nhọn và áo khoác đen, là giám mục mới của Kingsbridge. Người nhỏ, hăng hái với đầu trọc và mắt xanh sáng là Tu viện trưởng Philip. William tự hỏi họ làm gì ở đây.

Cậu đã quan sát vị tu sĩ khi ông vào, nhìn quanh như thể ông muốn tìm ai rồi đi vào khu nhà. William không đoán được Philip có gặp ba người kia không – ông chỉ vào trong đó một lúc và những người kia chắc đã tránh ông. Khi giám mục đến, Tu viện trưởng Philip đã bước ra và cả hai trèo lên tháp. Bây giờ giám mục chỉ vào các mảnh đất xung quanh lâu đài thân thuộc như mảnh đất này là của ông. Qua cách đứng và cử chỉ của họ, William có thể nhận ra là giám mục đang sôi nổi và tu viện trưởng hoài nghi. Họ đang có một âm mưu, William chắc chắn điều đó.

Tuy nhiên, cậu đến đây không phải để theo dõi họ mà để theo dõi Aliena.

Cậu đã làm việc này càng ngày càng thường xuyên hơn. Cô săn đuổi cậu trong tâm trí mọi nơi mọi lúc, và cậu đau khổ trong những giấc mơ ban ngày, trong những giấc mơ mà cậu thấy Aliena bị trói và trần truồng trong cánh đồng lúa mì, hay co rúm như con chó sợ hãi trong góc phòng ngủ, hay bị lạc trong rừng vào buổi chiều tối. Nó trầm trọng đến nỗi cậu muốn thấy cô bằng xương bằng thịt. Cậu đã đến lâu đài lãnh chúa từ sáng sớm, để Walter, người cận vệ, ở lại trông coi ngựa trong rừng, và một mình cậu đi qua cánh đồng đến lâu đài. Cậu lén vào trong tìm được một chỗ nấp, từ đó cậu có thể quan sát khu nhà ở và khu nhà phía trên. Một đôi khi cậu phải chờ lâu mới thấy cô. Sự kiên nhẫn của cậu bị thử thách rất nhiều, nhưng mà đi về mà không thoáng được nhìn thấy cô thì còn đau khổ hơn, vì thế mà cậu luôn ở lại. Rồi, khi cô xuất hiện, cổ họng cậu khô cứng, tim cậu đập nhanh hơn, và bàn tay ẩm ướt. Thường cô đi với em trai hay với người quản lý nữ tính, nhưng một đôi khi cô đi một mình. Một buổi chiều mùa hè, khi cậu đã đợi cô từ buổi sáng sớm, cô đi đến giếng lấy nước, cởi bỏ quần áo và tắm rửa. Chỉ nhớ lại cảnh đó cũng đủ đốt cháy cậu. Cô có bộ ngực sâu, kiêu hãnh chuyển động một cách khêu gợi khi cô nâng bàn tay để chà xà bông vào tóc. Nắm vú cô co lại khi cô tạt nước lạnh lên mình. Đám lông

đen quần xoắn giữa hai chân cô rậm rạp, và khi cô tắm rửa ở chỗ đó, chà mạnh với bàn tay đầy xà bông, William không còn kiểm soát được mình và xuất tinh trong quần.

Kể từ đó không còn gì đẹp xảy ra nữa, và cô chắc chắn sẽ không tắm trong mùa đông, nhưng cũng có những thú vui nhỏ hơn. Khi ở một mình, cô hát và ngay cả nói chuyện với chính mình. William nhì thấy cô bện tóc, nhảy múa và đuổi chim bồ câu ra khỏi tường thành như một đứa nhỏ. Bí mật quan sát cô làm những chuyện riêng tư như vậy, William cảm thấy một cảm giác quyền lực trên cô, một cảm giác cho cậu sự thích thú.

Dĩ nhiên cô không thể xuất hiện, bao lâu vị giám mục và tu sĩ còn ở đây. May mắn là họ không ở lâu. Họ rời thành lũy nhanh chóng và vài phút sau cùng với đoàn tùy tùng cười ngựa ra khỏi lâu đài. Họ đến đây để chỉ ngắm phong cảnh từ thành lũy? Nếu chỉ có vậy, một phần nào họ đã thất vọng vì thời tiết xấu.

Người quản lý đã ra lấy củi cho lò sưởi trước đó, trước khi các khách đến thăm. Ông nấu ăn trong pháo đài. Chẳng bao lâu sau ông lại ra lấy nước ở giếng. William đoán họ ăn cháo vì họ không có lò để nướng bánh. Trẻ hơn trong ngày, người quản lý sẽ rời lâu đài, một đôi khi ông mang theo cậu nhỏ. Một khi họ đã đi thì việc Aliena xuất hiện chỉ còn là vấn đề thời gian.

Khi cậu chán nản vì chờ đợi, William sẽ nhớ lại cảnh cô tắm. Hình ảnh trong ký ức gần như ảnh thật. Nhưng hôm nay cậu không an tâm. Chuyển viếng thăm của giám mục và tu viện trưởng dường như làm mất đi bầu khí. Cho đến nay luôn có một bầu khí mê hoặc về lâu đài và ba cư dân sống trong đó, nhưng sự xuất hiện của những người này trên những con ngựa vẩy bùn của họ đã bẻ gãy sức quyến rũ của nó. Nó giống như một giấc mơ tuyệt vời giữa đêm bị quấy rầy bởi tiếng động: cố gắng bao nhiêu có thể, cậu vẫn không ngủ mê lại được.

Cậu cố gắng đoán những gì các vị khách dự định, nhưng cậu không hiểu được. Cậu chắc chắn một điều là họ đang âm mưu chuyện gì đó. Có một người có thể giải được: mẹ cậu. Cậu quyết định bỏ theo dõi Aliena và về nhà báo cho mẹ những gì cậu nhìn thấy.

Họ đến Winchester vào chiều tối ngày hôm sau. Họ vào qua cửa thành, bên bức tường phía nam của thành phố, và đi ngay đến sân nhà thờ chính tòa. Ở đây họ chia tay nhau. Waleran đến tòa giám mục của Winchester, một dinh thự trên khu đất gần sân nhà thờ chính tòa. Philip đến chào tu viện trưởng và xin một tấm nệm trong nhà ngủ tu sĩ.

Sau ba ngày trên đường, Philip thấy sự bình an và yên tĩnh của tu viện làm ông tươi tỉnh lại như một dòng nước trong ngày nóng nực. Tu viện trưởng Winchester là một người đầy đặn, dễ tính với làn da hồng và mái tóc bạc. Ông mời Philip ăn tối với ông trong nhà ông. Trong khi ăn, họ nói chuyện về giám mục của mình. Tu viện trưởng Winchester rõ ràng là người kính sợ Giám mục Henry và tùy thuộc vào ông. Philip nghĩ rằng, tranh cãi với một giám mục, người giàu có và quyền lực như Henry, chẳng mang lại kết quả gì. Cũng vậy, Philip không muốn bị điều hành quá nhiều bởi giám mục của ông.

Ông ngủ sâu và thức dậy giữa đêm cho giờ kinh đêm. Khi ông bước chân vào nhà thờ chính tòa Winchester, đây là lần đầu tiên, ông cảm thấy như bị đe dọa.

Tu viện trưởng đã nói với ông rằng đây là nhà thờ lớn nhất thế giới, và khi thấy, ông tin điều đó là sự thật.

Nhà thờ dài gần một dặm: Philip đã gặp những làng có thể đặt vào trong đó. Nó có hai tháp cao, một ở trên khu trung tâm và một cái khác ở cuối phía tây. Tháp ở giữa đã bị sập đổ cách đây ba mươi năm trên mộ của William Rufus, một vị vua không tin Chúa, và có lẽ không nên được chôn ở đây; nhưng nó đã được xây dựng lại. Đứng ngay bên dưới tháp mới hát kinh sáng, Philip cảm thấy toàn thể tòa nhà có một bầu khí xứng đáng và mạnh mẽ. So sánh với nhà thờ này, nhà thờ chính tòa do Tom thiết kế rất khiêm tốn – nếu nó được xây. Ông nhận ra rằng ông đang ở trong vòng cao nhất của những người quyền thế trong nước, và ông thấy lo âu. Ông chỉ là một cậu bé từ ngôi làng đồi Welsh, người đã may mắn trở thành tu sĩ. Hôm nay ông sẽ nói chuyện với nhà vua. Làm sao ông lại có quyền đó?

Ông trở lại nhà ngủ với các tu sĩ khác, nhưng ông thức và lo nghĩ. Ông sợ mình có thể nói hay làm điều gì đó xúc phạm đến vua Stephen hoặc

Giám mục Henry và khiến họ chống lại Kingsbridge. Những người sinh ra ở Pháp thường chế nhạo người Anh về cách nói của họ: Họ sẽ nghĩ sao về giọng nói của người Welsh? Trong thế giới của tu viện, người ta đánh giá Philip theo tiêu chuẩn: đạo đức, vâng lời và sự nhiệt thành cho công việc của Chúa. Những tiêu chuẩn này không có giá trị gì ở đây, giữa lòng thủ đô của một vương quốc lớn nhất thế giới. Ông cảm thấy như mất đi chiều sâu của mình. Ông bị áp lực vì cảm thấy rằng một cách nào đó mình là kẻ mạo danh, một người không là gì trở thành một người nào đó, và với thời gian sẽ bị khám phá ra và sẽ bị đuổi về trong nhục nhã.

Ông thức dậy vào lúc bình minh, tham dự giờ kinh sáng, rồi dùng bữa sáng trong phòng ăn. Các tu sĩ có bia mạnh và bánh mì trắng: đây là một tu viện thịnh vượng. Sau ăn sáng, khi các tu sĩ đi vào nhà nguyện, Philip đi bộ tới dinh thự giám mục, một tòa nhà bằng đá đẹp với cửa sổ lớn, trong một khu đất rộng có tường bao quanh.

Waleran tin tưởng sự ủng hộ của Giám mục Henry về dự án táo bạo của ông. Henry rất có thể lực đến nỗi ông có thể cho mọi việc có thể. Ông là Henry thành Blois, em trai của vua. Ông vừa là một giáo sĩ có quan hệ tốt nhất với hoàng gia, lại là người giàu nhất vì ông là viện phụ của tu viện giàu có Glastonbury. Ông có triển vọng thành tổng giám mục của Canterbury. Kingsbridge không thể có được một đồng minh mạnh mẽ hơn. Có thể nó sẽ thực sự xảy ra, Philip nghĩ; có thể vua sẽ giúp chúng ta có khả năng xây nhà thờ mới. Khi ông nghĩ về nó, trái tim ông như nổ tung vì hy vọng. Người quản gia nói với Philip rằng Giám mục Henry sẽ chỉ tiếp khách trước giữa trưa. Philip quá hồi hộp để trở về tu viện. Cảm thấy thiếu kiên nhẫn, ông đi xem thành phố lớn nhất mà ông chưa bao giờ được thấy.

Tòa giám mục nằm ở góc đông nam của thành phố. Philip đi theo bức tường phía đông, ngang qua khu đất của một tu viện khác, tu viện St. Mary, vào trong khu phố dường như dành cho đồ da và len. Khu vực có những dòng nước nhỏ chằng chịt. Nhìn kỹ, Philip nhận ra chúng không phải tự nhiên mà là các kênh nhân tạo, chia nhánh dòng sông Itchen để chảy qua các đường phố và cung cấp số lượng lớn cần thiết cho thuộc da và giặt lông cừu. Các khu kỹ nghệ tương tự thường được xây dựng bên dòng sông, và

Philip ngạc nhiên vì sự táo bạo của con người, những người đã dám đem nước từ dòng sông đến xưởng việc của họ - thay vì ngược lại.

Dù có kỹ nghệ, thị trấn vẫn yên tĩnh và ít đông đúc hơn bất cứ thị trấn nào Philip đã đi qua. Những nơi như Salisbury hay Hefold dường như bị bó kín trong các bức tường, giống như một người mập trong chiếc áo dài: những căn nhà quá gần nhau, sân sau quá nhỏ, khu chợ quá đông đúc, đường sá quá chật hẹp; và người và súc vật như tranh giành nhau chỗ ở, tạo nên cảm giác như một cuộc chiến có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nhưng Winchester rộng rãi, dường như đủ chỗ cho mọi người. Khi đi xung quanh, Philip dần dần nhận ra một phần nguyên do của cảm giác rộng rãi này là vì các đường phố được sắp xếp theo mô hình giống như lưới sắt vuông. Các đường phố hầu hết thẳng đứng và giao nhau ở góc bên phải. Ông chưa bao giờ thấy như vậy. Thị trấn được xây theo một dự án. Có hàng chục nhà thờ, đủ kiểu và kích thước khác nhau. Một vài cái được xây bằng gỗ, những cái khác bằng đá, mỗi cái phục vụ cho nhu cầu riêng của từng khu phố nhỏ. Thành phố chắc phải giàu có để trợ cấp cho nhiều linh mục.

Đi dọc theo đường Fleshmonger, ông cảm thấy muốn bệnh. Chưa bao giờ ông nhìn thấy quá nhiều thịt sống trong một chỗ như thế này. Máu chảy ra từ cửa hàng thịt xuống đường, những con chuột mập mạp chạy qua chân khách hàng.

Phía cuối nam của con đường Fleshmonger dẫn vào giữa đường High Street, đối diện với dinh thự hoàng gia cũ. Các vua đã không sử dụng dinh thự này từ khi pháo đài mới được xây trong lâu đài, Philip đã nghe nói như vậy, nhưng những đồng tiền xu của hoàng gia vẫn được đúc trong tầng hầm của tòa nhà, được bao bọc bởi tường dày và cửa sắt. Philip đứng lại một lúc trước song sắt, nhìn những tia lửa tung tóe khi chiếc búa đập xuống khuôn. Ông kinh hoàng về sự giàu có trước mắt mình.

Một số đông người khác cũng đứng trước cửa xem. Không nghi ngờ gì, đó là một cảnh mà khách đến Winchester đều muốn coi. Một phụ nữ trẻ đứng bên cạnh mỉm cười với Philip, và ông cười lại. Cô nói: “Với một đồng xu, bạn có thể làm bất cứ gì bạn muốn.”

Ông tự hỏi không biết cô ta muốn nói gì và ông thờ ơ mỉm cười lại. Rồi cô ta mở áo choàng, và ông kinh hoàng thấy rằng dưới áo choàng cô ta hoàn toàn khỏa thân. “Bất cứ điều gì bạn muốn, chỉ một xu bạc thôi,” cô nói.

Ông cảm thấy một khuấy động nhẹ của mong muốn, giống như bóng ma của trí nhớ đã lâu ngày bị quên lãng; rồi ông nhận ra cô là một gái điếm. Ông đỏ mặt vì bối rối. Ông quay lại và vội vã bỏ đi. “Đừng sợ,” cô gọi theo. “Tôi thích một đầu trọc.” Tiếng cười chế nhạo đuổi theo ông.

Cảm thấy nóng và bức bối, ông rẽ xuống đường hẻm dẫn ra chợ. Ông có thể thấy đằng sau quầy hàng tháp nhà thờ vút cao. Ông vội vã xuyên qua đám đông, bỏ ngoài tai tiếng chào hàng, và tìm đường vào sân nhà thờ.

Ông cảm thấy sự yên lặng trật tự của nhà thờ giống như một cơn gió mát. Ông dừng lại bên nghĩa trang và tập trung lại tư tưởng. Ông cảm thấy xấu hổ và tức giận. Làm sao cô ta dám thử thách một người trong tu phục tu sĩ? Rõ ràng cô ta cho rằng ông là một du khách... Có phải những tu sĩ khi ra khỏi tu viện là khách hàng của cô? Dĩ nhiên, nó có thể, ông nhận ra. Các tu sĩ cũng phạm các tội mà người bình thường phạm. Ông bị sốc vì sự trơ tráo cả người phụ nữ. Hình ảnh sự trần truồng vẫn tồn tại trong ông, giống như ngọn bắc của một cây nến, nó có thể bốc cháy đằng sau đôi mắt khép kín.

Ông thở dài. Đó là một buổi sáng đầy hình ảnh: con kênh nhân tạo, con chuột trong cửa hàng thịt, đồng bạc xu mới đúc, người phụ nữ trần truồng. Philip biết rằng những hình ảnh này sẽ trở lại với ông trong giờ suy niệm.

Ông đi vào nhà thờ chính tòa. Ông cảm thấy quá bận thiêu để quỳ gối cầu nguyện, nhưng chỉ cần đi dọc xuống gian giữa cũng có thể gột rửa ông đôi chút. Ông ra cửa phía nam, xuyên qua tu viện đến dinh thự giám mục.

Tầng trệt là một nhà nguyện. Philip lên cầu thang tới hội trường và bước vào. Một đám nhỏ người giúp việc và giáo sĩ trẻ ở gần cửa ra vào, đứng xung quanh hoặc ngồi trên ghế băng sát tường. Ở cuối phòng Waleran và Giám mục Henry đang ngồi ở một cái bàn. Người quản gia nói: “Giám mục đang ăn sáng,” như thể ông ta muốn ngăn ông không được gặp họ.

“Tôi sẽ cùng bàn với họ,” Philip nói.

“Tốt hơn ông nên đợi,” người quản gia nói.

Philip cho rằng người quản gia nghĩ ông chỉ là một tu sĩ bình thường. “Tôi là tu viện trưởng của Kingsbridge,” ông nói.

Người quản gia nhún vai và đứng qua một bên. Philip đến bàn ăn. Giám mục Henry ngồi ở đầu, Waleran bên tay phải của ông. Henry là một người thấp, vai rộng, khuôn mặt hay gây gổ. Ông trạc tuổi như Waleran, một hai tuổi lớn hơn Philip; chưa ngoài ba mươi. Tuy nhiên, trái ngược với làn da trắng bệch của Waleran và thân hình gầy gò của Philip, Henry có nước da hồng hào, chân tay mập mạp, chứng tỏ ông là người thích ăn uống. Mắt ông tinh táo và thông minh, khuôn mặt ông nói lên tính quyết định. Là người trẻ nhất trong bốn anh em, có lẽ ông đã phải tranh đấu cho mọi thứ trong đời ông. Philip ngạc nhiên vì đầu ông trọc, một dấu hiệu cho thấy ông đã sống trong tu viện và vẫn coi mình là một tu sĩ. Tuy nhiên, ông không mặc vải thô, mà ông mặc áo dài đẹp nhất làm bằng lụa màu tím.

Waleran mặc một áo sơ mi lụa trắng dưới lớp áo dài đen, và Philip nhận ra rằng cả hai đều ăn mặc chuẩn bị cho buổi tiếp kiến với nhà vua. Họ ăn thịt bò ngỗng và uống rượu đỏ. Philip đói bụng sau cuộc đi bộ, miệng ông đầy nước. Waleran nhìn lên thấy Philip và một nét khó chịu nhẹ hiện trên mặt ông.

“Xin kính chào,” Philip nói.

Waleran nói với Henry: “Đây là tu viện trưởng của tôi.”

Philip không hài lòng lắm vì được giới thiệu là tu viện trưởng của Waleran.

Ông nói: “Philip thành Gwyned, tu viện trưởng của Kingsbridge, thừa giám mục.”

Philip dự định hôn nhẫn giám mục, nhưng Henry chỉ nói: “Thật tuyệt!” và đưa lên miệng một miếng thịt bò. Philip đứng đó lúng túng không biết phải xử thế làm sao. Họ không mời ông ngồi sao?

Waleran nói: “Chúng tôi sẽ gặp ông sau, Philip.”

Philip nhận ra là ông bị từ chối. Ông quay đi, cảm thấy bị bề mặt. Ông trở lại nhóm đứng gần cửa. Người quản gia, người đã cố ngăn Philip lại, cười với ông bằng một cái nhìn như muốn nói “tôi đã bảo rồi mà.” Philip đứng xa những người khác. Chợt ông cảm thấy xấu hổ về chiếc áo choàng

màu nâu ông đã mặc ngày mặc đêm trong nửa năm qua. Các tu sĩ dòng Biển Đức thường nhuộm tu phục màu đen, nhưng từ nhiều năm nay Kingsbridge đã bỏ thói quen đó vì tiết kiệm tiền. Philip luôn tin rằng mặc quần áo đẹp là xa hoa, không thích hợp với những người dâng mình cho Chúa, ngay cả ở trong địa vị nào; nhưng bây giờ ông nhìn ra vấn đề. Có lẽ nếu ông đến trong quần áo lụa và lông thú, ông sẽ không bị ngược đãi như hôm nay. À, tốt, ông nghĩ, một tu sĩ phải khiêm nhường, vì thế mà nó tốt cho linh hồn tôi.

Hai giám mục rời bàn ăn và đến bên cửa. Một người tùy tùng chuẩn bị cho Henry một chiếc áo choàng màu đỏ có thêu và đường viền bằng lụa. Khi ông mặc áo, Henry nói: “Hôm nay ông không phải nói nhiều, Philip.”

Waleran thêm vào: “Hãy để chúng tôi nói.”

Henry nói: “Hãy để tôi nói,” ông nhấn mạnh trên chữ ‘tôi’. “Nếu vua hỏi ông, hãy trả lời rõ ràng và đừng phóng đại sự kiện. Nhà vua biết nhu cầu ông muốn có nhà nhờ mới mà không cần ông phải rên la hay nghiêng rãng.”

Philip không cần phải dặn điều đó. Tuy nhiên Philip gật đầu đồng ý và che dấu sự phẫn uất của mình.

“Chúng ta đi thôi,” Henry nói. “Anh tôi dậy sớm, và xử lý nhanh chóng công việc, sau đó đi săn bắn trong rừng.”

Họ đi ra. Một kỵ binh mang một thanh gươm ngang lưng, trên tay cầm một cây gậy đi trước Henry khi họ đi bộ tới High Street và rồi lên đồi theo hướng cổng phía tây. Người ta đứng qua hai bên cho hai giám mục đi qua, nhưng không nhường chỗ cho Philip, vì thế ông lẻo đẻo theo sau. Lâu lâu có người xin phép lành và Henry làm dấu thánh giá trên không, nhưng không dừng bước. Đến trước cổng nhà họ đi sang đường bên cạnh và qua cây cầu gỗ bắc ngang thành hào. Mặc dù được bảo đảm rằng ông không phải nói nhiều, Philip vẫn có một nỗi sợ trong lòng: ông sắp được gặp vua.

Lâu đài ở góc phía tây nam của thành phố. Tường phía tây và nam của nó là một phần tường của thành phố. Nhưng bức tường chia cách phía sau lâu đài và thành phố cũng không kém cao và chắc chắn so với tường phòng thủ bên ngoài, như thể nhà vua cần được bảo vệ trước thế giới bên ngoài cũng như trước các công dân của mình.

Họ đi vào qua cổng thấp và đến ngay pháo đài kiên cố trệt hần lên giữa khu vực lâu đài. Nó là một tháp hình vuông. Đếm các lỗ châu mai, Philip nghĩ nó phải cao bốn tầng. Như thông thường, tầng trệt bao gồm nhà kho, một cầu thang bên ngoài dẫn đến lối vào tầng trên. Hai người lính gác dưới chân cầu thang cúi chào khi Henry đi qua.

Họ đi vào hội trường. Hội trường có nền trải thảm, có một lò sưởi, một vài ghế băng và vài chỗ ngồi được khoét trong tường. Trong góc, hai binh sĩ gác cầu thang dẫn lên lầu. Một người nhận ngay ra giám mục Henry. Ông gật đầu và lên cầu thang, có lẽ báo tin cho vua là em vua đang đợi.

Philip toát mồ hôi vì lo âu. Trong vài phút nữa tương lai ông sẽ được định đoạt. Ông ước gì có thể tin tưởng hơn vào những người đồng minh của mình, và ước gì buổi sáng nay đã quỳ cầu nguyện cho sự thành công của mình thay vì đi dạo phố Winchester. Ông ước gì đã mặc một chiếc áo sạch sẽ hơn.

Có hai mươi hay ba mươi người khác trong phòng, hầu hết là đàn ông. Dường như họ là một tập thể hỗn hợp gồm hiệp sĩ, linh mục và dân thành thị giàu có. Bất ngờ Philip ngạc nhiên: Percy Hamleigh ở bên cạnh lò sưởi, đang nói chuyện với một bà và một thanh niên. Ông ấy làm gì ở đây? Người đàn bà xấu xí là vợ ông và chàng trai là người con trai tàn bạo của họ. Họ là những cộng tác viên đắc lực của Waleran trong việc lật đổ Bartholomew: Nó khó có thể là một trùng hợp ngẫu nhiên mà họ có mặt hôm nay ở đây. Philip tự hỏi không biết Waleran có chờ đợi họ không. Philip nói với Waleran: “Ông có thấy...”

“Tôi thấy họ,” Waleran ngắt lời, rõ ràng không hài lòng.

Philip cảm thấy sự hiện diện của họ ở đây là một điều đáng lo ngại, mặc dù ông không thể nói lý do tại sao. Ông quan sát họ. Bố con giống nhau: to lớn, vạm vỡ, mái tóc vàng và khuôn mặt ủ rũ. Người đàn bà trông như quý, giống như các bức tranh vẽ về quý đang tra tấn tội nhân trong hỏa ngục. Bà ta không ngừng cạy các vết mụn trên mặt, tay bà luôn cử động. Chiếc áo choàng màu vàng bà đang mặc làm bà trông xấu hơn. Hai chân bà luôn di chuyển, mắt bà dõi theo mọi nơi trong phòng. Bà bắt gặp ánh mắt của Philip, ông vội vã quay đi.

Giám mục Henry di chuyển quanh phòng, chào những người ông quen biết, chúc lành cho những người khác, nhưng có lẽ mắt ông luôn để ý đến cầu thang, vì khi người lính đi xuống và nhìn ông gật đầu, ông vội vàng bỏ ngang cuộc nói chuyện.

Waleran theo Henry lên cầu thang và Philip theo sau với trái tim đập mạnh.

Căn phòng trên lầu cũng có cùng kích thước và hình dạng như lối vào hội trường, nhưng nó hoàn toàn khác. Tường được trang trí bằng những tấm thảm và sàn nhà được trải thảm bằng da cừu. Ngọn lửa cháy đỏ và căn phòng được thắp sáng bởi chực ngọn nến. Gần cửa ra vào là một bàn bằng gỗ sồi với bút mực và một chồng thư từ bằng da. Bên bàn là một giáo sĩ ngồi chờ viết chính tả cho vua. Gần lò sưởi, nhà vua ngồi trong một chiếc ghế gỗ phủ lông.

Điều đầu tiên mà Philip chú ý là nhà vua không đội vương miện. Ông mặc một áo dài màu tím bên trên quần da, giống như ông đang chuẩn bị đi ngựa. Hai chó săn lớn nằm dưới chân như cận thần trung thành. Ông trông giống em trai giám mục Henry, nhưng đường nét của Stephen đẹp hơn, và tóc ông màu hung. Tuy nhiên, họ có đôi mắt thông minh như nhau. Ông ngồi sâu trong ghế to – Philip cho là ngai vàng – trông có vẻ thoải mái, hai chân duỗi ra phía trước và hai tay dựa trên thành ghế. Mặc dù thế, một bầu khí căng thẳng bao trùm trong phòng. Chỉ có nhà vua là thoải mái.

Khi các giám mục và Philip bước vào, một người đàn ông to lớn trong bộ quần áo đắt tiền rời khỏi phòng. Ông thân thiện gật đầu chào Henry, nhưng không để ý đến Waleran. Ông chắc là người có thể lực, Philip nghĩ.

Giám mục Henry đến gần vua, cúi chào và nói: “Xin chào, Stephen.”

“Tôi vẫn chưa thấy tên khốn nạn Ranulf,” Vua Stephen nói. “Nếu ông ấy không xuất hiện sớm, tôi sẽ chặt ngón tay ông ấy.”

Henry nói: “Một ngày gần đây ông sẽ đến, tôi hứa, nhưng dù sao có lẽ ông phải chặt ngón tay ông ấy.”

Philip không biết Ranulf là ai và tại sao nhà vua lại muốn gặp ông ta, nhưng ông có cảm tưởng rằng mặc dù Stephen không hài lòng, ông vẫn không thực sự có ý định chặt ngón tay Ranulf. Trước khi Philip có thể nghĩ

thêm, Waleran bước lên và cúi đầu, và Henry nói: “Chắc ông nhớ Waleran Bigod, tân giám mục của Kingsbridge.”

“Có,” Stephen nói, “nhưng còn ai kia?” Ông nhìn vào Philip.

Waleran nói: “Đây là tu viện trưởng của tôi.”

Waleran không nêu tên ông, Philip ngạc nhiên về điều đó. “Philip thành Gwynedd, tu viện trưởng của Kingsbridge.” Giọng ông to hơn ông dự định. Ông cúi chào.

“Tối gần đây, cha tu viện trưởng,” Stephen nói. “Ông có vẻ sợ. Ông đang có điều gì phải lo lắng?”

Philip không biết phải trả lời làm sao. Ông đang có nhiều điều để lo. Trong tuyệt vọng, ông trả lời: “Tôi lo lắng vì tôi không có quần áo tươm tất hơn để mặc.”

Stephen cười to, nhưng không phải là nụ cười đều cáng. “Vậy hãy ngưng lo lắng,” ông nói. Liếc mắt nhìn về người em trong bộ quần áo đẹp đẽ, ông nói thêm: “Tôi muốn một tu sĩ trông như một tu sĩ, không phải trông như vua.”

Philip cảm thấy thoải mái hơn.

Stephen nói: “Tôi đã nghe nói về cuộc hỏa hoạn. Ông đang xử lý như thế nào?”

Philip nói: “Vào ngày có hỏa hoạn, Thiên Chúa đã gửi đến cho chúng tôi một thợ xây. Ông đã nhanh chóng sửa sang lại tu viện và chúng tôi dùng tầng hầm cho các giờ kinh. Với sự giúp đỡ của ông ấy, chúng tôi đã dọn sạch đồng đồ nát, sẵn sàng xây mới lại; và ông ấy đã thiết kế dự án nhà thờ mới.”

Waleran nhướng mày, ông không biết về kế hoạch này. Philip sẽ nói cho ông nếu ông hỏi; nhưng ông đã không hỏi gì. Nhà vua nói: “Thật đáng khen. Khi nào ông bắt đầu xây?”

“Khi nào tôi tìm ra tiền.”

Giám mục Henry chen vào: “Đó là lý do tại sao tôi đưa Tu viện trưởng Philip và giám mục Waleran đến gặp ông. Cả tu viện lẫn giáo phận đều không có nguồn kinh phí cho một dự án to lớn như thế.”

“Nhà vua cũng vậy, em thân yêu ạ,” Stephen nói.

Philip thất vọng: Đó không phải là một khởi đầu đầy hứa hẹn.

“Tôi biết,” Henry nói. “Vì thế tôi đã tìm cách để ông có thể tạo cho họ cơ hội xây lại nhà thờ Kingsbridge, nhưng chính ông không phải mất gì cả.”

Stephen nhìn hoài nghi. “Và ông có thể đưa ra một kế hoạch ma thuật để làm được chuyện đó?”

“Vâng. Đề nghị của tôi là ông nên giao cho giáo phận đất đai của bá tước ở Shiring để tài trợ cho dự án xây dựng.”

Philip ngừng thở.

Nhà vua trông có vẻ tư lự.

Waleran mở miệng nói, nhưng Henry ra dấu cho ông im lặng.

Nhà vua nói: “Đó là một ý tưởng rõ ràng. Tôi muốn làm điều đó.”

Trái tim Philip nhẩy mừng.

Nhà vua nói: “Thật không may, tôi hầu như đã hứa trao lãnh địa này cho Percy Hamleigh.”

Một tiếng kêu toát ra từ miệng Philip. Ông đã nghĩ nhà vua đã đồng ý. Sự thất vọng này giống như một vết dao đâm. Henry và Waleran chết lặng. Không ai dự đoán điều đó. Henry là người đầu tiên mở miệng. Ông nói: “Hầu như?”

Nhà vua nhún vai. “Tôi có thể qua cách nào đó luồn lách qua nó, nhưng không phải là không có bối rối. Nhưng thực ra Percy là người đã đưa kẻ phản bội Bartholomew ra trước công lý.”

Waleran bật miệng nói: “Nhưng không phải là không có sự giúp đỡ, thưa nhà vua.”

“Tôi biết ông có góp phần trong đó.”

“Tôi là người đã nói cho Percy Hamleigh về âm mưu chống lại ông.”

“Đúng. Nhân tiện tôi muốn hỏi, làm sao ông biết được về nó?”

Chân Philip bối rối. Họ ở trong tình trạng nguy hiểm. Không ai được biết rằng thông tin này đầu tiên phát ra từ em của ông, Francis, bởi vì Francis vẫn còn làm việc cho Robert thành Gloucester, người đã được tha cho tội tham gia vào vụ mưu phản. Waleran nói: “Thông tin này đến từ cuộc xưng tội của một người trước khi chết.”

Philip thở phào nhẹ nhõm. Waleran lập lại lời nói dối mà Philip đã nói với ông, nhưng ông nói như “cuộc xưng tội” này đã xảy ra với ông, chứ không phải với Philip. Philip hài lòng khi vai trò của ông trong chuyện này ít được chú ý đến.

Nhà vua nói: “Tuy vậy, chính Percy chứ không phải ông, người đã tấn công lâu đài của Bartholomew, mạo hiểm đời sống và tính mạng mình, và đã bắt giữ kẻ phản bội.”

“Ông có thể thưởng cho Percy bằng cách khác,” Henry cắt ngang.

“Ông ấy muốn Shiring,” nhà vua nói. “Ông ấy quen thuộc vùng đó và ông ấy sẽ cai trị vùng đó tốt. Tôi có thể cho ông ta Cambridgeshire, nhưng vấn đề là dân cư vùng đầm lầy đó có theo ông ấy không?”

Henry nói: “Ông phải cảm ơn Chúa trước rồi mới đến người. Chính Chúa là người cho ông làm vua.”

“Nhưng chính Percy là người đã bắt giữ Bartholomew.”

Henry kiềm chế trước sự vô lễ này. “Thiên Chúa điều khiển tất cả...”

“Đừng ép buộc tôi theo cách ấy,” Stephen giơ cánh tay phải lên nói.

“Tất nhiên,” Henry nói một cách phục tùng.

Nó là một minh chứng sống động về uy quyền của nhà vua. Trong khoảnh khắc, họ đã tranh cãi gần như bình đẳng, nhưng với một lời nói, Stephan đã lấy lại thế thượng phong.

Philip thất vọng cay đắng. Lúc đầu ông nghĩ đó là một đòi hỏi không thể, nhưng ông dần dần hy vọng nó sẽ được cấp cho ông, và ngay cả tưởng tượng ông sẽ làm gì với sự giàu có ấy. Bây giờ ông ngã xuống thực tế một cách đau đớn.

Waleran nói: “Thưa vua, tôi cảm ơn nhà vua đã sẵn sàng xem xét lại số phận của lãnh địa Shiring, và tôi chờ đợi quyết định của ngài một cách lo âu và trong sự cầu nguyện.”

Thật khôn ngoan, Philip nghĩ. Nó dường như Waleran đã hài lòng từng phục. Trong thực tế ông kết luận lại bằng cách nói rằng vấn đề vẫn còn mở. Nhà vua đã không nói như thế. Nếu có nói thì câu trả lời của ông chỉ là tiêu cực. Nhưng không có gì là khẳng khẳng đòi hỏi, vì thế mà nhà vua có thể

quyết định cách này hay cách khác. Tôi phải nhớ điều đó, Philip nghĩ: Khi bạn hầu như bị từ chối, hãy tìm cơ hội trì hoãn.

Stephen do dự một lúc, như thể ông sợ lời nói của ông bị lợi dụng. Sau đó dường như ông vượt qua mọi nghi ngờ và nói: “Cảm ơn tất cả đã đến gặp tôi.”

Philip và Waleran quay ra về, nhưng Henry đứng nguyên và nói: “Khi nào chúng tôi được biết quyết định của ông?”

Một lần nữa Stephan lại cảm thấy bị dồn vào chân tường. “Ngày mốt,” ông nói. Henry cúi đầu rồi cả ba đi ra.

Sự không chắc chắn cũng gần xấu như một lời từ chối. Đối với Philip, thời gian chờ đợi không thể chịu đựng được. Cả buổi chiều ông thường lăm bộ sưu tập sách tuyệt vời của tu viện, nhưng chúng không làm ông quên được nỗi phân vân không biết nhà vua đang nghĩ gì. Ông có thể rút lại lời hứa với Percy Hamleigh không? Percy có quan trọng lắm không? Ông là một thành viên của tầng lớp quý tộc, người mong muốn có được một lãnh địa – chắc chắn Stephen không sợ làm mất lòng ông. Nhưng Stephen muốn giúp Kingsbridge tới mức độ nào?

Vua chúa được biết đến họ sẽ sùng đạo khi tuổi đã về già. Stephen còn quá trẻ. Philip nghĩ đi nghĩ lại những khả năng có thể xảy ra, nhìn vào cuốn sách ‘Niềm an ủi triết học’ của tác giả Boethius, nhưng không đọc. Một tập sinh rón rén đi theo hành lang tu viện đến gặp ông. “Có một người yêu cầu được gặp cha ngoài hành lang,” cậu thì thầm.

Một người khách muốn gặp ngoài hành lang có nghĩa là người đó không phải là tu sĩ. “Ai vậy?” Philip hỏi.

“Một người đàn bà.”

Philip kinh hoàng nghĩ đến cô gái điếm đã gạ gẫm ông buổi sáng nay trước lò đúc tiền xu; nhưng một cái gì đó trong cách diễn tả của người tập sinh nói lên điều gì khác. Có một người đàn bà khác mà ánh mắt bà đã gặp ông sáng nay. “Bà ta nhìn ra sao?” Cậu ta làm bộ mặt ghê tởm.

Philip gật đầu, ông hiểu. “Regan Hamleigh.” Bà lại dở trò ma quỷ gì nữa đây? “Tôi sẽ đến ngay.” Ông trầm tư chậm rãi bước trong hành lang tu viện ra đến sân. Ông cần sự thông minh để đối phó với người đàn bà này.

Bà đứng trước phòng đợi, quần mình trong áo choàng nặng, giấu mặt trong mũ áo. Bà nhìn Philip bằng một cái nhìn ác ý đến nỗi ông muốn quay gót ngay; nhưng ông xấu hổ phải trốn chạy trước một người phụ nữ, vì thế ông đứng lại và nói: “Bà muốn gì nơi tôi?”

“Ông, vị tu sĩ ngu ngốc,” bà phun ra. “Làm sao ông có thể ngu ngốc như thế?”

Philip đỏ mặt. “Tôi là tu viện trưởng ở Kingsbridge, và tốt hơn bà nên gọi tôi là cha,” ông nói; nhưng vì ông giận dữ nên giọng ông nóng nảy hơn là có thâm quyền.

“Được, thưa cha – Làm sao mà ông lại để hai giám mục tham lam lợi dụng mình?”

Philip hít sâu một hơi thở. “Hãy nói rõ ràng,” ông tức giận nói.

“Thật khó để tìm được những từ rõ ràng cho những người ngu ngốc như ông, nhưng tôi sẽ cố gắng. Waleran muốn dùng nhà thờ bị hỏa hoạn làm cơ để chiếm lãnh địa Shiring cho riêng ông ấy. Nói như vậy đã rõ chưa? Ông có hiểu kế hoạch này không?” Giọng điệu khinh bỉ của bà tiếp tục gây tức giận cho Philip, nhưng ông không thể chịu đựng được nữa.

Ông phản kháng lại: “Không có gì là ám muội trong chuyện này cả. Các thu nhập từ lãnh địa được dùng để xây dựng lại nhà thờ chính tòa.”

“Ông có lý do nào để nghĩ như vậy?”

“Tất cả vì mục đích đó!” Philip chống đối; nhưng ở một góc trong đầu ông đã bắt đầu rung lên mỗi nghi ngờ.

Giọng điệu khinh bỉ của Regan thay đổi và bây giờ bà trở thành ranh mãnh. “Mảnh đất mới thuộc về tu viện hay thuộc về địa phận?” bà hỏi.

Philip dăm dăm nhìn bà, rồi quay đi chỗ khác: khuôn mặt bà quá kinh tởm để nhìn vào. Ông đã cho rằng mảnh đất này thuộc tu viện và dưới sự kiểm soát của ông, hơn là thuộc địa phận dưới quyền của Waleran. Nhưng bây giờ ông nhớ lại khi họ gặp nhà vua, Giám mục Henry đã đặc biệt xin mảnh đất đó cho địa phận. Philip cho rằng đó chỉ là một lỗi lầm trong lời nói, nhưng sau đó nó cũng không được sửa lại. Ông nhìn Regan nghi ngờ. Bà ta không thể biết những gì Henry nói với nhà vua.

Bà ta có thể đúng trong vấn đề này. Mặt khác, bà ta cố gắng gây ra rắc rối. Bà ta đã có tất cả mọi thứ để đạt được từ cuộc tranh cãi giữa Philip và Waleran vào thời điểm này. Philip nói: “Waleran là giám mục – ông phải có một nhà thờ chính tòa.”

“Ông ấy phải có nhiều thứ nữa,” bà đáp lại. Bà ít ác độc và trở nên nhân bản hơn, nhưng Philip vẫn không thể nhìn lâu vào bà. “Đối với một số giám mục, một nhà thờ chính tòa đẹp là ưu tiên hàng đầu. Đối với Waleran, ông còn nhiều nhu cầu khác. Ngoài ra, bao lâu ông kiểm soát túi tiền, ông có thể chia cho ông và thợ xây của ông ít hay nhiều tùy theo ý ông ấy.”

Philip nhận ra bà ấy có lý, ít nhất về điều đó. Nếu Waleran được thu tiền thuê, dĩ nhiên ông sẽ giữ lại một phần cho chi phí của mình. Ông là người duy nhất có thể quyết định. Không gì có thể ngăn cản ông dùng tiền xây nhà thờ cho mục đích khác. Và Philip sẽ không biết, tháng tới ông có khả năng thanh toán tiền cho các thợ xây không.

Không nghi ngờ gì, nếu tu viện sở hữu mảnh đất thì sẽ tốt hơn. Nhưng Philip chắc chắn Waleran sẽ chống lại ý tưởng đó và Giám mục Henry sẽ hỗ trợ Waleran. Khi đó niềm hy vọng duy nhất của Philip sẽ là cầu cứu nhà vua. Và vua Stephen, khi nhìn thấy giáo hội chia rẽ, sẽ giải quyết vấn đề bằng cách trao lãnh địa vào tay Percy Hamleigh.

Dĩ nhiên, đó là điều Regan muốn.

Philip lắc đầu. “Khi Waleran muốn lừa gạt tôi, tại sao ông ấy lại đưa tôi đến đây? Ông ấy có thể đến đây một mình và cũng có thể tự mình xin điều này.”

Bà gật đầu. “Ông ấy có thể. Nhưng nhà vua sẽ tự hỏi việc xin lãnh địa để xây nhà thờ chính tòa của Waleran có thành thật không. Sự xuất hiện của ông đánh tan nghi ngờ của ông ấy.” Giọng bà lại trở nên khinh bỉ. “Và ông trông rất thảm hại trong bộ áo dòng bẩn của ông, và nhà vua thương hại ông. Không, Waleran rất thông minh khi mang ông theo.”

Một cảm giác kinh hoàng len lỏi vào ông. Có lẽ bà ấy có lý nhưng ông không muốn thừa nhận điều đó. “Bà chỉ muốn lãnh địa cho chồng bà,” ông nói.

“Tôi sẽ chỉ cho ông biết bằng cứ, nếu ông có thể đi với tôi nửa ngày đằng để thấy nó?”

Điều Philip sợ là bị kéo vào âm mưu của Regan Hamleigh. Nhưng ông phải tìm hiểu xem lời cáo buộc của bà có đúng sự thật không. Bất đắc dĩ, ông nói: “Vâng, tôi sẽ đi nửa ngày đằng.”

“Ngày mai?”

“Vâng.”

“Ông hãy sẵn sàng vào lúc bình minh.”

Đó là William Hamleigh, người con của Percy và Regan, người sáng hôm sau đợi Philip ngoài sân trong khi ông đọc kinh sáng. Philip và William rời Winchester qua cổng phía tây, rồi ngay lập tức quẹo vào con đường Athelynge phía bắc. Dinh thự của Waleran ở hướng này, Philip nhận ra; và nó cách đây nửa ngày đằng. Vì thế đó là nơi họ sẽ đến. Nhưng tại sao? Ông rất nghi ngờ và nghĩ mình phải cảnh giác. Gia đình Hamleigh cũng có thể lợi dụng ông. Ông suy nghĩ xem họ muốn dùng ông cách nào. Có thể gia đình Hamleigh muốn xem hoặc ngay cả ăn cắp một tài liệu của Waleran – một hợp đồng hay một đặc quyền của hoàng gia. Bá tước trẻ William có thể nói với nhân viên của Waleran rằng họ được sai đến để lấy tài liệu: họ có thể tin vì Philip đi chung với cậu ấy. William dễ dàng có mảnh khoe này hoặc những cái tương tự. Philip phải luôn luôn cảnh giác.

Buổi sáng hôm đó trời ảm đạm và mưa phùn. William phi ngựa nhanh trên những dặm đường đầu tiên, sau đó cậu chạy chậm lại cho ngựa nghỉ ngơi. Một lúc sau cậu nói: “Này ông tu sĩ, ông muốn lấy lãnh địa của tôi à?”

Philip sửng sốt vì giọng điệu thù nghịch của cậu ấy: ông đã không làm gì để gây ra thù nghịch và ông tức giận về nó. Ông trả lời mạnh mẽ. “Của cậu? Này cậu bé, cậu không có thể nhận nó. Có thể tôi sẽ nhận được, hoặc bố cậu hoặc giám mục Waleran. Nhưng không ai đã yêu cầu nhà vua cho cậu. Vì thế ý tưởng của cậu là một trò đùa.”

“Tôi sẽ thừa hưởng nó.”

“Rồi sẽ hay.” Philip quyết định không nên cãi nhau với William về điểm đó. “Tôi không muốn làm hại gì cậu,” ông nói bằng giọng hòa giải. “Tôi

chỉ muốn xây một nhà thờ mới.”

“Vậy thì lấy lãnh địa của người khác,” William nói. “Tại sao người ta luôn luôn nhắm vào chúng tôi?”

Giọng nói của William chứa đựng nhiều cay đắng, Philip nhận thấy. Ông hỏi: “Mọi người luôn gây chuyện với cậu sao?”

“Số phận của Bá tước Bartholomew phải là một bài học cho họ. Ông ấy đã làm sỉ nhục gia đình tôi và ông xem, bây giờ ông ấy đang ở đâu.”

“Tôi nghĩ, chính con gái của ông ấy mới là người gây nên vấn đề.”

“Con chó cái đó cũng tự hào và kiêu ngạo như bố của cô ấy. Nhưng cô ấy sẽ còn phải đau khổ nữa. Sau cùng, tất cả họ sẽ phải quỳ gối trước mặt chúng tôi. Rồi ông sẽ thấy.”

Đây không phải là một cảm xúc bình thường của một chàng trai hai mươi tuổi, Philip nghĩ. Cách nói của cậu là của một người trung niên đầy ghen tị và ghê gớm. Philip không thích cuộc nói chuyện. Hầu hết mọi người thường mặc cho sự thù hận trần trụi của mình bằng những bộ quần áo hợp lý, nhưng William quá ngây thơ để làm chuyện đó. Philip nói: “Tốt nhất nên để sự trả thù cho ngày phán xét sau cùng.”

“Tại sao ông không đợi đến ngày phán xét sau cùng rồi mới xây nhà thờ?”

“Bởi vì khi đó đã quá trễ để cứu các linh hồn tội nhân khỏi đau khổ của hỏa ngục.”

“Đừng bắt đầu với chuyện đó!” William nói và trong giọng cậu có tính hiếu chiến. “Hãy để dành chuyện đó cho bài giảng của ông.”

Philip muốn phản kháng mạnh mẽ, nhưng ông kìm lại được. Có một điều gì bất thường nơi cậu bé này. Philip có cảm giác rằng William có thể nổi giận bất cứ lúc nào mà cậu không kiềm chế được, và nó có thể đi đến bạo lực chết người. Philip không sợ cậu. Ông không sợ những người hung tợn, có lẽ bởi vì khi còn nhỏ ông đã chứng kiến điều tồi tệ nhất mà họ có thể làm và ông vẫn sống sót. Nhưng lời khiển trách William chẳng mang lại kết quả gì, nên ông nói nhẹ nhàng: “Thiên đàng và hỏa ngục là lãnh vực của tôi. Cũng như đức hạnh và tội lỗi, tha thứ và trừng phạt, tốt và xấu. Tôi sợ rằng tôi sẽ không thể không nói về chúng.”

“Vây hãy tự nói cho mình nghe,” William nói và thúc ngựa tiến lên phía trước. Sau khi cậu đã đi bên trước được bốn hay năm dặm, cậu cho ngựa chạy chậm lại. Philip tự hỏi không biết có phải cậu bé bớt giận và muốn trở lại đi bên cạnh ông không; nhưng không phải vậy, và trong cả buổi sáng hôm đó, họ đi riêng.

Philip cảm thấy lo lắng và thất vọng. Ông không còn làm chủ được số phận của mình. Ông đã để cho Waleran Bigod lãnh đạo Kingsbridge, và bây giờ ông lại để William Hamleigh đưa ông vào cuộc du hành bí ẩn.

Họ luôn cố gắng lợi dụng tôi, ông nghĩ; tại sao tôi để họ làm thế? Đã đến lúc tôi phải chủ động. Nhưng ngay bây giờ ông không thể làm gì được, ngoài trừ quay lại và trở về Winchester, và điều đó dường như vô ích, vì thế ông tiếp tục theo sau William, và chán nản nhìn đuôi ngựa của William chạy phía trước.

Trước trưa họ đến thung lũng nơi có dinh thự giám mục. Philip nhớ lại vào đầu năm nay ông đã đến đây, đầy lo âu, mang theo một bí mật chết người. Và từ đó bao nhiêu chuyện đã thay đổi.

Philip ngạc nhiên vì William cưỡi ngựa ngang qua dinh thự và lên đồi. Con đường dẫn vào một lối đi hẹp giữa cánh đồng. Khi họ lên đến đỉnh đồi, Philip nhìn thấy một vài công rình xây dựng đang diễn ra. Ngay dưới đỉnh đồi họ bị chặn lại bởi một bức tường đất trông giống như vừa mới được đào lên. Trong lòng ông gợn lên một mối nghi ngờ khủng khiếp.

Họ quay sang bên và đi dọc theo bức tường đất cho đến khi tìm được lối vào. Họ đi vào. Phía trong bức tường là một hào khô được đổ đầy đất vào lúc này để mọi người có thể qua lại.

Philip nói: “Chúng ta đến xem cái này sao?” William chỉ gật đầu.

Dự đoán của Philip đã được xác nhận. Waleran đang xây một lâu đài. Philip thất vọng.

Ông thúc ngựa về phía trước và qua con mương, William phía sau. Con mương và bức tường bao quanh đỉnh đồi. Phía trong con mương, một bức tường đá dày đã được xây cao khoảng hai ba mét. Bức tường rõ ràng là chưa xong, và đánh giá theo độ dày của nó, bức tường phải rất cao.

Waleran đang xây một lâu đài, nhưng không thấy công nhân trên công trường, không dụng cụ, không gỗ đá. Một số lớn công việc đã được thực hiện trong thời gian ngắn, rồi công việc bất ngờ bị ngưng trệ.

Rõ ràng là Waleran đã hết tiền.

Philip nói với William: “Tôi cho rằng không còn nghi ngờ gì là giám mục đang xây lâu đài này.”

William nói: “Ông cho rằng Waleran Bigod sẽ cho phép một người khác xây một lâu đài gần dinh thự của ông ấy sao?”

Philip cảm thấy đau và bị sỉ nhục. Hình ảnh đã rõ như pha lê: Giám mục Waleran muốn lãnh địa Shiring, với mỏ đá và gỗ của nó để xây lâu đài cho riêng ông chứ không phải để xây nhà thờ chính tòa. Philip chỉ là công cụ của ông, cuộc hỏa hoạn của nhà thờ chính tòa chỉ là một cái cớ. Vai trò của chúng chỉ là khơi dậy lòng đạo đức của nhà vua để ông cho Waleran lãnh địa.

Philip tự nhìn mình như là Waleran và Henry đã nhìn ông: khờ dại, tuân thủ, tươi cười và đồng ý khi bị dẫn đi làm thịt. Họ đã xử lý ông quá tốt! Ông đã phó thác cho họ và trao mọi quyền quyết định cho họ, ông đã đón nhận sự coi thường của họ bằng nụ cười can đảm, bởi vì ông nghĩ họ muốn giúp ông, nhưng trong thực tế cả thời gian họ đã lừa dối ông.

Ông bị sốc bởi sự vô lương tâm của Waleran. Ông nhớ lại nỗi buồn trong đôi mắt của Waleran khi ông nhìn đồng hồ nát của nhà thờ. Philip đã thoáng thấy lòng đạo đức sâu xa của Walera vào thời điểm đó. Waleran có thể nghĩ rằng lòng đạo đức biện minh cho phương tiện không lương thiện trong việc phục vụ giáo hội. Philip chẳng bao giờ tin vào điều đó. Tôi sẽ chẳng bao giờ làm cho Waleran những gì ông ấy đang thử làm với tôi, ông nghĩ.

Trước đây ông chẳng bao giờ cho rằng mình cả tin. Ông ngạc nhiên không biết ông đã sai lầm từ đâu. Ông đi đến kết luận là ông đã để mình trở thành khúm núm – trước Giám mục Henry và quần áo lụa của ông ấy, bởi vẻ tráng lệ của Winchester và nhà thờ chính tòa của nó, bởi các đồng tiền bạc trong xường đúc tiền và đồng thít trên cửa hàng, và bởi tư tưởng được gặp vua. Ông quên rằng Thiên Chúa nhìn thấu xuyên qua quần áo lụa tới

tận trái tim tội lỗi; ông cũng quên rằng chỉ có kho tàng trên trời mới là sự giàu có đích thực, và ngay cả nhà vua cũng phải quỳ xuống trong nhà thờ. Cảm thấy rằng người khác quyền lực hơn, thạo đời hơn mình, ông đã đánh mất giá trị đích thực của mình, lãng quên khả năng phê phán của mình và đặt lòng tin của mình vào thượng cấp. Hậu quả là ông bị phản bội.

Ông nhìn một lần nữa khu xây dựng trong mưa, rồi quay ngựa đi khỏi, lòng tràn ngập thương tích. William theo sau. “Tu sĩ, ông nghĩ gì về điều này?” William trêu chọc. Philip không trả lời.

Ông nhớ lại ông đã ủng hộ Waleran trở thành giám mục. Waleran đã nói: “Ông muốn tôi giúp ông làm tu viện trưởng. Tôi muốn ông giúp tôi làm giám mục.” Dĩ nhiên, Waleran đã không tiết lộ là giám mục đã qua đời, như thế lời hứa có vẻ thiếu nền tảng vững chắc. Và dường như Philip bắt buộc phải hứa để bảo đảm rằng ông sẽ được bầu cử làm tu viện trưởng. Sự thật là ông nên để sự chọn lựa chức tu viện trưởng và giám mục trong tay Thiên Chúa. Ông đã không thực hiện quyết định đạo đức đó vì thế hình phạt là ông phải tranh cãi với Waleran.

Khi ông nghĩ về việc ông bị coi khinh, bị hạ xuống, bị lợi dụng và lừa dối, ông cảm thấy tức giận. Vâng lời là một đức tính trong tu viện, nhưng ngoài đời nó có những yếu điểm của nó, ông cay đắng nghĩ. Thế giới của quyền lực và giàu có đòi hỏi con người phải nghi ngờ và bèn bí.

“Các giám mục lừa đảo này đã coi ông là thằng hề, phải không?” William nói.

Philip kìm giây cương, run lên vì giận, ông chỉ tay vào William và hét lên: “Câm miệng lại, cậu bé. Cậu đang nói về những linh mục thánh thiện của Chúa. Nếu cậu nói thêm lời nào, cậu sẽ bị đốt vì nó, tôi hứa với cậu.”

Mặt William trắng bệch vì sợ.

Philip dục ngựa đi. Nụ cười mỉa mai của William nhắc nhở ông rằng gia đình Hamleigh đã có một ý định kín đáo khi đưa ông đi xem lâu đài của Waleran. Họ muốn gây ra sự tranh cãi giữa Philip và Waleran để đảm bảo rằng lãnh địa bị tranh chấp sẽ không rơi vào tay tu viện trưởng cũng chẳng vào tay giám mục, mà vào Percy. Tốt, Philip sẽ không để họ lợi dụng, cả người này lẫn người kia. Ông không muốn bị lợi dụng nữa. Từ bây giờ trở

đi ông muốn chủ động. Điều đó tốt, nhưng ông có thể làm gì? Nếu Philip tranh cãi với Waleran, Percy sẽ nhận được đất; và nếu Philip không làm gì, Waleran sẽ nhận được.

Nhà vua muốn gì? Ông muốn giúp xây nhà thờ chính tòa mới: điều đó thích hợp với vua chúa và nó sẽ có ích cho linh hồn ông ấy ở đời sau. Nhưng ông cũng cần phải thưởng cho lòng trung thành của Percy nữa. Một cách ngạc nhiên là không có áp lực phải làm hài lòng hai giám mục, hai người nhiều quyền lực hơn. Đối với Philip, dường như một giải pháp cho tình trạng khó xử của nhà vua là làm hài lòng chính ông và Hamleigh.

Và ông chợt có một ý tưởng.

Ông hài lòng với ý tưởng đó. Một liên minh giữa ông và Hamleigh là một điều không ai nghĩ đến – và vì thế nó sẽ thành công. Các giám mục không chuẩn bị chuyện đó nên sẽ tính sai.

Đó sẽ là một cuộc đảo ngược thú vị.

Nhưng ông có thể đàm phán một thỏa thuận với gia đình Hamleigh không? Percy muốn nông trại giàu có ở Shiring, danh xưng bá tước, và quyền lực cũng như uy tín của một lực lượng hiệp sĩ dưới quyền điều khiển của ông. Còn Philip cũng muốn nông trại phong phú, nhưng ông không muốn tước hiệu hay cần các hiệp sĩ: ông quan tâm nhiều hơn đến mỏ đá và rừng.

Hình thức của một thỏa hiệp bắt đầu thành hình trong đầu Philip. Ông nghĩ rằng tất cả vẫn chưa muộn. Sau những sự việc xảy ra, một cuộc chiến thắng bây giờ sẽ ngọt ngào làm sao.

Với sự hứng thú, Philip nghĩ cách thỏa hiệp với gia đình Hamleigh. Ông quyết định ông không đóng vai van xin. Ông phải đưa ra một đề xuất mà họ không thể cưỡng lại được. Khi ông về lại đến Winchester, quần áo ông ướt đầm, ngựa ông trong tính khí cáu kỉnh, nhưng ông nghĩ ông đã tìm được câu trả lời.

Khi họ đi dưới mái vòm cổng phía tây, ông nói với William: “Chúng ta đi gặp mẹ cậu.”

William ngạc nhiên. “Tôi tưởng ông sẽ đi gặp giám mục Waleran ngay.”

Không nghi ngờ gì, đó là điều mà Regan đã nói với William và là điều họ chờ đợi. “Đừng băn khoăn kể cho tôi những gì cậu nghĩ, chàng trai ạ.” Philip nói. “Hãy đưa tôi đến gặp mẹ cậu.” Ông cảm thấy đã sẵn sàng đối phó với bà Regan. Ông thụ động đã quá lâu.

William quay vào phía nam và dẫn Philip đến một căn nhà ở đường Gold, nằm giữa lâu đài và nhà thờ chính tòa. Nó là một căn nhà lớn với tường đá tới ngang lưng và phía trên bằng gỗ. Bên trong là một lối vào hội trường với nhiều căn hộ. Gia đình Hamleigh có lẽ trú ngụ tại đây: nhiều cư dân Winchester cho những người đang tham dự triều đình thuê phòng. Nếu Percy trở thành bá tước, ông sẽ có nhà riêng ở phố.

William chỉ Philip đi vào một phòng phía trước có một giường lớn và một lò sưởi. Regan đang ngồi ở lò sưởi và Percy đứng gần bà. Regan nhìn lên Philip với một cảm xúc ngạc nhiên, nhưng bà che đậy ngay lại và nói: “Tốt, tu sĩ nhĩ - tôi có đúng không?”

“Bà sai lầm, bà ngu ngốc ạ!” Philip gay gắt nói.

Bà bị sốc và câm lặng vì giọng nói giận dữ của ông. Ông vui vì kết quả của việc cho bà một hương vị của liều thuốc riêng của bà. Ông tiếp tục trong cùng giọng nói ấy. “Bà nghĩ bà có thể gây nên một cuộc tranh cãi giữa tôi và Waleran. Bà nghĩ rằng tôi không nhìn thấy những gì bà đang dự tính sao? Bà là một con chồn tinh quái, nhưng bà không phải là người duy nhất trên thế giới này biết suy nghĩ.”

Qua nét mặt của bà, ông có thể nhận thấy bà nhận ra chương trình của bà đã thất bại, và bà đang điên tiết suy nghĩ về bước kế tiếp phải đi. Ông tạo áp lực trong khi bà đang bối rối.

“Bà đã thất bại, Regan. Bây giờ bà có hai chọn lựa. Một là bà ngồi lại đây và chờ quyết định của nhà vua. Cơ hội của bà tùy thuộc vào tâm trạng của vua sáng mai.” Ông ngưng lại.

Bà miễn cưỡng nói: “Còn chọn lựa thứ hai?”

“Chọn lựa thứ hai là chúng ta làm một thỏa hiệp giữa bà và tôi. Chúng ta chia lãnh địa giữa chúng ta, không cho Walera tham dự. Chúng ta đến gặp riêng vua và cho ông biết chúng ta đã có một thỏa thuận và xin sự đồng ý của ông trước khi các giám mục có thể can thiệp.” Philip ngồi xuống ghế

bằng và giả vờ tạo nên một bầu khí bình thường. “Đây là cơ hội tốt nhất cho bà. Bà không có chọn lựa thực sự.” Ông nhìn vào lò sưởi, không muốn bà nhìn thấy sự căng thẳng của ông. Họ phải chấp nhận ý tưởng này, ông nghĩ. Thà là được cái gì còn hơn là mất tất cả. Nhưng họ là người tham lam – có thể họ thích một canh bạc hoặc là được tất cả hay là mất hết.

Percy là người đầu tiên nói. “Phân chia lãnh địa? Như thế nào?”

Ít nhất họ quan tâm đến. Philip thở phào nhẹ nhõm. “Tôi đề nghị một sự phân chia hào phóng mà ông bà không thể từ chối,” Philip nói với ông ta. Rồi ông quay sang Regan. “Tôi cho ông bà phần tốt nhất.”

Cả hai nhìn vào ông, chờ đợi, nhưng ông không nói gì thêm. Regan nói: “Ông nói phần tốt nhất nghĩa là làm sao?”

“Cái gì giá trị hơn – đất nông nghiệp hay rừng?”

“Đất nông nghiệp, dĩ nhiên rồi.”

“Vậy thì ông bà nhận đất nông nghiệp, còn tôi nhận phần rừng.”

Regan mở rộng đôi mắt. “Nó sẽ cho ông gỗ để xây nhà thờ.”

“Đúng vậy.”

“Thế còn đồng cỏ thì sao?”

“Ông bà thích cái nào – đồng cỏ chăn thả gia súc hay bầy cừu?”

“Đồng cỏ.”

“Vậy tôi nhận nông trại trên đồi với đàn cừu. Ông bà muốn thu nhập từ chợ hay từ quặng mỏ?”

Percy nói: “Từ chợ ...”

Regan cắt lời ông. “Giả sử chúng tôi nói muốn thu nhập từ mỏ đá thì sao?”

Philip biết bà hiểu những gì ông nghĩ trong đầu. Ông cần đá từ mỏ để xây nhà thờ. Ông biết bà không muốn mỏ đá. Chợ mang lại nhiều tiền mà không cần nhiều cố gắng. Ông nói một cách tự tin: “Có thực sự bà không muốn không?”

Bà lắc đầu. “Không, chúng tôi lấy chợ.”

Percy nói với bộ mặt buồn bã: “Tôi cần rừng để đi săn. Một bá tước phải có một rừng săn.”

“Ông có thể đi săn ở đó,” Philip vội vã nói. “Tôi chỉ cần gỗ.”

“Đồng ý,” Regan nói. Sự đồng ý của bà đến quá nhanh. Philip cảm thấy lo lắng. Ông đã đưa ra một cái gì đó quan trọng mà không biết không? Hay chỉ đơn giản là bà không còn kiên nhẫn và không muốn tiếp tục tranh cãi về những chi tiết nhỏ nữa? Trước khi ông có thể nghĩ tiếp, bà tiếp tục: “Giả sử chúng ta tìm được tài liệu của Bá tước Bartholomew về những mảnh đất khác, rồi chúng tôi nói nó thuộc về chúng tôi và ông nói nó thuộc quyền sở hữu của ông thì sao?”

Sự kiện là bà ta chú ý đến những chi tiết như thế khiến ông nghĩ bà sẽ chấp thuận đề nghị của ông. Ông che dấu sự phấn khích của mình và nói lạnh lùng. “Chúng ta phải tìm ra một trọng tài. Giám mục Henry thì sao?”

“Một linh mục?” Bà nói với một chút khinh miệt theo thói quen của bà. “Ông ấy có khách quan không? Không, Thế còn cảnh sát trưởng ở Shiring?” Ông ấy sẽ không khách quan hơn giám mục, Philip nghĩ; nhưng ông không tìm được ai có thể làm cả hai phía hài lòng, vì thế ông nói: “Đồng ý – với điều kiện là nếu chúng ta tranh cãi về quyết định của ông ấy, chúng ta có quyền kháng cáo lên nhà vua.” Đó là một biện pháp tự vệ đầy đủ.

“Đồng ý,” Regan nói; rồi bà nhìn Percy và thêm vào: “Nếu chồng tôi hài lòng.”

Percy nói: “Vâng, vâng,”

Philip biết ông đã gần đến thành công. Ông hít một hơi sâu và nói: “Nếu toàn bộ đề nghị đã được đồng ý thì...”

“Hãy đợi một chút.” Regan cắt lời ông. “Nó chưa được đồng ý.”

“Nhưng tôi đã cho ông bà tất cả những gì ông bà muốn.”

“Có thể chúng tôi sẽ nhận được toàn bộ lãnh địa.”

“Hay là ông bà chẳng nhận được gì cả.”

Regan do dự. “Ông đề nghị phải xử lý việc này làm sao nếu chúng tôi đồng ý?”

Philip đã nghĩ về chuyện đó. Ông nhìn Percy. “Ông có thể gặp nhà vua đêm nay không?”

Percy nhìn lo âu, nhưng ông nói: “Nếu tôi có lý do tốt – vâng, tôi có thể.”

“Đi gặp nhà vua và nói chúng ta đã đi đến một thỏa thuận. Yêu cầu ông ta công bố nó như là quyết định của chính ông ấy vào buổi sáng ngày mai. Đảm bảo với ông ấy là ông bà và tôi sẽ tuyên bố hài lòng với quyết định đó.”

“Nếu nhà vua hỏi hai giám mục có hài lòng với nó không, thì phải làm sao?”

“Nói với ông ấy là không có đủ thời gian để thông báo cho họ. Nhắc cho ông ấy rằng tu viện trưởng, chứ không phải giám mục, là người xây lại nhà thờ chính tòa. Ngụ ý rằng nếu tôi hài lòng, các giám mục cũng hài lòng nữa.”

“Nhưng nếu các giám mục phản nản khi thỏa thuận được công bố thì sao?”

“Làm sao họ làm việc đó được?” Philip nói. “Họ đã giả vờ hỏi xin lãnh địa chỉ để tài trợ cho việc xây nhà thờ. Waleran khó có thể phản đối vì ông không thể sử dụng vào việc khác được.”

Regan cười khúc khích. Sự láu cá của Philip làm bà hài lòng. “Đó là một kế hoạch tốt,” bà nói.

“Có một điều kiện quan trọng,” Philip nói, và ông nhìn vào mắt bà. “Nhà vua phải công bố rằng phần của tôi được giao cho tu viện. Nếu ông ấy không nói rõ điều đó, tôi sẽ hỏi ông ấy. Nếu ông nói bất cứ gì khác – địa phận, người phụ trách phụng vụ hay tổng đại diện – tôi sẽ bác bỏ toàn bộ thỏa thuận. Tôi không muốn ông bà gặp khó khăn về việc đó.”

“Tôi hiểu,” Regan cầu nhàu nói.

Sự phát cáu của bà đã làm Philip nghi ngờ rằng bà đã có ý định trình bày với vua khác với những gì đã thỏa thuận. Ông vui vì đã đưa ra một quan điểm rõ ràng.

Ông đứng lên nhưng ông còn muốn bằng cách nào đó đóng dấu vào hiệp ước của họ. “Như vậy, chúng ta đã đồng ý,” ông nói và giọng ông nghe như là một lời xác định chứ không phải một câu hỏi. “Chúng ta có một thỏa hiệp nghiêm nghị.” Ông nhìn vào cả hai.

Regan gật đầu nhẹ, và Percy nói: “Chúng ta có một thỏa hiệp.”

Trái tim Philip đập nhanh hơn. “Tốt,” ông nói mạnh. “Tôi sẽ gặp ông bà sáng mai tại lâu đài.” Ông giữ mặt bình thản khi ông rời phòng, nhưng khi ông ra tới con đường tối, ông thư giãn và cho phép mình nở một nụ cười chiến thắng.

Philip rơi vào một giấc ngủ chập chờn đầy lo âu sau bữa ăn tối. Ông dậy vào giữa đêm cho giờ kinh đêm, sau đó nằm thao thức trên nệm rơm, băn khoăn những gì sẽ xảy ra ngày mai.

Ông cảm thấy vua Stephen phải đồng ý với đề nghị đó. Nó giải quyết vấn đề của nhà vua: nó tặng thêm cho ông một bá tước và một nhà thờ chính tòa. Ông không chắc chắn rằng Waleran sẽ để yên chuyện này, bất chấp những gì ông nói với bà Regan. Waleran có thể tìm ra cái cớ để phản đối sự thỏa thuận. Ông có thể, nếu ông nghĩ nhanh, phản đối rằng thỏa thuận này không mang lại đủ tiền để xây nhà thờ ấn tượng, thanh thế và trang hoàng lộng lẫy như ông muốn. Nhà vua có thể bị thuyết phục phải suy nghĩ lại.

Một nguy hiểm khác Philip chợt nghĩ tới trước bình minh: Regan có thể bỏ ngang ông và thỏa hiệp với Waleran. Giả sử bà ta sẵn sàng cho giám mục cùng thỏa thuận này? Waleran sẽ có đá mà ông cần cho lâu đài của ông. Sự có thể này làm Philip bối rối và ông trằn trọc trên giường. Ông ước gì chính ông có thể đi gặp vua, nhưng có lẽ nhà vua sẽ không tiếp ông, và Waleran, nếu một cách nào đó ông biết được, sẽ trở nên nghi ngờ. Không, không còn cách nào chống lại mối nguy cơ bị phản bội. Tất cả những gì ông có thể làm bây giờ là cầu nguyện.

Ông cầu nguyện cho đến bình minh.

Ông ăn sáng chung với các tu sĩ. Ông thấy bánh mì trắng không làm no bụng lâu như bánh mì lúa mạch; nhưng ngay cả như vậy hôm nay ông cũng không thể ăn nhiều. Ông đi sớm đến lâu đài, mặc dù ông biết vua sẽ không tiếp dân vào giờ đó. Ông vào trong hội trường, ngồi xuống trên chiếc ghế bằng đá và chờ đợi.

Dần dần căn phòng đầy những người đến kiến nghị và cận thần. Một vài người trong số họ mặc quần áo lộng lẫy, với áo dài màu vàng, xanh hay hồng và áo choàng gắn lông xum xuê. Cuốn sách nổi tiếng ‘Domesday’

được bảo quản tại một chỗ nào đó trong lâu đài này, Philip nhớ lại. Có lẽ ở phòng bên trên, nơi nhà vua đã tiếp kiến Philip và hai giám mục: Ông đã không chú ý đến nó và ông cũng quá căng thẳng để mà chú ý đến chuyện khác. Kho tàng hoàng gia cũng ở đây nữa, nhưng có lẽ ở tầng cao nhất, trong một tủ sắt gần phòng ngủ của vua. Một lần nữa Philip lại bị kinh hoàng bởi môi trường chung quanh, nhưng ông đã quyết tâm không để bị đe dọa nữa. Những người trong bộ quần áo sang trọng này, mặc dù họ là hiệp sĩ, bá tước, thương gia hay giám mục, họ vẫn chỉ là người. Một số họ còn không biết viết tên mình. Hơn nữa, họ đến đây để xin một cái gì đó cho riêng họ, còn ông, Philip, ông đến đây nhân danh Chúa. Sứ mạng của ông và chiếc áo dòng nâu bẩn của ông đặt ông lên trên những người đến kiến nghị khác, chứ không phải dưới họ.

Suy nghĩ đó cho ông can đảm.

Sự căng thẳng lan tỏa trong phòng khi một linh mục xuất hiện ở cầu thang dẫn lên lầu trên. Mọi người đều hy vọng đó là dấu hiệu nhà vua bắt đầu cho tiếp kiến. Vị linh mục thì thầm vài lời với lính gác, rồi lại biến mất ở cuối chân cầu thang. Lính bảo vệ chọn ra một hiệp sĩ trong đám đông. Chàng hiệp sĩ bỏ kiếm lại cho lính gác rồi lên cầu thang.

Philip nghĩ vị linh mục của hoàng gia này phải có một cách sống đặc biệt. Vua cần giáo sĩ, dĩ nhiên, không những để dâng thánh lễ, mà còn làm những việc hành chánh khác của vương quốc như đọc và viết các văn bản. Không ai có thể làm công việc này tốt hơn các giáo sĩ: Những giáo dân có học thức không có thể đọc và viết nhanh đủ. Đời sống của các giáo sĩ trong hoàng gia không được thánh thiện lắm. Em ruột của Philip, Francis, đã chọn đời sống đó và làm việc cho Robert thành Gloucester. Lần sau nếu gặp em ấy, tôi sẽ hỏi em ấy xem đời sống ở đó ra sao, Philip nghĩ.

Chẳng bao lâu sau khi người kiến nghị đầu tiên lên cầu thang, gia đình Hamleigh đi vào.

Philip chống lại ý muốn đến gặp họ ngay: ông không muốn cả thế giới biết họ thông đồng với nhau, không phải bây giờ. Ông chăm chú nhìn họ, nghiên cứu nét mặt họ, cố gắng đọc tư tưởng của họ. Ông thấy William nhỏ có vẻ hy vọng, Percy dường như lo lắng và Regan căng thẳng như dây

cung. Sau một lúc, Philip đứng lên, đi ngang qua phòng, bình tĩnh như ông có thể. Ông lịch sự chào họ và nói với Percy: “Ông có gặp nhà vua chưa?”

“Có.”

“Rồi sao?”

“Ông nói sẽ suy nghĩ về chuyện đó trong đêm.”

“Nhưng tại sao? Philip nói. Ông thất vọng và cáu gắt. “Phải suy nghĩ về chuyện gì?”

Percy nhún vai. “Hỏi ông ấy.”

Philip bức tức. “Tốt, ông ấy trông ra sao – hài lòng hay không?”

Regan trả lời. “Tôi đoán ông ấy thích ý tưởng đó vì nó giúp ông ra khỏi tình trạng khó xử, nhưng ông cảm thấy nghi ngờ vì nó nghe có vẻ quá dễ dàng.”

Điều đó có thể tin được, nhưng Philip vẫn giận dữ vì vua Stephen đã không nắm lấy cơ hội bằng cả hai tay. “Tốt hơn chúng ta không nên nói nữa,” sau một lúc ông nói. “Chúng ta không muốn các giám mục đoán được chúng ta đã thông đồng chống lại họ - nhất là trước khi vua loan báo.” Ông lễ phép gật đầu và rời đi.

Ông trở lại ghế đá. Ông cố gắng xua đuổi thời gian bằng cách nghĩ về cách ông sẽ làm nếu kế hoạch của ông thành công. Khi nào công việc xây dựng nhà thờ có thể bắt đầu? Nó tùy thuộc vào việc khi nào ông có thể rút ra tiền mặt từ tài sản mới của ông. Có một số lớn cừu: Ông sẽ có lông bán trong mùa hè. Một vài nông trại trên đồi còn được cho thuê và tiền thuê sẽ được trả ngay sau mùa gặt. Vào mùa thu chắc sẽ có đủ tiền để thuê một chuyên viên lâm nghiệp và một thợ chuyên môn về mỏ đá và bắt đầu dự trữ gỗ và đá. Cùng thời gian đó, những lao công có thể bắt đầu đào chân móng, dưới sự điều hành của thợ xây Tom. Họ sẽ sẵn sàng xây tường đá vào năm tới.

Nó là một giấc mơ đẹp.

Triều thần lên xuống cầu thang với một tốc độ đáng báo động: Vua Stephen làm việc nhanh chóng ngày hôm nay. Philip sợ vua sẽ chấm dứt làm việc và đi săn trước khi hai giám mục đến.

Sau cùng họ đến. Philip từ từ đứng lên khi họ bước vào. Waleran trông có vẻ căng thẳng, nhưng Henry có vẻ chán nản. Đối với Henry đây chỉ là việc nhỏ: ông phải hỗ trợ cho người anh em giám mục của mình, nhưng kết quả không quan trọng đối với ông. Tuy nhiên, đối với Waleran kết quả rất quan trọng cho kế hoạch của ông để xây một lâu đài – và lâu đài chỉ là một bước trong tiến trình đi lên trên bậc thang quyền lực.

Philip không biết phải đối xử với họ như thế nào. Họ đã thử lừa ông và ông muốn trực diện với họ, nói với họ là ông đã khám phá ra sự phản bội của họ; nhưng điều đó sẽ cảnh báo họ rằng có một điều gì đó không ổn và ông muốn tất cả họ không nghi ngờ gì để nhà vua có thể xác nhận thỏa hiệp đó trước khi họ có thể tập trung tư tưởng đối phó lại. Vì thế ông che giấu cảm xúc của mình và mỉm cười một cách lịch sự. Ông không cần phải bận tâm: họ hoàn toàn lừa ông đi.

Không bao lâu sau lính gác gọi họ. Henry và Waleran lên cầu thang trước, Philip theo sau. Gia đình Hamleigh đi sau cùng. Philip nghe thấy tim mình đập.

Vua Stephen đứng ở phía trước lò sưởi. Hôm nay dường như ông có một bầu khí vui vàng và bận rộn. Điều đó tốt: Ông sẽ không có đủ kiên nhẫn cho bất cứ nguy biến nào của giám mục. Giám mục Henry đến đứng bên cạnh anh ông ở lò sưởi, và những người khác đứng trong hàng ở giữa phòng. Philip cảm thấy đau ở bàn tay, và ông nhận ra ông đã nhấn móng tay vào bàn tay mình. Ông cố gắng giữ tay mình thanh thản.

Nhà vua nói chuyện với Giám mục Henry bằng một giọng nhỏ không ai nghe thấy được. Henry cau mày và thì thầm điều gì đó. Họ nói chuyện một lúc, rồi Stephen giơ tay ra hiệu cho em ông yên lặng. Nhà vua nhìn Philip.

Philip nhớ lại lần trước nhà vua đã nói chuyện tử tế với ông, đùa với ông vì ông lo lắng và nói ông thích một tu sĩ mặc quần áo như một tu sĩ.

Tuy nhiên hôm nay không có lời pha trò. Nhà vua ho và nói. “Người trung thành của tôi, Percy Hamleigh, hôm nay trở thành bá tước của Shiring.”

Từ khóe mắt, Philip nhìn Waleran bước lên, như muốn phản đối; nhưng Giám mục Henry nhanh chóng ngăn ông lại bằng một cử chỉ.

Nhà vua tiếp tục. “Về tài sản của lãnh địa cũ, Percy sẽ có lâu đài, tất cả đất đai được thuê bởi các hiệp sĩ, cộng thêm đất canh tác và các đồng cỏ ở thung lũng.”

Philip không thể dấu nổi sự sốt ruột của mình. Đường như nhà vua đã chấp thuận thỏa thuận này! Ông liếc nhìn Waleran, khuôn mặt ông biểu lộ sự thất vọng.

Percy quỳ xuống trước mặt vua và hai tay chắp lại như khi cầu nguyện. Nhà vua đặt tay trên đầu Percy. “Tôi phong ông, Percy, làm bá tước của Shiring và được tận hưởng đất đai và hoa lợi từ tài sản trên.”

Percy nói: “Tôi thề trước những gì là thánh thiện rằng tôi là người trung thành của ông và chiến đấu cho ông chống lại bất cứ quân thù nào.”

Stephen buông tay Percy ra và ông ấy đứng lên.

Stephen quay qua những người khác. “Tất cả những đất đai khác của cựu bá tước, tôi cho...” ông ngừng lại một lúc, nhìn từ Philip đến Waleran rồi quay lại, “tôi cho tu viện Kingsbridge, để xây nhà thờ chính tòa mới.”

Philip cố gắng không thốt lên tiếng kêu vui mừng – ông đã thắng! Ông không thể ngăn lại nụ cười rạng rỡ vì hài lòng. Ông nhìn Waleran. Ông ta bị sốc nặng. Ông không còn giữ được bình thản: miệng ông mở to, mắt ông rộng và ông nhìn chăm chăm vào vua. Rồi ông nhìn Philip. Waleran biết một cách nào đó ông đã sai và Philip là người thừa hưởng từ sai lầm của ông; nhưng ông không thể hình dung được làm sao nó lại có thể xảy ra như thế.

Vua Stephen nói: “Tu viện trưởng Kingsbridge sẽ có quyền lấy đá từ quặng của bá tước và gỗ từ rừng của ông ấy, không giới hạn, để xây nhà thờ chính tòa mới.”

Cổ họng Philip khô lại. Điều đó không đúng với thỏa thuận. Quặng mỏ và rừng thuộc về tu viện, và Percy chỉ có quyền săn bắn. Regan đã thay đổi các điều khoản. Bây giờ Percy sở hữu tài sản và tu viện chỉ có quyền lấy gỗ và đá. Philip chỉ có vài giây để quyết định có nên phủ nhận toàn bộ thỏa thuận. Nhà vua nói thêm: “Trong trường hợp có sự bất đồng, cảnh sát trưởng của Shering sẽ xét xử, nhưng cả hai phía có quyền khiếu nại với tôi.” Philip nghĩ: Regan đã cư xử kỳ quặc, nhưng nó đã gây ra sự khác biệt

nào? Sự thỏa thuận vẫn cho tôi hầu hết những cái tôi cần. Rồi nhà vua nói: “Tôi tin là sự thỏa thuận này đã được cả hai phía chấp thuận.” Bây giờ không còn thời gian nữa.

Percy nói: “Vâng, tâu vua.”

Waleran mở miệng muốn phản kháng rằng ông ấy không chấp nhận thỏa hiệp này, nhưng Philip lên tiếng trước: “Vâng, tâu vua.”

Giám mục Henry và Waleran cả hai quay đầu về phía Philip và nhìn ông. Biểu lộ của họ cho thấy họ ngạc nhiên hoàn toàn khi nhận ra rằng Philip, một tu viện trưởng trẻ, người ngay cả không biết mặc một áo dòng sạch sẽ cho cuộc tiếp kiến với nhà vua, đã thương lượng một thỏa thuận với vua sau lưng họ. Một lúc sau, nét mặt Henry biểu lộ sự thích thú như một người lớn bị thua một đứa trẻ tinh ranh trong một cuộc chơi; nhưng ánh mắt của Waleran nói lên sự ác hiểm. Philip cảm thấy có thể đọc được tư tưởng của Waleran. Waleran nhận ra rằng lỗi lầm chủ yếu của ông là đã đánh giá thấp đối thủ của mình và đã bị hạ nhục vì thất bại. Đối với Philip, giây phút này bù đắp lại mọi thứ mà ông đã phải chịu: sự phản bội, sự sỉ nhục, sự coi thường. Philip hất cằm, chịu phạm tội kiêu ngạo và nhìn Waleran như muốn nói: Ông phải cố gắng hơn nữa mới đánh lừa được Philip thành Gwynedd.

Nhà vua nói: “Hãy báo cho cựu Bá tước Bartholomew biết quyết định của ta.”

Bartholomew ở trong một hầm ngục nào gần đây, Philip đoán chừng. Ông nhớ lại những đứa trẻ sống với người phục vụ trong lâu đài đổ nát, và ông cảm thấy nhói lên cảm xúc tội lỗi khi ông tự hỏi những gì sẽ xảy ra với chúng.

Nhà vua cho mọi người ra về, ngoại trừ giám mục Henry. Như đi trên mây, Philip bước ra cửa. Ông đến đầu cầu thang cùng lúc với Waleran, và ngừng lại để Waleran đi trước. Waleran bắn một cái nhìn giận dữ vào Philip. Khi ông nói, giọng ông như mật đắng, và mặc dù Philip đang hào hứng, lời nói của Waleran làm ông ớn lạnh đến tận xương. Bộ mặt đầy hận thù mở miệng: “Tôi thề bởi tất cả những gì thánh thiện, ông sẽ không xây được nhà thờ của ông.” Rồi ông kéo áo choàng đen của mình lên vai và xuống thang.

Philip nhận ra ông đã gây ra một kẻ thù truyền kiếp.

III

William khó giữ được sự phấn chấn khi lâu đài bá tước hiện ra trước mắt.

Đó là buổi chiều của một ngày sau khi vua đã ra quyết định. William và Walter đã đi hai ngày đường, nhưng William không hề mệt mỏi. Cậu cảm thấy như tim cậu phình to trong lồng ngực và chặn cổ họng cậu. Một chút nữa, cậu sẽ gặp lại Aliena.

Cậu đã từng hy vọng kết hôn với cô vì cô là con của bá tước, nhưng cô đã ba lần từ chối cậu. Cậu nhản mặt khi nhớ lại sự khinh miệt của cô. Cô làm cậu cảm thấy như cậu là người vô danh tiểu tốt, một nông dân; cô đã đối xử như Hamleigh là một gia đình không có chỗ đứng. Nhưng hoàn cảnh đã thay đổi. Bây giờ gia đình cô mới là vô sản. Cậu là con của bá tước và cô không là gì cả. Cô không có tước hiệu, không chỗ đứng, không đất đai, không tài sản. Cậu đang đến chiếm quyền sở hữu lâu đài, và sẽ đuổi cô đi, và rồi cô sẽ chẳng còn nhà để ở. Đó là một sự thật quá đẹp.

Cậu cho ngựa đi chậm lại khi gần đến lâu đài. Cậu không muốn Aliena đề phòng về việc cậu đến: cậu muốn cô có một bất ngờ, kinh hoàng và sốc khủng khiếp.

Bá tước Percy và Nữ bá tước Regan đã trở lại ngôi nhà cũ ở Hamleigh, thu xếp kho tàng, những con ngựa tốt và người phục vụ trong gia đình để di chuyển về lâu đài. Nhiệm vụ của William là thuê một số người địa phương thu dọn lâu đài, đốt lửa và làm cho nơi đó ấm áp lên.

Những đám mây xám cuộn cuộn trên bầu trời, rất gần như chạm vào pháo đài. Trời sẽ mưa tối nay. Như vậy sẽ tốt hơn, cậu sẽ đuổi Aliena đi trong cơn bão tố.

Cậu và Walter xuống ngựa, dẫn ngựa qua cây cầu gỗ. Lần trước tôi đã đến đây, đã chiếm cứ nơi này, William tự hào nghĩ. Cỏ đã mọc trong khu phía thấp. Họ buộc ngựa và để chúng ăn cỏ. William cho con ngựa chiến của cậu một nắm hạt ngũ cốc. Vì không còn chuồng ngựa, nên họ để yên ngựa trong nhà nguyện bằng đá. Những con ngựa khụt khịt và giậm chân, nhưng một cơn gió thổi lên che lấp âm thanh. William và Walter đi ngang qua cây cầu thứ hai lên khu phía trên.

Không có dấu hiệu của sự sống. Bất ngờ William nghĩ có thể Aliena đã đi khỏi. Đó sẽ là một thất vọng lớn lao! Cậu và Walter sẽ phải trải qua một đêm ẩm ướt, đói rét trong lâu đài lạnh lẽo và dơ bẩn này. Họ lên cầu thang bên ngoài dẫn đến cửa hội trường. “Im lặng,” William nói với Walter. “Nếu họ ở đây, tôi muốn gây cho họ một cú sốc.”

Cậu đẩy cửa. Hội trường lớn trống và tối tăm, và có mùi như cả nhiều tháng không có người ở: như cậu chờ đợi, họ sống ở tầng trên. William bước đi nhẹ nhàng qua hội trường đến cầu thang. Lau sậy khô kêu xào xạc dưới chân cậu. Walter theo sau.

Họ trèo lên cầu thang. Họ không nghe thấy gì: bức tường pháo đài dày ngăn chặn mọi âm thanh. Lưng chừng, William dừng lại, quay về phía Walter, đặt ngón tay lên miệng và chỉ. Có một ánh sáng xuyên qua dưới cánh cửa ở đầu cầu thang. Một người nào đó ở đây.

Họ lên hết cầu thang và dừng lại trước cửa. Từ phía trong vọng ra tiếng cười của một người con gái. William mỉm cười sung sướng. Cậu tìm nắm cửa, nhẹ nhàng vặn và đẩy cửa mở. Tiếng cười biến thành tiếng hét sợ hãi.

Cảnh trong phòng là một bức tranh đẹp. Aliena và em cô, Richard, đang ngồi ở một bàn nhỏ, gần lò sưởi, chơi một trò chơi, và Matthew, người quản gia, đứng sau lưng cô và nhìn qua vai cô. Khuôn mặt Aliena hồng tươi trong ánh lửa và mái tóc đen lượn sóng lấp lánh ánh đèn. Cô mặc một áo dài lụa màu sáng. Cô nhìn lên William, cặp môi đỏ mở to như một chữ O vì ngạc nhiên. William quan sát cô, thích thú về sự sợ hãi của cô, không nói gì. Một lúc sau cô hồi phục, đứng lên và nói: “Anh muốn gì?”

William đã luyện tập cảnh này nhiều lần trong trí tưởng tượng. Cậu chậm rãi đi vào phòng và đứng bên lò sưởi, sưởi ấm bàn tay; rồi nói: “Tôi sống ở

đây. Cô muốn gì?”

William mỉm cười đắc thắng. “Bá tước ở Shiring là bố tôi,” cậu nói. Người quản gia thở dài, như thể anh đã sợ chuyện này xảy ra. Aliena nhìn ngơ ngác, William tiếp tục: “Vua đã phong bá tước cho bố tôi hôm qua ở Winchester. Lâu đài bây giờ thuộc quyền sở hữu của chúng tôi. Tôi là chủ ở đây cho đến khi bố tôi đến.” Cậu vẫy ngón tay gọi người quản gia. “Và tôi đang đói, vì thế mang cho tôi bánh, thịt và rượu.”

Người quản gia do dự. Ông lo lắng nhìn Alien. Ông sợ phải để cô lại. Nhưng ông không có chọn lựa khác. Ông đi ra cửa.

Aliena bước một bước về phía cửa, như muốn theo ông ta.

“Ở lại đây,” William ra lệnh cho cô.

Walter đứng giữa cô và cửa ra vào, ngăn đường cô.

“Anh không có quyền ra lệnh cho tôi!” Aliena nói với một chút hách dịch mà cô vẫn thường có.

Matthew nói bằng giọng sợ hãi, “Ở lại, cô ạ. Đừng làm họ tức giận. Tôi sẽ trở lại ngay.”

Aliena cau mày nhìn ông, nhưng cô đứng lại. Matthew đi ra.

William ngồi vào ghế của Aliena. Cô đi về phía em trai. William quan sát chúng. Chúng giống nhau, nhưng tất cả sức mạnh ở trên mặt người con gái. Richard cao, ở tuổi dậy thì vụng về, chưa có râu. William thích cảm giác có chúng ở trong quyền lực của cậu. Cậu nói: “Mày bao nhiêu tuổi, Richard?”

“Mười bốn,” đứa bé nói.

“Đã giết ai bao giờ chưa?”

“Không,” nó trả lời, rồi với một sự can đảm nhỏ nó nói thêm: “Chưa.”

Mày cũng sẽ phải đau khổ nữa, thằng tự kiêu này, William nghĩ. Cậu chuyển sự chú ý sang Aliena. “Cô bao nhiêu tuổi?”

Lúc đầu cô như không muốn nói với cậu ấy, nhưng rồi cô thay đổi ý định, có lẽ nhớ lại lời Matthew đã nói là đừng làm họ giận. “Mười bảy,” cô nói.

“Ô! Cả gia đình biết đếm,” William nói. “Cô còn trinh chứ, Aliena?”

“Dĩ nhiên!” cô điên lên.

Bất thành lĩnh William chồm qua phía trước và nắm lấy ngực cô. Ngực cô to đầy bàn tay rộng lớn của cậu. Cậu siết chặt: nó rắn chắc nhưng đàn hồi. Aliena thành lĩnh giật mạnh, và nó rời khỏi tay cậu.

Richard bước về phía trước và kéo tay William qua bên. Không gì có thể làm William hài lòng hơn. Cậu nhanh chóng đứng dậy khỏi ghế và đâm vào mặt Richard. Như cậu chờ đợi, Richard mềm yếu: Cậu kêu to và hai tay ôm lấy mặt.

“Để nó yên!” Aliena nói.

William nhìn cô ngạc nhiên. Cô có vẻ quan tâm tới em trai của mình hơn là tới bản thân của cô. Điều đó phải đáng nhớ.

Matthew trở lại, mang theo một mâm gỗ gồm bánh mì, thịt nguội và bình rượu. Ông tái mặt khi thấy Richard lấy tay ôm mặt. Ông đặt mâm xuống bàn và đi tới chỗ cậu bé. Nhẹ nhàng lấy tay cậu bé ra, ông nhìn vào mặt cậu. Nó đỏ và chung quanh mắt sưng lên. “Tôi đã nói là đừng làm họ giận,” ông lầm bầm, nhưng ông nhẹ nhõm vì nó không tồi tệ hơn những gì ông sợ. William thất vọng: cậu hy vọng Matthew sẽ nổi giận. Người quản gia sẽ là kẻ phá đám.

Nhìn vào đám thức ăn, miệng William ứa nước miếng. Cậu kéo ghế tới gần bàn, lấy dao ăn và cắt một miếng thịt nguội dày. Walter ngồi đối diện với cậu. Qua miệng đầy bánh và thịt, William nói với Aliena. “Mang đến vài ly và rót đầy rượu vào.” Matthew định làm, nhưng William nói: “Không phải ông – cô ta.” Aliena do dự. Matthew nhìn cô lo lắng và gật đầu. Cô đi qua bàn và lấy bình rượu.

Khi cô cúi xuống, William luồn tay xuống dưới vạt áo dài của cô, và nhanh chóng lướt ngón tay của mình lên đùi cô. Ngón tay cậu cảm thấy bắp chân thon thả với lông mềm mại, rồi bắp thịt đàn sau đầu gối, và làn da mềm mại bên trong đùi cô. Aliena giật lùi lại, quay lại rồi vung bình rượu nặng lên đầu cậu.

William ngăn chặn cú đánh bằng tay trái rồi tát vào mặt cô bằng tay phải. Ông đã dồn hết sức vào cái tát. Bàn tay cậu đau trong một cảm giác thỏa mãn. Aliena hét lên. Trong khóe mắt William nhìn thấy Richard chuyển động. Cậu mong chờ điều đó. Cậu đẩy mạnh Aliena sang một bên và cô té

xuống sàn nhà đau đớn. Richard đến với William giống như con nai nộp mình cho thợ săn. William né đòn đầu tiên của Richard, rồi đâm vào bụng cậu. Khi cậu gập xuống, William tới tấp đâm vào mắt mũi cậu. Nó không thú vị như khi đánh Aliena, nhưng nó cũng đủ vui, và trong khoảnh khắc mặt Richard đầy máu.

Bất thành linh Walter kêu lên báo động, nhảy lên và nhìn qua vai William. William quay quanh và thấy Matthew đến gần, tay cầm con dao giơ cao sẵn sàng đâm. Sự tấn công quá bất ngờ đối với cậu – cậu không ngờ tới sự dũng cảm của người quản gia nữ tính. Walter không thể kịp đến ngăn chặn. Tất cả những gì William có thể làm là giơ cả hai tay lên bảo vệ mình, và trong khoảnh khắc kinh hoàng, cậu nghĩ cậu sẽ bị giết trong lúc chiến thắng. Một đòn mạnh sẽ đẩy hai tay William ra bên cạnh, nhưng Matthew là người mảnh khảnh, yếu đuối với công việc nhà và lưỡi dao của ông không hoàn toàn trúng cổ William. Nhưng cậu chưa an toàn. Matthew giơ tay lên cho đòn thứ hai. William lùi lại một bước và lấy thanh kiếm của mình. Rồi Walter đi vòng qua bàn với con dao nhọn trong tay và đâm vào sau lưng Matthew.

Khuôn mặt Matthew biểu lộ sự kinh hoàng. William nhìn thấy đầu lưỡi dao của Walter đâm qua ngực của Matthew, xé rách áo dài của ông. Con dao của Matthew rời khỏi tay ông, rớt xuống sàn nhà. Ông cố nín hơi thở, nhưng một tiếng kêu khọt khẹt từ cổ họng và dường như ông không còn thở được nữa. Ông rũ xuống; máu chảy ra từ miệng ông; mắt ông khép lại; và ông ngã xuống. Walter rút con dao nhọn ra khi thân thể ông khụy xuống sàn nhà. Lúc đầu máu trào ra từ vết thương, nhưng sau đó chảy chậm thành giọt.

Tất cả nhìn vào xác chết trên nền nhà: Walter, William, Aliena và Richard. William quay cuồng sau khi cận kề với sự chết. Cậu cảm thấy như cậu có thể làm mọi chuyện. Cậu vươn người, nắm lấy vạt áo dài của Aliena. Chất lụa đẹp, mềm mại và rất mắc. Cậu giật mạnh. Chiếc áo rách. Cậu tiếp tục kéo vì thế nó rách hết phần trước. Cậu giữ một mảnh to trong tay. Aliena kêu to, rồi cố gắng kéo phần còn lại che đậy thân mình. Chỗ rách không đủ che đậy. Cổ họng William khô ráo. Sự thương tổn bất ngờ

của cô làm cậu hứng thú, hơn cả khi cậu ngắm cô tắm rửa, bởi vì bây giờ cô biết cậu đang nhìn, và cô cảm thấy xấu hổ, và sự xấu hổ của cô đốt cháy cậu hơn. Cô che ngực cô bằng một tay và chỗ kín bằng tay kia. William buông rơi góc vải và túm lấy tóc cô. Cậu kéo cô về phía cậu, quay cô xung quanh và tách phần áo còn lại trên lưng cô.

Cô có đôi vai trắng đẹp, vòng eo nhỏ, và đáng ngạc nhiên là đôi mông đầy đặn. Cậu kéo cô vào người, ấn sát người cậu vào lưng cô, cọ người vào mông cô. Cậu cúi đầu xuống cắn mạnh vào cổ mềm mại của cô, cho đến khi cậu nếm thấy máu và cô hét lên lần nữa. Cậu thấy Richard chuyển động.

“Giữ thẳng bé lại.” cậu nói với Walter.

Walter nắm lấy Richard và khóa chặt tay cậu.

Bằng một tay William giữ chặt Aliena vào mình, tay kia cậu thám hiểm thân thể cô. Cậu sờ vào ngực cô, nâng lên nâng xuống rồi nắn bóp, và vấu vào núm vú nhỏ của cô; rồi cậu chạy bàn tay qua bụng cô vào khu chỗ lông tam giác giữa chân cô, rậm và xoắn như tóc trên đầu cô: cậu đưa ngón tay thúc vào trong cô. Cô bắt đầu kêu khóc. Cậu cảm thấy sự căng thẳng của cậu như sắp bùng nổ.

Cậu bước xa khỏi cô và kéo cô ngã lưng xuống chân dang rộng của cậu. Lưng cô rơi xuống, cô nghệt thở.

William đã không dự định chuyện đó, và cậu không hoàn toàn chắc chắn tại sao nó lại xảy ra, nhưng bây giờ không có gì trên trần gian này có thể ngăn cậu được.

Cậu vạch áo dài của cậu và chỉ cho cô sự trần truồng của cậu. Cô kinh hoàng: có lẽ cô đã chẳng bao giờ nhìn thấy. Cô thật sự là một trinh nữ. Như vậy càng tốt.

“Mang cậu bé lại đây,” William nói với Walter. “Tôi muốn nó nhìn thấy mọi chuyện.” Ý nghĩ muốn làm chuyện đó trước mặt Richard làm cậu thích chí.

Walter đẩy Richard về phía trước và bắt cậu quỳ xuống.

William quỳ trên nền nhà và bành chân cô ra. Cô chiến đấu. Cậu đè lên người cô, dùng sức mạnh bắt cô phục tùng, nhưng cậu vẫn không thể vào

trong cô. Cậu bực mình. Cậu chống người lên khuỷu tay và dấm vào mặt cô. Aliena kêu to và má cô đỏ lên vì tức, nhưng khi cậu lại cố vào trong cô, cô lại chống cự.

Walter có thể giữ cô yên, nhưng ông phải giữ cậu bé.

Bất ngờ William có một sáng kiến. “Cắt tai thẳng nhỏ, Walter,” cậu nói.

Aliena yên lặng. “Đừng!” cô nói bằng giọng khàn khàn. “Hãy để nó yên – đừng làm khổ nó nữa.”

“VẬY hãy dạm chân ra,” William nói.

Cô dấm dấm nhìn cậu, đôi mắt mở to kinh hoàng vì sự chọn lựa kinh khủng ép buộc cô. William thích thú vì nỗi đau đớn của cô. Walter, đóng vai trò hoàn hảo, rút dao và đặt nó vào lỗ tai phải của Richard. Ông do dự, rồi với một chuyển động nhẹ nhàng ông cắt dải tai cậu bé.

Richard hét lên. Máu trào ra từ vết thương nhỏ. Walter ném miếng thịt rơi xuống ngực phập phồng của Aliena.

“Đừng lại!” cô hét lên. “Được rồi. Tôi sẽ làm điều đó.” Cô dạm chân ra.

William nhổ nước miếng vào tay, chà nước vào giữa hai chân cô. Cậu đẩy ngón tay của cậu vào bên trong cô. Cô kêu lên đau đớn. Điều đó làm cậu thích thú. Cậu hạ mình trên người cô. Cô nằm yên, căng thẳng. Mắt cô nhắm nghiền. Mặc dù người cô đầy mồ hôi trong cuộc chiến đấu vừa qua, nhưng cô rùng mình. William điều chỉnh vị trí của mình, rồi do dự, thưởng thức sự chờ đợi và nỗi sợ hãi của cô. Cậu nhìn những người khác. Richard kinh hoàng. Walter nhìn xem thèm khát.

William nói: “Đến lượt ông, Walter.”

Aliena rên rỉ trong tuyệt vọng.

Cơn bão hoành hành hầu như suốt đêm, và nó ngưng lại vào buổi bình minh. Sự yên lặng đột ngột đánh thức thợ xây Tom dậy. Khi ông nằm trong đêm tối, lắng nghe tiếng thở nặng nề của Alfred bên cạnh và âm thanh êm của Martha phía bên kia, ông đoán rằng hôm nay trời sẽ sáng, nó có nghĩa là ông có thể nhìn thấy mặt trời lần đầu tiên mọc lên sau hai ba tuần đầy mây. Ông đang chờ điều đó.

Ông đứng dậy và mở cửa. Trời vẫn còn tối: còn rất nhiều thời gian. Ông dùng chân thúc vào con: “Alfred, dậy thôi! Mặt trời sắp mọc rồi” Alfred

lầm bầm và ngồi dậy. Martha lăn mình nhưng không dậy. Tom đi đến bàn và mở nắp nồi đá. Ông lấy nửa bánh mì còn lại và cắt hai miếng dày, một cho ông và một cho Alfred. Họ ngồi xuống băng ghế và ăn sáng.

Còn một ít bia trong bình. Ông uống một hơi dài rồi đưa cho Alfred. Agnes sẽ lấy ly để uống, Ellen cũng vậy, nhưng bây giờ không còn đàn bà trong nhà. Khi Alfred đã uống no, họ rời nhà.

Bầu trời chuyển từ màu đen qua màu xám khi họ vượt qua sân tu viện. Tom có ý định đến nhà tu viện trưởng và đánh thức Philip. Tuy nhiên, ông cũng đã nghĩ như Tom, và ông đã có mặt bên đồng đồ nát của nhà thờ, mặc một áo khoác dày, quỳ gối trên mặt đất ẩm ướt và cầu nguyện.

Nhiệm vụ của họ là thiết lập một đường đông-tây chính xác tạo thành trục chính cho nhà thờ mới.

Thời gian qua Tom đã chuẩn bị mọi thứ. Ở cuối đầu phía đông ông đã đóng một cây cọc sắt, trên đầu có một lỗ nhỏ như lỗ kim. Đầu nhọn của thanh sắt cao bằng Tom, vì thế mà lỗ kim cao bằng mắt Tom. Ông đã chôn chặt nó bằng đá vụn và vữa, nên nó sẽ không thể xô dịch được. Buổi sáng hôm nay ông sẽ cắm cây cọc thứ hai, vào đúng hướng tây, đối diện với cây cột trước.

“Trộn một ít vữa nữa, Alfred,” ông nói.

Alfred lấy cát và vôi. Tom đi tới xưởng đồ nghề của ông ở gần hành lang tu viện, và lấy một chiếc búa và cây cọc thứ hai. Rồi ông đi đến phía cuối hướng tây, đứng đợi mặt trời mọc. Philip cầu nguyện xong và cùng tham gia với ông, trong khi Alfred trộn cát và vôi với nước trên một tấm phen.

Bầu trời sáng hơn. Ba người căng thẳng chờ đợi. Tất cả nhìn về bức tường phía đông của tu viện. Sau cùng mặt trời đỏ xuất hiện trên đỉnh tường.

Tom chuyển vị trí cho đến khi ông có thể nhìn thấy ánh sáng mặt trời xuyên qua lỗ nhỏ trên đầu cây cột ở phía đầu xa. Rồi, khi Philip bắt đầu cầu nguyện lớn bằng tiếng Latin, Tom cầm cây cọc thứ hai trước mặt ông để nó che không cho ông thấy mặt trời. Từ từ ông cắm nó xuống và ấn đầu nhọn của nó vào mặt đất mềm, luôn luôn giữ chính xác giữa mắt ông và mặt trời. Ông lấy búa đập lên đầu cọc sắt cho đến khi lỗ trên đỉnh cọc bằng với mắt

của ông. Bây giờ, nếu ông đã thực hiện chính xác và tay ông không run, mặt trời sẽ chiếu qua cả hai lỗ trên đỉnh hai cây cột sắt.

Ông nheo một mắt lại và nhìn xuyên qua lỗ cây cọc ở gần vào lỗ cây cọc ở xa. Mặt trời vẫn còn chiếu qua mắt ông xuyên qua hai lỗ của hai cây cọc. Hai cây cọc nằm trên một đường đông-tây hoàn hảo. Đường thẳng này cung cấp phương hướng cho nhà thờ mới.

Ông đã cắt nghĩa điều này cho Philip, và bây giờ ông đứng sang bên cạnh, nhường chỗ cho tu viện trưởng nhìn qua hai lỗ của cây cọc để kiểm tra.

“Hoàn hảo,” Philip nói.

“Tom gật đầu. “Đúng thế.”

“Ông có biết hôm nay ngày gì không?” Philip hỏi.

“Thứ sáu.”

“Hôm nay là ngày tử đạo của thánh Adolphus. Thiên Chúa cho chúng ta ánh sáng mặt trời để chúng ta định hướng cho nhà thờ vào ngày lễ quan thầy của chúng ta. Đó không phải là dấu hiệu tốt sao?”

Tom mỉm cười. Theo kinh nghiệm của ông, trong ngành xây dựng tay nghề tốt còn quan trọng hơn điềm báo tốt. Nhưng ông vui với Philip. “Vâng, thực vậy,” ông nói. “Nó là một dấu hiệu tốt.”

PHẦN SÁU

I

Aliena quyết định không nghĩ về nó nữa.

Cô ngồi cả đêm trên nền đá lạnh ở nhà nguyện, lưng dựa vào tường, dăm dăm nhìn vào bóng đêm. Lúc đầu cô không thể nghĩ gì về cảnh địa ngục mà cô vừa trải qua, nhưng dần dần nỗi đau vơi đi, và cô có thể tập trung vào âm thanh của bão, của tiếng mưa rơi trên mái nhà nguyện và tiếng gió gào thét chung quanh thành lũy của lâu đài hoang tàn.

Lúc đầu cô trần truồng. Sau khi hai người đàn ông đã... Khi họ chấm dứt, họ trở lại bàn ăn, để cô nằm trên sàn nhà và Richard đầy máu bên cạnh cô. Họ bắt đầu ăn uống và dường như họ đã quên cô, và rồi cô và Richard đã lợi dụng cơ hội trốn khỏi phòng. Khi đó cơn bão đã bắt đầu, và chúng chạy qua cây cầu trong cơn mưa và trốn trong nhà nguyện. Nhưng Richard phải quay lại hội trường. Cậu phải đi vào phòng nơi hai người đàn ông đang ăn uống, và giật lấy áo choàng của cậu và của Aliena từ móc nơi cửa ra vào, rồi lại chạy đi trước khi William và người cận vệ của ông kịp phản ứng.

Nhưng cậu không muốn nói chuyện với cô. Cậu đưa áo khoác cho cô, và quần áo choàng xung quanh cậu; rồi cậu ngồi trên sàn nhà cách xa cô, lưng dựa vào tường. Cô khao khát một người yêu cô, ôm cô và an ủi cô, nhưng Richard đã hành động như thể cô đã làm điều gì đó đáng xấu hổ khủng khiếp; và tồi tệ nhất là cô cũng cảm thấy như vậy. Cô cảm thấy tội lỗi như là cô đã phạm một tội. Cô hoàn toàn hiểu tại sao cậu không an ủi cô, không muốn đụng đến cô.

Cô cảm thấy dễ chịu vì trời lạnh. Trời lạnh giúp cô cảm thấy như được rút lui khỏi thế giới, bị cô lập; và dường như nó làm giảm cơn đau. Cô không ngủ, nhưng có vài lúc trong đêm cả hai đi vào trạng thái hôn mê, và ngồi bất động một lúc lâu.

Sự chấm dứt bất ngờ của cơn bão đưa họ ra khỏi cơn mê. Richard đứng lên và đi ra cửa. Cô quan sát cậu, cảm thấy khó chịu vì bị làm phiền: cô muốn ngồi đó, dựa lưng vào tường cho đến khi cô chết lạnh hoặc chết đói, bởi vì cô nghĩ rằng không còn gì quyến rũ hơn là trôi vào một trạng thái bất tỉnh an bình vĩnh viễn. Rồi cậu mở cửa, và ánh sáng bình minh yếu ớt chiếu sáng khuôn mặt cậu.

Aliena bị sốc, tỉnh dậy từ cơn mê sáng. Richard không còn có thể nhận ra được. Mặt cậu sưng lên, đầy máu khô và vết bầm tím. Aliena muốn khóc thét lên. Richard làm ra vẻ hiên ngang. Khi còn nhỏ, cậu đã phi đi trên con ngựa tưởng tượng chung quanh lâu đài, giả vờ đâm người bằng chiếc giáo tưởng tượng.

Những hiệp sĩ của bố luôn khuyến khích cậu bằng cách làm ra vẻ sợ hãi trước thanh kiếm bằng gỗ của cậu. Trong thực tế cậu lại hoảng sợ trước tiếng mèo kêu. Nhưng tối qua, cậu đã làm những gì tốt nhất cậu có thể, và cậu đã bị đánh vì nó. Bây giờ cô phải chăm sóc cậu.

Cô từ từ đứng lên. Toàn thân đau đớn, nhưng cơn đau không còn dữ dội như đêm qua. Cô suy tính xem những gì có thể xảy ra trong hội trường. Willian và người cận vệ có thể đã uống hết bình rượu trong đêm và đang ngủ say. Có thể họ sẽ tỉnh dậy khi mặt trời lên.

Đến lúc đó cô và Richard phải đi khỏi nơi đây.

Cô đi đến đầu nhà nguyện, tới bàn thờ. Bàn thờ là một hộp bằng gỗ đơn giản, sơn trắng, không trang trí. Cô dựa vào đó và bất ngờ đẩy nó ngã.

“Chị làm gì vậy?” Richard nói bằng giọng sợ hãi.

“Đây là chỗ dấu bí mật của bố,” cô nói. “Bố đã nói với chị trước khi bố đi.” Trên sàn nhà, chỗ đã kê bàn thờ, có một bó vải. Aliena mở nó và một thanh kiếm dần dần hiện ra, hoàn chỉnh với bao kiếm và thắt lưng, và một con dao găm dài.

Richard đi đến quan sát. Cậu có rất ít kỹ năng sử dụng thanh kiếm. Cậu đã học được một năm nhưng vẫn còn vụng về. Tuy nhiên Aliena chắc chắn không sử dụng được nó, vì thế cô đưa nó cho cậu. Cậu đeo thanh kiếm ngang hông.

Aliena nhìn con dao găm. Cô chưa bao giờ đeo vũ khí. Cả đời cô luôn có người bảo vệ. Khi cô nhận ra rằng cô cần con dao giết người này để tự vệ, cô cảm thấy như bị bỏ rơi. Cô không chắc chắn có sử dụng được nó không. Tôi đã đâm một con heo rừng bằng cây giáo bằng gỗ, tại sao tôi không thể đâm con dao này vào một người – một người giống như Hamleigh? Cô giật mình vì ý nghĩa đó.

Con dao găm có vỏ bọc bằng da và một dây vòng để gắn vào thắt lưng. Vòng dây đủ lớn để cuốn quanh cổ tay nhỏ của Aliena giống như một chiếc vòng đeo tay. Cô quệt nhẹ lưỡi gươm lên tay trái, rồi dấu nó dưới tay áo. Con dao dài bằng khuỷu tay cô. Ngay cả khi cô không đâm ai, cô cũng có thể dùng nó để dọa người khác.

Richard nói: “Chúng ta hãy đi ngay, nhanh lên.”

Aliena gật đầu, nhưng khi vừa định mở cửa, cô dừng lại. Trời đã sáng nhanh, và cô có thể nhìn thấy trên nền nhà nguyện hai đồ vật trong bóng tối mà trước đó cô không để ý. Nhìn kỹ hơn, cô nhận ra chúng là hai yên ngựa, một có kích thước trung bình và một rất lớn. Cô hình dung ra William và người cận vệ của cậu đã đến đây đêm qua, hãnh diện về chiến thắng của họ ở Winchester và mệt mỏi vì đường dài, nên đã tháo yên ngựa và vô ý đem chúng vào đây trước khi vội vã lên hội trường. Họ không tưởng tượng được một người nào đó dám ăn cắp chúng. Nhưng sự tuyệt vọng làm con người can đảm.

Aliena đi ra cửa, nhìn ra ngoài. Ánh sáng đã lên nhưng yếu và không sắc màu. Gió đã ngưng và bầu trời không gợn mây. Nhiều tấm ván bằng gỗ đã rơi từ mái nhà thờ đêm qua. Cả khu lâu đài vắng vẻ, chỉ trừ hai con ngựa ăn cỏ ướn. Cả hai ngược nhìn Aliena, rồi lại cúi đầu xuống. Một con là ngựa chiến; điều đó giải nghĩa tại sao lại có yên ngựa rộng quá khổ. Con kia là một con ngựa đốm, không đẹp, nhưng nhỏ gọn và vững chắc. Aliena nhìn chúng, rồi nhìn vào yên ngựa, rồi lại nhìn chúng.

“Chúng ta còn đợi gì nữa?” Richard lo lắng nói.

Aliena quyết tâm: “Chúng ta hãy lấy ngựa của họ,” cô nói dứt khoát.

Richard sợ hãi. “Họ sẽ giết chúng ta.”

“Họ không thể bắt kịp chúng ta. Nếu chúng ta không lấy ngựa của họ, họ có thể đuổi theo và giết chúng ta.”

“Nhưng nếu họ bắt được chúng ta trước khi chúng ta đi khỏi?”

“Chúng ta phải đi ngay.” Cô không tự tin như cô đang nói, nhưng cô phải động viên Richard. “Chúng ta hãy khoác yên cho con ngựa đua trước – trông nó có vẻ hiền hơn. Hãy đem yên ngựa bình thường ra đây.”

Cô vội vã đi qua sân lâu đài. Cả hai con ngựa được cột bằng sợi dây dài vào cột của tòa nhà đã bị đốt cháy. Aliena cầm lấy dây cương của con ngựa đua và kéo nhẹ. Dĩ nhiên đây là con ngựa của người cận vệ. Aliena muốn một con nhỏ hơn, hiền lành hơn, nhưng cô nghĩ cô có thể xử lý con này. Richard phải đi con ngựa chiến.

Con ngựa đua nhìn Aliena nghi ngờ và cụp tai lại. Cô không còn kiên nhẫn, nhưng cô cố gắng nói nhẹ và kéo dây nhẹ nhàng, và con ngựa bình tĩnh lại. Cô ôm đầu nó và vuốt ve lỗ mũi nó; rồi Richard đẩy dây cương vào và bịt miệng nó.

Aliena thở phào nhẹ nhõm. Richard đặt yên ngựa nhỏ lên lưng, rồi cột nó nhanh chóng và chắc chắn. Cả hai đã biết dùng ngựa từ khi còn bé.

Có túi bị gắn hai bên yên ngựa của người cận thần. Aliena hy vọng chúng chứa vài điều hữu ích: một viên đá lửa - một số lương thực hay một ít hạt cho ngựa ăn – nhưng bây giờ không có thì giờ để kiểm soát chúng. Cô lo âu liếc nhìn qua sân về phía chiếc cầu tới hội trường. Không có bóng người.

Con ngựa chiến đã quan sát con ngựa đua bị thả yên, và nó biết những gì sẽ xảy đến, nhưng nó không hợp tác với người xa lạ. Nó khịt mũi và chống lại khi bị kéo dây đi. “Psss..uyt!” Aliana nói. Cô giữ chặt dây cương, kéo liên tục và con ngựa miễn cưỡng đến gần cô. Nó rất khỏe, và nếu nó cố gắng cưỡng lại, nó sẽ gây nhiều khó khăn. Aliena băn khoăn không biết con ngựa đua có thể chở cô và Richard không. Nhưng như thế William có thể dùng con ngựa chiến bắt kịp họ.

Khi cô đến gần con ngựa, cô quấn dây xung quanh gốc cây để nó không di chuyển được. Nhưng khi Richard cố quàng dây cương vào cổ nó, nó hất đầu trốn tránh.

“Thử thả yên ngựa trước,” Aliena nói. Cô nói chuyện với con thú, vỗ vào cổ nó trong khi Richard đặt yên lên lưng ngựa và cột lại. Nó bó tay. “Ngoan nào, mọi chuyện sẽ tốt thôi!” Aliena nói bằng giọng chắc chắn. Khi Richard cầm dây cương đến gần, con ngựa khịt mũi và né tránh. “Tao có cái này cho mày,” Aliena nói, và cho tay vào túi áo khoác trống không của mình. Con ngựa bị đánh lừa. Cô đưa ra một nắm tay không, nhưng con ngựa rúc đầu vào tay cô tìm kiếm thức ăn. Cô cảm thấy lưỡi rất của nó trong tay cô. Trong khi đầu nó cúi xuống, miệng nó mở ra, Richard quàng dây cương vào.

Aliena liếc một cái nhìn lo lo lắng về hướng hội trường. Tất cả yên tĩnh.

“Trèo lên,” cô nói với Richard.

Cậu đặt một chân vào bàn đạp cao – không phải không có khó khăn – và vung mình lên lưng ngựa. Aliena tháo dây thừng khỏi gốc cây.

Con ngựa hí vang.

Tim cô thót lên. Âm thanh có thể vang đến hội trường. Một người như William sẽ biết tiếng kêu của con ngựa mình, đặc biệt một con ngựa đắt tiền như con này. Cậu ấy có thể bị đánh thức.

Cô vội vã tháo dây con ngựa kia. Ngón ta buốt lạnh của cô dò dẫm tháo nốt thắt. Nghĩ đến William sẽ thức giấc làm cô mất tinh thần. Cậu ta sẽ mở mắt, ngồi dậy, nhìn quanh, nhớ lại cậu đang ở đâu, và ngạc nhiên tại sao ngựa cậu lại hí vang. Việc xấu hổ, tàn bạo, đau đớn cậu đã làm cho cô trở lại trong cô với tất cả sự kinh hoàng.

Richard nói khẩn trương: “Nhanh lên, Allie!” Con ngựa của cậu bồn chồn và thiếu kiên nhẫn. Cậu đã cố gắng giữ nó đứng yên. Cậu cần phi nó một hai dặm để làm nó mệt; sau đó mới xử lý nó dễ hơn. Nó lại hí vang và bắt đầu đi loanh quanh.

Cuối cùng Aliena cũng tháo được nút dây. Cô định bỏ dây thừng, nhưng như thế cô sẽ không có thể cột ngựa được nữa, vì thế cô vội vàng cuộn nó lại và cột nó vào yên ngựa. Cô cần phải điều chỉnh bàn đạp: chúng cao đủ

cho người cận vệ của William, người cao hơn cô nhiều, vì thế mà chúng quá thấp cho cô để đạp chân lên khi cô ở trên yên ngựa. Nhưng cô có thể tưởng tượng William đang xuống thang, đi qua sân, bước vào khoảng trống...

“Em không thể giữ ngựa lâu hơn nữa,” Richard nói bằng giọng căng thẳng.

Aliena cũng bồn chồn như con ngựa chiến. Cô đu mình lên ngựa. Cô bị đau khi ngồi trên lưng ngựa và cô phải vất vả lắm mới tiếp tục được. Richard cho ngựa tiến về phía cổng và ngựa của Aliena theo sau mà không cần cô điều khiển. Bàn đạp ở quá xa như cô đã đoán trước, và cô phải kìm chặt bằng đầu gối. Khi họ ra tới bên ngoài, cô nghe thấy tiếng hét từ đâu đó phía sau cô, và cô kêu than lớn tiếng: “Ồ, không!” Cô nhìn thấy Richard thúc ngựa. Con thú khổng lồ vọt lên. Con ngựa của cô theo sát sau. Cô mừng thầm vì nó luôn làm theo những gì con ngựa chiến làm, bởi vì cô không còn có thể kiểm soát nó. Richard thúc ngựa một lần nữa và nó tăng tốc độ khi đi qua dưới mái vòm của cổng nhà. Aliena nghe tiếng hét khác, gần hơn nhiều. Cô quay lại thấy William và người cận vệ đang chạy qua sân.

Con ngựa của Richard bồn chồn, và chẳng bao lâu khi nó nhìn thấy cánh đồng trước mặt, nó cúi đầu xuống và phi nước đại. Chúng chạy âm âm qua cây cầu gỗ. Aliena cảm thấy một cái gì đó kéo vào đùi, và qua khóe mắt cô nhìn thấy một bàn tay với vào đai yên ngựa; nhưng sau đó biến mất, và cô biết cô đã thoát. Cô cảm thấy nhẹ người; nhưng rồi cô lại thấy đau. Khi ngựa phi nhanh qua những cánh đồng cô cảm thấy như bị đâm bên trong, như hôm qua khi William thô tục đã cho vào trong cô; và có một dòng nước nhỏ ấm trên đùi. Cô cầm chặt dây cương và nhắm mắt lại chống lại cơn đau. Nhưng sự kinh hoàng của đêm qua lại hiện về, và cô thấy nó trong đôi mắt nhắm nghiền của cô. Khi họ phóng qua cánh đồng cô hô to theo tiếng vó ngựa: “Tôi không thể nhớ lại, tôi không được phép nhớ lại, tôi không, tôi không.”

Con ngựa đi vào phía phải và Aliena cảm nhận nó đang lên một con dốc nhỏ. Cô mở mắt ra và thấy Richard đã tránh con đường bùn và chọn con

đường dài đến khu rừng. Cô nghĩ có lẽ cậu muốn làm cho ngựa chiến mệt trước khi cho nó đi chậm lại. Cả hai con ngựa sẽ dễ điều khiển hơn khi họ đã cưỡi chúng một đoạn đường dài. Chẳng bao lâu sau, ngựa của Aliena có dấu hiệu mệt mỏi. Cô ngồi sâu trong yên. Con ngựa chạy chậm lại, rồi phi nước đại, rồi đi thong thả. Ngựa của Richard vẫn còn nhiều năng lượng cần phải đốt cháy, và nó phóng đi trước.

Aliena nhìn lại qua cánh đồng. Lâu đài đã cách xa một dặm, và cô không chắc chắn có phải có hai bóng người đứng trên cầu và nhìn về phía cô. Họ phải đi bộ một đoạn đường dài cho đến khi tìm được con ngựa thay thế, cô nghĩ. Lúc này cô cảm thấy an toàn.

Tay chân cô ngứa ran như thể chúng nóng lên. Sức nóng xông lên từ con ngựa giống như xông lên từ lửa, và quần cô trong không khí nóng. Richard cho ngựa đi chậm lại, rồi quay lại phía cô. Ngựa của cậu đi chậm và thở nặng nề. Họ quay vào phía hàng cây. Cả hai biết rõ khu rừng này vì chúng đã sống hầu như cả đời ở đây.

“Chúng ta đi đâu?” Richard hỏi.

Aliena cau mày. Chúng ta đi đâu? Chúng ta sẽ làm gì? Chúng ta không có đồ ăn, không nước uống, không tiền bạc. Cô không có quần áo, ngoại trừ chiếc áo khoác cô đang mặc – không áo dài, không quần áo lót, không mũ, không giày dép. Cô muốn chăm sóc em cô – nhưng bằng cách nào?

Cô nhận ra trong ba tháng qua cô đã sống trong mơ. Cô đã biết, trong tâm trí, rằng đời sống cũ đã qua đi, nhưng cô đã từ chối đối diện với nó. William Hamleigh đã đánh thức cô dậy. Cô không nghi ngờ gì về câu chuyện William nói là thật, và vua Stephen đã phong Percy Hamleigh làm lãnh chúa ở Shiring; nhưng có lẽ đó chưa phải là tất cả. Có lẽ nhà vua đã có một số quy định cho cô và Richard. Nếu chưa, vua sẽ phải có và chúng có thể kiến nghị lên ông. Dù sao, chúng cũng phải đi tới Winchester. Ít nhất chúng cũng tìm ra những gì đã xảy ra cho ông bố của chúng.

Cô bất ngờ nghĩ: Ôi, Bố ơi! Mọi chuyện đã sai ở chỗ nào?

Kể từ khi mẹ cô qua đời, bố cô đã chăm sóc cô một cách đặc biệt. Cô biết ông đã chú ý đến cô nhiều hơn những người bố khác đối xử với con gái của họ. Ông cảm thấy có lỗi vì đã không kết hôn một lần nữa để cho cô có

một bà mẹ mới; và ông cắt nghĩa rằng ông sống hạnh phúc với những kỷ niệm về vợ ông hơn là với một người thay thế. Dầu sao chẳng nữa Aliena đã chẳng bao giờ muốn một người mẹ khác. Bố cô đã chăm sóc cô, và cô chăm sóc Richard, và không ai trong họ bị tổn thương.

Những ngày này đã vĩnh viễn qua đi.

“Chúng ta đi đâu?” Richard hỏi một lần nữa.

“Tới Winchester,” cô nói. “Chúng ta đi gặp nhà vua.”

Richard háo hức. “Đúng! Và khi chúng ta tường thuật lại những gì William và cận vệ của ông đã làm tối qua, nhà vua chắc chắn sẽ...”

Trong nháy mắt, Aliena nổi cơn giận không kiểm soát được. “Im miệng lại!” cô hét lên. Những con ngựa kinh hãi. Cô kéo mạnh dây cương. “Đừng bao giờ nói về chuyện đó nữa!” Cô sôi sục vì giận và không nói nên lời. “Chúng ta sẽ không kể cho bất cứ ai chuyện họ đã làm – không một người nào! Không bao giờ! Không bao giờ!”

Túi của người cận vệ chứa một số pho mát cứng, một ít rượu nho trong bình da, một viên đá mài, và một hai cân lúa mạch hỗn hợp cho ngựa như Aliena đã dự đoán. Cô và Richard ăn pho mát và uống rượu vào giữa trưa, trong khi những con ngựa ăn ngọn cỏ thừa thớt cũng như bụi cây xanh ven đường và uống từ dòng nước sạch. Cô đã ngừng chảy máu và nửa thân mình dưới như bị tê liệt.

Họ gặp một số lũ khách, nhưng Aliena nói với Richard là không nên nói chuyện với ai. Đối với những người đi qua không để ý, chúng xuất hiện như một cặp oai vệ, nhất là Richard, trên con ngựa chiến và với thanh kiếm; nhưng qua một vài phút nói chuyện, chúng sẽ lộ ra là một cặp trẻ con không người chăm sóc, và chúng sẽ bị nguy hiểm. Vì thế chúng tránh gặp người khác.

Khi trời gần tối chúng tìm kiếm chỗ ngủ qua đêm. Chúng tìm thấy một khu đất trống bên cạnh con suối khoảng một trăm mét xa con đường cái. Aliena cho ngựa một ít ngũ cốc, trong khi Richard mồi lửa. Nếu chúng có nồi, chúng có thể nấu súp với hạt ngũ cốc của ngựa. Nhưng chúng không có, nên chúng phải nhai hạt ngũ cốc khô, cho đến khi chúng tìm ra hạt dẻo ngọt và nướng nó.

Trong khi cô suy nghĩ về điều đó và Richard đã đi xa tìm củi, cô run lên vì giọng nói trầm bên cạnh cô. “Cô là ai, cô bé của tôi?”

Cô hét lên. Con ngựa lùi lại, sợ hãi. Aliena quay lại và nhìn thấy một người đàn ông râu quai nón bẩn thỉu, mặc áo da màu nâu. Ông bước đến gần cô. “Hãy tránh xa tôi!” cô hét lên.

“Đừng sợ,” ông ta nói.

Trong khóe mắt, cô thấy Richard bước ra khoảng sân trống đằng sau người đàn ông lạ, trên tay đầy củi. Cậu đứng lại nhìn hai người. Rút kiếm ra đi! Aliena nghĩ thầm, nhưng cậu quá sợ hãi và không biết phải làm gì. Cô lùi lại và cố gắng cho con ngựa đứng giữa, ngăn cô và người lạ.

“Chúng tôi không có tiền,” cô nói. “Chúng tôi không có gì cả.”

“Tôi là người kiểm lâm của nhà vua.” Ông nói.

Aliena thở phào. Người kiểm lâm là nhân viên của hoàng gia được thuê để thực thi luật lệ về lâm nghiệp. “Tại sao ông không nói ngay, ông ngu ngốc?” Cô nói, giận vì đã sợ. “Tôi nghĩ ông là kẻ sống ngoài vòng pháp luật.”

Ông giật mình và như bị xúc phạm vì cô đã nói những lời bất lịch sự; nhưng ông nói: “Cô là người thuộc gia đình quyền quý, phải không?”

“Tôi là con gái bá tước ở Shiring.”

“Và cậu con trai là con của bá tước,” người kiểm lâm nói, mặc dù hình như ông chưa thấy cậu.

Richard bước đến, ném củi xuống đất. “Đúng như vậy,” cậu nói. “Ông tên là gì?”

“Brian. Cô cậu định ngủ qua đêm ở đây sao?”

“Vâng.”

“Một mình?”

“Vâng.” Aliena biết ông ta ngạc nhiên tại sao chúng không có người hộ tống, nhưng cô không định kể cho ông ta.

“Và các bạn không có tiền, như bạn đã nói.”

Aliena cau mày nhìn ông. “Ông nghi ngờ tôi?”

“Ồ, không. Qua cách cư xử, tôi biết các bạn thuộc giới quý tộc.” Có một chút mỉa mai trong giọng nói của ông không? “Nếu các bạn một mình và

không có tiền, có lẽ tốt hơn các bạn có thể ngủ trong nhà tôi. Nó không xa lắm.”

Aliena không có ý định tin tưởng vào lòng thương xót của người thô lỗ này. Cô dự định từ chối nếu ông ta ngỏ lời lần nữa.

“Vợ tôi sẽ rất vui chuẩn bị bữa ăn tối cho các bạn. Và tôi có một nhà ngang ấm áp cho các bạn qua đêm, nếu các bạn thích ngủ một mình hơn.”

Sự đề cập đến bà vợ làm cho tình thế thay đổi. Chấp nhận lòng hiếu khách của một gia đình đáng tôn trọng là đủ an toàn. Aliena vẫn còn do dự. Rồi cô nghĩ về một lò sưởi, một tô súp nóng, một ly rượu, và một chiếc giường rơm có mái che. “Chúng tôi rất vui,” cô nói. “Chúng tôi không có gì để cho ông – tôi nói thật là chúng tôi không có tiền – nhưng chúng tôi sẽ trở lại và thưởng cho ông.”

“Thế là đủ tốt rồi,” nhà kiểm lâm nói. Ông đi tới ngọn lửa và đá nó ra.

Aliena và Richard lên ngựa – chúng vẫn chưa tháo yên. Nhà kiểm lâm đến gần và nói: “Đưa dây cương cho tôi.” Mặc dù không biết chắc chắn ông muốn làm gì, nhưng Aliena đưa dây cương cho ông, và Richard cũng làm như vậy. Người đàn ông đi qua cánh rừng, dắt hai con ngựa. Aliena muốn tự mình giữ dây cương, nhưng cô quyết định để ông làm theo ý ông.

Đường xa hơn như ông đã nói. Họ đã đi ba hay bốn dặm, và trời đã tối khi họ đến căn nhà gỗ nhỏ với một mái tranh trên góc cánh đồng. Nhưng có ánh sáng xuyên qua cửa chớp và mùi nấu ăn, và Aliena vui mừng xuống ngựa.

Vợ của nhà kiểm lâm nghe thấy tiếng ngựa và đi ra cửa. Người đàn ông nói với bà ta: “Một bá tước trẻ và một cô ở một mình trong rừng. Hãy cho họ uống.” Ông quay sang Aliena: “Hãy đi vào trước. Tôi sẽ lo cho ngựa.”

Aliena không thích giọng ra lệnh – cô thích tự ra lệnh hơn – nhưng cô không muốn tự tháo yên ngựa, vì thế cô đi vào. Richard theo sau. Ngôi nhà đầy khói và có mùi, nhưng ấm áp. Có một con bò cột trong góc nhà. Aliena vui vì người đàn ông đã đề cập đến căn nhà ngang: cô chưa bao giờ ngủ chung với súc vật. Một nồi sôi trên lửa. Họ ngồi trên một ghế băng, và bà vợ cho họ mỗi người một tô súp từ nồi trên bếp. Nó có mùi vị rượu nho.

Khi bà nhìn khuôn mặt Richard trong ánh sáng, bà bị sốc. “Điều gì đã xảy ra cho cháu?” bà nói.

Richard mở miệng nói nhưng Aliena đã hốt lời cậu. “Chúng tôi có một loạt bất hạnh,” cô nói. “Chúng tôi trên đường đến gặp vua.”

“Thì ra thế,” bà vợ nói. Bà ấy là một phụ nữ nhỏ, da nâu, có một cái nhìn thận trọng. Bà không tiếp tục hỏi thêm nữa.

Aliena ăn tô súp nhanh chóng và muốn có thêm. Cô đưa chén ra. Người đàn bà nhìn đi chỗ khác. Aliena không hiểu nổi. Bà ấy không hiểu Aliena muốn gì sao? Hay bà ấy không còn nữa? Aliena muốn nói mạnh với bà, vừa khi đó người kiểm lâm đi vào. “Tôi sẽ chỉ cho các cháu chuồng thú vật, nơi các cháu có thể ngủ,” ông nói. Ông lấy một cây đèn từ móc cửa. “Đi theo tôi.”

Aliena và Richard đứng lên. Aliena nói với người đàn bà: “Tôi cần thêm một thứ nữa. Bà có thể cho tôi một bộ đồ cũ không? Tôi không có gì cả dưới cái áo khoác này.”

Không biết vì lý do gì người đàn bà khó chịu. “Để tôi xem có thể tìm thấy cái gì không,” bà lẩm bẩm.

Aliena đi ra cửa. Nhà kiểm lâm nhìn cô một cách kỳ lạ, dăm dăm nhìn vào áo khoác của cô như thể ông muốn nhìn xuyên qua. “Dẫn đường đi!” cô gằn giọng. Ông quay lại và đi ra cửa.

Ông dẫn chúng đi xung quanh sân sau nhà và qua một vườn rau. Ánh sáng chập chờn của cây đèn chiếu tỏ một căn nhà gỗ nhỏ, đúng hơn là một nhà kho chứ không phải một chuồng thú. Ông mở cửa, cánh cửa đập vào một thùng nước mưa lấy từ mái xuống. “Hãy coi xem nó có thích hợp với cháu không?” ông nói.

Richard vào trước. “Đưa cho em cây đèn, Allie,” cậu nói. Aliena quay lại lấy đèn từ tay người kiểm lâm. Khi cô quay lại, ông đẩy cô một cái thật mạnh. Cô ngã xuống, xuyên qua cửa, vào trong nhà kho và đè lên em trai. Cả hai ngã lăn xuống sàn nhà. Căn phòng bất chợt trở nên tối vì cánh cửa nhà kho đóng lại. Có một tiếng kêu lạ bên ngoài cửa, như thể một vật gì nặng chuyển động trước cửa.

Aliena không thể tin được những gì đang xảy ra.

“Chuyện gì xảy ra vậy, Allie?” Richard khóc to.

Cô ngồi dậy. Người đàn ông thực sự là người kiểm lâm hay là một người sống ngoài vòng pháp luật? Ông không thể là người sống ngoài vòng pháp luật, vì ông có nhà cửa chắc chắn. Nhưng nếu thực sự ông là một nhà kiểm lâm tại sao ông lại nhốt chúng? Chúng đã phạm luật gì phải không? Hay ông đã đoán những con ngựa này không phải của chúng? Hay ông có ý định gì gian xảo?

“Allie, tại sao ông ta làm như thế?” Richard hỏi.

“Chị không biết,” cô mệt mỏi nói. Cô không còn sức để lo ngại hay tức giận. Cô đứng lên và đẩy cửa. Nó không chuyển động. Cô đoán người kiểm lâm đã gài then bên ngoài. Trong đêm tối cô sờ soạng bức tường nhà kho. Cô có thể đụng vào mái nhà. Nhà kho được làm bằng những mảnh gỗ khép kín. Nó được kiến thiết cẩn thận. Nó là nhà tù của người kiểm lâm, là nơi ông ấy giữ người phạm tội trước khi bàn giao cho cảnh sát. “Chúng ta không thể ra khỏi nơi đây,” cô nói.

Cô ngồi xuống. Sàn nhà khô ráo và được trải rơm. “Chúng ta bị nhốt ở đây cho đến khi ông ấy thả chúng ta ra,” cô thất vọng nói. Richard ngồi bên cạnh cô. Một lúc sau chúng nằm bên cạnh nhau. Aliena cảm thấy không còn sức. Cô quá sợ hãi và căng thẳng để có thể ngủ, nhưng cô quá mệt mỏi, và trong vài khoảnh khắc cô rơi vào giấc ngủ thiu thiu.

Cô tỉnh dậy khi cánh cửa mở ra và ánh sáng ban mai chiếu vào mặt cô. Cô ngồi dậy ngay, sợ hãi không biết mình đang ở đâu và tại sao lại ngủ trên mặt đất cứng. Rồi cô nhớ lại và càng sợ hãi hơn: người kiểm lâm muốn làm gì chúng? Tuy nhiên không phải người kiểm lâm vào mà là người đàn bà nhỏ con có nước da nâu; và mặc dù mặt bà khép kín và không thân thiện như buổi tối hôm qua, nhưng bà mang theo một ổ bánh và hai chiếc ly.

Richard cũng ngồi dậy. Cả hai nhìn người phụ nữ thận trọng. Bà không nói gì, nhưng đưa cho mỗi người một ly, rồi bẻ bánh làm hai và cho mỗi người một nửa. Aliena chợt nhận ra cô đang chết đói. Cô nhúng bánh trong bia và ăn.

Người đàn bà đứng ở ngưỡng cửa chăm chú nhìn chúng trong khi chúng ăn bánh và uống bia. Rồi bà đưa cho Aliena một cuốn vải màu vàng đã sờn

rách. Aliena mở ra. Đó là một chiếc váy cũ.

Người đàn bà nói: “Mặc vào và đi khỏi đây.”

Aliena bối rối vì sự kết hợp giữa sự tử tế và lời nói cứng cỏi của bà, nhưng cô không do dự lấy chiếc áo. Cô quay lưng lại, cởi áo khoác ra, nhanh chóng mặc váy qua đầu, rồi mặc áo khoác lên.

Cô cảm thấy thoải mái hơn.

Người đàn bà đưa cho cô đôi guốc mộc, quá lớn.

Aliena nói: “Tôi không thể cưỡi ngựa với đôi guốc này.”

Người đàn bà cười: “Cô không còn được cưỡi ngựa nữa.”

“Tại sao không?”

“Ông ấy đã lấy ngựa của cô rồi.”

Tim Aliena đập mạnh. Bất công quá, vì chúng phải chịu thêm bất hạnh “Ông ta đem chúng đi đâu?”

“Ông ấy không nói cho tôi biết, nhưng tôi đoán ông ấy đến Shiring. Ông ấy sẽ bán con thú và tìm xem chúng mày là ai, và ngoài thịt ngựa ra, có còn cách nào tìm thêm được gì từ chúng mày không.”

“Vậy tại sao bà lại tha cho chúng tôi đi?”

Người đàn bà nhìn Aliena từ trên xuống dưới. “Bởi vì tôi không thích cách ông ta nhìn cô khi cô nói cô không mặc gì dưới áo khoác. Cô chưa hiểu nó bây giờ, nhưng khi cô là vợ, cô sẽ hiểu.”

Aliena đã hiểu nó, nhưng cô không nói ra.

Richard nói: “Ông ấy sẽ giết bà nếu ông ấy biết bà cho chúng tôi đi.”

Bà mỉm cười giấu cợt. “Ông ấy không làm tôi sợ như ông làm cho người khác sợ. Bây giờ nhanh lên.”

Chúng đi ra. Aliena hiểu người đàn bà này đã học cách sống với người tàn bạo và vô tâm, tuy vậy bà vẫn còn giữ lại trong tâm hồn một chút đứng đắn tối thiểu và lòng thương cảm. “Cảm ơn bà về bộ váy,” cô lúng túng nói.

Người đàn bà không để ý đến lời cảm ơn. Bà chỉ tay xuống con đường và nói: “Winchester ở hướng này.”

Chúng đi và không quay nhìn lại.

Aliena chưa bao giờ đi guốc – những người thuộc giai cấp của cô luôn luôn đi giày da hoặc dép – và cô thấy chúng khó đi và không thoải mái.

Tuy nhiên, đi guốc còn tốt hơn là đi chân không trên đất lạnh.

Khi nhà của người kiểm lâm đã xa khỏi tầm mắt, Richard nói: “Allie, tại sao những chuyện này lại xảy ra cho chúng ta?”

Câu hỏi làm Aliena nản lòng. Mọi người tàn nhẫn với chúng. Người ta được phép đánh chúng và cướp của chúng như chúng là con ngựa hay con chó. Không ai bảo vệ chúng. Chúng quá tin vào người khác, cô nghĩ. Chúng đã sống ba tháng trời trong lâu đài mà không bao giờ khóa cửa. Cô quyết tâm không còn tin tưởng vào ai nữa trong tương lai. Cô sẽ chẳng bao giờ giao cương ngựa cho ai, ngay cả khi cô phải chống lại một cách thô lỗ. Cô sẽ chẳng bao giờ để cho ai đến sau lưng cô như người kiểm lâm tối qua, khi ông đẩy cô vào nhà kho. Cô sẽ chẳng bao giờ chấp nhận lòng hiếu khách của một người lạ, chẳng bao giờ để cửa mở ban đêm, chẳng bao giờ xét đoán sự tử tế qua vẻ mặt bên ngoài.

“Chúng ta hãy đi nhanh hơn,” cô nói với Richard. “Có thể chúng ta sẽ đến Winchester khi đêm xuống.”

Chúng theo con đường dẫn xuống khoảng rừng nơi chúng đã gặp người kiểm lâm. Dấu tích đồng lửa vẫn còn đó. Từ đó chúng dễ dàng tìm ra con đường đến Winchester. Trước đây chúng đã đến Winchester nhiều lần, và chúng biết đường. Khi chúng đến đường lớn, chúng không thể đi nhanh hơn. Cơn bão hai đêm trước đã đóng băng đất bùn trên đường đi.

Khuôn mặt Richard trở lại bình thường. Hôm qua cậu đã rửa mặt trên một dòng suối trong rừng, và hầu hết các vết máu khô đã mất hết. Vết thương từ dải tai phải của cậu để lại một miếng vẩy xấu xí. Môi cậu vẫn còn sưng, nhưng khuôn mặt cậu đã giảm. Tuy nhiên, cậu vẫn còn nhiều vết thương và vết bầm tím tạo cho khuôn mặt cậu thành đáng sợ. Mặc dù nó vô hại.

Aliena nhớ hơi nóng của ngựa. Chân tay cô đau vì lạnh, ngay cả thân thể cô nóng lên vì đi bộ. Trời lạnh cả buổi sáng và tăng lên một chút vào giữa trưa. Lúc đó cô đói. Cô nhớ lại mới ngày hôm qua cô đã cảm thấy không cần thiết phải giữ ấm hay phải ăn uống gì. Nhưng cô không muốn nhớ lại điều đó.

Mỗi khi chúng nghe thấy tiếng chân ngựa hay nhìn thấy người từ xa, chúng chạy vào rừng và lẩn trốn cho đến khi họ đi khỏi. Chúng vội vã đi qua làng mạc, không nói chuyện với ai. Richard muốn xin đồ ăn, nhưng Aliena chống lại.

Vào giữa buổi chiều chúng đã đi được vài dặm và không ai làm phiền chúng. Aliena nghĩ rằng nó không quá khó để tránh những rắc rối. Bất ngờ, trên một đoạn đường vắng, một người đàn ông nhẩy ra từ bụi cây và đứng trước mặt chúng.

Chúng không còn thời gian để trốn. “Tiếp tục đi,” Aliena nói với Richard, nhưng người đàn ông dường như muốn ngăn đường chúng, và chúng phải dừng lại. Aliena nhìn lại sau lưng, nghĩ cách chạy theo hướng đó; nhưng một người khác bước ra từ cánh rừng cách chúng mười, mười lăm dặm, chặn đường trốn của chúng.

“Ai đây?” người đàn ông phía trước nói to. Ông ấy to béo, mặt đỏ với một chiếc bụng phệ, bộ râu bẩn thỉu, và cầm một cây gậy. Chắc chắn ông ấy là một người sống ngoài vòng pháp luật. Qua khuôn mặt Aliena nhận ra ông là mẫu người có thể sẵn sàng dùng bạo lực và lòng cô đầy sợ hãi.

“Hãy để chúng tôi yên,” cô năn nỉ nói. “Chúng tôi không có gì để các ông lấy.”

“Tôi không tin,” người đàn ông nói. Ông bước lên một bước về phía Richard. “Đây là một thanh kiếm tốt, rất mắc.”

“Nó là của tôi!” Richard chống lại, nhưng giọng cậu vẫn là giọng nói của một đứa trẻ sợ hãi.

Nó không có lợi gì, Aliena nghĩ. Chúng tôi yếu đuối. Tôi chỉ là một phụ nữ và em tôi chỉ là một đứa trẻ, và người ta có thể làm với chúng tôi những gì họ thích.

Bằng một cử động lanh lợi người đàn ông mập bất ngờ giơ cây gậy lên và đánh Richard. Richard cố tránh. Cú đánh nhắm vào đầu cậu nhưng nó trúng vai. Người đàn ông mập khỏe mạnh và Richard gục xuống đất.

Bất ngờ Aliena mất hết bình tĩnh. Cô bị đối xử bất công, bị lạm dụng, bị cướp, và cô bị lạnh và đói. Cô không còn kiểm soát được mình. Người em nhỏ của cô mới hai ngày trước đây bị đánh nửa sống nửa chết, và bây giờ

cô điên lên khi nhìn thấy người khác lại đập lên cậu. Cô không còn có thể suy nghĩ về lý do hay hậu quả. Không cần suy nghĩ, cô kéo con dao găm từ tay áo ra, lao vào người đàn ông mập, đâm vào bụng phệ của ông và la lên: “Để nó yên, đồ chó!”

Cô tấn công ông hoàn toàn bất ngờ. Áo choàng ông mở khi đánh Richard, và tay ông vẫn bận rộn với cây gậy. Ông hoàn toàn không cảnh giác: không nghi ngờ gì ông đã nghĩ mình sẽ không bị một cô gái tay không tấn công. Mũi dao xuyên qua lớp vải áo dài, qua áo lót bằng lụa và ngừng lại ở lớp da bụng ông. Aliena trải qua giây phút ghê tởm, một khoảnh khắc kinh hoàng khi nghĩ đến việc đâm qua da thịt của một người thực sự. Nhưng sự sợ hãi củng cố quyết tâm của cô, và cô đẩy con dao xuyên qua lớp da vào trong bộ phận mềm nhão của ông; và cô kinh hoàng nghĩ rằng nếu cô không giết ông ấy, ông ấy có thể trả thù cô, vì thế cô tiếp tục đẩy mũi dao dài vào bụng ông cho đến khi mũi dao không còn có thể đâm sâu hơn nữa.

Bất ngờ người đàn ông đáng sợ, kiêu hãnh, độc ác lại trở thành một con thú bị thương sợ hãi. Ông kêu lên vì đau, đánh rơi cây gậy và nhìn xuống con dao đâm vào ông. Aliena nhanh chóng hiểu rằng ông biết đó là vết thương chết người. Cô kinh hoàng giật tay lại. Người đàn ông lão đảo. Aliena nhớ lại là còn có một tên trộm nữa ở đằng sau cô và cô hoảng lên: chắc chắn ông ta sẽ trả thù khủng khiếp cho bạn mình. Cô nắm đuôi dao găm và giật mạnh. Người đàn ông bị thương đã quay ngang và cô phải rút dao ra từ bên cạnh. Cô cảm thấy khi lưỡi dao ra khỏi bụng ông, nó đã cắt bộ phận bên trong của ông ra từng miếng. Máu trào ra tay cô và người đàn ông hét lên như một con thú và ngã xuống đất. Cô quay tròn, con dao đâm máu, và cô đối đầu với người đàn ông kia. Lúc đó Richard cố gắng đứng lên và rút gươm ra.

Tên trộm thứ hai nhìn từ người này tới người kia, rồi nhìn vào người bạn sắp chết của ông, và ông lập tức quay lại và chạy vào rừng.

Aliena nghi ngờ nhìn theo ông. Thật không ngờ: chúng đã làm ông ấy sợ hãi đến nỗi phải trốn đi.

Cô nhìn người đàn ông nằm trên đất. Ông nằm ngửa trên mặt đất với vết rách to trong bụng. Đôi mắt mở to và khuôn mặt quặn lên vì đau đớn và sợ hãi.

Aliena không cảm thấy nhẹ nhàng, không hãnh diện vì đã bảo vệ mình và em mình khỏi những người tàn nhẫn: cô quá chán ghét cảnh tượng ghê tởm này.

Richard không có nỗi băn khoăn này. “Chị đã đâm ông ấy, Alli!” cậu nói bằng giọng hào hứng và hiếu chiến. “Chị đã cho họ biết tay.”

Aliena nhìn cậu. Cậu phải được dạy một bài học. “Hãy giết ông ấy,” cô nói.

Richard nhìn cô. “Chị nói gì?”

“Giết hắn,” cô lập lại. “Cho hắn thoát khỏi đau khổ. Kết liễu hắn!”

“Tại sao lại là em?”

Cô cố nói giọng danh thép. “Bởi vì em đã hành xử như một đứa trẻ và chị cần một người đàn ông. Bởi vì em chưa bao giờ dùng lưỡi kiếm để làm gì ngoài việc chơi đánh nhau, và vào một lúc nào đó em phải bắt đầu. Vấn đề của em là gì? Em sợ hãi điều gì? Dù sao hắn cũng sẽ chết. Hắn không thể làm em bị tổn thương. Hãy dùng thanh kiếm của em. Hãy thực hành, Giết hắn đi!”

Richard cầm thanh kiếm bằng cả hai tay và ngờ ngàng. “Bằng cách nào?”

Người đàn ông lại hét lên.

Aliena mắng Richard: “Chị không biết bằng cách nào. Cắt đầu hắn hay đâm vào tim hắn! Bất cứ cách nào! Chỉ cần làm cho hắn im!”

Richard bị thúc. Cậu dơ kiếm lên rồi lại hạ xuống.

Aliena nói: “Nếu em không làm chị sẽ để em ở lại một mình, chị hứa với sự chứng giám của các thánh. Một đêm nào đó chị sẽ thức dậy và ra đi, và khi em thức giấc vào buổi sáng, em sẽ không còn thấy chị nữa và em sẽ phải tự sống một mình. Nào, giết hắn đi!”

Richard nâng kiếm lên. Rồi không thể ngờ được, người sắp chết ngừng kêu la và gắng ngồi dậy. Ông ta quay người qua một bên và chống người trên khuỷu tay. Richard kêu lên, tiếng kêu một phần vì sợ hãi, một phần là

tiếng kêu traten địa, và bổ mạnh thanh kiếm xuống cổ người đàn ông. Vũ khí nặng và lưỡi kiếm sắc, nó cắt lìa nửa cổ ông. Máu trào ra như vòi nước và đầu ông nghiêng về một bên. Ông vật xuống đất.

Aliena và Richard nhìn đăm đăm vào ông. Hơi bốc lên từ máu nóng trong không khí mùa đông. Cả hai đều choáng váng vì những gì họ đã làm. Bất ngờ Aliena muốn đi khỏi đó. Cô bắt đầu chạy. Richard theo sau.

Cô ngừng lại khi cô không còn chạy được nữa, và khi tỉnh lại, cô khóc nức nở. Cô đi chậm, không còn quan tâm sợ Richard thấy cô khóc. Còn Richard, cậu dường như không bị ảnh hưởng.

Dần dần cô bình tĩnh lại. Đôi guốc gỗ làm cô đau. Cô dừng lại và tháo guốc ra. Cô đi chân trần, cầm theo đôi guốc. Chẳng bao lâu nữa chúng sẽ đến Winchester.

Một lúc sau Richard nói: “Chúng ta thật ngu ngốc.”

“Tại sao?”

“Chúng ta đã để người đàn ông lại mà quên lấy đôi giày của ông ấy.”

Aliena ngừng lại và kinh hoàng nhìn vào em cô.

Cậu quay sang cô và cười nhẹ: “Như vậy thì cũng đâu có gì sai, phải không chị?” cậu nói.

II

Aliena bắt đầu hy vọng lại khi cô đi qua cổng phía tây vào đường High của thành phố Winchester vào lúc màn đêm vừa xuống. Ở trong rừng cô cảm thấy cô có thể bị giết bất cứ lúc nào mà không một người nào biết chuyện gì đã xảy ra cho cô, nhưng bây giờ cô trở về với thế giới văn minh. Dĩ nhiên, thành phố có đầy kẻ trộm cướp và sát nhân, nhưng họ không thể phạm tội giữa ban ngày mà không bị trừng phạt. Trong thành phố có luật pháp và ai phạm luật sẽ bị trục xuất, bị cắt xén hoặc bị treo cổ.

Cô nhớ cô đã đi với bố xuống con đường này chỉ một năm trước đây. Họ ở trên lưng ngựa, dĩ nhiên; ông cưỡi con ngựa đua màu hạt dẻ và cô cưỡi con ngựa nhỏ màu xám tuyệt đẹp. Người ta nhường chỗ cho họ khi họ cưỡi ngựa qua các đường phố rộng. Họ có một căn nhà ở phía nam thành phố, và khi họ đến nơi, cả tám hay mười người phục vụ chào đón họ. Căn nhà sạch sẽ, nền nhà trải thảm mới và các ngọn lửa đã được thắp lên. Trong thời gian lưu lại, Aliena mỗi ngày có quần áo mới: vải đẹp, lụa và len mềm mại, tất cả được nhuộm màu tuyệt đẹp; giày và thắt lưng bằng da bê; và trâm cài cũng như vòng đeo tay được cẩn đá quý. Nhiệm vụ của cô là làm cho mỗi khách đến gặp bá tước hài lòng: thịt và rượu cho giới quý tộc, bánh mì và bia cho giới bình dân, nụ cười và chỗ ngồi bên lò sưởi cho mỗi người. Bố cô để ý đến từng chi tiết trong việc tiếp khách, nhưng cá nhân ông lại không đóng được vai trò đó – nhiều người cho ông là lạnh lùng, xa cách và thậm chí khinh người. Aliena đổ đầy chỗ thiếu sót này.

Mỗi người tôn trọng bố cô, và những người có quyền tước cao nhất đến thăm ông: giám mục, tu viện trưởng, cảnh sát trưởng, thủ tướng hoàng gia và các đại gia. Cô tự hỏi còn bao nhiêu người nhận ra cô bây giờ khi cô đang đi chân trần qua bùn và rác rưởi của cùng con đường High. Ý nghĩa đó không làm giảm sự lạc quan của cô. Điều quan trọng là cô không còn cảm thấy như là nạn nhân. Cô trở lại với đời sống, nơi có quy luật và luật pháp, và cô có một cơ hội dành lại quyền kiểm soát về chính mình.

Chúng đi qua nhà của chúng. Nó trống vắng và cửa khóa: gia đình Hamleigh chưa tiếp nhận nó. Trong một khoảnh khắc Aliena đã bị cám dỗ đi vào. Đó là nhà của tôi, cô nghĩ. Nhưng nó không còn là của cô nữa, dĩ nhiên, và ý tưởng qua đêm ở đó gợi cô nhớ lại cách cô đã sống trong lâu đài lãnh chúa, đã che mắt cô lại trước thực tế. Cô đi qua nhà một cách kiên quyết.

Thành phố có một điều tốt nữa đó là tu viện. Các tu sĩ luôn luôn cho bất cứ ai ở trọ khi họ cần tới. Cô và Richard muốn ngủ dưới một mái nhà an toàn và khô ráo đêm nay.

Cô thấy nhà thờ chính tòa và đi vào sân tu viện. Hai tu sĩ đứng sau một chiếc bàn đang phân phối bia và bánh mì bằng đậu và lúa mạch cho hơn

một trăm người. Aliena ngạc nhiên vì có quá nhiều người đến xin lòng hiếu khách của các tu sĩ. Cô và Richard đứng vào hàng. Nó thật thú vị, cô nghĩ, vì làm sao những người thông thường chen lấn, xô đẩy nhau để dành lấy một phần thực phẩm miễn phí lại có thể đứng yên lặng, theo hàng lối trật tự chỉ vì lời nói của một tu sĩ.

Chúng lấy phần ăn tối và đi vào nhà khách. Đó là một tòa nhà lớn bằng gỗ giống như nhà kho, không có đồ đạc, được chiếu sáng lờ mờ bởi đèn dầu, có mùi vì quá đông người gần nhau. Chúng ngồi ăn trên nền nhà. Sàn nhà phủ bằng cỏ đã cũ. Aliena tự hỏi không biết cô có nên nói cho các tu sĩ biết cô là ai không. Tu viện trưởng chắc còn nhớ cô. Trong một tu viện lớn chắc có nhà khách cho giai cấp quý tộc. Nhưng cô từ chối không muốn làm điều đó. Có lẽ cô sợ bị hắt hủi; nhưng cô cũng cảm thấy như thế sẽ bị lệ thuộc vào quyền lực của người khác một lần nữa, mặc dù tu viện trưởng không có gì làm cô phả sợ, tuy nhiên cô cảm thấy thoải mái hơn khi cô là một người vô danh và không bị chú ý.

Đa số khách trọ là khách hành hương, một số khác là thợ thủ công - có thể nhận ra qua công cụ họ mang theo, một số khác nữa là người bán hàng rong, những người đi từ làng này sang làng khác bán những thứ mà nông dân không thể tự mình làm ra: đinh, dao, nồi nấu và gia vị. Một số đem theo vợ con. Trẻ em âm ỉ và hào hứng, chạy nhảy, đánh nhau và ngã lộn. Lâu lâu lại có đứa bắn vào người lớn, và nhận một cái tát vào đầu rồi bật khóc. Một số đứa chưa được giáo dục trong gia đình, nên Aliena nhìn thấy nhiều đứa tiểu xuống nền nhà. Những điều như vậy có lẽ không ảnh hưởng gì trong những căn nhà mà gia súc ngủ chung với người, nhưng nó thật kinh tởm trong một hội trường đông đúc, Aliena nghĩ, vì chút nữa mọi người lại nằm ngủ trên nền nhà đó.

Cô bắt đầu có cảm giác như người ta đang nhìn cô, như thể họ biết cô không còn trinh tiết nữa. Nó thật vô lý, dĩ nhiên, nhưng cảm giác đó không qua đi. Cô tiếp tục kiểm soát xem cô còn chảy máu không. Nó không còn chảy. Nhưng mỗi khi cô quay quanh, cô bắt gặp ánh mắt của ai đó đang đăm đăm nhìn cô. Khi cô gặp ánh mắt họ, họ lại quay đi, nhưng một lúc sau cô lại gặp ánh mắt khác. Cô nhủ lòng rằng đó là điều ngu xuẩn, vì họ không

nhìn cô, họ chỉ tò mò nhìn quanh căn phòng đông đúc. Ngoài ra cũng chẳng có gì để nhìn: cô chẳng khác những người xung quanh về hình thức bên ngoài – cô ăn mặc bẩn thỉu, xấu xa và mệt mỏi như họ. Nhưng cảm giác vẫn tồn tại và nó chống lại ý muốn của cô làm cô nổi giận. Một người đàn ông trung niên, một khách hành hương với cả gia đình, tiếp tục nhìn cô. Sau cùng cô mất bình tĩnh và hét vào mặt ông: “Ông nhìn gì? Đừng nhìn chằm chằm vào tôi như thế!” Ông ấy có vẻ bối rối và quay mắt đi mà không trả lời gì.

Richard thì thầm: “Tại sao chị làm thế, Allie?”

Cô nói cậu im đi và cậu nghe theo.

Các tu sĩ đến lấy đèn đi ngay sau bữa ăn tối. Họ muốn mọi người đi ngủ sớm: nó giữ họ khỏi bị cám dỗ của các quán bia và nhà thổ trong thành phố vào ban đêm, và buổi sáng hôm sau nó sẽ dễ dàng hơn cho các tu sĩ, khi khách trọ ra khỏi nhà khách sớm. Một số đàn ông độc thân rời hội trường ngay sau khi đèn tắt, không nghi ngờ gì họ đi tìm nôi thịt, nhưng hầu hết mọi người cuộn tròn trong áo khoác trên nền nhà.

Đã nhiều năm rồi Aliena đã không ngủ trong hội trường như thế này. Khi còn nhỏ cô luôn ganh tị với những người ở tầng dưới, nằm bên cạnh nhau bên đồng lửa tàn, trong một căn phòng đầy khói và mùi của bữa ăn tối, có những con chó canh chừng cho họ: đó là cảm xúc liên kết với nhau trong hội trường, một cảm xúc thiếu vắng trong phòng ngủ rộng rãi, trống trải của gia đình quyền quý. Trong thời gian đó một đôi khi cô đã rời phòng ngủ riêng, rón rén xuống cầu thang để ngủ chung với người phục vụ mà cô quý mến nhất, Madge Laundry hay Joan già.

Trôi vào giấc ngủ với mùi tuổi thơ trong mũi, cô mơ về mẹ. Thông thường cô nghi ngờ không biết cô có nhớ mẹ cô ra sao không, nhưng bây giờ, rất ngạc nhiên, cô có thể thấy khuôn mặt mẹ rõ ràng, từng chi tiết: nét mặt nhẹ nhàng, nụ cười e lệ, hình dáng mảnh khảnh, cái nhìn lo sợ trong mắt. Cô nhìn thấy mẹ cô đi, nghiêng qua một bên, như bà đang cố gắng đi sát tường, một cánh tay duỗi ra để lấy thăng bằng. Cô có thể nghe thấy tiếng cười của mẹ, một tiếng cười giàu âm điệu nữ trầm, luôn luôn sẵn sàng bật thành bài ca hay tiếng cười mà thông thường không dám vì sợ hãi. Cô

biết, trong giấc mơ, một cái gì đó hiện về mà khi tỉnh thức cô chưa nhận rõ: bố cô đã gây cho mẹ sự sợ hãi và đã ngăn cản cảm xúc vui thú trong đời sống của bà đến nỗi bà đã héo hon và chết như một bông hoa thiếu nước. Tất cả những điều đó đi vào tâm trí Aliena như một cái gì đó quen thuộc, một cái gì đó cô đã biết. Tuy nhiên, điều kinh hoàng là Aliena mơ mình có thai. Và mẹ có vẻ hài lòng.

Họ ngồi chung với nhau trong phòng ngủ, và bụng Aliena quá căng đến nỗi cô phải ngồi giạng chân, hai tay khoanh trên bụng, trong tư thế của một người sắp làm mẹ. Rồi William Hamleigh xông vào phòng, tay cầm con dao găm với lưỡi dài, và Aliena biết cậu ấy sẽ đâm vào bụng cô cũng như cô đã đâm người đàn ông mập trong rừng, và cô hét lớn lên đến nỗi cô tỉnh dậy, ngồi thẳng lên; và cô nhận ra William không có ở đó và cô cũng không hét, tiếng hét chỉ có trong đầu cô.

Sau đó cô nằm thao thức băn khoăn không biết cô có thực sự mang thai không.

Ý nghĩ đó chưa bao giờ đến với cô, nhưng bây giờ nó làm cô kinh hoàng. Nó kinh tởm làm sao nếu cô có con với William Hamleigh. Nó có thể không phải là con của William mà là con của người cận vệ của cậu. Cô sẽ chẳng bao giờ biết. Làm sao cô có thể yêu đứa bé được? Mỗi khi cô nhìn đứa bé, nó sẽ lại nhắc cô đến đêm khủng khiếp đó. Cô sẽ sinh con trong bí mật, cô thề với lòng mình, khi đứa trẻ vừa sinh ra cô sẽ bỏ rơi nó giữa trời lạnh cho đến chết. Đó là cách mà nông dân thường làm khi họ có đông con. Với quyết định đó cô lại chìm vào giấc ngủ.

Trời vẫn còn tối khi các tu sĩ mang đồ ăn sáng đến. Tiếng ồn ào đánh thức Aliena dậy. Hầu hết những người khác đã dậy, bởi vì họ đi ngủ sớm, nhưng Aliena ngủ muộn: cô rất mệt.

Bữa ăn sáng có cháo nóng với muối. Aliena và Richard ăn một cách thèm khát và ước mong có thêm bánh mì để ăn chung với cháo. Aliena nghĩ về những gì cô sẽ nói với vua Stephen. Cô chắc rằng ông đã quên bá tước Shiring có hai người con. Khi cô xuất hiện và nhắc ông về chuyện đó, chắc hẳn ông sẽ chu cấp cho họ, cô nghĩ. Tuy nhiên, trong trường hợp ông cần sự thuyết phục, cô phải sẵn sàng có vài lời. Cô sẽ không nhấn mạnh về việc

bố cô vô tội, cô quyết định, vì như thế có nghĩa là sự xét xử của ông đã sai lầm, và ông sẽ nổi giận. Cô cũng sẽ không chống đối việc Percy Hamleigh được phong làm bá tước. Những người có quyền lực không thích đặt lại những vấn đề họ đã quyết định. “Dù tốt hay xấu, nó đã được quyết định,” bố cô thường nói. Không, cô chỉ muốn tỏ ra cô và em cô là kẻ vô tội, và yêu cầu vua cho chúng đất đai của một hiệp sĩ, để chúng có thể tự sống một cách giản dị, và Richard có thể chuẩn bị trở thành binh lính cho vua trong vài năm nữa. Một mảnh đất nhỏ sẽ cho phép cô chăm sóc bố cô khi nhà vua tha ông khỏi trại giam. Bố cô sẽ không còn là mối nguy hiểm: ông không còn chức vụ, không có thuộc hạ và tiền bạc. Cô sẽ nhắc nhở nhà vua rằng bố cô đã trung thành phục vụ cựu vương Henry, chú của vua Stephen. Cô không thể ép buộc, chỉ vững chắc một cách khiêm tốn, rõ ràng và đơn giản.

Sau khi ăn sáng cô hỏi một tu sĩ nơi cô có thể rửa mặt. Ông giật mình: nó là một yêu cầu bất thường. Tuy nhiên, các tu sĩ ủng hộ việc sạch sẽ, và ông chỉ cô một đường dẫn nước sạch chạy vào khu tu viện. Ông cũng khuyên cô đừng nên rửa “một cách khiếm nhã”, như ông nói, để không một tu sĩ nào tình cờ thấy cô và qua đó làm vẩn đục tâm hồn họ. Các tu sĩ làm nhiều điều tốt, Aliena nghĩ, nhưng thái độ của họ nhiều khi xa lạ.

Khi cô và Richard đã rửa sạch bụi đường trên mặt, họ rời tu viện và đi lên dốc theo đường High tới lâu đài đứng bên cạnh cổng phía tây của thành phố. Cô hy vọng rằng khi đến sớm, cô có thể làm quen hoặc quyến rũ được người phụ trách nhận đơn kiến nghị để cô không bị quên lãng giữa đám người quan trọng sẽ đến sau. Tuy nhiên bầu khí trong bức tường lâu đài yên tĩnh hơn cô nghĩ. Có phải vua Stephen đã ở đây lâu rồi nên chỉ còn ít người muốn gặp ông? Cô không biết khi nào vua đến. Thông thường nhà vua ở Winchester suốt mùa chay, cô nghĩ, nhưng cô không biết chắc khi nào mùa chay bắt đầu, bởi vì cô đã mất dấu ngày tháng khi sống trong lâu đài với Richard và Matthew mà không có linh mục.

Dưới chân cầu thang dẫn lên pháo đài có một người lính canh lực lưỡng với bộ râu màu xám. Aliena đi ngang qua ông như cô thường làm khi đi với bố cô, nhưng người lính hạ cây giáo xuống chặn đường cô. Cô hống hách nhìn ông và nói: “Chuyện gì thế?”

“Cô nghĩ cô đang đi đâu, cô gái?” người lính nói.

Aliena nhìn với một cảm xúc thất vọng vì ông là mẫu người thích làm lính gác để nó cho ông cơ hội ngăn chặn người ta đi đến nơi mà họ muốn đi. “Chúng tôi đến đây để kiến nghị đến nhà vua,” cô lạnh nhạt nói. “Bây giờ cho chúng tôi qua chứ?”

“Cô?” người lính gác nói với giọng mỉa mai. “Mang một đôi guốc mà vợ tôi phải xấu hổ. Hãy rút đi!”

“Tránh đường ra, người lính gác,” Aliena nói. “Mọi công dân có quyền kiến nghị nhà vua.”

“Nhưng tầng lớp nghèo, họ không ngu để đòi hỏi quyền này...”

“Chúng tôi không phải là tầng lớp nghèo!” Aliena cãi lại. “Tôi là con gái của bá tước ở Shiring, và em tôi là con của ông ấy, vì thế hãy để chúng tôi qua hay ông sẽ kết thúc thói rửa trong ngục tối.”

Người lính gác ít tự phụ hơn, nhưng ông nói một cách bình thản: “Cô không thể kiến nghị lên nhà vua, bởi vì ông ấy không có ở đây. Ông ấy ở Westminster. Cô phải biết điều đó nếu cô là người như cô đã nói.”

Aliena như bị sét đánh. “Nhưng tại sao ông ta lại về Westminster? Ông ta phải ở đây trong mùa phục sinh!”

Người lính gác nhận ra cô không phải là hạng cầu bất cầu bơ ngoài đường phố. “Tòa án mùa phục sinh ở Westminster. Dường như ông ấy không giữ chính xác mọi chuyện như vua cũ, và tại sao ông phải giữ?”

Ông đúng, dĩ nhiên, nhưng Aliena chưa bao giờ nghĩ đến việc một vị vua mới sẽ theo một thời khóa biểu khác. Cô còn quá trẻ để nhớ Henry đã lên ngôi khi nào. Cô hoàn toàn tuyệt vọng. Cô đã nghĩ cô biết phải làm gì, và cô đã sai. Cô muốn bỏ cuộc.

Cô lắc đầu xua đuổi những tư tưởng chán chường. Đây không phải là một thất bại mà chỉ là một bước lùi. Kêu cầu nhà vua không phải là cách duy nhất để chăm sóc em trai cô và chính cô. Cô đến Winchester với hai mục đích, và mục đích thứ hai là tìm ra những gì đã xảy ra với bố cô. Bố cô biết cô sẽ phải làm gì.

“Vậy ai ở đây?” cô hỏi người lính gác. “Ở đây phải có vài quan chức của hoàng gia. Tôi muốn thăm bố tôi.”

“Có một giáo sĩ và một quản gia ở đó,” người lính gác trả lời. “Cô nói bá tước của Shiring là bố cô phải không?”

“Vâng.” Tim cô ngừng đập. “Ông có biết gì về ông ấy không?”

“Tôi biết nơi ông ấy ở.”

“Ở đâu?”

“Trong nhà tù ngay đây, trong lâu đài này.”

Gần quá! “Nhà tù ở đâu?”

Người lính gác đưa một ngón tay cái qua vai. “Đi xuống đồi, ngang qua nhà nguyện, đối diện với cổng chính.” Việc ngăn cản chúng vào pháo đài đã làm ông hài lòng, bây giờ ông sẵn sàng cho thông tin. “Tốt hơn cô nên gặp cai ngục. Tên ông ta là Osdo và ông có chiếc túi sâu.”

Aliena không hiểu lời lưu ý về chiếc túi sâu nhưng cô quá xúc động để tìm hiểu ý nghĩa rõ ràng của nó. Cho đến bây giờ bố cô đã ở một nơi mơ hồ, xa cách gọi là “nhà tù”, nhưng bây giờ, bỗng nhiên, ông ở ngay đây trong lâu đài này. Cô quên chuyện kiến nghị lên vua. Tất cả những gì cô muốn là gặp bố. Ý tưởng rằng ông ở gần, sẵn sàng giúp cô, làm cô cảm thấy sự nguy hiểm và không chắc chắn trong vài tháng qua trở thành sâu sắc hơn. Cô muốn chạy vào trong vòng tay của bố và nghe ông nói: “Bây giờ mọi thứ sẽ ổn. Mọi chuyện sẽ êm đẹp thôi.”

Pháo đài đứng cao trong góc của khu lâu đài. Aliena quay nhìn xuống phần còn lại của lâu đài. Nó là một tổng hợp của các tòa nhà bằng đá và gỗ được bao bọc bởi các bức tường cao. Xuống đồi, người lính gác đã nói; đi ngang qua nhà nguyện – cô phát hiện một tòa nhà bằng đá gọn gàng trông giống như nhà nguyện – và đối diện với cổng chính. Cổng chính là một cổng ở bức tường bên ngoài, để nhà vua có thể vào lâu đài mà không cần đi qua thành phố. Đối diện cổng vào đó, gần bức tường phía sau chia cách lâu đài và thành phố, là một tòa nhà bằng đá có lẽ đó là nhà tù.

Aliena và Richard vội vã xuống dốc. Aliena tự hỏi không biết ông ra sao. Họ có cho những người tù đồ ăn thích hợp không? Những người tù của bố cô ngày trước luôn có bánh mì và súp ở lâu đài lãnh chúa, nhưng cô cũng nghe rằng tù nhân ở các nơi khác bị ngược đãi. Cô hy vọng bố cô khỏe mạnh.

Tim cô đập mạnh khi cô vượt qua khu lâu đài. Nó là một lâu đài lớn và đầy các tòa nhà: nhà bếp, chuồng ngựa và doanh trại. Có hai nhà nguyện. Bây giờ, khi biết nhà vua đã đi xa, Aliena có thể nhận ra dấu hiệu sự vắng mặt của ông trên đường cô đến nhà tù: heo và cừu đi lẩn quẩn đào bới đồng rác trên vùng ngoại ô, kỵ binh rảnh rỗi không có gì làm ngoài việc trêu ghẹo các phụ nữ đi qua, và có một số chơi cờ bạc ngay dưới mái hiên của nhà nguyện. Tình trạng thiếu kỷ luật làm cô khó chịu. Cô lo sợ bố cô không được chăm sóc chu đáo. Cô bắt đầu run sợ những gì cô nghĩ sẽ xảy ra cho bố cô.

Nhà tù là một tòa nhà bằng đá đã hư hại, trông giống như trước đây nó là nhà của một quan chức hoàng gia, một chánh án, thừa phát lại hay tương tự, trước khi nó bị hư hỏng. Tầng trên, trước đây là hội trường, đã bị hư hại hoàn toàn và mất mái. Chỉ có tầng trệt vẫn còn lại hoàn toàn.

Ở đây không có cửa sổ, chỉ có một cửa ra vào bằng gỗ với đinh sắt. Cánh cửa hơi khép hờ. Khi Aliena do dự bên ngoài, một phụ nữ trung niên đẹp trong áo choàng tốt mở cửa bước vào. Aliena và Richard theo sau cô.

Đồ đạc trong nhà ảm đạm mùi bụi đất và mục nát. Tầng dưới trước đây là một nhà rộng, sau đó được chia thành các phòng nhỏ bởi những bức tường đồ nát được xây vội vàng.

Một chỗ nào đó trong tòa nhà vang lên tiếng rên rỉ đều đặn của một người, giống như tu sĩ đọc kinh đều đặn một mình trong nhà thờ. Khu vực ngay sau cửa tạo thành một sảnh đường nhỏ, có một chiếc ghế, một cái bàn và một lò sưởi ở giữa sàn nhà. Một người đàn ông to lớn, trông có vẻ khỏe khạo, giắt một thanh kiếm ngang lưng đang quét nhà. Ông nhìn lên và chào người đàn bà đẹp: “Chào bà, Meg.” Bà cho ông một xu và biến mất vào bóng tối. Ông nhìn Aliena và Richard: “Các bạn muốn gì?”

“Tôi đến đây gặp bố tôi,” Aliena nói. “Ông ấy là bá tước ở Shiring.”

“Không, ông ấy không còn là bá tước,” người cai tù nói. “Bây giờ ông ấy chỉ còn là Bartholomew.”

“Xuống hỏa ngục vì sự phân biệt của ông, người cai tù ạ. Ông ấy ở đâu?”

“Bạn có bao nhiêu tiền?”

“Tôi không có tiền, vì thế đừng hỏi về chuyện hối lộ.”

“Nếu không có tiền, bạn không thể gặp bố bạn được.” Ông tiếp tục quát.

Aliena muốn hét lên. Cô chỉ xa bố cô vài mét và cô đã bị chặn lại. Người cai tù to con và có trang bị vũ khí: không có cơ hội đương đầu với ông ta. Nhưng cô không có tiền. Cô đã lo về chuyện đó khi cô thấy bà Meg cho hẳn một xu, nhưng cô nghĩ đó có thể là vì một đặc quyền nào đó. Bây giờ thì đã rõ ràng: một xu là giá tiền vào cửa.

Cô nói: “Tôi sẽ kiếm một xu và mang tới ông sớm bao nhiêu có thể. Nhưng ông có thể cho chúng tôi gặp ông ấy bây giờ không? Chỉ vài phút thôi?”

“Đi lấy một xu trước,” người cai tù nói. Ông quay lưng lại và tiếp tục quát.

Aliena cố ngăn dòng nước mắt lại. Cô bị cảm dỗ muốn hét lên một thông điệp với hy vọng bố cô có thể nghe thấy; nhưng cô nhận ra rằng một thông điệp bị sai lạc có thể làm ông lo sợ và nản chí: nó làm ông lo lắng mà không cho ông bất cứ một thông tin nào. Cô đi ra cửa, cảm thấy một sự bất lực mà cô không thể chịu đựng được.

Trên ngưỡng cửa cô quay lại. “Ông ấy ra sao? Làm ơn cho tôi biết. Ông ấy có khỏe không?”

“Không, ông ấy không khỏe,” người cai tù nói. “Ông ấy sắp chết. Thôi, đi ra khỏi đây.”

Mắt cô mờ đi vì nước mắt và cô lao đao bước qua cửa. Cô bước đi, không nhìn xem đi đâu, và cô đâm vào một vật gì đó – một con cừu hay một con heo – và cô gần ngã xuống. Cô bắt đầu khóc. Richard cầm lấy cánh tay cô, và cô để cậu dìu đi. Chúng đi ra khỏi lâu đài qua cổng chính, qua khu dân cư với những túp lều nghèo nàn và đồng ruộng bé nhỏ và sau cùng đến một đồng cỏ và ngồi trên gốc cây.

“Em không thích chị khóc, Allie,” Richard cảm động nói.

Cô cố gắng tập trung lại. Cô đã biết được chỗ bố ở - đó là một điều tốt rồi. Cô đã biết thêm ông bị bệnh: người cai tù là một người đàn ông độc ác, người có thể phóng đại tình trạng bệnh hoạn của ông. Tất cả những gì bây giờ cô cần làm là tìm được một xu, và cô sẽ có thể nói chuyện với ông, tận

mắt nhìn thấy ông và hỏi ông xem cô cần làm những gì – cho Richard và cho ông.

“Làm sao chúng ta có thể tìm được một xu, Richard?” cô hỏi.

“Em không biết.”

“Chúng ta không có gì để bán. Không ai sẽ cho chúng ta mượn. Em không đủ mạnh để đi ăn cắp...”

“Chúng ta có thể ăn xin,” Cậu nói.

Đó là một ý tưởng. Một nông dân trông có vẻ giàu có đang xuống đồi về hướng lâu đài trên một con ngựa đen mạnh mẽ. Aliena đứng lên, chạy ra đường. Khi ông ấy đến gần, cô nói: “Thưa ông, ông có thể cho chúng cháu một xu không?”

“Đồ quý,” người đàn ông gầm gừ, và thúc ngựa đi khỏi.

Cô trở lại gốc cây. “Người ăn xin thường xin đồ ăn hoặc quần áo cũ,” cô chán nản nói. “Chị chưa nghe nói ai cho họ tiền.”

“Được, vậy người ta tìm tiền bằng cách nào?” Richard hỏi. Cậu hỏi chứng tỏ rõ ràng rằng trước đó cậu đã chẳng bao giờ quan tâm đến cách tìm ra tiền.

Aliena nói: “Nhà vua lấy tiền từ thuế. Các chủ đất có tiền cho thuê đất. Linh mục có tiền thuế phần trăm của nhà thờ. Chủ tiệm có đồ để bán. Thợ thủ công có tiền lương. Nông dân không cần tiền vì họ có cánh đồng.”

“Người học nghề cũng có lương.”

“Vì thế chúng ta có thể lao động. Chúng ta có thể làm việc.”

“Cho ai?”

“Winchester có nhiều nhà máy làm đồ da và vải,” Aliena nói. Cô lại cảm thấy lạc quan. “Thành phố là nơi dễ tìm việc.” Cô đứng lên. “Nào, chúng ta bắt tay vào.”

Richard vẫn còn do dự. “Em không thể làm việc giống như người bình thường,” cậu nói. “Em là con của một bá tước.”

“Hết rồi,” Aliena gay gắt nói. “Em không nghe những gì người cai tù nói à. Tốt hơn bây giờ em nên nhận ra rằng em không còn hơn những người khác nữa.”

Cậu nhìn hờn dỗi và không nói gì.

“Tốt, chị đi đây,” cô nói. “Nếu em muốn, em có thể ở lại đây.” Cô rời cậu, đi về hướng cửa Tây. Cô biết tính hờn dỗi của cậu: chúng không kéo dài.

Và đúng như vậy, cậu bắt kịp cô trước khi cô đến thành phố. “Đừng giận, Allie,” cậu nói. “Em sẽ làm việc. Thực ra em rất mạnh mẽ - Em sẽ là người lao động giỏi.”

Cô mỉm cười với cậu. “Chị cũng chắc chắn như vậy.” Nó không đúng sự thật, nhưng không phải là lúc làm cậu nhụt chí.

Chúng đi xuống con đường High. Aliena nhớ lại Winchester được thiết lập và phân chia rất hợp lý. Phần nửa phía nam, ở phía tay phải của chúng, được chia làm ba phần: trước hết là lâu đài, rồi đến khu nhà giàu có, rồi đến khu nhà thờ chính tòa và dinh thự giám mục ở góc đông nam. Nửa phía bắc, bên tay trái, cũng được chia làm ba phần: khu dân Do Thái, các cửa tiệm ở phần giữa và các nhà máy nằm ở góc đông bắc.

Aliena theo đường High đến cuối hướng đông của thành phố, rồi chúng rẽ trái, vào con đường có con rạch chạy dọc theo nó. Một bên là những ngôi nhà bình dân, hầu hết bằng gỗ, một vài phần bằng đá. Phía bên kia là hỗn hợp của các căn nhà ngẫu hứng, rất nhiều nhà chỉ là chiếc mái trên vài cây cọc, hầu hết trông có vẻ như sắp sụp xuống bất cứ lúc nào. Một số nhà chỉ có chiếc cầu nhỏ hay vài tấm ván bắc ngang con rạch dẫn vào nhà, nhưng một số nhà khác thực sự được làm trên con rạch. Trong mỗi căn nhà hay trên sân, đàn ông và đàn bà làm việc. Mỗi việc cần một số lượng lớn nước: giặt len, thuộc da, nhuộm vải, làm bia, và những công việc khác mà Aliena không nhận ra. Một hỗn hợp các mùi lạ thốc vào mũi cô: cay sè và lên men, lưu huỳnh và khói, gỗ và mục nát. Mọi người rất bận rộn. Dĩ nhiên, nông dân cũng có nhiều việc để làm nhưng trong một nhịp độ tương xứng, và họ luôn có giờ ngừng lại để thăm dò những gì họ thích thú hoặc nói chuyện với người qua đường. Những người làm việc kỹ nghệ chẳng bao giờ nhìn lên. Công việc dường như đòi hỏi tất cả sự chú ý và năng lực của họ. Họ hành động nhanh chóng, cho dù họ vác những bao tải hay đổ những xô nước lớn hay đập da hay vải. Nhìn cảnh họ làm công việc bí ẩn của họ

trong những căn lều siêu vẹo làm Aliena nhớ đến cảnh ma quỷ khuấy những vạc dầu trong các bức tranh của hỏa ngục.

Cô dừng lại bên ngoài, nơi mà họ đang làm một công việc mà cô hiểu: chuội và hồ vãi. Một người đàn bà lực lưỡng múc nước từ con rạch và đổ vào một máng bằng đá lót chì, lâu lâu dừng lại cho thêm đất hồ từ trong một bao tải. Nằm trong máng, hoàn toàn ngập nước là một cuộn vải dài. Hai người đàn ông với cây gậy gỗ dẹp – được gọi là bàn đập, Aliena nhớ lại – đập xuống cuộn vải trong máng. Quá trình này làm cho vải co lại và dầy lên, làm cho chúng không còn thấm nước; và đất hồ lọc các loại dầu từ len ra. Phía sau cơ sở, các đồng vải thô được chồng lên nhau, và chứa đầy các bao đất hồ.

Aliena đi qua con rạch và đến gần những người đang làm việc bên máng. Họ nhìn cô rồi lại tiếp tục làm việc. Cô thấy mặt đất xung quanh họ đầy nước và họ đi chân không. Khi cô nhận ra rằng họ không dừng lại để hỏi xem cô muốn gì, cô nói to: “Thợ chính có ở đây không?”

Người phụ nữ trả lời lại bằng cách hất đầu về phía sau cơ sở.

Aliena vẫy tay ra hiệu cho Richard theo sau và đi qua chiếc cổng vào sân, nơi những tấm vải dài được phơi trên khung gỗ. Cô nhìn thấy bóng người cúi trên khung, sắp xếp vải. “Tôi muốn gặp thợ chính,” cô nói.

Ông đứng thẳng người lên nhìn cô. Ông xấu xí, có một mắt và lưng hơi gù như thể ông đã cúi mình trên khung gỗ nhiều năm trời đến nỗi ông không còn đứng thẳng được nữa.

“Cô muốn gì?”

“Ông có phải là thợ chính thuộc hồ không?”

“Tôi đã làm công việc này từ bốn mươi năm qua, từ khi còn là một cậu bé cho đến khi trưởng thành, vì thế tôi hy vọng tôi là thợ chính,” ông nói. “Cô cần gì?”

Aliena nhận ra cô đang thương lượng với mẫu đàn ông luôn muốn tỏ ra mình là người khôn ngoan. Cô hạ giọng khiêm tốn và nói: “Em tôi và tôi muốn làm việc. Ông có thuê chúng tôi không?”

Ông im lặng, nhìn cô từ trên xuống dưới. “Lạy Chúa tôi, tôi sẽ làm gì với các bạn?”

“Chúng tôi sẽ làm mọi việc,” Aliena kiên quyết nói. “Chúng tôi cần một số tiền.”

“Các bạn không có đủ điều kiện cho công việc của tôi,” người đàn ông khinh khỉnh nói, và ông quay đi tiếp tục công việc của mình.

Aliena không hài lòng về việc đó. “Tại sao không?” cô giận dữ nói. “Chúng tôi không xin xỏ, chúng tôi muốn tự kiếm sống.”

Ông quay lại phía cô.

“Làm ơn!” cô nói, mặc dù cô ghét xin xỏ.

Ông chậm rãi quan sát cô như thể ông nhìn một con chó, tìm cách để đuổi nó đi; nhưng cô cũng có thể nói rằng ông bị cám dỗ để tỏ cho cô biết rằng cô ngu xuẩn như thế nào, và ngược lại, ông thông minh ra sao. “Được,” ông nói với tiếng thở dài. “Tôi sẽ giải thích cho các bạn. Đi theo tôi.”

Ông dẫn chúng đến bên máng. Các nhân công đang kéo vải ra khỏi máng và cuộn nó lại. Ông thợ cả nói với người đàn bà: “Đến đây, Lizzie. Giờ bàn tay cho chúng tôi xem.”

Người đàn bà ngoan ngoãn đến và đưa tay ra. Chúng xù xì và đỏ, với những vết lở do da bị nứt.

“Hãy sờ vào xem,” thợ cả nói với Aliena.

Aliena sờ vào tay người đàn bà. Chúng lạnh như tuyết và rất thô, nhưng đáng chú ý nhất là chúng rất cứng. Cô nhìn xuống bàn tay mình, so sánh với bàn tay người phụ nữ: chúng mềm, trắng và quá nhỏ.

Thợ cả nói: “Bàn tay bà ta đã nhúng trong nước từ khi còn nhỏ, vì thế bà quen với nó. Các bạn thì khác. Các bạn không kéo dài công việc này được nửa buổi sáng.”

Aliena muốn tranh luận với ông và nói với ông rằng cô sẽ quen, nhưng cô không chắc chắn lắm. Trước khi cô có thể nói gì, Richard cất tiếng. “Thế còn tôi thì sao?” cậu nói. “Tôi lớn hơn cả hai người đàn ông này – tôi có thể làm công việc đó.”

Thật sự Richard cao lớn hơn hai người đàn ông đang cầm bàn đập. Và cậu đã có thể điều khiển con ngựa chiến, Aliena nhớ lại, vì thế cậu có thể đập vải. Hai người đàn ông đã cuộn xong tấm vải ướt và một người vác nó

lên vai, chuẩn bị mang nó vào sân để sấy khô. Thợ cả ngăn ông lại” “Hãy cho ngài trẻ này cảm thấy sức nặng của tấm vải, Harry.”

Người đàn ông tên là Harry lấy cuộn vải khỏi vai mình và đặt lên vai Richard. Richard khom xuống vì sức nặng, rồi với sự cố gắng phi thường cậu đứng thẳng người lên, nhưng mặt cậu tái đi và khụy xuống trên đầu gối, đầu cuộn vải chạm xuống đất. “Tôi không thể vác nó,” cậu nói không kịp thở.

Những người đàn ông cười to, thợ cả nhìn đắc thắng, và người đàn ông tên là Henry lấy lại cuộn vải, đặt nó lên vai và vác đi. Thợ cả nói: “Có nhiều loại khỏe. Một loại khỏe chỉ có do làm việc.”

Aliena tức giận. Họ chế diễu cô khi cô chỉ muốn tìm một phương tiện lương thiện để kiếm một xu. Thợ cả khoái chí vì sự ngu ngốc của cô, cô biết. Ông ấy sẽ tiếp tục bao lâu cô còn để ông ta lợi dụng. Nhưng ông ấy sẽ chẳng bao giờ thuê cô hoặc Richard. “Cám ơn sự lịch sự của ông,” cô nói mỉa mai và bỏ đi.

Richard rất buồn. “Nó nặng chỉ vì nó ướt!” cậu nói. “Tôi không nghĩ đến điều đó.”

Aliena nhận ra rằng cô phải giữ vui vẻ để giữ tinh thần của Richard. “Không phải chỉ có công việc đó,” cô nói khi cô bước đi trên con đường lầy lội.

“Chúng ta có thể làm gì khác?”

Aliena không trả lời ngay lập tức. Họ đến bức tường phía bắc của thành phố rồi rẽ trái theo hướng tây. Những ngôi nhà nghèo nhất ở đây, được xây dựa vào tường thành và không có sân sau nên đường sá bẩn thỉu. Một lúc sau Aliena nói: “Em có nhớ các cô gái thường đến lâu đài của mình, một đôi khi vì họ không có phòng ở nhà nữa, hoặc họ chưa có chồng không? Bố luôn luôn cho họ ở trọ. Họ làm việc trong nhà bếp hay trong nhà giặt hoặc chuồng ngựa, và bố thường cho họ một xu vào ngày lễ các thánh.”

“Chị nghĩ là chúng ta có thể sống trong lâu đài Winchester?” Richard ngờ vực hỏi.

“Không. Họ không nhận người khi vua đi vắng – họ có nhiều người hơn họ cần. Nhưng có nhiều nhà giàu ở trong thành phố. Một vài người trong số

họ có thể cần người giúp việc.”

“Đó không phải là công việc của đàn ông.”

Aliena muốn nói: Tại sao mày không tự nghĩ ra ý tưởng cho chính mày, thay vì chỉ tìm lỗi ở những gì tao nói? Nhưng cô cắn lưỡi mình và nói: “Chỉ cần một trong hai chúng ta làm việc để có đủ một xu, rồi chúng ta sẽ đi gặp bố và hỏi bố xem chúng ta nên làm gì.”

“Được rồi.” Richard không chống lại ý tưởng về việc chỉ có một người trong họ làm việc, đặc biệt khi người đó lại là Aliena.

Họ quay trái một lần nữa và vào khu phố được gọi là khu Do Thái. Aliena dừng lại trước cửa một ngôi nhà lớn. “Họ phải có người phục vụ trong đó,” cô nói.

Richard bị sốc. “Chị làm việc cho người Do Thái sao?”

“Tại sao không? Em không thể nắm bắt dị giáo của người khác như em bắt con chấy của họ, em biết không?”

Richard nhún vai rồi theo cô vào trong.

Nó là một nhà bằng đá. Giống như hầu hết các nhà trong phố, nhà có mặt tiền hẹp nhưng sâu. Chúng ở trong một sảnh đường to bằng toàn bộ chiều ngang ngôi nhà. Có một lò sưởi và vài ghế băng. Mùi thơm từ nhà bếp làm Aliena chảy nước miếng, mặc dù nó khác với cách nấu ăn bình thường vì gia vị lạ. Một cô gái trẻ đi từ phía sau ra và chào chúng. Cô có làn da đen và đôi mắt nâu, và cô ăn nói lịch sự. “Các bạn muốn gặp thợ kim hoàn phải không?”

À, thì ra đó là nghề của chủ nhà. “Vâng, xin vui lòng,” Aliena nói. Cô gái biến mất và Aliena nhìn quanh. Một thợ kim hoàn cần một nhà đá để bảo vệ vàng bạc của ông. Cánh cửa giữa phòng này và phần sau của căn nhà được làm bằng gỗ sồi nặng và kèm sắt. Cửa sổ hẹp, quá nhỏ để ngay cả một đứa trẻ cũng không chui qua được. Aliena nghĩ chắc thần kinh của ông phải tốt lắm khi đặt tất cả tài sản vào vàng bạc mà trong một lúc có thể trắng tay vì bị trộm cắp. Rồi cô ngẫm nghĩ lại rằng bố đã cô giàu với rất nhiều loại tài sản – đất đai và tước hiệu – và bây giờ ông mất tất cả trong một ngày.

Thợ kim hoàn đi ra. Ông là một người da đen thấp nhỏ, và ông cau mày khi thấy chúng, như thể ông đang quan sát một món đồ trang sức và đánh giá trị của nó. Một lúc sau dường như ông đã thẩm định được và ông nói: “Các bạn có gì để bán phải không?”

“Ông đã đánh giá chúng tôi quá tốt, ông thợ kim hoàn à,” Aliena nói. “Ông đã đoán chúng tôi thuộc giới quý tộc và bây giờ ở trong tình trạng thiếu thốn. Nhưng chúng tôi không có gì để bán.”

Người đàn ông bối rối. “Nếu các bạn muốn mượn tiền, tôi sợ rằng...”

“Chúng tôi không chờ đợi ai cho chúng tôi mượn tiền,” Aliena xông vào. “Cũng như chúng tôi không có gì để bán, chúng tôi cũng không có gì để cầm.”

Ông thở phào nhẹ nhõm. “Vậy tôi có thể giúp các bạn điều gì?”

“Ông có muốn thuê chúng tôi làm người phục vụ không?”

Ông bị sốc. “Một Kitô hữu? Chắc chắn không!”

Aliena thất vọng. “Tại sao không?” cô buồn rầu nói.

“Vì nó không được.”

Cô cảm thấy bị xúc phạm hơn vì nghĩ rằng một người nào đó khinh thường tôn giáo mình là hạ nhục mình. Cô nhớ lại lời khôn ngoan mà cô đã dùng để nói với Richard. “Bạn không nắm giữ được dị giáo của người khác như cách bạn bắt chấy của họ,” cô nói.

“Dân cư trong khu vực sẽ phản đối.”

Aliena cảm thấy chắc ông ta muốn dùng ý kiến công chúng như một cái cớ để từ chối, nhưng nó cũng có thể đúng. “Như vậy, tôi nghĩ tốt hơn chúng tôi nên tìm một nhà Kitô giáo giàu có,” cô nói.

“Nó rất đáng thử,” ông thợ kim hoàn nói. “Hãy để tôi nói với bạn một cách thẳng thắn. Một người khôn ngoan sẽ chẳng bao giờ thuê cô. Cô đã quen ra lệnh, và vì thế cô sẽ rất khó theo lệnh.” Aliena mở miệng chống lại, nhưng ông giơ tay lên ngăn cô lại. “Ồ, tôi biết cô sẵn sàng. Nhưng cả đời, người khác đã phục vụ cô, và ngay bây giờ cô cũng cảm thấy trong đáy lòng rằng mọi thứ phải làm hài lòng cô. Người thuộc giai cấp quý tộc là những người phục vụ kém cỏi. Họ không vâng lời, bực bội, suy nghĩ hời hợt, nhậy cảm, và họ tưởng họ chịu khó hơn người khác ngay cả khi họ lười biếng

hơn – vì thế họ gây rắc rối cho các nhân viên còn lại.” Ông nhún vai. “Đó là kinh nghiệm của tôi.”

Aliena quên rằng cô đã bị xúc phạm vì ông ấy coi thường tôn giáo của mình. Ông là người tử tế đầu tiên cô gặp từ khi ra khỏi lâu đài. Cô nói: “Nhưng chúng tôi có thể làm gì bây giờ?”

“Tôi chỉ có thể nói cho bạn cách mà người Do thái sẽ làm. Họ sẽ tìm xem có gì bán được không. Khi tôi đến thành phố này, tôi đi mua đồ trang sức từ những người cần tiền mặt, rồi nấu cho nó tan ra và bán lại cho những người đúc tiền.”

“Nhưng ông tìm đâu ra tiền mà mua đồ trang sức?”

“Tôi mượn tiền của chú tôi – và trả tiền lời cho ông.”

“Nhưng không ai cho chúng tôi mượn.”

Ông trầm tư suy nghĩ. “Tôi sẽ làm gì nếu tôi không có chú? Tôi nghĩ tôi sẽ vào rừng để nhặt các hạt dẻ, rồi đem về thành phố bán cho những bà nội trợ không có giờ để vào rừng và không thể trồng cây trong vườn được vì vườn họ toàn đồ phế thải và rác rưởi.”

“Bây giờ không đúng lúc,” Aliena nói. “Không gì có thể mọc vào mùa này.”

Người thợ kim hoàn mỉm cười. “Sự thiếu kiên nhẫn của tuổi trẻ,” ông nói. “Phải chờ đợi.”

“Dạ được.” Aliena thấy không cần phải giải thích về bố cô. Người thợ kim hoàn đã làm tất cả những gì có thể để giúp cô. “Cảm ơn ông về những lời chỉ dẫn.”

“Tạm biệt.” Người thợ kim hoàn quay lưng đi về phía sau nhà và đóng chiếc cửa nặng nề lại.

Aliena và Richard đi ra. Thợ kim hoàn rất tử tế, tuy nhiên chúng đã mất nửa ngày trời đi quanh địa điểm, và Aliena lại cảm thấy chán nản. Không biết đi đâu, chúng đi qua khu Do Thái và đi vào đường High lần nữa. Aliena cảm thấy đói – nó là giờ ăn tối – và cô biết rằng nếu cô đói, Richard sẽ đói cồn cào. Họ đi không mục đích theo con đường High, ghen tị với những con chuột được cho ăn béo tốt trong đồng rác, cho đến khi họ trở lại dinh thự hoàng gia cổ. Ở đó họ dừng lại, cũng như những khách du lịch từ

xa, họ nhìn qua song sắt vào chỗ sản xuất tiền. Aliena nhìn chăm chăm vào đồng xu bạc, nghĩ rằng cô chỉ muốn một xu của đồng đó, nhưng cô không thể có.

Một lúc sau cô chú ý đến một cô gái bằng tuổi cô đứng gần bên đang mỉm cười với Richard. Cô gái trông có vẻ thân thiện. Aliena do dự, cô ấy mỉm cười lần nữa và nói với cô: “Bạn sống ở đây phải không?”

“Vâng,” cô gái nói. Cô gái quan tâm đến Richard chứ không phải đến Aliena.

Aliena buột miệng: “Bố chúng tôi ở trong tù, và chúng tôi cố tìm cách sống và kiếm vài đồng hối lộ cho cai ngục. Bạn có biết chúng tôi phải làm gì không?”

Cô gái chuyển sự chú ý từ Richard qua Aliena. “Bạn không có đồng xu nào, và bạn muốn biết làm ra tiền bằng cách nào phải không?”

“Đúng vậy. Chúng tôi muốn làm việc cực nhọc. Chúng tôi sẽ làm mọi chuyện. Bạn có nghĩ được cách gì không?”

Cô gái nhìn Aliena hồi lâu, xem xét. “Có, tôi có thể,” sau cùng cô nói. “Tôi biết người có thể giúp cô.”

Aliena háo hức: trong cả ngày hôm nay, đây là người đầu tiên nói có với cô. “Khi nào chúng tôi có thể gặp ông ấy?” cô phấn khởi nói.

“Một bà.”

“Cài gì?”

“Đó là một người đàn bà. Và cô có thể gặp bà ấy ngay bây giờ nếu cô đi với tôi.”

Aliena và Richard trao đổi với nhau một ánh mắt vui mừng. Aliena khó có thể tin vào sự thay đổi trong vận may của mình.

Cô gái quay đi và chúng theo sau. Cô dẫn chúng đến một căn nhà gỗ rộng bên phía nam con đường High. Căn nhà có một tầng trệt và có một gác nhỏ phía trên. Cô gái lên cầu thang phía ngoài và vẫy tay ra hiệu cho chúng theo cô.

Tầng trên là một phòng ngủ. Aliena nhìn quanh với đôi mắt mở rộng: nó được trang trí lộng lẫy và đầy đủ nội thất hơn bất cứ phòng nào trong lâu đài cũ của cô, ngay cả khi mẹ cô còn sống. Các bức tường được treo thảm

trang trí, sàn nhà được trải thảm lông, và chiếc giường được bao quanh bởi rèm cửa thêu. Một phụ nữ trung niên ngồi trên chiếc ghế giống như ngai vàng, mặc chiếc váy cực đẹp. Khi còn trẻ chắc cô đẹp lắm, Aliena đoán, mặc dù bây giờ da cô đã nhăn và tóc đã thưa.

“Đây là bà Kate,” cô gái nói. “Kate, cô gái này không có tiền và cha cô ở trong tù.”

Kate mỉm cười. Aliena cười đáp lại, nhưng cô phải gượng ép vì có điều gì đó ở Kate mà cô không thích. Kate nói: “Đem cậu trai xuống bếp và cho cậu một ly bia trong khi chúng ta nói chuyện.”

Cô gái đem Richard đi. Aliena mừng vì cậu có chút bia – có lẽ họ cũng cho cậu cái gì đó để ăn nữa.

Kate nói: “Tên cô là gì?”

“Aliena.”

“Nó không thông dụng. Nhưng tôi thích tên đó.” Cô đứng lên và đến gần, một chút quá gần. Cô nâng cằm Aliena lên. “Cô có khuôn mặt rất đẹp.” Hơi thở bà có mùi rượu. “Cởi áo khoác ngoài ra.”

Aliena lúng túng vì sự kiểm tra này, nhưng cô làm theo: nó dường như vô hại và sau sự từ chối sáng nay cô không muốn bỏ lỡ cơ hội đầu tiên vì thiếu cộng tác. Cô nhún vai và cởi áo khoác ngoài, bỏ xuống ghế và đứng đó trong chiếc áo lụa cũ mà bà vợ của nhà kiểm lâm đã cho cô.

Kate đi xung quanh cô. Dường như Kate bị ấn tượng. “Cô gái thân yêu của tôi, cô sẽ không thiếu tiền hay bất cứ sự gì khác. Nếu cô làm việc cho tôi, cả hai chúng ta sẽ giàu có.”

Aliena cau mày. Nghe có vẻ điên rồ. Tất cả những gì cô muốn là được phụ giúp trong nhà giặt, hay nấu ăn, hay may vá: cô không thấy cách nào cô có thể làm người khác giàu được. “Bà đang nói về công việc gì?” cô hỏi.

Kate ở đằng sau cô. Bà đưa bàn tay chạy xuống hai bên sườn Aliena, cảm nhận hông cô, và đứng gần đến nỗi Aliena có thể cảm thấy ngực bà ấn lên lưng cô. “Cô có một thân hình rất đẹp,” Kate nói. “Và da cô mềm mại. Cô được sinh ra trong một gia đình quyền quý phải không?”

“Bố tôi là bá tước ở Shiring.”

“Bartholomew! Tốt, tốt. Tôi nhớ ông ấy – không phải vì ông ấy là khách hàng của tôi. Bố cô là một người đàn ông đạo đức. Tốt, tôi hiểu tại sao cô đang thiếu thốn.”

Như vậy là Kate có khách hàng. “Bà bán gì?” Aliena hỏi.

Kate không trả lời trực tiếp. Bà đến trước mặt Aliena, nhìn vào mặt cô. “Cô còn trinh không, cô yêu?”

Aliena đỏ mặt xấu hổ.

“Đừng ngại,” Kate nói. “Tôi thấy cô không còn. Vâng, không có vấn đề gì. Trinh nữ có giá cao, nhưng nó không kéo dài, dĩ nhiên.” Bà đặt tay lên hông Aliena, nghiêng người về phía trước và hôn lên trán cô. “Cô thật khêu gợi, mặc dù cô không biết nó. Tôi thề, cô là người không thể cưỡng lại được.” Bà kéo tay từ hông lên đến ngực Aliena, và nhẹ nhàng nắm một vú trong tay bà, nâng niu nó và bóp nó một chút, rồi bà nghiêng mình ra phía trước và hôn lên môi cô.

Trong nháy mắt Aliena hiểu mọi thứ: tại sao cô gái đã mỉm cười với Richard, tại sao Kate có nhiều tiền, cái gì Aliena sẽ phải làm nếu cô làm việc cho Kate, và Kate là loại người nào. Cô cảm thấy ngu xuẩn vì đã không hiểu điều đó sớm hơn. Trong khoảnh khắc cô đã để cho Kate hôn cô – nó khác với cái mà William Hamleigh đã làm – nhưng đây không phải là cái mà cô phải làm để kiếm tiền. Cô vùng ra khỏi vòng tay của Kate. “Bà muốn tôi trở thành con điếm,” cô nói.

“Một phụ nữ của khoái lạc, cô gái thân yêu ạ,” Kate nói. “Dậy trẻ, mỗi ngày ăn mặc đẹp, làm cho đàn ông sướng, và trở thành giàu có. Cô sẽ là một trong những người tốt nhất. Hãy nghĩ về cô... Cô có thể có mọi thứ, mọi thứ. Hãy tin vào tôi, tôi biết.”

Aliena rùng mình. Trong lâu đài luôn luôn có một hoặc hai cô gái điếm – nó cần thiết ở một nơi có nhiều đàn ông không vợ - và họ được coi là hạng thấp nhất trong số các hạng thấp, hèn mọn nhất trong số phụ nữ, thấp hơn cả người quét đường. Nhưng không phải địa vị thấp kém làm Aliena run lên vì phần nộ, mà là sự hình dung ra những người như William Hamleigh bước vào, làm tình với cô với giá một xu. Tư tưởng này gợi cô nhớ đến thân xác to lớn của cậu ở trên cô, khi cô nằm dưới sàn nhà với đôi chân

giạng ra, run rẩy vì kinh hoàng và ghê tởm, chờ đợi cho hắn thâm nhập vào cô. Hình ảnh này trở lại với sự kinh hoàng mới và lấy đi tất cả sự đỉnh đặc và tự tin của cô. Cô cảm thấy rằng nếu cô ở lại lâu hơn trong căn nhà này, nó sẽ lại xảy đến với cô. Sự kinh hoàng thôi thúc cô phải ra ngoài ngay. Cô lui về phía cửa. Cô sợ Kate bị xúc phạm, sợ một người nào đó tức giận vì cô. “Tôi xin lỗi,” cô thầm thì. “Xin tha cho tôi, nhưng tôi không thể làm việc đó, thật sự...”

“Hãy suy nghĩ về chuyện đó!” Kate nói vui vẻ. “Hãy trở lại nếu cô thay đổi ý kiến. Tôi vẫn ở đây.”

“Cảm ơn,” Aliena nói không chắc chắn. Sau cùng cô tìm thấy cửa. Cô mở cửa và thoát ra ngoài. Vẫn còn khó chịu, cô chạy xuống cầu thang, ra đường và đi đến trước cửa nhà. Cô đẩy cửa, nhưng cô sợ đi vào. “Richard!” cô gọi. “Richard, đi ra ngay!” Không có tiếng trả lời. Bên trong có ánh sáng mờ, cô không nhìn thấy gì, ngoại trừ bóng dáng của vài phụ nữ. “Richard, em ở đâu?” cô điên dại hét lên.

Cô nhận ra người đi đường đang nhìn cô chăm chăm, và nó làm cô thêm lo lắng. Bất ngờ Richard xuất hiện, với một cốc bia trên tay và một chân gà trong tay khác. “Chuyện gì thế?” cậu nói qua miệng đầy thịt. Giọng cậu tỏ lộ sự bất bình vì bị làm phiền.

Cô nắm lấy tay cậu và kéo đi. “Ra khỏi đây,” cô nói. “Đây là một nhà thổ.”

Nhiều người tò mò đứng quanh cười to và vài người buông lời chế nhạo.

“Họ có cho chị vài miếng thịt không,” Richard nói.

“Họ muốn chị thành một gái điếm!” cô điên lên.

“Được rồi, được rồi,” Richard nói. Cậu uống hết phần bia còn lại, đặt chiếc ly xuống nền nhà sau cửa, và nhét phần gà còn lại vào trong áo sơ mi.

“Đi thôi!” Aliena sốt ruột nói, mặc dù nhu cầu xử lý em trai đã vơi đi. Cậu đã không tức giận vì người ta muốn chị cậu trở thành gái điếm, nhưng cậu đã nuối tiếc khi phải rời nơi có bia và thịt gà.

Hầu hết những người tò mò đã đi khỏi vì thấy rằng chuyện khôi hài đã qua, nhưng một người ở lại. Đó là người phụ nữ ăn mặc đẹp họ đã gặp trong nhà tù. Bà là người đã cho cai tù một xu và ông đã gọi bà là Meg. Bà

đang nhìn cô với một cảm xúc của tò mò và thương hại. Aliena có ác cảm với bà vì bị nhìn soi mói, và cô quay đi giận dữ; rồi người đàn bà nói với cô: “Cô đang gặp khó khăn, phải không?”

Giọng nói tử tế của Meg làm Aliena quay lại. “Vâng,” cô nói sau một lúc do dự. “Chúng tôi đang gặp khó khăn.”

“Tôi thấy cô ở nhà tù. Chồng tôi cũng ở tù – tôi thăm ông mỗi ngày. Tại sao cô lại đến đó?”

“Bố tôi ở đó.”

“Nhưng cô không vào trong.”

“Chúng tôi không có tiền trả cho người cai tù.”

Meg nhìn qua vai Aliena vào trong nhà thổ. “Đó là lý do tại sao cô đến đây – Cô đi kiếm tiền?”

“Vâng, nhưng tôi đã không biết nó là gì cho đến khi...”

“Cô đáng thương,” Meg nói. “Annie của tôi cũng bằng tuổi cô, nếu nó còn sống... Tại sao không, sáng mai cô đến nhà tù với tôi, chúng ta cố gắng thuyết phục Odo thực hành như một Kitô hữu là thương xót cho hai đứa trẻ thiếu thốn.”

“Ồ, điều đó tốt biết bao!” Aliena nói. Cô cảm động. Nó không bảo đảm sự thành công, nhưng thực tế là có một người muốn giúp cô và điều đó làm cho dòng nước mắt của cô chảy xuống.

Meg vẫn chăm chú nhìn cô. “Cô đã ăn uống gì chưa?”

“Chưa. Richard có được một chút ở... đó.”

“Tốt hơn nên đến nhà tôi. Tôi sẽ cho cô cậu ít bánh và thịt.” Bà nhận ra cái nhìn cảnh giác của Aliena, nên vội thêm vào: “Và cô cậu không phải trả gì cả.”

Aliena tin bà. “Cảm ơn!” cô nói. “Bà tốt quá. Không có nhiều người tốt với chúng tôi. Tôi không biết phải cảm ơn bà thế nào.”

“Không cần,” bà nói. “Đi với tôi.”

Chồng của Meg là một thương gia bán len. Ông mua lông cừu do các nông dân từ các vùng lân cận đem đến bán cho ông ở nhà của ông ở niềm nam thị trấn, hay ở gian hàng ngoài chợ vào những ngày chợ phiên, hặc ở hội chợ lớn hàng năm trên đồi St. Giles. Ông nhét chúng vào những túi len

lớn, mỗi túi chứa được lông của hai trăm bốn mươi con cừu và cất chúng trong kho sau nhà. Một lần trong năm, khi các thợ dệt người Bỉ sai đại lý của họ đi mua len Anh quốc mềm mại, chồng của Meg sẽ bán tất cả và thu xếp cho các bao tải được chuyên chở bằng thuyền qua Dover và Boulogne đến Bruges và Ghent, nơi lông cừu được chế biến thành vải có chất lượng tốt nhất và bán đi trên toàn thế giới với giá quá cao so với giá của người nông dân, những người nuôi cừu. Meg kể cho Aliena và Richard điều đó trong bữa ăn tối và với nụ cười ấm áp như muốn nói rằng bất cứ chuyện gì xảy ra, con người cũng không cần phải ngược đãi nhau.

Chồng cô bị cáo buộc vì bán bằng cân không chính xác, một tội phạm mà thành phố nghiêm túc cấm, bởi vì sự thịnh vượng của thành phố dựa trên danh tiếng là kinh doanh trung thực. Đánh giá qua những gì Meg kể, Aliena cho rằng có lẽ ông ấy có tội. Mặc dù vậy sự vắng mặt của ông cũng làm thay đổi công việc làm ăn. Meg thay chỗ ông. Trong mùa đông không có nhiều việc phải làm: bà đã du hành đến Flanders; đảm bảo với các đại lý của chồng là doanh nghiệp vẫn hoạt động bình thường; và tiến hành sửa chữa nhà kho đồng thời nới rộng thêm. Khi mùa cắt lông bắt đầu, bà mua lông như ông đã làm. Bà biết đánh giá chất lượng của lông và định mức giá. Bà đã được nhận vào hội các thương gia của thành phố, mặc dù tai tiếng của chồng bà, bởi vì đó là truyền thống của các thương gia, qua đó mọi người giúp đỡ lẫn nhau trong lúc gặp khó khăn và dù sao chẳng nữa chồng bà cũng chưa bị kết tội.

Richard và Aliena ăn đồ ăn, uống rượu nho và ngồi nói chuyện với bà bên lò sưởi cho đến khi bên ngoài trời đã tối đen; rồi chúng trở lại ngủ ở nhà khách tu viện. Aliena lại bị ác mộng. Lần này cô mơ về bố cô. Trong giấc mơ ông cao, xanh xao và uy quyền hơn bao giờ hết; ông ngồi trên ngai vàng trong tù và khi cô đến thăm, cô cũng phải cúi chào như thể ông là vua. Sau đó ông đã buộc tội cô vì cô đã bỏ rơi ông trong tù và đi sống trong nhà thổ. Bị xúc phạm vì những lời buộc tội bất công, cô giận dữ nói rằng chính ông đã bỏ rơi cô. Cô định nói thêm rằng ông đã để cô lại trong sự thương xót của William Hamleigh, nhưng cô không muốn kể cho ông về những gì William đã làm với cô; rồi cô cũng thấy William trong phòng, ngồi trên

giường và ăn anh đào. Cậu nhổ một hột anh đào trúng vào má cô làm cô đau nhói. Bố cô mỉm cười và rồi William bắt đầu ném những trái anh đào mềm mại về phía cô. Chúng trúng vào mặt và quần áo của cô, và cô khóc bởi vì mặc dù bộ áo đã cũ nhưng đó là chiếc áo duy nhất cô có và bây giờ nó đã bị bẩn vì màu anh đào trông giống như những vết máu.

Điều đó làm cô buồn kinh khủng trong giấc mơ đến nỗi khi cô tỉnh dậy và khám phá ra nó không phải là sự thật, cô cảm thấy một sự nhẹ nhõm lớn lao, mặc dù thực tế - không có nhà và không có tiền – còn tồi tệ hơn là bị ném những trái anh đào mềm.

Ánh bình minh chiếu qua các khe nứt của bức tường nhà khách. Xung quanh cô mọi người đã thức giấc và đi luẩn quẩn. Chẳng bao lâu sau các tu sĩ sẽ đến mở cửa và gọi mọi người đến ăn sáng.

Aliena và Richard ăn vội vã, rồi đi tới nhà Meg. Bà ấy đã chuẩn bị đi. Meg đã chuẩn bị một nồi thịt bò hầm mà chồng bà chỉ cần hâm lại cho bữa ăn tối. Aliena bảo Richard xách nồi nặng đó dùm bà. Aliena mong ước có cái gì đó cho bố cô. Trước đó cô đã không nghĩ tới, nhưng dù cô có nghĩ đến cô cũng không thể mua gì cho ông. Cô rất đau khổ khi nghĩ rằng cô không thể làm được gì cho ông.

Họ lên con đường High, vào lâu đài qua cửa sau, rồi đi ngang qua pháo đài và đi xuống đồi tới nhà tù. Aliena nhớ lại điều Odo đã nói với cô ngày hôm qua khi cô hỏi tình trạng sức khỏe bố cô. “Không, ông ta không khỏe,” viên cai tù đã nói. “Ông ta sắp chết.” Cô cho rằng vì ác ý nên ông ấy đã phóng đại ra, nhưng bây giờ cô bắt đầu lo lắng. Cô nói với Meg: “Bà có biết điều gì xảy ra với bố tôi không?”

“Tôi không biết, cháu yêu à,” Meg nói. “Tôi chưa bao giờ gặp ông ấy.”

“Người cai tù nói ông sắp chết.”

“Người đàn ông đó buồn xỉn như con mèo. Có lẽ ông ấy nói thế chỉ để làm bạn khổ sở. Dù sao, cô cũng biết ngay thôi.”

Những lời an ủi của Meg không làm Aliena an lòng, vì thế cô run sợ khi đi qua cửa vào bóng tối trại giam.

Odo giờ bàn tay trên lò sưởi ở giữa sảnh. Ông gật đầu chào Meg và nhìn Aliena. “Cô có tìm được tiền không?” ông hỏi.

“Tôi sẽ trả cho chúng,” Meg nói. “Đây là hai xu, một cho tôi và một cho chúng.”

Một nét xảo quyệt hiện lên khuôn mặt dần đỏ của Odo, và ông nói: “Hai xu cho chúng – mỗi đứa một xu.”

“Đừng hành xử như con chó như vậy,” Meg nói. “Một là ông cho cả hai chúng vào, hay là tôi sẽ phàn nàn về ông với hội thương gia và ông sẽ mất việc.”

“Được rồi, được rồi, không cần phải đe dọa,” ông gắt gỏng nói. Ông chỉ vào một cổng vòm trong bức tường đá bên phải. “Bartholomew ở lối này.”

Meg nói: “Cô cần một cây đèn.” Bà lấy ra hai cây nến từ túi áo khoác, châm lửa và đưa cho Aliena một cây. Mặt bà lo lắng. “Tôi hy vọng mọi chuyện sẽ tốt đẹp,” bà nói, rồi hôn Aliena. Sau đó bà đi nhanh về cổng đối diện.

“Cảm ơn bà về đồng xu,” Aliena gọi với theo, nhưng Meg đã biến mất vào trong bóng tối.

Aliena sợ hãi nhìn vào hướng Odo đã chỉ. Cầm cao cây nến, cô đi qua cổng mái vòm và đến một hành lang nhỏ xíu. Ánh sáng cây nến soi tỏ ba cánh cửa nặng nề, mỗi cái đều khóa bên ngoài. Odo hét to: “Ngay trước mặt.”

Aliena nói: “Nhắc thanh gỗ ra, Richard.”

Richard lấy thanh gỗ khỏi chạc và dựng nó dựa tường. Aliena đẩy cửa và âm thầm đọc nhanh một lời cầu nguyện.

Phòng giam tối mịt, chỉ trừ ánh sáng của ngọn nến. Cô do dự trước ngưỡng cửa, chăm chú vào bóng tối. Căn phòng có mùi nhà vệ sinh. Một giọng nói: “Ai đó?”

Aliena nói: “Bố?” Cô nhìn ra một bóng đen ngồi trên nền rơm.

“Aliena?” Có một chút ngờ vực trong giọng nói của ông. “Có phải Aliena không?” Giọng nói giống giọng của bố, nhưng già hơn.

Aliena đến gần hơn, giơ cao cây nến. Ông nhìn lên cô, ánh nến hắt lên khuôn mặt ông, và cô kinh hoàng.

Ông hầu như không còn nhận ra được nữa.

Ông luôn luôn gầy, nhưng bây giờ ông trông giống như một bộ xương. Ông dơ bẩn và ăn mặc rách rưới. “Aliena!” ông nói. “Con đây à!” Mặt ông nhăn lại thành nụ cười, và nó trông như một nụ cười nhe cả hàm răng của một sọ người.

Aliena bật khóc. Cô bị sốc vì đã không tưởng tượng được ông thay đổi như thế này. Nó là điều đáng sợ nhất mà người ta có thể tưởng tượng. Cô biết ngay là ông sắp chết: ông Odo nhỏ mọn đã nói sự thật. Nhưng ông vẫn đang sống, vẫn đau khổ, và vui một cách đau đớn vì được gặp cô. Cô đã quyết định giữ bình tĩnh, nhưng bây giờ cô hoàn toàn mất tự chủ. Cô quỳ xuống trước mặt ông, khóc với tiếng nức nở xuất phát từ sâu thẳm trong lòng cô.

Ông nghiêng người về phía trước và ôm cô, vỗ nhẹ vào lưng cô như an ủi một đứa bé khóc vì bị trầy đầu gối hay bị vỡ mất một món đồ chơi. “Đừng khóc,” ông nói nhẹ nhàng. “Đừng khóc khi con đang làm cho bố rất hạnh phúc.”

Aliena cảm thấy cây nến trên tay mình bị lấy đi. Ông bố nói: “Và người thanh niên cao lớn này là Richard của bố phải không?”

“Vâng, bố ạ,” Richard nói cứng nhắc.

Aliena ôm bố, cô cảm thấy xương ông như những cây gậy trong bao tải. Ông chỉ còn da bọc xương. Cô muốn nói lời gì đó với ông, lời nói của yêu thương hay khích lệ, nhưng cô thốn thức không nói nên lời.

“Richard,” ông nói, “con đã lớn! Con có râu chưa?”

“Nó đã chớm mọc, bố ạ, nhưng nó còn ít lắm.”

Aliena nhận ra rằng nước mắt đã tràn qua mi của Richard, nhưng cậu chống lại để giữ bình tĩnh. Cậu xấu hổ nếu khóc trước mặt bố, và có lẽ bố sẽ nói cậu gạt nước mắt đi và làm người đàn ông, và khóc chỉ làm cho tình trạng tồi tệ thêm. Cô cố gắng cứng cáp hơn. Cô ôm chặt tấm thân gầy gò của bố một lần nữa; sau đó cô bỏ tay ra, gạt dòng nước mắt và hỉ mũi vào tay áo.

“Cả hai con bình an chứ?” bố nói. Giọng ông chậm hơn trước và thỉnh thoảng run lên. “Làm sao chúng con sống được? Chúng con sống ở đâu? Họ không nói gì với bố về chúng con – đó là sự tra tấn tồi tệ nhất mà họ

nghe ra. Nhưng cả hai con dường như tốt – sung sức và khỏe mạnh! Đó là tuyệt vời!”

Sự đề cập đến việc tra tấn làm cho Aliena tự hỏi liệu ông có phải đau khổ về thể xác không, nhưng cô không dám hỏi ông: cô sợ những gì ông sẽ kể cho cô. Thay vào đó cô trả lời câu hỏi của ông bằng sự nói dối. “Chúng con tốt, bố ạ.” Cô biết sự thật chỉ tiêu diệt ông. Nó tàn phá giây phút hạnh phúc này và đổ đầy những ngày còn lại của đời ông bằng sự giầy vò tự trách móc. “Chúng con vẫn sống ở lâu đài và Matthew vẫn chăm sóc chúng con.”

“Nhưng chúng con sẽ không thể sống ở đó nữa,” ông nói. “Nhà vua đã đặt ông béo Percy Hamleigh làm bá tước – ông ấy sẽ lấy lâu đài.”

Thì ra ông cũng biết chuyện đó. “Cũng được,” cô nói. “Chúng con sẽ dọn ra ngoài.”

Ông sờ vào áo của cô, chiếc áo lụa cũ mà vợ nhà kiểm lâm đã cho cô. “Cái gì đây?” ông nói cứng cáp. “Con đã bán quần áo của con rồi sao?”

Ông vẫn còn minh mẫn, Aliena nhận ra. Không dễ gì có thể đánh lừa ông. Cô quyết định nói cho ông biết một phần sự thật. “Chúng con vội vã ra khỏi lâu đài, và chúng con không có quần áo gì cả.”

“Matthew đâu? Tại sao ông ấy không đi với chúng con?”

Cô đã sợ về câu hỏi này. Cô do dự.

Cho dù chỉ là một giây phút ngập ngừng, nhưng ông đã nhận ra. “Hãy nói đi! Đừng dấu bố bất cứ điều gì!” Ông nói với một chút uy quyền của ngày xưa. “Matthew đâu?”

“Gia đình Hamleigh đã giết ông ấy,” cô nói. “Nhưng họ không làm hại chúng con.” Cô ngừng thở. Liệu ông có tin cô?

“Tội nghiệp Matthew,” ông buồn rầu nói. “Ông ấy chẳng bao giờ là người chiến đấu. Bố hy vọng ông sẽ được về trời.”

Ông đã tin câu chuyện của cô. Cô nhẹ người. Cô đổi câu chuyện khỏi đề tài nguy hiểm này. “Chúng con quyết định đến Winchester để yêu cầu nhà vua cung cấp một cái gì đó cho chúng con, nhưng ông ấy...”

“Không hy vọng gì,” ông bố cắt ngang ngay, trước khi cô có thể cắt nghĩa tại sao cô không gặp được vua. “Nhà vua sẽ không làm bất cứ chuyện gì cho các con.”

Aliena đau lòng vì giọng nói thô bạo của ông. Cô đã làm tốt nhất những gì cô có thể, một mình chống trả khó khăn, và cô muốn bố cô nói “tốt lắm”, không phải “vô ích, uổng thời gian”. Ông luôn nhanh phê bình, khiển trách và chậm khen ngợi. Tôi phải quen với nó, cô nghĩ. Một cách phực tùng cô nói: “Chúng con phải làm gì bây giờ, bố ơi?”

Ông chuyển tư thế ngồi của ông, và có một tiếng lách cách. Aliena hoảng hốt nhận ra ông bị xích. Ông nói: “Bố đã có cơ hội dấu một số tiền đi. Nó không chắc chắn lắm nhưng bố phải chấp nhận. Bố có năm mươi đồng tiền Byzan để trong một thắt lưng dưới áo sơ mi của bố. Bố đã đưa thắt lưng này cho một linh mục.”

“Năm mươi!” Aliena ngạc nhiên. Một đồng Byzan là một đồng tiền vàng. Chúng không được đúc ở Anh mà nhập từ Byzan. Cô chưa bao giờ thấy nhiều hơn một đồng cùng một lúc. Một đồng tiền Byzan giá trị tương đương với hai mươi bốn đồng xu bạc. Năm mươi đáng giá bằng... cô không thể hình dung được.

“Linh mục nào?” Richard hỏi cụ thể.

“Cha Ralph, thuộc nhà thờ St. Michael gần cổng Bắc.”

“Ông ấy có là người tốt không?” Aliena hỏi.

“Bố hy vọng như thế. Bố thực sự không biết. Vào ngày mà Hamleigh đem bố đến Winchester, trước khi họ nhốt bố ở đây, bố chỉ có vài khoảnh khắc ở một mình với cha ấy, và bố biết đó là cơ hội duy nhất của bố. Bố đã đưa thắt lưng cho ông ấy và nhờ ông ấy giữ cho chúng con. Năm mươi đồng Byzan có giá trị bằng năm ký bạc.”

Năm ký. Aliena cần thời gian để tin vào tai mình và đồng thời cô nhận ra rằng tiền này sẽ thay đổi cuộc sống của cô. Chúng sẽ không còn túng thiếu, chúng không còn phải sống từng ngày. Chúng có thể mua bánh mì, và một đôi giày thay thế cho đôi guốc đau chân này, và ngay cả hai con ngựa rề nếu chúng cần du hành. Nó không giải quyết mọi vấn đề của chúng, nhưng nó lấy đi cảm giác sợ hãi đứng bên bờ vực của sự sống hay sự chết. Cô sẽ không phải luôn nghĩ làm sao để sống qua ngày. Thay vào đó cô có thể để tâm trí suy nghĩ những điều tích cực – giả sử như làm sao có thể giải cứu

bố ra khỏi nơi đau khổ này. Cô nói: “Khi chúng con lấy lại được số tiền này, chúng con sẽ làm gì? Chúng con muốn bố được tự do.”

“Bố sẽ không được ra khỏi đây,” ông cay nghiệt nói. “Hãy quên chuyện đó đi. Nếu bố không chết ngay, họ sẽ treo cổ bố.”

Aliena thở hỗn hển. Làm sao ông có thể nói như vậy?

“Tại sao con sợ hãi?” ông nói. “Nhà vua sẽ loại trừ bố, nhưng qua cách này ông sẽ không bị bối rối.”

Richard nói: “”Bố ơi, chỗ này không gác kỹ trong khi nhà vua đi vắng. Chỉ với vài người con tin là con có thể đem bố ra ngoài.”

Aliena biết rằng nó khó có thể thực hiện được. Richard không có khả năng và kinh nghiệm tổ chức vượt ngục, và cậu còn quá trẻ để thuyết phục người khác theo cậu. Cô sợ bố sẽ làm Richard tổn thương qua sự khinh miệt của ông, nhưng tất cả những gì ông nói là: “Ngay cả đừng nghĩ về việc đó. Nếu con phá vỡ được vào đây, bố cũng từ chối đi với con.”

Aliena biết khi ông đã quyết định thì tranh luận với ông không mang lại gì. Nhưng tim cô tan vỡ khi nghĩ rằng ông sẽ trải qua những ngày còn lại trong căn nhà tù hôi hám này. Tuy nhiên, cô nghĩ rằng có nhiều cách cô có thể làm cho ông thoải mái hơn ở đây. Cô nói: “Vâng, nếu bố có ý định ở lại đây, chúng con có thể lau chùi chỗ này và trải rơm mới. Chúng con sẽ đem đồ ăn nóng cho bố mỗi ngày. Chúng con sẽ mua một ít nến và có thể chúng con sẽ mượn được Kinh Thánh cho bố đọc mỗi ngày. Bố có thể có lò sưởi...”

“Ngưng lại!” ông nói. “Con không cần làm những chuyện đó. Bố không muốn có những đứa con lãng phí cuộc sống của nó quanh một nhà tù và chờ đợi một ông già chết.”

Những dòng nước mắt chảy xuống trên mặt Aliena. “Nhưng chúng con không thể để bố thế này được!”

Ông làm ngơ cô, đó là cách ông thường đáp lại những người ngu ngốc chống lại ông. “Mẹ chúng con có một em gái, dì Edith. Dì sống ở làng Huntleigh, trên đường đến Gloucester. Chồng dì là một hiệp sĩ. Các con nên đến đó.”

Như vậy chúng có thể thăm ông thường xuyên, Aliena nghĩ. Và có lẽ ông sẽ cho phép em vợ và chồng làm cho ông một vài điều dễ chịu hơn. Cô cố gắng nhớ lại dì Edith và chú Simon. Từ khi mẹ mất, cô không gặp lại họ. Cô có một ký ức mơ hồ về một người phụ nữ gầy, hay lo lắng như mẹ và một người đàn ông to lớn, nồng nhiệt thích ăn uống. “Họ có muốn lo cho chúng con không?” cô ngần ngại nói.

“Dĩ nhiên. Họ là người thân của các con.”

Aliena tự hỏi không biết lý do đó có đủ để cho một gia đình hiệp sĩ đơn giản nhận hai đứa trẻ to lớn và đói ăn vào trong gia đình của họ không; nhưng bố cô đã nói thế và cô tin ông. “Chúng con sẽ làm gì?” cô nói.

“Richard sẽ là người cận vệ của chú và học kỹ năng của hiệp sĩ. Con sẽ là người phục vụ cho dì Edith cho đến khi con lấy chồng.” Aliena cảm thấy như cô đã vác một gánh nặng qua nhiều dặm đường, và đã không để ý đến sự đau đớn trên lưng cho đến khi cô đặt gánh nặng xuống. Bây giờ nghe ông nói, cô cảm thấy trách nhiệm trong mấy ngày vừa qua quá sức chịu đựng của cô. Và uy quyền cũng như khả năng kiểm soát tình hình của ông, ngay cả khi ông bị ốm trong tù, cho cô sự thoải mái và lấy đi nỗi buồn của cô, bởi vì nó dường như không cần thiết phải lo lắng cho ông, người đang thu xếp mọi chuyện.

Bây giờ ông còn nghiêm nghị hơn. “Trước khi các con đi, bố muốn cả hai con có một lời thề.”

Aliena kinh hoàng. Ông luôn chống lại việc thề hứa. Thề hứa là đặt linh hồn bạn vào sự mạo hiểm, ông nói. Đừng bao giờ thề chỉ trừ khi nào bạn chắc chắn bạn có thể sẵn sàng chết hơn là phản lại lời thề đó. Và ông ở trong nhà tù này vì một lời thề: các bá tước khác đã phản bội lời thề và đã chấp nhận Stephen là vua, nhưng ông đã từ chối. Ông thà chết chứ không phản bội lời thề, và ở đây ông sắp chết.

“Đưa thanh kiếm cho bố,” ông nói với Richard.

Richard rút kiếm ra và trao cho ông.

Ông bố cầm lấy kiếm, đảo ngược nó và đưa chuôi kiếm ra. “Quỳ xuống!”

“Đặt bàn tay con trên chuôi kiếm.” Ông bố ngưng lại như thể ông tập trung tất cả sức lực; rồi giọng ông vang lên như tiếng chuông ngân. “Thề trước Đấng toàn năng, và Chúa Giêsu Kitô và các Thánh rằng con sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi con trở thành bá tước của Shiring và chủ nhân của các mảnh đất mà bố đã cai trị.”

Aliena ngạc nhiên và kinh hoàng. Cô chờ đợi bố cô sẽ đòi hỏi một lời hứa chung chung, thí dụ như nói thật, luôn luôn kính sợ Thiên Chúa; nhưng không, ông vừa trao cho Richard một nhiệm vụ rất cụ thể, một nhiệm vụ mà chúng cần cả đời để hoàn thành.

Richard lấy một hơi dài và run run nói: “Con thề trước Thiên Chúa toàn năng, và Chúa Giêsu Kitô và các Thánh rằng con sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi con trở thành bá tước của Shiring và chủ của các mảnh đất mà bố đã cai trị.”

Ông bố thở dài, như ông đã hoàn thành một trách nhiệm khó khăn. Rồi ông lại làm cô ngạc nhiên. Ông quay lại và đưa đuôi kiếm cho cô. “Hãy thề với Thiên Chúa toàn năng, và Chúa Giêsu Kitô và các Thánh rằng con sẽ chăm sóc Richard em con cho đến khi em con hoàn thành lời hứa.”

Một cảm xúc mênh mang tràn ngập Aliena. Đây là số phận của chúng: Richard sẽ trả thù thay bố, và cô sẽ chăm sóc cho Richard. Đối với cô nó là một sứ mạng trả thù, bởi vì nếu Richard trở thành bá tước, William Hamleigh sẽ mất quyền thừa hưởng. Một tư tưởng lóe lên trong đầu là không ai hỏi cô xem cô muốn đời sống của cô ra sao; nhưng tư tưởng ngu ngốc này qua nhanh như khi nó đến. Đây là số phận của cô, và nó phù hợp và thích đáng. Không phải cô không muốn, nhưng cô biết đây là một biến cố định mệnh, và cô có cảm xúc cánh cửa đã đóng lại phía sau cô và con đường đời của cô đã được xác định, không còn thay đổi được. Cô đặt tay lên chuôi kiếm và tuyên thề. Giọng cô làm cho cô ngạc nhiên về sự mạnh mẽ và quyết tâm của cô. “Con thề trước Thiên Chúa toàn năng, và Chúa Giêsu Kitô và các Thánh rằng con sẽ chăm sóc Richard em con cho đến khi em hoàn thành lời thề của em.” Cô làm dấu thánh giá. Đã hoàn thành. Tôi đã tuyên một lời thề, cô nghĩ, và tôi thà chết hơn là phản bội lời thề của tôi. Ý nghĩ này cho cô sự hài lòng tức giận.

“Xong rồi,” ông bố nói, và giọng ông lại có vẻ yếu. “Từ bây giờ các con không cần phải đến đây nữa.”

Aliena không thể tin được điều ông nói. “Chú Simon có thể đưa chúng con tới gặp bố thường xuyên, và chúng con có thể lo cho bố ấm áp và có đồ ăn...”

“Không,” ông nghiêm khắc nói. “Các con có nhiệm vụ phải chu toàn. Các con không nên lãng phí năng lực vì thăm viếng một tù nhân.”

Cô không thể kháng cự lại sự khắc nghiệt trong quyết định của ông. “Vậy hãy cho chúng con đến một lần nữa thôi để mang cho bố vài tiện nghi!”

“Bố không muốn tiện nghi.”

“Làm ơn...”

“Chẳng bao giờ.”

Cô bó tay. Ông luôn luôn cứng rắn với chính ông như ông cứng rắn với người khác. “Vâng,” cô nói, và nó bật thành tiếng nấc.

“Bây giờ tốt hơn các con nên đi,” ông nói.

“Đi ngay sao?”

“Đúng. Đây là nơi của tuyệt vọng, của thối nát và sự chết. Bây giờ bố đã gặp chúng con, và biết chúng con khỏe mạnh, và chúng con đã hứa xây dựng lại những gì chúng ta đã mất, bố rất mãn nguyện. Chỉ một điều có thể tàn phá niềm hạnh phúc của bố là nhìn thấy chúng con lãng phí thời gian thăm viếng một nhà tù. Bây giờ hãy về đi.”

“Thưa bố, không!” cô phản đối, mặc dù cô biết nó không ích lợi gì.

“Hãy lắng nghe,” ông nói, và sau cùng giọng nói của ông trở nên mềm mại. Bố đã sống một cuộc sống xứng đáng, và bây giờ bố sắp chết. Bố đã xưng tội. Bố đã chuẩn bị cho cuộc sống vĩnh cửu. Hãy cầu nguyện cho linh hồn của bố. Hãy đi đi.”

Aliena cúi xuống và hôn lên trán ông. Cô để nước mắt rơi tự do trên mặt. “Tạm biệt bố yêu quý,” cô thì thầm. Cô đứng lên.

Richard cúi xuống hôn ông. “Tạm biệt bố,” cậu nói không vững.

Richard để lại cho ông ngọn nến. Chúng đi ra cửa. Tại ngưỡng cửa cô quay lại nhìn ông trong ánh sáng chập chờn. Khuôn mặt trơ xương của ông

biểu hiện một nét quyết tâm trầm tĩnh rất quen thuộc. Cô nhìn ông cho đến khi ông nhòa đi trong làn nước mắt. Rồi cô quay lại, đi qua sảnh nhà tù, và lưỡng lự đi ra ngoài.

III

Richard dẫn đường. Aliena choáng váng vì sầu khổ. Coi như là bố đã mất; nhưng nó còn tồi tệ hơn bởi ông vẫn còn đau khổ. Cô nghe Richard hỏi đường nhưng cô không để ý. Cô không nghĩ gì về việc chúng đi đâu, cho đến khi cậu dừng lại bên ngoài một ngôi nhà thờ bằng gỗ nhỏ với một túp lều bên cạnh dựa vào tường nhà thờ. Nhìn quanh, cô thấy chúng đang ở trong một khu phố nghèo với những căn nhà nhỏ bé và đường sá bẩn thỉu, nơi những con chó hung dữ đuổi chuột chạy qua bãi rác và những trẻ em chân đất chơi trên bùn lầy. “Đây phải là nhà thờ St. Michael,” Richard nói.

Túp lều dựa vào tường nhà thờ phải là nhà của linh mục. Nó có một cửa sổ. Cửa ra vào mở. Chúng vào trong.

Có một lò sưởi ở giữa túp lều một phòng. Dụng cụ trong nhà chỉ gồm một bàn thô sơ, một vài chiếc ghế, và một thùng bia trong góc. Sàn nhà được trải rơm rải rác. Gần lò sưởi một người đàn ông ngồi trên ghế, đang uống một ly lớn. Ông nhỏ con, gầy, chắc năm mươi tuổi với một mũi đỏ và mái tóc xám mỏng. Ông mặc quần áo bình thường hàng ngày, một áo trong bẩn với một áo dài màu nâu và đi guốc.

“Cha Ralph? Richard ngờ vực hỏi.

“Chuyện gì vậy, nếu tôi là cha Ralph?” ông trả lời.

Aliena thở dài. Tại sao người ta lại gây thêm khó khăn trong khi trên thế giới đã có quá nhiều rồi? Nhưng cô không còn sức để tranh cãi với tính khí bất thường của người khác, vì thế cô để mặc Richard. Cậu nói: “Như vậy có nghĩa rằng ông là cha Ralph?”

Câu hỏi tự trả lời lấy. Một giọng nói từ bên ngoài gọi: “Ralph? Ông có đó không?” Một lúc sau một người đàn bà trung niên đi vào mang cho vị linh mục một ổ bánh và một tô lớn của cái gì đó có mùi thơm của thịt hầm. Lần đầu tiên mùi thịt thơm không làm Aliena chảy nước miếng: cô không còn cảm giác, ngay cả đói. Người đàn bà có lẽ là một người trong xứ đạo của Ralph, bởi vì quần áo của bà cũng có cùng phẩm chất kém như của ông. Ông lấy đồ ăn từ tay bà, không nói một lời, và bắt đầu ăn. Bà liếc nhìn Aliena và Richard một cách thờ ơ, rồi đi ra.

Richard nói: “Vâng, cha Ralph, tôi là con của Bá tước Bartholomew, cựu lãnh chúa của Shiring.” Người đàn ông ngừng ăn và ngược nhìn chúng. Có nét thù hận trên mặt ông, và vài biểu lộ khác mà Aliena không đọc được – Sợ hãi? Cảm thấy tội lỗi? Ông lại tập trung vào bữa ăn, nhưng lăm băm: “Anh muốn gì nơi tôi?”

Aliena cảm thấy một sợ hãi đau lòng.

“Ông biết tôi muốn gì nơi ông,” Richard nói. “Tiền của tôi. Năm mươi đồng Byzan.”

“Tôi không biết anh đang nói gì,” Ralph nói.

Aliena chăm chú nhìn ông hoài nghi. Điều này không thể xảy ra. Ông bố đã để lại tiền cho chúng qua vị linh mục này – ông đã nói như vậy! Ông bố không bao giờ sai lầm về những việc như thế.

Mặt Richard biến thành trắng. Cậu nói: “Ông nói gì?”

“Tôi nói tôi không biết anh nói gì. Bây giờ đi ra!” Ông múc thêm một muống thịt hầm khác.

Người đàn ông nói dối, dĩ nhiên; nhưng chúng phải làm gì bây giờ? Richard bướng bỉnh nhấn mạnh: “Bố tôi đưa tiền cho ông – năm mươi Bizan. Bố tôi nhờ ông đưa lại cho tôi. Tiền ấy ở đâu?”

“Bố anh không đưa gì cho tôi cả.”

“Bố tôi nói ông ấy đã đưa.”

“Như vậy là ông ấy nói dối.”

Đó là điều mà ông bố không bao giờ làm. Lần đầu tiên Aliena cất tiếng: “Ông là người nói dối, và chúng tôi biết điều đó.”

Ralph nhún vai. “Đi mà báo với cảnh sát.”

“Ông sẽ gặp rắc rối nếu chúng tôi làm chuyện đó. Họ sẽ cắt tay những kẻ trộm trong thành phố này.”

Một bóng sợ hãi thoáng qua trên mặt vị linh mục, nhưng nó biến nhanh đi và ông trả lời thách thức: “Lời nói của tôi sẽ chống lại lời nói của kẻ phản bội bị ở tù – nếu bố các bạn còn sống lâu để đưa ra bằng chứng.”

Aliena nhận ra ông có lý. Không có nhân chứng độc lập để nói rằng bố cô đã đưa tiền cho ông ấy, bởi vì tất cả mọi chuyện đều bí mật, nếu không số tiền đó đã bị lấy đi bởi nhà vua hay Percy Hamleigh hay đám quạ kinh tởm, những người bu quanh tài sản của một người đàn ông bị sặc nghiệp. Những việc xảy ra giống như trong rừng, Aliena cay đắng nhận ra. Người ta có thể cướp của cô và Richard mà không bị trừng phạt vì chúng là con của nhà quý tộc đã thất trận. Tại sao tôi sợ hãi người đàn ông này? Cô tự hỏi mình một cách giận dữ. Tại sao họ không sợ tôi?

Richard nhìn cô và nói nhỏ: “Ông ta có lý, phải không?”

“Đúng,” cô nói chua cay. “Việc báo cảnh sát không đem lại kết quả gì.” Cô nghĩ lại có một lần người ta đã sợ cô, đó là lúc ở trong rừng, khi cô đâm người sống bên ngoài vòng pháp luật béo mập, và người khác đã bỏ chạy. Vị linh mục này không tốt hơn người sống bên ngoài vòng pháp luật. Nhưng ông đã già và yếu ớt, và có lẽ ông đã không nghĩ đến ngày ông phải đối diện với chúng. Có lẽ ông sẽ sợ.

Richard nói: “Vậy chúng ta phải làm gì?”

Aliena có một bốc đồng mãnh liệt. “Đốt nhà ông ta,” cô nói. Cô bước tới giữa phòng, dùng guốc đá đồng lửa và các thanh củi bốc cháy tung tóe khắp nhà. Đám rơm xung quanh đồng lửa bắt cháy ngay lập tức.

“Hê!” Ralph hét lên. Ông ngồi dậy nửa người trên ghế, đánh đổ bánh mì và thịt hầm vào lòng; nhưng trước khi ông có thể đứng lên, Aliena đã nhảy bổ vào ông. Cô cảm thấy mất tự chủ và hành động một cách không suy nghĩ. Cô đẩy ông, và ông tuột khỏi ghế, rơi xuống sàn nhà. Cô ngạc nhiên vì đã đánh ngã ông ấy quá dễ dàng. Cô ngã lên ông, đè đầu gối lên ngực ông. Điên lên vì giận, cô cúi mặt xuống gần mặt ông và hét lên: “Ông vô đạo, nói dối, trộm cướp này, tôi sẽ thiêu sống ông!”

Mắt ông liếc qua một bên và trông ông còn kinh hoàng hơn. Theo ánh mắt của ông, Aliena nhìn thấy Richard đã rút kiếm và sẵn sàng đâm xuống. Khuôn mặt bần của vị linh mục xanh lè, và ông thì thầm: “Cô là một con quỷ...”

“Ông là người ăn cắp tiền của trẻ em nghèo!” Bên khoe mắt, cô nhìn thấy một khúc củi đang cháy. Cô nhặt lấy, dí đầu cháy vào gần mặt ông. “Bây giờ tôi sẽ đốt mắt ông, từng cái một. Đầu tiên là mắt trái...”

“Đừng, xin đừng,” ông thì thào. “Làm ơn đừng làm tổn thương tôi.”

Aliena ngạc nhiên vì ông mau chóng bỏ cuộc. Cô nhận ra rơm chung quanh cô đã bắt lửa. “Vậy, tiền đâu?” cô nói bằng giọng đột nhiên nghe có vẻ bình thường.

Vị linh mục vẫn còn kinh hoàng. “Trong nhà thờ.”

“Chính xác ở chỗ nào?”

“Dưới viên đá đằng sau bàn thờ.”

Aliena nhìn Richard. “Canh giữ ông ta trong khi chị đi tìm,” cô nói. “Nếu ông ấy cử động, em cứ giết ông ấy.”

Richard nói: “Allie, nhà sắp cháy.”

Aliena đi đến góc nhà và nhấc nắp thùng. Một nửa thùng còn đầy bia. Cô nắm lấy quai và kéo nó lên. Bia chảy khắp nền nhà, thấm vào rơm và làm lửa tắt dần.

Aliena đi ra khỏi nhà. Cô biết cô thực sự sẵn sàng đốt mắt của vị linh mục, nhưng thay vì xấu hổ về nó, cô lại có cảm giác hãnh diện về quyền lực của mình. Cô đã quyết tâm không để cho người khác biến cô thành nạn nhân, và cô đã chứng tỏ cô có thể giữ quyết tâm của mình. Cô rảo bước tới trước cửa nhà thờ và cố mở cửa. Nó được đóng bằng một khóa nhỏ. Cô có thể trở lại lấy chìa khóa nơi vị linh mục, nhưng thay vào đó cô rút con dao găm từ tay áo ra, đưa mũi dao vào các vết nứt của cánh cửa và phá vỡ ổ khóa. Cánh cửa bật mở và cô bước vào trong.

Đây là một nhà thờ nghèo. Không có đồ đạc gì ngoại trừ bàn thờ, và không có đồ trang trí gì ngoại trừ vài bức tranh mộc trên tường gỗ. Trong một góc, cây nến duy nhất chập chờn dưới một bức ảnh bằng gỗ, có lẽ đó là Thánh Michael. Niềm vui chiến thắng của cô bị chặn lại khi cô nhận ra

rằng năm cân bạc là một cơn cám dỗ lớn lao đối với một người nghèo như cha Ralph. Nhưng cô vội gạt lòng cảm thông ra khỏi tâm trí.

Nền nhà thờ bằng đất nện, nhưng sau bàn thờ có một tấm đá rộng. Nó là một nơi cất dấu khá rõ ràng, nhưng dĩ nhiên không ai bận tâm cướp một ngôi nhà thờ nghèo như thế này. Aliena quỳ gối xuống và nâng tấm đá. Nó quá nặng và không chuyển động. Cô bắt đầu lo. Richard không thể giữ Ralph mãi. Vị linh mục có thể đi ra ngoài và kêu gọi sự hỗ trợ, và Aliena phải chứng minh số tiền đó là của cô. Thật vậy, bây giờ cô lo sợ thêm vì cô đã tấn công một linh mục và đột nhập vào nhà thờ. Cô thấy ớn lạnh khi cô nhận ra rằng bây giờ cô đang đứng ở phía trái của pháp luật.

Sự sợ hãi tăng thêm sức mạnh cho cô. Với một cái giật mạnh, cô chuyển hòn đá được một hay hai tấc. Nó hiện ra một lỗ sâu khoảng nửa mét. Cô cố di chuyển hòn đá một chút xa hơn. Bên trong lỗ là một giây thắt lưng da rộng. Cô cho tay vào và kéo chiếc thắt lưng ra.

“Đây rồi!” cô nói lớn. “Tôi đã tìm ra nó.” Cô hơi hờ hởi lòng vì nghĩ rằng cô đã chiến thắng vị linh mục thiếu trung thực và lấy lại tiền của bố cô. Rồi, khi cô đứng lên, cô nhận ra rằng chiến thắng của cô chỉ là ít ỏi: dây thắt lưng có vẻ nhẹ. Cô tháo phần cuối và đổ tiền ra. Chỉ còn mười đồng. Mười đồng Byzan đáng giá một cân bạc.

Phần còn lại ở đâu? Cha Ralph đã tiêu hết! Cô lại trở nên tức giận. Tiền bố cô để lại là tất cả những gì cô có trên trần gian này và một linh mục trộm cướp đã lấy bốn phần năm của nó. Cô bước ra khỏi nhà thờ, đóng cửa thắt lưng. Trên đường phố, một khách đi đường giật mình khi ông bắt gặp mắt cô, như thể nét mặt cô có gì kỳ quặc. Cô không thèm để ý đến và đi vào nhà vị linh mục.

Richard đang đứng trên cha Ralph, dơ kiếm vào ngực ông. Khi cô bước qua ngưỡng cửa, cô hét to: “Số tiền còn lại của bố tôi ở đâu?”

“Đã mất hết rồi,” vị linh mục thì thào.

Cô quỳ xuống gần đầu ông và dí dao găm vào mặt ông. “Đã mất ở đâu?”

“Tôi đã tiêu hết,” ông thú nhận bằng giọng nói khàn khàn sợ hãi.

Aliena muốn đâm ông hay đánh ông, hay ném ông xuống sông; nhưng tất cả những điều đó đều không đem lại gì. Ông đã nói sự thật. Cô nhìn

thùng bia bị lật ngược: một người nghiện rượu cần rất nhiều bia. Cô cảm thấy như cô có thể điên lên vì thất vọng. “Tôi sẽ cắt tai ông nếu tôi có thể bán nó được một xu,” cô rút lên với ông. Ông sợ hãi tưởng chừng như cô có thể cắt tai ông thật.

Richard lo sợ nói: “Ông ta đã tiêu hết tiền. Chúng ta hãy lấy những gì còn lại và đi thôi.”

Cậu có lý, Aliena nhận ra một cách miễn cưỡng. Sự giận dữ của cô dần trôi qua để lại hương vị cay đắng. Dọa cho vị linh mục sợ cũng không mang lại điều gì nữa, và càng ở lại lâu, càng có thể có người vào và gây cho chúng rắc rối. Cô đứng lên. “Được rồi,” cô nói. Cô cất những đồng tiền vào lại trong thắt lưng, rồi thắt quanh eo dưới áo khoác. Cô chỉ một ngón tay vào vị linh mục. “Một ngày nào đó tôi sẽ trở lại và giết ông,” cô nhổ xuống đất.

Cô đi ra.

Cô rảo bước theo con đường chật hẹp. Richard đuổi theo sự vội vàng của cô. “Chị thật tuyệt vời, Allie!” cậu hào hứng nói. “Chị đã làm ông sợ đến chết – và đã lấy lại được tiền!”

Cô gật đầu. “Vâng, chị đã làm,” cô nói chua chát. Cô vẫn còn căng thẳng, nhưng bây giờ cơn tức giận đã qua đi, cô cảm thấy trống rỗng.

“Chúng ta mua gì bây giờ?” cậu hồ hởi hỏi.

“Chỉ một ít đồ ăn cho cuộc hành trình.”

“Chúng ta không mua ngựa sao?”

“Chúng ta không thể mua được với một đồng bảng Anh.”

“Nhưng ít nhất chúng ta cũng có thể mua cho chị đôi giày.”

Cô nghĩ về chuyện đó. Đôi guốc làm chân cô đau, còn đi chân trần thì mặt đất quá lạnh. Tuy nhiên giày quá mắc và cô không muốn tiêu tiền quá nhanh. “Không,” cô quyết định. “Chị sẽ sống thêm vài ngày không có giày. Bây giờ chúng ta cần phải giữ tiền.”

Cậu thất vọng, nhưng cậu không thể chống lại uy quyền của cô. “Chúng ta mua đồ ăn gì bây giờ?”

“Bánh mì lúa mạch, pho mát cứng và rượu nho.”

“Hãy mua thêm bánh nướng.”

“Nó rất mắc.”

“Ồ!” Cậu yên lặng một lúc, rồi nói: “Chị rất khó tính, Allie.”

Aliena thở dài. “Chị biết.” Cô nghĩ: Tại sao tôi lại có cách suy nghĩ như vậy? Có thể vì tôi tự hào. Tôi đã đưa em tôi ra khỏi lâu đài. Tôi đã bảo vệ em tôi. Tôi đã tìm thấy bố tôi. Tôi đã lấy lại được tiền.

Vâng, và tôi đã đâm con dao vào bụng người đàn ông mập, và để cho em tôi giết ông ta, và tôi đã dí một cây củi đang cháy vào mặt vị linh mục, và tôi sẵn sàng móc mắt ông ta.

“Có phải vì bố không?” Richard nói một cách thông cảm.

“Không, không phải,” Aliena trả lời. “Đó là vì chị.”

Aliena hối tiếc đã không mua giày.

Trên đường đến Gloucester cô mang guốc cho đến khi chân cô chảy máu, rồi cô đi chân đất cho đến khi cô không còn chịu đựng được lạnh, và sau cùng cô lại mang guốc vào. Cô nhận thấy khi không chú ý đến đôi chân, nó sẽ thoải mái hơn, còn nếu nhìn xuống vết lở và máu, nó lại đau thêm.

Trong vùng đồi núi có nhiều nông trại nghèo, nơi người nông dân chỉ có vài thửa ruộng trồng yến mạch hay lúa mạch và chăn vài con vật gầy gò. Aliena dừng lại vùng ngoại ô của một ngôi làng, khi cô nghĩ rằng đã gần đến Huntleigh, để nói chuyện với một nông dân đang xén lông cừu trong một sân vườn bên cạnh căn nhà lá vách đất lụp xụp. Ông cho đầu con cừu vào một cái cũi bằng gỗ và cắt lông nó bằng một con dao dài. Hai con nữa đang bứt rứt chờ đến phiên, một con khác đã xén xong đang trần truồng trong gió lạnh.

“Nó còn quá sớm để cắt lông cừu,” Aliena nói.

Người nông dân nhìn cô, cười hóm hỉnh. Cậu còn trẻ, có mái tóc đỏ và khuôn mặt nhiều tàn nhang, tay áo cậu xắn lên cho thấy cánh tay đầy lông. “À, nhưng tôi cần tiền. Tốt hơn là cừu chịu lạnh hơn là tôi chết đói.”

“Anh sẽ bán được bao nhiêu?”

“Một xu cho một bộ lông. Nhưng tôi phải đến Gloucester để bán, và vì thế tôi mất một ngày làm việc trên cánh đồng, nhất là vào mùa xuân khi có nhiều việc phải làm.” Mặc dù cậu cầu nhàu nhưng cậu vẫn đủ vui vẻ.

“Ngôi làng này tên là gì?” Aliena hỏi cậu.

“Những người lạ gọi nó là Huntleigh,” cậu nói. Những nông dân chẳng bao giờ dùng tên làng – đối với họ, nó là làng của họ. Tên làng chỉ để cho những người bên ngoài. “Cô là ai?” cậu hỏi với sự tò mò thẳng thắn. “Cô đến đây làm gì?”

“Tôi là cháu của Simon làng Huntleigh,” Aliena nói.

“Vậy à, vậy cô sẽ tìm thấy ông trong căn nhà lớn. Đi ngược lại con đường này chừng vài dặm, rồi đi theo lối nhỏ qua cánh đồng.”

“Cảm ơn anh!”

Ngôi làng nằm giữa cánh đồng đã cày lên giống như con heo trong đám bùn lầy. Có chừng hai mươi căn nhà bao quanh căn nhà của chủ, một căn nhà không lớn hơn căn nhà của một nông dân giàu có. Dường như dì Edith và chú Simon không giàu. Một nhóm đàn ông đứng bên ngoài căn nhà với chừng một chục con ngựa. Một người trong họ trông như là chủ: ông mặc một chiếc áo khoác đỏ tươi. Cô nhìn ông kỹ hơn. Đã hơn mười hai năm rồi cô không gặp chú Simon, nhưng cô nghĩ người này là ông. Cô nghĩ chú là người to lớn, nhưng bây giờ ông ấy trông nhỏ hơn, nhưng không nghi ngờ gì vì Aliena đã lớn. Tóc ông mỏng và cầm chẻ mà cô không còn nhớ lại được. Rồi cô nghe ông nói: “Con thú này có tuổi thọ cao,” và cô nhận ra giọng thở khò khẹt yếu ớt.

Cô cảm thấy nhẹ người. Từ bây giờ trở đi cô sẽ được nuôi ăn, có quần áo mặc, được chăm sóc và bảo vệ: không còn phải ăn bánh mì lúa mạch và pho mát cứng, không còn ngủ trong chuồng súc vật, không còn một mình trên đường với một con dao trên tay. Cô sẽ có một chiếc giường mềm mại và quần áo mới và một bữa tối với thịt bò nướng.

Chú Simon bắt gặp ánh mắt cô. Lúc đầu ông không nhận ra cô. “Hãy nhìn,” ông nói với nhóm người của ông. “Một thiếu nữ đẹp đẽ và một người lính trẻ đến thăm chúng ta.” Rồi một cái gì đó đến trong mắt ông, và Aliena biết ông đã nhận ra chúng không hoàn toàn xa lạ. “Tôi biết cô phải không?” ông nói.

Aliena nói: “Vâng, chú Simon ạ.”

Ông nhảy lên như sợ hãi một cái gì đó. “Lạy các Thánh, đây là giọng ma!”

Aliena không hiểu điều gì xảy ra, nhưng một lúc sau ông giải thích. Ông đến gần cô, nhìn chăm chú vào cô, như thể ông nhìn vào một con ngựa; và ông nói: “Mẹ cháu cũng có cùng giọng nói, giống như mật chảy ra từ một cái bình. Cháu cũng đẹp như mẹ cháu nữa.” Ông đưa tay ra sờ vào mặt cô và cô vội vàng lùi lại. “Nhưng cháu cứng đầu như ông bố chết tiệt của cháu, chú có thể thấy điều đó. Chú đoán là ông ấy sai cháu đến đây, phải không?”

Aliena nổi giận. Cô không muốn nghe bố mình được coi là “bố chết tiệt”. Nhưng nếu cô phản kháng, ông ấy sẽ coi đó là bằng chứng cho sự cứng cổ của cô; vì thế cô cắn lưỡi và trả lời ông ngoan ngoãn. “Vâng. Ông nói dì Edith sẽ lo cho chúng cháu.”

“Vậy thì ông ấy đã sai,” chú Simon nói. “Dì Edith đã chết. Ngoài ra từ khi bố cháu thất sủng, chú đã mất một nửa số đất vào tay thằng đểu mập Percy Hamleigh. Đây là thời điểm khó khăn ở đây. Vì thế cháu có thể quay về lại Winchester. Chú không nhận cháu.”

Aliena bàng hoàng. Ông ta quá cứng rắn. “Nhưng chúng cháu là thân thiết của chú!” cô nói. Mặt ông có một chút xấu hổ, nhưng câu trả lời của ông khắc nghiệt. “Các cháu không phải là họ hàng của chú. Các cháu là cháu của vợ cả của chú. Ngay cả khi Edith còn sống, dì đã chẳng bao giờ gặp chị của dì, chỉ vì người đàn độn mà mẹ cháu đã cưới.”

“Chúng cháu sẽ làm việc,” Aliena nài nỉ. “Cả hai chúng cháu đều muốn làm việc...”

“Đừng tốn hơi làm gì,” ông nói. “Tôi không muốn có cháu.”

Aliena bị sốc. Ông quá rõ ràng. Nó đã quá rõ là không còn gì để tranh cãi hay năn nỉ ông. Nhưng cô đã chịu nhiều thất vọng và thất bại như thế này đến nỗi cô cảm thấy cay đắng hơn là buồn. Một tuần trước đây những việc như thế này có thể làm cô chảy nước mắt. Bây giờ cô muốn nhổ nước miếng vào ông. Cô nói: “Cháu sẽ nhớ điều này khi Richard trở thành bá tước và khi chúng cháu chiếm lại lâu đài.”

Ông cười: “Chú có thể sống lâu như thế chẳng?”

Aliena quyết định không ở lại thêm và bị nhục mạ hơn nữa. “Chúng ta đi thôi,” cô nói với Richard. “Chúng ta phải tự lo cho mình.” Chú Simon đã quay đi coi ngựa. Những người đi chung với ông tỏ ra ngưỡng ngùng. Aliena và Richard bỏ đi.

Khi họ đã đi khá xa, Richard phàn nàn nói: “Chúng ta làm gì bây giờ, Allie?”

“Chúng ta sẽ tỏ cho những người vô tâm này biết là chúng ta tốt hơn họ,” cô nói dứt khoát, nhưng không đầy dũng cảm; lòng cô chỉ đầy hận thù đối với chú Simon, cha Ralph, người cai tù Odo, người sống ngoài vòng pháp luật, người kiểm lâm và hơn hết đối với William Hamleigh.

“Ít nhất chúng ta có một số tiền,” Richard nói.

Đúng. Nhưng tiền không tồn tại mãi. “Chúng ta không thể chi tiêu nó,” cô nói khi chúng đi ngược lại lối đi vào con đường chính. “Nếu chúng ta chi hết cho thực phẩm và những thứ tương tự, khi hết tiền chúng ta sẽ lâm vào cảnh túng thiếu một lần nữa. Chúng ta phải làm cái gì đó với số tiền này.”

“Em không nghĩ như thế,” Richard nói. “Em nghĩ chúng ta nên mua ngựa.”

Cô nhìn cậu chăm chăm. Có phải cậu muốn đùa không? Không có nét cười trên mặt cậu. Đơn giản là cậu không hiểu gì. “Chúng ta không có chỗ đứng, không chức vụ, không đất đai,” cô kiên nhẫn nói. “Nhà vua sẽ không giúp chúng ta. Chúng ta không thể đi làm thuê – chúng ta đã thử ở Winchester, và không người nào muốn chúng ta. Nhưng chúng ta phải sống bằng cách nào đó và cho em có cơ hội trở thành một hiệp sĩ.”

“Ồ,” cậu nói. “Em hiểu.”

Cô có thể nói cậu chưa thực sự hiểu. “Chúng ta cần ổn định trong vài công việc để có thể nuôi sống chúng ta và cho chúng ta ít nhất cơ hội kiếm đủ tiền để mua cho em một con ngựa tốt.”

“Chị muốn nói là em phải học việc để trở thành một nghệ nhân?”

Aliena lắc đầu. “Em phải trở thành hiệp sĩ chứ không phải thợ mộc. Chúng ta đã có bao giờ gặp một người có đời sống độc lập mà không có kỹ năng?”

“Có,” Richard bất ngờ nói. “Meg ở Winchester.”

Cậu có lý. Meg là một thương gia len, mặc dù bà đã chẳng bao giờ học việc. “Nhưng Meg có một gian hàng ngoài chợ.” Chúng đi qua chàng nông dân tóc đỏ, người đã cho chúng những chỉ dẫn. Bốn con cừu đã xén lông xong đang ăn cỏ trên cánh đồng, và cậu đang dùng dây bằng lau sậy cột lông cừu thành từng bó. Cậu ngẩng lên và vẫy tay chào. Những người như cậu mang len của họ vào thành phố và bán cho các thương gia len. Nhưng các thương gia phải có địa điểm kinh doanh...

Hay là cậu có?

Một ý tưởng lóe lên trong đầu. Cô đột ngột quay lại. Richard hỏi: “Chị đi đâu?”

Cô quá háo hức, nên quên cả trả lời. Cô dựa trên hàng rào của cậu nông dân. “Anh đã nói số len này anh bán được bao nhiêu?”

“Một xu một bộ lông cừu,” cậu nói.

“Nhưng anh phải mất một ngày đi Gloucester và về.”

“Nó rất phức tạp.”

“Giả sử tôi mua lông cừu của anh? Như vậy anh sẽ đỡ mất công đi và về.”

Richard nói: “Allie, chúng ta không cần lông cừu.”

“Im đi, Richard.” Cô không muốn cắt nghĩa cho cậu ý tưởng của cô bây giờ - cô nóng lòng muốn thử nó với người nông dân này.

Cậu nông dân nói: “Như vậy quá tốt.” Nhưng cậu trông có vẻ ngờ vực như thể cậu sợ bị lừa.

“Tôi không thể trả cho bạn một xu một bộ lông được, dĩ nhiên.”

“À! Như thế sẽ gặp trở ngại.”

“Tôi có thể trả cho anh hai xu cho bốn bộ len.”

“Nhưng mỗi bao giá trị bằng một xu,” cậu phản đối.

“Ở Gloucester. Nhưng đây là Huntleigh.”

Cậu lắc đầu. “Thà rằng tôi có bốn xu và mất một ngày trên đồng hơn là có hai xu và có thêm một ngày.”

“Giả sử tôi trả cho anh ba xu cho bốn bộ lông.”

“Tôi mất một xu.”

“Và anh không mất một ngày đi đường.”

Cậu nhìn ngơ ngác: “Trước đây tôi chưa nghe về những chuyện như thế bao giờ.”

“Cứ tưởng tượng chúng tôi là những người lái xe, và anh trả cho chúng tôi một xu để đem len của anh đến chợ.” Cô tức giận về sự chậm hiểu của anh. “Vấn đề là một ngày làm việc đồng áng của anh có đáng một xu không?”

“Nó tùy theo tôi làm gì ngày đó,” anh trầm tư nói.

Richard nói: “Allie, chị muốn làm gì với bốn bó lông cừu này?”

“Bán nó cho Meg,” cô nóng nảy nói. “Mỗi bó một xu. Bằng cách đó chúng ta kiếm được một xu.”

“Nhưng chúng ta phải đi cả đoạn đường đến Winchester cho một xu!”

“Không, đồ ngu ạ. Chúng ta mua lông cừu từ năm mươi nông dân và đem tất cả đến Winchester. Em không thấy sao? Chúng ta có thể kiếm được năm mươi xu. Chúng ta có thể nuôi sống chúng ta và để dành mua một con ngựa tốt cho em.”

Cô quay lại phía cậu nông dân. Nụ cười vui vẻ đã biến mất, và cậu gái đầu. Aliena lấy làm tiếc vì đã làm cậu bối rối, nhưng cô muốn cậu chấp nhận đề nghị của cô. Nếu cậu đồng ý, cô biết cô có thể thực hiện lời hứa với bố. Nhưng các nông dân thường cứng đầu. Tốt nhất cô muốn nắm lấy cổ áo của cậu mà lắc. Thay vào đó, cô thò tay vào bên trong áo ngoài của cô và dò dẫm túi tiền. Chúng đã đổi đồng tiền vàng Byzan thành tiền xu bạc trong tiệm vàng tại Winchester, và bây giờ cô lấy ba xu và chỉ cho cậu nông dân xem. “Đây,” cô nói. “Lấy nó hay không?”

Đồng xu bạc giúp người nông dân dễ quyết định. “Được,” ông nói, và lấy tiền.

Aliena mỉm cười. Dường như cô đã tìm ra câu trả lời.

Đêm đó cô đã dùng một bó lông cừu làm gối đầu. Mùi của cừu nhắc nhở cô về nhà của Meg.

Khi cô thức dậy vào buổi sáng, cô phát hiện là cô không mang thai.

Mọi sự đang đi lên.

Bốn tuần sau lễ Phục sinh, Aliena và Richard vào Winchester bằng một con ngựa già kéo theo một chiếc xe tự chế, trên xe chở một bao lớn gồm hai trăm bốn mươi bộ lông cừu – Số lượng chính xác của một bao len tiêu chuẩn.

Vào lúc đó họ phát hiện ra các loại thuế.

Trước đây họ luôn luôn vào thành phố mà không gây nên sự chú ý nào, nhưng bây giờ chúng biết tại sao cổng thành hẹp và luôn có công chức hải quan kiểm soát. Mỗi một xe chở hàng vào Winchester phải trả một xu. May mắn thay chúng vẫn còn vài xu để trả; nếu không chúng đã phải quay trở lại.

Chúng trả cho hầu hết mỗi bộ lông cừu một nửa hoặc ba phần tư xu.

Chúng trả bảy mươi hai xu cho con ngựa già, và chiếc xe đã bị ném đi. Hầu hết số tiền còn lại chúng đã chi tiêu cho thực phẩm. Nhưng tối nay chúng sẽ có một cân Anh bạc và một con ngựa và chiếc xe.

Chương trình của Aliena là sau đó đi ra ngoài và mua những bao lông cừu khác nữa và cứ tiếp tục như vậy cho đến khi các con cừu đã được xén lông. Vào cuối mùa hè chúng muốn có tiền mua một con ngựa mạnh và chiếc xe mới.

Cô cảm thấy rất phấn khởi khi dẫn con ngựa nhỏ già yếu qua các đường phố đến nhà Meg. Vào cuối ngày cô có thể chứng tỏ được rằng cô có thể lo cho mình và em trai của cô mà không cần sự giúp đỡ của người khác. Nó khiến cô cảm thấy trưởng thành và tự lập. Cô làm chủ vận mệnh của mình. Cô không nhận gì từ nhà vua, cô không cần họ hàng, và cô không cần một người chồng.

Cô mong gặp lại Meg, người đã truyền cảm hứng cho cô. Meg là một trong số ít người đã giúp đỡ cô mà không định cướp bóc, hãm hiếp hay lợi dụng cô. Aliena có một số điều muốn hỏi bà về kinh doanh nói chung và về việc buôn bán len nói riêng.

Hôm đó là ngày chợ, vì thế chúng phải mất một thời gian dài mới kéo được chiếc xe qua thành phố đông người đến đường phố của Meg. Sau cùng chúng đến nhà bà. Aliena bước vào trong hội trường. Một người đàn bà mà cô đã chẳng bao giờ gặp đứng ở đó. “Ồ!” Aliena nói và cô dừng lại.

“Chuyện gì vậy?” người đàn bà hỏi.

“Tôi bà bạn của Meg.”

“Bà ta không còn ở đây,” người đàn bà nói cộc lốc.

“Ồ!” Aliena thấy không nên lỗ mắng. “Bà ấy di chuyển đi đâu?”

“Bà ấy đi với chồng. Ông ấy bỏ thành phố này đi vì thất sủng,” người đàn bà nói.

Aliena thất vọng và sợ hãi. Cô đã tính đến Meg để có thể dễ dàng bán len. “Đó là một tin kinh khủng!”

“Ông ấy là một kẻ lừa đảo, và nếu tôi ở trong vị trí của cô, tôi sẽ không tự hào là bạn của bà ấy. Bây giờ, hãy rời khỏi đây.”

Aliena cảm thấy bị xúc phạm vì một người dám nói xấu Meg. “Tôi không quan tâm chồng bà ấy đã làm gì. Meg là một người đàn bà tốt và trỗi vượt hơn nhiều những kẻ trộm cướp và đi điếm trong thành phố dơ bẩn này.” Cô nói, và đi ra trước khi người đàn bà có thể nghĩ ra một lời đáp lại.

Sự chiến thắng bằng lời nói chỉ là sự an ủi nhất thời. “Tin xấu,” cô nói với Richard. “Meg đã rời Winchester.”

“Có phải người đàn bà đang sống ở đây bây giờ là người buôn bán len?” cậu hỏi.

“Chị không hỏi. Chị đã quá bận rộn nói chuyện với bà ấy.” Bây giờ cô cảm thấy mình ngu ngốc.

“Chúng ta phải làm gì, Allie?”

“Chúng ta phải bán những lông cừu này,” cô lo lắng nói. “Tốt hơn chúng ta nên ra chợ.”

Chúng cho ngựa quay đầu lại và đi về phía đường High, rồi lách qua đám đông tới chợ. Ngôi chợ nằm giữa đường High và nhà thờ chính tòa. Aliena dẫn ngựa và Richard đi sau xe, đẩy xe khi con ngựa cần phụ lực, nhưng ít khi xảy ra. Khu chợ là một đám đông loay hoay dọc theo lối đi hẹp giữa các quầy hàng. Dòng người luôn bị ngừng tắc lại vì những chiếc xe như của Aliena. Cô đứng lại trèo lên đỉnh bao len và tìm kiếm các thương gia mua bán len. Cô chỉ thấy một người. Cô bước xuống và dẫn con ngựa về hướng đó.

Người đàn ông kinh doanh tốt. Ông có một gian hàng rộng và nhà kho phía sau. Nhà kho có tường rào làm bằng những thanh gỗ, cành cây và lau sậy, và nó rõ ràng là một căn nhà tạm thời được dựng lên cho những ngày chợ. Ông thương gia là một người da đen, cánh tay trái kết thúc ở khuỷu tay. Ông có một cái lược gỗ, mỗi khi có người đến bán len, ông sẽ thọc bàn tay vào trong bao, dùng cái lược lấy ra một ít len, dùng bàn tay phải rờ vào nó rồi ra giá. Sau đó ông dùng cái lược cùng với tay phải để đếm số tiền xu ông đã đồng ý trả. Cho những cuộc mua bán lớn, ông dùng cân để cân các đồng xu.

Aliena đẩy xe ra khỏi đám đông đến bằng ghế. Một nông dân bán cho ông thương gia ba bộ lông cừu khá mỏng cọt bằng dây da. “Mỏng quá” ông thương gia nói. “Mỗi cái ba farthing”. Một farthing là một phần tư xu. Ông đếm ra hai xu, rồi lấy ra một cái búa rìu nhỏ, và với một cử động nhanh chóng đầy kinh nghiệm, ông chặt đồng xu thứ ba thành bốn phần. Ông đưa cho người nông dân hai xu và một phần tư xu. “Ba lần ba farthing là hai xu và một farthing.” Người nông dân tháo dây da ra và đưa lông cừu cho ông.

Tiếp sau, hai thanh niên kéo một bao len đến quầy. Ông thương gia kiểm tra cẩn thận. “Bao đầy, nhưng chất lượng kém,” ông ta nói. “Tôi trả cho ông một đồng Anh.”

Aliena thắc mắc làm sao ông biết chắc chắn bao này đầy. Có lẽ ông nói theo kinh nghiệm. Cô quan sát ông cân một cân xu bạc.

Một vài tu sĩ đến với một xe lớn chất đầy bao len. Aliena quyết định bán len của cô trước các tu sĩ. Cô ra hiệu cho Richard, và cậu ta kéo bao len khỏi xe và mang nó đến quầy.

Ông thương gia kiểm tra len. “Chất lượng hỗn hợp”, ông nói. “Nửa cân Anh”.

“Cái gì?” Aliena hoài nghi hỏi.

“Một trăm hai mươi xu,” ông nói.

Aliena hoảng sợ. “Nhưng ông vừa trả một cân Anh cho một bao!”

“Nó tùy thuộc vào chất lượng.”

“Ông trả một cân Anh cho chất lượng kém.”

“Nửa cân,” ông bướng bỉnh lặp lại.

Các tu sĩ đến và đứng quanh gian hàng, nhưng Aliena không di chuyển: sinh kế của cô bị đe dọa và cô sợ hãi vì đói khổ hơn là sợ hãi ông thương gia. “Nói cho tôi biết tại sao,” cô cứng rắn. “Len này không có lỗi gì, phải không?”

“Không.”

“Vậy hãy trả cho tôi như ông đã trả cho hai người thanh niên.”

“Không.”

“Tại sao không?” cô hét lên.

“Bởi vì không ai trả cho một cô gái giống như trả cho người đàn ông.”

Cô muốn siết cổ ông ta. Ông định trả cho cô ít hơn cô đã mua vào. Nó không thể chấp nhận được. Nếu cô chấp nhận giá ông ta muốn trả, tất cả công sức cô bỏ ra không được gì cả. Tệ hơn nữa, kế hoạch tự nuôi sống cho mình và cho em trai bị thất bại, và khoảng đời tự lập và tự lo liệu sẽ qua đi. Và tại sao? Chỉ vì ông thương gia không muốn trả cho một cô gái giống như ông ta trả cho một người đàn ông!

Người trưởng đoàn các tu sĩ đang nhìn cô. Cô ghét những người nhìn chằm chằm vào cô. “Đừng nhìn nữa!” cô nói thô lỗ. “Hãy tiếp tục công việc làm ăn của ông với ông nông dân vô đạo này.”

“Được rồi,” vị tu sĩ nhẹ nhàng nói. Ông ra hiệu cho các tu sĩ của mình và họ kéo lên một bao.

Richard nói: “Lấy mười shillings, Allie. Nếu không chúng ta chẳng còn gì, ngoài một bao len.”

Aliena giận dữ nhìn vào ông thương gia khi ông kiểm soát len của các tu sĩ. “Chất lượng hỗn hợp,” ông nói. Cô tự hỏi không biết có bao giờ ông tuyên bố là chất lượng tốt không. “Một cân Anh và hai mươi xu cho mỗi bao.”

Tại sao Meg lại phải ra đi? Aliena cay đắng nghĩ. Mọi chuyện sẽ êm nếu bà ta còn ở đây.

“Các ông có bao nhiêu bao?” người thương gia hỏi.

Một tu sĩ trẻ trong bộ tu phục tập sinh nói: “mười,” nhưng vị trưởng đoàn nói: “Không, mười một.” Người tập sinh muốn cãi lại, nhưng anh ấy lại không nói gì.

“Đây là mười một cân Anh rưỡi và hai mươi xu.” Người thương gia bắt đầu cân tiền.

“Chị sẽ không bán,” Aliena nói với Richard. “Chúng ta đem len đi nơi khác – có lẽ tới Shiring hay Gloucester.”

“Nhưng nếu chúng ta không bán được ở đó?”

Cậu có lý – có thể chúng cũng có cùng rắc rối ở chỗ khác. Khó khăn thực sự là họ không có chỗ đứng, không có sự hỗ trợ, không được bảo vệ. Ông thương gia không dám xúc phạm các tu sĩ, và ngay cả người nông dân nghèo có lẽ cũng gây khó khăn cho ông nếu ông ấy đối xử không công bằng với họ. Nhưng ông ấy sẽ không phải mạo hiểm khi lừa hai đứa trẻ không có ai bảo vệ trên đời.

Các tu sĩ kéo các bao len của họ vào trong kho của ông thương gia. Khi các bao đã được xếp vào kho, ông thương gia đưa cho tu sĩ trưởng đoàn một cân bạc và hai mươi xu. Khi tất cả các bao được cất vào kho, vẫn còn một bao bạc ở trên quầy.

“Đó mới chỉ có mười bao tải,” ông thương gia nói.

“Tôi đã nói là chỉ có mười bao,” người tập sinh nói với vị tu sĩ trưởng.

“Đây là bao thứ mười một,” vị tu sĩ trưởng nói, và ông đặt tay lên bao của Aliena.

Cô ngạc nhiên nhìn ông.

Ông thương gia cũng không kém ngạc nhiên. “Tôi đã trả giá với cô ấy là nửa cân,” ông nói.

“Tôi đã mua của cô ta,” vị tu sĩ nói. “Và tôi đã bán nó cho ông.” Ông gật đầu ra lệnh cho các tu sĩ khác và họ kéo bao của Aliena vào trong kho.

Ông thương gia bất mãn, nhưng ông ấy bàn giao một cân và hai mươi xu. Vị tu sĩ đưa tiền cho Aliena.

Cô chết lặng. Mọi chuyện xảy ra ngoài ý muốn và bây giờ một người hoàn toàn xa lạ đã cứu cô – và ngay cả sau khi cô thô lỗ với ông ấy nữa.

Richard nói: “Cảm ơn đã giúp đỡ chúng tôi, thưa cha.”

“Hãy cảm ơn Chúa,” vị tu sĩ nói.

Aliena không biết phải nói gì. Cô vẫn còn sững sốt vì vui. Cô ôm tiền vào ngực. Làm sao cô có thể cảm ơn ông ấy? Cô chăm chú nhìn vào vị cứu

ting của mình. Ông là một người nhỏ, mảnh mai và tỏ ra một uy quyền. Động tác của ông nhanh nhẹn và ông nhìn cảnh giác, giống như con chim có một bộ lông buồn tẻ nhưng đôi mắt sáng. Mắt ông xanh. Vòng tóc xung quanh chỗ cạo trọc trên đỉnh đầu màu đen đã lấm tấm xám, nhưng khuôn mặt ông còn trẻ. Aliena bắt đầu nhận ra rằng ông có vẻ quen thuộc. Cô đã gặp ông ở đâu?

Tâm trí vị tu sĩ cũng có cùng suy nghĩ. “Cô không nhớ tôi, nhưng tôi biết cô,” ông nói. “Các bạn là con của Bartholomew, cựu bá tước ở Shiring. Tôi biết các bạn đang chịu nhiều bất hạnh, và tôi vui vì có cơ hội để giúp các bạn. Tôi sẽ mua lông cừu của các bạn bất cứ lúc nào.”

Aliena muốn hôn ông. Không những ông đã cứu cô hôm nay, mà ông còn mở đường đảm bảo tương lai cho cô! Sau cùng cô mới mở được miệng. “Tôi không biết phải cảm ơn ông làm sao,” cô nói. “Thiên Chúa biết chúng tôi cần người bảo trợ.”

“Tốt, bây giờ cô có cả hai,” ông nói. “Thiên Chúa, và tôi.”

Aliena cảm động sâu xa. “Ông đã cứu đời tôi, và tôi ngay cả chưa biết tên ông,” cô nói.

“Tên tôi là Philip,” ông nói. “Tôi là tu viện trưởng ở Kingsbridge.”

PHẦN BẢY

I

Nó là một ngày đáng nhớ khi thợ xây Tom cùng với các thợ đến mỏ đá.

Họ lên đường một vài ngày trước lễ Phục sinh, mười lăm tháng sau khi ngôi nhà thờ cũ bị cháy rụi. Tu viện trưởng Philip đã cần nhiều thời gian để gom góp tiền thuê thợ thủ công.

Tom đã tìm được một nhân viên lâm nghiệp và một thợ cả về mỏ ở Salisbury, nơi cung điện giám mục Roger hầu như đã hoàn tất. Nhân viên lâm nghiệp và thợ của ông đã bắt tay vào việc hai tuần nay, tìm chặt cây thông cao và cây sồi già. Họ tập trung công việc vào khu rừng ven sông, thượng nguồn của Kingsbridge, bởi vì nó tốn rất nhiều tiền nếu chuyên chở gỗ trên con đường quanh co đầy bùn lầy lội, và nó sẽ rẻ hơn nhiều khi thả gỗ theo dòng nước về đến công trường xây dựng. Những thanh gỗ hỗn độn được dùng làm giàn giáo, những gỗ tốt hơn dùng làm khuôn mẫu cho thợ xây và thợ đục đá, hay những cây cao nhất được dành để làm xà ngang trong tương lai. Những cây gỗ tốt được chở về Kingsbridge đều đặn, tất cả những gì Tom phải làm bây giờ là trả cho nhân viên lâm nghiệp mỗi thứ bảy.

Các thợ mỏ đã đến vài ngày qua. Thợ mỏ chính, Otto Blackface, mang theo hai người con, cả hai là thợ cắt đá; bốn cháu trai đang học nghề; hai công nhân, một là họ hàng của ông và người khác là anh vợ. Thói quen dùng người nhà như vậy là bình thường và Tom không phản đối: một tổ chức gia đình thường là một nhóm làm việc tốt.

Trên công trường ở Kingsbridge không có thợ thủ công nào làm việc, ngoại trừ Tom và các thợ mộc của tu viện. Trước hết cần dự trữ một số vật

liệu. Nhưng chẳng bao lâu nữa Tom phải thuê người để hình thành một đội ngũ xây dựng quan trọng: thợ xây. Họ là những người xếp hòn đá này lên hòn đá kia cho đến khi bức tường cao lên. Khi đó cuộc phiêu lưu kỳ thú sẽ bắt đầu. Tom đi nhún nhảy theo bước chân mình: đây là điều ông đã từng hy vọng và sẽ làm việc trong mười năm tới.

Người thợ xây đầu tiên được thuê, ông đã quyết định, là Alfred, con trai ông. Alfred mười sáu tuổi, gần như vậy, và có kỹ năng cơ bản của một thợ xây: cậu có thể cắt đá vuông và xây một bức tường thật sự. Khi được thuê, Alfred sẽ có lương đầy đủ.

Người con khác của Tom, Jonathan, được mười lăm tháng và lớn nhanh. Một đứa bé cứng cáp được cả tu viện nuông chiều. Lúc đầu Tom đã lo lắng một chút khi đứa bé được chăm sóc bởi Johnny Eightpence, một người không được bình thường lắm, nhưng Johnny ý tứ như bất kỳ người mẹ nào và có nhiều thời giờ hơn hầu hết các bà mẹ để chu toàn trách nhiệm được giao. Các tu sĩ đã không nghi ngờ rằng Tom là bố đứa bé và bây giờ có lẽ họ sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến.

Martha bảy tuổi, gãy mất một răng cửa và cô vẫn còn nhớ Jack. Cô là mối lo lớn nhất của Tom, bởi vì cô cần một người mẹ.

Không thiếu những phụ nữ muốn cưới Tom và chăm sóc cho con gái nhỏ của ông. Ông không phải là người không hấp dẫn, ông biết, và cuộc sống của ông bây giờ được bảo đảm, nhất là từ khi Tu viện trưởng Philip thật sự bắt đầu xây dựng. Tom đã ra khỏi nhà khách và xây cho mình một nhà hai phòng đẹp đẽ, với một ống khói, ở trong làng. Tính cho cùng, là một thợ xây dựng tổng thể chính lo cho toàn bộ dự án, ông có thể chờ đợi một mức lương và quyền lợi mà nhiều nhà quý tộc nhỏ phải ghen tỵ. Nhưng ông không thể tưởng tượng có thể kết hôn với ai, ngoài Ellen. Ông giống như một người đã quen uống rượu nho ngon nhất, và bây giờ cảm thấy rượu thường ngày như dấm. Có một góa phụ trong làng, một phụ nữ xinh xắn đầy đặn với khuôn mặt tươi, ngực to, có hai con ngoan ngoãn, người đã nướng cho ông một số bánh và đã hôn ông khao khát trong dịp lễ Giáng sinh, và sẵn sàng cưới ông ngay khi ông muốn. Nhưng ông biết ông sẽ

không hạnh phúc với bà bởi vì ông sẽ luôn luôn khao khát cưới một Ellen đầy phần nộ, khó lường, mê hoặc và đam mê.

Ellen đã hứa sẽ quay về, một ngày nào đó, để thăm nhau. Tom cảm thấy chắc chắn mãnh liệt là bà sẽ giữ lời hứa, và ông đã kiên quyết bám vào nó, mặc dù bà đã đi hơn một năm rồi. Và khi bà quay về, ông sẽ hỏi cưới bà.

Ông nghĩ, bây giờ bà sẽ đồng ý. Ông không còn cơ cực: ông có thể nuôi sống gia đình và cả bà nữa. Ông cảm thấy có thể ngăn cản Alfred và Jack đánh nhau, nếu đối xử đúng với chúng. Nếu Jack cũng làm việc, Alfred sẽ không bức bối với cậu ấy, Tom nghĩ. Ông dự định sẽ nhận Jack như người học việc. Cậu bé tỏ ra thích thú với việc xây dựng, học nhanh và trong vài năm cậu sẽ đủ lớn cho các công việc nặng nhọc. Khi đó Alfred không thể nói rằng Jack lười biếng. Một vấn đề khác là Jack có thể đọc còn Alfred thì không. Tom dự định sẽ yêu cầu Ellen dạy Alfred đọc và viết. Bà có thể dạy cậu mỗi chúa nhật. Cả hai chàng trai sẽ bằng nhau, cả trong học vấn lẫn trong công việc, và chẳng bao lâu sau cùng lớn như nhau.

Ông biết Ellen thực sự thích sống với ông, mặc dù trải qua những khó khăn. Bà thích thân thể và đầu óc của ông. Bà sẽ trở lại với ông.

Không biết ông có thể giải quyết chuyện này với Tu viện trưởng Philip không, đó là chuyện khác. Ellen đã xúc phạm nặng đến tôn giáo của Philip. Thật khó mà tưởng tượng được còn điều gì sỉ nhục Tu viện trưởng hơn những gì bà đã làm. Tom vẫn chưa giải quyết vấn đề đó.

Trong lúc này tất cả trí tuệ của ông dùng cho việc hoạch định nhà thờ chính tòa. Otto và đoàn thợ cắt đá sẽ dựng cho họ một nhà nghỉ thô sơ ở mỏ đá, nơi họ có thể ngủ qua đêm. Khi họ định cư, họ sẽ xây nhà thực sự, và những người đã có gia đình sẽ mang gia đình họ đến sống chung.

Trong tất cả các nghề thủ công xây dựng, nghề khai thác đá đòi hỏi ít kỹ năng nhưng nhiều bắp thịt. Thợ mỏ đá chính làm những công việc về đầu óc: ông quyết định khu vực nào sẽ khai thác và theo trật tự nào; ông thu xếp để có đủ thang và thiết bị nâng đá; khi phải làm việc bên sườn đá, ông phải trang bị giàn giáo; ông lo cho có đủ công cụ từ lò rèn. Thực ra việc đào các phiến đá là việc đơn giản. Thợ đá sẽ dùng một búa chim đầu bằng sắt tạo ra một rãnh trong đá, sau đó đào sâu nó bằng búa và dùi đục. Khi rãnh đã đủ

lớn, ông ấy sẽ đóng gỗ vào đó. Nếu ông ấy đã tính đúng, tảng đá sẽ bửa ra vào đúng chỗ ông ấy muốn.

Người lao động di chuyển các phiến đá từ mỏ đá, bằng cách khênh chúng trên cáng hay nâng chúng bằng một sợi dây gắn với bánh xe cuộn lớn. Trong lều, các thợ cắt đá sẽ đẽo đá theo kích thước do thợ cả xây dựng đưa ra. Dĩ nhiên, việc cắt chính xác sẽ được thực hiện ở Kingsbridge.

Vấn đề khó khăn nhất là vận chuyển. Mỏ đá ở cách xa công trình xây dựng một ngày đường, và người lái xe sẽ đòi khoảng bốn xu cho mỗi chuyến – và không thể chở hơn tám hay chín phiến đá lớn mà không làm hư xe hoặc ngựa chết. Chẳng bao lâu khi thợ đá đã ổn định, Tom phải thám hiểm khu vực này xem có bất kỳ đường thủy nào để rút ngắn việc vận chuyển không.

Họ lên đường từ Kingsbridge vào lúc bình minh. Khi họ đi qua rừng, hàng cây cong bao phủ qua đường làm ông nghĩ đến các cột trụ của nhà thờ chính tòa ông sẽ xây. Những lá mới vừa nhú ra. Ông được dạy rằng các đầu cột nên được trang trí bằng các hình vòng xoắn hay ngoằn ngoèo, nhưng bây giờ ông chợt có ý tưởng rằng trang trí bằng hình các lá trông sẽ rất ấn tượng.

Họ đi rất nhanh và vào giữa trưa đã đến gần mỏ đá. Tom ngạc nhiên khi nghe tiếng kim loại đập trên đá ở xa xa, như có ai đang làm việc ở đó. Một cách nghiêm túc mỏ đá thuộc quyền sở hữu của bá tước Shiring, Percy Hamleigh, và nhà vua cho tu viện Kingsbridge quyền khai thác nó cho việc xây dựng nhà thờ chính tòa. Có lẽ, Tom suy đoán, lãnh chúa Percy cũng muốn khai thác mỏ đá cho mục đích riêng cùng lúc với tu viện. Nhà vua có lẽ đã không ngăn cấm điều đó, nhưng nó sẽ gây ra nhiều bất tiện.

Khi họ đến gần, Otto, người đàn ông da đen với thái độ hung dữ, nhăn mặt vì âm thanh vang dội, nhưng không nói gì. Những người khác thầm thì với nhau. Tom không màng đến họ nhưng bước nhanh hơn, sốt ruột muốn xem chuyện gì xảy ra.

Con đường cong xuyên qua một khu rừng và chấm dứt ở chân đồi. Ngọn đồi chính là mỏ đá, và một mảng đá lớn đã bị lấy đi. Ấn tượng đầu tiên của

Tom là chỗ đá đó dễ khai thác hơn: kéo đá từ trên xuống thì dễ hơn là lấy đá từ dưới đất lên.

Mỏ đá đã bị lấy, không còn nghi ngờ gì. Một túp lều dưới chân đồi, một giàn giáo vững vàng cao đến hai mươi feet dựa vào thành đồi, và một đồng đá chờ đợi để được thu thập. Tom có thể nhìn thấy ít nhất mười người thợ đá. Một cách đáng ngại vì có hai người mặt dữ dằn, có trang bị vũ khí, đang ở ngoài lều và ném đá vào thùng.

“Tôi không thích nhìn cảnh này,” Otto nói.

Tom cũng không muốn, nhưng ông giả vờ như không để ý đến. Ông đi vào mỏ đá như thể ông là chủ nhân và nhanh chân đi đến hai người có trang bị vũ khí. Họ giật mình, mang một cảm giác tội lỗi vì sau nhiều ngày gác mà lại bị bắt ngờ. Tom nhanh chóng nhìn vào vũ khí của họ: mỗi người có một thanh kiếm và một con dao găm, và họ mặc áo khoác da nặng, nhưng không có áo giáp.

Tom có một búa thợ xây đeo bên thắt lưng. Ông không chuẩn bị cho một cuộc chiến. Ông đi thẳng đến hai người lính mà không nói gì, rồi vào phút chót ông đi qua một bên và đi xung quanh họ, rồi tiếp tục đến túp lều. Họ nhìn nhau, không biết chắc chắn phải làm gì: nếu Tom nhỏ con hơn, hay ông không có chiếc búa, họ sẽ chặn ông lại ngay, nhưng bây giờ đã quá trễ. Tom đi vào lều. Nó là căn nhà bằng gỗ rộng rãi với lò sưởi. Những công cụ sạch sẽ được treo trên tường và có một hòn đá mài lớn trong góc. Hai người thợ cắt đá đứng gần một ghế bằng gỗ thô, chẻ đá bằng rìu. “Chào anh em,” Tom nói, dùng hình thức của các nghệ nhân chào hỏi nhau. “Ai là thợ chính ở đây?”

“Tôi là thợ đá chính,” một người trong họ nói. “Tôi là Harold thành Shiring.”

“Tôi là thợ xây dựng tổng thể chính ở nhà thờ chính tòa Kingsbridge. Tên tôi là Tom.”

“Chào ông, thợ xây Tom. Ông làm gì ở đây?”

Tom dò xét Harold một lúc trước khi trả lời. Ông là một người xanh xao, bụi bặm với đôi mắt xanh bản nhỏ, mà mỗi lần nói ông nheo lại như thể ông luôn luôn chớp mắt để tránh bụi đá. Ông tình cờ nghiêng người về phía

ghế băng, nhưng trông ông không thoải mái như ông giả vờ. Ông lo lắng, cảnh giác và sợ hãi. Ông ấy biết rõ tại sao tôi đến đây, Tom nghĩ. “Tôi mang theo thợ mỏ đá chính của tôi để làm việc ở đây, dĩ nhiên.”

Hai người lính gác theo Tom vào trong, và Otto cùng đoàn của ông cũng theo đằng sau họ. Bây giờ một hay hai người của Harold cũng nhập bọn, tò mò xem sự gì xảy ra.

Harold nói: “Mỏ đá thuộc quyền sở hữu của bá tước. Nếu ông muốn lấy đá, ông phải gặp ông ấy.”

“Không, tôi không gặp,” Tom nói. “Khi nhà vua trao mỏ đá cho Bá tước Percy, nhà vua cũng cho tu viện Kingsbridge quyền khai thác đá. Chúng tôi không cần thêm bất cứ sự cho phép nào nữa.”

“Được, nhưng chúng ta không thể cùng lúc làm việc ở đây, phải không?”

“Có lẽ chúng ta có thể,” Tom nói. “Tôi không có ý định cướp đi người của ông. Cả ngọn đồi là mỏ đá – đủ cho hai hay nhiều nhà thờ chính tòa. Chúng ta có thể tìm cách quản lý mỏ đá để tất cả chúng ta có thể cùng lấy đá.”

“Tôi không thể chấp nhận điều đó,” Harold nói. “Tôi là nhân viên của bá tước.”

“Được, tôi là nhân viên của tu viện Kingsbridge, và người của tôi sẽ bắt đầu làm việc ở đây từ sáng mai, cho dù ông thích hay không thích.”

Một trong hai người lính gác lên tiếng. “Các anh sẽ không làm việc ở đây ngày mai hay bất cứ ngày nào khác.”

Cho đến giờ phút này Tom vẫn cho rằng mặc dù Percy đã vi phạm sắc lệnh hoàng đế bằng cách khai thác đá cho mục đích riêng, nhưng nếu ông ấy bị ép buộc, ông ấy sẽ tuân thủ sự thỏa thuận và cho phép tu viện lấy đá. Nhưng người lính này đã nhận được lệnh đuổi thợ khai thác mỏ đá của tu viện đi. Đó là vấn đề khác. Tuyệt vọng Tom nhận ra rằng ông sẽ không lấy được viên đá nào nếu không chiến đấu.

Người lính gác vừa nói là một người nhỏ con, chắc nịch, chạc hai mươi lăm tuổi, có nét hay gây gổ. Anh nhìn ngu ngốc, nhưng bướng bỉnh – mẫu người khó có thể nói chuyện lý lẽ. Tom nhìn ông ấy thách thức và nói: “Ông là ai?”

“Tôi là thừa phát lại cho bá tước của Shiring. Ông ra lệnh cho tôi gác mỏ đá này, và đó là nhiệm vụ mà tôi sẽ làm.”

“Và ông muốn thi hành nó như thế nào?”

“Với thanh kiếm này.” Ông chạm vào chuôi kiếm đeo ở thắt lưng.

“Và ông nghĩ nhà vua sẽ làm gì khi ông bị đưa đến nhà vua vì tội phá vỡ hòa bình?”

“Tôi sẵn sàng mạo hiểm.”

“Nhưng các ông chỉ có hai người,” Tom nói bằng giọng hợp lý. “Chúng tôi có bảy người và bốn thanh niên, và chúng tôi có phép của nhà vua cho làm việc ở đây. Nếu chúng tôi giết ông, chúng tôi sẽ không bị treo cổ.”

Cả hai người lính gác trầm ngâm suy nghĩ, nhưng trước khi Tom có thể đẩy thêm ưu điểm của mình, Otto nói: “Đợi một chút,” ông nói với Tom. “Tôi đem người của tôi đến đây để cắt đá, chứ không phải để đánh nhau.”

Tom mất hứng. Nếu các thợ đá không sẵn sàng chiến đấu thì không có hy vọng. “Đừng quá nhút nhát!” ông nói. “Ông sẵn sàng để bị tước đoạt công việc bởi hai thằng bắt nạt này à?”

Otto cúi kính. “Tôi không chống lại người có vũ trang,” ông lập lại. “Tôi đã có công việc ổn định từ mười năm nay và tôi không bị lệ thuộc vào công việc này. Ngoài ra tôi không biết ai đúng ai sai trong vấn đề này.”

Tom nhìn vào nhóm người còn lại của Otto. Cả hai thợ cắt đá cũng có cùng cái nhìn bướng bỉnh như Otto. Dĩ nhiên họ theo lãnh đạo của họ: ông là bố họ, đồng thời cũng là thợ cả của họ. Và Tom có thể nhận ra quan điểm của Otto. Thực vậy, nếu ông ở vị trí của Otto có lẽ ông cũng có cùng đường lối. Ông sẽ không tham dự vào cuộc đánh nhau với người có vũ khí, trừ khi nó liên quan đến mạng sống của ông.

Mặc dù biết Otto có lý, Tom vẫn không thoải mái, ngược lại nó còn làm ông thất vọng hơn. Ông quyết định thử một lần nữa. “Sẽ không có cuộc đánh nhau,” ông nói. “Họ biết nhà vua sẽ treo cổ họ, nếu họ đánh chúng ta. Chúng ta hãy đốt lửa, và nghỉ qua đêm, và sáng mai sẽ bắt đầu công việc.”

Đề cập đến ngủ đêm là một sai lầm. Một trong hai người con của Otto nói: “Làm sao chúng ta có thể ngủ được khi những kẻ giết người này ở gần đây?”

Những người khác thì thăm đồng ý.

“Chúng ta sẽ cử người gác,” Tom nói một cách tuyệt vọng.

Otto lắc đầu dứt khoát. “Chúng ta sẽ về tối nay. Ngay bây giờ.”

Tom nhìn quanh mọi người và ông biết ông đã thất bại. Ông đã lên đường sáng nay bằng hy vọng lớn lao như thế, và ông khó có thể tin được rằng kế hoạch của ông bị thất bại chỉ vì những tên côn đồ nhỏ bé này. Khó có thể tìm ra lời. Ông không thể không nói lên lời cay đắng sau cùng: “Các ông chống lại nhà vua, và đó là một việc nguy hiểm,” ông nói với Harold. “Ông hãy nói với bá tước của Shring điều đó. Và nói với ông ấy rằng tôi là thợ xây Tom của Kingsbridge, và nếu khi nào bàn tay tôi được ôm lấy chiếc cổ béo của ông ấy, tôi sẽ bóp nó cho đến khi ông ấy nghẹt thở.”

Johnny Eightpence may một tu phục nhỏ cho bé Jonathan, hoàn chỉnh với cả tay áo rộng và mũ đội đầu. Một hình dáng nhỏ trong bộ áo trông thật dễ thương làm cảm động tâm hồn mọi người, nhưng nó không thực tế lắm: Chiếc mũ luôn tụt về phía trước che mắt nó, và khi nó bò đầu gối nó gặp khó khăn với chiếc áo dài.

Vào giữa buổi chiều, khi Jonathan đã có giấc ngủ trưa, và các tu sĩ cũng vậy, Tu viện trưởng Philip đi qua gian giữa ngôi nhà thờ cũ, bây giờ là sân chơi của các tập sinh, đến với em bé và Johnny Eightpence. Đây là thời điểm trong ngày mà các tập sinh được phép chơi đùa, và Johnny chăm chú xem họ chơi trong khi Jonathan mò mẫm xem hệ thống cọc và dây mà thợ xây Tom đã thiết lập sơ đồ mặt bằng cho gian đầu phía đông của nhà thờ chính tòa.

Philip đứng bên cạnh Johnny một vài phút yên lặng, quan sát đứa bé bò xung quanh. Philip rất hài lòng với Johnny, người thiếu sự hiểu biết nhưng thay vào đó có một trái tim rộng lượng. Jonathan đứng lên, dựa vào cây cọc mà Tom đã đóng xuống đất đánh dấu nơi mái hiên phía bắc sẽ được xây. Nó bám theo sợi dây và bước đi vài bước không vững vàng, chậm rãi. “Chẳng bao lâu nữa nó có thể đi được rồi,” Philip nói với Johnny.

“Thưa cha, nó luôn thử, nhưng thường lại ngã xuống.”

Philip cúi xuống, đưa hai cánh tay về phía Jonathan. “Đi về đây,” ông nói. “Đi nào.”

Jonathan cười toe toét, khoe vài chiếc răng. Nó nắm lấy dây của Tom và đi thêm vài bước. Rồi nó chỉ vào Philip, như nó cần sự giúp đỡ, và bất ngờ buông sợi dây, đi ba bước nhanh, vững chãi.

Philip đỡ nó trong tay và nói: “Tốt quá!” Ông ôm nó, cảm thấy hạnh diện như đó là kết quả của chính ông chứ không phải của em bé.

Johnny hoàn toàn thích thú. “Nó đi được rồi! Nó đi được rồi!”

Jonathan cựa quậy đòi xuống. Philip đặt chân nó xuống để xem nó có thể đi được nữa không; nhưng như thế đã đủ cho ngày hôm nay và ngay lập tức nó bò đến Johnny.

Một vài tu sĩ đã khó chịu, Philip nhớ lại, khi ông mang Johnny và bé Jonathan tới Kingsbridge. Mọi việc đối với Johnny tương đối dễ dàng bao lâu người ta không quên là tự bản chất anh ấy là một đứa bé trong một thân thể đàn ông; và Jonathan đã vượt qua mọi sự phản đối vì sự quyến rũ cá nhân của nó.

Jonathan không phải là nguyên nhân duy nhất gây nên bất ổn trong năm đầu tiên. Các tu sĩ đã bầu một người mà họ chờ đợi sẽ mang lại kinh tế tốt hơn cho tu viện, họ cảm thấy bị lừa khi Philip đưa ra một kế hoạch cắt giảm chi tiêu trong cuộc sống hàng ngày của tu viện. Philip bị tổn thương: ông tỏ ra rõ ràng rằng ưu tiên hàng đầu của ông là xây nhà thờ chính tòa mới. Các người lãnh đạo trong tu viện cũng đã chống lại kế hoạch xóa bỏ sự độc lập về tài chính của họ, ngay cả mặc dù họ biết rõ ràng rằng nếu không cải tổ, tu viện càng ngày càng suy tàn. Và khi ông dành tiền mở rộng thêm đàn cừu của tu viện, gần như đã có một cuộc nổi loạn. Nhưng trong căn bản các tu sĩ vẫn là những người biết vâng lời; và Giám mục Waleran, người khuyến khích nổi loạn, đã đi Roma mất gần một năm; vì thế cuối cùng các tu sĩ cũng chẳng làm gì khác hơn là lẩm bẩm.

Nhiều lúc Philip đã phải cô đơn, nhưng ông chắc chắn kết quả sẽ minh oan cho ông. Chính sách của ông đã đem lại kết quả khả quan. Giá len tăng lên, và Philip đã có thể cắt lông cừu: đó là lý do tại sao ông có thể thuê thợ làm rừng và thợ khai thác đá. Khi tình trạng kinh tế phát triển và việc xây dựng nhà thờ chính tòa tiến triển, vị trí tu viện trưởng của ông không còn bị công kích.

Ông trù mển vỗ nhẹ vào đầu Johnny Eightpence và đi về phía công trường xây dựng. Với sự giúp đỡ của nhân viên trong tu viện và các tu sĩ trẻ, Tom và Alfred đã bắt đầu đào chân móng. Tuy nhiên, nó chỉ sâu năm hay sáu feet. Tom đã nói với Philip rằng chân móng phải sâu hai mươi lăm feet. Ông cần một số lớn nhân công cùng với thiết bị nâng để đào sâu hơn.

Nhà thờ mới sẽ lớn hơn nhà thờ cũ, nhưng nó vẫn còn quá nhỏ cho một nhà thờ chính tòa. Một phần Philip muốn nó phải là nhà thờ chính tòa dài nhất, cao nhất, giàu nhất và đẹp nhất trong toàn vương quốc, nhưng ông phải kìm lại ước muốn này và tự nhủ lòng mình rằng phải hài lòng với bất cứ nhà thờ nào.

Ông đi vào lều của Tom và nhìn vào sản phẩm gỗ trên ghế băng. Người xây dựng chính đã trải qua cả mùa đông ở đây, làm việc với một thước sắt và một bộ đục tốt, để hoàn thành cái mà ông gọi là mẫu – mô hình bằng gỗ cho thợ xây dùng làm mẫu khi cắt đá. Philip đã chăm chú nhìn với sự ngưỡng mộ trong khi Tom, một người to lớn với bàn tay to, khắc gỗ một cách cẩn thận thành những đường cong hoàn hảo, những góc vuông và góc cạnh chính xác. Bây giờ Philip cầm một mẫu lên và xem xét nó. Nó được tạo thành hình giống như một cánh hoa cúc, một phần tư vòng tròn với nhiều chỗ tròn nhô ra như cánh hoa. Người ta cần những viên đá đó làm gì? Ông thấy những vật này rất khó hình dung, và ông cảm phục khả năng tưởng tượng của Tom. Ông nhìn bản vẽ của Tom, khắc trên thạch cao trên khung gỗ, và nhận ra rằng ông đang cầm một mẫu cho đầu cột trụ của khu mái vòm, nó trông giống như cụm của những cột, nhưng bây giờ ông nhận ra đó chỉ là tưởng tượng: trong thực tế cột trụ là những hàng cột bằng đá với sự trang trí như những trụ.

Năm năm, Tom đã nói, và gian đầu phía đông nhà thờ sẽ hoàn tất. Năm năm, và Philip lại có thể dâng lễ trong nhà thờ chính tòa. Tất cả những gì ông phải làm là tìm ra tiền. Năm nay sẽ khó góp được đủ tiền để có thể khiêm tốn bắt đầu, bởi vì sự cải cách của ông cần thời gian, nhưng năm sau, khi ông bán len mới mùa xuân, ông sẽ có khả năng thuê thêm nhiều thợ thủ công và bắt đầu xây dựng một cách nghiêm túc.

Chuông chiều báo hiệu giờ kinh tối. Philip rời nhà kho và đến lối đi vào tầng hầm. Nhìn qua cổng tu viện, ông ngạc nhiên thấy thợ xây Tom đi vào với tất cả các thợ đá. Tại sao họ lại trở về? Tom đã nói ông sẽ đi một tuần và những thợ đá sẽ ở lại đó luôn. Philip vội vã gặp họ.

Khi đến gần ông thấy họ mệt mỏi và chán nản, như có một điều gì thất vọng khủng khiếp đã xảy ra. “Chuyện gì vậy?” ông nói. “Tại sao các ông lại về?”

“Tin xấu,” thợ xây Tom nói.

Trong cả giờ kinh tối, Philip cố nén cơn giận. Những gì Bá tước Percy làm là thái quá. Quy định về quyền lợi rất rõ ràng và chỉ thị của nhà vua không thể bị hiểu lầm: chính bá tước có mặt khi thông báo được đưa ra và quyền khai thác đá của tu viện được ghi rõ trong điều lệ. Đôi chân Philip bước trên sàn đá trong một nhịp điệu khẩn cấp và giận dữ. Ông đang bị cướp. Percy đang ăn cướp những đồng xu của nhà thờ. Không có lý do nào bào chữa cho hành động đó. Percy bất chấp cả Thiên Chúa lẫn nhà vua. Nhưng tệ hơn cả là Philip không thể xây nhà thờ mới nếu không được lấy đá từ mỏ. Ông đã bắt đầu với một ngân sách khiêm tốn nhất, và nếu ông phải mua đá ngoài thị trường, và chuyên chở nó từ xa về, ông không còn khả năng xây dựng. Ông sẽ phải đợi thêm một hay nhiều năm nữa, và rồi sáu hay bảy năm nữa ông mới lại được dâng thánh lễ trong nhà thờ chính tòa. Ông không thể chịu đựng được khi nghĩ về đó.

Ông triệu tập một cuộc họp khẩn cấp sau giờ kinh chiều và thông tin cho các tu sĩ.

Ông đã phát triển một kỹ thuật điều hành cuộc họp. Remigius, tu viện phó, vẫn còn ác cảm với Philip vì đã thất bại trong cuộc bầu cử, và ông vẫn thường tỏ sự bất mãn của mình khi công việc kinh doanh của tu viện được thảo luận. Ông là một nhà mô phạm bảo thủ, thiếu sáng tạo, vì thế mà ông không đồng ý với cách điều hành tu viện của Philip. Những tu sĩ đã ủng hộ Remigius trong cuộc bầu cử có khuynh hướng thiên về ông trong buổi họp: Andrew, người phụ trách phụng vụ; Pierre, người có trách nhiệm về kỷ luật; và John Small, người giữ kho báu lười biếng. Tương tự như vậy, những tu sĩ gần gũi nhất với Philip là những người đã vận động tranh cử

cho ông: Cuthbert Whitehead, người quản lý già; và Milius trẻ, người mà Philip trao cho chức đặc trách về tài chánh, một chức vụ Philip mới đặt ra có nhiệm vụ kiểm soát tài chánh của tu viện.

Philip luôn luôn để Milius thảo luận với Remigius. Thông thường Philip thảo luận với Milius về mọi vấn đề quan trọng trước cuộc họp. Trong trường hợp khác, ông có thể tin tưởng Milius sẽ đưa ra một quan điểm tương tự như ông. Sau đó Philip có thể đúc kết lại giống như một trọng tài không thiên vị. Mặc dù Remigius hiếm có cơ hội theo ý riêng của ông, nhưng Philip vẫn chấp nhận một số lập luận của ông hoặc thông qua một phần đề xuất của ông, để duy trì cảm giác về một cách lãnh đạo dựa trên sự đồng nhất của mọi người.

Các tu sĩ tức giận về những gì Bá tước Percy đã làm. Tất cả họ đã vui mừng khi biết nhà vua cho tu viện khai thác gỗ và đá không giới hạn, và bây giờ họ bức mình về việc Percy chống lại lệnh vua.

Khi bầu khí sôi nổi đã dịu, Remigius đưa ra một quan điểm khác. “Tôi nhớ tôi đã nói cách đây một năm,” ông bắt đầu. “Một hiệp ước, trong đó quy định mỏ đá thuộc quyền sở hữu của lãnh chúa và chúng ta có quyền khai thác, thì không thể đạt yêu cầu. Từ đầu chúng ta phải cố gắng có được quyền sở hữu trên mỏ đá.”

Trong lời nhận xét này có vài điều đúng và Philip không dễ nuốt nó. Quyền sở hữu là điều mà ông đã đồng ý với bà Regan, nhưng bà đã lừa ông vào phút cuối. Ông định nói rằng ông đã xử lý tốt nhất những gì ông có thể và ông muốn thấy Remigius có thể làm gì tốt hơn trong hoàng cung; nhưng ông cắn lưỡi nhường nhịn, vì là một tu viện trưởng, sau cùng ông phải chịu trách nhiệm cho mọi sự sai trái.

Milius mở lời cứu. “Nếu nhà vua đã cho chúng ta quyền sở hữu trên hầm mỏ thì quá tốt, nhưng ông đã không cho, và câu hỏi là, chúng ta phải làm gì bây giờ?”

“Tôi nghĩ nó đã khá rõ ràng,” Remigius vội vã nói. “Chúng ta không thể tự đuổi những người của bá tước, vì thế chúng ta cần xin nhà vua làm chuyện đó. Chúng ta phải gửi một phái đoàn đến nhà vua và yêu cầu ông thực hiện quy định của ông.”

Có tiếng thì thầm tán thành. Andrew, người phụ trách phụng vụ nói: “Chúng ta phải gửi người thông thái và ăn nói lưu loát nhất.”

Philip nhận ra Remigius và Andrew coi họ như thành phần lãnh đạo của phái đoàn.

Remigius nói: “Sau khi nhà vua đã nghe những gì đã xảy ra, tôi nghĩ Percy Hamleigh sẽ không được là bá tước nữa.”

Philip không chắc chắn về chuyện đó.

“Nhà vua ở đâu?” Andrew hỏi. “Có ai biết không?”

Gần đây Philip đã ở Winchester, và đã nghe nói về chương trình của nhà vua. “Nhà vua đã đến Normandy,” ông nói.

Milius nhanh chóng nói: “Sẽ mất một thời gian dài mới bắt kịp nhà vua.”

“Việc theo đuổi công lý luôn đòi hỏi sự kiên nhẫn,” Remigius tuyên bố trịnh thượng.

“Nhưng nếu mỗi ngày đi đuổi theo công lý, chúng ta sẽ không xây dựng được nhà thờ,” Milius đáp lại. Giọng ông tỏ ra rằng ông bức tức vì Remigius muốn trì hoãn kế hoạch xây dựng. Philip cũng có cùng cảm giác. Milius tiếp tục: “Và đó không phải là vấn đề duy nhất của chúng ta. Một khi chúng ta gặp nhà vua, chúng ta phải thuyết phục ông lắng nghe chúng ta. Điều đó mất hàng tuần. Rồi có lẽ ông ta sẽ cho Percy cơ hội để bào chữa – rồi lại tiếp tục chờ đợi...”

“Làm sao Percy có thể bào chữa mình?” Remigius gắt gỏng nói.

Milius trả lời: “Tôi không biết, nhưng tôi chắc chắn ông ấy có một kế hoạch.”

“Nhưng sau cùng nhà vua phải giữ lời mình.”

Một giọng mới nói vang lên: “Đừng nên chắc chắn như vậy.” Mọi người quay lại nhìn. Người vừa lên tiếng là thầy Timothy, người tu sĩ già nhất trong tu viện. Một người nhỏ bé, khiêm tốn, ít khi nói, nhưng khi ông nói, lời của ông đáng nghe. Một đôi khi Philip nghĩ chính ra ông phải là tu viện trưởng. Thường thường trong cuộc họp, ông ngồi như ngủ gật, nhưng bây giờ ông nghiêng người về phía trước, mắt sáng lên quả quyết. “Nhà vua là người của thời điểm,” ông tiếp tục. “Nhà vua luôn bị đe dọa bởi cuộc nổi loạn trong nước và từ các nước láng giềng. Ông ấy cần đồng minh. Bá tước

Percy là người có quyền lực và có nhiều hiệp sĩ. Nếu nhà vua cần Percy vào thời điểm chúng ta xin kiến nghị, chúng ta sẽ bị từ chối, hoàn toàn không tùy thuộc vào sự công bằng trong trường hợp của chúng ta. Nhà vua không hoàn hảo. Chỉ có một thẩm phán thực sự, và đó là Thiên Chúa.”

Ông ngồi xuống, dựa người vào tường và nhắm mắt lại, như thể không màng quan tâm đến lời nói của mình có được tán thành không. Philip dấu một nụ cười: Timothy đã nói lên chính xác sự lo ngại của Philip khi cầu cứu sự công bằng nơi nhà vua.

Remigius miễn cưỡng phải từ bỏ viễn tượng có một chuyến đi thú vị đến Pháp và lưu lại trong triều đình; nhưng ông không thể chống lại lập luận của Timothy. “Vậy chúng ta có thể làm gì khác?” Ông hỏi.

Philip không chắc chắn. Cảnh sát trưởng không có khả năng can thiệp trong trường hợp này: Percy có quá nhiều quyền lực, ông không dễ bị kiểm soát bởi một viên cảnh sát trưởng. Và cả hai phía cũng không thể dựa trên giám mục. Thật thất vọng! Nhưng Philip không muốn ngồi nhìn thất bại. Ông phải tự lấy lại hăm hở...

Ông có một ý tưởng.

“Cho tôi một phút,” ông nói.

Chỉ cần tất cả các tu sĩ còn khỏe mạnh làm theo... chỉ cần tổ chức cẩn thận, giống như một đội quân không vũ khí... và cần thực phẩm cho hai ngày đường...

“Tôi không biết nó có thành công không, nhưng nên thử,” ông nói. “Hãy cho tôi nói.”

Ông nói cho họ kế hoạch của ông.

Ngay sau đó họ chuẩn bị lên đường: ba mươi tu sĩ, mười tập sinh, Otto Blackface và đội công nhân cắt đá của ông, thợ xây Tom và Alfred, hai con ngựa và một chiếc xe. Khi trời tối họ thắp đèn soi đường đi. Vào giữa đêm họ dừng lại ăn đồ ăn dã ngoại đã được chuẩn bị vội vàng: thịt gà, bánh mì trắng và rượu nho đỏ. Philip luôn quan niệm rằng công việc khó khăn nên được thưởng bằng đồ ăn ngon. Khi đi họ hát kinh mà thông thường họ sẽ làm khi ở trong tu viện.

Vào một thời điểm tối nhất, thợ xây Tom, người dẫn đường, giơ một tay lên ra hiệu cho mọi người dừng lại. Ông ấy nói với Philip: “Chỉ còn một dặm nữa là đến mỏ đá.”

“Tốt,” Philip nói. Ông quay về phía các tu sĩ. “Hãy cởi guốc và dép ra, và mang giày ni vào.” Ông cởi dép của ông ra và đeo đôi giày ni mà nông dân thường mang trong mùa đông.

Ông chọn ra hai tập sinh. “Edward và Philemon, ở lại đây với các con ngựa và xe. Hoàn toàn giữ im lặng và chờ cho đến khi trời sáng, rồi nhập đoàn với chúng tôi. Rõ chưa?”

“Vâng, thưa cha,” họ cùng nhau nói.

“Được rồi, những người còn lại,” Philip nói. “Hãy theo thợ xây Tom, bây giờ tất cả xin vui lòng hoàn toàn im lặng.”

Tất cả họ lại bước đi.

Gió phía tây thổi nhẹ, và tiếng xào xạc của lá cây che lấp hơi thở của năm mươi người và tiếng chân của năm mươi đôi giày ni. Philip bắt đầu cảm thấy căng thẳng. Kế hoạch mà ông đưa ra thực hiện có vẻ điên rồ. Ông âm thầm đọc một lời kinh xin cho được thành công.

Con đường cong về bên trái và ánh đèn chập chờn soi tỏ một túp lều gỗ, một đồng đá đã gần hoàn thành, một số thang và giàn giáo, và phía xa là một ngọn đồi đen có những vết sẹo trắng vì đã bị khai thác đá. Bất ngờ Philip tự hỏi không biết những người ngủ trong lều có chó không. Nếu họ có, Philip sẽ mất đi yếu tố bất ngờ và toàn bộ kế hoạch bị ảnh hưởng. Nhưng đã quá muộn để quay về.

Đám người tản mác đằng sau túp lều. Philip nén thở, chờ đợi tiếng chó sủa. Nhưng may mắn không có chó.

Ông phân tán người xung quanh giàn giáo. Ông tự hào về họ vì họ hoàn toàn yên lặng. Giữ yên lặng là một điều khó, ngay cả trong nhà thờ. Có lẽ họ quá sợ để gây nên tiếng động.

Thợ xây Tom và Otto Blackface âm thầm đặt người cắt đá xung quanh công trường. Họ chia thành hai nhóm. Một nhóm tụ tập trên mặt đất gần sườn đá. Nhóm kia trèo lên giàn giáo. Khi họ đã vào vị trí, Philip hướng

dẫn các tu sĩ qua cử chỉ để đứng hay ngồi quanh các công nhân. Còn ông đứng riêng, ở khoảng giữa túp lều và sườn đá.

Cách hoạch định thời gian của họ hoàn hảo. Bình minh lên một vài phút sau khi Philip đã ổn định vị trí cuối cùng. Ông lấy một cây nến từ túi áo khoác và châm lửa từ cây đèn, sau đó ông nhìn các tu sĩ và nâng cao cây nến. Đó là một tín hiệu được quy định trước. Bốn mươi tu sĩ và tập sinh, mỗi người lấy cây nến ra và châm lửa. Hiệu quả thật ấn tượng. Ngày mới bắt đầu trên quặng mỏ hoàn toàn yên lặng, những bóng ma cầm ánh nến nhỏ bé, chập chờn.

Philip quay lại phía túp lều. Vẫn chưa có dấu hiệu của sự sống. Ông quyết định chờ đợi. Các tu sĩ rất giỏi về việc đó. Đứng hàng giờ là một phần trong đời sống hàng ngày của họ. Tuy nhiên, các nhân công không quen với việc đó, và sau một lúc họ không còn kiên nhẫn, họ cựa quậy đôi chân và thì thào với nhau; nhưng việc đó bây giờ không còn quan trọng.

Không biết tiếng thì thầm hay ánh sáng ban ngày đánh thức người đang ngủ trong lều. Philip nghe có tiếng ho và khạc nhổ, sau đó là tiếng động như của một thanh gỗ được nâng lên đằng sau cửa. Ông giơ tay ra hiệu im lặng.

Cánh cửa túp lều bật mở. Philip giơ tay lên. Một người bước ra, tay dụi mắt. Philip biết ông qua lời miêu tả của Tom, đó là Harold thành Shiring, thợ mỏ chính.

Trước hết ông không thấy điều gì bất thường. Ông dựa vào thành cửa và ho khù khụ như một người đã hút quá nhiều bụi đá vào trong phổi. Philip bỏ tay xuống. Một nơi nào đó sau ông, người ca trưởng bắt giọng và tất cả các tu sĩ cất tiếng hát. Hầm mỏ tràn ngập âm thanh kỳ lạ.

Harold hoảng hồn. Đầu ông bị giật ngược lên. Mắt ông mở to và hàm ông trễ xuống khi ông nhìn thấy ca đoàn như bóng ma xuất hiện trong mỏ đá của ông. Một tiếng kêu sợ hãi phát ra từ miệng ông. Ông loạng choạng trở lại vào trong lều.

Philip cho phép mình mỉm cười hài lòng. Sự khởi đầu tốt đẹp.

Tuy nhiên sự sợ hãi về siêu nhiên sẽ không kéo dài lâu. Ông giơ tay và vẫy mà không quay đầu lại. Đáp lại dấu hiệu của ông, các thợ mỏ bắt đầu

làm việc và tiếng va chạm của sắt trên đá tạo thành âm thanh của dàn hợp xướng.

Hai ba khuôn mặt sợ hãi nhìn từ cửa ra vào. Từ từ họ nhận ra rằng họ đang thấy những tu sĩ và các công nhân bình thường, bằng xương bằng thịt chứ không phải thị kiến hay siêu nhiên, và họ bước ra ngoài nhìn cho rõ hơn. Hai người lính gác đi ra, đeo kiếm và nhìn chăm chú. Đây là giờ phút quan trọng cho Philip: Hai người lính gác sẽ làm gì?

Nhìn vào họ, những người lính to lớn, râu ria và dơ bẩn, với dây thắt lưng sắt, với gươm và dao găm, và áo da nặng, Philip nhớ lại rõ nét và sinh động cảnh hai người lính xông vào nhà khi ông sáu tuổi và giết bố mẹ ông. Bất ngờ và không chờ đợi một niềm đau xót về bố mẹ nhói trong lòng ông. Ông ghê tởm nhìn vào quân của Bá tước Percy, không thấy chúng mà thay vào đó thấy một người đàn ông xấu xí với một mũi quặp và một người da đen có máu trên bộ râu; ông đầy tức giận và ghê tởm, và ông quyết tâm đánh bại bọn côn đồ ngu đần, vô thần này.

Một lúc lâu họ không làm gì. Dần dần tất cả thợ khai thác đá của bá tước ra khỏi lều. Philip đếm: tất cả là mười hai người thợ và hai người lính gác.

Mặt trời hé ra trên đường chân trời.

Thợ đá của Kingsbridge đã đào được đá ra. Nếu các lính gác muốn ngừng họ lại, họ sẽ phải chạm vào các tu sĩ đang bao vây bảo vệ các công nhân của họ. Philip đoán rằng các lính gác sẽ do dự dùng bạo lực với các tu sĩ đang cầu nguyện.

Cho đến lúc này ông đã đúng: họ đang do dự.

Hai tập sinh, người đã ở lại phía sau, mang theo ngựa và xe đến. Họ nhìn quanh sợ hãi. Philip dùng tay ra hiệu cho họ phải kéo xe tới chỗ nào. Rồi ông quay lại nhìn Tom và gật đầu.

Nhiều tảng đá đã được cắt trong thời gian này, và bây giờ Tom chỉ định vài tu sĩ trẻ đem đá chất lên xe. Người của bá tước chăm chú theo dõi những biến chuyển. Những tảng đá quá nặng mà một người không thể vác được, vì thế họ phải dùng dây hạ chúng xuống khỏi giàn giáo, rồi dùng cằng khiêng chúng. Khi viên đá đầu tiên được cho vào xe, người lính gác đi vào trong đám đông với Harold. Một viên đá khác lại được cho vào xe. Hai

người lính gác tách đám đông chung quanh lều và đi tới xe. Một trong các tập sinh, Philemon, trèo vào trong xe và ngồi trên tảng đá, nhìn thách thức. Chàng trai dũng cảm! Philip nghĩ, nhưng ông lo sợ.

Họ đi đến gần xe. Bốn tu sĩ, người đã khênh hai tảng đá, đứng hàng trước xe, tạo thành rào cản. Philip hồi hộp. Những người đàn ông dừng lại, mặt đối mặt với các tu sĩ. Cả hai người để tay vào chuôi kiếm. Tiếng ca im bật khi mọi người nín thở theo dõi.

Chắc chắn, Philip nghĩ, họ sẽ không dám dùng kiếm chống lại những tu sĩ không có gì để tự vệ này. Rồi ông nghĩ, nó thật dễ dàng cho những người đàn ông này, những người to lớn, khỏe mạnh và đã quen với chiến trường, để đâm thanh kiếm của họ qua những người này, những người mà họ không phải sợ hãi gì, ngay cả sự trả thù. Chắc chắn họ phải cân nhắc hình phạt của Thiên Chúa vì họ đã mạo hiểm giết người của Ngài. Ngay cả những tên côn đồ như thế này phải biết rằng họ sẽ phải đứng trước tòa phán xét sau cùng. Họ có sợ lửa đời đời không? Có lẽ, nhưng họ cũng sợ chủ của họ, Bá tước Percy. Philip đoán rằng điều trên hết họ suy nghĩ bây giờ là liệu bá tước có coi lý do thất bại, không ngăn cản những người của Kingsbridge khỏi hăm dọa, là chính đáng không. Ông nhìn họ do dự trước các tu sĩ trẻ, bàn tay trên chuôi kiếm. Ông tưởng tượng họ cân nhắc giữa sự đe dọa của Percy và cơn thịnh nộ của Thiên Chúa.

Hai người đàn ông nhìn nhau. Một người lắc đầu. Người khác nhún vai. Họ cùng nhau đi ra khỏi khu mỏ đá.

Ca trưởng bắt một nốt mới và các tu sĩ nổ tung ra trong một bài thánh ca chiến thắng. Các thợ mỏ reo hò vì chiến thắng và Philip nhẹ hẫng người. Trong một vài khoảnh khắc tưởng chừng đã có nguy hiểm. Bây giờ ông rạng rỡ vì vui. Mỏ đá thuộc về ông.

Ông tắt nến và đi tới xe. Ông ôm bốn tu sĩ, những người đã dám đương đầu với lính gác, và hai tập sinh, những người đã đem xe tới. “Tôi hãnh diện về anh em,” ông nói chân thành. “Và tôi tin Thiên Chúa cũng vậy.”

Các tu sĩ và các thợ mỏ bắt tay và chúc mừng lẫn nhau. Otto Blackface đi đến Philip và nói: “Thật vĩ đại, cha Philip ạ. Ông là người can đảm, nếu tôi được phép nói như vậy.”

“Thiên Chúa phù trợ chúng ta,” Philip nói. Mắt ông nhìn vào đám thợ mỏ của bá tước đang đứng chán nản quanh cửa lều của họ. Ông không muốn biến họ thành thù nghịch, bởi vì Percy có thể tiếp tục dùng họ để gây thêm rắc rối. Philip quyết định nói chuyện với họ.

Ông nắm tay Otto và dẫn ông đến lều ngủ. “Ý muốn của Thiên Chúa được thể hiện hôm nay,” ông nói với Harold. “Tôi hy vọng, các anh sẽ không tức giận.”

“Chúng tôi sẽ thất nghiệp,” Harold nói. “Đó là điều khó khăn cho chúng tôi.”

Bất ngờ Philip thấy một cách để cho Harold theo về phía ông. Một cách bốc đồng ông nói: “Các ông có thể trở lại làm việc ngay hôm nay, nếu các ông muốn. Làm việc cho tôi. Tôi sẽ thuê cả nhóm các ông. Ngay cả các ông có thể ở lại trong lều của các ông.”

Harold ngạc nhiên về những thay đổi nhanh chóng này. Ông sửng sốt nhìn, sau đó ông bình tĩnh lại và nói: “Tiền công là bao nhiêu?”

“Giá trung bình,” Philip đáp lại kịp thời. “Hai xu một ngày cho thợ thủ công, một xu cho người lao động, bốn xu cho ông, và ông phải trả cho người học nghề.”

Harold quay đi, nhìn vào những người thợ của ông. Philip cho Harold đi để họ thảo luận về đề nghị này một cách riêng tư. Philip thật sự không đủ khả năng thuê thêm mười hai người, và nếu họ chấp nhận đề nghị của ông, ông sẽ phải trì hoãn việc thuê thợ xây. Điều đó có nghĩa là số đá được cắt nhanh hơn so với với nhu cầu. Ông có thể xây một kho dự trữ, nhưng tiền mặt sẽ khan hiếm. Tuy nhiên, nếu có những thợ đá của Percy trong đội công nhân của tu viện thì đó sẽ là một sự phòng thủ tốt. Nếu Percy muốn lấy đá một lần nữa cho chính ông, trước hết ông phải thuê một toán thợ mỏ; điều đó có thể khó khăn một khi tin tức về sự việc hôm nay được truyền đi. Và nếu trong tương lai Percy có mưu kế khác để đóng cửa mỏ, Philip đã có sẵn một số đá dự trữ.

Harold dường như tranh cãi với thợ của ông. Sau vài phút ông trở lại với Philip. “Nếu chúng tôi làm việc cho ông, ai sẽ là người chịu trách nhiệm?” ông nói. “Tôi hay thợ mỏ chính của ông?”

“Otto là người chịu trách nhiệm,” Philip nói không do dự. Harold chắc chắn không thể chịu trách nhiệm để tránh tình trạng ông trở về với Percy. Và cũng không thể có hai thợ chính vì sẽ dẫn đến tranh chấp. “Ông vẫn có thể điều hành nhóm của ông,” Philip nói với Harold. “Nhưng Otto vẫn là xếp của ông.”

Harold thất vọng quay về với nhóm của ông. Cuộc thảo luận lại tiếp tục. Thợ xây Tom nhập đoàn với Philip và Otto. “Kế hoạch của ông thành công, thưa cha,” ông nói với nụ cười rộng. “Chúng ta chiếm lại được hầm mỏ mà không đổ một giọt máu nào. Ông thật tuyệt vời.”

Philip có khuynh hướng chấp nhận lời khen, nhưng ông nhận ra ông phạm tội kiêu ngạo. “Chính Chúa đã làm phép lạ,” ông nói để nhắc nhở chính mình cũng như nhắc nhở Tom.

Otto nói: “Cha Philip đã đề nghị thuê Harold và thợ của ông ta để cùng làm việc với tôi.”

“Thật sao?” Tom không hài lòng. Việc tuyển thợ thủ công là trách nhiệm của thợ xây dựng tổng thể chính, chứ không phải của tu viện trưởng. “Tôi không nghĩ, ông ấy có đủ tiền để thuê thêm người.”

“Tôi không thể,” Philip thừa nhận. “Nhưng tôi không muốn những người này lang thang không có gì làm, rồi chờ đợi Percy và nghĩ ra một cách khác dành lại mỏ đá.”

Tom trầm tư suy nghĩ, rồi ông gật đầu. “Và nó cũng chẳng có hại gì khi chúng ta có một số đá dự trữ, trong trường hợp Percy thành công.”

Philip vui vì Tom cũng có cùng suy nghĩ như ông.

Dường như Harold đã thỏa thuận được với nhân viên của ông. Ông trở lại với Philip và nói: “Ông có đồng ý trao tiền lương cho tôi và cho tôi được chia tiền phù hợp theo ý tôi?”

Philip lưỡng lự. Nó có nghĩa là người thợ chính có thể nhận nhiều hơn phần lương của ông. Nhưng ông nói: “Điều đó tùy thuộc thợ xây dựng tổng thể chính.”

“Thông thường là như vậy,” Tom nói. “Nếu đó là điều mà thợ của ông muốn, tôi cũng đồng ý.”

“Nếu như vậy, chúng tôi đồng ý,” Harold nói.

Harold và Tom bắt tay nhau. Philip nói: “Thế thì mọi người đạt được điều mà họ muốn. Tốt thôi!”

“Có một người không được cái mà họ muốn,” Harold nói.

“Ai vậy?” Philip hỏi.

“Vợ của Bá tước Percy, Regan,” Harold buồn rầu nói. “Khi bà ấy biết những gì xảy ra ở đây, thì sẽ có một cuộc đổ máu.”

II

Hôm nay không đi săn bắn, vì thế những thanh niên ở lâu đài chơi một trong những trò chơi mà William Hamleigh ưa thích, đó là ném đá những con mèo.

Có rất nhiều mèo trong lâu đài, vì thế có thêm hoặc bớt một con cũng không sao. Những thanh niên đóng cửa ra vào, kéo cửa sổ của hội trường xuống, và đẩy đồ đạc dựa vào tường để mèo không thể trốn sau chúng; sau đó họ đổ một đồng đá giữa phòng. Một con mèo già, chuyên gia bắt chuột, có lông màu xám, cảm nhận được bầu khí khát máu, nên ra ngồi gần cửa, hy vọng có thể chạy ra.

Mỗi người phải bỏ một xu vào trong nồi cho mỗi viên đá họ ném, và người nào ném chết con mèo sẽ được nhận chiếc nồi.

Khi họ rút thăm xem ai ném đá trước, con mèo trở nên bồn chồn, chạy qua chạy lại trước cửa ra vào.

Walter ném trước. Đó là sự may mắn, bởi vì mặc dù con mèo đã cảnh giác, nhưng nó vẫn chưa biết trò chơi nên có thể bị bất ngờ. Quay lưng lại phía con thú, Walter nhặt một viên đá và giấu nó trong tay; rồi ông nhìn quanh và bất ngờ ném.

Ông ném trượt. Viên đá trúng vào cửa và con mèo nhảy lên và chạy. Những thanh niên khác cười chế nhạo.

Người ném thứ hai là người không may mắn, vì con mèo vẫn còn khỏe và đôi chân còn nhanh nhẹn, nhưng sau này nó sẽ mệt mỏi và có thể bị thương. Tới phiên một cận vệ trẻ. Cậu quan sát con mèo chạy xung quanh phòng tìm một lối ra, và đợi cho đến khi nó đi chậm lại; rồi cậu ném. Nó là một cú ném tốt, nhưng con mèo nhìn thấy và tránh được. Những người khác rên lên vì thất vọng.

Nó lại chạy quanh phòng, bây giờ nó chạy nhanh hơn vì hoảng sợ, nhảy lên đồng bàn ghế được xếp dựa vào tường, rồi nhảy xuống. Một hiệp sĩ già sẽ ném kế tiếp. Ông làm bộ ném để xem con mèo nhảy như thế nào, rồi ông ném thật khi nó chạy, nhắm vào một chút phía trước của nó. Những người khác vỗ tay khen sự xảo quyệt của ông, nhưng con mèo nhìn thấy hòn đá đến và bất ngờ dừng lại. Nó tránh được hòn đá.

Trong tuyệt vọng con mèo cố gắng trốn đằng sau một chiếc rương bằng gỗ sồi trong một góc phòng. Người ném kế tiếp nhìn thấy cơ hội và lợi dụng nó: ông ném ngay khi con mèo đứng yên và trúng hông của nó. Tiếng cổ vũ vang lên. Con mèo từ bỏ chỗ ẩn trú đằng sau chiếc rương và chạy quanh phòng, nhưng bây giờ nó đi khập khiễng và chậm hơn.

Đến lượt William.

Cậu nghĩ cậu có thể giết con mèo nếu cậu cẩn thận. Để làm cho nó mệt hơn, cậu la hét cho nó chạy nhanh hơn; rồi cậu làm bộ ném và nó lại chạy. Nếu ai đó đã trì hoãn trò chơi như thế, người đó sẽ bị la ó, nhưng William là con của bá tước, vì thế họ kiên nhẫn chờ đợi. Con mèo đi chậm lại vì đau đớn. Nó đến bên cửa ra vào một cách hy vọng. William giơ cánh tay lên. Không ngờ con mèo lại dừng lại, dựa người vào bức tường bên cánh cửa. William bắt đầu ném. Trước khi viên đá rời khỏi tay cậu, cánh cửa bật mở, và một linh mục mặc áo đen đứng giữa cửa. William ném, nhưng con mèo nhảy lên giống như một mũi tên bật ra khỏi dây cung và hú lên đặc thẳng. Vị linh mục ở cửa hét lên kinh hãi và nắm chặt áo choàng của mình. Các thanh niên bật cười. Con mèo bắn vào chân linh mục, rồi rơi xuống chân ông và thoát ra khỏi cửa. Vị linh mục đứng chết lặng giống như một bà già hoảng sợ vì một con chuột, và những thanh niên cười rống lên.

William nhận ra vị linh mục. Đó là Giám mục Waleran.

Cậu cười to hơn nữa. Việc một linh mục nữ tính hoảng hốt vì một con mèo, cộng thêm ông ấy lại là kẻ thù của gia đình nên nó lại càng thú vị hơn.

Vị giám mục lấy lại bình tĩnh nhanh chóng. Mặt ông đỏ bừng, chỉ ngón tay vào William và nói bằng giọng chói tai: “Anh sẽ phải đau khổ đời đời trong tầng sâu nhất của hỏa ngục.”

Trong nháy mắt tiếng cười của William biến thành nỗi sợ hãi. Mẹ cậu đã gây cho cậu những cơn ác mộng. Khi cậu còn nhỏ, bà đã kể cho cậu về những gì quỷ làm cho những người trong hỏa ngục: đốt họ trong lửa, chọc mắt họ ra, cắt chỗ kín của đàn ông bằng dao sắc. Và từ đó cậu ghét nghe nói về chuyện đó. “Im đi!” cậu hét lên với giám mục. Cả phòng im lặng. William rút dao và đi về phía Waleran. “Ông đừng đến đây giảng đạo, con rắn độc ạ.” Waleran không sợ gì, nhưng ông có vẻ thích thú tìm kiếm điểm yếu của William; và điều đó làm William giận dữ hơn. “Tôi sẽ cho ông biết tay...”

Cậu đủ điên tiết để đâm lưỡi dao vào vị giám mục, nhưng cậu ngưng lại vì một giọng nói từ cầu thang phía sau cậu: “William, đủ rồi!”

Đó là bố cậu.

William dừng lại và một lúc sau cậu cho dao vào vỏ.

Waleran bước vào trong phòng. Một linh mục khác theo sau ông và đóng cửa lại: Dean Baldwin.

Ông bố nói: “Tôi ngạc nhiên khi gặp ông, thưa giám mục.”

“Bởi vì trong lần gặp sau cùng, ông đã tạo cho tu viện trưởng cơ hội phản bội đảng sau lưng tôi, phải không? Đúng, tôi nghĩ ông sẽ ngạc nhiên. Tôi không phải là người dễ tha thứ.” Ông đưa mắt lạnh nhìn William một lúc, rồi lại nhìn ông bố. “Nhưng tôi không mang mối hận khi nó thuận theo quyền lợi của tôi. Chúng ta cần nói chuyện với nhau.”

Ông bố gật đầu trầm tư. “Tốt hơn mời ông lên lầu. Cả con nữa, William.”

Giám mục Waleran và Dean Baldwin leo cầu thang lên nơi ở của bá tước, và William theo sau. Cậu thất vọng vì con mèo đã trốn thoát. Mặt khác cậu nhận ra rằng cậu đã may mắn thoát hiểm: nếu cậu đâm giám mục, có lẽ cậu sẽ bị treo cổ. Nhưng William ghét điệu bộ kiêu cách và sự tinh xảo của Waleran.

Họ đi vào phòng ngủ của ông bố, nơi William đã hãm hiếp Aliena. Mỗi lần vào đây cậu lại nhớ lại cảnh đó: thân thể trắng ngần của cô, sự sợ hãi trên nét mặt của cô, tiếng hét của cô, khuôn mặt nhăn nhó của em cô khi cậu bị bắt buộc phải chứng kiến cảnh tượng đó, và rồi – nước bài xuất sắc nhất của William - cậu đã để cho Walter hưởng thụ cô sau đó. Cậu ước muốn giữ cô ở đây như một tù nhân, vì thế cậu sẽ có cô bất cứ khi nào cậu cần.

Từ ngày đó cậu bị ám ảnh vì cô. Cậu đã cố gắng tìm cô. Một ông kiểm lâm bị bắt khi đang bán con ngựa chiến của William ở Shiring. Khi bị tra tấn ông thú nhận đã ăn cắp con ngựa của một cô gái mà theo lời mô tả của ông, cô ấy là Aliena. William đã nghe được từ nhà tù Winchester rằng cô đã thăm viếng bố cô trước khi ông ấy qua đời. Và bà bạn của cậu, Kate, chủ nhà điểm nơi cậu thường xuyên lui tới, kể với cậu rằng bà đã đề nghị cho cô một chỗ trong nhà bà. Nhưng sau cùng dấu vết cô đã mất.

“Đừng bận tâm về chuyện đó, chàng trai ạ.” Kate thông cảm nói. “Cậu muốn ngực lớn và tóc dài? Chúng tôi có cho cậu. Tại sao tối nay không lấy Betty và Millie cùng một lúc, để cậu có riêng cho cậu bốn bộ ngực to? “Nhưng Betty và Millie không còn ngây thơ, không sợ hãi đến chết và họ không làm vừa lòng cậu. Kể từ đêm với Aliena trong căn phòng bá tước này, cậu thực ra chưa hài lòng với bất kỳ một phụ nữ nào.

Cậu ngừng không còn nghĩ về cô nữa. Giám mục Waleran đang nói chuyện với mẹ. “Tôi đoán rằng bà biết tu viện Kingsbridge đã chiếm quyền sở hữu mỏ đá của bà?”

Họ chưa biết. William ngạc nhiên và bà mẹ tức giận. “Cái gì?” bà nói. “Bằng cách nào?”

Các lính canh đã đuổi được các thợ đá ra khỏi mỏ, nhưng ngày hôm sau khi họ thức giấc họ thấy mỏ đá tràn ngập các tu sĩ đang hát thánh ca, và họ sợ phải đụng vào những người của Thiên Chúa. Tu viện trưởng Philip đã thuê các thợ mỏ của bà và bây giờ họ làm việc chung với nhau trong một sự hài hòa trọn vẹn. Tôi ngạc nhiên tại sao các lính canh không trở lại báo cáo với bà.”

“Họ ở đâu, những kẻ hèn nhát?” Bà mẹ rít lên. Bà ta đỏ mặt. “Tôi sẽ gặp họ... Tôi sẽ cắt trứng của họ...”

“Tôi biết tại sao họ không trở lại,” Waleran nói.

“Đừng bận tâm đến người lính gác đó,” ông bố nói. “Họ chỉ là lính. Ông tu viện trưởng ranh mãnh kia mới là người chịu trách nhiệm. Tôi chẳng bao giờ tưởng tượng ông ấy lại có một mảnh khoe như thế. Ông ấy đánh lừa chúng ta. Đó là tất cả.”

“Chính xác,” Waleran nói. “Ông ấy có vẻ thánh thiện đơn sơ, nhưng ông ấy có xảo trá của con chuột nhà.”

William nghĩ Waleran cũng giống như vậy, cũng là một con chuột nhà màu đen có mõm nhọn và mái tóc đen bóng mượt, ngồi trong góc nhà với một mẫu bánh ở chân, đôi mắt cảnh giác lượn qua phòng khi nó gặm nhấm bữa ăn của nó. Tại sao ông ấy lại quan tâm đến mỏ đá? Ông cũng xảo quyệt như Tu viện trưởng Philip: cả ông ta nữa cũng có âm mưu gì đó.

Bà mẹ nói: “Chúng ta không thể để ông ấy lấy mất mỏ đá. Gia đình Hamleigh không để cho người khác coi là bị thất bại. Tu viện trưởng đó sẽ phải nhục nhã.”

Ông bố không chắc chắn như vậy. “Đó chỉ là mỏ đá,” ông nói. “Và nhà vua đã...”

“Nó không phải chỉ là mỏ đá, nó là danh dự của gia đình,” bà mẹ cắt ngang. “Không cần để ý đến nhà vua đã nói gì.”

William đồng ý với mẹ. Philip thành Kingsbridge đã thách thức Hamleigh, và ông ấy sẽ bị tiêu diệt. Nếu người ta không sợ bạn, bạn không là gì cả. Nhưng cậu không nhìn ra vấn đề. “Tại sao chúng ta không vào đó với mấy người nữa, rồi đuổi công nhân đá của tu viện đi?”

Ông bố lắc đầu. “Việc chúng ta khai thác mỏ đá cho chúng ta là hành động thụ động chống lại ý muốn của nhà vua; nhưng gửi người có vũ khí đến đánh đuổi công nhân, những người có phép của vua, lại là chuyện khác. Tôi có thể mất chức bá tước về việc đó.”

William miễn cưỡng chấp nhận quan điểm của ông. Ông bố thường thận trọng, nhưng ông thường có lý.

Giám mục Waleran nói: “Tôi có một đề nghị.” William đã cảm thấy chắc chắn ông có một ý định gì đó bí ẩn. “Tôi cho rằng nhà thờ chính tòa này không nên xây ở Kingsbridge.” William bối rối, và cũng như ông bố, không hiểu gì về đề nghị này. Nhưng đôi mắt bà mẹ mở to, bà ngưng nặn mụn trên mặt và trầm tư nói: “Đó là một ý kiến độc đáo.”

“Trước đây hầu hết các nhà thờ chính tòa ở trong làng mạc như Kingsbridge,” Waleran tiếp tục. “Nhiều ngôi đã được dời vào thành phố từ sáu mươi hay bảy mươi năm về trước, trong thời vua William thứ nhất. Kingsbridge là một làng nhỏ ở giữa vùng không tên tuổi. Nơi đây không có gì, ngoại trừ một tu viện đang xuống cấp, không đủ giàu có để duy trì một nhà thờ chính tòa, chưa nói gì đến việc xây dựng một nhà thờ mới.

Bà mẹ nói: “Và ông muốn xây nhà thờ ở đâu?”

“Shiring,” Waleran nói. “Đó là một thành phố lớn – dân số phải trên một ngàn – và nó có một ngôi chợ và hội chợ lông cừu hàng năm. Và nó nằm trên trục đường chính. Và nếu cả hai chúng ta – giám mục và bá tước cùng hiệp nhất - cùng vận động cho nó, chúng ta sẽ vượt qua.”

Ông bố nói: “Nếu nhà thờ chính tòa ở Shiring, các tu sĩ của tu viện Kingsbridge sẽ không thể trông nom nó.”

“Chính vì thế,” bà mẹ sốt ruột nói. “Không có nhà thờ chính tòa, Kingsbridge sẽ không còn là gì cả, tu viện sẽ chìm vào quên lãng, và Philip sẽ lại là số không, đó là cái mà ông ấy đáng hưởng.

“Vậy thì ai sẽ chăm sóc nhà thờ chính tòa mới?” Ông bố cứng đầu hỏi.

“Một ủy ban của nhà thờ chính tòa,” Waleran nói, “do tôi chỉ định.”

William đã không hiểu như bố của cậu, nhưng bây giờ ông bắt đầu hiểu sự tính toán của Waleran: khi di chuyển nhà thờ chính tòa về Shiring, Waleran sẽ kiểm soát về nhân sự của nhà thờ.

“Thế còn về vấn đề tài chánh?” ông bố hỏi. “Ai sẽ trả chi phí cho việc xây nhà thờ chính tòa mới, nếu không phải là tu viện Kingsbridge?”

“Tôi nghĩ hầu hết tài sản của tu viện được chuyên dụng cho nhà thờ chính tòa,” Waleran nói. “Nếu nhà thờ chính tòa chuyển đi, tài sản cũng chuyển theo. Thí dụ như khi vua Stephen chia lãnh địa cũ của Shiring, ông trao trang trại đồi cho tu viện Kingsbridge, như chúng ta đều quá biết;

nhưng nhà vua làm điều đó là để giúp tài trợ cho việc xây dựng nhà thờ chính tòa mới. Nếu chúng ta cho ông biết người nào khác sẽ xây nhà thờ chính tòa mới, ông ấy sẽ mong rằng tu viện sẽ trao đất này lại cho người xây dựng mới. Dĩ nhiên các tu sĩ sẽ chống lại; nhưng vấn đề sẽ được giải quyết khi xem xét lại các quy định.”

Mọi chuyện trở nên rõ ràng hơn đối với William. Qua mưu kế này Waleran không những có được quyền kiểm soát trên nhà thờ chính tòa, mà ông còn nhúng tay vào hầu hết tài sản của tu viện.

Ông bố cũng nghĩ như vậy. “Nó là một kế hoạch lớn cho ông, thừa ngài giám mục, nhưng tôi được gì trong đó?”

Bà mẹ trả lời ông. “Ông không thấy gì sao?” bà nói. “Shiring là của ông. Hãy nghĩ xem bao nhiêu sự thịnh vượng sẽ theo nhà thờ chính tòa đến Shiring. Hàng trăm thợ thủ công và người lao động sẽ xây dựng nhà thờ trong nhiều năm: họ sẽ phải trả tiền thuê nhà cho ông, cũng như mua đồ ăn và quần áo ở chợ. Chưa kể tới nhân viên của nhà thờ chính tòa và những tín hữu đi dự lễ, thay vì đến Kingsbridge họ sẽ đến Shiring vào dịp lễ Phục sinh và lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, và những khách hành hương đến kính viếng di tích thánh... Tất cả họ đều tiêu tiền.” Đôi mắt bà sáng lên vì tham vọng. Đã từ lâu William không nhìn thấy bà háo hức như thế. “Nếu chúng ta xử lý đúng, chúng ta có thể biến Shiring thành một trong những thành phố quan trọng nhất vương quốc.”

Và nó sẽ là của tôi, William nghĩ. Khi ông bố qua đời tôi sẽ là bá tước.

“Được rồi,” ông bố nói. “Nó sẽ làm suy sụp Philip. Nó sẽ đem lại cho ông quyền lực, thừa ngài giám mục, và nó sẽ làm tôi giàu có. Làm sao chúng ta có thể thực hiện nó?”

“Quyết định dời địa điểm nhà thờ chính tòa một cách lý thuyết thuộc quyền Tổng giám mục ở Canterbury.”

Bà mẹ sắc sảo nhìn ông. “Tại sao lại là ‘một cách lý thuyết’?”

“Bởi vì hiện nay không có Tổng giám mục ở đó. William thành Corbeil đã chết vào lễ Chúa giáng sinh và vua Stephen chưa chỉ định người nối nghiệp. Tuy nhiên chúng ta biết ai muốn chức vụ đó: người bạn cũ của

chúng ta Henry thành Winchester. Ông ấy muốn chức vụ đó; giáo hoàng đã cho ông ta tạm quyền cai quản; và anh ông ấy là vua.”

“Ông thân với ông ấy như thế nào?” ông bố nói. “Ông ấy đã không giúp được ông nhiều, khi ông muốn lãnh địa này.”

Waleran nhún vai. “Ông ấy sẽ giúp tôi nếu ông ấy có thể. Chúng ta phải trình bày dự định của chúng ta một cách thuyết phục.”

Bà mẹ nói: “Ngay lúc này ông ấy sẽ không muốn biến những người có quyền lực thành kẻ thù, nếu ông ấy muốn làm tổng giám mục.”

“Chính xác. Nhưng Philip không đủ mạnh trong vấn đề này. Ông ta sẽ không được hỏi ý kiến trong việc chọn tổng giám mục.”

“Vậy tại sao Henry không cho chúng ta những gì chúng ta muốn?” William hỏi.

“Bởi vì ông ấy chưa phải là tổng giám mục, chưa phải; và ông ấy biết người ta quan sát xem ông cư xử như thế nào trong thời gian tạm quyền. Ông muốn tỏ ra có những quyết định đúng đắn, chứ không phải ban ân huệ cho bạn bè. Sau cuộc bầu cử còn nhiều cơ hội cho việc đó.”

Bà mẹ suy tư nói: “Vì thế cách tốt nhất để nói với ông ấy là xin ông ấy thông cảm lắng nghe sự việc của chúng ta. Nhưng sự việc của chúng ta là gì?”

“Đó là Philip không thể xây nhà thờ chính tòa, và chúng ta có thể.”

“Và chúng ta thuyết phục ông ấy về điều đó bằng cách nào?”

“Thời gian gần đây bà có đến Kingsbridge không?”

“Không.”

“Tôi ở đó vào lễ Phục sinh.” Waleran mỉm cười. “Họ chưa bắt đầu xây dựng. Tất cả những gì họ đã làm là dọn được mặt bằng, đóng được vài cái cọc và chằng vài sợi dây đánh dấu nơi họ hy vọng sẽ xây. Họ đã bắt đầu đào chân móng, nhưng chỉ sâu vài feet. Có một thợ xây làm việc ở đó với mấy người học việc, cùng với thợ mộc của tu viện, một đôi khi có một hay hai tu sĩ giúp. Đó là một cảnh tượng chán nản, nhất là khi trời mưa. Tôi muốn giám mục Henry nhìn cảnh tượng đó.”

Bà mẹ gật đầu. “Trước hết chúng ta sẽ cắt nghĩa cho ông ấy biết Kingsbridge là một nơi bé nhỏ và không quan trọng, và tu viện nghèo như

thế nào; sau đó chúng ta sẽ chỉ cho ông ấy nơi mà họ đã cần cả một năm trời để đào được vài hố cạn; rồi chúng ta sẽ đưa ông ấy đến Shiring và chỉ cho ông ấy thấy chúng ta sẽ xây nhà thờ nhanh như thế nào ở đó, với sự trợ lực của giám mục, bá tước và cư dân trong thành phố, tất cả dồn sức lực cho dự án.”

“Liệu Henry có đến không?” bà mẹ lo lắng hỏi.

“Tất cả những gì chúng ta có thể làm là hỏi,” Waleran đáp lại. “Tôi sẽ mời ông ấy vào lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống trong tư cách là tổng giám mục. Qua đó chúng ta tôn ông lên, ngụ ý là chúng ta đã coi ông là tổng giám mục.”

Ông bố nói: “Chúng ta phải giữ bí mật này không cho Tu viện trưởng Philip biết.”

“Tôi nghĩ không thể làm điều đó được,” Waleran nói. “Một giám mục không thể thăm viếng Kingsbridge một cách bất ngờ - nó rất kỳ quặc.”

“Nhưng nếu Philip biết trước rằng Giám mục Henry đến, ông ấy có thể nỗ lực thúc đẩy chương trình xây dựng.”

“Bằng cách nào? Ông ấy không có tiền, nhất là bây giờ ông ấy đã thuê tất cả các thợ đá của ông. Thợ đá không thể xây tường.” Waleran lắc đầu từ bên này sang bên kia với một nụ cười hài lòng. “Trong thực tế, ông ấy không thể làm gì ngoại trừ hy vọng mặt trời chiếu sáng trong ngày lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống.”

Thoạt tiên Philip vui mừng vì giám mục của Winchester sẽ đến Kingsbridge. Nó sẽ là một thánh lễ ngoài trời, dĩ nhiên, nhưng cũng tốt thôi. Thánh lễ sẽ được cử hành nơi nền nhà thờ cũ. Trong trường hợp trời mưa, thợ mộc của nhà thờ sẽ làm một lều tạm thời trên bàn thờ và khu xung quanh bàn thờ để giữ cho giám mục được khô ráo. Cuộc thăm viếng của Giám mục Henry dường như muốn nói lên rằng một phần nào ông vẫn coi Kingsbridge là một nhà thờ chính tòa, và hoàn cảnh hiện tại của nhà thờ chỉ là vấn đề tạm thời.

Tuy nhiên, Philip thắc mắc về động cơ thăm viếng của Henry. Lý do thăm viếng tu viện của giám mục thường là vì đồ ăn, nước uống và chỗ ở miễn phí cho ông và đoàn tùy tùng; nhưng Kingsbridge nổi tiếng, nói đúng

hơn mang tiếng, về đồ ăn dở và chỗ ăn ở tồi tàn, và sự cải cách của Philip chỉ nâng tiêu chuẩn từ khủng khiếp lên đến có thể chấp nhận được. Henry hầu như là giáo sĩ giàu nhất trong vương quốc, vì thế chắc chắn ông ấy đến Kingsbridge không phải vì đồ ăn và thức uống. Nhưng Philip biết ông là người không làm chuyện gì mà không có lý do.

Càng nghĩ về nó, ông càng nghi ngờ giám mục Waleran có mục đích gì trong việc này. Ông đã chờ đợi sau khi lá thư đến một hoặc hai ngày, giám mục Waleran sẽ đến Kingsbridge, thảo luận về nghi thức thánh lễ và sự tiếp đón Henry để tạo cho ông sự thoải mái và ấn tượng về Kingsbridge; và khi thời gian trôi qua mà Waleran vẫn không đến, Philip vô cùng lo ngại.

Tuy nhiên, ngay cả trong những khoảnh khắc nghi ngờ nhất ông cũng không nghĩ đến sự phản bội, cho đến khi sự việc được lộ ra mười ngày trước lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, qua một lá thư của tu viện trưởng ở nhà thờ chính tòa Canterbury. Giống như Kingsbridge, nhà thờ chính tòa của Canterbury cũng do các tu sĩ dòng Biển Đức coi sóc, và các tu sĩ luôn giúp đỡ lẫn nhau khi có thể. Tu viện trưởng của Canterbury, người làm việc chặt chẽ với tổng giám mục, biết rằng Waleran mời Henry đến Kingsbridge để thuyết phục ông di chuyển tòa giám mục và nhà thờ chính tòa đến Shiring.

Philip bị sốc. Tim ông đập mạnh và tay ông cầm lá thư run lẩy bẩy. Nó là một nước cờ cực kỳ khôn ngoan mà Philip không thể dự đoán và không thể tưởng tượng được.

Lỗi lầm là ông không biết nhìn xa, mặc dù ông đã biết Waleran là người nguy hiểm. Trước đây một năm, giám mục đã muốn qua mặt ông trong việc chia lãnh địa Shiring. Và ông sẽ chẳng quên được Waleran đã giận dữ như thế nào khi Philip lừa ông. Ông có thể hình dung khuôn mặt đầy giận dữ, khi ông nói: Tôi thề trước các Thánh, ông sẽ chẳng bao giờ xây được nhà thờ của ông. Nhưng thời gian trôi qua đã làm lu mờ lời thề của ông ấy, và Philip đã quên cảnh giác. Bây giờ đây là một lời nhắc nhở rằng Waleran có một trí nhớ lâu dài.

“Giám mục Waleran nói anh không có tiền, và trong mười lăm tháng vừa qua anh đã không xây dựng được gì,” tu viện trưởng của Canterbury đã

viết. “Ông ấy nói rằng Giám mục Henry phải tận mắt nhìn thấy rằng nhà thờ chính tòa sẽ chẳng bao giờ xây được nếu giao cho tu viện Kingsbridge. Ông lập luận rằng bây giờ là lúc phải quyết định di chuyển, trước khi công việc được xúc tiến.”

Waleran đã phóng đại mọi chuyện. Trong thực tế, Philip đã làm được nhiều điều lớn lao. Ông đã dọn sạch đồng đồ nát, phê chuẩn kế hoạch, đặt kích thước cho gian phía đông, bắt đầu đào chân móng, chặt cây và và khai thác mỏ đá. Nhưng ông không có gì nhiều để chỉ cho quan khách. Và ông đã vượt qua nhiều trở ngại kinh khủng để đạt được điều này – cải tổ tài chính, nhận được một số lớn đất của nhà vua, và đánh bại Bá tước Percy trong việc tranh dành hầm mỏ. Đó thật là bất công.

Cầm lá thư từ Canterbury trên tay, ông đi tới cửa sổ và nhìn qua công trường xây dựng. Mưa mùa xuân đã biến nó thành một biển bùn lầy. Hai tu sĩ trẻ với mũ chụp trên đầu đang kéo gỗ từ bờ sông về. Thợ xây Tom đã thực hiện một thiết bị với ròng rọc và dây thừng để kéo thùng đất từ dưới lỗ chân móng lên, và ông đang quay bánh răng cửa trong khi con ông Alfred ở dưới hố, múc đầy bùn đất vào thùng. Trông như thể họ có thể làm việc với tốc độ này mãi mãi mà không có sự khác biệt nào. Mỗi người, ngoại trừ các chuyên gia, khi nhìn cảnh tượng này đều có thể kết luận rằng cho đến ngày phán xét sau cùng cũng không có nhà thờ nào được xây lên ở đây.

Philip rời cửa sổ và quay về bàn làm việc. Phải làm gì bây giờ? Trong khoảnh khắc ông bị cám dỗ không làm gì cả. Hãy để Giám mục Henry đến nhìn, rồi tự quyết định, ông nghĩ. Nếu nhà thờ chính tòa được xây ở Shiring, hãy cứ để xây ở đó. Hãy để Giám mục Waleran kiểm soát nó và dùng nó cho mục đích riêng của ông; hãy mang sự thịnh vượng cho thành phố Shiring và triều đại Hamleigh xấu xa. Hãy để ý Chúa được thể hiện.

Dĩ nhiên ông biết điều đó không được phép. Tin vào Thiên Chúa không có nghĩa là ngồi đó và không làm gì. Tin vào Thiên Chúa nghĩa là bạn phải làm nó với hết sức bạn một cách trung thực và hăng say. Nhiệm vụ thiêng liêng của Philip là làm tất cả những gì có thể để ngăn chặn nhà thờ chính tòa rơi vào tay những người thiếu đức tin, vô đạo đức, những người muốn dùng nó cho lợi ích riêng tư. Điều đó có nghĩa là làm cho Giám mục Henry

thấy rằng kế hoạch xây dựng đang được thực hiện tốt và Kingsbridge có năng lực và quyết tâm hoàn thành nó.

Có đúng như vậy không? Thực sự Philip thấy việc xây dựng nhà thờ chính tòa ở đây thật khó khăn. Khi bá tước từ chối không cho ông khai thác mỏ đá, ông tưởng đã phải bỏ dự án. Nhưng ông biết sau cùng ông sẽ thành công, vì Thiên Chúa giúp ông. Tuy nhiên niềm tin riêng của ông không đủ thuyết phục Giám mục Henry.

Ông quyết định sẽ làm hết sức để công trường xây dựng gây nên ấn tượng hơn. Ông sẽ cho tất cả các tu sĩ làm việc liên tiếp mười ngày liền cho đến lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống. Có thể họ sẽ đào chân móng tới độ xây đầy đủ của nó để Tom và Alfred có thể đặt những viên đá nền tảng.

Có lẽ một phần móng phải cao bằng mặt đất để Tom có thể xây một bức tường. Điều đó sẽ tốt hơn là cảnh tượng hiện nay, mặc dù nó không nhiều. Những gì Philip thực sự cần là một trăm nhân công, nhưng ngay cả ông không có tiền để thuê mười người.

Giám mục Henry sẽ đến vào ngày chủ nhật, dĩ nhiên, vì thế không ai làm việc, trừ khi ông kêu gọi mọi người đến giúp. Ông tưởng tượng ông đứng trước mặt họ và loan báo một hình thức phụng vụ lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống mới: thay vì hát thánh ca và cầu nguyện, chúng ta sẽ đào hố và khênh đá. Họ sẽ ngạc nhiên. Họ sẽ...

Thực sự họ sẽ làm gì?

Có lẽ họ sẽ hết lòng hợp tác.

Ông cau mày. Một là tôi điên, ông nghĩ, hai là ý tưởng này sẽ thành công.

Ông nghĩ thêm về nó. Tôi sẽ đứng lên vào cuối thánh lễ và nói rằng việc đền tội hôm nay để được tha thứ tội lỗi là một nửa ngày lao động trên công trường xây dựng nhà thờ chính tòa. Bánh mì và bia sẽ được cung cấp cho bữa ăn trưa.

Họ sẽ làm theo. Dĩ nhiên họ sẽ làm.

Ông muốn bàn với ai đó về ý tưởng này. Ông nghĩ đến Milius, nhưng lại bỏ ngay vì cách suy nghĩ của Milius quá giống ông. Ông cần một người có cái nhìn khác ông. Ông quyết định nói chuyện với Cuthbert Whitehead,

người quản lý. Ông mặc áo khoác, đội mũ lưỡi trai để tránh mưa rơi vào mặt và đi ra.

Ông vội vã đi qua công trường xây dựng đầy bùn lầy, vẫy tay chiếu lệ khi đi qua Tom và vào sân nhà bếp. Khu vực này bây giờ có chuồng gà, một chuồng bò và một xưởng sản xuất bơ sữa, vì Philip không muốn tốn kém cho các mặt hàng đơn giản mà các tu sĩ có thể tự cung cấp được, giả sử như trứng và bơ.

Ông bước vào nhà kho của người quản lý trong hầm dưới nhà bếp. Ông ngửi thấy mùi không khí khô, thơm tho, mùi của các thảo mộc và gia vị mà Cuthbert đã lưu trữ. Cuthbert đang đếm hành và tỏi được xâu trong dây, miệng ông lẩm bẩm những con số. Philip giật mình vì ông đã già: ông chỉ còn da bọc xương.

“Ba mươi bảy,” Cuthbert nói to. “Anh có muốn một ly rượu không?”

“Không, cảm ơn.” Philip thấy uống rượu vào ban ngày làm ông lười biếng và nóng nẩy. Không nghi ngờ gì tại sao thánh Biển Đức khuyên các tu sĩ nên uống điều độ. “Tôi cần lời khuyên của anh, không phải đồ ăn. Hãy ngồi xuống đây.”

Cuthbert len lỏi qua các hộp và thùng, rồi sắp ngã vì vấp phải một bao tải trước khi ngồi xuống chiếc ghế ba chân trước mặt Philip. Nhà kho không còn gọn gàng như xưa, Philip nhận thấy. Một tư tưởng làm ông đau lòng. “Có phải anh đang gặp khó khăn về đôi mắt không, Cuthbert?”

“Nó không còn tốt như xưa, nhưng nó vẫn còn tốt,” Cuthbert nói ngắn gọn.

Đôi mắt của ông đã kém từ nhiều năm nay – đó là lý do tại sao ông chẳng học đọc được. Tuy nhiên, ông nhạy cảm về việc đó nên Philip không nói nữa, nhưng ghi nhớ để chuẩn bị tìm một người quản lý thay thế. “Tôi nhận được một lá thư làm tôi bối rối của tu viện trưởng ở Canterbury,” ông nói và kể cho Cuthbert về kế hoạch của Giám mục Waleran. Để kết luận ông nói: “Cách duy nhất để làm cho công trường giống như tổ ong đang làm việc là kêu gọi cộng đoàn làm việc trên đó. Anh có lý do nào chống lại việc đó không?”

Cuthbert không cần nghĩ, ông nói ngay lập tức: “Ngược lại, đó là một sáng kiến tốt.”

“Nó có vẻ bất thường, phải không?” Philip hỏi.

“Nó không phải là lần đầu.”

“Thật không?” Philip ngạc nhiên và hài lòng. “Ở đâu?”

“Tôi đã nghe nói ở nhiều nơi.”

Philip hào hứng. “Nó có thành công không?”

“Một đôi khi. Có lẽ nó tùy thuộc vào thời tiết.”

“Làm sao thực hiện nó? Vị linh mục loan báo sau thánh lễ, hay làm sao?”

“Nó cần phải được tổ chức cẩn thận hơn. Giám mục hay tu viện trưởng gửi các sứ giả đến loan báo ở các nhà thờ giáo xứ rằng tội lỗi sẽ được tha nếu làm việc trong công trường xây dựng của nhà thờ.”

“Đó là một sáng kiến tốt,” Philip nói nhiệt tình. “Chúng ta sẽ có một cộng đoàn lớn hơn bình thường, vì sự mới lạ sẽ thu hút thêm nhiều người.”

“Hay một cộng đoàn nhỏ hơn,” Cuthbert nói. “Một số người thà đưa tiền cho các linh mục, hay đốt một ngọn nến cho các Thánh hơn là làm việc cả ngày trong bùn lầy và vác đá nặng.”

“Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều đó,” Philip nói, bất ngờ mất hết hứng thú.

Có lẽ đó không phải hoàn toàn là một sáng kiến tốt.”

“Anh còn sáng kiến nào nữa?”

“Không. Tôi không còn.”

“Vậy hãy thử nó, và hy vọng điều tốt nhất sẽ đến, phải không?”

“Vâng,” Philip nói. “Hy vọng điều tốt nhất.”

III

Cả đêm trước lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống Philip không ngủ được.

Mặt trời chiếu sáng cả tuần qua, giúp cho kế hoạch của ông thêm hoàn hảo, vì sẽ có nhiều người tình nguyện khi thời tiết đẹp. Nhưng một cụm mây xuất hiện vào ngày thứ bảy và trời bắt đầu đổ mưa. Tu viện trưởng nằm thao thức, chán chường nghe những giọt mưa rơi trên mái nhà và tiếng gió thổi qua những hàng cây. Ông thấy mình đã cầu nguyện đủ. Chắc hẳn Chúa biết hoàn cảnh bây giờ.

Vào chủ nhật tuần trước, các tu sĩ trong tu viện đã đến một hay nhiều nhà thờ, loan báo cho các cộng đoàn là họ có thể làm việc trong công trường xây dựng của nhà thờ chính tòa vào các ngày chủ nhật để được tha thứ tội lỗi. Vào chủ nhật lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống họ sẽ được tha các tội trong năm trước, và sau đó mỗi ngày làm việc được tha các tội thường phạm cho một tuần, trừ những tội như giết người và tội phạm thánh. Philip tự mình đã đến Shiring và đã nói trong bốn nhà thờ lớn ở đó. Ông cũng gửi hai tu sĩ tới Winchester để thăm nhiều nhà thờ nhỏ trong thành phố bao nhiêu có thể. Winchester cách đó hai ngày đường, nhưng lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống là một kỳ nghỉ kéo dài sáu ngày, và người ta sẵn sàng làm cuộc hành trình dài như thế cho các buổi chợ hàng năm hoặc cho các thánh lễ đặc biệt. Tổng cộng lại đã có hàng ngàn người nghe thông điệp này. Nhưng không thể nói bao nhiêu người sẽ đáp lại lời mời gọi này.

Thời gian còn lại các tu sĩ đã làm việc trên công trường. Thời tiết tốt và ngày dài trong mùa hè đã giúp họ đạt được hầu hết những gì Philip hy vọng. Nền móng cho bức tường phía đông của gian cung thánh đã xong. Một vài chân móng cho bức tường phía bắc đã được đào sâu đầy đủ, sẵn sàng cho việc đặt các viên đá móng; và Tom đã chuẩn bị đủ các thiết bị nâng để một số đông người có thể đào các chân móng còn lại. Ngoài ra bờ sông chất đầy gỗ và đá được chuyên chở qua đường sông, tất cả những thứ đó cần được mang đến công trường. Có đủ việc cho hàng trăm người.

Nhưng có ai đến không?

Giữa đêm Philip thức dậy và đi qua mưa tới nhà thờ hăm cho giờ kinh đêm. Khi ông trở về, trời đã tạnh. Ông không trở lại giường, nhưng ngồi đọc sách. Vào những ngày này, ông chỉ còn khoảng thời gian từ giữa đêm

đến bình minh để nghiên cứu và chiêm niệm, thời gian còn lại trong ngày ông luôn bận rộn với công việc của tu viện.

Đêm nay, tuy nhiên, ông không thể tập trung được và tâm trí ông luan quần về ngày mai, về cơ hội thành công hay thất bại. Ngày mai có thể ông sẽ mất tất cả những gì ông đã cố gắng từ hơn một năm qua hoặc hơn nữa. Ông nghĩ có thể ông đã muốn thành công không phải vì mục đích tinh rỗng của nó. Niềm kiêu hãnh của ông có đóng một vai trò nào không? Kiêu hãnh là tội mà ông dễ bị công kích nhất. Rồi ông nghĩ về những người nương tựa vào ông, cần sự nâng đỡ, bảo vệ và công ăn việc làm: các tu sĩ, nhân viên tu viện, thợ đá, Tom và Alfred, dân làng Kingsbridge và những người tham dự phụng vụ của toàn vùng. Giám mục Waleran không lo cho họ theo đường hướng của Philip. Dường như Waleran nghĩ rằng ông được trao quyền dùng người để phục vụ Thiên Chúa bằng bất cứ cách nào theo ý ông. Đối với Philip, lo lắng cho con người là phục vụ Thiên Chúa. Đó là ý nghĩa của cứu chuộc. Không, ý muốn của Thiên Chúa không thể để cho Waleran thắng trong việc này. Có lẽ sự hãnh diện của tôi đóng một phần trong cuộc đua này, một ít, Philip tự thú nhận; nhưng nó cũng liên quan đến linh hồn của những người khác nữa.

Sau cùng bình minh cũng đến, và một lần nữa ông lại đi bộ qua nhà nguyện cho giờ kinh sáng. Các tu sĩ bồn chồn và hồi hộp: Họ biết ngày hôm nay sẽ quyết định tương lai họ. Người phụ trách phụng vụ sướng kinh vội vàng, và lần đầu tiên Philip tha thứ cho ông.

Khi họ rời nhà nguyện và tiến về nhà ăn cho bữa sáng, trời đầy ánh sáng và bầu trời xanh. Ít nhất Chúa đã cho họ thời tiết tốt như họ cầu nguyện. Đó là một bắt đầu tốt đẹp.

Thợ xây Tom biết tương lai của ông tùy thuộc vào ngày hôm nay.

Philip đã cho ông xem lá thư của tu viện trưởng ở Canterbury. Tom chắc chắn rằng nếu nhà thờ chính tòa được xây ở Shiring, Waleran sẽ thuê thợ xây dựng tổng thể chính của ông. Ông ấy sẽ không muốn dùng kiểu mẫu mà Philip đã phê duyệt, hay ít nhất ông ấy sẽ không mạo hiểm dùng người trung thành với Philip. Đối với Tom, một là nhà thờ xây ở Kingsbridge hai

là không. Đây là cơ hội duy nhất ông có để xây dựng nhà thờ chính tòa, và hôm nay sẽ là ngày thử thách.

Ông được mời tham dự cuộc họp của các tu sĩ sáng nay. Điều này hiếm khi xảy ra. Thông thường ông chỉ được mời tham dự khi buổi họp liên quan đến vấn đề xây dựng, hoặc cần ý kiến chuyên môn của ông, hay những thắc mắc về kiểu mẫu, giá cả hoặc thời gian xây dựng. Hôm nay ông sẽ điều hành công việc cho những người tình nguyện, nếu có ai đến. Ông muốn biến công trường xây dựng thành một tổ ong bận rộn, với những hoạt động hiệu quả khi Giám mục Henry đến.

Ông kiên nhẫn ngồi nghe đọc và cầu nguyện, mặc dù ông không hiểu chữ Latin nào. Ông nghĩ về kế hoạch trong ngày, rồi Philip chuyển sang tiếng Anh và yêu cầu Tom trình bày sơ qua dự án tổ chức cho ngày hôm nay.

“Tôi sẽ xây bức tường phía đông và Alfred đặt đá trong nền móng,” Tom bắt đầu. “Mục đích cho cả hai việc này là tỏ cho Giám mục Henry thấy công việc đã tiến hành đến đâu.”

“Hai ông cần bao nhiêu người giúp việc?” Philip hỏi.

“Alfred cần hai người lao công mang đá đến cho cậu ấy. Cậu ta cũng cần vật liệu cũ từ đồng đồ nát. Cậu ấy cũng cần người trộn vữa. Tôi cũng cần một người trộn vữa và hai người lao công. Alfred có thể dùng những viên đá gồ ghề, miễn là phía trên và phía dưới bằng phẳng; nhưng những viên đá của tôi phải cắt đẹp, bởi vì chúng nằm trên mặt đất và sau này có thể nhìn thấy được, vì thế tôi đem hai thợ cắt từ mỏ về để giúp tôi.”

Philip nói: “Tất cả những điều đó rất cần thiết để gây ấn tượng cho Giám mục Henry, nhưng hầu hết những người tình nguyện sẽ đào móng.”

“Đúng vậy. Nền móng của gian cung thánh đã được đóng dấu, và hầu hết chúng mới chỉ sâu vài feet. Các tu sĩ sẽ điều khiển các thiết bị nâng – tôi đã hướng dẫn một số người cách sử dụng nó – và các người tình nguyện sẽ đổ đất vào thùng.”

Remigius nói: “Chúng ta sẽ làm gì nếu chúng ta có nhiều thiện nguyện viên hơn chúng ta cần?”

“Chúng ta có đủ công việc cho bất cứ số lượng người nào,” Tom nói. “Nếu chúng ta không đủ máy nâng, người ta có thể khênh đất từ dưới lỗ bằng xô hoặc bằng rổ. Thợ mộc sẽ luôn túc trực để trong trường hợp cần có thể làm thêm thang – chúng ta đã có gỗ.”

“Nhưng số người ở dưới hố chỉ có giới hạn,” Remigius ưỡn ngực nói.

Tom có cảm xúc rằng Remigius chỉ muốn chống lại. “Nó có đủ chỗ cho hàng trăm người,” ông cứng rắn nói. “Nó là một hố to.”

Philip nói: “Bên cạnh việc đào chân móng còn có nhiều việc để làm.”

“Thực vậy,” Tom nói. “Công việc chính khác là mang gỗ và đá từ bờ sông lên. Các tu sĩ phải để ý xếp chúng đúng chỗ trên công trường. Các viên đá được xếp bên cạnh các nền móng, nhưng bên ngoài nhà thờ, nếu không chúng sẽ cản lối đi. Thợ mộc sẽ chỉ cho chúng ta biết xếp gỗ ở đâu.”

Philip hỏi: “Có phải tất cả những người thiện nguyện là những người không có tay nghề không?”

“Không nhất thiết. Nếu có một số thiện nguyện viên từ thành phố, tôi hy vọng trong số họ sẽ có một số thợ thủ công. Thợ mộc có thể làm nhà kho cho mùa đông. Bất cứ thợ xây nào cũng có thể cắt đá và đặt nền móng. Nếu có thợ rèn, chúng ta sẽ nhờ họ làm công cụ trong các lò rèn ở trong làng.”

Milius lên tiếng: “Mọi chuyện đã rõ ràng. Chúng ta nên bắt đầu ngay. Một số dân làng đã đến và đang chờ lệnh phải làm gì.”

Còn một điều quan trọng mà Tom cần nói với họ, một điều quan trọng nhưng nhậy cảm, và ông cố gắng tìm cho đúng chữ. Các tu sĩ có thể tự phụ và có thể làm cho các tình nguyện viên chán nản. Tom muốn công việc ngày hôm nay trôi chảy một cách thoải mái và vui vẻ. “Trước đây tôi đã làm việc nhiều với các tình nguyện viên,” ông bắt đầu. “Quan trọng là... là đừng coi họ như người phục vụ. Họ phải cảm thấy rằng họ làm việc vì phần thưởng trên trời, và qua đó họ sẽ làm việc hăng say hơn là họ làm vì tiền; nhưng họ không cần thiết phải có cùng quan điểm này. Họ cảm thấy họ làm không công, và qua đó làm một điều tốt cho chúng ta; và nếu chúng ta tỏ ra vô ơn họ sẽ lười biếng và gây ra lỗi lầm. Sự nhẹ nhàng là cách tốt nhất để điều hành họ.”

Tom bắt gặp ánh mắt Philip và nhìn thấy tu viện trưởng cố dấu nụ cười, như thể ông biết mỗi nghi ngại ở trong những lời mật ngọt của Tom. “Một điểm cần thiết,” Philip nói. “Nếu chúng ta đối xử tốt với họ, những người này sẽ cảm thấy vui vẻ, thoải mái, và họ sẽ tạo nên một bầu khí tốt gây ấn tượng lạc quan cho Giám mục Henry.” Ông nhìn quanh các tu sĩ. “Nếu không còn câu hỏi nào, chúng ta hãy bắt đầu.”

Aliena đã có một năm thành công và không phải lo lắng nhiều dưới đôi cánh che chở của Tu viện trưởng Philip.

Các dự định của cô tiến triển tốt. Cô và Richard đã rảo quanh khắp vùng quê, mua lông cừu từ các nông dân trong cả mùa xuân và mùa hè vừa qua, rồi bán cho Philip khi chúng gom đủ một bao tải. Vào cuối mùa chúng đã gom được năm bảng Anh.

Ông bố đã qua đời chỉ vài ngày sau khi chúng thăm ông, mặc dù vậy mãi đến sau Giáng sinh Aliena mới biết tin. Sau khi mất nhiều tiền hối lộ, cô mới tìm ra được mộ ông trong một nghĩa trang nghèo ở Winchester. Cô khóc to, không phải cho ông mà cho quãng đời đã sống chung, một quãng đời được bảo đảm và không phải lo lắng, một quãng đời sẽ chẳng bao giờ trở lại. Một cách nào đó cô đã vĩnh biệt ông trước khi ông chết: Khi cô rời nhà tù cô đã biết cô sẽ chẳng bao giờ gặp lại ông nữa. Một cách khác ông vẫn sống bên cô, bởi vì cô đã gắn liền với lời thề mà ông muốn cô tuyên hệ, và cô quyết định dùng cuộc đời còn lại để hoàn thành điều ông ước nguyện.

Trong mùa đông cô và Richard sống trong một căn nhà nhỏ dựa vào tường tu viện Kingsbridge. Họ đã chế ra một chiếc xe, mua những bánh xe từ tu viện, và vào mùa xuân họ mua một con ngựa nhỏ kéo xe. Mùa cắt lông đã bắt đầu và chúng đã kiếm được nhiều hơn số tiền chúng đã mua con ngựa và chiếc xe. Năm tới có lẽ cô sẽ thuê một người giúp cô, và tìm cho Richard một công việc như là tiểu đồng trong một gia đình quý tộc nhỏ để cậu có thể bắt đầu việc huấn luyện của một hiệp sĩ.

Nhưng nó còn tùy thuộc vào Tu viện trưởng Philip.

Là một cô gái mười tám tuổi, cô vẫn còn là món mồi ngon của các tên cướp đường và các thương gia. Cô đã thử bán bao len cho các thương gia ở Shiring và Gloucester để xem chuyện gì sẽ xảy ra, và cả hai lần người ta

đều muốn trả cho cô nửa giá. Không phải chỉ có một thương gia mà còn có nhiều người nữa muốn lừa gạt cô, vì thế cô biết cô không còn chọn lựa nào khác. Một lúc nào đó, cô muốn có một nhà kho và bán trực tiếp cho thương gia người Bỉ; nhưng còn một thời gian dài nữa ngày đó mới đến. Hiện tại cô đang tùy thuộc vào Philip.

Và hoàn cảnh của Philip bất ngờ trở thành bấp bênh.

Cô luôn luôn đề phòng những nguy hiểm về những người sống bên ngoài pháp luật và trộm cướp, nhưng nó là một cú sốc lớn cho cô khi tất cả mọi thứ đang diễn ra suôn sẻ, bất ngờ toàn bộ đời sống của cô bị đe dọa.

Richard không muốn làm việc trên công trường xây dựng nhà thờ chính tòa vào ngày lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống – cậu là gì, nếu không phải là vô ơn – nhưng Aliena đã bắt cậu phải đồng ý, và cả hai đã đi vài dặm đến sân tu viện chẳng bao lâu khi mặt trời lên. Hầu như toàn bộ dân làng đã ra đường: ba mươi hay bốn mươi đàn ông, một vài người còn đem theo vợ con. Aliena ngạc nhiên cho đến khi cô nhận ra rằng, Tu viện trưởng Philip là chủ đất của họ, và khi chủ yêu cầu sự tình nguyện thì không nên từ chối. Trong năm qua cô đã học được cái nhìn mới của những người dân bình thường.

Thợ xây Tom giao cho dân làng nhiệm vụ của họ. Richard đến nói chuyện ngay với Alfred, con của Tom. Họ dường như cùng lứa tuổi – Richard mười lăm và Alfred lớn hơn một tuổi – và chúng cùng chơi đá bóng với các trẻ em khác trong làng mỗi chủ nhật. Đứa bé gái, Martha, cũng ở đây, nhưng người đàn bà tên là Ellen và đứa con trai trông buồn cười có mái tóc đỏ không có mặt, không ai biết họ ở đâu. Aliena nhớ lại ngày họ đến lâu đài lãnh chúa. Khi đó họ còn nghèo. Giống như Aliena, họ đã được Tu viện trưởng Philip cứu giúp.

Aliena và Richard, mỗi người được giao cho một chiếc xẻng để đào nền móng. Mặt đất ẩm ướt nhưng mặt trời đã xuất hiện và chẳng bao lâu mặt đất sẽ khô ráo. Aliena bắt đầu hăng hái đào. Ngay cả với năm mươi người làm việc, nó cũng cần thời gian dài để làm cho hố sâu hơn. Richard thường xuyên nghỉ trên cán xẻng. Một lần Aliena nói: “Nếu em muốn trở thành hiệp sĩ, hãy đào đi!” Nhưng cậu vẫn không thay đổi.

Cô gầy và mạnh khỏe hơn một năm trước đây nhờ đi bộ đường dài và nâng những bao lông cừu nặng, nhưng bây giờ cô thấy việc đào bới làm cô đau lưng. Cô vui mừng khi Tu viện trưởng Philip rung chuông báo hiệu giờ nghỉ giải lao. Các tu sĩ mang bánh mì nóng và bia nhẹ từ nhà bếp ra. Mặt trời chiếu mạnh hơn, một số người cởi bớt áo.

Trong khi họ nghỉ ngơi, một nhóm người lạ đi qua cổng. Aliena nhìn họ một cách hy vọng. Họ chỉ có vài người, nhưng có thể họ là những người đi trước, còn đám đông theo sau. Họ đi đến bàn ăn, nơi phân phát bánh mì và bia, và Philip chào đón họ.

“Các bạn từ đâu đến?” ông hỏi khi họ vui vẻ uống bia.

“Từ Horsted,” một người trong nhóm đáp lại, lau miệng vào ống tay áo. Đó là một điều đầy hứa hẹn: Horsted là một làng có chừng hai ba trăm người, ở phía tây Kingsbridge vài dặm. Với may mắn, họ có thể hy vọng hàng trăm tình nguyện viên khác nữa từ đó đến.

“Và bao nhiêu người đang đến?”

Người đàn ông ngỡ ngàng về câu hỏi đó. “Chỉ có bốn người chúng tôi,” ông đáp lại.

Trong những giờ sau đó một số người tiếp tục bước qua cổng tu viện cho đến giữa buổi sáng, con số lên đến bảy mươi hay tám mươi tình nguyện viên, bao gồm cả dân làng. Sau đó dừng lại.

Vẫn chưa đủ.

Philip đứng ở cuối phía đông, quan sát Tom xây tường. Ông đã thiết lập hai trụ đá cao tới viên đá thứ ba, và bây giờ ông xây tường ở giữa. Nó sẽ chẳng bao giờ xong được, Philip chán nản nghĩ.

Việc đầu tiên mà Tom làm, khi lao công đem đá đến cho ông, là ông lấy một công cụ bằng sắt có hình chữ L và dùng nó để kiểm soát xem viên đá có thẳng góc không. Sau đó ông xúc một lớp vữa vào mặt tường, dùng bay chà phẳng, đặt viên đá lên rồi cạo các vữa dư thừa đi. Khi đặt viên đá ông dựa vào sợi dây được căng giữa hai trụ tường.

Philip chú ý thấy viên đá hầu như nằm ở trên vữa, ở phía trên cũng như phía dưới. Điều này làm ông ngạc nhiên và ông hỏi Tom về điều này. “Một

viên đá không bao giờ được phép đụng viên đá khác ở trên cũng như ở dưới,” Tom trả lời. “Và đó là công dụng của vữa.”

“Tại sao chúng không được đụng nhau?”

“Nó sẽ gây ra các vết nứt.” Tom đứng thẳng người lên giải thích. “Nếu ông đi trên một mái đá, chân ông có thể sẽ làm bể nó; nhưng nếu ông đặt một tấm ván lên trên, ông có thể đi qua mà không làm hư hại mái đá. Tấm ván phân chia trọng lượng, và vữa đóng vai trò tương tự như vậy.”

Philip đã chẳng bao giờ nghĩ về điều đó. Xây dựng là một nghề hấp dẫn, đặc biệt đối với những người như Tom, người có thể cắt nghĩa những gì ông làm.

Mặt gỗ ghề của đá được xây vào phía trong. Philip nghĩ, chắc chắn mặt đó sẽ được nhìn thấy ở phía trong nhà thờ? Sau đó ông nhớ lại Tom muốn xây hai bức tường với khoảng trống ở giữa, vì thế mà mặt sau của viên đá sẽ bị che lấp. Khi Tom đã đặt viên đá lên lớp vữa, ông lấy mặt phẳng. Ông dùng một hình tam giác bằng sắt với một dây da ở đỉnh và một vài dấu hiệu trên chân đế. Dây da có một cục chì, vì thế nó luôn treo thẳng xuống. Ông đặt chân đế của dụng cụ lên viên đá và xem viên chì treo xuống chỗ nào. Nếu viên chì treo xuống bên cạnh đường giữa, ông dùng búa đập viên đá cho đến khi hòn chì ở chính giữa. Rồi ông di chuyển thiết bị sang chỗ tiếp giáp của hai hòn đá bên cạnh để kiểm soát đầu của hòn đá có thẳng hàng không. Sau cùng ông xoay thiết bị trên hòn đá để bảo đảm nó không nghiêng sang bên này hoặc bên kia. Trước khi lấy một hòn đá mới, ông dùng dây căng để chắc chắn bề mặt của viên đá thẳng hàng. Philip đã không nhận ra sự quan trọng rằng các viên đá phải chính xác và thật thẳng.

Ông nhìn quanh công trường xây dựng. Nó quá lớn đến nỗi tám mươi người và một số trẻ em như bị mất hút trong đó. Họ làm việc vui vẻ dưới ánh mặt trời, nhưng họ quá ít đến nỗi ông có cảm tưởng rằng nỗ lực của họ không đem lại kết quả gì. Ông đã từng hy vọng sẽ có một trăm người, nhưng bây giờ ông nhận ra ngay cả một trăm người cũng không đủ.

Một nhóm khác nữa bước qua cổng và Philip buộc mình ra chào họ với một nụ cười. Dân chúng không cần biết rằng những cố gắng của họ chỉ như muối bỏ biển. Dù sao họ cũng sẽ được tha thứ về tội lỗi của họ. Khi ông

đến gần, ông nhận ra đó là một nhóm lớn hơn là ông tưởng. Ông đếm được mười hai, rồi hai người nữa đi tới. Có lẽ vào buổi trưa ông sẽ có được một trăm người. “Chúa chúc lành cho các bạn,” ông nói với họ. Ông đang dự định nói với họ bắt đầu đào ở đâu thì ông bị ngắt bởi tiếng gọi lớn: “Philip!”

Ông cau mày phản đối. Đó là giọng nói của thầy Milius, và bình thường Milius phải xưng hô với Philip trong nơi công cộng bằng “cha”. Philip nhìn về hướng phát ra tiếng gọi. Milius đang đu mình trên bức tường tu viện, trong một tư thế không xứng đáng. Với giọng nói bình tĩnh nhưng chắc chắn Philip nói: “Thầy Milius, hãy xuống ngay.”

Trước sự ngạc nhiên của ông, Milius vẫn ở đó và nói lớn: “Hãy đến mà xem!”

Những người mới đến sẽ có một ấn tượng xấu về sự vâng lời trong tu viện, Philip nghĩ, nhưng ông không khỏi ngạc nhiên rằng điều gì đã làm ông hào hứng quên cả tư cách. “Hãy xuống đây và nói cho tôi biết chuyện gì, Milius,” ông nói bằng giọng ông thường dùng cho những tập sinh gây ồn ào.

“Anh phải nhìn nó!” Milius kêu lên.

Tốt hơn ông ấy phải nhận ra lỗi lầm trong cách cư xử này, Philip nghĩ một cách tức tối; nhưng ông không muốn la rầy người cộng tác đặc lực nhất trước những người xa lạ này, ông miễn cưỡng mỉm cười và đi qua sân đầy bùn lầy trước chuồng ngựa và nhảy lên bức tường thấp. “Ý nghĩa của hành vi này là gì?” ông rít lên.

“Hãy nhìn xem!” Milius chỉ tay và nói.

Theo hướng ông chỉ, Philip nhìn ra ngoài, qua mái nhà trong làng, qua bên kia dòng sông tới con đường vượt lên ngọn đồi xuống phía tây. Lúc đầu ông không tin vào mắt mình. Giữa cánh đồng xanh, một đám đông người trên con đường nhấp nhô, hàng trăm người đang đi về hướng Kingsbridge. “Cái gì thế?” ông ngỡ ngàng nói. “Một đoàn quân?” Rồi ông chợt hiểu đó là những người thiện nguyện. Tim ông nhảy mừng. “Hãy nhìn họ!” ông hét lên. “Đó phải là năm trăm – một ngàn – hay nhiều hơn nữa!”

“Đúng như vậy!” Milius vui vẻ nói. “Sau cùng họ đã tới!”

“Chúng ta được cứu rồi!” Philip quá hào hứng quên cả sự tức giận với Milius. Đám đông tràn đầy các con đường đến cây cầu, rồi xuyên qua làng đến công tu viện. Những người mà ông đã chào đón chỉ là nhóm đi trước. Bây giờ họ tràn qua cổng, vào trong phía tây của công trường, chờ đợi người nào đó nói cho họ biết phải làm gì. “Hal-lê-lu-i-a!” ông hô lên không cần giữ ý tứ.

Chỉ vui mừng thôi chưa đủ, những người này cần được trưng dụng. Ông nhẩy xuống khỏi bức tường. “Hãy theo tôi!” ông la lên với Milius. “Hãy gọi các tu sĩ ra khỏi công việc họ đang làm – bây giờ chúng ta cần các tu sĩ như là những người quản đốc hơn là người lao động. Hãy nói với nhà bếp nướng bao nhiêu bánh có thể và lăn ra thêm vài thùng bia. Chúng ta cần thêm xô và xẻng. Chúng ta phải đưa những người này vào công việc trước khi Giám mục Henry tới!”

Những giờ sau đó Philip bận điên cuồng. Trước hết để phân tán người, ông phân công hơn một trăm người xuống suối mang vật liệu xây dựng lên. Ngay sau khi Milius tụ tập được một nhóm tu sĩ làm quản đốc, ông sai các tình nguyện viên xuống đào chân móng. Chẳng bao lâu xẻng, thùng, xô đã hết nhẵn. Philip ra lệnh đem các nồi niêu từ trong bếp, và cắt đặt một số tình nguyện viên làm các thùng bằng gỗ thô và giỏ bằng mây để khiêng đất. Vì không có đủ thang và thiết bị nâng đất, nên người ta làm một dốc dài ở đầu lỗ chân móng cho mọi người lên xuống dễ dàng. Philip nhận ra rằng ông đã quên suy nghĩ về việc đem số lượng lớn đất đào từ dưới chân móng đi đâu. Bây giờ đã quá trễ để suy nghĩ kỹ hơn: Ông quyết định nhanh chóng, và ra lệnh cho đổ đất trên một khu đất đá gần sông. Sau này có thể canh tác trên đó được. Khi ông đang ra lệnh, đầu bếp Bernard hoảng hốt đến gặp ông và nói ông chỉ có thể nấu ăn cho chừng hai trăm người, và bây giờ ít nhất là một ngàn người ở đây. “Hãy dựng một lò nấu trong sân nhà bếp và nấu súp trong một bồn tắm lớn bằng sắt,” Philip nói. “Pha nhạt bia ra. Dùng tất cả đồ trong kho. Kêu gọi một số dân làng chuẩn bị đồ ăn trong nhà bếp của họ. Hãy tùy cơ mà ứng biến!” Ông bỏ người đầu bếp và tiếp tục tổ chức nhóm lao động.

Ông đang ra lệnh thì một người vỗ vào vai ông và nói bằng tiếng Pháp: “Tu viện trưởng Philip, tôi có được phép nói chuyện với ông một chút không?” Đó là Dean Baldwin, người phụ tá của Giám mục Waleran.

Philip nhìn quanh và thấy đoàn khách, tất cả ngồi trên lưng ngựa, mặc quần áo sang trọng, ngạc nhiên nhìn quanh công trường xây dựng. Đó là Giám mục Henry, một người nhỏ, chắc nịch với nét mặt hay gây gổ, mái tóc cắt theo kiểu tu sĩ tương phản với chiếc áo khoác thô đỏ của ông. Bên cạnh ông là Giám mục Waleran, mặc đồ đen như mọi khi. Khuôn mặt lạnh lùng, khinh khi quen thuộc không thể che dấu được sự mất tinh thần của ông. Ngoài ra còn có Percy Hamleigh mập, con trai vạm vỡ William và bà vợ xấu xí Regan của ông: Percy và William nhìn ngạc nhiên, nhưng Regan hiểu rõ ràng điều gì Philip đã làm và bà rất tức giận.

Philip lại chú ý vào Giám mục Henry, và ngạc nhiên khi thấy giám mục nhìn ông với một vẻ quan tâm đặc biệt. Philip nhìn đáp lại. Nét mặt của Giám mục Henry nói lên sự ngạc nhiên, tò mò và sự tôn trọng thích thú. Một lúc sau Philip đến bên giám mục, giữ đầu ngựa, và hôn bàn tay đeo nhẫn mà Henry đưa ra.

Henry xuống ngựa nhẹ nhàng và đoàn tùy tùng làm theo. Philip gọi một số các tu sĩ cỡi ngựa đi. Henry cùng xấp xỉ tuổi với Philip, nhưng tính chất và hình dạng mập mạp khiến ông trông già hơn. “Vâng, cha Philip,” ông nói. “Tôi nhận được báo cáo là ông không có khả năng xây nhà thờ chính tòa ở Kingsbridge này.” Ông ngưng lại, nhìn vào hàng trăm người đang làm việc, rồi quay sang Philip. “Nó dường như là một thông tin sai lạc.”

Tim Philip ngừng đập. Henry không cần phải nói rõ hơn: Philip đã thắng.

Philip quay sang giám mục Waleran. Nét mặt ông đè nén cơn tức giận. Ông biết một lần nữa ông lại thất bại. Philip quỳ xuống, cúi đầu để che dấu nụ cười chiến thắng trên mặt, và hôn tay Waleran.

Tom thích thú xây tường. Đã từ lâu ông đã không xây tường và đã quên đi cảm giác của niềm vui sâu thẳm sau khi đặt viên đá này lên trên viên đá khác trong một hàng thẳng tuyệt hảo và theo dõi bức tường mỗi ngày cao hơn.

Khi số người tình nguyện viên lên đến một trăm, ông đã nhận ra kế hoạch của Philip thành công và ông lại thích thú với việc làm hơn nữa. Những viên đá này là một phần nhà thờ chính tòa của Tom; và bức tường này mặc dù bây giờ chỉ cao một mét nhưng ngày nào đó sẽ cao tới bầu trời. Tom cảm thấy ông ở vào giai đoạn bắt đầu của phần đời còn lại.

Khi Giám mục Henry tới, Tom đã biết ngay. Giống như hòn đá rơi vào trong ao, giám mục đã tạo nên một gợn sóng xuyên qua đám đông lao động. Họ ngưng tay làm việc chốc lát và nhìn lên những nhân vật trong trang phục lộng lẫy đang tìm đường xuyên qua đám bùn lầy. Tom tiếp tục đặt các viên đá. Giám mục phải phấn khởi khi nhìn thấy cảnh hàng ngàn người tình nguyện vui vẻ và nhiệt tình đang xây dựng nhà thờ chính tòa mới. Bây giờ đến lượt ông phải tạo ấn tượng tốt. Ông chẳng bao giờ thoải mái với những người ăn mặc đẹp, nhưng bây giờ ông cần chứng tỏ khả năng và sự khôn ngoan, sự bình tĩnh và tự tin, một mẫu người mà người ta vui vẻ tin tưởng trao phó một công trình xây dựng vĩ đại và tốn kém như thế này.

Ông mở mắt nhìn và đặt bay xuống khi đoàn khách đến gần. Philip dẫn Giám mục Henry đến Tom và Tom quỳ xuống hôn tay giám mục. Philip nói: “Tom là thợ xây dựng tổng thể chính của chúng tôi, được Chúa sai đến vào chính ngày nhà thờ bị cháy.”

Tom lại quỳ xuống trước mặt Giám mục Waleran, rồi nhìn đoàn tùy tùng còn lại. Ông nhắc nhở mình rằng ông là thợ xây dựng tổng thể chính và ông không nên quá khúm núm. Ông nhận ra Percy Hamleigh, người mà ông đã xây cho nửa căn nhà. “Chủ Percy của tôi,” ông nói với một sự nghiêm mình nhẹ. Ông khám phá ra bà vợ xấu xí của Percy. “Thưa bà Regan.” Rồi mắt ông dừng lại ở người con. Ông nhớ lại cậu trên lưng con ngựa chiến đã sắp đẽ bẽ Martha và đã thử mua Ellen trong rừng như thế nào. Cậu là một chàng thanh niên kinh tởm. Nhưng Tom làm ra vẻ lịch sự. “Và xin chào chủ trẻ William.”

Giám mục Henry chăm chú nhìn Tom. “Ông có đồ án không, thợ xây Tom?”

“Vâng, thưa giám mục. Ngài có muốn xem nó không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Có lẽ ngài nên theo lối này.”

Henry gật đầu và Tom dẫn đường tới nhà kho, cách đó vài mét. Ông bước vào trong căn nhà gỗ nhỏ và lấy ra đồ án mặt bằng, được vẽ trên thạch cao trong một khung gỗ dài bốn mét. Ông đặt nó dựa vào tường và lui lại.

Đó là giây phút tế nhị. Hầu hết không thể đọc được đồ án, nhưng giám mục và bá tước không muốn thừa nhận điều đó, vì thế phải giải thích dự án cho họ trong một cách mà không bêu xấu sự thiếu hiểu biết của họ trước mặt người khác. Một vài giám mục có thể hiểu được đồ án, dĩ nhiên, và họ sẽ cảm thấy bị xúc phạm khi một thợ xây bình thường muốn chỉ dạy họ.

Lo lắng, Tom chỉ vào đồ án và nói: “Đây là bức tường tôi đang xây.”

“Đúng, rõ ràng là mặt tiền phía đông,” Henry nói. Nó chứng tỏ ông có thể đọc tốt đồ án. “Tại sao gian ngang lại không có gian phụ?”

“Vì lý do tài chính,” Tom trả lời kịp thời. “Tuy nhiên nếu chúng ta bắt đầu xây dựng chúng trong năm năm tới, và nếu tu viện tiếp tục phát triển thịnh vượng như năm đầu tiên trong thời Tu viện trưởng Philip, lúc đó chúng ta sẽ có khả năng xây gian phụ hai bên.” Ông vừa ca ngợi Philip, lại đồng thời trả lời câu hỏi, và ông tự cảm thấy mình khá thông minh.

Henry gật đầu chấp thuận. “Nó hợp lý khi lên kế hoạch khiêm tốn và để chỗ khi cần nói rộng. Chỉ cho tôi đồ án trực diện”

Tom lấy ra đồ án nhìn thẳng. Ông không dẫn giải nó, bây giờ ông biết Henry có thể hiểu những gì ông đang nhìn. Điều này được công nhận khi ông nói: “Tỷ lệ này rất hài hòa.”

“Cảm ơn ngài,” Tom nói. Giám mục hình như hài lòng với mọi chuyện. Tom nói thêm: “Nó là một nhà thờ chính tòa khiêm tốn, nhưng nó sẽ sáng hơn và đẹp hơn nhà thờ cũ.”

“Và bao lâu nó sẽ hoàn thành?”

“Mười lăm năm, nếu công việc không bị gián đoạn.”

“Bao giờ cũng có chuyện bất thường xảy ra. Tuy nhiên. Ông có thể chỉ cho tôi cái mà nó giống như thế nào – ý tôi muốn nói một người đứng bên ngoài thấy nó như thế nào?”

“Tom hiểu ý ông ấy. “Ông muốn xem một phác họa?”

“Đúng.”

“Vâng.” Tom trở lại bức tường cùng với đoàn khách. Ông quỳ xuống trước một tấm ván, trải đều hồ vữa lên trên và làm mịn mặt phẳng. Rồi, với đầu nhọn của chiếc bay, ông vẽ lên vữa một phác họa của gian nhà thờ phía tây. Ông biết mình vẽ giỏi. Giám mục, đoàn tùy tùng, tất cả các tu sĩ và tình nguyện viên đang làm việc ở gần đó chăm chú theo dõi một cách hấp dẫn. Vẽ luôn là một phép lạ đối với những người không biết vẽ. Trong một vài phút Tom đã vẽ xong mặt tiền phía tây, với ba cửa mái vòm, cửa sổ lớn và hai tháp bên cạnh. Nó là một thủ thuật đơn giản, nhưng luôn gây ấn tượng.

“Đáng khen,” giám mục Henry nói khi bức phác thảo xong. “Xin Chúa chúc lành cho kỹ năng của ông.”

Tom mỉm cười. Nó như lời chứng thực mạnh mẽ của cấp trên về việc chỉ định ông làm thợ xây dựng tổng thể chính.

Tu viện trưởng Philip nói: “Thưa giám mục, ngài có muốn dùng một chút nước giải khát trước khi bắt đầu thánh lễ không?”

“Rất vui.”

Tom thấy nhẹ nhõm. Sự kiểm tra đã xong và ông đã vượt qua.

“Xin mời ngài vào nhà tu viện trưởng, theo lối này,” Philip nói với giám mục. Đoàn khách bắt đầu di chuyển. Philip siết chặt cách tay của Tom và thì thầm bằng giọng nói đầy đắc thắng: “Chúng ta đã thành công!”

Tom thở phào khi đoàn khách đi xa. Ông cảm thấy hài lòng và hãnh diện. Vâng, ông nghĩ, chúng ta đã thành công. Giám mục Henry còn hơn là bị ấn tượng: ông sửng sốt, mặc dù tính ông rất bình tĩnh. Rõ ràng Waleran đã chuẩn bị cho ông một viễn cảnh buồn chán, trì trệ, vì thế mà thực tế lại càng ấn tượng hơn. Cuối cùng ác ý của Waleran đã làm hại ông và nâng cao chiến thắng của Philip và Tom.

Vừa khi ông còn đang đắm mình trong chiến thắng, ông nghe một giọng nói quen thuộc: “Chào thợ xây Tom.”

Ông quay quanh và thấy Ellen.

Đến lượt Tom sửng sốt. Sự khủng hoảng của nhà thờ chính tòa đã chiếm hết tâm trí ông đến nỗi ông không còn nhớ đến bà thường xuyên. Ông nhìn

bà hạnh phúc. Bà trông giống như ngày bà bỏ đi: mảnh mai, da nâu, tóc đen chuyển động như sóng trên bãi biển, và đôi mắt sâu màu vàng sáng. Bà cười với ông, đôi môi đầy đặn khiến ông muốn hôn bà.

Ông muốn ôm bà trong vòng tay nhưng ông đành bỏ ý định. Ông miễn cưỡng nói: “Chào em, Ellen.”

Một thanh niên bên cạnh bà nói: “Chào Tom.”

Tom nhìn cậu tò mò.

Ellen nói: “Anh không nhớ Jack à?”

“Jack!” ông giật mình nói. Cậu bé đã thay đổi. Bây giờ cậu cao hơn mẹ một chút và có vóc dáng gầy gò mà các bà già thường nói là cậu ta phát triển về chiều cao hơn chiều ngang. Cậu vẫn có mái tóc đỏ sáng, da trắng và mắt xanh, nhưng các tính năng đã ở trong một tỷ lệ tương xứng hấp dẫn hơn, và một ngày nào đó thậm chí cậu sẽ trở thành đẹp trai.

Tom quay lại nhìn Ellen. Lúc này ông chỉ muốn nhìn chăm chăm vào bà. Ông muốn nói anh nhớ em, anh không thể nói với em được anh nhớ em nhiều như thế nào, và ông hầu như muốn nói, nhưng ông không đủ can đảm, thay vào đó ông nói: “Em đã ở đâu?”

“Chúng em ở chỗ cũ, trong rừng,” bà nói.

“Và tại sao em lại trở về vào đúng ngày hôm nay?”

“Chúng em đã nghe lời kêu gọi các tình nguyện viên, và chúng em tò mò muốn biết anh ra sao. Và em không quên em đã hứa một ngày nào đó sẽ trở về.”

“Anh rất vui vì em về,” Tom nói. “Anh đã mong mỏi gặp em.”

Bà có vẻ thận trọng. “Vậy à?”

Đây là giờ phút ông đã chờ đợi và hoạch định từ một năm qua, và bây giờ nó đã đến làm ông hoảng sợ. Cho đến bây giờ ông đã sống trong hy vọng, nhưng nếu hôm nay bà lại ra đi, ông sẽ mất bà mãi mãi. Ông sợ không biết bắt đầu từ đâu. Cả hai im lặng. Ông lấy một hơi dài. “Hãy nghe,” ông nói. “Anh muốn em trở về với anh. Bây giờ, đừng nói gì cho đến khi em đã nghe những gì anh nói – làm ơn!”

“Vâng,” bà nói chung chung.

“Philip là một tu viện trưởng rất tốt. Tu viện đã thịnh vượng hơn nhờ tài điều hành của ông. Công việc của anh ở đây được bảo đảm. Chúng ta không còn phải lang thang ngoài đường nữa, chẳng bao giờ, anh hứa.”

“Nó không phải là...”

“Anh biết, nhưng anh muốn kể cho em mọi chuyện.”

“Được rồi.”

“Anh đã xây một căn nhà hai phòng và một lò sưởi trong làng, và anh có thể nói rộng nó. Chúng ta không phải sống trong tu viện nữa.”

“Nhưng Philip sở hữu ngôi làng.”

“Bây giờ Philip còn mắc nợ anh.” Tom đưa tay chỉ tất cả cảnh tượng xung quanh. “Ông ấy biết nếu không có anh, ông ấy sẽ không làm được những việc này. Nếu anh xin ông ấy tha cho em những gì em đã làm, và coi năm lưu vong của em như việc đền tội, anh nghĩ ông ấy sẽ đồng ý. Ông ấy không thể từ chối anh, nhất là trong ngày hôm nay.”

“Thế chuyện của các chàng trai thì sao?” bà nói. “Em phải tiếp tục chứng kiến cảnh Alfred đánh Jack chảy máu mỗi khi cậu ấy nổi khùng sao?”

“Anh nghĩ anh đã có một giải pháp cho chuyện đó, thật đấy!” Tom nói. “Alfred bây giờ là một thợ xây. Anh sẽ nhận Jack là người học việc của anh. Qua cách đó Alfred sẽ không còn bức bối về sự lười biếng của Jack nữa. Và em có thể dạy Alfred đọc và viết, vì thế mà cả hai chàng trai có cùng trình độ - trong nghề nghiệp và học vấn.”

“Anh đã nghĩ nhiều về việc này phải không?” bà hỏi.

“Vâng.”

Ông chờ đợi phản ứng của bà. Ông không có tài thuyết phục. Tất cả những gì ông có thể làm là giải bày hoàn cảnh. Thật tốt biết bao nếu ông có thể vẽ cho bà một bức phác thảo! Nhưng tôi đã nói tất cả, ông nghĩ, bà còn điều gì phải chống lại? Bà phải đồng ý ngay. Nhưng bà vẫn do dự. “Em không chắc chắn,” bà nói.

Sự tự kiềm chế của ông vỡ ra. “Ồ, Ellen, em đừng nói thế.” Ông sợ phải khóc trước đám người này, và ông ghen ngào khó nói ra lời. “Anh yêu em nhiều lắm, đừng bỏ đi một lần nữa,” ông năn nỉ. “Chỉ có một điều đã giúp anh sống đó là niềm hy vọng em sẽ trở về. Anh không thể sống thiếu em.

Đừng đóng cửa thiên đường. Em không thấy anh yêu em với tất cả con tim sao?”

Thái độ của bà thay đổi ngay lập tức. “Tại sao anh không nói ngay như vậy?” bà thì thầm, và bà đến bên ông. Ông ôm lấy bà. “Em cũng yêu anh, anh ngu đần ạ,” bà nói.

Ông cảm thấy mềm yếu vì vui. Bà ấy yêu tôi, bà yêu tôi, ông nghĩ. Ông ôm bà chặt hơn, rồi ông nhìn vào mặt bà. “Em có đồng ý lấy anh không, Ellen?”

Có nước mắt trong mắt bà, nhưng bà cũng mỉm cười. “Vâng, Tom, em sẽ lấy anh,” bà nói. Mặt bà hướng lên.

Ông kéo bà vào lòng và hôn môi bà. Từ một năm nay ông đã mơ đến giờ phút này. Ông nhắm mắt lại và cảm nhận đôi môi đầy đặn của bà trên môi ông. Miệng bà hé mở và đôi môi bà ướt. Nụ hôn thú vị đến nỗi lúc đó ông quên đi chính mình. Rồi một người nào đó bên cạnh nói: “Đừng nuốt bà ta, ông ạ!”

Ông thả bà ra và nói: “Chúng ta đang ở trong nhà thờ!”

“Em không quan tâm,” bà vui vẻ nói, và bà hôn ông lần nữa.

Tu viện trưởng Philip lại đánh lừa chúng ta lần nữa, William cay đắng nghĩ khi cậu ngồi trong nhà tu viện trưởng, uống rượu loãng pha nước và ăn đồ ngọt từ nhà bếp tu viện. William cần một thời gian để nhận ra chiến thắng lấy lòng và hoàn toàn của Philip. Đánh giá tình trạng ban đầu của Waleran không có gì sai: Sự thật là Philip không có tiền và khó có thể xây nhà thờ chính tòa ở Kingsbridge. Mặc dù thế vị tu sĩ khôn ngoan này đã cứng đầu tiến hành công việc, mượn thợ xây dựng tổng thể, bắt đầu xây dựng và rồi, với hai bàn tay không, đã thu thập được một lực lượng lớn nhân công gây ấn tượng cho Giám mục Henry. Và Henry đã thật sự bị thuyết phục, nhất là vì trước đó Waleran đã vẽ lên một bức tranh âm đậm về hoàn cảnh của nhà thờ.

Vị tu sĩ chết tiệt này còn biết ông đã chiến thắng. Ông không thể dấu được nụ cười đắc thắng trên khuôn mặt. Bây giờ ông đang nói chuyện sôi nổi với Giám mục Henry về giống cừu và giá len, và Henry chăm chú nghe,

đầy tôn trọng, trong khi đó ông lại thô lỗ bỏ qua cha mẹ của William, những người thật ra đầy uy quyền hơn là một tu viện trưởng bình thường.

Philip sẽ phải hối hận về ngày hôm nay, William nghĩ. Không ai được phép coi thường gia đình Hamleigh. Họ đạt được địa vị ngày hôm nay và không muốn các tu sĩ hơn họ. Bartholomew thành Shiring đã xúc phạm họ và đã chết trong tù. Số phận Philip cũng sẽ không tốt hơn.

Thợ xây Tom cũng sẽ phải hối hận vì đã cản đường gia đình Hamleigh. William không quên Tom đã thách thức ông ở Durstead, giữ đầu ngựa và buộc ông phải trả tiền nhân công. Hôm nay Tom đã vô lễ gọi ông là “Chủ trẻ William.” Bây giờ rõ ràng là ông tay trong tay với Philip, cùng xây nhà thờ chính tòa thay vì các dinh thự. Ông phải học rằng thà tìm những cơ hội nơi nhà Hamleigh còn hơn là cộng tác với kẻ thù của họ.

William ngồi giận dữ cho đến khi Giám mục Henry đứng lên và nói đã sắp đến giờ lễ. Tu viện trưởng Philip ra hiệu cho một tập sinh. Anh ấy chạy ra khỏi phòng và vài phút sau tiếng chuông vang lên.

Tất cả rời nhà, trước hết là Giám mục Henry, thứ hai là Giám mục Waleran, rồi đến Tu viện trưởng Philip và sau đó là giáo dân. Tất cả các tu sĩ đứng chờ ở ngoài, và họ xếp hàng sau Philip, tạo thành một cuộc rước. Gia đình Hamleigh phải đi sau cùng.

Các tình nguyện viên tụ họp đầy nửa sân phía tây của tu viện, ngồi trên các bức tường và mái nhà. Henry bước lên bục ở giữa công trường xây dựng. Các tu sĩ tạo thành một hàng đàn sau ông, nơi sau này sẽ là cung thánh của nhà thờ mới. Gia đình Hamleigh và các giáo dân khác trong đoàn tùy tùng theo đường của họ vào chỗ sau này sẽ là gian giữa.

Khi họ vào chỗ, William thấy Aliena.

Cô trông khác xưa. Cô mặc quần áo thô, rẻ tiền, mang guốc gỗ, và mái tóc quanh khuôn mặt cô ướt đầm mồ hôi. Nhưng đó chắc chắn là Aliena, và cô vẫn đẹp đến nỗi miệng ông khô đi và ông chăm chú nhìn cô, không thể rời ánh mắt khỏi cô, trong khi thánh lễ đã bắt đầu và sân tu viện tràn đầy âm thanh của hàng ngàn giọng vang lên lời kinh “Lạy Cha.”

Dường như cô cảm thấy ánh mắt ông chăm chú nhìn cô, bởi vì cô bồn chồn, đôi chân cựa quậy và mắt đảo quanh như tìm kiếm. Sau cùng cô bắt

gặp ánh mắt cậu. Một nét kinh hoàng và sợ hãi biểu lộ trên khuôn mặt cô, và cô lùi lại, mặc dù cô ở cách xa cậu cả hơn mười mét và có hàng chục người ở giữa họ. Nỗi sợ hãi trên khuôn mặt cô càng thu hút cậu, và cậu cảm thấy cơ thể của cậu phản ứng như chưa bao giờ có từ một năm nay. Sự ham muốn cô pha lẫn sự phản uất vì cô đã trốn cậu. Cô đỏ mặt và cúi xuống như thể cô mắc cỡ. Cô nói nhanh với người con trai bên cạnh cô – đó là em cô, dĩ nhiên, William nghĩ, thoáng nhớ lại khuôn mặt đó trong ký ức đậm đàng của cậu – và rồi cô quay đi, mất hút trong đám đông.

William thất vọng. Cậu muốn đi theo cô, nhưng dĩ nhiên cậu không thể, nhất là giữa thánh lễ, trước mặt bố mẹ, hai giám mục, bốn mươi tu sĩ và hàng ngàn người dự lễ. Vì thế cậu quay lên, đầy chán nản. Cậu đã mất cơ hội tìm xem cô sống ở đâu.

Mặc dù cô đã đi, cô vẫn còn trong tâm trí cậu. Cậu tự hỏi nó có tội không khi có một tư tưởng đậm đàng trong nhà thờ.

Cậu nhận ra ông bố đang háo hức nhìn. “Hãy xem!” ông nói với bà mẹ. “Nhìn xem người đàn bà kia!”

Lúc đầu William nghĩ ông bố muốn ám chỉ về Aliena. Nhưng cô vẫn biệt tăm, và khi cậu nhìn theo ánh mắt của bố, cậu thấy một phụ nữ gần ba mươi, không gợi cảm như Aliena nhưng vẻ nhanh nhẹn và hoang dã khiến cô trở nên hấp dẫn. Cô đứng không xa Tom, thợ xây dựng chính, và William nghĩ có lẽ đó là vợ của thợ xây, người đàn bà mà cậu đã thử mua trong rừng vào một năm trước đây. Nhưng tại sao bố cậu biết bà ấy?

“Có phải bà ấy không?” ông bố hỏi.

Người phụ nữ quay đầu, như thể bà đã nghe thấy họ nói và nhìn thẳng vào họ, và William một lần nữa nhìn thấy đôi mắt nhạt màu vàng, nhìn xuyên thấu của bà.

“Đó chính là bà ấy, tôi thề,” bà mẹ rít lên.

Ánh mắt người phụ nữ lay động ông bố. Mặt ông tái đi, hai bàn tay run rẩy. “Xin Chúa bảo vệ con,” ông nói. “Tôi nghĩ bà ấy đã chết.”

Và William nghĩ: Chuyện ma quỷ gì nữa đây?

Đó là điều Jack luôn khiếp sợ.

Cả năm qua cậu đã cảm thấy mẹ cậu nhớ Tom. Bà không còn bình thản như xưa, bà hay mơ màng, nhìn về xa xôi; và một đôi khi vào ban đêm bà có tiếng thở hổn hển, như thể bà mơ hay tưởng tượng đang làm tình với Tom. Cả thời gian qua Jack biết là bà sẽ trở về. Và bây giờ bà đã đồng ý ở lại.

Cậu ghét ý định này.

Cả hai người họ đã hạnh phúc bên nhau. Cậu yêu mẹ và mẹ cậu yêu cậu, và không ai xen vào giữa họ.

Đời sống trong rừng một cách nào đó không thú vị, điều đó đúng. Cậu nhớ sự thu hút của đám đông người và thành phố mà cậu đã nhìn thấy trong thời gian ngắn ngủi ở với gia đình Tom. Cậu nhớ Martha. Cậu quên đi sự nhàm chán của cuộc sống trong rừng bằng cách mơ mộng về nàng công chúa, mặc dù cậu biết tên của nàng là Aliena. Và cậu thích làm việc với Tom, tìm hiểu xem tòa nhà được xây dựng ra sao. Nhưng cậu sẽ không còn tự do. Người ta sẽ ra lệnh cho cậu phải làm gì. Cậu sẽ phải làm việc dù cậu có muốn hay không. Và cậu phải chia sẻ mẹ cậu cho phần còn lại của thế giới.

Khi cậu ngồi trên bức tường gần cổng tu viện, đầy chán nản, cậu ngạc nhiên khi thấy nàng công chúa.

Cậu chớp mắt. Cô lách người qua đám đông, tiến về phía cổng, trông thất vọng. Cô đẹp hơn cậu nghĩ. Ngày xưa cô có một thân thể đầy đặn, gợi cảm đầy nữ tính trong bộ quần áo sang trọng. Bây giờ cô mảnh mai hơn và giống một phụ nữ hơn là một cô gái. Chiếc áo bằng lụa ướt đầm mồ hôi bám chặt vào thân thể cô, lộ ra bộ ngực căng phồng, chiếc bụng phẳng, hông hẹp và chân dài. Mặt cô dính đầy bùn và tóc cô rối tung. Cô bị xúc động về điều gì đó, sợ hãi và đau khổ, nhưng cảm xúc này chỉ làm cho khuôn mặt cô rạng rỡ hơn. Jack bị lôi cuốn khi nhìn thấy cô. Cậu cảm thấy một rung động đặc biệt ở dưới thắt lưng mà trước đó cậu chưa cảm nhận bao giờ.

Cậu theo cô. Đó không phải là một quyết định có ý thức. Mới đó cậu ngồi trên bức tường chăm chú nhìn cô, rồi ngay sau đó lại vội vã theo cô qua cổng. Bên ngoài đường cậu bắt kịp cô. Cô có mùi giống như những

người làm việc chân tay vất vả khác. Cậu nhớ lại cô đã từng có mùi thơm của hoa. “Có chuyện gì vậy?” cậu hỏi.

“Không, không có chuyện gì cả,” cô nói cụt ngắn và bước nhanh hơn.

Jack cố theo kịp cô. “Cô không nhớ tôi. Lần trước khi chúng ta gặp nhau, cô đã giải thích cho tôi làm sao đứa nhỏ được thụ thai.”

“Ồ, im đi và đi ra chỗ khác!” cô la lên.

Cậu dừng lại và để cô tiếp tục đi. Cậu thất vọng. Rõ ràng là cậu đã nói những điều không đúng lúc.

Cô đã đối xử với cậu như một đứa trẻ khó chịu. Cậu đã mười ba tuổi, nhưng có lẽ lứa tuổi đó đối với cô, từ cái nhìn của người hơn mười tám tuổi, dường như vẫn còn là trẻ con.

Cậu nhìn cô đi đến một ngôi nhà, lấy chìa khóa từ sợi dây da treo ở cổ, và mở cửa.

Cô sống ở ngay đây!

Điều đó dĩ nhiên thay đổi mọi chuyện!

Bất ngờ viễn tượng bỏ rừng về sống ở Kingsbridge dường như không quá xấu. Cậu có thể nhìn thấy nàng công chúa mỗi ngày. Điều đó sẽ bù đắp lại rất nhiều.

Cậu đứng lại nơi cậu đang đứng, nhìn vào cánh cửa, nhưng cô không xuất hiện.

PHẦN TÁM

1140 - 1142

I

Cô gái điểm mà William chọn không phải là rất đẹp, nhưng bộ ngực to và mái tóc xoăn của cô đã thu hút cậu. Cô bước đến bên cậu, lắc lư đôi hông và cậu thấy cô già hơn cậu nghĩ, có lẽ hai mươi lăm hay ba mươi, trong khi miệng cô mỉm cười một cách ngây thơ, đôi mắt cô nghiêm khắc và tính toán. Walter chọn cô tiếp sau. Ông chọn một cô gái nhỏ, trông có vẻ dễ bị tổn thương, có thân hình nam tính, ngực phẳng. Khi William và Walter đã chọn xong, bốn chàng hiệp sĩ khác bước vào.

William đã đem họ đến nhà thổ bởi vì họ cần được giải trí. Đã nhiều tháng nay họ không có cuộc chiến nào và họ trở nên buồn chán và thường hay gây gổ.

Cuộc nội chiến đã nổ ra các đây một năm, giữa vua Stephen và kẻ thù của ông, Maud, được gọi là nữ hoàng, hiện nay đang vắng mặt. William và quân của ông đã theo Stephen khắp vùng tây nam nước Anh. Chiến lược của Stephen là đánh mạnh nhưng thất thường. Ông sẽ tấn công một trong những đồn lũy của Maud một cách mạnh mẽ, nhưng khi ông không thắng được ngay, ông dễ bỏ cuộc và lại kéo quân đi. Người lãnh đạo quân đội phía bên kia không phải là Maud mà là em trai cùng cha khác mẹ Robert, bá tước của Gloucester; và cho đến nay Stephen vẫn không thể ép buộc ông ấy có một cuộc chiến đối đầu. Đây là một cuộc chiến tranh thiếu quyết đoán, với nhiều vận động và ít giao tranh thực tế; vì thế mà quân đội mỗi mệt.

Nhà thổ được chia thành từng phòng nhỏ bằng vách che, mỗi phòng có nệm rơm. William và hiệp sĩ của ông đem cô gái họ chọn vào sau vách che. Cô gái điếm của William điều chỉnh tấm bình phong để có không gian riêng tư, kéo áo xuống để lộ bộ ngực. Ngực cô lớn như William đã hình dung, nhưng núm vú của cô to và trên ngực cô hiện lên những đường gân của đàn bà, những người đã cho con bú, và William thất vọng. Tuy nhiên cậu kéo cô về phía mình, ôm lấy ngực cô và mân mê núm vú. “Nhẹ thôi,” cô nói với giọng phản đối nhẹ nhàng. Cô quàng tay qua cậu và kéo hông cậu về phía trước, cọ xát vào cô. Một lúc sau cô đẩy tay giữa hai thân thể và lần mò xuống quần cậu.

Cậu lẩm bẩm chửi thề. Cơ thể cậu không đáp ứng.

“Đừng lo,” cô thì thầm. Giọng chiều cố của cô làm cậu tức giận, nhưng cậu không nói gì khi cô buông mình khỏi vòng tay cậu, quỳ xuống, kéo áo cậu lên và bắt đầu làm việc bằng miệng.

Lúc đầu cảm giác làm cậu hài lòng, và cậu nghĩ mọi chuyện sẽ tốt đẹp, nhưng sau sự rung động ban đầu cậu lại mất hứng. Cậu quan sát khuôn mặt cô mà đôi lúc đã thu hút cậu, nhưng bây giờ nó không còn mấy ấn tượng. Cậu bắt đầu tức giận và nó lại càng làm cậu teo lại.

Cô ngưng lại và nói: “Cố thư giãn.” Khi cô bắt đầu lại, cô hút quá mạnh làm cậu đau. Ông kéo mình ra, và rằng cô làm xước da nhạy cảm của cậu và cậu kêu rú lên. Cậu tát mu bàn tay vào mặt cô. Cô thở hỗn hển và ngã sang một bên.

“Con đi vụng về,” cậu gầm gừ. Cô nằm trên nệm dưới chân cậu, nhìn lên cậu sợ hãi. Cậu đập vào cô, vì tức giận hơn là vì ác ý. Nó trúng vào bụng cô. Nó mạnh hơn cậu thực sự dự định, và cô quặn người vì đau.

Sau cùng cậu nhận ra thân thể cậu đòi hỏi.

Cậu quỳ xuống, kéo cô nằm ngả lưng và cười lên mình cô. Cô nhìn cậu với đôi mắt sợ hãi và đau đớn. Cậu kéo áo cô lên đến ngang hông. Lông giữa hai chân cô rậm và xoắn. Cậu thích điều đó. Cậu vuốt ve cơ thể cậu khi cậu nhìn ngắm thân thể cô. Nó vẫn chưa đủ cứng. Mắt cô lộ vẻ sợ hãi. Cậu cho rằng cô đã cố ý làm cho cậu mất hứng để cô khỏi phải phục vụ

cậu. Ý nghĩ này làm cậu tức điên lên. Cậu nắm tay và đấm mạnh vào mặt cô.

Cô hét lên và cố gắng chui ra khỏi cậu. Cậu dùng sức nặng của mình lên người cô, ghì cô xuống, nhưng cô tiếp tục chống cự và gào thét. Bây giờ cậu hoàn toàn cương lên. Cậu cố gắng kéo giàng chân cô ra, nhưng cô chống cự.

Tấm bình phong mở ra và Walter bước vào, chỉ mang giày và áo lót, với cậu nhỏ chĩa ra ngoài như cái cột cờ. Hai người hiệp sĩ khác đến sau ông: Ugly Gervase và Hugh Axe.

“Giữ cô ấy xuống cho tôi,” William nói với họ.

Ba chàng hiệp sĩ quỳ xuống xung quanh cô gái điếm và giữ cô yên.

William cho vào cô, rồi ngưng lại, thưởng thức những gì sắp xảy ra.

Walter nói: “Chuyện gì xảy ra vậy, thưa chủ?”

“Cô ta thay đổi ý định khi cô nhìn thấy kích thích của nó,” William nói với một nụ cười.

Tất cả cười to lên. William xâm nhập vào cô. Cậu thích làm việc đó khi có nhiều người theo dõi. Cậu bắt đầu cho ra cho vào.

Walter nói: “Ông đã ngắt quãng vừa khi tôi cho vào.”

William có thể nhìn thấy Walter chưa thỏa mãn. “Cho vào trong miệng cô ta,” cậu nói. “Cô ta thích thế.”

“Tôi sẽ thử nó.” Walter thay đổi vị trí, nắm tóc người phụ nữ, nâng đầu cô lên. Bây giờ cô ấy quá sợ nên sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì, cô hợp tác nhanh chóng. Gervase và Hugh không cần phải giữ cô nữa, nhưng họ ở lại để xem. Họ thích thú nhìn: có lẽ họ chưa bao giờ thấy một phụ nữ phục vụ hai người đàn ông cùng lúc. Ngay cả William cũng chưa nhìn thấy. Đó là điều tò mò thú vị. Walter dường như cũng cảm thấy như thế, bởi vì sau một lúc ông thở dồn dập và người ông co rúm lại rồi ông ra. Nhìn Walter, một hai giây sau William cũng làm như vậy.

Một lúc sau, họ đứng lên. William vẫn còn hứng thú. “Tại sao hai bạn không làm cô ấy?” cậu nói với Gervase và Hugh. Cậu muốn xem cảnh này được diễn lại.

Tuy nhiên họ không hào hứng. “Một người yêu bé nhỏ chờ đợi tôi,” Hugh nói, và Gervase tiếp lời: “Tôi cũng vậy.”

Cô gái điếm đứng lên và mặc lại áo. Mặt cô không biểu lộ cảm xúc nào. William nói với cô: “Nó không tệ, phải không?”

Cô đứng trước mặt ông và nhìn vào ông, rồi cô mở miệng và nhổ vào cậu. Cậu cảm thấy mặt cậu đầy chất lỏng dính và ấm: cô đã giữ tinh dịch của Walter trong miệng cô. Chất lỏng làm ông không còn thấy gì. Tức giận, ông dơ tay lên đánh cô, nhưng cô chui ra khỏi tấm bình phong. Walter và hai người hiệp sĩ phá lên cười. William nghĩ đó không phải là chuyện buồn cười, nhưng cậu không thể đuổi theo cô gái với tinh dịch đầy trên mặt và cậu nhận ra rằng cách duy nhất để giữ thể diện là làm ra vẻ không thèm quan tâm đến, vì thế cậu cười theo.

Ugly Gervase nói: “Vâng, thưa ngài, tôi hy vọng ông không có con với Walter!” và họ cười ầm lên. Thậm chí William cũng cảm thấy buồn cười. Họ cùng nhau rời buồng, đi dựa vào nhau và lau dụi mắt. Các cô gái khác chăm chú nhìn họ, trông có vẻ sợ sệt: họ đã nghe thấy cô gái điếm của William kêu thét lên và sợ bị liên lụy. Một hai khách hàng tò mò lên nhìn từ các buồng khác. Walter nói: “Lần đầu tiên tôi thấy tinh dịch bắn ra từ một cô gái!” và họ lại cười to.

Một trong những người cận vệ của William đứng ngoài cửa, trông có vẻ lo lắng. Cậu chỉ là một chàng trai và có lẽ chưa bao giờ vào nhà thổ. Cậu mỉm cười một cách cuống quýt không biết có nên tham gia vào cuộc vui không.

William nói với cậu: “Mày làm gì ở đây, thằng ngu này?”

“Có một tin cho ông, thưa ngài,” người cận vệ của William nói.

“Được, đừng mất giờ, hãy nói cho tôi biết chuyện gì vậy?”

“Tôi rất tiếc, thưa ngài,” cậu bé nói. Trông cậu quá sợ hãi đến nỗi William nghĩ cậu sẽ quay đi và chạy ra khỏi nhà.

“Mày tiếc về chuyện gì, thằng khốn nạn này?” William gầm lên. “Nói ngay cho tôi biết!”

“Thưa ngài, bố ngài đã qua đời,” cậu bé thốt ra và bật khóc.

William đứng như trời chổng. Chết? Cậu nghĩ. Chết? “Nhưng bố tôi hoàn toàn còn khỏe mạnh!” Cậu ngớ ngẩn quát lên. Sự thật là ông không còn có thể chiến đấu trên trận địa nữa, nhưng đó không phải là sự ngạc nhiên đối với người gần năm mươi tuổi. Người cận vệ tiếp tục khóc. William nhớ lại hình ảnh của ông trong lần cuối cùng cậu gặp ông: mặt đỏ, nồng nhiệt, nóng tính, và tràn đầy sức sống như một người có thể có; và đó chỉ... Cậu nhận ra với một cái sốc nhỏ, rằng lần cuối cùng cậu gặp bố là cách đây đã một năm. “Chuyện gì đã xảy ra với ông?” cậu hỏi người cận vệ.

“Ông bị nhồi máu, thưa ngài,” người cận vệ nước nở.

Một cơn nhồi máu. Dần dần cậu bình tĩnh lại để nhận ra rằng bố cậu đã thực sự chết. Người đàn ông to lớn, mạnh mẽ, nóng tính hay quát tháo đang nằm bất lực và lạnh lẽo trên một tấm đá ở một nơi nào đó...

“Tôi phải về nhà,” William bất ngờ nói.

Walter nói nhẹ nhàng: “Trước hết ông nên xin phép vua cho nghỉ phép.”

“Đúng, nó hợp lý,” William nói mơ hồ. “Tôi phải xin phép.” Tâm trí cậu hỗn loạn.

“Chúng ta phải trả tiền cho chủ nhà thổ,” Walter nói.

“Đúng,” William trao cho Walter chiếc ví của cậu. Một người choàng chiếc áo lên vai cậu. Walter thì thầm điều gì đó với chủ nhà thổ và cho bà ít tiền. Hugh Axe mở cửa cho William. Tất cả đi ra.

Họ đi yên lặng qua những con đường của thị trấn nhỏ. Cậu cảm thấy bị tách ra một cách khác thường như thể cậu quan sát mọi thứ từ trên cao. Cậu không thể tưởng tượng được là bố cậu không còn sống nữa. Khi họ đến gần tổng hành dinh, cậu cố tập trung lại.

Vua Stephen đang chủ tọa một phiên tòa trong nhà thờ, bởi vì ở đây không có lâu đài hay tòa thị chính. Nó là một nhà thờ nhỏ, bằng đá đơn giản với các bức tường bên trong được sơn màu đỏ sáng, xanh và cam. Một ngọn lửa được đốt giữa nhà, và nhà vua đẹp trai, mái tóc màu hung ngồi gần đồng lửa trên một ngai bằng gỗ, với đôi chân duỗi ra về phía trước trong một tư thế thoải mái mà ông thường làm. Ông mặc quần áo binh lính, giày cao cổ và áo khoác da, nhưng ông đội vương miện thay vì đội mũ sắt.

William và Walter chen qua đám đông những người khiếu kiện gần cửa nhà thờ, gạt đầu chào người lính gác có nhiệm vụ giữ công chúng lại và sai bước vào phía trong. Stephen đang nói chuyện với một bá tước mới đến, nhưng ông chú ý ngay đến William và cắt ngang ngay câu chuyện với bá tước. “William, ông đã nghe gì chưa?”

William cúi đầu. “Tâu vua.”

Stephen đứng lên. “Tôi chia buồn với ông,” ông nói. Ông ôm William và giữ chặt cậu một lúc trước khi bỏ cậu ra.

Sự đồng cảm của ông làm những giọt nước mắt đầu tiên của William rơi xuống. “Tôi muốn xin phép ông cho tôi được nghỉ phép để về nhà,” cậu nói.

“Sẵn sàng, mặc dù không muốn chút nào,” nhà vua nói. “Chúng tôi mất đi cánh tay phải mạnh mẽ của ông.”

“Cảm ơn, thưa ngài.”

“Tôi cũng cho ông giữ lãnh địa của Shiring, và tất cả lợi nhuận từ đó, cho đến khi vấn đề người kế vị được quyết định. Hãy về chôn cất bố và mau trở lại sớm bao nhiêu có thể.”

William cúi chào và rút lui. Nhà vua tiếp tục cuộc nói chuyện với bá tước. Nhân viên trong hoàng cung tụ tập quanh William để chia buồn với cậu. Sau đó ý nghĩa của lời vua nói làm cậu đau lòng. Ông cho cậu tạm giữ lãnh địa cho đến khi vấn đề người kế vị được quyết định. Vấn đề gì? William là con duy nhất của bố cậu. Làm sao lại có thể có vấn đề? Cậu nhìn các khuôn mặt quanh cậu và mắt cậu để ý đến một linh mục trẻ, một trong những người hiểu biết nhất trong giới tu sĩ của nhà vua. Ông kéo vị linh mục lại phía mình và nói khẽ: “Nhà vua nói ‘vấn đề người thừa kế’ nghĩa là làm sao, Joseph?”

“Có một người khác nữa đứng lên đòi lãnh địa.”

“Một người nữa khiếu kiện?” William lập lại trong sự ngạc nhiên. Cậu không có anh em cùng cha khác mẹ, không có anh em bất hợp pháp, anh em họ... “Vậy là ai?”

Joseph chỉ tay về một nhân vật đang đứng quay lưng về phía họ. Cậu ấy đi cùng với bá tước vừa đến. Cậu ấy mặc quần áo của một cận vệ.

“Nhưng cậu ấy chưa phải là một hiệp sĩ!” William nói lớn. “Bố tôi là bá tước của Shiring!”

Người cận vệ nghe thấy và quay lại. “Bố tôi cũng là bá tước của Shiring.”

Lúc đầu William không nhận ra cậu. Cậu nhìn thấy một thanh niên đẹp trai, vai rộng chạc mười tám tuổi, mặc quần áo đẹp và mang một thanh kiếm tốt. Cậu tỏ ra tự tin và kiêu ngạo trong cách đứng. Nổi bật hơn hết, cậu nhìn chăm chăm vào William với cái nhìn hoàn toàn hận thù đến nỗi William chùn lại.

Khuôn mặt này trông có vẻ quen thuộc. Nhưng William vẫn chưa nhận ra đã gặp cậu ở đâu. Rồi cậu nhìn thấy vết sẹo bên tai phải của người cận vệ, nơi dải tai đã bị cắt. Trong nháy mắt cậu nhớ lại một miếng thịt trắng rơi trên ngực phụng phồng của một trinh nữ, và nghe tiếng một đứa trẻ hét lên. Đó là Richard, con trai của kẻ phản bội Bartholomew, người em của Aliena. Cậu bé đã bị bắt buộc xem cảnh hai người đàn ông hãm hiếp chị mình bây giờ đã trở thành một thanh niên oai nghi với ánh lửa hận thù trong đôi mắt xanh sáng. William bất ngờ kinh hoàng sợ hãi.

“Ông nhớ rồi, phải không?” Richard cố nói bằng giọng nhẹ nhưng không dấu được sự giận dữ lạnh lùng tiềm ẩn trong đó.

William gật đầu. “Tôi nhớ.”

“Tôi cũng vậy, William Hamleigh,” Richard nói. ”Tôi cũng vậy.”

William ngồi trong một chiếc ghế lớn ở đầu bàn, nơi bố cậu thường ngồi. Cậu luôn biết rằng một ngày nào đó cậu sẽ chiếm chỗ này. Cậu đã tưởng tượng rằng cậu sẽ mạnh mẽ kinh khủng khi cậu nhận cương vị này, nhưng thực tế cậu hơi sợ hãi. Cậu sợ người ta nói rằng cậu không phải là người như bố cậu, và người ta sẽ không tôn trọng cậu. Mẹ cậu ngồi bên tay phải cậu. Cậu đã thường theo dõi bà, khi cha cậu còn ngồi trên ghế này, và quan sát cách bà đánh vào sự sợ hãi và yếu điểm của ông để đạt được điều bà muốn. Cậu quyết định không để bà làm như vậy đối với cậu.

Arthur, một người đàn ông tóc hoa râm, hòa nhã, trước kia là quản lý tài sản của Bá tước Bartholomew, ngồi bên trái cậu. Sau khi trở thành bá tước, bố cậu đã thuê Arthur, vì ông biết nhiều về đất đai. William luôn nghi ngờ

về quyết định này vì những nhân viên của các người khác thường theo đường lối của chủ cũ.

“Vua Stephen không thể phong Richard thành bá tước,” bà mẹ giận dữ nói. “Cậu ấy chỉ là một cận vệ.”

“Ngay cả con cũng không hiểu được làm sao cậu ấy lại có thể xoay sở được chuyện đó,” William cau kinh nói. “Con nghĩ họ không còn đồng xu nào. Nhưng cậu ấy có quần áo đẹp và một thanh kiếm tốt. Họ lấy đâu ra tiền?”

“Cậu ấy đứng vững nhờ buôn len,” bà mẹ nói. “Cậu ấy kiếm ra tiền mà cậu ấy cần. Hay đúng hơn, chị của cậu ấy – Mẹ nghe nói Aliena làm kinh doanh.”

Aliena. Thì ra cô ấy ở đằng sau việc này. William chẳng bao giờ hoàn toàn quên cô, nhưng từ khi chiến tranh xảy ra, cô không còn theo đuổi tâm trí cậu nhiều nữa, cho đến khi gặp Richard. Từ đó cô thường xuyên ở trong tâm trí cậu, tươi vui và xinh đẹp, dễ tổn thương và đáng khao khát hơn bao giờ hết. Cậu ghét cô vì cô hơn cậu.

“Vậy thì bây giờ Aliena giàu rồi phải không?” cậu hỏi như không muốn quan tâm đến.

“Đúng. Nhưng con đã chiến đấu cho vua cả năm nay. Nhà vua không thể khước từ quyền kế vị của con.”

“Richard cũng đã can đảm chiến đấu nữa,” William nói. “Con đã dò hỏi. Tệ hơn nữa, sự can đảm của cậu ấy đã được nhà vua lưu ý đến.”

Biểu lộ của bà mẹ thay đổi từ tức giận, khinh miệt thành trầm tư thận trọng. “Vậy là thực sự cậu ấy có cơ hội.”

“Con sợ như thế.”

“Đúng. Chúng ta phải tìm cách chống lại.”

William bộc phát nói: “Bằng cách nào?” Cậu đã quyết định không để mẹ can dự vào nhưng bây giờ cậu lại hỏi bà.

“Con phải trở lại với nhà vua, mang theo một đoàn hiệp sĩ mạnh hơn với vũ khí mới và ngựa tốt, và rất nhiều hộ vệ và binh lính.”

William thích chống lại bà nhưng cậu biết bà có lý. Sau cùng nhà vua có lẽ sẽ trao lãnh địa cho người có triển vọng trở thành người hỗ trợ đắc lực

nhất – không tùy thuộc vào đúng hay sai theo pháp lý.

“Đó không phải là tất cả,” bà mẹ tiếp tục. “Con phải biết chăm sóc bề ngoài và hành động như một bá tước. Nhà vua sẽ coi đó như là một yếu tố cho việc bổ nhiệm.”

Mặc dù còn nhiều nghi ngờ, William vẫn háo hức. “Một bá tước phải ăn mặc và cư xử ra sao?”

“Hãy nghĩ nhiều hơn trong đầu. Hãy có một quan điểm cho mọi sự: nhà vua nên tiến hành chiến tranh ra sao, chiến thuật tốt nhất cho mỗi cuộc chiến, tình hình chính trị ở miền Bắc – đặc biệt điều này – khả năng và sự trung thành của các bá tước khác. Nói chuyện với người này về người kia. Kể cho bá tước của Huntingdon rằng bá tước của Warenne là một người chiến đấu vĩ đại; kể cho giám mục của Ely rằng con không tin tưởng cảnh sát trưởng của Lincoln. Người ta sẽ nói với vua: ‘William thành Shiring thuộc phe của Warenne’, hay ‘William thành Shiring và thuộc hạ của ông chống lại cảnh sát trưởng của Lincoln.’ Nếu con tỏ ra uy quyền, nhà vua sẽ an tâm trao cho con nhiều quyền lực.”

William không tin lắm về những sự tinh tế như vậy. “Con nghĩ sức mạnh của quân đội được coi trọng hơn,” cậu nói, rồi cậu quay sang người quản lý tài sản. “Còn bao nhiêu tiền trong kho bạc của tôi, Arthur?”

“Không có gì, thưa ngài,” Arthur nói.

“Ông nói gì thế?” William gay gắt nói. “Phải còn chút gì chứ! Còn bao nhiêu?”

Arthur hơi trịnh thượng như thể ông không có gì phải sợ William. “Thưa ngài, không có đồng nào trong kho bạc.”

William muốn siết cổ ông ấy. “Đây là lãnh địa Shiring!” cậu nói, đủ lớn để các hiệp sĩ và quan chức lâu đài từ bàn xa nhìn lên. “Ở đây phải có tiền!”

“Dĩ nhiên tiền luôn luôn đến, thưa ngài,” Arthur ôn tồn nói. “Nhưng nó lại ra, nhất là trong thời chiến.” William nghiêng cứu khuôn mặt nhợt nhạt, râu được cạo sạch. Arthur quá tự mãn. Ông ta có trung thực không? Không thể nói được. William ước mong đôi mắt cậu có thể nhìn vào tim ông.

Bà mẹ biết những gì William nghĩ. “Arthur trung thực,” bà nói, không ngần ngại dù ông ta còn ở đó. “Ông ấy già, lười biếng, làm theo ý mình, nhưng ông ta trung thực.”

William thất vọng. Cậu mới ngồi vào chiếc ghế này và quyền lực của cậu đã dần dần mất đi, như là ma thuật. Cậu như bị nguyên rửa. Dường như đó là một định luật rằng cậu luôn là một đứa bé trước mặt người khác dù cậu bao nhiêu tuổi. Yếu ớt, cậu nói: “Làm sao chuyện đó có thể xảy ra được?”

Bà mẹ nói: “Bố con đã bệnh hơn nửa năm qua trước khi ông mất. Mẹ thấy bố lơ là nhiều chuyện, nhưng mẹ không thể bắt bố làm bất cứ chuyện gì.”

Việc bà không có mọi khả năng là một điều mới lạ đối với William. Cậu chưa bao giờ thấy bà không theo cách của bà. Cậu quay qua Arthur. “Chúng ta có vài đất nông nghiệp tốt nhất trong vương quốc. Tại sao chúng ta lại không có xu nào?”

“Một vài nông trại gặp khó khăn, và nhiều người chưa trả tiền thuê.”

“Nhưng tại sao?”

“Một nguyên do tôi thường nghe là các người trẻ không muốn làm việc ở nhà quê nữa, mà bỏ lên tỉnh ở.”

“Vậy chúng ta phải ngăn họ lại!”

Arthur nhún vai. “Một nông nô nếu đã sống ở thành phố được một năm, họ sẽ là người tự do. Đó là luật.”

“Còn những người chưa trả tiền thuê, ông làm gì với họ?”

“Chúng ta có thể làm gì?” Arthur nói. “Nếu chúng ta lấy đi kế sinh nhai của họ, họ sẽ chẳng bao giờ có thể trả. Vì thế chúng ta phải kiên nhẫn, và hy vọng một mùa gặt tốt giúp họ có thể trả.”

Nhìn chung, Arthur bất lực trong việc giải quyết vấn đề này, William tức giận nghĩ; nhưng lúc này cậu kìm hãm tính khí của cậu lại. “Tốt, nếu các người trẻ di chuyển vào thành phố, thế còn tiền thuê nhà ở Shiring ra sao? Nó phải mang lại một số tiền?”

“Một cách lạ lùng, không đem lại đồng nào,” Arthur nói. “Một số lớn nhà ở Shiring bỏ không. Các người trẻ dường như đi nơi khác.”

Hay mọi người đang nói dối ông, William nghĩ. “Tôi đoán ông đang định nói rằng thu nhập từ chợ ở Shiring và hội chợ lông cừu cũng như vậy?”

“Vâng –“

“Vậy tại sao ông không tăng tiền thuê và thuế lên?”

“Chúng tôi đã làm, thưa ngài, theo lệnh của bố ngài, nhưng dù sao thu nhập vẫn đi xuống.”

“Với bất động sản không mang lại hiệu quả như vậy, tại sao Bartholomew đã có thể sống thoải mái được?” William nói trong bức tức.

Cho vấn đề này Arthur cũng đã có câu trả lời: “Ông ấy có quặng đá. Ngày xưa nó đã mang lại rất nhiều tiền.”

“Và bây giờ nó nằm trong tay của vị tu sĩ đáng ghét.” William run lên. Ngay lúc cậu cần phô trương, cậu biết cậu không còn đồng xu dính túi. Tình hình nguy hiểm cho cậu. Nhà vua chỉ cho cậu tạm thời giữ lãnh địa. Đó là một loại thử thách. Nếu cậu trở lại hoàng cung với một đội quân nhỏ bé, nó có thể được coi là cậu vô ơn hoặc ngay cả không trung thành.

Bên cạnh đó, bức tranh ảm đạm mà Arthur vẽ ra có thể không hoàn toàn đúng. William cảm thấy chắc chắn người ta lừa dối cậu – và có lẽ họ còn cười sau lưng cậu nữa. Ý nghĩ đó làm cậu tức giận. Cậu không thể bỏ qua nó. Cậu phải tỏ cho họ biết. Phải có đổ máu trước khi cậu chấp nhận thất bại.

“Ông luôn luôn có một lời bào chữa cho mọi việc,” cậu nói với Arthur. “Thực tế là ông đã không coi sóc bất động sản này trong thời gian bố tôi bị bệnh mà chính ra đó là thời điểm ông cần cảnh giác nhất.”

“Nhưng thưa ngài –“

William cao giọng: “Nếu ông không câm miệng, tôi sẽ ra lệnh đánh ông.”

Arthur tái mặt và lặng im.

William nói: “Bắt đầu từ ngày mai, chúng ta sẽ đi một vòng quanh lãnh địa. Chúng ta sẽ thăm mọi làng thuộc quyền của tôi, và đánh thức họ. Có thể ông không biết phải xử sự thế nào với những nông dân hay than van, lười biếng, nhưng tôi biết. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ tìm ra xem lãnh địa của

tôi kiệt quệ như thế nào. Và nếu ông đã nói dối tôi, tôi thề ông sẽ là người đầu tiên trong số nhiều người bị treo cổ.”

Ngoài Arthur, cậu mang theo người phục vụ Walter và bốn hiệp sĩ khác, những người đã chiến đấu bên cạnh cậu trong năm qua: Ugly Gervase, Hug Axe, Gilbert de Rennes và Miles Dice. Họ đều là những người to con, hung bạo, dễ nổi giận và luôn sẵn sàng chiến đấu. Họ cưỡi ngựa tốt nhất và mang đầy đủ vũ khí để dọa giai cấp nông dân. William cho rằng một người đàn ông bất lực là người mà người ta không sợ.

Đó là một ngày nóng nực vào mùa hè, và những bó lúa chất đống trong cánh đồng. Sự giàu có hiển nhiên càng làm William thêm nổi giận vì cậu không có đồng xu nào. Phải có một ai đó ăn cướp của cậu. Ai dám làm chuyện đó. Gia đình cậu đã chiếm được cả lãnh địa của Bartholomew khi ông bị thất sủng, và bây giờ cậu không có xu nào trong khi con của Bartholomew giàu có. Ý tưởng rằng người ta đã ăn cắp của cậu, và cười vào sự ngu dốt của cậu, day dứt cậu giống như một cơn đau dạ dày, và cậu càng giận dữ hơn trên đường đi.

Cậu quyết định bắt đầu ở Northbrook, một ngôi làng nhỏ nằm hẻo lánh xa lâu đài. Dân làng lẫn lộn giữa nông nô và người tự do. Nông nô thuộc quyền sở hữu của William, và họ không được phép làm bất cứ chuyện gì nếu không có phép của cậu. Họ phải làm việc cho cậu một số ngày vào những thời điểm nhất định trong năm, và chia cho cậu một phần hoa lợi. Những người tự do chỉ phải trả tiền thuê, bằng tiền mặt hay bằng hiện vật. Năm trong số họ còn thiếu nợ. William để ý rằng có thể họ nghĩ vì họ ở xa lâu đài nên họ có thể trốn được nợ. Nó có thể là một nơi tốt để bắt đầu cuộc thanh trừng này.

Đó là một chuyến đi dài, và mặt trời lên cao khi họ đến làng. Có chừng hai mươi hay ba mươi nhà được bao quanh bởi ba cánh đồng lớn vừa gặt xong. Gần những căn nhà, ở một góc cánh đồng, ba cây sồi to đứng thành một cụm. Khi William và đoàn tùy tùng đến gần, cậu thấy hầu hết dân làng đang ngồi dưới gốc sồi và ăn trưa. Vài trăm mét sau cùng, cậu thúc ngựa phi nhanh, và những người khác cũng làm theo. Họ dừng lại trước mặt dân làng trong một đám bụi mù.

Trong khi dân làng đứng lên, nuốt nốt miếng bánh trong miệng và dụi bụi ra khỏi mắt, đôi mắt nghi ngờ của William quan sát một cảnh kỳ lạ. Một người trung niên có bộ râu đen nói nhẹ nhàng nhưng khẩn trương với một cô gái má phúng phính đỏ đang bế một em bé má đỏ. Một thanh niên tham gia với họ và bị người đàn ông lớn tuổi đuổi đi ngay. Rồi cô gái chạy đi về hướng các căn nhà và mất hút trong bụi. William tò mò. Có một cái gì đó lén lút trong cảnh này, và William ước mong có mẹ ở đây để cắt nghĩa nó.

Cậu quyết định không làm gì về chuyện đó trong lúc này. Cậu nói với Arthur bằng giọng đủ to để mọi người có thể nghe thấy. “Năm người thuê nhà của tôi ở đây còn thiếu nợ phải không?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Ai thiếu nhiều nhất?”

“Athelstan đã không trả từ hai năm nay, nhưng ông ấy không gặp may mắn với đàn heo của ông –“

William cắt lời Arthur. “Ai trong các ông là Athelstan?”

Một người đàn ông cao, gù lưng chừng bốn mươi lăm tuổi tiến ra phía trước. Ông có mái tóc mỏng và mắt đầy nước.

William nói: “Tại sao ông không trả tiền thuê cho tôi?”

“Thưa ngài, đất tôi nhỏ và tôi không có người giúp việc, ngoài ra các con trai tôi đã đi làm trong phố, rồi heo còn bị sốt –“

“Chờ một chút,” William nói. “Con trai ông đi đâu?”

“Tới Kingsbridge, thưa ngài, để làm việc cho nhà thờ chính tòa ở đó, bởi vì chúng muốn kết hôn, như những người trẻ khác, và đất tôi không đủ cho ba gia đình.”

Thông tin về các người trẻ đi làm việc cho nhà thờ chính tòa ở Kingsbridge được William ghi nhớ trong đầu để suy nghĩ trong tương lai. “Đất ông đủ lớn để hỗ trợ ít nhất cho một gia đình, nhưng tại sao ông không trả tiền thuê?”

Athelstan bắt đầu lại kể về đàn heo của ông. William hiềm ác nhìn ông, nhưng không để ý nghe. Tôi biết tại sao ông không trả, cậu nghĩ; ông biết chủ ông bị bệnh và ông quyết định lừa bịp trong khi ông ấy không có sức

để thi hành quyền hạn của ông ấy. Bốn người khác cũng nghĩ như vậy. Ông ăn cướp của chúng tôi khi chúng tôi yếu thế.

Một lúc lâu cậu đã tự thương hại mình. Năm người họ đã cười khúc khích về sự khôn ngoan của họ, cậu cảm thấy chắc chắn như thế. Tốt, bây giờ họ sẽ học được bài học. “Gilbert và Hugh, bắt người nông dân này và giữ chặt ông ta,” cậu trầm tĩnh nói.

Athelstan vẫn còn đang nói. Hai người hiệp sĩ xuống ngựa và đến gần ông ta. Câu chuyện về heo bị sốt của ông không có giá trị. Hai hiệp sĩ giữ chặt cánh tay ông. Mặt ông xanh đi vì sợ.

William nói với Walter trong cùng một giọng trầm tĩnh. “Ông có mang theo găng tay bằng móc xích sắt không?”

“Có, thưa ngài.”

“Đeo chúng vào. Cho Athelstan một bài học. Nhưng để ông ta sống để loan tin này.”

“Vâng, thưa ngài.” Walter lấy từ trong bị bên yên ngựa một đôi găng tay da với chuỗi mắt xích nhỏ khâu trên đốt ngón tay và lưng ngón tay. Ông chậm rãi đeo chúng vào. Tất cả dân làng nhìn trong sợ hãi, và Athelstan bắt đầu rên rỉ vì kinh hoàng.

Walter xuống ngựa, đến gần Athelstan và đâm vào bụng ông. Tiếng đâm vào bụng ông vang lên ghê rợn. Athelstan gập người lại, nghẹt thở không còn kêu lên được. Gilbert và Hugh kéo ông ta thẳng lên và Walter đâm vào mặt ông. Máu trào ra từ miệng và mũi ông. Một người đứng xem, một người đàn bà có lẽ là vợ ông, rú lên, nhảy vào Walter và hét to: “Ngừng lại! Hãy để cho ông ấy yên! Đừng giết ông ấy!”

Walter gạt bà ra, và hai người phụ nữ nắm lấy bà và kéo bà trở lại. Bà tiếp tục la hét và vùng vẫy. Các nông dân khác nhìn xem trong chống đối yên lặng khi Walter đánh Athelstan một cách có hệ thống cho đến khi cơ thể ông mềm nhũn, khuôn mặt ông đầy máu và mắt ông nhắm lại bất tỉnh.

“Cho ông ấy đi,” sau cùng William nói.

Gilbert và Hugh thả Athelstan ra. Ông ngã xuống đất và nằm yên. Các đàn bà khác buông vợ ông ấy ra và bà chạy tới ông, khóc thốn thức và quỳ

xuống bên cạnh ông. Walter cởi găng tay, và gỡ máu và thịt khỏi dây xích nhỏ.

William không còn thích thú gì về Athelstan. Nhìn quanh làng, cậu thấy bên bờ con rạch một cấu trúc hai tầng bằng gỗ còn mới. Cậu chỉ vào nó và hỏi Arthur: “Cái gì đây?”

“Trước đây tôi chưa nhìn thấy nó, thưa ngài,” Arthur lo lắng nói.

William nghĩ ông ta nói dối. “Đó là một máy xay bằng nước phải không?”

Arthur nhún vai, nhưng sự thờ ơ của ông không thuyết phục William. “Một cấu trúc được xây dựng ngay bên bờ suối thì tôi không thể tưởng tượng nó là cái gì khác.”

Làm sao ông ấy dám xác láo khi ông ấy vừa nhìn thấy một nông dân bị đánh gần chết theo lệnh của William? Hầu như tuyệt vọng, William nói: “Có phải nông nô của tôi được phép xây dựng nhà máy xay mà không cần xin phép tôi không?”

“Không, thưa ngài.”

“Ông có biết lý do tại sao điều này bị cấm không?”

“Vì họ sẽ đem lúa của họ tới nhà máy xay của lãnh chúa và trả tiền xay cho lãnh chúa.”

“Và lãnh chúa được hưởng lợi.”

“Vâng, thưa ngài.” Arthur nói bằng giọng điệu của một người giải thích những cơ bản nhất cho một đứa trẻ. “Nhưng nếu họ trả tiền phạt cho việc thiết lập nhà máy xay, lãnh chúa cũng được hưởng lợi giống như thế.”

William điên lên về giọng nói của ông. “Không, lãnh chúa sẽ không hưởng lợi giống nhau. Tiền phạt bao giờ cũng ít hơn tiền công xay lúa. Đó là lý do tại sao họ thích xây nhà máy xay. Và đó là lý do tại sao bố tôi không cho phép họ xây.” Không cho Arthur cơ hội đáp lại, cậu đạp vào ngựa và đi đến nhà máy xay. Các hiệp sĩ đi theo ông, và dân làng theo sau họ thành một đám đông rời rạc.

William xuống ngựa. Không còn nghi ngờ gì về tòa nhà này nữa. Một bánh xe lăn lớn được quay bởi sức mạnh của dòng nước chảy. Bánh xe quay một trục xuyên qua bức tường nhà máy xay. Nó là một kiến trúc chắc

chắn bằng gỗ, bền vững cho lâu dài. Người nào xây dựng nó chắc cũng đã hy vọng sẽ sử dụng nó miễn phí trong nhiều năm.

Người xay lúa đứng bên ngoài cánh cửa mở, mang bộ mặt vô tội đáng thương. Trong căn phòng phía sau ông là những bao hạt được xếp gọn gàng. William xuống ngựa. Người xay lúa cúi chào cậu một cách lịch sự, nhưng có phải trong cái nhìn của ông dấu ẩn một thoáng khinh miệt? Một lần nữa William có một cảm giác đau đớn rằng những người này coi cậu không ra gì, và cậu không có khả năng áp đặt ý muốn của cậu trên họ. Cảm giác đó làm cậu thấy sự bất lực của cậu. Sự phẫn nộ và thất vọng bùng lên trong cậu, và cậu giận dữ hét người xay lúa. “Tại sao ông dám làm việc này? Ông nghĩ là tôi ngu đần sao? Có phải vậy không? Có phải đó là điều ông nghĩ không?” Rồi cậu đâm vào mặt ông ấy.

Người xay lúa kêu lên một tiếng kêu đau đớn và gục xuống đất.

William bước qua ông và đi vào bên trong. Trục của bánh xe được kết nối bởi một số các bánh răng bằng gỗ tới trục của đá mài ở tầng trên. Hạt được xay sẽ rơi qua một cầu trượt tới một sàn đập ở tầng trệt. Tầng trên phải chịu đựng sức nặng của đá mài, nên được đỡ bởi bốn cột gỗ dày. Những cột gỗ này không nghi ngờ gì là được lấy từ rừng của William mà không có phép. Nếu các cột gỗ bị gãy, toàn bộ công trình sẽ bị sập.

William đi ra ngoài. Hugh Axe mang vũ khí mà qua đó cậu được đặt tên – Hugh búa rìu. William nói: “Đưa cho tôi chiếc búa rìu của ông.” Hugh làm theo. William đi vào lại trong nhà và bửa vào cột gỗ đỡ tầng nhà trên.

Cậu rất hài lòng khi những lưỡi rìu bửa vào tòa nhà mà các nông dân đã cẩn thận xây dựng để lừa phí xay của cậu. Khi tôi làm xong việc này, cậu nghĩ một cách dã man, không còn ai dám cười tôi nữa.

Walter đi vào và đứng nhìn. William bửa một khe sâu vào một trong những cột gỗ và búa thứ hai cắt luôn một nửa cột gỗ. Sàn tầng nhà trên, nơi chịu gánh nặng lớn của cối đá xay, bắt đầu rung lên. William nói: “Lấy một sợi dây thừng.” Walter đi ra ngoài.

William chặt hai cột gỗ khác, chặt sâu như ông dám. Tòa nhà sẵn sàng sụp đổ. Walter trở lại với vài sợi dây thừng. William cột sợi dây thừng vào

một trong những cột gỗ, rồi kéo đầu dây kia ra ngoài và cột nó vào cổ con ngựa chiến.

Các nông dân nhìn xem trong im lặng ủ rũ.

Khi dây thừng đã được cột chắc, William nói: “Người xay lúa đâu?”

Người xay lúa đến gần, vẫn cố gắng làm ra vẻ như đã vị đối xử bất công.

William nói: “Gervase, cột ông ấy lại và đưa ông ấy vào bên trong.”

Người thợ xay cố tìm đường thoát thân, nhưng Gilbert đá vào ông và ngồi trên ông, và Gilbert cột chân tay ông ấy lại bằng dây da. Hai kỵ binh nhắc ông ấy lên. Ông bắt đầu vùng vẫy và nài xin lòng thương xót.

Một người dân làng bước ra khỏi đám đông và nói: “Ông không thể làm điều đó. Đó là giết người. Ngay cả một lãnh chúa cũng không được phép giết người.”

William chỉ một ngón tay run rẩy vào ông. “Nếu ông còn mở miệng lần nữa, tôi sẽ cho ông vào trong với ông ấy.”

Người đàn ông nhìn thách thức, rồi ông ấy nghĩ lại và quay đi.

Các hiệp sĩ ra khỏi nhà máy xay. William cho ngựa tiến về phía trước cho đến khi sợi dây thừng căng ra, rồi ông đập vào mông ngựa và nó kéo đi.

Bên trong tòa nhà, người xay lúa bắt đầu kêu la. Tiếng kêu kinh hoàng. Nó là tiếng kêu sợ hãi của một người lúc sắp chết, một người biết rằng trong vài khoảnh khắc nữa họ sẽ bị đè bẹp cho đến chết.

Con ngựa cựa quậy cái đầu, muốn nói lòng sợ dây thừng quanh cổ nó. William la hét nó, đá vào mông nó cho nó kéo đi, rồi hét các hiệp sĩ: “Kéo dây đi, các ông!” Bốn hiệp sĩ nắm lấy sợi dây và cùng kéo với con ngựa. Tiếng dân làng vang lên phản đối, nhưng họ quá sợ hãi để can thiệp vào. Arthur đứng một bên, trông có vẻ bệnh hoạn.

Tiếng hét của người thợ xay inh ỏi. William tưởng tượng ông ấy phải chờ đợi cái chết khủng khiếp trong một quá trình kinh hoàng như thế nào. Không người nào trong số những nông dân này sẽ quên được sự trả thù của gia đình Hamleigh, cậu nghĩ.

Tiếng gõ kêu cọt kẹt; sau đó là tiếng kêu răng rắc khi nó đổ. Con ngựa lao về phía trước và các hiệp sĩ bỏ sợi dây ra. Một phía mái sụp xuống. Các

phụ nữ kêu khóc. Các bức tường bằng gỗ lung lay; tiếng la hét của người thợ xây to hơn; một tiếng đổ ầm kinh khủng khi tầng trên đổ xuống; tiếng kêu của người thợ xây đột ngột im bật; và mặt đất rung chuyển khi tảng đá mài rơi xuống trên sân đập lúa. Các bức tường vỡ vụn, mái nhà sập, và trong một thoáng chốc nhà máy không còn gì, ngoài một đống gỗ vụn và một người đàn ông chết trong đó.

William cảm thấy hài lòng.

Một vài dân làng chạy về phía trước và điên cuồng đào bới đống đổ vỡ. Nếu họ chờ đợi tìm thấy người thợ xây vẫn sống, họ sẽ phải thất vọng. Thân thể ông là một cảnh tượng rùng rợn. Thà như vậy còn tốt hơn!

Nhìn quanh, William phát hiện ra cô gái có má đỏ với đứa bé má đỏ đang đứng đằng sau đám đông như thể cô sợ bị phát hiện. Cậu nhớ người đàn ông râu đen – có lẽ là bố cô – đã tìm cách cho cô trốn đi. Cậu quyết định tìm ra bí mật này trước khi rời làng. Cậu nhìn cô và ra hiệu cho cô. Cô nhìn vào phía sau, hy vọng cậu đã chỉ vào người nào khác. “Cô,” William nói. “Lại đây.”

Người đàn ông râu đen nhìn thấy cô và càu nhàu bực tức.

William nói: “Ai là chồng cô?”

Ông bố nói: “Cô ấy không có chồng –”

Đã quá trễ, bởi vì cô gái nói: “Edmund.”

“Thì ra cô đã kết hôn. Nhưng ai là bố cô?”

“Tôi,” người đàn ông râu đen nói. “Theobald.”

William quay sang Arthur. “Có phải Theobald là người tự do không?”

“Ông ấy là nông nô, thưa ngài.”

“Và khi người con gái của nông nô kết hôn, đó không phải là quyền của lãnh chúa, chủ của cô, được hưởng cô trong đêm tân hôn sao?”

Arthur bị sốc. “Thưa ngài, tục lệ thô lỗ này từ xa xưa đã không còn được áp dụng trong vùng đất này của thế giới.”

“Đúng,” William nói. “Thay vào đó, ông bố phải trả tiền phạt. Theobald đã trả bao nhiêu?”

“Ông ta chưa trả, nhưng –”

“Chưa trả! Vậy mà cô ấy đã có một đứa con má đỏ mập mập!”

Theobald nói: “Chúng tôi chẳng bao giờ có tiền, thưa ngài, và cô ấy có con với Edmund và muốn được kết hôn, nhưng bây giờ chúng tôi có thể trả, bởi vì mùa gặt đã tới.”

William mỉm cười với cô gái. “Cho tôi xem đứa bé.”

Cô nhìn cậu sợ hãi.

“Lại đây, đưa đứa bé cho tôi.”

Cô sợ hãi nhưng cô đứng chết lặng, không thể tiến lên trao đứa bé. William đến gần và nhẹ nhàng lấy đứa bé khỏi tay cô. Mắt cô đầy kinh hoàng nhưng cô không thể chống lại cậu.

Đứa nhỏ bắt đầu khóc. William giữ nó một lúc, và sau đó dùng một tay nắm hai cổ chân nó và với một chuyển động nhanh chóng ném nó lên cao bao nhiêu có thể.

Cô gái hét lên và nhìn theo đứa bé bay lên cao.

Ông bố chạy về phía trước với hai cánh tay dang ra đỡ nó khi nó rơi xuống.

Trong khi cô gái nhìn lên và kêu la, William nắm áo cô và xé nó ra. Cô có một thân thể trẻ trung, màu hồng và tròn trịa.

Cô gái chạy đi, nhưng William giữ cô lại và quật cô xuống nền đất.

Ông bố trao đứa bé cho một phụ nữ và quay lại nhìn William.

William nói: “Vì tôi không được hưởng quyền của tôi trong đêm tân hôn, và tiền phạt cũng chưa được trả, nên bây giờ tôi sẽ lấy những gì thuộc về quyền tôi.”

Ông bố lao vào cậu.

William rút gươm ra.

Ông bố dừng lại.

William nhìn cô gái đang nằm trên đất, cô gắng dùng hai tay che đậy sự trần truồng của mình. Sự sợ hãi của cô kích động cậu. “Và khi tôi làm xong, các hiệp sĩ của tôi sẽ làm cô ấy nữa,” cậu nói với nụ cười mãn nguyện.

II

Trong ba năm qua, Kingsbridge đã thay đổi không còn nhận ra được.

William đã không đến đây từ lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, khi Philip và đoàn người thiện nguyện của ông đã phá vỡ kế hoạch của Giám mục Waleran Bigod. Ngày trước có bốn mươi hay năm mươi ngôi nhà gỗ nằm rải rác bên cổng tu viện và dọc theo lối đi lầy lội đến cây cầu. Bây giờ, khi đến gần ngôi làng, cậu nhìn qua cánh đồng nhấp nhô và thấy ít nhất số nhà đã tăng lên gấp ba lần. Chúng tạo nên một đường vành nâu xung quanh bức tường đá màu xám của tu viện và hoàn toàn đổ đầy khoảng cách giữa tu viện và dòng sông. Nhiều nhà trông rộng lớn. Trong khu tu viện đã có nhiều tòa nhà bằng đá mới, và bức tường của nhà thờ dường như cao nhanh. Có hai cầu cảng mới bên dòng sông. Kingsbridge đã thành một thị trấn.

Khung cảnh nơi đây xác nhận sự nghi ngờ đã lớn lên trong tâm trí cậu từ khi cậu về lại nhà sau chiến tranh. Khi cậu đi một vòng quanh lãnh địa, đòi lại tiền thuê và khùng bố các nông nô không vâng lời, cậu thường nghe nói về Kingsbridge. Những người trẻ không có đất đai canh tác đến đó làm việc; gia đình giàu có gửi con đến học ở tu viện; gia đình nhỏ bán trứng và phô mát cho các công nhân làm việc trên công trường xây dựng; và ai có khả năng đều đến đó vào các ngày lễ nghỉ, mặc dù ở đó chưa có nhà thờ chính tòa. Hôm nay là ngày lễ nghỉ - lễ Tổng lãnh Thiên thần Micae, năm nay rơi vào ngày chủ nhật. Đó là một buổi sáng mùa thu sớm, nhẹ nhàng, thời tiết tốt thuận tiện cho hành trình, vì thế có đông người đến đó. William chờ đợi có thể tìm ra lý do đã thu hút người ta đến Kingsbridge.

Năm cận vệ của cậu cùng đi. Họ đã hoàn thành công việc tốt trong các làng. Tin tức về chuyến đi của William truyền đi với tốc độ kỳ lạ, và chỉ sau vài ngày người ta đã biết những gì đang chờ đợi họ. Khi William đến một làng nào đó, dân làng đã sai các trẻ em và phụ nữ trẻ vào ẩn trong rừng. William thích tạo nên sự sợ hãi trong tâm hồn người khác: nó giữ họ

trong vị trí của họ. Chắc chắn bây giờ họ biết cậu là người có quyền ra lệnh.

Khi nhóm họ đến gần Kingsbridge, cậu thúc ngựa phi nước đại và đoàn tùy tùng cũng làm theo. Đến bằng tốc độ nhanh luôn tạo ấn tượng mạnh. Những người trên đường đi dạt qua hai bên hoặc nhảy vào ruộng để tránh những con ngựa lớn.

Họ chạy lóc cóc trên chiếc cầu gỗ, tạo nên tiếng ồn ào lớn và bỏ qua trạm thu phí, nhưng con đường hẹp trước mặt họ bị ngăn lại bởi chiếc xe chở đầy vôi, được kéo bởi hai con bò lớn, chậm chạp; và những con ngựa của hiệp sĩ phải đột ngột giảm tốc độ lại.

William nhìn quanh và theo xe bò lên đồi. Những căn nhà mới xây vội vã giữa các nhà cũ. Cậu chú ý đến một tiệm ăn, một quán bia và một tiệm đóng giày. Không nhầm lẫn được, sự thịnh vượng đang phát triển ở đây. William ghen tị.

Tuy nhiên, không có nhiều người trên đường phố. Có lẽ tất cả họ ở trong tu viện.

Với các hiệp sĩ đằng sau, cậu theo xe bò vào cổng tu viện. Đó không phải là cách mà cậu thích vào, và cậu cũng lo lắng có người nhìn thấy và cười cậu. Nhưng may mắn thay, không ai để ý đến cậu.

Trái ngược với thị trấn hoang vắng bên ngoài bức tường, khuôn viên tu viện ồn ào với các sinh hoạt.

William ghìm ngựa lại và nhìn quanh, cố gắng có cái nhìn tổng quát. Có rất nhiều người và nhiều sinh hoạt làm cậu hoang mang. Sau đó cậu nhận ra cảnh tượng được chia thành ba phần.

Gần cậu nhất, ở phía tây của khu tu viện, có một khu chợ. Các quầy hàng được dựng theo hàng, từ bắc đến nam, và hàng trăm người chen chúc giữa các lối đi. Họ mua đồ ăn và nước uống, mũ và giày dép, dao, dây thắt lưng, vịt, chó, chấu, bông tai, len, sợi, dây thừng và hàng chục nhu cầu cần thiết và xa xỉ khác. Khu chợ rõ ràng đã phát triển mạnh, và các đồng xu, nửa đồng xu và đồng hào được trao từ tay người này qua người khác tạo nên một khối giao dịch tiền tệ lớn lao.

Chẳng có gì lạ, William cay đắng nghĩ, khi khu chợ ở Shiring suy sụp vì ở đây có một khu chợ phồn thịnh thay thế. Tiền thuê từ chủ quầy, phí về dịch vụ và thuế bán hàng thay vì vào kho bạc của lãnh chúa ở Shiring, nay lại làm đầy kho bạc của tu viện Kingsbridge.

Nhưng một khu chợ cần giấy phép của nhà vua, và William chắc chắn Tu viện trưởng Philip không có. Cậu lên kế hoạch để bắt ông, giống như bắt người thợ xay ở Northbrook. Đáng tiếc cho William là nó không dễ để cho Philip một bài học.

Đằng sau khu chợ là một khu yên tĩnh. Tiếp giáp với tu viện, nơi khu trung tâm của nhà thờ cũ, có một bàn thờ dưới bóng cây và một tu sĩ tóc bạc đứng trước đó và đọc sách. Ở phía bên kia bàn thờ, các tu sĩ ngồi theo hàng hàng hoàng và hát thánh ca, mặc dù ở khoảng cách này tiếng ồn ào của chợ búa đã che lấp tiếng hát của họ. Đó là một cộng đoàn nhỏ. Đây có lẽ là giờ kinh trưa, một giờ kinh dành cho các tu sĩ, William nghĩ: tất cả công việc và chợ búa sẽ ngưng lại cho thánh lễ chính kính Thiên thần Micae, dĩ nhiên.

Ở phía bên kia khu tu viện, gian phía đông của nhà thờ chính tòa đang được xây. Đây là nơi tu viện trưởng chi tiền mà ông đã thu được từ khu chợ, William chưa chát nghĩ. Những bức tường đã xây cao được ba mươi hay bốn mươi feet, và nó đã có thể nhìn thấy nét đại cương của các cửa sổ và mái vòm của đường đi hai bên gian phụ. Người lao động làm việc khắp nơi trên công trường. William nghĩ họ trông có vẻ kỳ lạ, và sau đó cậu nhận ra đó là do quần áo nhiều màu sắc của họ. Họ không phải là những người lao động thường ngày, dĩ nhiên – lực lượng lao động có lương được nghỉ lễ hôm nay. Những người lao động này là những người thiện nguyện.

Cậu không ngờ số người này quá đông. Hàng trăm đàn ông và đàn bà khênh đá, tách gỗ, lăn thùng và lấy những xe cát nặng từ dòng sông. Tất cả họ làm việc không nhận gì cả, chỉ để được tha thứ tội lỗi của họ.

Tu viện trưởng tinh ranh này đã tổ chức một cách khôn ngoan, William quan sát một cách ghen tị. Những người đến làm việc cho nhà thờ sẽ tiêu tiền trên chợ. Những người đến chợ sẽ dùng vài giờ làm việc cho nhà thờ vì tội lỗi của họ. Vì thế tay này rửa tay kia.

Cậu thúc vào ngựa cho tiến về phía trước và đi ngang nghĩa địa tới phía khu tòa nhà để quan sát nó kỹ hơn.

Tám cột trụ lớn của đường mái vòm đứng thành hàng hai dọc theo chiều dài của khu xây dựng. Từ xa William tưởng đã có thể nhìn thấy mái vòm được nối từ đầu cột này sang đầu cột khác, nhưng bây giờ cậu nhận ra mái vòm chưa được xây – những gì cậu nhìn thấy chỉ là những khuôn gỗ hình mái vòm, trong đó những viên đá được giữ cho đến khi vừa khô. Những khuôn gỗ không cần cột chống từ nền nhà, nhưng nằm trên các khuôn nhô ra trên đầu cột trụ.

Song song với đường mái vòm, các bức tường ngoài của hai gian phụ đang cao lên, với những khoảng trống đều đặn dành cho cửa sổ. Từ giữa bức tường của hai cửa sổ nhô ra một trụ đỡ. William nhìn vào phần cuối của những bức tường chưa hoàn thành và nhận ra chúng không phải hoàn toàn bằng đá, nhưng là bức tường đôi, ở giữa có một khoảng trống mà có lẽ sẽ được đổ đầy bằng đá vụn và vữa.

Giàn giáo được làm bằng những cột chắc chắn cột lại với nhau bằng dây, sàn cầu được làm bằng cây nhỏ và phiến đan bằng lau sậy.

Một số tiền lớn đã được chi tiêu ở đây, William ghi nhận.

Cậu cưỡi ngựa đi chung quanh bên ngoài gian cung thánh, theo sau là những cận vệ. Dựa vào tường là những túp lều bằng gỗ, nhà xưởng và nhà nghỉ cho các thợ thủ công. Hầu hết chúng đều đóng cửa, bởi vì hôm nay không có thợ xây làm tường, cũng như không có thợ mộc làm giàn giáo. Tuy nhiên, các thợ thủ công giám sát – thợ xây chính và thợ mộc chính – đang chỉ đạo các người lao động thiện nguyện, chỉ cho họ chỗ xếp các viên đá, các thanh gỗ và cát mà họ khiêng từ dưới sông lên.

William đi quanh gian phía đông của nhà thờ tới phía nam, nơi đường đi bị những tòa nhà của tu viện chặn lại. Rồi cậu quay trở lại, kinh ngạc trước sự khôn ngoan của Tu viện trưởng Philip đã biết dùng các thợ thủ công chính làm việc trong ngày lễ và người tình nguyện làm việc không lương.

Khi cậu suy nghĩ lại những gì cậu đã thấy, rõ ràng tu viện trưởng là nguyên nhân chính gây nên sự suy tàn của lãnh địa Shiring. Các trang trại thiếu đi các người trẻ vì họ làm trên công trường xây dựng, và Shiring –

hòn ngọc của lãnh địa – bị lu mờ vì thị trấn mới Kingsbridge đang mọc lên. Dân cư trả tiền thuê cho Philip, chứ không phải William, và những người mua bán ở ngoài chợ tạo ra thu nhập cho tu viện, chứ không phải cho lãnh địa. Và Philip có gỗ, trang trại cừu và mỏ đá, những thứ một thời đã làm giàu cho lãnh chúa Shiring.

William và đoàn tùy tùng đi trở lại sân tới khu chợ. Cậu quyết định nhìn kỹ hơn. Cậu thúc ngựa vào giữa đám đông, nhưng chỉ nhích đi được. Dân chúng không sợ hãi tán loạn tránh đường cho cậu. Khi ngựa thúc vào họ, họ nhìn cậu tức bực hay khó chịu chứ không khiếp sợ; và không ai hạ mình nhường đường cho cậu, nhưng họ thanh thản đi trên đường của họ. Điều đó làm cậu lo lắng. Nếu người ta không khiếp sợ cậu thì cậu cũng khó ra lệnh cho họ.

Cậu đi xuống theo một hàng các quầy rồi lại đi lên ở hàng sau, với các hiệp sĩ phía sau. Cậu trở nên tức bực với đám đông di chuyển chậm chạp. Đi bộ có lẽ nhanh hơn; nhưng cậu chắc chắn rằng dân cư Kingsbridge cứng đầu này có lẽ sẽ tự mãn đủ để chen lấn cậu.

Đang trên đường đi cậu thấy Aliena.

Cậu cho ngựa dừng lại đột ngột và sững sờ nhìn cô.

Cô không còn là cô bé gầy, căng thẳng, sợ hãi trong đôi guốc gỗ mà cậu đã nhìn thấy trong lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống cách đây ba năm. Khuôn mặt cô, ngày trước cau lại vì căng thẳng, bây giờ đầy đặn, và cô trông khỏe mạnh và hạnh phúc. Đôi mắt cô ánh lên niềm vui và mái tóc cô xõa xuống trên mặt khi cô lắc đầu.

Cô quá đẹp đến nỗi cô làm cho William choáng lên vì thèm muốn.

Cô mặc chiếc áo thêu màu đỏ tươi và bàn tay cô lung linh với nhẫn. Có một bà già cùng đi với cô, đứng xa cô một chút, giống như người phục vụ. Cô có nhiều tiền, mẹ cậu đã nói; và đó là lý do tại sao Richard có thể trở thành một cận vệ và gia nhập quân đội của vua Stephen với vũ khí đẹp. Một cô gái cơ cực, không xu dính túi, bất lực – làm sao cô có thể làm được điều ấy?

Cô ở gian hàng bán kim chỉ và các nhu yếu phẩm về may vá, và đang nói chuyện hào hứng với người bán hàng, một người Do Thái tóc đen ngắn. Từ

cách của cô đáng khâm phục, và cô thoải mái, tự tin. Cô đã tìm lại được tư thế đỉnh đạc của một người con gái của bá tước.

Cô trông già hơn. Cô phải già hơn, dĩ nhiên: William hai mươi bốn, vì thế bây giờ cô phải hai mươi một tuổi. Nhưng cô trông già hơn thế. Không còn nét trẻ thơ trong cô. Cô đã trưởng thành.

Cô quay lên và bắt gặp ánh mắt cậu.

Lần trước cậu nhìn cô, cô đã đỏ mặt xấu hổ và trốn đi. Lần này cô đứng nguyên và nhìn lại cậu.

Cậu cố gắng nở nụ cười thân thiện.

Khuôn mặt cô tỏ lộ sự khinh bỉ ghê tởm.

William cảm thấy mặt cậu đỏ lên. Cô ngạo mạn hơn bao giờ hết, và bây giờ cô khinh thường cậu như cô đã làm cách đây năm năm về trước. Cậu đã làm nhục và chiếm đoạt cô, nhưng cô vẫn không kinh sợ cậu. Cậu muốn nói chuyện với cô, và nói với cô rằng cậu có thể làm lần nữa những gì cậu đã làm với cô trước đây; nhưng cậu không muốn hét lên trước mặt đám đông. Cái nhìn thản nhiên của cô làm cậu cảm thấy mình nhỏ bé. Cậu cố gắng chế nhạo cô, nhưng cậu không có thể và cậu biết cậu đã vừa làm một cái nhản mặt ngu xuẩn. Trong sự bối rối cậu quay đi và thúc vào ngựa, nhưng đám đông cản đường vì thế cậu chỉ có thể đi từng bước một và cái nhìn khinh miệt của cô đốt cháy cổ cậu.

Sau cùng cậu ra khỏi khu chợ và cậu gặp mặt Tu viện trưởng Philip.

Người đàn ông gốc Welsh lùn, đứng chống tay trên hông và cầm ngẩng lên khiêu khích về phía trước. Ông không còn hoàn toàn gầy như trước, và mái tóc ít ỏi của ông đã ngả từ màu đen sang màu xám, William nhận thấy. Ông không còn trông quá trẻ cho chức vụ của ông. Bây giờ đôi mắt xanh sáng lên vì tức giận. “Ngài William!” ông gọi bằng giọng ra lệnh.

William cố tách đầu óc mình khỏi dòng suy nghĩ về Aliena và cậu nhớ lại cậu còn món nợ phải đòi Philip. “Tôi cũng vui được gặp ông, thưa tu viện trưởng.”

“Và tôi vui vì gặp ông,” Philip nói giận dữ, nhưng chiếc bóng của cái cau mày hiện trên trán ông.

“Ông đang có một khu chợ ở đây.” William buộc tội.

“Vậy thì sao?”

“Tôi không nghĩ rằng vua Stephen đã cho phép mở một khu chợ ở Kingsbridge. Các vị vua khác cũng vậy, như tôi được biết.”

“Ai cho phép ông?”

“Tôi hay bất cứ người nào –“

“Ông!” Philip quát to, cắt lời ông. “Làm sao ông dám đến đây và nói chuyện về phép tắc. Ông, một người trong thánq qua đã đi qua miền này và đã đốt phá, trộm cắp, hiếp dâm và ít nhất đã giết chết một người!”

“Điều đó không có gì liên hệ gì với –“

“Làm sao ông dám đến một tu viện và hỏi về giấy phép!” Philip hét lên. Ông bước lên, chỉ ngón tay vào William, và con ngựa của William sợ hãi né tránh. Giọng của Philip mạnh hơn William và cậu không nói được một lời. Một đám đông các tu sĩ, người tình nguyện và người đi chợ tụ họp chung quanh. Không gì có thể ngăn cản Philip. “Qua những gì ông đã làm, ông chỉ còn một cách để nói: ‘Lạy cha, con đã phạm tội!’ Ông nên quỳ gối xuống trong tu viện này! Ông phải xin tha thứ, nếu ông muốn thoát khỏi lửa hỏa ngục.”

William tái mặt. Nghe nói về hỏa ngục, ông kinh hoàng, hoảng hốt. Ông cố gắng ngăn Philip lại: “Thế còn khu chợ của ông thì sao? Thế thì khu chợ của ông thì sao?”

Philip không muốn nghe cậu. Ông đang trong cơn phẫn nộ. “Hãy xin tha thứ những tội lỗi khủng khiếp ông đã làm!” ông hét lên. “Hãy quỳ xuống! Hãy quỳ xuống! Hay ông sẽ bị thiêu đốt trong hỏa ngục!”

William hầu như sợ đủ để tin rằng cậu sẽ phải đau khổ trong lửa hỏa ngục, trừ khi cậu quỳ xuống và cầu nguyện ngay bây giờ trước mặt Philip. Cậu biết chính ra cậu phải xưng tội lâu rồi, không những vì những tội cậu phạm trong chuyến thăm lãnh địa vừa qua, mà còn tội giết bao nhiêu người trong chiến tranh. Cậu sẽ ra sao nếu cậu chết trước khi xưng tội? Cậu bắt đầu cảm thấy run khi nghĩ về ngọn lửa đời đời và các quỷ dữ với những con dao sắc.

“Philip tiến về phía cậu, chỉ ngón tay và hét: “Hãy quỳ xuống!”

William lùi ngựa lại. Cậu tuyệt vọng nhìn xung quanh. Đám đông vây quanh cậu. Các hiệp sĩ ở đằng sau cậu, kinh ngạc nhìn: họ không thể quyết định đối phó thế nào với một đe dọa tinh thần từ một tu sĩ không vũ khí. William không thể chịu sự sỉ nhục hơn nữa. Sau Aliena, giờ lại thêm chuyện này nữa! Cậu kéo dây cương làm con ngựa chiến chồm lên nguy hiểm. Đám đông trước móng vuốt nguy hiểm của con ngựa phân tán ra hai bên. Khi bàn chân trước của nó rơi xuống đất, cậu đá mạnh vào nó và nó lao về phía trước. Đám đông dạt ra. Cậu đá nó một lần nữa, và nó phi nhanh. Nóng mặt vì xấu hổ, cậu trốn qua cổng tu viện với các hiệp sĩ theo sau, giống như một bầy chó gầm gừ bị một bà già đuổi đi bằng một cây chổi.

William xưng các tội của cậu, trong sợ hãi và run rẩy, trên nền nhà bằng đá lạnh lẽo của một ngôi nhà nguyện nhỏ ở dinh thự giám mục. Giám mục nghe trong thinh lặng, mặt ông đỏ ra kinh tởm khi nghe William xưng về những tội cậu đã phạm, từ tội giết người, đánh đập đến hãm hiếp. Ngay cả khi xưng tội, William cảm thấy sự ghê tởm của giám mục kiêu hãnh, với bàn tay trắng sạch đặt trên ngực, và lỗ mũi trắng hếch lên một chút như muốn nói rằng có mùi gì khó chịu trong không khí bẩn. William phải đau khổ khi xưng tội với Waleran, nhưng vì tội cậu quá nặng mà một linh mục thường không thể tha được. Vì thế cậu quỳ xuống, đầy sợ hãi, trong khi Waleran ra lệnh cho cậu đốt một cây đèn châu, luôn luôn cháy sáng trong nhà nguyện ở lâu đài lãnh chúa, và rồi bảo cậu là tội cậu đã được tha.

Chậm rãi như sương mù, nỗi sợ hãi của cậu tăng lên.

Họ bước ra khỏi nhà nguyện vào không khí đầy khói của đại sảnh và ngồi bên ống sưởi. Mùa thu đã nhường chỗ cho mùa đông và căn nhà đá lạnh lẽo. Một người nhà bếp mang lên bánh mì nóng có gia vị mật ong và gừng. Cuối cùng William cảm thấy mọi chuyện ổn định.

Rồi cậu nhớ lại vấn đề khác: Con của Bartholomew, Richard, đã xin được tiếp nhận lãnh địa, và William quá nghèo để có thể trang bị cho một đoàn quân lớn để gây ấn tượng cho nhà vua. Trong tháng qua cậu đã thu về một khoản tiền đáng kể nhưng vẫn chưa đủ. Cậu thở dài và nói: “Vị tu sĩ đáng ghét đang uống máu của lãnh địa Shiring.”

Waleran lấy một miếng bánh bằng ngón tay xanh xao, có móng dài như móng vuốt. “Tôi đã tự hỏi ông cần bao lâu để đi đến kết luận này.”

Dĩ nhiên, từ lâu Waleran đã nghĩ về nó trước cả William. Ông quá tự cao. Tốt hơn William không nên nói với ông về chuyện đó. Nhưng cậu muốn nghe ý kiến của giám mục về một quan điểm pháp lý. “Nhà vua đã chẳng bao giờ cho phép mở một chợ ở Kingsbridge, có phải vậy không?”

“Theo tôi biết, không.”

“Vậy Philip phạm luật.”

Waleran nhún đôi vai gầy dưới chiếc khăn đen. “Như ông muốn, đúng.”

Waleran có vẻ không quan tâm đến, nhưng William đào sâu thêm. “Phải ngưng ông ấy lại.”

Waleran mỉm cười. “Ông không thể xử sự với ông ấy giống như ông làm với người nông nô có con gái lấy chồng mà không có giấy phép.”

William đỏ mặt: Waleran vừa đề cập đến một tội ông vừa xưng, “Vậy ông có thể đối xử thế nào với ông ấy?”

Waleran cân nhắc. “Chợ là đặc quyền của nhà vua. Trong thời bình có lẽ chính nhà vua sẽ tự xử lý lấy.”

William cười khinh bỉ. Mặc dù sự thông minh của ông, Waleran không biết rõ vua bằng William. “Ngay cả trong thời bình nhà vua cũng không cảm ơn tôi vì đã kiến nghị tới ông về một ngôi chợ không có giấy phép.”

“Đúng, như thế người đại diện của nhà vua để giải quyết những vấn đề địa phương, là cảnh sát trưởng Shiring.”

“Ông ấy có thể làm gì?”

“Ông ấy có thể truy tố tu viện tại tòa án quận.”

William lắc đầu. “Điều đó chẳng mang lại kết quả gì. Tòa án sẽ đòi tiền phạt, tu viện trả tiền đó, và khu chợ lại tiếp tục. Nó gần giống như cho một giấy phép.”

“Vấn đề là thực sự có những lý do từ chối Kingsbridge thiết lập một ngôi chợ không?”

“Vâng, có!” William phần nộ nói. “Nó lấy đi khách hàng của khu chợ ở Shiring.”

“Shiring cách Kingsbridge một ngày đàng.”

“Dân chúng sẵn sàng đi xa.”

Waleran lại nhún vai. William nhận ra ông nhún vai khi ông không đồng ý. Waleran nói: “Người ta thường nói rằng một người cần một phần ba ngày để đi đến chợ, một phần ba ngày ở chợ và một phần ba ngày để đi về. Vì thế, một ngôi chợ phục vụ cho những người trong vòng một phần ba ngày đường, tương tự với bảy dặm. Nếu hai chợ cách nhau hơn mười bốn dặm, diện tích lưu vực của nó không chồng chéo lên nhau. Shiring cách Kingsbridge hai mươi dặm. Theo luật, Kingsbridge được phép có một khu chợ, và nhà vua nên cấp cho nó.”

“Nhà vua làm những gì ông ấy thích,” William nổi giận, nhưng cậu trở nên ngờ vực. Cậu không biết về luật này. Nó cho Tu viện trưởng Philip một vị trí mạnh mẽ hơn.

Waleran nói: “Dù sao chúng ta cũng không trực tiếp với nhà vua, chúng ta sẽ giả quyết vấn đề với cảnh sát trưởng.” Ông cau mày. “Cảnh sát trưởng chỉ có thể ra lệnh cho tu viện ngưng họp chợ, bao lâu tu viện không có giấy phép.”

“Nó chỉ lãng phí thời gian,” William tức giận nói. “Ai giữ lẽ luật mà chẳng phải vì bị đe dọa?”

“Có thể là Philip.”

William không tin điều đó. “Tại sao ông ta phải giữ?”

Một nụ cười chế nhạo trên đôi môi Waleran. “Tôi không biết có thể giải thích cho ông được không,” ông nói. “Philip tin rằng lẽ luật là nhà vua.”

“Một ý tưởng ngu đần,” William sốt ruột nói. “Nhà vua là nhà vua.”

“Tôi đã nói ông không hiểu.”

Sự hiểu biết hơn của Waleran làm William tức giận. Cậu đứng lên và đi tới cửa sổ. Nhìn ra ngoài, cậu có thể nhìn thấy khu đất đào trên đỉnh ngọn đồi gần đó, nơi Waleran đã khởi công xây dựng một lâu đài cách đây bốn năm. Waleran đã hy vọng có thể xây dựng nó từ tiền thu nhập của lãnh địa Shiring. Philip đã làm hỏng kế hoạch của ông, và bây giờ cỏ đã mọc trở lại trên gò đất và bụi gai mọc đầy nương khô.

William nhớ lại rằng Waleran đã hy vọng xây bằng đá từ mỏ đá của lãnh địa Shiring. Bây giờ Philip có mỏ đá. William trầm ngâm: “Nếu tôi có lại

được mở đá, tôi có thể dùng nó để chân để vay tiền thành lập một đội quân.”

“Vậy tại sao ông không lấy lại nó?” Waleran hỏi.

William lắc đầu. “Tôi đã thử một lần.”

“Và Philip đã qua mặt ông. Nhưng bây giờ không còn tu sĩ nào ở đó nữa. Ông có thể gửi vài người đến đó đuổi các thợ cắt đá đi.”

“Và làm sao tôi ngăn cản được Philip khi ông ấy trở lại như lần trước?”

“Xây một hàng rào cao xung quanh mỏ đá và cho người gác thường xuyên.”

Nó có thể thực hiện được, William háo hức nghĩ. Và nó sẽ giải quyết vấn đề của ông. Nhưng động cơ nào đã thúc đẩy Waleran đề nghị chuyện đó? Mẹ cậu đã cảnh báo phải đề phòng vị giám mục vô lương tâm này. “Một việc duy nhất con cần biết về Waleran Bigod,” bà đã nói, “là mọi chuyện ông ấy làm đều có tính toán cẩn thận. Không có gì là tự nhiên, không có gì là bất cần, không có gì là tình cờ, không có gì là dư thừa. Trên tất cả, không có gì là rộng lượng.” Nhưng Waleran ghét Philip, và đã thề ngăn chặn không cho Philip xây nhà thờ chính tòa. Đó có thể là động cơ của ông.

William nhìn trầm tư vào Waleran. Sự nghiệp của ông bị gò bó. Ông đã trở thành giám mục khi còn rất trẻ, nhưng Kingsbridge là một giáo phận không đáng kể và nghèo nàn, và chắc chắn Waleran dùng nó như những bậc thang cho những dự định xa hơn. Tuy nhiên, không phải giám mục mà là tu viện trưởng, người đã gạt hái được sự thịnh vượng và tiếng tăm. Waleran héo mòn trong bóng của Philip, và William cũng vậy. Cả hai đều có nguyên do để muốn tàn phá Philip.

William quyết định vượt qua sự không ưa Waleran vì mục đích lâu dài của cậu.

“Được,” cậu nói. “Nó có thể thực hiện được. Nhưng giả sử Philip kiến nghị lên nhà vua?”

Waleran nói: “Ông sẽ nói ông làm như vậy để trả thù cho khu chợ không có giấy phép của Philip.”

William gật đầu. “Lời bào chữa nào cũng được, miễn là tôi có thể trở lại chiến trường với một đoàn quân hùng mạnh.”

Trong đôi mắt Waleran có điều ác ý. “Tôi có cảm tưởng Philip không thể xây nhà thờ nếu ông ấy phải mua đá bằng giá thị trường, và nếu ông ấy ngừng xây dựng, Kingsbridge có thể sẽ xuống dốc. Điều đó sẽ giải quyết mọi vấn đề của ông, William.”

William không tỏ lòng biết ơn. “Ông thực sự ghét Philip, phải không?”

“Ông ấy cản đường tôi,” Waleran nói, nhưng trong khoảnh khắc William đã thoáng thấy sự dă man trần truồng dấu ẩn đằng sau thái độ lạnh lùng, tính toán của giám mục.

William trở về với vấn đề thực tế. “Phải có ba mươi thợ mỏ ở đó, một vài người còn có vợ con,” cậu nói.

“Vậy thì sao?”

“Phải có đồ máu.”

Waleran dương đôi lông mày màu đen. “Thật vậy sao?” ông nói. “Vậy tôi sẽ tha tội cho ông.”

III

Họ lên đường khi trời vẫn tối, hy vọng sẽ đến nơi vào lúc bình minh. Họ mang theo đuốc cháy khiến những con ngựa hốt hoảng. Ngoài Walter và bốn hiệp sĩ, William mang thêm sáu binh lính. Theo sau họ là hàng chục nông dân, những người sẽ đào rãnh và làm hàng rào.

William tin vào việc lập kế hoạch quân sự cẩn thận – đó là lý do tại sao ông và quân của ông được vua Stephen tin dùng – nhưng trong trường hợp này cậu không có kế hoạch chiến đấu. Nó chỉ là một cuộc tấn công dễ dàng nên chẳng phải chuẩn bị như một cuộc chiến thật sự. Một vài thợ đá và gia đình của họ không thể có sự chống cự mạnh mẽ; và ngoài ra William nhớ lại, cậu đã được nghe nói rằng người lãnh đạo của nhóm thợ mỏ - Tên ông ta là gì nhỉ? À, Otto Blackface – đã từ chối chiến đấu trong lần Tom đem người của ông đến mỏ đá.

Một buổi sáng tháng mười hai lạnh lẽo hé mở, với giẻ và mảnh vụn của sương treo trên cây giống như quần áo của người nghèo. William không thích mùa này. Trời lạnh vào buổi sáng và tối nhanh vào buổi chiều, lâu đài luôn ẩm ướt, và chỉ được ăn thịt và cá ướp muối. Mẹ cậu dễ nổi nóng và người phục vụ cáu kỉnh. Hiệp sĩ của cậu hay gây gỗ. Cuộc tấn công nhỏ này sẽ tốt cho họ. Nó cũng tốt cho cậu: Cậu đã sắp xếp cầm mỏ đá để vay hai trăm bảng Anh của những người Do Thái ở London. Vào cuối ngày hôm nay tương lai cậu sẽ được bảo đảm.

Khi họ cách mỏ đá chừng trăm dặm William dừng lại, cậu chọn ra hai người và sai họ đi trước, đi bộ. “Có thể có lính gác hoặc chó,” cậu cảnh báo. “Hãy chuẩn bị sẵn một mũi tên trên cây cung.”

Một lúc sau con đường cong về phía trái và bất ngờ chấm dứt ở sườn đồi bị cắt xén. Đó là mỏ đá. Hoàn toàn im lặng. Bên vệ đường, William và người của ông bắt giữ một cậu bé sợ hãi – có lẽ là người học việc được giao cho nhiệm vụ canh gác – và dưới chân cậu là một con chó chết vì một mũi tên đâm qua cổ nó.

Nhóm tiên phong tiến vào, không còn sợ phải giữ yên lặng. William tìm ngựa lại và quan sát hiện trường. Nhiều ngọn đồi đã biến đi so với lần trước cậu đến đây. Giàn giáo được dựng sát sườn đồi đến mọi góc cạnh và chạy xuống một hố sâu bên chân đồi. Các khối đá trong hình dạng và kích thước khác nhau được xếp bên vệ đường, và hai xe bằng gỗ lớn có bánh xe to vĩ đại xếp đầy đá đã sẵn sàng di chuyển. Mọi thứ được bao phủ bằng bụi xám, ngay cả bụi rậm và cây cối. Một khoảng lớn rừng cây đã bị chặt phá – rừng của tôi, William tức giận nghĩ – và có mười hay mười hai căn nhà bằng gỗ, một số có vườn rau nhỏ, một số có chuồng heo. Nó là một ngôi làng nhỏ.

Người lính gác có lẽ đã ngủ - và con chó của ông ta cũng vậy. William nói với cậu bé. “Bao nhiêu người ở đây, cậu bé?”

Cậu bé sợ hãi nhưng can đảm. “Ông là Bá tước William, phải không?”

“Trả lời câu hỏi của ta hay ta sẽ cắt đầu mày bằng thanh kiếm này.”

Cậu tái xanh vì sợ, nhưng đáp lại bằng giọng run run thách thức. “Ông định ăn cắp quặng đá này của Tu viện trưởng Philip sao?”

Chuyện gì xảy ra với tôi vậy, William nghĩ. Ngay cả một đứa trẻ gầy, chưa có râu cũng không sợ tôi. Làm sao người ta dám coi thường tôi? “Mỏ đá này là của tôi!” cậu rít lên. “Hãy quên Tu viện trưởng Philip đi – bây giờ ông ấy không có thể làm gì cho mày nữa đâu. Bao nhiêu người?”

Thay vì trả lời, cậu bé ngửa đầu và la to. “Coi chừng! Có tấn công! Có tấn công!”

Tay William đưa xuống đuôi kiếm. Cậu do dự, nhìn quanh khu nhà. Một khuôn mặt sợ hãi nhìn qua khung cửa. Cậu quyết định quên đi người học việc. Cậu giật một cây đuốc và thúc ngựa đi.

Cậu phi ngựa đến khu nhà, dơ cao ngọn đuốc, nghe tiếng toán quân ở phía sau. Cánh cửa ngôi nhà gần nhất mở ra và một người đàn ông mắt nhắm mắt mở trong quần áo lót nhìn ra. William quăng cây đuốc qua đầu ông. Nó rơi xuống đất vào ngay đồng rơm trên sàn nhà đằng sau ông, và đồng rơm bắt lửa ngay. William hú to vì chiến thắng và phóng ngựa qua.

Cậu đi qua các cụm nhà nhỏ. Đằng sau ông, người của ông bủa vào, la hét và ném đuốc vào các mái nhà tranh. Các cánh cửa mở toang, và đàn ông, đàn bà, trẻ con kinh hoàng bắt đầu đổ ra khỏi nhà, la hét và cố tránh các nhát búa. Tất cả loay hoay trong hoảng sợ khi ngọn lửa bắt cao. William dừng ngựa ở góc và quan sát. Những gia súc đã thoát khỏi chuồng, một con heo điên đại chạy qua chạy lại một cách mù quáng, trong khi một con bò đứng yên, chiếc đầu ngu ngốc của nó lắc từ bên này sang bên kia trong hoang mang. Ngay cả những người trẻ, thông thường rất hiếu chiến, bây giờ cũng bối rối và sợ hãi. Bình minh là thời gian tốt nhất cho những cuộc tấn công như thế này: khi người ta một nửa còn trần truồng, người ta không có hứng thú chiến đấu.

Một người đàn ông da đen đeo giày ra khỏi lều và bắt đầu ra lệnh. Đó phải là Otto Blackface. William không thể nghe thấy ông nói gì. Cậu có thể đoán qua cử chỉ rằng Otto nói với các phụ nữ đem trẻ em trốn vào rừng, nhưng ông ta nói gì với các đàn ông? Một lúc sau William khám phá ra. Hai người thanh niên chạy tới một chiếc lều nằm xa khu nhà ở và mở cửa, nó được khóa ở bên ngoài. Họ đi vào và mang ra những chiếc búa cắt đá

nặng. Otto ra lệnh cho các người khác cũng tới túp lều đó, nó rõ ràng là một nhà kho để công cụ. Họ sẵn sàng tự vệ.

Ba năm trước Otto đã từ chối chiến đấu cho Philip. Điều gì đã làm ông thay đổi?

Bất cứ nó là điều gì, nó cũng đưa ông tới sự chết. William mỉm cười dứt khoát và rút gươm ra.

Bây giờ có sáu hay tám người trang bị với búa và rìu cán dài. William thúc ngựa vào nhóm người đứng quanh cửa nhà kho. Họ tránh ra, nhưng cậu vung kiếm và chém vào tay một người trong nhóm họ. Người đàn ông rơi rìu.

William phóng ngựa đi, rồi lại quay lại. Cậu thở mạnh và cảm thấy hài lòng: trong sức nóng của trận chiến không có sợ hãi mà chỉ có hứng thú. Một vài người của cậu đã nhìn thấy những gì xảy ra và nhìn William chờ lệnh. Cậu ra lệnh cho họ theo cậu và tấn công vào nhóm người thợ đá lần nữa. Họ không thể né tránh sáu hiệp sĩ dễ dàng như họ né tránh một. William đánh gục hai người và nhiều người khác ngã xuống do kiếm từ người của cậu, cậu di chuyển quá nhanh nên không thể đếm được bao nhiêu người đã bị chết hoặc bị thương.

Khi cậu trở lại, Otto tập hợp lực lượng lại. Khi các hiệp sĩ tấn công, các thợ đá phân tán vào các cụm nhà cháy. Nó là một chiến thuật khôn ngoan, William tiếc rẻ nhận ra. Các hiệp sĩ đuổi theo, nhưng các thợ đá dễ dàng né tránh và các con ngựa né tránh các đám nhà cháy. William đuổi theo một người đàn ông tóc xám có một chiếc búa, và nhiều lần bắt hụt ông trước khi ông chạy qua một ngôi nhà có mái đang cháy rực.

William nhận ra rằng Otto là một đối thủ đáng sợ. Ông ta vừa truyền cho các thợ đá can đảm, vừa điều hành họ. Khi nào ông gục xuống, những người khác sẽ bỏ cuộc. William ghìm ngựa và tìm người đàn ông da đen. Hầu hết đàn bà và trẻ em đã trốn hết, chỉ còn hai người trẻ năm tuổi đứng ở giữa chiến trường, nắm tay nhau và khóc. Hiệp sĩ của William chạy theo giữa các căn nhà và đuổi theo thợ đá. William bàng hoàng khi thấy một binh lính của cậu ngã xuống vì một nhát búa, và nằm trên đất, rên rỉ và máu chảy ra: Cậu đã không dự đoán có thương vong về phía cậu.

Một phụ nữ quần trí chạy ra chạy vào một ngôi nhà đang cháy, gọi một điều gì đó mà cậu không nghe được. Bà đang tìm kiếm một ai đó. Sau cùng bà thấy hai đứa bé năm tuổi và xách mỗi đứa một tay. Khi bà đang chạy trốn, bà chạm ngay vào một trong những hiệp sĩ của William, Gilbert de Rennes. Gilbert dơ kiếm đâm vào bà. Bất ngờ Otto nhảy ra từ đằng sau một túp lều và vung chiếc rìu cán dài. Ông sử dụng vũ khí khéo léo và lưỡi chiếc rìu cắt ngang qua đùi và bập vào yên ngựa. Chân bị cắt rơi trên đất, rồi Gilbert hét lên và ngã khỏi ngựa.

Ông sẽ chẳng bao giờ còn chiến đấu được nữa.

Gilbert là một hiệp sĩ đáng giá. Giận dữ, William thúc ngựa về phía trước. Người phụ nữ và trẻ em biến mất. Otto cố gắng kéo lưỡi rìu bị cắm vào yên ngựa ra. Ông nhìn lên và thấy William đang đến. Nếu lúc đó ông ấy chạy đi, ông ấy sẽ thoát, nhưng ông đứng lại và vẫn cố kéo chiếc rìu ra. Khi William đến gần, chiếc rìu được tháo khỏi yên ngựa. William dơ thanh kiếm lên. Otto đứng trên đất và nâng rìu. Vào lúc đó William nhận ra chiếc rìu nhắm vào con ngựa, và người thợ đá có thể làm tê liệt con vật trước khi William có thể đến gần để đánh ông ấy gục xuống. William tuyệt vọng kéo dây cương, và con ngựa trượt chân trước khi đứng lại, nó ngẩng lên và quay đầu xa khỏi Otto. Lưỡi rìu bổ xuống cổ ngựa, và cạnh của chiếc rìu cắm sâu vào bắp thịt khỏe mạnh của con ngựa. Máu chảy ra thành vòi và con ngựa ngã xuống. William nhảy ra khỏi lưng ngựa, trước khi nó gục xuống đất.

Cậu nổi giận. Con ngựa chiến là một gia tài lớn của cậu và đã sống sót với cậu trong suốt một năm của cuộc nội chiến, và bây giờ nó bị chết vì một cái rìu của người thợ đá. Cậu nhảy qua mình nó và tức giận lao vào Otto với thanh kiếm trên tay.

Otto không phải là một nạn nhân dễ ăn. Ông cầm búa rìu bằng cả hai tay và dùng cán gỗ bằng tim gỗ sồi để đỡ lưỡi kiếm của William. William đâm mạnh hơn và mạnh hơn, đẩy lui ông ta. Mặc cho tuổi tác, Otto có bắp thịt mạnh khỏe, và những đòn của William không làm ông chùn chân. William cầm kiếm bằng cả hai tay và đâm mạnh hơn. Một lần nữa Otto lại dùng cán rìu để đỡ, nhưng lần này lưỡi kiếm của William kẹt trong cán gỗ. Rồi Otto

tấn công và William phải lui. William cố kéo lưỡi kiếm ra và khi lưỡi kiếm ra khỏi thì Otto đã ở gần kề bên.

Bất ngờ William sợ mất mạng.

Otto giơ rìu lên. William lùi lại né tránh. Gót chân cậu vấp phải cái gì đó và trượt chân rồi ngã xuống trên con ngựa chết. Cậu rớt xuống trên một vũng máu nóng nhưng cố gắng giữ thanh kiếm của cậu. Otto đứng trên cậu với lưỡi rìu giơ trên cậu. Khi vũ khí giáng xuống, William lăn mình qua bên. Cậu cảm thấy tiếng gió khi chiếc lưỡi rìu sắc cắt không khí bên cạnh mặt cậu; rồi cậu đứng lên và dùng lưỡi kiếm đâm vào người thợ đá.

Một người lính sẽ tránh qua một bên trước khi kéo vũ khí của mình ra khỏi mặt đất, vì người ta dễ bị tổn thương nhất khi đánh hụt một đòn; nhưng Otto không phải là người lính, mà chỉ là một người ngốc dưng cảm, và ông đứng với một tay trên chiếc rìu và tay khác dơ ra để giữ thăng bằng, còn toàn thân trở thành mục tiêu tấn công dễ dàng. Vội vàng William đâm vào, hầu như mù quáng, nhưng nó trúng đích. Mũi kiếm đâm vào ngực Otto. William đẩy mạnh hơn và lưỡi kiếm lướt qua giữa các xương sườn của người đàn ông. Otto buông chiếc rìu, khuôn mặt ông xuất hiện một biểu lộ mà William biết rõ. Đôi mắt ông tỏ vẻ ngạc nhiên, miệng ông mở rộng như muốn hét lên mặc dù không âm thanh nào có thể thốt ra được, và da ông đột nhiên xanh mét. Nó là biểu lộ của một người bị một vết thương chí tử. Để cho chắc chắn, William đẩy mũi kiếm sâu thêm rồi rút ra. Mắt Otto trở ngược lên, một vết máu đỏ tươi chảy trên áo sơ mi của ông và ngay lập tức ông ngã xuống.

William quay ngay lại, quan sát toàn bộ chiến trường. Cậu nhìn thấy hai thợ đá chạy đi, có lẽ đã nhìn thấy người chỉ huy của mình bị giết. Khi họ chạy, họ gọi các người đồng nghiệp khác. Cuộc chiến đã biến thành cuộc rút lui. Các hiệp sĩ đuổi theo người chạy trốn.

William đứng yên lặng, thở dốc. Không ngờ các thợ đá đáng ghét này đã tự vệ! Cậu nhìn Gilbert. Ông ta nằm im, giữa bãi máu, đôi mắt nhắm nghiền. William đặt một tay lên ngực ông ta: không còn hơi thở. Gilbert đã chết.

William đi quanh khu nhà vẫn cháy, đếm xác chết. Ba người thợ đá, cộng thêm một phụ nữ và một trẻ em dường như bị ngựa chà đạp. Ba người lính của William bị thương, và bốn con ngựa chết hoặc thương tật.

Sau khi đếm xong cậu đứng bên xác con ngựa chiến. Cậu yêu quý con ngựa chiến này còn hơn yêu quý hầu hết những người khác. Sau mỗi cuộc chiến cậu thường cảm thấy phấn khởi, nhưng bây giờ cậu chán nản. Nó là một tâm trạng hỗn độn. Đó chỉ là một cuộc thanh trừng đơn giản để đuổi một nhóm công nhân bất lực, nhưng nó lại trở thành một trận đánh với thương vong cao.

Các hiệp sĩ đuổi các thợ đá đến bìa rừng, nhưng không bắt được họ nên đã quay về. Walter cưỡi ngựa đến chỗ William đứng và thấy Gilbert chết trên đất. Ông bước qua và nói: “Gilbert đã giết nhiều người hơn tôi.”

“Không có nhiều người giống như ông ấy, và tôi đã mất ông ấy chỉ vì tranh cãi với một tu sĩ đáng ghét,” William cay đắng nói. “Chưa kể gì đến những con ngựa.”

“Thật tức!” Walter nói. “Những người này đã gây ra một cuộc chiến lớn hơn phiên quân của Robert thành Gloucester!”

William lắc đầu phẫn nộ. “Tôi không biết,” cậu nói, nhìn quanh những xác chết, “họ đã chiến đấu cho điều gì?”

PHẦN CHÍNH

I

Bình minh vừa thức dậy, hầu hết các tu sĩ đang còn ở trong nhà nguyện dưới hầm hát giờ kinh sáng, chỉ còn hai người trong nhà ăn: Johnny Eightpence đang lau sàn nhà ở phía đầu của căn phòng rộng, và Jonathan đang giả chơi trường học ở một đầu khác.

Tu viện trưởng ngừng lại ở ngưỡng cửa và chăm chú nhìn Jonathan. Nó hầu như đã năm tuổi, một đứa bé nhậy cảm, tự tin và với sự hấp dẫn thơ ngây được lòng mọi người. Johnny vẫn cho nó mặc bộ tu phục nhỏ. Hôm nay Jonathan giả làm cha giáo tập, ra bài cho một hàng các học sinh. “Sai rồi, Godfrey!” nó nói nghiêm khắc với một hàng ghế trống. “Không có bữa ăn tối cho bạn, nếu bạn không học berves!” Nó muốn nói verbs – động từ. Philip trù mếu mím cười. Ông không thể yêu một người con trai nào sâu sắc hơn. Duy nhất chỉ có Jonathan trong đời này cho ông niềm vui không giả tạo.

Đứa bé chạy quanh trong tu viện giống như con chó nhỏ và được các tu sĩ vuốt ve chiều chuộng. Đối với hầu hết các tu sĩ, nó giống như một con vật cưng, một món đồ chơi thích thú; nhưng đối với Philip và Johnny nó còn hơn thế nữa. Johnny yêu nó giống như một người mẹ; và Philip, mặc dù ông cố gắng che dấu, cảm thấy mình như bố của cậu bé. Chính ông đã được nuôi nấng từ khi còn nhỏ bởi một viện phụ tốt lành, và đối với ông dường như nó tự nhiên trong thế giới này khi ông đóng cùng vai trò đó với Jonathan. Ông không cù nó hay đuổi theo nó như các tu sĩ hay làm, nhưng ông kể cho nó những câu chuyện trong Kinh Thánh, chơi đếm với nó, và để ý đến Johnny.

Ông đi vào trong phòng, mỉm cười với Johnny, và ngồi trên băng ghế giả như một học sinh.

“Chào cha,” Jonathan nói long trọng. Johnny đã dậy nó phải luôn luôn lịch sự.

Philip nói: “Con có muốn đến trường không?”

“Con đã biết tiếng Latin,” Jonathan tự hào.

“Thật ư?”

“Vâng, cha nghe đây. *Omnius pluvius buvius nomine patri amen.*”

Philip cố gắng nín cười. “Nó nghe như tiếng Latin, nhưng nó không hoàn toàn đúng. Thầy Osmund, giáo tập, sẽ dạy con nói đúng cách.”

Jonathan hơi buồn vì biết rằng cậu thực sự không biết tiếng Latin. Nó nói: “Tuy vậy, con có thể chạy nhanh và nhanh, cha hãy nhìn!” Nó chạy với tốc độ cao nhất từ phía này đến phía kia căn phòng.

“Tuyệt vời!” Philip nói. “Thật sự là nhanh.”

“Vâng – và con có thể chạy nhanh hơn –“

“Không chạy bây giờ,” Philip nói. “Hãy nghe cha đây. Cha sẽ đi xa một thời gian.”

“Cha sẽ về vào ngày mai?”

“Không, không về ngay được.”

“Tuần tới?”

“Sau đó cũng không.”

Jonathan nhìn ngơ ngác. Cậu không thể hiểu được thời gian xa hơn tuần sau. Rồi cậu tìm hiểu một bí mật khác. “Nhưng tại sao?”

“Cha phải đi gặp nhà vua.”

“Ồ.” Điều đó cũng không có ý nghĩa gì nhiều với nó.

“Và cha muốn con đi học trong lúc cha đi vắng. Con có thích không?”

“Vâng!”

“Con đã gần năm tuổi. Tuần sau con sẽ có sinh nhật. Con đến với nhà dòng vào ngày đầu năm.”

“Con đến từ đâu?”

“Từ Thiên Chúa. Mọi sự đến từ Thiên Chúa.”

Jonathan biết đó không phải là câu trả lời. “Nhưng trước đó con ở đâu?” nó cứng đầu hỏi.

“Cha không biết.”

Jonathan cau mày. Một cái cau mày trông tức cười trên khuôn mặt trẻ vô tư. “Nhưng trước đó con phải ở một nơi nào đó.”

Một ngày nào đó, Philip nhận ra, một người sẽ phải kể cho Jonathan biết đứa trẻ được sinh ra làm sao. Ông nhẩn nhó khi nghĩ đến. May quá, bây giờ không phải là lúc. Ông đổi chủ đề. “Trong khi cha đi vắng, cha muốn con học đếm đến một trăm.”

“Con có thể đếm,” Jonathan nói. “Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy, mười tám, mười chín, hai mươi –”

“Không tệ lắm,” Philip nói, “nhưng thầy Osmund sẽ dạy con nhiều hơn. Con phải ngồi yên trong lớp học và làm mọi thứ thầy ấy bảo con làm.”

“Con sẽ cố gắng là học sinh ngoan nhất trong lớp!” Jonathan nói.

“Để xem.” Philip nhìn nó một lúc lâu. Philip bị thu hút bởi sự phát triển của trẻ, cách chúng học mọi thứ và những giai đoạn mà chúng trải qua. Hiện tại ông rất ngạc nhiên về việc đứa bé nhấn mạnh biết tiếng Latin, hay biết đếm, hay chạy nhanh: đó có phải là bước đầu cần thiết cho việc học thực sự không? Nó phải phục vụ mục đích nào đó trong chương trình của Thiên Chúa. Và sẽ đến một ngày Jonathan trưởng thành. Nó sẽ như thế nào? Ý tưởng đó làm Philip thiếu kiên nhẫn, ông muốn Jonathan lớn nhanh. Nhưng nó cũng cần thời gian như việc xây nhà thờ chính tòa.

“Vậy hãy hôn cha và nói tạm biệt,” Philip nói.

Jonathan nâng mặt lên và Philip hôn lên đôi má mềm mại. “Tạm biệt cha,” Jonathan nói.

“Tạm biệt con,” Philip nói.

Ông siết chặt tay Johnny Eightpence một cách tình cảm và đi ra.

Các tu sĩ ra khỏi nhà nguyện dưới hầm và hướng về nhà ăn. Philip đi hướng ngược lại, đi vào nhà nguyện để cầu xin cho chuyến đi được thành công.

Ông đã đau khổ khi nghe về những gì xảy ra ở mỏ đá. Năm người bị giết, trong đó có một bé gái! Ông đã ẩn mình trong nhà và khóc như một đứa trẻ. Năm người trong đàn chiên của ông bị William Hamleigh và nhóm vũ phu của cậu ấy đánh gục. Philip biết tất cả họ: Harry thành Shiring, người trước đó là thợ mỏ của Bá tước Percy; Otto Blackface, người có nước da sạm đã được thuê làm trong mỏ đá từ lúc bắt đầu; Mark, người đẹp trai, con của Otto; vợ của Mark, Alwen, người chơi giai điệu tiếng chuông cừu vào buổi tối; và Norma bé nhỏ, đứa cháu nội bảy tuổi yêu quý nhất của Otto. Họ là những người tốt, kính sợ Thiên Chúa và chịu khó, những người có quyền chờ đợi hòa bình và công bằng từ lãnh chúa của họ. William đã tàn sát họ như con cáo giết con gà. Điều đó đủ làm cho các thiên thần khóc.

Philip đau buồn vì họ, rồi ông đi đến Shiring đòi hỏi công lý. Cảnh sát trưởng đã từ chối thẳng, không tiến hành bất cứ hành động nào. “Bá tước William có một đoàn quân nhỏ - làm sao tôi nên bắt ông ấy?” cảnh sát trưởng Eustace đã nói. “Nhà vua cần hiệp sĩ để chống lại Maud – nhà vua sẽ nói gì khi tôi giam một trong những người lính tốt nhất của ông ấy? Nếu tôi kiện William về tội giết người, một là tôi sẽ bị giết ngay bởi những hiệp sĩ của ông ấy, hay là sau đó tôi sẽ bị vua Stephen treo cổ vì tội phản bội.”

Philip nhận ra nạn nhân đầu tiên của cuộc nội chiến là sự công bằng.

Rồi cảnh sát trưởng cho Philip biết William đã làm đơn khiếu nại về khu chợ Kingsbridge không có giấy phép hoạt động.

Dĩ nhiên nó thật lố bịch khi William giết người mà không bị phạt, rồi lại còn tố cáo Philip; nhưng Philip cảm thấy bất lực. Đúng là ông không có giấy phép hoạt động chợ, nhưng nói cho cùng ông cũng bị bắt công. Nhưng ông không thể chấp nhận bắt công. Ông là tu viện trưởng Kingsbridge. Tất cả những gì ông có là uy quyền luân lý. William có thể thành lập một đội quân các hiệp sĩ; giám mục Waleran có thể dùng quan hệ của ông với những người có quyền thế; cảnh sát trưởng có thể khiếu nại với quan chức hoàng gia; nhưng tất cả những gì Philip có thể làm là nói cái này đúng và cái đó sai; và nếu ông để mất vị trí này, ông sẽ thực sự mất hết uy quyền. Vì thế ông ra lệnh chấm dứt họp chợ.

Điều đó đặt ông trong một tình trạng thực sự tuyệt vọng.

Kinh tế tu viện đã phát triển đáng kể, một phần nhờ sự kiểm soát chặt chẽ, một phần khác nhờ thu nhập từ khu chợ và từ trang trại cừu; nhưng Philip đã chi tiêu từng xu cho việc xây dựng, và ông đã mượn một khoản nợ lớn của những người Do Thái ở Winchester. Bây giờ, dùng một lúc, ông mất nguồn cung cấp đá miễn phí, không còn thu nhập từ khu chợ, và những người làm việc thiện nguyện – nhiều người trong số họ chủ yếu là đi chợ - có thể sẽ ít đi. Ông sẽ phải sa thải nửa số thợ xây dựng, và từ bỏ ý định hoàn thành nhà thờ chính tòa trong thời gian ông còn sống. Ông không chuẩn bị để là những việc đó.

Ông tự hỏi cuộc khủng hoảng này có phải là lỗi của ông không. Có phải ông đã quá tự tin, quá tham vọng không? Cảnh sát trưởng đã nói tương tự như thế. “Ông quá to đối với đôi giày của ông,” ông ta giận dữ nói. “Ông điều hành một tu viện nhỏ, và ông là tu viện trưởng không quan trọng, nhưng ông muốn lãnh đạo giám mục, lãnh chúa và cảnh sát trưởng. Nhưng ông không có thể! Chúng tôi quá mạnh đối với ông. Tất cả những gì ông có thể làm là gây ra rắc rối.” Eustace là một người đàn ông xấu, có hàm răng không đều, mắt lác và mặc áo vàng bẩn thỉu; nhưng mặc dù ông ấy không mấy ấn tượng, lời của ông ấy đã đâm vào tim Philip. Ông đau đớn nhận ra rằng các thợ mỏ đã không phải chết nếu ông không biến William Hamleigh thành kẻ thù. Nhưng ông không thể làm gì khác hơn là chống lại William. Nếu ông buông trôi, nhiều người sẽ phải đau khổ hơn, những người như người thợ ở nhà máy xay mà William đã giết và con gái của nông nô mà cậu ta cùng với hiệp sĩ đã hãm hiếp. Philip phải tiếp tục chiến đấu.

Và điều đó có nghĩa là ông phải đi gặp vua.

Ông ghét ý định này. Lần trước ông đã gặp vua, bốn năm trước ở Winchester, và mặc dù ông đã đạt được những gì ông muốn, nhưng ông cảm thấy không thoải mái ở hoàng cung. Nhà vua được bao vây bởi đám người quý quyết và vô lương tâm, những người tranh dành sự chú ý và tranh cãi nhau để tìm ân huệ, và Philip thấy những người như vậy đáng khinh. Họ cố gắng tranh dành sự giàu có và địa vị mà họ không xứng đáng có. Ông thực sự không hiểu trò chơi mà họ đang đeo đuổi: trong thế giới của ông, cách tốt nhất để đạt được cái gì đó là xứng đáng với nó, không xu

nịnh người cho. Nhưng bây giờ ông không có chọn lựa nào khác, ngoài việc vào trong thế giới của họ và chơi trò chơi của họ. Chỉ có nhà vua mới có thể cho phép Philip họp chợ. Chỉ có nhà vua bây giờ mới có thể giải cứu được nhà thờ chính tòa.

Ông cầu nguyện xong và rời nhà nguyện. Mặt trời đang lên và nhuộm hồng bức tường đá xám của ngôi nhà thờ đang mọc lên. Các thợ xây, những người làm việc từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, vừa bắt đầu mở nhà xưởng và mài các công cụ và trộn đồng vữa đầu tiên trong ngày. Sự mất mỏ đá vẫn chưa ảnh hưởng đến việc xây dựng: từ khi bắt đầu họ đã luôn đào đá nhanh hơn là họ cần, vì thế bây giờ họ có một kho dự trữ đá đủ dùng cho nhiều tháng.

Đã đến lúc Philip phải đi. Tất cả đã được sắp đặt. Nhà vua ở Lincoln. Philip có một người đồng hành: Richard, em của Aliena. Sau một năm phục vụ như người cận vệ, Richard đã được vua ban tước hiệp sĩ. Cậu đã về nhà để tái trang bị và bây giờ chuẩn bị gia nhập quân đội hoàng gia.

Một cách kinh ngạc Aliena đã là một thương gia len khá. Từ lâu cô không còn bán len cho Philip, nhưng buôn bán trực tiếp với người mua từ Bỉ. Thực vậy, năm nay cô đã muốn mua toàn bộ sản phẩm len của tu viện. Cô trả ít hơn người Bỉ, nhưng Philip muốn có tiền sớm hơn. Ông đã từ chối không bán cho cô. Tuy vậy, việc cô đề nghị sự mua bán này chứng tỏ sự thành công của cô.

Cô ở chuồng ngựa với em trai cô, Philip nhìn thấy khi ông đi qua sân. Một đám đông đã tụ họp để chia tay với những người đi xa. Richard ngồi trên lưng con ngựa chiến màu hạt dẻ mà có lẽ Aliena phải trả tới hai mươi bảng Anh. Cậu đã trở thành một thanh niên đẹp trai, vai rộng, nét mặt bình thường chỉ bị vết sẹo bên tai phải. Cậu mặc áo đỏ và xanh lơng lầy, trang bị một thanh kiếm mới, một ngọn giáo, chiếc rìu và dao găm. Hành lý của cậu được xếp trên lưng con ngựa thứ hai mà cậu đang giữ dây cương. Cùng đi với cậu có hai người lính trên lưng con ngựa đưa và một người hộ vệ trên lưng con ngựa khỏe.

Aliena khóc, mặc dù Philip không biết cô buồn vì em cô đi, vì hãnh diện về vẻ đẹp trẻ của cậu, hay vì sợ hãi rằng cậu sẽ chẳng bao giờ trở về. Có lẽ

cả ba. Một vài dân làng đến chào từ giã, và hầu hết thanh niên và con trai trong làng. Không nghi ngờ gì, Richard là thần tượng của chúng. Tất cả các tu sĩ cũng có mặt nữa, để chúc tu viện trưởng của họ đi bình an.

Người giữ ngựa dẫn ra hai con ngựa, một con ngựa nhỏ đã thất yên cho Philip và một ngựa khỏe chở hành lý khiếm tốn nhất của ông – hầu hết là đồ ăn đi đường. Các thợ xây bỏ công cụ và đến gần, hướng dẫn bởi người có râu, Tom, và người con riêng tóc đỏ của vợ, Jack.

Philip lịch sự ôm Remigius, tu viện phó của ông, và ôm nồng hậu Milius và Cuthbert, rồi lên ngựa. Ông sẽ ngồi trên yên ngựa cứng này một thời gian dài, ông nhận ra. Từ vị trí của ông, ông dơ tay ban phúc lành cho mọi người. Các tu sĩ, thợ xây và dân làng vẫy tay và gọi to lời từ biệt khi ông và Richard cưỡi ngựa bên nhau vượt qua cổng tu viện.

Họ đi xuống con đường hẹp qua làng, vẫy tay chào những người nhìn ra từ cửa nhà, rồi qua cây cầu gỗ vào con đường xuyên qua cánh đồng. Một lúc sau Philip quay nhìn trở lại và thấy ánh sáng mặt trời chiếu soi qua khung cửa sổ của gian phía đông đang xây dở của nhà thờ. Nếu sứ mạng của ông thất bại, nó sẽ chẳng bao giờ xây xong. Sau tất cả những gì ông đã trải qua để có được ngày hôm nay, bây giờ ông không thể chịu đựng được sự thất bại. Ông quay lại và tập trung vào con đường trước mắt.

Lincoln là một thành phố nằm trên đồi. Philip và Richard vào thành phố từ hướng nam, trên một con đường cổ và đông người được gọi là đường Ermine. Ngay cả từ xa họ có thể nhìn thấy trên đỉnh đồi những ngọn tháp của nhà thờ chính tòa và thành lũy của tòa lâu đài. Nhưng khi họ vẫn còn cách đó ba bốn dặm, Philip ngạc nhiên vì họ gặp một cổng thành. Vùng ngoại ô chắc phải lớn lắm, ông nghĩ; dân cư phải đến hàng ngàn.

Vào dịp lễ Giáng sinh thành phố đã bị tịch thu bởi Ranulf thành Chester, người quyền lực nhất ở miền bắc nước Anh và là họ hàng với nữ hoàng Maud. Vua Stephen đã chiếm lại nhưng quân của Ranulf vẫn giữ lâu đài. Bây giờ, Philip và Richard, khi đến gần đã được biết Lincoln có một vị trí kỳ lạ vì có hai đội quân thù nghịch cùng cắm trại trong tường thành.

Trong bốn tuần lễ đi với nhau Philip đã không làm Richard ấm lên được. Em trai của Aliena là một chàng trai giận dữ, người ghét gia đình Hamleigh

và chỉ muốn trả thù; và cậu nói như thế Philip cũng cảm thấy như thế. Nhưng có một sự khác biệt. Philip ghét gia đình Hamleigh vì những gì họ đã làm cho dân của họ: không có họ thế giới sẽ tốt hơn. Còn Richard không có sự thoải mái bao lâu cậu chưa tiêu diệt được gia đình Hamleigh: động lực của cậu hoàn toàn ích kỷ.

Về thể lý, Richard dũng cảm, luôn sẵn sàng chiến đấu; nhưng trong khía cạnh khác cậu yếu thế. Cậu bối rối trong xử thế với những người lính của cậu, một đôi khi bình đẳng và một đôi khi ra lệnh cho họ lắng xăng như người phục vụ. Trong quán rượu cậu muốn gây ấn tượng bằng cách mua bia cho người lạ. Cậu thường làm ra vẻ cậu biết đường ngay cả khi cậu không rõ, và một đôi khi họ phải đi vòng xa vì cậu không chịu nhận sai lầm của mình. Khi họ đến Lincoln, Philip biết Aliena mười lần giá trị hơn Richard.

Họ đi qua một hồ nước lớn đầy thuyền bè; rồi ở dưới chân đồi họ qua sông, nơi ranh giới vùng phía nam với trung tâm thành phố. Lincoln rõ ràng sống bằng nghề biển. Bên cạnh cây cầu là một chợ cá. Họ đi qua một đồn lính gác khác. Bây giờ họ bỏ lại sau lưng sự thênh thang của vùng ngoại ô và bước vào thành phố đông đúc. Ngay trước mặt họ là một con đường hẹp, đông người không tưởng tượng nổi, chạy thẳng lên đồi. Các căn nhà vai chên vai hai bên đường, một phần hoặc hoàn toàn được xây bằng đá, là dấu hiệu của sự giàu có. Ngọn đồi quá dốc nên một số nhà có đầu nền này cao vài mét so với mặt đường và đầu kia ở dưới mặt đường. Tầng dưới thường là xưởng của thợ thủ công hoặc cửa hàng. Chỉ có khoảng đất trống là khu nghĩa địa bên cạnh các nhà thờ, mà trên đó luôn họp chợ: ngũ cốc, gia cầm, len, da và các thứ khác. Philip và Richard, cùng với đoàn tùy tùng nhỏ của cậu, chen lấn qua đám đông dân chúng, binh lính, thú vật và xe cộ. Philip ngạc nhiên là đường dưới chân ông lát đá. Toàn đường phố được lát đá. Ở đây chắc phải giàu có lắm, ông nghĩ, bởi vì đá được lát khắp đường phố như trong một dinh thự hay một nhà thờ chính tòa. Đường vẫn còn trơn vì rác và phân thú vật, nhưng nó tốt hơn nhiều so với các dòng bùn lầy của hầu hết các đường phố khác trong mùa đông.

Họ đến đỉnh đồi và đi qua một cổng khác. Bây giờ họ vào nội thành, và bầu khí đột nhiên thay đổi: yên tĩnh hơn, nhưng rất căng thẳng. Ngay bên trái họ là lối vào lâu đài. Chiếc cổng lớn bằng sắt trong đường đi có mái che bị đóng chặt. Đằng sau cửa sổ đồn gác có bóng dáng lính canh di chuyển, và lính gác trên tường lũy với mũ sắt phản chiếu ánh mặt trời. Philip quan sát họ đi lại. Không có cuộc chuyện trò, không có đùa cợt và cười đùa, không dựa vào lan can huyết sáo khi các cô gái đi ngang qua: họ đứng thẳng, mắt chăm chú và sợ hãi.

Phía bên phải Philip, không cách cổng lâu đài quá một phần tư dặm, là mặt tiền phía tây của nhà thờ chính tòa, và Philip nhận ra ngay là mặc dù gần tòa lâu đài, nhà thờ được dùng như tổng hành dinh của nhà vua. Con đường nhỏ dẫn từ văn phòng đến nhà thờ bị một hàng lính gác chặn lại. Khu nghĩa địa trở thành trại lính, với lều và bếp lửa nấu ăn và những con ngựa được thả rông ăn cỏ. Không có tu viện: Nhà thờ chính tòa Lincoln không do các tu sĩ coi sóc, mà do các linh mục được gọi là các linh mục quản xứ nhà thờ chính tòa, những người sống trong các căn nhà bình thường trong phố gần nhà thờ.

Khoảng cách giữa nhà thờ chính tòa và lâu đài trống trơn không một ai, ngoại trừ Philip và những người cùng đi. Bất chợt Philip nhận ra rằng họ bị quan sát bởi các vệ sĩ về phía nhà vua, cũng như lính gác trên thành lũy của phe đối lập. Họ ở trong vùng đất trung lập, giữa hai trại lính, có lẽ là vị trí nguy hiểm nhất ở Lincoln. Nhìn quanh ông thấy Richard và những người khác đã tiếp tục di chuyển, và ông vội vã theo sau.

Lính gác của nhà vua cho họ qua dễ dàng: Richard được nhiều người biết. Philip chiêm ngấm mặt tiền phía tây nhà thờ. Cửa chính có hình vòng cung cao, hai bên có hai mái vòm chỉ bằng nửa cửa chính nhưng trông vẫn tuyệt vời. Nó trông giống như cửa vào thiên đường – một cách nào đó nó cũng đúng như vậy. Ngay lập tức Philip quyết định cũng muốn có một mái vòm cao ở mặt tiền phía tây nhà thờ chính tòa Kingsbridge.

Trao ngựa cho người giữ, Philip và Richard đi qua trại lính vào nhà thờ. Bên trong còn đông hơn bên ngoài. Lối đi hai bên đã biến thành chuồng ngựa, và hàng trăm con ngựa được cột vào các cột của mái vòm. Các binh

sĩ chen chúc trong gian giữa, ở đây cũng có bếp lửa nấu ăn và giường ngủ. Một vài người nói tiếng Anh, người khác nói tiếng Pháp và một vài người nói tiếng Bỉ, ngôn ngữ của các thương gia len người Bỉ. Nhìn chung các hiệp sĩ cắm trại trong nhà thờ và các binh lính ngoài nhà thờ. Philip buồn bã thấy một số người chơi cờ bạc với tiền, và ông càng khó chịu hơn khi thấy có cả phụ nữ, những người ăn mặc quá hở hang trong mùa đông và dường như đang tán tỉnh đàn ông – hầu như, ông nghĩ, họ là những đàn bà tội lỗi, hay hơn thế nữa, bị Thiên Chúa cấm, là những gái điếm.

Để tránh nhìn vào họ, ông ngược mắt lên trần nhà. Nó làm bằng gỗ, được vẽ bằng màu sắc đẹp đẽ, nhưng nó thật nguy hiểm vì người taa nấu ăn ngay ở gian giữa. Ông theo Richard xuyên qua đám đông. Richard dường như thoải mái ở đây, yên tâm và tự tin, chào lớn tiếng các lãnh chúa và bá tước, và vỗ đít các hiệp sĩ.

Khu trung tâm và gian phía đông bị ngăn lại. Gian phía đông dường như dành cho các linh mục – tôi mong như vậy, Philip nghĩ – và khu trung tâm trở thành doanh trại của nhà vua.

Phía sau sợi dây thừng có một hàng lính bảo vệ, sau đó là nhóm cận thần, rồi một vòng các lãnh chúa và vua Stephen ở giữa trên ngai bằng gỗ. Nhà vua đã già đi so với lần Philip gặp ông cách đây năm năm ở Winchester. Khuôn mặt đẹp trai của ông có nét lo âu và mái tóc hung đã điểm hoa râm và một năm chiến đấu làm ông gầy đi. Ông đang thảo luận thân tình với các lãnh chúa. Richard đi đến rìa vòng bên trong và cúi mình chào một cách long trọng. Nhà vua nhìn sang, nhận ra cậu và nói bằng giọng lớn: “Richard thành Kingsbridge! Rất vui vì ông đã trở lại!”

“Cám ơn ngài, thưa vua!” Richard nói.

Philip bước lên bên cạnh cậu và cũng cúi chào như vậy.

Stephen nói: “Ông mang theo một tu sĩ như người hộ vệ cho ông phải không?” Cả triều thần cười vang.

“Thưa vua, đây là tu viện trưởng của Kingsbridge,” Richard nói.

Stephen nhìn ông một lần nữa, và Philip nhìn thấy ánh mắt của vua có nét như vua đã nhận ra ông. “Dĩ nhiên, tôi biết Tu viện trưởng... Philip,”

ông nói, nhưng giọng ông không ấm áp như khi ông chào Richard. “Ông đến đây để chiến đấu cho tôi phải không?” Các triều thần lại bật lên cười.

Philip hài lòng vì nhà vua còn nhớ tên ông. “Tôi đến đây vì công việc của Thiên Chúa, vì công việc xây dựng lại nhà thờ chính tòa cần sự giúp đỡ khẩn cấp của nhà vua.”

“Tôi phải nghe toàn bộ về nó,” nhà vua vội vàng cắt ngang. “Hãy đến gặp tôi ngày mai, khi tôi có nhiều giờ hơn.” Ông quay lại phía các lãnh chúa, và tiếp tục cuộc trò chuyện bằng giọng nhỏ hơn.

Richard chào rồi rút lui, và Philip cũng làm theo.

Philip không nói chuyện với vua Stephen vào ngày hôm sau, cũng không phải ngày hôm sau nữa, hay một ngày nào sau đó.

Đêm đầu tiên ông trú tại một quán bia, nhưng ông cảm thấy khó chịu vì mùi thịt nướng và tiếng cười nói của phụ nữ phóng đãng. Thật không may, không có tu viện nào ở trong thành phố. Thông thường giám mục sẽ cho ông chỗ ăn ở, nhưng nhà vua đang sống trong dinh thự giám mục và các nhà xung quanh nhà thờ chính tòa đầy các thành viên trong đoàn tùy tùng của vua Stephen. Vào đêm thứ hai Philip đi ngay ra ngoại ô, thuộc vùng Wigford, nơi một tu viện đang điều hành một nhà dành cho người phong hủi. Ở đó ông nhận được bánh mì lúa mạch và bia pha nước cho bữa ăn tối, một tấm nệm cứng trên nền nhà, sự yên lặng từ lúc mặt trời lặn đến giờ kinh vào ban sáng và một bữa sáng với cháo lỏng không muối; và ông hạnh phúc.

Ông đến nhà thờ chính tòa rất sớm, mang theo văn bản cho phép tu viện quyền lấy đá từ mỏ. Ngày qua ngày, nhà vua không để ý đến ông. Khi những người khiếu kiện nói chuyện với nhau, thảo luận xem ai là người được ân huệ của vua, ai bị loại ra ngoài, Philip đứng ngoài cuộc thảo luận.

Ông biết tại sao ông vẫn phải đợi. Toàn thể giáo hội đã mâu thuẫn với nhà vua. Stephen đã không giữ lời hứa mà ông đã nói khi mới lên ngôi. Ông cũng gây nên mối bất hòa với em trai của ông, giám mục khôn ngoan Henry của Winchester, vì ông đã hỗ trợ người khác trở thành tổng giám mục của Canterbury; qua đó ông cũng làm mất lòng Waleran, người muốn lên thay vị trí của Henry. Nhưng tội lớn nhất của Stephen trong mắt giáo

hội là tội đã bắt giữ giám mục Roger của Salisbury và hai người cháu của ông, là giám mục của Lincoln và Ely, tất cả trong một ngày vì không có giấy phép xây dựng lâu đài. Một cao trào phản nộ đã dấy lên từ các nhà thờ chính tòa và các tu viện trên cả nước vì sự phạm thánh này. Stephen bị thương tổn. Như người của Thiên Chúa, các giám mục không cần lâu đài, ông nói; và nếu họ xây lâu đài họ không thể chờ mong sẽ được đối xử hoàn toàn như người của Thiên Chúa. Ông chân thành, nhưng ngây thơ.

Sự rạn nứt này đã được hàn gắn, nhưng vua Stephen không còn sẵn sàng nghe lời khiếu nại của những người con Thiên Chúa, vì thế Philip phải đợi. Ông dùng thời gian để chiêm niệm. Nó là một việc mà ông ít có giờ cho nó trong chức vụ tu viện trưởng, và ông nhớ nó. Bây giờ, bất ngờ, ông không có gì làm, và ông dành thời gian cho suy tư.

Ngoài ra các triều thần khác tạo ra một không gian xung quanh Philip làm nhà vua càng dễ quên ông. Vào ngày thứ bảy ở Lincoln, ông đang chìm sâu trong chiêm niệm về mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi, ông chợt nhận ra có người đứng trước mặt ông, và người đó chính là nhà vua.

“Ông đang ngủ với đôi mắt mở phải không?” Stephen nói trong giọng nửa đùa nửa ngạc nhiên.

“Xin lỗi, thưa vua, tôi đang suy tư,” Philip nói, và cúi mình chào.

“Không sao. Tôi muốn mượn tu phục của ông.”

“Cái gì?” Philip quá bất ngờ để giữ tư cách.

“Tôi muốn có một cái nhìn xung quanh lâu đài, và nếu tôi ăn mặc như một tu sĩ, họ sẽ không bắn tên vào tôi. Thôi nào – đi vào một nhà nguyện và cởi tu phục ông ra.”

Philip chỉ có một áo lót dưới bộ quần áo tu sĩ. “Nhưng, thưa ngài, tôi mặc gì bây giờ?”

“Tôi quên tu sĩ các ông thường giản dị.” Stephen đưa ngón tay ra hiệu cho một hiệp sĩ trẻ. “Robert, cho tôi mượn áo ngoài của ông, nhanh lên.”

Chàng hiệp sĩ đang nói chuyện với một cô gái, cởi ngay áo choàng và đưa cho nhà vua với một cái cúi mình, rồi làm một cử chỉ thô tục với cô gái. Bạn bè của cậu cười to và reo hò.

Vua Stephen đưa áo ngoài cho Philip.

Philip đi vào nhà nguyện nhỏ Thánh Dunstan. Ông cầu nguyện nhanh xin thánh tha thứ, rồi cởi tu phục và mặc áo dài đỏ của hiệp sĩ vào. Nó rất lạ lẫm: ông đã mặc áo tu sĩ từ năm lên sáu, và ông cảm thấy kỳ lạ hơn khi ông ăn mặc giống như một phụ nữ. Ông đi ra và trao tu phục cho Stephen. Nhà vua chùng bộ tu phục qua đầu một cách nhanh chóng.

Rồi nhà vua làm ông ngạc nhiên khi ông nói: “Đi với tôi, nếu ông muốn. Ông có thể kể cho tôi về nhà thờ chính tòa Kingsbridge.”

Philip sửng sốt. Bản năng tự vệ đầu tiên của ông là từ chối. Một người lính gác trên tường thành có thể bắn vào ông, và ông không được bảo vệ bởi quần áo tu sĩ. Nhưng ông cũng có một cơ hội hoàn toàn một mình với nhà vua, với rất nhiều thời gian để giải thích về mỏ đá và khu chợ. Ông sẽ chẳng bao giờ có cơ hội khác như thế này nữa.

Stephen nhấc áo choàng của ông ra, chiếc áo màu tím với lông trắng ở cổ và viền áo. “Hãy mặc nó,” ông nói với Philip. “Ông sẽ làm người ta không còn chú ý đến tôi.”

Các cận thần khác đi im lặng, quan sát, tự hỏi điều gì xảy ra.

Nhà vua làm một điều sâu sắc, Philip nhận ra. Ông ấy muốn nói rằng Philip không có gì để tìm kiếm trong trại lính này, và không thể chờ đợi đặc quyền trên xương máu của người khác, những người mạo hiểm mạng sống mình cho nhà vua. Điều này không phải là bất công. Nhưng Philip biết rằng nếu ông không chấp nhận quan điểm này của nhà vua, ông có thể lên đường về nhà và quên đi hy vọng khai thác mỏ đá và mở lại khu chợ. Ông không còn chọn lựa nào khác hơn là chấp nhận thách thức. Ông hít một hơi sâu và nói: “Có lẽ đó là ý Chúa muốn tôi sẽ chết để cứu nhà vua.” Rồi ông cầm áo choàng màu tím và mặc vào.

Có tiếng thầm thì từ đám đông; và ngay cả vua Stephen cũng giật mình. Tất cả mọi người chờ đợi Philip sẽ từ chối. Ngay lập tức Philip cũng đã ước gì mình đã từ chối. Nhưng bây giờ ông đã cam kết với lòng mình.

Stephen quay lại và đi về hướng cửa bắc. Philip theo sau ông. Nhiều cận thần muốn đi với ông, nhưng Stephen vẫy họ lại và nói: “Ngay cả một tu sĩ cũng có thể bị chú ý nếu ông ta được tháp tùng bởi cả triều đình.” Ông kéo chiếc mũ trong áo choàng của Philip lên đầu và họ đi vào khu nghĩa trang.

Chiếc áo choàng quý giá mà Philip mặc đã thu hút ánh mắt tò mò khi họ đi qua khu trại lính: người ta cho rằng ông là một nam tước và bởi rồi không nhận ra ông. Những ánh mắt làm ông cảm thấy tội lỗi, như thể ông là kẻ mạo danh. Không ai nhìn vào Stephen.

Họ không đi trực tiếp vào cổng chính lâu đài, nhưng xuyên qua mê lộ của các con hẻm hẹp và đi ra phía nhà thờ Thánh Paul-in-the-Bail, đối diện với hướng đông bắc của lâu đài. Tường tòa lâu đài được xây trên đỉnh thành lũy đất vững chắc và được bao bọc bởi con hào khô. Giữa bờ hào và các tòa nhà gần nhất cũng có một khoảng cách năm mươi thước. Stephen bước lên cỏ và đi về hướng tây, nghiên cứu tường phía bắc của lâu đài, và dừng lại đằng sau các ngôi nhà ở vành ngoài khu vực trồng. Philip đi với ông. Stephen để Philip đi bên trái ông, giữa ông và lâu đài. Khu đất trồng dĩ nhiên để cho người bắn cung có thể dễ dàng bắn vào những ai muốn đến gần bức tường. Philip không sợ chết nhưng ông sợ đau đớn, và tư tưởng quan trọng nhất trong tâm trí của ông là khi bị trúng một mũi tên sẽ đau như thế nào.

“Ông có sợ không, Philip?” Stephen hỏi.

“Kính hoàng,” Philip thẳng thắn đáp lại; và rồi sợ hãi làm ông quên thận trọng, ông hỏi xác xược: “Còn vua thì sao?”

Nhà vua cười. “Một chút,” ông thừa nhận.

Philip nhớ ra đây là lúc thuận tiện để nói về nhà thờ chính tòa. Tuy nhiên ông không thể tập trung khi mạng sống của ông đang ở gần nguy hiểm như thế này. Mắt ông luôn hướng về lâu đài, và ông nhìn bao quát thành lũy, quan sát xem có người nào đang nhắm cung.

Tòa lâu đài chiếm toàn bộ góc tây nam của nội thành, bức tường phía tây là một phần của bức tường thành phố, vì thế để đi quanh nó người ta phải đi ra ngoài thành phố. Stephen dẫn Philip qua cổng Tây và họ đi ra ngoài vào khu ngoại ô gọi là Newland. Ở đây những căn nhà giống như túp lều của nông dân, làm bằng phen và đất sét, có vườn rộng như các nhà ở làng thường có. Một chút gió lạnh thổi qua cánh đồng thoáng bên kia khu nhà. Stephen đi về hướng nam, vẫn đi theo chân tường lâu đài. Ông chỉ một cửa

nhỏ trên tường lâu đài. “Đó là nơi Ranulf thành Chester lần trốn ra khi tôi chiếm thành, tôi nghĩ như vậy,” ông nói.

Ở đây Philip ít sợ hơn. Có nhiều người khác cũng đi trên đường, ngoài ra thành lũy ở phía này ít được bảo vệ nghiêm ngặt, bởi vì kẻ chiếm đóng trên lâu đài sợ cuộc tấn công từ thành phố chứ không phải từ nông thôn. Philip hít một hơi dài và thốt ra: “Nếu tôi chết, nhà vua có cho Kingsbridge mở lại khu chợ và bắt William Hamleigh trả lại mỏ đá không?”

Stephen không trả lời ngay. Họ đi xuống đồi tới góc tây nam của lâu đài và nhìn lên nhà tháp. Từ vị trí của họ, tòa lâu đài xuất hiện sừng sững như bất khả xâm phạm. Ngay dưới góc đó họ quay vào cổng khác và đi vào thành phố thấp hơn, rồi đi bộ dọc theo bức tường phía nam của lâu đài. Philip lại cảm thấy nguy hiểm. Một người nào đó bên trong lâu đài, khi quan sát hai người đàn ông vừa làm một vòng chung quanh lâu đài, phải suy luận rằng họ đang trên đường trinh sát và họ là những con mồi ngon, đặc biệt là người ặc áo khoác tím. Để làm cho mình bớt sợ hãi, Philip nghiên cứu nhà tháp. Có nhiều lỗ nhỏ trên tường, đó là đường thoát từ nhà vệ sinh, và rác rưởi được rơi ra trên tường và chảy xuống gò đất bên dưới và tụ lại đó cho đến khi mục nát đi. Không ngạc nhiên gì khi nó bốc mùi hôi thối. Philip cố không thở sâu và họ vội vã đi qua.

Có một tháp nhỏ khác nằm ở góc đông nam. Bây giờ Philip và Stephen đã đi được ba mặt của quảng trường. Philip tự hỏi không biết Stephen có quên câu hỏi của ông không. Ông không dám hỏi vua lần nữa. Nhà vua có thể cảm thấy bị dồn ép và tự ái.

Họ đến đường chính, đi qua giữa phố và quay lại, nhưng trước khi Philip có thời gian để cảm thấy nhẹ nhõm, họ lại đi qua cổng khác vào trong nội thành, và vài phút sau họ lại ở khu trung lập giữa nhà thờ chính tòa và lâu đài. Philip kinh hoàng khi nhà vua dừng lại ở đó.

Ông quay sang nói với Philip, định vị mình để ông có thể quan sát lâu đài qua vai Philip. Lưng của Philip, phủ trong áo màu đỏ của vua chúa, phơi ra cho lính canh và lính bắn cung tên trong các đồn gác. Philip đứng chết cứng như một bức tượng, chờ đợi một mũi tên hay một mũi giáo cắm vào lưng mình bất cứ lúc nào. Ông toát mồ hôi mặc dù trời gió lạnh.

“Tôi đã cho ông mỏ đá đó nhiều năm trước, phải không?” vua Stephen nói.

“Không hẳn vậy,” Philip nghiêng rằng trả lời. “Ngài cho chúng tôi quyền lấy đá để xây nhà thờ chính tòa. Nhưng ngài cho Percy Hamleigh quyền sở hữu mỏ đá. Bây giờ con trai của Percy, William, đã đuổi thợ đá của tôi, giết năm người – trong đó có một phụ nữ và một em bé – và từ chối không cho chúng tôi đến gần.”

“Ông ấy không nên làm những việc như thế, đặc biệt nếu ông ấy muốn tôi phong ông ấy làm bá tước của Shiring,” Stephen suy nghĩ nói. Philip được khích lệ. Nhưng một lúc sau nhà vua nói: “Chết thật, nếu tôi không tìm được đường vào trong lâu đài này.”

“Làm ơn ra lệnh cho William mở lại các mỏ đá,” Philip nói. “Ông ấy coi thường nhà vua và ăn cắp của Thiên Chúa.”

Dường như Stephen không nghe thấy. “Tôi không nghĩ có nhiều người trong đó,” ông nói trong giọng mơ màng. “Tôi cho rằng tất cả họ ở trên thành lũy, để tỏ ra rằng lực lượng của họ mạnh mẽ. Thế còn khu chợ thì sao?”

Philip đi đến quyết định, có lẽ việc ông phải đứng dơ lưng vào đồn canh cho các lính gác dễ dàng bắn là một phần trong thử thách ông phải trải qua. Ông lau trán với rèm lông của áo choàng nhà vua. “Thưa ngài, mỗi chủ nhật dân chúng từ các vùng đến dự lễ ở Kingsbridge và làm việc thiện nguyện trên công trường xây dựng. Khi mới bắt đầu, một vài người đem đến và bán thịt, rượu, mũ, dao cho các thợ thiện nguyện. Rồi dần dần khu chợ được mọc lên. Và bây giờ tôi xin ngài cho phép nó hoạt động.”

“Ông có sẵn sàng trả tiền cho giấy phép không?”

Phí tổn là bình thường, Philip biết, nhưng ông cũng biết rằng nó có thể được miễn cho cơ quan tôn giáo. “Vâng, thưa ngài, tôi sẽ trả - trừ khi ngài muốn cho chúng tôi giấy phép miễn phí để làm vinh danh Chúa hơn.”

Lần đầu tiên Stephen nhìn thẳng vào mắt Philip. “Ông là một người can đảm, dám đứng đây với quân thù sau lưng, và mặc cả với tôi.”

Philip nhìn thẳng lại. “Nếu Chúa muốn đời sống tôi chấm dứt, không gì có thể cứu được tôi,” ông nói, nghe có vẻ can đảm hơn ông cảm thấy.

“Nhưng nếu Chúa muốn tôi tiếp tục sống và xây nhà thờ Kingsbridge, hàng ngàn cung thủ cũng không hạ gục được tôi.”

“Nói rất hay!” Stephen nhận xét, và vỗ tay lên vai Philip, rồi ông quay về hướng nhà thờ chính tòa. Philip nhẹ hẫng người, đi bên cạnh vua, mỗi bước chân rời xa lâu đài cho ông cảm thấy an tâm hơn. Ông cảm thấy như đã qua được cuộc thử thách. Nhưng quan trọng là ông có được sự cam kết rõ ràng của nhà vua không. Chỉ còn vài phút nữa ông lại bị bao quanh bởi các cận thần. Khi họ đi qua hàng lính gác, Philip lấy hết can đảm trong cả hai tay và nói: “Thưa nhà vua, nếu ngài muốn viết một lá thư cho cảnh sát trưởng Shiring –“

Ông bị cắt ngang. Một trong các lãnh chúa vội vã đến gần, trông rất bối rối, và nói: “Robert thành Gloucester đang trên đường đến đây, thưa ngài.”

“Cái gì? Còn bao xa?”

“Rất gần. Chừng một ngày –“

“Tại sao tôi không được thông tin? Tôi đặt người khắp nơi!”

“Họ đến qua đường hào, sau đó ra khỏi đường và băng ngang cánh đồng trống.”

“Ông ấy đi với ai?”

“Tất cả lãnh chúa và hiệp sĩ thuộc phía ông, những người hai năm về trước đã bị mất hết đất đai. Ranunf thành Chester cũng đi với ông ấy –“

“Dĩ nhiên, kẻ phản bội này.”

“Ông ấy mang theo toàn bộ hiệp sĩ từ Chester, cộng thêm nhóm người Welsh hoang dã, trộm cướp.”

“Bao nhiêu người tất cả?”

“Khoảng một ngàn.”

“Chết tiệt! Chúng có hơn chúng ta một trăm người.”

Vào lúc này nhiều bá tước đã tụ họp xung quanh, và bây giờ một người nữa nói. “Thưa ngài, nếu chúng đi qua cánh đồng trống, chúng sẽ phải vượt qua sông ở chỗ cạn –“

“Suy nghĩ tốt, Erward!” Stephen nói. “Đem quân ông xuống chỗ cạn đó và xem ông có thể giữ chúng lại không. Ông cũng cần thêm cung thủ nữa.”

“Họ ở cách đây bao xa, có ai biết không?” Erward hỏi.

Vị lãnh chúa lúc đầu nói: “Rất gần, các trinh sát cho biết. Họ có thể đến bãi cạn trước ông.”

“Tôi phải đi ngay,” Erward nói.

“Tốt lắm!” Vua Stephen nói. Ông nắm tay phải vào lòng bàn tay trái của ông. “Vậy là sau cùng tôi sẽ gặp Robert thành Gloucester ngoài mặt trận. Tôi ước gì có thêm quân. Tuy nhiên – hơn một trăm quân không có gì nhiều.”

Philip lắng nghe mọi chuyện trong thinh lặng ảm đạm. Ông đã chắc chắn sẽ nhận được sự chấp thuận của Stephen. Bây giờ tâm trí nhà vua ở chỗ khác. Nhưng Philip chưa sẵn sàng bỏ cuộc. Ông vẫn còn đang mặc áo đỏ của vua. Ông cởi nó ra khỏi vai, đưa nó ra và nói: “Có lẽ tốt hơn chúng ta nên trở lại với vai trò của chúng ta, thưa ngài.”

Stephen gật đầu lơ đãng. Một cận thần bước đến sau vua và giúp ông cởi bộ tu phục. Philip đưa lại chiếc áo choàng của vua và nói: “Thưa ngài, dường như ngài đã sẵn sàng với lời yêu cầu của tôi.” Stephen bực tức vì bị nhắc nhở. Ông nhún vai định lên tiếng thì một giọng nói cất lên.

“Thưa vua!”

Philip nhận ra giọng nói. Tim ông thắt lại. Ông quay sang và thấy William Hamleigh.

“William!” nhà vua nói, bằng giọng nói nồng nhiệt ông thường dùng cho người chiến đấu. “Ông đến thật đúng lúc!”

William cúi đầu và nói: “Thưa ngài, tôi mang theo năm mươi hiệp sĩ và hai trăm người từ lãnh địa của tôi.”

Hy vọng của Philip thành mây khói.

Stephen vui mừng. “Ông là người tốt!” ông nói nồng nhiệt. “Điều đó cho chúng ta có lợi thế hơn kẻ thù!” Ông ôm vai William và cùng đi với cậu vào nhà thờ chính tòa.

Philip đứng lại nhìn theo họ đi. Ông đã gần đến thành công, nhưng sau cùng quân của William đã được coi trọng hơn công lý, ông cay đắng nghĩ. Người cận thần đã giúp nhà vua cởi bộ tu phục, bây giờ mang lại cho Philip. Philip cầm lấy nó. Người cận thần theo nhà vua và đoàn tùy tùng vào nhà thờ. Philip mặc lại bộ áo dòng. Ông thực sự thất vọng. Ông nhìn

vào ba cửa ra vào hình vòng cung khổng lồ của nhà thờ. Ông đã hy vọng sẽ xây đường mái vòm giống như thế ở Kingsbridge. Nhưng vua Stephen đã chọn đứng về phía William Hamleigh. Nhà vua đã phải đối diện với một chọn lựa thẳng thắn: sự công bằng trong trường hợp của Philip hay lợi thế quân đội của William. Nhà vua đã không vượt qua được sự thử thách.

Bây giờ Philip chỉ còn lại một niềm hy vọng: nhà vua sẽ bị đánh bại trong cuộc chiến sắp tới.

II

Giám mục cử hành thánh lễ trong nhà thờ chính tòa khi bầu trời ngả từ đen sang xám. Đến lúc đó các con ngựa đã được đóng yên, các hiệp sĩ đã mặc áo giáp, các binh lính đã được ăn uống, và một bình rượu mạnh đã được phục vụ để sưởi ấm tim họ.

Trong khi con ngựa chiến dậm chân và khịt mũi trong gian bên cạnh, William Hamleigh quỳ ở gian giữa cùng với các hiệp sĩ và bá tước, chờ xin tha trước tội giết người mà hôm nay ông sẽ phạm.

Sợ hãi và phấn khích làm cho William choáng váng. Nếu hôm nay nhà vua chiến thắng, tên William sẽ luôn gắn liền với nó, bởi vì người ta sẽ nói rằng cậu đã đưa quân tiếp viện và tạo nên sự quân bình lực lượng. Nếu nhà vua thua ... mọi chuyện đều có thể xảy ra. Cậu rung mình trên nền đất lạnh.

Nhà vua ở phía trước, trong bộ áo trắng mới tinh, với một cây nến trên tay. Khi Mình Thánh Chúa được nâng lên, cây nến gãy và ngọn lửa tắt. William run lên vì sợ hãi: đó là điềm xấu. Một linh mục đem đến một cây nến mới và lấy cây nến gãy đi, và Stephen mỉm cười lãnh đạm, nhưng cảm giác sợ hãi siêu nhiên vẫn còn lại với William, và khi cậu nhìn quanh, cậu có thể nói rằng những người khác cũng cảm thấy như vậy.

Sau thánh lễ một người hầu giúp vua mặc áo giáp. Ông có một áo dài đến đầu gối làm bằng da với những vòng sắt khâu trên đó. Chiếc áo được

cắt phía trước và phía sau lên đến thắt lưng, vì thế mà ông có thể cưỡi ngựa được. Người hầu cột chặt nó ở cổ. Rồi ông ấy đội lên đầu vua chiếc mũ hẹp có hai tai dài che phủ mái tóc hung và bảo vệ chiếc cổ. Bên trên chiếc mũ ông đội một mũ sắt có phần bảo vệ mũi. Đôi giày da của ông có móc xích và cửa sắt.

Khi ông mặc áo giáp, các bá tước đứng quanh ông. William theo lời khuyên của mẹ và hành động như thể ông là một trong số các bá tước, ông lách qua đám đông và tham gia vào nhóm tụ họp xung quanh vua. Sau khi lắng nghe một lúc cậu nhận ra họ đang thuyết phục Stephen rút quân và nhường Lincoln cho quân khởi nghĩa.

“Ngài có nhiều lãnh thổ hơn Maud – ngài có thể thành lập một đội quân hùng mạnh,” một người già nói, một người mà William nhận ra đó là Bá tước Hugh. “Hãy lui về miền Nam, đợi quân tiếp viện và trở lại với đội quân mạnh hơn.”

Sau điềm báo của cây nến gãy, William cũng ước muốn lui binh; nhưng nhà vua không có giờ nghe những chuyện như vậy. “Chúng ta mạnh đủ để đẩy lui họ,” ông vui vẻ nói. “Tinh thần chiến đấu của các ông ở đâu?” Ông đeo trên thắt lưng một thanh kiếm và phía bên kia một con dao găm, cả hai ở trong vỏ bằng gỗ và da.

“Cả hai đội quân đều tương đương nhau,” Bá tước của Surrey, một người cao to, có tóc hoa râm ngắn và bộ râu tía nói. “Nó rất mạo hiểm.”

Đó là một lý lẽ quá bình thường đối với Stephen, William biết nhà vua có tinh thần thượng võ. “Quá tương đương?” ông lập lại một cách khinh bỉ. “Tôi chỉ thích một cuộc chiến công bằng.” Ông đeo bao tay da, phía lưng các ngón tay có bọc sắt. Người hầu đưa cho ông một cái khiên bằng gỗ bọc da. Ông nối dây đeo quanh cổ và cầm khiên bằng tay trái.

“Chúng ta chỉ mất một ít nếu rút quân vào thời điểm này,” Hugh tiếp tục. “Ngay cả lâu đài chúng ta cũng không sở hữu.”

“Tôi sẽ bỏ lỡ cơ hội gặp Robert thành Gloucester trên trận chiến.” Stephen nói. “Hai năm qua ông ấy đã trốn tôi. Bây giờ tôi có cơ hội để giải quyết kẻ phản bội này một lần cho xong, tôi sẽ không lui quân chỉ vì quân đội hai bên bằng nhau.”

Một người giữ ngựa mang đến con ngựa đã đóng yên sẵn. Khi Stephen chuẩn bị lên ngựa, tiếng ồn ào vang lên ở cửa ra vào gian phía tây nhà thờ, và một hiệp sĩ chạy lên theo gian giữa, người đầy bùn và máu. William linh cảm có điều chẳng lành. Khi ông ta cúi chào nhà vua, William nhận ra ông thuộc quân của Erward, người đã được gửi ra gác ở chỗ cạn. “Thưa ngài, chúng ta đã quá trễ,” ông ta nói giọng khàn, thở dốc. “Quân thù đã qua sông.”

Nó là một dấu hiệu xấu nữa. William bất ngờ cảm thấy lạnh hơn. Bây giờ giữa quân thù và thành phố Lincol chỉ còn cách nhau một cánh đồng thoáng.

Trong một khoảnh khắc chính Stephen cũng kinh hoàng, nhưng ông bình tĩnh lại ngay. “Không có vấn đề gì!” ông nói. “Như vậy chúng ta sẽ gặp họ sớm hơn!” Ông trèo lên lưng con ngựa chiến.

Ông có một chiếc rìu đeo ở yên ngựa. Người hầu đưa cho ông cây giáo bằng gỗ đầu bọc sắt, như vậy là đầy đủ vũ khí cho nhà vua. Stephen tặc lưỡi, và con ngựa ngoan ngoãn di chuyển về phía trước.

Khi ông cưỡi ngựa xuống giữa gian chính nhà thờ, các bá tước và hiệp sĩ lên ngựa và theo sau ông, và họ rời nhà thờ như một cuộc rước. Bên ngoài sân, các binh lính nhập đoàn với họ. Đây là thời điểm cho những ai sợ hãi có thể tìm cơ hội trốn đi; nhưng bầu khí trang nghiêm và long trọng, cùng với dân thành phố đứng nhìn, nên cũng rất khó cho người hèn nhát trốn thoát.

Số lượng đoàn quân của nhà vua được bổ sung thêm hơn một trăm dân thành phố, những thợ bánh béo phì, những thợ dệt cận thị và thợ làm bia đỏ mặt. Họ trang bị đơn sơ và cưỡi trên những con ngựa nhỏ, mập mạp. Sự hiện diện của họ là một dấu hiệu họ không ưa Ranulf.

Đoàn quân không được đi ngang lâu đài, vì họ sẽ trở thành mục tiêu cho các cung thủ từ trên thành lũy, nên họ rời thành phố bằng cửa phía bắc được gọi là Newport Arch, rồi quẹo về phía tây. Đây là nơi cuộc chiến được diễn ra.

William quan tâm nghiên cứu địa hình. Mặc dù ngọn đồi phía nam của thành phố dốc xuống sông, ở đây bên phía tây có một sườn đồi dài đồ nhệ

xuống đồng bằng. William nhận ra ngay nhà vua đã chọn đúng chỗ để bảo vệ thành phố. Bất kỳ quân thù đến từ hướng nào, họ cũng phải vượt qua sườn đồi để chiến đấu với đoàn quân của vua.

Khi Stephen đi được một phần tư dặm khỏi thành phố, hai trinh sát cưỡi ngựa nhanh lên dốc. Họ nhìn thấy nhà vua và đi thẳng đến ông. William đến gần và nghe họ tường thuật.

“Quân thù tiến đến nhanh, thưa ngài,” một trong hai người trinh sát nói.

William nhìn qua cánh đồng. Cậu nhìn thấy từ xa một đám đông đen đang di chuyển chậm rãi về phía cậu: quân thù. Cậu rùng mình vì sợ. Cậu lắc mình, nhưng cơn sợ vẫn còn. Nó sẽ hết khi cuộc chiến bắt đầu.

Vua Stephen hỏi: “Cách dàn quân của họ ra sao?”

“Ranulf và các hiệp sĩ thành Chester tạo thành cánh quân chính giữa, thưa ngài,” người lính trinh sát nói. “Họ đang đi bộ.”

William tự hỏi tại sao người trinh sát biết tin này. Ông ta phải trà trộn trong trại lính và nghe được cách tiến quân như thế nào. Điều đó cần một thần kinh tốt.

“Ranulf ở khu giữa? Stephen nói. “Như vậy ông ấy là người chỉ huy chứ không phải Robert!”

“Robert thành Gloucester ở bên cánh trái, với một đoàn người tự gọi là ‘người hưởng gia tài’”, người trinh sát nói tiếp. William biết tại sao họ dùng tên gọi đó – họ đã mất hết đất đai từ khi cuộc nội chiến bắt đầu.

“Như vậy Robert đã giao cho Ranulf quyền chỉ huy quân đội,” Stephen trầm tư nói. “Thật đáng tiếc. Tôi biết rõ Robert – tôi lớn lên cùng với ông ấy – và tôi có thể đoán được chiến thuật của ông ấy. Nhưng Ranulf là một người lạ đối với tôi. Không vấn đề gì. Ai là người ở bên phải?”

“Người vùng Welsh, thưa ngài.”

“Những cung thủ, tôi đoán như vậy.” Người vùng phía nam của Wales nổi tiếng về bắn cung.

“Không phải những người này,” người trinh sát nói. “Họ là một nhóm hoang dã, mặt mày sơn phết, hát những bài hát man rợ và trang bị với búa và gậy. Rất ít người đi ngựa.”

“Như vậy có thể là người bắc Wales,” Stephen trầm ngâm. “Ranulf đã hứa cho họ được cướp bóc, tôi đoán thế. Xin Chúa bảo vệ Lincoln nếu họ vào được trong thành. Nhưng họ không có thể! Tên ông là gì?”

“Roger, được gọi là ‘không ruộng đất’,” người trinh sát nói.

“Không ruộng đất? Ông sẽ được thưởng bốn hecta đất cho công việc này.”

Người trinh sát hớn hờ. “Cảm ơn ngài!”

“Bây giờ.” Stephen quay nhìn các bá tước. Ông dự định dàn trận. William căng thẳng, tự hỏi không biết nhà vua sẽ trao cho cậu nhiệm vụ nào. “Bá tước Alan thành Brittany đâu?”

Alan thúc ngựa lên. Ông là chỉ huy trưởng của đoàn quân đánh thuê Breton, không có nguồn gốc, những người chiến đấu vì lương và chỉ trung thành với chính họ.

Stephen nói với Alan: “Tôi muốn có ông và đoàn quân dừng camp Breton ở phía trước, bên trái tôi.”

William nhìn thấy sự khôn ngoan trong đó: lính đánh thuê Breton sẽ chống lại người tảo bạo Welsh, những người không đáng tin cậy chống lại những người vô kỷ luật.

“William thành Ypres!” Stephen gọi.

“Thưa ngài.” Một người đàn ông da màu trên lưng con ngựa đen giờ cây thương của mình lên cao. William này là vị chỉ huy của một đoàn lính đánh thuê khác, người Bỉ. Người ta nói những người này đáng tin tưởng hơn người Breton.

Stephen nói: “Các ông cũng ở bên trái tôi, nhưng sau đoàn quân Breton của Alan.”

Hai vị chỉ huy đội lính đánh thuê quay về phía đoàn quân của mình và xếp đặt người của họ. William tự hỏi ông sẽ được xếp ở đâu. Cậu không muốn ở tiền tuyến. Cậu đã làm nhiều hơn người khác vì cậu đã đem quân của cậu theo. Một vị trí hậu cần, an toàn sẽ phù hợp với cậu hôm nay.

Vua Stephen nói: “Các bá tước thành Worcester, Surey, Northampton, York và Hertford, với các hiệp sĩ của các ông tạo thành cánh phải của tôi.”

Một lần nữa William nhìn thấy ý nghĩa cách dàn trận của Stephen. Các bá tước và hiệp sĩ của họ, hầu hết đi ngựa, sẽ trực diện với Robert thành Gloucester và giới quý tộc ‘vô sản’, người ủng hộ ông, hầu hết họ cũng đi ngựa. Nhưng William thất vọng vì không được gọi chung với các bá tước. Chắc chắn nhà vua sẽ không quên cậu.

“Tôi sẽ giữ mặt giữa, xuống ngựa đi bộ với các binh lính,” Stephen nói.

Lần đầu tiên William không đồng ý với quyết định của nhà vua. Nó luôn luôn tốt khi bạn có thể ở trên lưng ngựa bao lâu có thể. Nhưng Ranulf, dẫn đầu đoàn quân đối lập, đi bộ, và ý định muốn chơi đẹp của Stephen buộc ông phải đối diện với kẻ thù một cách bình đẳng.

“Cùng ở giữa với tôi có William thành Shiring và người của ông ấy,” nhà vua nói.

William không biết vui mừng hay sợ hãi. Đó là một vinh dự được chọn đứng chung với nhà vua – Mẹ cậu chắc sẽ hài lòng – nhưng nó đặt cậu vào một vị trí rất nguy hiểm. Tệ hơn nữa, cậu phải đi bộ. Nó cũng có nghĩa là nhà vua sẽ có thể thấy cậu và đánh giá khả năng của cậu. Cậu sẽ phải tỏ ra không sợ hãi và tiến vào quân thù, ngược lại với chiến thuật cậu ưa thích là tránh xa rắc rối và chỉ chiến đấu khi bị bắt buộc.

“Các dân cư trung thành của Lincoln sẽ đi phía sau,” Stephen nói. Đây là một tổng hợp của sự thông cảm và kỹ thuật quân sự. Cư dân không được sử dụng nhiều ở bất cứ chỗ nào, nhưng ở phía sau họ ít bị thiệt hại và thương vong.

William giờ cờ của lãnh địa Shiring. Đây là ý tưởng khác của mẹ cậu. Nói một cách nghiêm khắc, cậu không có quyền cầm cờ vì cậu không phải là bá tước; nhưng quân của cậu đã quen theo cờ Shiring – hay là ông sẽ lý luận như thế nếu bị tra hỏi. Và vào cuối ngày, nếu cuộc chiến kết thúc tốt, có thể cậu sẽ là bá tước.

Quân cậu tập trung quanh cậu. Walter bên cạnh cậu, như mọi khi, một sự hiện diện chắc chắn và bảo đảm. Ugly Gervase, Hugh Axe và Miles Dice cũng vậy. Gilbert, người đã chết ở mỏ đá, được thay thế bởi Guillaume de St. Clair, một khuôn mặt trẻ mới có tính nết tàn bạo.

Nhìn quanh, William tức điên khi thấy Richard thành Kingsbridge mặc áo giáp mới và cười một con ngựa chiến lộng lẫy. Cậu cùng đi với bá tước thành Surrey. Cậu đã không mang đến nhà vua một đội quân như William đã làm, nhưng cậu trông ấn tượng – khuôn mặt mới, mạnh mẽ và dũng cảm – và nếu hôm nay cậu làm được điều vĩ đại, cậu sẽ chiếm được sự ủng hộ của hoàng gia. Cuộc chiến không thể đoán trước, và nhà vua cũng vậy.

Mặt khác có thể Richard sẽ bị giết hôm nay. Đó sẽ là một may mắn tình cờ. William thêm khát điều đó hơn là cậu thêm khát một phụ nữ.

Cậu nhìn về hướng tây. Quân thù đã đến gần.

Philip ở trên mái nhà thờ chính tòa, và ông có thể nhìn thành phố Lincoln như trên một bản đồ. Thành phố cổ bao quanh nhà thờ chính tòa trên đỉnh đồi. Có những con đường thẳng, những khu vườn gọn gàng và lâu đài trong góc tây nam. Khu mới hơn, ồn ào và đông đúc, chiếm sườn đồi dốc phía nam, giữa thành phố cổ và sông Witham. Vùng này thường nhộn nhịp với các hoạt động thương mại, nhưng hôm nay nó bị bao trùm bởi sự yên tĩnh sợ hãi giống như một tấm khăn niệm che phủ thành phố, và dân chúng đứng trên mái nhà theo dõi trận chiến. Dòng sông đến từ hướng đông, chạy dọc theo chân ngọn đồi, sau đó mở rộng thành một hải cảng tự nhiên lớn được gọi là Brayfield Pool, được bao quanh bởi cầu cảng và thuyền bè. Một kênh đào được gọi là Fosdyke chạy từ Brayfield Pool về phía tây – tất cả con đường dẫn tới sông Trent, Philip đã được nghe nói. Nhìn nó từ trên cao, Philip ngạc nhiên làm sao nó có thể chạy thẳng hàng dặm. Người ta nói rằng nó đã được xây từ thời thượng cổ.

Kênh đào tạo thành ranh giới của bãi chiến trường. Philip quan sát đoàn quân của vua Stephen ra khỏi thành phố trong một đám đông hỗn loạn và từ từ hình thành ba cột trật tự trên sườn đồi. Philip biết Stephen đã đặt các bá tước bên tay phải ông bởi vì họ có nhiều màu sắc, với áo dài đỏ và vàng của họ, và với cờ lộng lẫy. Họ cũng tích cực nhất, đi lên đi xuống, ra lệnh, tổ chức tham vấn và lên kế hoạch. Nhóm bên tay trái vua, trên sườn đồi dẫn xuống kênh đào, ăn mặc màu xám nhạt và nâu, chỉ có vài con ngựa, và ít bận rộn, giữ gìn năng lực cho cuộc chiến: có lẽ họ là lính đánh thuê.

Đối diện với quân đội Stephen, nơi các đường kênh đào trở thành mớ ảo và trộn lẫn với hàng rào cây, đoàn quân kháng chiến bao trùm cánh đồng giống như một đàn ong. Lúc đầu họ dường như đứng nguyên một chỗ, nhưng rồi một lúc sau khi ông nhìn kỹ, họ đã gần hơn; và bây giờ, nếu ông nhìn kỹ ông có thể nhận ra sự chuyển động của họ. Ông ngạc nhiên về lực lượng của họ. Dường như hai lực lượng cân bằng nhau.

Philip không có thể làm gì khác hơn là đứng nhìn – một tình trạng mà ông rất ghét. Ông cố giữ cho tâm trí mình bình yên và tin vào định mệnh. Nếu Chúa muốn một nhà thờ chính tòa mới ở Kingsbridge, Ngài có thể làm cho Robert thành Gloucester đánh bại vua Stephen ngày hôm nay, vì thế mà ông có thể yêu cầu nữ hoàng chiến thắng Maud cho phép ông lấy lại mỏ đá và mở lại khu chợ. Và nếu Stephen chiến thắng Robert, Philip sẽ phải chấp nhận ý Chúa, từ bỏ kế hoạch đầy tham vọng của mình, và để Kingsbridge một lần nữa rơi vào quên lãng.

Cố gắng như ông có thể, Philip không thể nghĩ khác. Ông muốn Robert chiến thắng.

Một cơn gió mạnh thổi qua tháp nhà thờ và đe dọa thổi bay những người đứng xem yếu bóng vía xuống khu nghĩa địa bên dưới. Gió lạnh buốt. Philip rùng mình và kéo áo choàng chặt hơn xung quanh ông.

Hai đội quân bây giờ chỉ còn cách nhau một dặm.

Đoàn quân khởi nghĩa dừng lại một dặm trước tiền tuyến của nhà vua. Nó thật đau đớn khi nhìn thấy số người của họ nhưng không biết gì nhiều về họ. William muốn biết họ được trang bị vũ khí như thế nào, họ háo hức và hung hăng hay mệt mỏi và miễn cưỡng, ngay cả họ cao bao nhiêu. Họ tiếp tục chậm rãi tiến về phía trước, bởi vì những người ở phía sau cũng bị thúc đẩy như William, họ ép về phía trước để nhìn xem quân thù.

Trong quân đội của Stephen các bá tước và hiệp sĩ ngồi trên lưng ngựa theo hàng, với giáo sẵn sàng, như thể họ ở trong một giải đấu và sẵn sàng cuộc đua. William miễn cưỡng gửi tất cả ngựa của họ lại phía sau. Cậu nói với người giữ ngựa không đưa ngựa của cậu về thành phố nhưng giữ ngựa ở đó trong trường hợp cậu cần – để trốn chạy, ý cậu như thế, mặc dù cậu không nói rõ ra. Nếu cuộc chiến thất bại thì chạy trốn tốt hơn là chết.

Có những lúc vắng lặng, dường như cuộc chiến sẽ chẳng bao giờ bắt đầu. Gió ngưng lại và ngựa cũng trở lại bình tĩnh, nhưng con người thì không. Vua Stephen cưỡi mũ sắt và gài đầu. William bồn chồn. Đánh nhau là chuyện bình thường, nhưng nghĩ về nó làm cậu buồn nôn.

Sau đó, không biết vì lý do gì, bầu khí trở nên căng thẳng. Một tiếng hô xuất trận vang lên từ đâu đó. Tất cả ngựa lồng lên. Sự cố vũ bắt đầu nhưng ngay lập tức bị át đi bởi tiếng sấm của vó ngựa. Cuộc chiến đã bắt đầu. William ngửi thấy mùi mồ hôi chua của sợ hãi.

Cậu nhìn quanh cố gắng xem những gì đang xảy ra, nhưng hoàn toàn thất vọng, và vì đi bộ, cậu chỉ có thể nhìn thấy những gì ngay bên cạnh cậu. Các bá tước bên cánh phải dường như đã bắt đầu chiến đấu. Có lẽ đoàn quân quý tộc mất đất của bá tước Robert đã đánh trả lại. Ngay lập tức một tiếng kêu từ bên trái, và William quay lại nhìn thấy những người lính đánh thuê Breton đang phi ngựa về phía trước. Đáp lại, một tiếng hú kinh hoàng phát ra từ phía quân thù – có lẽ đám dân Welsh. Cậu không thể nhìn thấy ai có lợi thế hơn.

Cậu không thấy Richard.

Hàng chục mũi tên bay như một đàn chim từ hàng phía sau quân thù và bắt đầu rơi xuống chung quanh. William dùng khiên che đầu. Cậu ghét những mũi tên – chúng có thể giết người một cách ngẫu nhiên.

Vua Stephen hô tiến quân và chiến đấu. William rút kiếm, lao về phía trước và gọi quân cậu đi theo. Nhưng những người cưỡi ngựa hai bên cánh phải và trái rẽ ra khi họ đánh nhau phía trước và chặn đường ông.

Bên tay phải có tiếng sắt chạm vào nhau, và cậu ngửi thấy mùi kim khí quen thuộc. Các bá tước và người hưởng di sản đã tham gia cuộc chiến. Những gì cậu có thể nhìn thấy là người và ngựa va chạm nhau, xoay quanh, đánh nhau và ngã xuống. Không thể phân biệt được tiếng ngựa hí và tiếng hò hét của quân sĩ, và đâu đó William có thể nghe thấy tiếng la hét khủng khiếp của người bị thương đau đớn. Cậu hy vọng Richard là một trong những người này.

William nhìn sang trái và kinh hoàng nhìn thấy những người Breton bị lui lại vì gậy và rìu của những thổ dân hoang dã Welsh. Người Welsh cúi

tiết, la hét, quát tháo và chà đạp nhau vì hăng hái muốn đánh vào quân thù. Có lẽ họ nóng lòng muốn cướp phá thành phố giàu có. Những người Breton không có kỳ vọng gì nhiều hơn là một tuần lương, nên đã chiến đấu phòng thủ và sẵn sàng lui chiến. William chán ghét quay đi.

Cậu thất vọng vì chưa được đánh đòn nào. Cậu bị bao vây bởi các hiệp sĩ của cậu, trước mặt là ngựa của bá tước và người Breton. Cậu chen lên phía trước, lên hàng đầu bên cạnh nhà vua. Cuộc chiến diễn ra xung quanh: ngựa chết, binh lính đánh nhau tay đôi, tiếng kêu inh ỏi của các thanh kiếm chạm nhau, và mùi ghê tởm của máu; nhưng William và vua Stephen, trong lúc này, bị mắc kẹt trong một vùng chết.

Philip có thể nhìn thấy mọi sự, nhưng ông không hiểu gì. Ông không biết những gì đang xảy ra. Tất cả hỗn loạn: lưỡi kiếm nhấp nháy, cờ bay và rớt xuống, và âm thanh của chiến trận được gió mang theo qua không gian lặng thinh. Nó là một bức bối khó chịu. Vài người ngã xuống và chết, người khác vượt qua và chiến đấu, nhưng ông không thể nói ai thắng ai thua.

Một linh mục nhà thờ chính tòa trong áo khoác lông thú đứng gần, nhìn Philip rồi nói: “Ra sao rồi?”

Philip lắc đầu và nói: “Tôi không biết.”

Nhưng ngay khi ông đang nói, ông thấy một chuyển động. Phía bên trái của chiến trường, một vài người chạy từ đồi xuống kênh đào. Họ là lính đánh thuê mặc quần áo nâu, và như Philip có thể nói, họ là lính của nhà vua đang chạy trốn, và những người thuộc bộ lạc của quân đội tấn công đuổi theo. Tiếng reo chiến thắng của người Welsh có thể nghe thấy ở đây. Niềm hy vọng của Philip trào lên: quân khởi nghĩa đang chiến thắng!

Sau đó có một thay đổi lớn ở phía bên kia. Bên cánh phải, nơi kỵ binh chiến đấu, quân đội của nhà vua dường như bị đẩy lui. Chuyển động lúc đầu nhẹ, rồi ổn định, rồi lại nhanh chóng; và theo như Philip quan sát, cuộc rút quân thành cuộc thảm bại, và hàng trăm người của nhà vua quay ngựa và bắt đầu chạy.

Philip phấn khởi: đó phải là ý Chúa!

Cuộc chiến có thể qua đi nhanh chóng như vậy không? Quân khởi nghĩa đã tiến vào cả hai cánh, nhưng phía giữa vẫn ổn định. Những người chung

quanh vua Stephen chiến đấu quyết liệt hơn so với hai bên cánh. Họ có thể ngăn lại dòng chảy không? Có lẽ Stephen và Robert thành Gloucester sẽ trực tiếp chiến đấu với nhau: cuộc chiến cá nhân giữa hai nhà chỉ huy đôi khi có thể giải quyết vấn đề bất kể những gì xảy ra trên chiến trường. Cuộc chiến chưa kết thúc.

Chiều hướng thay đổi với tốc độ kinh hoàng. Có lúc cả hai đoàn quân chiến đấu quyết liệt; và sau đó quân của vua lui về nhanh chóng. William vô cùng chán nản. Bên cánh trái, lính đánh thuê Breton đang chạy xuống đồi và bị người Welsh truy đuổi xuống tới kênh đào. Bên cánh phải, các bá tước với các ngựa chiến và cò quạt đang quay lưng khỏi trận chiến và tìm đường trốn về Lincoln. Chỉ có tuyến giữa vẫn cầm cự: Vua Stephen, giữa trận địa, vùng thanh kiếm khổng lồ quanh mình, và đoàn quân Shiring chiến đấu như đàn chó sói quanh ông. Nhưng tình hình bất ổn. Nếu hai cánh tiếp tục rút lui, sau cùng nhà vua sẽ bị bao vây. William muốn Stephen lui quân. Nhưng nhà vua thì can đảm hơn là khôn ngoan, và ông tiếp tục chiến đấu.

William thấy toàn bộ cuộc chiến đổ về bên trái. Nhìn quanh, lính đánh thuê người Bỉ đến từ đằng sau và đột kích người Welsh, họ bỏ không đuổi theo người Breton xuống đồi nữa và quay lại bảo vệ chính mình. Hai bên đánh cận chiến. Rồi quân của Ranulf thành Chester, ở giữa đạo quân khởi nghĩa, tấn công người Bỉ, những người bây giờ ở giữa đám quân từ Chester và Welsh.

Nhìn thấy sự tập hợp lại, vua Stephen thúc dục quân ông tiến lên. William nghĩ Ranulf có thể đã lầm lẫn. Nếu quân nhà vua có thể đến gần quân Ranulf bây giờ, Ranulf sẽ là người bị hai phía ép vào.

Một người hiệp sĩ của William ngã gục ngay trước mặt cậu và bất ngờ cậu ở ngay giữa cuộc chiến.

Một người miền Bắc lực lưỡng với máu trên ngọn kiếm lao vào cậu. William né tránh dễ dàng: cậu còn khỏe và người kia đã mệt. William đâm vào khuôn mặt ông, bị lỡ, và cậu né tránh nhát kiếm khác. Cậu giơ cao lưỡi kiếm, và cố ý không bảo vệ; rồi, khi người đàn ông kia bước về phía trước và đâm nhát khác, William né nó và với hết sức mình, cậu đâm lưỡi kiếm

bằng cả hai tay lên vai người đàn ông. Lưỡi kiếm đâm qua áo giáp, làm gãy xương và ông ta gục xuống.

William đã có một giây phút hứng khởi. Nỗi sợ hãi biến mất. Ông gầm lên: “Đứng lên, con chó!”

Hai người thay chỗ của người hiệp sĩ bị ngã xuống và tấn công William cùng một lúc. Cậu có thể cầm cự với họ, nhưng cậu bị bắt buộc phải rời vị trí.

Có một biến động bên cánh phải, và một đối thủ của cậu quay sang một bên để chống lại một người lính mặt đỏ có một con dao, trông như người bán thịt điên cuồng. Vì thế chỉ còn một người đối phó với William. Cậu cười dã man và bước về phía trước. Đối thủ của cậu hoảng sợ và chém dữ dội vào đầu William. William cúi xuống và đâm người đàn ông vào đùi, ngay dưới áo giáp ngắn. Chân ông bị gãy và ông ngã xuống.

Một lần nữa William không có ai để đánh nhau. Cậu đứng yên, thờ ơ. Có lúc cậu đã nghĩ quân đội của nhà vua đang bị tan rã, nhưng bây giờ họ tập trung lại, và không thể nói được bên nào đang có lợi thế. Cậu nhìn sang bên phải, tự hỏi chuyện gì đã gây ra sự biến động làm phân tâm đối thủ, người đang đánh nhau với cậu. Trước sự ngạc nhiên cậu nhìn thấy cư dân Lincoln đang đánh nhau dữ dội với quân thù. Có lẽ bởi vì họ muốn bảo vệ gia đình họ. Nhưng ai là người đã tụ họp họ, khi các bá tước ở hai cánh đã chạy trốn? Câu hỏi của cậu được trả lời ngay: cậu kinh ngạc nhìn thấy Richard thành Kingsbridge trên lưng con ngựa chiến, đôn đốc cư dân. William đau lòng. Nếu nhà vua nhìn thấy Richard can đảm, có thể mọi nỗ lực của William thành vô nghĩa. William nhìn sang nhà vua. Vào lúc đó nhà vua gặp ánh mắt Richard và vẫy tay khích lệ. William thốt ra lời nguyện rửa bực bội.

Sự tấn công của cư dân làm giảm áp lực lên nhà vua, nhưng chỉ được chốc lát. Về phía trái, quân của Ranulf đã đẩy lui lính đánh thuê người Bỉ, và bây giờ ông quay vào cánh giữa của lực lượng bảo vệ. Vào lúc đó nhóm người được gọi là người hưởng di sản chống lại Richard và cư dân, và cuộc chiến trở nên khốc liệt.

William bị một người đàn ông to lớn tấn công bằng rìu. Cậu tuyệt vọng né tránh, bất ngờ cậu sợ mất mạng. Mỗi một nhát rìu bổ xuống, cậu lại nhảy lùi lại, và cậu sợ hãi nhận ra rằng quân đội nhà vua cũng lùi lại cùng tốc độ. Phía bên trái cậu, người Welsh đã lên lại đồi và, một cách dữ dội, bắt đầu ném đá. Nó thật vô lý nhưng hiệu quả, bởi vì bây giờ William vừa phải chiến đấu với người có chiếc rìu nhưng một mắt vẫn phải chú ý đến những hòn đá bay. Dường như quân thù đông hơn trước, và William cảm thấy, với một cảm giác thất vọng, rằng quân nhà vua bị áp đảo. Nỗi sợ hãi tăng lên khi cậu nhận ra cuộc chiến đã sắp tàn và cậu có thể bị nguy hiểm đến tính mạng. Nhà vua nên trốn chạy ngay. Tại sao ông lại tiếp tục chiến đấu? Thật là điên dại – ông sẽ bị giết – tất cả họ sẽ bị giết! Địch thủ của William dơ chiếc rìu. Bản năng chiến đấu của ông trở lại, và thay vì lùi lại như những lần trước, cậu nhảy tới và đâm vào mặt người đàn ông to lớn. Lưỡi kiếm của cậu đâm vào cổ địch thủ, ngay dưới cằm. Cậu đẩy mạnh thanh kiếm. Mắt người đàn ông đóng lại. William thở phào nhẹ nhõm. Cậu rút kiếm về và lùi lại tránh chiếc rìu rơi xuống từ bàn tay người chết.

Cậu nhìn trộm sang nhà vua đang chiến đấu chỉ cách cậu vài bước phía tay trái. Khi cậu nhìn, nhà vua giáng thanh kiếm xuống trên mũ sắt của một người, và thanh kiếm gãy làm hai như một khúc củi. Thế là chấm dứt, William thở phào; cuộc chiến đã tan. Nhà vua sẽ phải trốn chạy mà cứu mình và chiến đấu lại vào ngày khác. Nhưng cậu hy vọng quá sớm. William đang quay lại để chạy đi, thì một cư dân trao cho nhà vua một cây rìu có cán dài bằng gỗ. William thất vọng, vì nhà vua cầm lấy và tiếp tục chiến đấu.

William bị cám dỗ trốn đi. Nhìn qua tay phải, cậu thấy Richard đi bộ, chiến đấu giống như một người điên, ép về phía trước, vung kiếm quanh người, hạ gục hết người này đến người kia. William không thể trốn chạy khi người kình địch của cậu vẫn còn đang chiến đấu.

William lại bị tấn công, lần này bởi một người nhỏ con trang bị nhẹ, người di chuyển rất nhanh, thanh kiếm của ông lấp lánh trong ánh mặt trời. Khi hai lưỡi kiếm chạm nhau, William nhận ra ông đang đụng độ một đối thủ đáng gờm. Một lần nữa cậu phải tự vệ và lo mất mạng; ngoài ra ý thức

rằng cuộc chiến đã sắp kết thúc làm cậu mất tinh thần chiến đấu. Cậu né tránh những đường đâm, những nhát cắt nhanh chóng và ước muốn có thể đánh một cú mạnh xuyên qua áo giáp của người đàn ông. Cậu thấy một cơ hội và vội vung thanh gươm. Người đàn ông né tránh và đâm lại, và William thấy cánh tay trái của cậu tê cứng. Cậu bị thương. Cậu hoảng lên vì sợ. Cậu tiếp tục lùi lại sau mỗi đợt tấn công, cảm thấy mất thăng bằng như mặt đất đang di chuyển dưới chân cậu. Chiếc khiên treo lưng lảng nơi cổ cậu: cậu không có thể giữ nó ổn định với cánh tay trái bị thương. Người đàn ông cảm nhận được sự chiến thắng đã gần kề nên ông tấn công mạnh hơn. William thấy sự chết trước mặt và kinh hoàng sợ hãi.

Bất ngờ Walter xuất hiện bên cạnh cậu.

William lùi lại. Walter vung kiếm bằng cả hai tay. Người đàn ông nhỏ ngớ ngàng, không kịp phản ứng và ngã xuống như một cây nhỏ đổ. William thở phào, đặt một tay lên vai Walter.

“Chúng ta đã thất bại,” Walter nói với cậu. “Chúng ta đi thôi.”

William co mình lại. Nhà vua vẫn còn chiến đấu, ngay cả ông biết cuộc chiến đã qua. Nếu bây giờ ông bỏ cuộc và cố gắng tìm cách chạy, ông có thể về miền Nam và tập hợp một đội quân khác. Nhưng ông càng chiến đấu lâu dài hơn, khả năng ông bị bắt và bị giết càng cao hơn, và điều đó có nghĩa là: Mauld sẽ lên làm nữ hoàng.

William và Walter quay lưng lại với nhau. Tại sao nhà vua lại quá ngu ngốc? Ông đã chứng tỏ sự dũng cảm của ông. Dũng cảm đồng nghĩa với việc ông phải chết. Một lần nữa William bị cám dỗ bỏ rơi nhà vua. Nhưng Richard thành Kingsbridge vẫn còn đó, giữ cánh phải chắc chắn như một tảng đá, đóng đưa thanh kiếm và chặt người như máy gặt. “Chưa trốn chạy bây giờ,” William nói với Walter. “Hãy theo dõi nhà vua!”

Họ lui từng bước một. Cuộc chiến không còn khốc liệt khi người ta nhận ra rằng nó đã được định đoạt và mạo hiểm không còn ý nghĩa gì. William và Walter đụng hai thanh kiếm của hai hiệp sĩ, nhưng hai hiệp sĩ chỉ muốn đánh họ lui về, và William cùng Walter chỉ chiến đấu phòng thủ. Những cú đánh mạnh, nhưng không ai liều mình.

William lui lại hai bước và nhìn sang nhà vua. Vào lúc đó một hòn đá từ cánh đồng trúng vào mũ sắt của nhà vua. Nhà vua choáng váng và quy xuống đầu gối. Người đang chiến đấu với William dừng lại, nhìn xem William đang nhìn gì. Vua Stephen buông cây rìu. Một hiệp sĩ của quân đối phương chạy đến và kéo chiếc mũ sắt ra. “Nhà vua,” ông ấy kêu lên đắc thắng. “Tôi đã bắt được vua!”

William, Walter và toàn bộ quân của nhà vua quay lại và chạy trốn.

III

Phòng tiếp tân của hoàng gia ở lâu đài Winchester đã thay đổi nhiều. Không những chỉ không còn những con chó, mà ngai của vua Stephen bằng gỗ, cũng như các ghế băng, và da thú trang trí trên tường cũng đã biến mất. Thay vào đó có tranh thêu, thảm màu, đĩa bánh kẹo và ghế được sơn phết. Căn phòng phảng phất mùi hoa.

Philip không bao giờ cảm thấy thoải mái ở hoàng cung, và một hoàng cung của nữ hoàng đủ làm ông run rẩy, lo lắng. Nữ hoàng Mauld là niềm hy vọng duy nhất cho phép ông nhận lại mỏ đá và mở lại ngôi chợ, nhưng ông chưa tin rằng người đàn bà kiêu ngạo và bướng bỉnh này sẽ đưa ra một quyết định chính đáng.

Nữ hoàng ngồi trên một ngai trạm khắc mạ vàng, mặc áo màu xanh của hoa chuông. Bà cao và gầy, đôi mắt màu đậm tự hào và mái tóc đen bóng. Bên ngoài bà mặc áo khoác dài tới đầu gối, eo ở hông và loe xuống phía dưới; một kiểu áo bà đã tạo ra cho nước Anh và bây giờ nhiều người bắt chước. Bà đã sống với người chồng thứ nhất mười một năm và người thứ hai mười bốn năm, nhưng bây giờ trông bà chưa đến bốn mươi tuổi. Dân chúng ca ngợi sắc đẹp của bà. Đối với Philip bà có vẻ cộc lốc và không thân thiện; nhưng ông thuộc thành phần đặc biệt, không quan tâm đến vẻ hấp dẫn của phụ nữ.

Philip, Francis, William Hamleigh và Giám mục Waleran cúi chào bà và đứng đợi. Bà không để ý đến họ và tiếp tục nói chuyện với một phụ nữ trong hoàng gia. Cuộc trò chuyện có vẻ không nghiêm trọng, vì họ cười nắc nẻ; nhưng Mauld không ngưng lại để chào các vị khách.

Francis làm việc chặt chẽ với bà và hầu như gặp bà mỗi ngày, nhưng họ không thân nhau. Anh trai Robert của bà, chủ cũ của Francis, đã giới thiệu ông với bà khi bà vừa đến nước Anh, vì bà cần một thư ký tốt nhất. Tuy nhiên, đây không phải là lý do duy nhất. Francis giữ vai trò liên kết giữa hai anh em và để ý đến nữ hoàng có tính khí bốc đồng này. Chuyện anh em phản bội nhau trong hoàng cung nhiều xảo trá là chuyện có thể xảy ra; vì thế nhiệm vụ thật sự của Francis là kiểm soát những ám muội của Maud. Bà biết điều đó và chấp nhận nó, nhưng qua hệ giữa hai người không thoải mái.

Từ trận chiến ở Lincoln đến nay đã được hai tháng, và trong khoảng thời gian đó mọi chuyện tiến triển tốt đẹp cho Maud. Giám mục Henry đã chào đón bà ở Winchester (qua đó ông đã phản bội vua Stephen, anh trai của ông) và đã triệu tập một công nghị vĩ đại gồm các giám mục và tu viện trưởng để bầu nữ hoàng; và bây giờ bà đang đàm phán với các quận của London để tổ chức lễ đăng quang tại Wesminster. Vua David của Tô Cách Lan, tình cờ cũng là chú của bà, đang chuẩn bị đến thăm bà chính thức trong tư cách một quốc vương thăm một quốc vương.

Giám mục Henry được Giám mục Waleran thành Kingsbridge hỗ trợ mạnh mẽ; và, theo lời của Francis, Waleran đã thuyết phục William Hamleigh quy hàng và trung thành với Maud. Bây giờ William đến nhận phần thưởng của mình.

Bốn người đứng chờ đợi: William với người đứng sau lưng là giám mục Waleran, và Philip với người bảo trợ là Francis. Đây là lần đầu Philip gặp Maud. Dáng điệu của bà không làm ông an tâm: mặc dù về vương giả của bà, ông nghĩ bà có tính khí bất thường.

Khi Maud chấm dứt cuộc trò chuyện, bà quay lại với cái nhìn đặc thẳng như muốn nói: hãy nhìn xem các ông không quan trọng như thế nào, ngay cả nhân viên trong hoàng cung còn được ưu tiên hơn các ông. Bà nhìn

chăm chăm vào Philip một lúc lâu, cho đến khi ông trở thành xấu hổ, rồi bà nói: “Francis, ông đưa anh sinh đôi của ông đến với tôi à?”

Francis nói: “Thưa bà, anh tôi, Philip, tu viện trưởng ở Kingsbridge.”

Philip cúi chào lần nữa và nói: “Một chút quá già và đầu quá bạc để có thể là anh em sinh đôi, thưa bà.” Những việc pha trò như thế thường được yêu chuộng trong hoàn cung, nhưng bà lơ đi và nhìn ông lạnh lẽo. Ông quyết định không làm duyên dáng nữa.

Bà quay sang William. “Và ngài William Hamleigh đã chiến đấu dũng cảm chống lại quân của tôi ở Lincoln, nhưng bây giờ đã hối lỗi.”

William cúi chào và khôn ngoan giữ kín miệng.

Bà quay lại Philip. “Ông yêu cầu tôi cho phép ông mở chợ.”

“Vâng, thưa bà.”

Francis nói: “Mọi thu nhập từ chợ sẽ được dùng để xây nhà thờ chính tòa, thưa bà.”

“Ông muốn mở chợ vào ngày nào trong tuần?” bà ta hỏi.

“Vào chủ nhật.”

Bà nhướn mày lên. “Các ông, những người của Thiên Chúa, thường chống lại chợ búa vào ngày chủ nhật. Nó không ngăn người ta đến nhà thờ sao?”

“Trong trường hợp của chúng tôi, không,” Philip nói. “Dân chúng đến làm việc trong công trường xây dựng của nhà thờ và tham dự thánh lễ, sau đó họ mua bán ngoài chợ.”

“Vậy là ông đã mở chợ này à?” bà sắc sảo hỏi.

Philip nhận ra ông đã sai lầm. Ông thấy mình tự hại mình.

Francis cứu ông. “Không, thưa bà, hiện nay không có chợ,” ông nói. “Nó đã bắt đầu không chính thức, và Tu viện trưởng Philip đã ra lệnh ngưng lại cho đến khi được cấp giấy phép hoạt động.”

Đó là thật, nhưng không hoàn toàn là sự thật. Tuy nhiên, dường như Maud chấp nhận lý luận đó. Philip thầm cầu nguyện xin Chúa tha thứ cho Francis.

Maud nói: “Gần đó có chợ nào không?”

William lên tiếng. “Thưa có, ở Shiring; và chợ ở Kingsbridge đã thu hút khách hàng đi.”

Philip nói: “Nhưng Shiring cách Kingsbridge hai mươi dặm!”

Francis nói: “Thưa bà, theo luật các chợ phải cách nhau ít nhất mười bốn dặm. Theo tiêu chuẩn đó thì Kingsbridge và Shiring không hề cạnh tranh nhau.”

Bà gật đầu, ra vẻ chấp nhận quan điểm luật pháp này của Francis. Cho đến bây giờ, Philip nghĩ, nó đang thuận lợi cho ông.

Maud nói: “Ông cũng yêu cầu quyền lấy đá từ mỏ đá thuộc lãnh địa Shiring.”

“Chúng tôi đã có quyền đó từ nhiều năm nay, nhưng gần đây William đã đuổi thợ đá của chúng tôi, giết năm người –“

“Ai cho ông quyền khai thác đá?” bà ngắt ngang.

“Vua Stephen –“

“Kẻ cướp ngôi!”

Francis vội vàng nói: “Thưa bà, dĩ nhiên tu viện trưởng chấp nhận mọi sắc lệnh của vua giả Stephen là không hợp lệ, cho đến khi được bà phê duyệt.”

Philip không chấp nhận những việc như vậy, nhưng ông thấy rằng tốt hơn không nên nói ra.

William thốt lên: “Tôi đóng cửa mỏ đá để trả thù cho ngôi chợ bất hợp pháp của ông ấy.”

Thật không tin nổi, Philip nghĩ, làm sao lại có thể đem một trường hợp bất công rõ ràng như thế để biện hộ cho mình trước tòa án.

Maud nói: “Tất cả chuyện tranh cãi này xảy ra là vì quyết định ban đầu của Stephen là ngu ngốc.”

Giám mục Waleran lần đầu lên tiếng. “Vâng, thưa bà, tôi hoàn toàn đồng ý với bà,” ông nịnh bợ nói.

“Cho phép một người sở hữu mỏ đá, rồi lại cho người khác khai thác đá thì tự nó đã gây ra rắc rối,” Bà nói. “Mỏ đá phải thuộc về người này hay người kia.”

Thật đúng như vậy, Philip nghĩ. Và nếu bà theo đúng tinh thần của Stephen thì nó phải thuộc về Kingsbridge.

Bà tiếp tục: “Tôi quyết định mở đá thuộc về đồng minh cao quý của tôi, ngài William.”

Tâm hồn Philip trĩu nặng. Việc xây dựng nhà thờ chính tòa không thể tiến hành nhanh được nếu không có đá miễn phí. Nó sẽ chậm lại trong khi Philip phải tìm tiền mua đá. Và tất cả xảy ra là vì người đàn bà thất thường này! Điều đó làm ông tức giận.

William nói: “Thưa bà, cảm ơn bà.”

Maud nói: “Tuy nhiên, Kingsbridge sẽ có cùng quyền hoạt động chợ như Shiring.”

Philip lên tinh thần. Ngôi chợ không đủ trả chi phí cho đá nhưng nó là một hỗ trợ lớn. Điều này có nghĩa là ông lại phải góp nhặt từng đồng, như lúc đầu ông đã làm, nhưng ông có thể tiếp tục xây dựng.

Maud đã cho mỗi người cái mà họ muốn. Có lẽ bà ta không hoàn toàn quá ngu dốt.

Francis nói: “Thưa bà, quyền hoạt động chợ giống như ở Shiring?”

“Đó là điều tôi đã nói.”

Philip không biết chắc chắn tại sao Francis lại lập lại điều đó. Thông thường việc cấp phép cho thành phố này dựa theo giấy phép của thành phố khác: nó vô tư và tiết kiệm được nhiều văn bản. Philip sẽ phải xem xét chính xác những điều lệ của Shiring. Có thể có những hạn chế hoặc đặc quyền riêng.

Maud nói: “Vì vậy mỗi người có một chút. William nhận mở đá và Tu viện trưởng Philip nhận ngôi chợ. Và đổi lại, mỗi người trả cho tôi một trăm bảng Anh. Đó là tất cả.” Bà quay đi.

Philip sửng sốt. Một trăm bảng Anh! Hiện nay tu viện không có nổi một trăm xu. Làm sao ông tìm được số tiền này? Ngôi chợ cần nhiều năm mới thu được một trăm bảng Anh. Đó là một đòn nặng có thể ngăn trở chương trình xây dựng lại vĩnh viễn. Ông nhìn chăm chăm vào Maud, nhưng một lần nữa bà lại đắm chìm trong cuộc nói chuyện với người phụ nữ trong

hoàng cung. Francis húc vào ông. Philip mở miệng nói. Francis dơ ngón tay lên môi. Philip nói: “Nhưng ...” Francis vội vã lắc đầu.

Philip biết Francis đúng. Vai ông rũ xuống vì thất bại. Bất lực, ông quay đi và ra khỏi hoàng gia.

Francis rất ấn tượng khi Philip chỉ cho ông coi tu viện Kingsbridge. “Mười năm trước em đã ở đây, và nó là một đồng rác,” ông nói với vẻ không tôn trọng. “Anh đã thật sự đem sự sống đến cho nó.”

Đặc biệt ông hài lòng với phòng viết mà Tom đã hoàn thành trong thời gian Philip ở Lincoln. Một tòa nhà nhỏ bên cạnh nhà họp, nó có cửa sổ rộng, một lò sưởi có ống khói, một hàng bàn và tủ gỗ sồi lớn cho sách báo. Bốn tu sĩ đang làm việc tại đó, đứng ở bàn cao, viết trên giấy da bằng bút lông. Ba bản đang được sao chép lại: một gồm các thánh vịnh của David, một phúc âm của Thánh Mát Thêu, và một tu luật của Thánh Biển Đức. Ngoài ra thầy Timothy đang viết lịch sử nước Anh, và ông đã bắt đầu với việc tạo dựng thế giới, vì thế Philip sợ cậu bé già này sẽ chẳng bao giờ hoàn thành nó. Phòng viết nhỏ - vì Philip không muốn sử dụng nhiều đá của nhà thờ - nhưng nó ấm cúng, khô ráo, sáng sủa, và nó đáp ứng được nhu cầu. “Thật là hổ thẹn, tu viện chỉ có vài cuốn sách và mua thêm thì quá mắc, vì thế đây là cách duy nhất để gây dựng thêm kho sách,” Philip giải thích.

Tầng hầm có một xưởng nghề, nơi một vị tu sĩ già truyền lại cho hai tu sĩ trẻ cách căng da cừu để làm thành giấy da, cách pha mực và cách buộc các tờ riêng lẻ thành một cuốn sách. Francis nói: “Anh cũng có thể bán sách nữa.”

“Ồ, đúng – phòng viết có đủ khả năng làm ra hơn số tiền đã được dùng để xây dựng nó.”

Họ rời tòa nhà và đi qua sân tu viện. Lúc đó vào giờ nghiên cứu. Hầu hết các tu sĩ đang học. Một vài người ngồi chiêm niệm, một tư thế mà Francis nhận xét giống như ngồi ngủ gật. Trong góc tây nam hai mươi học sinh đang đọc động từ Latin. Philip dừng lại và chỉ. “Em có thấy cậu bé ngồi ở cuối ghế băng không?”

Francis nói: “Đang viết trên một phiến đá và thè lưỡi ra?”

“Đó là đứa bé mà em đã tìm thấy trong rừng.”

“Nhưng cậu quá lớn!”

“Năm tuổi rưỡi, và cậu phát triển sớm.”

Francis lắc đầu kinh ngạc. “Thời gian trôi qua nhanh quá. Cậu bé ra sao?”

“Cậu ấy được các tu sĩ chiều chuộng, nhưng cậu ấy sẽ qua khỏi. Cũng như em và anh đã trải qua.”

“Còn các học sinh khác là ai?”

“Hoặc là các tập sinh của dòng, hay là con của các thương gia và quý tộc địa phương đang học viết và học toán.”

Họ rời sân tu viện và đi qua công trường xây dựng. Gian phía đông của nhà thờ chính tòa bây giờ đã xây được hơn nửa. Hàng cột đôi to lớn, hùng vĩ cao đến bốn mươi bộ, và tất cả các mái vòm ở giữa đã hoàn thành. Phía trên đường mái vòm đã có thể nhận ra khu hành lang. Hai bên đường mái vòm, bức tường thấp của gian phụ đã được xây, từ đó trở ra những cột chống. Khi họ đi xung quanh, Philip nhìn thấy thợ xây thiết kế nửa mái vòm, nối đỉnh đầu trụ tường với đỉnh của khu hành lang để chống đỡ mái nhà.

Francis hầu như kinh ngạc. “Anh đã làm mọi chuyện này, Philip,” ông nói. “Phòng viết, trường học, nhà thờ mới, và ngay cả những căn nhà mới trong phố - không có anh chắc chúng không được mọc lên.”

Philip cảm động. Chưa một người nào nói với ông điều đó. Nếu được hỏi, ông sẽ nói rằng Chúa đã chúc phúc cho nỗ lực của ông. Nhưng trong sâu thẳm nhất của trái tim, ông biết những gì Francis nói là thật: thị trấn phát triển và sầm uất này là công sức của ông. Sự công nhận này cho ông sự ấm áp, đặc biệt sự công nhận đó đến từ người em hay chỉ trích và thách thức đời này.

Thợ xây Tom thấy họ và đi đến. “Ông đã làm những tiến bộ tuyệt vời,” Philip nói.

“Vâng, nhưng hãy nhìn kia.” Tom chỉ tay về góc đông bắc của sân tu viện, nơi dự trữ đá từ mỏ đem về. Nơi đó thông thường có hàng trăm phiến đá xếp chồng lên nhau theo hàng, nhưng bây giờ chỉ còn hai mươi lăm

phiến lửa thừa trên mặt đất. “Thật không may, sự tiến triển tuyệt vời của chúng ta cũng đồng nghĩa là chúng ta đã sử dụng hết số đá.”

Niềm hứng khởi của Philip vội tan nhanh. Mọi sự ông đã đạt được ở đây bây giờ gặp khó khăn, chỉ vì sự phán quyết khắc nghiệt của Maud.

Họ đi dọc theo phía bắc của công trường, nơi các thợ thủ công rành nghề nhất đang làm việc trên băng ghế của họ, dùng búa và đục tạo thành những hình dáng. Philip dừng lại đằng sau một người thợ và quan sát công việc của ông ta. Nó là một phiến đá lớn được đặt trên đầu cột. Dùng một búa nhẹ và một chiếc đục nhỏ, người thợ đang khắc mô hình của một chiếc lá trên phiến đá. Các lá được khắc sâu và công việc thật tinh tế. Philip ngạc nhiên khi thấy người thợ thủ công chính là Jack trẻ, con trai riêng của vợ Tom. “Tôi nghĩ Jak vẫn còn là một thợ học nghề,” ông nói.

“Cậu ấy vẫn là người học việc.” Tom tiếp tục đi, và khi họ đã xa khỏi tầm nghe ông nói: “Cậu bé rất đáng quan tâm. Có những người ở đây đã khắc đá từ khi cậu ấy chưa sinh ra, và không ai trong số họ có thể phù hợp với công việc.” Ông cười bên lên. “Và ngay cả cậu ấy không phải là con tôi.”

Con thật của Tom, Alfred, là một thợ xây cả và điều hành một nhóm người lao động và học nghề, nhưng Philip biết Alfred và nhóm thợ của ông không làm những công việc tinh tế. Philip tự hỏi không biết Tom cảm thấy điều đó như thế nào trong trái tim của ông.

Tâm trí Tom lại băn khoăn với chuyện trả tiền phí cho giấy phép hoạt động chợ. “Chắc chắn ngôi chợ sẽ mang đến một số tiền lớn,” ông nói.

“Đúng, nhưng không đủ. Khi mới bắt đầu nó sẽ mang lại chừng năm mươi bảng Anh một năm.”

Tom thiếu não gật đầu: “Chỉ đủ trả tiền đá.”

“Chúng ta có thể tiếp tục công việc nếu chúng ta không phải trả một trăm bảng Anh cho Maud.”

“Thế còn len cừu thì sao?”

Len đã được xếp đồng trong kho của Philip và sẽ được bán ở hội chợ len Shiring trong vài tuần nữa, và sẽ thu được chừng trăm bảng Anh. “Đó là

khoản tiền tôi dự định trả cho Maud. Nhưng sau đó tôi không còn gì để trả lương thợ trong mười hai tháng sắp tới.”

“Ông có thể mượn không?”

“Tôi đã mượn rồi. Người Do Thái không cho tôi vay nữa. Tôi đã hỏi khi tôi ở Winchester. Họ không cho ông vay vì họ nghĩ ông không có thể trả.”

“Thế còn Aliena?”

Philip giật mình. Ông chưa bao giờ nghĩ về chuyện mượn tiền cô. Cô có nhiều len trong kho. Sau hội chợ len chắc cô phải có hai trăm bảng Anh. “Nhưng cô cần tiền để sống. Và Ki Tô hữu không được phép lấy lãi. Nếu cô ấy cho tôi mượn tiền, cô sẽ không còn tiền để kinh doanh. Mặc dù...” Ngay cả khi ông nói, ông chợt có một ý tưởng. Ông nhớ lại Aliena đã muốn mua toàn bộ len của ông trong năm. Có thể họ sẽ tìm ra cách giải quyết... “Tôi nghĩ tôi nên nói chuyện với cô ấy,” ông nói. “Lúc này cô ấy có nhà không?”

“Tôi nghĩ có – Tôi vừa nhìn thấy cô sáng nay.”

“Chúng ta đi, Francis – em sẽ gặp một thiếu nữ trẻ đáng chú ý.” Họ rời Tom và vợ đi vào phố. Aliena có hai nhà gần bên nhau đối diện với bức tường phía tây tu viện. Cô sống trong một căn và căn kia dùng làm nhà kho. Cô rất giàu. Cô có thể là một giải pháp giúp tu viện trả tiền phí cắt cổ cho giấy phép chợ do Maud đòi hỏi. Một ý tưởng mơ hồ dần dần thành hình trong đầu Philip.

Aliena ở trong nhà kho, giám sát việc chất các bao len xuống khỏi xe bò. Cô mặc một áo dài thêu kim tuyến, giống như chiếc áo nữ hoàng Maud đã mặc và tóc cô giấu dưới chiếc mũ lụa trắng. Cô luôn trông rất có thẩm quyền, và hai người rờ hàng theo lời chỉ đạo của cô không thắc mắc. Mọi người tôn trọng cô, mặc dù – một cách lạ lùng – cô không có bạn thân. Cô chào Philip một cách thân thiện. “Khi chúng tôi nghe nói về cuộc chiến tại Lincoln, chúng tôi sợ ông đã bị giết!” cô nói. Trong mắt cô có sự lo lắng thực sự, và Philip cảm động khi biết rằng dân chúng đã lo lắng vì ông. Ông giới thiệu cô với Francis.

“Ông có được pháp luật bệnh vực ở Winchester không?” Aliena hỏi.

“Không hẳn như vậy,” Philip đáp lại. “Nữ hoàng Maud cho phép chúng ta mở chợ nhưng lại từ chối cho chúng ta mở đá. Cái này bù qua cái kia. Nhưng bà ấy đòi tôi một trăm bảng Anh cho giấy phép chợ.”

Aliena hoảng hốt. “Thật kinh khủng! Ông có nói với bà ấy là thu nhập từ ngôi chợ dùng để xây dựng nhà thờ chính tòa không?”

“Dĩ nhiên có.”

“Nhưng làm sao ông tìm được một trăm bảng Anh?”

“Tôi nghĩ cô có thể giúp.”

“Tôi ư?” Aliena sửng sốt.

“Trong vài tuần nữa, sau khi cô bán len cho người Bỉ, cô sẽ có hai trăm bảng Anh hay hơn nữa.”

Aliena bối rối. “Tôi sẵn lòng đưa cho ông, nhưng tôi cần tiền mua thêm len cho năm tới.”

“Cô có nhớ là đã có lần cô muốn mua len của tôi không?”

“Vâng, nhưng bây giờ đã quá trễ. Tôi muốn mua nó vào đầu mùa. Ngoài ra chẳng bao lâu nữa ông có thể tự bán nó.”

“Tôi đang nghĩ,” Philip nói. “Tôi có thể bán cho cô len của năm sau không?”

Cô cau mày. “Nhưng ông chưa có nó.”

“Tôi có thể bán cho cô trước khi tôi có nó không?”

“Tôi không biết bằng cách nào.”

“Đơn giản thôi. Cô đưa tiền cho tôi bây giờ. Tôi sẽ đưa len cho cô vào năm tới.”

Aliena rõ ràng không biết phải xử lý đề nghị này như thế nào, vì nó không giống như cách làm kinh doanh thông thường khác. Nó cũng mới mẻ với Philip nữa, vì ông vừa nghĩ ra.

Aliena nói chậm rãi và trầm tư. “Tôi sẽ phải đưa ra một giá thấp hơn giá mà nếu ông có thể chờ đến năm tới mới bán. Hơn nữa, giá len từ bây giờ đến mùa hè năm sau có thể cao hơn – từ khi tôi làm kinh doanh, năm nào cũng xảy ra như vậy.”

“Vì thế mà tôi mất một ít và cô thêm một ít,” Philip nói. “Nhưng tôi có thể tiếp tục xây dựng thêm một năm nữa.”

“Và ông sẽ làm gì vào năm tới?”

“Tôi chưa biết. Có thể tôi sẽ bán cho cô số len vào năm tới nữa.”

Aliena gật đầu. “Nó cũng có lý.”

Philip nắm tay cô và nhìn vào mắt cô. “Nếu cô đồng ý chuyện này, Aliena, cô sẽ cứu nhà thờ chính tòa,” ông tha thiết nói.

Aliena nói rất nghiêm trang. “Một lần ông đã cứu tôi, phải vậy không?”

„Vâng.“

„Vì thế tôi cũng làm như vậy cho ông.“

„Xin Chúa chúc lành cho cô!” Trong tâm trạng đầy tràn biết ơn ông ôm cô, rồi ông chợt nhớ ra cô là một phụ nữ và vội vàng buông cô ra. “Tôi không biết phải cảm ơn cô như thế nào,” ông nói. “Tôi đã hết lời rồi.”

Aliena cười. “Tôi không xứng đáng nhận sự tri ân như thế. Có thể tôi sẽ lời nhiều trong việc này.”

“Tôi hy vọng như vậy.”

“Chúng ta hãy uống với nhau một ly rượu để đóng ấn cho việc mặc cả này,” cô nói. “Tôi chỉ cần phải trả tiền cho người phu xe trước.”

Xe bò đã trống và len đã xếp chồng lên nhau gọn gàng. Philip và Francis bước ra trong khi Aliena trả tiền người phu xe. Mặt trời vừa xuống và thợ xây trên đường về nhà. Tinh thần Philip lại lên cao. Mặc dù những thất bại, ông đã tìm ra cách để tiếp tục. “Tạ ơn Chúa vì Aliena!” ông nói.

“Tại sao anh không nói với em là cô ta đẹp?” Francis nói.

“Đẹp? Em nghĩ cô ta đẹp?”

Francis cười. “Philip, anh mù thật rồi! Cô là một trong những phụ nữ đẹp nhất mà em đã gặp. Cô ấy đủ làm cho một người bỏ chức linh mục.”

Philip nhìn Francis một cách nghiêm túc. “Em không được nói như thế.”

“Em xin lỗi.”

Aliena đi ra và chốt cửa nhà kho lại; rồi họ đi vào nhà. Nó là một căn nhà rộng có một phòng chính và một phòng ngủ. Có một thùng bia trong góc, cả một đùi thịt ngỗng treo từ trần nhà và một miếng vải lụa trắng trên bàn. Một phụ nữ phục dịch trung niên rót rượu vang từ một chiếc bình vào ly bạc cho khách. Aliena sống sung túc. Nếu cô ta quá đẹp, Philip thắc mắc, tại sao cô ta không tìm được chồng? Không thiếu gì những lời cầu hôn:

nhiều thanh niên đủ điều kiện trong quận đã phải lòng cô, nhưng cô đều từ chối. Ông cảm thấy quá biết ơn cô, nên chỉ muốn cô hạnh phúc.

Aliena vẫn nghĩ về chuyện làm ăn. “Tôi chỉ có tiền sau hội chợ len ở Shiring,” cô nói sau khi họ cụng ly mừng cho sự thỏa thuận.

Philip quay sang Francis. “Maud có chờ được không?”

“Bao lâu?”

“Hội chợ bắt đầu từ thứ năm trong ba tuần nữa.”

Francis gật đầu. “Tôi sẽ nói với bà ấy. Bà ấy sẽ đợi.”

Aliena bỏ mũ và xoa mái tóc đen xoăn. Cô thở dài mệt mỏi. “Ngày quá ngắn,” cô nói. “Tôi không thể làm mọi chuyện. Tôi muốn mua thêm len nhưng tôi không có đủ phu xe để mang nó tới Shiring.”

Philip nói: “Và năm tới cô sẽ có nhiều hơn nữa.”

“Tôi ước muốn người Bỉ sẽ đến đây mua. Nó sẽ dễ dàng cho chúng ta hơn là mang tất cả len đến Shiring.”

Francis cắt ngang: “Tại sao cô không làm như thế?”

Cả hai đều nhìn về phía ông. Philip hỏi: “Bằng cách nào?”

“Hãy mở một hội chợ bán len riêng.”

Philip dần hiểu những gì Francis muốn nói. “Chúng tôi có được phép làm không?”

“Maud cho anh chính xác mọi quyền như ở Shiring. Em đã tự viết sắc lệnh. Nếu Shiring có thể mở hội chợ, anh cũng có thể mở.”

Aliena nói: “Ồ! Thật tuyệt vời – chúng ta không cần chờ tất cả các bao len này tới Shiring. Chúng ta có thể kinh doanh ở đây, và tàu có thể chở len trực tiếp về Bỉ.”

“Đó chỉ là cái tối thiểu,” Philip hào hứng nói. “Một hội chợ len trong một tuần bằng cả một năm chợ vào ngày chủ nhật. Dĩ nhiên chúng ta chưa có thể làm trong năm nay, vì không ai biết tới. Nhưng trong hội chợ len năm nay ở Shiring, chúng ta có thể tung tin rằng chúng ta sẽ tổ chức hội chợ len vào năm tới và cho những khách hàng biết chính xác ngày giờ...”

Aliena nói: “Nó sẽ ảnh hưởng mạnh đến Shiring. Ông và tôi là những người bán len lớn nhất trong vùng, và nếu chúng ta rút lui, hội chợ len ở Shiring sẽ mất đi một nửa.”

Francis nói: “William Hamleigh sẽ có ít thu nhập. Cậu ấy sẽ nổi điên như con bò đực.”

Philip không thể không rùng mình. William đúng là một con bò điên.

“Vậy thì,” Aliena nói, “nếu Maud đã cho phép chúng ta, chúng ta có thể bắt đầu. William không thể làm gì chống lại việc đó, có phải vậy không?”

“Tôi hy vọng như vậy,” Philip nhiệt thành nói. “Tôi hy vọng chắc chắn như vậy.”

PHẦN MƯỜI

I

Vào ngày lễ Thánh Âu Cơ Tinh, các công nhân được nghỉ việc từ giữa trưa. Hầu hết thợ xây nghe tiếng chuông báo hiệu giờ trưa với sự thở phào nhẹ nhõm. Bình thường họ làm việc từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời xuống, sáu ngày một tuần, vì thế những ngày nghỉ vào dịp lễ các Thánh là những ngày họ mong muốn. Tuy nhiên, Jack mãi mê với công việc nên không nghe thấy tiếng chuông.

Cậu bị thu hút bởi sự thách đố muốn tạo ra những hình dạng mềm mại, tròn trịa từ đá cứng. Phiến đá cứng có ý muốn riêng của nó, và nếu cậu cố ý muốn tạo nó thành một cái gì đó mà nó không muốn, nó sẽ kháng cự lại. Lưỡi đục của cậu có thể bị trượt hoặc đâm xuống quá sâu làm sai lệch đi hình dạng. Nhưng một khi cậu đã quen thuộc với phiến đá trước mặt, cậu có thể biến đổi hình dạng của nó. Công việc càng khó khăn, cậu càng bị hấp dẫn. Bắt đầu cậu cảm thấy rằng những trạm khắc theo yêu cầu của Tom quá dễ dàng. Cậu chán nản với hình chữ chi, hình thoi, hình chóp, xoắn ốc và cuộn tròn, và ngay cả các hình lá cũng cứng đơ và đơn điệu. Cậu muốn khắc chiếc lá tự nhiên, mềm dẻo và không đều đặn, và muốn sao chép hình dạng khác nhau của những chiếc lá thật, của sồi, của tần bì và bạch dương, nhưng Tom không cho phép cậu. Trên hết cậu muốn khắc cảnh từ những câu truyện về Adam và Eva, về David và Goliath, về ngày phán xét sau cùng, về quỷ và con người trần trụi, nhưng cậu không dám hỏi.

Sau cùng Tom bắt cậu ngừng tay. “Hôm nay là ngày lễ nghỉ, chàng trai ạ,” ông nói. “Ngoài ra, con vẫn là người giúp việc của dượng, và dượng

muốn con giúp dựng dọn dẹp. Tất cả công cụ phải cất vào kho trước giờ cơm.”

Jack cất búa và đục, rồi cẩn thận đem phiến đá mà cậu đang đục dở vào nhà kho của Tom; rồi cậu đi quanh công trường xây dựng với Tom. Các người học việc khác đã thu dọn và quét sạch đá vụn, cát, vữa khô và vỏ bào nằm rải rác trên công trường. Tom nhặt la bàn và thước nước trong khi Jack thu dọn thước đo và dây rọi, rồi cất tất cả vào kho.

Trong nhà kho Tom giữ những cây sào^[1]. Đây là một thanh sắt dài, vuông ở mặt ngang và thẳng đứng, tất cả có cùng chiều dài. Chúng được giữ trong một hộp gỗ đặc biệt được khóa và chỉ dùng để đo đạc.

Khi họ tiếp tục đi quanh công trường, nhặt tấm vữa và xẻng, Jack luôn nghĩ về cây sào. “Cây sào dài bao nhiêu?” cậu hỏi.

Một vài thợ xây nghe thấy và cười to. Họ luôn thấy câu hỏi của cậu tức cười. Erward thấp, một thợ già nhỏ con có mũi quặp nói: “Một sào là một sào,” và họ bắt đầu cười.

Họ thích trêu chọc người học nghề, nhất là khi họ có cơ hội tỏ ra sự hiểu biết hơn của họ. Jack rất ghét bị nhạo cười vì sự thiếu hiểu biết, nhưng cậu chấp nhận nó vì cậu tò mò. “Tôi không hiểu,” cậu kiên nhẫn nói.

“Một inch^[2] là một inch, và một sào là một sào,” Erward nói.

Một sào là một đơn vị để đo lường. “Vì thế một sào là bao nhiêu feet^[3]?”

“À! Tùy theo. Mười tám ở Lincoln. Mười sáu ở Đông Anglia.”

Tom cắt ngang để cho một câu trả lời hợp lý. “Trên công trường của chúng ta, một sào là mười lăm feet.”

Một thợ nề trung niên nói: “Ở Paris họ không dùng sào, nhưng một thước đo.”

Tom nói với Jack: “Toàn bộ nhà thờ đặt căn bản trên sào. Mang đến một cây sào cho dựng và dựng sẽ chỉ cho ccon. Đây là lúc con nên hiểu điều này.” Ông đưa cho Jack chìa khóa.

Jack đi đến nhà kho và lấy ra một cây sào. Nó rất nặng. Tom thích cắt nghĩa mọi chuyện và Jack thích lắng nghe. Cách tổ chức của công trường

xây dựng là một mô hình bí hiểm, như dệt kim tuyến trên áo, và càng hiểu nhiều, cậu càng bị hấp dẫn.

Tom đang đứng trong gian phụ, ở phần cuối của gian cung thánh đã xây dựng được một nửa, nơi sẽ là khu trung tâm. Ông lấy cây sào và đặt nó xuống nền theo chiều ngang gian phụ. “Từ bức tường ngoài tới giữa viên đá của đường mái vòm là một sào.” Ông quay đầu cây sào. “từ đây tới giữa của gian giữa là một sào.” Ông quay đầu một lần nữa, và nó đến giữa viên đá đối diện. “Gian chính rộng hai sào.” Ông quay đầu cây sào lại, và nó chạm vào bức tường của gian phụ. “Toàn bộ nhà thờ rộng bốn sào.”

“Vâng,” Jack nói. “Và mỗi một khoang phải cách nhau một sào.”

Tom khó chịu. “Ai nói với con điều đó?”

“Không ai cả. Một khoang của gian phụ hình vuông, vì thế khi nó rộng một sào nó cũng phải dài một sào. Và những khoang của gian giữa cũng có cùng chiều dài như khoang của gian phụ, như chúng ta thấy.”

“Như chúng ta thấy,” Tom lập lại. “Con nên là một nhà triết học.” Giọng nói của ông pha lẫn tự hào và thán phục. Ông hài lòng vì Jack hiểu nhanh chóng, và cũng khó chịu vì bí mật của việc xây dựng bị một cậu bé dễ dàng nắm bắt được.

Jack quá cứng nhắc với sự hợp lý nên không để ý đến sự nhạy cảm của Tom. “Vì thế gian cung thánh phải dài bốn sào,” cậu nói. “Và toàn thể nhà thờ sẽ dài mười hai sào khi nó xây xong.” Cậu chợt có một ý tưởng khác. “Nó sẽ cao bao nhiêu?”

“Cao sáu sào. Đường mái vòm cao ba sào, hành lang trên cao một sào và khung cửa sổ cao hai sào.”

“Nhưng tại sao phải đo mọi thứ bằng sào? Tại sao không xây viên đá này lên viên đá khác như xây nhà vậy?”

“Trước hết bởi vì cách này rẻ hơn. Tất cả mái vòm của đường đi đều giống nhau, vì thế chúng ta có thể sử dụng lại các khuôn đã có sẵn. Chúng ta sử dụng phiến đá càng ít kích thước và ít hình dáng khác nhau, dựng càng phải ít làm các mẫu hơn. Và cứ như vậy. Thứ hai, nó đơn giản hóa công việc chúng ta đang làm, từ việc đặt nền móng – mọi thứ đặt căn bản trên một sào vuông – tới việc sơn tường – nó dễ dàng tính ra số lượng sơn

chúng ta cần. Và khi mọi thứ đơn giản, chúng ta sẽ ít làm sai. Phần mắc nhất trong việc xây dựng là lỗi lầm. Thứ ba, Khi mọi thứ đặt căn bản trên cách tính của sào, nhà thờ trông sẽ đẹp hơn. Tỷ lệ là trọng tâm của vẻ đẹp.”

Jack gật đầu, mê mẩn. Sự cố gắng điều hành một công trình xây dựng đầy tham vọng và phức tạp như của nhà thờ chính tòa là một sự hấp dẫn không ngừng. Sự nhận biết rằng nguyên tắc của cân đối và lập đi lập lại không những đơn giản hóa việc xây dựng mà còn tạo nên sự hài hòa cho kiến trúc là một ý tưởng quyến rũ. Nhưng cậu không chắc tỷ lệ có thật sự là trọng tâm của vẻ đẹp không. Cậu thích những gì hoang dã, rải rác, vô trật tự: ngọn núi cao, cây sồi già và mái tóc của Aliena.

Jack ăn bữa tối nhanh chóng, rồi cậu rời làng đi về hướng bắc. Trời thu sớm ấm áp, và cậu đi chân đất. Từ khi cậu và mẹ cậu chuyển vào sống ở Kingsbridge và cậu trở thành một công nhân, cậu vẫn thích trở lại rừng theo định kỳ. Trước tiên cậu đã dùng thời gian này để tiêu hao đi năng lượng dư thừa trong người: chạy nhảy, trèo cây và bắn vịt bằng ná. Lúc đó cậu phải làm quen với thân xác đang phát triển, cao và mạnh mẽ của cậu. Những mới lạ đó đã qua đi. Bây giờ khi cậu đi vào rừng, cậu nghĩ về những chuyện khác: tại sao tỷ lệ lại tạo nên nét đẹp, tại sao tòa nhà có thể đứng vững và cảm giác sẽ như thế nào nếu được sờ vào ngực Aliena.

Từ nhiều năm nay cậu đã ngưỡng mộ cô. Hình ảnh không phai mờ được khi cậu nhìn thấy cô từ cầu thang lâu đài đi xuống và cậu đã nghĩ cô phải là một công chúa trong truyện cổ tích. Cô vẫn còn là một khuôn mặt xa cách. Cô nói chuyện với Tu viện trưởng Philip, với thợ xây Tom, với người Do Thái Malachi, và với những người giàu có, quyền lực ở Kingsbridge; và Jack chẳng bao giờ có lý do để nói chuyện với cô. Cậu chỉ có thể nhìn thấy cô khi cô cầu nguyện trong nhà thờ hay cười con ngựa nhỏ đi qua cầu và ngồi trước cửa nhà dưới ánh sáng mặt trời. Cậu thấy cô mặc áo lông thú mắc tiền trong mùa đông và lụa đẹp trong mùa hè, mái tóc tự nhiên ôm lấy khuôn mặt xinh xắn. Trước khi cậu đi ngủ, cậu tưởng tượng nó sẽ đẹp làm sao khi cởi quần áo cô ra, nhìn ngắm cô trần truồng và nhẹ nhàng hôn lên đôi môi mềm mại của cô.

Từ vài tuần nay cậu đã chán nản và thất vọng với những giấc mơ vô vọng ban ngày này. Tưởng tượng được ngắm nhìn cô từ xa, được nghe cô nói chuyện với người khác và được làm tình với cô bây giờ không còn đủ. Cậu cần những điều thực tế hơn.

Nhiều cô gái cùng lứa tuổi có thể cho cậu những điều thực tế. Trong số những người học nghề đã thường có những cuộc nói chuyện về những cô gái nào ở Kingsbridge dân dã và cô nào cho phép các cậu trẻ làm gì. Hầu hết đều quyết định giữ trinh tiết cho đến khi cưới hỏi, theo luật của giáo hội, nhưng có những việc bạn có thể làm mà vẫn giữ được trinh tiết, các cậu học nghề thường nói với nhau như vậy. Các cô gái cho rằng Jack khác người – có thể họ đúng, Jack nghĩ thế - nhưng một hai người trong số họ lại bị sự xa lạ của cậu hấp dẫn. Vào một ngày chủ nhật cậu đã nói chuyện với Edith, người em của một thợ học việc; nhưng khi cậu nói cậu yêu thích khắc đá, cô đã khúc khích cười. Vào chủ nhật sau cậu đã đi dạo trên những cánh đồng với Ann, người con gái tóc bạch kim của thợ may. Cậu không nói nhiều với cô, nhưng đã hôn cô, và rồi đề nghị nằm xuống trong cánh đồng lúa mạch xanh. Cậu lại hôn cô và sờ vào ngực cô, và cô đã hôn lại cậu, một cách say đắm; nhưng sau một lúc cô buông cậu ra và nói: “Cô ta là ai?” Jack như bị sét đánh, vì khi đó cậu đang nghĩ về Aliena. Cậu cố gắng lảng tránh và hôn cô ấy nhưng cô ấy quay mặt đi và nói: “Dù cô ta là ai, cô ta là một cô gái may mắn.” Họ cùng nhau đi về lại Kingsbridge và khi chia tay Ann đã nói: “Đừng mất giờ để cố quên cô ta. Anh sẽ không quên được cô ta đâu. Cô ta là người mà anh muốn, vì thế tốt hơn nên tìm cách chiếm được cô ta.” Cô mỉm cười trêu mếu và nói thêm: “Anh có khuôn mặt đẹp trai. Nó không khó như anh nghĩ đâu.”

Sự tử tế của cô ấy làm cậu cảm thấy hổ thẹn, đặc biệt trong đám thợ học nghề cô ấy được coi là một trong đám phụ nữ dân dã, và cậu đã nói với mọi người là cậu sẽ thử cô ấy. Bây giờ cậu cho những cuộc tán gẫu như vậy là trẻ con, đến nỗi cậu muốn chui xuống đất vì xấu hổ. Nhưng nếu cậu nói với Ann tên của người phụ nữ đang theo đuổi cậu ngày đêm, Ann có lẽ đã không thất vọng như vậy. Một quan hệ giữa Aliena và Jack là chuyện khó tưởng tượng được. Aliena hai mươi hai tuổi, trong khi Jack mới mười bảy

tuổi; cô là con của một bá tước và cậu là con hoang; cô là một thương gia len giàu có và cậu là một thợ học nghề không một xu dính túi. Tệ hơn nữa, cô được biết đến là người đã từ chối nhiều người đến cầu hôn. Mỗi một bá tước trẻ coi được trong miền, và mỗi người con trai của các thương gia giàu có đã đến Kingsbridge xin cầu hôn, nhưng đều thất vọng ra về. Cơ hội nào dành cho Jack, người không có gì để cầu hôn, ngoại trừ “một khuôn mặt đẹp”?

Cậu và Aliena có một điểm chung: họ đều thích rừng. Đặc biệt trong việc này: hầu hết mọi người thích sự an toàn của cánh đồng và làng mạc, và ở xa cánh rừng. Nhưng Aliena thường đi dạo trong rừng gần Kingsbridge, và có một nơi hẻo lánh cô thích dừng lại và ngồi nghỉ. Cậu đã nhìn thấy cô một hai lần ở đó. Cô không nhìn thấy cậu: cậu đi nhẹ nhàng, như cậu đã học lúc còn nhỏ khi cậu phải đi tìm thức ăn trong rừng.

Cậu hướng về cánh rừng thưa mà không biết phải làm gì nếu cậu gặp cô ở đó. Cậu biết điều cậu muốn: nằm bên cạnh cô và vuốt ve thân thể cô. Cậu có thể nói với cô, nhưng cậu sẽ nói gì? Nó dễ dàng hơn khi nói chuyện với các cô gái cùng tuổi với cậu. Cậu đã trêu tức Edith khi nói: “Anh không tin bất cứ điều gì mà anh em đã nói xấu về em,” và dĩ nhiên cô tò mò muốn biết anh cô đã nói xấu về cô điều gì. Với Ann cậu có thể nói thẳng: “Em có muốn đi dạo qua cánh đồng với anh chiều nay không?” Nhưng khi cậu cố tìm một lời mở đầu với Aliena, đầu óc cậu rối tung. Trong mắt cậu, cô thuộc thế hệ cũ. Cô rất nghiêm trang và có tinh thần trách nhiệm. Không phải cô luôn luôn thích điều đó, cậu biết: vào lứa tuổi mười bảy cô hoàn toàn thích vui đùa. Từ đó cô đã chịu bao rắc rối khủng khiếp, nhưng đứa bé gái thích vui chơi ngày trước phải còn lại đâu đó bên trong người phụ nữ trang nghiêm này. Đối với Jack, điều đó lại làm cô hấp dẫn hơn.

Cậu đến gần vị trí của cô. Khu rừng yên tĩnh trong cơn nóng ban ngày. Cậu di chuyển lặng lẽ qua những bụi cây. Cậu muốn nhìn thấy cô trước khi cô thấy cậu. Cậu chưa chắc chắn có dám đến gần cô không. Cậu sợ nhất là không gây được cảm tình nơi cô. Cậu đã nói với cô ngay khi cậu vừa trở lại Kingsbridge, vào ngày lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, vào ngày các thiện nguyện viên đã đến làm việc trong công trường nhà thờ, và cậu đã nói sai

đề tài đến nỗi bốn năm qua cậu khó có thể nói chuyện lại với cô. Bây giờ cậu không muốn làm một lỗi lầm như vậy nữa.

Một vài phút sau cậu nhìn trộm qua thân cây sồi và thấy cô.

Cô đã chọn một nơi thật đẹp. Có một thác nước nhỏ chảy vào hồ sâu được bao xung quang bởi đá rêu phong. Mặt trời chiếu trên bờ hồ, nhưng một hai dặm phía sau lại có bóng mát dưới tàn cây sồi. Aliena ngồi đọc sách dưới ánh sáng lốm đốm của mặt trời.

Jack rất ngạc nhiên. Một phụ nữ đọc sách? Giữa bầu trời? Chỉ có các tu sĩ mới đọc sách, và không có nhiều tu sĩ đọc mọi thứ sách ngoài các giờ kinh. Nó còn là một cuốn sách không bình thường- nhỏ hơn nhiều so với các cuốn sách trong thư viện tu viện, như thế nó đặc biệt làm cho phụ nữ, hay cho người muốn đem nó đi khắp nơi. Cậu ngạc nhiên là cậu không còn nhút nhát. Cậu vội vàng xuyên qua bụi cây và đi ra chỗ cô. Cậu nói: “Cô đang đọc gì đấy?”

Cô giật mình và nhìn cậu với nỗi kinh hoàng trong ánh mắt. Cậu nhận ra cậu đã làm cô hoảng sợ. Cậu cảm thấy bối rối và sợ một lần nữa lại vấp phải lỗi lầm. Bàn tay phải của cô thọc nhanh vào trong tay áo phía trái. Cậu nhớ lại một lần cô đã mang một con dao trong tay áo – có lẽ bây giờ vẫn vậy. Một lúc sau cô nhận ra cậu, và sự sợ hãi của cô biến nhanh như khi nó đến. Cô dễ chịu ra, tuy nhiên vẫn còn bức tức. Cậu cảm thấy như không được chào đón, và cậu muốn quay lại ngay và biến mất trong rừng. Nhưng như thế cậu sẽ khó nói chuyện với cô một lần nữa, vì thế cậu ở lại, đối diện với nét mặt không thân thiện của cô và nói: “Xin lỗi, tôi đã làm cô sợ.”

“Anh không làm tôi sợ ,” cô vội vàng nói.

Cậu biết nó không đúng sự thật, nhưng cậu không muốn tranh luận với cô. Cậu lập lại câu hỏi ban đầu của cậu: “Cô đang đọc gì đấy?”

Cô nhìn xuống cuốn sách trên đùi cô, và nét mặt cô lại thay đổi: bây giờ cô có vẻ dăm chiêu. “Trong chuyến đi cuối cùng đến Normandy bố tôi đã mang cuốn sách này về. Ông đem về cho tôi. Một vài ngày sau ông bị bắt đi tù.”

Jack nhích gần hơn và nhìn vào trang sách mở. “Nó bằng tiếng Pháp!” cậu nói.

“Tại sao anh biết?” cô ngạc nhiên nói. “Anh biết đọc?”

“Vâng – nhưng tôi nghĩ mọi cuốn sách đều viết bằng tiếng Latin.”

“Hầu hết. Nhưng cuốn này khác. Nó là cuốn thơ được gọi là “Truyện của Alexander.”

Jack nghĩ ngợi: Tôi đang nói chuyện với cô ấy! Thật tuyệt diệu! Nhưng bây giờ tôi phải nói gì đây? Làm sao tôi có thể tiếp tục câu chuyện? Cậu nói: “Um... Cuốn sách viết về cái gì?”

“Nó là câu truyện của một vị vua được gọi là Alexander Đại đế, và cách ông đã chinh phục những mảnh đất tuyệt vời ở miền đông, nơi đá quý mọc trên cây nho và những bông hoa có thể nói.”

Jack bị thu hút và quên đi sự lo lắng của cậu. “Làm sao những bông hoa có thể nói? Chúng có miệng không?”

“Nó không nói.”

“Cô có cho rằng câu truyện này có thật không?”

Cô thích thú nhìn cậu, và cậu nhìn chăm chăm vào đôi mắt đen đẹp của cô. “Tôi không biết,” cô nói. “Tôi luôn thắc mắc không biết câu truyện có thật không. Hầu hết mọi người không quan tâm đến – miễn là câu truyện làm họ thích.”

“Ngoại trừ đối với các linh mục. Họ luôn luôn nghĩ các câu truyện thiêng liêng là thật.”

“Dĩ nhiên chúng là thật.”

Jack hoài nghi về các câu truyện thiêng liêng cũng như cậu hoài nghi về các truyện khác; nhưng mẹ cậu, người đã dạy cậu đặt nghi vấn, cũng dạy cậu phải biết cẩn thận, vì thế cậu không tranh luận. Cậu cố gắng không nhìn vào ngực Aliena đang nằm ngay trong khóe mắt cậu: cậu biết khi cậu nhìn xuống cô ấy sẽ biết cậu đang nhìn gì. Cậu cố nghĩ chuyện gì đó để nói. “Tôi biết một số câu truyện,” cậu nói. “Tôi biết ‘Bài ca của Roland’ và ‘cuộc hành hương của William thành Orange’ –“

“Anh muốn nói gì? Anh biết họ?”

“Tôi có thể kể lại chúng.”

„Giống như một người hát rong?“

„Người hát rong là gì?“

“Một người đi khắp nơi, làm trò và kể chuyện.”

Đối với Jack, đó là một khái niệm mới. “Tôi chưa bao giờ nghe nói về những người đó.”

“Có rất nhiều người hát rong ở nước Pháp. Khi tôi còn nhỏ, tôi thường ra ngoại quốc với bố tôi. Tôi thích những người hát rong.”

“Nhưng họ làm gì? Chỉ đứng ngoài đường và kể chuyện thôi sao?”

“Tùy theo. Họ vào hội trường của các lãnh chúa vào dịp lễ. Họ trình diễn ở chợ và hội chợ. Họ tiêu khiển khách hành hương bên ngoài nhà thờ. Một vài bá tước lớn có người hát rong riêng.”

Jack nhận ra rằng không những cậu đang nói chuyện với cô, cậu còn có cuộc trò chuyện mà cậu không có được với bất cứ cô gái nào ở Kingsbridge. Cậu và Aliena là những người trong thị trấn, ngoại trừ mẹ cậu, biết về những bài thơ lãng mạng bằng tiếng Pháp, cậu chắc như thế. Họ có cùng sở thích và họ đang thảo luận về nó. Ý tưởng này quá thú vị đến nỗi cậu không còn nhớ họ đang nói chuyện gì và cậu cảm thấy bối rối và ngu dại.

May mắn, cô tiếp tục: “Thông thường người hát rong chơi đàn vĩ cầm khi ông ta kể chuyện. Ông ta chơi nhanh và cao khi kể về trận chiến, chậm rãi và ngọt ngào khi kể về hai người yêu nhau, dần mạnh từng tiếng khi kể về phần hài hước.”

Jack thích ý tưởng đó: Nhạc nền để làm tăng các điểm của câu chuyện. “Tôi ước mơ có thể chơi đàn vĩ cầm.”

“Anh thực sự có thể kể chuyện không?” cô nói.

Cậu không thể tin được là cô lại thực sự để ý đến cậu, hỏi cậu về bản thân cậu. Và khuôn mặt cô dễ thương hơn khi cô phấn khởi vì tò mò. “Mẹ tôi dạy tôi,” cậu nói. “Chúng tôi đã sống trong rừng, chỉ có hai chúng tôi. Bà kể cho tôi những câu chuyện, rồi lại kể lại.”

“Nhưng làm sao anh nhớ được chúng? Một số câu chuyện phải cần nhiều ngày để kể.”

“Tôi không biết. Nó giống như cô biết đường đi trong rừng. Cô không giữ cả khu rừng trong đầu, nhưng khi cô ở đâu, cô biết sẽ đi tiếp như thế nào.” Nhìn vào nội dung cuốn sách cô đang đọc, cậu khám phá ra một điều

gì đó. Cậu ngồi xuống cỏ bên cạnh cô để nhìn rõ hơn. “Vần điệu khác,” cậu nói.

Cô không biết rõ cậu muốn nói gì. “Trong cách nào?”

“Chúng hay hơn. Trong ‘Bài ca của Roland’, chữ ‘sword’ vần với ‘horse’, hay ‘lost’, hay với ‘ball’. Trong sách của cô, ‘sword’ vần với ‘horde’ nhưng không vần với ‘horse’; ‘lord’ nhưng không với ‘loss’; ‘board’ nhưng không vần với ‘ball’. Nó hoàn toàn là một âm điệu khác. Nhưng nó hay hơn, hoàn toàn hay hơn. Tôi thích vần điệu này.”

“Anh có thể...” Cô trông khác thường. “Anh có thể kể cho tôi một vài câu trong ‘Bài ca của Roland’ không?”

Jack thay đổi vị trí của mình để cậu có thể nhìn cô. Cái nhìn chăm chú, sự náo nức lấp lánh trong đôi mắt mê hồn của cô cho cậu cảm giác nghẹt thở. Cậu nuốt nước bọt xuống và bắt đầu.

Vua toàn nước Pháp,

A-lich-sơn Đại Đế

đã chiến đấu bấy năm trên đất Tây Ban Nha.

Ông đã chinh phục cao nguyên và đồng bằng.

Không còn pháo đài nào xót lại,

không còn thành phố hay tường thành nào cho ông đột phá.

Ngay cả Saragossa trên ngọn núi cao

do vua Marsilly Saracen cai trị.

Ngay cả ông thờ phượng Mahomed,

cầu nguyện với Apollo,

nhưng ngay cả thế, ông vẫn không an toàn.

Jack ngưng lại và Aliena nói: “Anh có thể! Anh thực sự có thể kể truyện! Giống như một người hát rong!”

“Cô có thấy ý tôi nói vần điệu là làm sao không?”

“Vâng, dù sao tôi vẫn thích câu truyện,” cô nói. Mắt cô lấp lánh niềm vui. “Anh hãy kể tiếp cho tôi nghe.”

Jack cảm thấy như ngất đi trong hạnh phúc. “Nếu cô thích,” cậu nói yếu ớt. Cậu nhìn vào mắt cô và bắt đầu đoạn thứ hai.

II

Một trò chơi trong mùa hè được gọi là bánh-bao-nhiều. Giống như nhiều trò chơi khác, nó có hơi hướng một chút mê tín dị đoan nên làm Philip khó chịu. Nhưng nếu ông cố loại trừ tất cả các nghi thức liên quan đến các tôn giáo thời xưa, một nửa truyền thống của người dân sẽ bị cấm, và một cách nào đó người dân sẽ chống lại ông; vì thế ông kín đáo khoan dung mọi thứ và chỉ ngăn cấm một hai thứ thái quá.

Các tu sĩ kê bàn trên bãi cỏ ở cuối phía tây gần tu viện. Người phụ việc trong nhà bếp khênh qua sân một nồi lớn bốc khói. Tu viện là chủ của những khu nhà trọ, vì thế tu viện có nhiệm vụ cung cấp bữa tiệc cho người thuê nhà vào những dịp lễ lớn. Chính sách của Philip là rộng rãi về lương thực và chặt chẽ về nước uống, vì thế nó chỉ có bia nhẹ và không có rượu. Tuy nhiên mỗi ngày lễ vẫn có năm sáu người uống say mềm.

Các cư dân hàng đầu của Kingsbridge ngồi cùng bàn với Philip: Thợ xây Tom và gia đình ông; thợ thủ công chính lão thành, cộng với người con trai cả của Tom, Alfred; và các thương gia, có cả Aliena nhưng không có người Do Thái Malachi, người sẽ tham gia sau nghi thức cầu nguyện.

Philip xin mọi người yên lặng và cầu nguyện trước bữa ăn; rồi ông trao ổ bánh-bao-nhiều cho Tom. Thời gian càng trôi qua, Philip càng quý mến Tom hơn. Không có nhiều người nói điều họ nghĩ và làm điều họ nói. Khi gặp bất ngờ, khủng hoảng và thảm họa, Tom bình tĩnh cân nhắc hậu quả, đánh giá thiệt hại và đưa ra kế hoạch đáp ứng tốt nhất. Tom ngày nay không còn giống như năm năm trước đây khi ông bước chân vào tu viện xin việc. Khi đó ông kiệt sức, hốc hác và gầy gò như thể các đốt xương đang chọc chọc thủng lớp da rám nắng của ông. Trong những năm qua ông đã lấy lại sức, nhất là từ khi người đàn bà của ông trở về. Ông không mập, nhưng có da có thịt và mắt ông không còn nổi tuyệt vọng. Ông ăn mặc sang trọng, trong bộ áo dài của Lincoln màu xanh, giày da mềm và một thắt lưng với khóa bạc.

Philip phải đặt một câu hỏi và người nhận ổ bánh-bao-nhiều phải trả lời. Ông hỏi: “Bao nhiêu năm nữa nhà thờ chính tòa sẽ xong?”

Tom cắn một miếng bánh. Bánh được làm bằng những hạt cứng nhỏ, và khi Tom nhả những hạt ra bàn tay, mọi người cùng đếm to. Một đôi khi có người cắn miếng to đầy miệng và không một người nào ở bàn xung quanh có khả năng đếm được, nhưng hôm nay không đáng lo vì có các thương gia và thợ thủ công có mặt. Câu trả lời là ba mươi. Philip giả vờ như mất tinh thần. Tom nói: “Tôi còn sống lâu thế sao?” và mọi người cười to.

Tom đưa bánh cho vợ ông, Ellen. Philip rất cảnh giác người phụ nữ này. Giống như nữ hoàng Maud, bà có uy quyền trên người khác, một loại uy quyền mà Philip không cạnh tranh nổi. Ngày bà ấy bị đuổi ra khỏi tu viện, bà đã làm một điều kinh khủng mà Philip không dám nghĩ tới. Ông đã nghĩ bà sẽ đi biệt tăm, nhưng ông kinh hoàng vì bà trở về và Tom đã xin Philip tha lỗi cho bà. Một cách khôn ngoan, Tom đã lý luận rằng Thiên Chúa có thể tha tội cho bà, vì vậy Philip không có quyền từ chối. Philip cho rằng bà ấy không thật lòng ăn năn. Nhưng Tom đã hỏi ông trong ngày các thiện nguyện viên đến cứu nhà thờ và Philip đã đáp ứng ước muốn của Tom. Họ đã làm lễ cưới trong nhà thờ xứ, một nhà thờ bằng gỗ nhỏ trong làng đã có trước tu viện. Từ đó Ellen đã thay đổi cách sống và không tạo nên lý do để ông phải hối hận về quyết định của mình. Tuy nhiên bà làm ông khó chịu.

Tom hỏi bà: “Có bao nhiêu người đàn ông yêu bà?”

Bà cắn một miếng bánh nhỏ làm mọi người cười ồ. Trong trò chơi này, tất cả những câu hỏi này đều có hai ý. Philip biết rằng nếu ông không hiện diện, trò chơi có thể trở thành thô tục.

Ellen đếm ba hột. Tom giả vờ bị xúc phạm. “Tôi sẽ nói cho ông ba người yêu tôi là ai,” Ellen nói. Philip hy vọng bà sẽ không nói điều gì gây khó chịu. “Người đầu tiên là Tom. Người thứ hai là Jack. Và người thứ ba là Alfred.”

Một tràng pháo tay tán thưởng cho sự hóm hỉnh của bà, và ổ bánh lại được chuyển đi quanh bàn. Người kế tiếp là con gái của Tom, Martha. Cô mười hai tuổi và nhút nhát. Bánh dự đoán là cô sẽ có ba đời chồng, một điều khó có thể xảy ra.

Martha đưa bánh cho Jack, và khi cô đưa cho cậu ấy, Philip nhìn thấy sự thán phục trong mắt cô, và ông nhận ra rằng cô ngưỡng mộ người anh ghê của cô.

Jack hấp dẫn Philip. Trước đây cậu là một đứa trẻ xấu xí, có mái tóc màu cà rốt, làn da nhợt nhạt và đôi mắt lồi màu xanh; nhưng bây giờ cậu là một thanh niên, các đặc nét đã hài hòa và khuôn mặt cậu trở thành hấp dẫn khiến người lạ phải quay lại nhìn. Nhưng trong cá tính, cậu buông thả như mẹ cậu. Cậu có ít nguyên tắc và không biết vâng lời. Cậu không thích hợp là một người giúp việc, vì thay vì chuẩn bị bữa và đá ổn định, cậu cố gắng xếp đầy vật dụng cho một ngày rồi đi làm việc khác. Cậu luôn luôn vắng mặt. Một ngày kia khi thấy không có phiến đá nào trên công trường thích hợp cho công việc cậu đang làm, vì thế, không nói với ai, cậu đi tới mỏ đá và chọn ra phiến đá cậu thích. Hai ngày sau cậu đem phiến đá về trên lưng một con ngựa con đi mượn. Nhưng mọi người đã tha thứ cho tính ương ngạnh của cậu, một phần cậu là một thợ khắc đá thật sự đặc biệt, và phần khác vì cậu đáng yêu – một đặc điểm chắc chắn cậu không thừa kế từ mẹ cậu, theo quan điểm của Philip. Philip đã có vài ý nghĩ về tương lai của Jack. Nếu cậu theo cuộc sống tu trong giáo hội, cậu dễ dàng lên chức giám mục.

Martha hỏi Jack: “Còn bao lâu nữa anh sẽ lập gia đình?”

Jack cắn một miếng bánh nhỏ: rõ ràng cậu muốn lập gia đình sớm. Philip tự hỏi không biết cậu đã để ý đến ai. Jack hoảng hốt khi trong miệng cậu đầy hạt cứng, và khi chúng được đếm, mặt cậu lộ vẻ khó chịu. Tất cả là ba mươi một. “Khi đó tôi sẽ bốn mươi tám tuổi!” cậu phản đối. Mọi người cười vui nhộn, chỉ trừ Philip, người đã nhăm tính lại và thấy đúng, và ngạc nhiên vì Jack có thể tính nhanh như thế. Ngay cả Milius, người thủ quỹ, cũng không tính nhanh được như vậy.

Jack ngồi gần Aliena. Philip đã thấy họ ở chung với nhau nhiều lần trong mùa hè này. Có thể bởi vì chúng đều nhanh trí. Không có nhiều người ở Kingsbridge có thể nói chuyện cùng trình độ với Aliena; và Jack, qua cách bất trị của cậu, đã trưởng thành hơn các thợ học nghề khác. Philip vẫn còn

ngạc nhiên vì tình bạn của họ, bởi vì ở lứa tuổi của họ, hơn nhau năm tuổi là một chênh lệch lớn.

Jack đưa bánh cho Aliena và hỏi cùng câu mà Martha đã hỏi cậu: “Bao nhiêu năm nữa cô sẽ lấy chồng?”

Mọi người lăm băm phản đối, bởi vì nó quá dễ để hỏi lại cùng câu hỏi. Mục đích của trò chơi là khôi hài và đùa cợt. Nhưng Aliena, một người nổi tiếng là đã từ chối nhiều lời cầu hôn, làm mọi người cười khi cắn một miếng lớn, tỏ ra rằng cô chưa muốn lấy chồng sớm. Nhưng mưu đồ của cô không thành công: cô nhả ra chỉ có một hạt.

Nếu năm tới cô kết hôn, Philip nghĩ, chú rể vẫn chưa xuất hiện. Tất nhiên ông không tin vào chuyện tiên đoán của bánh mì. Khả năng là cô sẽ chết như một gái già – ngoại trừ cô không phải là một gái già, vì theo tin đồn, cô đã bị William Hamleigh quyến rũ hay cưỡng hiếp.

Aliena đưa bánh cho em cô, Richard, nhưng Philip không nghe cô hỏi gì. Ông vẫn đang nghĩ về Aliena. Không may mắn, cả Aliena và ông đều thất bại trong việc bán len năm nay. Số len thặng dư không lớn – ít hơn một phần mười số lượng của ông và tỷ lệ còn nhỏ hơn đối với Aliena – nhưng nó cũng làm thất vọng. Sau đó, Philip đã lo lắng cô từ chối sự thỏa thuận về số len trong năm tới, nhưng cô giữ lời và trả cho Philip một trăm lẻ bảy bảng Anh.

Tin tức gây xôn xao tại hội chợ len ở Shiring là sự loan báo của Philip về hội chợ len năm tới ở Kingsbridge. Hầu hết mọi người hoan nghênh ý tưởng đó, vì tiền thuê và thuế má tại Shiring quá mắc và Philip dự định quy định mức giá thấp hơn. Cho đến nay, bá tước William vẫn chưa có phản ứng gì.

Nhìn chung, Philip cảm thấy tu viện có triển vọng hơn nhiều so với sáu tháng trước. Ông đã vượt qua được trở ngại gây ra do mỏ đá bị đóng cửa và chống lại ý định muốn đóng cửa chợ của William. Bây giờ chợ chủ nhật của ông phát triển mạnh và đủ thu nhập để trả tiền mua đá từ quặng mỏ gần Marlborough. Mặc dù những khủng hoảng, việc xây dựng nhà thờ chính tòa vẫn không bị đình trệ. Điều lo lắng duy nhất của Philip là Maud vẫn chưa được đăng quang. Mặc dù bà đã được các giám mục chấp thuận, nhưng quyền chỉ huy của bà dựa trên sức mạnh quân sự cho đến khi bà được đăng

quang. Vợ của Stephen vẫn còn trấn giữ Kent, và các quận của London còn chia rẽ. Một tình cờ không may mắn hay một quyết định xấu có thể lật đổ bà như cuộc chiến ở Lincoln đã tiêu diệt Stephen và rồi tất cả sẽ lại hỗn loạn.

Philip tự nhủ lòng không nên bi quan. Ông nhìn những người chung quanh bàn. Trò chơi đã chấm dứt và mọi người đã lui vào phòng ăn. Họ là những người trung thực, tốt bụng, làm việc chăm chỉ và đến nhà thờ thường xuyên. Thiên Chúa sẽ chăm sóc họ.

Họ ăn súp rau, cá nướng với gia vị tiêu và gừng, nhiều thứ vịt và tráng miệng bằng chè được điểm tô bằng socola xanh socola đỏ. Sau bữa ăn tất cả đem ghế vào trong nhà thờ còn đang xây dở để xem kịch.

Các thợ mộc đã làm hai màn đặt ở hai gian bên cạnh, ở đầu phía đông, che khuất khoảng không gian giữa tường hai gian cạnh và viên đá đầu tiên của đường mái vòm. Các tu sĩ sẽ diễn kịch đã có mặt sau tấm màn, chờ đi ra diễn ở gian giữa. Người đóng vai Thánh Adolphus, một tập sinh không có râu và có bộ mặt thiên thần, đang nằm trên bàn ở phía xa của gian giữa, được bọc trong vải niêm, giả vờ chết và cố nín cười.

Philip có cảm xúc lẫn lộn về vở kịch cũng như về trò chơi bao-nhiều-bánh. Vở kịch này cũng dễ rơi vào bất kính và thô tục. Nhưng dân chúng quá thích nó nên nếu ông không cho phép họ sẽ tự diễn vở kịch này bên ngoài nhà thờ, và khi nó không còn dưới sự kiểm soát của ông, nó có thể trở nên phạm tục. Ngoài ra, những người thích nó lại là các tu sĩ diễn kịch. Mặc quần áo khác, đóng vai trò của người khác, hành động kỳ quặc - ngay cả phạm thượng - dường như tạo nên sự thoải mái trong một đời sống nghiêm trang.

Trước khi vở kịch bắt đầu, thông thường vẫn có giờ kinh ngắn do cha phụ trách phụng vụ chủ sự. Sau đó Philip kể ngắn gọn về tiểu sử và công trình kỳ diệu của Thánh Adolphus. Rồi ông ngồi xuống ghế giữa đám khán giả và chăm chú theo dõi vở kịch.

Từ phía sau bức màn bên trái xuất hiện một hình dáng lớn mà thoạt nhìn giống như người vô hình được trùm trong quần áo lòe loẹt, và khi nhìn kỹ hơn thì đó là những mảnh quần áo nhiều màu được gắn lại với nhau bằng

kim. Mặt ông được sơn vẽ và mang một bị tiền. Đây là người man rợ giàu có. Có tiếng thì thầm tán phục cách diễn của ông, rồi trở thành tiếng cười ồ khi họ nhận ra diễn viên bên dưới bộ trang phục: đó là thầy Bernard, thầy phụ trách nhà bếp, người mà mọi người biết và yêu thích.

Ông nhìn lên và nhìn xuống nhiều lần để mọi người tán phục ông, và trượt vào hàng ghế đầu của các trẻ em nhỏ, gây cho chúng hoảng sợ; sau đó ông lên đến bàn thờ, nhìn quanh như để chắc chắn xem có phải ở đó chỉ có một mình ông không, và ông đặt bị tiền đằng sau bàn thờ. Ông quay về phía khán giả, liếc đều và nói bằng giọng to: “Các Ki Tô hữu ngu ngốc sợ không dám ăn cắp tiền của tôi đâu, bởi vì họ nghĩ nó được Thánh Adolphus bảo vệ. Ha ha ha!” Rồi ông đi ra sau bức màn.

Từ phía đối diện xuất hiện một nhóm người sống ngoài vòng pháp luật, ăn mặc rách rưới, mang gươm gỗ và rìu, mặt mũi bôi phấn và nhọ nồi. Họ rình rập chung quanh gian giữa, trông sợ hãi, cho đến khi một người trong họ nhìn thấy túi tiền đằng sau bàn thờ. Sau đó là cuộc tranh luận: Có nên ăn cắp hay không? Người trộm cướp tốt cho rằng như vậy chắc chắn sẽ mang lại sự bất hạnh cho họ; người trộm cướp xấu cho rằng một vị thánh chết không thể làm hại họ. Sau cùng họ lấy bị tiền và lui vào một góc để đếm.

Người man rợ vào lại, nhìn khắp nơi tìm bị tiền và nổi cơn thịnh nộ. Ông đến bên mộ Thánh Adolphus và nguyện rửa vị thánh vì đã không bảo vệ bị tiền của ông.

Vào lúc đó, vị thánh trỗi dậy khỏi mộ.

Người man rợ giật mình kinh hoàng. Vị thánh lờ ông đi và đến bên đám người trộm cướp. Đột ngột ông đánh ngã từng người một bằng cách dùng ngón tay chỉ vào họ. Họ giả vờ chết đau đớn khổ sở, lăn lộn trên mặt đất, cuộn người theo các hình dạng kỳ cục và tạo ra những khuôn mặt ghê tởm.

Vị thánh chỉ tha mỗi người trộm tốt, người bây giờ đem bị tiền lên cất sau bàn thờ. Vị thánh quay lại phía khán giả và nói: “Tất cả những ai coi thường sức mạnh của Thánh Adolphus, hãy coi chừng!”

Khán giả hào hứng vỗ tay hoan hô. Các diễn viên đứng ở gian giữa, cười bên lên. Mục đích của vở kịch, dĩ nhiên, là tính luân lý của câu truyện,

nhưng Philip biết rằng người dân thích nhất là sự lơ bịch, sự nổi giận của người man rợ và cái chết đau đớn của những người trộm cướp.

Khi tiếng vỗ tay đã ngưng Philip đứng dậy, cảm ơn các diễn viên và thông báo cuộc đua sẽ bắt đầu trên đồng cỏ bên bờ suối.

Đây là lần đầu tiên bé Jonathan năm tuổi khám phá ra cậu không phải là người chạy nhanh nhất ở Kingsbridge. Cậu tham dự cuộc đua của trẻ em, mặc tu phục đặc biệt được may cho cậu và gây ra tiếng cười vang khi cậu vén áo lên tới hông và chạy phơi chiếc mông bé tí ra trước mặt mọi người. Tuy nhiên cậu chạy đua với những trẻ lớn hơn và cậu về gần chót. Khi nhận ra cậu thua cuộc, cậu bị sốc và thất vọng đến nỗi Tom cảm thấy đau khổ thay cậu và bế cậu lên để an ủi cậu.

Mối quan hệ đặc biệt giữa Tom và đứa trẻ mồ côi trong tu viện đã phát triển dần dần, và không ai trong làng thắc mắc tự hỏi xem có một nguyên do bí mật trong đó không. Tom dành cả ngày ở trong khuôn viên tu viện, nơi Jonathan tự do chạy nhảy, vì thế mà không có gì ngạc nhiên khi họ thường xuyên gặp nhau; ngoài ra Tom ở trong lứa tuổi mà những đứa con của ông đã lớn không còn dễ thương, và ông cũng chưa già đủ để có cháu, vì thế mà chuyện ông quan tâm đến trẻ con của người khác là chuyện tự nhiên. Như Tom được biết, chưa ai nghi ngờ ông là bố của Jonathan. Nếu có, dân chúng cho rằng Philip là bố thật của đứa bé. Đó là một giả thuyết tự nhiên – dĩ nhiên Philip sẽ kinh hoàng khi nghe nó.

Jonathan phát hiện Aaron, người con trai cả của Malachi, và lách ra khỏi vòng tay của Tom để đi chơi với bạn cậu, quên đi sự thất vọng.

Khi cuộc đua của các thợ học nghề tiếp diễn, Philip đến và ngồi trên cỏ bên cạnh Tom. Nó là một ngày mùa hè nóng lực, và đầu hói của Philip lấm tấm mồ hôi. Sự thán phục Tom dành cho Philip lớn lên theo thời gian. Nhìn quanh, nhìn vào những người trẻ chạy trên cỏ, những cụ già ngủ gật trong bóng râm, và những đứa trẻ té nước trên sông, ông nhận ra rằng chính Philip là người đã gắn bó tất cả lại với nhau. Ông điều hành ngôi làng, thi hành công lý, quyết định căn nhà mới nên xây ở đâu, giải quyết tranh chấp; ông thuê hầu hết đàn ông và nhiều đàn bà nữa làm nhân công hoặc người phục vụ trong tu viện; và ông quản lý tu viện, trung tâm điều hành mọi

việc. Ông chống lại các bá tước rình rập xâm chiếm, đàm phán với hoàng gia và giữ giám mục trong vị trí. Tất cả những người khỏe mạnh đang thi đua dưới ánh mặt trời này nhiều hay ít đều mang ơn Philip. Chính Tom là một thí dụ điển hình.

Tom rất ý thức về sự khoan hồng của Philip đã ân xá cho Ellen. Đối với một tu sĩ, nó không dễ để có thể tha thứ những gì bà ấy đã làm. Và điều đó có ý nghĩa lớn đối với Tom. Khi bà ấy đi xa, niềm vui xây dựng nhà thờ của ông bị nhạt vì cô đơn. Bây giờ, bà ấy đã trở về, ông cảm thấy thỏa mãn. Mặc dù bà ấy vẫn cứng đầu, hay gây gổ và không muốn thua ai, nhưng một cách nào đó nó trở thành không quan trọng: một niềm đam mê trong bà cháy như một ngọn nến trong đèn lồng, và nó thắp sáng cuộc đời ông.

Tom và Philip quan sát cuộc đua, trong đó các chàng trai phải đi bằng tay: Jack thắng cuộc. “Cậu trai đó đặc biệt,” Philip nói.

“Không có nhiều người có thể đi nhanh bằng tay,” Tom nói.

Philip cười. “Thật vậy – nhưng tôi không nói về kỹ năng nhào lộn của cậu ấy.”

“Tôi biết.” Sự thông minh của Jack từ lâu đã là niềm vui và nỗi đau của Tom. Jack có một sự tò mò sáng tạo về việc xây dựng – một cái gì đó mà Alfred thiếu – và Tom thích dạy cậu những mảnh lời của thương mại. Nhưng Jack thiếu sự khéo léo trong xử thế và hay cãi lại người lớn tuổi hơn mình. Tốt hơn nên che giấu ưu thế của mình, nhưng Jack chưa học được điều đó, ngay cả sau nhiều năm bị Alfred bắt nạt.

“Chàng trai cần được giáo dục,” Philip tiếp tục.

Tom cau mày. Jack đã được học. Cậu ấy là thợ học nghề. “Ý ông muốn nói gì?”

“Cậu ấy nên học thêm viết, học văn phạm Latin, và đọc những triết gia cổ đại.”

Tom càng bối rối hơn. “Để làm gì? Cậu ấy sẽ là một thợ xây.”

Philip nhìn vào mắt ông. “Ông có chắc chắn không?” ông hỏi. “Cậu ấy là một chàng trai không làm những gì ông chờ đợi.”

Tom đã chẳng bao giờ nghĩ về điều này. Có những người trẻ không theo kỳ vọng của người khác: con của lãnh chúa từ chối chiến đấu, con cái vua

chúa gia nhập tu viện, con ghẻ của nông dân thành giám mục. Thật vậy, Jack thuộc mẫu người này. “Vâng, ông nghĩ cậu sẽ làm gì?” ông hỏi.

“Nó tùy thuộc vào việc cậu ấy học gì,” Philip nói. “Nhưng tôi muốn cậu ấy làm việc cho giáo hội.”

Tom rất ngạc nhiên: Jack dường như không thích giới giáo sĩ. Tom bị một chút thương tổn. Ông ước mong Jack trở thành thợ xây dựng tổng thể chính, và ông sẽ thật sự thất vọng nếu cậu chọn con đường khác trong đời sống.

Philip không chú ý đến nét không vui của Tom. Ông tiếp tục: “Thiên Chúa cần những người trẻ tốt nhất và thông minh nhất để làm việc cho Ngài. Hãy nhìn vào những người học nghề đang cạnh tranh xem ai có thể nhẩy cao nhất. Tất cả họ có khả năng để trở thành thợ mộc, thợ xây hay thợ cắt đá. Nhưng bao nhiêu người trong số họ có thể trở thành giám mục? Chỉ có một - Jack.”

Điều đó đúng, Tom nghĩ. Nếu Jack có cơ hội tiến thân trong giáo hội, với người bảo trợ mạnh mẽ như Philip, cậu nên lợi dụng cơ hội đó, bởi vì nó sẽ đem đến sự giàu sang và quyền lực hơn một thợ xây. Tom nói miễn cưỡng: “Ông đã có dự tính gì rõ ràng với cậu ấy chưa?”

“Tôi muốn Jack trở thành một tập sinh trong tu viện.”

“Một tu sĩ?” Đời sống tu sĩ còn khó thích hợp với Jack hơn là đời sống linh mục. Cậu chống lại ngay cả luật lệ trong công trường xây dựng – làm sao cậu có thể hòa nhập trong luật lệ của tu viện?

“Cậu ấy sẽ dùng hầu hết thời giờ để học hỏi,” Philip nói. “Cậu ấy sẽ học mọi thứ mà cha giáo tập có thể dạy cậu, và chính tôi sẽ dạy thêm cho cậu ấy.”

Khi một cậu bé gia nhập tu viện, thông thường bố mẹ em dâng cúng rộng rãi cho tu viện. Tom tự hỏi không biết một đề nghị như thế sẽ phải trả bao nhiêu.

Philip đoán được điều ông nghĩ. “Tôi không chờ đợi ông tặng cho tu viện điều gì,” ông nói. “Nó đủ rồi, khi ông trao con ông cho Chúa.”

Điều mà Philip không biết là Tom đã cho tu viện một người con: bé Jonathan, người đang chèo thuyền ở bờ sông với chiếc áo choàng kéo lên

tối ngang hông. Tuy nhiên, Tom biết mình nên kìm hãm cảm xúc trong việc này. Đề nghị của Philip rất rộng lượng, rõ ràng ông rất để ý đến Jack. Đề nghị này cho Jack một cơ hội lớn. Một người bố sẽ sẵn sàng cho con mình có một cơ hội tiến thân như thế. Tom giận vì con ghẻ của ông chứ không phải con ruột Alfred của ông là người được cho cơ hội tuyệt vời này. Cảm xúc này không xứng đáng và ông vội nén xuống. Ông nên vui mừng, khuyến khích Jack và hy vọng chàng trai sẽ học cách hòa mình với đời sống tu viện.

“Chuyện này phải làm ngay,” Philip thêm vào. “Trước khi cậu ấy phải lòng cô gái nào.”

Tom gật đầu. Nhìn qua đồng cỏ, cuộc thi của phụ nữ sắp đến đích. Tom quan sát. Sau một lúc ông nhận ra Ellen đang dẫn trước. Aliena theo sát bà, nhưng khi họ về đích Ellen vẫn đến trước hơn một chút. Bà giơ tay ra dấu hiệu chiến thắng.

Tom chỉ vào bà và nói với Philip. “Không phải tôi mà bà ấy mới là người cần thuyết phục.”

Aliena ngạc nhiên vì bị Ellen đánh bại. Ellen là mẹ của một cậu bé mười bảy tuổi, nhưng ít nhất cô vẫn hơn Aliena mười tuổi. Họ cười với nhau khi họ thở hắt ra và toát mồ hôi trên vạch đến. Aliena quan sát thấy Ellen có đôi chân rắn chắc và hình dáng gọn gàng. Những năm tháng trong rừng làm bà dẻo dai.

Jack đến chúc mừng mẹ chiến thắng. Họ rất thương nhau, Aliena có thể nói như thế. Họ hoàn toàn khác nhau: Ellen có làn da ngăm đen và đôi mắt sâu màu vàng nâu, trong khi Jack có mái tóc đỏ và mắt xanh. Cậu phải giống bố cậu, Aliena nghĩ. Không ai biết gì về bố của Jack, chồng trước của Ellen. Có lẽ họ mắc cỡ về ông.

Khi cô nhìn hai người bên nhau, Aliena chợt nghĩ rằng Jack phải gợi Ellen nhớ về người chồng bà đã mất. Đó là lý do tại sao bà thương cậu. Có lẽ người con trai là những gì còn lại của người đàn ông mà bà ngưỡng mộ. Sự giống nhau về hình dáng có thể có một sức mạnh ghê gớm. Em của Aliena, Richard, một đôi khi làm cô nhớ về bố cô, qua một cái nhìn hay

một cử chỉ, và đó là lúc cô cảm thấy một cảm xúc dâng tràn; mặc dù nó không ngăn cản cô ước muốn Richard có cá tính giống bố cô hơn.

Cô biết cô không nên không hài lòng với Richard. Cậu đã ra chiến trường và chiến đấu dũng cảm, và đó là những gì có thể đòi hỏi nơi cậu. Nhưng những ngày này cô có nhiều điều không hài lòng. Cô có sự giàu sang và ổn định, một căn nhà và người phục vụ, quần áo đẹp, đồ trang sức sang trọng và một vị trí được tôn trọng trong thị trấn. Nếu có người nào hỏi, cô sẽ trả lời là cô hạnh phúc. Nhưng bên dưới vỏ bên ngoài là một dòng sóng ngầm của thao thức. Cô chẳng bao giờ mất hứng thú làm việc, nhưng vào một số buổi sáng cô băn khoăn tự hỏi việc cô mặc áo gì có quan trọng không, việc cô đeo nữ trang có cần thiết không. Không ai để ý đến việc cô ăn mặc ra sao, vì thế tại sao cô phải mặc đẹp? Nghịch lý thay, cô dần dần ý thức hơn về thân thể của mình. Khi cô đi loanh quanh, cô cảm thấy ngực mình chuyển động. Khi cô xuống tắm ở khu vực dành cho phụ nữ bên bờ sông, cô xấu hổ vì cô có quá nhiều lông. Ngồi trên lưng ngựa cô nhận thức được phần thân thể cô chạm vào yên ngựa. Cảm giác thật lạ. Nó giống như có một kẻ rình trộm theo dõi cô mọi lúc, cố nhìn cô trần truồng qua quần áo cô đang mặc, và kẻ rình trộm đó chính là cô. Cô đang xâm phạm chính bầu khí riêng tư của cô.

Cô nằm xuống trên cỏ, thở hổn hển. Mồ hôi chảy xuống giữa ngực và bên trong đùi cô. Sốt ruột cô nghĩ về vấn đề cụ thể trước mắt. Cô đã không bán hết được số len trong năm nay. Nó không phải là do lỗi của cô: hầu hết các thương gia vẫn còn dư lại số len không bán được, và ngay cả Tu viện trưởng Philip cũng vậy. Philip vẫn bình tĩnh, nhưng Aliena lo lắng. Cô sẽ làm gì với số len còn lại này? Dĩ nhiên cô có thể giữ nó lại cho năm tới. Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra khi năm tới cô lại không bán được? Cô không biết len thô giữ được bao lâu. Cô có cảm giác nó sẽ bị khô, trở nên giòn và khó có thể biến chế.

Nếu mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn, cô sẽ không có khả năng hỗ trợ cho Richard. Nó rất tốn kém để là một hiệp sĩ. Con ngựa chiến giá hai mươi bảng Anh đã bị mất tính khí trong cuộc chiến ở Lincoln và bây giờ nó dường như vô dụng; chẳng bao lâu nữa cậu sẽ cần con khác. Aliena có khả

năng chi cho việc đó nhưng nó sẽ thâm vào nguồn vốn của cô. Richard mắc cỡ vì phải phụ thuộc tài chính vào cô – nó không phải là trường hợp thông thường đối với một hiệp sĩ – và cậu đã hy vọng có thể tự nuôi sống mình qua việc cướp bóc, nhưng gần đây cậu lại ở bên phía thua trận. Nếu cậu muốn lấy lại lãnh địa, Aliena sẽ phải tiếp tục có được kinh tế ổn định.

Trong cơn ác mộng cô đã mơ thấy mình mất hết tiền bạc và họ lại trắng tay, lại trở thành nạn nhân của vị linh mục không trung thực, của hàng quý tộc phóng đảng và của những người trộm cướp khát máu; và họ kết thúc trong ngục tối hôi hám, nơi họ đã gặp bố họ bị xích vào tường và chết.

Tương phản với cơn ác mộng, cô đã có một giấc mơ hạnh phúc. Trong đó cô và Richard sống chung với nhau trong lâu đài, trong tòa nhà cũ của họ. Richard cai trị khôn ngoan như bố cô, và Aliena giúp cậu như đã giúp bố cô, chào đón những khách quan trọng, phân phát nơi ăn chốn ở cho người cần đến và ngồi bên tay trái cậu trong bữa ăn. Nhưng sau này, ngay cả những giấc mơ đó vẫn để lại trong cô sự trống rỗng.

Cô lắc đầu, xua tan tâm trạng u sầu này và lại nghĩ về len. Cách đơn giản nhất để giải quyết vấn đề là không làm gì cả. Cô có thể lưu trữ các len thặng dư cho đến năm sau, và rồi, nếu không thể bán được, cô sẽ chấp nhận thiệt thòi. Cô có thể chịu đựng được. Tuy nhiên, nó sẽ nguy hiểm khi chuyện này lại tiếp tục xảy ra, và nó sẽ là khởi đầu của con đường thất bại. Cô phải tìm kiếm một giải pháp khác. Cô đã cố bán len cho một người thợ dệt ở Kingsbridge, nhưng ông ấy đã có tất cả những gì ông cần.

Nhìn các phụ nữ Kingsbridge đang lấy lại sức trên bãi cỏ sau cuộc đua, Aliena thấy hầu hết họ đều biết cách làm vải từ len thô. Nó là một công việc buồn tẻ nhưng đơn giản: các nông dân đã biết làm nó từ thời sơ khai. Lông cừu được rửa sạch, sau đó chải cho nó không vướng vào nhau, rồi xe thành sợi. Sợi được dệt thành vải, rồi được hồ để sẵn sàng làm thành quần áo. Các phụ nữ có lẽ sẽ làm việc đó với giá một xu một ngày. Nhưng cô sẽ cần bao lâu? Và giá sản phẩm sẽ là bao nhiêu?

Cô sẽ phải thử dự án này với số lượng nhỏ. Rồi, nếu có kết quả, cô sẽ nhận thêm nhân công làm việc trong suốt buổi tối dài mùa đông.

Cô ngồi dậy, hoàn toàn phấn khởi với ý tưởng mới này. Ellen nằm bên cạnh cô. Jack ngồi phía bên kia Ellen. Cậu bắt gặp ánh mắt Aliena, mỉm cười rồi quay đi như thể cậu xấu hổ vì bị bắt gặp đang nhìn cô. Cậu là một chàng trai vui vẻ, có đầy ý tưởng trong đầu. Aliena vẫn còn nhớ khi cậu còn là một đứa bé ngộ nghĩnh chưa biết trẻ con được thụ thai ra sao. Nhưng cô đã chú ý đến cậu khi cậu chuyển vào sống ở Kingsbridge. Và bây giờ cậu đã khác xưa, hoàn toàn là một con người mới, như thể cậu đến từ hư không, như một cây hoa xuất hiện vào một buổi sáng mai mà ngày hôm trước chỗ đó vẫn không có gì, ngoài mặt đất trần trụi. Trước hết cậu không còn trông kỳ cục. Trong thực tế, cô nghĩ, nhiều cô gái nghĩ cậu đẹp trai kinh khủng. Chắc chắn cậu có nụ cười duyên dáng. Cô không quan tâm đến diện mạo của cậu, nhưng cô bị thu hút bởi trí tưởng tượng đáng ngạc nhiên của cậu. Cô phát hiện ra rằng cậu không những biết nhiều câu truyện kể bằng thơ – một số có hàng ngàn và hàng ngàn câu – nhưng cậu còn ứng khẩu được, vì thế cô không chắc chắn cậu nhớ được hay cậu tự chế thêm. Và cậu không chỉ hấp dẫn vì những câu truyện. Cậu tò mò về nhiều chuyện và bắn khoăn về những chuyện mà người khác cho là tự nhiên. Có một ngày cậu đã hỏi nước từ dòng sông ở đâu mà có. “Mỗi giờ, hàng ngàn và hàng ngàn thùng nước chảy qua Kingsbridge, ngày và đêm, trong cả năm trời. Nó đã chảy từ trước khi chúng ta sinh ra, từ trước khi cha mẹ chúng ta sinh ra, từ trước khi cha mẹ của cha mẹ chúng ta sinh ra. Nó đến từ đâu? Có một hồ nước lớn ở đâu đó nuôi dưỡng nó không? Như thế cái hồ đó phải lớn hơn toàn nước Anh! Chuyện gì xảy ra nếu chiếc hồ đó khô đi?” Cậu luôn luôn nói về những chuyện như thế hoặc ít tưởng tượng hơn, và nó làm Aliena nhận ra rằng cô thèm khát những cuộc chuyện trò thông minh. Hầu hết cư dân Kingsbridge chỉ có thể nói về nông nghiệp và ngoại tình, những chuyện không làm cô thích thú. Dĩ nhiên Tu viện trưởng Philip khác thế, nhưng ông không tham gia các cuộc nói chuyện nhàn rỗi; ông luôn bận rộn, đối phó với công việc xây dựng, với các tu sĩ hay thành phố. Aliena cho rằng thợ xây Tom cũng rất thông minh, nhưng ông là người nghĩ nhiều hơn nói. Jack là người bạn thực sự đầu tiên của cô. Cậu là một khám phá

tuyệt vời, mặc dù cậu còn trẻ. Thực vậy, khi cô đi xa Kingsbridge, cô đã mong ước được trở về để có thể nói chuyện với cậu.

Cô tự hỏi cậu đã có những ý tưởng đó từ đâu. Ý nghĩ đó làm cô chú ý đến Ellen. Bà phải là người như thế nào để có thể nuôi con trong rừng! Aliena đã nói chuyện với Ellen và khám phá ra nơi bà một tinh thần giống như nơi cô, một phụ nữ độc lập và tự lập, và một cách nào đó tức giận với cách mà đời sống xã hội đã đối xử với bà. Bây giờ, trong cơn bất đồng, Aliena nói: “Ellen, bà đã học những câu truyện ở đâu?”

“Từ bố của Jack,” Ellen nói không cần suy nghĩ, nhưng rồi khuôn mặt bà thận trọng hơn, và Aliena biết không nên hỏi thêm nữa.

Một tư tưởng khác xuất hiện. “Bà có biết dật không?”

“Dĩ nhiên,” Ellen nói. “Ai mà không biết?”

„Bà có muốn dật để kiếm tiền không?“

„Có thể. Cô có ý gì trong đầu?“

Aliena giải thích. Ellen không thiếu tiền, dĩ nhiên, nhưng Tom là người kiếm ra tiền, và Aliena nghi ngờ bà cũng muốn tự kiếm một số tiền.

Những dự đoán thành đúng. „Vâng, tôi sẽ cố thử,“ Ellen nói.

Vào lúc đó con ghê của Ellen, Alfred, đi ngang. Giống bố, Alfred là người to lớn. Hầu hết mặt cậu được dấu đằng sau bộ râu rậm rạp, nhưng cặp mắt bên trên nhỏ, nên cậu nhìn có vẻ xảo quyệt. Cậu có thể đọc, viết là làm toán, nhưng mặc dù vậy cậu vẫn ngu ngốc. Tuy nhiên cậu có cuộc sống sung túc và có bằng làm việc riêng, gồm các thợ xây, thợ học nghề và lao công. Aliena thấy rằng những người to lớn thường chiếm được vị trí quyền lực, không tùy thuộc vào trí thông minh của họ. Alfred còn có một lợi thế khác, dĩ nhiên: vì bố cậu là thợ xây dựng chính của nhà thờ chính tòa, nên cậu chắc chắn luôn tìm được việc làm cho nhóm của cậu.

Cậu ngồi trên cỏ bên cạnh cô. Bàn chân to lớn của cậu xỏ trong đôi giày da đầy bụi đá. Cô ít khi nói chuyện với cậu. Chính ra họ có nhiều điểm chung, bởi vì họ là những người trẻ duy nhất thuộc tầng lớp giàu sang ở Kingsbridge, tầng lớp sống trong những căn nhà gần bức tường tu viện; nhưng Alfred luôn tỏ ra đần độn. Một lúc sau cậu đột ngột nói: “Đó phải là nhà thờ bằng đá.”

Hiển nhiên cậu chờ đợi mọi người tìm ra điều cậu muốn nói. Aliena nghĩ một lúc rồi nói: “Anh muốn nói về nhà thờ giáo xứ trong làng phải không?”

“Đúng,” cậu nói như đó là chuyện đương nhiên.

Nhà thờ xứ hiện nay được sử dụng nhiều vì nhà nguyện dưới tầng hầm của nhà thờ chính tòa, nơi các tu sĩ thường dùng, chật hẹp và thiếu không khí, và dân số của Kingsbridge đã gia tăng. Tuy nhiên nhà thờ xứ vẫn là một kiến trúc bằng gỗ với mái tranh và nền đất.

“Anh có lý,” Aliena nói. “Chúng ta nên có nhà thờ đá.”

Alfred nhìn cô chờ đợi. Cô tự hỏi không biết cậu ấy chờ đợi cô điều gì.

Ellen có lẽ đã quen đọc ý cậu, cô nói: “Cháu có ý gì trong đầu, Alfred?”

“Nhà thờ được bắt đầu như thế nào?” cậu hỏi. “Ý tôi muốn nói, nếu chúng ta muốn một nhà thờ đá, chúng ta phải làm gì?”

Ellen nhún vai. “Không biết.”

Aliena cau mày. „Anh có thể thành lập một hiệp hội giáo xứ,“ cô đề nghị. Một hiệp hội giáo xứ là một hội của những người lâu lâu tổ chức các bữa tiệc gây quỹ, hoặc đóng góp với nhau, thường để mua nến cho nhà thờ của họ, hay để giúp đỡ những góa phụ và trẻ mồ côi trong khu phố. Những ngôi làng nhỏ chẳng bao giờ có hiệp hội, nhưng Kingsbridge không còn là một làng nữa.

„Làm sao để có thể trả tiền xây nhà thờ?“ Alfred hỏi.

„Các thành viên của hiệp hội sẽ trả cho việc xây nhà thờ mới,“ Aliena nói.

„Vậy chúng ta nên bắt đầu một hiệp hội,“ Alfred nói.

Aliena tự hỏi không biết cô có đánh giá cậu sai không. Cậu chẳng bao giờ tỏ ra là đạo đức, nhưng bây giờ cậu đang cố gắng quyên tiền để xây một nhà thờ mới. Có lẽ cậu đã dấu chiều sâu của cậu. Rồi cô nhận ra cậu là nhà thầu xây dựng duy nhất ở Kingsbridge, vì thế cậu chắc chắn sẽ nhận công việc xây dựng nhà thờ mới. Cậu không thông minh, nhưng cậu đủ khôn ngoan.

Tuy nhiên cô vẫn thích ý tưởng của cậu. Kingsbridge là một thị trấn, và thị trấn luôn luôn có nhiều nhà thờ. Nếu có một nhà thờ khác bên cạnh nhà thờ chính tòa, thị trấn không hoàn toàn bị chi phối bởi tu viện. Hiện nay,

không cần chối cãi, Philip là chủ và là người lãnh đạo ở đây. Và mặc dù ông là một nhà lãnh đạo nhân từ, nhưng cô có thể nhìn thấy trước một lúc nào đó các thương gia có thể muốn có một nhà thờ riêng.

Alfred nói: „Cô có thể cắt nghĩa cho một số người khác về hiệp hội được không?“

Aliena đã hồi sức sau cuộc đua. Mặc dù cô không thích bỏ cuộc nói chuyện với Ellen và Jack để đi theo Alfred, nhưng cô hoàn toàn phấn khích về ý tưởng của cậu, ngoài ra nó cũng bủn xỉn khi từ chối. „Tôi rất sẵn lòng,“ cô nói, và cô đứng lên đi với cậu ấy.

Mặt trời xuống dần. Các tu sĩ thả lửa trại và phân phát bia truyền thống với hương vị gừng. Jack muốn hỏi mẹ một câu, bây giờ họ ở một mình nhưng cậu lo lắng. Rồi một người nào đó cất lên tiếng hát, và cậu biết mẹ cậu sẽ nhập cuộc ngay, vì thế cậu buột miệng: „Có phải bố con là một người hát rong không?“

Bà nhìn cậu. Bà ngạc nhiên nhưng không tức giận. „Ai đã dạy con chữ đó?“ bà nói. „Con chưa bao giờ gặp một người hát rong.“

„Aliena. Cô ấy thường đi Pháp với bố cô.“

Bà mẹ nhìn lướt qua đồng cỏ tối mò đến khu lửa trại.

„Đúng, bố con là người hát rong. Bố con đã kể cho mẹ những vần thơ này, như mẹ đã kể nó cho con. Và bây giờ con kể cho Aliena nghe phải không?“

„Vâng.“ Jack cảm thấy bẽn lễn.

„Con thật sự yêu cô ấy, phải không?“

„Điều đó hiển nhiên lắm sao?“

Bà cười triu mến. „Chỉ có mẹ mới biết, mẹ nghĩ như vậy. Cô ta hơn tuổi con.“

“Năm tuổi.”

“Con sẽ có được cô ấy. Con giống bố con. Ông có thể có bất cứ người đàn bà nào ông muốn.”

Jack bối rối khi nói về Aliena, nhưng thích thú nghe về bố cậu, và cậu muốn biết thêm; nhưng cậu khó chịu vì vừa vào lúc đó Tom đến và ngồi xuống bên cạnh họ. Ông bắt đầu nói ngay. “Tôi đã nói chuyện với Tu viện

trường Philip về Jack,” ông nói. Giọng ông nhẹ nhàng nhưng Jack cảm thấy có một chút căng thẳng và nhìn thấy những trục trặc đang đến. “Philip nói cậu bé cần được học hành.”

Bà mẹ phần nộ. “Cậu ấy đã được học hành,” bà nói. “Cậu ấy có thể đọc và viết tiếng Anh và tiếng Pháp. Cậu ấy biết làm tính và có thể học thuộc lòng cả một tập thơ –“

“Thôi, đừng hiểu lầm ý tôi,” Tom nói rõ ràng. “Philip không nói rằng Jack ngu dốt. Hoàn toàn ngược lại. Ông nói rằng Jack quá thông minh, nên cậu ấy cần học thêm.”

Jack không hài lòng vì những lời khen ngợi này. Cậu có cùng quan điểm ngờ vực về những người của giáo hội như mẹ cậu. Chắc chắn có một điều gì trong chuyện này.

“Hơn?” Ellen nói một cách khinh bỉ. „Tu sĩ đó muốn cậu ấy học thêm cái gì? Tôi nói cho anh. Thần học. Latin. Hùng biện. Siêu hình học. Cứt bò!“

„Đừng vội vàng bỏ qua,“ Tom nói mềm mại. „Nếu Jack nhận lời đề nghị của Philip, và đến trường, học viết nơi một thư ký tốt, nghiên cứu Latin và thần học và tất cả các môn mà em gọi là cứt bò, cậu ấy có thể trở thành thư ký của một lãnh chúa hay của một giám mục và cậu ấy có thể trở thành người giàu sang và quyền thế. Không phải tất cả bá tước là con của bá tước, như người ta thường nói.“

Mắt Ellen nheo lại một cách đáng sợ. „Vậy đề nghị của Philip là gì?“

„Jack trở thành một tập sinh của tu viện –,“

„Trèo qua xác của em!“ Ellen hét lên, đứng bật lên. „Giáo hội đáng nguyên rủa này không thể có được con tôi! Những linh mục nói dối nguy hiểm này đã lấy bố của cậu ấy, nhưng họ không lấy được cậu ấy. Em sẽ đâm dao vào bụng Philip, em thề trước các thần thánh.“

Tom đã nhìn thấy bà trong lúc giận trước đây và ông không bị chi phối lắm. Ông bình tĩnh nói: „Cái gì đã xảy ra cho em? Cậu bé được cho một cơ hội tuyệt vời.“

Jack bị tò mò bởi câu ,những linh mục nói dối nguy hiểm này đã lấy bố của cậu.‘ Bà muốn nói gì qua câu đó? Cậu muốn hỏi bà nhưng cậu không có cơ hội.

„Cậu ấy sẽ không trở thành tập sinh!“ bà la lên.

„Nếu cậu ấy không muốn thành tu sĩ, cậu ấy không phải theo những gì Philip đề nghị.“

Bà mẹ nhìn hờn dỗi. „Vị tu viện trưởng ranh mãnh này có tài đạt được những gì mình muốn,“ bà ta nói.

Tom quay sang Jack. „Đây là lúc con nên nói điều gì. Con muốn gì cho cuộc đời con?“

Jack chưa bao giờ nghĩ về câu hỏi cụ thể như thế, nhưng câu trả lời phát ra không do dự, như thể cậu đã quyết tâm từ lâu. „Con muốn trở thành thợ xây dựng chính, giống dượng,“ cậu nói. „Con sẽ xây một nhà thờ chính tòa đẹp nhất mà thế giới chưa từng thấy.“

Màu đỏ của mặt trời lặn dưới chân trời và màn đêm buông xuống. Nó là thời điểm cho nghi thức kết thúc của lễ hội đêm hè: những ước mơ nổi trên mặt nước. Jack đã chuẩn bị một khúc nến và một mảnh gỗ. Cậu nhìn Ellen và Tom. Cả hai nhìn chăm chăm vào cậu, một chút bối rối: sự chắc chắn của cậu về tương lai của cậu đã làm họ ngạc nhiên. Vâng, không có gì lạ vì nó cũng làm cho chính cậu ngạc nhiên.

Thấy rằng không còn gì để nói, cậu đứng bật dậy và chạy băng qua bãi cỏ đến bên đồng lửa. Cậu châm một cành khô vào lửa, hơ ngọn nến vào lửa cho tan chảy và gắn lên tấm gỗ; sau đó cậu thả nến. Hầu hết dân làng cũng làm như thế. Những người không thể mua nổi ngọn nến, họ làm một con thuyền bằng cỏ khô và dầu hắc ín, và xoắn cỏ với nhau thành một ngọn bắc ở giữa.

Jack nhìn thấy Aliena đứng gần cậu. Khuôn mặt cô sáng lên trong ánh lửa hồng, và cô chìm trong suy tư. Bốc đồng cậu nói: „Cô ước muốn điều gì, Aliena?“

Cô trả lời không cần suy nghĩ. „Hòa bình,“ cô nói. Sau đó cô quay đi.

Jack tự hỏi cậu có điên không khi yêu cô. Cô thích cậu – họ đã thành bạn với nhau – nhưng ý tưởng được nằm trần truồng với nhau và hôn làn da nóng cháy của nhau thì nó xa lạ với cô như nó gần gũi với cậu.

Khi ai đó đã sẵn sàng, họ quỳ gối xuống bên bờ sông hoặc bước xuống chỗ nước nông. Giữ chặt đèn bập bùng trong tay, họ ước muốn điều gì đó.

Jack nhắm mắt lại và hình dung Aliena, nằm trên giường, bộ ngực trần, vươn bàn tay tới cậu và nói: „Chồng ơi, hãy đến và yêu em.“ Sau đó tất cả họ để đèn cẩn thận trên mặt nước. Nếu chiếc thuyền chìm hay ngọn nến tắt, nó có nghĩa là ước mơ của họ không bao giờ thành sự thật. Chẳng bao lâu sau, khi Jack đặt chiếc đèn trên mặt nước, nó chảy đi xa, mảnh gỗ mất hút và chỉ có ánh lửa còn nhìn thấy được. Cậu chăm chú nhìn nó một lúc, cho đến khi cậu mất nó giữa hàng trăm ngọn nến khác đang nhảy múa, bập bồng trên mặt nước. Những ước muốn chập chờn trôi nổi theo dòng nước cho đến khi nó mất hút sau khúc quanh của dòng sông và xa khỏi tầm mắt.

III

Cả mùa hè năm đó, Jack kể cho Aliena nghe những câu chuyện.

Họ gặp nhau vào ngày chủ nhật nơi đồng cỏ bên thác nước nhỏ, lúc đầu thỉnh thoảng và càng về sau càng nhiều hơn. Cậu kể cho cô nghe về Charl Đại Đế và hiệp sĩ của ông, về William thành Orange và những người Saracens. Cậu chìm đắm trong câu chuyện khi cậu kể. Aliena thích nhìn những biểu lộ thay đổi trên khuôn mặt trẻ của cậu. Cậu bất bình với sự bất công, ghê tởm sự phản bội, phấn khởi với sự dũng cảm của một hiệp sĩ và cảm động đến rơi lệ về những cái chết anh hùng; và cảm xúc dễ lay, vì thế cô cũng cảm động theo. Một vài bài thơ quá dài để có thể kể trong một buổi chiều, và khi cậu phải ngừng kể, cậu luôn luôn chấm dứt ở chỗ hồi hộp nhất, vì thế mà suốt cả tuần lễ Aliena tự hỏi điều gì sẽ xảy ra tiếp.

Cô chẳng bao giờ kể cho ai biết về những buổi gặp gỡ này. Cô không biết chắc chắn tại sao. Có lẽ bởi vì họ không hiểu được sự hấp dẫn của câu chuyện. Cho dù vì lý do nào, cô làm cho mọi người tin rằng đó chỉ là một cuộc đi dạo bình thường vào ngày chủ nhật của cô; và mặc dù không xếp đặt với cô, Jack cũng làm như vậy; và nó đi quá xa đến nỗi họ không thể kể

cho ai nghe được mà không cảm thấy tội lỗi; và vì thế, do tình cờ, cuộc gặp gỡ trở thành bí mật.

Vào một ngày chủ nhật, để thay đổi, Aliena đọc cho cậu nghe “Câu chuyện của Alexander”. Khác với những bài thơ của Jack về mưu đồ trong hoàng cung, chính trị thế giới và những cái chết bất ngờ trên chiến trường, câu chuyện của Aliena nghiêng về tình yêu và ma thuật. Jack bị thu hút bởi yếu tố mới mẻ trong lối kể chuyện này, và vào chủ nhật sau đó cậu bắt đầu kể một câu chuyện mới do cậu sáng tác.

Nó là một ngày nóng vào cuối tháng tám. Aliena mang dép và mặc áo lụa nhẹ. Khu rừng lặng im, không có tiếng động nào ngoài tiếng thác nước chảy và giọng kể chuyện lên xuống của Jack. Như thông thường, câu chuyện bắt đầu bằng sự miêu tả về một hiệp sĩ dũng cảm, to lớn và mạnh khỏe, hùng mạnh nơi chiến trường và được trang bị một gươm thần. Ông ta được giao cho một nhiệm vụ: đến một vùng đất Viễn Đông và mang về một cây nho trổ sinh hồng ngọc. Nhưng rồi câu chuyện xảy ra khác với mô hình thông thường. Chàng hiệp sĩ bị giết chết và câu chuyện tập trung vào người cận thần, một thanh niên mười bảy tuổi can đảm nhưng nghèo. Cậu ấy ước mơ được yêu con gái vua, một công chúa xinh đẹp. Khi chủ cậu chết, người cận thần chu toàn trách nhiệm đã được giao cho chủ cậu, ngay cả mặc dù cậu còn trẻ và thiếu kinh nghiệm và chỉ có một con ngựa và một cây cung.

Thay vì tiêu diệt kẻ thù với một nhát kiếm thần, như các chuyện tương tự thường kể về các anh hùng, người cận thần chiến đấu tuyệt vọng, thoát chết qua kẽ tóc và chỉ chiến thắng do may mắn và khéo léo. Cậu luôn sợ hãi trước kẻ thù mà cậu phải đối mặt – khác với chàng hiệp sĩ gan dạ của Charles Đại Đế - nhưng cậu không bao giờ từ bỏ sứ mạng của cậu. Tất cả, nhiệm vụ cũng như tình yêu, dường như đều vô vọng.

Aliena bị quyến rũ nhiều hơn bởi sự chân thành của người cận thần hơn là bởi quyền năng của chàng hiệp sĩ. Cô cắn đốt ngón tay sợ hãi khi cậu đi vào lãnh thổ quân thù, há hốc miệng khi thanh kiếm khổng lồ chém hụt cậu, và thở dài khi cậu đặt chiếc đầu cô đơn của mình xuống ngủ và mơ về nàng công chúa xa xôi. Tình yêu cậu dành cho nàng công chúa dường như không thể tách rời khỏi tính bất khuất của cậu.

Cuối cùng, cậu mang về cây nho trĩu hồng ngọc trong sự ngạc nhiên của cả triều đình. “Nhưng người cận thần không quan tâm nhiều,” Jack nói với một cái búng tay khinh thường, “đến các bá tước và lãnh chúa. Cậu ấy chỉ quan tâm đến một người duy nhất. Buổi tối đó, cậu ấy lên vào phòng nàng công chúa, trốn tránh các vệ sĩ bằng xảo thuật cậu đã học được trong cuộc hành trình về phương đông. Sau cùng, cậu đứng bên cạnh giường cô công chúa và nhìn vào khuôn mặt cô.” Jack nhìn vào mắt Aliena khi cậu nói. “Cô bất ngờ thức dậy, nhưng cô không sợ hãi. Người cận vệ đưa tay ra và nhẹ nhàng nắm lấy tay cô.” Jack đóng vai trong câu truyện, cậu đưa tay ra cho Aliena và nắm lấy cả hai tay cô trong tay cậu. Cô bị mê hoặc bởi ánh mắt mãnh liệt của cậu và sức mạnh tình yêu của người cận vệ, và cô hầu như không nhận ra rằng Jack đang nắm tay cô. “Người hầu cận nói với nàng công chúa: ‘Anh yêu em tha thiết’, rồi hôn lên môi cô.” Jack cúi xuống và hôn Aliena. Môi cậu đung vào môi cô quá nhẹ nhàng đến nỗi cô khó cảm thấy được. Nó xảy ra quá nhanh chóng, và cậu lại tiếp tục câu chuyện ngay. “Nàng công chúa dường như đang ngủ,” cậu tiếp tục. Aliena nghĩ: Có phải chuyện ấy xảy ra thật không? Có phải Jack đã hôn tôi? Cô không thể tin chuyện đó, nhưng cô vẫn có thể cảm nhận sự đung chạm của môi cậu trên môi cô. “Ngày hôm sau, người cận vệ xin vua cho cưới nàng công chúa như phần thưởng cho việc cậu đã mang cây nho trĩu hồng ngọc về.” Jack hôn tôi mà không nghĩ ngợi, Aliena đi đến kết luận. Nó dường như là một phần của câu truyện. Cậu ấy ngay cả không nhận ra cậu ấy làm gì. Tôi sẽ quên nó đi. “Nhà vua từ chối người cận vệ. Cậu ấy rất đau lòng. Cả triều thần cười to. Ngày hôm đó người cận vệ rời quê hương trên con ngựa hoang; nhưng cậu thề rằng một ngày nào đó cậu sẽ trở về, và ngày đó cậu sẽ cưới nàng công chúa xinh đẹp.” Jack ngưng kể và buông tay Aliena ra.

“Rồi chuyện gì xảy ra?” cô hỏi.

“Tôi không biết,” Jack trả lời. “Tôi chưa nghĩ thêm về nó.”

Tất cả những người quan trọng ở Kingsbridge đều gia nhập hiệp hội giáo xứ. Nó là một ý tưởng mới đối với hầu hết mọi người, nhưng họ nghĩ Kingsbridge bây giờ không còn là ngôi làng nữa mà là một thị trấn, và lời

kêu gọi họ, những cư dân hàng đầu, giúp việc xây nhà thờ đá đã động chạm tới lòng tự cao tự đại của họ.

Aliena và Alfred chọn lựa các thành viên và tổ chức bữa ăn đầu tiên vào giữa tháng chín. Những người vắng mặt chính là Tu viện trưởng Philip, người không hài lòng với việc làm này, mặc dù ông không có đủ lý do để cấm nó; thợ xây Tom, người từ chối vì sợ mất lòng Philip; và Malachi, người không được mời vì khác biệt tôn giáo.

Trong khi đó Ellen đã dệt được một kiện vải từ len thặng dư của Aliena. Nó còn thô và không màu, nhưng cũng đủ tốt cho áo của các tu sĩ, và thầy quản lý tu viện, Cuthbert Whitehead, đã mua nó. Giá rẻ, nhưng nó vẫn còn mắc gấp đôi giá len nguyên chất, và ngay cả sau khi trả cho Ellen một xu một ngày, Aliena vẫn lời hơn nửa bảng Anh. Cuthbert còn muốn mua thêm nhiều vải với giá đó, vì thế Aliena mua len thặng dư của Philip thêm vào số len cô có trong kho, và thuê thêm cả chục người dệt vải, đa số là đàn bà. Ellen đồng ý dệt kiện khác nữa, nhưng từ chối không thoi vải, vì cô cho rằng công việc đó quá vất vả; và hầu hết công nhân khác cũng nói như vậy.

Aliena thông cảm họ. Hồ hay dậm là công việc khó nhọc. Cô nhớ lại khi cô cùng đi với Richard đến xin việc với thợ hồ vải chính ở Winchester. Người hồ vải có hai người đàn ông đập vải bằng gậy trong máng nước, trong khi một người đàn bà đổ thêm nước vào. Người đàn bà đã cho Aliena coi bàn ta thô và đỏ, và khi những người đàn ông đặt một kiện vải ướt lên vai Richard, cậu đã khụy xuống gối. Hầu hết mọi người có thể hồ một số lượng nhỏ đủ để may quần áo cho mình và gia đình, nhưng chỉ có những người đàn ông khỏe mạnh mới có thể làm việc đó suốt ngày. Aliena nói với những người dệt vải cứ tiếp tục dệt, và cô sẽ thuê các người đàn ông hồ nó hay bán nó cho thợ hồ vải ở Winchester.

Bữa ăn của hiệp hội giáo xứ được tổ chức trong nhà thờ gỗ. Aliena lo ẩm thực. Cô chia việc nấu ăn cho các thành viên, hầu hết họ có ít nhất một người giúp việc. Alfred và công nhân của cậu thiết kế một bàn dài. Họ mang đến bia mạnh và một thùng rượu nho.

Họ ngồi hai bên bàn, không có ai ngồi ở đầu hoặc cuối bàn, bởi vì trong hiệp hội mọi người đều bình đẳng. Aliena mặc một áo dài lụa màu đỏ đậm

có gắn một chiếc trâm vàng cần hồng ngọc, và khoác một áo choàng viền lông màu xám đậm với tay áo thời trang rộng. Linh mục quản xứ đọc lời cầu nguyện: dĩ nhiên ông rất vui vì về ý tưởng thành lập hiệp hội này, bởi vì một nhà thờ mới sẽ tăng thêm uy tín của ông và gia tăng thu nhập.

Alfred trình bày một dự thảo ngân sách và kế hoạch thời gian xây dựng nhà thờ mới. Cậu nói như thể cậu tự soạn ra, nhưng Aliena biết Tom đã chuẩn bị hầu hết. Tòa nhà sẽ xây dựng trong hai năm và tốn chín mươi bảng Anh, và Alfred đề nghị bốn mươi thành viên mỗi người sẽ đóng sáu xu hàng tuần. Số tiền đóng góp đó nhiều hơn dự tính của nhiều người, Aliena có thể đọc được điều đó trên nét mặt họ. Tất cả mọi người đồng ý trả, nhưng Aliena nghĩ một hai người sẽ từ chối.

Bản thân cô có thể trả nó dễ dàng. Nhìn quanh bàn, cô nhận ra có lẽ cô là người giàu nhất ở đây. Cô là một trong số ít phụ nữ hiện diện: ngoài cô ra chỉ còn một bà chủ hãng bia, người nổi tiếng về bia mạnh ngon, một bà thợ may có hai nhân viên và một số người học việc, và một góa phụ của thợ đóng giày, người tiếp tục công việc chồng bà để lại. Aliena là phụ nữ trẻ nhất, và trẻ hơn mọi người đàn ông có mặt, ngoại trừ Alfred, người trẻ hơn cô một hai tuổi.

Aliena nhớ Jack. Cô chưa nghe phần thứ hai của câu chuyện về người hầu cận trẻ. Hôm nay là ngày lễ nghỉ, và cô thích gặp cậu ở khu rừng vắng. Có lẽ trẻ hơn, cô vẫn có thể đi.

Cậu chuyện quanh bàn xoay quanh cuộc nội chiến. Vợ của Stephen, hoàng hậu Matilda đã chiến đấu mạnh hơn mọi người tưởng: thời gian gần đây bà đã chiếm lại Winchester và bắt giữ Robert thành Gloucester. Robert là anh của nữ hoàng Maud và là tổng tư lệnh quân đội của bà. Một vài người nói Maud chỉ là bù nhìn, còn Robert mới thực sự là người chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Trong mọi trường hợp, sự bắt giữ Robert mang lại bất lợi cho Maud như cuộc bắt giữ Stephen mang lại bất lợi cho nhóm trung thành, và mọi người có ý kiến khác nhau về cuộc chiến sẽ đi theo hướng nào.

Thức uống trong buổi tiệc là rượu mạnh hơn thứ mà Tu viện trưởng Philip thường cung cấp, và bữa ăn càng kéo dài, người tham dự càng trở nên lè nhè. Linh mục chánh xứ không còn nhiều ảnh hưởng, có lẽ bởi vì

ông cũng uống nhiều như những người khác. Alfred, người ngồi gần Aliena, dường như dẫn đo, nhưng ngay cả cậu cũng đỏ ửng. Aliena không thích rượu mạnh và cô đã dùng một ly nước táo trong bữa ăn.

Khi đồ ăn đã cạn, một số người đề nghị nâng ly rượu chúc mừng Alfred và Aliena. Alfred cười rạng rỡ. Sau đó đến phần văn nghệ và Aliena băn khoăn làm sao cô có thể thoát ra ngoài nhanh được.

Alfred nói với cô: “Chúng ta đã thành công.”

Aliena mỉm cười. “Hãy chờ xem năm sau còn bao nhiêu người đóng sáu xu hàng tuần.”

Alfred không muốn nghe về chuyện thất bại hay sự dè dặt hôm nay. “Chúng ta đã làm tốt,” cậu lập lại. “Chúng ta là một nhóm làm việc tốt.” Cậu nâng chén về phía cô rồi uống. “Cô có nghĩ chúng ta là một nhóm làm việc tốt không?”

“Chắc chắn rồi,” cô nói cho cậu vui.

“Tôi thích nó,” cậu tiếp tục. “Làm việc này với cô – hiệp hội, tôi muốn nói.”

“Tôi cũng thích nữa,” cô lịch sự trả lời.

“Thật không? Nó làm tôi hạnh phúc.”

Cô nhìn cậu kỹ hơn. Tại sao cậu ấy lại nhấn mạnh đến chuyện này? Câu nói của cậu ấy rõ ràng và minh bạch, và cậu ấy không có vẻ gì là say rượu. “Nó thật đẹp,” cô nói chung chung.

Cậu đặt một tay lên vai cô. Cô ghét bị đụng vào nhưng cố giữ bình tĩnh, bởi vì đàn ông dễ bị xúc phạm. “Hãy nói điều gì đó với tôi,” cậu nói, hạ thấp giọng như thật gần gũi. “Cô chờ đợi gì nơi người chồng?”

Mong rằng cậu ấy không ngỏ lời kết hôn với tôi, cô u sầu nghĩ. Cô đưa ra câu trả lời như mọi khi: “Tôi không cần chồng – em trai tôi đã đủ phức tạp rồi.”

“Nhưng cô cần tình yêu,” cậu nói.

Cô thầm rên rĩ.

Cô đang định trả lời thì cậu giơ tay ngăn cô lại – một thái độ của đàn ông mà cô cho là điên rồ. “Đừng nói với tôi là cô không cần tình yêu,” cậu nói. “Mọi người đều cần tình yêu.”

Cô nhìn thẳng vào cậu. Cô biết cô là thành phần đặc biệt: hầu hết phụ nữ đều ham thích kết hôn; và nếu họ vẫn còn độc thân, như cô chẳng hạn, ở lứa tuổi hai mươi hai, họ còn ham muốn hơn, họ tuyệt vọng. Điều gì khác nơi tôi? Cô nghĩ. Alfred còn trẻ, khỏe mạnh và thành công: một nửa phụ nữ ở Kingsbridge muốn lấy cậu. Trong một khoảnh khắc cô định đùa giỡn nói có. Nhưng khi nghĩ về đời sống thực tế với Alfred, cùng ăn với cậu mỗi tối và đi nhà thờ với cậu và sinh con với cậu, cô thấy kinh khủng. Thà rằng cô cô đơn. Cô lắc đầu. “Hãy quên đi, Alfred,” cô nói dứt khoát. “Tôi không cần một người chồng, vì tình yêu hay vì chuyện gì khác.”

Cậu không chùn bước. “Anh yêu em, Aliena,” cậu nói. “Làm việc với em, anh thật sự hạnh phúc. Anh cần em. Em có muốn làm vợ anh không?”

Cậu ấy đã nói ra. Cô rất tiếc, bởi vì cô sẽ phải từ chối cậu ấy một cách chính thức. Cô đã học rằng trong vấn đề này không nên cố gắng dịu dàng, bởi vì họ nghĩ một lời từ chối tử tế là dấu hiệu của do dự, và họ sẽ ép thêm. “Không, tôi không muốn,” cô nói. “Tôi không yêu anh và không thích làm việc với anh, và ngay cả nếu anh là người đàn ông duy nhất trên cõi đời này, tôi cũng không lấy anh.”

Cậu bị tổn thương. Có lẽ cậu nghĩ cơ hội của cậu rất lớn. Aliena nghĩ cô đã không làm điều gì đó để khuyến khích cậu. Cô đã đối xử với cậu như một đối tác bình đẳng, lắng nghe cậu khi cậu nói, nói với cậu thẳng thắn và trực tiếp, làm tròn trách nhiệm của mình và chờ đợi cậu hoàn thành trách nhiệm của cậu. Nhưng một số người cho rằng đó là sự khuyến khích để tiến tới. “Làm sao em có thể nói những lời đó?” Cậu lắp bắp.

Cô thở dài. Cậu bị tổn thương và cô cảm thấy tiếc cho cậu; nhưng vào lúc nào đó cậu sẽ nổi giận và hành động như thể cô đã sỉ nhục cậu; rồi sau đó cậu sẽ tự thuyết phục mình rằng cô đã vô cớ xúc phạm cậu, và cậu sẽ trở thành hiếu chiến. Không phải tất cả những người cầu hôn bị từ chối đều hành xử như thế, nhưng một mẫu người nào đó, và Alfred thuộc mẫu người đó. Cô phải đi ra ngay.

Cô đứng lên. “Tôi tôn trọng lời cầu hôn của anh, và tôi cảm ơn anh vì niềm vinh dự anh đã dành cho tôi,” cô nói. “Làm ơn tôn trọng lời từ chối của tôi, và đừng bao giờ hỏi tôi nữa.”

“Tôi cho rằng cô chạy đi gặp thẳng ranh con, em ghẻ của tôi,” cậu thô bỉ nói. “Tôi không tưởng tượng được cậu ấy cho cô đi chơi nhiều.”

Aliena đỏ mặt bối rối. Thế là dân chúng đã bắt đầu để ý đến tình bạn của cô với Jack. Họ đã nói cho Alfred để đưa ra một giải thích thô tục về nó. Vâng, cô phải đi ra gặp Jack, và cô không để Alfred ngăn cô lại. Cô cúi xuống và đẩy mặt cô vào mặt cậu. Cậu giật mình. Bình tĩnh và thận trọng cô nói: “Xuống - hỏa - ngục.” Rồi cô quay lại và đi ra.

Tu viện trưởng Philip thiết lập tòa án mỗi tháng một lần trong nhà nguyện dưới hầm. Ngày trước chỉ có mỗi năm một lần. Nhưng khi dân số tăng lên gấp ba, phạm pháp đã tăng lên gấp mười.

Bản chất tội phạm cũng đã thay đổi. Trước đây, hầu hết các tội phạm liên quan đến đất đai, hợp đồng canh tác hay gia cầm: một nông dân tham lam lén lút di chuyển các cột mốc ở cánh đồng để lấn chiếm thêm đất của hàng xóm; một lao công ăn cắp bao ngô của một góa phụ mà ông làm công cho; một phụ nữ nghèo đông con vắt trộm sữa bò của hàng xóm. Ngày nay các tội phạm liên quan đến tiền bạc, Philip nghĩ, khi ông ngồi trong tòa án vào ngày đầu tháng mười hai: người học nghề ăn cắp tiền của chủ, ông chồng lấy tiền tiết kiệm của mẹ vợ, thương gia đúc tiền giả, phụ nữ giàu có ăn quỵt tiền lương của người phục vụ chất phác, những người không biết đếm tiền lương hàng tuần của họ. Năm năm trước đây không có những tội phạm này ở Kingsbridge, vì khi đó không có nhiều tiền mặt.

Philip giải quyết hầu hết các hành vi tội phạm bằng cách phạt tiền. Ông cũng có quyền cho tra tấn, nhốt trong cùm hay bỏ tù trong hầm dưới nhà ngục của các tu sĩ, nhưng những hình phạt này rất hiếm, chỉ dành cho tội phạm về bạo lực. Ông có quyền cho treo cổ kẻ trộm cướp, và tu viện có một giá treo cổ bằng gỗ chắc; nhưng ông chẳng bao giờ sử dụng nó, chưa bao giờ, và ông ấp ủ một niềm hy vọng bí ẩn là sẽ không bao giờ dùng đến. Hầu hết những tội phạm nghiêm trọng – giết người, giết thú vật trong rừng của vua và cướp đường – được xử ở tòa án của nhà vua ở Shiring, do cảnh sát trưởng chủ trì và cảnh sát trưởng Eustace đã treo cổ đủ rồi.

Hôm nay Philip phải xử lý bảy vụ xay lúa không có phép. Ông để đến lúc cuối và xử họ chung với nhau. Bởi vì Kingsbridge cần hai nhà máy xay,

nên tu viện mới xây một nhà máy xay bằng nước mới, làm việc xong xong với chiếc cũ. Nhưng nhà máy mới phải cần thu nhập để chi phí, có nghĩa là mọi người phải đem hạt đến tu viện. Nói một cách nghiêm chỉnh, luật này đã có từ lâu, giống như mọi vùng trong nước: các nông dân không được phép xay hạt ở nhà; họ phải trả tiền cho chủ để chủ xay cho họ. Trong thời gian gần đây, khi thị trấn phát triển và nhà máy xay cũ bị hỏng thường xuyên, Philip đã làm ngơ trước một số máy xay bất hợp pháp, nhưng bây giờ ông phải kiểm soát nó.

Ông có tên của người phạm luật trên một bảng đá, và ông đọc tên họ lên, từng người một, bắt đầu với người giàu có nhất. “Richard Longacre, thầy Francis nói ông có một máy đá xay lớn do hai nhân viên phụ trách.” Francis chịu trách nhiệm về nhà máy xay của tu viện.

Một tiểu điền chủ trông giàu có bước ra phía trước. “Vâng, thưa tu viện trưởng, nhưng tôi sẽ phá bỏ nó bây giờ.”

“Trả sáu mươi xu. Enid Brewster, bà có một máy xay tay ở nhà máy bia của bà. Eric Enidson đã bị bắt gặp trong lúc đang xay nó, nên ông ấy cũng bị buộc tội.”

“Vâng, thưa ngài,” Enid, một phụ nữ mặt đỏ với đôi vai mạnh mẽ, nói.

“Và bây giờ bà để máy xay ở đâu?” Philip hỏi.

“Tôi đã ném nó xuống sông, thưa ngài.”

Philip không tin bà, nhưng ông không thể làm gì được. “Trả hai mươi bốn xu, và mười hai xu cho con bà. Walter Tanner?”

Philip đi hết danh sách, phạt tiền họ tùy theo mức độ hoạt động phạm pháp của họ, cho đến người cuối cùng và nghèo nhất. “Widow Goda?”

Một bà già, da mặt nhăn nhúm, trong bộ quần áo màu đen đã bạc màu bước ra phía trước.

“Thầy Francis thấy bà nghiền hạt bằng một viên đá.”

“Tôi không có xu nào để trả cho nhà máy xay, thưa ngài,” bà bực dọc nói.

“Nhưng bà đã có một xu để mua hạt,” Philip nói. “Bà sẽ bị phạt giống như những người khác.”

“Ông muốn để tôi chết đói sao?” bà ngang ngược nói. Philip thở dài. Ông ước muốn thầy Francis đã làm ngơ không để ý đến bà ta phạm luật. “Người sau cùng chết đói ở Kingsbridge là khi nào?” ông nói. Ông nhìn vòng quanh những người đang hiện diện. “Có ai nhớ người chết đói sau cùng ở thị trấn chúng ta là khi nào không?” Ông ngừng lại, như chờ đợi một câu trả lời, rồi nói: “Tôi nghĩ nó phải xảy ra trước khi tôi có mặt.”

Goda nói: “Dick Shorthouse chết mùa đông năm trước.”

Philip nhớ người đàn ông đó, một người ăn xin ngủ trong chuồng ngựa. “Dick ngã xuống đường vì say rượu giữa đêm và chết cóng vì trời tuyết,” ông nói. “Ông ta không chết đói, và nếu ông ta đủ tỉnh táo đi đến tu viện, ông ta cũng không phải chết lạnh. Đừng lừa tôi, nếu bà đói hãy đến với tôi để nhận sự giúp đỡ. Và nếu bà quá kiêu căng, thay vì làm chuyện đó bà lại phạm luật thì bà sẽ bị phạt giống như những người khác. Bà có nghe không?”

“Vâng, thưa ngài,” người đàn bà hờn dỗi nói.

“Hãy trả một phần bốn xu,” Philip nói. “Tòa án kết thúc.”

Ông đứng dậy, đi ra, và lên cầu thang dẫn từ nhà nguyện hầm lên mặt đất.

Công việc xây dựng nhà thờ chính tòa đã chậm lại đáng kể, như luôn luôn xảy ra trước lễ Giáng Sinh. Các góc cạnh và đỉnh các công trình đã được bao phủ bằng rơm và phân – phân từ chuồng ngựa của tu viện – để tránh cho phần mới xây bị đóng băng. Công việc xây dựng không thể tiếp tục trong mùa đông, vì đóng băng, họ nói như vậy. Philip đã hỏi tại sao họ không dỡ sự bao phủ vào buổi sáng và đóng lại vào buổi tối, vì nó ít khi bị đóng băng vào ban ngày. Tom nói rằng bức tường xây vào mùa đông sẽ vị đổ. Philip tin điều đó nhưng ông không nghĩ vì bị đóng băng. Ông nghĩ lý do chính là vì vừa cần nhiều tháng để khô lại, vì thế thời gian nghỉ mùa đông cho phép nó thật sự cứng lại để năm sau các thợ xây có thể tiếp tục xây lên trên nó. Điều đó cũng giải thích sự mê tín dị đoan của các thợ xây, những người cho rằng nó sẽ không may mắn nếu xây cao hơn hai mươi dặm trong một năm: khi xây cao hơn vào lúc vừa chưa cứng đủ, những hàng bên dưới sẽ bị chuyển dịch vì sức nặng trên nó.

Philip ngạc nhiên vì các thợ xây tụ tập ngoài trời, chính nơi gian cung thánh của nhà thờ tương lai. Ông đến xem họ làm gì.

Họ đã làm một mái vòm bằng gỗ hình bán nguyệt, đặt thẳng đứng, hai bên dựa trên các cây cột. Philip biết mái vòm bằng gỗ là một cái mà họ gọi là khung: mục đích của nó là để đỡ mái gỗ trong khi nó được xây. Tuy nhiên, bây giờ, các thợ xây lắp ráp mái đá trên mặt đất, không có vữa, để bảo đảm các viên đá sẽ phù hợp với nhau một cách hoàn hảo. Người học nghề và lao công nâng đá lên khung, trong khi các thợ xây nhìn chăm chú.

Philip bắt gặp ánh mắt của Tom và nói: “Cái này dùng cho việc gì?”

“Nó là mái vòm cho hành lang phía trên.”

Theo phản xạ, Philip trầm ngâm nhìn lên. Đường mái vòm đã xong vào năm trước và đường hành lang phía trên sẽ hoàn thành vào năm sau. Như vậy chỉ còn tầng có cửa sổ phía trên nơi gian giữa, trước khi mái được lợp. Bây giờ các bức tường đã được che đậy trong mùa đông, các thợ xây cắt đá sẵn cho công việc vào năm sau. Nếu mái vòm này đúng, các viên đá khác sẽ được cắt theo cùng khuôn mẫu này.

Người học nghề, trong đó có Jack, con ghê của Tom, chèn dưới mái vòm bằng những viên đá nằm ở các phía. Mặc dù sau này nó sẽ được xây cao trong nhà thờ, các đường gờ của nó được trang trí công phu; vì thế mỗi viên đá được khắc đường hình chóp rộng, đường vòng tròn nhỏ hơn và ở đầu hàng trang trí bằng đường tròn cuộn. Khi các viên đá được xếp vào với nhau, các đường khắc thẳng hàng với nhau, tạo thành ba vòng cung liên tục, một hình chóp, một đường tròn và một vòng tròn cuộn. Nó cho ấn tượng rằng mái vòm được kiến trúc bằng nhiều mái hình bán nguyệt chồng lên nhau, nhưng trong thực tế nó được làm từ những cái nằm được đặt bên cạnh nhau. Tuy nhiên các viên đá phải phù hợp với nhau một cách chính xác, nếu không các đường khắc sẽ không thẳng hàng và không tạo nên được ảo ảnh.

Philip chăm chú quan sát Jack đặt viên đá chính vào giữa. Bây giờ mái vòm đã hoàn thành. Bốn thợ xây cầm búa tạ đập các nêm chống đỡ khung gỗ đi. Thật căng thẳng, khung gỗ rơi xuống. Nhưng mặc dù không có vữa ở

giữa các viên đá, mái vòm vẫn đứng nguyên. Thợ xây Tom lăm bắm hài lòng.

Một người kéo tay áo Philip. Ông quay lại và thấy một tu sĩ trẻ. “Cha có khách, thưa cha. Ông ấy đang đợi trong nhà cha.”

“Cảm ơn con.” Philip rời các thợ xây. Khi các tu sĩ để cho khách đợi trong nhà của tu viện trưởng, nó có nghĩa là người khách đó phải quan trọng lắm. Ông đi qua sân về nhà.

Người khách là em ông, Francis. Philip nồng nhiệt ôm em. Francis có vẻ lo lắng. “Có ai cho em ăn gì chưa?” Philip nói. “Em trông có vẻ mệt mỏi.”

“Họ đã cho em bánh mì và thịt, cảm ơn anh. Cả mùa thu vừa qua em đã đi đi lại lại giữa Bistol và Rochester. Vua Stephen đã bị giam giữ ở Bristol và lãnh chúa Robert ở Rochester.”

“Em nói là đã bị giam giữ.”

Francis gật đầu. “Em đã đàm phán một cuộc trao đổi giữa Stephen và Robert. Nó đã được thực hiện vào ngày lễ các Thánh. Vua Stephen bây giờ về lại Winchester.”

Philip ngạc nhiên. “Đối với anh, dường như nữ hoàng Maud đã có một cuộc trao đổi thua thiệt - đổi một vị vua để lấy một lãnh chúa.”

Francis lắc đầu. “Bà ấy vô dụng nếu không có Robert. Không ai ưa bà, không ai tin tưởng bà. Không còn ai ủng hộ bà. Hoàng hậu Matilda quá thông minh. Bà ấy chỉ trao đổi Robert với Stephen. Bà ta đã cương quyết và đã đạt được điều bà ấy muốn.”

Philip đi đến cửa sổ và nhìn ra ngoài. Trời bắt đầu mưa, một cơn mưa lạnh thối qua công trường xây dựng, làm mờ bức tường cao của nhà thờ và rơi xuống mái nhà tranh của các thợ thủ công. “Điều đó có ý nghĩa gì?” ông nói.

“Nó có nghĩa là Maud một lần nữa chỉ là người muốn lên ngôi. Sau cùng, Stephen đã thực sự được tấn phong, trong khi Maud sẽ chẳng bao giờ được, hoàn toàn không.”

“Nhưng Maud là người cho anh giấy phép mở chợ.”

“Vâng, đó có thể là vấn đề.”

“Giấy phép của anh không hợp lệ sao?”

“Không phải vậy. Nó được cấp bởi một người cai trị hợp pháp, người đã được giáo hội công nhận. Sự kiện bà không được phong vương không gây ảnh hưởng gì. Nhưng Stephen có thể rút lại giấy phép.”

“Ngôi chợ chi phí cho việc mua đá,” Philip lo lắng nói. “Anh không thể xây dựng nếu không có chợ. Thực sự nó là một tin xấu.”

“Em xin lỗi.”

“Thế còn một trăm bảng Anh của anh?”

Francis nhún vai. “Stephen sẽ bảo anh lấy lại từ Maud.”

Philip đau khổ. “Tất cả số tiền đó,” ông nói. “Đó là tiền của Thiên Chúa, và anh mất nó.”

“Anh chưa mất nó,” Francis nói. “Stephen không thu hồi giấy phép của anh. Ông ấy chẳng bao giờ quan tâm đến chợ búa.”

“Bá tước William có thể gây áp lực trên ông ấy.”

“William đã thay đổi đồng minh, anh nhớ không? Cậu ấy đã gắn liền với Maud. Cậu ấy không còn ảnh hưởng nhiều trên Stephen nữa.”

“Anh hy vọng em đúng,” Philip hăng hái nói. “Thật sự anh hy vọng em đúng.”

Khi trời quá lạnh để còn có thể ngồi trong rừng, Aliena thường đến nhà thợ xây Tom vào buổi tối. Alfred thường ở quán bia, vì thế gia đình chỉ còn có Tom, Ellen, Jack và Martha. Bây giờ công việc của Tom trôi chảy, nên Tom có một bộ ghế ngồi thoải mái, một lò sưởi cháy đỏ và rất nhiều nến. Ellen và Aliena sẽ dệt vải. Tom vẽ dự án và sơ đồ, khắc bản vẽ bằng một hòn đá nhọn trên phiến đá đánh bóng. Jack làm ra vẻ như cậu đang làm cho cậu một thắt lưng, hay mài dao, hay đan giỏ, mặc dù cả thời gian cậu lén lút nhìn khuôn mặt Aliena trong ánh nến, ngắm đôi môi cô chuyển động khi cô nói, hay nghiên cứu chiếc cổ trắng khi cô uống một ly bia. Họ cười nhiều trong mùa đông năm ấy. Jack thích làm Aliena cười. Một cách chung chung, cô rất kiềm chế và dè dặt, vì thế cậu vui khi thấy cô thoải mái, giống như là thoáng thấy sự trần truồng của cô. Cậu luôn nghĩ về những gì có thể nói để làm cho cô vui. Cậu nhại lại các thợ thủ công trên công trường xây dựng, bắt chước giọng của một thợ xây người Paris hay cách đi vòng kiềng của thợ rèn. Một lần cậu miêu tả hài hước về đời sống các tu sĩ, cho mỗi

người một tội tương xứng – sự kiêu hãnh cho Remigius, sự ham mê ăn uống cho Benard Kitchener, rượu chè cho thầy phụ trách nhà khách, và ham muốn cho Piere Circuitor. Martha cười không ngừng và ngay cả Tom lầm lì cũng bật cười.

Vào một buổi tối như thế, Aliena nói: “Tôi không biết tôi có thể bán tất cả vải này không.”

Họ hơi sửng sốt. Ellen nói: “Vậy tại sao chúng ta dệt nó?”

“Tôi không bỏ hy vọng,” Aliena nói. “Tôi vừa có một vấn đề.”

Tom nhìn lên từ phiến đá. “Tôi nghĩ tu viện sẽ mua tất cả.”

“Đó không phải là vấn đề. Tôi không tìm được người hồ vải, và tu viện không muốn mua vải chưa hồ - những người khác cũng vậy.”

Ellen nói: “Hồ vải là công việc khó nhọc. Tôi không ngạc nhiên là không ai muốn làm nó.”

“Cô không tìm được các đàn ông làm việc đó sao?” Tom đề nghị.

“Không tìm được ở Kingsbridge thịnh vượng này. Tất cả đàn ông có đủ việc để làm. Trong thành phố lớn có những thợ hồ chuyên nghiệp, nhưng hầu hết họ làm việc cho thợ dệt, và họ bị cấm không được làm việc cho người cạnh tranh với chủ họ. Ngoài ra sự chuyên chở đến Winchester và trở về cũng quá mắc.”

“Nó thật sự là một vấn đề,” Tom nhận ra, và ông lại tập trung vào việc vẽ của ông.

Jack có một ý tưởng. “Đáng tiếc, chúng ta không thể dùng bò để làm chuyện đó.”

Những người khác cười. Tom nói: “Cũng giống như con cố gắng dạy bò xây nhà thờ.”

“Hay một máy xay,” Jack cứng đầu. “Đó thường là cách dễ dàng để làm những việc nặng nhọc.”

“Cô ấy muốn hồ vải, không phải nghiền vải,” Tom nói.

Jack không lắng nghe. “Chúng ta dùng thiết bị nâng và bánh xe cuốn để nâng phiến đá lên giàn giáo cao.”

Aliena nói: “Ô, nếu có một vài máy móc khéo léo để hồ vải, nó sẽ thật tuyệt vời.”

Jack nghĩ chắc cô sẽ hài lòng lắm nếu cậu có thể giải quyết được vấn đề này cho cô. Cậu quyết định sẽ tìm một giải pháp.

Tom trầm tư nói: “Tôi đã nghe nói về một máy xay bằng nước dùng để làm việc trong một ống thổi của lò rèn – nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy nó.”

“Thật ư?” Jack nói. “Đó sẽ là một chứng minh.”

Tom nói: “Một bánh xe máy xay đi vòng vòng, và hòn đá mài đi vòng vòng, vì thế cái này có thể kéo theo cái khác; nhưng một cây gậy của thợ hồ đi lên và đi xuống. Con không thể làm một bánh xe tròn kéo một cây gậy đi lên đi xuống.”

“Nhưng một ống thổi đi lên đi xuống.”

“Đúng, đúng; nhưng dượng chưa bao giờ nhìn thấy lò rèn, dượng chỉ nghe nói về nó.”

Jack cố gắng hình dung ra thiết bị máy móc của nhà máy xay. Sức mạnh của nước đẩy bánh xe đi vòng vòng. Các trục của bánh xe nối với bánh xe khác trong nhà máy xay. Bánh xe đứng thẳng bên trong có răng và các răng này phối hợp với các răng của bánh xe nằm ngang phía dưới. Bánh xe nằm ngang quay hòn đá mài. “Một bánh xe đứng thẳng có thể đẩy một bánh xe nằm ngang,” Jack lẩm bẩm, suy nghĩ thành lời.

Martha cười. “Jack, ngưng lại! Nếu máy xay có thể hồ vãi, những người thông minh đã nghĩ về nó lâu rồi.”

Jack làm ngơ cô. “Cây gậy của thợ hồ có thể cố định với trục của bánh xe máy xay,” cậu nói. “Vãi có thể được đặt phẳng, nơi cây gậy đập xuống.”

Tom nói: “Nhưng cây gậy sẽ đập một lần, rồi sẽ đứng lại; và bánh xe sẽ ngưng. Dượng đã nói với con – bánh xe đi vòng vòng, nhưng cây gậy đi lên đi xuống.”

“Phải có cách,” Jack cứng đầu nói.

“Không có cách nào,” Tom dứt khoát nói, bằng giọng ông thường dùng để chấm dứt một câu chuyện.

“Con chắc là có,” Jack lẩm bẩm chống đối; và Tom giả vờ như không nghe thấy.

Vào ngày chủ nhật sau đó, Jack biến mất.

Buổi sáng hôm đó cậu đi nhà thờ, và ăn trưa ở nhà như thường, nhưng cậu không có mặt trong bữa ăn tối. Khi Ellen đến tìm Jack, Aliena đang ở trong bếp và nấu nồi súp với bắp cải, thịt hun khói và hạt tiêu.

“Tôi không thấy cậu ấy từ sau thánh lễ,” Aliena nói.

“Cậu ấy biến mất sau bữa ăn trưa,” Ellen nói. “Tôi tưởng cậu ấy đi với cô.”

Aliena cảm thấy một chút xấu hổ vì Ellen giả định chuyện này như là chuyện đương nhiên. “Bà có lo không?”

Ellen nhún vai. “Một người mẹ luôn luôn lo lắng.”

“Cậu ấy có cãi nhau với Alfred không?” Aliena lo lắng hỏi.

“Tôi hỏi Alfred như thế và cậu ấy nói không.” Ellen thở dài. “Tôi không nghĩ cậu ấy gặp sự gì nguy hiểm. Trước đây cậu ấy đã biến mất như thế và tôi dám khẳng định rằng cậu ấy sẽ lập lại điều đó. Tôi chẳng bao giờ dạy cậu phải giữ giờ.”

Sau đó, vào buổi tối trước khi đi ngủ, Aliena đến nhà Tom để xem Jack đã về chưa. Cậu chưa về. Cô đi ngủ trong lo lắng. Richard ở Winchester, vì thế cô ở nhà một mình. Cô cứ nghĩ Jack có thể rơi xuống sông và chết đuối hoặc gặp một tai nạn nào đó. Nó sẽ khủng khiếp làm sao đối với Ellen: bà chỉ có cậu là con duy nhất. Nước mắt cô chảy ra khi cô tưởng tượng nỗi đau của Ellen vì mất Jack. Thật ngu ngốc, cô nghĩ: tôi khóc cho nỗi đau của một người khác về một chuyện mà nó không xảy ra. Cô cố bình tĩnh và nghĩ về chuyện khác. Vải thặng dư là vấn đề lớn của cô. Thông thường cô có thể lo nghĩ về chuyện làm ăn cả nửa đêm, nhưng tối nay tâm trí cô lại nghĩ về Jack. Và nếu cậu bị gãy chân và nằm trong rừng, không có thể di chuyển được thì sao?

Cuối cùng cô đi vào giấc ngủ bồn chồn. Cô thức dậy khi trời vừa sáng và vẫn cảm thấy mệt. Cô mặc thêm áo khoác nặng bên ngoài áo ngủ, xỏ giày lông rồi đi ra ngoài tìm Jack.

Cậu không ở trong vườn sau quán bia, nơi các người đàn ông say rượu hay ngủ thiếp đi và được thoát khỏi chết lạnh nhờ đồng phân hơi thúì. Cô đi về hướng cây cầu và lo âu đi dọc theo bờ sông đến một khúc quanh, nơi rác rưởi tụ lại. Một gia đình vịt tìm thức ăn giữa đám mảnh gỗ vụn, giày cũ,

dao rỉ sét và xương thịt thối rữa bên bờ sông. Jack không có ở đó, thật may mắn!

Cô đi ngược lại lên đồi, vào trong khu tu viện, nơi các thợ xây nhà thờ đã bắt đầu ngày làm việc của họ. Cô gặp Tom trong nhà kho. “Jack đã về chưa?” cô hỏi trong hy vọng.

Tom lắc đầu. “Chưa.”

Khi cô đi ra ngoài, người thợ mộc chính đến gần, mặt đầy lo lắng. “Tất cả búa của chúng tôi đã bị mất,” ông nói với Tom.

“Thật kỳ lạ,” Tom nói. “Tôi cũng đi tìm búa và không tìm thấy cái nào.”

Rồi Alfred thò đầu vào cửa và nói: “Tất cả gối lót của thợ xây ở đâu?”

Tom gãi đầu. “Dường như mọi chiếc búa ở công trường xây dựng đã biến mất,” ông nói bằng giọng bối rối. Rồi nét mặt ông thay đổi, và ông nói: “Cậu Jack chắc chắn đứng sau chuyện này, tôi cam đoan như thế.”

Dĩ nhiên, Aliena nghĩ. Búa. Hồ vải. Nhà máy xay.

Không nói những gì cô đang nghĩ, cô rời nhà kho của Tom và vội vã đi qua sân tu viện, ngang qua nhà bếp, tới góc tây nam, nơi một con kênh tách khỏi dòng sông và đẩy hai máy xay, một cái cũ và một cái mới khác. Như cô dự đoán, bánh xe của nhà máy cũ đang quay. Cô đi vào trong.

Những gì cô nhìn thấy vừa làm cô bối rối, vừa làm cô sợ hãi: Một hàng búa được dính chặt vào một thanh ngang. Rõ ràng các búa tự nâng đầu lên - giống như con ngựa nhìn lên tìm máng cỏ. Rồi tất cả chúng cùng nhau đi xuống và đập cùng lúc tạo nên một tiếng ầm mạnh làm tim cô ngừng đập. Cô kêu lên vì kinh hoàng. Các búa lại nâng đầu lên, như thể nó đã nghe thấy tiếng cô kêu, rồi lại đập xuống. Chúng đang đập một dải vải len thô của cô nằm trong nước khoảng một hai phân, trong một cái máng dùng để trộn vữa trong công trình xây dựng. Những cây búa đang đập vải, cô nhận ra, và cô bối rối, mặc dù mặt cô vẫn còn kinh hoàng. Nhưng làm sao nó có thể hoạt động được? Cô nhìn thấy thanh ngang nơi các búa được dính chặt chạy xong xong với trục của bánh xe máy xay. Một thanh gỗ được cột vào với trục chạy vòng vòng giống như trục quay. Qua mỗi vòng quay, thanh gỗ đụng vào cán búa và đẩy nó xuống vì thế mà đầu búa đi lên. Khi thanh gỗ tiếp tục quay, cán búa được nhả ra. Rồi chiếc búa rơi xuống và đập lên vải

trong máng. Nó chính xác với điều mà Jack đã nói trong buổi tối hôm đó: một máy xay có thể hồ vãi.

Aliena nghe giọng cậu. “Đầu búa phải nặng để nó đập mạnh hơn.” Khi cô quay lại, cậu đứng trước mặt cô mệt mỏi, nhưng đắc thắng. “Tôi nghĩ tôi đã giải quyết được vấn đề của cô,” cậu nói và mỉm cười bền lên.

“Tôi rất vui vì anh bình an – tất cả chúng tôi đều lo cho anh!” cô nói. Không suy nghĩ, cô vòng tay ôm cậu và hôn cậu. Nó là một nụ hôn rất ngắn; nhưng rồi khi đôi môi tách ra, đôi tay cậu vòng qua eo cô, ôm cô nhẹ nhàng nhưng sát chặt vào cậu. Cô nhìn vào mắt cậu. Tất cả những gì cô có thể nghĩ là cô thật hạnh phúc vì cậu vẫn sống và không bị thương tích. Một cách trù mền cô siết chặt cậu. Bất ngờ cô ý thức về làn da của cô: cô có thể cảm nhận độ nhám áo lót bằng lụa của cô và sự mềm mại của lông trong đôi giày da, và núm vú của cô bị kích thích khi đụng vào ngực cậu.

“Cô lo lắng cho tôi?” cậu ngạc nhiên hỏi.

“Dĩ nhiên! Tôi không thể ngủ.”

Cô mỉm cười hạnh phúc. Nhưng cậu trông rất nghiêm trang, và sau một lúc tâm trạng của cậu thẳng cô, và cô cảm thấy rung chuyển lạ kỳ. Cô có thể nghe tiếng trái tim cậu đập, và tim cô đập nhanh hơn. Đàng sau cô, tiếng búa vang dội, và mỗi lần búa đập xuống, chúng lại làm cấu trúc bằng gỗ rung chuyển, và cô dường như cảm thấy sự rung động sâu thẳm trong người cô.

“Tôi không sao,” cậu nói. “Mọi chuyện ổn cả.”

“Tôi rất vui,” cô lặp lại, và nó phát ra như một lời thì thầm.

Cô thấy cậu nhắm mắt lại và cúi xuống mặt cô, và rồi cô cảm thấy môi cậu trên môi cô. Nụ hôn của cậu nhẹ nhàng. Cậu có đôi môi đầy đặn và bộ râu của lứa tuổi vị thành niên mềm mại. Cô nhắm mắt lại thụ hưởng cảm xúc. Môi cậu di chuyển trên môi cô, và tự nhiên môi cô mở ra. Miệng cô bất ngờ trở nên thật nhạy cảm để có thể cảm nhận ngay cả những đụng chạm nhỏ nhất, những chuyển động nhỏ nhất. Đầu lưỡi cậu mơn trớn bên trong môi trên của cô. Cô choáng ngợp trong hạnh phúc đến nỗi cô muốn khóc. Cô ép mình vào cậu, ghì ngực mềm mại của cô vào bộ ngực rắn chắc của cậu, cảm thấy xương hông của cậu cắm vào bụng cô. Cô không những

chỉ nhẹ nhõm vì cậu được an toàn, và vui mừng vì có cậu ở đây. Bây giờ, cô có một cảm giác mới. Sự hiện diện thể chất của cậu cho cô cảm giác ngây ngất khiến cô choáng váng. Giữ cậu trong vòng tay, cô muốn chạm vào cậu hơn, muốn cảm thấy cậu hơn, muốn gần gũi hơn. Cô xoa lưng cậu. Cô muốn cảm nhận làn da cậu, nhưng quần áo cậu ngăn cản cô. Không suy nghĩ, cô mở miệng và cho lưỡi cô vào giữa đôi môi cậu. Cậu kêu lên một tiếng nhỏ trong cổ họng, giống như tiếng rên của khoái cảm bị bóp nghẹt.

Cánh cửa nhà máy xay bung ra. Aliena rời khỏi Jack. Bất ngờ cô cảm thấy bị sốc như thể cô ngủ say và một ai đó đã đánh thức cô dậy. Cô kinh hoàng về những gì họ đã làm – hôn và cạo xát nhau như một con đỉm và một chàng say rượu trong quán bia. Cô lui lại và nhìn quanh, xấu hổ và ngượng ngịu. Hôn tất cả, kẻ đột nhập lại là Alfred. Điều đó làm cô cảm thấy tồi tệ hơn. Alfred đã ngỏ lời cầu hôn với cô cách đây ba tháng, và cô đã ngạo mạn từ chối cậu ấy. Bây giờ cậu đã nhìn thấy hành động của cô giống như con chó cái động dục. Nó giống như sự đạo đức giả. Cô đỏ mặt xấu hổ. Alfred nhìn cô chăm chăm, vẻ mặt cậu pha lẫn ham muốn và khinh bỉ, gợi cô nhớ đến William Hamleigh. Cô tức giận với chính mình vì đã cho Alfred lý do để khinh thường cô, và tức giận Jack vì cũng góp phần trong việc này.

Cô quay đi và nhìn Jack. Khi cô bắt gặp ánh mắt cậu, cậu đang bị sốc. Cô nhận ra sự tức giận của cô đang biểu hiện trong nét mặt cô, nhưng cô không làm gì khác hơn được. Biểu lộ hạnh phúc choáng váng trên mặt cậu trở thành bối rối và tổn thương. Bình thường chuyện đó đã làm nao núng cô, nhưng bây giờ cô quá thất vọng. Cô ghét cậu vì những gì cậu đã bắt cô làm. Nhanh như chớp, cô tát vào mặt cậu. Cậu không tránh, nhưng trong mắt cậu biểu lộ sự đau đớn cùng cực. Má cậu đỏ lên vì cái tát của cô. Cô không chịu nổi khi nhìn thấy nỗi đau trong mắt cậu. Cô tránh ánh mắt cậu và nhìn đi chỗ khác.

Cô không thể ở lại đây. Cô chạy ra cửa với tiếng búa đập không ngừng bên tai cô. Alfred nhanh chóng tránh sang bên, nhìn sợ hãi. Cô lao qua cậu và đi ra khỏi cửa. Thợ xây Tom cùng với nhóm thợ cũng vừa đến nơi. Mọi người đổ dồn về nhà máy xay xem chuyện gì xảy ra. Aliena vội vã đi qua

họ, không nói lời nào. Một hai người tò mò nhìn theo cô, làm cô nóng lên vì xấu hổ; nhưng họ để ý đến tiếng búa đập trong nhà máy hơn. Phần lý trí cứng rắn của Aliena nhắc nhở cô rằng Jack đã giải quyết vấn đề hồ vải của cô; nhưng ý nghĩ rằng cậu đã làm cả đêm vì cô chỉ làm cho cô cảm thấy tồi tệ hơn. Cô chạy qua chuồng ngựa, qua cổng tu viện và dọc theo các con đường; giày cô trơn trượt trên đất bùn cho đến khi cô về đến nhà.

Khi cô bước vào trong, cô gặp Richard ở đó. Cậu ngồi bên bàn trong nhà bếp với một ổ bánh và một ly bia. “Vua Stephen đang chuẩn bị tiến quân,” cậu nói. “Cuộc chiến lại bắt đầu. Em cần một con ngựa mới.”

IV

Trong ba tháng sau đó, Aliena không nói với Jack một câu nào.

Cậu đau khổ trong tâm hồn. Cô đã hôn cậu như thể cô yêu cậu, không gì có thể nhầm lẫn về điều đó. Khi cô rời nhà máy xay cậu cảm thấy chắc chắn chẳng bao lâu sau họ sẽ hôn nhau một lần nữa. Cậu luẩn quẩn trong sự mơ hồ tình ái: Aliena yêu tôi! Aliena yêu tôi! Cô đã vuốt ve lưng cậu và đưa lưỡi vào miệng cậu và ghì chặt ngực cô vào cậu. Khi cô tránh cậu, lúc đầu cậu nghĩ là vì cô xấu hổ. Cô không thể giả vờ là không yêu cậu, sau khi đã hôn cậu. Cậu đợi cho cô vượt qua được sự nhút nhát. Với sự giúp đỡ của người thợ mộc trong tu viện, cậu làm một bộ máy hồ vải chắc chắn và mạnh mẽ hơn cho nhà máy cũ, và Aliena có thể hồ vải. Cô cảm ơn cậu chân thành, nhưng giọng nói của cô lạnh lùng và mắt cô trốn mắt cậu.

Khi không phải một vài ngày mà cả nhiều tuần đã trôi qua, cậu phải thừa nhận rằng có một điều gì đó sai lầm trầm trọng. Một làn sóng thủy triều của sự tan vỡ ảo tưởng nhận chìm cậu, và cậu cảm thấy như cậu sẽ chết đuối trong sự tiếc nuối. Cậu bối rối. Trong sự khốn cùng cậu ước muốn được già hơn và có nhiều kinh nghiệm với đàn bà hơn để cậu có thể nhận định cô bình thường hay khác thường, điều này chỉ tạm thời hay kéo dài vĩnh viễn,

và cậu nên làm ngơ hay nên đối đầu với cô. Vì không chắc chắn và sợ nói ra điều gì sai làm vấn đề trầm trọng hơn, cậu không làm gì cả; và rồi cảm giác bị từ chối bắt đầu ám ảnh cậu, và cậu cảm thấy mình không có giá trị, ngu si và bất lực. Cậu nghĩ mình thật ngu ngốc khi tưởng tượng rằng một phụ nữ không với tới được, hấp dẫn nhất trong cả vùng lại có thể rơi vào tay cậu, một cậu bé. Cậu đã làm cho cô vui qua những câu truyện và tính hài hước của cậu, nhưng khi cậu hôn cô như một người đàn ông, cô đã chạy trốn. Cậu đúng là ngu khi dám hy vọng những điều xa hơn nữa!

Sau một hai tuần than thân vì sự ngu dại của mình, cậu trở nên tức giận. Cậu bực bội khi làm việc và mọi người bắt đầu đối xử với cậu thận trọng. Cậu tàn nhẫn với em gái ghê của cậu, Martha, người luôn bị đau khổ vì cậu cũng như cậu bị đau khổ vì Aliena. Vào các chiều chủ nhật, cậu lãng phí tiền lương của cậu vào việc cá cược đá gà. Tất cả niềm đam mê cậu bỏ vào trong công việc. Cậu khắc những tay đỡ, đòn chìa ra từ bức tường, những cột hỗ trợ mái vòm từ giữa tường. Các đòn chìa thường được trang trí bằng hình lá, nhưng theo vài truyền thống khác nó cũng được khắc hình một người đàn ông đang nâng mái vòm bằng hai tay hay đỡ nó trên lưng. Jack chỉ thay đổi một chút hình dáng quen thuộc, nhưng hiệu quả cho thấy hình dáng một người quằn quại vì đau khổ, bị ép buộc phải chịu đựng một trọng lượng đá kinh khủng đến muôn đời. Jack biết đó là tuyệt vời: không ai có thể khắc một nhân vật trông đau đớn hơn. Khi Tom nhìn thấy nó, ông lắc đầu, không dám quyết định liệu ông nên trầm trồ về biểu cảm của nó hay từ chối sự dán đoạn với truyền thống cũ. Philip rất phấn khởi về nó. Jack không cần quan tâm những gì họ nghĩ: Cậu cảm thấy rằng ai không thích nó, người đó bị mù.

Vào một ngày thứ hai trong mùa chay, khi mọi người cáu gắt vì họ đã không ăn thịt ba tuần rồi, Alfred đi làm với bộ mặt đặc thẳng. Ngày hôm trước cậu đã đến Shiring. Jack không biết cậu làm gì ở đó, nhưng cậu ấy tỏ vẻ hài lòng về nó. Trong giờ nghỉ giải lao giữa buổi sáng, khi Enid Brewster đem một thùng bia vào giữa gian cung thánh và bán cho các thợ xây, Alfred đưa ra một xu và gọi: “Ê, Jack Tomson, lấy cho tôi một số bia.”

Cậu ta bắt đầu nói về bố tôi, Jack nghĩ. Cậu làm ngơ.

Một người thợ mộc già được gọi là Peter nói: “Mày nên làm những gì được sai, thằng bé chưa thạo nghề này.” Một người học nghề luôn phải vâng lời người thợ thủ công chính.

“Tôi không phải là con của Tom,” Jack nói. “Tom là bố dượng của tôi và Alfred biết điều đó.”

“Hãy làm những gì cậu ấy nói,” Peter nói bằng giọng chấp nhận được.

Bất đắc dĩ Jack lấy tiền của Alfred và đứng xếp hàng. “Tên bố tôi là Jack Shareburg,” cậu nói to. “Các ông có thể kêu tôi là Jack Jackson để phân biệt với Jack Blacksmith, nếu các ông muốn.”

Alfred nói: “Đúng hơn nên gọi Jack con hoang.”

Jack nói chung chung cho mọi người nghe: “Các bạn có bao giờ thắc mắc tại sao Alfred chẳng bao giờ cột dây giày không?” Tất cả mọi người nhìn vào chân Alfred. Thật vậy, đôi giày nặng, đầy bùn của cậu không cột dây. “Đó là để cậu ấy có thể dùng ngón chân của mình một cách nhanh chóng – trong trường hợp cậu ta phải đếm trên mười.” Các thợ thủ công mỉm cười và các người học nghề cười như nắc nẻ. Jack đưa đồng xu của Alfred cho Enid và lấy một bình bia. Cậu đem đến cho Alfred và đưa nó cho cậu ấy với một cái cúi mình điều cốt. Alfred khó chịu, nhưng không tức lắm; cậu ấy vẫn còn một cái gì đó trong tay áo. Jack đi khỏi và uống bia với những người học nghề khác, hy vọng Alfred sẽ buông tha cậu.

Nhưng không phải vậy. Một lát sau Alfred theo cậu và nói: “Nếu Jack Shreburg là bố tôi, tôi sẽ không nói cho ai biết ông ấy là bố tôi. Mày không biết ông ấy là ai sao?”

“Ông ấy là người hát rong,” Jack nói. Cậu cố ra vẻ tự tin nhưng cậu sợ những gì Alfred đang định nói. “Tôi không cho rằng anh biết người hát rong là gì?”

“Ông ấy là một kẻ ăn cắp,” Alfred nói.

“Ồ, im đi, tên đàn độn.” Jack quay đi và uống bia, nhưng cậu không thể nuốt được. Alfred có lý do để nói như thế.

„Mày có biết ông ấy chết như thế nào không?“ Alfred cứng đầu tiếp tục.

Jack nghĩ, đó là điều mà cậu ấy đã biết được ngày hôm qua ở Shiring, đó là tại sao hôm nay cậu ấy có một nụ cười ngu ngốc. Cậu quay lại và bất đắc

dĩ phải đối mặt với Alfred. „Không, tôi không biết bố tôi chết ra sao, Alfred, nhưng tôi nghĩ anh định nói với tôi chuyện đó.“

„Ông bị treo cổ, như nó dành cho những tên trộm ghê gớm.“

Không kiềm chế nổi, cậu phát ra một tiếng kêu đau đớn. Bằng trực giác cậu biết điều đó đúng. Alfred tỏ ra hoàn toàn chắc chắn nên cậu ấy không bịa đặt chuyện này. Và trong nháy mắt Jack hiểu tại sao mẹ cậu lại yên lặng. Trong nhiều năm qua cậu đã sợ một cái gì đó giống như thế. Cả thời gian qua cậu đã giả vờ là mọi chuyện đều tốt đẹp, rằng cậu không phải là một đứa con hoang, rằng cậu thực sự có bố với một tên gọi. Nhưng thực tế cậu luôn luôn lo sợ có một điều gì đó ô nhục về bố cậu, về những lời chế nhạo là đúng, về một điều gì đó đáng xấu hổ mà ông đã làm. Cậu mất tinh thần: sự từ chối của Aliena đã để lại cho cậu cảm xúc cậu không có giá trị và nhỏ bé. Bây giờ sự thật về bố như tát vào mặt cậu.

Alfred đứng mỉm cười, hài lòng với chính mình vì kết quả của điều cậu tiết lộ ra. Biểu lộ của cậu làm Jack điên tiết. Đối với Jack việc bố cậu bị treo cổ đã là quá xấu. Alfred lại còn cười vui vẻ về nó làm cậu không thể chịu đựng được. Không suy nghĩ, Jack hất ly bia vào khuôn mặt cười toe toét của Alfred.

Những người học nghề khác, những người đang theo dõi hai anh em ghé và khoái trá về cuộc cãi lộn, vội vã lùi lại một hai bước. Alfred lau bia khỏi mắt cậu, gầm lên vì giận dữ, và đấm mạnh, một phản ứng quá nhanh đối với một người to lớn như cậu. Cú đấm đâm thẳng vào má Jack, quá mạnh đến nỗi cậu không cảm thấy đau nhưng thấy tê tái. Trước khi cậu có thể phản ứng, một cú đấm khác của Alfred trúng bụng cậu. Cú đấm này gây ra sự đau đớn kinh khủng. Jack có cảm tưởng cậu không thể thở được nữa. Cậu khom người lại và gục xuống đất. Khi cậu ngã xuống, Alfred đá vào đầu cậu bằng mũi giày nặng, và trong khoảnh khắc cậu không thấy gì khác ngoài những vì sao.

Cậu lăn người một cách mù quáng, cố gắng đứng lên. Nhưng Alfred chưa hài lòng. Jack chưa kịp đứng lên, cậu đã bị tóm lấy. Cậu cố luồn ra. Bây giờ cậu sợ. Alfred không có lòng thương xót. Jack sẽ bị đánh như tử nếu cậu không chạy trốn. Lúc đó Alfred giữ quá chặt và Jack không thể

thoát ra được, nhưng rồi Alfred lùi lại dơ tay định đánh cú nữa, Jack lợi dụng cơ hội và thoát ra được.

Cậu phóng đi và Alfred lao theo cậu. Jack chạy tránh thùng vôi rồi kéo đổ nó xuống đường chặn đường đi của Alfred. Alfred nhảy qua chiếc thùng nhưng lại đâm đầu vào thùng nước. Khi thùng nước đổ vào đồng vôi, nó nổi bọt và rít lên. Một vài thợ xây thấy vật liệu tốn kém bị phung phí vôi và kêu lên phản đối, nhưng Alfred làm ngơ, còn Jack không thể nghĩ gì khác ngoài việc cố trốn khỏi Alfred. Cậu chạy, sự đau đớn tăng lên gấp đôi và mắt như mù vì cú đá vào đầu.

Alfred theo sát chân cậu, dơ một chân ra ngáng cậu. Jack ngã chúi xuống. Tôi sẽ chết, cậu nghĩ khi cậu lộn người; Alfred sẽ giết tôi. Cậu đến bên chiếc thang dựa vào giàn giáo của tòa nhà. Alfred nhào đến cậu. Jack cảm thấy giống như một con thỏ bị dồn vào chân tường. Cầu thang đã cứu cậu. Khi Alfred cúi mình đằng sau cầu thang, Jack chạy vòng đến phía trước và phóng mình lên thang. Cậu trèo lên các bậc thang như con chuột trèo lên máng xối.

Cậu cảm thấy cầu thang rung lên khi Alfred theo sau cậu. Thông thường cậu có thể chạy nhanh hơn Alfred, nhưng bây giờ cậu vẫn còn bàng hoàng và hụt hơi. Cậu lên đến đỉnh và lao đảo vào giàn giáo. Cậu vấp ngã vào tường. Bức tường đá mới được xây buổi sáng hôm đó và vừa vẫn còn ướt. Khi Jack lao nhanh vào nó, toàn bộ một góc tường lệch đi và ba bốn hòn đá trượt ra rơi xuống công trường. Jack nghĩ cậu sẽ cùng rơi xuống với chúng. Cậu đứng bấp bênh trên cạnh tường, và khi cậu nhìn xuống cậu thấy những tảng đá lớn lộn vòng khi nó rơi xuống tám mươi bộ và rớt vào mái lều nghi nằm sát chân tường. Cậu giữ thăng bằng và hy vọng không ai ở trong lều nghi. Alfred đã lên đến đầu cầu thang và tiến về phía cậu trên giàn giáo mỏng manh.

Alfred thở hổn hển và mặt đỏ bừng, và mắt cậu đầy thù hận. Jack không nghi ngờ gì Alfred có thể giết người trong trạng thái này. Nếu cậu ấy bắt được tôi, Jack nghĩ, cậu ấy sẽ ném tôi xuống công trường. Khi Alfred tiến lên, Jack lùi lại. Cậu bước vào cái gì đó mềm mại và nhận ra nó là một

đồng vữa. Cậu chợt có một ý tưởng, cậu nhanh nhẹn cúi xuống, lấy một nắm đầy tay và ném chính xác vào mắt Alfred.

Bị mù, Alfred ngừng lại và lắc đầu, cố gắng rũ vữa đi. Sau cùng Jack đã có cơ hội để trốn chạy. Cậu chạy tới cuối giàn giáo, dự định đi xuống, chạy ra khỏi khu tu viện, vào trốn trong rừng cho đến hết ngày. Nhưng cậu kinh hoàng, vì đầu này không có cầu thang. Cậu không thể leo xuống giàn giáo vì nó không chạm đất – nó được dựng trên các đà bắt ra từ lỗ trong tường. Cậu bị mắc kẹt.

Cậu nhìn lại. Alfred lại có thể nhìn thấy và đang tiến về phía cậu.

Còn một cách xuống khác nữa.

Ở phía đầu bức tường còn đang xây dở, nơi gian cung thánh được tiếp nối với các gian ngang, mỗi hàng đá ngăn hơn hàng dưới nửa viên đá, tạo thành một cầu thang hẹp đôi khi được các nhân công mạo hiểm dùng để đi lên giàn giáo. Sợ hãi, Jack đi dọc theo đỉnh bức tường, cẩn thận nhưng nhanh chóng, cố không nhìn xem nếu trượt chân cậu sẽ rơi xuống bao xa. Cậu đến chỗ xuống, ngừng lại trên cạnh tường và nhìn xuống. Cậu thấy chóng mặt. Cậu nhìn lại: Alfred trên bức tường đằng sau cậu. Cậu ấy trèo xuống.

Jack không hiểu tại sao Alfred lại không sợ: Cậu ta chẳng bao giờ can đảm. Sự thù hận dường như đã làm cậu ấy không còn cảm thấy nguy hiểm. Khi họ bước xuống những bậc thang chóng mặt, Alfred đã gần đuổi kịp Jack. Họ vẫn còn cách mặt đất mười hai bộ khi Jack nhận ra Alfred đã rất gần cậu. Trong tuyệt vọng cậu nhẩy xuống mái tranh nhà nghỉ của thợ mộc, rồi nhẩy xuống đất, nhưng cậu xui xẻo, khi ngã xuống mắt cá chân cậu bị trệch.

Cậu loạng choạng đứng lên. Trong thời gian cậu ngã xuống, Alfred đã có thể xuống tới đất và chạy lại phía lều. Trong một thoáng Jack đứng dựa lưng vào tường, và Alfred ngừng lại, chờ đợi xem Jack sẽ chạy đường nào. Jack đau khổ một lúc vì không quyết định được; rồi cậu bước sang một bên và đi ngược vào lều nghỉ.

Không có người thợ nào, vì họ còn tập trung ở thùng bia của Enid. Trên một ghế băng có nhiều búa, cửa và đục của thợ mộc, và các mảnh gỗ họ

đang làm dở. Ở giữa nền nhà là một phần giàn khung mới dùng để xây mái vòm; và phía sau, bên cạnh bức tường nhà thờ là một đồng lửa lớn được đốt bằng vỏ bào và những miếng gỗ dư thừa.

Không còn cách nào ra.

Jack quay lại nhìn Alfred. Cậu bị dồn vào chân tường. Trong khoảnh khắc cậu bị tê liệt vì sợ. Sau đó nỗi sợ hãi nhường chỗ cho sự tức giận. Không sao cả, nếu tôi bị giết, cậu nghĩ, nếu tôi có thể làm Alfred đổ máu trước khi tôi chết. Cậu không chờ cho đến khi Alfred đánh cậu. Cậu cúi đầu xuống và lao nhanh. Cậu quá điên không cần sử dụng đến cú đấm. Đơn giản cậu đâm thẳng đầu vào Alfred.

Đó là điều Alfred không chờ đợi. Trán của Jack đập vào miệng cậu. Jack nhỏ hơn hai hay ba inch và nhẹ hơn nhiều, nhưng tất cả sức mạnh của cậu đẩy lui Alfred. Khi Jack giữ lại được thăng bằng, cậu nhìn thấy máu trên môi Alfred, và cậu hài lòng.

Lúc đó Alfred quá bất ngờ để phản ứng. Đôi mắt Jack nhìn vào chiếc búa tạ bằng gỗ dựa vào ghế băng. Khi Alfred hồi phục lại sau cú sốc và tiến về phía Jack, Jack nâng búa tạ lên và vung nó dữ dội. Alfred né tránh. Bất ngờ Jack chiếm ưu thế. Thêm can đảm, cậu đuổi theo Alfred. Lần này cậu đặt tất cả sức lực vào cú đánh. Một lần nữa cậu lại đánh hụt; nhưng nó lại trúng cây cột đỡ mái lều của thợ mộc.

Lều nghỉ không được xây dựng kiên cố. Không ai ở đó. Chức năng duy nhất của nó là để các thợ mộc có thể làm việc khi trời mưa. Khi Jack đánh búa trúng cây cột, nó chuyển động. Các bức tường là những cành cây đan xéo không còn chỗ dựa. Mái lều cong xuống. Alfred nhìn lên sợ hãi. Jack lại dơ búa lên. Alfred lùi qua cửa. Jack lại vung búa vào cậu ấy. Alfred lùi tránh, vấp phải chông gỗ thấp, và ngồi xuống một cách nặng nề. Jack nâng búa lên cho một đòn quyết định. Cánh tay cậu bị giữ bằng một bàn tay chắc. Cậu nhìn quanh và thấy Tu viện trưởng Philip với nét mặt đăm đăm. Philip giật búa từ tay Jack.

Đằng sau tu viện trưởng, mái lều sụp xuống. Jack và Philip nhìn. Khi nó rơi xuống đồng lửa, tranh khô bắt lửa ngay và một lúc sau lửa cháy dữ dội.

Tom xuất hiện và chỉ vào ba người thợ gần ông. “Anh, anh và anh – mang thùng nước từ bên ngoài lò rèn.” Ông quay sang ba người thợ khác. “Peter, Rolf và Daniel lấy xô. Các anh, thợ học nghề, xúc đất đổ vào lửa – tất cả mọi người, nhanh lên!”

Một vài phút sau mọi người tập trung vào ngọn lửa, bỏ quên Alfred và Jack. Jack tránh lối và đứng nhìn, cảm thấy choáng váng và bất lực. Alfred đứng xa đó. Có phải tôi thực sự muốn đập đầu Alfred bằng một cái búa? Jack ngờ vực tự hỏi. Mọi chuyện dường như không có thực. Cậu vẫn ở trong tình trạng kinh hoàng tê liệt khi đất và nước đã dập tắt ngọn lửa.

Tu viện trưởng đứng nhìn đồng ngổn ngang, thở hổn hển sau những căng thẳng. “Hãy nhìn,” ông nói với Tom. “Một lều nghi đổ nát. Công việc của thợ mộc bị thiêu hủy. Một thùng vôi bị đổ đi và một phần bức tường mới xây bị phá hủy.”

Jack nhận ra rằng Tom gặp khó khăn: nhiệm vụ của ông là giữ trật tự trên công trình xây dựng và Philip đổ lỗi cho ông vì những thiệt hại. Ngoài ra thủ phạm lại là chính con của Tom làm cho tình trạng tồi tệ hơn.

Tom đặt một tay lên cánh tay Philip và nói nhẹ nhàng. “Hiệp hội sẽ đối phó chuyện đó,” ông nói.

Philip không dễ xoa dịu dễ dàng. “Tôi sẽ đối phó với nó,” ông quát. “Tôi là tu viện trưởng và tất cả các anh làm việc cho tôi.”

“Vậy hãy cho phép các thợ xây được trao đổi trước khi ông có bất cứ quyết định nào,” Tom nói bằng giọng bình tĩnh và lý lẽ. “Chúng tôi có thể đưa ra một đề nghị mà ông có thể chấp thuận. Nếu không. Ông vẫn còn tự do để làm điều ông muốn.”

Philip hầu như không muốn để cho sự đề xướng rời khỏi tầm tay, nhưng truyền thống cho Tom quyền đó: Các thợ xây tự xét xử lẫn nhau. Sau một lúc Philip nói: “Được, nhưng bất cứ điều gì các anh quyết định, tôi không muốn cả hai người con của anh cùng làm việc trên công trường này. Một trong hai người phải đi.” Vẫn còn giận, ông bỏ đi.

Tom quay lại nhìn vào Jack và Alfred, rồi quay đi vào lều rộng nhất của thợ xây.

Khi Jack theo Tom vào lều, cậu nhận ra cậu ở trong một rắc rối nghiêm trọng. Khi các thợ xây kỷ luật một người nào đó trong nhóm thường là vì say rượu trong lúc làm việc và ăn cắp vật liệu xây dựng, và hình phạt thông thường là phạt tiền. Gây lộn giữa những người học việc thường được xử bằng cách cả hai bị nhốt một ngày trong nhà kho, nhưng dĩ nhiên Alfred không phải là người học nghề, và một cách nào đó, cuộc ẩu đả thông thường không gây những thiệt hại lớn lao như thế này. Hiệp hội công nhân có thể đuổi một thành viên, hoặc giảm lương. Hiệp hội cũng có thể trừng phạt một thành viên vì ngoại tình với vợ của một thợ xây khác, mặc dù Jack chưa bao giờ nghe thấy chuyện này xảy ra. Theo lý thuyết, người học việc có thể bị đánh đập, nhưng mặc dù hình phạt này có tính cách đe dọa, Jack cũng chưa bao giờ thấy nó được áp dụng.

Các thợ xây chính đổ dồn vào căn lều gỗ, ngồi trên ghế băng và dựa lưng vào bức tường sau lưng, thực ra là tường nhà thờ. Khi mọi người đã vào trong, Tom nói: “Chủ nhân của chúng ta giận dữ và ông ta có lý. Sự việc này đã gây tổn hại lớn. Tệ hơn nữa nó còn làm mang tiếng thợ xây chúng ta. Chúng ta phải xử lý những người có lỗi một cách nghiêm trọng. Đó là cách duy nhất để lấy lại danh tiếng của chúng ta, những người thợ xây tự trọng và có tinh thần kỷ luật, những người vừa là bậc thầy về chính mình cũng như về nghề nghiệp chuyên môn.”

“Nói rất đúng,” Jack Blacksmith phát ra, và có tiếng thì thầm tán thành.

“Tôi chỉ chứng kiến phần cuối của cuộc cãi lộn,” Tom tiếp tục. “Có ai biết nó bắt đầu như thế nào không?”

“Alfred đã gây chuyện với cậu bé,” Peter Carpenter nói. Ông là người đã khuyên Jack nên vâng lời và đi lấy bia cho Alfred.

Một thợ hồ trẻ tên là Dan, người làm việc trong tổ của Alfred, nói: “Jack đã hất bia vào mặt Alfred.”

“Tuy thế, cậu bé đã bị khiêu khích,” Peter nói. “Alfred đã xúc phạm đến bổn phận của Jack.”

Tom nhìn vào Alfred. “Anh đã làm như vậy phải không?”

“Tôi nói bố cậu ấy là tên ăn cắp,” Alfred lập lại. “Điều đó đúng. Ông ta bị treo cổ ở Shiring. Cảnh sát trưởng Eustace đã kể với tôi hôm qua.”

Jack Blacksmith nói: “Thật tồi tệ, thợ cả phải giữ miệng lưỡi khi người học việc không muốn nghe những lời đó.”

Có tiếng thì thầm đồng ý. Jack thất vọng nhận ra rằng bất cứ điều gì xảy ra, cậu sẽ không thoát khỏi dễ dàng. Có lẽ tôi sẽ bị lên án là một kẻ tội phạm, giống như bố tôi, cậu nghĩ; có lẽ cuộc đời tôi cũng bị kết thúc trên giá treo cổ.

Peter Carpenter, người bảo vệ cho Jack, nói: “Tôi cho rằng nó sẽ khác đi, nếu thợ cả không cố ý chọc tức người học nghề.”

“”Dầu sao người học nghề vẫn phải bị phạt,” Jack Blacksmith nói.

“Tôi không phủ nhận điều đó,” Peter nói, “tôi chỉ nói rằng người thợ cả cũng phải bị phạt nữa. Người thợ cả phải dùng sự khôn ngoan của tuổi tác để mang lại hòa bình và hòa khí nơi làm việc. Nếu họ gây chiến, họ không chu toàn được nhiệm vụ của họ.”

Dường như có vài người đồng ý với điều đó, nhưng Dan, người ủng hộ Alfred, nói: “Đây là một nguyên tắc xấu khi tha cho người học nghề và kết án người thợ cả vì ông ấy không tốt. Như thế người học nghề sẽ không còn coi trọng người thợ cả của mình. Nếu bạn bắt đầu lập luận theo cách đó bạn sẽ kết thúc với việc thợ cả sẽ chẳng bao giờ dám nói với người học việc của mình nữa vì sợ người học việc sẽ tấn công mình một cách công khai.”

Lời phát biểu này được sự ủng hộ nồng nhiệt, làm Jack ghê tởm. Nó tỏ ra rằng uy quyền của thợ cả phải được ủng hộ, không cần để ý đến việc đúng hay sai của vấn đề. Cậu tự hỏi không biết hình phạt dành cho cậu sẽ ra sao? Cậu không có tiền để trả tiền phạt. Cậu ghét bị nhốt trong nhà kho: Aliena sẽ nghĩ gì về cậu? Nhưng nó sẽ tồi tệ hơn nếu bị đánh đập. Cậu nghĩ cậu sẽ đâm bất cứ ai đánh cậu.

Tom nói: “Chúng ta đừng quên rằng chủ của chúng ta có một lập trường mạnh mẽ về việc này. Ông nói rằng ông không muốn Alfred và Jack cùng làm việc trên công trường xây dựng. Một trong hai người phải ra đi.”

“Chúng ta có thể khuyên can ông ấy không?” Peter nói.

Tom trầm tư suy nghĩ, nhưng sau đó ông nói: “Không.”

Jack bị sốc. Cậu không coi lời cảnh cáo của Philip là quan trọng. Nhưng Tom coi trọng.

Dan nói: “Nếu một trong hai người phải ra đi, tôi nghĩ chúng ta không cần tranh luận ai phải đi.” Dan là một trong số thợ hồ làm việc cho Alfred, hơn là làm việc trực tiếp cho tu viện, và nếu Alfred phải đi Dan có lẽ cũng phải đi theo.

Một lần nữa Tom trông nghĩ ngợi, và một lần nữa ông nói: “Không, không cần tranh luận.” Ông nhìn vào Jack. “Jack phải đi.”

Jack nhận ra rằng cậu đã đánh giá thấp hậu quả của cuộc chiến. Nhưng cậu không thể tin rằng họ sẽ đuổi ông. Đời sống sẽ ra sao nếu cậu không làm việc cho nhà thờ chính tòa Kingsbridge? Kể từ khi Aliena rút lui vào vỏ ốc của mình, nhà thờ là tất cả những gì cậu quan tâm. Làm sao cậu có thể rời xa nơi ấy được?

Peter Carpenster nói: “Tu viện phải chấp nhận một thỏa hiệp. Jack có thể bị đình chỉ làm việc trong một tháng.”

Vâng, làm ơn, Jack nghĩ trong đầu.

“Quá nhẹ,” Tom nói. “Chúng ta phải tỏ thái độ dứt khoát. Tu viện trưởng Philip sẽ không chấp nhận điều gì khác.”

“Thế cũng được,” Peter thở dài nói. “Nhà thờ chính tòa này mất một thợ khắc đá trẻ tài năng mà hầu hết chúng ta đã nhìn thấy, tất cả chỉ vì Alfred không giữ được cái miệng chết tiệt của anh ấy.” Nhiều thợ hồ lên tiếng đồng ý. Được sự ủng hộ, Peter nói tiếp: “Tôi tôn trọng ông, thợ xây Tom ạ, nhiều hơn bất cứ thợ xây dựng cả nào mà tôi đã làm việc với, nhưng tôi phải nói rằng ông mù quáng khi liên quan đến đứa con bướng bỉnh Alfred của ông.”

“Xin đừng công kích cá nhân,” Tom nói. “Chúng ta nên trở lại với vấn đề.”

“Rất đúng,” Peter nói. “Tôi nói Alfred cũng phải bị phạt.”

“Tôi đồng ý,” Tom nói trước sự ngạc nhiên của mọi người. “Alfred phải bị xử lý kỷ luật.”

“Tại sao?” Alfred nói đầy phẫn nộ. “Vì đánh một người học việc?”

“Cậu ấy không phải là người học việc của anh, cậu ấy là của tôi,” Tom nói. “Và anh đã làm nhiều hơn là đánh cậu ấy. Anh đã đuổi theo cậu ấy trên công trường. Nếu anh để cậu ấy chạy đi, thùng vôi đã không đổ, bức tường

đã không hư hại và lều của thợ mộc đã không bị cháy rụi; và anh có thể giải quyết với cậu ấy khi cậu ấy trở về. Không cần phải biện hộ cho những gì anh đã làm.”

Các thợ xây đồng ý.

Dan, người dường như trở thành phát ngôn viên của thợ xây Alfred, nói: “Tôi hy vọng ông không có ý định đuổi Alfred ra khỏi hiệp hội. Tôi sẽ là người chống lại điều đó.”

“Không,” Tom nói. “Mất một người học nghề tài năng đã quá xấu rồi. Tôi không muốn mất thêm một người thợ xây đang điều hành một nhóm thợ đáng tin cậy. Alfred phải ở lại – nhưng tôi nghĩ cậu nên bị phạt.”

Những người theo phe Alfred thở phào.

“Một hình phạt nặng,” Peter nói.

“Một tuần lương,” Dan đề nghị.

“Một tháng lương,” Tom nói. “Tôi nghĩ Tu viện trưởng Philip sẽ không hài lòng nếu ít hơn.”

Nhiều người nói: “Vâng.”

“Tất cả chúng ta cùng nhất trí trong quan điểm này chứ, các anh em thợ xây?” Tom nói, dùng hình thức xưng hô theo tục lệ.

“Vâng,” tất cả họ nói

“VẬY tôi sẽ nói với tu viện trưởng về quyết định của chúng ta. Tốt hơn các ông trở về làm việc lại.”

Jack nhìn một cách chán nản khi họ đi ra. Alfred nhìn cậu với cái nhìn tự mãn. Tom chờ cho mọi người đi hết, rồi nói với Jack: “Dượng đã làm điều tốt nhất cho con – dượng hy vọng mẹ con sẽ nhìn thấy điều đó.”

“Dượng đã chẳng bao giờ làm bất cứ chuyện gì cho con!” Jack bật ra. “Dượng không thể nuôi con ăn, cho con mặc hoặc cho con ở. Chúng con đã sống rất hạnh phúc cho đến khi dượng đến, và rồi chúng con sắp chết đói!”

“Nhưng sau cùng -“

“Ngay cả dượng đã không bảo vệ con trước thằng cục súc mà dượng gọi là con!”

“Dượng đã cố gắng -“

“Ngay cả dựng đã không có công việc này nếu con đã không đốt nhà thờ cũ cháy rụi!”

“Con nói gì?”

“Vâng, con đã đốt nhà thờ cũ.”

Tom tái nhợt. “Đó là chớp –“

“Không có chớp. Nó là một đêm đẹp trời. Ngoài ra cũng không có ai đốt lửa trong nhà thờ. Con đã đốt trên mái.”

“Nhưng tại sao?”

“Để dựng có việc làm. Và mẹ con không phải chết trong rừng.”

“Bà ấy sẽ không –“

“Vợ cả của dựng đã chết trong rừng, phải không?”

Tom trắng bệch. Bất ngờ ông trở nên già hơn. Jack nhận ra cậu đã làm ông tổn thương trầm trọng. Cậu đã thắng trong tranh luận, nhưng có thể cậu mất đi một người bạn. Cậu cảm thấy chua chát và buồn bã.

Tom thì thầm: “Hãy ra khỏi đây.”

Jack đi ra.

Gần khóc, cậu bước xa khỏi các bức tường cao chót vót của nhà thờ. Đời sống của cậu đã bị tàn phá trong vài khoảnh khắc. Thật khó tin rằng cậu sẽ xa nhà thờ này mãi mãi. Ở cổng tu viện cậu quay đầu nhìn lại. Có rất nhiều điều cậu đã dự định. Cậu muốn tự mình khắc cửa ra vào; cậu muốn thuyết phục Tom để làm các thiên thần bằng đá ở khu cửa sổ trên cao; cậu đã có một đồ án sáng tạo cho đường đi mái vòm ở gian phụ hai bên mà cậu chưa bao giờ cho ai xem. Bây giờ cậu sẽ chẳng bao giờ làm những công việc này nữa. Nó thật bất công. Mắt cậu đầy lệ.

Cậu đi về nhà, nhìn mọi vật mờ mờ. Mẹ và Martha ngồi ở bàn trong bếp. Mẹ đang dạy Martha viết bằng một viên đá nhọn trên phiến đá. Họ ngạc nhiên khi thấy cậu. Martha nói: “Chưa đến giờ ăn.”

Mẹ đọc nét mặt Jack. “Chuyện gì thế?” bà lo lắng.

“Con đã đánh nhau với Alfred và bị đuổi khỏi công trường xây dựng,” cậu nói dứt khoát.

“Alfred có bị đuổi không?” Martha hỏi.

Jack lắc đầu.

“Như vậy không công bằng,” Martha nói.

Mẹ nói mệt mỏi: “Con đánh nhau về chuyện gì vào giờ này?”

Jack nói: “Có phải bố con bị treo cổ ở Shiring vì tội ăn trộm không?”

Martha thở hỗn hển.

Mẹ buồn rầu. “Bố con không phải là tên trộm,” bà nói. “Nhưng đúng, ông ấy bị treo cổ ở Shiring.”

Jack đã chán với những trình bày bí ẩn về bố cậu. Cậu tàn nhẫn nói: “Tại sao mẹ chẳng bao giờ nói cho con sự thật?”

“Vì nó làm mẹ đau lòng!” Mẹ bật ra và Jack hoảng sợ vì bà bật khóc.

Cậu chưa bao giờ thấy bà khóc. Bà luôn tỏ ra cứng rắn. Chính cậu cũng gần sụp đổ. Cậu nuốt nước bọt và tiếp tục: “Nếu bố con không là tên trộm, tại sao ông ấy bị treo cổ?”

“Mẹ không biết!” Mẹ khóc. “Mẹ chẳng bao giờ biết. Bố con cũng chẳng bao giờ biết nữa. Họ nói bố con đã ăn cắp một chén có cần đá quý.”

“Ăn cắp của ai?”

“Ở đây – của tu viện Kingsbridge.”

“Kingsbridge! Có phải Tu viện trưởng Philip đã cáo buộc ông?”

“Không, không, nó xảy ra trước thời gian của Philip.” Bà nhìn Jack qua dòng nước mắt. “Đừng hỏi mẹ ai đã cáo buộc ông và tại sao. Đừng bị mắc kẹt trong cái bẫy đó. Nếu không con sẽ phí phạm cả cuộc đời để tìm cách trả thù cho một hành động sai lầm đã xảy ra trước khi con sinh ra. Mẹ không nuôi con khôn lớn để con đi báo thù. Đừng làm như thế với cuộc đời con.”

Jack thề một lúc nào đó sẽ tìm hiểu thêm, mặc dù những gì bà đã nói; nhưng ngay bây giờ cậu muốn bà ngừng khóc. Cậu ngồi bên cạnh bà trên ghế băng và ôm bà. “Vâng, bây giờ có vẻ như nhà thờ chính tòa không còn là đời sống của con nữa.”

Martha nói: “Anh muốn làm gì, Jack?”

“Anh không biết. Anh không còn có thể sống ở Kingsbridge.”

Martha thất vọng. “Nhưng tại sao không?”

“Alfred đã muốn giết anh và Tom đã đuổi anh khỏi công trường. Anh không muốn sống với họ. Dù sao, anh là một người đàn ông. Anh sẽ xa mẹ

anh.”

“Nhưng anh sẽ làm gì?”

Jack nhún vai. “Công việc duy nhất anh biết là xây dựng.”

“Anh có thể làm việc cho nhà thờ khác.”

“Có thể anh sẽ yêu nhà thờ chính tòa khác như anh đã yêu nhà thờ này, anh nghĩ như thế,” cậu chán nản nói. Cậu tiếp tục nghĩ: Nhưng tôi sẽ chẳng yêu người đàn bà nào khác như tôi đã yêu Aliena.

Mẹ nói: “Làm sao Tom có thể đối với con như vậy?”

Jack thở dài. “Con không nghĩ ông thực sự muốn như thế. Tu viện trưởng Philip nói ông không muốn con và Alfred cùng làm việc ở công trường.”

“Thì ra vị tu sĩ chết tiệt này đứng đằng sau vụ này!” Mẹ nói tức giận. “Tôi thề -,,

„Ông ấy tức giận về những thiệt hại chúng con gây ra.“

„Mẹ tự hỏi người ta có thể làm cho ông ấy mở mắt ra không.“

„Mẹ muốn nói gì?“

„Thiên Chúa được cho là giàu lòng thương xót – có lẽ các tu sĩ cũng phải như vậy.“

„Ý mẹ muốn con nên xin xỏ Philip?“ Jack hỏi, một chút ngạc nhiên về hướng suy nghĩ của mẹ.

„Mẹ nghĩ mẹ nên nói chuyện với ông ấy,“ bà ấy nói.

„Mẹ!“ Điều đó lại càng khác với cá tính của bà. Jack hoàn toàn bị sốc. Bà phải xấu hổ lắm khi xin lòng thương xót của Philip.

“Con nghĩ sao?” bà hỏi cậu.

Jack nhớ lại, Tom dường như đã nghĩ Philip không sẵn sàng khoan nhượng. Nhưng rồi, Tom chỉ có một mục đích trong đầu rằng hiệp hội sẽ có quyết định. Ông đã hứa với Philip rằng quyết định sẽ mạnh mẽ, nên ông không thể van nài lòng thương xót. Mẹ không ở trong tình trạng giống như vậy. Jack bắt đầu cảm thấy nhiều hy vọng hơn. Có lẽ cậu sẽ không phải đi xa. Có lẽ cậu sẽ ở lại Kingsbridge, gần ngôi nhà thờ chính tòa và gần Aliena. Cậu không còn hy vọng cô sẽ yêu cậu, tuy vậy cậu ghét khi nghĩ rằng cậu sẽ phải đi xa và chẳng bao giờ nhìn thấy cô nữa.

“Được rồi,” cậu nói. “Chúng ta đi và xin lòng thương của Tu viện trưởng Philip. Chúng ta chẳng mất gì, ngoài niềm tự hào của chúng ta.”

Mẹ mặc áo choàng và họ cùng đi, để Martha ngồi lại một mình bên bàn, lòng đầy lo lắng.

Jack và mẹ cậu ít khi đi bên cạnh nhau, và bây giờ cậu nhận ra bà nhỏ con: cậu đã cao hơn bà. Cậu cảm thấy thích bà. Bà luôn sẵn sàng chiến đấu cho cậu giống như con mèo. Cậu đặt tay ngang hông bà và ôm bà. Bà mỉm cười như thể bà biết cậu đang nghĩ gì.

Họ bước vào khu tu viện và đến nhà tu viện trưởng. Bà mẹ đập cửa và bước vào. Tom đang ở đó với Tu viện trưởng Philip. Jack biết ngay rằng Tom đã không kể cho Philip về chuyện cậu đốt nhà thờ cũ. Đó là một điều may mắn. Bây giờ có lẽ cậu sẽ chẳng bao giờ kể. Bí mật đó không bị lộ.

Tom lo lắng, nếu không muốn nói là một chút sợ hãi khi ông thấy Ellen. Jack nhớ lại ông nói ông đã làm những gì tốt nhất cho cậu và hy vọng mẹ cậu sẽ nhìn thấy điều đó. Tom chắc nhớ lại lần trước khi Jack và Alfred có cuộc ẩu đả: một cách cương quyết mẹ đã bỏ Tom. Tom sợ bà sẽ đi bây giờ.

Philip không còn giận dữ, Jack nghĩ. Có lẽ quyết định của hiệp hội đã xoa dịu ông. Ngay cả có thể ông còn cảm thấy một chút tội lỗi về sự khắc nghiệt của ông.

Mẹ nói: “Tôi tới đây để xin ông tỏ lòng nhân hậu, thưa Tu viện trưởng Philip.”

Tom thấy nhẹ nhõm.

Philip nói: “Tôi đang lắng nghe.”

Mẹ nói: “Ông đang định đuổi con tôi xa mọi thứ cậu ấy yêu quý – nhà cậu, gia đình cậu và công việc của cậu.”

Và người phụ nữ cậu ấy ngưỡng mộ, Jack nghĩ.

Philip nói: “Thật thế sao? Tôi nghĩ đơn giản cậu ấy chỉ bị đuổi việc.”

“Cậu ấy chẳng học nghề gì ngoài việc xây dựng, và không còn công việc xây dựng nào khác cho cậu ở Kingsbridge. Và thách đố của nhà thờ lớn đã ngấm vào máu cậu. Cậu ấy sẽ đi bất cứ nơi nào có nhà thờ chính tòa đang xây dựng. Cậu ấy sẽ đến Jerusalem nếu ở đó có đá để khắc thành thiên thần và quỳ dữ.” Làm sao bà ấy có thể biết mọi chuyện đó, Jack tự hỏi. Cậu

chưa nghĩ về chuyện đó – nhưng nó đúng là sự thật. Bà thêm: “Tôi sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy cậu ấy nữa.” Giọng bà xúc động và cậu thấy bà thương cậu như thế nào. Bà đã chẳng bao giờ xin xỏ như thế cho chính bà, cậu biết.

Philip nhìn thông cảm, nhưng Tom lại là người lên tiếng. “Chúng ta không thể có Jack và Alfred cùng làm việc trên công trường được,” ông kiên trì nói. “Chúng nó sẽ lại đánh nhau. Em biết chuyện đó.”

“Alfred cũng có thể đi,” mẹ nói.

Tom buồn rầu. “Alfred là con tôi.”

“Nhưng cậu ấy đã hai mươi tuổi, và là một con gấu!” Mặc dù giọng bà cứng rắn, má bà đầy nước mắt. “Cậu ấy không quan tâm đến nhà thờ này bằng con tôi – cậu ấy hài lòng khi cậu ấy có thể xây nhà cho người bán thịt và thợ bánh mì ở Winchester hay Shiring.”

“Hiệp hội không thể đuổi Alfred và giữ Jack,” Tom nói. “Ngoài ra quyết định này đã được thông qua.”

“Nhưng đó là một quyết định sai lầm.”

Philip nói. “Có thể có một câu trả lời khác.”

Mọi người nhìn ông.

“Có một cách để Jack ở lại Kingsbridge, và ngay cả có thể cống hiến cho nhà thờ chính tòa mà Alfred không có thể làm hại cậu được.”

Jack tự hỏi việc gì sẽ xảy ra. Nó nghe quá hay để có thể là sự thật.

“Tôi cần một người làm việc với tôi,” Philip tiếp tục. “Tôi mất quá nhiều giờ cho những quyết định chi tiết về việc xây dựng. Tôi cần người cộng tác, người giữ vai trò giám sát công việc. Người đó sẽ tự xử lý hầu hết vấn đề, chỉ trình cho tôi những vấn đề quan trọng. Người ấy sẽ theo dõi tiền bạc và vật liệu, xử lý thanh toán tiền cho nhà cung cấp và phu xe, và cả tiền lương nữa. Jack có thể đọc và viết, và cậu ấy có thể cộng những con số nhanh hơn bất cứ ai tôi đã gặp –“

“Và cậu ấy hiểu mọi khía cạnh của xây dựng,” Tom thêm vào. “Tôi đã nhìn thấy điều đó.”

Tâm trí Jack quay cuồng. Sau cùng cậu có thể ở lại đây! Cậu sẽ là người giám sát công việc. Cậu sẽ không khắc đá, nhưng sẽ đại diện cho Philip

giám sát toàn bộ công trình. Đó là một đề nghị đáng kinh ngạc. Cậu sẽ được đối xử ngang hàng với Tom. Nhưng cậu biết cậu có khả năng cho việc đó. Và Tom cũng biết.

Có một trở ngại và Jack lên tiếng: “Tôi không thể sống với Alfred nữa.”

Ellen nói: “Đã đến lúc Alfred có một nhà riêng. Có lẽ khi cậu rời chúng ta, cậu ấy sẽ đứng đắn hơn trong việc tìm vợ.”

Tom giận dữ nói: “Em cứ tìm lý do để loại bỏ Alfred. Anh không muốn tổng cổ con đẻ của anh ra khỏi nhà anh.”

“Cả hai ông bà đều không hiểu ý tôi,” Philip nói. “Ông bà không hiểu hoàn toàn đề nghị của tôi. Jack sẽ không còn sống chung với ông bà nữa.”

Ông dừng lại: “Jack sẽ phải sống ở đây, trong tu viện.” Ông nhìn họ với một cái cau mày, như thể ông không thể hiểu tại sao họ vẫn chưa nắm bắt được ý ông.

Jack đã hiểu ông. Cậu nhớ lại lời mẹ cậu nói vào lễ hội mùa hè năm trước: vị tu viện trưởng tinh quái này sau cùng sẽ đạt được điều ông ấy muốn. Bà ấy đúng. Philip lập lại lời đề nghị ông đã nói. Nhưng lần này nó có vẻ khác. Sự chọn lựa mà Jack đang đối mặt rất lớn. Cậu có thể rời Kingsbridge và từ bỏ mọi thứ cậu yêu. Hay cậu có thể ở lại và mất tự do của cậu.

“Người giám sát của tôi dĩ nhiên không thể là một người thường,” Philip chấm dứt bằng một âm giọng như thể đó là chuyện đương nhiên: “Jack sẽ phải trở thành tu sĩ.”

V

Trong đêm trước hội chợ ở Kingsbridge, Tu viện trưởng Philip thức sau giờ kinh đêm như mọi khi; nhưng thay vì đọc và suy niệm trong nhà, ông đi một vòng quanh khu tu viện. Đó là một đêm hè ấm áp, bầu trời trong và có trăng, và ông có thể nhìn thấy mà không cần đèn.

Toàn bộ khu tu viện được dùng cho hội chợ, ngoại trừ các tòa nhà của tu viện và khu hành lang tu viện đã được hiến thánh. Hồ vệ sinh to được đào trong bốn góc của khu tu viện để phần còn lại của sân được sạch sẽ, và được rào che kỹ càng vì tôn trọng sự nhậy cảm của các tu sĩ. Hàng trăm gian hàng đã được dựng lên. Những gian đơn giản nhất là những tấm ván đặt trên chân bàn bằng gỗ thô. Nhưng hầu hết các gian hàng được trang bị nhiều hơn: chúng có bảng hiệu với tên của chủ và hình của những sản phẩm, một bàn riêng để cân, và một tủ hoặc túp lều có khóa để cất giữ đồ đạc. Một số quầy hàng kết hợp với lều để tránh mưa hoặc buôn bán với nhau một cách riêng tư. Những gian hàng tí mỉ nhất là những căn nhà nhỏ, với khu nhà kho rộng rãi, có nhiều quầy, và bàn ghế nơi thương gia có thể đón tiếp khách hàng sang trọng. Philip thật ngạc nhiên khi các thợ mộc của thương gia đã đến xây dựng gian hàng một tuần trước hội chợ, nhưng việc thiết kế gian hàng chỉ mất bốn ngày, còn hai ngày họ cần để xếp hàng vào kho.

Theo kế hoạch ban đầu Philip muốn cho dựng các quầy hàng dọc theo hai đường rộng về phía tây của khu tu viện, tương tự như các gian hàng của buổi chợ hàng tuần; nhưng ông sớm nhận ra rằng như vậy không đủ chỗ. Hai hàng quầy bây giờ chạy dọc theo toàn bộ phía bắc của nhà thờ, và rồi trở xuống phía đông của sân đến nhà của Philip; và còn nhiều quầy hàng bên trong nhà thờ chưa hoàn thành, trong các gian phụ giữa các cột. Chủ các cửa hàng không phải chỉ là các thương gia len: mọi thứ được bán ở hội chợ, từ bánh mì lúa mạch cho đến hồng ngọc.

Philip đi dọc theo hàng quầy dưới ánh trăng. Tất cả đã sẵn sàng, dĩ nhiên: hôm nay không còn quầy hàng nào được phép xây dựng thêm nữa. Hầu hết quầy hàng đã chất đầy hàng hóa. Tu viện đã thu được hơn mười bảng Anh cho tiền lệ phí và tiền thuế. Chỉ có một số hàng hóa được đem đến trong ngày hội chợ là đồ ăn mới nấu, bánh mì, bánh pa-tê nóng và táo nướng. Ngay cả những thùng bia cũng đã được đem đến ngày hôm qua.

Khi Philip đi vòng quanh, ông được hàng chục đôi mắt nửa mở nửa nhắm quan sát và được nhiều cửa miệng buồn ngủ chào hỏi. Chủ cửa hàng

không để hàng hóa quý giá của mình mà không được bảo vệ: Hầu hết họ ngủ ở quầy của họ, và các thương gia giàu có cho các gia nhân canh giữ.

Ông chưa biết chắc chắn ông sẽ thu được bao nhiêu tiền từ hội chợ, nhưng rõ ràng là nó sẽ thành công, và ông tin tưởng sẽ đạt được dự toán ban đầu là năm mươi bảng Anh. Trong những tháng qua có nhiều lúc ông sợ rằng hội chợ sẽ không tổ chức được. Cuộc nội chiến tiếp tục, và không phải Stephen cũng không phải Maud có lợi thế hơn. Nhưng may mắn thay giấy phép của ông không bị thu hồi. William đã cố gắng phá hoại bằng nhiều cách. Cậu đã nói với cảnh sát trưởng cấm nó, và cảnh sát trưởng đã xin một trong hai vị vua cầm quyền nhưng không có trả lời. William đã cấm người thuê nhà của ông bán len ở Kingsbridge; nhưng hầu hết họ có thói quen bán len cho các thương gia như Aliena hơn là tự đứng ra bán hàng, vì thế mà kết quả sự cấm đoán lại làm lợi cho Aliena hơn. Sau cùng cậu đã tuyên bố giảm tiền thuê và lệ phí ở hội chợ Shiring giống như của Philip; nhưng lời tuyên bố của cậu đã quá trễ để thay đổi tình thế, vì những người buôn bán lớn đã có kế hoạch của họ.

Bây giờ, mặt trời đã ló rạng ở phía đông vào buổi sáng của ngày trọng đại, William không còn có thể làm gì được. Các thương gia đã có mặt ở đây với hàng hóa của họ, và một ít phút nữa những người mua sẽ tới. Philip hy vọng sau cùng William sẽ nhận ra rằng hội chợ len ở Kingsbridge ít làm thiệt hại hội chợ ở Shiring hơn cậu sợ. Số lượng len bán ra mỗi năm đều tăng mà không có thất bại, vì thế nó có đủ việc để kinh doanh ở cả hai hội chợ.

Ông đã đi tất cả các đường quanh sân đến góc tây nam, nơi có nhà máy xay và ao cá. Ông đứng đó một lúc, ngắm nhìn dòng nước chảy qua hai nhà máy xay yên tĩnh. Một cái dùng riêng cho việc hồ vải, và nó mang lại nhiều lợi nhuận. Jack trẻ chịu trách nhiệm về việc đó. Cậu có một đầu óc tinh tế. Cậu sẽ là một tiềm năng lớn cho tu viện. Cậu dường như đã ổn định tốt như một tập sinh, mặc dù trong giờ kinh nguyện cậu vẫn bị phân tâm về việc xây dựng nhà thờ. Tuy nhiên, cậu có thể học vì đời sống tu viện là một ảnh hưởng thánh thiện. Philip nghĩ Thiên Chúa có một mục đích cho Jack.

Trong một góc phía sau đầu, ông có một niềm hy vọng lâu dài: một ngày nào đó Jack sẽ thay ông làm tu viện trưởng Kingsbridge.

Jack thức dậy vào lúc bình minh và ra khỏi nhà ngủ trước giờ kinh sáng để làm một cuộc kiểm tra cuối cùng về công trường xây dựng. Không khí buổi sáng lạnh và trong lành, giống như dòng nước tinh khiết từ nguồn. Nó sẽ là một ngày nắng ấm, tốt cho việc kinh doanh, tốt cho tu viện.

Cậu đi quanh bức tường nhà thờ chính tòa, bảo đảm rằng mọi công cụ và những công việc dang dở đã được cất an toàn vào nhà kho. Tom đã làm hàng rào nhẹ bằng gỗ quanh khu dự trữ đá và gỗ, để bảo vệ vật liệu khỏi những thiệt hại do những khách hàng vô ý hoặc say rượu. Họ không muốn cho bất cứ kẻ liều lĩnh nào trèo lên tường, vì thế tất cả các cầu thang đã được cất dấu an toàn, cầu thang xoắn trong các bức tường dày đã được khóa bằng những cửa tạm thời, và đầu tường đang xây dở được che kín bằng các tấm gỗ. Một vài thợ thủ công chính sẽ đi tuần tra trong công trường để tránh những thiệt hại có thể xảy ra.

Với lý do này hay lý do khác, Jack luôn bỏ qua nhiều giờ kinh nguyện. Luôn luôn cậu có nhiều việc phải làm trên công trường. Cậu không thù hận Ki Tô giáo như mẹ cậu, nhưng ít hay nhiều cậu giữ khoảng cách với nó. Cậu không nhiệt tình với nó, nhưng cậu sẵn sàng chấp nhận nếu nó thích hợp với mục đích của cậu. Cậu chú ý tham dự một giờ kinh mỗi ngày, thông thường trong giờ kinh có sự tham dự của Tu viện trưởng Philip hay cha giáo tập, vì hai tu sĩ cao cấp này dễ nhận ra cậu có hiện diện hay không. Cậu không thể chịu đựng được nếu cậu tham dự tất cả các giờ kinh. Trở thành một tu sĩ là một cách sống xa lạ và kỳ quặc nhất mà cậu có thể tưởng tượng được. Các tu sĩ trải qua nửa đời sống với những đau khổ do họ tự tạo ra, và nửa đời khác lẩm bẩm ngày và đêm trước tượng thần thánh trong một ngôi nhà thờ trống vắng. Họ cố tình lảng tránh những gì tốt đẹp – phụ nữ, thể thao, lễ hội và đời sống gia đình. Tuy nhiên, Jack để ý thấy một số người hạnh phúc và những công việc họ theo đuổi cho họ sự hài lòng sâu xa: minh họa những bản thảo, viết truyện, nấu ăn, nghiên cứu triết học, hay – giống như Philip – thay đổi Kingsbridge từ một ngôi làng ngủ quên thành một thành phố nhà thờ chính tòa thịnh vượng.

Jack không thích Philip nhưng cậu thích làm việc với ông. Jack giữ khoảng cách với những người tận hiến cho Thiên Chúa, như cậu đối với mẹ cậu. Cậu xấu hổ vì lòng đạo đức của Philip; cậu không thích sự vô tội của Philip; và cậu nghi ngờ khuynh hướng của ông khi tin rằng Thiên Chúa sẽ lo lắng những điều mà ông không thể đối đầu. Tuy nhiên, cậu thích làm việc cho ông. Mệnh lệnh của ông rõ ràng, ông cho Jack cơ hội tự quyết định, và ông chẳng bao giờ đổ lỗi cho nhân viên những sai lầm của ông.

Jack mới là tập sinh được ba tháng, và chỉ sau chín tháng cậu mới được yêu cầu có lời khẩn tu. Ba lời khẩn là khó nghèo, độc thân và vâng lời. Lời khẩn khó nghèo chỉ là bên ngoài. Các tu sĩ không có của cải riêng tư và không có tiền, nhưng họ sống giống giai cấp giàu hơn là nông dân – họ có thực phẩm tốt, quần áo ấm và nhà đá đẹp để ở. Sống độc thân không phải là vấn đề, Jack cay đắng nghĩ. Cậu đã có một sự hài lòng lạnh lùng khi cậu nói trực tiếp với Aliena rằng cậu sẽ vào tu viện. Cô bị sốc và cảm thấy có lỗi. Bây giờ, khi cậu cảm thấy khó chịu và bất ổn vì thiếu sự đồng hành của phụ nữ, cậu sẽ nhớ tới việc Aliena đã đối xử với cậu thế nào – sự gặp gỡ bí mật trong rừng, những buổi tối mùa đông, hai lần cậu đã hôn cô – và rồi cậu nhớ lại cô đã bất ngờ trở thành lạnh lùng và cứng rắn như hòn đá; và sự nghĩ về chuyện đó làm cậu cảm thấy rằng cậu chẳng bao giờ muốn liên quan đến phụ nữ nữa. Tuy nhiên, lời khẩn vâng lời khó khăn nhất, cậu có thể nói ngay điều đó. Cậu vui khi nhận mệnh lệnh từ Philip, một người thông minh và có tài tổ chức; nhưng nó rất khó để vâng lời vị tu viện phó ngu dốt, hay thầy phụ trách nhà khách say rượu, hoặc cha lo phụng vụ kiêu ngạo.

Tuy nhiên, cậu có ý định khẩn dòng. Cậu không muốn giữ chúng, nhưng điều cậu quan tâm là xây nhà thờ chính tòa. Việc cung cấp vật liệu, xây dựng và điều hành là một công việc hấp dẫn không ngừng. Một ngày nọ cậu phải giúp Tom tìm ra một phương pháp để kiểm soát số lượng đá đến công trường cũng như số lượng đá xuất khỏi mỏ – một vấn đề phức tạp, bởi vì cuộc hành trình kéo dài hai đến bốn ngày, nên không thể có sự kiểm soát hàng ngày được. Một ngày khác thợ hồ phàn nàn rằng thợ mộc không làm giàn khung đúng cách. Thách thức lớn lao nhất là những vấn đề kỹ thuật, giả

sử như làm thế nào để nâng hàng tấn đá lên đỉnh bức tường mà chỉ dùng những phương tiện tạm thời và giàn giáo mỏng manh. Thợ xây Tom thảo luận vấn đề này với Jack như một người đồng nghiệp. Dường như ông đã quên lời chỉ trích giận dữ của Jack khi cậu nói ông đã chẳng làm gì cho cậu. Và Tom làm như thể ông đã quên sự tiết lộ về việc Jack đã đốt nhà thờ cũ. Họ làm việc vui vẻ với nhau, và ngày tháng trôi qua nhanh. Ngay cả trong những giờ kinh buồn tẻ tâm trí Jack cũng xoay quanh những vấn nạn về kiến trúc hay lên kế hoạch cho công việc. Sự hiểu biết của cậu tăng lên nhanh chóng. Thay vì dùng năm tháng để khắc đá, cậu học vẽ dự án nhà thờ chính tòa. Khó có thể có một cuộc huấn luyện nào tốt hơn như thế này cho những người muốn trở thành thợ xây chính. Và vì những điều đó, Jack sẵn sàng ngập trong những giờ kinh đêm.

Mặt trời đã lên trên bức tường phía đông của khu tu viện. Mọi thứ đã sẵn sàng trên công trường. Các chủ gian hàng sau một đêm canh giữ hàng hóa, bây giờ bắt đầu dọn dẹp giường chiếu và trưng bày sản phẩm của họ. Những khách hàng đầu tiên chẳng bao lâu nữa sẽ có mặt. Một thợ bánh mì vừa đi ngang qua Jack, mang một khay bánh mới trên đầu. Mùi thơm của bánh mới làm Jack chảy nước miếng. Cậu quay lại và đi về tu viện, hướng thẳng đến nhà ăn, nơi chẳng bao lâu nữa họ sẽ có đồ ăn sáng.

Những khách hàng đầu tiên là gia đình của chủ các gian hàng và người dân thị trấn, tất cả tò mò muốn biết về hội chợ len đầu tiên ở Kingsbridge, nhưng không có ý định đi mua. Những người tiết kiệm đã ăn no bụng với bánh mì và khoai tây trước khi họ rời nhà, vì thế họ sẽ không bị cám dỗ bởi kẹo bánh đầy gia vị và màu sắc sặc sỡ trên các quầy hàng thực phẩm. Trẻ em đi vòng vòng với đôi mắt mở rộng, lóe mắt trước những đồ hấp dẫn. Một cô gái điểm lạc quan thức dậy sớm, có làn môi đỏ và đôi giày đỏ thơ thẩn loanh quanh, mím cười hy vọng vào nhóm đàn ông trung niên, nhưng không có ai để ý đến cô vào giờ này.

Aliena quan sát tất cả từ cửa hàng của cô, một trong số các cửa hàng to nhất. Trong vài tuần qua cô đã lấy hết số len trong kho tu viện, số len mà cô đã trả một trăm bảy bảng Anh vào mùa hè năm trước. Cô cũng đã mua từ các nông trại, như cô thường làm; và năm nay có nhiều người bán hơn

thông thường vì William Hamleigh đã cấm người thuê nhà của cậu bán ở hội chợ Kingsbridge, vì thế họ đã bán cho các thương gia. Và trong số các thương gia, Aliena đã mua được nhiều len nhất vì cô ở tại Kingsbridge, nơi hội chợ được tổ chức. Cô đã dùng tất cả tiền để mua len, và cô phải mượn thêm của Malachie bốn mươi bảng Anh để tiếp tục buôn bán. Bây giờ, trong nhà kho nằm sau gian hàng của cô, cô có một trăm sáu mươi bao tải len thô, sản phẩm từ bốn ngàn con cừu, và cô đã tốn hơn hai trăm bảng Anh, nhưng cô sẽ bán nó được ba trăm, số tiền này đủ để trả tiền lương cho một thợ chuyên nghiệp trong hơn một thế kỷ. Khi cô nghĩ về các con số, cô ngạc nhiên về công việc kinh doanh lớn mạnh của cô.

Cô không chờ đợi khách hàng của cô sẽ đến sớm trước buổi trưa. Chỉ có năm sáu người sẽ đến sớm. Họ quen nhau và cô cũng biết họ từ năm trước. Cô sẽ mời họ một ly rượu nho, rồi ngồi nói chuyện với họ một lúc. Sau đó cô sẽ chỉ cho họ xem len của cô. Họ sẽ yêu cầu cô mở một hai bao – dĩ nhiên chẳng bao giờ mở bao nằm trên đầu. Họ sẽ thò tay sâu vào trong bao, và kéo ra một nắm len. Họ sẽ rút sợi để xem chiều dài, chà sát giữa ngón tay trở và ngón cái để thử sự mềm mại, và ngửi mùi của nó. Sau cùng họ sẽ đề nghị mua toàn bộ nhà kho với một giá bèo, và Aliena sẽ từ chối. Cô sẽ nói cho họ giá cô muốn bán, và họ sẽ lắc đầu. Họ uống thêm một ly rượu khác.

Aliena sẽ theo cùng cách thức ấy với người mua khác. Những khách hàng đến vào buổi trưa sẽ được mời ăn. Một người nào đó sẽ trả giá cho một số lượng lớn không cao hơn giá cô đã mua vào bao nhiêu. Cô sẽ đáp lại bằng cách hạ giá của mình xuống thêm một chút. Vào buổi chiều cô sẽ từ từ chấm dứt giao dịch. Sự giao dịch đầu tiên của cô sẽ ở mức giá thấp. Các thương gia khác yêu cầu cô phải giao dịch với họ cùng một giá, nhưng cô từ chối. Giá của cô sẽ tăng lên trong diễn biến vào buổi chiều. Nếu nó lên quá nhanh, việc bán ra sẽ chậm lại, trong khi các thương gia có thể tính toán họ có thể mua được ở đâu nữa cho đủ số lượng. Nếu họ hỏi mua với giá thấp hơn giá mà họ dự định mua, cô sẽ nhận ra được nó qua sự vội vàng mà họ muốn đạt được thỏa thuận. Cô sẽ buôn bán với từng người, và các nhân viên bắt đầu chất những bao len to lớn lên xe bò với những bánh xe

lớn bằng gỗ, trong khi Aliena cân những xu bạc và tiền Gun-đơn^[4] đựng trong túi nhỏ.

Không nghi ngờ gì rằng hôm nay cô sẽ thu về nhiều hơn mọi khi. Cô có gấp đôi số lượng len để bán và giá len đang lên. Cô dự định mua trước đầu ra của Philip một lần nữa, và cô có một kế hoạch bí mật muốn xây cho mình một căn nhà đá, với một tầng hầm làm kho dự trữ len, một sảnh đường thanh lịch và thoải mái, và một phòng ngủ trên lầu đẹp để chỉ dành cho cô. Tương lai cô sẽ bảo đảm, và cô tin rằng cô có thể hỗ trợ Richard bao lâu cậu ấy còn cần đến cô. Mọi việc hoàn hảo.

Và điều đó không giải thích được tại sao cô lại cảm thấy mình vô cùng đáng thương.

Đã bốn năm kể từ khi Ellen trở lại Kingsbridge, và nó là những năm tháng đẹp nhất trong đời Tom.

Nỗi đau về cái chết của Agnes đã dần nguôi ngoai. Nó vẫn còn đó, nhưng ông không còn cảm giác ngượng nghịu muốn bật khóc bất cứ lúc nào mà không có lý do rõ ràng. Ông vẫn tưởng tượng nói chuyện với bà ấy, nói với bà về con cái, về Tu viện trưởng Philip và về nhà thờ chính tòa; nhưng cuộc nói chuyện như vậy thừa dẫu. Sự tưởng nhớ ngọt ngào mà cay đắng này không ảnh hưởng đến tình yêu ông dành cho Ellen. Ông có khả năng sống cho hiện tại. Nhìn thấy bà và chạm vào bà, nói với bà và ngủ với bà là những công việc thường ngày.

Vào ngày Jack và Alfred đánh nhau, ông bị thương tổn sâu xa vì Jack nói rằng Tom đã chẳng bao giờ để ý đến cậu; và lời buộc tội ấy đã bị lu mờ vì sự tiết lộ của Jack rằng chính cậu đã châm lửa đốt nhà thờ cũ. Ông bị dẫn vật trong nhiều tuần lễ, nhưng sau cùng ông cho rằng Jack đã nghĩ sai về ông. Tom đã làm những gì tốt nhất ông có thể, và không ai có thể làm hơn. Đi được đến kết luận này, ông cảm thấy an tâm.

Việc xây dựng nhà thờ chính tòa là công việc thỏa mãn nhất mà ông đã làm. Ông chịu trách nhiệm cho việc thiết kế và thực hiện. Không ai xen vào công việc của ông, và ông không có ai để đổ lỗi khi có sai lầm. Khi những bức tường hoành tráng vươn lên cao, với những mái vòm nhịp nhàng, hình

dáng thanh nhã và những trạm trở độc đáo, ông có thể nhìn lại và nghĩ: Tôi đã làm tất cả những việc này, và tôi đã hoàn thành nó.

Cơ án mộng rằng một ngày nào đó ông lại lang thang trên đường, không công ăn việc làm, không tiền bạc và không có gì cho con cái ăn, dường như đã xa; bây giờ ông đã có một hòm rương to đầy đồng xu bạc chôn dưới đồng tro trong nhà bếp. Ông vẫn rung mình nhớ lại cái đêm lạnh lẽo đó, khi Agnes sinh Jonathan rồi qua đời; nhưng ông cảm thấy chắc chắn rằng không gì tồi tệ có thể xảy ra một lần nữa.

Một đôi khi ông tự hỏi tại sao Ellen và ông không có con. Cả hai họ đã có con riêng trong quá khứ, và có nhiều cơ hội cho cô có thai – họ vẫn làm tình mỗi đêm, dù sau bốn năm sống chung. Tuy nhiên, nó không làm ông hối tiếc sâu xa. Jonathan là niềm vui của ông.

Từ kinh nghiệm quá khứ ông biết rằng cách tốt nhất để tham dự hội chợ là đi với một đứa nhỏ, vì thế ông đã đi tìm Jonathan vào giữa buổi sáng, khi đám đông bắt đầu đến. Jonathan trong bộ tu phục nhỏ bé hầu như cũng chính là một sự thu hút. Thời gian sau này cậu ước muốn có được chiếc đầu trọc, và Phillip đã cho phép cậu – Giống như Tom, Philip cũng thích trẻ em – và bây giờ cậu càng trông giống một tu sĩ bé nhỏ hơn. Có nhiều người lùn thực sự giữa đám đông, trình diễn những thủ thuật và ăn xin và họ đã thu hút Jonathan. Tom vội vã kéo cậu đi khi một người thu hút đám đông bằng cách phơi bày ‘của quý’ của mình. Có những nghệ sĩ diễn trò, nhào lộn và trình diễn âm nhạc, rồi chuyển một chiếc mũ đi xung quanh; có các thầy bói, nhà phẫu thuật và gái điếm chào hàng; có tranh tài về sức mạnh, về đấu vật và cờ bạc. Mọi người mặc quần áo sắc sỡ, và ai có khả năng đã xức nước hoa lên khắp người và xức dầu lên tóc. Mọi người dường như có tiền để tiêu, và không khí đầy tiếng leng keng của đồng xu.

Trò trên gấu bắt đầu. Jonathan chưa bao giờ nhìn thấy con gấu, và cậu bị lôi cuốn ngay. Bộ lông xám nâu của con gấu có nhiều vết xeo chứng tỏ rằng nó đã sống sót qua nhiều cuộc thi đấu. Một sợi dây xích nặng cột quanh mình nó, rồi một đầu được đóng sâu xuống đất, vì thế nó chỉ có thể đi vòng quanh và nhìn đám đông giận dữ. Tom tưởng tượng ông đã nhìn thấy một

ánh xảo quyết trong mắt con gấu. Nếu ông là người mê cờ bạc, ông đã đặt cược trên con gấu.

Âm thanh của tiếng chó sủa điên cuồng phát ra từ chiếc lồng khóa bên cạnh. Những con chó đã ngửi thấy mùi quân thù. Con gấu dừng bước nhìn vào trong lồng, rồi gầm gừ; và tiếng sủa trở thành tiếng rống cuồng chiến.

Chủ các con thú, người coi gấu, vẫn tiếp tục nhận tiền cược. Jonathan mất kiên nhẫn và Tom định đi, nhưng sau cùng người giữ gấu di chuyển lồng. Con gấu đứng thẳng, bị giới hạn bởi sợi dây xích, và gầm gừ. Người giữ gấu la to rồi mở cửa lồng.

Năm con chó đại nẩy ra. Chúng nhẹ nhàng và di chuyển nhanh, và chiếc miệng của nó há ra cho thấy hàm răng nhọn. Chúng tiến thẳng đến con gấu. Con gấu đánh chúng bằng bàn chân khổng lồ. Nó tấn công một con chó, đánh nó văng đi và những con khác lùi lại.

Đám đông tiến gần hơn. Tom tìm Jonathan: cậu đang ở hàng trước, nhưng vẫn xa ngoài tầm của con gấu. Con gấu đủ thông minh, nó lui lại gần chỗ cây cọc, để dây xích chùng xuống mặt đất, vì thế khi nó tấn công, nó không bị giật lại. Nhưng con chó cũng khôn ngoan. Sau cuộc tấn công rải rác ban đầu, chúng tụ họp lại và phân chia thành vòng tròn. Con gấu quay ngang quay dọc, muốn nhìn thấy mọi phía.

Một con chó lao vào, sủa vang quyết liệt. Con gấu đánh bật nó ra. Con chó lui lại, đứng xa; và bốn con chó khác từ mọi phía lao vào. Con gấu quay lại và tấn công lại. Đám đông cổ vũ khi ba con chó cắn hàm răng vào thịt con gấu. Nó đứng trên hai chân sau, và gầm lên đau đớn, lắc mình và bò ra xa.

Các con chó thử lại cùng chiến thuật một lần nữa. Tom nghĩ con gấu sẽ lại bị thất bại. Con chó đầu tiên lao vào tầm tay của nó, con gấu tiến lại và con chó lùi về; nhưng khi các con chó lao vào, con gấu đã sẵn sàng, nó quay lại nhanh chóng và lao vào con gần nhất và dùng chân quệt vào con chó. Đám đông cổ vũ cho con gấu như họ đã cổ vũ cho các con chó. Móng chân sắc nhọn của con gấu rạch lên làn da mượt mà của con chó và để lại ba vết sâu đậm máu. Con chó kêu ăng ăng và lùi xa cuộc chiến để liếm vết thương. Đám đông la ó phản đối và chế nhạo.

Bốn con chó còn lại đi thận trọng vòng quanh con gấu, lao vào khi có cơ hội nhưng vội lùi ra trước khi gặp nguy hiểm. Một người nào đó bắt đầu vỗ tay chậm. Rồi một con chó tấn công trực diện. Nó xông vào như một vết sét, trượt dưới cú đánh của con gấu và nhảy lên cổ nó. Đám đông trở nên điên cuồng. Con chó cắn hàm răng nhọn trắng vào cổ con gấu. Những con chó khác tấn công. Con gấu đứng lên, gõ chân vào con chó đang ngậm cổ nó, ném nó xuống lăn lộn trên đất. Lúc đó Tom không thể nói chuyện gì sẽ xảy ra: chỉ có một đám lông bay ra. Rồi ba con chó nhảy ra bên cạnh, và con gấu đứng lên bằng cả bốn chân, để lại một con chó chết bẹp trên đất.

Đám đông hồi hộp hơn. Con gấu đã loại hai con chó, giờ chỉ còn lại ba; nhưng nó chảy máu ở lưng, cổ và chân sau, và nó sợ hãi. Không khí tanh mùi máu và mùi mồ hôi của đám đông. Các con chó không còn sủa, mà di chuyển yên lặng quanh con gấu. Chúng cũng sợ hãi, nhưng chúng có mùi máu trong miệng và chúng hăng tiết.

Sự tấn công bắt đầu giống nhau: một con lao vào và lại lao ra. Con gấu chỉ quẹt nửa chừng vào nó, và quay ngay lại để đón con thứ hai. Nhưng bây giờ con này cũng lao nhanh vào, rồi lại lao nhanh ra khỏi tầm với; và con thứ ba cũng vậy. Các con chó thay nhau lao vào rồi lại lao ra, khiến con gấu luôn luôn phải thay đổi hướng và quay lại. Sau mỗi cái lao vào, các con chó gần hơn một ít, và chân móng của con gấu đến gần hơn để bắt chúng. Khán giả có thể nhìn thấy những gì đang xảy ra và sự phấn khích tăng lên. Jonathan vẫn ở hàng đầu, cách chỗ Tom vài bước, có vẻ kinh hoàng và sợ hãi. Tom nhìn vào cuộc chiến đúng lúc móng vuốt con gấu cào con chó trong khi con khác chui vào giữa hai chân và cắn vào bụng mềm của nó. Con gấu kêu lên thất thanh. Con chó chạy ra khỏi bụng và trốn thoát. Con chó khác lại lao vào. Con gấu đánh nó, chỉ sai vài li; và con chó lại chui xuống dưới bụng con gấu. Lần này khi con chó trốn ra, con gấu có một vết thương chảy máu lớn ở bụng. Con gấu vươn dậy và lại đứng trên bốn chân. Lúc đó Tom nghĩ nó đã kết thúc, nhưng ông đã lầm: con gấu vẫn còn sức mạnh chiến đấu. Khi con chó sau lao vào, con gấu giả bộ tấn công, rồi quay nhìn thấy con chó thứ hai đến, nó quay lại bất ngờ và đánh mạnh, làm con chó bay lên không. Khán giả vỗ tung reo hò. Con chó rớt xuống như một

bao thịt. Tom nhìn nó một lúc. Nó vẫn sống, nhưng dường như nó không còn di chuyển được. Có lẽ xương sống lưng của nó đã gãy. Con gấu bỏ qua nó vì nó ở ngoài tầm với và bị loại khỏi vòng chiến.

Bây giờ chỉ còn hai con chó. Cả hai lao vào rồi lại lao ra trong tầm tay của con gấu, cho đến khi đường tấn công của chúng chỉ còn là chiếu lệ; rồi chúng bắt đầu đi vòng quanh, di chuyển nhanh hơn rồi nhanh hơn. Con gấu quay chiều này rồi chiều kia, cố gắng giữ cả hai trong tầm mắt. Một mối và máu ra nhiều, nó khó có thể đứng vững. Các con chó kết chặt vòng vây hơn. Đất dưới chân nó đã trở thành bùn vì máu. Cách này hay cách khác, cuộc chiến sẽ kết thúc trong chốc lát. Sau cùng hai con chó cùng tấn công một lúc. Một con lao vào cổ và con kia vào bụng. Với một cú đánh tuyệt vọng cuối cùng, con gấu đập xuống con chó đang cắn cổ họng nó. Một dòng máu phun ra kinh khủng. Đám đông hét lên tán thưởng. Lúc đầu Tom nghĩ con chó đã giết chết con gấu, nhưng ngược lại: dòng máu chảy ra từ con chó đang nằm trên mặt đất với vết thương nơi cổ. Máu nó bơm ra một lúc lâu rồi dừng hẳn. Nó đã chết. Nhưng trong lúc đó con chó còn lại đã cắn xé bụng con gấu và ruột của nó rơi ra ngoài. Con gấu cào con chó một cách yếu ớt. Con chó né tránh dễ dàng và tấn công lần nữa và lại cắn vào ruột nó. Con gấu lao đảo và dường như sắp ngã quy. Đám đông hò hét vì hứng khởi. Từ đồng ruột của con gấu bay ra một mùi hôi thối khủng khiếp. Nó thu thập sức lực còn lại và tấn công con chó một lần nữa. Các đòn giáng xuống liên tiếp tạo nên một vết thương dài vấy máu trên lưng con chó; nhưng vết thương chỉ bề ngoài và con chó biết con gấu đã kiệt sức, vì thế nó quay lại tấn công ngay, cắn vào đám lông cho đến khi, sau cùng, con thú to lớn nhắm mắt lại và lăn xuống đất, chết.

Người giữ gấu bước ra phía trước và nắm con chó chiến thắng bằng chiếc vòng cổ. Người bán thịt ở Kingsbridge và người học việc của ông bước ra khỏi đám đông và bắt đầu cắt gấu lấy thịt: Tom cho rằng họ đã trả giá trước với người giữ gấu. Những người thắng cược đòi tiền thắng của mình. Mọi người đều muốn vỗ con chó còn sống. Tom tìm Jonathan. Ông không thấy cậu.

Trong suốt buổi đấu gấu, đứa bé chỉ đứng xa đó mấy dặm. Làm sao cậu có thể biến mất được? Phải có chuyện gì đó xảy ra vào lúc cao điểm của cuộc tranh tài và lúc Tom chăm chú vào trận đấu. Bây giờ ông tự trách mình. Ông tìm kiếm trong đám đông. Tom cao hơn người khác cả chiếc đầu, và Jonathan dễ nhận ra trong bộ tu phục và chiếc đầu trọc; nhưng ông không thấy cậu đâu.

Đứa trẻ không thể gặp nguy hiểm trong khu tu viện, nhưng cậu có thể đi qua những thứ mà Tu viện trưởng Philip không muốn cậu nhìn thấy, thí dụ như gái điếm phục vụ khách hàng của họ bên cạnh bức tường tu viện. Nhìn quanh, Tom ngược mắt lên giàn giáo cao, và trên đó, trong sự kinh hãi, ông nhìn thấy một hình dáng nhỏ trong tu phục.

Ông hoảng sợ. Ông muốn hét to lên: Đừng di chuyển, nếu không con sẽ ngã! Nhưng lời của ông sẽ bị mất hút trong tiếng ồn ào của hội chợ. Ông chen qua đám đông về hướng nhà thờ chính tòa. Jonathan chạy dọc theo giàn giáo, mãi mê trong trò chơi tưởng tượng của cậu, không chú ý đến sự nguy hiểm rằng cậu có thể trượt chân ngã và rơi xuống tám mươi bộ. Sự kinh hoàng như mật đắng dâng lên trong cổ ông và ông nuốt nó xuống.

Giàn giáo không được dựng từ mặt đất, nhưng trên những thanh gỗ nặng được gắn chặt vào tường trên cao. Những thanh gỗ này chia ra hơn sáu bộ. Những đà ngang được đặt dọc theo chúng và được cột lại bằng dây và những tấm đan bằng lau sậy và cây non được đặt trên chúng. Thông thường người ta đến giàn giáo bằng cầu thang xoắn được xây trong tường dày. Nhưng những cầu thang này hôm nay đã bị khóa. Làm sao Jonathan có thể trèo lên đó? Và không có cầu thang nào – Tom đã thấy điều đó và Jack đã hai lần kiểm tra. Đứa trẻ phải trèo lên từ đầu bức tường còn đang xây dở. Phần cuối bức tường đã được đóng kín bằng gỗ, nhưng Jonathan có thể đã trèo lên chướng ngại vật. Cậu bé hoàn toàn tự tin – nhưng mỗi ngày cậu ấy ngã ít nhất một lần.

Tom đến dưới chân tường và nhìn lên lo sợ. Jonathan đang vui vẻ chơi ở độ cao tám mươi bộ. Sự sợ hãi như bàn tay lạnh nắm lấy tim ông. Ông hét to: “Jonathan!”

Những người chung quanh giật mình, nhìn lên xem ông đang hét chuyện gì. Khi phát hiện ra đứa nhỏ trên giàn giáo, họ chỉ cho bạn bè của họ. Một đám đông tụ tập lại.

Jonathan không nghe thấy gì. Tom khum tay quanh miệng và hét to lên lần nữa: “Jonathan! Jonathan!”

Lần này đứa nhỏ nghe thấy. Cậu nhìn xuống thấy Tom và giơ tay vẫy.

Tom hét lên: “Đi xuống!”

Jonathan dường như nghe lời, rồi cậu nhìn dọc bờ tường mà cậu phải đi, và độ dốc của cầu thang mà cậu phải xuống và cậu thay đổi ý định. “Cháu không thể!” cậu nói lại, và giọng thánh thót của cậu dội xuống những người trên mặt đất.

Tom nhận ra ông phải đi lên để đem cậu xuống. “Hãy đứng yên đó cho đến khi bác lên đến nơi!” ông la lên. Ông đẩy khối gỗ khỏi những bậc thấp và trèo lên tường.

Nó rộng bốn bộ dưới chân, nhưng nó hẹp hơn khi lên cao. Tom trèo lên đều đặn. Ông bị cám dỗ phải vội vàng, nhưng ông tự kiềm chế để giữ bình tĩnh. Khi ông ngược lên ông thấy Jonathan ngồi trên một cạnh của giàn giáo, đong đưa đôi chân ngắn của cậu giữa không trung.

Ở trên đỉnh, bức tường chỉ còn dày hai bộ. Ngay cả như thế nó vẫn còn đủ rộng để đi, miễn là bạn có thần kinh tốt, và Tom đã vượt qua. Ông đi theo bức tường, nhảy xuống giàn giáo và bế Jonathan trong tay. Một gợn sóng nhẹ nhõm bao trùm ông. “Cháu, một đứa bé ngu ngốc,” ông nói, nhưng giọng ông đầy yêu thương và Jonathan ôm ông.

Một lúc sau Tom nhìn xuống. Ông thấy biển người, hàng trăm khuôn mặt đang theo dõi. Có lẽ họ nghĩ nó là một màn trình diễn khác, giống như đấu gấu. Tom nói với Jonathan: “Được rồi, bây giờ chúng ta đi xuống.” Ông đặt đứa bé trên tường và nói: “Bác sẽ ở đằng sau cháu, vì thế đừng sợ.”

Jonathan chưa tin lắm. “Cháu sợ lắm,” cậu nói. Cậu giơ tay ra đòi bế, và khi Tom ngập ngừng cậu bật khóc.

“Không sao, bác sẽ bế cháu,” Tom nói. Ông không hài lòng về việc ấy, nhưng bây giờ Jonathan không còn tự tin ở độ cao này. Tom trèo lên tường, quỳ xuống bên cạnh Jonathan, bế cậu lên và đứng thẳng người lên.

Jonathan ôm chặt lấy ông.

Tom bước về phía trước. Vì ông có đứa bé trên tay nên ông không thể nhìn thấy những viên đá dưới chân ông. Không gì có thể giúp được ông. Với trái tim đập mạnh, ông đặt từng bước chân cẩn thận lên bức tường. Ông không sợ cho chính ông, nhưng với đứa nhỏ trên tay ông kinh hãi. Sau cùng ông đến chỗ bắt đầu có bậc thang đi xuống. Lúc đầu nó không rộng, nhưng dường như các bậc thang ít dừng đứng. Ông bước xuống với lòng biết ơn. Sau mỗi bước chân ông cảm thấy bình tĩnh hơn. Khi ông xuống đến hành lang bên trên, và bức tường rộng đến ba bộ, ông dừng lại thở.

Ông nhìn ra, qua khu tu viện, về phía bên kia Kingsbridge, tới các cánh đồng xa, và ở đó ông nhìn thấy một cái gì đó làm ông bồn chồn. Đó là một đám bụi trên đường dẫn đến Kingsbridge, cách xa khoảng nửa dặm. Một lúc sau ông nhận ra một đoàn người trên lưng ngựa đang tiến nhanh về phía thị trấn. Ông nhìn vào khoảng xa, cố gắng tìm xem họ là ai. Lúc đầu ông nghĩ đó phải là một thương gia giàu có, hay một nhóm thương gia với đoàn tùy tùng lớn, nhưng có quá nhiều người và họ không giống như những người thương gia. Ông cố gắng nghĩ cái gì đã làm họ trông không giống thương gia. Khi họ đến gần hơn ông thấy rằng một số người cưỡi ngựa chiến, hầu hết có mũ sắt và họ được trang bị vũ khí.

Bất ngờ ông cảm thấy sợ.

“Giêsu, những người này là ai?” ông nói lớn.

“Đừng kêu tên Giêsu,” Jonatha khiển trách ông.

Dù họ là ai, họ sẽ đem đến rắc rối.

Tom vội vã xuống cầu thang. Đám đông reo hò khi ông nhảy xuống đất. Ông bỏ qua họ. Ellen và con cái ở đâu? Ông nhìn quanh, nhưng không thấy họ.

Jonathan cố gắng lách khỏi vòng tay ông. Tom giữ chặt cậu. Khi ông đã có đứa con út ở đây, việc đầu tiên phải làm là đem cậu đến một nơi an toàn. Rồi ông có thể tìm những đứa khác. Ông len qua đám đông tới cửa dẫn vào tu viện. Cửa khóa phía trong, để bảo vệ sự riêng tư của tu viện trong suốt buổi hội chợ. Tom đập cửa và hét lên: “Hãy mở ra!”

Không có động tĩnh.

Tom không chắc chắn có ai ở trong tu viện không. Không còn thời gian để suy đoán. Ông lui lại, đặt Jonathan xuống, dơ chân phải và đập vào cửa. Gõ xung quanh khóa bể ra. Ông đập thêm cái nữa, mạnh hơn. Cánh cửa bật mở. Phía sau một tu sĩ già xuất hiện, nhìn kinh ngạc. Tom bế Jonathan và đặt cậu vào bên trong. “Hãy giữ cậu bé ở đây,” ông nói với vị tu sĩ già. “Có chuyện rắc rối xảy ra.”

Vị tu sĩ yên lặng gật đầu và nắm tay Jonathan.

Tom đóng cửa lại.

Bây giờ ông phải tìm phần còn lại của gia đình giữa đám đông hơn ngàn người này.

Một nhiệm vụ gần như không thể thực hiện được làm ông sợ. Ông không thấy một khuôn mặt quen thuộc nào. Ông trèo lên một thùng bia trống để nhìn cho rõ hơn. Trời vào giữa trưa và hội chợ đang ở cao điểm. Đám đông di chuyển giống như một dòng sông chảy chậm dọc theo lối đi giữa các quầy hàng, và dân chúng xếp hàng chung quanh quầy đồ ăn và nước uống để mua đồ ăn trưa. Tom nhìn qua đám đông nhưng không thấy bất cứ ai trong gia đình ông. Ông tuyệt vọng. Ông nhìn qua mái nhà. Các người cưỡi ngựa đã đến gần chân cầu, và tăng tốc độ. Họ là binh lính, tất cả họ, và họ mang theo những ngọn đuốc cháy. Tom kinh hoàng. Nó sẽ là một thảm họa.

Bất ngờ ông thấy Jack bên cạnh ông, nhìn lên ông với một biểu hiện của thích thú. “Tại sao dựng lại đứng trên thùng bia?” cậu nói.

“Có chuyện rắc rối xảy ra!” Tom nói khẩn trương. “Mẹ con đâu?”

“Ở quầy Aliena. Chuyện gì rắc rối vậy?”

“Rất xấu. Alfred và Martha ở đâu?”

“Martha với mẹ. Alfred xem đá gà. Chuyện gì vậy?”

“Hãy lên mà xem.” Tom đưa tay kéo Jack lên. Jack đứng bấp bênh trên mặt thùng trước mặt Tom. Các kỵ binh đã chạy thành thịch trên chiếc cầu vào làng. Jack nói: “Chúa ơi, họ là ai vậy?”

Tom nhìn chăm chú vào người lãnh đạo, một người to lớn trên lưng con ngựa chiến. Ông nhận ra mái tóc vàng và hình dáng nặng nề. “Đó là William Hamleigh,” ông nói.

Khi các kỵ binh đến các nhà, họ châm lửa vào mái nhà, làm mái tranh bốc cháy. “Chúng đốt thị trấn!” Jack phát ra.

“Nó còn xấu hơn những gì bác tưởng,” Tom nói. “Hãy đi xuống.”

Cả hai nhẩy xuống đất.

“Con đi đón mẹ và Martha,” Jack nói.

“”Đem họ đến tu viện,” Tom khẩn trương nói. “Nó là nơi an toàn duy nhất.”

“Nếu họ khóa cửa?”

“Dượng đã phá ổ khóa. Đi nhanh lên! Dượng đi đón Alfred. Đi đi!”

Jack vội vã ra đi. Tom đến chỗ đá gà, đẩy mọi người dạt sang hai bên. Nhiều người phản đối, nhưng ông phớt lờ họ và họ im lặng khi nhìn thấy dáng to lớn của ông và nét quả quyết trên khuôn mặt ông. Chẳng bao lâu sau khói của các nhà cháy thối vào khu tu viện. Tom ngửi thấy nó, và ông nhận thấy một hai người khác cũng cảm thấy không khí có một cái gì khác thường. Ông chỉ còn vài phút trước khi hoảng loạn xảy ra.

Khu đá gà gần cổng vào tu viện. Một đám đông ồn ào tụ tập quanh đấy. Tom len qua, tìm kiếm Alfred. Ở giữa đám đông là một chỗ trống trong mặt đất khoảng hai bộ. Trong chỗ trống hai con gà xé xác nhau bằng mỏ và móng vuốt. Khắp nơi có lông và máu. Alfred ở gần phía trước, chăm chú theo dõi và la hét, kích động con này hay con kia. Tom chen đến cậu và nắm vai cậu. “Đi!” ông hét to.

“Con đã đặt cược sáu xu ở con gà đen!” Alfred nói lại.

“Chúng ta phải ra khỏi đây!” Tom hét lên. Lúc đó một làn khói thối qua khu đá gà. “Con có ngửi thấy mùi cháy không?”

Một hai người khán giả nghe thấy chữ cháy và tò mò nhìn vào Tom. Mùi khét lại thối qua và tất cả họ đều ngửi thấy. Alfred cũng ngửi thấy nữa. “Cái gì thế?” cậu nói.

“Thị trấn đang cháy!” Tom nói.

Bất thành linh mọi người đều muốn rời khỏi đó. Mọi người phân tán khắp hướng, xô đẩy nhau. Trong chỗ đá gà, con gà đen đã thắng con gà nâu, nhưng không ai để ý đến nó nữa. Alfred đi sai hướng. Tom nắm lấy cậu. “Chúng ta đến tu viện,” ông nói. “Nó là nơi an toàn duy nhất.”

Từng cuộn khói to bay đến, và sự sợ hãi lan nhanh trong đám đông. Mọi người bối rối nhưng không ai biết phải làm gì. Nhìn qua đầu người, Tom có thể thấy dân chúng đổ ra ngoài cổng tu viện; nhưng chiếc cổng hẹp, và một cách nào đó ở bên ngoài cũng không an toàn hơn ở đây. Tuy nhiên, nhiều người đi theo hướng đó, và ông cùng Alfred chen lẫn vật vờ theo hướng ngược lại. Rồi, hoàn toàn bất ngờ, làn sóng quay ngược lại kéo mọi người theo. Tom nhìn quanh để tìm ra nguyên nhân của thay đổi, và ông nhìn thấy kỵ binh đầu tiên vào khu tu viện.

Lúc đó đám đông trở thành hỗn loạn.

Kỵ binh là hình ảnh kinh hãi. Con ngựa khổng lồ của họ, cũng sợ hãi như đám đông, lao vào, lồng lên và tấn công, giẫm đạp lên bất cứ ai trên đường. Các kỵ binh được trang bị vũ trang và nón sắt, gậy và đuốc. Họ đánh lên đàn ông, đàn bà và trẻ em, và châm lửa lên các quầy hàng, quần áo và tóc người. Mọi người la hét. Thêm nhiều kỵ binh vào qua cổng, và càng nhiều người biến mất dưới móng ngựa to lớn. Tom hét vào tai Alfred: “Con đi vào tu viện – Bố muốn xem những người khác đã được an toàn chưa. Chạy đi!” Ông đẩy cậu. Alfred đi khỏi đó.

Tom đi đến gian hàng của Aliena. Ngay lập tức ông vấp phải người nào đó và ngã xuống đất. Chười rửa, ông ngồi dậy; nhưng trước khi ông có thể đứng lên, ông nhìn thấy con ngựa chiến cúi xuống ông. Con thú vênh tai, lỗ mũi nó hếch lên, và Tom có thể thấy màu trắng trong cặp mắt kinh hãi của nó. Bên trên đầu ngựa Tom nhìn thấy khuôn mặt lực lưỡng của William Hamleigh, cau lại vì hận thù và đắc thắng. Một tư tưởng lóe lên trong đầu ông, nó sẽ hạnh phúc biết bao nếu được ôm Ellen trong tay một lần nữa. Rồi một chiếc móng lớn đá chính xác vào trán ông, ông cảm thấy một sự đau đớn khủng khiếp, đáng sợ như thể đầu óc ông vỡ ra, và cả thế giới thành màu đen.

Lúc đầu, khi Aliena ngửi thấy mùi khói, cô nghĩ nó đến từ bếp mà cô đang dự định phục vụ cho khách hàng ăn.

Ba người mua người Bỉ ngồi ở bàn giữa trời, đằng trước cửa hàng của cô. Họ là những người đàn ông to con, râu đen, nói tiếng Anh với giọng Đức nặng và quần áo họ làm bằng thứ vải tốt, tinh xảo. Mọi thứ tiến triển

tốt đẹp. Cô đã gần bắt đầu giao dịch, và đã quyết định mời họ ăn trưa trước để kéo dài thời gian cho họ lo lắng. Tuy nhiên, cô sẽ vui khi đồng tài sản khổng lồ bằng len này được chuyển qua tay người khác. Cô đặt đĩa thịt heo nướng mật ong trước mặt họ và nhìn nó kiểm soát. Da thịt giòn và vàng nâu. Cô rót thêm rượu. Một người mua ngửi trong không khí, rồi tất cả nhìn quanh sợ hãi. Lửa đối với thương gia len luôn là ác mộng. Cô nhìn Ellen và Martha, người đang giúp cô phục vụ khách. “Bà có ngửi thấy mùi khói không?” cô hỏi.

Trước khi họ có thể trả lời, Jack xuất hiện. Aliena không quen nhìn cậu trong tu phục, với mái tóc màu cà rốt bị gọt trọc trên đỉnh đầu. Có một nét bối rối trên khuôn mặt đẹp của cậu. Cô cảm thấy một sự thôi thúc đột ngột, muốn ôm cậu trong vòng tay và hôn đi vết nhăn trên trán cậu. Nhưng cô vội quay đi, nhớ lại cô đã bỏ rơi cậu trong nhà máy xay cách đây sáu tháng. Cô vẫn còn đỏ mặt xấu hổ khi nhớ về chuyện đó.

“Có chuyện xảy ra,” cậu khẩn trương hét lên. “Tất cả chúng ta phải lánh nạn vào tu viện.”

Cô nhìn cậu. “Cái gì xảy ra vậy? Có đám cháy phải không?”

“Đó là Bá tước William và các kỵ binh của ông,” cậu nói.

Bất ngờ Aliena lạnh người giống như ngôi mộ. William. Lại cậu ấy.

Jack nói: “Họ đốt thị trấn. Tom và Alfred đang đi đến tu viện. Đi theo tôi nhanh lên.”

Ellen làm đổ đĩa rau trên bàn trước mặt các người mua người Bỉ. “Đúng,” cô nói. Cô nắm lấy cánh tay của Martha. “Đi thôi!”

Aliena nhìn hoảng hốt vào nhà kho của cô. Cô có số len thô trị giá hàng trăm bảng Anh trong đó, nên cô phải chống lại lửa – nhưng bằng cách nào? Cô bắt gặp ánh mắt Jack. Cậu nhìn cô chờ đợi. Các người mua vội vã rời khỏi bàn. Aliena nói với Jack: “Hãy đi đi. Tôi còn phải trông cửa hàng của tôi.”

Ellen nói: “Jack – đi thôi!”

“Đợi một chút,” cậu nói và quay lại Aliena.

Aliena nhìn Ellen ngẩn ngại. Bà bị giằng co giữa ước muốn cứu sống Martha và chờ Jack. Một lần nữa bà nói: „Jack! Jack!“

Cậu quay lại phía bà. „Mẹ! Mang theo Martha và đi đi!“

„Được rồi!“ Bà nói. „Nhưng mau lên!“ Bà và Martha rời khỏi.

Jack nói: „Thị trấn đang cháy. Tu viện là nơi an toàn nhất – chúng được làm bằng đá. Đi theo tôi, nhanh lên.“

Aliena có thể nghe thấy tiếng la hét từ hướng cổng tu viện. Bất ngờ khói ở khắp nơi. Cô nhìn quanh xem điều gì xảy ra. Lòng cô đầy sợ hãi. Mọi thứ cô đã làm trong hơn sáu năm qua được chất đống trong kho.

Jack nói: „Aliena! Đến tu viện ngay – chúng ta sẽ được an toàn ở đó.“

„Tôi không thể!“ Cô la lên. „Còn len của tôi!“

„Bỏ nó đi!“

„Nó là tất cả những gì tôi có.“

„Nó không còn ý nghĩa gì nếu cô chết!“

„Nó dễ cho anh để nói như thế - nhưng tôi đã trải qua bao năm tháng để có được chỗ đứng này –„

„Aliena! Đi thôi!“

Đột nhiên dân chúng ngay trước cửa hàng la hét trong kinh hãi rợn người. Các kỵ binh đã vào trong khu tu viện và đột kích qua đám đông, giẫm đạp lên bất cứ ai, đốt cháy các cửa hàng. Những khách thăm viếng hội chợ hoảng sợ, giẫm lên nhau trong nỗ lực tuyệt vọng để tìm cách tránh vó ngựa và đám cháy. Đám đông chen lấn nhau ép đổ hàng rào bằng gỗ mỏng manh trước quầy hàng Aliena. Mọi người đổ vào khoảng trống trước nhà kho và làm đổ các đĩa thức ăn và ly rượu. Jack và Aliena buộc phải lùi lại. Hai kỵ binh đột kích vào gian hàng, một người vung gậy như điên cuồng, người kia vung cây đuốc cháy. Jack đứng ra trước Aliena che chắn cho cô. Một cây gậy đánh xuống đầu cô, nhưng Jack đưa một cánh tay bảo vệ cô và cây gậy trúng vào cổ tay cậu. Cô cảm thấy cú đánh nhưng cậu bị hậu quả. Khi cô nhìn lên, cô thấy khuôn mặt người kỵ binh thứ hai.

Đó là William Hamleigh.

Aliena hét lên.

Cậu nhìn cô một lúc, với cây đuốc cháy trên tay và ánh chiến thắng lấp lánh trong mắt cậu. Rồi cậu thúc ngựa và ép nó vào trong nhà kho.

“Đừng!” Aliena hét lên.

Cô vùng vẫy để thoát khỏi đám đông đang chen lấn, xô đẩy và dấn vào những người chung quanh, kể cả Jack. Sau cùng cô được tự do và lao vào nhà kho. William nghiêng ra khỏi yên ngựa, đưa ngọn đuốc vào đồng bao len. “Đừng!” cô hét lên lần nữa. Cô lao vào cậu và cố đẩy cậu ra khỏi con ngựa. Cậu gạt cô sang một bên và cô ngã xuống đất. Cậu dơ ngọn đuốc một lần nữa vào các bao len. Len bốc cháy với một tiếng nổ ầm ầm. Con ngựa lồng lên và hí vang vì sợ hãi ngọn lửa. Bất ngờ Jack có mặt ở đó, kéo Aliena ra khỏi đó. William quay ngựa và nhanh chóng ra khỏi nhà kho. Aliena đứng dậy. Cô nhặt một bao không và cố dập tắt ngọn lửa. Jack nói: “Aliena, cô sẽ chết!” Sức nóng không thể chịu đựng được. Cô nắm một bao len chưa bắt lửa và cố kéo nó ra ngoài. Bất ngờ cô nghe tiếng ầm ầm bên tai và cảm thấy nóng dữ dội trên mặt, và cô kinh hoàng nhận ra tóc cô đang bị cháy. Ngay sau đó Jack lao vào cô, vòng tay qua đầu cô và kéo cô sát vào người cậu. Cả hai ngã xuống đất. Cậu giữ chặt cô một lúc, sau đó bỏ cô ra. Cô có mùi tóc xém cháy, nhưng ngọn lửa đã tắt. Cô có thể nhìn thấy mặt Jack bị cháy nám và lông mày của cậu đã cháy rụi. Cậu nắm cổ chân và kéo cô ra ngoài cửa. Cậu tiếp tục kéo cô, mặc dù cô giãy giụa, cho đến khi cả hai ra đến ngoài.

Khu vực gian hàng của cô trống rỗng. Jack thả cô ra. Cô cố gắng đứng lên, nhưng cậu nắm lấy cô và giữ cô lại. Cô tiếp tục chống cự, nhìn chăm chăm vào ngọn lửa điên cuồng đang thiêu hủy bao năm tháng vất vả và lo lắng của cô, tất cả sự giàu có và bảo đảm, cho đến khi cô không còn sức để chống lại cậu. Rồi cô nằm đó và hét lên.

Philip đang ở trong hầm dưới nhà bếp tu viện, đang đếm tiền với Cuthbert Whitehead, khi ông nghe tiếng ồn ào. Ông và Cuthbert nhìn nhau, cau mày, rồi đứng lên xem chuyện gì xảy ra.

Họ bước ra cửa vào cuộc hỗn loạn.

Philip kinh hoàng. Dân chúng chạy về mọi phía, xô đẩy, ngã xuống và chà đạp lên nhau. Đàn ông, đàn bà la hét và trẻ em khóc lóc. Không khí đầy khói. Mọi người dường như cố gắng ra khỏi khu tu viện. Ngoài cửa chính, lối ra còn lại là xuyên qua khoảng cách giữa nhà bếp và nhà máy xay. Ở đó không có tường, nhưng có một con rạch sâu dẫn nước từ hồ nhà máy xay

vào xương bia. Philip muốn cảnh cáo mọi người phải cẩn thận vì con rạch, nhưng không còn ai nghe ai.

Nguyên nhân của cuộc xô đẩy rõ ràng là do đám cháy, và là một đám cháy lớn. Không khí đầy với khói từ đám cháy. Philip đầy sợ hãi. Với một số đông người như thế này trong một khu vực chật hẹp có thể gây nên nhiều tử vong. Nhưng làm gì bây giờ?

Trước hết ông phải tìm ra chính xác chuyện gì xảy ra. Ông chạy lên các bậc thang đến cửa nhà bếp để có một cái nhìn tốt hơn. Những gì ông thấy làm ông sợ hãi.

Cả thị trấn Kingsbridge ở trong biển lửa.

Một tiếng kêu kinh hoàng và tuyệt vọng thoát ra khỏi miệng ông.

Làm sao chuyện này có thể xảy ra?

Rồi ông nhìn thấy những kỵ binh, xuyên qua đám đông với ngọn đuốc cháy, và ông nhận ra đó không phải là một tai nạn. Lúc đầu ông nghĩ nó là cuộc chiến giữa hai phía trong cuộc nội chiến, và do một cách nào đó đã xảy ra ở Kingsbridge. Nhưng các kỵ binh lại tấn công cư dân, chứ không phải người khác. Nó không phải là cuộc chiến: nó là một cuộc thảm sát.

Ông nhìn thấy một người đàn ông to lớn tóc vàng trên con ngựa chiến xuyên qua đám đông. Đó là William Hamleigh.

Sự tức giận dâng lên trong lòng ông. Nghĩ đến sự tàn sát và phá hủy xảy ra chỉ vì lòng tham và kiêu ngạo làm ông tức điên lên. Ông hét lớn: “Tôi thấy ông, William Hamleigh!”

William nghe thấy có ai gọi tên mình giữa tiếng la hét của đám đông. Cậu ghì cương ngựa và bắt gặp đôi mắt của Philip.

Philip hét lên: “Ông sẽ xuống hỏa ngục vì chuyện này!”

Nét mặt William đầy khát máu. Ngay cả những đe dọa làm cậu sợ nhất cũng không có tác dụng với cậu hôm nay. Cậu như một người điên. Cậu vẫy vẫy ngọn đuốc trong không như một ngọn cờ. “Đây là địa ngục, tu sẽ à!” cậu nói lại, và cậu quay ngựa đi khỏi.

Bất ngờ mọi người đã biến hết, kể cả các kỵ binh và đám đông. Jack buông tay ôm Aliena ra và đứng lên. Tay phải cậu như tê liệt. Cậu nhớ lại

cậu đã đỡ một đòn trên đầu Aliena. Cậu vui vì tay cậu đau. Cậu hy vọng nó sẽ đau một thời gian dài để nhắc nhở cậu.

Nhà kho là một địa ngục, và những ngọn lửa nhỏ vẫn cháy xung quanh. Mặt đất rải rác người, một số còn cử động, một số chảy máu, một số khác khập khễnh hoặc bất động. Ngoài tiếng lách tách của ngọn lửa, tất cả đều im lặng. Đám đông đã đi khỏi bằng cách này hay cách khác, bỏ lại những xác chết và những người bị thương. Jack cảm thấy choáng váng. Cậu chưa bao giờ nhìn thấy một bãi chiến trường, nhưng cậu tưởng tượng nó phải giống như thế này.

Aliena bắt đầu khóc. Jack đặt một tay lên vai an ủi cô. Cô đẩy nó đi. Cậu đã cứu sống cô, nhưng cô không quan tâm đến chuyện đó: cô chỉ quan tâm đến số len của cô mà bây giờ đã cháy thành tro. Cậu nhìn cô một lúc lâu, cảm thấy buồn. Hầu hết tóc cô đã bị cháy, và cô không còn xinh đẹp, nhưng cậu vẫn yêu cô như thường. Nó làm cậu đau khi thấy cô quẫn trí và cậu không thể an ủi cô.

Cậu cảm thấy chắc chắn cô sẽ không cố ý đi vào nhà kho nữa. Cậu lo lắng về phần còn lại của gia đình cậu, vì thế cậu bỏ Aliena và đi tìm họ.

Mặt cậu bị thương. Cậu đặt một tay lên má và nó đau nhói. Cậu cũng bị phỏng nữa. Cậu nhìn những người nằm trên mặt đất. Cậu muốn làm một cái gì đó cho những người bị thương, nhưng cậu không biết bắt đầu từ đâu. Cậu tìm kiếm những khuôn mặt quen thuộc trong đám người xa lạ, hy vọng không nhìn thấy ai. Mẹ và Martha đã đi vào tu viện - họ đã đi trước đám đông, cậu nghĩ. Tom có tìm được Alfred không? Cậu quay về hướng tu viện. Rồi cậu thấy Tom.

Thân xác to lớn của bố dượng nằm sõng soài trên mặt bùn. Ông hoàn toàn bất động. Mặt ông vẫn còn nhận ra được, trông thật bình an, nhưng trán ông bị thương và đầu ông vỡ ra. Jack kinh hoàng. Tom không thể chết. Nhưng thân xác này không còn sự sống. Cậu quay đi chỗ khác, rồi lại quay lại. Đây là Tom, và ông đã chết.

Jack quỳ xuống bên thi thể ông. Cậu cảm thấy bị thúc bách phải làm một cái gì, hay nói một điều gì, và lần đầu tiên cậu hiểu tại sao dân chúng hay cầu nguyện cho người chết. “Mẹ sẽ nhớ dượng khủng khiếp,” cậu nói. Cậu

nhớ lại lời trách móc giận dữ cậu đã nói với ông trong ngày cậu đánh nhau với Alfred. “Hầu hết những điều đó đều không đúng sự thật,” cậu nói, và nước mắt cậu bắt đầu rơi. “Dượng đã không bỏ rơi con. Dượng đã nuôi con và chăm sóc con, và dượng làm cho mẹ con hạnh phúc, thật sự hạnh phúc.” Nhưng còn có cái quan trọng hơn tất cả những điều đó, cậu nghĩ. Những gì Tom đã cho cậu không phải là những cái quá tầm thường như đồ ăn và chỗ ở. Tom đã cho cậu một cái gì đó độc đáo, một cái mà không người nào khác đã cho, một cái mà ngay cả bố ruột của cậu cũng không có thể cho cậu; cái gì đó chính là niềm đam mê, một kỹ năng, một nghệ thuật và một cách sống. “Dượng đã cho con nhà thờ chính tòa,” Jack thì thầm với người đã chết. “Con cảm ơn dượng.”

PHẦN MƯỜI MỘT

1142 – 1145

I

Cảm xúc về chiến thắng của William bị tan biến qua lời tiên tri của Philip: thay vì cảm thấy hài lòng và mừng rỡ, cậu hoảng sợ vì cậu sẽ phải xuống hỏa ngục vì những việc cậu đã làm.

Cậu đã kiêu hãnh trả lời Philip: “Đây là địa ngục, tu sĩ à!” nhưng đó là trong sự phấn khích của cuộc tấn công. Khi mọi chuyện đã qua đi và đội quân của cậu rút ra khỏi thi trấn rực lửa; khi ngựa và nhịp tim họ đã chậm lại; khi cậu có giờ để nhìn lại cuộc tấn công, và nghĩ về bao nhiêu người cậu đã gây thương tích, đã đốt và đã giết chết; rồi cậu nhớ lại khuôn mặt giận dữ của Philip, và ngón tay ông chỉ thẳng vào đất, và những lời kết án: “Ông sẽ xuống hỏa ngục vì chuyện này!”, cậu cảm thấy hoang mang.

Khi màn đêm buông xuống cậu hoàn toàn chán nản. Những chiến binh của cậu muốn kể về cuộc đột kích, sống lại những giây phút cao độ và hồi hởi về cuộc tàn sát, nhưng chẳng bao lâu sau họ nhận ra tâm trạng của cậu và trở nên yên lặng ảm đạm. Họ qua đêm hôm ấy trong ngôi nhà lớn của một người thuê nhà của William. Trong bữa ăn tối nhóm đàn ông đã uống cho đến khi không còn biết gì. Người thuê nhà biết người đàn ông muốn gì sau cuộc chiến nên đã đem về một số cô gái điếm từ Shiring; nhưng việc làm ăn của họ thất bại. William thao thức cả đêm, hoảng sợ cậu có thể chết trong giấc ngủ và đi thẳng xuống hỏa ngục.

Buổi sáng hôm sau, thay vì về lại lâu đài lãnh chúa, cậu đi gặp Giám mục Waleran. Giám mục không ở dinh thự khi họ đến, nhưng Dean

Baldwin nói với William rằng ông ấy sẽ trở về vào buổi chiều. William chờ trong nhà nguyện, nhìn vào thánh giá trên bàn thờ và run rẩy bất chấp cơn nóng mùa hè.

Sau cùng khi Waleran trở về, William cảm thấy muốn hôn chân ông.

Giám mục đi nhanh vào nhà nguyện trong bộ áo choàng đen và lạnh lùng nói: “Ông làm gì ở đây?”

William đứng lên, cố gắng dấu sự kinh sợ khốn khổ đằng sau bộ mặt tự chủ của cậu. “Tôi vừa đốt thị trấn Kingsbridge –“

“Tôi biết,” Waleran cắt ngang. “Cả ngày hôm nay tôi chẳng nghe chuyện gì khác ngoài chuyện đó. Chuyện gì xảy ra cho ông? Ông điên à?”

Phản ứng này làm William hoàn toàn ngạc nhiên. Cậu đã không thảo luận cuộc đột kích với Waleran trước đó vì cậu chắc chắn Waleran sẽ chấp thuận: Waleran ghét mọi chuyện liên quan đến Kingsbridge, đặc biệt đến Tu viện trường Philip. William đã chờ đợi ông sẽ hài lòng, nếu không phải là thích thú. William nói: “Tôi đã tiêu diệt quân thù lớn nhất của ông. Bây giờ tôi cần xưng tội.”

“Tôi không ngạc nhiên,” Waleran nói. “Người ta nói rằng một trăm người bị chết cháy.” Ông rùng mình. “Một cách chết khủng khiếp.”

“Tôi sẵn sàng để xưng tội,” William nói.

Waleran lắc đầu. “Tôi không biết tôi có thể tha tội cho ông được không.”

Một tiếng kêu hoảng sợ từ miệng William. “Tại sao không?”

“Ông biết rằng Giám mục Henry thành Winchester và tôi đã chuyển sang phía vua Stephen. Tôi không nghĩ nhà vua sẽ đồng ý sự tha tội của tôi cho một người đứng về phía nữ hoàng Maud.”

“Đồ đểu, Waleran, chính ông là người đã thuyết phục tôi đổi chủ!”

Waleran nhún vai. “Đổi lại.”

William nhận ra đây là mục tiêu của Waleran. Ông ấy muốn William liên minh với Stephen. Thái độ kinh hoàng của Waleran về việc đốt Kingsbridge chỉ là giả tạo: ông ấy chỉ muốn tạo nên một vị thế để thương lượng. Sự nhận thức này mang lại cho William sự an tâm vì nó có nghĩa rằng Waleran một cách cơ bản không từ chối tha tội cho ông. Nhưng cậu có

muốn đổi đồng minh một lần nữa không? Lúc đó cậu không nói gì như thế cậu cố gắng nghĩ một cách bình tĩnh.

“Trong suốt mùa hè Stephen đã có nhiều chiến thắng,” Waleran tiếp tục. “Maud đã yêu cầu chồng bà từ Normady đến để giúp bà, nhưng ông ấy từ chối. Xu thế này đang có lợi cho chúng ta.”

Một viễn cảnh khủng khiếp mở ra trước mắt William: giáo hội từ chối tha tội ác cho ông; cảnh sát cáo ông tội giết người; vua Stephen chiến thắng đứng sau lưng giáo hội và cảnh sát; và chính William bị lên án và bị treo cổ...

“Hãy như tôi, và theo Giám mục Henry – ông ấy biết gió đi chiều nào,” Waleran thúc giục. “Nếu mọi chuyện trôi chảy, Winchester sẽ thành tổng giáo phận, và Henry sẽ là tổng giám mục của Winchester – ngang hàng với tổng giám mục ở Canterbury. Và khi Henry qua đời, ai biết được, có thể tôi sẽ là người kế nghiệp. Sau đó... vâng, chúng ta đã có một hồng y người Anh – một ngày nào đó có thể có một giáo hoàng người Anh...”

William nhìn chăm chăm vào Waleran, bất chấp nỗi sợ hãi của cậu, cậu bị thu hút bởi tham vọng lộ liễu được tỏ lộ trên khuôn mặt trơ cứng của vị giám mục. Waleran là giáo hoàng? Mọi sự đều có thể. Nhưng hệ quả trực tiếp từ tham vọng của Waleran mới quan trọng hơn. William có thể thấy rằng cậu là một con tốt trên bàn cờ của Waleran. Waleran đã chiếm được uy tín nơi Giám mục Henry, vì ông có khả năng đưa William và các hiệp sĩ Shiring theo phía này hoặc phía kia trong cuộc nội chiến. Đó là giá mà William phải trả để giáo hội nhắm mắt lại trước tội ác của cậu. “Ý ông muốn nói là...” Giọng cậu khàn khàn. Cậu húng hắng ho và cố nói một lần nữa. “Ý ông muốn nói là ông sẽ nghe tôi xưng tội nếu tôi hứa trung thành với Stephen và đổi sang phía ông ấy một lần nữa?”

Một ánh sáng lóe lên trong mắt Waleran và mặt ông ấy lại trở thành vô cảm. “Đó chính xác là cái mà tôi muốn,” ông nói.

William không có chọn lựa nào khác, nhưng trong mọi trường hợp cậu thấy không có lý do gì để từ chối. Cậu đã chuyển sang phía Maud khi bà hầu như đã chiến thắng, và cậu cũng sẵn sàng chuyển lại sang phía Stephen khi ông có ưu thế hơn. Tuy nhiên, cậu sẽ sẵn sàng đồng ý mọi sự để được

thoát khỏi nỗi sợ hãi khủng khiếp về hỏa ngục. “Đồng ý,” cậu nói mà không do dự. “Xin nghe tôi xưng tội, nhanh lên.”

“Rất tốt,” Waleran nói. “Chúng ta hãy cầu nguyện.”

Khi họ thông qua nhanh chóng các nghi thức, William cảm thấy gánh nặng tội lỗi rời khỏi lưng cậu, và cậu bắt đầu vui mừng về chiến thắng của cậu. Khi cậu đi ra khỏi nhà nguyện, quân của cậu có thể nhìn thấy cậu lên tinh thần, và họ reo hò ngay lập tức. William nói với họ rằng một lần nữa họ lại chiến đấu cho vua Stephen theo ý định của Thiên chúa được biểu lộ qua Giám mục Waleran, và họ có cơ để ăn mừng. Waleran gọi rượu.

Trong khi họ chờ rượu, William nói: “Stephen phải công nhận tôi là bá tước trong lãnh địa của tôi bây giờ.”

“Ông ấy phải,” Waleran đồng ý. “Nhưng điều đó không có nghĩa là ông ấy muốn.”

“Nhưng tôi đã quay về phía ông ấy!”

“Richard thành Kingsbridge chẳng bao giờ từ bỏ phía ông ấy.”

William cho phép mình nở một nụ cười tự mãn. “Tôi nghĩ tôi đã giải quyết xong mối đe dọa từ phía Richard.”

“Ồ, vậy sao?”

“Richard chưa bao giờ có đất đai. Cách duy nhất để cậu ấy có thể theo đuổi ngành hiệp sĩ là dựa vào tiền của chị cậu ấy.”

“Nó là một cách không thông thường, nhưng cho đến bây giờ nó vẫn thành công.”

“Nhưng bây giờ chị cậu ấy không còn đồng xu nào nữa. Tôi đã đốt nhà kho của cô ấy ngày hôm qua. Cô ấy cơ cực. Và Richard cũng vậy.”

Waleran gật đầu xác nhận. “Trong trường hợp đó nó chỉ còn là câu hỏi của thời gian cho đến khi cậu ấy biến khỏi ngành hiệp sĩ. Và rồi, tôi nghĩ rằng lãnh địa thuộc về ông.”

Bữa ăn tối đã sẵn sàng. Quân lính của William ngồi phía dưới bàn tiệc và tán tỉnh các cô giết dữ trong dinh thự. William ngồi ở đầu bàn chung với Waleran và cha tổng đại diện. Bây giờ cậu đã thoải mái, cậu ghen tị với các đàn ông đang tán tỉnh các cô giết dữ, và nhận ra ngồi chung bàn với cha tổng đại diện thật là chán nản.

Dean Baldwin mời William một đĩa đậu và nói: “Ngài William, làm sao ông có thể ngăn chặn người khác làm cái mà Tu viện trưởng Philip đã thử làm, đó là mở một hội chợ len của riêng họ?”

William ngạc nhiên về câu hỏi. “Họ sẽ không dám!”

“Các tu sĩ khác không dám; nhưng một lãnh chúa có thể.”

“Ông ấy cần một giấy phép.”

“Ông ấy sẽ có nếu ông ta chiến đấu cho Stephen.”

“Không ở trong vùng này.”

“Baldwin có lý, William,” giám mục Waleran nói. “Có nhiều thị trấn xung quanh lãnh địa của ông có thể mở hội chợ len: Wilton, Devizes, Wells, Marlborough, Wallingford...”

“Tôi đã đốt Kingsbridge, tôi cũng có thể đốt bất cứ chỗ nào khác,” William cáu kỉnh nói. Cậu uống một ngụm rượu. Cậu tức giận vì chiến thắng của cậu bị coi thường.

Waleran lấy một ổ bánh mới và bẻ ra nhưng không ăn chút nào. “Kingsbridge là một mục tiêu dễ dàng,” ông lập luận. “Nó không có tường thành, không lâu đài, ngay cả không nhà thờ lớn cho dân chúng trốn tránh. Và nó được điều hành bởi một tu sĩ, một người không có hiệp sĩ hay binh lính. Kingsbridge không được bảo vệ. Hầu hết các thị trấn khác không như vậy.”

Dean Baldwin nói thêm: “Và khi cuộc nội chiến chấm dứt, bất cứ bên nào thắng, ông không thể đốt một thành phố giống như Kingsbridge mà không bị trừng phạt. Điều đó phạm đến tội phá vỡ hòa bình. Không có vị vua nào bỏ qua chuyện này trong thời bình.”

William nhìn thấy quan điểm của họ và nó làm cậu tức giận. “Như vậy là tất cả những cố gắng trở thành vô nghĩa,” cậu nói. Cậu bỏ dao xuống. Bao tử cậu co thắt lại vì căng thẳng và cậu không còn nuốt trôi được.

Waleran nói: “Dĩ nhiên, nếu Aliena bị phá sản, điều đó sẽ để lại một lỗ hổng.”

William không hiểu ông nói gì. “Ý ông muốn nói gì?”

“Hầu hết len trong vùng đã bán cho cô ấy trong năm nay. Điều gì sẽ xảy ra vào năm tới?”

“Tôi không biết.”

Waleran tiếp tục dòng tư tưởng. “Ngoại trừ Tu viện trưởng Philip, tất cả sản phẩm len trong vòng vài dặm thuộc về những người thuê của lãnh chúa hay của giám mục. Ông là lãnh chúa, trong mọi lãnh vực ngoại trừ tước vị, và tôi là giám mục. Nếu chúng ta ép những người thuê bán len của họ cho chúng ta, chúng ta sẽ kiểm soát hai phần ba số len được trao đổi mua bán trong toàn vùng. Chúng ta sẽ bán ở hội chợ Shiring. Không còn lại nhiều len để mở một hội chợ len khác nữa, ngay cả người nào đó có giấy phép.”

Nó là một ý tưởng tuyệt vời, William thấy ngay. “Và chúng ta kiếm được nhiều tiền như Aliena đã làm,” cậu nhấn mạnh.

“Đúng vậy.” Waleran lấy một miếng thịt nhỏ trước mặt ông và nhai một cách trầm ngâm. “Vì thế ông đã đốt Kingsbridge, thiêu hủy quân thù tồi tệ nhất của ông, và thiết lập một nguồn thu nhập mới cho chính ông. Không tệ cho một ngày làm việc.”

William uống một ngụm lớn rượu, và cảm thấy bụng cậu ấm lên. Cậu nhìn xuống bàn phía dưới và mắt cậu sáng lên vì một cô gái tóc đen khỏe mạnh, người đang cười duyên dáng với hai người lính của cậu. Có lẽ cậu sẽ có cô tối nay. Cậu biết nó sẽ ra sao. Khi cậu đưa được cô đến một góc, và đẩy cô xuống nền nhà, rồi kéo áo cô lên, cậu sẽ nhớ lại khuôn mặt Aliena và nét kinh hoàng thất vọng như khi cô nhìn thấy len của cô bốc cháy; và rồi cậu sẽ có thể làm chuyện ấy. Cậu mỉm cười về viễn cảnh đó, và cậu lấy thêm một miếng thịt nai.

Tu viện trưởng Philip bàng hoàng vì việc Kingsbridge bị đốt cháy. Sự đột kích bất ngờ của William, sự dã man của cuộc chiến, cảnh tượng hãi hùng của đám đông trong hoảng sợ, sự giết hại ghê tởm, và sự bất lực hoàn toàn của chính ông, tất cả gộp lại làm ông không thể chịu đựng được và ông sụp đổ.

Thảm họa nhất trong tất cả là cái chết của thợ xây Tom. Ông là người có kỹ năng cao, một bậc thầy trong mọi lãnh vực thủ công và được chờ đợi sẽ tiếp tục điều hành công trình xây dựng nhà thờ chính tòa cho đến khi hoàn thành. Ông cũng là bạn thân nhất của Philip bên ngoài tu viện. Họ nói chuyện với nhau ít nhất một lần trong ngày, và tranh luận với nhau để tìm

ra giải pháp cho vô số vấn đề đa dạng mà họ phải đối đầu trong dự án lớn lao của họ. Sự kết hợp hiếm có giữa khôn ngoan và khiêm nhường trong con người Tom tạo cho Philip niềm vui khi làm việc chung với ông. Nó dường như không thể tưởng tượng được là ông đã chết.

Philip cảm thấy ông không còn có thể hiểu bất cứ điều gì nữa, ông không có quyền lực thực sự, và ông không có khả năng để điều hành một chuồng bò, huống chi là một thị trấn lớn như Kingsbridge. Ông luôn tin rằng nếu ông trung thực làm những gì tốt nhất ông có thể và tin tưởng vào Thiên Chúa thì mọi chuyện sau cùng sẽ tốt đẹp. Thị trấn Kingsbridge bốc lửa dường như đã chứng minh rằng ông sai. Ông mất hết nguồn cảm hứng. Ông ngồi trong tu viện suốt cả ngày, nhìn ngọn nến cháy lụi trên bàn thờ nhỏ, suy nghĩ rời rạc, chán nản và không làm gì cả.

Đó là Jack, người nhìn thấy cái gì phải làm. Cậu thu thập xác chết vào trong nhà nguyện dưới hầm, đem những người bị thương vào trong nhà ngủ tu viện, và lo thực phẩm khẩn trương cho những người sống sót trên đồng cỏ bên dòng sông. Thời tiết ấm, và mọi người ngủ ngoài trời. Một ngày sau cuộc thảm sát, Jack tổ chức cư dân còn choáng váng thành đội ngũ lao động và cho họ dọn dẹp tro bụi và đóng đồ nát từ khu tu viện, trong khi Cuthbert Whitehead và Milius Bursar ra lệnh cung cấp lương thực từ những nông trại xung quanh. Vào ngày thứ hai họ chôn cất những người chết trong một trăm ba mươi chín ngôi mộ mới ở phía bắc khu tu viện.

Jack đề nghị và Philip đơn giản ra lệnh theo. Jack nhận ra rằng hầu hết cư dân sống sót sau cuộc hỏa hoạn đều chỉ mất một ít giá trị vật chất, trong nhiều trường hợp như một túp lều, vài đồ nội thất. Ngủ cốc vẫn còn trên cánh đồng, gia súc trên đồng cỏ, và tiền tiết kiệm của người dân vẫn còn nơi họ chôn dấu, thường thường dưới lò sưởi trong nhà, nơi không bị ảnh hưởng bởi ngọn lửa đã đốt cháy thị trấn. Các thương gia có kho dự trữ bị cháy là những người bị thiệt hại lớn nhất: một số người phá sản, thí dụ như Aliena; những người có tài sản chôn dấu sẽ có thể bắt đầu lại. Jack đề nghị xây dựng lại thành phố ngay lập tức.

Theo đề nghị của Jack, Philip cho phép đặc biệt được cắt gỗ trong rừng tu viện để xây lại nhà, nhưng chỉ trong một tuần. Hệ quả là Kingsbridge

hoang vắng bấy ngày liền, khi mỗi gia đình chọn và chặt cây họ cần để xây lại nhà mới của họ. Trong tuần lễ này, Jack đề nghị Philip vẽ dự án cho một thành phố mới. Ý tưởng hợp với trí tưởng tượng của Philip và ông thoát khỏi trầm cảm.

Ông làm việc liên tục bốn ngày trên dự án. Những ngôi nhà lớn cho thợ thủ công giàu có và chủ cửa hàng ở xung quanh bức tường tu viện. Ông nhớ lại mô hình mạng lưới đường phố ở Winchester, và dự kiến thị trấn Kingsbridge mới trên cùng căn bản thuận lợi ấy. Những con đường thẳng chạy xuống sông, đủ lớn cho hai xe ngựa qua lại, những đường ngang hẹp hơn. Ông lập tiêu chuẩn cho mỗi lô rộng hai mươi bốn feet, đủ cho một mặt tiền rộng rãi của một nhà phố. Mỗi lô có chiều sâu một trăm hai mươi feet, đủ chỗ cho vườn sau với một vườn rau và một chuồng bò hay heo. Cây cầu đã bị cháy và chiếc cầu mới sẽ được xây ở một vị trí thuận tiện hơn, ở cuối của đường phố chính mới. Con đường chính qua thị trấn bây giờ sẽ đi từ cây cầu thẳng lên đồi, ngang qua nhà thờ chính tòa và ra phía xa, như Lincoln. Một con đường rộng khác sẽ chạy từ cổng tu viện tới một bến cảng mới ở bờ sông. Qua cách đó, sự vận chuyển hành lý lớn đến tu viện không cần dùng đến con đường buôn bán chính. Đó sẽ là một khu hoàn toàn mới cho những căn nhà nhỏ xung quanh bến cảng: người nghèo sẽ ở hạ lưu tu viện, và quần áo dơ bẩn của họ không làm hư nguồn cung cấp nước sạch cho tu viện.

Thảo kế hoạch xây dựng lại thị trấn giúp ông thoát ra khỏi trạng thái hôn mê bất lực, nhưng mỗi lần ông nhìn vào bản thiết kế ông lại đau buồn và tức giận cho những người đã chết. Ông tự hỏi có phải William Hamleigh là quỷ dữ trong hình dáng người không: cậu ấy gây nên nhiều bất hạnh mà con người bình thường không thể gây ra. Philip nhìn thấy sự pha lẫn giữa hy vọng và lo âu trên khuôn mặt cư dân khi họ trở về từ khu rừng với đồng gỗ trên vai. Jack và các tu sĩ đã thiết lập dự án của thị trấn mới trên mặt đất bằng cọc và dây, và khi dân chúng chọn lô đất, mọi người đều ủ rũ nói: “Làm để làm gì? Năm tới nó có thể lại bị đốt cháy mất.” Nhưng nếu có một chút hy vọng nào đó về công lý, một chút kỳ vọng rằng những kẻ làm việc ác sẽ bị trừng phạt, có lẽ dân chúng đã không chán nản như vậy; mặc dù

Philip đã viết thư cho Stephen, Maud, Giám mục Henry, tổng giám mục thành Canterbury, và giáo hoàng, nhưng ông biết trong thời chiến khó có cơ hội đem một người quyền lực và quan trọng như William ra xét xử.

Các lô xây dựng lớn trong kế hoạch của Philip được nhiều người hỏi hơn, cho dù tiền thuê cao hơn, vì thế Philip thay đổi kế hoạch và bố trí thêm nhiều lô lớn. Hầu như không ai muốn xây nhà ở khu nghèo, nhưng Philip quyết định để nguyên lại như kế hoạch ban đầu để dùng trong tương lai. Mười ngày sau hỏa hoạn, những căn nhà bằng gỗ mới đã mọc lên trên hầu hết các lô đất, và mấy tuần lễ sau hầu hết các căn nhà đã hoàn thành. Một khi dân chúng đã xây dựng xong căn nhà của họ, công việc xây dựng nhà thờ chính tòa lại được tiếp tục. Các thợ xây có tiền lương và họ có thể chi tiêu; vì thế các cửa hàng mở cửa lại, và các nông dân lại đem trứng và hành vào bán trong thị trấn; và các người giúp việc nhà và giặt dũ lại tìm được công ăn việc làm nơi các chủ tiệm và thợ thủ công; và cứ thế, ngày qua ngày, đời sống vật chất ở Kingsbridge lại trở về bình thường.

Nhưng có quá nhiều người chết đến nỗi nó dường như thành một thị trấn ma. Mỗi gia đình mất ít nhất một thành viên: một đứa con, một bà mẹ, một ông chồng, một người chị. Dân chúng không để tang những nét trên khuôn mặt họ tỏ lộ nỗi buồn khổ rõ ràng như hàng cây trụi bày tỏ mùa đông. Một trong những người bị ảnh hưởng nhất là Jonathan sáu tuổi. Cậu lang thang trong khu tu viện như người mất hồn, và sau cùng Philip nhận ra rằng cậu nhớ Tom, một người đã dành nhiều thời gian cho đứa bé hơn bất cứ ai nhận thấy. Khi Philip biết được điều đó, ông dành một giờ mỗi ngày cho Jonathan để kể truyện cho cậu, chơi trò đếm và lắng nghe cậu nói.

Philip đã viết thư cho các viện phụ của tất cả các tu viện Biển Đức ở Anh và Pháp, yêu cầu họ giới thiệu một thợ xây chính thay thế chỗ của Tom. Một tu viện trưởng trong vị trí của Philip thông thường xin ý kiến của giám mục về việc này, vì các giám mục đi đây đi đó nhiều và thường nghe về các thợ xây dựng chính giỏi, nhưng Giám mục Waleran sẽ không giúp đỡ Philip. Thực tế là hai người không hợp nhau làm cho công việc của Philip càng cô đơn hơn.

Trong khi Philip đợi trả lời từ các viện phụ, các thợ thủ công theo bản năng đã tìm kiếm sự chỉ đạo nơi Alfred. Alfred vừa là con của Tom, vừa là thợ xây chính và từ lâu nay cậu đã có một đội ngũ trên công trường xây dựng. Một cách đáng tiếc là cậu không có bộ não của Tom, nhưng cậu biết chữ và có uy quyền và dần dần cậu lấp khoảng trống đã để lại qua cái chết của bố cậu.

Dường như có nhiều vấn đề và thắc mắc về việc xây dựng hơn khi Tom còn sống, và Alfred luôn có câu hỏi khi Jack không ở đó. Nó rất tự nhiên vì mọi người ở Kingsbridge đều biết hai anh em ghẻ không ưa nhau. Tuy nhiên, hậu quả là Philip bị phiền hà vì những câu hỏi chi tiết chẳng bao giờ yên.

Nhưng các tuần lễ trôi qua và Alfred tự tin hơn, cho đến một ngày cậu đến Philip và nói: “Ông không muốn nhà thờ có mái vòm bằng đá sao?”

Thiết kế của Tom là một mái trần bằng gỗ bên trên gian giữa nhà thờ, và mái vòm bằng đá cho hai đường đi bên cạnh. “Có, tôi muốn,” Philip nói. “Nhưng chúng tôi đã quyết định một mái trần bằng gỗ để tiết kiệm tiền.”

Alfred gật đầu. “Vấn đề là mái trần bằng gỗ có thể cháy. Một mái vòm bằng đá có thể chịu được lửa.”

Philip xem xét cậu một lúc, tự hỏi ông có đánh giá Alfred quá thấp hay không. Philip không chờ đợi Alfred đề nghị một sự thay đổi trong thiết kế của bố cậu: chuyện này đúng ra do Jack đề xướng mới phải. Nhưng ý tưởng một nhà thờ chịu được lửa rất ấn tượng, nhất là từ khi cả thị trấn bị lửa thiêu hủy.

Alfred cũng có cùng dòng suy nghĩ như vậy, cậu nói: “Chỉ có một tòa nhà duy nhất trong thị trấn còn lại sau cuộc hỏa hoạn là nhà thờ giáo xứ mới xây.”

Và nhà thờ giáo xứ mới – do Alfred xây – có một mái vòm bằng đá. Nhưng một điều làm ông lo nghĩ. “Các bức tường hiện nay có thể chống đỡ được sức nặng của mái đá không?”

“Chúng ta phải củng cố trụ tường. Chúng sẽ chèn thêm ra ngoài một chút, đó là tất cả.”

Cậu ấy thực sự đã nghĩ ra điều này, Philip nhận ra. “Sẽ tốn bao nhiêu tiền?”

“Nó sẽ mắc hơn, dĩ nhiên, và việc xây dựng nhà thờ sẽ kéo dài thêm ba hay bốn năm để hoàn thành. Nhưng nó không ảnh hưởng đến kinh phí hàng năm của ông.” Philip càng lúc càng thích ý tưởng này hơn. “Nhưng nó có nghĩa là chúng ta phải chờ thêm một năm nữa cho đến khi chúng ta có thể có giờ kinh nguyện trong gian cung thánh?”

“Không. Dù bằng đá hay gỗ, chúng ta cũng không thể bắt đầu trước mùa xuân năm tới, bởi vì phần cửa sổ bên trên phải cứng trước khi chúng ta đặt bất cứ trọng lượng nào lên nó. Trần nhà bằng gỗ được xây dựng nhanh hơn chừng vài tháng; nhưng gian cung thánh dù sao cũng chỉ có thể lợp mái vào cuối năm tới.”

Philip đắn đo. Nó là vấn đề của cân nhắc giữa ưu điểm của mái nhà chống cháy và bất lợi của bốn năm xây dựng lâu hơn – chưa kể đến chi phí trong bốn năm đó. Chi phí thêm dường như là một con đường dài trong tương lai, và sự đạt được an toàn là ngay lập tức. “Tôi nghĩ, tôi sẽ thảo luận nó với các tu sĩ trong cuộc họp,” ông nói. “Nhưng nó có vẻ là một ý tưởng tốt đối với tôi.”

Alfred cảm ơn ông và ra ngoài, và sau khi cậu đi khỏi Philip ngồi nhìn chăm chăm vào cửa, tự hỏi ông có thực sự cần tìm kiếm một thợ xây dựng chính nữa không.

Vào ngày lễ tạ ơn, Kingsbridge có một chương trình khách lễ. Vào buổi sáng, mỗi hộ gia đình trong thị trấn làm một ổ bánh – từ mùa thu hoạch vừa qua, vì thế có nhiều bột và rẻ tiền. Những người không có lò nướng ở nhà, họ có thể nướng bánh ở nhà hàng xóm hay trong lò nướng lớn của tu viện và của hai người thợ bánh Peggy Baxter và Jack-atta-Novon. Vào giữa trưa mùi bánh mới lan tỏa khắp nơi, làm mọi người thấy đói. Các ổ bánh được đặt trên bàn ở đồng cỏ bên kia bờ sông, và mọi người đi vòng quanh và chiêm ngưỡng nó. Không có hai ổ bánh nào giống nhau. Nhiều ổ có trái cây và gia vị bên trong: có bánh mì mận, bánh mì nho khô, bánh mì gừng, bánh mì đường, bánh mì hành, bánh mì tỏi và nhiều loại bánh khác nữa. Những bánh khác được nhuộm màu xanh bằng rau mùi tây, màu vàng bằng trứng,

màu đỏ bằng gỗ đàn hương và màu tím bằng cây quỳ. Có rất nhiều hình dáng lạ: hình tam giác, hình nón, hình tròn, ngôi sao, hình bầu dục, kim tự tháp, sáo, cuộn tròn, và ngay cả hình số tám. Những cái khác còn có nhiều tham vọng hơn: có ổ bánh hình con thỏ, con gấu, con khỉ và con rồng. Có những ổ bánh hình ngôi nhà và lâu đài. Nhưng ổ bánh tuyệt vời nhất, theo đánh giá chung, được Ellen và Martha làm, có hình dáng của nhà thờ chính tòa sau khi nó sẽ hoàn thành, dựa trên thiết kế của người chồng quá cố của bà, Tom.

Sự đau buồn của Ellen thật là kinh khủng. Bà rên rỉ đêm này qua đêm khác mà không ai có thể an ủi bà. Ngay cả bây giờ, hai tháng sau, bà trông hốc hác và đôi mắt lõm sâu; nhưng bà và Martha dường như có thể giúp đỡ lẫn nhau, và việc làm bánh hình nhà thờ chính tòa đã cho họ một chút an ủi.

Aliena ngẫm nghĩ rất lâu công trình của Ellen. Cô ước muốn có thể tìm được việc gì làm cho nguôi ngoai nỗi buồn. Cô không còn hứng thú cho bất cứ chuyện gì. Khi đến giờ nếm thử bánh, cô chán nản đi từ bàn này sang bàn khác mà không ăn gì. Ngay cả cô chẳng muốn xây lại căn nhà cho chính cô, cho đến khi Tu viện trưởng Philip bảo cô phải vươn lên, và Alfred mang gỗ đến cho cô cũng như chỉ định một số nhân viên của cậu đến giúp cô. Mỗi ngày cô vẫn dùng cơm ở tu viện, nếu cô nhớ đến. Cô không có sức. Nếu tình cờ cô có thể làm việc gì đó cho cô – làm một ghế băng trong nhà bếp từ những mảnh gỗ thừa, hoặc đổ đầy vách tường với đất bùn lấy từ sông, hoặc làm một bẫy bắt chim kiếm đồ ăn – cô nhớ lại cô đã phải vất vả biết bao nhiêu để xây nên công việc buôn bán len, và nó đã nhanh chóng bị tàn phá như thế nào, và cô mất đi niềm hứng khởi. Vì thế cô tiếp tục sống ngày qua ngày, thức dậy trễ, đi ăn trưa ở tu viện khi cô thấy đói, cả ngày lặng ngẫm dòng nước chảy qua, và ngủ trong rơm trên nền nhà mới khi trời tối.

Trong tâm trạng chán nản, cô biết rằng ngày lễ tạ ơn này chỉ là giả tạo. Thị trấn đã được xây dựng lại, và dân cư đã trở lại với công ăn việc làm như trước, nhưng cuộc tàn sát vẫn để lại chiếc bóng dài, và cô có thể cảm nhận dưới vẻ bên ngoài vui vẻ là một nỗi sợ hãi sâu thẳm. Hầu hết mọi người đã hội nhập lại với đời sống tốt hơn Aliena, nhưng thật sự tất cả họ

đều cảm thấy như Aliena rằng đây không phải là lần cuối cùng, và bất cứ những gì họ xây dựng bây giờ, nó có thể sẽ bị tàn phá một lần nữa.

Trong khi cô lơ đãng đứng nhìn đồng bánh mì, em trai cô, Richard, trở về. Cậu đi từ thị trấn hoang vắng qua cây cầu, dẫn theo con ngựa. Cậu đã đi vắng, chiến đấu cho Stephen từ trước khi cuộc tàn sát xảy ra, và cậu ngạc nhiên về những gì cậu thấy. “Chuyện gì đã xảy ra ở đây?” cậu nói với cô. “Em không tìm thấy nhà mình – toàn thị trấn đã thay đổi!”

“William Hamleigh đã đến cùng với quân của ông trong ngày hội chợ len, và đã đốt thị trấn,” Aliena nói.

Richard tái mặt vì sốc và vết sẹo bên tai phải của cậu cương ra. “William!” cậu thốt lên. “Thằng quỷ đó!”

“Tuy nhiên, chúng ta đã có một căn nhà mới,” Aliena vô cảm nói. “Công nhân của Alfred đã xây cho chị. Nhưng nó nhỏ hơn và nó ở dưới gần bên cảng mới.”

“Chuyện gì đã xảy ra cho chị?” cậu nói, chăm chú nhìn vào cô. “Chị gần như trọc đầu và chị cũng chẳng còn lông mày.”

“Tóc chị bắt lửa.”

“Cậu ta đã không...”

Aliena lắc đầu. “Lần này không.”

Một vài cô gái đem đến cho Richard vài miếng bánh mì muối để thử. Cậu cầm lấy vài miếng nhưng không ăn. Cậu có vẻ choáng váng.

“Dù sao chị cũng vui vì em bình an,” Aliena nói.

Cậu gật đầu. “Stephen trên đường tiến quân đến Osford, nơi Maud đang trú ẩn. Chiến tranh sắp chấm dứt. Nhưng em cần một thanh gươm mới – em về để lấy một số tiền.” Cậu ăn vài miếng bánh. Khuôn mặt cậu tươi tỉnh lại. “Trời ơi, nó ngon thật. Chốc nữa chị có thể nấu cho em ít thịt.”

Đột nhiên cô sợ cậu. Cô biết cậu sẽ giận dữ với cô và cô không đủ mạnh để chống cự lại. “Chị không có chút thịt nào,” cô nói.

“Vậy thì mua của người bán thịt!”

“Đừng giận, Richard,” cô nói. Cô bắt đầu run rẩy.

“Em không giận,” cậu cúi kính nói. “Chị có chuyện gì?”

“Tất cả len đã cháy trong hỏa hoạn,” cô nói và sợ hãi nhìn cậu, chờ đợi cậu nổi giận.

Cậu cau mày nhìn cô, nuốt xuống và ném vỏ bánh đi. “Tất cả len?”

“Tất cả.”

“Nhưng chị phải còn tiền.”

“Không còn đồng nào.”

“Tại sao không? Chị luôn luôn có một hòm tiền xu lớn chôn dưới nền nhà –“

“Không còn xu nào. Chị đã dùng nó mua len – đến đồng xu cuối cùng. Và chị đã mượn bốn mươi bảng Anh của Malachi mà chị không thể trả. Chị chắc chắn không thể mua cho em thanh kiếm mới. Ngay cả chị không thể mua cho em vài miếng thịt cho bữa tối nay. Chúng ta hoàn toàn trắng tay.”

“Vậy làm sao em có thể tiếp tục được?” cậu giận dữ hét lên. Con ngựa cậu ngẩng tai lên và cựa quậy.

“Chị không biết!” Aliena nói trong nước mắt. “Đừng hét, em làm ngựa hoảng sợ.” Cô bắt đầu khóc.

“William Hamleigh đã gây ra nó,” Richard nói trong kẽ răng. “Một ngày nào đó tôi sẽ mổ nó như mổ một con heo béo, tôi thề trước thần thánh.”

Alfred đi về phía họ, bộ râu rậm rạp của cậu vương các mẫu bánh vụn, với một mẫu bánh mặn trong tay.

“Thử nó,” cậu nói với Richard.

“Tôi không đói,” Richard thờ ơ nói.

Alfred nhìn Aliena và nói: “Chuyện gì thế?”

Richard trả lời. “Cô ấy nói chúng tôi hoàn toàn trắng tay.”

Alfred gật đầu. “Mỗi người mất một vài thứ, riêng Aliena mất hết mọi thứ.”

“Anh biết điều đó có nghĩa gì với tôi không?” Richard nói với Alfred nhưng nhìn Aliena như buộc tội. “Đối với tôi thế là hết. Nếu tôi không thể thay vũ khí, và không thể trả cho quân của tôi, và không thể mua ngựa, thì tôi không thể chiến đấu cho Vua Stephen. Con đường tiến thân của tôi như một hiệp sĩ sẽ chấm dứt – và tôi sẽ chẳng bao giờ thành bá tước của Shiring.”

Alfred nói: “Aliena phải lấy một người giàu có.”

Richard cười một cách khinh bỉ. “Cô ấy đã từ chối hết rồi.”

“Một trong số họ có thể lập lại lời cầu hôn.”

“Đúng.” Khuôn mặt Richard nhăn lại thành một nụ cười tàn nhẫn. “Chúng ta có thể gửi thư cho mọi người mà cô ấy đã từ chối, nói với họ là cô ấy đã mất hết tiền bạc và bây giờ sẵn sàng xem xét lại -”

“Đủ rồi,” Alfred nói, đặt một tay lên vai Richard. Richard im lặng. Alfred quay về phía Aliena. „Cô có nhớ những gì tôi nói với cô một năm trước đây, trong bữa ăn tối của hiệp hội giáo xứ không?“

Tâm hồn Aliena nặng trĩu. Cô không thể tin rằng Alfred lại bắt đầu nói về chuyện đó một lần nữa. Cô không còn sức để giải quyết nó. „Tôi nhớ,“ Cô nói. „Và tôi hy vọng anh nhớ lời tôi đã trả lời anh.“

„Tôi vẫn còn yêu cô,“ Alfred nói.

Richard giật mình.

Alfred tiếp tục: „Tôi vẫn muốn kết hôn với cô. Aliena, em có muốn làm vợ anh không?“

„Không!“ Aliena nói. Cô muốn nói nhiều hơn nữa, muốn thêm một cái gì để nó chấm dứt, để nó không bao giờ có thể quay ngược lại được, nhưng cô quá mệt mỏi. Cô nhìn Alfred, rồi đến Richard và ngược lại, và cô không còn chịu đựng được nữa. Cô quay lưng lại và đi nhanh về phía đồng cỏ, qua cầu về phía thị trấn.

Cô tức giận Alfred vì đã lập lại lời cầu hôn trước mặt Richard. Cô muốn em trai của cô không biết về việc đó. Kể từ cuộc hỏa hoạn đến nay đã là ba tháng, tại sao Alfred chờ mãi cho đến hôm nay mới nói lại chuyện đó? Đường như cậu đã đợi Richard về.

Cô bước đi qua đường phố mới hoang vắng. Mọi người ở khu tu viện và nệm thử bánh. Nhà của Aliena nằm ở khu nghèo mới, dưới bến cảng. Tiền thuê nhà ở đó rẻ, nhưng ngay cả như vậy cô cũng không biết phải làm thế nào để trả.

Richard đi ngựa và bắt kịp cô, rồi cậu xuống ngựa và đi bên cạnh cô. „Toàn thị trấn thơm mùi gỗ mới,“ cậu bắt chuyện. „Và mọi thứ sạch sẽ!“

Aliena đã quen với bộ mặt của thị trấn nhưng lần đầu tiên Richard mới thấy nó. Nó thật sự sạch. Ngọn lửa đã quét sạch gỗ mục, ẩm ướt của các tòa nhà cũ, quét sạch mái tranh dầy với bụi khói của bao năm tháng nấu ăn, chuồng ngựa cũ bẩn thỉu và các đồng phân hôi thúi. Mọi thứ có mùi mới: gỗ mới, mái tranh mới, rơm mới trên sàn và ngay cả nước vôi mới trên tường nhà của các gia đình giàu có. Ngọn lửa dường như đã làm đất màu mỡ nên hoa dại mọc lên khắp nơi. Một người nào đó đã nhận xét rằng kể từ sau hỏa hoạn chỉ có ít người bị bệnh, và nó công nhận một giả thuyết được nhiều nhà triết học ủng hộ rằng bệnh hoạn được lan truyền qua mùi hôi.

Tâm trí cô lơ đãng. Richard vừa nói điều gì đó. „Cái gì?“ Cô nói.

„Em nói, em không biết Alfred đã cầu hôn chị năm trước.“

„Em còn nhiều chuyện phải lo. Thời gian đó là lúc Robert thành Gloucesster bị bắt.“

„Alfred đã tử tế xây cho chị căn nhà.“

„Đúng, cậu ấy tử tế. Và nó đây.“ Cô nhìn cậu trong khi cậu nhìn căn nhà. Cậu bối ngỡ. Cô cảm thấy thương cậu: Cậu đã xuất thân từ một lâu đài lãnh chúa, và ngay cả một nhà phố rộng rãi mà họ đã có trước hỏa hoạn cũng đã là một bước thụt lùi đối với cậu. Bây giờ cậu phải làm quen với căn nhà của người lao động và góa bụa.

Cô cầm lấy dây cương ngựa. „Hãy vào đi. Có phòng cho ngựa ở phía sau.“ Cô dẫn con thú khổng lồ đi qua căn nhà một phòng và đi qua cửa sau. Có hàng rào thấp bằng gỗ thô phân chia các sân. Cô cột con ngựa vào một cột hàng rào và lấy yên ngựa bằng gỗ nặng nề xuống. Không biết từ đâu cỏ dại đã mọc lên trên đất bị đốt cháy. Hầu hết các gia đình đã đào một hố vệ sinh, trồng rau và làm chuồng heo hay chuồng gà trong sân sau, nhưng Aliena vẫn chưa dă động gì.

Richard vẫn nán lại trong nhà, nhưng trong đó không có gì nhiều để xem, và một lúc sau cậu theo Aliena ra sân sau. “Nhà trống trải quá, không có đồ đạc, không có chậu, không có bát –“

“Chị không có tiền,” Aliena lãnh đạm trả lời.

“Chị cũng không làm gì ở ngoài vườn cả,” cậu nói, nhìn quanh một cách chán nản.

“Chị không có sức,” cô cúi kính nói, rồi cô đưa cho cậu chiếc yên to và đi vào nhà.

Cô ngồi trên nền nhà, dựa lưng vào vách. Trong này mát. Cô có thể nghe thấy Richard xử lý con ngựa của cậu ở ngoài sân. Sau khi cô ngồi yên lặng một lúc lâu, cô nhìn thấy một con chuột thò mũi ra khỏi đồng rơm. Hàng ngàn con chuột cống và chuột nhỏ đã chết trong lửa, nhưng bây giờ nó lại xuất hiện. Cô nhìn quanh tìm kiếm cái gì để giết nó, nhưng con vật lại biến mất.

Tôi sẽ phải làm gì? Cô nghĩ. Tôi không thể sống như thế này cho đến hết đời. Nhưng chỉ cần nghĩ đến việc mở lại một doang nghiệp mới đã làm cô kiệt sức. Một lần cô đã cứu cô và em trai của cô tử cảnh cơ bản, nhưng nỗ lực này đã bào mòn hết nguồn năng lực dự trữ của cô, và cô không thể làm lại lần nữa. Cô phải tìm ra cách sống thụ động, dành quyền làm chủ cho người khác, qua đó cô không cần phải quyết định, không cần phải luôn luôn có sáng kiến mới. Cô nhớ tới Kate ở Winchester, người đã hôn lên môi cô, bóp ngực cô và nói: “Cô gái thân yêu của tôi, cô sẽ không thiếu tiền hay bất cứ gì khác. Nếu cô làm việc cho tôi, cả hai chúng ta sẽ giàu có.” Không, cô nghĩ, không phải việc đó; không bao giờ.

Richard vào mang theo túi yên ngựa. “Nếu chị không thể chăm sóc được cho chính chị, tốt hơn chị nên tìm một người khác lo lắng cho chị,” cậu nói.

“Chị luôn luôn có em.”

“Em không thể lo lắng cho chị!” cậu phản đối.

“Tại sao không?”

Một tia lửa nhỏ tức giận bùng lên trong cô. “Chị đã lo cho em sáu năm nay!”

“Em đã chiến đấu trong chiến tranh – và chị chỉ bán len.”

Và đâm một tên cướp đường; và ném một linh mục không trung thực xuống sàn nhà, và nuôi ăn, cho mặc và bảo vệ em khi em không thể làm gì ngoài trừ việc ngồi cắn móng tay và trông sợ hãi. Tuy nhiên, tia lửa đã tắt và sự giận dữ đã qua, và cô chỉ nói: “Dĩ nhiên, chị chỉ đùa thôi.”

Cậu lẩm bẩm, không biết có nên làm bộ là bị xúc phạm không; rồi cậu cúi kính lắc đầu và nói: “Dù sao, chị cũng không nên từ chối lời cầu hôn

của Alfred một cách quá mau chóng.”

“Ôi! Trời ơi! Im đi!”

“Cậu ấy có gì sai?”

“Không có gì sai với Alfred. Em không hiểu ư? Một cái gì đó sai với chị.”

Cậu để yên ngựa xuống và chỉ tay vào cô. “Điều đó đúng, và em biết nó là cái gì. Chị hoàn toàn ích kỉ. Chị chỉ nghĩ đến chị.”

Nó là một sự bất công quá tàn ác đến nỗi cô không còn có thể nổi giận. Nước mắt cô rơi xuống. “Làm sao em có thể nói điều đó?” Cô chống lại một cách đáng thương.

“Bởi vì mọi chuyện sẽ ổn định nếu chị chỉ đồng ý lấy Alfred, nhưng chị vẫn từ chối.”

“Đối với chị, việc lấy Alfred không giúp được gì cho em cả.”

“Có, nó sẽ giúp.”

“Bằng cách nào?”

“Alfred nói cậu ấy sẽ giúp em tiếp tục chiến đấu, nếu cậu ấy là anh rể của em. Em sẽ phải cắt giảm một chút – cậu ấy không thể hỗ trợ tất cả binh lính của em – nhưng cậu ấy hứa cho em một con ngựa chiến và vũ khí mới, và người hầu cận của em.”

“Khi nào?” Aliena nói trong ngạc nhiên. “Cậu ấy đã nói khi nào?”

“Vừa xong. Ở khu tu viện.”

Aliena cảm thấy bị tủi nhục, và Richard không có một chút xấu hổ. Hai người đàn ông đã thương lượng về cô giống như mua bán một con ngựa. Cô đứng lên, và không nói lời nào, cô ra khỏi nhà.

Cô đi ngược lại tu viện và vào sân tu viện từ phía nam, nhảy qua con rạch bên cạnh nhà máy xay cũ. Nhà máy xay hoàn toàn yên lặng vì hôm nay là ngày lễ. Cô sẽ không thể đi qua lối này nếu máy xay hoạt động, bởi vì tiếng búa đập khi hồ vải luôn luôn gây cho cô sự đau đầu.

Khu tu viện hoang vắng như cô mong đợi. Công trường xây dựng hoàn toàn yên lặng. Lúc này là thời gian các tu sĩ nghiên cứu hay nghỉ ngơi; và những người khác hôm nay ở trên bãi cỏ. Cô đi qua nghĩa trang ở phía bắc công trường xây dựng. Những ngôi mộ được chăm sóc cẩn thận với thánh

giá bằng gỗ và hoa tươi nói lên một sự thật: thị trấn chưa quên được vụ thảm sát. Cô dừng lại bên ngôi mộ bằng đá của Tom, trang trí bằng một tượng thiên thần đơn giản bằng đá cẩm thạch do Jack chạm khắc. Bảy năm trước, cô nghĩ, bố tôi đã sắp xếp một cuộc hôn nhân hoàn toàn hợp lý cho tôi. William Hamleigh không già, không xấu xí và không nghèo. Cậu ấy có thể được các cô gái ở địa vị của tôi sẵn sàng chấp nhận. Nhưng tôi đã từ chối cậu ấy, và từ đó bao nhiêu rắc rối đã xảy ra: lâu đài của chúng tôi bị tấn công, bố tôi bị tù đầy, em trai tôi và tôi thiếu thốn – ngay cả việc hỏa hoạn ở Kingsbridge và cái chết của Tom là hậu quả của sự bướng bỉnh của tôi.

Một cách nào đó cái chết của Tom dường như gây ra thảm họa hơn những nỗi buồn khác, có lẽ bởi vì ông được nhiều người yêu mến, có lẽ bởi vì ông là người bố thứ hai mà Jack đã mất.

Và bây giờ tôi từ chối một đề nghị khác hoàn toàn hợp lý, cô nghĩ. Cái gì cho phép tôi được quyền kén chọn? Sự khó tính của tôi đã gây ra bao nhiêu rắc rối. Tôi sẽ chấp nhận Alfred, và mang tâm tình biết ơn vì tôi không phải làm cho Kate.

Cô quay lưng lại với ngôi mộ và đi qua công trường xây dựng. Cô đứng ở chỗ mà sau này sẽ là trung tâm nhà thờ và nhìn vào gian cung thánh. Nó sắp xong, chỉ còn thiếu mái, và các thợ xây đã chuẩn bị cho giai đoạn xây các gian ngang: Đồ án đã được xác định trên mặt đất ở cả hai phía bên cạnh cô bằng cọc và dây, và nền móng đã được đào. Các bức tường cao chót vót trước mặt cô đổ bóng dài trong ánh sáng mặt trời buổi chiều. Nó là một ngày dịu, nhưng cảm thấy lạnh trong nhà thờ. Aliena ngắm nhìn một lúc lâu vào các hàng mái vòm tròn, rộng ở mặt đất, nhỏ hơn bên trên, và trung bình ở trên đỉnh. Có một sự hài hòa sâu thẳm về nhịp điệu thường xuyên của mái vòm, cột đá, mái vòm, cột đá.

Nếu Alfred thực sự muốn giúp tài chánh cho Richard, Aliena vẫn còn cơ hội để hoàn thành lời hứa với bố cô rằng cô sẽ chăm sóc Richard cho đến khi cậu chiếm lại được lãnh địa. Trong tâm hồn cô biết cô phải cưới Alfred. Cô chỉ không muốn đối diện với nó.

Cô đi theo lối đi phía nam, kéo bàn tay dọc theo bức tường, cảm nhận cấu trúc thô của đá và để móng tay cô chạy theo đường rãnh do người thợ đá đục đẽo. Ở đây trong lối đi, dưới hàng cửa sổ, bức tường được trang trí bằng những mái vòm giả, giống như một dãy hàng đầy mái vòm. Các mái vòm giả không có công dụng nhưng chúng tạo nên cảm giác hài hòa mà Aliena đã nhận thấy khi nhìn vào kiến trúc. Trong nhà thờ chính tòa của Tom mọi thứ đều có ý nghĩa. Có lẽ đời sống của cô cũng như thế, mọi thứ đã được định trước trong một thiết kế lớn, và cô ngu ngốc như người thợ xây muốn làm một thác nước trong gian cung thánh.

Ở góc đông nam của nhà thờ, một ô cửa thấp dẫn vào cầu thang xoắn ốc hẹp. Theo cảm xúc, Aliena đi qua cửa và leo lên những bậc thang. Khi cô không còn nhìn thấy cửa ra vào, và chưa nhìn thấy đỉnh cầu thang, cô bắt đầu có cảm giác kỳ lạ như những bậc thang dẫn cô lên tới tận trời xanh. Rồi cô thấy ánh sáng ban ngày xuyên qua một cửa sổ nhỏ trong tường tháp và rơi xuống lối đi. Sau cùng cô bước vào hành lang rộng bên trên lối đi. Nó không có cửa sổ ra bên ngoài, nhưng phía trong nó nhìn vào nhà thờ chưa lợp mái. Cô ngồi trên thành cửa sổ của một trong những mái vòm bên trong, dựa lưng vào cột đá. Đá lạnh mơn trớn trên má cô. Cô tự hỏi không biết có phải Jack đã khắc cột đá này không. Một ý tưởng lóe lên trong đầu rằng nếu cô rơi xuống từ đây cô sẽ chết. Nhưng thực sự nó không cao đủ: Cô sẽ chỉ bị gãy chân và nằm trong đau đớn cho đến khi các tu sĩ đến và thấy cô.

Cô quyết định leo lên phần tường có cửa sổ. Cô trở lại cầu thang xoắn ốc và tiếp tục đi lên. Chặng kế tiếp này ngắn hơn, nhưng cô vẫn còn sợ hãi và tim cô đập mạnh khi cô lên đến đỉnh. Cô bước vào lối đi trên tầng khu cửa sổ, một đường hầm hẹp trong tường. Cô lách theo lối đi cho đến thành cửa phía trong của ô cửa sổ trên tầng. Cô bám chặt vào trụ cột phân chia cửa sổ. Khi cô nhìn xuống bảy mươi lăm bộ bên dưới, cô bắt đầu run.

Cô nghe thấy tiếng chân lên cầu thang xoắn. Cô thở mạnh như thể cô đã chạy. Cô đã không thấy ai. Có ai leo lên sau cô và muốn lên theo cô? Tiếng bước chân vang lên theo lối đi trên tầng khu cửa sổ. Aliena buông cột trụ ra

và đứng bấp bênh trên thành. Một nhân vật xuất hiện trên thành cửa. Đó là Jack. Tim cô đập mạnh như thể cô có thể nghe thấy nó.

“Cô làm gì ở đây?” cậu thận trọng nói.

“Tôi... tôi muốn xem nhà thờ của anh đã xây đến đâu rồi.”

Cậu chỉ vào đầu cột trên đầu cô. “Tôi khắc nó.”

Cô nhìn lên. Viên đá được khắc hình một người dường như đang chịu đựng sức nặng của mái vòm trên lưng mình. Thân thể ông quặn lên trong đau đớn. Aliena chăm chú nhìn nó. Không suy nghĩ, cô nói: “Đó là cái mà tôi cảm thấy.”

Khi cô nhìn lại cậu, cậu ở bên cạnh cô, nắm tay cô nhẹ nhàng nhưng chặt chẽ. “Tôi biết,” cậu nói.

Cô nhìn xuống phía dưới. Ý tưởng buông mình xuống làm cô sợ. Jack nắm cánh tay cô. Cô để cho cậu dắt cô vào trong lối đi trên tầng khu cửa sổ.

Họ theo cầu thang xoắn đi xuống mặt đất. Aliena cảm thấy yếu đuối. Jack quay sang cô và nói bằng giọng nói chuyện: “Tôi đang đọc trong tu viện, khi nhìn lên tôi thấy cô trên tầng khu cửa sổ.”

Cô nhìn khuôn mặt trẻ của cậu, đầy quan tâm và dịu dàng; và cô nhớ lại tại sao cô trốn tránh mọi người và tìm kiếm sự cô độc nơi đây. Cô khao khát được hôn cậu, và cô thấy cùng sự khao khát đó trong mắt cậu. Mỗi một tế bào trong cơ thể cô bảo cô hãy buông mình trong vòng tay cậu, nhưng cô biết cô phải làm gì. Cô muốn nói: em yêu anh giống như một cơn bão, một con sư tử, một cơn giận dữ bất lực ; nhưng thay vì đó cô nói: “Tôi định lấy Alfred.”

Cậu nhìn chăm chăm vào cô. Cậu choáng váng. Rồi mặt cậu trở nên buồn, một nỗi buồn già cả, khôn ngoan hơn cả tuổi đời của cậu. Cô nghĩ cậu sẽ khóc, nhưng không. Thay vào đó là sự tức giận trong mắt cậu. Cậu mở miệng định nói, nhưng thay đổi ý kiến, và do dự, rồi sau cùng cậu nói.

Bằng giọng nói giống như cơn gió thổi về từ miền bắc, cậu nói: “Tốt hơn cô lên nhảy xuống từ tầng khu cửa sổ.”

Cậu quay lưng lại và đi trở lại tu viện.

Tôi sẽ mất cậu ấy mãi mãi, Aliena nghĩ; và cô cảm thấy như tim cô vỡ ra.

II

Người ta thấy Jack lên ra khỏi tu viện trong ngày lễ tạ ơn. Việc này không có gì nghiêm trọng, nhưng cậu đã bị bắt gặp nhiều lần, và lần này cậu ra ngoài để gặp một người phụ nữ chưa chồng làm cho sự việc trở thành nghiêm trọng hơn. Hành vi của cậu đã được thảo luận ngày hôm sau trong cuộc họp của tu viện, và cậu bị ra lệnh chỉ được đi lại trong nhà. Điều đó có nghĩa là cậu bị giới hạn trong các tòa nhà của tu viện, hành lang và nhà thờ hầm, và bất cứ khi nào cậu đi từ tòa nhà này sang tòa nhà khác cậu phải có người đi kèm. Cậu không quan tâm nhiều đến lời cấm đó. Cậu đã bị tàn phá bởi lời công bố của Aliena nên mọi chuyện khác đối với cậu không quan trọng.

Dĩ nhiên không ai đặt vấn đề về việc cậu làm việc cho nhà thờ chính tòa; nhưng từ ngày Alfred nắm quyền chỉ huy, cậu đã mất hết sự phấn khởi. Bây giờ cậu dùng buổi chiều để đọc. Tiếng Latin của cậu đã tiến triển nhảy vọt và cậu có thể đọc mọi thứ, mặc dù chậm; và mục đích của việc đọc sách không nhằm mục tiêu nào khác hơn là để phát triển tiếng Latin, vì thế cậu được phép đọc tất cả sách nào cậu ưa thích. Mặc dù thư viện nhỏ, nhưng nó vẫn có nhiều bộ sách về triết học và toán học, và cậu cắm đầu trong đó với sự nhiệt tình.

Cậu thất vọng nhiều về những gì cậu đọc: các trang gia phả dài, những tường thuật lập đi lập lại các phép lạ của các vị thánh đã chết từ lâu, và sự suy tư vô tận về thần học. Cuốn sách đầu tiên mà Jack thích thú là cuốn lịch sử thế giới từ ngày sáng tạo thế giới cho đến việc thành lập tu viện Kingsbridge, và khi cậu đọc xong cậu cảm thấy cậu biết mọi việc đã xảy ra. Sau đó cậu nhận ra rằng cuốn sách tự cho là kể hết mọi sự là không hợp lý, bởi vì sự việc xảy ra ở mọi nơi mọi lúc, không chỉ ở Kingsbridge và Anh quốc, nhưng còn ở Normandy, Anjou, Paris, Rom, Ethiopia và Jerusalem, vì thế tác giả phải bỏ qua rất nhiều. Tuy nhiên, cuốn sách cho Jack một cảm xúc mà trước đó cậu không có được, rằng quá khứ giống như một câu

truyện, trong đó điều này liên quan đến điều kia, và thế giới không phải là một bí ẩn vô biên, nhưng là một cái gì đó hữu hạn có thể hiểu được.

Các câu đố còn hấp dẫn hơn. Một nhà triết học hỏi tại sao một người nhỏ bé lại có thể di chuyển hòn đá nặng bằng một đòn bẩy. Điều này không có gì xa lạ đối với Jack trước đây, nhưng bây giờ câu hỏi này dẫn vật cậu. Cậu đã ở nhiều tuần lễ trong mỏ đá và cậu nhớ lại rằng khi một hòn đá không thể di chuyển được với một xà beng dài một bộ, thì thông thường người ta dùng xà beng dài hai bộ. Tại sao cùng con người đó không thể di chuyển hòn đá bằng một xà beng ngắn lại có thể di chuyển nó với xà beng dài hơn? Câu hỏi này dẫn đến câu hỏi khác. Thợ xây nhà thờ chính tòa dùng một bánh xe lớn để kéo đá và gỗ to lên mái nhà. Trọng tải ở đầu dây quá nặng để một người có thể nâng nó lên bằng tay, nhưng cũng người đó có thể quay bánh xe và trọng tải được kéo lên. Làm sao có thể làm chuyện đó được?

Những suy luận đó làm cậu bận tâm một lúc, rồi tư tưởng cậu lại trở về với Aliena. Cậu đứng trong tu viện, với một cuốn sách nặng trên bực sách trước mặt và nhớ lại buổi sáng hôm đó trong nhà máy xay cũ cậu đã hôn cô. Cậu có thể nhớ từng chi tiết nụ hôn đó, từ cái đụng chạm dịu dàng của đôi môi tới cảm giác mê ly của lưỡi cô trong miệng cậu. Cơ thể cậu đã ép sát cô, vì thế cậu có thể cảm thấy ngực và hông cô. Ký ức vẫn còn mãnh liệt như thể cậu đang trải qua một lần nữa.

Tại sao cô lại thay đổi? Cậu vẫn tin rằng nụ hôn đó là thật và sự lạnh lùng của cô là giả tạo. Cậu cảm thấy cậu hiểu cô. Cô dễ thương, gợi cảm, lãng mạn, giàu tưởng tượng và ấm áp. Cô cũng vô ý và độc đoán, và cô đã học để trở thành cứng rắn; nhưng cô không lạnh lùng, không độc ác và nhẫn tâm. Cô không có tính cách của một người lấy chồng không vì yêu mà chỉ vì tiền. Cô sẽ không có hạnh phúc, sẽ hối hận và sẽ bị bệnh vì khổ sở; cậu biết điều đó và trong trái tim cô cũng phải biết.

Một ngày kia khi cậu ở trong phòng đọc sách, một người phục vụ trong tu viện đang lau nhà, người đó dừng lại nghỉ ngơi trên cây chổi và nói: “Gia đình ông sắp có buổi lễ lớn nhỉ!”

Jack đang nghiên cứu một bản đồ thế giới vẽ trên tấm da lớn. Cậu nhìn lên. Người đang nói là một người đàn ông lớn tuổi, gầy gò, quá yếu ớt cho những công việc nặng nhọc. Có lẽ ông nhầm lẫn Jack với người nào khác.

“Tại sao thế, Joseph?”

“Ông không biết sao? Anh trai ông lấy vợ.”

“Tôi không có anh trai,” Jack tự động nói.

“Vậy thì anh ghê,” Joseph nói.

“Không, tôi không biết.” Jack phải hỏi một câu. Cậu nghiên rằng. “Anh ấy cưới ai?”

“Aliena đó.”

Vậy là cô ấy đã quyết định. Jack đã ôm ấp một hy vọng thầm kín rằng cô ấy sẽ thay đổi ý định. Cậu quay đi chỗ khác để Joseph không nhìn thấy nỗi thất vọng trên mặt cậu. “Vâng, vâng,” cậu nói, cố giữ giọng lạnh lùng.

“Vâng – có thời cô đã rất hạnh diện và có quyền lực cho đến khi cô mất tất cả trong hỏa hoạn.”

“Ông... ông nói khi nào cưới?”

“Ngày mai. Họ sẽ kết hôn trong nhà thờ giáo xứ mới mà Alfred đã xây.”

Ngày mai!

Aliena sẽ kết hôn với Alfred vào ngày mai. Cho đến bây giờ Jack vẫn chẳng tin rằng việc đó sẽ xảy ra. Bây giờ thực tế đập vào cậu như một tiếng sấm nổ. Aliena sẽ kết hôn vào ngày mai. Cuộc đời Jack sẽ chấm dứt ngày mai.

Cậu nhìn xuống bản đồ trên giá sách trước mặt cậu. Nó không còn ý nghĩa gì cho dù trung tâm thế giới là Jerusalem hay Wallingford? Cậu sẽ hạnh phúc hơn khi cậu biết đòn bẫy hoạt động ra làm sao ư? Cậu đã nói với Aliena rằng cô nên nhảy xuống từ tầng khu cửa sổ hơn là lấy Alfred. Điều mà cậu có thể nói thêm là chính cậu cũng có thể nhảy xuống từ tầng có cửa sổ đó.

Cậu coi thường tu viện. Sống như một tu sĩ là một cách sống ngu ngốc. Cậu sẽ không còn gì để sống, nếu cậu không còn làm việc cho nhà thờ chính tòa và Aliena lấy một người khác.

Điều tồi tệ hơn là cậu biết cô sẽ đau khổ như thế nào khi sống với Alfred. Nó không phải bởi vì cậu ghét Alfred. Có những cô gái có thể hài lòng lấy Alfred: thí dụ như Edith, người đã cười khúc khích khi cậu nói với cô là cậu yêu khắc đá. Edith không chờ đợi nhiều nơi Alfred, và cô sẽ vui để tâng bốc cậu và vâng lời cậu bao lâu cậu vẫn còn sung túc và yêu thương con cái. Nhưng Aliena sẽ ghét từng giây phút sống với Alfred. Cô ấy sẽ kinh tởm con người thô bỉ của Alfred, sẽ khinh bỉ cậu vì tính bắt nạt của cậu, sẽ phẫn nộ vì tính bủn xỉn của cậu và sẽ điên lên về sự chậm hiểu của cậu. Cuộc hôn nhân với Alfred là một địa ngục cho cô.

Tại sao cô ấy không nhìn ra điều đó? Jack hoang mang. Cô đang nghĩ gì? Không có chuyện gì xấu hơn là kết hôn với một người mà cô không yêu. Năm trước đây cô đã làm chần động khi cô từ chối kết hôn với William Hamleigh, và bây giờ cô thụ động chấp nhận lời cầu hôn của một người không xứng đáng với cô. Cô ấy đang nghĩ gì?

Jack phải biết.

Cậu phải nói với cô, tu viện không còn ý nghĩa gì đối với cậu.

Cậu cuộn tấm bản đồ, để lại trong tủ và đi ra cửa. Joseph vẫn còn dựa trên cán chổi, “Ông đi à?” ông hỏi Jack. “Tôi nghĩ ông phải ở lại đây cho đến khi thầy giám thị đến.”

“Thầy giám thị là cái quái gì,” Jack nói và đi ra.

Khi cậu đi ra bức tường phía đông của tu viện, cậu gặp Tu viện trưởng Philip, người đang đi từ công trường xây dựng về hướng bắc. Jack quay lại nhanh chóng, nhưng Philip gọi to: “Jack, anh đi đâu thế? Anh đang bị cấm rời khỏi khu vực.”

Bây giờ Jack không còn kiên nhẫn đối với quy luật của tu viện. Cậu làm ngơ Philip và đi theo hướng khác về phía đường dẫn từ bức tường phía nam xuống khu nhà nhỏ xung quanh bến cảng mới. Nhưng cậu không được may mắn. Vào lúc đó, thầy Pierre, người giám thị, từ con đường đi ra cùng với hai người phụ tá. Họ chết đứng khi thấy Jack. Một cái nhìn phẫn nộ ngạc nhiên trải rộng trên gương mặt Pierre.

Philip gọi to: “Giữ người tập sinh lại, thầy giám thị!”

Pierre giơ tay ra chặn Jack lại. Jack đẩy ông qua một bên. Pierre đỏ mặt lên vì giận, ông nắm lấy cánh tay Jack. Jack giật tay ra và đâm vào mũi Pierre. Pierre thét lên, vì giận hơn là đau. Rồi hai người phụ tá nhảy vào Jack.

Jack chống cự lại như một người điên, và hầu như gần thoát ra được, nhưng khi Pierre tỉnh lại từ cú đánh vào mũi và tham gia vào, cả ba người đã có thể vật Jack xuống đất và giữ cậu ở đó. Cậu tức giận luôn lách, điên tiết vì tu viện nhằm nhí này ngăn cản cậu một chuyện thật sự quan trọng: nói chuyện với Aliena. Cậu liên tục lập lại: “Hãy để tôi đi!” Hai người phụ tá ngồi trên cậu. Pierre đứng thẳng, lau máu mũi trên tay áo dòng. Philip đến đằng sau cậu.

Mặc dù đang nổi nóng, Jack có thể nhìn thấy Philip quá tức giận, tức giận hơn mọi lần mà Jack đã nhìn thấy. “Tôi sẽ không tha thứ cho bất cứ ai về hành vi này,” ông nói đanh như sắt. “Anh là một tập sinh và anh phải vâng lời tôi.” Ông quay lại Pierre. “Giám cậu ấy trong phòng vâng lời.”

“Không!” Jack hét lên. “Ông không thể!”

“Tôi có thể,” Philip giận dữ nói.

Phòng vâng lời là một hầm nhỏ không cửa sổ ở dưới nhà ngủ, ở phía cuối nam, gần khu nhà vệ sinh. Nó thường dùng để giam giữ các phạm nhân trong thời gian chờ đợi được xử ở tòa án tu viện hay chuẩn bị chuyển đến nhà tù cảnh sát trưởng ở Shiring; nhưng vào những trường hợp đặc biệt cũng dùng để giam các tu sĩ, những người vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, giả sử như phạm tội không trong sạch với nhân viên tu viện.

Jack không sợ bị biệt giam, nhưng cậu sợ không có thể gặp Aliena. “Ông không hiểu!” cậu hét lên với Philip. “Tôi phải nói chuyện với Aliena!”

Không còn có chuyện gì tồi tệ hơn mà cậu có thể nói. Philip càng giận hơn. “Chính vì thế mà anh bị phạt,” ông giận dữ nói.

“Nhưng tôi phải nói với cô ấy!”

“Anh chỉ có một việc phải làm là học kính sợ Thiên Chúa và vâng lời bề trên của anh.”

“Ông không phải là bề trên của tôi, đồ ngớ ngẩn! Ông không là gì của tôi cả. Hãy để tôi đi!”

“Đem cậu ấy đi,” Philip dứt khoát nói.

Bây giờ một đám đông đã tụ họp xung quanh, và một số tu sĩ nâng tay và chân cậu lên. Cậu vùng vẫy như con cá trên móc nhưng có quá nhiều người ở đây. Cậu không thể tin được những gì đang xảy ra. Họ mang cậu đi đến phòng vang lờn. Một người mở cửa ra. Thầy Pierre nói bằng giọng đầy căm thù: “Ném nó vào trong!” Họ đóng cửa và ném cậu vào. Cậu rớt xuống nền đá. Không quan tâm đến vết bầm tím trên người, cậu vội đứng lên và lao ra cửa, nhưng khi cậu vừa lao vào nó, cánh cửa đã đóng sập lại, và một lúc sau thanh sắt ngang đóng xuống bên ngoài và chìa khóa được tra vào ổ.

Jack đâm vào cánh cửa với tất cả sức mạnh. “Hãy thả tôi ra!” Cậu kêu lên một cách điên dại. “Tôi phải ngăn cô ấy đừng lấy anh ấy! Hãy thả tôi ra!” Không có tiếng động phía bên ngoài. Cậu tiếp tục kêu, nhưng rồi dần dần tiếng kêu của cậu thành lời van nài, và giọng nói của cậu thành tiếng rên rỉ, rồi cuối cùng thành lời thì thầm, và cậu chỉ còn biết khóc vì bất lực.

Sau cùng mắt cậu khô và cậu không còn có thể khóc.

Cậu nhìn quanh. Hầm không hoàn toàn tối: một chút ánh sáng dội qua dưới cánh cửa và cậu có thể nhận diện môi trường xung quanh một cách mơ hồ. Cậu đi xung quanh tường, cảm nhận với bàn tay của cậu. Dấu vết nét đục trên đá có thể nói rằng hầm này đã được xây dựng nhiều năm về trước. Căn phòng hầu như không đặc biệt. Nó khoảng sáu bộ vuông, với một cột trụ trong một góc và một mái trần vòm: rõ ràng trước đây nó là một phần của căn phòng lớn và đã được ngăn cách để trở thành nhà tù. Trong một bức tường có một khoảng trống giống như đầu của một cửa sổ, nhưng nó đã được đóng chặt và ngay cả nếu nó mở, nó quá nhỏ để một người có thể chui qua. Sàn nhà ẩm ướt. Jack nghe thấy một tiếng kêu liên tục, và nhận ra dưới nhà tù là kênh nước chảy qua tu viện từ hồ của nhà máy xay tới khu nhà vệ sinh. Điều đó giải thích tại sao nền nhà không phải bằng đất nện mà là bằng đá.

Cậu cảm thấy không còn sức. Cậu ngồi xuống nền nhà, dựa lưng vào tường và nhìn chăm chăm vào vệt sáng dưới cửa, một vệt sáng gợi cậu nhớ đến nơi mà cậu muốn đến. Làm sao cậu lại rơi vào tình cảnh này? Cậu chẳng bao giờ tin vào tu viện này, chẳng bao giờ muốn cống hiến cuộc đời

cho Thiên Chúa – cậu không thực sự tin vào Thiên Chúa. Cậu đã trở thành tập sinh như là một giải pháp cho một vấn đề trước mắt, một cách để ở lại Kingsbridge, gần gũi với cái mà cậu yêu. Cậu đã nghĩ: tôi có thể ra đi khi tôi muốn. Nhưng bây giờ cậu muốn rời khỏi, muốn hơn những gì cậu có thể tưởng tượng, và cậu không thể: cậu là một tù nhân. Tôi sẽ bóp cổ Tu viện trưởng Philip ngay sau khi tôi có thể ra khỏi đây, cậu nghĩ, ngay cả nếu tôi có bị treo cổ sau đó.

Điều đó gợi lên trong cậu một bản khoản khác: Bao giờ cậu được tha? Cậu nghe thấy tiếng chuông báo hiệu giờ cơm chiều. Chắc chắn họ có ý định để cậu ở lại đây đêm nay. Có lẽ họ sẽ thảo luận về cậu ngay bây giờ. Các tu sĩ khó chịu nhất sẽ đồng ý giam cậu một tuần – cậu có thể nhìn thấy Pierre và Remigius kêu gọi kỷ luật nghiêm chỉnh. Những người khác, những người thích cậu, có thể nói phạt một đêm là đủ. Philip sẽ nói gì? Ông ấy thích Jack, nhưng bây giờ ông ấy giận dữ một cách khủng khiếp, nhất là Jack đã nói: Ông không phải là bề trên của tôi, đồ ngớ ngẩn, ông không là gì đối với tôi.

Philip sẽ bị cám dỗ ra hình phạt cứng rắn. Niềm hy vọng duy nhất của Jack là họ sẽ đuổi Jack ra khỏi tu viện ngay lập tức, vì theo quan điểm của họ đó là hình phạt nặng nhất. Nếu bị hình phạt như thế, cậu có thể còn kịp nói chuyện với Aliena trước đám cưới. Nhưng Philip sẽ chống lại điều đó, Jack chắc chắn như vậy. Sự trục xuất Jack ra khỏi tu viện đối với Philip là một sự thừa nhận thất bại.

Ánh sáng dưới cánh cửa mờ nhạt dần. Bên ngoài trời đã tối. Jack tự hỏi các tù nhân đi vệ sinh bằng cách nào. Không có bồn trong phòng giam. Các tu sĩ không có thói quen bỏ qua những chi tiết cụ thể như thế: họ quan tâm đến sự vệ sinh sạch sẽ, ngay cả đối với các tội nhân. Cậu kiểm tra nền nhà một lần nữa, từng li một, và tìm thấy một lỗ nhỏ gần trong góc. Tiếng nước chảy mạnh hơn ở đó, và cậu đoán nó dẫn đến kênh nước bên dưới. Đó có lẽ là nhà vệ sinh của cậu.

Vừa khi cậu khám phá ra điều này, một cánh cửa nhỏ mở ra. Jack đứng vụt dậy. Một chiếc tô và vỏ bánh được đặt trên bệ cửa sổ. Jack không thể nhìn thấy khuôn mặt của người đem đồ ăn đến. “Ai đó?” cậu hỏi.

“Tôi không được phép nói chuyện với anh,” người đàn ông nói giọng đều đều. Ty nhiên, Jack nhận ra giọng nói đó là của một tu sĩ lớn tuổi tên là Luke.

“Luke, họ có nói tôi sẽ ở đây bao lâu không?” Jack kêu lên.

Ông ấy lập lại: “Tôi không được phép nói chuyện với anh”

“Làm ơn, Luke, nói cho tôi nếu ông biết!” Jack năn nỉ.

Luke trả lời thì thầm. “Pierre nói một tuần, nhưng Philip quyết định hai ngày.” Cánh cửa đóng sập xuống.

“Hai ngày!” Jack thất vọng nói. “Như vậy cô ấy đã kết hôn mất rồi!”

Không có câu trả lời.

Jack đứng lặng yên, nhìn vào hư không. Ánh sáng xuyên qua khe hở quá mạnh nếu so sánh với bóng tối bên trong làm mắt cậu không thể thấy gì trong vài phút, cho đến khi mắt cậu quen lại với bóng tối; rồi mắt cậu lại đắm lệt và cậu lại bị mù lần nữa.

Cậu nằm xuống nền nhà. Không có gì để làm. Cậu bị giam ở đây cho đến ngày thứ hai, và ngày thứ hai Aliena đã là vợ của Alfred, thức dậy trên giường của Alfred, với hạt giống của Alfred bên trong cô. Ý nghĩ đó làm cậu ghê tởm.

Chẳng bao lâu sau trời tối như mực. Cậu dò dẫm đến bên cửa và uống từ trong tô. Trong đó chỉ có nước lã. Cậu lấy một miếng bánh mì và cho vào miệng, nhưng cậu không đói và cậu khó có thể nuốt nó xuống. Cậu uống hết phần nước còn lại và nằm xuống.

Cậu không thể ngủ, nhưng cậu nửa tỉnh nửa mê, như bị hôn mê, trong đó cậu sống lại, giống như trong giấc mơ hay trong thị kiến, buổi chiều chủ nhật mà cậu đã trải qua với Aliena trong mùa hè năm trước, khi cậu kể cho cô câu chuyện của chàng hầu cận yêu nàng công chúa và đi tìm kiếm cây nho trổ sinh hồng ngọc.

Tiếng chuông giữa đêm đưa cậu ra khỏi cơn hôn mê. Cậu đã quen với chương trình sống trong tu viện, và cậu cảm thấy tỉnh táo vào lúc nửa đêm, mặc dù cậu buồn ngủ vào buổi chiều, nhất là khi bữa ăn trưa có thịt. Các tu sĩ sẽ thức dậy và xếp hàng đi từ nhà ngủ vào nhà thờ. Họ ở ngay trên đầu Jack, nhưng cậu không nghe thấy gì vì phòng giam có cách âm. Chẳng bao

lâu sau tiếng chuông lại reo lên lần nữa báo hiệu giờ kinh sáng, diễn ra một giờ sau giờ kinh đêm. Thời gian trôi đi nhanh quá, quá nhanh, bởi vì ngày mai Aliena sẽ kết hôn rồi.

Vào lúc sáng sớm, mặc dù đau khổ, cậu ngủ thiếp đi.

Cậu bật dậy. Có một người nào đó trong phòng giam với cậu.

Cậu hoảng sợ.

Phòng giam tối đen như mực. Âm thanh của nước như mạnh hơn. “Ai đó?” cậu nói bằng giọng run rẩy.

“Mẹ đây, đừng sợ.”

“Mẹ!” Cậu dường như ngất đi vì vui. “Làm sao mẹ biết con ở đây?”

“Ông già Joseph đã kể cho mẹ những gì xảy ra,” bà đáp lại bằng giọng bình tĩnh.

“Đừng nói to! Các tu sĩ sẽ nghe thấy.”

“Không, họ sẽ không nghe thấy. Con có thể hát và hét to ở đây mà bên trên không nghe thấy. Mẹ biết. Mẹ đã thử rồi.”

Đầu cậu ngổn ngang với các câu hỏi và cậu không biết bắt đầu từ đâu. “Làm sao mẹ vào trong này được? Có phải cửa mở không?” Cậu dịch lại gần bà, giơ tay ra phía bà. “Ồ! Mẹ bị ướt.”

“Kênh nước chảy ngay dưới sàn nhà này. Có một viên đá lỏng lẻo trên sàn.”

“Làm sao mẹ biết điều đó?”

“Bố con đã trải qua mười tháng trong phòng giam này,” bà nói và trong giọng bà chứa chấp nỗi cay đắng của bao tháng năm.

“Bố con? Trong phòng giam này? Mười tháng?”

“Đó là thời gian mà ông đã dạy mẹ tất cả những câu truyện này.”

“Nhưng tại sao bố con lại ở đây?”

“Chúng ta chẳng bao giờ tìm ra lý do,” bà bức bối nói. “Ông bị bắt cóc, hay bị giam cầm – chính ông cũng không biết - ở Normandy, và ông đã bị mang tới đây. Ông không nói tiếng Anh hay Latin và ông cũng chẳng biết ông ở đang đâu. Ông làm việc trong chuồng bò chừng một năm hay hơn – và đó là lý do mẹ gặp ông ấy.” Giọng bà dịu dàng với nỗi nhớ thương. “Mẹ đã yêu ông từ lúc mẹ nhìn thấy ông. Ông rất hòa nhã, ông trông có vẻ sợ

hải và bất hạnh, nhưng ông hát như một con chim. Hàng tháng trời không ai nói với ông câu nào. Ông rất vui khi mẹ nói vài câu bằng tiếng Pháp. Mẹ nghĩ ông đã phải lòng mẹ vì điều đó.” Tức giận làm giọng bà đánh lại. “Sau một thời gian họ nhốt ông trong phòng giam này. Đó là lúc mẹ khám phá ra cách để vào đây.”

Jack chợt có một ý tưởng rằng cậu đã được thụ thai ngay đây, trên nền đá lạnh này. Ý nghĩ này làm cậu xấu hổ và cậu mừng vì trời quá tối nên hai mẹ con không nhìn thấy nhau. Cậu nói: “Nhưng bố con phải làm điều gì đó nên mới bị giam như thế.”

“Ông cũng không thể nghĩ ra lý do tại sao. Và sau cùng họ đã bịa đặt ra một tội. Một người nào đó cho ông một chiếc chén có cần đá quý và nói ông có thể đi. Sau một hai dặm ông bị bắt và bị buộc tội vì ăn cắp chiếc chén. Họ đã treo cổ ông vì tội đó.” Bà khóc.

“Ai đã làm chuyện đó?”

“Cảnh sát trưởng Shiring, tu viện trưởng Kingsbridge... Ai đã làm, chuyện đó không quan trọng.”

“Gia đình của bố con ra sao? Ông phải có bố mẹ, anh chị em...”

“Đúng, ông có một gia đình lớn ở bên Pháp.”

“Tại sao ông không trốn về lại đó?”

“Một lần, ông đã thử; và họ đã bắt và đem ông về lại. Đó là lúc họ nhốt ông trong phòng giam. Ông có thể thử lần nữa, dĩ nhiên, một lần mẹ và bố con đã tìm ra cách ra khỏi đây. Nhưng ông không biết đường về, ông không nói một câu tiếng Anh nào, và ông không có một xu dính túi. Cơ hội trốn thoát của ông rất mong manh. Tuy nhiên ông nên thử, bây giờ chúng ta biết như vậy; nhưng vào lúc đó mẹ và bố con chẳng nghĩ họ sẽ treo cổ ông.”

Jack vòng tay ôm và an ủi bà. Bà ứa nước mắt và run rẩy. Bà cần phải ra khỏi đây cho khô ráo. Cậu bỗng nhận ra rằng nếu bà có thể ra thì cậu cũng có thể. Khi bà mẹ nói với cậu về bố cậu, cậu đã quên mất Aliena; nhưng bây giờ cậu nhận ra rằng ước muốn của cậu sẽ được thành tựu – cậu có thể nói với Aliena trước ngày cưới. “Hãy chỉ cho con đường ra,” cậu đột ngột nói.

Bà hít vào và lau dòng nước mắt. “Nhắm tay mẹ và mẹ sẽ dẫn con ra.”

Họ di chuyển ngang phòng giam và cậu cảm thấy bà cúi xuống. “Hãy cúi mình xuống kênh nước,” bà nói. “Hãy hít một hơi dài và ngụp đầu con xuống nước. Sau đó đi ngược dòng nước. Đừng đi theo dòng nước vì hướng đó sẽ dẫn con vào nhà vệ sinh của các tu sĩ. Khi con gần đến được chỗ ra, con sẽ hụt hơi, nhưng nếu giữ bình tĩnh và tiếp tục trườn, con sẽ vượt qua.” Bà xuống thấp và cậu mất liên lạc với bà.

Cậu tìm thấy lỗ hồng và tụt người xuống. Chân cậu chạm vào nước ngay. Khi cậu đứng xuống đáy của con kênh, vai cậu vẫn còn ở trong phòng giam. Trước khi cậu cúi mình xuống thấp, cậu thấy hòn đá và đặt nó lại ngay ngắn, nghĩ một cách tinh nghịch rằng các tu sĩ sẽ hoang mang khi thấy phòng giam trống rỗng.

Nước lạnh. Cậu lấy một hơi thở sâu, cúi xuống và trườn đi ngược với dòng nước. Cậu đi nhanh bao nhiêu có thể. Khi cậu trườn đi, cậu hình dung ra kiến trúc bên trên cậu. Cậu đang ở dưới lối đi, rồi nhà ăn, nhà bếp và lò nướng bánh. Nó không xa, nhưng dường như nó kéo dài vô tận. Cậu cố ngoi đầu lên mặt nước, nhưng đầu cậu đụng vào nóc hầm. Cậu hoảng sợ và nhớ lại những gì mẹ cậu đã nói. Cậu đã sắp tới. Một vài giây sau cậu thấy ánh sáng trước mặt cậu. Bình minh đã lên trong khi họ nói chuyện trong phòng giam. Cậu trườn đi cho đến khi ánh sáng chiếu trên đầu cậu, rồi cậu đứng thẳng người lên, hỗn hển hít không khí trong lòng với lòng biết ơn. Khi cậu thở lại bình thường, cậu leo lên khỏi con kênh.

Mẹ cậu đã thay quần áo. Bà mặc một bộ đồ sạch sẽ và khô ráo, và đã vắt nước bộ kia. Bà cũng mang cho cậu một bộ quần áo khô nữa. Bên dòng sông một đồng quần áo xếp gọn gàng mà nửa năm qua cậu đã không mặc tới: Một áo sơ mi bằng lụa, một áo dài len màu xanh, quần xám và giày da. Bà mẹ quay lưng lại và Jack ném đi bộ tu phục nặng nề, tháo dép và vội vàng mặc quần áo của cậu.

Cậu ném bộ tu hục vào con kênh. Cậu không có ý định mặc lại nó lần nữa.

“Con định làm gì bây giờ?” bà mẹ hỏi.

“Đi gặp Aliena.”

“Ngay bây giờ? Nó hãy còn sớm.”

“Con không thể chờ được.”

Bà gật đầu. “Hãy dịu dàng. Cô ấy đã bị thương tổn nhiều rồi.”

Jack cúi xuống để hôn bà, nhưng rồi bất ngờ cậu lại choàng tay quanh bà và ôm bà. “Mẹ đã cứu con ra khỏi nhà tù,” cậu nói, và cậu cười. “Thật đáng là một người mẹ!”

Bà mỉm cười, nhưng mắt bà ướt.

Cậu ôm ghì bà lần nữa, từ giã bà rồi ra đi.

Ngay cả trời đã sáng tỏ, nhưng xung quanh vẫn chưa có người vì hôm nay là chủ nhật, và mọi người không phải làm việc, vì thế họ lợi dụng cơ hội để ngủ cho đến khi mặt trời mọc. Jack không chắc chắn cậu có sợ bị nhìn thấy không. Tu viện trưởng Philip có quyền ép buộc một tập sinh bỏ trốn trở lại tu viện không? Ngay cả nếu ông có quyền đó, ông có làm chuyện đó không? Jack không biết. Tuy nhiên, Philip là đại diện cho luật pháp ở Kingsbridge, và Jack đã coi thường ông, vì thế chắc chắn cậu sẽ gặp một số vấn đề. Tuy nhiên bây giờ Jack không bận tâm đến những gì xa xôi mà chỉ đến những giây phút sắp tới.

Cậu đến căn nhà nhỏ của Aliena. Cậu chợt nghĩ có thể Richard đang ở đó. Cậu hy vọng rằng không. Tuy nhiên cậu không thể làm gì khác được. Cậu đi đến cửa và gõ lên nhẹ nhàng.

Cậu nghiêng đầu lắng nghe. Không có gì động dậy phía trong. Cậu gõ một lần nữa, mạnh hơn, và lần này có tiếng rơm xào xạc như thể có người di chuyển. “Aliena!” cậu nói nhẹ nhàng.

Cậu nghe thấy cô đến cửa. Một giọng nói sợ hãi vang lên. “Vâng?”

“Mở cửa ra!”

“Ai đó?”

“Jack đây!”

“Jack!”

Không có gì xảy ra. Jack chờ đợi.

Aliena nhắm mắt lại trong tuyệt vọng và gập mình dựa vào cánh cửa với đôi má ép lên phần gỗ thô. Đừng Jack, cô nghĩ; đừng vào ngày hôm nay, đừng vào lúc này.

Giọng cậu lại vang lên, một tiếng thì thào khẩn cấp và trầm lắng. “Aliena, làm ơn mở cửa nhanh lên! Nếu họ bắt được anh họ sẽ lại nhốt anh trong phòng giam.”

Cô đã nghe nói cậu bị nhốt – cả thị trấn đều biết. Rõ ràng cậu đã trốn thoát. Và cậu đi thẳng đến cô. Tim cô đập mạnh. Cô không thể đuổi cậu đi.

Cô nhấc thanh cửa ra.

Mái tóc đỏ của cậu ướt như thể cậu mới tắm xong. Cậu mặc quần áo bình thường, không còn trong bộ tu phục. Cậu mỉm cười với cô, như thể được gặp cô là điều tốt nhất đối với cậu. Rồi cậu cau mày và nói: “Em đã khóc.”

“Tại sao anh đến đây?”

“Anh phải gặp em.”

“Em sẽ kết hôn hôm nay.”

“Anh biết. Anh có thể vào không?”

Biết rằng cho Jack vào là một sai lầm, nhưng cô nghĩ rằng ngày mai cô sẽ là vợ Alfred, vì thế đây là cơ hội cuối cùng cô có thể nói chuyện một mình với Jack. Cô nghĩ: Tôi không quan tâm nếu đó là một sai lầm. Cô mở cửa rộng hơn. Jack bước vào, và cô đóng cửa lại và cài then.

Họ đứng đối diện nhau. Bây giờ cô cảm thấy xấu hổ. Cậu nhìn cô với một khát khao tuyệt vọng, như một người sắp chết khát nhìn chăm chăm vào thác nước. “Đừng nhìn em như thế,” cô nói, và cô quay đi.

“Đừng lấy anh ấy,” Jack nói.

“Em phải.”

“Em sẽ khốn khổ.”

“Bây giờ em đang khốn khổ.”

“Làm ơn hãy nhìn vào anh.”

Cô quay lại đối diện với cậu và ngược mắt lên.

“Làm ơn nói cho anh biết tại sao em lại định làm thế,” cậu nói.

“Tại sao em không nên?”

“Vì cách em đã hôn anh trong nhà máy xay cũ.”

Cô nhìn xuống và cảm thấy mặt cô đỏ lên. Ngày đó cô đã buông rơi và từ đó cô luôn mắc cỡ với chính cô. Bây giờ cậu dùng nó chống lại cô. Cô không nói gì. Cô không có gì để tự vệ.

Cậu nói: “Sau đó, em trở thành lạnh nhạt.”

Cô vẫn cúi nhìn xuống đất.

“Chúng ta là những người bạn,” cậu tiếp tục nói không thương tiếc. “Cả mùa hè đó, trong khu rừng của em, bên thác nước... những câu chuyện của anh... chúng ta quá hạnh phúc. Một lần anh đã hôn em ở đó nữa, em có nhớ không?”

Cô nhớ, dĩ nhiên, mặc dù cô luôn dối lòng là chuyện đó chẳng bao giờ xảy ra. Bây giờ ký ức làm se lòng cô, và cô nhìn cậu với đôi mắt đầm lệ.

“Rồi anh chế tạo nhà máy hồ vải cho em,” cậu nói. “Anh quá vui vì có thể giúp em trong việc thương mại. Em đã hồ hởi khi thấy nó. Rồi chúng ta hôn nhau lần nữa, nhưng đó không phải là nụ hôn ngăn như lần đầu. Lần này nó... nồng nàn.” Ôi, trời ơi! Nó thật say đắm, cô nghĩ, và cô đỏ mặt và bắt đầu thở mạnh; và mong cậu ngưng lại, nhưng cậu không ngưng. “Chúng ta ôm nhau thật chặt. Chúng ta hôn nhau thật lâu. Cô mở miệng –“

“Dừng lại!” cô hét lên.

“Tại sao?” cậu nói tàn nhẫn. “Chuyện đó có gì là sai lầm? Tại sao em lại lạnh nhạt?”

“Bởi vì em sợ!” cô nói không suy nghĩ, và cô bật khóc. Cô vùi mặt vào bàn tay và khóc nức nở. Một lúc sau cô cảm thấy tay cậu trên vai cô. Cô không có phản ứng, và một lúc sau cậu ôm cô trong tay. Cô buông tay ra khỏi mặt, úp mặt vào áo dài xanh của cậu và khóc.

Một lúc sau cô vòng tay quanh eo cậu.

Cậu đặt má cậu lên mái tóc cô – mái tóc ngắn, xấu xí, chưa mọc lại sau cuộc hỏa hoạn – và vuốt ve lưng cô như thể cô là một đứa bé. Cô muốn đứng như thế mãi mãi. Nhưng cậu tránh xa cô để có thể nhìn thấy cô, và cậu nói: “Tại sao chuyện đó lại làm em sợ?”

Cô biết, nhưng cô không thể nói với cậu. Cô lắc đầu và bước lùi lại; nhưng cậu đã giữ cô lại.

“Hãy nghe, Aliena!” cậu nói. “Anh muốn em biết điều đó khủng khiếp đối với anh đến mức độ nào. Em dường như yêu anh, rồi em dường như ghét anh, và bây giờ em định kết hôn với anh ghê của anh. Anh không hiểu. Anh không biết gì về chuyện này vì trước đó anh chưa yêu ai. Nó thật đau.

Anh không tìm được chữ nào để diễn tả nó tồi tệ đến mức độ nào. Em không nghĩ rằng ít nhất em nên giải thích cho anh tại sao anh phải khổ thế này không?”

Cô cảm thấy ân hận. Làm sao cô lại có thể làm cậu đau như thế khi cô yêu cậu rất nhiều. Cô xấu hổ về cách cô đã đối xử với cậu. Cậu không làm gì, ngoài những việc tử tế cho cô mà cô lại hủy hoại cuộc đời cậu. Cô còn nợ cậu một lời giải thích. Cô thu hết can đảm: “Jack, một số việc đã xảy ra cho em trước đó, một số việc thật sự kinh khủng, một số việc nhiều năm trời em đã cố quên. Em muốn chẳng bao giờ nghĩ về nó nữa, nhưng khi anh hôn em, tất cả những điều đó lại trở về với em, và em không thể chịu đựng được.”

“Chuyện gì thế? Chuyện gì đã xảy ra?”

“Sau khi bố em bị giam tù, chúng em sống trong lâu đài, Richard, em và người hầu cận tên là Matthew; và một đêm William Hamleigh đến và đuổi chúng em đi.”

Cậu nheo mắt lại. “Và sao?”

“Họ giết Matthew đáng thương.”

Cậu biết cô không muốn kể cho cậu hoàn toàn sự thật. “Tại sao?”

“Anh muốn nói gì?”

“Tại sao họ lại giết người hầu cận của em?”

“Bởi vì ông ấy đã cố gắng ngăn họ.” Nước mắt chảy xuống thành dòng trên khuôn mặt cô, và cổ họng cô thắt lại mỗi khi cô muốn nói như thế những lời nói làm cô nghẹt thở. Một cách bất lực cô lắc đầu và cố quay đi, nhưng Jack không để cô đi.

Trong giọng nói nhẹ nhàng như một nụ hôn cậu nói: “Ngăn chặn họ khỏi làm chuyện gì?”

Bất ngờ cô biết cô có thể kể cho cậu, và nó tuôn ra. “Chúng ép buộc em,” cô nói. “Người cận thần giữ em dưới đất, và William nằm trên mình em, nhưng em vẫn chống cự, và rồi chúng cắt một miếng tai của Richard, và chúng nói chúng sẽ cắt nữa.” Bây giờ cô thốn thức vì nhẹ nhõm, biết ơn vì sau cùng có thể nói ra hết. Cô nhìn vào mắt Jack và nói: “Vì thế em dạn

chân ra và William đã làm chuyện đó với em, trong khi người cận thần bắt Richard phải nhìn.”

“Anh xin lỗi,” Jack thì thầm. “Anh nghe tin đồn, nhưng anh chẳng bao giờ nghĩ... Aliena thân yêu, làm sao chúng có thể làm như thế?”

Cô phải nói cho cậu tất cả mọi sự. “Rồi sau khi William đã làm, người cận thần cũng làm nữa.”

Jack nhắm mắt lại. Khuôn mặt cậu trắng bệch và căng thẳng.

Aliena nói: “Và rồi, anh thấy đó, khi anh và em hôn nhau, em muốn anh làm chuyện đó, và điều đó làm em nghĩ đến William và cận thần của cậu ấy; và em cảm thấy quá khủng khiếp và sợ hãi, và em bỏ chạy. Đó là lý do tại sao em đã xử sự như thế với anh và làm anh khổ. Em xin lỗi.”

“Anh tha thứ cho em,” cậu thì thầm. Cậu kéo cô vào cậu, và cô để cậu ôm cô một lần nữa.

Cô cảm thấy cậu rung mình. Lo lắng cô hỏi: “Em có làm anh kinh tởm không?”

Cậu nhìn cô. “Anh ngưỡng mộ em,” cậu nói. Cậu cúi đầu xuống và hôn lên môi cô.

Cô ớn lạnh. Đó không phải là cái cô muốn. Cậu xa cô một chút, rồi lại hôn cô. Sự đụng chạm giữ môi cậu và môi cô thật dịu dàng. Cảm thấy biết ơn và thân thiện đối với cậu, cô mím môi, chỉ một chút, rồi buông lỏng, đáp lại nụ hôn của cậu. Được khích lệ cậu di chuyển môi cậu trên môi cô. Cô có thể cảm thấy hơi thở ấm của cậu trên mặt cô. Cậu mở miệng một chút. Cô vội vàng tránh xa.

Cậu có vẻ bị tổn thương. “Có điều gì xấu không?”

Thực ra cô không còn sợ hãi như trước. Cô đã kể cho cậu sự thật kinh khủng về cô và cậu đã không ghê tởm lùi lại; ngược lại cậu dịu dàng và tử tế hơn bao giờ hết. Cô nghiêng đầu và cậu hôn cô. Nó không đáng sợ. Không có gì đe dọa, không có gì mãnh liệt ngoài vòng kiểm soát, không phải ép buộc hay hận thù hay thống trị; nhưng hoàn toàn ngược lại. Nụ hôn này là một niềm vui chia sẻ.

Môi cậu mở ra và cô cảm thấy đầu lưỡi của cậu. Cô cứng người lại. Cậu đùa với đôi môi của cô và cô thoải mái lại. Cậu mút nhẹ môi dưới của cô.

Cô cảm thấy hơi chóng mặt.

Cậu nói: “Em có thể làm như em đã làm lần trước?”

“Em đã làm gì?”

“Anh sẽ chỉ em. Mở miệng ra, chỉ một chút thôi.”

Cô làm như cậu nói, và cô cảm thấy lưỡi cậu đung vào môi cô, đi qua hai hàm răng đang hé mở của cô và thăm dò vào miệng cho đến khi cậu tìm thấy lưỡi của cô. Cô tránh đi.

“Đấy,” cậu nói. “Đấy là cái mà em đã làm.”

“Em đã làm như thế sao?” cô bị sốc.

“Đúng.” Cậu mỉm cười, rồi bất ngờ cậu nghiêm trọng. “Nếu em chỉ làm điều đó lần nữa, nó sẽ xóa đi mọi đau khổ trong chín tháng qua.”

Cô nghiêng mặt và nhắm mắt lại. Một lúc sau cô cảm thấy môi cậu trên môi cô. Cô mở đôi môi, do dự, rồi lo lắng đẩy lưỡi cô vào miệng cậu. Khi cô làm như thế cô nhớ lại cô đã cảm thấy như thế nào trong nhà máy xay cũ, và cảm xúc đê mê trở lại. Cô chỉ còn muốn giữ chặt cậu, đung vào da thịt và tóc cậu, cảm thấy bắp thịt và xương cậu, để được ở trong cậu và có cậu trong cô. Lưỡi cậu gập lưỡi cô, và thay vì cảm thấy xấu hổ và kinh tởm, cô cảm thấy vui sướng được làm cái gì đó rất mật thiết, như lưỡi cậu đung lưỡi cô.

Bây giờ cả hai đều thở mạnh. Jack giữ đầu cô trong tay cậu. Cô vuốt ve tay cậu, lưng cậu và rồi hông cậu, cảm nhận bắp thịt căng thẳng của cậu. Trái tim cô đập mạnh trong lồng ngực. Sau cùng cô buông nụ hôn, thở hỗn hển.

Cô nhìn cậu. Cậu đỏ mặt và thở mạnh, và khuôn mặt cậu tỏ lộ niềm khao khát. Một lúc sau cậu cúi về phía trước, nhưng thay vì hôn lên miệng cô, cậu nâng cằm cô lên và hôn lên làn da cổ mềm mại của cô. Cô nghe thấy tiếng rên rỉ vì khoái cảm của mình. Cậu di chuyển đầu cậu xuống thấp hơn và chà môi cậu lên chỗ gồ trên ngực cô. Nút vú cô cương lên dưới lớp vải lụa của chiếc áo ngủ, và cả hai cảm thấy một sự căng thẳng không chịu nổi. Môi cậu ngậm một nút vú. Cô cảm thấy sức nóng hơi thở cậu trên da thịt cô. “Nhẹ thôi,” cô thì thầm sợ hãi. Cậu hôn nút vú cô qua vải lụa, và mặc

dù cậu nhẹ nhàng bao nhiêu có thể, cô vẫn cảm thấy một cảm giác của khoái lạc như thể cậu đã cắn cô, và cô thở hổn hển.

Rồi cậu ngồi xuống trước mặt cô.

Cậu úp mặt vào lòng cô. Cho đến bây giờ tất cả cảm xúc ở trên ngực cô, nhưng bây giờ, bất ngờ, cảm xúc di chuyển xuống dưới. Cậu tìm thấy đường viền chiếc áo ngủ và vén nó lên tới thắt lưng. Cô nhìn cậu, sợ phản ứng của cậu: cô luôn luôn cảm thấy xấu hổ vì có nhiều lông ở đó. Cậu không lùi lại, nhưng cúi xuống và hôn cô dịu dàng, chính chỗ đó, như nó là vật đẹp nhất trên thế gian.

Cô ngã xuống trên đầu gối trước mặt cậu. Hơi thở cô hổn hển như thể cô đã chạy cả một dặm đường. Cô thèm khát cậu. Cổ họng cô khô ran vì khao khát. Cô đặt tay lên đầu gối cậu, rồi luồn một tay dưới áo dài của cậu. Cô chưa bao giờ chạm vào vật của nam giới. Nó nóng, khô và cứng. Jack nhắm mắt lại và rên rỉ sâu trong cổ họng khi cô khám phá chiều dài của nó với ngón tay của cô. Cô vén áo cậu, cúi xuống và hôn nó, giống như cậu đã làm cho cô, một sự chà xát của đôi môi. Đầu nó cương cứng lên như chiếc trống và ướm.

Bất ngờ cô muốn cho cậu xem ngực cô. Cô ngồi thẳng lên. Cậu mở mắt. Nhìn vào cậu, cô nhanh chóng kéo chiếc áo ngủ qua đầu và bỏ nó đi. Bây giờ cô hoàn toàn trần truồng. Cô cảm thấy rất tự tin, nhưng nó là một cảm xúc tốt, một sự sẵn sàng thú vị. Jack nhìn chăm chăm vào ngực cô như bị thôi miên. “Nó thật đẹp,” cậu nói.

“Anh thực sự nghĩ như vậy sao?” cô nói. “Em luôn luôn nghĩ nó quá lớn.”

“Quá lớn!” cậu nói như thể ý kiến đó là không đúng. Cậu vươn tay ra và đụng ngực trái cô bằng bàn tay phải. Cậu nhẹ nhàng vuốt ve làn da cô bằng ngón tay cậu. Cô nhìn xuống xem cậu đang làm gì. Một lúc sau cô muốn cậu sờ mạnh hơn. Cô lấy cả hai tay cậu và ép chúng lên ngực cô. “Làm mạnh hơn,” cô nói giọng khàn khàn. “Em muốn cảm thấy anh nhiều hơn.”

Lời nói của cô làm cậu bốc lửa. Cậu siết chặt ngực cô, rồi lấy ngón tay nhúm lấy núm vú cô và véo nó, chỉ đủ mạnh để làm cho nó đau một chút. Cảm xúc làm cô hoang dại. Không còn ý nghĩ nào trong đầu, cô chỉ còn

khao khát được cảm thấy cơ thể của cậu như của chính mình. “Cởi áo ra,” cô nói. “Em muốn nhìn anh.”

Cậu cởi áo dài và áo trong, giày và quần, và quỳ xuống trước mặt cô. Tóc đỏ của cậu đã khô thành lọn tóc rối tung. Thân thể cậu gầy và trắng, với xương vai và hông. Cậu trông dẻo dai và nhanh nhẹn, trẻ trung và tươi tắn. Dương vật cậu đứng thẳng như một cây vươn ra khỏi đám tóc nâu nơi háng cậu. Bất ngờ cô muốn hôn ngực cậu. Cô cúi xuống và chạm môi trên núm vú đàn ông bằng phẳng của cậu. Chúng cau lại, cũng giống như của cô. Cô mút chúng nhẹ nhàng, muốn cậu có cùng khoái cảm như cậu đã cho cô. Cậu vuốt ve mái tóc của cô.

Cô muốn cậu ở trong cô, một cách nhanh chóng.

Cô có thể thấy cậu không biết phải làm gì tiếp theo. “Jack,” cô nói. “Anh đã bao giờ ngủ với đàn bà chưa?”

Cậu lắc đầu, trông có vẻ một chút ngu ngốc.

“Em rất vui,” cô nói chân thành. “Em rất vui.”

Cô lấy tay cậu và đặt nó giữa đùi cô. Cô đã cương lên và nhạy cảm ở đó, và sự đụng chạm của cậu giống như một cú sốc. “Cảm nhận em,” cô nói. Cậu di chuyển ngón tay cậu, khám phá. “Cảm nhận phía trong,” cô nói. Ngập ngừng cậu đẩy một ngón tay vào trong cô. Cô ướm vì mong muốn. “Đó,” cô nói với một dấu hiệu của hài lòng. “Đó, chính chỗ đó.” Cô tách tay cậu ra và nằm xuống trong rơm.

Cậu nằm xuống trên cô, đỡ mình trên một khuỷu tay, và hôn miệng cô. Cô cảm thấy cậu vào trong cô một chút, rồi dừng lại. “Chuyện gì vậy?” cô nói.

“Nó dường như quá nhỏ,” cậu nói. “Anh sợ làm em đau.”

“Đẩy mạnh vào,” cô nói. “Em muốn anh quá, em không quan tâm nếu nó đau.”

Cô cảm thấy cậu đẩy. Nó đau hơn cô tưởng, nhưng chỉ một lúc, và rồi cô cảm thấy được đổ đầy một cách tuyệt vời. Cô nhìn cậu. Cậu kéo ra một chút và đẩy vào lại, và cô đẩy ngược lại. Cô mỉm cười với cậu. “Em chẳng biết nó lại thích như thế,” cô ngạc nhiên nói. Cậu nhắm mắt lại như thể niềm hạnh phúc quá nhiều để có thể chịu đựng.

Cậu bắt đầu di chuyển nhịp nhàng. Sự va chạm đều đặn tạo nên một cảm xúc rộn ràng của khoái lạc ở đâu đó trong háng cô. Cô nghe thấy tiếng thở hỗn hển hứng thú của mình mỗi khi cơ thể họ đến với nhau. Cậu hạ người xuống để ngực chạm vào núm vú cô và cô có thể cảm thấy hơi thở nóng của cậu. Cô cào ngón tay vào tấm lưng cậu. Hơi thở hỗn hển của cô trở thành tiếng kêu. Bất ngờ cô cảm thấy cần hôn cậu. Cô luồn tay trong mớ tóc của cậu và kéo đầu cậu xuống với cô. Cô hôn mạnh môi cậu, rồi đẩy lưỡi cô vào trong miệng cậu và di chuyển nhanh hơn và nhanh hơn. Cậu ở trong cô và lưỡi cô trong miệng cậu đưa cô ra khỏi mọi suy nghĩ. Cô cảm thấy sự co thắt lớn lao của niềm vui lắc lư cô, như cô bị rơi xuống ngựa và ngã xuống đất. Nó làm cô kêu lớn. Cô mở mắt và nhìn vào mắt cậu và nói tên cậu, và rồi một làn sóng khác đưa cô đi, và lại một làn sóng khác; và rồi cô cảm thấy cơ thể của cậu co giật, và cậu cũng kêu to, và cô cảm thấy một tia nóng bắn vào trong cô, và nó càng kích động cô hơn, vì thế mà cô lắc với khoái cảm một lần nữa và một lần nữa, quá nhiều lần đến nỗi cô không còn đếm được, cho đến khi sau cùng cảm giác bắt đầu yếu đi, rồi ỉ ỉ và nằm yên.

Cô quá mệt để nói hay chuyển động, nhưng cô có thể cảm thấy sức nặng của Jack hạ xuống trên người cô, hông cậu trên hông cô, ngực phẳng của cậu đè bẹp ngực mềm mại của cô, miệng cậu gần tai cô, ngón tay cậu đan vào mái tóc cô. Một phần tâm trí cô nghĩ một cách mơ hồ: Đó là cái mà giữa đàn ông và đàn bà nên là; đó là tại sao mỗi người quan trọng hóa về nó quá; đó là lý do tại sao đàn ông và đàn bà yêu nhau nhiều như thế.

Hơi thở Jack trở thành nhẹ nhàng và đều đặn, và thân thể cậu buông lỏng cho đến khi nó hoàn toàn ỉ ỉ. Cậu đang ngủ.

Cô quay đầu và hôn vào mặt cậu. Cậu không quá nặng. Cô muốn cậu ở đó, ngủ trên mình cô, mãi mãi.

Tư tưởng đó gợi ký ức cô trở về.

Hôm nay là ngày hôn lễ của cô.

Trời ơi! Cô nghĩ, tôi đã làm gì?

Cô bắt đầu khóc.

Một lúc sau Jack thức dậy.

Cậu hôn nước mắt trên má cô với sự dịu dàng không chịu nổi.

Cô nói: “Ôi Jack, em muốn cưới anh.”

“Chúng ta sẽ cưới nhau,” cậu nói bằng giọng hài lòng.

Cậu hiểu lầm cô, và nó làm cho vấn đề trầm trọng hơn. “Nhưng em không thể,” cô nói, và nước mắt cô rơi nhanh hơn.

“Nhưng sau việc này “

“Em biết –“

“Sau việc này, em phải lấy anh!”

“Chúng ta không thể lấy nhau,” cô nói. “Em đã mất tất cả tiền bạc, và không còn gì.”

Cậu chỗi dậy, chống mình trên khuỷu tay. “Anh có đôi tay,” cậu nói mạnh mẽ. “Anh là người khắc đá giỏi nhất trong vùng.”

“Nhưng anh đã bị mất việc –“

“Không có vấn đề gì. Anh có thể tìm được công việc ở bất cứ công trình xây dựng nào trên thế giới.”

Cô đau khổ lắc đầu. “Nó không đủ. Em phải nghĩ tới Richard.”

“Tại sao?” cậu phản nộ hỏi. “Tất cả điều đó có liên quan gì tới Richard? Cậu ấy có thể tự lo cho cậu ấy được.”

Bất ngờ Jack trông như trẻ con, và Aliena cảm nhận được sự khác biệt về tuổi tác của họ: cậu ấy trẻ hơn cô năm tuổi, và cậu vẫn nghĩ cậu có quyền để được hạnh phúc. Cô nói: “Em đã thề trước bố em, khi ông sắp mất, rằng em sẽ chăm sóc Richard cho đến khi cậu ấy chiếm lại được lãnh địa Shiring.”

“Nhưng chuyện đó chẳng bao giờ xảy ra!”

“Nhưng lời thề là lời thề.”

Jack bối rối. Cậu lặn ra khỏi cô. Dương vật mềm của cậu trượt ra khỏi cô và cô trải nghiệm một cảm giác mất mát giống như một nỗi đau. Tôi sẽ chẳng bao giờ cảm thấy cậu ở trong tôi nữa, cô buồn bã nghĩ.

Cậu nói: “Em không thể nghĩ như thế. Một lời thề chỉ là những lời nói! Không gì có thể so sánh được với cái này. Cái này là thực sự, cái này là em và anh.” Cậu nhìn vào ngực cô, rồi cậu đưa tay ra vuốt ve đám lông giữa

chân cô. Sự vuốt ve kích thích cô đến tận xương tủy. Cậu thấy cô co rúm lại và dừng lại.

Trong vài khoảnh khắc cô gần như muốn nói:

Vâng, được, chúng ta cùng nhau trốn đi bây giờ, và nếu cậu tiếp tục vuốt ve cô, có lẽ cô đã đồng ý; nhưng lý trí trở về và cô nói: “Em sẽ lấy Alfred.”

“Đừng ngớ ngẩn.”

“Chỉ có cách đó.”

Cậu nhìn chăm chăm vào cô. “Anh không tin em,” cậu nói.

“Nó là sự thật.”

“Anh không thể mất em. Anh không thể, anh không thể.” Giọng cậu lạc đi và cậu nén tiếng nấc xuống.

Cô cố gắng lập luận, tranh luận với chính mình hơn là với cậu. “Có lợi gì khi em phản bội lời hứa với bố em để có lời hứa với anh? Nếu em phản bội lời hứa trước, lời hứa thứ hai cũng không có giá trị.”

“Anh không quan tâm. Anh không cần lời hứa của em. Anh chỉ muốn chúng ta ở bên nhau mọi lúc và làm tình bất cứ khi nào chúng ta thích.”

Đó là một viễn cảnh hôn nhân của một người mười tám tuổi, cô nghĩ, nhưng cô không nói ra. Cô sẽ vui vẻ chấp nhận nó nếu cô được tự do. “Em không có thể làm điều em muốn,” cô buồn bã nói. “Đó là số phận của em.”

“Những gì em dự định làm là sai,” cậu nói. “Anh muốn nói nó tai hại. Từ bỏ hạnh phúc chúng ta đang có giống như ném ngọc quý vào biển. Nó còn xấu hơn bất cứ tội lỗi nào.”

Cô bị đánh bất ngờ bởi tư tưởng rằng mẹ cô sẽ đồng ý với điều đó. Cô không chắc chắn làm sao cô biết điều đó. Cô xua đuổi ý tưởng đó. “Em sẽ chẳng bao giờ hạnh phúc, ngay cả với anh, nếu em phải sống với nhận thức rằng em đã phản bội lời hứa với bố em.”

“Em lo cho bố em và em trai em nhiều hơn là lo cho anh,” cậu nói và lần đầu tiên cậu nóng nảy.

“Không.”

“Vậy thì là gì?”

Cậu chỉ muốn tranh luận, nhưng cô lại coi câu hỏi đó là nghiêm túc. “Nó có nghĩa rằng lời thề của em với bố em quan trọng với em hơn là tình yêu

của em dành cho anh.”

“Thật sao?” cậu hoài nghi hỏi. “Có thật như thế sao?”

“Đúng, nó thật như thế,” cô nói với tâm hồn nặng trĩu, và lời cô vang lên như tiếng chuông đám tang.

“Vậy thì không còn gì để nói.”

“Chỉ còn một điều duy nhất... rằng em xin lỗi.”

Cậu đứng lên. Cậu quay lưng lại phía cô và nhặt chiếc áo lót. Cô nhìn vào thân thể cao, mảnh mai của cậu. Có nhiều lông xoắn đỏ vàng trên chân cậu. Cậu mặc nhanh áo lót và áo dài, rồi đeo vớ và xỏ chân vào giày. Tất cả mọi chuyện xảy ra quá nhanh chóng.

“Cô sẽ bất hạnh kinh khủng,” cậu nói.

Cậu cố làm cô bức mình, nhưng không thành công, vì cô có thể nghe được sự mỉa mai trong giọng nói của cậu.

“Vâng, em biết,” cô nói. “Ít nhất... ít nhất anh có thể nói rằng anh tôn trọng quyết định của em không?”

“Không,” cậu nói không do dự. “Anh không tôn trọng. Anh khinh thường em về điều đó.”

Cô trần truồng ngồi đó, nhìn cậu và bắt đầu khóc.

“Tốt nhất anh nên đi,” cậu nói, và giọng cậu lạc đi vào chữ cuối.

“Vâng, anh đi đi,” cô nức nở.

Cậu ra tới cửa.

“Jack!”

Cậu quay lại nơi ngưỡng cửa.

Cô nói: “Hãy chúc em được hạnh phúc, Jack?”

Cậu nhắc thanh cửa lên. “Được –.” Cậu ngưng lại, nói không nên lời. Cậu nhìn xuống đất, rồi lại nhìn cô. Lần này giọng cậu phát ra như tiếng thì thầm. “Chúc may mắn,” cậu nói.

Rồi cậu ra đi.

Nhà cũ của Tom bây giờ là nhà của Ellen, nhưng cũng là nhà của Alfred, vì thế buổi sáng hôm nay đây người đang chuẩn bị cho tiệc cưới dưới sự hướng dẫn của Martha, em gái mười ba tuổi của Alfred. Mẹ Jack nhìn chán nản. Alfred ở đó, cầm một khăn mặt trong tay và chuẩn bị xuống suối – đàn

bà tắm mỗi tháng một lần, và đàn ông vào lễ Phục Sinh và lễ Thiên Thần Micae, nhưng theo truyền thống cũng tắm vào buổi sáng ngày hôn lễ. Mọi người im lặng khi Jack bước vào.

Alfred nói: “Mày muốn gì?”

“Tôi muốn anh hủy đám cưới,” Jack trả lời.

“Cút đi!” Alfred nói.

Jack nhận ra cậu đã bắt đầu dờ. Cậu nên tránh xung đột về chuyện này. Những gì cậu muốn đề nghị là vì lợi ích của Alfred nữa, nếu cậu có thể làm cho Alfred nhận ra được. “Alfred, cô ấy không yêu anh,” cậu nói nhẹ nhàng bao nhiêu có thể.

“Mày không biết gì về chuyện đó, thằng nhóc ạ.”

“Tôi biết,” Jack tiếp tục. “Cô ấy không yêu anh. Cô ấy lấy anh vì lợi ích của Richard. Cậu ấy là người duy nhất hạnh phúc vì đám cưới này.”

“Quay về với tu viện,” Alfred nói khinh bỉ. “Tu phục của mày đâu?”

Jack hít một hơi thật sâu. Không còn gì ngoài việc nói với cậu ấy sự thật. “Alfred! Cô ấy yêu tôi.”

Cậu chờ đợi Alfred sẽ tức giận, nhưng thay vào đó một nụ cười ranh mãnh xuất hiện trên mặt Alfred. Jack bối rối. Điều đó có ý nghĩa gì? Dần dần sự giải thích lóe ra trong đầu cậu. “Anh biết điều đó,” cậu nói. “Anh biết cô ấy yêu tôi, nhưng anh không quan tâm. Bằng mọi cách anh muốn có cô ấy, cho dù cô ấy yêu anh hay không. Anh chỉ muốn có được cô ấy.”

Nụ cười ngấm ngấm của Alfred tỏ ra rõ ràng và nguy hiểm hơn, và Jack biết mọi chuyện cậu nói là sự thật; nhưng còn nhiều chuyện khác nữa, nhiều chuyện có thể đọc được trên mặt của Alfred. Một mối nghi ngờ không thể tin được xuất hiện trong đầu Jack. “Tại sao anh muốn cô ấy?” Cậu nói. “Có phải... có phải anh chỉ muốn cưới cô ấy để cướp cô ấy ra khỏi tôi không?” Giọng cậu trở nên tức giận. “Có phải anh lấy cô ấy chỉ để trêu tức tôi?” Một cái nhìn đắc thắng quỷ quyệt lan tỏa trên khuôn mặt ngu dần của Alfred, và Jack biết lần này cậu cũng đúng. Cậu sụp đổ hoàn toàn. Nghĩ rằng Alfred làm tất cả chuyện này không phải vì yêu Aliena, mà chỉ vì ác ý làm cậu không chịu được. “Chết tiệt, anh nên đối xử tốt với cô ấy!” cậu hét lên.

Alfred cười.

Mục đích nham hiểm của Alfred đập vào Jack như một cú đánh. Alfred sẽ không đối xử tốt với cô ấy. Đó là sự trả thù cuối cùng của Alfred đối với Jack. Alfred định cưới Aliena để làm cô đau khổ. “Đồ bẩn thỉu,” Jack cay đắng nói. “Đồ rác rưởi. Đồ cứt đá. Đồ xấu xí. Đồ ngu ngốc. Đồ tàn ác. Đồ ghê tởm.”

Lời miệt thị của cậu sau cùng cũng làm Alfred phản ứng. Alfred đánh rơi chiếc khăn và tiến lại phía Jack với bàn tay nắm lại. Jack đã sẵn sàng và bước về phía trước. Rồi mẹ của Jack đứng ở giữa họ, và mặc dù nhỏ con hơn cả hai, bà đã dừng họ lại bằng một lời nói.

“Alfred, đi tắm đi.”

Alfred bình tĩnh lại ngay. Cậu nhận ra cậu đã thắng mà không cần đánh Jack, và suy nghĩ của cậu bộc lộ ra trong một cái nhìn tự mãn. Cậu ra khỏi nhà.

Bà mẹ hỏi: “Con định làm gì, Jack?”

Jack phát hiện ra cậu đã run lên vì tức giận. Cậu hít ra, thở vào nhiều lần trước khi cậu có thể nói. Cậu không thể ngăn đám cưới lại, cậu nhận ra. Nhưng cậu cũng không thể đứng nhìn. “Con sẽ phải rời Kingsbridge.”

Cậu nhìn thấy nỗi buồn trên gương mặt bà, nhưng bà gạt đầu. “Mẹ đã sợ con nói điều đó. Nhưng mẹ nghĩ con có lý.”

Một tiếng chuông vang lên trong tu viện. Jack nói: “Bây giờ bất cứ lúc nào họ cũng có thể khám phá ra con đã bỏ trốn.”

Bà hạ giọng. “Đi nhanh lên, ẩn dưới suối, tránh xa cây cầu. Mẹ sẽ mang cho con ít đồ.”

“Dạ.” Cậu quay đi.

Martha đứng giữa cậu và cửa ra vào với dòng nước mắt chảy trên má. Cậu ôm cô. Cô ghì chặt cậu. Thân thể con gái của cô phẳng và xương xẩu giống như con trai. “Một ngày nào đó hãy trở về,” cô nói mạnh mẽ.

Cậu hôn cô nhanh chóng và ra đi.

Bây giờ đã có nhiều người qua lại, lấy nước hoặc thưởng thức buổi sáng mùa thu nhẹ nhàng. Hầu hết đều biết cậu đã trở thành tập sinh – thị trấn vẫn còn quá nhỏ để mỗi người biết công việc của người khác – và quần áo dân

sự của cậu làm mọi người ngạc nhiên, mặc dù không ai hỏi cậu câu nào. Cậu đi nhanh xuống đồi, qua cây cầu, và đi dọc theo bờ sông đến một bụi lau sậy. Cậu cúi mình xuống bên bụi lau sậy và nhìn cây cầu, chờ đợi mẹ cậu.

Cậu không có ý định sẽ đi đâu. Có lẽ cậu sẽ đi thẳng cho đến khi cậu đến một thị trấn, nơi một nhà thờ chính tòa đang xây, và sẽ dừng lại đó. Những gì cậu nói với Aliena về việc tìm việc làm, cậu thực sự nghĩ như vậy: cậu biết cậu đủ giỏi để được nhận vào làm việc ở bất cứ nơi đâu. Ngay cả nếu công trường xây dựng đã đủ nhân công, cậu chỉ cần tỏ cho thợ xây dựng chính khả năng khắc đá của cậu, và cậu sẽ được nhận ngay. Nhưng bây giờ nó không còn ý nghĩa nữa. Sau Aliena, cậu sẽ chẳng bao giờ yêu người đàn bà nào khác nữa, và cậu cũng cảm thấy như vậy đối với nhà thờ chính tòa Kingsbridge. Cậu muốn xây nhà thờ ở đây, chứ không phải ở nơi khác.

Có lẽ cậu sẽ vào rừng và nằm chờ chết. Đối với cậu dường như là một ý tưởng tốt. Thời tiết dịu dàng, cây cối xanh và lá vàng; cậu có thể có một kết thúc đẹp. Điều hối tiếc duy nhất là cậu chưa biết thêm được gì về bố cậu trước khi chết.

Cậu đang tưởng tượng nằm trên đồng lá mùa thu vàng và đi nhẹ nhàng vào cái chết, thì cậu thấy mẹ cậu đi ngang qua chiếc cầu. Bà dắt theo một con ngựa.

Cậu đứng dậy và chạy đến bà. Con ngựa màu hạt dẻ là con ngựa bà luôn luôn cười. “Mẹ muốn con có con ngựa cái của mẹ,” bà nói.

Cậu nắm lấy tay bà và siết chặt nó như lời cảm ơn.

Nước mắt rơi trên mặt bà. “Mẹ chẳng bao giờ lo cho con đủ,” bà nói. “Đầu tiên mẹ nuôi con lớn lên hoang dại trong rừng. Rồi mẹ để con gần chết đói với Tom. Rồi mẹ để con sống với Alfred.”

“Mẹ chăm sóc con quá tốt rồi mẹ ạ,” cậu nói. “Con đã làm tình với Aliena sáng nay. Bây giờ con có thể chết một cách hạnh phúc.”

“Thằng bé ngu ngốc này,” bà nói. “Con giống hệt như mẹ. Nếu con không lấy được người con yêu, con không muốn ai khác nữa.”

“Mẹ cũng như vậy à?” cậu nói.

Bà gật đầu. “Sau khi bố con qua đời, mẹ thà sống một mình hơn là lấy người tốt thứ hai. Mẹ chẳng bao giờ muốn người đàn ông nào khác cho đến khi gặp Tom. Đó là mười một năm sau.” Bà lấy tay bà ra khỏi tay cậu. “Mẹ nói điều đó với con vì một lý do: Nó cần mười một năm, nhưng một ngày nào đó con sẽ yêu một người khác; mẹ hứa với con.”

Cậu lắc đầu. “Dường như nó không thể.”

“Mẹ biết.” Bà lo âu nhìn qua vai cậu về thị trấn. “Tốt hơn con nên đi.”

Cậu đi tới con ngựa. Nó chở hai túi đầy. “Cái gì ở trong túi vậy mẹ?” cậu hỏi.

“Một số đồ ăn, tiền, và bình rượu đầy ở túi này,” bà trả lời. “Còn túi kia là công cụ của Tom.”

Jack cảm động. Sau cái chết của Tom mẹ đã quyết định giữ lại công cụ của Tom như một kỷ niệm. Bây giờ bà trao thứ đó lại cho cậu. Cậu ôm bà. “Cảm ơn mẹ,” cậu nói.

“Con sẽ đi đâu?” bà hỏi cậu.

Cậu lại nghĩ về bố. “Những người hát rong thường ở đâu?” cậu hỏi.

“Trên đường hành hương đến Santiago de Compostella.”

“Mẹ có nghĩ là những người hát rong còn nhớ đến Jack Shareburg không?”

“Họ có thể. Nói với họ ông ấy trông giống như con.”

“Compostella ở đâu?”

“Ở Tây Ban Nha.”

“Vậy con sẽ tới Tây Ban Nha.”

“Nó xa lắm, Jack.”

“Con có giờ.”

Bà đặt tay quanh cậu và ôm chặt cậu. Cậu tự hỏi bao nhiêu lần bà đã làm như thế trong mười tám năm qua, để an ủi cậu về một đầu gối bị xước, khi một món đồ chơi bị mất, về những thất vọng của trẻ thơ – và bây giờ về một nỗi đau rằng cả hai đã quá lớn. Cậu nghĩ về những điều bà đã làm, từ việc nuôi nấng cậu trong rừng cho đến việc cứu cậu ra khỏi phòng giam. Bà đã luôn sẵn sàng chiến đấu giống như con mèo lo cho con. Nó đau khi phải rời xa bà.

Bà để cậu đi, và cậu nhảy lên ngựa.

Cậu nhìn lại Kingsbridge. Nó đã là một ngôi làng ngủ quên với một ngôi nhà thờ chính tòa đồ sộ nát khi cậu đến đây lần đầu. Cậu đã châm lửa vào ngôi nhà thờ đó, mặc dù không ai biết ngoài cậu. Bây giờ Kingsbridge là một thị trấn nhỏ náo động và quan trọng. Tốt, còn có nhiều thị trấn khác nữa. Nó là một nỗi đau khi phải ra đi, nhưng bây giờ cậu ở bên ranh giới của những cái chưa biết, đang chuẩn bị bước vào một cuộc phiêu lưu, và điều đó làm giảm bớt nỗi đau vì phải rời bỏ mọi thứ cậu yêu.

Bà mẹ nói: “Một ngày nào đó hãy trở về, Jack!”

“Con sẽ về.”

“Hứa nhé?”

“Vâng, con hứa.”

“Nếu con tiêu hết tiền trước khi con tìm được việc làm, hãy bán con ngựa, đừng bán công cụ,” bà nói.

“Con yêu mẹ, mẹ à,” cậu nói.

Mắt bà đầy nước mắt. “Hãy cẩn thận, con yêu của mẹ.”

Cậu thúc ngựa, và nó ra đi. Cậu quay lại và vẫy tay. Bà vẫy tay lại. Rồi cậu thúc nó đi nước đại, và sau đó cậu không quay nhìn lại nữa.

Richard về đến nhà đúng vào lúc đám cưới.

Vua Stephen đã nhân nhượng cho cậu hai ngày nghỉ, cậu giải thích. Quân đội của nhà vua đóng quân ở Oxford, bao vây lâu đài, nơi Maud bị mắc kẹt, vì thế các hiệp sĩ không có gì nhiều để làm. “Tôi không thể bỏ lỡ ngày cưới của chị tôi,” Richard nói và Alien chua chát nghĩ: Mày chỉ muốn tận mắt chứng kiến đám cưới có thực sự xảy ra không, để mày nhận những gì Alfred đã hứa cho mày.

Tuy nhiên cô vui vì có cậu để cậu cùng đi với cô đến nhà thờ và dẫn cô lên bàn thờ. Ngoài ra cô không có ai để cùng đi với cô.

Cô mặc một áo lót mới bằng lụa và một váy trắng theo phong cách mới nhất. Cô không thể làm gì nhiều với mái tóc bị cháy xém của cô, nhưng cô kết phần dài nhất thành các bím tóc và cột chúng lại một cách hợp thời bằng những băng lụa trắng. Một người hàng xóm cho cô mượn một tấm gương. Cô xanh xao và đôi mắt tiết lộ ra rằng cô đã có một đêm mất ngủ.

Tốt, cô không thể thay đổi gì được. Richard quan sát cô. Cậu có vẻ bẽn lẽn như thể cậu cảm thấy có lỗi và cậu bồn chồn không ngừng. Có lẽ cậu sợ vào phút cuối cô sẽ buông rơi mọi chuyện.

Có những lúc cô bị cám dỗ làm điều đó. Cô tưởng tượng cô và Jack, tay trong tay, đi ra khỏi Kingsbridge để bắt đầu một cuộc sống mới ở đâu đó, một cuộc sống đơn giản với công việc lương thiện, tự do khỏi lời thề cũ. Nhưng đó là một giấc mơ ngu dại. Cô sẽ chẳng bao giờ hạnh phúc nếu cô bỏ rơi em cô.

Khi cô đã đi đến kết luận này, cô tưởng tượng cô đi xuống dòng sông và nhảy xuống đó, và cô thấy thân thể ủ rũ của cô trong bộ áo cưới ngập nước trôi theo dòng nước, mặt ngửa lên và tóc nổi xung quanh đầu; và cô nhận ra rằng như thế còn tốt hơn là lấy Alfred, và đó là giải pháp tốt nhất cho những vấn đề của cô.

Jack sẽ khinh miệt về cách suy nghĩ đó.

Tiếng chuông nhà thờ vang lên.

Aliena đứng lên.

Cô chẳng bao giờ tưởng tượng ngày cưới của cô như thế này. Cô đã nghĩ về nó, khi còn nhỏ, cô đã tưởng tượng cô sẽ bước đi trong tay bố từ tòa lâu đài qua cây cầu đến nhà nguyện ở tầng thấp, với các hiệp sĩ của bố và binh lính, nhân viên phục vụ và các người thuê nhà đứng hai bên tung hô và chúc mừng cô. Chàng trai trẻ đang đợi cô ở nhà nguyện biến mất trong tưởng tượng của cô, nhưng cô biết rằng cậu ấy ngưỡng mộ cô và làm cô hạnh phúc và cô nghĩ cậu ấy tuyệt vời. Nhưng không có gì trong đời sống xảy ra như cô mơ ước. Richard giữ cửa căn nhà nhỏ một phòng và cô đi ra đường.

Cô ngạc nhiên vì một số người hàng xóm đã đợi bên ngoài cửa nhà họ để chờ cô đi ngang qua. Nhiều người nói to “Xin Chúa chúc lành cô” và “Chúc may mắn!” Cô cảm thấy vô cùng biết ơn họ. Khi cô đi trên đường, người ta tung những hạt bắp lên cô. Bắp là biểu tượng của sự phong phú về con cái. Cô sẽ có những đứa con và chúng yêu cô.

Nhà thờ giáo xứ ở phía xa thị trấn, trong khu giàu có, nơi cô sẽ sống từ tối nay. Họ đi ngang qua tu viện. Các tu sĩ đang có giờ kinh trong nhà

nguyện dưới hầm, nhưng Tu viện trưởng Philip đã hứa sẽ có mặt trong tiệc cưới và chúc phúc cho đôi tân hôn. Aliena hy vọng ông sẽ làm điều đó. Ông có một ý nghĩa quan trọng trong đời cô, từ ngày ông mua len của cô ở Winchester cách đây sáu năm.

Họ đến nhà thờ mới được xây bởi Alfred, dưới sự giúp đỡ của Tom. Có một đám đông bên ngoài. Hôn lễ sẽ được cử hành trong sảnh đường nhà thờ bằng tiếng Anh, và sau đó là thánh lễ bằng tiếng Latin trong nhà thờ. Những người làm việc cho Alfred cũng như những người đã dệt cho Aliena đều có mặt. Họ reo hò khi Aliena đến.

Alfred đang đợi với em gái của cậu, Martha, và một người thợ xây của cậu, Dan. Alfred mặc một áo dài mới màu đỏ tươi và mang giày sạch. Cậu có mái tóc đen lấp lánh như của Ellen. Aliena nhận ra Ellen không có mặt. Cô thất vọng. Cô định hỏi Martha xem mẹ kế của cô ở đâu thì linh mục ra và bắt đầu nghi thức.

Aliena ngẫm nghĩ lại rằng cuộc đời cô đã bước vào một khúc quanh mới sáu năm về trước khi cô thề với bố cô, và bây giờ một giai đoạn mới lại bắt đầu bằng một lời thề khác với một người đàn ông. Cô ít khi làm điều gì cho bản thân mình. Cô đã làm một chuyện kinh hoàng ngoại lệ sáng nay với Jack. Khi cô nhớ lại những gì cô đã làm, cô không thể tin được. Nó dường như là một giấc mơ hay một câu chuyện cổ tích của Jack, những cái không liên hệ gì với đời sống thực tế. Cô sẽ chẳng bao giờ kể cho ai. Nó sẽ là một bí mật đáng yêu cô sẽ giữ cho riêng cô, và mỗi lần cô sẽ chỉ nhớ lại một chút, giống như người hà tiện đếm kho tàng dấu ẩn của mình trong đêm tối.

Đã đến lúc tuyên thệ lời hứa kết hôn. Theo sự ra hiệu của linh mục, Aliena nói: “Alfred, con của thợ xây Tom, em nhận anh làm chồng và hứa sẽ trung thành luôn mãi.” Khi cô nói điều đó, cô muốn khóc.

Đến lượt Alfred tuyên thệ. Có tiếng ồn ào ngoài rìa đám đông khi cậu nói, và một hai người nhìn ra phía sau. Aliena bắt gặp ánh mắt của Martha, và Martha thì thầm: “Đó là Ellen.”

Linh mục cau mày và cúi kính nói: “Alfred và Aliena bây giờ đã kết hôn trước mặt Thiên Chúa, và xin phép lành –“

Ông chẳng bao giờ nói hết câu. Một giọng nói lớn vang lên từ phía sau Aliena: “Tôi nguyện rửa hôn nhân này!”

Đó là Ellen.

Tiếng kêu kinh ngạc phát ra từ những người đang hiện diện.

Linh mục cố gắng tiếp tục. “Và xin phép lành –.” Rồi ông ngưng lại, tái mặt và làm dấu thánh giá.

Aliena nhìn quanh. Ellen đứng ngay sau cô. Đám đông lùi lại sau bà. Bà cầm một con gà trống sống và tay kia cầm một con dao dài. Có máu trên lưỡi dao và máu chảy ra từ cổ gà. „Tôi nguyện rửa hôn nhân này sẽ bị buồn sầu,“ bà nói, và lời bà làm lạnh trái tim Aliena. „Tôi nguyện rửa hôn nhân này sẽ không có con cái,“ bà nói. „Tôi nguyện rửa nó sẽ bị cay đắng, hận thù, thương tiếc, hối hận và bất lực.“ Khi bà nói chữ bất lực, bà ném con gà trống đâm máu lên không trung. Một số người hét lên và co rúm lại. Aliena đứng mọc rễ tại chỗ. Con gà trống bay trên không, bắn máu và rớt xuống Alfred. Cậu nhẩy lùi lại, kinh hoàng. Con vật ghê tởm rơi xuống đất, vẫn còn chảy máu.

Khi mọi người nhìn lên, Ellen đã đi khỏi.

Martha đã trải tấm khăn giường bằng lụa sạch và một chăn len mới lên chiếc giường lông lớn ngày trước thuộc về Ellen và Tom, và bây giờ thuộc về Alfred và Aliena. Từ sau buổi hôn lễ không ai nhìn thấy Ellen đâu. Bữa tiệc diễn ra trong bầu khí nặng nề, giống như một bữa ăn ngoài trời vào một ngày lạnh, trong đó mọi người cảm cúi ăn uống vì không có gì để làm. Khách khứa đã giải tán khi mặt trời xuống và không ai nói những câu chuyện khôi hài về đêm đầu tiên của cặp vợ chồng mới cưới. Bây giờ Martha ở trên giường của cô trong phòng khác. Richard đã trở về căn nhà nhỏ của Aliena mà bây giờ thuộc về cậu.

Alfred đang nói về việc xây một căn nhà bằng đá cho họ vào mùa hè năm sau. Trong ngày lễ cậu đã khoe với Richard về việc đó. “Căn nhà sẽ có một phòng ngủ, một sảnh đường và một tầng hầm,” cậu đã nói. “Khi vợ của John Silversmith thấy nó, bà sẽ muốn có một cái giống như vậy. Không lâu sau, tất cả những người giàu có trong thị trấn đều muốn một ngôi nhà đá.”

“Anh đã có một thiết kế chưa?” Richard hỏi, và Aliena đã nghe được sự nghi ngờ trong giọng nói của cậu, mặc dù những người khác không nhận ra.

“Tôi có vài bản thiết kế cũ của bố tôi được vẽ bằng mực trên da. Một trong những căn nhà đó đã được xây cho Aliena và William Hamleigh nhiều năm về trước. Tôi dựa trên bản vẽ đó.”

Aliena đã kinh tởm quay lưng lại. Làm sao một người lại có thể thô bỉ đề cập đến chuyện đó trong ngày cưới của họ? Alfred khoác lác cả buổi chiều, rót rượu, kể chuyện khôi hài và trao đổi những cái nháy mắt kín đáo với đồng nghiệp của cậu. Cậu dường như hạnh phúc.

Bây giờ cậu đang ngồi bên mép giường và cởi giày.

Aliena gỡ các băng ra khỏi tóc. Cô không biết phải nghĩ về lời nguyện của Ellen như thế nào. Nó làm cô kinh hoàng, và cô không biết Ellen có ý định gì trong đầu, nhưng một cách nào đó cô không sợ hãi nó như những người khác.

Điều này không thể nói về Alfred. Khi con gà trống bị giết rơi trên cậu, cậu đã lặp ba lần. Richard đã lay cậu tỉnh lại, nói đúng ra Richard đã cầm lấy áo dài của cậu và kéo giật cậu. Cậu đã tỉnh lại nhanh chóng và sự sợ hãi của cậu được tỏ ra qua cách cậu không ngừng nghỉ đi chúc rượu và vỗ vai người khác.

Aliena cảm thấy bình tĩnh kỳ lạ. Cô không hứng thú về những gì sắp xảy ra, nhưng ít nhất cô không bị ép buộc và dù có một chút khó chịu, cô không bị nhục nhã. Chỉ có một người đàn ông duy nhất và không có ai khác xem.

Cô cởi bỏ quần áo.

Alfred nói: “Trời ơi! Đó là một con dao dài.”

Cô cởi dây giữ con dao vào cánh tay trái của cô, sau đó lên giường nằm trong bộ áo lót.

Sau cùng Alfred cởi xong giày. Cậu kéo quần ra và đứng lên. Cậu ném một cái nhìn dâm đãng vào cô. “Cởi quần áo lót ra,” cậu nói. “Tôi có quyền nhìn ngực vợ tôi.” Aliena do dự. Một cách nào đó cô không muốn khỏa thân, nhưng thật ngu dại nếu cô từ chối điều đầu tiên cậu yêu cầu. Một cách vâng lời, cô ngồi dậy và kéo áo lót qua khỏi đầu. Sáng nay cô cũng đã làm

chuyện đó cho Jack, và bây giờ cảm giác hoàn toàn khác nhau. Cô quyết liệt đè nén ký ức xuống.

“Một cặp ngực tuyệt vời,” Alfred nói. Cậu đến gần, đứng bên cạnh giường và nắm lấy vú bên phải của cô. Bàn tay to lớn của cậu có làn da nhám và đất dính dưới móng tay. Cậu siết chặt và cô nhăn mặt. Cậu cười và bỏ cô ra. Lùi lại, cậu cởi áo dài và treo nó trên một cái móc. Rồi cậu đi lại giường và kéo tấm khăn giường ra khỏi cô.

Aliena chịu đựng. Cô cảm thấy bị tổn thương, trần truồng trước mắt cậu. Cậu nói: “Trời ơi! Toàn là lông.” Cậu cúi xuống và rờ giữa hai chân cô. Cô cứng người lại, sau đó cố gắng buông người ra và mở rộng hai chân. “Tốt,” cậu nói và đẩy một ngón tay vào bên trong cô. Nó làm cô đau: cô hoàn toàn khô. Cô không thể hiểu – buổi sáng hôm nay, với Jack, cô ướt và trơn trượt. Alfred lăm bắm và thọc ngón tay vào xa hơn.

Cô cảm thấy muốn khóc. Cô đã biết cô sẽ không được tận hưởng nó, nhưng cô không nghĩ rằng cậu vô cảm như vậy. Cho đến bây giờ cậu vẫn chẳng hôn cô. Cậu ấy không yêu tôi, cô nghĩ; ngay cả cậu ấy không thích tôi. Tôi là một con ngựa non đẹp mà cậu muốn cười. Thực ra cậu còn đối xử với con ngựa tốt hơn thế này – cậu ấy sẽ vỗ về nó, âu yếm nó để nó quen với cậu, và cậu ấy sẽ nói nhẹ nhàng để nó dịu xuống. Cô cố ngăn dòng nước mắt lại. Tôi đã chọn lựa nó, cô nghĩ; không ai bắt tôi cưới cậu ấy, vì thế bây giờ tôi phải chấp nhận nó.

“Khô như ngói,” Alfred lăm bắm.

“Tôi xin lỗi,” cô thì thầm.

Cậu lấy tay ra, nhổ nước bọt hai lần vào tay và xoa nước bọt giữa chân cô. Nó dường như là một hành động khinh bỉ. Cô mím môi lại và nhìn đi chỗ khác.

Cậu dạng chân cô ra. Cô nhắm mắt, rồi mở mắt và ép mình nhìn vào cậu, nghĩ rằng: cố làm quen với nó, bạn sẽ phải làm việc này trong hết những tháng ngày còn lại trong đời bạn. Cậu trèo lên giường và quỳ giữa hai chân cô. Một nét cau mày hiện trên mặt cậu. Cậu đặt một tay giữa đùi cô, một tay khác cậu cho vào dưới quần áo lót của cậu. Cô có thể nhìn thấy bàn tay

di chuyển dưới lớp lụa. Nét cau mày rõ nét hơn. “Trời ơi!” cậu lẩm bẩm. “Cô chẳng có sức sống, tôi không lên được. Cô như một xác chết.”

Cậu như bất công khi đổ lỗi cho cô. “Tôi không biết phải làm gì!” cô nói trong nước mắt.

“Các cô gái khác thích thú nó,” cậu nói.

Thường thức nó! Cô nghĩ. Không có thể! Rồi cô nhớ buổi sáng nay cô đã rên và khóc vì sung sướng. Nhưng nó gần như chẳng có gì liên quan giữa cái cô đã làm và cái mà cô đang làm bây giờ.

Thật là ngu ngốc. Cô ngồi lên. Alfred đang chà xát cậu dưới lớp áo. “Để tôi,” cô nói và cô cho tay vào giữa chân cậu. Nó dường như ỉu rũ và bất động. Cô không biết phải làm gì với nó. Cô bóp nó nhẹ nhàng rồi vuốt ve nó với ngón tay của cô. Cô tìm kiếm một phản ứng trên nét mặt cậu. Cậu dường như tức giận. Cô tiếp tục nhưng không có phản ứng.

“Làm mạnh hơn,” cậu nói.

Cô bắt đầu chà xát mạnh. Nó vẫn mềm yếu, nhưng mông cậu chuyển động như thể cậu thụ hưởng nó. Được khuyến khích, cô chà xát mạnh hơn. Bất ngờ cậu kêu lên đau đớn và kéo mình ra. Cô đã chà quá mạnh. “Đồ ngu si như bò!” cậu nói, và cậu tát bằng lưng bàn tay vào mặt cô, làm cô ngã qua một bên.

Cô nằm trên giường, rên rỉ trong đau đớn và sợ hãi.

“Cô không xứng đáng, cô đáng bị nguyên rủa!” cậu giận dữ nói.

“Tôi đã làm tốt nhất những gì tôi có thể.”

“Cô là một con đĩ khô,” cậu nhổ nước bọt. Cậu nắm tay cô, kéo cô dậy và đẩy cô ra khỏi giường. Cô ngã xuống trên đồng rơm trên sàn nhà. “Đây là điều mà Ellen đã muốn,” cậu nói. “Bà ta luôn luôn ghét tôi.”

Aliena lăn người và ngồi quỳ trên sàn nhà, chăm chú nhìn cậu. Cậu có vẻ như không muốn đánh cô một lần nữa. Cậu không còn tức giận, chỉ cay đắng. “Cô có thể ở đó,” cậu nói. “Cô không xứng đáng là vợ tôi, vì thế cô có thể tránh xa giường tôi. Cô có thể là một con chó và ngủ trên sàn nhà.” Cậu ngưng lại. “Tôi không thể chịu đựng được cái nhìn của cô!” cậu nói với một chút hoảng sợ trong giọng nói. Cậu tìm cây nến, tắt nó bằng một cú đấm và vất nó trên nền nhà.

Aliena bất động trong bóng tối. Cô nghe thấy Alfred di chuyển trên giường lông, nằm xuống, kéo gối và kéo chăn đắp. Cô sợ không dám thở. Cậu trần trọc một lúc lâu, nhưng cậu không đứng lên và cũng không nói lời nào với cô. Sau cùng cậu yên lặng, và hơi thở cậu đều đặn. Khi cô chắc chắn rằng cậu đã ngủ, cô trườn ngang qua phòng, cố gắng không gây sột soạt trên đồng rơm, và đi vào góc nhà. Cô cuộn người nằm đó, hoàn toàn tỉnh thức. Sau cùng cô bật khóc. Cô cố không khóc vì sợ đánh thức cậu, nhưng cô không thể ngăn dòng nước mắt lại vì thế cô nức nở lặng lẽ. Ngay cả tiếng động có đánh thức cậu, cậu vẫn không tỏ ra dấu hiệu gì. Cô giữ nguyên như thế, nằm trên đồng rơm trong góc, khóc âm ức cho đến khi tiếng khóc đưa cô vào giấc ngủ.

PHẦN MƯỜI HAI

I

Cả mùa đông năm đó Aliena bị bệnh.

Mỗi đêm cô khó ngủ, cuộn mình trong chiếc áo choàng trên sàn nhà, ở cuối chân giường Alfred, và ban ngày cô mệt mỏi chán chường. Cô thường cảm thấy buồn nôn, nên cô ăn rất ít, mặc dù vậy cô vẫn cảm thấy như tăng ký: cô chắc chắn ngực và hông to hơn, và vòng eo đầy đặn hơn.

Cô có nhiệm vụ lo việc nhà cửa cho Alfred, mặc dù thực tế Martha làm hầu hết mọi việc. Cả ba sống chung với nhau trong một gia đình âu sầu. Martha không ưa anh cô, và bây giờ Aliena ghét cậu ấy cay đắng, vì thế mà không ngạc nhiên gì khi cậu vắng nhà bao nhiêu có thể. Ban ngày cậu ở chỗ làm việc và ban đêm ở quán bia. Martha và Aliena mua thực phẩm và nấu ăn một cách chán nản, vào buổi tối họ may vá quần áo. Aliena mong mùa xuân đến và trời ấm áp đủ để cô có thể thăm viếng khu rừng bí mật vào chiều chủ nhật. Ở đó cô sẽ nằm trong bình an và mơ về Jack.

Trong lúc này, sự an ủi của cô là Richard. Cậu đã có một con ngựa đua đen nhanh, một thanh kiếm mới và một người cận thần với một con ngựa con, và cậu lại chiến đấu cho vua Stephen mặc dù quân của cậu đã giảm số lượng. Cuộc chiến kéo dài sang năm mới. Maud đã trốn khỏi lâu đài Oxford và vượt qua tay của Stephen, và anh cô, Robert thành Gloucester, đã chiếm lại Wareham, nên tình trạng cò cưa cũ vẫn tiếp tục: mỗi bên thắng một tí rồi lại mất. Nhưng Aliena chu toàn lời thề của cô và cô có thể hài lòng với nó.

Trong tuần đầu tiên của năm mới Martha bắt đầu có kinh nguyệt lần đầu. Aliena chuẩn bị cho cô một ly nước nóng với thảo dược và mật ong để

giảm bớt sự căng thẳng và trả lời cô những thắc mắc về gánh nặng người phụ nữ phải mang, và đi tìm hộp vải băng mà cô đã dành cho thời kỳ kinh nguyệt của cô. Tuy nhiên, chiếc hộp không có trong nhà, và sau cùng cô nhớ lại cô đã không đem nó từ nhà cũ tới đây khi cô lấy chồng.

Nhưng nó đã cách đây ba tháng.

Điều đó có nghĩa là cô đã không có kinh nguyệt từ ba tháng nay.

Không có kể từ ngày cưới.

Không có kể từ lần cô làm tình với Jack.

Cô để Martha ngồi bên bếp lửa, nhâm nhi ly mật ong, hơ ấm bàn chân, và cô đi ngang thị trấn về lại nhà cũ. Richard không có đó nhưng cô có một chìa khóa. Cô dễ dàng tìm thấy hộp băng nhưng cô không quay trở về ngay. Thay vào đó cô ngồi bên bếp lạnh, cuốn mình trong áo choàng và chìm trong suy nghĩ.

Cô đã cưới Alfred vào lễ Thiên Thần Micae. Bây giờ đã qua Giáng Sinh. Nó đã qua ba mùa trắng. Cô đã phải có ba lần kinh nguyệt. Tuy nhiên hộp băng ở trên giá cao, bên cạnh hòn đá Richard dùng để mài dao. Bây giờ cô giữ nó trong lòng. Cô chà ngón tay trên mặt gỗ thô. Ngón tay cô đầy bụi. Chiếc hộp có đầy bụi bao phủ.

Điều tồi tệ là cô chưa bao giờ làm tình với Alfred.

Sau đêm đầu tiên khủng khiếp đó, cậu đã thử ba lần nữa: một lần vào đêm hôm sau, rồi một tuần sau và một tháng sau khi cậu say rượu trở về. Nhưng mỗi lần cậu đều hoàn toàn không có khả năng. Lúc đầu Aliena đã khuyến khích cậu, vì tình thần trách nhiệm; nhưng sau mỗi lần thất bại cậu lại càng tức giận hơn, và cô trở thành khép kín hơn. An toàn nhất là tránh xa cậu, mặc quần áo không hấp dẫn, không thay quần áo trước mặt cậu và để cho cậu quên đi chuyện ấy. Bây giờ cô tự hỏi cô có nên thử lần nữa không. Nhưng thực sự cô biết nó sẽ không thay đổi gì. Nó không có hy vọng. Cô không biết chắc chắn tại sao – có lẽ vì lời nguyện của Ellen, có lẽ Alfred bất lực, hay có lẽ vì nhớ đến Jack – nhưng cô cảm thấy chắc chắn bây giờ Alfred sẽ chẳng làm tình với cô.

Vì thế cậu sẽ biết đứa trẻ không phải là con cậu.

Cô nhìn vào đồng tro lạnh trong bếp lửa của Richard và tự hỏi tại sao cô luôn luôn gặp sự không may như thế này. Ở đây, trong một cuộc hôn nhân tồi tệ, cô đã cố gắng làm tốt nhất và không may mắn cô lại có thai với một người khác, sau chỉ một lần làm tình.

Nhưng than thân trách phận không mang lại được gì. Cô phải quyết định làm một cái gì đó.

Cô đặt tay lên bụng. Bây giờ cô biết tại sao cô lên ký, tại sao cô cảm thấy buồn ói, tại sao cô luôn luôn mệt mỏi. Trong đây là một con người nhỏ. Cô mỉm cười với mình. Có một đứa bé sẽ đẹp dường nào.

Cô lắc đầu. Không phải mọi chuyện đều sẽ tốt đẹp. Alfred sẽ điên như một con bò đực. Không biết cậu ấy sẽ làm gì – giết cô, đuổi cô ra khỏi nhà, giết đứa bé... Cô có một linh tính bất ngờ, kinh khủng rằng cậu sẽ làm hại thai nhi bằng cách đạp vào bụng cô. Cô lau trán: cô chảy mồ hôi lạnh.

Tôi sẽ không nói với cậu ấy, cô nghĩ.

Cô có thể giữ bí mật việc mang thai này không? Có lẽ. Cô đã thường mặc quần áo đủ kiểu, rộng thùng thình. Có thể bụng cô cũng không to quá – một số phụ nữ khác cũng vậy. Alfred là người ít tinh ý nhất trong nam giới. Những bà khôn ngoan trong thị trấn chắc chắn sẽ đoán được, nhưng cô tin rằng họ sẽ giữ nó cho riêng họ, hay ít nhất không nói chuyện đó với đàn ông. Vâng, cô quyết định không cho cậu ấy biết cho đến khi đứa bé được sinh ra.

Sau đó làm gì? Tốt, ít nhất sinh vật nhỏ bé này sẽ được mở mắt chào đời an toàn. Alfred không thể giết nó bằng cách đạp vào Aliena. Nhưng cậu ấy vẫn biết nó không phải là con cậu. Chắc chắn cậu ấy sẽ ghét đứa bé: nó là điều sỉ nhục cho nam tính của cậu. Đời sống sẽ là một hỏa ngục.

Aliena không có thể nghĩ xa hơn. Cô đã quyết định một bước an toàn cho sáu tháng tới. Trong thời gian này cô sẽ cố gắng nghĩ xem cô phải làm gì sau khi đứa bé được sinh ra.

Tôi muốn biết nó là con trai hay con gái, cô nghĩ.

Cô đứng lên với hộp băng cho thời kỳ kinh nguyệt đầu tiên của Martha. Tôi thương hại em, Martha, cô mệt mỏi nghĩ; tất cả những điều này còn ở trước mặt em.

Philip trải qua mùa đông năm đó, nghiền ngẫm về những rắc rối. Ông kinh hoàng về những lời nguyện rửa vô đạo mà Ellen thốt ra ở sảnh đường nhà thờ trong giờ lễ. Trong trí ông bây giờ không còn nghi ngờ gì rằng bà là một phù thủy. Ông chỉ hối hận về sự ngu ngốc của ông vì đã tha thứ cho bà về sự xúc phạm của bà đến luật Thánh Biển Đức nhiều năm trước đây. Ông phải biết rằng một người phụ nữ có thể làm điều đó sẽ chẳng bao giờ thực sự ăn năn. Tuy nhiên, một điều may mắn là Ellen đã rời Kingsbridge và từ đó đến nay chẳng ai thấy bà đâu nữa. Philip hy vọng một cách tha thiết rằng bà sẽ chẳng bao giờ quay trở về.

Aliena rõ ràng không hạnh phúc trong hôn nhân với Alfred, tuy nhiên Philip không tin rằng lời nguyện là nguyên nhân của việc đó. Philip không biết nhiều về đời sống hôn nhân nhưng ông có thể đoán được rằng một người thông minh, hiểu biết, sống động như Aliena sẽ không thể sống hạnh phúc với một người suy nghĩ chậm chạp và hẹp hòi như Alfred, mặc dù họ là chồng, là vợ hay là gì khác.

Aliena nên lấy Jack, dĩ nhiên. Bây giờ ông cảm thấy có lỗi vì đã quá bám víu vào kế hoạch của ông cho Jack đến nỗi không nhận ra những gì Jack thực sự cần. Jack không hợp với đời sống tu viện và Philip đã sai lầm khi ép cậu vào. Bây giờ Kingsbridge đã mất đi sự thông minh và khả năng của cậu.

Dường như mọi thứ đã sai kể từ thảm họa ở hội chợ len. Tu viện nợ nần nhiều hơn bao giờ hết. Philip đã cho một nửa nhân công xây dựng nghỉ việc vì không có đủ tiền trả lương họ. Qua đó cư dân của thị trấn đã giảm đi, và kết quả là chợ chủ nhật nhỏ hơn và Philip mất đi thu nhập từ việc cho thuê cửa hàng. Kingsbridge ở trong một vòng xoắn đi xuống.

Trọng tâm của vấn đề là tinh thần của cư dân. Mặc dù họ đã xây dựng lại nhà cửa và bắt đầu lại công việc kinh doanh nhỏ bé, họ vẫn chưa có sự tin tưởng vào tương lai. Bất cứ những gì họ dự định, bất cứ những gì họ xây dựng, cũng có thể bị phá hủy trong một ngày bởi William Hamleigh, nếu cậu tấn công một lần nữa. Sự bất an ngấm ngấm này ở trong suy nghĩ của mọi người và làm tê liệt ý muốn kinh doanh của họ.

Sau cùng Philip nhận ra ông phải làm một cái gì đó để ngăn chặn sự thụt lùi này. Ông cần phải làm một cử chỉ gây ấn tượng sâu sắc để nói cho thế giới nói chung và dân thị trấn nói riêng rằng Kingsbridge sẵn sàng chống trả. Ông dùng nhiều giờ cầu nguyện và suy niệm, cố gắng tìm ra hành động nào ông nên làm.

Cái mà ông thực sự cần thiết là một phép lạ. Nếu xương Thánh Adolphus có thể chữa được một công chúa khỏi bệnh dịch, hay biến giếng nước lờ lợ thành nước ngọt, dân chúng sẽ tuôn đổ đến Kingsbridge hành hương. Nhưng Thánh Adolphus đã không làm phép lạ từ nhiều năm nay. Một đôi khi Philip tự hỏi có phải phương pháp điều hành tu viện một cách ổn định và thực tế của ông đã không làm Thánh hài lòng, bởi vì phép lạ thường xảy ra ở những nơi có bầu khí tôn giáo nhiệt thành. Nhưng Philip đã được học sống thực tế trên mặt đất. Linh mục Peter, viện phụ của tu viện đầu tiên ông ở, đã thường nói: “Hãy cầu xin cho có phép lạ, nhưng đừng quên trồng bắp.”

Biểu tượng của đời sống và sự mạnh mẽ của Kingsbridge là nhà thờ chính tòa. Nếu nhà thờ được hoàn thành do một phép lạ nhỉ? Một lần ông đã cầu nguyện cả đêm cho một phép lạ như thế, nhưng buổi sáng hôm sau gian cung thánh vẫn chưa có mái, vẫn còn chịu đựng nắng mưa, và bức tường cao, nơi gặp tường gian ngang, vẫn còn dang dở.

Philip vẫn chưa thuê người xây dựng chính mới. Ông bị sốc về số tiền lương họ đòi hỏi, và ông nhận ra tiền công cho Tom thật rẻ. Một cách nào đó Alfred đã điều hành lực lượng lao động mà không có nhiều khó khăn. Alfred trở nên buồn rầu từ sau ngày cưới, giống như một người đã đánh bại nhiều đối thủ để trở thành vua và rồi nhận ra rằng vương quyền là một gánh nặng mệt mỏi. Tuy nhiên, cậu có thẩm quyền và có thể quyết định, và những người khác tôn trọng cậu.

Nhưng Tom đã để lại một lỗ hổng không thể lấp đầy được. Philip thiếu ông không những vì ông là một thợ xây dựng chính mà ông còn là một người gần gũi. Tom đã quan tâm đến lý do tại sao các nhà thờ lại xây theo cách này hơn là cách khác, và Philip đã chia sẻ những suy đoán với ông những gì làm cho một số tòa nhà tồn tại trong khi một số khác sụp đổ. Tom

không phải là người đặc biệt sùng đạo, nhưng đôi khi ông hỏi Philip những câu hỏi về thần học và nó chứng tỏ rằng ông chuyên tâm nhiều đến niềm tin cũng như với công việc xây dựng. Cách suy nghĩ của Tom nhiều hay ít cũng giống Philip. Philip coi ông như một đối tượng nói chuyện ngang hàng. Có rất ít những người như thế trong đời sống của Philip. Jack là một trong số đó, mặc dù cậu còn trẻ; Aliena là một người khác, nhưng cô đã biến mất trong cuộc hôn nhân buồn chán của cô ấy. Cuthbert bây giờ đã già, và Milius Bursa luôn luôn phải xa tu viện, tham quan các trang trại cừu, đếm cừu và bao lông cừu. Một tu viện sống động và kinh tế phát triển trong một thành phố nhà thờ chính tòa sung túc sẽ thu hút các học giả, cũng giống như một đội quân chinh phục thu hút binh lính. Philip chờ mong ngày đó tới. Nhưng nó sẽ chẳng bao giờ tới nếu Philip không tìm ra cách làm tăng sinh lực cho Kingsbridge.

“Năm nay mùa đông dịu,” Alfred nói vào một buổi sáng sau lễ Giáng Sinh. “Chúng ta có thể bắt đầu sớm hơn bình thường.”

Điều đó làm Philip suy nghĩ. Mái trần vòm sẽ được xây vào mùa hè. Khi nó hoàn thành, gian cung thánh có thể sử dụng được, và Kingsbridge sẽ không còn là thị trấn không nhà thờ chính tòa. Gian cung thánh là phần quan trọng nhất của nhà thờ: bàn thờ cao và di tích thánh được giữ ở phía cuối hướng đông, được gọi là chính điện, và hầu hết các giờ kinh được cử hành ở gian cung thánh, nơi các tu sĩ ngồi. Chỉ vào các ngày chủ nhật và lễ trọng, cả nhà thờ mới được dùng đến. Một khi gian cung thánh được thánh hiến, cả khu xây dựng sẽ thành nhà thờ, mặc dù nó chưa hoàn hảo.

Đáng tiếc là họ phải chờ thêm một năm nữa cho đến ngày đó. Alfred đã hứa hoàn thành mái vòm vào cuối mùa xây dựng năm nay, và mùa xây dựng thường kết thúc vào tháng mười một, tùy theo thời tiết. Nhưng khi Alfred nói cậu có thể bắt đầu sớm hơn, Philip tự hỏi không biết cậu có thể hoàn thành nó sớm hơn không. Mọi người sẽ ngạc nhiên nếu nhà thờ có thể mở cửa lại vào mùa hè năm nay. Nó là một cử chỉ mà ông đang tìm kiếm: một cái gì đó làm kinh ngạc cả miền, và chuyển đi một thông điệp rằng Kingsbridge không chịu khuất phục.

“Ông có thể hoàn thành vào dịp lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống không?” Philip hào hứng hỏi.

Alfred hít hơi thở qua kẽ răng, nét mặt cậu tỏ vẻ nghi ngờ. “Mái vòm là phần khó nhất và đòi hỏi tay nghề cao nhất,” cậu nói. “Nó không được hấp tấp và chúng ta không để người học nghề làm được.”

Bố của cậu sẽ trả lời được hay không, Philip cúi kinh nghĩ. Ông nói: “Giả sử tôi có thể cung cấp thêm cho cậu nhân công, giả sử các tu sĩ hỗ trợ thêm. Điều đó có giúp được gì nhiều không?”

“Một ít. Điều chúng ta cần thêm là thợ hồ, thực như vậy.”

“Tôi có thể cung ứng cho ông thêm một hoặc hai,” Philip vội vàng nói. Một mùa đông ôn hòa cũng có nghĩa là lông cừu có thể xén sớm hơn, nên ông hy vọng có thể bán len sớm hơn bình thường.

“Tôi không biết.” Alfred vẫn còn bí quan.

“Giả sử tôi treo phần thưởng cho các thợ xây thì sao?” Philip nói. “Thêm một tuần lương nếu mái vòm hoàn thành vào dịp lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống.”

“Tôi chưa bao giờ nghe về chuyện ấy,” Alfred nói. Cậu trông như thể đã được đề nghị một điều không thích hợp.

“Tuyệt, mọi chuyện đều bắt đầu bằng lần đầu tiên,” Philip gắt gỏng nói. Sự thận trọng của Alfred làm ông bức mình. “Ông nghĩ sao?”

“Tôi không thể nói được hay không cho việc này,” Alfred cứng đầu nói. “Tôi sẽ nói chuyện với các nhân công của tôi.”

“Hôm nay?” Philip sốt ruột nói.

“Hôm nay.”

Philip phải hài lòng về chuyện đó.

William Hamleigh và các hiệp sĩ của ông đến dinh thự giám mục, đi sau một xe bò chở đầy bao len. Mùa cắt lông cừu đã bắt đầu. Giống như William, Waleran đã mua len từ các trang trại với giá của năm trước và chờ đợi sẽ bán nó với giá cao hơn. Không ai trong họ gặp rắc rối khi ép những người thuê đất bán len cho họ: một vài nông dân đã chống lại, và họ bị đuổi và trang trại của họ bị đốt cháy, nên sau đó không còn cuộc nổi loạn nào.

Khi William đi ngang qua cổng, ông ngược nhìn lên đồi. Bức tường thành còi cọc của lâu đài giám mục đã ngừng xây từ bấy năm qua, nằm trên ngọn đồi như một sự nhắc nhở thường xuyên về việc Waleran đã bị Tu viện trưởng Philip qua mặt. Ngay sau khi Waleran thu lợi được từ việc kinh doanh len, có lẽ ông sẽ tiếp tục xây dựng. Trong thời vua Henry xưa, một giám mục không cần sự phòng thủ, mà chỉ cần một hàng rào gỗ đằng sau một con mương xung quanh dinh thự. Bây giờ, sau năm năm nội chiến, ngay cả những người không phải là giám mục hay bá tước cũng xây cho mình lâu đài hoành tráng.

Mọi chuyện xảy ra thuận lợi cho Waleran, William chưa chát nghĩ khi cậu xuống ngựa. Waleran luôn luôn trung thành với Giám mục Henry thành Winchester và vì thế ông trở thành một trong những người thân cận nhất của Henry. Qua năm tháng Waleran đã giàu lên nhờ nguồn tài sản và đặc quyền ổn định, và ông đã hai lần thăm viếng Roma.

William đã không có được may mắn đó, vì thế cậu chưa chát. Mặc dù đã nhiều lần thay đổi phía đồng minh theo Waleran, và mặc dù đã cung ứng một đoàn quân hùng mạnh cho cả hai phía trong cuộc nội chiến, cậu vẫn chưa được công nhận là bá tước của Shiring. Trong cuộc tạm ngừng chiến, cậu đã suy nghĩ về chuyện này và trở nên tức giận đến nỗi cậu quyết định gặp Waleran.

Cậu lên cầu thang vào sảnh đường, cùng đi có Walter và các hiệp sĩ theo sau. Người quản lý gác cổng đứng bên trong cửa được trang bị vũ khí, một dấu hiệu khác của thời đại. Giám mục Waleran ngồi trên một ghế lớn giữa phòng như thường lệ, với cánh tay và bàn chân xương xẩu ở mọi góc như thể nó không được xếp ngay ngắn. Baldwin, bây giờ là tổng đại diện, đứng bên cạnh ông và chờ mệnh lệnh. Waleran đang nhìn chăm chú vào lò sưởi, chìm trong suy tư, nhưng ông nhìn lên khi William đến gần.

William cảm thấy sự khó chịu thuộc khi ông chào Waleran và ngồi xuống. Bàn tay gầy mềm mại, mái tóc đen mỏng, làn da trắng nhợt và đôi mắt nham hiểm nhợt nhạt của ông làm William nổi da gà. Waleran có mọi thứ mà William ghét: thủ đoạn, thể chất yếu, kiêu ngạo và khôn ngoan.

William có thể nói rằng Waleran cũng cảm thấy cậu giống như thế. Waleran đã chẳng che dấu được sự chán ghét khi William bước vào. Ông ngồi thẳng và khoanh tay, môi cong một chút và cau mày, tất cả như thể ông đang khó chịu vì không tiêu được.

Một lúc lâu họ nói về chiến tranh. Đó là một cuộc nói chuyện gượng gạo và nặng nề, và William thở phào khi nó bị đứt quãng bởi một sứ giả mang đến một lá thư trong một cuộn giấy da và niêm ấn bằng sáp. Waleran sai người sứ giả xuống bếp kiểm tra gì đó ăn. Ông không mở thư.

William lợi dụng cơ hội để thay đổi câu chuyện. “Tôi đến đây không phải để trao đổi tin tức về cuộc chiến. Tôi đến đây để nói rằng tôi đã hết kiên nhẫn.”

Waleran nhúu mày, không nói gì. Im lặng là câu trả lời của ông cho những chủ đề khó chịu.

William tiếp tục: “Kể từ khi bố tôi qua đời đến nay đã được ba năm, nhưng Vua Stephen vẫn chưa công nhận tôi là bá tước của Shiring. Đó là một thái quá.”

“Tôi hoàn toàn đồng ý với ông,” Waleran nói chậm rãi. Ông đùa giỡn với lá thư, kiểm tra con dấu và nghịch với dải băng.

“Vậy thì tốt,” William nói, “bởi vì ông cũng không liên quan về nó.”

“William yêu quý của tôi, tôi không thể phong ông làm bá tước được.”

William đã biết Waleran sẽ có thái độ này, và cậu đã quyết định không chấp nhận nó. “Anh trai của nhà vua sẽ nghe ông.”

“Nhưng tôi có thể nói gì với ông ấy? Tôi sẽ nói rằng William Hamleigh đã phục vụ nhà vua tốt sao? Nếu điều đó là đúng, nhà vua đã biết rõ, và nếu nó không đúng, nhà vua cũng biết nữa.”

William không thể đối đáp lý lẽ với Waleran nên cậu lơ đi lập luận đó. “Ông còn nợ tôi điều đó, Waleran Bigod.”

Waleran hơi nổi giận. Ông cầm lá thư chỉ vào William. “Tôi không nợ ông gì cả. Ông luôn luôn phục vụ cho mục đích riêng của ông, ngay cả khi ông làm những gì tôi muốn. Không có nợ nần gì về ân nghĩa giữa chúng ta.”

“Tôi đã nói với ông, tôi không thể chờ thêm được.”

“Ông muốn làm gì?” Waleran nói với sự khinh miệt trong giọng nói của ông.

“Tốt, trước hết chính tôi sẽ đi gặp Giám mục Henry.”

“Rồi sau đó?”

“Tôi sẽ nói với ông ấy rằng ông đã không lắng nghe yêu cầu của tôi và hệ quả là tôi sẽ đổi phía đồng minh sang nữ hoàng Maud.” William hài lòng vì nhìn thấy nét mặt Waleran thay đổi: ông xanh xao hơn và có một chút ngạc nhiên.

“Lại đổi một lần nữa?” Waleran nói nghi ngờ.

“Chỉ hơn ông một lần,” William lì lợm.

Sự thờ ơ kênh kiệu của Waleran bị lung lay, nhưng không nhiều. Waleran đã được hưởng lợi nhiều vì ông có thể đưa William và các hiệp sĩ của cậu ấy theo phía nào mà Giám mục Henry ưa chuộng hơn vào lúc đó: nếu William bất ngờ trở thành độc lập, nó sẽ là một đòn giáng mạnh vào ông – nhưng nó không phải là đòn chí tử. William nghiên cứu khuôn mặt Waleran khi cậu nghiền ngẫm mối đe dọa này. William có thể đọc được suy nghĩ của ông: một đằng ông ấy muốn giữ William trung thành, mặt khác ông tự hỏi cậu ấy có giá trị bao nhiêu.

Để nới rộng thời gian, Waleran tháo con dấu của lá thư ra và mở nó. Khi ông đọc, một sự tức giận hiện trên bờ má trắng bạch của ông. “Ông chết tiệt này,” ông rít lên.

“Cái gì vậy?” William hỏi.

Waleran đưa lá thư ra.

William cầm lấy và nhìn chăm chăm vào hàng chữ trên lá thư: “Kính gửi... Đức cha... thánh thiện... nhân từ...” Waleran giật nó lại, không còn kiên nhẫn với việc đọc chậm chạp của William. “Lá thư của Tu viện trưởng Philip,” ông nói. “Ông ấy thông báo cho tôi là gian cung thánh của nhà thờ chính tòa mới sẽ hoàn thành vào lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, và ông ấy còn xin tôi cử hành nghi thức trong ngày đó.”

William ngạc nhiên. “Làm thế nào ông ấy có thể làm được chuyện đó? Tôi nghĩ ông ấy đã sa thải nửa số công nhân xây dựng.”

Waleran lắc đầu. “Ngay cả bất cứ chuyện gì xảy ra, ông ấy luôn luôn có thể vượt lên được.” Ông trầm ngâm nhìn William. “Ông ấy ghét ông lắm, dĩ nhiên. Ông ấy nghĩ ông là quỷ hiện hình.”

William tự hỏi không biết Waleran đang có ý định gì. “Vậy thì làm gì?” cậu nói.

“Nó sẽ là một đòn đánh vào Philip nếu ông được công nhận là bá tước vào ngày lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống.”

“Ông đã không làm điều đó cho tôi, nhưng ông làm điều đó để trả thù Philip,” William nói một cách hờn dỗi, nhưng trong thực tế cậu đang cảm thấy hy vọng.

“Tôi không thể làm gì cho ông,” Waleran nói. “Nhưng tôi sẽ nói với Giám mục Henry.” Ông nhìn William một cách chờ đợi.

William ngần ngại. Sau cùng, bất đắc dĩ, cậu lẩm bẩm: “Cảm ơn ông.”

Mùa xuân năm đó lạnh và ẩm ướt, và trời mưa vào buổi sáng ngày lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống. Aliena thức giấc trong đêm với một cơn đau lưng, và nó vẫn làm phiền cô với những cơn đau đến rồi đi. Cô ngồi trong gian nhà bếp lạnh lẽo, bện tóc cho Martha trước khi đi nhà thờ, trong khi Alfred ăn một bữa điểm tâm lớn với bánh mì trắng, pho mát mềm và bia mạnh. Một cơn đau đâm mạnh trên lưng làm cô ngưng lại. Cô rùng mình đứng lên. Martha nhận ra và nói: “Chuyện gì thế?”

“Đau lưng,” Aliena nói ngắn gọn. Cô không muốn tranh luận về nó, bởi vì nguyên nhân chắc chắn là do ngủ trên nền nhà trong phòng sau có gió lùa, và không ai biết về điều đó, ngay cả Martha.

Martha đứng dậy và lấy một hòn đá nóng từ trong lò sưởi. Aliena ngồi xuống. Martha quấn hòn đá trong một miếng da cũ, và chườm nó trên lưng Aliena. Cô cảm thấy thoải mái ngay. Martha bắt đầu kết tóc cho Aliena. Mái tóc đen rậm rạp, xoắn quăn đã mọc trở lại sau khi bị cháy xém. Aliena cảm thấy được xoa dịu.

Cô và Martha đã trở nên hoàn toàn thân thiện kể từ khi Ellen đi khỏi. Martha thật đáng thương, cô đã mất mẹ ruột và bây giờ lại mất thêm mẹ kế. Aliena cảm thấy cô không xứng đáng là người mẹ thay thế. Ngoài ra cô chỉ

hơn Martha mười tuổi. Cô chỉ đóng vai người chị, thật vậy. Thật ngạc nhiên, người mà Martha nhớ nhất lại là anh ghẻ của cô, Jack.

Nhưng mọi người đều nhớ cậu.

Aliena tự hỏi giờ này cậu ở đâu. Có thể cậu ở thật gần, làm việc cho một nhà thờ chính tòa ở Gloucester hay Salisbury. Nhiều khả năng cậu đã đến Normandy. Nhưng có thể cậu ở vùng xa hơn: Paris, Roma, Jerusalem hay Ai Cập. Nhớ lại những câu chuyện mà người hành hương đã kể về những nơi xa xôi như vậy, cô tưởng tượng Jack ở trong sa mạc cát trắng, khắc đá cho một pháo đài của dân sa mạc Xa Ra Xen dưới ánh nắng chói chang. Bây giờ cậu nghĩ gì về cô?

Dòng tư tưởng của cô bị gián đoạn bởi tiếng động của tiếng vó ngựa bên ngoài, và một lúc sau em cô, Richard, bước vào, dắt theo con ngựa. Cậu và con ngựa ướt sũng và đầy bùn. Aliena lấy một ít nước nóng từ trong đồng lửa cho cậu rửa mặt và chân tay, và Martha dắt ngựa vào sân sau. Aliena đặt bánh và thịt bò lạnh trên bàn nhà bếp và rót cho cậu ly bia.

Alfred nói: “Có tin tức gì mới về chiến tranh không?”

Richard lau khô mặt bằng một tấm dẻ và ngồi xuống ăn sáng. “Chúng ta bị bại trận ở Wilton,” cậu nói.

“Stephen có bị bắt không?”

“Không, ông đã trốn thoát, giống như Maud đã trốn khỏi Oxford. Bây giờ Stephen ở Winchester và Maud ở Bristol, và cả hai băng bó vết thương và củng cố lại vùng đất họ đang kiểm soát.”

Tin tức dường như không có gì mới, Aliena nghĩ. Một hay hai bên đã có vài chiến thắng nhỏ hay thất bại vài trận nhỏ, nhưng chẳng có triển vọng gì về sự chấm dứt chiến tranh.

Richard nhìn vào Aliena và nói: “Chị mập ra.”

Cô gật đầu và không nói gì. Cô đã có thai được tám tháng, nhưng không ai biết. May mắn là trời còn lạnh nên cô vẫn có thể mặc quần áo mùa đông rộng thùng thình, che dấu hình dáng của cô. Trong vài tuần nữa đứa bé sẽ được sinh ra, và sự thật sẽ được biểu lộ. Cô vẫn chưa biết cô sẽ làm gì.

Chuông đồng, triệu tập dân cư thị trấn đến dự lễ. Alfred đi giày và nhìn vào Aliena chờ đợi.

“Em không nghĩ em có thể đi được,” cô nói. “Em cảm thấy mệt.”

Cậu nhún vai thờ ơ và quay sang em vợ. “Cậu phải đi, Richard. Mọi người sẽ có mặt ở đó – hôm nay là thánh lễ đầu tiên trong nhà thờ mới.”

Richard ngạc nhiên. “Anh đã xây xong trần rồi à? Tôi nghĩ nó cần hết năm nay.”

“Chúng tôi đã làm gấp. Tu viện trưởng Philip thưởng cho các công nhân thêm một tuần lương nếu họ có thể hoàn thành vào hôm nay. Thật ngạc nhiên, họ đã làm việc nhanh như thế nào. Mặc dù thế, chúng tôi vừa hoàn thành nó – chúng tôi vừa lấy giàn khung xuống sáng nay.”

“Tôi phải xem nó,” Richard nói. Cậu nhồi nốt miếng bánh và thịt cuối cùng vào miệng và đứng lên.

Martha nói với Aliena: „Chị muốn em ở lại với chị không?“

„Không, cảm ơn. Chị khỏe rồi. Em đi đi. Chị muốn nằm nghỉ.“

Họ mặc áo choàng và đi ra. Aliena đi vào phòng trong, mang theo hòn đá nóng bọc trong da. Cô nằm trên giường của Alfred với hòn đá dưới lưng. Từ ngày lấy Alfred cô đã trở nên lờ phờ. Trước đó cô đã lo việc nhà và là người buôn len bận rộn nhất vùng; bây giờ cô không phải làm việc gì khác, nhưng ngay việc nhà cũng đã làm cô mệt mỏi.

Cô nằm đó cảm thấy tiếc cho mình, ước mong có thể đi vào giấc ngủ. Bất ngờ cô cảm thấy một dòng nước ấm nhỏ trên đùi phía trong của cô. Cô kinh hoàng. Nó giống như là cô đi tiểu, nhưng không phải, và một lúc sau dòng nước nhỏ trở thành trận lụt. Cô ngồi bật dậy. Cô biết chuyện gì xảy ra. Túi ối của cô đã vỡ. Đứa bé đang ra.

Cô sợ hãi. Cô cần sự giúp đỡ. Cô gọi người hàng xóm: „Mildred! Mildred, hãy đến đây!“ Rồi cô chợt nhớ rằng không ai có nhà – tất cả đã tới nhà thờ.

Dòng nước chảy chậm lại, nhưng giường của Alfred đã ướt. Cậu ấy sẽ nổi giận, cô nghĩ một cách sợ hãi; và rồi cô nhớ rằng đàn ông nào cậu cũng giận, bởi vì cậu biết đứa bé không phải là con cậu, và cô nghĩ: Trời ơi! Tôi phải làm gì đây?

Cơn đau lưng lại trở lại, và cô nhận ra đó là cái được gọi là đau đẻ. Cô quên Alfred. Cô sắp sinh con. Cô quá sợ hãi khi phải sinh con một mình.

Cô cần người nào đó giúp cô. Cô quyết định đi đến nhà thờ.

Cô vung chân ra khỏi giường. Một cơn co thắt khác lại đến, cô dừng lại, nhăn mặt vì đau cho đến khi cơn co thắt qua đi. Rồi cô ra khỏi giường và rời nhà.

Tâm trí cô rối tung lên khi cô lao đảo trên con đường lầy lội. Khi cô đến cổng tu viện cơn đau đến một lần nữa, và cô dựa vào tường, cắn răn cho đến khi nó qua đi. Rồi cô đi vào sân tu viện.

Hầu hết dân chúng trong thị trấn tập hợp trong đường hầm cao của gian cung thánh và trong hai đường hầm thấp ở hai gian phụ. Bàn thờ nằm ở phía đầu xa. Nhà thờ lớn có một cái nhìn lạ: trần nhà tròn bằng đá sẽ có một mái bằng gỗ hình tam giác trên nó, nhưng bây giờ trông nó như không được bảo vệ, giống như một người đầu hói không đội mũ. Cộng đoàn đứng quay lưng lại phía Aliena.

Khi cô lao đảo về phía nhà thờ, Giám mục Waleran Bigod đứng lên nói. Như trong cơn ác mộng, cô thấy William Hamleigh đứng bên cạnh ông. Lời của Giám mục Waleran đâm qua nỗi đau của cô. „... với niềm vui lớn lao và niềm tự hào tôi thông báo cho quý vị rằng Vua Stephen đã xác nhận ngài William là bá tước của Shiring.“

Mặc dù đau đớn và sợ hãi Aliena kinh hoàng nghe lời đó. Trong sáu năm qua, kể từ ngày khủng khiếp khi họ gặp bố họ trong nhà tù ở Winchester, cô đã dành cả cuộc đời để chiếm lại tài sản của gia đình. Cô và Richard đã vượt qua cướp giết và hiếp dâm, hỏa hoạn và nội chiến. Nhiều lần phần thưởng dường như đã ở trong tầm tay. Nhưng bây giờ họ đã mất nó.

Cộng đồng thầm thì giận dữ. Họ đã đau khổ dưới bàn tay của William và họ vẫn sống trong sợ hãi về cậu ấy. Họ không vui khi thấy cậu ấy được vinh danh bởi nhà vua, người chính ra phải bảo vệ họ. Aliena nhìn xung quanh tìm Richard, xem cậu nhận cú đánh này ra sao; nhưng cô không thể định được chỗ cậu đứng.

Tu viện trưởng Philip đứng dậy, khuôn mặt như bị sét đánh, và bắt đầu bài thánh ca. Cộng đồng gượng gạo hát theo. Aliena dựa vào một cây cột, khi một cơn đau khác lại đến. Cô đứng ở phía sau đám đông và không ai chú ý đến cô. Một cách nào đó tin xấu này đã làm cô dịu lại. Tôi chỉ đang

chuẩn bị có một đứa con, cô nghĩ; chuyện sinh con xảy ra mỗi ngày. Tôi phải tìm ra Martha hay Richard, và họ sẽ lo lắng mọi chuyện.

Khi cơn đau đã qua cô chen lẫn qua đám đông, tìm kiếm Martha. Có một nhóm phụ nữ ở trong đường hầm của gian phụ phía bắc và cô đi vào đó. Dân chúng tò mò nhìn cô, nhưng sự quan tâm của họ chuyển hướng vào một chuyện khác: một tiếng động lạ nghe như sấm vang vọng từ xa. Lúc đầu tiếng ầm ầm không trấn át được tiếng hát, nhưng nó lớn hơn, lớn hơn và tiếng hát chết lặng.

Aliena đến được chỗ của phụ nữ. Họ đang lo lắng nhìn quanh xem tiếng ồn từ đâu phát ra. Aliena nắm vai một người trong số họ và nói: „Bà có thấy Martha, em chồng tôi ở đâu không?“

Người đàn bà nhìn cô và Aliena nhận ra bà là vợ của người thuộc da, Hilda. „Tôi nghĩ Martha ở phía bên kia,“ Hilda nói; rồi tiếng ầm ầm trở nên chói tai và bà nhìn đi chỗ khác.

Aliena dõi mắt theo cái nhìn của bà. Ở giữa nhà thờ mọi người nhìn lên về hướng đầu bức tường. Dân chúng ở hai gian bên nghiêng cổ nhìn qua mái vòm của lối đi. Một người nào đó hét lên. Aliena nhìn thấy vết nứt trong tường phía xa, chạy dọc theo giữa hai cửa sổ phía trên. Khi cô nhìn lên, nhiều miếng tường rơi từ trên cao xuống đám đông ở giữa nhà thờ. Tiếng la hét và kêu cứu vang lên, và mọi người tìm cách chạy trốn.

Mặt đất dưới chân cô lay động. Ngay cả khi cô cố tìm cách ra khỏi nhà thờ cô đã nhận thức được rằng bức tường trên cao đã giãn ra trên đỉnh và mái vòm nứt ra. Bà vợ người thợ da, Hilda, ngã trước mặt cô, và Aliena vấp vào bà và ngã xuống trên bà. Một trận mưa đá nhỏ bắn tung tóe trên cô khi cô thử đứng lên. Rồi mái nhà thấp của lối đi bị nứt và đổ xuống, một cái gì đó đập lên đầu cô và mọi thứ thành đen tối trước mắt cô.

Philip bắt đầu thánh lễ với niềm hân hoan và tạ ơn. Trong cuộc chạy đua với thời gian, mái vòm đã hoàn thành như dự định. Trong thực tế, chỉ có ba trong bốn gian của khu cung thánh được xây mái, còn gian thứ tư phải chờ đến khi hai gian ngang hoàn thành và bức tường của khu cung thánh được nối với tường của gian ngang. Tuy nhiên, ba gian đã đủ. Tất cả dụng cụ xây dựng đã được cất đi: công cụ, cọc bằng đá và gỗ, giàn giáo và hàng rào,

đồng gạch đá và rác. Gian cung thánh được dọn sạch sẽ. Các tu sĩ đã sơn trắng các bức tường và theo truyền thống vẽ những hàng đỏ trên hồ, vì thế mà đường hồ trông gọn gàng hơn nó thực sự là. Bàn thờ và ngai giám mục đã được đem từ nhà nguyện dưới hầm lên. Tuy nhiên, xương thánh trong mộ hòm bằng đá vẫn còn ở đó: việc di chuyển xương thánh lên là một nghi thức long trọng, cao điểm của thánh lễ hôm nay. Khi thánh lễ bắt đầu, với giám mục trên ngai, với các tu sĩ trong áo dòng mới đứng theo hàng sau bàn thờ và dân chúng trong gian giữa và hai gian bên cạnh nhà thờ, Philip tạ ơn Thiên Chúa đã cho ông hoàn thành giai đoạn đầu tiên quan trọng trong việc xây dựng lại nhà thờ chính tòa.

Khi Waleran thông báo về việc William được xác nhận là bá tước, Philip đã bực mình. Giám mục đã chọn thời điểm này để phá hủy sự chiến thắng của Philip và nhắc nhở cư dân thị trấn rằng họ vẫn còn ở trong lòng khoan dung của lãnh chúa man rợ của họ. Philip đang trù tính về một sự đáp trả thích hợp khi tiếng âm âm vang lên.

Nó giống như một cơn ác mộng mà đôi khi ông có: Ông đi trên một giàn giáo rất cao và cảm thấy hoàn toàn chắc chắn cho đến một lúc ông nhận ra một nốt dây cột các xà ngang bị lỏng. Nó không nghiêm trọng lắm, nhưng khi ông cúi xuống cột nó lại, tấm ván dưới chân ông nghiêng đi, không nhiều lắm nhưng đủ để ông vấp ngã, và rồi, trong nháy mắt, ông rơi xuống xuyên qua khoảng trống của gian cung thánh nhà thờ, rơi nhanh kinh khủng, và ông biết ông sắp chết.

Lúc đầu tiếng âm âm là một điều khó hiểu. Có lúc ông nghĩ đó là sấm, rồi tiếng sấm mỗi lúc mỗi lớn hơn, và dân chúng ngừng hát. Philip vẫn nghĩ nó là một hiện tượng lạ có thể tìm được nguyên nhân ngay mà hậu quả xấu nhất của nó là làm gián đoạn thánh lễ. Rồi ông nhìn lên.

Trong gian thứ ba mà giàn giáo mới được tháo xuống sáng hôm nay, vết nứt đã xuất hiện trong tường, trên phía khu có cửa sổ phía cao. Chúng xuất hiện bất ngờ và nhanh chóng từ cửa sổ này đến cửa sổ khác giống như con rắn. Phản ứng đầu tiên của Philip là thất vọng: ông đã vui mừng vì gian cung thánh đã hoàn thành, nhưng bây giờ ông phải sửa lại, và những ai đã bị ấn tượng bởi công việc của thợ xây sẽ nói: „Càng vội vàng, càng chậm.“

Sau đó đầu bức tường dường như nghiêng ra ngoài, và ông kinh hoàng nhận ra rằng nó không chỉ đơn thuần làm gián đoạn thánh lễ mà nó còn là một thảm họa.

Vết nứt xuất hiện trên mái vòm. Một hòn đá lớn tách ra khỏi tường và rơi từ từ trong không trung. Dân chúng la hét và tìm cách chạy trốn. Trước khi Philip có thể nhìn xem có ai bị thương nặng không, nhiều hòn đá khác bắt đầu rơi. Đám đông hoảng loạn, xô đẩy nhau và đập lên nhau khi họ cố tránh các viên đá rơi. Philip tự nhiên nghĩ có thể nó là một cuộc tấn công của William Hamleigh; rồi ông nhìn thấy William ở trước đám đông, đang hoảng loạn chen lấn đám đông để trốn thoát, và ông nhận ra rằng William không tự làm điều đó cho cậu.

Hầu hết mọi người đang di chuyển để chạy ra khỏi nhà thờ theo đầu mở ở phía tây. Nhưng chính phần phía tây của nhà thờ, gian thứ ba, lại sụp đổ. Trong gian thứ hai, nơi Philip đứng, dường như mái vòm đứng vững; và đằng sau ông, trong gian thứ nhất, nơi các tu sĩ đứng, trông có vẻ vững vàng, vì nó được hỗ trợ bởi mặt tiền phía đông.

Ông nhìn thấy bé Jonathan với Johnny Eightpence, cả hai túm lại ở phía xa của gian phụ phía bắc. Ở đó an toàn hơn mọi chỗ khác, Philip quyết định; rồi ông nhận ra rằng ông phải cố đưa phần còn lại của đàn chiên của ông vào nơi an toàn. „Đi theo hướng này!“ ông hét lên. „Mọi người! Đi theo hướng này!“ ông hét lớn mặc dù họ có nghe thấy hay không. Không ai để ý đến.

Trong gian thứ ba, đỉnh của bức tường sụp đổ, rớt ra phía ngoài, và toàn bộ mái vòm sập xuống, đá lớn đá nhỏ bay trong không trung giống như cơn mưa đá chết người và rớt xuống trên đám đông. Philip lao về phía trước và nắm tay một người đàn ông. „Quay lại!“ ông hét lớn và đẩy ông ấy về hướng cửa đông. Người đàn ông hoảng sợ nhìn thấy các tu sĩ túm lại phía bức tường xa và vội vàng đến đó. Philip cũng làm như vậy với hai phụ nữ. Những người khác biết được ý ông, họ đi theo hai người đàn bà mà không cần ra lệnh. Những người khác làm theo, và chẳng bao lâu những người đứng trên đầu cùng đổ dồn về phía bức tường phía đông. Nhìn lên một lúc, Philip hoảng sợ vì gian thứ hai sẽ tiếp tục đổ: cùng một vết nứt ngoằn

ngoài xuyên qua khu có cửa sổ và làm vỡ mái vòm ngay trên đầu ông. Ông tiếp tục hướng dẫn mọi người tới chỗ an toàn ở cuối phía đông, biết rằng mỗi người ông di chuyển có thể một mạng sống được cứu. Một cơn mưa vừa vùn rơi trên đầu tọc của ông, và rồi những viên đá rơi xuống. Dân chúng phân tán ra. Một số người trốn ở hai bên gian ngang; một số người tụ tập ở bức tường phía đông, trong đó có Giám mục Waleran; một số khác vẫn cố thoát ra khỏi hướng tây, bò lên đồng đá đổ nát và thân thể người ở gian thứ ba. Một hòn đá rơi trúng vai Philip. Nó không trúng thẳng nhưng gây đau đớn. Ông lấy tay che đầu và nhìn quanh. Một mình ông ở giữa gian thứ hai; những người khác đã ở bên ngoài khu nguy hiểm. Ông đã làm những gì ông có thể. Ông chạy về hướng đông.

Ở đó ông quay lại và nhìn lên. Khu cửa sổ của gian thứ hai sụp đổ, và mái vòm rơi xuống gian cung thánh, giống hệt như những gì đã xảy ra ở gian thứ ba; nhưng có lẽ có ít nạn nhân hơn, vì dân chúng đã có cơ hội trốn đi và vì mái của gian hai bên đường như đứng vững, trong khi ở gian thứ ba chúng đã sụp đổ. Mỗi người trong đám đông ở ở đầu cuối hướng đông lùi lại, đẩy về phía bức tường, và mọi khuôn mặt quay lên, chăm chú vào mái vòm để xem sự sụp đổ có lan sang gian thứ nhất không. Sự sụp đổ của bức tường dường như ít ồn ào hơn, nhưng một giải sương mù bụi và đá nhỏ đầy trong không khí và trong một lúc lâu không ai có thể thấy gì. Philip nín thở. Bụi đã lắng xuống và ông lại có thể nhìn thấy mái vòm. Nó bị gãy ở ngay cạnh của gian thứ nhất; nhưng bây giờ dường như nó đứng vững.

Bụi đã ngưng. Mọi sự trở nên yên lặng. Philip nhìn kinh ngạc vào đồng đổ nát của nhà thờ. Chỉ có gian đầu tiên còn nguyên vẹn. Bức tường của gian thứ hai còn đứng vững từ độ cao của đường hành lang bên trên, nhưng trong gian thứ ba và bốn chỉ có hai gian phụ là còn tồn tại và chúng gây ra thiệt hại nghiêm trọng. Nền nhà thờ là một đồng gạch đá và rải rác thân thể của những người đã chết hay bị thương. Bấy năm làm việc và hàng trăm bảng Anh đã bị phá hủy, và hàng chục người bị chết, có thể hàng trăm, tất cả trong một vài khoảnh khắc kinh hoàng. Philip đau đớn vì bao công lao đã thành vô ích, vì bao người đã chết, và vì bao nhiêu cô nhi và quả phụ còn lại; và mắt ông đầm lệ.

Một giọng nói khắc nghiệt nói vào tai ông: „Đây là kết quả sự kiêu ngạo của ông, Philip!“

Ông quay lại và thấy Giám mục Waleran với áo choàng đen của ông đầy bụi, đang nhìn ông đăm đăm. Philip cảm thấy như ông bị đâm. Đứng nhìn một thảm họa như thế này là một sự đau lòng, nhưng bị đổ lỗi cho nó là một sự không thể chịu nổi. Ông muốn nói: Tôi chỉ muốn làm tốt nhất những gì tôi có thể! Nhưng lời nói không thoát ra: cổ ông như nghẹn lại và ông không nói ra lời.

Mắt ông tập trung vào Johnny Eightpence và bé Jonathan xuất hiện từ chỗ trú ở gian bên, và bất ngờ ông nhớ đến trách nhiệm của ông. Còn có nhiều thời gian để sau đó xem ai là người có lỗi. Ngay bây giờ có nhiều người bị thương và nhiều người bị mắc kẹt trong đồng đổ nát. Ông phải tổ chức việc cứu hộ. Ông nhìn Giám mục Waleran và nói: „Hãy tránh ra!“ Giám mục giật mình và Philip đi lên bàn thờ.

„Xin lắng nghe tôi!“ ông nói lớn. „Chúng ta phải chăm sóc người bị thương, cứu những người đang mắc kẹt, chôn cất người chết và cầu nguyện cho linh hồn họ. Tôi muốn chỉ định ba người phụ trách để điều hành việc này.“ Ông nhìn các khuôn mặt quanh ông, dò xét xem ai còn sống sót và khỏe mạnh. Ông khám phá ra Alfred. „Thợ xây Alfred phụ trách việc thu dọn đồng đổ nát và cứu những người còn mắc kẹt, và tôi muốn tất cả các thợ xây và thợ mộc cùng cộng tác với ông ấy.“ Nhìn vào các tu sĩ, ông nhẹ người khi thấy người đáng tin cậy của ông, Milius, không bị thương. „Milius Bursa phụ trách di chuyển người chết và bị thương ra khỏi nhà thờ, và ông ấy cần sự giúp đỡ của những người trẻ khỏe mạnh. Randolph, thầy phụ trách phòng bệnh, sẽ chăm sóc những người bị thương một khi họ được đưa ra khỏi đồng đổ nát này, và những người lớn tuổi, đặc biệt các bà già có thể giúp thầy ấy. Được rồi – chúng ta hãy bắt đầu.“ Ông nhẩy xuống khỏi bàn thờ. Dân chúng bắt đầu ồn ào, ra lệnh và hỏi nhau.

Philip đi tới Alfred, người đang run và sợ hãi. Nếu ai phải chịu trách nhiệm về việc này, thì người đó là cậu, người thợ xây dựng chính, nhưng bây giờ không phải là lúc để trách cứ. Philip nói: „Chia người của ông thành từng nhóm và chỉ định cho họ những khu vực riêng để làm việc.“

Alfred nhìn lơ đãng rồi cậu tỉnh lại. „Vâng. Đúng. Chúng ta sẽ bắt đầu ở đầu phía tây và đem đồng đồ nát ra ngoài sân.“

„Tốt.“ Philip để cậu lại và chen qua đám đông đến Milius. Ông nghe Milius nói: „Hãy đem những người bị thương ra khỏi nhà thờ và đặt họ trên cỏ. Đem những người đã chết ra phía bắc.“ Ông biết ông luôn luôn có thể tin tưởng Milius và ông đi chỗ khác.“ Ông thấy thầy phụ trách phòng bệnh Randolph đang trèo lên đồng đồ nát. Philip vội vàng đi về phía ông. Bên ngoài nhà thờ, ở cuối đầu phía tây, một đám người tụ họp. Họ là những người đã ra ngoài kịp thời trước khi mái vòm sập và không bị thương. „Hãy dùng những người này,“ Philip nói với Randolph. „Hãy sai những người này vào phòng bệnh lấy dụng cụ và đồ cứu thương. Sai một số người vào bếp lấy nước nóng. Hỏi thầy quản lý rượu nho mạnh cho những người cần hồi sinh. Để ý đặt những người chết và bị thương theo trật tự và xa nhau để những người giúp đỡ không bị vấp vào thân thể họ.“

Ông nhìn quanh. Những người sống sót đã bắt tay vào việc. Những người trú ẩn ở bức tường phía đông đã theo Philip vượt qua đồng đồ nát và đã bắt tay vào việc di chuyển những người bị nạn. Một hoặc hai người bị thương chỉ vì choáng váng đã tự mình đứng lên được. Philip thấy một bà già ngồi trên sàn nhà, mắt nhìn ngơ ngác. Ông nhận ra bà là Maud Silver, góa phụ của ông thợ bạc. Ông giúp bà đứng lên và đưa bà ra khỏi đồng đồ nát. „Chuyện gì đã xảy ra?“ bà hỏi, không nhìn vào ông. „Tôi không biết chuyện gì xảy ra.“

„Tôi cũng không biết, Maud,“ ông nói.

Khi ông quay về để giúp người khác nữa, lời của giám mục Wleran lại vang trong đầu ông: Đây là kết quả sự kiêu ngạo của ông, Philip. Lời buộc tội đã đến với ông nhanh chóng vì ông nghĩ nó có thể là sự thật. Ông luôn thúc đẩy nhiều hơn, tốt hơn, nhanh hơn. Ông đã thúc đẩy Alfred hoàn thành mái vòm cũng giống như ông đã thúc đẩy hội chợ len và thúc đẩy lấy mỏ đá ở Shiring. Trong mỗi trường hợp kết quả luôn là một thảm họa: những người khai thác đá bị chết, Kingsbridge bị đốt cháy và bây giờ đến việc này. Ông nhận ra rõ ràng rằng tham vọng của ông có lỗi trong đó. Tốt hơn,

các tu sĩ nên sống một cuộc sống từ bỏ, chấp nhận đau khổ và thất bại của thế giới này như bài học của kiên nhẫn.

Khi Philip giúp đem những người bị thương rên rỉ và những người chết bất động ra khỏi nhà thờ, ông quyết tâm trong tương lai sẽ trao cho Thiên Chúa tham vọng và sự thúc đẩy của ông: còn ông, Philip, sẽ thụ động chấp nhận những gì xảy ra. Nếu Chúa muốn một nhà thờ chính tòa, Chúa phải cung cấp một mỏ đá; nếu thị trấn cháy, nó phải được coi như dấu hiệu Chúa không muốn một hội chợ lông; và bây giờ nhà thờ đã đổ xuống, Philip không muốn xây nó lại.

Khi ông đạt được quyết định này, ông thấy William Hamleigh.

Bá tước mới của Shiring đang ngồi trên nền nhà ở gian thứ ba, gần gian phụ phía bắc, mặt tái mét và run rẩy vì đau, với một bàn chân bị mắc kẹt dưới hòn đá to. Philip tự hỏi, khi ông giúp đẩy hòn đá đi, tại sao Thiên Chúa lại để nhiều người tốt phải chết nhưng lại dung thứ một con vật như William.

William rên rỉ về sự đau đớn nơi chân cậu, ngoài ra cậu không hề hấn gì. Họ giúp cậu đứng lên. Cậu dựa vào vai một người to con và bắt đầu nhẩy đi. Rồi một đứa bé khóc.

Mọi người đều nghe thấy. Không thấy đứa bé nào. Mọi người nhìn quanh bối rối. Tiếng khóc vang lên lần nữa, và Philip nhận ra nó vang ra từ dưới một đồng đá lớn ở gian phụ. „Qua đây!“ ông gọi. Ông gặp ánh mắt Alfred và ra hiệu cho cậu ấy. „Có một đứa bé vẫn sống bên dưới kia,“ ông nói.

Tất cả lắng nghe tiếng khóc. Nó nghe như tiếng trẻ thơ, chưa được một tháng tuổi. „Ông đúng,“ Alfred nói. „Hãy đẩy những hòn đá lớn này đi.“ Cậu và các người giúp việc di chuyển đồng đồ nát đã che đậy mái vòm của gian thứ ba. Philip cùng tham gia. Ông không thể nghĩ ra người phụ nữ nào trong thị trấn đã sinh con trong vài tuần qua. Dĩ nhiên, việc một đứa bé sinh ra không được ông chú ý lắm: mặc dù thị trấn đã nhỏ đi trong năm qua, nhưng nó vẫn đủ lớn đối với ông và ông bỏ lỡ những sự kiện phổ biến như thế này.

Tiếng khóc đột ngột dừng lại. Mọi người đứng yên và nghe ngóng, nhưng nó không khóc lại. Bằng thái độ dứt khoát họ tiếp tục di chuyển các

viên đá. Nó là một công việc nguy hiểm, vì khi di chuyển hòn đá này nó có thể gây cho hòn đá khác rơi xuống. Đó là lý do tại sao Philip đã giao cho Alfred nhiệm vụ này. Tuy nhiên Alfred đã không cẩn thận đủ như Philip mong ước, và dường như cậu để cho mọi người làm những gì họ muốn, kéo đá đi mà không có kế hoạch tổng thể nào: „Hãy đợi!“

Tất cả mọi người ngưng lại. Philip nhận ra Alfred vẫn còn quá sốc để điều hành công việc. Ông sẽ phải tự ra tay. Ông nói: „Nếu có người nào đó vẫn sống ở dưới, một cái gì đó phải bảo vệ họ; và nếu chúng ta di chuyển đồng đá, họ có thể mất sự bảo vệ và bị chết vì chúng ta. Hãy làm cẩn thận!“ Ông chỉ vào đám thợ xây đang đứng chung nhau. „Ba anh hãy trèo lên đồng đá và lấy những viên đá trên đỉnh xuống. Thay vì tự đem nó đi, hãy trao mỗi viên đá cho chúng tôi và chúng tôi sẽ đem nó đi.“

Họ bắt tay vào việc theo kế hoạch của Philip. Nó dường như vừa nhanh hơn, vừa an toàn hơn.

Bây giờ đứa bé đã ngưng khóc, họ không biết chính xác họ đang đứng ở đâu, vì thế họ dọn một khu rộng lớn, cả chiều rộng của một gian. Một số đồng gạch đỏ là do mái vòm rơi xuống, nhưng mái của lối đi đã bị sụp một phần, vì thế mà có cả gỗ, phiến đá mái, đá và vữa.

Philip làm không mệt mỏi. Ông muốn cứu sống đứa bé. Ông biết hàng chục người đã chết, nhưng một cách nào đó đứa bé dường như quan trọng hơn. Nếu nó được cứu, ông cảm thấy tương lai vẫn còn hy vọng. Khi ông đẩy đá, ông bị ho và hầu như mù vì bụi, ông cầu nguyện nhiệt thành cho em bé được sống.

Sau cùng ông có thể nhìn thấy, trên đồng đỏ nát, bức tường bên ngoài của gian phụ và một phần của cửa sổ thấp. Dường như có một khoảng trống đằng sau đồng. Có lẽ một người nào đó vẫn sống ở đó. Một thợ xây trèo lên đồng đá và nhìn xuống lỗ hổng. „Giê Su!“ ông ấy kêu lên.

Lần này Philip tha thứ cho việc phạm thượng dám kêu tên Chúa. „Đứa bé có được an lành không?“ ông hỏi.

„Tôi chưa biết,“ người thợ xây nói.

Philip muốn hỏi xem người thợ xây đã thấy gì, hay tốt hơn, tự mình nhìn xem, nhưng người thợ xây yêu cầu những người khác nhanh tay di chuyển

các hòn đá khác. Vì thế Philip tiếp tục làm việc trong cơn sốt của sự tò mò.

Đứa bé trần truồng và mới sinh. Làn da trắng của nó dính đầy máu và bụi, nhưng ông có thể nhìn thấy đầu nó có tóc màu cà rốt. Nhìn kỹ hơn, Philip nhận ra nó là một bé trai. Nó nằm trên ngực người phụ nữ và bú vú cô. Đứa bé vẫn sống, ông nhìn thấy, và tim ông nhảy mừng. Ông nhìn vào người phụ nữ. Cô cũng còn sống nữa. Cô gặp ánh mắt ông và cho ông một nụ cười mệt mỏi, hạnh phúc.

Đó là Aliena.

Aliena chẳng bao giờ trở lại nhà Alfred.

Cậu ấy nói với mọi người rằng đứa bé không phải là con cậu và chỉ vào tóc đỏ của đứa bé để chứng minh, cùng màu với tóc của Jack; ngoài việc không cho họ vào nhà, cậu không gây thiệt hại gì cho đứa bé hoặc cho Aliena.

Aliena trở về căn nhà một phòng trong khu nghèo với em trai cô. Cô nhẹ người vì sự trả thù của Alfred rất nhẹ. Cô vui mừng vì không còn phải ngủ trên nền nhà dưới chân giường của cậu như một con chó. Nhưng chủ yếu cô sung sướng và tự hào về đứa bé đáng yêu của cô. Đứa bé có tóc đỏ và mắt xanh và làn da hoàn toàn trắng, và nó nhắc nhở cô sống động về Jack.

Không ai biết tại sao nhà thờ lại sụp đổ. Tuy nhiên có nhiều giả thuyết. Một số người nói Alfred không có khả năng là thợ xây dựng chính. Một số khác đổ tội cho Philip vì đã thúc dục phải hoàn thành mái vòm vào dịp lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống. Một vài người thợ nói rằng giàn khung đã được lấy đi trước khi vừa khô hẳn. Một thợ xây già nói những bức tường không được xây để chịu đựng trọng lượng của một mái vòm đá.

Bảy mươi chín người chết, kể cả những người sau đó chết vì bị thương. Mọi người nói số nạn nhân sẽ còn cao hơn nếu Tu viện trưởng Philip không dồn một số đông người về bức tường phía đông. Nghĩa trang tu viện đã đầy vì cuộc hỏa hoạn của hội chợ len năm trước, nên hầu hết những người chết được chôn ở nhà thờ xứ. Một số đông người nói nhà thờ chính tòa bị một lời nguyền.

Alfred đem tất cả thợ xây của cậu đến Shiring, nơi cậu sẽ xây những nhà đá cho dân thị trấn giàu có. Những thợ xây khác cũng từ già Kingsbridge.

Không ai bị cho nghỉ việc, và mặc dù Philip tiếp tục trả lương, nhưng không có gì cho họ làm ngoài việc thu dọn đồng đồ nát, nên sau vài tuần họ đã bỏ đi. Không còn người thiện nguyện đến làm việc vào chủ nhật, chợ chỉ còn vài quầy bán hàng rải rác, và Malaci đã thu xếp gia đình và tài sản lên một chiếc xe lớn kéo bởi bốn con bò đực và rời thị trấn, tìm kiếm đồng cỏ xanh tươi hơn.

Richard cho một người nông dân thuê con ngựa đen của cậu, rồi cậu và Aliena sống trên số tiền thu được. Nếu không có sự hỗ trợ của Alfred cậu không thể tiếp tục sự nghiệp hiệp sĩ, tuy nhiên bây giờ nó không còn giá trị gì vì William đã trở thành bá tước. Aliena vẫn còn cảm thấy bị ràng buộc bởi lời thề với bố cô, nhưng bây giờ dường như cô không còn làm được gì để hoàn thành nó. Richard chìm trong chán nản. Cậu dậy trễ, ngồi suốt ngày dưới ánh mặt trời và tiêu cả buổi tối trong quán bia.

Martha vẫn sống một mình trong căn nhà lớn với người giúp việc già. Tuy nhiên cô ở cả ngày với Aliena: cô thích giúp đỡ đứa bé, nhất là nó trông rất giống Jack, người mà cô ngưỡng mộ. Cô muốn Aliena đặt tên cho nó là Jack, nhưng Aliena vẫn chần chừ vì một lý do nào đó mà chính cô cũng không hiểu nổi.

Cả mùa hè Aliena tràn đầy hạnh diện và niềm vui của một người mẹ. Nhưng khi mùa gặt đến, thời tiết lạnh hơn và buổi tối ngắn hơn, cô cảm thấy thất vọng.

Bất cứ khi nào cô nghĩ về tương lai, Jack lại hiện về trong tâm trí cô. Cậu đã đi xa, cô không biết cậu đi đâu và có lẽ cậu sẽ chẳng bao giờ quay về, nhưng cậu vẫn ở bên cô, ảnh hưởng đến tư tưởng của cô, vẫn tràn đầy sức sống và nghị lực, rõ ràng và sống động như thể cô mới gặp cậu ngày hôm qua. Cô dự định chuyển đến một thị trấn khác, giả đồ là một góa phụ; cô cố thuyết phục Richard kiếm sống bằng cách nào đó; còn cô dự định làm dệt, hay giặt giũ, hay trở thành một người phục vụ cho một người giàu có trong thị trấn, những người vẫn còn đủ tiền để thuê người làm. Nhưng trong mỗi dự định cô đều tưởng tượng trong đầu nụ cười khinh bỉ của Jack và nghe cậu nói: „Không có tôi, không có gì tốt cả.“ Làm tình với Jack vào buổi sáng ngày thành hôn với Alfred là tội lỗi lớn nhất cô đã phạm, và cô không

ngghi ngờ gì rằng bây giờ cô phải bị phạt vì nó; nhưng cũng có những giây phút cô cảm thấy nó là việc tốt duy nhất cô đã làm trong suốt cả cuộc đời cô; và khi cô nhìn đứa con của cô, cô cảm thấy không có gì phải hối hận. Tuy nhiên, cô bất an. Một đứa bé chưa đủ. Cô cảm thấy chưa hoàn toàn, chưa đầy đủ. Nhà cô dường như quá nhỏ, Kingsbridge dường như một nửa đã chết, đời sống quá bình thản. Cô trở nên mất kiên nhẫn với con và gay gắt với Martha.

Vào cuối mùa hè, người nông dân đem ngựa đến trả lại vì họ không cần đến nó nữa, và bất ngờ Richard và Aliena không còn thu nhập nữa. Một ngày vào mùa thu Richard đến Shiring để bán áo giáp của cậu. Trong khi cậu đi khỏi và Aliena ăn táo thay cơm trưa cho đỡ tốn tiền, mẹ của Jack đến nhà.

„Ellen!“ Aliena nói. Cô giật mình. Giọng cô có sự kinh ngạc vì Ellen đã nguyên rủa một đám cưới trong nhà thờ và Tu viện trưởng Philip sẽ phạt bà.

„Tôi đến để thăm cháu tôi,“ Ellen bình tĩnh nói.

„Nhưng làm sao bà biết...?“

„Tôi nghe được mọi chuyện, ngay cả ở trong rừng.“ Bà đi đến chiếc nôi trong góc và nhìn vào đứa bé đang ngủ. Mặt bà dịu dàng. „Thật tuyệt. Không có nghi ngờ gì nó là con ai. Nó có khỏe không?“

„Nó không có vấn đề gì – nó còn nhỏ nhưng dẻo dai,“ Aliena hãnh diện nói. Cô nói thêm: „Giống bà nội của nó.“ Cô quan sát Ellen. Bà gầy hơn so với khi bà ra đi. Da bà nâu, và bà mặc một áo da ngắn để lộ bắp chân rám nắng. Bà đi chân không. Bà trông trẻ và khỏe mạnh: đời sống trong rừng dường như thích hợp với bà. Aliena tính nhẩm bà phải ba mươi lăm tuổi rồi. „Bà trông rất khỏe,“ cô nói.

„Tôi nhớ mọi người,“ Ellen nói. „Tôi nhớ cô, và Martha, và ngay cả em cô Richard. Tôi nhớ Jack của tôi. Và tôi nhớ Tom.“ Bà trông thật buồn.

Aliena vẫn còn lo lắng cho sự an toàn của bà. „Có ai thấy bà đến đây không? Các tu sĩ có thể vẫn còn muốn phạt bà.“

„Không có tu sĩ nào ở Kingsbridge có can đảm bắt tôi,“ bà nói với một cái cười ngạo mạn. „Tuy nhiên tôi vẫn thận trọng – không ai thấy tôi.“ Một

phút yên lặng. Ellen chăm chú nhìn Aliena. Aliena trở nên khó chịu dưới cái nhìn chăm chăm của đôi mắt tò mò màu mật ong của Ellen. Sau cùng Ellen nói: „Cô đang lãng phí cuộc đời cô.“

„Bà muốn nói gì?“ Aliena hỏi, mặc dù lời nói của bà đã đánh trúng tim cô.

„Cô phải đi tìm Jack.“

Aliena cảm thấy nhói lên niềm hy vọng. „Nhưng tôi không thể,“ cô nói.

„Tại sao không?“

„Trước hết tôi không biết cậu ấy ở đâu.“

„Tôi biết.“

Tim Aliena đập nhanh hơn. Cô đã nghĩ rằng không ai biết Jack đã đi đâu, như thế cậu đã biến khỏi mặt đất. Nhưng bây giờ cô có thể tưởng tượng cậu ở một nơi cụ thể, thực sự. Mọi chuyện thay đổi. Cậu ấy phải ở một chỗ nào đó gần đây. Cô có thể khoe cậu đứa bé.

Ellen nói: „Ít nhất, tôi biết cậu ấy đi đâu.“

„Đi đâu?“ Aliena khẩn trương hỏi.

„Santiago de Compostela.“

„Ồi! Trời ơi!“ Tim cô chùng xuống. Cô hoàn toàn thất vọng. Compostela là một thị trấn ở Tây Ban Nha, nơi Thánh Tông Đồ Gia Cô Bê được chôn cất. Cuộc du hành từ đây qua đó phải mất hàng tháng. Jack đang ở một nơi rất xa trên thế giới.

Ellen nói: „Cậu ấy hy vọng có thể gặp những người hát rong trên đường đi và dò tông tích về bố cậu.“

Aliena thất vọng gật đầu. Điều đó có ý nghĩa. Jack luôn bức bối vì biết quá ít về bố cậu. Nhưng có thể cậu sẽ chẳng bao giờ trở về. Trên cuộc lữ hành dài như thế cậu có lẽ đã tìm thấy một nhà thờ chính tòa mà cậu muốn làm việc, và rồi cậu có thể định cư ở đó. Đi tìm kiếm bố, có lẽ cậu đã mất con.

„Nó xa quá!“ Aliena nói. “Tôi ước muốn có thể đi tìm cậu ấy.”

“Tại sao không?” Ellen nói. “Hàng ngàn người đi hành hương đến đó. Tại sao cô không thể?”

“Tôi có một lời thề với bố tôi là sẽ chăm sóc Richard cho đến khi cậu trở thành bá tước,” cô nói với Ellen. “Tôi không thể bỏ rơi cậu ấy.”

Ellen nhìn nghi ngờ. “Cô tưởng tượng xem vào lúc này cô có thể giúp gì cho cậu ấy?” bà nói. “Cô không có tiền và William trở thành bá tước. Richard đã mất hết cơ hội để giành lại lãnh địa. Cô có ở lại Kingsbridge này cô cũng không giúp được gì cho cậu ấy hơn cô ở Compostela. Cô đã trói buộc cuộc đời cô vào lời thề khốn khổ đó. Nhưng bây giờ cô không làm gì khác được. Tôi không thấy bố cô có thể khiển trách cô điều gì. Nếu cô hỏi tôi, việc lớn nhất mà cô có thể làm cho Richard là cô nên rời bỏ cậu ấy một thời gian và cho cậu cơ hội học tự lập.”

Aliena nghĩ sự thật là cô không giúp được gì cho Richard vào lúc này, dù cô ở lại Kingsbridge hay không. Có thể bây giờ cô đang tự do – tự do để đi và tìm Jack? Chỉ nguyên ý tưởng đó đã làm tim cô thổn thức. “Nhưng tôi không có tiền để đi hành hương,” cô nói.

“Thế con ngựa to lớn đâu?”

“Chúng tôi vẫn còn nó –“

“Bán nó đi.”

“Làm sao tôi có thể? Nó là của Richard.”

“Trời ơi! Ai đã mua nó?” Ellen tức giận nói. “Có phải Richard đã vất vả nhiều năm trời để xây dựng nên việc kinh doanh len? Có phải Richard đã thương lượng với các nông dân tham lam và thương gia người Bỉ cứng đầu? Có phải Richard đã thu thập len, trữ nó trong kho và lập quầy bán nó trên chợ? Đừng nói với tôi đó là con ngựa của Richard!”

“Cậu ấy sẽ rất giận dữ -“

“Tốt. Chúng ta hy vọng cậu ấy giận đủ để làm chuyện gì đó lần đầu tiên trong đời cậu ấy.”

Aliena mở miệng để tranh luận, nhưng đóng lại ngay. Ellen có lý. Richard đã luôn luôn dựa vào cô trong mọi việc. Trong khi cậu chiến đấu để dành lại di sản của cậu, cô buộc phải hỗ trợ cậu. Nhưng bây giờ cậu không chiến đấu cho việc gì cả, nên cậu không có quyền đòi hỏi cô.

Cô tưởng tượng được gặp lại Jack. Cô hình dung khuôn mặt cậu đang mỉm cười với cô. Họ sẽ hôn nhau. Cô cảm thấy sự xôn xao khoái lạc. Cô

nhận ra chỉ nghĩ về cậu cô đã xốn xang. Cô cảm thấy xấu hổ.

Ellen nói: “Dĩ nhiên du hành rất nguy hiểm.”

Aliena mỉm cười. “Đó là điều tôi không lo lắm, vì tôi đã du hành từ khi tôi mười bảy tuổi. Tôi có thể lo cho tôi được.”

“Dù sao cũng có hàng trăm người trên đường tới Compostela. Cô có thể tham gia vào một nhóm hành hương lớn. Cô không phải du hành một mình.”

Aliena thở dài. “Bà biết không, nếu tôi không có đứa nhỏ, tôi sẽ đi ngay.”

“Chính vì đứa nhỏ mà cô phải đi,” Ellen nói. “Nó cần một người bố.”

Aliena đã không để ý đến điểm này: khi cô nghĩ về cuộc du hành, cô hoàn toàn nghĩ vì cô. Bây giờ cô thấy đứa bé cần Jack cũng như cô cần. Việc chăm sóc đứa bé hàng ngày đã chiếm hết thời gian nên cô không nghĩ tới tương lai của nó. Bất ngờ cô cảm thấy sự bất công kinh khủng khi đứa bé lớn lên mà không được biết bố nó – một thiên tài rực rỡ, độc đáo và đáng ngưỡng phục.

Cô nhận thấy cô đã bị thuyết phục để đi, và cô e dè sợ hãi.

Cô chợt thấy một trở ngại. “Tôi không thể mang đứa bé đến Compostela được.”

Ellen nhún vai. “Nó không biết sự khác biệt giữa Tây Ban Nha và Anh quốc. Nhưng cô không phải mang nó đi.”

“Tôi có thể làm gì khác?”

“Để nó lại cho tôi. Tôi sẽ nuôi nó bằng sữa dê và mật ong rừng.”

Aliena lắc đầu. “Tôi không thể chịu đựng được khi phải xa nó. Tôi yêu nó lắm.”

“Nếu cô yêu nó,” Ellen nói, “hãy đi tìm bố nó.”

II

Aliena tìm thấy một con tàu ở Wareham. Khi còn nhỏ, cô đã đi với bố cô qua Pháp bằng một con tàu chiến của Norman. Nó là một chiếc thuyền dài, hẹp; đầu và đuôi cong lên; nó có hai hàng mái chèo và một cánh buồm da vuông. Con tàu bây giờ đưa cô tới Normady cũng giống như con tàu chiến đó, nhưng rộng hơn ở khoang giữa và sâu hơn để chứa hàng hóa. Nó đến từ Bordeaux, và cô nhìn thấy các thủy thủ chân đất chất những thùng rượu lớn xuống hầm rượu cho các gia đình giàu có.

Aliena biết cô nên để đứa bé lại nhưng cô đau lòng về nó. Mỗi lần cô nhìn nó cô quyết định rằng cô phải đi nhưng cô không muốn rời xa nó.

Ellen đã tới Wareham với cô. Ở đây Aliena đã nhập đoàn cùng hai tu sĩ từ tu viện Glastonbury đi kinh lý đất đai của họ ở Normady. Ba người khác cùng đi trên tàu: một hầu cận trẻ đã phục vụ bốn năm cho một họ hàng ở Anh và bây giờ trở về với bố mẹ ở Toulouse, và hai người thợ xây trẻ đã nghe rằng tiền lương và phụ nữ đẹp hơn ở bên kia bờ biển. Vào buổi sáng ngày khởi hành, tất cả chờ đợi trong quán bia trong khi các thủy thủ chất những thanh thiếc nặng của miền Cornish lên tàu. Các thợ xây uống nhiều bia nhưng chưa thấy say. Aliena ôm đứa bé và âm thầm khóc.

Sau cùng con tàu cũng đã sẵn sàng lên đường. Con ngựa màu xám khỏe mạnh Aliena mua ở Shiring chưa bao giờ thấy biển và không chịu bước lên ván cầu. Tuy nhiên, người hầu cận và các thợ xây đã hợp tác nhiệt tình đưa con ngựa lên tàu.

Aliena dàn dụa nước mắt khi cô đưa đứa bé cho Ellen. Ellen bế đứa bé, nhưng bà nói: „Cô không thể làm thế. Tôi đề nghị như thế là sai.“

Aliena khóc nhiều hơn. „Nhưng còn Jack,“ cô nức nở. „Tôi không thể sống không có Jack, tôi biết tôi không thể. Tôi phải đi tìm anh ấy.“

„Ồ, dĩ nhiên rồi,“ Ellen nói. „Tôi không có ý bảo cô hủy bỏ chuyến đi. Nhưng cô không thể để đứa bé lại. Đem nó theo cô.“

Lòng Aliena tràn đầy niềm biết ơn và cô khóc nhiều hơn. „Bà có nghĩ rằng mọi chuyện sẽ tốt đẹp không?“

„Đứa bé đã hoàn toàn hạnh phúc trên cả con đường với cô đến đây. Phần còn lại của cuộc hành trình cũng giống như vậy. Và nó dường như không thích sữa dê.“

Thuyền trưởng con tàu nói: „Thôi, lên đi các bà! Thủy triều đã lên rồi.“

Aliena đón lấy đứa bé và hôn Ellen: „Cám ơn. Tôi rất hạnh phúc.“

„Chúc may mắn,“ Ellen nói.

Aliena quay lại và bước lên cầu tàu.

Họ rời bến ngay. Aliena vẫy tay chào cho đến khi Ellen chỉ còn là một chấm nhỏ trên hải cảng. Khi họ ra khỏi hải cảng, trời bắt đầu mưa. Không có chỗ trú bên trên nên Aliena ngồi trong khoang thuyền với ngựa và hàng hóa. Tấm ván trên đầu mà những người lái tàu ngồi không đủ che mưa cho cô, nhưng cô giữ đứa bé khô ráo trong áo choàng. Chuyển động của con tàu hình như thích hợp với nó và nó thiêu thiêu ngủ. Khi trời tối và con tàu neo, Aliena cùng cầu nguyện với các tu sĩ. Sau đó cô ngủ thất thường, ngồi thẳng và giữ đứa bé trên tay.

Họ đến Barfleur vào ngày hôm sau và Aliena tìm thấy chỗ tạm trú ở thị trấn gần nhất, Cherbourg. Cô đã dùng một ngày trời, đi quanh thị trấn, nói chuyện với chủ các quán và thợ xây, hỏi thăm về một người thợ xây trẻ người Anh có mái tóc đỏ. Không ai biết. Có rất nhiều những người Norman tóc đỏ, nên không ai để ý đến cậu. Hay có thể cậu đã qua một hải cảng khác.

Aliena không chờ đợi có thể tìm thấy dấu vết của Jack nhanh như thế, tuy nhiên cô cũng bị thất vọng. Ngày hôm sau cô lên đường, hướng về phía nam. Cô du hành chung với một người bán dao và bà vợ mập mạp vui vẻ của ông và bốn người con. Họ di chuyển chậm rãi, và Aliena vui vẻ theo tốc độ của họ và giữ con ngựa khỏe mạnh vì nó còn phải chở cô một quãng đường dài nữa. Mặc dù được an toàn vì đi chung với một gia đình, nhưng cô vẫn giữ con dao dài dưới tay áo phía trái. Trông cô không giàu có: quần áo của cô ấm áp nhưng không thời trang, con ngựa của cô khỏe mạnh nhưng không hung hăng. Cô cẩn thận giữ vài đồng xu tiện dụng trong ví, và chẳng bao giờ cho ai thấy đai tiền nặng cô đeo quanh bụng, dưới lớp áo dài. Cô cho đứa bé bú một cách kín đáo, không cho người lạ thấy ngực cô.

Tối hôm đó cô vui mừng hơn hở vì một may mắn lớn. Họ dừng lại ở một làng nhỏ tên là Lessay và ở đó Aliena gặp một tu sĩ còn nhớ một cách sống động về một người thợ xây người Anh, người đã làm cuộc cách mạng trong

việc xây mái nhà thờ vòm mới cho nhà thờ tu viện. Aliena hoan hỉ. Vị tu sĩ còn nhớ Jack nói rằng cậu cập bến ở Honfleur, đó là lý do tại sao không có dấu vết gì về cậu ở Cherbourg. Mặc dù đã một năm qua, ông ấy nói nhiều về Jack và bị ấn tượng về cậu. Aliena thích thú nói chuyện với những người đã biết cậu. Nó là sự xác nhận rằng cô đã đi đúng hướng.

Cuối cùng cô rời vị tu sĩ và nằm ngủ trên nền nhà khách của tu viện. Khi cô sắp chìm vào giấc ngủ, cô bế đứa bé chặt trong tay và thì thầm vào tai hồng nhỏ xíu của nó: “Chúng ta sẽ tìm thấy bố con.”

Đứa bé bị bệnh ở Tours. Thành phố giàu sang, bụi bặm và đông đúc. Chuột chạy theo bầy chung quanh vừa thóc lớn bên dòng sông Loire. Có rất đông khách hành hương. Tours là địa điểm khởi hành truyền thống cho các cuộc hành hương đến Compostela. Ngoài ra ngày lễ Thánh Martin, giám mục đầu tiên của Tours, đã gần kề và bao nhiêu người đến nhà thờ tu viện để viếng mộ thánh. Martin nổi tiếng vì đã cắt chiếc áo choàng của ông thành hai miếng và cho người hành khất trần truồng một nửa. Vì vào ngày lễ nên các quán trọ và nhà trọ của Tours đã đầy. Aliena buộc phải ở lại trong một quán xiêu vẹo ở bến tàu của hai chị em đã quá già để có thể giữ cho căn lều sạch sẽ.

Lúc đầu cô không ở trong nhà nhiều. Với đứa nhỏ trên tay cô đi qua các đường phố, hỏi thăm về Jack. Chẳng bao lâu sau cô nhận ra thành phố thường xuyên có quá nhiều khách du lịch đến rồi đi, đến nỗi các chủ quán không nhớ nổi khách hàng của tuần trước, vì thế mà không có lợi gì để hỏi họ về một người có lẽ đã đến đây một năm trước. Tuy nhiên cô dừng lại ở mỗi công trường xây dựng để hỏi xem họ đã có thuê một người thợ xây trẻ người Anh với mái tóc đỏ tên là Jack không. Không ai biết.

Cô thất vọng. Từ lúc rời Lessay, cô không nghe gì về cậu. Nếu cậu có ý định đi Compostela, cậu chắc chắn phải đến Tours. Cô bắt đầu nghi ngờ rằng cậu có thể đã thay đổi ý kiến.

Cô đi tới nhà thờ Thánh Martin như mọi người; và ở đó cô gặp một nhóm thợ xây đang tham gia vào việc sửa chữa lớn. Cô tìm ra thợ xây dựng chính, một người nhỏ con, khó chịu với mái tóc mỏng. Cô hỏi ông đã có thuê người thợ xây người Anh nào không.

“Tôi chẳng bao giờ thuê người Anh,” ông nói đột ngột trước khi cô chấm dứt câu nói. “Thợ xây người Anh không tốt.”

“Người này rất tốt,” cô nói. “Và anh ta nói giỏi tiếng Pháp, vì thế có thể ông không biết anh ấy là người Anh. Anh ấy có tóc đỏ -“

“Không, tôi chưa bao giờ thấy anh ấy,” ông ấy nói thô lỗ rồi bỏ đi.

Aliena trở lại nơi ở của cô với một chút thất vọng. Cô chán nản vì bị đối xử một cách thô lỗ mà không có lý do.

Buổi tối đó cô bị đau bụng và cả đêm không ngủ được. Ngày hôm sau cô cảm thấy quá yếu để đi ra ngoài, và cô nằm cả ngày trong giường. Qua cánh cửa sổ, mùi hôi từ dòng sông, mùi rượu tràn ra và dầu nấu ăn xông lên. Vào ngày hôm sau đứa bé bị bệnh.

Tiếng khóc của nó đánh thức cô dậy. Nó không phải là một tiếng khóc mạnh mẽ, đòi hỏi bình thường của đứa bé mà là tiếng phàn nàn yếu ớt, đáng thương xót. Nó cũng bị đau bụng như Aliena, nhưng nó còn bị sốt. Đôi mắt màu xanh bình thường tỉnh táo của nó đã đóng chặt lại, và bàn tay nhỏ bé của nó nắm chặt thành nắm đấm. Da nó đỏ ửng và loang lổ.

Trước đó nó chẳng bao giờ bị bệnh, và Aliena không biết phải làm gì.

Cô đưa cho nó bầu sữa của cô. Nó bú mạnh một lúc, rồi lại khóc, rồi lại bú. Sữa như chảy thẳng qua người nó và dường như không cho nó sự thoải mái.

Có một người giúp việc dễ chịu ở cửa hàng ăn uống, và Aliena nhờ cô đến tu viện mua nước phép. Cô có ý định đến bác sĩ, nhưng họ luôn luôn muốn lấy máu bệnh nhân, và cô không tin rằng lấy máu sẽ tốt cho trẻ em.

Người giúp việc trở về và đem mẹ cô theo. Bà ấy đốt cháy một loại thảo dược trong một chậu sắt. Chúng tạo nên một làn khói cay dường như đánh tan đi mùi hôi của nơi này. “Đứa nhỏ sẽ khát – cô hãy cho nó bú bao nhiêu nó cần,” bà nói. “Còn cô hãy uống bao nhiêu có thể, để cô có đủ sữa. Đó là tất cả những gì cô có thể làm.”

“Đứa bé có qua khỏi không?” Aliena lo lắng hỏi.

Người đàn bà nhìn cô thông cảm. “Tôi không biết, cô yêu quý à. Khi chúng còn quá nhỏ, bạn không thể nói gì được. Thông thường chúng qua

khỏi những bệnh như thế này. Một đôi khi không. Nó là con đầu lòng của cô à?”

“Vâng.”

“Hãy nhớ rằng cô luôn luôn có thể có nhiều con hơn nữa.”

Alien nghĩ: Nhưng đây là con Jack, và tôi đã mất Jack. Cô giữ ý nghĩ ấy cho riêng cô, cảm ơn người đàn bà và trả tiền được thảo cho bà.

Khi họ đã đi, cô pha nước phép với nước thường, nhúng một khăn vào nước và đặt trên đầu em bé để là giảm cơn sốt.

Vào ngày hôm sau nó trở nên tồi tệ hơn. Aliena cho nó bú khi nó khóc. Nó bú liên tục nhưng thất thường. May mắn là cô luôn có nhiều sữa. Chính cô cũng bị bệnh và sống bằng bánh mì khô và rượu nho pha loãng. Khi thời gian trôi qua, cô trở thành chán ghét căn phòng cô đang ở, với tường hoen ố, nền nhà thô, cửa lệch và cửa sổ nhỏ. Trong phòng chỉ có bốn đồ nội thất: một chiếc giường ọp ẹp, một chiếc ghế ba chân, một giá treo quần áo và chân nến có ba ngạnh nhưng chỉ có một cây nến.

Khi trời tối người giúp việc đến châm nến. Cô nhìn đứa bé nằm trên giường, đập chân tay và la ai oán. “Tội nghiệp đứa bé,” cô nói. “Nó không hiểu tại sao nó lại cảm thấy khó chịu thế.”

Aliena đi từ ghế đến giường, nhưng cô vẫn giữ cây nến cháy để cô có thể thấy đứa bé. Xuyên qua đêm cả hai ngủ thất thường. Vào buổi sáng hơi thở đứa bé trở nên yếu đi, và nó không còn khóc, không còn chuyển động.

Aliena bắt đầu khóc thầm. Cô đã mất dấu vết của Jack và con cô sắp chết ở đây, ở trong một nhà toàn người lạ và trong một thành phố xa gia đình. Sẽ chẳng bao giờ còn có một Jack khác, và sẽ chẳng bao giờ có một đứa con khác. Có lẽ cô cũng sẽ chết. Điều đó có thể là tốt nhất.

Vào lúc rạng đông cô thổi cây nến và rơi vào một giấc ngủ mệt mỏi.

Một tiếng ồn ào từ tầng dưới đánh thức cô dậy. Mặt trời đã lên và bờ sông bên dưới đầy tiếng bận rộn. Đứa nhỏ hoàn toàn yên lặng, khuôn mặt nó hoàn toàn bình an. Sự sợ hãi thắt chặt tim cô. Cô sờ vào ngực nó: nó không nóng cũng không lạnh. Cô thở hỗn hển vì lo sợ. Rồi nó thở dài, run rẩy và mở mắt ra. Aliena gần ngất đi vì vui.

Cô bế nó lên và ôm nó, và nó bắt đầu khóc lớn. Nó đã khỏe lại, cô nhận ra: nhiệt độ của nó bình thường và nó không còn đau. Cô đặt nó vào ngực và nó bú một cách thèm khát. Nó bú liên tục cho đến khi không còn sữa nữa, rồi nó lại bú tiếp vú bên kia. Sau đó nó rơi vào giấc ngủ sâu, hài lòng.

Aliena nhận ra các triệu chứng của cô cũng đã hết, mặc dù cô cảm thấy mệt. Cô ngủ bên cạnh đứa bé cho đến giữa trưa, rồi cho nó ăn lần nữa; sau đó cô xuống phòng chung của quán và ăn trưa với phô mai dê và bánh mì mới với một ít thịt xông khói.

Có lẽ nước phép của Thánh Martin đã làm đứa bé bình phục. Buổi chiều hôm đó cô đến mộ thánh trong nhà thờ Thánh Martin để tạ ơn.

Trong khi cô ở trong nhà thờ lớn của tu viện, cô quan sát thợ xây đang làm việc và nghĩ về Jack, người có lẽ một ngày nào đó sẽ gặp được con cậu. Cô tự hỏi không biết cậu có thay đổi lộ trình đã định không. Có lẽ cậu đang ở Paris, khắc tượng cho một nhà thờ chính tòa ở đó. Trong khi cô nghĩ về cậu, mắt cô sáng lên vì trần nhà mới đang được các thợ xây dựng lên. Nó được chạm khắc hình của một người đang mang sức nặng của cây cột trên lưng mình. Cô thở mạnh. Cô biết ngay, không một bóng nghi ngờ rằng hình người đang quặn đau đã được trạm khắc bởi Jack. Vì thế cậu đã ở đây.

Với trái tim hồi hộp cô tiến đến gần các thợ xây. “Đòn chìa đó,” cô nói không kịp thở. “Có phải người khắc đòn chìa đó là người Anh phải không?”

Một người lao động già có chiếc mũi gãy trả lời cô. “Đúng – Jack Fitzjack đã làm nó. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy hình nào giống như thế này trong đời tôi.”

“Anh ấy ở đây khi nào?” Aliena nói. Cô nín thở trong khi ông già gỡ mái tóc hoa râm xuyên qua chiếc mũ đầy mồ.

“Phải là một năm trước đây. Cậu ấy không ở đây lâu. Người xây dựng chính không thích cậu ấy.” Ông hạ giọng: “Jack rất tốt, nếu cô muốn biết sự thật. Cậu ấy hơn cả người thợ xây chính. Vì thế cậu ấy phải ra đi.” Ông đặt một ngón tay lên miệng như dấu hiệu nên giữ bí mật.

Aliena hào hứng nói: “Cậu ấy có nói cậu ấy đi đâu không?”

Ông già nhìn đứa bé. “Nếu theo màu tóc, đứa bé này phải là con cậu ấy.”

“Vâng, đúng thế ạ.”

“Cô có nghĩ là Jack sẽ vui khi gặp cô không?”

Aliena nhận ra người lao công nghĩ Jack bỏ đi là vì cô. Cô cười. “Ô! Dĩ nhiên rồi!” cô nói. “Cậu ấy sẽ hài lòng khi gặp tôi.”

Ông nhún vai. “Cậu ấy nói cậu ấy đi đến Compostela, đi tìm kiếm cái gì xứng đáng hơn.”

“Cám ơn ông!” Aliena vui vẻ nói, và trước sự ngạc nhiên và thích thú của ông, cô hôn ông.

Tất cả những con đường hành hương từ Pháp đến Compostela đều gặp nhau ở Ostabat, chân núi Pyrenees. Nhóm hai mươi người hành hương của Aliena đã tăng thành bảy mươi người ở đó. Họ là một nhóm người đau chân nhưng vui vẻ, họ gồm một số người khá giả, một số người chạy trốn pháp luật, một vài người say rượu và rất đông các tu sĩ và giáo sĩ. Những người của Chúa đi hành hương vì lý do đạo đức, nhưng hầu hết những người khác đi vì vui thú. Họ nói đủ thứ tiếng, cả tiếng Bỉ, một người nói tiếng Đức, và một nói tiếng miền nam Pháp gọi là Oc. Tuy nhiên, họ thông cảm nhau, và khi vượt qua dãy núi Pyrenees họ ca hát, chơi trò chơi, kể truyện, và – trong một số trường hợp – có chuyện tình cảm.

Sau khi bỏ thị trấn Tours, Aliena không gặp bất cứ người nào còn nhớ về Jack. Tuy nhiên không có nhiều người hát rong trên đường cô đi qua Pháp như cô tưởng tượng. Một trong những người Bỉ hành hương, một người trước đây đã đi rồi, nói rằng sẽ có nhiều người hát rong hơn ở phía bên kia ngọn núi, phía Tây Ban Nha.

Ông ta đúng. Ở Pamplona, Aliena vui sướng tìm thấy một người hát rong nhớ lại đã nói chuyện với một người Anh trẻ có mái tóc đỏ, người đã thăm dò về bố cậu ấy.

Khi các người hành hương mỏi mệt di chuyển chậm chạp qua miền bắc Tây Ban Nha về hướng bờ biển, cô gặp nhiều người hát rong, và hầu hết mọi người còn nhớ về Jack. Cô nhận ra, với sự hứng thú, rằng hầu hết đều nói cậu trên đường đến Compostela; không ai gặp cậu quay trở lại.

Điều đó có nghĩa là cậu vẫn ở đó.

Khi thân thể cô đau hơn, tinh thần cô lại cao hơn. Vào những ngày cuối của cuộc hành trình cô không còn có thể kiềm chế được sự lạc quan của mình. Trời vào giữa mùa đông, nhưng thời tiết nhẹ nhàng và nắng. Đứa bé, bây giờ đã sáu tháng tuổi, khỏe mạnh và vui tươi. Cô chắc chắn sẽ tìm thấy Jack ở Compostela.

Họ đến đó ngày lễ Giáng Sinh.

Họ đi thẳng vào nhà thờ chính tòa và tham dự thánh lễ. Nhà thờ đầy người. Aliena đi vòng quanh đám đông, nhìn từng khuôn mặt, nhưng Jack không ở đó. Dĩ nhiên, cậu không rất mộ đạo, thực ra cậu chẳng bao giờ đến nhà thờ, ngoài việc đến đó làm việc. Khi cô tìm được chỗ ở, trời đã tối. Cô lên giường, nhưng cô không thể ngủ vì phấn khích, biết rằng Jack có lẽ chỉ ở cách chỗ cô nằm có mấy bước chân, và ngày mai cô sẽ gặp cậu, hôn cậu và chỉ cho cậu đứa con của cậu.

Cô thức dậy khi ánh mặt trời vừa lên. Đứa nhỏ hầu như cảm nhận được sự sốt ruột của cô, nó bú không thường xuyên, cắn núm vú cô bằng nướu răng. Cô tắm rửa cho nó nhanh chóng, rồi đi ra, mang nó dưới cánh tay.

Trên đường đi đầy bụi bặm cô chờ đợi có thể gặp Jack ở mọi góc phố. Cậu sẽ ngạc nhiên như thế nào khi gặp cô? Cậu sẽ vui như thế nào? Tuy nhiên cô đã không gặp cậu trên phố, vì thế cô bắt đầu hỏi thăm về cậu trong các nhà nghỉ. Khi dân chúng đi làm lại, cô đến các công trường xây dựng và nói chuyện với các thợ xây. Cô biết hai chữ thợ xây và tóc đỏ bằng tiếng địa phương Castilian, vì thế cô có thể hỏi thăm được; nhưng cô không tìm được dấu vết nào của Jack. Cô bắt đầu lo lắng. Chắc chắn nhiều người biết cậu. Cậu không phải là người mà người khác không chú ý đến, và chắc chắn cậu phải sống ở đây ít nhất vài tháng. Cô chú ý đến nét chạm khắc đặc biệt của cậu, nhưng cô không thấy gì.

Vào khoảng giữa sáng cô gặp một đàn bà trung niên mập, chủ một quán ăn, người nói tiếng Pháp và còn nhớ Jack.

“Một chàng đẹp trai - cậu ấy là của cô?” Không có cô gái nào ở đây lọt được vào mắt cậu ấy. Cậu ở đây vào giữa mùa hè, nhưng đáng tiếc cậu không ở đây lâu. Cậu cũng không nói cậu đi đâu. Tôi thích cậu ấy. Nếu cô tìm được cậu ấy, cho tôi gửi cậu ấy nụ hôn của tôi.”

Aliena trở lại chỗ ở của cô và nằm trên giường, nhìn lên trần nhà. Đứa bé khóc, nhưng cô lơ đi. Cô mệt mỏi, thất vọng và nhớ nhà. Nó không công bằng: cô đã đi tìm cậu suốt cả con đường đến Compostela, nhưng cậu lại đi nơi khác.

Cậu không trở lại con đường qua rặng núi Pyrenees, và phía tây Compostela không có gì cho cậu ở lại, bởi vì ở đó chỉ có một bờ biển và một đại dương rộng đến bên kia thế giới. Jack phải đi về miền Nam. Cô lại phải lên đường trên lưng con ngựa cái màu xám của mình, với đứa bé trên tay, đi vào trung tâm của Tây Ban Nha.

Cô tự hỏi còn bao xa nữa cuộc hành hương của cô mới chấm dứt.

Jack trải qua ngày Giáng Sinh với bạn cậu, Raschid Alhaoun, ở Toledo. Raschid là một người được rửa tội theo Saracen và nhập khẩu gia vị từ phương Đông, đặc biệt là tiêu. Họ gặp nhau tại thánh lễ ban trưa ở nhà thờ chính tòa và sau đó tản bộ trong ánh nắng ấm mùa đông xuyên qua những con đường hẹp và khu chợ đầy hương vị đến khu giàu có.

Nhà Raschid được làm bằng đá trắng và xây quanh một sân có giếng nước ở giữa. Mái vòm mát mẻ nhắc Jack nhớ đến hành lang tu viện Kingsbridge. Ở nước Anh mái vòm bảo vệ gió và mưa, nhưng ở đây chúng làm giảm sức nóng của mặt trời.

Raschid và khách của ông ngồi trên gối nệm trên nền nhà và ăn ở một bàn thấp. Những người đàn ông được phục vụ bởi các bà vợ, các con gái và các cô gái phục vụ mà nhiệm vụ của họ trong nhà không rõ ràng: Là một Kitô hữu, Raschid chỉ có một vợ, nhưng Jack đoán rằng ông hoàn toàn bỏ qua sự không chấp thuận của giáo hội về việc có vợ lẽ.

Các phụ nữ tỏ lộ sự hiếu khách trong gia đình Raschid. Tất cả họ đều đẹp. Vợ ông là một phụ nữ duyên dáng như bức tượng với làn da nâu sậm mịn màng, mái tóc đen bóng và đôi mắt nâu, và các con gái ông là các phiên bản mỏng hơn cùng loại. Ông có ba con gái. Người con gái lớn nhất đã hứa hôn với một khách cùng ăn trưa, con trai của một thương gia lụa trong thành phố. “Raya của tôi là người con gái hoàn hảo,” Raschid nói khi cô đi quanh bàn với một bát nước thơm cho khách rửa tay. “Cô ấy chu đáo,

ngoan ngoan và xinh đẹp. Josef là người may mắn.” Người thanh niên cúi đầu tỏ lòng biết ơn về sự may mắn của cậu.

Người con gái thứ hai tự hào, thậm chí tự kiêu. Cô dường như tức giận vì những lời khen ngợi dành cho chị mình. Cô nhìn Jack khi cô đổ một loại nước uống từ chiếc bình bằng đồng vào ly của cậu.

“Cái gì vậy?” cậu hỏi.

“Rượu rau húng,” cô khinh khỉnh nói. Cô không thích cậu vì cô là con của một người danh giá mà cậu chỉ là một kẻ lang thang không tiền.

Jack thích nhất Aysha, người con gái thứ ba. Trong ba tháng cậu ở đây, cậu đã biết nhiều về cô. Cô chắc mười lăm mười sáu tuổi, nhỏ và sống động, luôn tươi cười. Mặc dù cô nhỏ hơn cậu ba bốn tuổi, cô trông không còn như trẻ con. Cô có trí thông minh nhạy bén và luôn tìm tòi. Cô hỏi cậu không ngừng về nước Anh và cách sống ở đó. Cô thường khôi hài về cách cư xử trong xã hội ở Toledo – tính chất đua đòi của người Ả Rập, sự khó tính của người Do Thái, và khiếu thiếu thẩm mỹ của người Ki Tô hữu mới giàu có. Mặc dù cô trẻ nhất, cô tỏ ra thoải mái nhất trong ba người: giả sử như cách cô nhìn Jack, khi cô nghiêng người về phía cậu để đặt đĩa tôm cay lên bàn mà không tỏ lộ tính nết phóng túng. Cô gặp ánh mắt cậu và nói “Rượu rau húng”, bắt chước hoàn hảo về thái độ kiêu kỳ của chị gái, và Jack cười khúc khích. Khi cậu ở bên Aysha, cậu có thể quên được Aliena.

Nhưng khi cậu rời căn nhà này, Aliena lại ở trong tâm trí cậu như thể cậu mới rời cô ngày hôm qua. Ký ức về cô vẫn sống động đau đớn, mặc dù cậu đã không gặp cô từ một năm nay. Cậu có thể gợi lại bất cứ biểu hiện nào của cô mà cậu muốn: cười nói, trầm tư, nghi ngờ, sợ hãi, vui vẻ hay ngạc nhiên, và – rõ nhất trong tất cả - đam mê. Cậu không quên gì về thân thể cô, và cậu vẫn còn có thể nhìn thấy đường cong của ngực cô, cảm thấy làn da mềm mại trong đùi cô, hương vị nụ hôn cô, và mùi kích thích của cô. Cậu mơ ước về cô.

Để cho lòng mình đỡ khao khát về cô, một đôi khi cậu tưởng tượng Aliena đang phải làm gì. Trong trí cậu, vào cuối ngày cô đang cởi giày cho Alfred, ngồi ăn với cậu ấy, hôn và làm tình với cậu ấy, và cho một đứa bé

trông giống hệt như Alfred bú. Những tưởng tượng này làm cậu đau đớn nhưng không ngăn được cậu khao khát cô.

Hôm nay, ngày lễ Giáng Sinh, Aliena sẽ nướng một con thiên nga và dùng lông nó trang trí bàn ăn, sẽ có rượu được pha từ bia, trứng, sữa và nho xạ. Đồ ăn trước mặt Jack cũng không khác gì. Có đĩa thịt cừu với gia vị lạ, cơm trộn với hạt dẻ và xà lách trộn với nước chanh và dầu ô liu. Jack đã cần một thời gian để làm quen với đồ ăn của Tây Ban Nha. Những thứ mà ở Anh phải có trong những ngày lễ lớn như một khúc thịt bò, một chân heo hoặc một đùi nai, lại không có ở đây cũng như không có miếng bánh mì dày. Họ không có những đồng cỏ tươi tốt để chăn thả đàn bò, cũng không có những mảnh đất tốt cho những cánh đồng lúa mì. Với số lượng thịt ít ỏi họ đã nấu nó theo trí tưởng tượng với vô số gia vị, và thay vì bánh mì phổ biến ở Anh họ có nhiều rau và trái cây.

Jack sống với một nhóm các giáo sĩ người Anh ở Toledo. Họ thuộc một cộng đoàn quốc tế các học giả bao gồm Do Thái, Hồi giáo và Ki Tô giáo Ả Rập. Người Anh dịch những tác phẩm về toán học từ tiếng Ả Rập sang Latin để các Ki Tô hữu có thể đọc được. Họ phấn khích khám phá ra kho tàng uyên thâm của Ả Rập và tình cờ chào đón Jack như một sinh viên: họ nhận vào nhóm bất cứ ai hiểu công việc họ đang làm và chia sẻ lòng nhiệt tình trong công việc của họ. Họ giống như những nông dân đã làm việc khó nhọc nhiều năm trên mảnh đất khô cằn và bất ngờ di chuyển đến một thung lũng phù sa phong phú. Jack bỏ bê việc xây dựng và nghiên cứu toán học. Cậu chưa cần đi làm để kiếm tiền: các giáo sĩ cung cấp cho cậu một chiếc giường và mọi bữa ăn cậu cần, và họ cũng sẽ cung cấp cho cậu một áo mới và đôi dép nếu cậu cần.

Raschid là một trong những ân nhân của họ. Là một nhà kinh doanh quốc tế ông có thể nói nhiều thứ tiếng và thái độ của ông cởi mở. Ở nhà ông nói tiếng Castilian, ngôn ngữ của Ki Tô hữu Tây Ban Nha, thay vì Mozarabic như thông thường. Tất cả mọi người trong nhà ông đều nói tiếng Pháp, ngôn ngữ của người Norman, những nhà kinh doanh quan trọng. Mặc dù ông là người của thương mại, ông có một trí thông minh tốt và ham học hỏi trên lãnh vực rộng. Ông thích nói chuyện với các học giả về những lý

thuyết của họ. Ông đã chú ý đến Jack ngay lập tức và Jack ăn ở nhà ông nhiều lần trong tuần.

Bây giờ, khi họ bắt đầu ăn, Raschid hỏi Jack: “Các nhà triết học đã dạy chúng ta điều gì trong tuần này?”

“Tôi đã đọc Euclid.” Các yếu tố của hình học của tác giả Euclid là cuốn sách đầu tiên được dịch.

“Euclid là một tên buồn cười đối với người Ả Rập,” Ismail, em của Raschid nói.

“Ông ấy là người Hy Lạp,” Jack giải thích. “Ông sống trước trước thời Chúa Giê Su. Người Roma đã thất lạc công trình của ông, nhưng người Ai Cập còn giữ được – vì thế chúng ta có bản tiếng Ả Rập.”

“Và bây giờ người Anh dịch nó sang tiếng Latin!” Raschid nói. “Điều đó làm tôi buồn cười.”

“Nhưng cậu đã học được gì?” Josef, người hôn phu của Raya hỏi.

Jack do dự. Nó khó có thể cắt nghĩa. Cậu cố gắng cắt nghĩa cho dễ hiểu. “Bố dưỡng tôi, một thợ xây dựng, đã dạy tôi cách ứng dụng trong toán học: làm sao để chia đôi một đường thẳng chính xác ở giữa, làm sao để vẽ một góc bên phải, và làm sao để vẽ một hình vuông bên trong một hình vuông khác để hình vuông nhỏ có diện tích bằng nửa hình vuông lớn.”

“Mục đích của kỹ năng đó là gì?” Josef cắt ngang. Trong giọng ông có một chút khinh miệt. Ông coi Jack như một người mới nổi và ghen tức vì Raschid quá quan tâm tới cuộc nói chuyện của Jack.

“Sự tính toán này là căn bản trong việc thiết kế xây dựng,” Jack vui vẻ trả lời, làm như không để ý đến giọng nói của Josef. “Hãy nhìn vào sân này. Diện tích của đường đi có mái che tương ứng hoàn toàn với khoảng trống ở giữa sân. Hầu hết các sân vườn trong đều xây như thế, ngay cả hành lang của các tu viện, bởi vì tỷ lệ này đẹp mắt. Nếu khoảng trống ở giữa lớn hơn, nó trông giống như khu chợ, và nếu nó nhỏ hơn, nó trông như một lỗ trong mái nhà. Nhưng để cho nó chính xác, người thợ xây phải có khả năng vẽ khoảng trống ở giữa chính xác là nửa diện tích của toàn thể khu vực.”

“Tôi chưa bao giờ biết điều đó!” Raschid thích chí nói. Ông không thích gì hơn là học thêm cái mới.

“Euclid cắt nghĩa tại sao cách này lại chính xác,” Jack tiếp tục. “Thí dụ như hai phần của một đường thẳng bằng nhau bởi vì chúng tạo nên hai cạnh tương ứng của một tam giác đều.”

“Đều?” Raschid truy vấn.

“Nó có nghĩa là chính xác giống nhau.”

“À, tôi hiểu.”

Tuy nhiên, không ai khác đã làm điều đó, Jack có thể nói.

Josef nói: “Nhưng cậu cũng có thể thực hiện các phương pháp toán học này trước khi đọc Euclid – vì thế mà tôi không thấy bây giờ cậu giỏi hơn.”

Raschid phản đối: “Một người luôn luôn tốt hơn khi hiểu biết một cái gì đó đến nơi đến chốn.”

Jack nói: “Bên cạnh đó, bây giờ khi hiểu nguyên tắc toán học, tôi có thể đưa ra giải pháp cho những vấn đề mà dượng tôi bối rối.” Cậu cảm thấy thất vọng trong cuộc trò chuyện: Euclid đối với cậu như ánh sáng của một mặt trời, nhưng cậu không thể làm cho những người hiện diện hiểu được sự khám phá hấp dẫn quan trọng này. Cậu thay đổi một chút chiến thuật. “Sự hấp dẫn nhất là phương pháp của Euclid,” cậu nói. “Ông ấy lấy năm tiên đề - đó là những sự thật hiển nhiên mà không cần chứng minh – và từ đó suy luận ra mọi thứ khác.

“Hãy chỉ cho tôi một tiên đề làm thí dụ,” Raschid nói.

“Một đường thẳng có thể kéo dài đến vô tận.”

“Không, nó không thể,” Aysha nói trong khi cô đưa đĩa sung cho từng người.

Các khách hơi giật mình khi nghe cô gái tham gia vào tranh luận, nhưng Raschid cười khoan dung: Aysha là con gái cưng của ông. “Và tại sao không?” ông hỏi.

“Một lúc nào đó nó phải chấm dứt,” cô nói.

Jack nói: “Nhưng trong trí tưởng tượng của cô nó có thể kéo dài đến vô tận.”

“Trong trí tưởng tượng của tôi, nước có thể chảy lên đồi và con chó có thể nói tiếng Latin,” cô vặn lại.

Mẹ cô vào phòng và nghe cô đáp lại như thế. “Aysha!” bà nói bằng giọng đanh thép. “Đi ra ngoài!”

Tất cả mọi người cười. Aysha cau mày và đi ra. Bố của Josef nói: “Ai cưới cô ta sẽ có đủ việc để làm.” Họ lại cười. Jack cũng cười theo; rồi cậu nhận ra mọi người nhìn cậu như thể lời nói đùa đó ám chỉ về cậu.

Sau bữa ăn trưa, Raschid đem khoe bộ sưu tập về đồ chơi cơ khí của ông. Ông có một thùng, trong đó người ta có thể pha nước với rượu và chúng chảy ra thành hai thành phần riêng; một đồng hồ chạy bằng nước chỉ giờ giấc trong ngày một cách chính xác; một cái bình có thể tự đổ đầy nhưng không bao giờ tràn ra; và bức tượng một người phụ nữ nhỏ bằng gỗ với đôi mắt làm bằng một loại tinh thể hấp thu nước trong không khí ẩm áp ban ngày và lại thải ra trong cái lạnh vào ban tối, vì thế mà bức tượng trông như đang khóc. Jack chia sẻ niềm đam mê của Raschid về những đồ chơi này, nhưng cậu bị hấp dẫn nhất về bức tượng khóc. Những kỹ thuật của những đồ chơi kia có thể cắt nghĩa, nhưng không ai có thể hiểu tại sao bức tượng lại khóc.

Vào buổi tối họ ngồi chung với nhau dưới đường đi mái vòm xung quanh sân vườn, chơi trò chơi, vẽ lãng nhăng hay nói chuyện vu vơ. Jack ước muốn được có một gia đình lớn như thế này, với chị em, chú bác và dâu rể, và một căn nhà gia đình mà mọi người có thể đến thăm, và một vị trí được mọi người trong thị trấn tôn trọng. Bất ngờ cậu nhớ lại cuộc nói chuyện với mẹ đêm hôm đó khi bà giải cứu cậu khỏi phòng giam trong tu viện. Cậu đã hỏi bà về những người thân của bố cậu, và bà đã nói:

vâng, ông có một gia đình lớn ở Pháp. Tôi có một gia đình lớn như thế này, ở đâu đó, Jack nhận ra. Anh chị em của bố tôi là chú dì cô bác của tôi. Tôi phải có các anh chị em họ và tôi tự hỏi không biết tôi có tìm được họ không?

Cậu cảm thấy như chiếc lá trôi dạt trên sông. Cậu có thể sống còn ở mọi nơi nhưng cậu không thuộc về đâu. Cậu đã là một thợ khắc đá, một thợ xây, một tu sĩ và một nhà toán học, nhưng cậu không biết Jack thực sự là gì? Một đôi khi cậu tự hỏi có nên trở thành người hát rong như bố cậu hay sống lang thang ngoài vòng pháp luật như mẹ cậu không. Cậu đã mười chín tuổi,

không có nhà cửa và không nguồn gốc, không gia đình và mục đích trong cuộc sống.

Cậu chơi cờ với Josef và thắng; rồi Raschid đến và nói: “Cho tôi mượn chiếc ghế, Josef – Tôi muốn nghe nhiều hơn về Euclid.”

Josef ngoan ngoãn nhường ghế cho bố vợ tương lai, rồi đi – tất cả những gì cậu ấy muốn biết về Euclid, cậu ấy đã nghe. Raschid ngồi xuống và nói với Jack: “Cậu có hài lòng không?”

“Lòng hiếu khách của ông thật rộng rãi,” Jack nói một cách trôi chảy. Cậu đã học cách xã giao lịch sự ở Toledo.

“Cảm ơn! Nhưng ý tôi muốn nói về Euclid.”

“Vâng. Tôi không nghĩ tôi thành công trong việc giải thích những điều quan trọng trong sách này. Ông thấy –“

“Tôi hiểu,” Raschid nói. “Giống như cậu, tôi thích sự hiểu biết chỉ vì tôi thích.”

“Vâng.”

“Ngay cả như thế, mỗi người cũng phải tìm cách sống.”

Jack không hiểu gì trong lời nhận xét đó vì thế cậu đợi Raschid nói thêm. Tuy nhiên, Raschid ngồi dựa lưng vào ghế, đôi mắt nhắm lại, dường như để hưởng sự yên lặng giữa hai người. Jack tự hỏi không biết có phải Raschid trách móc cậu vì cậu đã không tham gia thương mại không. Cuối cùng Jack nói: “Tôi mong một ngày nào đó tôi sẽ trở lại với việc xây dựng.”

“Tốt.”

Jack mỉm cười. “Khi tôi rời Kingsbridge trên lưng ngựa của mẹ tôi, với công cụ của dựng trong túi đeo trên vai, tôi nghĩ chỉ có một cách để xây dựng nhà thờ: tường dày với mái vòm xung quanh và những cửa sổ nhỏ, bên trên là mái trần bằng gỗ hay mái vòm bằng đá. Những nhà thờ chính tòa tôi thấy trên đường từ Kingsbridge tới Southampton không dạy tôi gì khác. Nhưng Normandy đã thay đổi đời sống của tôi.”

“Tôi có thể hình dung được,” Raschid ngái ngủ nói. Ông không quan tâm lắm, vì thế Jack gợi nhớ lại những ngày đó trong thinh lặng. Một vài giờ sau khi đến Honfleur, cậu đã nhìn ngắm nhà thờ tu viện ở Jumièges. Nó là nhà thờ cao nhất mà cậu nhìn thấy, mặc dù như thế nó vẫn có những đường

mái vòm thông thường và trần gỗ - ngoại trừ trong nhà họp, nơi viện phụ Urso xây một mái trần bằng đá mang tính cách mạng. Thay vì những hàng gạch phẳng, đều đặn hoặc mái vòm nhọn gập, mái trần này có đường xương sườn chạy từ đỉnh các cột trụ và gặp nhau ở đỉnh mái nhà. Đường xương sườn này dày và mạnh mẽ, và phần tam giác trên trần giữa các xương sườn mỏng và nhẹ nhàng. Vị tu sĩ phụ trách tu viện cắt nghĩa cho Jack rằng nó rất dễ xây: các xương sườn được dựng trước và phần giữa làm rất đơn giản. Loại mái vòm này nhẹ hơn. Vị tu sĩ hy vọng nghe Jack nói về những cải tiến kỹ thuật ở Anh, và Jack đã làm ông thất vọng. Tuy nhiên, sự cảm kích của Jack về mái vòm với đường xương sườn làm vị tu sĩ hài lòng, và ông nói với Jack rằng một nhà thờ ở Lessay, không xa đó, có toàn bộ mái vòm với đường xương sườn.

Ngày hôm sau Jack đến Lessay và dùng cả buổi chiều nhìn ngắm mái vòm trong nhà thờ. Điểm nổi bật của nó là gì? Sau đó cậu đi đến kết luận là những đường xương sườn, đi từ đỉnh mái xuống đầu các cột trụ, tạo nên vẻ như thể trọng lượng của mái được chống đỡ bởi những thành phần mạnh nhất. Đường xương sườn tỏ lộ rõ ràng logic của kiến trúc.

Jack du hành về hướng nam, tới vùng Anjou, và tìm được việc sửa sang lại nhà thờ tu viện ở Tours. Cậu không gặp khó khăn trong việc thuyết phục người xây dựng chính cho cậu thử việc. Công cụ cậu mang theo chứng tỏ cậu là một thợ xây, và sau một ngày làm việc ông ấy biết cậu là người thợ giỏi. Lời tự hào của cậu khi nói với Aliena rằng, cậu có thể tìm được việc ở mọi nơi trên thế giới, không phải là những lời rỗng tuếch.

Trong số công cụ cậu đã thừa hưởng được từ Tom có cái thước chân. Chỉ có các thợ xây dựng chính mới có nó, và khi những người khác khám phá ra Jack có nó, họ hỏi cậu làm sao cậu có thể trở thành thợ xây dựng chính ở lứa tuổi còn trẻ như thế. Lúc đầu cậu muốn giải thích cậu không phải, nhưng rồi cậu quyết định tự nhận mình là thợ xây dựng chính. Thực ra trong khi là một tập sinh, cậu đã điều hành công trình xây dựng ở Kingsbridge và cậu có thể vẽ dự án tốt như Tom. Nhưng người xây dựng chính mà cậu đang làm việc cảm thấy khó chịu khi ông khám phá ra đã thuê một đối thủ đáng sợ. Một ngày nọ cậu đề nghị một sự thay đổi với tu sĩ

phụ trách việc xây dựng, và vẽ những gì cậu nghĩ trên đất. Đó là khởi đầu của những rắc rối. Nhà xây dựng chính nghĩ rằng Jack muốn thay thế ông. Ông bắt đầu tìm lỗi ở Jack và giao cho cậu những công việc cắt đá nhằm chán.

Chẳng bao lâu sau Jack lại lên đường. Cậu đến tu viện ở Cluny, nhà mẹ chính của một dòng tu phát triển khắp các vùng Ki Tô giáo. Đó là dòng Cluniac, một dòng tu khởi xướng và thúc đẩy những cuộc hành hương đến mộ Thánh Gia Cô Bê ở Compostela. Dọc theo con đường đến Compostela có những ngôi nhà thờ cung hiến cho Thánh Gia Cô Bê và những tu viện của dòng Cluniac để chăm sóc cho khách hành hương. Khi bố Jack còn là một người hát rong trên đường hành hương, có lẽ ông đã thăm Cluny.

Tuy nhiên, ông đã không đến đó. Không có người hát rong nào ở Cluny. Jack không biết thêm gì về bố cậu ở đó.

Mặc dù như vậy, cuộc hành trình đến đó không phải là lãng phí. Cho đến khi bước vào nhà thờ tu viện Cluny, tất cả mái vòm cậu đã thấy đều có hình bán nguyệt; và mỗi mái vòm là một đường hầm, giống như một hàng những mái vòm tròn xếp lại với nhau, hay thành vòm nhọn, giống như một khúc nối nơi hai đường hầm gặp nhau. Mái vòm ở Cluny không có hình bán nguyệt.

Chúng vươn lên đến một điểm.

Có những mái vòm nhọn trong những đường đi lớn có mái những mái vòm của gian phụ tạo nên mái vòm nhọn; và – điều đáng ngạc nhiên nhất – mái trần ở gian chính chỉ có thể được miêu tả như một tổng thể mái vòm nhọn. Jack đã học rằng một vòng tròn luôn mạnh mẽ vì chúng hoàn hảo, và một mái vòm tròn chắc chắn vì chúng là một phần của vòm tròn. Cậu đã nghĩ mái vòm nhọn sẽ yếu. Thực tế, các tu sĩ nói với cậu rằng, mái vòm nhọn chắc chắn hơn mái vòm tròn cũ. Nhà thờ ở Cluny dường như đã chứng minh điều đó, bởi vì mặc dù trọng lượng nặng của mái vòm nhọn lên đến đỉnh, mái vòm vẫn rất cao.

Jack đã không ở lại lâu ở Cluny. Cậu tiếp tục đi về hướng nam, theo đường hành hương, ngừng lại nơi nào cậu muốn. Vào đầu mùa hè có nhiều người hát rong trên đường trong các thị trấn lớn hay gần các tu viện

Cluniac. Họ kể lại các câu truyện bằng thơ cho đám đông khách hành hương trước cửa nhà thờ và đền thánh, một đôi khi kèm theo tiếng đàn vĩ cầm, như cách mà Aliena đã kể cho cậu. Jack đến gặp từng người và hỏi họ có biết về Jack Shareburg. Tất cả họ đều nói không.

Các nhà thờ mà cậu thấy trên đường xuyên qua tây nam nước Pháp và miền bắc Tây Ban Nha tiếp tục làm cậu mê hoặc. Tất cả chúng đều cao hơn nhà thờ chính tòa ở Anh. Một vài ngôi có mái vòm dài. Các dải mái kéo từ đầu cột này qua đầu cột khác ngang qua vòm nhà thờ tạo cơ hội cho mái vòm được xây từng phần, gian này rồi đến gian khác, thay vì xây tất cả một lúc. Chúng cũng làm cho bộ mặt của nhà thờ thay đổi. Qua sự nhấn mạnh vào sự phân chia giữa các gian, chúng tỏ ra rằng tòa nhà là một loạt các đơn vị đồng nhất, giống như một ổ bánh cắt lát; và nó tạo ấn tượng về trật tự và logic trong khoảng không gian bên trong rộng lớn.

Cậu đến Compostela vào giữa mùa hè. Cậu đã không biết rằng trên thế giới có những vùng nóng như thế. Santiago là một nhà thờ tuyệt đẹp, cao và gian giữa, vẫn còn đang xây dựng, có một mái vòm dài ngang. Từ đó cậu đi xa xuống miền nam.

Vương quốc Tây Ban Nha ở dưới sự cai trị của người Saracen một thời gian dài; thực vậy, hầu hết miền nam của Toledo bị ảnh hưởng của Hồi giáo. Hình dáng kiến trúc của Saracen thu hút Jack: cao ráo, bên trong mát mẻ, đường đi có mái vòm, những công trình bằng đá trắng trong ánh sáng mặt trời. Nhưng sự hấp dẫn nhất là sự khám phá ra rằng, cả mái vòm nhọn lẫn mái vòm có đường xương sườn đều có trong kiến trúc Hồi giáo. Có lẽ từ đây người Pháp đã lấy ý tưởng mới cho công trình kiến trúc của họ.

Có thể cậu sẽ chẳng bao giờ làm việc ở một nhà thờ khác giống như nhà thờ chính tòa Kingsbridge, cậu nghĩ như vậy khi cậu ngồi ở Tây ban Nha vào một buổi chiều ấm áp, mơ hồ lắng nghe tiếng cười của các phụ nữ ở đâu đó trong căn nhà lớn mát lạnh. Cậu vẫn còn muốn xây nhà thờ đẹp nhất thế giới, nhưng nó không phải là một kiến trúc trông giống như pháo đài đồ sộ, chắc chắn. Cậu muốn sử dụng kỹ thuật mới, mái vòm nhọn có xương sườn. Tuy nhiên cậu không muốn xây giống như những gì cậu đã nhìn thấy. Cho đến lúc này không có nhà thờ nào đã sử dụng hết các kỹ thuật mới.

Hình ảnh của ngôi nhà thờ hình thành trong trí cậu. Các chi tiết còn mơ hồ nhưng tổng thể đã rõ ràng: nó là một tòa nhà rộng rãi, thoáng mát, với ánh sáng mặt trời xuyên qua các cửa sổ lớn, và một vòm cao dường như vươn tới trời.

“Josef và Raya cần một căn nhà,” Raschid bất ngờ nói. “Nếu cậu xây nó, nhiều người sẽ làm theo.” Jack giật mình. Cậu chưa bao giờ nghĩ về việc xây nhà.

“Ông nghĩ rằng họ muốn tôi xây nhà cho họ?” cậu hỏi.

“Họ có thể muốn.”

Một sự yên lặng dài, trong khi đó Jack nghĩ về đời sống như một người xây nhà cho các thương gia giàu có ở Toledo.

Sau cùng Raschid dường như tỉnh thức. Ông ngồi thẳng lên và mở rộng mắt. “Tôi thích cậu, Jack,” ông nói. “Cậu là một người trung thực, và nói chuyện với cậu giá trị hơn là nói với hầu hết những người tôi đã gặp. Tôi hy vọng chúng ta luôn luôn là bạn.”

“Tôi cũng hy vọng như vậy,” Jack nói, một chút ngạc nhiên về lời khen bất ngờ này.

“Tôi là một Ki Tô hữu, vì thế tôi không giữ những phụ nữ của tôi, như một vài anh em Hồi giáo của tôi. Mặt khác tôi là người Ả Rập; điều đó có nghĩa là tôi không cho họ hoàn toàn... xin lỗi, cho phép họ như các đàn bà khác. Tôi cho phép họ được gặp và nói chuyện với các khách đàn ông khác ở nhà. Ngay cả tôi cho phép tình bạn phát triển. Nhưng vào thời điểm, khi tình bạn bắt đầu thành một cái gì khác – như nó thường xảy ra cho các người trẻ - thì tôi chờ đợi người đàn ông có một thái độ chính thức. Còn những chuyện khác là một điều xúc phạm.”

“Dĩ nhiên,” Jack nói.

“Tôi biết cậu đã hiểu.” Raschid đứng lên và đặt một bàn tay trau mển lên vai Jack. “Tôi không được may mắn có được một người con trai; nhưng nếu tôi có, tôi nghĩ đứa con trai của tôi sẽ giống cậu.”

Một cách bốc đồng, Jack nói: “Nhưng đen hơn, tôi nghĩ.”

Raschid nhìn một lúc về xa xăm, rồi ông cười to, làm những người khác ở quanh sân giật mình. “Đúng!” ông vui vẻ nói. “Đen hơn!” và ông đi vào

nhà, vẫn còn cười.

Các vị khách lớn tuổi bắt đầu ra về. Jack ngồi một mình khi trời trở lạnh, suy nghĩ về những gì cậu vừa nghe. Cậu được đề nghị một hợp đồng, điều đó không có gì đáng nghi ngờ. Nếu cậu kết hôn với Aysha, Raschid sẽ lặn xê cậu thành thợ xây nhà cho các gia đình giàu có ở Toledo. Nó cũng là một cảnh báo: nếu cậu không muốn cưới cô, cậu phải tránh xa. Người Tây Ban Nha đối xử tệ hơn người Anh, nhưng khi cần thiết họ cũng có thể rõ ràng.

Khi Jack suy nghĩ về hoàn cảnh của cậu, một đôi khi cậu thấy không thể tin được. Đó có phải là tôi? Cậu nghĩ. Có phải đây là Jack Jackson, đứa con rơi của một người đã bị treo cổ, được nuôi nấng trong rừng, được học nghề xây, và trốn thoát khỏi tu viện? Có phải thực sự nhà kinh doanh giàu có Ả Rập sẵn sàng gả con gái xinh đẹp của ông cho tôi, cộng thêm một đời sống bảo đảm như một thợ xây trong thành phố mát mẻ này? Nó nghe như một giấc mơ. Và tôi cũng thích cô gái ấy.

Mặt trời đã xuống và sân vườn chìm trong bóng tối. Chỉ còn hai người ở lại trong hành lang – cậu và Josef. Cậu đang tự hỏi không biết tình trạng này có được sắp xếp trước không thì Raya và Aysha xuất hiện, chứng tỏ rằng nó đã được xếp đặt. Mặc dù về lý thuyết sự quan hệ thể lý giữa phụ nữ và thanh niên bị nghiêm cấm, mẹ của họ cũng biết chính xác điều gì xảy ra, và Raschid có lẽ cũng biết nữa. Họ cho hai người yêu nhau một vài khoảnh khắc riêng tư; rồi, trước khi họ có giờ để làm điều gì nghiêm trọng, bà mẹ sẽ đi ra vườn, giả vờ như bị xúc phạm và ra lệnh cho người con gái đi vào nhà.

Ở phía bên kia khu vườn, Raya và Josef hôn nhau. Jack đứng khi Aysha đến gần. Cô mặc một áo dài trắng bằng vải bông Ai Cập, một loại vải mà trước khi đến Tây Ban Nha cậu chưa biết đến. Mềm mại hơn len và mịn hơn lụa, nó bám vào người Aaysha khi cô di chuyển, và màu trắng của nó rực lên trong ánh hoàng hôn. Đôi mắt nâu của cô trông gần như đen. Cô đứng gần cậu, mỉm cười ranh mãnh. “Ông ấy đã nói gì với anh?” cô hỏi.

Jack đoán ý cô muốn nói về bố cô. “Ông ấy đề nghị cho tôi trở thành thợ xây nhà.”

“Của hồi môn chỉ có thế sao?” cô nói khinh bỉ. “Tôi không tin. Ít nhất ông ta phải hứa cho anh tiền bạc.”

Cô không kiên nhẫn với truyền thống không nói thẳng của người Saracen. Jack gượng gạo quan sát. Cậu cảm thấy sự cởi mở của cô dễ chịu. “Tôi không nghĩ tôi muốn xây nhà,” cậu nói.

Bất ngờ cô trở nên trang nghiêm. “Anh có thích tôi không?”

“Cô biết tôi thích cô.”

Cô tiến lên một bước, ngẩng mặt lên, nhắm mắt lại, kiễng trên ngón chân và hôn cậu. Cô thơm mùi xạ hương và long diên hương. Cô mở môi, và lưỡi cô đùa nghịch giữa đôi môi cậu. Tay cậu tự động ôm choàng lấy cô. Cậu để bàn tay trên eo cô. Vải bông rất nhẹ; nó gần như chạm vào da trần của cô. Cô nắm lấy tay cậu và đưa nó lên ngực cô. Thân cô gầy và săn chắc, ngực cô phẳng như một ngọn đồi nhỏ chắc chắn với một đầu nhọn nhỏ cứng. Ngực cô phập phồng như thể cô bị kích thích. Jack kinh hoàng nhận ra tay cô di chuyển giữa chân cậu. Cậu siết chặt núm vú cô giữa các ngón tay. Cô thở há hốc miệng, tách xa cậu, và thở hỗn hển. Cậu buông tay.

“Anh làm em đau?” cậu thì thầm.

“Không!” cô nói.

Cậu nghĩ về Aliena và cảm thấy có lỗi; vì cậu nhận ra đó là ngu ngốc. Tại sao cậu lại cảm thấy mình phản bội một người đàn bà khi họ đã cưới một người đàn ông khác? Aysha nhìn cậu một lúc lâu. Trời đã tối, nhưng cậu có thể nhìn thấy khuôn mặt cô đầy khao khát. Cô cầm tay cậu lên và đặt nó lại lên ngực cô. “Làm như trước, nhưng mạnh hơn,” cô khẩn trương nói.

Cậu thấy núm vú của cô và cúi xuống hôn cô, nhưng cô ngoảnh đầu lại và nhìn vào mặt cậu trong khi cậu vuốt ve cô. Cậu bóp núm vú cô nhẹ nhàng, rồi, ngoan ngoãn, bóp nó mạnh hơn. Cô cong lưng, vì thế ngực phẳng của cô nhô ra và núm vú của cô như một điểm nhỏ cứng nhô ra khỏi áo. Jack cúi đầu xuống ngực cô. Môi cậu xoắn lấy núm vú xuyên qua lớp vải. Rồi, bất đồng, cậu ngoạm nó giữa hàm răng và cắn. Cậu nghe thấy hơi thở cô nặng nề.

Cậu cảm thấy thân cô rung lên. Cô ngẩng đầu lên và ép mình vào cậu. Cậu cúi mặt xuống mặt cô. Cô hôn cậu điên cuồng như thể cô muốn bao trùm khuôn mặt cậu với nụ hôn của cô, và kéo gì thân cậu vào người cô. Jack bị kích thích, bối rối và ngay cả có một chút sợ hãi: Cậu chưa bao giờ trải qua như thế. Cậu nghĩ cô sắp lên đến cao điểm. Rồi họ bị gián đoạn.

Giọng mẹ cô từ ngưỡng cửa: “Raya! Aysha! Đi vào ngay!”

Aysha nhìn cậu, thở hổn hển. Một lúc sau cô lại hôn cậu, mạnh mẽ, ép sát môi cô vào môi cậu cho đến khi làm cậu đau. Cô quay đi. “Em yêu anh,” cô nói. Rồi cô đi nhanh vào nhà.

Jack nhìn cô đi. Raya bước đi thong thả theo sau cô. Mẹ họ nhìn cậu và Josef với một cái nhìn không đồng ý, rồi theo sau hai người con, đóng mạnh cánh cửa đằng sau bà. Jack đứng nhìn chăm chăm vào cánh cửa đóng, tự hỏi cánh cửa đó có nghĩa gì.

Josef đi ngang qua sân và làm gián đoạn dòng suy nghĩ của cậu. “Những người con gái xinh đẹp – cả hai người!” anh ấy nói với một cái nháy mắt bí ẩn.

Jack gật đầu lơ đãng và đi về phía cổng. Josef đi theo cậu. Vừa khi họ đi ngang qua mái hiên, một người đầy tớ bước ra khỏi bóng tối và đóng cánh cổng lại phía sau họ.

Josef nói: “Hứa hôn là chuyện tốt đẹp. Chỉ có một vấn đề là khi cậu về nhà, cậu sẽ bị đau giữa hai chân.” Jack không trả lời. Josef nói: “Chắc tôi sẽ đi gặp Fatima để làm cho nó giảm bớt. Fatima là một nhà điếm. Mặc dù tên của nó là tiếng Saracen, nhưng hầu hết các cô gái ở đó có làn da trắng, và các gái điếm Ả Rập có giá cao. “Cậu có muốn đến đó không?” Josef hỏi.

“Không,” Jack trả lời. “Tôi đau ở chỗ khác. Chúc ngủ ngon.” Cậu đi nhanh. Josef không phải là người bạn cậu yêu thích trong lúc vui, và tối nay cậu lại càng chán hơn.

Không khí buổi tối lạnh khi cậu trở về trường, nơi cậu có một chiếc giường cứng trong nhà ngủ. Cậu cảm thấy mình đang đứng ở một bước ngoặt. Cậu được đề nghị một cuộc sống dễ dàng và sung túc, và tất cả những gì cậu phải làm là quên Aliena đi và từ bỏ khát vọng xây một nhà thờ chính tòa đẹp nhất trên thế giới.

Đêm đó cậu mơ thấy Aysha đến với cậu, thân thể cô tràn đầy dầu thơm và cô cọ sát vào cậu nhưng không cho cậu làm tình.

Khi cậu thức dậy vào buổi sáng, cậu đã có quyết định.

Những người phục vụ không cho Aliena vào nhà Raschid Alharoun. Có lẽ cô trông giống như một người ăn xin, cô nghĩ như thế khi cô đứng ngoài cổng, trong bộ áo đầy bụi và đôi giày sờn rách, với đứa bé trên tay. “Nói với Raschid Alharoun rằng tôi tìm bạn ông ấy, Jack Fitzjack từ Anh quốc,” cô nói bằng tiếng Pháp, tự hỏi không biết những người phục vụ có hiểu chữ nào của cô không. Sau khi thì thầm tham khảo bằng tiếng Saracen, một người phục vụ, một người đàn ông cao với làn da đen như than và mái tóc giống như lông của con cừu đen, đi vào trong nhà.

Aliena đứng bần chồn trong khi các đầy tớ khác công khai nhìn cô. Cô đã không học được sự kiên nhẫn, ngay cả trên cuộc hành hương vô tận này. Sau thất vọng ở Compostela cô đã đi theo con đường dẫn vào phía trong Tây Ban Nha, đến Salamanca. Không người nào ở đó nhớ một người thanh niên trẻ, tóc đỏ, quan tâm đến nhà thờ và người hát rong, nhưng một tu sĩ tử tế bảo cô rằng ở Toledo có một cộng đoàn học giả người Anh. Nó dường như một hy vọng mờ nhạt, nhưng Toledo không xa con đường bụi bặm này bao nhiêu nên cô ghé qua.

Một sự thất vọng khác chờ đợi cô ở đó. Vâng, Jack đã ở đây – thật may mắn – nhưng, cậu lại đi rồi. Cô gần bắt kịp cậu: bây giờ cô chỉ còn đằng sau cậu một tháng. Nhưng một lần nữa, không ai biết cậu đi đâu.

Ở Compostela cô đã có thể đoán cậu phải đi về hướng nam, bởi vì cô đã đến từ hướng đông, và hướng bắc cũng như hướng tây bị biển ngăn lại. Ở đây, thật không may, cậu có nhiều chọn lựa. Cậu có thể đi hướng đông bắc ngược về Pháp; hướng tây tới Bồ Đào Nha; hay hướng nam tới Granada; và từ bờ biển Tây Ban Nha cậu có thể đi tàu tới Roma, Tunis, Alexandria hay Beirut.

Aliena đã quyết định từ bỏ tìm kiếm nếu cô không tìm được dấu vết cậu đã đi bằng cách nào khi cậu rời đây. Cô đã mệt mỏi. Cô chỉ còn ít sức mạnh hay quyết tâm, và cô sẽ không đi xa hơn nữa khi không có may mắn hy

vọng của thành công. Cô sẵn sàng quay lại trở về Anh, rồi cố gắng quên Jack mãi mãi.

Người phục vụ khác đi ra khỏi căn nhà trắng. Người này mặc quần áo đắt tiền và nói tiếng Pháp. Ông nhìn thận trọng Aliena và lịch sự nói với cô. “Cô là bạn của ông Jack?”

“Vâng, một người bạn cũ từ Anh quốc. Tôi muốn nói chuyện với Raschid Alharoun.”

Người phục vụ liếc nhìn đứa bé.

Aliena nói: “Tôi là họ hàng của Jack.” Điều đó không hoàn toàn không đúng sự thật: cô là vợ cũ của anh ghẻ Jack, và đó là một quan hệ.

Người phục vụ mở rộng cánh cửa và nói: “Làm ơn vào với tôi.”

Aliena bước vào với lòng biết ơn. Nếu cô bị từ chối, cuộc tìm kiếm sẽ chấm dứt ở đây.

Cô theo người phục vụ ngang qua một sân thoải mái, ngang qua một hồ nước phun. Cô tự hỏi điều gì đã đưa đẩy Jack đến căn nhà của thương gia giàu có này. Nó dường như không phải là tình bạn. Có phải Jack đã kể những câu truyện thơ trong hành lang mát mẻ này?

Họ đi vào nhà. Nó là một căn nhà nguy nga, với các phòng cao, mát mẻ, nền nhà bằng đá và cẩm thạch, và đồ đạc được chạm khắc đẹp đẽ. Họ đi qua hai cổng tròn và một cửa gỗ, và rồi Aliena cảm thấy họ đi vào khu dành cho phụ nữ. Người phụ nữ giơ tay ra hiệu cho cô chờ, rồi ho nhẹ.

Một lúc sau một người đàn bà Saracen trong bộ váy đen lướt nhẹ vào phòng. Bà nâng một góc áo lên và giữ nó trước miệng bà, đó là một sự sỉ nhục trong bất cứ ngôn ngữ nào. Bà nhìn Aliena và nói bằng tiếng Pháp: “Cô là ai?”

Aliena giữ lại phong độ của cô. “Tôi là Lady Aliena, con gái của cựu lãnh chúa thành Shiring,” cô nói cao ngạo như có thể. “Tôi cho rằng tôi đang được nói chuyện với vợ của Riaschid, người bán hạt tiêu?” Cô có thể chơi trò này tốt như bất cứ ai.

“Cô muốn gì ở đây?”

“Tôi đến đây gặp Raschid.”

“Ông ta không tiếp đàn bà.”

Aliena nhận ra cô không có hy vọng đạt được sự cộng tác của người đàn bà này. Tuy nhiên, cô không còn chỗ nào để đi, vì thế cô tiếp tục thử. “Có lẽ ông ấy sẽ tiếp một người bạn của Jack,” cô kiên trì.

“Có phải Jack là chồng của cô?”

“Không.” Alien do dự. “Cậu ấy là em rể của tôi.”

Người phụ nữ nghi ngờ nhìn. Giống như hầu hết mọi người khác, bà ấy có lẽ cho rằng Jack đã có thai với Aliena, rồi bỏ rơi cô, và Aliena theo đuổi cậu ấy để ép cậu lấy cô và hỗ trợ em bé.

Người đàn bà quay nửa người lại và gọi to một cái gì đó trong một ngôn ngữ mà Aliena không hiểu. Một lúc sau ba người phụ nữ trẻ vào trong phòng. Từ vẻ bên ngoài, họ rõ ràng là con gái của bà. Bà nói với họ cùng một ngôn ngữ và tất cả nhìn Aliena. Tiếp đó là cuộc trò chuyện nhanh chóng, trong đó chữ Jack được nhắc tới thường xuyên.

Aliena cảm thấy bị hạ nhục. Cô dự định đứng lên và đi ra; nhưng điều đó có nghĩa là cô bỏ cuộc. Những người ghê gớm này là hy vọng cuối cùng của cô. Cô lên giọng, cắt ngang cuộc nói chuyện của họ và nói: “Jack ở đâu?” Cô dự định nói mạnh mẽ nhưng nó vang lên như ai oán.

Các người con gái yên lặng.

Người mẹ nói: “Chúng tôi không biết cậu ấy ở đâu.”

“Lần cuối cùng bà đã gặp cậu ấy khi nào?”

Bà do dự. Bà không muốn trả lời, nhưng bà không thể giả vờ là không biết. “Cậu ấy rời Toledo sau lễ Giáng Sinh.”

Aliena cố nở một nụ cười thân thiện. “Bà có nhớ cậu ấy nói bất cứ điều gì về nơi cậu ấy sẽ đi không?”

“Tôi đã nói với cô, chúng tôi không biết cậu ấy ở đâu.”

“Có thể cậu ấy nói điều gì đó với chồng bà.”

“Không. Cậu ấy không nói gì.”

Aliena thất vọng. Cô có một linh cảm rằng người đàn bà này biết một cái gì đó. Tuy nhiên, nó rõ ràng là bà ta không muốn tiết lộ nó. Bất ngờ Aliena cảm thấy yếu đuối và mệt mỏi. Với dòng nước mắt cô nói: “Jack là bố của con tôi. Các bà không nghĩ rằng cậu ấy muốn gặp con cậu ấy sao?”

Người con gái trẻ nhất muốn nói điều gì đó, nhưng bà mẹ ngăn cô lại. Có một cuộc trao đổi ngắn và kịch liệt: bà mẹ và cô con gái có cùng tính khí nóng nảy. Nhưng sau cùng người con gái im lặng.

Aliena chờ đợi, nhưng không ai nói gì. Bốn người họ nhìn chăm chú vào cô. Họ không thân thiện, nhưng họ quá tò mò nên họ chưa muốn cô đi. Tuy nhiên không còn lý do gì để ở lại. Cô phải đứng lên, về lại chỗ ở và chuẩn bị cho cuộc hành trình dài về lại Kingsbridge. Cô lấy một hơi dài và nói bằng giọng lạnh lùng và bình tĩnh. “Tôi cảm ơn về lòng hiếu khách của các bà,” cô nói.

Bà mẹ có một chút xấu hổ.

Aliena rời phòng.

Người đầy tớ lơ lửng bên ngoài. Ông đi bên cạnh cô và đưa cô đi qua nhà. Cô chớp mắt, ngăn dòng nước mắt lại. Cô không thể chịu đựng được khi nghĩ rằng tất cả cuộc hành trình của cô đã thất bại chỉ vì ác ý của một người đàn bà.

Người đầy tớ dẫn cô qua sân. Khi họ đến cửa, Aliena nghe tiếng bước chân chạy. Cô quay lại và nhìn thấy cô con gái trẻ nhất chạy theo cô. Cô dừng lại và chờ đợi. Người đầy tớ nhìn bức bối.

Người con gái nhỏ, gầy và rất đẹp, với làn da vàng rờn và đôi mắt sậm gần như đen. Cô mặc bộ đồ trắng, làm cho Aliena cảm thấy mình bụi bặm và bẩn thỉu. Cô nói bập bẹ bằng tiếng Pháp. “Cô có yêu cậu ấy không?” cô buột miệng.

Aliena ngập ngừng. Cô nhận ra rằng cô không còn nhiều cái để mất. “Đúng, tôi yêu cậu ấy,” cô thú nhận.

“Cậu ấy có yêu cô không?”

Aliena định nói có; rồi cô chợt nhớ lại cô đã xa cậu từ hơn một năm qua. “Trước đây cậu ấy yêu tôi,” cô nói.

“Tôi nghĩ cậu ấy vẫn còn yêu cô,” cô con gái nói.

“Tại sao cô lại nói như thế?”

Đôi mắt cô gái đầy nước mắt. “Tôi muốn có cậu ấy. Và tôi đã gần chiếm được cậu ấy.” Cô nhìn đứa bé. “Tóc đỏ và mắt xanh.” Nước mắt chảy xuống trên đôi má mềm mại của cô.

Aliena nhìn chăm chăm vào cô. Điều này giải thích sự tiếp khách thiếu thân thiện của họ. Bà mẹ đã muốn Jack cưới người con gái này. Cô chưa tới mười sáu tuổi, nhưng cô có một cái nhìn gợi cảm và nó làm cho cô có vẻ già hơn. Aliena tự hỏi cái gì đã thực sự xảy ra giữa hai người. Cô nói: “Cô đã gần chiếm được cậu ấy?”

“Vâng,” người con gái ngang ngược nói. “Tôi biết cậu ấy thích tôi. Tìm tôi vỡ ra vì cậu ấy bỏ đi. Nhưng bây giờ tôi hiểu.” Cô mất bình tĩnh và mặt cô tỏ lộ đau buồn.

Aliena có thể cảm thông người phụ nữ đã yêu Jack và rồi mất cậu. Cô sờ vào vai cô gái trong một cử chỉ an ủi. Nhưng còn có một chuyện quan trọng hơn là lòng thương xót. “Nghe đây,” cô nói khẩn trương, “cô có biết cậu ấy đi đâu không?”

Người con gái ngẩng lên, gật đầu và nức nở.

“Hãy cho tôi biết!”

“Paris,” cô nói.

Paris!

Aliena hồ hởi. Cô lại thấy dấu vết của cậu. Paris là một chặng đường dài, nhưng cuộc hành trình qua những vùng quen thuộc. Và Jack chỉ đi trước cô một tháng. Cô cảm thấy trẻ lại. Tôi sẽ tìm thấy cậu ấy, cô nghĩ; tôi biết tôi sẽ tìm thấy!

“Cô định đi Paris bây giờ?” người con gái hỏi.

“Ồ, vâng,” Aliena nói. “Tôi đã đi theo cậu ấy một quãng đường xa – bây giờ tôi không thể ngừng lại. Cảm ơn cô đã nói cho tôi – cảm ơn!”

“Tôi muốn cậu ấy hạnh phúc,” cô nói đơn giản.

Người đầy tớ bồn chồn bất bình. Có vẻ như ông sợ bị rắc rối trong chuyện này. Aliena nói với người con gái: “Cậu ấy có nói gì nữa không? Cậu ấy sẽ đi con đường nào, hay bất cứ điều gì có thể giúp tôi?”

“Cậu ấy muốn đi Paris vì có người nói với cậu ấy rằng ở đó có nhiều nhà thờ đẹp.”

Aliena gật đầu. Cô cũng đoán được điều đó.

“Và cậu ấy mang theo người phụ nữ khóc.”

Aliena không biết cô gái muốn nói gì. “Người phụ nữ khóc?”

“Bố tôi cho cậu người phụ nữ khóc.”

“Một người phụ nữ?”

Cô gái lắc đầu. “Tôi không biết đúng chữ. Một phụ nữ. Cô ấy khóc. Từ nhiều năm nay.”

“Ý cô nói một bức tượng? Một bức tranh của người phụ nữ?”

“Tôi không hiểu,” người con gái nói. Cô lo lắng nhìn qua vai. “Tôi phải đi.”

Dù người phụ nữ khóc là gì, nó không có vẻ quá quan trọng. “Cảm ơn cô vì đã giúp đỡ tôi,” Aliena nói.

Người con gái cúi xuống hôn lên trán đứa bé. Những giọt nước mắt rơi trên đôi má đầy đặn của cô. Cô nhìn Aliena. “Ước gì tôi được là cô,” cô gái nói. Rồi cô quay lại đi vào nhà.

Chỗ trọ của Jack ở đường de la Boucherie, ở ngoại ô Paris bên trái bờ sông Seine. Cậu lên ngựa vào buổi bình minh, ở cuối con đường cậu rẽ phải và đi qua cổng vào cây cầu Petit Pont để tới thành phố đảo ở giữa dòng sông.

Những căn nhà bằng gỗ hai bên bờ sông vươn cao hơn thành cầu. Giữa các nhà có những băng ghế đá mà vào những buổi sáng các giáo sư nổi tiếng sẽ dạy học. Cây cầu dẫn Jack vào Juiverie, con đường chính của thành phố đảo. Các tiệm bánh dọc theo đường chứa đầy các sinh viên đang mua bữa ăn sáng. Jack mua một miếng bánh kẹp thịt lươn.

Đối diện với hội đường cậu rẽ trái, rồi lại rẽ phải ở cung điện hoàng gia, và đi qua Grand Pont, cây cầu dẫn vào bờ sông bên phải. Những cửa tiệm nhỏ, đẹp mắt của người đối tiền và thợ kim hoàn hai bên thành cầu đã mở cửa buôn bán. Ở cuối cây cầu cậu đi qua một cổng khác vào chợ cá, nơi việc buôn bán đã sầm uất. Cậu chen lấn qua đám đông vào con đường lầy lội dẫn vào phố Saint-Denis.

Khi cậu vẫn còn ở Tây Ban Nha cậu đã nghe các thợ xây du hành nói về viện phụ Suger và nhà thờ mới mà ông đang xây ở Saint-Denis. Khi cậu trên đường về hướng bắc xuyên qua nước Pháp mùa xuân năm đó, cậu đã làm việc một vài ngày ở đâu đó khi cậu cần tiền và cậu đã thường nghe nói về Saint-Denis. Dường như các thợ xây ở đó dùng cả hai kỹ thuật mới: vòm

khung sườn và mái vòm nhọn, và sự kết hợp cả hai kỹ thuật trên tạo nên nét độc đáo.

Cậu đi ngựa hơn một giờ qua những cánh đồng và vườn nho. Đường đi không trải nhựa nhưng có cột ghi cây số. Nó đi ngang qua đồi Montmartre, với một ngôi đền Roma đổ nát trên đỉnh, và xuyên qua làng Clignancourt. Ba dặm sau Clignancourt cậu đến thị trấn nhỏ có tường bao quanh Saint-Denis.

Thánh Denis là vị giám mục đầu tiên của Paris. Ông đã bị chặt đầu ở Montmartre và rồi ông đi bộ, mang theo đầu bị chặt của mình trên tay, đi ra ngoài vùng quê cho tới khi ngã xuống và chết nơi đây. Một phụ nữ đạo đức đã chôn ông và một tu viện đã được xây dựng trên mộ ông. Nhà thờ trở thành nơi chôn cất các vị vua nước Pháp. Vị viện phụ hiện tại, Sugar, là một người nhiều quyền lực và tham vọng. Ông đã cải cách tu viện và bây giờ hiện đại hóa nhà thờ.

Jack vào thị trấn và dừng ngựa ở giữa khu chợ để quan sát mặt tiền phía tây nhà thờ. Ở đây không có gì là cách mạng. Nó là một mặt tiền thẳng kiểu cũ với hai tháp chuông và ba cửa ra vào hình mái tròn. Cậu thích cách năng nổ của các cột đẩy ra khỏi tường, nhưng cậu không phải đi ngựa năm dặm để xem điều đó.

Cậu cột ngựa vào một thanh ngang trước nhà thờ và đến gần nhà thờ hơn. Các hình điêu khắc xung quanh ba cổng hoàn toàn tốt: hình dạng sống động và đường khắc sắc sảo. Jack bước vào. Bên trong hoàn toàn khác. Trước khi vào gian giữa có một đường đi thấp hay gọi là tiền đình. Khi Jack nhìn lên trần nhà, cậu bị phấn khích. Thợ xây đã kết hợp ở đây giữa vòm khung sườn và mái vòm nhọn, và trong nháy mắt Jack thấy hai kỹ thuật kết hợp hoàn toàn với nhau: vẻ uyển chuyển của mái nhọn được nhấn mạnh bởi khung sườn kèm theo nó.

Nhưng còn có nhiều hơn thế nữa. Giữa khung sườn, thay vì hợp chất giữa vữa và đá vụn, thợ xây đã sử dụng đá cắt giống như tường. Lớp đá có lẽ mỏng hơn, vì thế sẽ nhẹ hơn hợp chất cũ và sẽ chắc chắn hơn, Jack nhận ra.

Khi cậu nhìn lên, cậu ngẩng đầu cao cho đến khi cổ cậu đau, cậu hiểu một tính năng đáng chú ý hơn nữa của sự kết hợp này. Hai vòm nhọn của hai vòm có chiều rộng khác nhau có thể đạt đến cùng chiều cao, bằng cách điều chỉnh đường cong của mái. Điều này tạo cho các gian nhà có một cái nhìn đều đặn. Dĩ nhiên, điều đó không thể thực hiện với mái vòm tròn: chiều cao của nửa vòng tròn luôn luôn là một nửa của chiều rộng, vì thế mái tròn rộng phải cao hơn mái tròn hẹp. Nó có nghĩa là trong một gian hình chữ nhật, mái vòm hẹp phải bắt đầu ở một điểm của bức tường cao hơn là mái vòm rộng để đỉnh của nó bằng nhau và để mái trần được phẳng. Và hậu quả là bức tường luôn bị chênh lệch và vấn đề này bây giờ đã biến mất.

Jack cúi đầu xuống cho cổ cậu nghỉ ngơi. Cậu cảm thấy sung sướng như thể cậu vừa được phong vương. Cái này, cậu nghĩ, là cách mà cậu sẽ xây nhà thờ chính tòa của cậu.

Cậu nhìn vào phần chính của nhà thờ. Gian chính rõ ràng là đã cũ, mặc dù tương đối dài và rộng: nó được xây cách đây nhiều năm. Nhưng rồi, ở gian trung tâm, nơi các gian giao nhau, có bậc đi xuống – các bậc thang xuống nhà thờ hầm và mộ hoàng gia – và bậc lên gian cung thánh. Gian cung thánh như nổi cao hơn mặt đất. Từ chỗ đứng của Jack, cách cấu trúc của nó không nhận ra được vì ánh sáng mặt trời xuyên qua cửa sổ phía đông quá nhiều đến nỗi Jack tưởng như bức tường chưa xây xong nên ánh sáng xuyên qua khoảng trống.

Cậu đi theo gian phía nam đến khu trung tâm. Khi cậu đến gần gian cung thánh cậu nhận ra rằng điều hoàn toàn đáng chú ý đang ở trước mặt cậu. Thực vậy, ánh sáng mặt trời đổ vào, nhưng mái vòm đã hoàn chỉnh và tường không có khoảng trống. Khi Jack bước ra khỏi gian phụ vào khu trung tâm, cậu nhìn thấy ánh sáng mặt trời chiếu xuyên qua dãy cửa sổ cao, một vài cái được làm bằng kính màu, và tất cả tia nắng mặt trời này dường như đổ đầy khoảng trống to lớn của nhà thờ với sự ấm áp và ánh sáng. Jack không hiểu làm sao người ta có thể xây được nhiều cửa sổ như thế: dường như bức tường có nhiều cửa sổ hơn tường gạch. Cậu kinh sợ. Làm sao có thể thực hiện được, nếu không phải là ma thuật?

Cậu cảm thấy một chút sợ hãi mê tín khi cậu trèo lên bậc dẫn lên gian cung thánh. Cậu đứng ở đầu cầu thang và chăm chú vào sự hỗn độn của cột trụ, của ánh sáng màu và đá trước mặt cậu. Chậm rãi cậu nhận ra rằng cậu đã nhìn thấy điều này trước đây, nhưng chỉ trong trí tưởng tượng của cậu. Đây là nhà thờ cậu đã mơ ước xây dựng, với cửa sổ rộng và mái trần cao, một cấu trúc của ánh sáng và không khí.

Một lúc sau cậu thấy nó khác. Mọi thứ rơi vào trật tự, và trong một lúc xuất thần cậu nhìn thấy cái mà viện phụ Suger và các thợ xây của ông đã hoàn thành.

Nguyên tắc của vòm sườn là một mái trần làm bằng một vài khung sườn mạnh mẽ, khoảng trống giữa các sườn được làm bằng vật liệu nhẹ. Họ đã áp dụng nguyên tắc này cho toàn bộ công trình. Bức tường của gian cung thánh được dựa vào vài hàng cột cứng cáp nối với các cửa sổ. Hành lang chia gian cung thánh và các gian phụ không bằng bức tường mà là một hàng cột được nối với nhau bởi mái vòm nhọn, tạo nên một khoảng trống rộng mà ánh sáng mặt trời có thể xuyên qua cửa sổ vào đến gian giữa của nhà thờ. Gian phụ được chia ra thành hai bởi một hàng cột mỏng ở giữa.

Mái vòm nhọn và khung sườn vòm đã được kết hợp ở đây, như chúng đã được thực hiện ở tiền đình, nhưng bây giờ rõ ràng tiền đình là một thử nghiệm thận trọng cho kỹ thuật mới này. So sánh với mái này, tiền đường thô kệch, khung sườn và đường gờ của nó quá nặng nề, mái vòm quá nhỏ. Ở đây mọi thứ đều mỏng, nhẹ, tinh tế và thoáng mát. Các đường gờ cuộn tròn đều hẹp và các cột cao và mỏng. Nó trông quá mỏng manh để có thể đứng vững, ngoại trừ các sườn vòm tỏ lộ rõ rằng sức nặng của tòa nhà được nâng đỡ bởi các trụ cột. Đây là một minh chứng rõ ràng rằng một tòa nhà lớn không cần tường dày với các cửa sổ nhỏ và cột to. Với điều kiện là trọng lượng được phân bổ chính trên một bộ khung chịu lực, phần còn lại của kiến trúc có thể bằng vật liệu nhẹ, thủy tinh hay để trống. Jack say mê, giống như bị rơi vào tình yêu. Euclid đã là một khám phá đối với cậu, nhưng điều này còn hơn một khám phá, bởi vì nó còn đẹp nữa. Cậu đã có viễn tượng về một nhà thờ giống như thế này, và bây giờ cậu thực sự thấy nó, sờ vào nó, đứng dưới mái vòm cao tới trời của nó.

Cậu ngậy người đi quanh gian phía đông, nhìn vào mái trần của đôi gian phụ kếp. Khung sườn của mái vòm trên đầu cậu giống như cành cây trong rừng bằng những cây bằng đá hoàn hảo. Ở đây, cũng như ở tiền đình, giữa các khung sườn được phủ kín bằng đá cắt trộn với hồ, thay vì hồ và đá vụn như xưa. Các bức tường ngoài của gian phụ có các cửa sổ to với đầu nhọn để thích hợp với mái vòm nhọn. Kiến trúc cách mạng này được bổ sung hoàn hảo bởi các cửa sổ màu. Jack chưa bao giờ nhìn thấy kính màu ở Anh quốc, nhưng cậu đã thấy ở Pháp: tuy nhiên, trong các cửa sổ nhỏ của nhà thờ kiểu cũ, nó không thể hiện được đầy đủ tính năng của nó. Ở đây, tác động của ánh sáng mặt trời buổi sáng đổ qua các cửa sổ muôn màu còn hơn là đẹp, nó làm say mê.

Bởi vì cuối nhà thờ hình tròn, các gian phụ vòng quanh và gặp nhau ở cuối phía đông, tạo thành một hình bán nguyệt hay lối đi. Jack đi theo đường vòng bán nguyệt, rồi quay lại và trở về, vẫn còn kinh ngạc. Cậu về lại chỗ cậu đã bắt đầu.

Ở đó cậu thấy một phụ nữ.

Cậu nhận ra cô.

Cô mỉm cười.

Tim cậu ngừng đập.

Aliena che mắt. Ánh sáng mặt trời chiếu qua cửa sổ ở hướng đông nhà thờ làm lóa mắt cô. Giống như một thị kiến, một bóng người bước ra khỏi ánh sáng chói chang đầy màu sắc và đi về phía cô. Tóc cậu ấy nhìn như ở trong lửa. Cậu ấy đến gần hơn. Đó là Jack.

Cậu đến bên cô và đứng trước mặt cô. Cậu gầy, thật gầy, nhưng mắt cậu tỏa sáng với một cảm xúc mãnh liệt. Họ nhìn nhau một lúc lâu trong yên lặng.

Khi cậu nói, giọng cậu khàn khàn. “Có thật là chính cô không?”

“Vâng,” cô nói. Gọng cô như thì thầm. “Vâng, Jack. Đây thực sự là em.”

Sự căng thẳng quá mạnh, và cô bắt đầu khóc. Cậu vòng tay quanh cô và ôm cô, với đứa nhỏ trong tay ở giữa họ. Cậu vỗ lưng cô và nói: “Được rồi, được rồi,” như thể cô là một đứa trẻ. Cô dựa vào cậu, thở mùi hương bụi

bặm quen thuộc của cậu, nghe giọng nói than thương của cậu khi cậu xoa dịu cô, để nước mắt rơi trên đôi vai gầy gò của cậu.

Sau cùng cậu nhìn vào mặt cô và nói: “Cô làm gì ở đây?”

“Đi tìm anh,” cô nói.

“Tìm tôi?” cậu hoài nghi nói. “Rồi... làm sao cô tìm được tôi?”

Cô lau nước mắt và hít vào. “Em đi theo anh.”

“Bằng cách nào?”

“Em hỏi dân chúng xem họ có thấy anh không, nhất là các thợ xây, một vài tu sĩ và cả chủ quán trọ.”

Mắt cậu mở rộng. “Ý cô muốn nói cô đã đến cả Tây Ban Nha?”

Cô gật đầu. “Compostela, rồi Salamanca, rồi Toledo.”

“Cô đã du hành bao lâu?”

„Ba phần tư năm.“

„Nhưng tại sao?“

„Bởi vì em yêu anh.“

Cậu bị choáng váng. Mắt cậu ứa lệ. Cậu thì thầm: „Anh cũng yêu em nữa.“

„Anh? Anh vẫn còn?“

„Ồ, vâng.“

Cô có thể nói cậu nói thật. Cô nghiêng khuôn mặt cô lên. Cậu nghiêng người về phía trước, qua cả em bé, và dịu dàng hôn cô. Sự đụng chạm giữa môi cậu trên môi cô làm cô cảm thấy xây xẩm.

Đứa bé khóc.

Cô tách mình ra khỏi nụ hôn và ru đứa bé, và nó yên lặng.

Jack nói: „Đứa nhỏ tên gì?“

„Em chưa đặt tên cho nó.“

“Tại sao chưa? Nó phải một tuổi rồi!”

“Em muốn hỏi anh.”

“Tôi? Jack cau mày. “Thế còn Alfred làm sao? Nó tùy thuộc vào bố nó...” Cậu ngừng lại. “Tại sao... hay là...hay là nó là của tôi?”

“Hãy nhìn nó,” cô nói.

Jack nhìn vào. “Tóc đỏ... Nó phải một tuổi và ba phần tư năm, từ khi...”

Aliena gật đầu.

“Trời ơi!” Jack nói. Cậu có vẻ hoảng hốt. “Con tôi.” Cậu nuốt nước bọt.

Aliena quan sát nét mặt cậu một cách lo sợ khi cậu nhận tin này. Cậu có coi đó như là kết thúc tuổi trẻ và tự do của cậu không? Nét mặt cậu trở thành nghiêm trọng. Thông thường một người đàn ông có chín tháng để làm quen với ý tưởng rằng họ sẽ làm bố. Jack phải làm quen với nó trong một hoành khắc. Cậu lại nhìn đứa bé, và sau cùng cậu mỉm cười. “Con của chúng ta,” cậu nói. “Anh thật hạnh phúc.”

Aliena thở dài hạnh phúc. Sau cùng mọi chuyện đều tốt đẹp.

Một tư tưởng khác đến với Jack. “Thế còn Alfred? Anh ấy có biết...?”

“Dĩ nhiên. Anh ấy chỉ cần nhìn vào đứa bé. Ngoài ra...” Cô cảm thấy xấu hổ. “Ngoài ra, mẹ anh nguyên rủa cuộc hôn nhân, và Alfred chẳng bao giờ có thể, anh biết không, làm bất cứ chuyện gì.”

Jack cười to. “Đó đúng là công bằng,” cậu nói.

Aliena không thích nụ cười của cậu trên đau khổ của người khác. “Nó rất khó cho em,” cô nói bằng giọng khiển trách nhẹ nhàng.

Khuôn mặt cậu thay đổi nhanh chóng. “Anh xin lỗi,” cậu nói. “Alfred đã làm gì?”

“Khi anh ấy thấy đứa bé, anh ấy đuổi em ra ngoài.”

Jack nhìn giận dữ. “Anh ấy có đánh em không?”

“Không.”

“Tuy vậy, anh ấy là một con heo.”

“Em vui vì anh ấy đuổi mẹ con em đi. Vì chuyện đó mà em đã đi tìm anh. Và bây giờ em đã tìm được anh. Em quá hạnh phúc, em không biết phải làm gì.”

“Em rất can đảm,” Jack nói. “Anh vẫn chưa hoàn hồn. Em đã theo anh cả đoạn đường dài.”

“Em muốn làm lại một lần nữa,” cô hăng hái nói.

Cậu hôn cô. Một giọng nói bằng tiếng Pháp: “Các bạn có thái độ không xứng đáng trong nhà thờ, xin vui lòng xuống gian giữa.”

Đó là một tu sĩ trẻ. Jack nói: “Tôi xin lỗi, thưa cha.” Cậu cầm lấy cánh tay Aliena. Họ đi xuống bậc thang và ngang qua gian ngang phía nam. Jack

nói: “Anh đã là tu sĩ một thời gian – anh biết nó rất khó cho họ khi nhìn thấy những cặp tình nhân hạnh phúc hôn nhau.”

Cặp tình nhân hạnh phúc, Aliena nghĩ. Đó là cái chúng ta đang là.

Họ đi theo chiều dài của nhà thờ và đi ra, vào khu chợ sầm uất. Aliena khó tin rằng cô đang đứng trong ánh sáng mặt trời với Jack bên cạnh cô. Nó hầu như quá hạnh phúc để chịu đựng.

“Tốt,” cậu nói, “chúng ta phải làm gì đây?”

“Em không biết,” cô nói, mỉm cười.

“Chúng ta hãy mua một ổ bánh và một bình rượu nho, và ra ngoài cánh đồng để ăn trưa.”

“Nghe như có vẻ thiên đường.”

Họ đi tới tiệm bánh và rượu, và mua một miếng pho mát ngoài chợ. Rồi họ lên ngựa và đi ra khỏi làng vào cánh đồng. Aliena nhìn Jack để chắc chắn rằng cậu đang thực sự ở đây, đi bên cạnh cô, đang thở và đang cười.

Cậu nói: “Alfred điều hành việc xây dựng ra sao?”

“Ồ, em chưa kể cho anh! “ Aliena quên là cậu đã đi lâu rồi. “Có một tai họa thảm thiết. Mái nhà sụp xuống.”

“Cái gì?” tiếng nói to của cậu làm con ngựa giật mình. Cậu phải dỗ nó. “Làm sao nó lại xảy ra?”

“Không ai biết. Họ đã xây xong mái vòm cho ba gian cung thánh đúng vào dịp lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, và rồi tất cả sụp xuống trong buổi lễ. Thật khủng khiếp – bảy mươi chín người đã bị chết.”

“Thật dễ sợ.” Jack rung mình. “Làm sao Tu viện trưởng Philip có thể chịu đựng được?”

“Thật tồi tệ. Ông ấy đã bỏ việc xây dựng nhà thờ chính tòa. Dường như ông mất hết sức lực. Hiện nay ông không làm gì cả.”

Jack không thể tưởng tượng được trong tình trạng như thế - ông luôn luôn đầy nhiệt huyết và quyết tâm. “Còn các thợ thủ công thì sao?”

“Họ đã bỏ đi hết. Alfred bây giờ sống ở Shiring và xây nhà ở đó.”

“Kingsbridge như vậy đã vắng một nửa.”

“Nó lại trở thành một ngôi làng, như trước kia.”

“Anh tự hỏi Alfred đã làm gì sai?” Jack nói một phần cho chính cậu. “Mái vòm bằng đá chẳng bao giờ có trong dự án ban đầu của Tom; nhưng Alfred làm trụ tường lớn hơn để nó chịu đựng sức nặng, vì thế không có gì là sai.”

Cậu trầm lặng vì tin mới này và họ đi bên nhau trong im lặng. Một dặm hay hơn họ ra khỏi Saint-Denis và cột con ngựa trong bóng mát của một cây đu và ngồi xuống góc của cánh đồng lúa mì màu xanh, bên cạnh một con rạch để ăn trưa. Jack lấy một ngụm rượu và chép môi. “Nước Anh không có gì so sánh được với rượu Pháp,” cậu nói. Cậu bẻ ổ bánh và đưa một số cho Aliena.

E then Aliena cởi phía áo trước cho đứa bé bú. Cô bắt gặp ánh mắt Jack nhìn cô và cô đỏ mặt. Cô hắng giọng nói để che lấp sự xấu hổ. “Anh đã biết đặt tên cho nó là gì chưa?” cô lúng túng nói. “Jack, có lẽ?”

“Anh không biết.” Cậu trầm ngâm. “Jack là tên bố anh, một người mà anh chẳng bao giờ biết. Nó không mang lại may mắn khi chúng ta đặt tên con chúng ta theo tên ông. Người mà anh cảm thấy như một người bố thực sự là thợ xây Tom.”

“Anh có muốn gọi nó là Tom?”

“Anh nghĩ có.”

“Tom là một người đàn ông to lớn. Thế còn Tommy thì sao?”

Jack gật đầu. “Đặt tên con là Tommy.”

Không bị ảnh hưởng về tầm quan trọng của khoảnh khắc này, Tommy dường như đang ngủ sau khi đã no. Aliena đặt nó xuống trên mặt đất với một chiếc khăn xếp dưới đầu làm gối. Rồi cô nhìn Jack. Cô cảm thấy lúng túng. Cô muốn cậu làm tình với cô ở ngay đây, trên cỏ, nhưng cô cảm thấy cậu sẽ bị sốc nếu cô hỏi cậu, vì thế cô nhìn cậu và hy vọng.

Cậu nói: “Nếu anh nói điều này với em, em phải hứa là sẽ không nghĩ xấu về anh?”

“Được. Em hứa.”

Cậu bối rối và nói: “Từ lúc nhìn thấy em, anh chẳng nghĩ được gì khác hơn là thân thể trần truồng của em dưới lớp quần áo.”

Cô mỉm cười. “Em không nghĩ xấu về anh,” cô nói. “Em vui.”

Cậu nhìn cô thèm thường.

Cô nói: “Em thích anh nhìn em như thế.”

Cậu nuốt nước bọt.

Cô đưa tay ra và cậu đến bên cô và ôm cô.

Nó đã gần hai năm kể từ khi họ làm tình với nhau lần đầu tiên và duy nhất. Buổi sáng hôm đó cả hai bị lôi cuốn bởi sự khao khát và hối tiếc. Bây giờ họ là hai người yêu nhau trong một cánh đồng. Aliena bất ngờ thấy sợ. Mọi chuyện có bình thường không? Nó sẽ kinh khủng làm sao nếu có gì sai lầm.

Họ nằm bên nhau trên cỏ và hôn nhau. Cô nhắm mắt lại và mở miệng. Cô cảm thấy bàn tay háo hức của cậu trên thân thể cô, khám phá khẩn trương và thân thể cô rộn ràng. Cậu hôn lên mí mắt và đầu mũi cô, và nói: “Mọi lúc, anh khao khát em, mỗi ngày.”

Cô ôm chặt cậu. “Em vui vì tìm được anh,” cô nói.

Họ yêu nhau nhẹ nhàng và hạnh phúc giữa bầu trời, với ánh nắng mặt trời trên họ và dòng nước bên cạnh họ; và Tommy ngủ suốt và chỉ thức dậy khi tất cả đã qua đi.

Bức tượng bằng gỗ đã không khóc từ khi rời khỏi Tây Ban Nha. Jack không hiểu nó hoạt động như thế nào nên cậu không biết chắc tại sao nó lại không khóc ngoài đất nước của nó. Tuy nhiên cậu có một ý tưởng rằng những giọt nước mắt chảy ra vào ban đêm gây ra bởi không khí bất ngờ trở lạnh, và cậu nhận ra rằng hoàng hôn xuống chậm ở vùng phía bắc, vì thế cậu cho rằng vấn đề phải liên quan đến việc đêm xuống chậm. Tuy vậy, cậu vẫn còn giữ bức tượng. Nó khá cồng kềnh để mang theo đi mọi nơi, nhưng nó là một kỷ vật của Toledo, và nó nhắc nhở cậu về Raschid, và (mặc dù cậu không nói với Aliena về điều này) nó cũng nhắc cậu nhớ về Aysha. Nhưng khi một thợ đá ở Saint-Denis cần một mẫu để tạc tượng Đức Mẹ, Jack mang tượng phụ nữ bằng gỗ này tới lều của thợ xây và để lại đó.

Cậu đã được tu viện thuê sửa chữa lại nhà thờ. Gian cung thánh mới đã thu hút cậu, mặc dù nó chưa được hoàn toàn và phải hoàn thành kịp thời cho lễ cung hiến vào giữa mùa hè; nhưng vị viện phụ hăng hái đã chuẩn bị

xây lại gian giữa cùng một cung cách, và Jack đã được thuê đục đá trước cho công việc đó.

Tu viện thuê cho cậu một căn nhà trong làng, và cậu dọn đến, cùng với Aliena và Tommy. Trong đêm đầu tiên ở trong nhà đó, họ đã làm tình năm lần. Sống chung với nhau như vợ chồng dường như là chuyện bình thường trên thế giới. Sau vài ngày Jack cảm thấy như thể họ đã luôn luôn sống chung với nhau. Không ai hỏi họ về hôn nhân của họ đã được chúc lành trong nhà thờ chưa.

Thợ xây dựng chính ở Saint-Denis là thợ xây vĩ đại nhất mà Jack được gặp. Khi họ hoàn thành gian cung thánh mới và chuẩn bị sửa sang gian giữa, Jack quan sát ông và hấp thụ tất cả những gì ông làm. Những tiến bộ về kỹ thuật là của ông ấy chứ không phải của viện phụ. Suger ủng hộ ý tưởng mới một cách chung chung, nhưng ông quan tâm nhiều đến sự trang trí hơn là kiến trúc. Dự án trọng tâm của ông là xây mộ mới cho xưởng Thánh Denis và hai người bạn đồng hành Rusticus và Eleutherius. Di tích thánh hiện đang lưu giữ trong nhà nguyện hầm, nhưng Suger dự định đem di tích thánh lên gian cung thánh, nơi mọi người có thể thấy được. Ba quan tài sẽ được lưu giữ trong mộ đá lớn lót đá cẩm thạch đen bên ngoài. Đỉnh ngôi mộ là hình một ngôi nhà thờ nhỏ làm bằng gỗ mạ vàng; trong gian giữa và hai gian phụ của ngôi nhà thờ này là ba ngôi mộ trống cho ba vị tử đạo. Mộ đá sẽ ở giữa gian cung thánh mới, ngay đằng sau bàn thờ chính. Cả bàn thờ và nền của ngôi mộ đã được chuẩn bị, và ngôi nhà thờ nhỏ đang hoàn thành trong xưởng mộc, nơi các thợ thủ công cẩn thận mạ vàng trên gỗ. Suger không phải là người làm việc nửa vời.

Viện phụ là nhà tổ chức tài năng, Jack quan sát trong việc chuẩn bị lễ cung hiến nhà thờ. Suger mời mọi người có tiếng tăm, và hầu hết đều nhận lời mời, đặc biệt là vua và hoàng hậu của Pháp, và mười chín tổng giám mục và giám mục, trong đó có có tổng giám mục thành Canterbury. Những tin tức như vậy được truyền đi do các thợ thủ công làm việc xung quanh nhà thờ. Jack thường thấy Suger trong bộ tu phục bằng vải thô, sai bước quanh tu viện và hướng dẫn các tu sĩ. Họ theo ông từng bước như một đàn vịt. Ông gọi Jack nhớ về Kingsbridge. Giống Philip, Suger xuất thân từ gia

đình nghèo và được lớn lên trong tu viện. Giống Philip, ông đã cải tổ tài chính và thắt chặt quản lý tài sản tu viện vì thế mà nó mang lại thu nhập nhiều hơn; và ông đã dùng tiền cho việc xây dựng. Giống Philip, ông bận rộn, năng động và dám quyết định.

Ngoại trừ, theo lời kể của Aliena, Philip bây giờ không còn những cá tính này nữa.

Jack thật khó tưởng tượng. Dường như không thể có một Philip không hoạt động, cũng như không thể có một Waleran Bigod tử tế. Tuy nhiên Philip đã trải qua một loạt những thất vọng kinh hồn. Trước hết là cuộc hỏa hoạn của thị trấn. Jack rùng mình khi nhớ lại ngày khủng khiếp đó: Khói, sợ hãi, kỵ binh đáng sợ với ngọn đuốc trong tay, sự kinh hoàng của dân chúng. Có lẽ Philip đã mất can đảm, và thị trấn đã mất đi sự tin tưởng từ ngày đó. Jack vẫn còn nhớ lại bầu khí sợ hãi và bất an bao trùm thị trấn như mùi tử khí. Không nghi ngờ gì khi Philip đã muốn ngày khánh thành gian cung thánh mới trở thành dấu hiệu của hy vọng. Rồi, khi nó biến thành thảm họa khác, ông phải bỏ cuộc.

Bây giờ các nhà xây dựng đã bỏ đi, khu chợ đã ế ẩm, và dân số thu hẹp lại. Những người trẻ bắt đầu di chuyển ra Shiring, Aliena nói như vậy. Dĩ nhiên đó chỉ là vấn đề về tinh thần: tu viện vẫn còn tài sản, bao gồm cả đàn cừu lớn mang lại lợi nhuận hàng trăm bảng Anh mỗi năm. Nếu đó chỉ là vấn đề tiền bạc, chắc chắn Philip có thể vượt qua được trở ngại và tiếp tục xây dựng. Nó khó khăn hơn vì các thợ xây thường mê tín không muốn làm việc cho một nhà thờ đã một lần bị sụp; và nó rất khó khơi dậy sự nhiệt tình của dân địa phương một lần nữa. Nhưng vấn đề chính, căn cứ vào những lời Aliena nói, là Philip đã mất hết ý chí. Jack ước muốn có thể làm cái gì đó để kéo nó lại.

Trong khi đó, các giám mục, tổng giám mục, công tước và bá tước đã tới Saint-Denis hai ba ngày trước buổi lễ. Tất cả quan khách được hướng dẫn tham quan nhà thờ. Chính Suger hộ tống các khách quý và những chức sắc nhỏ hơn được hướng dẫn bởi các tu sĩ và thợ thủ công. Tất cả đều kinh ngạc về sự thanh thoát của kiểu kiến trúc mới và ánh sáng qua các cửa sổ bằng kính màu to lớn. Khi các nhà lãnh đạo của các nhà thờ lớn ở Pháp đã

nhìn thấy nhà thờ này, Jack nảy sinh một ý nghĩ rằng kiểu xây dựng mới này chẳng bao lâu nữa sẽ được bắt chước rộng rãi; thực vậy, những thợ xây đã làm việc tại Saint-Denis sẽ dễ dàng tìm được việc làm. Đến đây đã là một quyết định khôn ngoan, khôn ngoan hơn cậu đã tưởng tượng: nó cho cậu cơ hội phát triển tốt để thiết kế và xây dựng một nhà thờ chính tòa của cậu.

Vua Louis đến vào ngày thứ bảy với vợ và mẹ ông, và họ vào nhà của viện phụ. Trong đêm đó các giờ kinh được vang lên từ chiều tối đến bình minh. Khi mặt trời mọc một đám đông nông dân và cư dân Paris đã tụ họp trước nhà thờ, chờ đợi một cuộc tập hợp lớn nhất của những người quyền thế đạo đời mà hầu hết họ chưa bao giờ được nhìn thấy. Jack và Aliena tham gia vào đám đông ngay sau khi Tommy đã ăn no. Một ngày nào đó, Jack nghĩ, tôi sẽ nói với Tommy: “Con không nhớ, nhưng khi con được một tuổi, con đã được nhìn thấy vua của nước Pháp.”

Họ mua bánh và rượu táo cho bữa sáng và ăn trong khi họ chờ chương trình bắt đầu. Dân chúng dĩ nhiên không vào được nhà thờ, và binh lính của nhà vua giữ họ lại ở khoảng cách xa; nhưng các cửa ra vào mở và ở mọi nơi có thể nhìn vào trong được, nơi đó có nhiều người tụ lại. Gian giữa đầy quý ông và quý bà thuộc giới quý tộc. May mắn thay, gian cung thánh cao hơn mặt đất nhiều thước Anh, vì ngôi nhà nguyện nằm ở dưới nó, vì thế Jack có thể vẫn nhìn thấy buổi lễ.

Có nhiều sinh hoạt ở cuối nhà thờ ở gian giữa, và đột nhiên tất cả các nhà quý tộc cúi mình. Qua đầu họ Jack nhìn thấy nhà vua đi vào từ cửa phía nam. Cậu không thể nhìn thấy mặt ông từ xa, nhưng chiếc áo dài màu tía đã cho mọi người nhận ra ông khi ông vào khu trung tâm và quỳ trước bàn thờ chính.

Ngay sau đó các giám mục và tổng giám mục đi vào. Họ mặc áo dài trắng thêu chỉ vàng, và mỗi giám mục cầm gậy giám mục. Gậy giám mục thực ra là chiếc gậy của người chăn chiên đơn giản, nhưng nhiều người trong số họ đã trang sức thêm đá quý vì thế mà cuộc rước lấp lánh trong ánh mặt trời.

Tất cả đi chậm rãi dọc theo nhà thờ và đi lên các bậc đến gian cung thánh, rồi đến chỗ ngồi đã được ấn định trước một bồn nước thánh – Jack biết điều đó vì cậu đã qua sát sự chuẩn bị. Trong thời gian tạm lắng sau đó, các lời nguyện được đọc và thánh ca được hát. Đám đông bắt đầu bồn chồn, và Tommy đã chán. Rồi cuộc rước các giám mục đi ra khỏi nhà thờ.

Họ rời nhà thờ bằng cửa phía nam và mất hút trong tu viện, dân chúng thất vọng; nhưng rồi họ lại đi thành hàng từ phía tu viện qua cổng chính nhà thờ. Mỗi một giám mục cầm một cây vẩy nước thánh và một bình nước thánh. Vừa đi xung quanh nhà thờ vừa hát, họ vẩy nước thánh lên tường nhà thờ. Đám đông đổ về phía trước, xin được chúc lành và cố gắng động vào áo trắng như tuyết của các giám mục. Kỵ binh của nhà vua dùng gậy chặn dân chúng lại. Jack đứng đằng sau đám đông. Cậu không cần được chúc lành và cậu thích tránh xa cây gậy của kỵ binh.

Cuộc rước bắt đầu từ phía bắc nhà thờ, và đám đông đi theo, dẫm lên cả các ngôi mộ trong nghĩa trang. Một vài người đứng đợi ở đây đã lâu và họ chống lại sự chen lấn của đám người mới đến. Một hai vụ gậy gỗ nổ ra.

Các giám mục đi ngang cổng phía bắc và tiếp tục đi quanh vòng bán nguyệt phía cuối đông. Đây là nơi thợ thủ công đã làm các túp lều để làm việc và bây giờ đám đông chen lấn quanh túp lều, đe dọa san bằng những túp lều bằng gỗ nhẹ nhàng này. Khi người dẫn đầu cuộc rước đã đi vào khu tu viện, đám đông càng chen lấn lên phía trước hơn. Các hiệp sĩ của nhà vua phản ứng lại tàn bạo hơn.

Jack cảm thấy lo sợ. “Anh không muốn nhìn vào nó,” cậu nói với Aliena.

“Em cũng muốn nói như vậy,” cô lập lại. “Chúng ta hãy ra khỏi đám đông.”

Trước khi họ có thể di chuyển, một cuộc ẩu đả nổ ra giữa các binh sĩ của nhà vua và một nhóm người trẻ ở phía trước. Các binh sĩ của nhà vua đã đánh họ bằng gậy, nhưng những người trẻ thay vì rút lui, họ đánh lại. Các giám mục sau cùng vội vã vào tu viện, và dân chúng hướng sự chú ý của họ vào các binh sĩ. Ai đó ném một viên đá vào trán của một người cận thần. Ông ngã xuống trong khi đám đông reo hò. Cuộc chiến tay đôi bùng nổ

nhANH chóng. Các binh sĩ từ mặt tiền phía tây chạy đến bảo vệ đồng đội của họ.

Nó trở thành một cuộc náo loạn.

Không có hy vọng dân chúng sẽ tập trung lại vào buổi lễ. Jack biết rằng các giám mục và nhà vua bây giờ đang xuống hầm mộ Thánh Denis. Họ sẽ rước di tích thánh xung quanh tu viện, nhưng không rước ra ngoài. Các chức sắc sẽ không xuất hiện cho đến khi nghi thức chấm dứt. Viện phụ Suger đã không trù liệu được số dân chúng đông đảo này và cũng không thu xếp cho họ được hài lòng. Bây giờ họ thất vọng, họ nóng – mặt trời đã lên cao lúc này – và họ muốn xả cảm xúc của họ.

Binh lính nhà vua có vũ khí và dân chúng không có, lúc đầu binh lính có nhiều lợi thế hơn; nhưng một người đã nảy sinh ý tưởng vào nhà kho lấy vũ khí của thợ xây. Một vài người trẻ đập đổ cửa lều thợ xây và một lúc sau họ đi ra với búa trong tay. Một vài thợ xây có mặt trong đám đông, và một vài người chen qua đám đông vào nhà kho để ngăn chặn dân chúng đi vào; nhưng họ không thể đứng vững được và bị đẩy sang một bên.

Jack và Aiena cố gắng rút lui ra khỏi đám đông, nhưng dân chúng phía sau đẩy họ về phía trước và họ bị mắc kẹt. Jack giữ Tommy sát ngực cậu, bảo vệ lưng nó bằng cánh tay của cậu và đầu nhỏ bé của nó bằng tay, cùng lúc cậu cố chiến đấu để ở bên cạnh Aliena. Cậu nhìn thấy một người đàn ông nhỏ con, râu đen lén lút cầm tượng người phụ nữ khóc bằng gỗ. Tôi sẽ không bao giờ còn thấy nó nữa, cậu nghĩ với sự hối tiếc; nhưng cậu quá lo lắng tìm cách trốn ra ngoài hơn là lo lắng vì bị trộm đồ.

Lều của thợ mộc cũng bị phá vỡ. Thợ thủ công đã không còn hy vọng bảo vệ lều của họ nữa, và họ không cố ngăn cản đám đông. Các lò rèn quá chắc chắn, nhưng đám đông phá vỡ mái lều và lấy các công cụ nặng, nguy hiểm và sắc nhọn, và Jack nghĩ: Một vài người sẽ bị giết trước khi cuộc ẩu đả này qua đi.

Mặc dù cố gắng cậu vẫn bị đẩy về phía trước, về phía cổng bắc, nơi cuộc đụng độ đang ác liệt. Chuyện này cũng xảy ra tương tự cho người ăn trộm râu đen, cậu nhận ra: ông ấy cố trốn đi với chiến lợi phẩm, ôm bức tượng

gỗ vào ngực giống như Jack ôm Tommy, nhưng ông ấy cũng bị đám đông đẩy gần vào chỗ đánh nhau.

Bất ngờ cậu có một sáng kiến. Cậu đưa Tommy cho Aliena và nói: “Đứng gần anh.” Rồi cậu bắt tên trộm nhỏ con, giật lấy bức tượng khỏi ông ấy. Ông ấy chống lại một lúc, nhưng Jack to con hơn, ngoài ra bây giờ tên trộm lo tìm cách thoát thân hơn là ăn cắp bức tượng.

Jack nâng bức tượng lên khỏi đầu và nói to: “Đức Mẹ!” Lúc đầu không ai chú ý. Rồi một hai người nhìn cậu. “Đừng đụng vào Đức Mẹ!” cậu hét to. Những người gần cậu lùi lại và tạo nên một khoảng trống xung quanh cậu. Cậu tiếp tục đóng vai trò của cậu. “Nó là một tội nặng vì dám phỉ báng hình ảnh Đức Trinh Nữ!” Cậu giơ cao bức tượng trên đầu và đi về phía trước, về hướng nhà thờ. Có thể thành công, cậu nghĩ với niềm hy vọng. Nhiều người ngừng đánh nhau để xem chuyện gì xảy ra.

Cậu nhìn về phía sau. Aliena theo sau cậu, không thể làm gì khác vì đám đông đẩy cô. Tuy nhiên, cuộc náo loạn đã êm đi. Đám đông tiến về phía trước với Jack, và mọi người thì thầm lặp lại lời cậu: “Đây là Mẹ Thiên Chúa... Kính mừng Maria... Hãy mở đường cho tượng Đức Mẹ...” Họ chỉ muốn một cuộc biểu diễn, và bây giờ Jack thỏa mãn sự chờ đợi của họ. Chỉ còn hai ba cuộc ẩu đả bên lề. Jack nghiêm trang tiến về phía trước. Cậu giật mình vì cậu đã dễ dàng chấm dứt một cuộc náo loạn. Đám đông phía trước giãn ra, và cậu đến cửa phía bắc nhà thờ. Ở đó cậu đặt tượng xuống, với sự tôn trọng, trong bóng râm của cửa ra vào. Tượng chỉ cao hơn hai bộ, và dường như không tạo nên ấn tượng gì khi đứng trên mặt đất.

Đám đông tụ họp xung quanh cửa chờ đợi. Jack không biết phải làm gì. Có lẽ họ chờ đợi một bài giảng. Cậu đã hành động như một giáo sĩ, giơ bức tượng lên cao và giọng hô lớn vang rền, nhưng đó là tất cả những kỹ năng linh mục cậu có thể làm. Cậu thấy lo sợ: Đám đông sẽ làm gì cậu nếu cậu làm họ thất vọng?

Bất ngờ có tiếng kêu kinh ngạc.

Jack nhìn về phía sau cậu. Một vài người quý tộc đã tụ họp trong gian ngang phía bắc, nhìn ra ngoài, nhưng cậu không nhìn thấy gì để thẩm định cho sự ngạc nhiên của đám đông.

“Một phép lạ!” một ai đó nói, và những người khác cùng kêu lên: “Một phép lạ! Một phép lạ!”

Jack nhìn vào bức tượng và cậu hiểu tại sao. Nước chảy ra từ mắt tượng. Lúc đầu cậu cũng kinh hoàng như đám đông, nhưng sau đó cậu nhớ lại giả thuyết rằng tượng sẽ khóc khi có một sự thay đổi bất ngờ từ ấm sang lạnh, như nó đã xảy ra vào buổi tối ở vùng phía nam. Bức tượng đã được di chuyển từ sức nóng ban ngày vào trong chỗ mát của cửa phía bắc. Điều đó cắt nghĩa tại sao có dòng nước mắt. Nhưng đám đông không biết chuyện đó, dĩ nhiên. Tất cả những gì họ nhìn thấy là một bức tượng khóc, và họ kinh ngạc.

Một phụ nữ ở phía trước bỏ một denier, một xu bạc Pháp, xuống chân bức tượng. Jack muốn bật cười. Bỏ tiền vào chân tượng gỗ có lợi gì? Nhưng dân chúng đã được học từ giáo hội rằng phản ứng tự nhiên của họ đối với những gì thánh thiện là cho tiền, và nhiều người khác trong đám đông làm theo người phụ nữ.

Jack chẳng bao giờ nghĩ rằng đồ chơi của Raschid lại có thể kiếm được tiền. Thực vậy, nó không kiếm được tiền cho Jack – dân chúng sẽ không cho tiền khi họ nghĩ rằng tiền này sẽ vào túi Jack. Nhưng nó sẽ là một tài sản cho một nhà thờ nào đó.

Và khi Jack nhận ra điều đó, bất ngờ cậu nhìn thấy cậu phải làm gì.

Nó đến với cậu trong nháy mắt, và cậu bắt đầu nói ngay cả khi cậu chưa xếp xong thành câu nói. “Tượng Mẹ khóc không phải là của tôi mà là của Thiên Chúa,” cậu bắt đầu. Đám đông yên lặng. Đây là bài giảng họ đã chờ đợi từ lâu. Đằng sau Jack, các giám mục đang hát trong nhà thờ, nhưng bây giờ không ai quan tâm tới. “Hàng trăm năm trước, tượng Mẹ đã mòn mỏi chờ đợi trong vùng đất của người Saracen,” Jack tiếp tục. Cậu không biết gì về lịch sử của bức tượng, nhưng dường nó không phải là vấn đề: chính các linh mục cũng chẳng bị đòi hỏi phải gần với sự thật của phép lạ và di tích thánh. “Tượng đã du hành qua nhiều dặm đường, nhưng cuộc hành trình chưa chấm dứt ở đây. Tượng sẽ về đến nhà thờ chính tòa Kingsbridge ở nước Anh.”

Cậu bắt gặp ánh mắt của Aliena. Cô nhìn cậu kinh ngạc. Cậu phải chống lại sự cảm động để nháy mắt với cô và cho cô biết đó chỉ là chuyện cậu vừa tự nghĩ ra.

“Đây là nhiệm vụ thiêng liêng của tôi để đem tượng này về Kingsbridge. Ở đó, tượng sẽ ở vĩnh viễn. Ở đó, tượng sẽ được an bình.” Khi cậu nhìn Aliena, cậu được truyền cảm hứng và nói: “Tôi vừa được chỉ định làm thợ xây dựng tổng thể chính cho nhà thờ chính tòa mới ở Kingsbridge.”

Miệng Aliena mở to. Jack quay đi. “Tượng Mẹ khóc đã yêu cầu xây một nhà thờ lộng lẫy cho Mẹ ở Kingsbridge, và với sự giúp đỡ của Mẹ, tôi sẽ xây dựng một đền thánh cho Mẹ đẹp như đền thánh mới được dựng nên ở đây dành cho di tích Thánh Denis.”

Cậu liếc nhìn xuống dưới, và số tiền trên mặt đất cho cậu ý tưởng. “Số tiền xu của quý vị được dùng để xây dựng nhà thờ mới,” cậu nói. “Đức Mẹ ban phước lành cho mỗi ông, mỗi bà và trẻ em, những người giúp xây một ngôi nhà mới cho Mẹ.”

Một lúc yên lặng; sau đó dân chúng ném đồng xu xuống đất, quanh chân bức tượng. Mỗi người cất tiếng nói một điều gì đó khi họ dang cúng tiền bạc. Một vài người nói “Alleluia” hay “ngợi khen Chúa” và những người khác xin một phúc lành, hay một ơn nào đó: “Xin cho Robert được khỏi,” hay “Xin cho Anne có con,” hay “Cho chúng con mùa gặt tốt.” Jack ngắm nét mặt họ: họ hào hứng, lên tinh thần, hạnh phúc. Họ đẩy nhau về phía trước, chen lấn bỏ tiền cho tượng Mẹ khóc. Jack nhìn xuống và kinh ngạc khi đồng tiền cao như đồng tuyết dưới chân cậu.

Tượng Mẹ khóc có cùng tác dụng trong mỗi thị trấn và làng mạc trên đường tới Cherbourg. Khi họ đi thành đoàn rước theo con đường chính, dân chúng theo họ thành từng đoàn; và rồi, sau khi họ nghỉ trước một nhà thờ để dân chúng có đủ thời gian tụ tập lại, họ sẽ đem tượng vào chỗ mát trong tòa nhà và tượng sẽ khóc, khi đó dân chúng sẽ đè lên nhau vì sốt sắng muốn biểu tiền cho việc xây dựng nhà thờ chính tòa Kingsbridge.

Khi mới bắt đầu họ đã hầu như mất bức tượng. Các giám mục và tổng giám mục nghiên cứu bức tượng và tuyên bố nó thực sự kỳ diệu, và viện phụ Suger muốn giữ nó cho Saint-Denis. Ông đã trả giá Jack một đồng

bảng Anh, rồi mười và sau cùng năm mươi bảng Anh. Khi ông nhận ra rằng Jack không quan tâm đến tiền bạc, ông dọa sẽ lấy bức tượng đi; nhưng tổng giám mục Theobald thành Canterbury ngăn cản ông. Theobald nhìn thấy khả năng bức tượng sẽ mang lại nhiều lợi nhuận, nên ông muốn bức tượng về Kingsbridge thuộc tổng giáo phận của ông. Suger miễn cưỡng chấp nhận và bày tỏ sự dè dặt về tính xác thực của phép lạ.

Jack đã tuyên bố với các thợ thủ công ở Saint-Denis rằng cậu sẽ thuê bất cứ người nào theo cậu đến Kingsbridge. Suger cũng không hài lòng về điều đó. Thực ra, hầu hết họ sẽ ở lại, theo nguyên tắc rằng một con chim trong tay thì tốt hơn là hai con trong bụi rậm; nhưng có vài người gốc Anh bị cảm dỗ quay trở về; và những người khác loan truyền tin đó đi, bởi vì nhiệm vụ của người thợ xây là thông tin cho các đồng nghiệp của mình về những công trình xây dựng mới. Trong một vài tuần nữa thợ xây từ các vùng Kitô giáo sẽ lên đường đến Kingsbridge. Aliena hỏi Jack cậu sẽ làm gì nếu tu viện Kingsbridge không chấp nhận cậu là thợ xây dựng chính. Cậu chưa nghĩ tới. Cậu đã loan tin này vì sự thôi thúc bất ngờ và không có kế hoạch dự phòng trong trường hợp mọi sự không xảy ra theo ý cậu muốn.

Tổng giám mục Theobald, người tuyên bố tượng Mẹ Khóc dành cho nước Anh, không đơn giản để Jack đi một mình với bức tượng. Ông đã gửi hai linh mục từ đoàn tùy tùng của ông, Reynold và Edward, để đồng hành với Jack và Aliena trên cuộc hành trình của họ. Lúc đầu Jack không hài lòng về việc ấy, nhưng cậu đã nhanh chóng thích họ. Reynold là một người trẻ thích tranh luận với khuôn mặt tươi, một đầu óc thông minh và thích thú với toán học mà Jack đã học ở Toledo. Edward là người lớn tuổi, hòa nhã và thích làm việc. Nhiệm vụ chính của họ, dĩ nhiên, là canh chừng không cho của dâng cúng rơi vào túi của Jack. Trong thực tế, hai linh mục đã dùng tiền dâng cúng để chi phí cho cuộc du hành của họ, trong khi đó Jack và Aliena dùng tiền riêng của họ, vì thế tổng giám mục đã tin tưởng Jack hơn.

Trên đường đến Barfleur, nơi họ sẽ lấy tàu về Wareham, họ đi ngang qua Cherbourg. Jack biết có chuyện gì đó không ổn trước khi họ đến trung tâm của thị trấn nhỏ bên bờ biển. Dân chúng không nhìn vào tượng Đức Mẹ.

Họ nhìn chăm chăm vào Jack.

Một lúc sau các linh mục chú ý đến chuyện đó. Họ khênh tượng trên một kiệu bằng gỗ, như họ thường làm khi vào một thị trấn. Khi đám đông đi theo họ, Reynold nói với Jack: “Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Tôi không biết.”

“Họ quan tâm đến anh hơn là đến bức tượng! Trước đây anh có ở đây không?”

“Chưa bao giờ.”

Aliena nói: “Những người lớn tuổi nhìn vào Jack, còn những người trẻ nhìn vào tượng.”

Cô có lý. Trẻ em và người trẻ tò mò về bức tượng. Những người trung niên nhìn cậu. Cậu nhìn lại họ và cậu thấy họ sợ hãi. Một người làm dấu thánh giá trên cậu. “Họ chống lại tôi điều gì?” Jack tự hỏi to tiếng.

Cuộc rước thu hút nhiều người theo nhanh chóng như mọi khi, và khi đến chợ, số người theo đã thành một đám đông lớn. Họ đặt bức tượng xuống trước cửa nhà thờ. Không khí mang theo mùi muối và cá tươi. Nhiều dân thị trấn đi vào nhà thờ. Sau đó thông thường giáo sĩ địa phương sẽ đi ra nói chuyện với Reynold và Edward. Sau đó sẽ có một cuộc thảo luận và giải thích, rồi bức tượng sẽ được rước vào trong, nơi bức tượng sẽ khóc. Đức Mẹ chỉ có một lần không khóc: vào một ngày trời lạnh, khi Reynold nhất định theo thể thức bình thường mặc dù Jack đã cảnh báo là nó không có tác dụng. Bây giờ họ tôn trọng lời khuyên của cậu.

Hôm nay thời tiết thích hợp, nhưng có chuyện gì đó không đúng. Trên khuôn mặt dày dặn sương gió của các thủy thủ và ngư dân có nét sợ hãi mê tín. Những người trẻ cảm nhận được sự lo âu của người lớn tuổi, và thái độ của toàn bộ đám đông có vẻ nghi ngờ, ngay cả thù địch. Không ai đến gần để hỏi về bức tượng. Họ đứng cách xa, nói chuyện thầm thì và chờ đợi một điều gì đó sẽ đến.

Sau cùng một linh mục bước ra. Trong các thị trấn khác vị linh mục đến gần với tâm trạng tò mò và thận trọng, nhưng vị linh mục này đi ra giống như người trừ quỷ, cầm thánh giá trước mặt như khiên đỡ và một bình nước thánh ở tay kia. Reynold nói: “Ông ấy định làm gì vậy? Ông ấy định trừ quỷ sao?” Vị linh mục đi ra, đọc một lời gì đó bằng tiếng Latin, và tiến đến

Jack. Ông nói bằng tiếng Pháp: “Hỡi quý dữ! Ta ra lệnh cho người trở về nơi chốn của người! Nhân danh Cha –“

“Tôi không phải là ma quỷ!” Jack thốt lên. Cậu mất bình tĩnh.

Vị linh mục tiếp tục: “Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần –“

“Chúng tôi đang thi hành sứ mạng của tổng giám mục thành Canterbury,” Reynold phản đối. “Chúng tôi được được phép của ông ấy.”

Aliena nói: “Anh ấy không phải là ma quỷ; tôi đã biết anh ấy từ khi anh ấy mười hai tuổi.”

Vị linh mục bắt đầu nghi ngờ. “Ông là hồn ma của một người trong thị trấn này, người đã chết hai mươi bốn năm về trước,” ông nói. Nhiều người thăm thì đồng ý, và linh mục lặp lại câu thần chú.

“Tôi mới hai mươi tuổi,” Jack nói. “Có lẽ tôi chỉ giống người đàn ông đã chết.”

Một người bước ra khỏi đám đông. “Ông không những giống ông ấy,” người ấy nói. “Ông chính là ông ấy – không khác gì so với ngày ông chết.”

Đám đông thăm thì sợ hãi. Jack cảm thấy tức tối, nhìn vào người đàn ông vừa nói. Ông ấy là một người có bộ râu xám, chạc bốn mươi, mặc quần áo thuộc giới nghệ nhân thành công hay thương gia nhỏ. Ông ấy không có vẻ gì cuồng loạn. Jack nói với ông ấy với một chút ngập ngừng: “Những người đồng hành biết tôi. Hai người trong số họ là linh mục. Người phụ nữ này là vợ tôi. Đứa bé là con tôi. Họ cũng là ma nữa sao?”

Người đàn ông bắn khoăn.

Một người đàn bà tóc bạc đứng bên cạnh ông lên tiếng. “Ông không biết tôi à, Jack?”

Jack giật mình. Bây giờ cậu thấy sợ. “Tại sao bà biết tên tôi?” cậu hỏi.

“Bởi vì tôi là mẹ của ông,” bà nói.

“Bà không phải!” Aliena nói, và Jack nghe thấy nét kinh hoàng trong giọng cô. “Tôi biết mẹ anh ấy, và bà ấy không phải là bà! Chuyện gì xảy ra ở đây?”

“Một chuyện ma thuật!” linh mục nói.

“Hãy bình tĩnh,” Reynold nói. “Jack có thể là thân nhân của người đã chết. Người đàn ông đã chết có con cái không?”

“Không,” người đàn ông râu xám nói.

“Ông có chắc chắn không?”

“Ông ấy chưa lập gia đình.”

“Hai chuyện ấy không liên quan với nhau.”

Một hai người cười khúc khích. Vị linh mục nhìn họ.

Người có râu xám nói: “Nhưng ông ấy đã chết hai mươi bốn năm rồi, và Jack này nói anh ấy mới chỉ có hai mươi.”

“Ông ấy chết cách nào?” Reynold hỏi.

“Chết đuối.”

“Ông có nhìn thấy thi thể của ông ấy không?”

Một thoáng yên lặng. Sau cùng người đàn ông râu xám nói: “Không, tôi không nhìn thấy xác ông ấy.”

“Có ai nhìn thấy không?” Reynold hỏi, giọng ông cao như thể sắp chiến thắng.

Không ai trả lời.

Reynold quay về phía Jack. “Bố anh còn sống không?”

“Ông ấy chết trước khi tôi sinh ra.”

“Ông ấy làm nghề gì?”

“Ông ấy là người hát dạo.”

Tiếng thì thầm vang lên và người đàn bà tóc bạc nói: “Jack của tôi là một người hát dạo.”

“Nhưng Jack này là một thợ xây,” Reynold nói. “Tôi đã nhìn thấy công trình của anh ấy. Tuy nhiên, anh ấy có thể là con của Jack hát dạo.” Ông quay sang Jack. “Bố anh tên là gì? Jack hát dạo, tôi đoán như thế?”

“Không. Họ gọi ông ấy là Jack Shareburg.”

Vị linh mục lặp lại tên ấy, cách phát âm hơi khác. “Jacques Cherbourg?”

Jack choáng váng. Cậu chẳng bao giờ hiểu tên của bố cậu, nhưng bây giờ nó đã rõ ràng. Giống như những người du hành khác, ông ấy được gọi tên theo thành phố quê hương của ông ấy. “Vâng,” Jack bàng hoàng nói. “ Dĩ nhiên, Jacques Cherbourg.” Sau cùng, cậu đã tìm ra tông tích của bố cậu, sau khi cậu đã ngừng tìm kiếm. Cậu đã đi tới tận Tây Ban Nha, nhưng những gì cậu muốn tìm lại ở đây, bên bờ biển Nornandy này. Cậu đã hoàn

thành điều cậu ước mong. Cậu cảm thấy hài lòng như thể cậu trút được gánh nặng mà cậu đã mang nó từ lâu.

“Bây giờ mọi chuyện đã rõ ràng,” Reynold nói, nhìn đặc thẳng vào đám đông. “Jacques Cherbourg đã không bị chết đuối, ông ấy đã sống sót. Ông ấy đến nước Anh, sống một thời gian ở đó, có thai với một phụ nữ rồi qua đời. Người phụ nữ sinh con và đặt tên cho nó theo bố nó. Jack ở đây bây giờ hai mươi tuổi, và trông giống hệt bố cậu đã chết cách đây hai mươi bốn năm.” Reynold nhìn vào vị linh mục. “Cha không cần phải trừ quỷ ở đây, thừa cha. Đây chỉ là cuộc đoàn tụ gia đình.”

Aliena đặt tay cô quanh Jack và siết chặt tay cậu. Cậu cảm thấy sững sờ. Cậu có hàng trăm câu hỏi và không biết bắt đầu ở đâu. Cậu buột miệng nói: “Tại sao mọi người lại chắc chắn ông ấy đã chết?”

“Mọi người trên con tàu trắng đã chết,” người đàn ông râu xám nói.

“Tàu màu trắng?”

“Tôi nhớ con tàu màu trắng,” Erward nói. “Đó là một thảm họa được nhiều người biết đến. Người thừa kế ngai vàng đã chết. Sau đó Maud trở thành người thừa kế, và đó là lý do tại sao bây giờ chúng ta có Stephen.”

Jack hỏi: “Nhưng tại sao ông ấy lại có mặt trên con tàu đó?”

Người đàn bà già, người đã lên tiếng lúc đầu, trả lời. “Ông ấy tiêu khiển giới quý tộc trên cuộc hành trình.” Bà nhìn Jack. “Cháu phải là con của ông ấy. Cháu của bà. Bà xin lỗi vì bà tưởng cháu là ma quỷ. Cháu trông giống hệt ông ấy.”

“Bố cháu là anh của chú,” người đàn ông có râu xám nói. “Chú là chú Guillaume của cháu.”

Jack nhận ra với một niềm vui lớn lao rằng đây là gia đình mà cậu đã mong ước từ lâu, những người họ hàng thân thích của bố cậu. Cậu sẽ không còn cô độc trên thế giới này. Sau cùng cậu đã tìm ra được tông tích của cậu.

“Vâng, đây là con trai của cháu,” cậu nói. “Hãy nhìn vào tóc đỏ của nó.”

Bà già tóc bạc nhìn trườu mến vào đứa bé, rồi nói bằng giọng ngạc nhiên: “Ồ! Trời ơi! Tôi là bà cụ của nó!”

Mọi người cười.

Jack nói: “Tôi tự hỏi làm cách nào mà bố tôi có thể đến được nước Anh?”

PHẦN MƯỜI BA

I

“Và Thiên Chúa nói với Satan: ‘Hãy nhìn vào Job của ta. Đây là người tốt mà ta đã gặp.’” Philip ngưng lại. Đây không phải là lời dịch mà là một lối kể chuyện. ‘Hãy nói cho ta nếu ông ấy không phải là người hoàn hảo và ngay thẳng, người kính sợ Thiên Chúa và không làm gì xấu.’ Vì thế Satan nói: ‘Dĩ nhiên ông ấy kính sợ ông. Ông đã cho ông ấy mọi sự. Hãy nhìn vào ông ấy. Bấy con trai và ba con gái. Bấy ngàn con cừu và ba ngàn con lạc đà, năm ngàn cặp bò và năm trăm lừa cái. Đó là lý do tại sao ông ấy lại là người tốt.’ Vì thế Thiên Chúa nói: ‘Được. Hãy lấy hết tất cả tài sản của ông ấy đi, và xem chuyện gì sẽ xảy ra.’ Và Satan làm như vậy.”

Trong khi Philip giảng, tâm trí ông lần vắn về lá thư ông mới nhận được sáng nay từ tổng giám mục thành Canterbury. Ông ấy chúc mừng về việc ông nhận được tượng Đức Mẹ khóc làm nhiều phép lạ. Philip không biết gì về tượng Đức Mẹ khóc và ông chắc chắn là ông không có. Tổng giám mục vui mừng vì Philip lại tiếp tục xây dựng nhà thờ chính tòa mới, mặc dù Philip chưa có kế hoạch tiếp tục. Ông chờ đợi một dấu hiệu từ Thiên Chúa trước khi bắt tay vào việc, và trong thời gian chờ đợi ông dâng thánh lễ chủ nhật trong một nhà thờ giáo xứ nhỏ. Sau cùng tổng giám mục Theobald khen sự khôn ngoan của Philip về việc chỉ định người thợ xây dựng chính, một người đã từng làm việc ở Saint-Denis. Dĩ nhiên Philip đã nghe về tu viện Saint-Denis và viện phụ nổi tiếng Suger, một giáo sĩ có thể lực mạnh nhất trong vương quốc Pháp; nhưng ông không biết gì về gian cung thánh mới ở đó và ông không chỉ định bất cứ người xây dựng chính nào. Philip nghĩ bức thư có lẽ viết cho một ai khác rồi gửi lộn cho ông.

“Bây giờ, Job sẽ nói gì khi ông mất hết tài sản và con cái ông đã chết hết? Ông có nguyên rủa Thiên Chúa không? Ông có thờ Satan không? Không, ông nói: ‘Tôi sinh ra trần truồng, và tôi sẽ chết trong trần truồng. Thiên Chúa đã ban cho và Thiên Chúa lấy đi – chúc tụng danh thánh Chúa.’ Đó là điều mà Job đã nói. Và Thiên Chúa nói với Satan: ‘Ta đã nói gì với người?’ Và Satan nói: ‘Đúng, nhưng ông ấy vẫn còn khỏe mạnh, phải không?’ Một người có thể làm được mọi chuyện nếu họ có sức khỏe tốt.’ Và Thiên Chúa để cho Job phải đau khổ nhiều hơn nữa để Ngài chứng tỏ sự tin tưởng của Ngài đối với ông, vì thế Thiên Chúa nói: ‘Hãy lấy sức khỏe của ông ấy đi, rồi xem sự gì sẽ xảy ra.’ Vì thế Satan làm cho Job bị bệnh hoạn, nở từ đầu cho đến bàn chân.”

Trong thời gian qua, việc giảng trong các nhà thờ đã được phổ biến. Trong thời thơ ấu của Philip chuyện đó ít khi xảy ra. Viện phụ Peter đã chống lại và cho rằng việc đó muốn dụ dỗ các linh mục thỏa mãn với chính mình. Quan điểm xưa cho rằng cộng đoàn là những khán giả, âm thầm chứng kiến các nghi thức thánh, nghe tiếng Latin mà không hiểu và tin tưởng vào lời cầu nguyện của các linh mục. Nhưng quan điểm này đã thay đổi. Những tư tưởng tiến bộ ngày nay không còn cho rằng cộng đoàn là những khán giả lặng thinh của những nghi thức mẫu nghi. Giáo hội được coi là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của người dân. Giáo hội chứng kiến những bước quan trọng trong đời sống của họ, từ lễ rửa tội cho đến lễ cưới, từ khi đứa trẻ được sinh ra, đến việc được xức dầu khi bị bệnh nặng và được an táng trong lòng đất thánh. Giáo hội là chủ đất của họ, thẩm phán, chủ nhân trong công việc và khách hàng của họ. Càng ngày dân chúng càng được chờ đợi trở thành Ki Tô hữu mỗi ngày, không phải chỉ vào ngày chủ nhật. Theo quan điểm mới họ không những cần nghi thức mà còn cần giải thích, hướng dẫn, động viên, khích lệ.

“Bây giờ, tôi tin rằng Satan đã có cuộc nói chuyện với Thiên Chúa về Kingsbridge,” Philip nói. “Tôi tin rằng Thiên Chúa nói với Satan: ‘Hãy nhìn vào dân cư Kingsbridge. Họ không phải là những Ki Tô hữu tốt hay sao? Hãy nhìn họ đã vất vả cả tuần lễ trên cánh đồng và trong xưởng thợ, và rồi dùng cả ngày chủ nhật để xây dựng cho ta một ngôi nhà thờ mới.

Hãy cho ta biết nếu họ không phải là người tốt!’ và Satan nói: ‘Họ tốt bởi vì họ đang có cuộc sống tốt. Ông đã cho họ mùa gặt tốt, thời tiết thuận lợi, khách hàng cho cửa tiệm của họ, và bảo vệ họ khỏi những lãnh chúa độc ác. Nhưng nếu ông lấy khỏi họ tất cả những điều này, họ sẽ theo tôi ngay.’ Vì thế Thiên Chúa nói: ‘Được, hãy đốt cháy hết đi, rồi xem họ phản ứng ra sao.’ Vì thế Satan sai William Hamleigh đốt cháy hội chợ len của chúng ta.”

Philip tìm được sự an ủi lớn lao từ câu truyện của Job. Giống như Job, Philip đã làm việc cực nhọc cả đời, với tất cả khả năng để chu toàn ý Thiên Chúa; và giống như Job, ông chỉ nhận được bất hạnh, thất bại và sỉ nhục. Nhưng mục đích của bài giảng là nâng cao tinh thần của cư dân tỉnh lỵ, và Philip có thể thấy nó không mang lại kết quả. Tuy nhiên, câu truyện chưa kết thúc.

“Và rồi Thiên Chúa nói với Satan: ‘Bây giờ hãy nhìn! Người đã đốt cháy cả thị trấn, và họ vẫn còn xây cho ta ngôi nhà thờ chính tòa. Bây giờ người có thể nói rằng họ không phải là người tốt nữa không?’ Nhưng Satan nói: ‘Nó quá dễ đối với họ. Hầu hết họ đều thoát khỏi hỏa hoạn. Và chẳng bao lâu sau họ lại có nhà cửa bằng gỗ. Hãy cho phép tôi được đem đến một thảm họa thực sự, rồi xem chuyện gì xảy ra.’ Và Thiên Chúa thở dài rồi nói: ‘Người muốn làm gì bây giờ?’ Và Satan nói: “Tôi muốn để mái nhà thờ mới sụp trên đầu họ.’ Và Satan đã làm như thế - như chúng ta đã biết.”

Nhìn quanh cộng đoàn tham dự, Philip thấy rất ít người đã không mất người thân trong vụ thảm họa đó. Kìa là bà góa phụ Meg, người đã mất người chồng tốt và ba người con vạm vỡ, và từ đó bà đã chẳng nói gì và tóc bà bạc trắng ra. Những người khác mang theo những vết thương. Peter Pony đi khắp khểnh vì chân ông bị đè bẹp: trước đây ông là người bắt ngựa, nhưng bây giờ ông làm yên ngựa cho em trai ông. Ít có một gia đình nào trong thị trấn không bị thiệt hại gì. Ngồi trên nền nhà phía trước là một người đàn ông đã bị liệt cả hai chân. Philip cau mày: ông ấy là ai? Ông ấy không bị thương trong biến cố mái nhà bị sụp đổ - Philip đã chẳng thấy ông trước đây. Rồi ông nhớ đã nghe kể về một người què đi ăn xin trong thị trấn

và ngủ trong đồng đồ nát của nhà thờ. Philip đã ra lệnh cho ông một chiếc giường trong nhà khách.

Tâm trí ông lang thang một lần nữa. Ông trở lại với bài giảng. “Bây giờ Job làm gì? Vợ ông nói với ông: ‘Hãy nguyện rửa Thiên Chúa, rồi chết.’ Nhưng ông có làm theo không? Ông không. Ông có mất niềm tin vào Thiên Chúa không? Ông không. Satan thất vọng. Và tôi nói cho quý vị” – Philip giơ tay lên để nhấn mạnh điều muốn nói – “Tôi nói cho quý vị, Satan sẽ thất vọng vì những cư dân của Kingsbridge! Bởi vì chúng ta tiếp tục kính sợ Thiên Chúa, cũng giống như Job đã làm trong tất cả khổ cực của ông.”

Ông ngưng lại một lần nữa để họ thấm hiểu lời ông, nhưng ông có thể nói ông đã thất bại trong việc nâng tinh thần họ lên. Những khuôn mặt ngẩng lên nhìn ông chăm chú, nhưng không được khích lệ. Thật ra ông không phải là nhà giảng thuyết tạo nên khí thế. Ông đứng vững trên mặt đất. Ông không thể thu hút cộng đoàn bằng sức mạnh khả năng, mà bằng nhân cách của ông. Sự thật là dân chúng trở nên trung thành với ông, nhưng không phải ngay lập tức: nó xảy ra từ từ, qua thời gian, khi họ hiểu ông sống ra sao và ông đã đạt được gì. Công việc của ông thu hút dân chúng – hay đã thu hút dân chúng trong thời gian vừa qua – nhưng không phải lời nói của ông.

Tuy nhiên, phần tốt nhất của câu truyện sẽ đến. “Điều gì đã xảy ra với Job, sau khi Satan đã làm những việc tệ hại nhất? Vâng, Thiên Chúa đã cho ông nhiều hơn những gì ông có – hai lần nhiều hơn! Nơi ông chăn thả bảy ngàn con cừu bây giờ đã lên đến mười bốn ngàn. Ba ngàn con lạc đà ông đã mất được đền bù bằng sáu ngàn con. Và ông có thêm bảy người con trai và ba con gái.”

Họ nhìn thờ ơ. Philip tiếp tục. “Và một ngày nào đó Kingsbridge sẽ lại thịnh vượng. Các quả phụ sẽ lấy chồng, các ông góa vợ sẽ tìm được vợ, và những người chết con sẽ mang thai; và đường phố chúng ta sẽ đầy người, và các cửa hàng sẽ xếp chồng bánh mì và rượu, da và đồ đồng, dây và giày da; và một ngày chúng ta sẽ xây dựng lại nhà thờ chính tòa.”

Vấn đề là ông không chắc chắn những gì ông nói; vì thế ông không thể nói với sự thuyết phục. Nên không ngạc nhiên gì khi cộng đoàn không có

phản ứng.

Ông nhìn xuống cuốn sách dày trước mặt ông, và dịch từ Latin sang tiếng Anh. “Và Job sống thêm một trăm bốn mươi năm nữa, và nhìn thấy con ông, cháu ông và chặt ông. Và ông chết thọ và sung mãn.” Ông đóng sách lại.

Có sự ồn ào ở đằng sau nhà thờ nhỏ. Philip cúi kính nhìn lên. Ông biết rằng bài giảng của ông không có hiệu quả như ông chờ đợi, tuy nhiên ông muốn một vài phút yên lặng sau đó. Cửa nhà thờ mở và những người ngồi ở cuối nhà thờ nhìn ra. Philip nhìn thấy một đám đông bên ngoài – những người không ở trong nhà thờ có lẽ đã tụ họp ở đó, ông nghĩ. Chuyện gì vậy?

Nhiều khả năng có thể xảy ra, Philip nghĩ – có thể là một cuộc đánh nhau, một cuộc hỏa hoạn, một người nào đó qua đời, một toán kỵ binh đang đến – nhưng ông hoàn toàn không ngờ đến việc thực sự đang xảy ra. Trước hết hai linh mục khênh tượng một phụ nữ trên một tấm ván trải khăn thêu của bàn thờ. Thái độ nghiêm trang của họ tỏ ra bức tượng là một vị thánh hay có lẽ là Đức Mẹ. Hai người khác đi sau các linh mục, và họ gây ngạc nhiên lớn: một người là Aliena và người kia là Jack.

Philip nhìn Jack bằng cảm xúc lẫn lộn giữa thương mến và bức tức. Ông nghĩ cậu bé đó, ngày đầu tiên khi cậu đến đây, nhà thờ chính tòa đã bị cháy, và từ khi không có liên hệ với cậu ấy, mọi chuyện trở lại bình thường. Nhưng khi Jack bước vào ông cảm thấy hài lòng hơn là khó chịu. Mặc dù bao nhiêu chuyện rắc rối cậu đã gây ra, cậu làm cho đời sống hấp dẫn. Philip nhìn cậu. Jack không còn là một cậu bé. Cậu mới đi hai năm nhưng cậu dường như già đi mười tuổi, và đôi mắt cậu mệt mỏi và hiểu biết. Cậu đã đi đâu? Và làm thế nào cậu đã tìm được Aliena?

Đám rước tiến lên ở khu giữa nhà thờ. Philip quyết định không làm gì và chờ xem việc gì xảy ra. Tiếng thì thầm phấn khích giữa đám đông khi dân chúng nhận ra Jack và Aliena. Rồi một âm thanh mới, đúng hơn là tiếng thì thầm kinh hoàng, và ai đó nói: “Bức tượng khóc!”

Những người khác lập lại nó như một lời kinh dài: “Tượng khóc! Tượng khóc!” Philip nhìn chăm chú vào bức tượng. Chắc chắn có nước chảy từ

mắt tượng. Ông chợt nhớ đến bức thư của tổng giám mục về tượng Mẹ khóc hay làm phép lạ. Vì thế đây là bức tượng đó. Nếu nước mắt là một phép lạ, sau này ông sẽ phán quyết. Ông có thể thấy đôi mắt hình như làm bằng đá, hay một loại thủy tinh, trong khi phần còn lại của bức tượng được làm bằng gỗ: có thể trong đó sẽ có lời giải đáp.

Các linh mục quay đầu lại và đặt kiệu xuống nền đất để tượng đối diện với cộng đoàn. Rồi Jack bắt đầu nói.

“Tượng Đức Mẹ khóc đến với tôi trong một đất nước xa xôi,” cậu bắt đầu. Philip bực mình vì cậu xen vào thánh lễ của ông nhưng ông quyết định không làm gì và để cho Jack nói. Một cách nào đó cậu cũng thu hút ông. “Một người Saracen đã được rửa tội cho tôi bức tượng này,” Jack tiếp tục. Cộng đoàn thì thầm vì ngạc nhiên: Saracens được biết đến trong những câu truyện là quân thù dã man, mặt đen, và chỉ có vài người biết rằng một vài người trong số họ đã trở thành Ki Tô hữu. “Lúc đầu tôi tự hỏi tại sao bức tượng lại được trao cho tôi. Tuy nhiên, tôi mang theo nó qua nhiều dặm đường.” Jack đã làm cộng đoàn say mê. Cậu ấy là một nhà giảng thuyết giỏi hơn tôi, Philip buồn bã nghĩ; sự hứng thú có thể cảm thấy được trong cộng đoàn. “Sau cùng tôi nhận ra rằng bức tượng muốn về nhà. Nhưng nhà của Đức Mẹ ở đâu? Sau cùng tôi chợt nhận ra: Đức Mẹ muốn về Kingsbridge.”

Cộng đoàn huyên náo vì ngạc nhiên. Philip nghi ngờ. Có một sự khác biệt giữa cách Thiên Chúa làm và cách Jack làm, và việc này có dấu hiệu của Jack. Nhưng Philip giữ yên lặng.

“Nhưng rồi tôi nghĩ: Tôi sẽ đem mẹ đi đâu? Đền thánh nào mẹ muốn ở Kingsbridge? Trong nhà thờ nào mẹ sẽ nghỉ ngơi vĩnh viễn?” Ánh mắt cậu lướt qua những bức tường trắng đơn sơ của nhà thờ giáo xứ như thể muốn nói: Nhà thờ này không phải là nơi mẹ ở. “Và như thế mẹ nói với tôi: ‘Jack, con sẽ làm cho mẹ một đền thánh và xây cho mẹ một nhà thờ.’”

Philip nhận ra Jack muốn gì. Bức tượng sẽ là ngọn lửa hun đốt lại sự nhiệt tâm của dân chúng trong việc xây dựng nhà thờ mới. Nó sẽ làm được điều mà bài giảng của Philip về Job đã thất bại. Nhưng Philip vẫn tự hỏi: Đó là ý của Thiên Chúa hay là ý muốn của Jack?

“Vì thế tôi hỏi mẹ: ‘Làm sao con xây dựng được vì con không có tiền.’ Và mẹ nói: ‘Mẹ sẽ cung cấp tiền bạc.’ Vâng, chúng tôi lên đường với sự chúc lành của tổng giám mục thành Canterbury.” Jack nhìn Philip khi cậu nói tên của tổng giám mục. Cậu ấy muốn nói gì với tôi, Philip nghĩ: cậu ấy muốn nói cậu ấy có sự hỗ trợ mạnh mẽ đằng sau cho việc này.

Jack quay mặt lại phía cộng đoàn. “Và dọc theo đường đi, từ Paris qua Normandy, qua biển và mọi con đường dẫn đến Kingsbridge, các Ki Tô hữu sùng đạo đã dâng cúng tiền bạc để xây dựng đền thánh cho tượng mẹ khóc.” Khi đó, Jack ra hiệu cho ai đó bên ngoài.

Một lúc sau hai người Saracens nghiêm trang bước vào nhà thờ, khênh trên vai một thùng bọc sắt.

Dân làng sợ hãi lùi lại. Ngay cả Philip cũng kinh ngạc. Ông biết, trong sách vở, rằng người Sarecens có da đen, nhưng ông chưa bao giờ gặp họ, và thực tế thật sùng sốt. Họ mặc áo sắc sỡ. Họ sải bước qua cộng đoàn và quỳ gối trước tượng, cúi gằm mặt xuống đất.

Một sự yên lặng nín thở khi Jack mở hòm bằng một chìa khóa lớn và nhấc nắp hòm lên. Dân chúng ngẩng cao cổ để nhìn. Bất ngờ Jack đổ thùng ra. Một âm thanh như thác nước đổ, và một dòng tiền bạc đổ ra từ chiếc hòm, hàng trăm, hàng ngàn. Dân chúng tụ họp lại để xem: chưa ai đã nhìn thấy nhiều tiền như thế.

Jack nói to, át tiếng kêu la thán phục. “Tôi đã đem mẹ về nhà, và bây giờ tôi trao mẹ lại cho thợ xây dựng chính của nhà thờ chính tòa mới.” Rồi cậu quay lại, nhìn vào mắt Philip, và cúi đầu một chút như muốn nói: bây giờ tới phiên ông.

Philip ghét kiểu mánh khéo này nhưng cùng lúc ông cũng công nhận rằng cách cậu làm thật đáng khâm phục. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là Jack đã thành công. Dân chúng có thể trầm trồ về tượng mẹ khóc, nhưng chỉ Philip mới có quyền quyết định cho bức tượng được nghỉ ngơi trong nhà thờ chính tòa Kingsbridge, bên cạnh di tích thánh Adolphus hay không. Và ông vẫn chưa được thuyết phục.

Một vài dân làng bắt đầu hỏi chuyện người Sacacens. Philip bước xuống khỏi bục giảng và đến gần hơn để nghe. “Tôi đến từ một đất nước rất xa,”

một người trong họ nói. Philip ngạc nhiên nghe ông ấy nói tiếng Anh giống như một ngư dân miền Dorset, nhưng hầu hết dân làng không biết rằng người Saracens có ngôn ngữ riêng của họ.

“Tên đất nước của ông là gì?” một người hỏi.

“Đất nước tôi tên là Châu Phi,” người Saracen trả lời. Ở Châu Phi có nhiều nước, dĩ nhiên, như Philip biết – mặc dù hầu hết dân làng không biết – và Philip tự hỏi người Saracen này đến từ đất nước nào. Nó sẽ thú vị biết mấy nếu nó là một nơi được nhắc đến trong Kinh Thánh như Ai Cập hoặc Ethiopia.

Một bé gái đưa ngón tay ra và chạm vào bàn tay đen của ông. Người Saracen mỉm cười với cô. Ngoại trừ màu da, Philip nghĩ, ông ấy trông không khác gì mấy với những người khác. Thêm tự tin, bé gái nói: “Châu Phi trông như thế nào?”

“Có sa mạc to lớn và cây vả.”

“Cây vả như thế nào?”

“Nó... nó là một trái cây, trông giống như trái dâu và mùi vị giống như trái lê.”

Philip bất ngờ cảm thấy nghi ngờ khủng khiếp. Ông nói: “Hãy cho tôi biết, Saracen, ông sinh ra ở thành phố nào?”

“Damascus,” người đàn ông trả lời.

Sự nghi ngờ của Philip được xác nhận. Ông tức giận. Ông nắm lấy tay Jack và kéo cậu sang bên. Bằng giọng giận dữ ông nói thầm thì với cậu: “Cậu đang chơi trò gì đây?”

“Ông muốn nói gì?” Jack nói, cố làm như vô tội.

“Những người này không phải là người Saracens. Họ là những ngư dân từ Wareham với khuôn mặt và bàn tay đen.”

Jack dường như không bận tâm đến việc lừa dối của cậu đã bị khám phá. Cậu cười và nói: “Làm sao ông đoán được?”

“Tôi không nghĩ người đàn ông đó đã nhìn thấy cây vả, và Damascus không phải ở Châu Phi. Đây là ý nghĩa của sự giả dối này?”

“Nó là một sự lừa dối vô hại,” Jack nói và nở nụ cười hấp dẫn.

“Không có lừa dối nào là vô hại,” Philip lạnh lùng nói.

“Đúng.” Jack thấy Philip giận dữ. Cậu nói nghiêm trang. “Nó phục vụ cùng một mục đích như một bức hình minh họa trên một trang Kinh Thánh. Nó không phải là sự thật, nó là một minh họa. Những ngư phủ Dorset tô đen chỉ phụ họa thêm cho sự kiện thật là tượng mẹ khóc đến từ miền đất Saracen.”

Hai linh mục và Aliena đã tách ra khỏi đám đông xung quanh bức tượng và tham gia cùng Jack và Philip. Philip không quan tâm đến họ và nói với Jack: “Cậu không sợ bức hình vẽ của một con rắn. Một minh họa không phải là một lời nói dối. Các người Saracens của cậu không phải là minh họa, họ là kẻ mạo danh.”

“Chúng tôi đã thu được nhiều tiền hơn khi chúng tôi có người Saracens,” Jack nói.

Philip nhìn vào đồng tiền trên nền nhà. “Dân cư thị trấn có lẽ nghĩ nó đủ để xây toàn bộ ngôi nhà thờ chính tòa,” ông nói. “Tôi nghĩ rằng nó khoảng một trăm bảng Anh. Cậu biết nó không đủ trả tiền cho một năm xây dựng.”

“Tiền bạc cũng giống như người Saracens,” Jac nói. “Nó chỉ là biểu tượng. Ông biết ông cần tiền để bắt đầu xây dựng.”

Đúng như thế. Không gì có thể ngăn cản Philip xây dựng. Đức Mẹ là điều cần thiết mang lại sức sống cho Kingsbridge. Nó sẽ lôi cuốn nhiều người đến thị trấn – người hành hương, cũng như các học giả và cả người tò mò. Nó sẽ cho dân cư thị trấn một con tim mới. Nó sẽ được coi như một điềm tốt. Philip đã chờ đợi một dấu hiệu từ Thiên Chúa, và ông đã muốn tin rằng đây là một dấu hiệu. Nhưng ông không có cảm giác đây là dấu hiệu từ Thiên Chúa, mà là một sự đóng kịch của Jack.

Vị linh mục trẻ nói: “Tôi là Reynold và đây là Edward – chúng tôi làm việc cho tổng giám mục thành Canterbury. Ông sai chúng tôi hộ tống bức tượng mẹ khóc này.”

Philip nói: “Nếu ông được phép của tổng giám mục, tại sao ông cần đến hai người mạo danh Saracens để chứng thực cho Đức Mẹ?”

Edward xấu hổ. Reynold nói: “Đó là ý kiến của Jack, nhưng tôi thú thực tôi không thấy nó có hại gì. Một cách chắc chắn ông nghi ngờ về Đức Mẹ, phải không Philip?”

“Ông có thể gọi tôi là cha,” Philip nói lại. “Ngay cả khi ông làm việc cho tổng giám mục, ông vẫn không có quyền hạ mình xuống đối với bề trên của ông. Tôi sẽ không để bức tượng này trong khuôn viên nhà thờ Kingsbridge cho đến khi tôi biết chắc đó là một đồ thánh.”

“Một bức tượng bằng gỗ khóc,” Reynold nói. “Ông còn muốn bao nhiêu phép lạ nữa?”

“Sự kiện khóc chưa giải thích được. Điều đó không làm nó thành một phép lạ. Sự thay đổi nước thành đá cứng cũng không giải thích được, nhưng nó không phải là một phép lạ.”

“Tổng giám mục sẽ rất thất vọng nếu ông từ chối nhận Đức Mẹ. Ông ấy đã phải tranh đấu vì viện phụ Suger muốn giữ tượng này cho Saint-Denis.”

Philip biết ông bị dọa. Reynold trẻ tuổi này phải cố gắng hơn nữa nếu muốn dọa tôi, ông nghĩ. Ông nói dịu dàng: “Tôi hoàn toàn chắc chắn tổng giám mục sẽ không muốn tôi chấp nhận bức tượng mà không làm một số đòi hỏi thông thường để xác định sự hợp pháp của bức tượng.”

Một cái gì đó chuyển động dưới chân họ. Philip nhìn xuống và thấy người què mà ông đã chú ý đến sáng nay. Người đàn ông bất hạnh này đang lê đôi chân tê liệt trên sàn nhà, cố đến gần bức tượng, nhưng luôn bị đám đông cản lối. Một cách tự động, Philip tránh sang một bên cho ông qua. Những người Saracens ngăn cản dân chúng chạm vào bức tượng, nhưng người què này trốn được khỏi sự chú ý của họ. Philip nhìn thấy bàn tay ông vươn ra. Bình thường Philip sẽ ngăn cản ai muốn chạm và thánh tích, nhưng ông chưa chấp nhận tượng này là thánh tích, nên ông không phản ứng gì. Người què chạm vào gấu áo bằng gỗ. Bất ngờ ông hét lên vui mừng: “Tôi cảm thấy nó!” ông la lên. “Tôi cảm thấy nó!”

Mọi người nhìn vào ông ấy.

“Tôi cảm thấy mạnh khỏe trở lại!” ông la lên.

Philip hoài nghi nhìn vào người đàn ông và biết những gì sẽ xảy ra tiếp theo. Người đàn ông gập một chân, rồi chân thứ hai. Có tiếng kêu kinh ngạc từ đám đông đang theo dõi. Ông ấy đưa một tay ra và một người đỡ lấy. Với một chút cố gắng, người đàn ông đứng thẳng lên.

Đám đông kêu lên.

Một người la lớn: “Hãy thử đi đi!”

Vẫn còn giữ tay người giúp đỡ, người đàn ông bước một bước tập tễnh, rồi bước một bước nữa. Dân chúng quan sát trong yên lặng. Ở bước thứ ba ông vấp ngã, và dân chúng thở dài luyến tiếc. Nhưng ông ấy lấy lại thể cân bằng và tiếp tục đi.

Họ reo mừng.

Ông ấy đi xuống gian giữa và nhiều người theo ông. Sau vài bước, ông bắt đầu chạy. Tiếng cổ vũ vang lên khi ông ấy đi qua cửa nhà thờ vào trong ánh sáng mặt trời, hầu hết cả cộng đoàn đều theo ông ra.

Philip nhìn vào hai linh mục. Reynold kinh ngạc và nước mắt Erward rơi trên má ông. Rõ ràng họ không liên quan đến việc này. Philip quay sang Jack và nói giận dữ: “Làm sao cậu dám làm một trò bịp bợm như thế?”

“Trò bịp bợm?” Jack nói. “Trò bịp bợm nào?”

“Người đàn ông này mới chỉ đến đây vài ngày. Vào một hai ngày nữa ông ấy sẽ biến mất với túi đầy tiền của cậu. Tôi biết chuyện này được thực hiện như thế nào, Jack. Cậu không phải là người đầu tiên làm giả phép lạ, thật đáng tiếc. Chên ông ta chưa bao giờ bị què, phải không? Ông ấy là một ngư phủ khác của Wareham.”

Lời buộc tội được xác nhận qua cái nhìn tội lỗi của Jack.

Aliena nói: “Jack, em đã nói với anh là không nên làm chuyện đó.”

Hai linh mục như bị sét đánh. Họ đã bị kéo vào cuộc. Reynold giận dữ. “Jack, anh không có quyền làm thế!” ông lắp bắp.

Philip cảm thấy vừa buồn vừa tức giận. Trong tâm hồn ông hy vọng tượng mẹ sẽ được chứng minh hợp pháp, bởi vì ông thấy ông có thể dùng bức tượng này để làm sống lại tu viện và thị trấn. Nhưng nó đã không xảy ra như vậy. Ông nhìn quanh nhà thờ nhỏ của giáo xứ. Chỉ còn một số ít người còn lại, vẫn nhìn chăm chú vào bức tượng. Ông nói với Jack: “Lần này cậu đã đi quá xa.”

“Những giọt nước mắt là thật – trong đó không có sự bịp bợm,” Jack nói. “Nhưng người què là một sai lầm, tôi nhận lỗi.”

“Nó còn tồi tệ hơn cả một sai lầm,” Philip giận dữ nói. “Khi dân chúng biết sự thật, họ sẽ không còn tin vào phép lạ nữa.”

“Tại sao họ phải biết sự thật?”

“Bởi vì tôi phải giải thích cho họ tại sao bức tượng không được để trong nhà thờ chính tòa. Dĩ nhiên bây giờ không có chuyện tôi chấp nhận bức tượng.”

Reynold nói: “Tôi nghĩ như thế là quá gấp –“

“Khi tôi cần ý kiến của ông, tôi sẽ hỏi ông,” Philip đáp lại.

Reynold im lặng nhưng Jack vẫn kiên trì. “Ông có chắc chắn rằng ông có quyền lấy Đức Mẹ ra khỏi dân chúng không? Hãy nhìn họ.” Cậu chỉ số người ít ỏi còn ở lại. Trong số họ có góa phụ Meg. Bà quỳ gối trước tượng với dòng nước mắt trên mặt. Jack không biết, nhưng Philip biết rằng Meg đã mất cả gia đình vì mái nhà thờ của Alfred đổ xuống. Cảm xúc của bà đánh động trái tim Philip và ông tự hỏi phải chăng Jack có lý. Tại sao lại lấy bức tượng đi khỏi dân chúng? Bởi vì nó không thành thực, ông nhắc nhở lòng mình một cách nghiêm khắc. Họ tin vào bức tượng bởi vì họ nhìn thấy một phép lạ giả tạo. Ông cứng rắn lại.

Jack quỳ xuống bên cạnh Meg và nói với bà. “Tại sao bà khóc?”

“Bà ấy câm,” Philip nói với cậu.

Rồi Meg nói: “Đức Mẹ đã đau khổ nhiều như tôi. Đức Mẹ hiểu tôi.”

Philip như bị sét đánh.

Jack nói: “Ông thấy không? Bức tượng làm giảm nỗi đau của bà – Ông đang nhìn gì?”

“Bà ấy câm,” Philip nói lại. “Từ hơn một năm nay bà ấy không thốt nên lời nào.”

“Đúng như vậy!” Aliena nói. “Meg đã bị câm sau khi chồng và con bà bị chết khi mái nhà thờ sập.”

“Người đàn bà này?” Jack nói. “Nhưng bà ấy vừa...”

Reynold nhìn ngơ ngác. “Ý anh muốn nói đó là một phép lạ?” ông nói. “Một phép lạ thực sự?”

Philip nhìn vào mặt Jack. Jack bị sốc nhất trong số họ. Không có xảo trá trong chuyện này. Philip bị đánh động mạnh. Ông đã nhìn thấy bàn tay của Thiên Chúa tạo nên phép lạ. Ông rùng mình. “Được, Jack,” ông nói bằng

giọng run rẩy. “Mặc dù những gì cậu làm đã làm mất uy tín của Đức Mẹ, dường như Thiên Chúa vẫn dùng nó để tạo nên phép lạ.”

Jack không thốt nên lời.

Philip quay lưng lại và đi tới Meg. Ông cầm tay bà và nhẹ nhàng kéo bà đứng lên. “Thiên Chúa đã làm bà khỏe lại, Meg,” ông nói, giọng run run vì xúc động. “Bây giờ bà có thể bắt đầu đời sống mới.” Ông nhớ lại ông đã giảng về câu truyện của Job. Những lời Kinh Thánh trở lại với ông: “Vì thế Thiên Chúa chúc phúc cho Job nhiều hơn lúc đầu...” Ông đã nói với cư dân Kingsbridge rằng điều đó cũng trở thành sự thật với họ. Tội tự hỏi, ông nghĩ, nhìn vào sự sung sướng trên khuôn mặt đầy nước mắt của bà, tội tự hỏi đây có phải là sự bắt đầu không.

Có một sự náo động trong nhà họp khi Jack trình bày thiết kế cho nhà thờ chính tòa mới.

Philip đã cảnh báo Jack về những rắc rối xảy đến. Dĩ nhiên trước đó Philip đã nhìn thấy bản vẽ. Jack đã đem chúng đến nhà của tu viện trưởng vào một buổi sáng sớm, một bản sơ đồ mặt phẳng và một trục diện, được vẽ trên thạch cao trong khung gỗ. Họ cùng nhau quan sát nó trong ánh sáng buổi sớm mai và Philip đã nói: “Jack, đây sẽ là nhà thờ đẹp nhất ở nước Anh – nhưng chúng ta sẽ gặp khó khăn với các tu sĩ.”

Jack biết từ khi còn là tập sinh rằng Remigius và những người theo ông luôn luôn chống lại bất cứ kế hoạch nào Philip yêu thích, mặc dù đã tám năm rồi từ khi Philip thắng Remigius trong cuộc bầu cử. Họ ít khi nhận được sự đồng tình của số đông các tu sĩ, nhưng trong trường hợp này Philip không chắc chắn: đa số thuộc thành phần bảo thủ và họ sẽ sợ những thiết kế mang tính cách mạng. Tuy nhiên, phải cho họ xem thiết kế và cố gắng thuyết phục họ. Philip chắc chắn không thể đi trước và xây dựng nhà thờ mà không có sự đồng ý của đa số tu sĩ trong tu viện.

Ngày hôm sau Jack vào nhà họp và trình bày kế hoạch của cậu. Các bản vẽ được dựng lên trên chiếc ghế dựa vào tường, và các tu sĩ tụ tập xung quanh để nhìn nó. Khi họ nhìn vào các chi tiết, tiếng thì thầm thảo luận đã nhanh chóng trở thành sự huyên náo. Qua giọng điệu cậu biết thiết kế của cậu không được chấp nhận, mà lại còn gây nên tức giận. Cậu chán nản.

Tiếng ồn bắt đầu lớn hơn khi họ tranh luận với nhau, một vài người chống lại thiết kế và một vài người bảo vệ nó.

Sau một lúc Philip kêu gọi vào trật tự và họ yên lặng. Milius Bursar hỏi một câu đã được chuẩn bị trước. “Tại sao mái trần lại nhọn?”

“Đây là kỹ thuật mới được dùng đến ở Pháp,” Jack trả lời. “Tôi đã thấy nó ở nhiều nhà thờ. Mái vòm nhọn vững chãi hơn. Nó là cách cho phép tôi xây một nhà thờ cao như vậy. Nó có lẽ là gian giữa cao nhất ở nước Anh.”

Jack có thể nói họ thích ý tưởng đó.

Một người khác nói: “Cửa sổ quá lớn.”

“Bức tường dày không cần thiết,” Jack nói. “Chúng đã được chứng minh ở Pháp. Chính các cột trụ đỡ tòa nhà, đặc biệt với mái vòm khung sườn. Và ảnh hưởng của cửa sổ lớn thật là hấp dẫn. Ở Saint-Denis viện phụ đã đặt kính màu với các hình ảnh trong cửa sổ. Nhà thờ trở thành nơi đầy ánh sáng và không khí, thay vì ảm đạm và tối tăm.”

Nhiều tu sĩ gật đầu chấp thuận. Có lẽ họ không bảo thủ như cậu nghĩ.

Nhưng Andrew, người phụ trách phòng thánh, nói: “Hai năm trước anh đã là một tập sinh của chúng tôi. Anh đã bị phạt vì anh chống lại tu viện trưởng, và thay vì anh nhận hình phạt anh lại trốn đi. Bây giờ anh trở lại và muốn dạy chúng tôi phải xây nhà thờ ra sao.”

Trước khi Jack có thể nói, một trong số các tu sĩ trẻ chống lại: “Chuyện này không có liên quan gì đến việc đó! Chúng ta đang thảo luận về thiết kế, không phải về quá khứ của Jack.”

Nhiều tu sĩ cố gắng nói cùng lúc, một vài người la lên. Philip ra lệnh cho mọi người im lặng và yêu cầu Jack trả lời.

Jack đã nghĩ về chuyện đó và đã sẵn sàng. “Tôi đã làm một cuộc hành hương đến Santiago de Compostela như một việc đền tội, thưa cha Andrew, và tôi hy vọng việc đem tượng Mẹ khóc về được coi như sự bù đắp cho việc làm sai trái của tôi,” cậu nói ngoan ngoãn. “Tôi không được chọn là một tu sĩ, nhưng tôi hy vọng có thể phục vụ Thiên Chúa bằng cách khác – như người xây dựng của Chúa.”

Họ dường như chấp nhận điều đó.

Tuy nhiên, Andrew chưa chấm dứt. “Anh bao nhiêu tuổi?” ông nói, mặc dù ông chắc chắn biết câu trả lời.

“Hai mươi tuổi.”

“Đó là quá trẻ để trở thành một nhà xây dựng tổng thể chính.”

“Mọi người ở đây biết tôi. Tôi đã sống ở đây từ khi còn nhỏ.” Từ khi tôi đốt nhà thờ cũ của các ông, cậu nghĩ một cách tội lỗi. “Tôi đã học nghề với người xây dựng chính từ thuở ban đầu. Các ông đã nhìn thấy công trình khắc đá của tôi. Khi tôi còn là một tập sinh, tôi đã làm việc với Tu viện trưởng Phillip và thợ xây Tom như là thư ký của công trình. Tôi khiêm nhường xin các ông xét xử tôi theo công việc của tôi chứ đừng theo tuổi tác của tôi.”

Đó là một bài phát biểu đã được chuẩn bị. Cậu nhìn thấy một tu sĩ cười khi cậu nói chữ khiêm nhường, và cậu nhận ra đó là một sơ hở nhỏ: tất cả họ biết trong tất cả phẩm chất cậu có, cậu không có sự khiêm nhường.

Andrew nhanh chóng lợi dụng sự sai lầm này của cậu. “Khiêm nhường?” ông nói, và mặt ông đỏ lên khi ông giả vờ làm ra vẻ giận dữ. “Anh đã quá khiêm nhường khi loan báo cho các thợ xây ở Paris ba tháng trước đây là anh đã được chỉ định làm thợ xây dựng chính ở đây.”

Một lần nữa các tu sĩ lại huyên náo vì phần nộ. Jack giần sự thờ dài xuống. Làm sao Andrew biết được chuyện ấy? Reynold hay Edward phải tiết lộ điều đó với ông. Cậu cố gắng xua nó đi. “Tôi chỉ muốn lôi cuốn một vài thợ thủ công đến Kingsbridge,” cậu nói khi tiếng ồn ào đã giảm. “Họ vẫn là những người thợ cần thiết, cho dù ai là người thợ xây dựng chính ở đây. Tôi không nghĩ sự đoán chừng của tôi gây thiệt hại gì,” Cậu cố gắng nở nụ cười. “Nhưng tôi xin lỗi vì tôi đã không khiêm tốn.” Cho đến bây giờ mọi chuyện không được suôn sẻ.

Milius Bursar đã đưa cậu ra khỏi rắc rối bằng cách hỏi một câu đã được chuẩn bị. “Cậu dự định làm như thế nào với gian cung thánh đã bị sụp đổ?”

“Tôi đã nghiên cứu nó cẩn thận,” Jack nói. “Nếu hôm nay tôi được chỉ định làm thợ xây dựng chính, tôi sẽ làm để nó có thể sử dụng lại được trong một năm. Hơn nữa, các ông có thể tiếp tục sử dụng nó trong khi tôi xây các gian ngang và gian giữa theo thiết kế mới. Sau cùng khi gian giữa đã hoàn

thành, tôi đề nghị dỡ bỏ gian cung thánh và xây một gian mới phù hợp với phần còn lại của nhà thờ mới.”

Andrew nói: “Nhưng làm sao chúng tôi chắc chắn được là gian cung thánh cũ không đổ xuống lần nữa?”

“Sự sụp đổ là do mái vòm bằng đá của Alfred, nó không có trong kế hoạch ban đầu. Các bức tường không đủ mạnh để đỡ nó. Tôi đề nghị trở lại với thiết kế của Tom và làm một trần bằng gỗ.”

Có tiếng thì thầm vì ngạc nhiên. Câu hỏi tại sao mái nhà sụp đổ đã là đề tài tranh luận từ lâu nay. Andrew nói: “Nhưng Alfred đã tăng kích thước của các trụ tường để chống đỡ sức nặng gia tăng.”

Điều này cũng làm Jack thắc mắc, nhưng cậu nghĩ cậu đã tìm được câu trả lời. “Chúng vẫn chưa đủ mạnh, nhất là trên đỉnh. Nếu chúng ta nghiên cứu đồng đồ nát, chúng ta có thể thấy rằng phần sụp đổ đầu tiên là phần có cửa sổ ở trên. Và ở đó đã không được củng cố thêm.”

Họ dường như hài lòng với điều đó. Jack cảm thấy khả năng trả lời tự tin của cậu đã cho cậu cơ hội đến gần với địa vị người xây dựng chính.

Remigius đứng dậy. Jack đã tự hỏi khi nào ông ấy sẽ lên tiếng. “Tôi muốn đọc một câu Kinh Thánh cho anh em trong nhà hội,” ông nói, đúng hơn là khoa trương. Ông nhìn Philip và Philip gật đầu đồng ý. Remigius đến bục giảng và mở cuốn Kinh Thánh lớn. Jack quan sát ông. Mũi mỏng của ông di động một cách bồn chồn, mắt xanh của ông lồi ra một chút làm cho ông có vẻ như luôn cảm phẫn. Ông là hình ảnh của sự oán giận. Nhiều năm trước đây ông đã tin rằng mình được chỉ định để thành người lãnh đạo, nhưng thực ra ông có cá tính quá yếu đuối, và bây giờ ông cam chịu sống trong thất vọng, gây rắc rối cho người tốt hơn ông. “Sách Xuất Hành,” ông xướng lên khi ông lần giở các trang giấy da. “Chương hai mươi. Câu mười bốn.” Jack tự hỏi không biết điều gì xảy ra. Remigius đọc: “Người không được ngoại tình.” Ông đóng mạnh sách lại và trở lại chỗ ngồi.

Bằng giọng vương chút bức tức, Philip nói: “Có lẽ anh nên nói cho chúng tôi, anh Remigius, tại sao anh lại chọn đọc câu đó giữa cuộc thảo luận của chúng ta về việc xây dựng.”

Remigius chỉ ngón tay vào Jack. “Bởi vì người muốn trở thành thợ xây dựng chính của chúng ta lại đang sống trong tình trạng tội lỗi!” ông đe dọa.

Jack không tin nổi là ông ấy nói nghiêm trang. Cậu cảm phẫn nói: “Sự thật là hôn nhân của chúng tôi chưa được chúc lành trong nhà thờ vì hoàn cảnh đặc biệt, nhưng chúng tôi sẽ lấy nhau sớm bao nhiêu như ông muốn.”

“Cậu không thể,” Remigius nói một cách đắc thắng. “Aliena đã cưới trong nhà thờ rồi.”

“Nhưng hôn nhân này không thành sự.”

“Tuy nhiên, cặp này đã cưới nhau trong nhà thờ.”

“Nhưng nếu ông không cho tôi lấy cô ta, làm sao tôi có thể tránh sống trong tình trạng tội lỗi?” Jack giận dữ nói.

“Thôi, đủ rồi!” Tiếng nói là của Philip. Jack nhìn ông. Ông có vẻ tức giận và nói: “Jack, có phải cậu đang sống trong tội lỗi với vợ của anh cậu không?”

Jack rất kinh ngạc. “Ông không biết chuyện đó sao?”

“Dĩ nhiên tôi không biết!” Philip hét lên. “Cậu nghĩ tôi có thể giữ yên lặng về nó nếu tôi biết ư?”

Tất cả yên lặng. Philip hét lên là chuyện không bình thường. Jack thấy cậu ở trong một rắc rối thật sự. Tình trạng hôn nhân bất hợp pháp của cậu chỉ là hình thức, nhưng các tu sĩ coi trọng về việc đó. Thật không may là Philip không biết cậu đang sống với Aliena làm cho vấn đề thành tồi tệ hơn. Remigius đã gây cho Philip sự bất ngờ và làm ông thành kẻ ngu ngốc. Bây giờ Philip sẽ phải cứng rắn để chứng tỏ rằng ông nghiêm ngặt.

Jack nói một cách khổ sở: “Nhưng ông không thể xây sai một kiểu nhà thờ chỉ để trừng phạt tôi.”

Remigius thích thú nói: “Cậu sẽ phải bỏ người phụ nữ đó.”

“Khốn nạn, Remigius,” Jack nói. “Cô ta có con với tôi – nó đã một tuổi.”

Remigius ngồi xuống với một cái nhìn hài lòng.

Philip nói: “Jack, nếu cậu nói như thế trong nhà hội, cậu sẽ phải đi ra.”

Jack biết cậu phải bình tĩnh nhưng cậu không thể. “Nhưng nó lỗi bịch!” cậu nói. “Ông nói là tôi phải bỏ vợ tôi và con chúng tôi! Đó không phải là luân lý, đó là bắt bẻ!”

Sự tức giận của Philip đã nguôi ngoai đi một chút, và Jack nhìn thấy nét đồng cảm quen thuộc trong đôi mắt xanh sáng của ông. Ông nói: “Jack, cậu tiếp cận luật của Thiên Chúa một cách thực dụng nhưng chúng tôi thích cứng rắn – đó là lý do tại sao chúng tôi là tu sĩ. Và chúng tôi không thể chỉ định cậu là người xây dựng chính trong khi cậu đang sống trong tình trạng hôn nhân bất chính.”

Jack nhớ lại một đoạn Kinh Thánh. “Chúa Giêsu nói: ‘Ai trong các ông vô tội, hãy ném đá người này trước đi.’”

Philip nói: “Vâng, nhưng Chúa Giê Su nói với người đàn bà ngoại tình: ‘Đi, và đừng phạm tội nữa.’” Ông quay về phía Remigius. “Tôi cho rằng anh sẽ không chống lại nữa, nếu tình trạng hôn nhân bất chính này được giải quyết.”

“Dĩ nhiên!” Remigius nói.

Bất chấp sự tức giận và đau khổ của cậu, Jack nhận thấy Philip đã qua mặt Remigius một cách gọn gàng. Ông đã đưa vấn đề hôn nhân bất chính thành câu hỏi quan trọng, qua đó đặt toàn bộ vấn đề về thiết kế mới qua bên cạnh. Nhưng Jack chưa sẵn sàng theo cách đó. Cậu nói: “Tôi không muốn rời cô ta!”

Philip nói: “Nó không kéo dài lâu.”

Jack im lặng. Điều đó làm cậu ngạc nhiên. “Ý ông muốn nói gì?”

“Cậu có thể cưới Aliena nếu hôn nhân trước của cô có thể được công nhận là vô hiệu.”

“Điều đó có thể thực hiện được không?”

“Nó sẽ nhanh chóng, nếu, như cậu nói, hôn nhân đó không thành sự.”

“Tôi sẽ phải làm gì?”

“Xin tòa án giáo hội. Thông thường nó sẽ là tòa án của giám mục Waleran, nhưng trong trường hợp này cậu có lẽ nên đi thẳng tới tổng giám mục thành Canterbury.”

“Và tổng giám mục có bắt buộc phải đồng ý không?”

“Khi nó đúng, vâng.”

Đó không phải là câu trả lời hoàn toàn rõ ràng, Jack nhận ra. “Nhưng trong thời gian đó chúng tôi có phải sống xa nhau không?”

“Nếu cậu muốn được chỉ định làm người xây dựng chính của nhà thờ chính tòa Kingsbridge – có.”

Jack nói: “Ông yêu cầu tôi chọn lựa giữa hai cái mà tôi yêu nhất trên trần gian này.”

Philip nói: “Không lâu đâu.”

Giọng nói của ông làm cậu nhìn lên: có một sự đồng cảm thực sự trong đó. Jack nhận ra Philip thực sự buồn khi phải quyết định việc này. Điều đó làm cậu bứt tức giận nhưng cậu lại buồn hơn. Cậu hỏi: “Bao lâu?”

“Chừng một năm.”

“Một năm!”

“Cậu không phải sống ở thành phố khác,” Philip nói. “Cậu vẫn có thể thấy Aliena và đứa bé.”

“Ông có biết là cô ấy đã đi đến Tây Ban Nha tìm tôi không?” Jack nói. “Ông có thể tưởng tượng điều đó không?” Nhưng các tu sĩ không có quan niệm về tình yêu. Cậu cay đắng nói: “Bây giờ tôi phải nói với cô ấy rằng chúng tôi phải sống xa nhau.”

Philip đứng lên và đặt một tay lên vai Jack. “Thời gian sẽ trôi qua nhanh hơn cậu nghĩ, tôi hứa với cậu,” ông nói. “Và cậu sẽ bận rộn – trong việc xây dựng nhà thờ chính tòa mới.”

II

Khu rừng đã phát triển và thay đổi trong tám năm qua. Jack đã nghĩ cậu sẽ chẳng bao giờ đi lạc trong lãnh địa mà cậu biết rõ như mu bàn tay cậu. Những con đường mòn cũ đã mọc đầy cỏ, những con đường mới được tạo ra do nai, heo rừng và ngựa hoang, những con suối thay đổi khúc quanh, những cây già đã gãy đổ và những cây non đã cao hơn. Tất cả dường như nhỏ đi: khoảng cách như ngắn lại và đồi núi không quá dốc. Điều ngạc nhiên nhất là cậu thấy mình lạ lẫm ở đây. Khi một con nai nhỏ nhìn cậu, sợ

hải chạy qua khu rừng thưa, Jack không biết nó thuộc gia đình nào và mẹ nó ở đâu. Khi một đàn vịt bay lên, cậu không còn biết như xưa, không còn biết chúng bay lên từ mặt nước nào và tại sao. Và cậu lo lắng vì cậu không biết những người sống ngoài vòng pháp luật ở đâu.

Cậu đã cưỡi ngựa cả đoạn đường từ Kingsbridge tới đây, nhưng cậu đã xuống ngựa ngay khi cậu rời khỏi con đường chính, bởi vì cây mọc quá thấp trên đường mòn không cho phép cậu cưỡi ngựa qua. Trở lại nơi cậu đã trải qua thời niên thiếu làm cậu cảm thấy buồn vô cớ. Cậu đã chẳng bao giờ hiểu rõ được giá trị của đời sống đơn giản khi đó, bởi vì cậu chưa biết đời sống khác. Cậu thích nhất là dâu tây, và cậu biết rằng mỗi mùa hè, trong một vài ngày, có rất nhiều trái mọc trên rừng mà cậu có thể ăn bao nhiêu cậu muốn. Ngày nay mọi thứ không còn đơn giản: tình bạn khó khăn của cậu với Tu viện trưởng Philip; tình yêu thất vọng cậu dành cho Aliena; cao vọng xây nhà thờ chính tòa đẹp nhất trên thế giới; nhu cầu cháy bỏng muốn tìm ra sự thật về bố cậu.

Cậu tự hỏi mẹ cậu đã thay đổi như thế nào trong hai năm qua khi cậu đi xa. Cậu háo hức mong gặp lại bà. Dĩ nhiên cậu có thể đứng vững một mình, nhưng nó an tâm hơn khi có một người trong đời, một người luôn sẵn sàng chiến đấu cho cậu, và cậu đã mất cảm giác thoải mái đó.

Cậu đã mất cả ngày trời để đến được nơi cậu và mẹ cậu đã sống. Bây giờ buổi chiều mùa đông ngắn nên trời tối nhanh. Chẳng bao lâu sau cậu phải từ bỏ ý định đi tìm hang động cũ của họ, và tập trung vào việc tìm kiếm một chỗ có mái che để qua đêm. Trời sẽ lạnh. Tại sao tôi lo lắng? Cậu tự hỏi. Tôi đã quen trải qua nhiều đêm trong rừng.

Sau cùng bà tìm thấy cậu.

Cậu đang muốn bỏ cuộc. Con đường mòn qua những bụi cây mà cậu đi theo, có lẽ chỉ được dùng cho chồn và cáo, bất ngờ chấm dứt. Tốt nhất là lên quay về cùng con đường đó. Cậu quay ngựa lại và xem đạp lên bà.

“Con đã quên cách di chuyển âm thầm trong rừng,” bà nói. “Mẹ có thể nghe thấy tiếng động của con cách đây một dặm.”

Jack mỉm cười. Bà không có gì thay đổi. “Chào mẹ,” cậu nói. Cậu hôn lên má bà, rồi, trong sự xúc động cậu ôm bà.

Bà sờ vào mặt cậu. “Con gầy quá!”

Cậu nhìn bà. Bà đen đi và khỏe mạnh, tóc bà vẫn dày và đen, không có sợi tóc bạc nào. Mắt bà vẫn còn giữ màu vàng rờn và dường như nó vẫn có thể nhìn thấu cậu. Cậu nói: “Mẹ vẫn như ngày nào.”

“Con đã đi đâu?” bà hỏi.

“Tất cả con đường đến Compostela, và xa hơn nữa, tới Toledo.”

“Aliena đi tìm con –“

“Cô ấy đã tìm thấy con. Cảm ơn mẹ.”

“Mẹ rất vui.” Bà nhắm mắt lại như muốn nói một lời cầu nguyện tạ ơn. “Mẹ rất vui.”

Bà dẫn cậu đi qua rừng đến hang động, xa đó chưa đến một dặm: thật ra trí nhớ của cậu không tệ lắm. Bà đã đốt một lò sưởi và ba cây nến. Bà đưa cho cậu một ly rượu táo bà tự làm bằng táo và mật ong rừng, và họ nướng một vài hạt dẻ. Jack có thể nhớ những thứ mà người sống trong rừng không thể tự làm được, và cậu mang cho mẹ cậu dao, dây, xà bông và muối. Bà bắt đầu lột da một con thỏ. Cậu hỏi: “Mẹ có khỏe không?”

“Mẹ khỏe,” bà nói; rồi bà nhìn cậu và nhận ra cậu hỏi bà một cách nghiêm trang. “Mẹ buồn vì thợ xây Tom,” bà nói. “Nhưng ông đã chết và mẹ không quan tâm đến việc lấy người chồng khác.”

“Ngoài ra, mẹ có hạnh phúc ở đây không?”

“Có và không. Mẹ đã quen sống trong rừng. Mẹ thích một mình. Mẹ không quen để các linh mục nói mẹ phải cư xử làm sao. Nhưng mẹ nhớ con, và Martha, và Aliena; và mẹ muốn nhìn thấy cháu của mẹ nữa.” Bà mỉm cười. “Nhưng mẹ chẳng bao giờ có thể về sống lại ở Kingsbridge, nhất là sau khi đã nguyện rửa một hôn nhân trong nhà thờ. Tu viện trưởng sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho mẹ về việc đó. Tuy nhiên, nếu mẹ đã đem con và Aliena về lại với nhau thì mẹ đã thấy xứng đáng.” Từ nơi làm việc bà nhìn lên cậu với một nụ cười hài lòng. “Con có thích đời sống hôn nhân không?”

“Có,” Cậu nói ngập ngừng, “chúng con chưa cưới nhau. Dưới mắt giáo hội, Aliena vẫn còn kết hôn với Alfred.”

“Đừng quá ngu dại. Làm sao giáo hội biết được việc đó?”

“Vâng, họ biết họ đã làm lễ cưới cho ai, và họ sẽ không để con xây nhà thờ chính tòa mới trong khi con sống với vợ của một người khác.”

Mắt bà lóe lên giận dữ. “Vì thế con phải sống xa cô ấy?”

“Vâng. Cho đến khi hôn nhân của cô ấy được công nhận là vô hiệu.”

Bà mẹ đặt da thỏ sang một bên. Với con dao sắc trong bàn tay vấy máu bà tách thịt ra khỏi xương và bỏ từng miếng vào nồi nấu trên lửa. “Tu viện trưởng cũng đã làm điều đó với mẹ khi mẹ ở với Tom,” bà nói, trong khi bà cắt thịt. “Mẹ biết tại sao ông lại phát điên lên với những người yêu nhau, bởi vì ông không được phép yêu. Ông không cho người khác hưởng cái mà ông bị cấm. Dĩ nhiên, ông không thể làm gì được khi cặp hôn nhân được chính thức cưới trong nhà thờ. Còn ngoài ra, ông sẽ có cơ hội làm hỏng mọi thứ để làm cho mình cảm thấy tốt hơn.” Bà cắt đứt bàn chân con thỏ và ném nó vào thùng rác.

Jack gật đầu. Cậu đã chấp nhận những gì không tránh được, nhưng mỗi tối khi cậu chào từ giã Aliena và đi ra khỏi cửa nhà cô, cậu cảm thấy tức giận Philip và cậu hiểu sự oán giận dai dẳng của mẹ. “Nhưng nó chỉ kéo dài một thời gian ngắn thôi,” cậu nói.

“Còn Aliena cảm thấy như thế nào về việc này?”

Jack nhăn nhó. “Không tốt. Nhưng cô nghĩ nó là lỗi của cô vì cô đã cưới Alfred.”

“Vâng, nó là như thế. Và nó là lỗi của con vì con nhất quyết muốn xây nhà thờ.”

Cậu lấy làm tiếc vì bà không chia sẻ viễn tượng của cậu. “Mẹ à, xây những công trình khác không có giá trị. Nhà thờ lớn hơn, cao hơn và đẹp hơn, xây khó khăn hơn, có nhiều trang trí và công trình điêu khắc hơn bất cứ công trình xây dựng nào khác.”

“Và con không hài lòng với bất cứ việc gì khác.”

“Vâng, đúng như vậy.”

Bà lắc đầu. “Mẹ chẳng bao giờ biết từ đâu con đã có ý tưởng rằng con được sinh ra để làm những chuyện to lớn.” Bà bỏ phần còn lại của con thỏ vào nồi và làm sạch phần da, vì bà còn muốn sử dụng da nó. “Chắc chắn con đã không được thừa hưởng nó từ tổ tiên của con.”

Đó là lời gợi ý mà cậu đã chờ đợi. “Mẹ à, khi con ở nước ngoài, con đã biết thêm về tổ tiên của con.”

Bà ngưng cạo da và nhìn cậu: “Con muốn nói gì?”

“Con đã tìm được gia đình của bố con.”

“Trời ơi!” Bà bỏ rơi tấm da. “Làm sao con có thể tìm được? Họ ở đâu? Họ ra sao?”

“Đó là một thành phố ở Normandy, gọi là Cherbourg. Đó là nơi bố con xuất thân.”

“Làm sao con biết chắc chắn được về điều đó?”

“Con trông rất giống bố con đến nỗi họ tưởng con là hồn ma.”

Bà mẹ nặng nề ngồi xuống chiếc ghế. Jack hồi hận đã làm bà bị sốc. Cậu không nghĩ thông tin của cậu lại làm bà bị khủng hoảng như vậy. Bà nói: “Người nhà... người nhà của bố con trông ra sao?”

“Bố của bố con đã qua đời, nhưng mẹ của bố con vẫn còn sống. Sau khi bà nội được thuyết phục rằng con không phải là hồn ma của bố con, bà rất tốt với con. Anh lớn của bố là một thợ mộc, có vợ và ba người con. Họ là anh em họ của con.” Cậu mỉm cười. “Nó không vui sao? Chúng ta có họ hàng thân thuộc.”

Những ý tưởng đó dường như làm bà khó chịu và buồn rầu. “Ồ, Jack, mẹ xin lỗi vì đã không nuôi con lớn lên trong một gia đình bình thường.”

“Con không nghĩ như vậy,” cậu nói nhẹ nhàng. Cậu bối rối khi mẹ cậu tỏ ra hối hận: nó không đúng với cá tính của bà. “Nhưng con vui vì con gặp họ hàng của con. Ngay cả nếu con không gặp lại họ nữa, nó vẫn tốt khi con biết có họ ở đó.”

Bà gật đầu buồn bã. “Mẹ hiểu.”

Jack hít một hơi thở sâu. “Họ nghĩ bố con đã chết đuối trong một cuộc đắm tàu hai mươi bốn năm về trước. Ông ở trên một con tàu tên là ‘Tàu Trắng’, bị chìm khi ra khỏi Barfleur. Người ta nghĩ mọi người trên tàu đều chết đuối. Hiển nhiên là bố con đã sống sót. Nhưng một cách nào đó họ chẳng biết điều đó, bởi vì ông chẳng bao giờ trở lại Cherbourg.”

“Ông đi tới Kingsbridge,” bà nói.

“Nhưng tại sao?”

Bà thở dài. “Ông bám vào một chiếc thùng và trôi dạt vào bờ biển gần một lâu đài,” bà kể. “Ông vào lâu đài báo cáo về việc đắm tàu. Có nhiều nam tước quyền thế ở trong lâu đài và ngạc vì sự xuất hiện của ông. Họ bỏ tù ông và đem ông đến nước Anh. Sau vài tuần hay vài tháng – ông đã bị lẫn thẩn – ông được đem đến Kingsbridge.”

“Ông có kể gì về việc đắm tàu không?”

“Ông chỉ nói rằng con tàu chìm xuống rất nhanh như thể nó bị đục thùng.”

“Dường như người ta muốn bịt miệng ông lại.”

Bà gật đầu. “Và rồi khi họ nhận ra họ không thể giữ ông mãi trong tù, họ giết ông.”

Jack quỳ xuống trước mặt bà và ép bà nhìn vào cậu. Bằng giọng nói run run vì xúc động cậu hỏi: “Nhưng họ là ai?”

“Trước đây con đã hỏi điều đó.”

“Và mẹ chưa trả lời con.”

“Bởi vì mẹ không muốn con lãng phí cả đời để trả thù cho cái chết của bố con.”

Bà vẫn coi cậu là một đứa bé, cậu cảm thấy, vì thế bà muốn dấu những thông tin không tốt cho cậu. Cậu cố gắng tỏ ra là một người lớn và bình tĩnh. “Con dự định dùng cả đời để xây nhà thờ chính tòa Kingsbridge và có con cái với Aliena. Nhưng con muốn biết ai đã treo cổ bố con. Và chỉ có những người đã làm chứng dối chống lại ông mới có thể trả lời được. Vì thế con muốn biết họ là ai.”

“Vào thời điểm đó, mẹ không biết tên họ.”

Cậu biết bà đang tìm cách lảng tránh và nó làm cậu tức giận. “Nhưng bây giờ mẹ biết!”

“Đúng, bây giờ mẹ biết,” bà nói trong nước mắt, và cậu nhận ra rằng chuyện này làm cho bà đau khổ cũng như cậu. “Và mẹ sẽ nói cho con biết, vì mẹ thấy con sẽ không bao giờ ngừng hỏi về việc này.” Bà hỉ mũi và lau nước mắt.

Jack hồi hộp chờ đợi.

“Có ba người: một tu sĩ, một linh mục và một hiệp sĩ.”

Jack nhìn bà. “Tên họ là gì?”

“Con muốn hỏi họ tại sao họ đã khai dối?”

“Vâng.”

“Và con mong họ sẽ nói cho con biết?”

“Có lẽ không. Con sẽ nhìn vào mắt họ khi con hỏi họ và nó có thể nói cho con mọi điều con cần phải biết.”

“Ngay cả khi nó không thể?”

“Con muốn thử, mẹ à!”

Bà thở dài. “Vị tu sĩ là tu viện trưởng ở Kingsbridge.”

“Philip?”

“Không. Không phải Philip. Nó xảy ra trước thời của Philip. Đó là người tiền nhiệm của ông ấy, James.”

“Nhưng ông ấy đã chết.”

“Mẹ đã nói với con là nó không còn có thể hỏi họ nữa.”

Jack nheo mắt lại. “Còn những người khác là ai?”

“Người hiệp sĩ là Percy Hamleigh, lãnh chúa của Shiring.”

“Cha của William!”

“Đúng.”

“Ông ấy cũng chết rồi.”

“Đúng.”

Jack có một cảm giác khủng khiếp rằng cả ba đều đã chết và sự bí mật sẽ bị chôn vùi với đồng xương của họ. “Vị linh mục là ai?” cậu khẩn trương hỏi.

“Tên ông ấy là Waleran Bigod. Bây giờ ông ấy là giám mục ở Kingsbridge.”

Jack thở phào nhẹ nhõm. “Và ông ấy còn sống,” cậu nói.

Lâu đài của giám mục Waleran được hoàn thành vào dịp Giáng Sinh. William Hamleigh cùng với mẹ cưỡi ngựa đến đó vào một buổi sáng đẹp trời vào đầu năm mới. Ngang qua thung lũng họ đã nhìn thấy nó từ xa. Nó nằm trên một địa thế cao của rặng đồi đối diện, nhìn xuống vùng nông thôn xung quanh.

Khi ngang qua thung lũng, họ đi qua dinh thự cũ. Bây giờ nó được dùng như nhà kho chứa len. Thu nhập từ len đủ chi phí cho lâu đài mới. Họ men theo con dốc phía bên kia thung lũng và theo con đường xuyên qua một khoảng trống của thành lũy bằng đất, rồi ngang qua một con hào khô sâu tới cổng trong một bức tường đá. Với thành lũy, một con hào và một bức tường đá, đây là một lâu đài có tính an toàn cao, an toàn hơn cả lâu đài của William và nhiều lâu đài khác của nhà vua.

Trong sân một dinh thự hình vuông ba tầng to lớn làm lu mờ đi ngôi nhà thờ bằng đá bên cạnh nó. William giúp mẹ xuống ngựa. Họ giao ngựa cho các hiệp sĩ và bước lên bậc thang dẫn lên đại sảnh.

Lúc đó là giữa trưa, và các nhân viên của Waleran đang chuẩn bị bữa ăn trưa trong đại sảnh. Một số tổng đại diện, thư ký, nhân viên và chân tay của ông đang đứng xung quanh chờ bữa ăn trưa. William và Regan chờ trong khi người quản lý lên khu riêng của giám mục báo tin họ đến.

Trong lòng William bùng lên ngọn lửa ghen tương khốc liệt. Aliena đang yêu và cả vùng biết chuyện đó. Cô đã sinh một đứa con đáng yêu và chồng cô đã đuổi cô ra khỏi nhà. Với đứa bé trong tay cô đã đi tìm kiếm người mà cô yêu và đã tìm thấy cậu ấy sau khi đi tìm nửa vòng trái đất. Câu chuyện được kể đi kể lại trong cả vùng nam nước Anh. Mỗi lần cậu nghe về nó lòng cậu lại dậy lên niềm căm thù. Nhưng cậu đã nghĩ ra cách trả thù.

Họ được dẫn lên cầu thang và vào phòng của Waleran. Họ thấy ông ngồi ở bàn với Baldwin, bây giờ là một tổng đại diện. Hai giáo sĩ đếm tiền trên một miếng vải có hình ca rô, xếp các đồng xu thành từng đồng mười hai, rồi di chuyển chúng từ ô màu đen sang màu trắng. Baldwin đứng lên và chào bà Regan, rồi nhanh chóng cất vải và tiền đi.

Waleran đứng dậy khỏi bàn và đi đến chiếc ghế gần lò sưởi. Ông di chuyển nhanh chóng, giống như con nhện, và William cảm thấy sự không ưa quen thuộc. Tuy nhiên cậu quyết giữ thái độ dịu dàng. Cậu mới nghe về cái chết khủng khiếp của bá tước thành Hereford, người đã cãi nhau với giám mục thành Hereford và đã chết trong tình trạng bị vạ tuyệt thông. Thi thể ông đã bị thiêu trong lòng đất không được hiến thánh. Khi William tưởng tượng thân thể cậu nằm dưới đất không được bảo vệ, bị giao cho ma

quỷ trong địa ngục, cậu rùng mình vì sợ. Cậu sẽ chẳng bao giờ dám cãi nhau với giám mục của cậu.

Waleran vẫn xanh xao và gầy như trước, và áo chùng đen trên người ông giống như quần áo phơi khô trên cây. Ông vẫn không thay đổi. William biết rằng chính cậu đã thay đổi. Đồ ăn và rượu là thứ cậu thích, và mỗi năm cậu mập thêm mặc dù cậu có cuộc sống năng động, vì thế mà chiếc áo giáp đắt tiền được làm cho cậu trong dịp sinh nhật thứ hai mươi một đã phải thay đổi hai lần trong bấy năm vừa qua.

Waleran vừa từ York trở về. Ông đã vắng nhà cả nửa năm và William lịch sự hỏi ông: “Ông có một chuyến du hành thành công không?”

“Không,” ông trả lời. “Giám mục Henry gửi tôi tới đó để giải quyết một cuộc tranh chấp kéo dài đã bốn năm về việc ai sẽ là tổng giám mục thành York. Tôi đã thất bại. Cuộc tranh chấp tiếp diễn.”

Ít nói về điều đó có lẽ tốt hơn, William nghĩ. Cậu nói: “Trong khi ông đi vắng, có nhiều sự thay đổi ở đây. Nhất là ở Kingsbridge.”

“Ở Kingsbridge?” Waleran ngạc nhiên. “Tôi nghĩ vấn đề đó đã được giải tỏa lâu rồi.”

William lắc đầu. “Họ nhận được tượng Đức Mẹ khóc.”

Waleran nhìn kinh ngạc. “Cậu đang nói về chuyện gì?”

Mẹ của William trả lời. “Đó là một bức tượng Đức Trinh Nữ bằng gỗ họ dùng để rước. Vào những lúc nhất định, nước từ mắt tượng chảy ra. Dân chúng nghĩ rằng nó là phép lạ.”

“Nó là phép lạ!” William nói. “Một bức tượng mà có thể khóc được!”

Waleran nhìn cậu khinh bỉ.

Regan nói: “Có là phép lạ hay không thì hàng ngàn người đã đến viếng trong vài tháng qua. Trong khi đó Tu viện trưởng Philip đã xây dựng lại nhà thờ. Họ đã sửa gian cung thánh và thiết lập một mái trần bằng gỗ, và họ đã bắt đầu xây dựng phần còn lại của nhà thờ. Nền móng cho khu giữa đã được đào, và một số thợ xây đã tới từ Paris.”

“Paris?” Waleran hỏi.

Regan nói: “Nhà thờ bây giờ được xây theo kiểu nhà thờ Saint-Denis.”

Waleran gật đầu. “Mái vòm nhọn. Tôi đã nghe nói về nó ở York.”

William không quan tâm nhà thờ Kingsbridge xây theo kiểu nào. Cậu nói: “Vấn đề là những người trẻ rời trang trại của tôi và đến làm việc ở Kingsbridge, chợ Kingsbridge lại mở cửa mỗi chủ nhật, lấy đi công việc kinh doanh từ Shiring... Nó lại như cũ!” Cậu liếc nhìn lo lắng về phía hai người kia, tự hỏi có ai khám phá ra cậu có điều bí ẩn trong đầu không; nhưng cả hai không nghi ngờ gì.

Waleran nói: “Lỗi lầm nghiêm trọng nhất tôi đã làm là giúp Philip thành tu viện trưởng.”

“Họ phải học rằng họ không thể làm việc này,” William nói.

Waleran trầm ngâm nhìn cậu. “Cậu muốn làm gì?”

“Tôi định cướp bóc thị trấn một lần nữa.” Và khi tôi làm chuyện đó, tôi sẽ giết Aliena và người yêu của cô ấy, cậu nghĩ; và cậu nhìn vào ngọn lửa để mẹ cậu không nhìn được vào mắt cậu và đọc được những gì cậu đang nghĩ.

“Tôi không chắc chắn là cậu có thể làm thế,” Waleran nói.

“Tôi đã làm như thế một lần rồi – Tại sao tôi không thể làm lại?”

“Lần trước cậu có lý do tốt: hội chợ len.”

“Lần này là ngôi chợ. Họ chẳng bao giờ có phép mở chợ của vua Stephen.”

“Nó không hoàn toàn giống nhau. Philip lợi dụng cơ hội để mở hội chợ len và cậu đã tấn công ngay lập tức. Chợ vào ngày chủ nhật ở Kingsbridge đã được sáu năm rồi, ngoài ra nó cách Shiring hơn hai mươi dặm nên nó phải được cấp giấy phép.”

William đè nén cơn giận xuống. Cậu muốn nói với Waleran rằng nên chấm dứt kiểu nói yếu ớt của bà già ấy đi, nhưng cậu dừng lại.

Trong khi cậu đang kìm hãm sự tức giận, người quản lý bước vào và đứng yên lặng ở ngưỡng cửa. Waleran nói: “Chuyện gì thế?”

“Có một người muốn gặp ông, thừa giám mục. Tên ông ta là Jack Jackson. Thợ xây dựng chính từ Kingsbridge. Tôi có nên đuổi ông ấy đi không?”

Trái tim William đập mạnh. Đó là người tình của Aliena. Tại sao người đó lại xuất hiện ở đây vào lúc William dự định giết ông ấy? Có lẽ ông ấy có

một khả năng siêu nhiên. William sợ hãi.

“Từ Kingsbridge?” Waleran hỏi với sự quan tâm.

Regan nói: “Ông ấy là thợ xây dựng chính ở đó. Ông ấy chính là người đem tượng Đức Mẹ khóc từ Tây Ban Nha về.”

“Thật là thú vị,” Waleran nói. “Để coi ông ấy ra sao.” Ông nói với người quản lý: “Cho ông ấy vào.”

William nhìn chăm chú vào cửa với sự kinh hoàng mê tín. Cậu chờ đợi một người đáng sợ, to lớn trong bộ áo choàng màu đen đi vào và chỉ ngón tay buộc tội vào cậu. Nhưng khi Jack xuất hiện ở cửa, William kinh ngạc vì cậu còn trẻ. Jack chưa qua hai mươi. Cậu có mái tóc đỏ và đôi mắt xanh cảnh báo lướt thoáng qua William, dừng lại một chút trên Regan rồi nhìn thẳng vào Waleran. Người thợ xây bình tĩnh trước mặt hai người quyền thế nhất trong vùng, nhưng ngoài sự tỉnh bơ đáng ngạc nhiên này cậu trông không có vẻ đáng sợ.

Giống William, Waleran cảm thấy thái độ bất tòng phục của người thợ xây trẻ này, và với giọng lạnh lùng kiêu căng ông nói: “Tốt, chàng trai kia, cậu cần gì nơi tôi?”

“Sự thật,” Jack nói. “Ông đã chứng kiến bao nhiêu người bị treo cổ?”

William nín thở. Nó là một câu hỏi làm kinh ngạc và xốc xược. Cậu nhìn những người khác. Mẹ cậu nghiêng về phía trước, cau mày nhìn vào Jack như thể bà đã gặp cậu ở đâu đó và đang cố nhớ lại. Waleran trông lạnh lùng.

Waleran nói: “Đó có phải là một câu đố không? Tôi đã chứng kiến nhiều người bị treo cổ hơn là tôi có thể đếm được, và sẽ có thêm người nữa nếu cậu tiếp tục nói kiểu vô lễ như thế.”

“Tôi xin lỗi ngài, thưa giám mục,” Jack nói, nhưng cậu vẫn không sợ hãi. “Ông có nhớ tất cả họ không?”

“Tôi nghĩ tôi có thể,” Waleran nói. “Tôi đoán có một người đặc biệt mà cậu chú ý đến.”

“Hai mươi hai năm về trước, ở Shiring, ông đã chứng kiến việc tử hình một người tên là Jack Shareburg.”

William nghe thấy tiếng thở của mẹ cậu.

“Ông ấy là người hát dạo,” Jack tiếp tục. “Ông có nhớ ông ấy không?”

William cảm thấy bầu khí trong phòng bất ngờ căng thẳng. Có một sự sợ hãi khác thường về Jack Jackson đã ảnh hưởng đến Waleran và mẹ cậu. “Tôi nghĩ tôi còn nhớ,” Waleran nói, và William nhận ra trong giọng nói của ông có sự cố gắng giữ bình tĩnh. Chuyện gì đã xảy ra?

“Tôi nghĩ là ông nhớ,” Jack nói, và bây giờ giọng cậu ấy lại có vẻ vô lễ. “Người này đã bị kết án vì lời làm chứng của ba người. Hai người đã chết. Ông là người thứ ba.”

Waleran gật đầu. “Ông ấy đã ăn cắp một cái gì đó của tu viện Kingsbridge – một chén quý.”

Một cái nhìn cứng rắn trong mắt xanh của Jack. “Ông ấy không làm chuyện đó.”

“Chính tôi bắt được ông ấy với chiếc chén.”

“Ông nói dối.”

Một thoáng yên lặng. Khi Waleran lên tiếng lại, giọng ông nhẹ nhưng mặt ông cứng như đá. “Tôi có thể cắt lưỡi cậu về chuyện đó,” ông nói.

“Tôi chỉ muốn biết tại sao ông lại làm chuyện đó,” Jack nói như thể cậu không nghe thấy lời đe dọa. “Ông có thể nói thẳng thắn ở đây. William không phải là mối đe dọa cho ông, còn mẹ cậu ấy dường như đã biết tất cả rồi.”

William nhìn mẹ cậu. Nó đúng như vậy, bà tỏ ra như bà biết chuyện. William hoàn toàn hoang mang. Nó dường như – cậu không dám hy vọng – rằng cuộc thăm viếng của Jack không liên quan gì đến William và kế hoạch bí mật của cậu về việc giết người yêu của Aliena.

Regan nói với Jack: “Cậu đang cáo buộc giám mục tội khai gian!”

“Tôi sẽ không lập lại lời kết tội này một cách công khai,” Jack lạnh lùng nói. “Tôi thiếu bằng chứng, và thực ra tôi cũng không quan tâm đến việc trả thù. Tôi chỉ muốn hiểu tại sao ông lại treo cổ một người vô tội.”

“Ra khỏi đây,” Waleran lạnh lùng nói.

Jack gật đầu như thể ông không còn chờ đợi gì hơn. Mặc dù cậu không có câu trả lời cho câu hỏi của cậu, khuôn mặt cậu có nét hài lòng như thể sự nghi ngờ của cậu đã được xác nhận.

William vẫn còn bối rối với những lời trao đổi giữa họ. Bốc đồng, cậu nói: “Đợi một chút.”

Jack quay lại nơi cửa và nhìn cậu bằng đôi mắt xanh chế giễu.

“Mối...” William nuốt nước bọt và nói: “Mối quan tâm của cậu trong việc này là gì? Tại sao cậu đến đây và đặt những câu hỏi này?”

“Bởi vì người đàn ông bị treo cổ là bố tôi,” Jack nói và đi ra.

Trong phòng im lặng. Vì thế người yêu của Aliena, thợ xây dựng chính ở Kingsbridge là con của người ăn cắp đã bị tử hình ở Shiring, William nghĩ. Nhưng tại sao mẹ cậu lại lo lắng và Waleran có vẻ sợ hãi?

Sau cùng Waleran nói cay đắng: „Người phụ nữ đó đã đeo đẳng tôi hai mươi năm.“ Ông thường tỏ ra cứng rắn, vì thế mà William ngạc nhiên khi cậu thấy ông tỏ bày cảm xúc của ông.

"Bà ấy đã biến mất sau khi nhà thờ chính tòa bị sụp đổ," Regan nói. Tôi nghĩ đó là lần cuối cùng chúng ta thấy bà ấy."

"Bây giờ con trai bà ấy đến để ám ảnh chúng ta." Có một cái gì đó thực sự sợ hãi trong giọng của Waleran.

William nói: „Tại sao ông không bỏ tù cậu ấy vì đã kết tội ông khai gian?"

Waleran nhìn cậu khinh miệt, rồi nói: “Con trai bà thật khờ dại, Regan ạ.”

William nhận ra lời kết tội khai gian phải là thật. Và khi cậu có thể tìm ra sự thật, thì Jack cũng có thể. „Còn có người nào biết về điều đó nữa không?"

Regan nói: „Tu viện trưởng James đã thú nhận sự khai gia của ông trước khi chết với tu viện phó Remigius. Nhưng Remigius luôn ở về phía chúng ta chống lại Philip, vì thế ông ấy không nguy hiểm. Mẹ của Jack biết một vài điều về chuyện này, nhưng không biết tất cả; nếu không bà ấy đã dùng những thông tin đó để kiện lại chúng ta. Nhưng Jack đã du hành đây đó – có lẽ cậu đã thu thập được một vài điều mà mẹ cậu không biết."

William nhận thấy câu truyện xa lạ trong quá khứ này có thể trở thành lợi điểm cho cậu. Cậu nói: "Vậy chúng ta hãy giết Jack."

Waleran lắc đầu khinh bỉ.

Regan nói: "Điều đó chỉ làm cho mọi người chú ý đến Jack và lời kết tội của cậu ấy."

William thất vọng. Nó dường như đã được tiền định. Cậu nghĩ về điều đó trong khi căn phòng vẫn im lặng. Rồi một ý tưởng mới chợt đến, và cậu nói: „Nó không cần thiết.“

Hai người ngẩng đầu lên nhìn cậu chờ đợi.

"Jack có thể bị giết mà không gây sự chú ý đến cậu ấy," William kiên nhẫn nói.

"Được, hãy cho chúng tôi biết bằng cách nào," Waleran nói.

"Cậu ấy có thể bị giết trong một cuộc tấn công vào Kingsbridge, "William nói, và cậu hài lòng khi thấy cái nhìn tôn trọng trên khuôn mặt của cả hai người.

Trời đã về chiều khi Jack và Tu viện trưởng Philip đi một vòng xung quanh công trường xây dựng. Đồng hồ nát của gian cung thánh đã được dọn, và đồng gạch vụn được đổ thành hai đồng lớn ở phía bắc sân tu viện. Giàn giáo mới đã được dựng lên và các thợ thủ công đã xây lại các bức tường bị sụp đổ. Bên cạnh khu bệnh xá là một đồng gỗ dự trữ lớn.

"Công việc trôi chảy nhanh chóng," Philip nói.

"Không nhanh như tôi muốn," Jack trả lời.

Họ kiểm tra chân móng của gian ngang. Bốn mươi hay năm mươi lao công ở trong một hố sâu, xúc bùn vào xô, trong khi những người khác ở trên mặt đất đang kéo các xô đất lên và đổ đi. Các khối đá thô, lớn đã được cắt cho chân móng xếp thành đồng ở gần đó.

Jack đưa Philip vào xưởng riêng của cậu. Nó lớn hơn so với nhà kho của Tom. Một phía hoàn toàn mở để cho ánh sáng vào. Nửa nền nhà của xưởng là bản vẽ. Cậu đã đặt các tấm ván trên mặt đất, làm khung gỗ xung quanh và đổ đầy thạch cao phía trong. Khi thạch cao đã khô, nó cứng đủ để có thể đi trên đó và dùng một cây sắt nhọn vẽ trên nó. Đây là nơi Jack phác thảo các chi tiết. Cậu dùng la bàn, một thước thẳng và một thước vuông. Những nét vẽ mới luôn luôn có màu trắng, rõ ràng, nhưng nó mau thành màu xám, vì thế mà đường mới có thể dễ dàng vẽ trên đường cũ mà không sợ bị lẫn lộn. Nó là một ý tưởng cậu đã học được ở Pháp.

Phần còn lại của xưởng thợ là các bàn làm việc, nơi cậu làm các khuôn mẫu bằng gỗ cho các thợ xây biết cắt đá như thế nào. Ánh sáng đã yếu dần: hôm nay cậu không còn có thể làm các khuôn mẫu nữa. Cậu thu xếp công cụ của cậu lại.

Philip nhặt một khuôn mẫu và hỏi: „Khuôn này dùng làm gì?“

"Chân của cột trụ."

"Cậu chuẩn bị trước thật kỹ lưỡng."

"Tôi không thể chờ đợi được đến khi công việc xây dựng bắt đầu"

Trong những ngày này cuộc đàm thoại của họ ngắn gọn và thực tế.

Philip đặt mẫu xuống. „Tôi phải đi dự giờ kinh chiều.“ Ông quay người lại và đi.

„Và tôi sẽ đi thăm gia đình tôi,“ Jack nói gay gắt.

Philip dừng và quay lại như thể ông muốn nói điều gì đó, rồi nhìn buồn bã và bỏ đi.

Jack khóa thùng công cụ của cậu lại. Cậu hối hận về lời nói của cậu. Cậu đã chấp nhận làm việc với các điều khoản của Philip, vì thế sự phàn nàn bây giờ không có nghĩa gì. Nhưng cậu cảm thấy luôn luôn tức giận Philip, và cậu không thể giữ nó trong lòng.

Cậu rời sân tu viện trong ánh hoàng hôn và đến căn nhà nhỏ trong khu nghèo, nơi Aliena sống với em cô, Richard. Cô cười hạnh phúc khi Jack bước vào, nhưng họ không hôn nhau: trong những ngày này họ không đụng đến nhau, vì sợ sẽ bị kích thích, và rồi một là họ sẽ phải rời xa nhau mà không thỏa mãn, hai là chiều theo ham muốn và có thể rủi ro bị bắt vì không giữ lời hứa với Tu viện trưởng Philip.

Tommy đang chơi trên nền nhà. Bé đã một tuổi rưỡi và hiện tại cậu thích xếp các đồ vật lên nhau. Bé có bốn hay năm chiếc tô ở trước mặt, và bé không mỗi một xếp chiếc nhỏ hơn bên trong chiếc lớn hơn và cố gắng đặt chiếc lớn hơn vào chiếc nhỏ hơn. Jack ngạc nhiên với ý tưởng rằng Tommy theo bản năng không biết chiếc tô lớn không thể cho vào trong chiếc nhỏ được; rằng đây là cái gì đó mà con người phải học. Tommy chiến đấu với mỗi quan hệ không gian cũng như Jack cố gắng hình dung một cái gì đó giống như hình dạng của viên đá trong một mái vòm cong.

Tommy hấp dẫn Jack và làm cậu lo lắng nữa. Cho đến bây giờ Jack chẳng bao giờ lo về khả năng tìm việc làm của cậu. Cậu lên đường vượt qua nước Pháp mà không một phút nào nghĩ đến việc cậu có thể thiếu thốn và chết đói. Nhưng bây giờ cậu muốn an toàn. Nhu cầu muốn chăm sóc cho Tommy còn lớn hơn nhu cầu lo cho bản thân mình. Lần đầu tiên trong đời cậu có trách nhiệm.

Aliena đặt một bình rượu và một miếng bánh với gia vị trên bàn và ngồi xuống đối diện với Jack. Cậu rót một chén rượu và nhấm nháp nó với lòng biết ơn. Aliena đặt một vài miếng bánh trước mặt Tommy, nhưng bé không đói, và làm vương vãi nó trên nền nhà.

Aliena nói: „Jack, em cần thêm tiền.“

Jack ngạc nhiên. „Anh đưa cho em hai mươi xu một tuần. Anh chỉ còn hai mươi bốn xu.“

„Em xin lỗi,“ cô nói. „Anh sống một mình – Anh không cần nhiều như thế.“

Jack nghĩ điều đó không hợp lý lắm. „Nhưng một người lao động chỉ có sáu xu một tuần – và một vài người trong số họ có năm hay sáu con.“

Aliena nhìn một cách đau khổ. “Jack, em không biết những bà vợ của các người lao công lo việc nhà cửa như thế nào – Còn em, em chưa được học làm việc đó. Và em không tiêu gì cho em cả. Nhưng anh ăn trưa ở đây mỗi ngày. Ngoài ra còn Richard –“

“Richard làm sao?” Jack giận dữ nói. “Tại sao cậu ấy không tự lo lấy thân mình?”

“Cậu ấy chưa bao giờ tự lập.”

Jack cảm thấy Aliena và Tommy đã là một gánh nặng cho cậu. “Anh không biết là anh phải có trách nhiệm lo cho Richard!”

“Vâng, cậu ấy thuộc về em,” cô lặng lẽ nói. “Khi anh lấy em, anh cũng lấy cậu ấy nữa.”

“Anh không nhớ anh có đồng ý chuyện đó không!” cậu tức giận nói.

“Đừng tức giận!”

Nó đã quá trễ: Jack đã nổi khùng. “Richard đã hai mươi ba tuổi – lớn hơn anh hai tuổi. Tại sao anh phải lo cho cậu ấy? Tại sao anh phải ăn bánh

mì khô và mua thịt hun khói cho Richard?”

“Ngoài ra, em lại có thai.”

“Cái gì?”

“Em sắp có thêm một em bé.”

Sự tức giận của Jack biến mất. Cậu nắm lấy tay cô. “Thật tuyệt vời!”

“Anh có vui không?” cô nói. “Em sợ anh lại tức giận.”

“Giận ư? Anh rất vui! Anh không biết Tommy khi nó còn nhỏ - bây giờ anh biết anh đã không được chứng kiến điều gì.”

“Nhưng còn về trách nhiệm và tiền bạc thì sao?”

“Ồ, tiền bạc không thành vấn đề. Anh chỉ khó chịu vì chúng ta phải sống xa nhau. Chúng ta sẽ có thêm tiền. Nhưng một đứa con nữa! Anh mong nó là con gái.” Cậu suy nghĩ điều gì đó, và nhăn mặt. “Nhưng khi...?”

“Nó phải xảy ra trước khi Tu viện trưởng Philip bắt chúng ta sống ly thân.”

“Có lẽ vào ngày lễ các Thánh.” Cậu cười. “Em có nhớ đêm đó không? Em cười anh như một con ngựa –“

“Em nhớ,” cô đỏ mặt nói.

Cậu nhìn cô tròng trành. “Anh muốn yêu em ngay bây giờ.”

Cô mỉm cười. “Em cũng vậy.”

Họ nắm tay nhau trên bàn.

Richard bước vào.

Cậu để cửa mở và bước vào trong, mồ hôi nhễ nhại và bụi bặm, tay dắt con ngựa. “Em có một tin dữ,” cậu vừa nói vừa thở hổn hển.

Aliena bế Tommy lên khỏi nền nhà, tránh cho ngựa đi. Jack nói: “Chuyện gì thế?”

“Ngày mai tất cả chúng ta phải di chuyển ra khỏi Kingsbridge,” cậu nói.

“Tại sao?”

“William sẽ lại đốt thị trấn vào ngày chủ nhật.”

“Không thể được!” Aliena kêu lên.

Jack lạnh người. Cậu nhớ lại cảnh tượng ba năm về trước, khi kỵ binh của William tấn công hội chợ len lỏi với những ngọn đuốc rực lửa và những cú

đánh tàn bạo. Cậu nhớ lại cảnh hỗn loạn, tiếng la hét và mùi xác cháy. Cậu nhìn thấy thi thể của bố dượng, với vầng trán bị đập nát. Cậu đau trong tim.

“Làm sao cậu biết chuyện ấy?” cậu hỏi Richard.

“Em ở Shiring và em thấy một số thuộc hạ của William mua vũ khí ở cửa hàng.”

“Điều đó không có ghĩa là ”

“Còn nhiều điều khác nữa. Em theo họ vào quán bia và nghe họ nói chuyện. Một người hỏi Kingsbridge có sự phòng thủ nào không, và một người khác nói là không có gì.”

Aliena nói: “Trời ơi! Đó là sự thật.” Cô nhìn Tommy, và tay cô đưa xuống bụng, nơi đứa bé đang phát triển. Cô nhìn lên, và Jack gặp ánh mắt cô. Cả hai có cùng một suy nghĩ.

Richard tiếp tục: “Sau đó em nói chuyện với một vài người trẻ, những người không biết em. Em kể cho họ về cuộc chiến ở Lincoln, và các việc tương tự, và em nói với họ em đang tìm chỗ chiến đấu. Họ nói với em hãy đến lâu đài lãnh chúa, nhưng phải đi ngay ngày hôm nay, vì họ sẽ lên đường vào ngày mai, và cuộc chiến sẽ diễn ra vào chủ nhật.”

“Vào chủ nhật,” Jack thốt lên sợ hãi.

“Em sẽ đến lâu đài lãnh chúa để kiểm tra xem sao.”

Aliena nói: “Richard, việc đó rất nguy hiểm.”

“Tất cả những dấu hiệu tiên báo về một cuộc chiến sắp tới: sứ giả đến rồi đi, ngựa được tập, vũ khí được lau chùi... Không còn nghi ngờ gì.” Richard kết thúc bằng giọng nói đầy thù hận: “Không gì có thể làm con quý William này hài lòng – nó luôn muốn nhiều hơn.” Tay cậu đưa lên tai phía phải, và sờ vào vết sẹo với một cử chỉ lo lắng.

Jack quan sát Richard. Cậu lười biếng và tiêu tiền phung phí, nhưng sự phán đoán của cậu trong lãnh vực quân sự đáng tin cậy. Khi cậu nói William dự định một cuộc cướp bóc, cậu có lý. “Đó là một thảm họa,” Jack nói. Kingsbridge vừa mới khôi phục lại từ đám bùn lầy. Ba năm trước hội chợ đã bị đốt cháy, hai năm trước mái nhà thờ đã đổ xuống dân chúng và bây giờ lại đến chuyện này. Dân chúng có thể nói rằng niềm bất hạnh của Kingsbridge đã quay trở lại. Ngay cả khi cư dân bỏ chạy để tránh đổ máu,

Kingsbridge sẽ bị tàn phá. Không ai còn muốn sống nơi đây, còn muốn đến chợ mua bán và làm việc ở đây. Việc xây dựng nhà thờ chính tòa sẽ chấm dứt.

Aliena nói: “Chúng ta phải thông báo cho Tu viện trưởng Philip – ngay bây giờ.”

Jack gật đầu. “Các tu sĩ chắc đang ăn tối. Chúng ta phải đi ngay.”

Aliena bế Tommy và tất cả họ vội vã lên đồi, hướng về phía tu viện trong ánh nắng buổi chiều.

Richard nói: “Khi nhà thờ chính tòa hoàn thành, người ta có thể họp chợ trong đó. Điều đó có thể tránh được cuộc đột kích.”

Richard, Aliena và Tommy đợi bên ngoài trong khi Jack vào trong nhà ăn của các tu sĩ. Một tu sĩ trẻ đọc lớn tiếng bằng tiếng Latin trong khi các tu sĩ khác ngồi ăn trong thinh lặng. Jack nhận ra một đoạn tiên báo trong sách Khải Huyền. Cậu đứng nơi cửa và gặp ánh mắt của Philip. Ông ngạc nhiên khi thấy cậu, ông vội đứng dậy và đi ra ngay lập tức.

“Tin dữ,” Jack nói dứt khoát. “Tôi để Richard kể cho ông.”

Họ nói chuyện trong bóng tối của gian cung thánh đang được sửa lại. Richard thông tin cho Philip trong một vài câu ngắn gọn. Khi cậu chấm dứt, Philip nói: “Nhưng chúng ta không tổ chức hội chợ, mà chỉ là một buổi chợ nhỏ!”

Aliena nói: “Ít nhất chúng ta có cơ hội để di tản thị trấn vào ngày mai. Không ai bị thương tổn. Rồi chúng ta có thể xây lại nhà cửa như chúng ta đã làm trong quá khứ.”

“Trừ khi William không đuổi theo những người di tản,” Richard nói. “Tôi không tin cậu ấy sẽ tha.”

“Ngay cả khi mọi người có thể trốn thoát, tôi nghĩ điều này có nghĩa là các buổi họp chợ sẽ chấm dứt,” Philip buồn bã nói. “Dân chúng sẽ sợ hãi không còn dám lập các quầy hàng ở Kingsbridge nữa.”

Jack nói: “Nó cũng có nghĩa là kết thúc của nhà thờ chính tòa. Trong mười năm vừa qua nhà thờ đã một lần bị đốt cháy, một lần đã sụp đổ và nhiều thợ xây đã bị giết khi thị trấn bị tàn phá. Cuộc thảm họa này sẽ là lần cuối cùng. Dân chúng sẽ nói nó là một bất hạnh.”

Philip bị giằng co. Ông chưa đến bốn mươi tuổi, Jack nhăm tính, nhưng khuôn mặt ông đã đầy nét nhăn và tóc ông nhiều xám hơn đen. Tuy nhiên có một ánh cương quyết trong mắt sáng xanh của ông khi ông nói: “Tôi không chấp nhận chuyện này. Tôi không nghĩ đây là ý của Thiên Chúa.”

Jack ngạc nhiên không biết ông nói về chuyện gì. Làm sao ông có thể ‘không chấp nhận’ nó? Những con gà cũng có thể nói chúng không chấp nhận con cáo. “Vì thế ông định làm gì?” Jack hoài nghi nói. “Ông sẽ cầu nguyện cho William rút xuống khỏi giường tối nay và gãy cổ sao?”

Richard háo hức về ý tưởng chống cự lại. “Chúng ta hãy chiến đấu,” cậu nói. “Tại sao không? Chúng ta có hàng trăm người. William sẽ mang theo năm mươi người, cùng lắm là một trăm – chúng ta có thể thắng về số lượng người đông.”

Aliena phản đối. “Và bao nhiêu người của chúng ta sẽ bị giết?”

Philip lắc đầu. “Các tu sĩ không đánh nhau,” ông buồn rầu nói. “Và tôi không thể yêu cầu cư dân thị trấn hy sinh mạng sống của họ trong khi tôi không sẵn sàng mạo hiểm đời sống của tôi.”

Jack nói: “Cũng đừng tính đến sự chiến đấu của các thợ xây của tôi. Đó không phải là công việc của họ.”

Philip nhìn Richard, người có nhiều khả năng quân sự nhất trong số họ. “Có cách nào bảo vệ thị trấn mà không cần đến đánh nhau không?”

“Không có tường thành thì không có cách nào,” Richard nói. “Chúng ta không có gì để ngăn quân thù, ngoại trừ bằng chính thân xác của mình.”

“Bức tường thành,” Jack trầm tư nói.

Richard nói: “Chúng ta có thể thách thức William chiến đấu tay đôi – một chống một. Nhưng tôi nghĩ cậu ấy không đồng ý việc đó.”

“Tường thành có thể cứu chúng ta không?” Jack hỏi.

Richard sốt ruột nói: “Nó có thể cứu chúng ta lần sau, nhưng bây giờ không. Chúng ta không thể xây tường thành trong một đêm.”

“Tại sao chúng ta không thể?”

“Dĩ nhiên không, không có thể -”

“Im lặng, Richard,” Philip mạnh mẽ nói. Ông nhìn Jack chờ đợi. “Cậu đang nghĩ gì?”

"Một bức tường thành thì không khó xây,“ Jack nói.

"Tiếp tục!"

Tư tưởng Jack hỗn loạn. Các người khác nín thở lắng nghe. Cậu nói: „Không cần mái vòm, không cần mái trần, không cần cửa sổ, không cần mái,... Một bức tường có thể xây trong một đêm, nếu chúng ta có nhân công và vật liệu.

"Chúng ta lấy gì mà xây nó?“ Philip nói.

"Hãy nhìn xung quanh ông," Jack nói. „Đây là những phiến đá đã cắt sẵn cho nền móng. Kia là đồng gỗ to hơn căn nhà. Trong nghĩa trang có đồng gạch nát từ cuộc sụp đổ. Bên dưới bờ sông có một đồng đá lớn từ mỏ đá. Không có tình trạng thiếu nguyên liệu.“

"Và thị trấn có đủ thợ xây," Philip nói.

Jack gật đầu. „Các tu sĩ có thể tổ chức. Các thợ xây làm việc chuyên môn. Và các dân cư của cả thị trấn làm công việc của người lao động.“ Cậu suy nghĩ nhanh chóng. "Bức tường phải chạy dọc theo bờ sông. Chúng ta sẽ tháo gỡ cây cầu. Rồi chúng ta phải xây bức tường lên đồi, bao quanh khu nhà nghèo, cho đến khi đụng bức tường tu viện phía đông... sau đó theo hướng bắc... và xuống đồi, tới bờ sông. Tôi không biết chúng ta có đủ đá cho công việc này không"

Richard nói: „Không phải chỉ có tường đá mới có hiệu quả. Một con hào sâu, với một thành lũy làm bằng đất lấy từ hào lên, cũng có hiệu quả, nhất là nơi quân thù không dễ dàng tấn công được.“

"Bằng đá dĩ nhiên là tốt hơn," Jack nói.

"Tốt hơn nhưng không nhất thiết. Mục đích của bức tường là ngăn kẻ địch lại, và tạo cơ hội cho người phòng thủ bắn phá họ từ một chỗ an toàn."

"Bắn phá họ?“ Aliena nói. "Bằng cái gì?"

"Bằng đá, dầu sôi, cung tên – hầu hết các gia đình trong thị trấn đều có cung tên."

Aliena rùng mình nói: „Như vậy là chúng ta phải có một cuộc chiến."

"Nhưng không phải tay đôi, không hoàn toàn như vậy."

Jack bị giằng co. An toàn nhất có lẽ là mọi người trốn vào rừng với hy vọng William sẽ hài lòng với việc đốt phá nhà cửa. Nhưng vẫn có nguy cơ

là William và quân của ông sẽ đi lùng cư dân thị trấn và tàn sát họ. Nếu họ ở lại đây đằng sau bức tường thành, nó có nguy hiểm hơn không? Nếu có chuyện gì sai lầm và William tìm được cách chọc thủng bức tường thì cuộc tàn sát sẽ kinh khủng. Jack nhìn Aliena và Tommy, và nghĩ về đứa bé trong bụng Aliena. „Còn cách nào khác hơn không?“ cậu nói. "Chúng ta có thể di tản đàn bà và trẻ em, còn đàn ông sẽ ở lại để bảo vệ tường thành"

"Không, cảm ơn anh," Aliena nói quyết liệt. "Đó là một sáng kiến tồi tệ nhất. Như thế chúng tôi sẽ không có tường thành và không có đàn ông để bảo vệ chúng tôi"

Cô có lý, Jack nhận ra. Bức tường thành không có giá trị nếu không có người bảo vệ, và đàn bà và trẻ em cũng không thể ở trong rừng mà không có người bảo vệ: William có thể rời thị trấn một mình và giết các phụ nữ.

Philip nói: "Jack, cậu là thợ xây dựng. Chúng ta có thể xây tường thành trong một ngày không"

"Tôi chưa bao giờ xây tường thành," Jack nói. "Dĩ nhiên chúng ta không cần bản vẽ. Chúng ta sẽ phân công các thợ thủ công thành từng phần và để họ tận dụng khả năng phán đoán của họ. Vừa sẽ chưa cứng vào buổi sáng chủ nhật. Nó sẽ là bức tường tồi nhất trong nước Anh. Nhưng được, chúng ta có thể làm nó."

Philip quay lại Richard. "Cậu đã tham dự nhiều cuộc chiến. Nếu chúng ta xây tường thành, chúng ta có thể ngăn cản William lại không?"

"Chắc chắn,," Richard nói. "Cậu ấy chuẩn bị cho một cuộc đột kích chớp nhoáng, không phải cho một cuộc bao vây. Khi cậu ấy gặp một sự phòng thủ, cậu ấy sẽ không biết phải làm gì."

Sau cùng Philip nhìn Aliena. "Cô là một trong những người cần được bảo vệ. Cô có một đứa bé để chăm sóc. Cô nghĩ gì? Chúng ta có nên trốn vào rừng với hy vọng là William không đuổi theo chúng ta, hay chúng ta xây một bức tường thành và chặn cậu ấy lại?"

Jack nín thở.

"Nó không phải đơn thuần chỉ là câu hỏi về an toàn," Aliena nói sau một lúc im lặng. "Philip, ông đã dành cuộc đời ông cho tu viện này. Jack, nhà thờ chính tòa là ước mơ của anh. Nếu chúng ta trốn chạy, các anh sẽ mất

hết mọi thứ mà các anh yêu quý. Còn đối với tôi... Vâng, tôi một lý do đặc biệt muốn nhìn thấy quyền lực của William Hamleigh bị kiềm chế. Tôi nói chúng ta ở lại.”

“Được,” Philip nói. “Chúng ta xây một bức tường thành.”

Khi đêm xuống, Jack, Richard và Philip đi dọc theo ranh giới của thị trấn với đèn lồng, quyết định bức tường sẽ được xây ở đâu. Thị trấn được xây trên một ngọn đồi thấp, và dòng sông bao quanh hai phía của nó. Bờ sông quá mềm để chịu được bức tường không có nền tảng chắc chắn, vì thế Jack đề nghị một hàng rào bằng gỗ ở đó. Richard hoàn toàn hài lòng. Quân thù chỉ có thể tấn công hàng rào gỗ qua đường sông, một điều không thể thực hiện được.

Về hai phía khác, một số đoạn sẽ được làm đơn giản bằng con hào sâu với thành lũy bằng đất. Richard cắt nghĩa rằng nó sẽ hiệu quả nơi mặt đất bị dốc và quân thù phải tấn công từ dưới đồi lên. Tuy nhiên, nơi mặt đất bằng, một bức tường bằng đá sẽ cần thiết.

Sau đó Jack đi quanh làng và thu thập các thợ xây lại, kêu gọi họ ra khỏi nhà – ra khỏi giường, trong một số trường hợp – và ra khỏi quán bia. Cậu giải thích tình trạng khẩn trương và cách mà thị trấn phải đối phó với nó; rồi cậu đi quanh ranh giới với họ và giao cho mỗi người thợ một đoạn đường: hàng rào gỗ cho thợ mộc, tường đá cho thợ xây, và thông hào cho người học nghề và người lao động. Cậu yêu cầu mỗi người đánh dấu phần mình trước khi đi ngủ bằng cọc và dây, và trong khi ngủ sẽ nghĩ cách xây dựng nó như thế nào. Chẳng bao lâu sau, chu vi của thị trấn được đánh dấu bằng những ánh đèn lấp lánh phát ra từ đèn của thợ thủ công. Các thợ rèn mồi lửa qua đêm để chế tạo cuộc xéng. Công việc bất thường giữa đêm phá rối giấc ngủ của cư dân thị trấn, và các thợ thủ công phải mất nhiều giờ cắt nghĩa cho họ những việc đang làm. Chỉ có các tu sĩ, những người đã lên giường từ lúc trời tối, ngủ yên không biết gì.

Nhưng vào giữa đêm, khi các thợ thủ công đã chấm dứt việc chuẩn bị của họ và hầu hết cư dân thị trấn đã mệt mỏi, các tu sĩ được đánh thức dậy. Giờ cầu nguyện của họ được rút bớt lại, và khi họ được phân phối bánh mì và bia trong nhà ăn, Philip thông báo cho họ. Ngày mai họ sẽ là những

người tổ chức. Họ được chia thành từng nhóm, mỗi nhóm làm việc chung với một thợ thủ công. Họ sẽ nhận lệnh từ người thợ thủ công và giám sát việc đào bới, kéo đất lên, và đem các vật liệu đến. Nhiệm vụ chính của họ, Philip nhấn mạnh, là cung cấp vật liệu cần thiết mà người thợ thủ công cần: đá và vữa, gỗ và công cụ.

Khi Philip nói, Jack tự hỏi không biết William Hamleigh đang làm gì. Lâu đài lãnh chúa cách Kingsbridge một ngày đi ngựa, nhưng William sẽ không làm chuyện đó trong một ngày, bởi vì như vậy đoàn quân sẽ mệt mỗi khi đến nơi. Họ sẽ lên đường vào sáng nay lúc mặt trời lên. Họ sẽ không đi chung với nhau, nhưng riêng rẽ, và che giấu vũ khí và áo giáp của họ như thể họ đi du lịch, để tránh gây chú ý. Họ sẽ gặp nhau bí mật vào buổi chiều, ở một nơi nào đó cách Kingsbridge một hai giờ, có lẽ trong một nhà lớn của một người thuê đất của William. Vào buổi tối họ sẽ uống bia, mài dao, và kể những câu chuyện rùng rợn về những chiến thắng trước đó: thanh niên bị cắt xén, người già bị chà đạp dưới vó ngựa, thiếu nữ bị hãm hiếp, trẻ em bị chặt đầu và trẻ sơ sinh bị cắm trên thanh kiếm trong khi các bà mẹ gào lên trong đau đớn. Rồi sáng mai họ sẽ tấn công. Jack rùng mình vì sợ. Nhưng lần này chúng tôi sẽ ngăn họ lại, cậu nghĩ. Dầu vậy, cậu vẫn sợ.

Mỗi nhóm các tu sĩ được phân chia một đoạn tường và nguồn vật liệu. Sau đó khi ánh bình minh vừa xuất hiện ở phía đông, họ đi quanh khu phố đã được chỉ định, gõ cửa, đánh thức cư dân dậy trong khi tiếng chuông tu viện vang lên khẩn trương.

Khi mặt trời vừa lên công việc đã bắt đầu chạy. Thanh niên và phụ nữ làm công việc lao động trong khi những người lớn tuổi cung cấp đồ ăn và nước uống, các trẻ em chạy việc vặt và thông tin liên lạc. Jack liên tục đi quanh công trường, lo lắng giám sát công việc. Cậu nói với người thợ hồ dùng ít vôi, để vữa mau cứng hơn. Cậu khuyên người thợ mộc làm hàng rào nên lấy gỗ từ các kho dự trữ khác nhau thay vì dùng gỗ của giàn giáo. Cậu chú ý cho các phần của bức tường khi gặp nhau sẽ trùng hợp. Và cậu luôn luôn khôi hài, cười nói và khuyến khích mọi người.

Mặt trời lên trên bầu trời trong xanh. Hôm nay sẽ là một ngày nóng. Nhà bếp tu viện cung cấp bia, nhưng Philip ra lệnh pha loãng với nước, và Jack

tán thành bởi vì những người làm việc vất vả sẽ uống nhiều trong thời tiết này, và cậu không muốn họ buồn ngủ.

Mặc dù mối đe dọa khủng khiếp đang đến, mọi người vẫn có bầu khí vui nhộn. Nó giống như một ngày lễ, khi toàn thị trấn cùng làm một việc với nhau, giống như làm bánh trong ngày lễ hội mùa hay thả nển trôi theo dòng sông trong đêm lễ hội mùa hè. Dân chúng dường như quên đi mỗi nguy hiểm mà chính vì lý do đó mà họ có những hoạt động này. Tuy nhiên, Philip thấy một số người kín đáo rời bỏ thị trấn. Một là họ tìm cơ hội trốn trong rừng, hoặc họ có thân nhân ở các làng lân cận, những người sẽ cho họ trú ẩn. Còn ngoài ra hầu hết mọi người đều ở lại.

Vào giữa trưa Philip kéo chuông một lần nữa, và mọi người ngưng làm việc để ăn trưa. Trong khi mọi người ăn, Philip cùng với Jack đi một vòng quanh bức tường thành. Mặc cho có nhiều cố gắng, công việc vẫn chưa tiến triển nhiều. Các bức tường đá vẫn chỉ cao đến mặt đất, thành lũy vẫn chỉ là các gò đất thấp và còn nhiều lỗ hổng trong hàng rào gỗ.

Vào cuối cuộc kinh lý Philip nói: “Chúng ta có thể hoàn thành đúng hẹn không?”

Jack đã cố vui vẻ và lạc quan suốt cả buổi sáng, nhưng bây giờ cậu phải đối diện với thực tế. “Với tốc độ này, không,” cậu nói một cách thất vọng.

“Chúng ta có thể làm gì để tăng tốc độ?”

“Cách duy nhất để xây nhanh hơn là xây cầu thả hơn, thông thường là như vậy.”

“Vậy thì chúng ta xây cầu thả hơn – nhưng bằng cách nào?”

Jack nhận định. “Lúc này chúng ta có thợ xây làm các bức tường, thợ mộc làm hàng rào, lao công làm việc đào đắp, và dân cư khiêng vật liệu. Nhưng hầu hết các thợ mộc có thể xây các tường thẳng, và hầu hết người lao động có thể làm hàng rào gỗ. Vì thế chúng ta để các thợ mộc giúp thợ xây làm tường đá, để người lao công làm hàng rào, và để dân làng đào hào và đắp lũy. Và khi công việc đã trôi chảy nhịp nhàng, các tu sĩ trẻ có thể bỏ công việc tổ chức và giúp các người làm công.”

“Được.”

Họ ban hành lệnh mới sau bữa ăn trưa. Đây không những là bức tường xây dựng tồi tệ nhất nước Anh, Jack nghĩ, nó có lẽ còn là bức tường sụp đổ nhanh nhất. Nếu sau một tuần mà tất cả còn đứng vững thì nó đúng là một phép lạ.

Vào buổi chiều dân chúng bắt đầu mệt mỏi, nhất là những người đã thức dậy trong đêm. Bầu khí lễ hội biến mất nhường chỗ cho sự dứt khoát. Bức tường đá cao hơn, thông hào sâu hơn, và những lỗ hồng trong hàng rào đã bít kín. Họ ngừng công việc lại để ăn tối, khi mặt trời xuống dưới chân trời phía tây họ lại bắt đầu.

Khi màn đêm buông xuống, bức tường vẫn chưa hoàn thành.

Philip chia phiên gác, ra lệnh mỗi người ngủ một vài giờ và thông báo ông sẽ kéo chuông vào giữa đêm. Cư dân thành phố mệt mỏi lên giường ngủ.

Jack đến nhà Aliena. Cô và Richard vẫn thức.

Jack nói với Aliena: “Anh muốn em mang Tommy vào trốn trong tường.”

Tư tưởng này cậu đã có cả ngày trong đầu. Lúc đầu cậu xua đuổi nó; nhưng khi thời gian trôi đi, ký ức kinh hoàng về ngày William đốt cháy hội chợ len lún luôn luôn trở lại; và sau cùng cậu quyết định để cô đi.

“Tốt hơn em nên ở lại,” cô dứt khoát nói.

Jack nói: “Aliena, anh không biết công trình của chúng ta có kết quả không, và anh không muốn em ở đây nếu William Hamleigh vượt qua được bức tường thành.”

“Nhưng em không thể rời đây được trong khi anh tổ chức kêu gọi mọi người ở lại và chiến đấu,” cô nói một cách lý lẽ.

Đó là chuyện hợp lý, nhưng cậu không muốn hiểu. “Nếu em đi bây giờ họ sẽ không biết.”

“Một lúc nào đó họ sẽ nhận ra.”

“Khi đó mọi chuyện đã xong.”

“Nhưng hãy nghĩ về sự ô nhục.”

“Ô nhục không là vấn đề,” cậu hét lên. Cậu điên lên vì thất vọng và không tìm được chữ để thuyết phục cô. “Anh muốn em được an toàn!”

Giọng nói tức giận của cậu đánh thức Tommy và nó khóc thét lên. Aliena bế nó lên và ru nó. Cô nói: „Em không chắc ở trong rừng em có được an toàn hơn không.“

"William không tìm kiếm ở trong rừng. Cậu ấy quan tâm đến thị trấn hơn."

"Cậu ấy có thể quan tâm đến em."

"Em có thể ẩn trong khu rừng của em. Không ai đến đó."

"William có thể tình cờ thấy nó."

"Hãy nghe anh! Ở đó em sẽ an toàn hơn ở đây. Anh biết điều đó."

"Mặc dù vậy em muốn ở lại đây."

"Anh không muốn em ở đây," cậu nói cay nghiệt.

"Vâng, bằng mọi giá em sẽ ở lại đây," cô trả lời với một nụ cười, làm ngơ không để ý đến sự thô lỗ của cậu.

Jack dần cơn giận lại. Không nên tranh luận một khi cô ấy đã quyết định: cô ấy cứng đầu như một con la. Cậu đổi giọng van lơn: "Aliena, anh sợ những gì sẽ xảy ra vào ngày mai."

"Em cũng sợ nữa," cô nói. "Và em nghĩ chúng ta sẽ cùng nhau sợ."

Cậu biết cậu nên chiều theo ý cô một cách êm thấm, nhưng cậu quá lo lắng. "Vậy thì mặc kệ em," cậu giận dữ nói rồi đi ra.

Cậu đứng ngoài trời, hít thở không khí ban đêm. Một lúc sau cậu bình tĩnh lại. Cậu vẫn còn lo lắng kinh khủng, nhưng thật ngu dại để giận nhau: có thể cả hai sẽ cùng chết vào buổi sáng nay.

Cậu đi vào lại. Cô vẫn đứng ở chỗ cũ như lúc cậu đi, buồn bã. "Anh yêu em," cậu nói. Họ ôm nhau và đứng như thế một lúc lâu.

Khi cậu đi ra, mặt trăng đã lên. Cậu nguôi ngoai đi khi nghĩ rằng Aliena có thể đúng: ở đây cô có thể an toàn hơn ở trong rừng. Ở đây ít nhất cậu sẽ biết nếu cô gặp khó khăn, và có thể làm mọi cách để bảo vệ cô.

Cậu biết cậu sẽ không ngủ được nếu bây giờ cậu lên giường. Cậu có một nỗi sợ hãi ngu ngốc là mọi người sẽ ngủ quên đến khi mặt trời lên, lúc mà quân của William tiến vào tàn phá. Trong lo âu cậu đi quanh một góc thị trấn. Thật kỳ lạ là cho đến ngày nay Kingsbridge đã không có một bức tường thành. Bức tường đá mới xây tới thắt lưng, chưa cao đủ. Hàng rào

cao đủ nhưng vẫn còn nhiều lỗ trống để một trăm người có thể cưỡi ngựa đi qua trong thời gian ngắn. Thành lũy bằng đất đã cao nhưng một con ngựa tốt vẫn có thể nhảy qua được. Còn nhiều việc phải làm.

Cậu dừng lại nơi mà trước đây là cây cầu qua sông. Nó đã được gỡ ra thành từng mảnh, và từng bộ phận đã được cất trong tu viện. Cậu nhìn dòng nước tràn ngập ánh trăng. Cậu thấy bóng người đi dọc theo hàng rào gỗ, và rùng mình sợ hãi nhưng đó là Tu viện trưởng Philip, người cũng mất ngủ như cậu.

Trong lúc này mối ác cảm của Jack đối với Philip đã bị lu mờ bởi sự đe dọa từ William, và Jack không còn cảm thấy bất hòa với Philip. Cậu nói: “Nếu chúng ta sống sót sau biến cố này, chúng ta sẽ xây lại bức tường, từng bước một.”

“Tôi đồng ý,” Philip nhiệt tình nói. “Chúng ta nên có kế hoạch xây dựng bức tường đá quanh thị trấn trong vòng một năm.”

“Ngay tại đây, nơi cây cầu bắc qua sông này, tôi sẽ xây một cổng gác để ngăn người từ ngoài vào mà không cần tháo gỡ cây cầu.”

“Các tu sĩ chúng tôi không giỏi trong việc tổ chức phòng thủ thị trấn.”

Jack gật đầu. Các tu sĩ không được phép tham gia vào những việc liên quan đến bạo lực. “Nhưng nếu ông không tổ chức, ai sẽ là người làm chuyện đó?”

“Em của Aliena, Richard, thì sao?”

Jack giật mình vì ý tưởng đó, nhưng sau một lúc suy nghĩ cậu thấy nó là một ý kiến tốt. “Cậu ấy sẽ làm điều đó tốt, nó sẽ giúp cậu ấy không còn lười biếng và tôi sẽ không phải chu cấp cho cậu ấy nữa,” cậu nhiệt tình nói. Cậu nhìn Philip với sự ngưỡng mộ miễn cưỡng. “Ông chẳng bao giờ ngừng suy nghĩ.”

Philip nhún vai. “Tôi ước muốn tất cả vấn đề của chúng ta có thể giải quyết đơn giản như vậy.”

Tâm trí Jack trở lại với bức tường. “Tôi cho rằng từ bây giờ Kingsbridge sẽ là một thị trấn được bao bọc đời đời.”

“Không phải đời đời, nhưng chắc chắn cho đến ngày Chúa Giê Su trở lại.”

“Chúng ta sẽ thấy,” Jack nói một cách suy đoán. “Có thể một ngày nào đó những kẻ mọi rợ như William Hamleigh không còn quyền lực nữa, một ngày nào đó luật pháp sẽ bảo vệ những người dân thay vì đàn áp họ và vua chúa gây dựng hòa bình thay vì chiến tranh. Hãy nghĩ về một ngày các thị trấn của nước Anh sẽ không cần đến tường thành nữa!”

Philip lắc đầu. “Đó chỉ là tưởng tượng,” ông nói. “Nó sẽ không xảy ra trước ngày tận thế.”

“Tôi không nghĩ như thế.”

“Đã đến gần nửa đêm rồi. Chúng ta phải bắt đầu lại thôi.”

“Philip, trước khi ông đi...”

“Chuyện gì vậy?”

Jack hít một hơi dài. “Nó vẫn còn đủ giờ để thay đổi kế hoạch của chúng ta. Chúng ta có thể di tản thị trấn vào ngày mai.”

“Cậu sợ à, Jack?” Philip nói, không một ác ý.

“Vâng. Nhưng không phải vì tôi, mà vì gia đình tôi.”

Philip gật đầu. “Hãy nghĩ như thế này. Nếu cậu rời đi bây giờ, có thể cậu sẽ an toàn ngày mai. Nhưng William có thể trở lại vào ngày khác. Nếu chúng ta cho cậu ấy cơ hội ngày mai, chúng ta sẽ luôn sống trong sợ hãi. Cậu, tôi, Aliena và cả Tommy nhỏ bé nữa, nó sẽ lớn lên trong sợ hãi vì William hay một người nào đó giống William.”

Ông ấy có lý, Jack nghĩ. Nếu muốn cho các trẻ em giống như Tommy được lớn lên trong tự do, bố mẹ của chúng không được phép trốn chạy khỏi William.

Jack thở dài. “Được.”

Philip đi kéo chuông. Ông là một nhà lãnh đạo, người canh giữ hòa bình, lo lắng cho công bằng và không đàn áp người nghèo dưới quyền ông, Jack nghĩ. Nhưng ông có phải thực sự sống độc thân để làm chuyện đó không?

Tiếng chuông vang lên. Đèn được thắp lên sau các ngôi nhà còn đóng cửa, và các thợ thủ công lững thững đi ra, tay dụi mắt và còn ngáp dài. Họ bắt đầu công việc một cách chậm chạp, và một số người lao động nổi nóng khi nói chuyện với nhau; nhưng Philip đã ra lệnh cho lò bánh của tu viện và chẳng bao lâu họ sẽ có bánh nóng và bơ tươi, và mọi người hài lòng.

Vào lúc bình minh Jack đi một vòng với Philip. Ánh mắt họ nhìn vào cuối chân trời còn tối, lo sợ dấu hiệu xuất hiện của những kỵ binh. Hàng rào bên bờ sông đã hầu như hoàn thành, các thợ mộc dồn sức làm nốt một vài mét còn lại. Ở phía bên kia, tường lũy bằng đất đã cao bằng đầu người, và thông hào phía ngoài đã sâu ba bốn bộ: một người với cố gắng có thể trèo lên được, tuy nhiên họ phải xuống ngựa. Bức tường đã cao bằng đầu người, nhưng ba bốn hàng đá phía trên vẫn còn yếu, bởi vì vừa chưa đủ khô. Tuy nhiên, quân thù sẽ không biết điều đó cho đến khi họ cố gắng vượt qua bức tường.

Ngoài những khoảng trống trong hàng rào, hầu hết công việc đã được thực hiện và Philip ban hành lệnh mới. Các cư dân lớn tuổi và trẻ em đi tới tu viện và trú ẩn trong phòng ăn. Jack hài lòng: Aliena có thể ở với Tommy đằng sau chiến tuyến. Các thợ chuyên môn tiếp tục xây dựng, nhưng một vài người lao động trở thành binh lính dưới sự điều khiển của Richard. Mỗi nhóm chịu trách nhiệm phòng thủ phần tường họ đã xây dựng. Những cư dân có cung tên sẽ sẵn sàng ở các bờ tường và bắn tên xuống quân thù. Những người không có vũ khí sẽ ném đá xuống và họ đã chuẩn bị kho dự trữ đá. Nước sôi cũng là một vũ khí hữu dụng, và các vạc nước đã được nấu sẵn để đổ xuống kẻ tấn công ở một số vị trí chiến lược. Nhiều cư dân có gươm, nhưng chúng chỉ là vũ khí hữu dụng khi chiến đấu tay đôi.

Jack đã thức từ bốn mươi tám giờ qua. Đầu cậu nhức và mắt cậu chảy nước mắt. Cậu ngồi trên mái nhà gần bờ sông và nhìn qua cánh đồng, trong khi các thợ mộc cố hoàn tất phần hàng rào còn lại. Bất ngờ cậu nhận ra rằng quân của William có thể bắn tên lửa vào đốt thị trấn mà không cần vượt qua bức tường. Một mối cậu xuống khỏi mái nhà và lên đồi tới khu tu viện. Ở đó Richard cũng có cùng suy nghĩ, và cậu đã phân công một số tu sĩ lo các thùng và xô nước ở một số địa điểm chiến lược xung quanh các góc thị trấn.

Cậu vừa rời tu viện khi cậu nghe tiếng giong vang lên như tiếng hét cảnh báo.

Tim đập mạnh, cậu trèo lên mái nhà chuồng bò và nhìn qua cánh đồng về hướng tây. Trên con đường dẫn đến cây cầu, một đám hay hơn, một đám

mây bụi tiết lộ một nhóm lớn kỵ binh đang đến.

Cho đến thời điểm này tất cả mọi chuyện dường như có một chút gì đó không thật; nhưng bây giờ những người muốn tàn phá Kingsbridge đã ở đây, đang đi trên đường và bất ngờ sự nguy hiểm trở thành ghê gớm thật sự.

Jack bất ngờ muốn đi tìm Aliena, nhưng không còn giờ nữa. Cậu nhảy xuống khỏi mái nhà và chạy xuống đồi, tới bên bờ suối. Một đám đông đang tập hợp xung quanh lỗ hồng cuối cùng. Họ đang đóng gạc xuống đất, lấp đầy khoảng trống và vùi vàng đóng đinh hai thanh gỗ chẵn và kết thúc công việc. Hầu hết cư dân tập trung ở đây, ngoài những người đã trú ẩn trong nhà ăn. Một vài phút sau khi Jack đến, Richard chạy xuống la lớn: “Không có ai ở phía bên kia của thị trấn! Có thể có nhóm khác lên sau lưng chúng ta. Hãy về vị trí của các ông. Nhanh lên!” Khi họ di chuyển, cậu lẩm bẩm với Jack: “Không có kỷ luật – không có kỷ luật gì cả.”

Jack nhìn qua cánh đồng khi đám mây bụi đến gần và những hình dạng của từng kỵ binh rõ dần. Họ giống như những con quỷ từ hỏa ngục, cậu nghĩ, họ chỉ có trong đầu sự chết và hủy diệt. Chúng tồn tại vì các bá tước và vua chúa cần chúng. Philip có thể ngu dại trong vấn đề tình yêu và hôn nhân, Jack nghĩ, nhưng ít nhất ông tìm ra cách lãnh đạo một cộng đoàn mà không cần sự giúp đỡ của những con người tàn ác như thế này.

Nó là một khoảng khắc kỳ lạ cho những suy nghĩ như thế này. Có phải đó là những thứ mà người ta nghĩ khi họ sắp chết?

Các kỵ binh đến gần. Có hơn năm mươi người, nhiều hơn Richard dự đoán. Jack cho rằng con số lên đến gần một trăm. Chúng hướng về chỗ nơi cây cầu cũ; rồi chúng đi chậm lại. Jack lên tinh thần khi chúng kìm ngựa lại ở phía bên kia sông. Khi chúng nhìn chăm chăm qua dòng nước vào bức tường thành mới, vài người gần Jack cất tiếng cười. Những người khác tham gia thêm và rồi tiếng cười lây lan như cháy rừng, vì thế mà chẳng bao lâu sau, năm mươi, một trăm rồi hai trăm người cười to vào mặt những binh lính xấu hổ vì bị mắc kẹt bên kia bờ sông, không có ai để đánh.

Một số kỵ binh xuống ngựa và đứng ngổn ngang. Nhìn qua đám sương ban sáng, Jack nghĩ cậu có thể nhìn thấy mái tóc vàng và khuôn mặt đỏ của William Hamleigh ở giữa đám đông, nhưng cậu không chắc chắn.

Một lúc sau họ lên ngựa, tụ họp lại và đi khỏi. Dân chúng Kingsbridge bùng lên reo mừng. Nhưng Jack không nghĩ William đã bỏ cuộc. Chúng không đi lại con đường chúng đã đến. Thay vào đó chúng đi theo dòng sông về hướng thượng nguồn. Richard đến bên Jack và nói: “Chúng đi tìm chỗ cạn. Chúng sẽ qua sông và đi qua rừng để đến bằng phía khác. Hãy loan tin này cho các người khác.”

Jack đi nhanh quanh bức tường, chuyển tiếp dự đoán của Richard. Về hướng bắc và đông thị trấn, bức tường bằng đất hay bằng đá, nhưng không có sông. Về phía này bức tường nối liền với tường phía đông của khu tu viện, chỉ một vài bước xa nhà ăn, nơi Aliena và Tommy đang trú ẩn. Richard đã chỉ định Oswald, người bán ngựa, và Dick Richards, người con của thợ thuộc da, ở trên mái nhà bệnh xá với cung tên của họ: họ là những xạ thủ giỏi nhất trong thị trấn. Jack đi đến góc phía đông bắc và đứng trên thành lũy bằng đất, nhìn qua cánh đồng đến khu rừng mà quân của William sẽ xuất hiện.

Mặt trời lên trên bầu trời. Nó là một ngày nóng, không gợn mây. Các tu sĩ đến xung quanh bức tường, mang theo bánh và bia. Jack tự hỏi William sẽ đi bao xa về phía thượng nguồn. Có một chỗ cách đây một dặm, nơi một con ngựa tốt có thể bơi qua, nhưng nó trông có vẻ nguy hiểm cho một người lạ, và William có lẽ đi một vài dặm xa hơn cho đến khi cậu ấy tới một chỗ cạn.

Jack băn khoăn không biết Aliena ra sao. Cậu muốn đến nhà ăn để thăm cô, nhưng cậu không muốn rời bức tường; bởi vì nếu cậu làm thế, những người khác sẽ làm theo và bức tường không còn người bảo vệ.

Trong khi cậu đang chiến đấu chống lại cảm dỗ thì một tiếng hét vang lên, và các kỵ binh lại xuất hiện.

Chúng ra khỏi khu rừng phía đông, vì thế mà ánh mặt trời chiếu thẳng vào mắt cậu khi cậu nhìn chúng: không nghi ngờ gì, đó là cố ý. Cậu nhận ra chúng phi nhanh đến – chúng muốn phá hủy tường thành. Những con ngựa phi nước đại trên cánh đồng. Một hai cư dân bắn tên xuống, Richard đứng gần Jack tức giận hét lên: “Còn quá sớm! Hãy đợi cho đến khi chúng vào trong hào – khi đó các ông sẽ không thể bắn hụt!” Chỉ vài người nghe lời

cậu, và một loạt mưa tên lãng phí rơi xuống trên cánh đồng lúa mì màu xanh. Chúng ta là một đội quân vô vọng, Jack nghĩ, chỉ có bức tường mới cứu được chúng ta.

Cậu có một cục đá nơi tay và tay kia cầm ná giống như cái cậu đã dùng khi còn bé để săn vịt trời. Cậu bắn khoản không biết cậu còn nhắm giỏi không. Cậu nhận ra cậu đang cầm vũ khí quá chặt và cậu buộc mình phải thư giãn ra. Viên đá có hiệu quả chống lại vịt trời, nhưng nó quá thô sơ chống lại những người có vũ khí ngồi trên lưng ngựa, những người đến nhanh như vũ bão. Cậu nuốt nước bọt. Một vài kẻ địch có cung và tên lửa, cậu nhìn thấy; và một lúc sau cậu nhận ra những người có cung tên tiến về phía tường đá, và những người khác về phía thành đất. Điều đó có nghĩa là William đã quyết định không tấn công tường đá: cậu ấy đã không nhận ra rằng vừa quá mới đến nỗi bức tường có thể xô đổ bằng tay. Cậu ấy quá ngu dốt. Jack cảm thấy một chút chiến thắng.

Rồi kẻ tấn công tới gần bức tường.

Cư dân thị trấn bắn như mưa, nhưng chỉ có số ít trúng tên. Những con ngựa đã đến thông hào. Một số ngần ngại, một số nhảy xuống và trèo lên phía bên kia. Ngay lập tức, đối diện với Jack, một người to lớn mặc áo giáp cho con ngựa nhảy qua hào. Jack nạp đá vào ná và bắn. Phát bắn của cậu chắc chắn như mọi khi: viên đá trúng ngay chóp mũi con ngựa. Nó hí vang đau đớn và chạy đi, nhưng người cưỡi ngựa trượt xuống và rút gươm ra.

Hầu hết các con ngựa đã quay lại, vì tự ý hay do người cưỡi sai khiến chúng; nhưng nhiều người đi bộ tấn công và những người khác đã quay trở lại. Liếc nhìn về phía sau, Jack thấy nhiều mái nhà đang bốc cháy, bất chấp sự cố gắng của nhân viên cứu hỏa – những phụ nữ trẻ của thị trấn – để dập tắt lửa. Một ý tưởng kinh hoàng đến trong đầu Jack rằng mọi việc không ổn thỏa. Mặc dù những nỗ lực anh hùng trong ba mươi sáu giờ qua, những người tàn ác này sẽ vượt qua bức tường, đốt cháy thị trấn và tàn sát dân chúng.

Viễn cảnh phải chiến đấu tay đôi làm Jack kinh hoàng. Cậu chưa bao giờ học chiến đấu, chưa bao giờ dùng gươm – ngay cả cậu chẳng có vũ khí nào

– và kinh nghiệm duy nhất cậu có về chiến tranh là khi Alfred đánh cậu. Cậu cảm thấy bất lực.

Các kỵ binh chiến đấu lại và những người đã mất ngựa trèo lên thành lũy bằng chân. Đá và tên rơi trên chúng. Jack dùng ná bắn đá của cậu một cách hệ thống, nấp đá rồi bắn, nấp đá rồi bắn giống như một cái máy. Nhiều kẻ tấn công bị ngã xuống dưới cơn mưa đá và tên. Ngay trước mặt Jack một kỵ binh ngã xuống và rơi mất chiếc mũ sắt, để lộ mái tóc vàng: đó chính là William.

Không một con ngựa nào lên được đến đỉnh của thành lũy đất, nhưng một vài người đi bộ đã lên tới nơi, và trước sự kinh hoàng của Jack, cư dân thị trấn phải đánh nhau với họ, chống lại kiếm và giáo bằng gậy và búa rìu. Một số kẻ thù đã lên tới đỉnh, và Jack thấy ba bốn cư dân gần cậu ngã xuống. Trái tim cậu trĩu nặng kinh hoàng: cư dân thị trấn đã ngã xuống.

Nhưng tám hay mười cư dân bao quanh mỗi kẻ tấn công khi chúng vượt qua bức tường, đập chúng bằng gậy và chém chúng không thương tiếc bằng rìu. Mặc dù nhiều cư dân bị thương, nhưng các kẻ tấn công bị giết nhanh chóng. Sau cùng cư dân dồn được chúng xuống dưới thành lũy. Cuộc tấn công không kết quả và các kỵ binh trên lưng ngựa chạy lui chạy tới. Jack buông tay, thở mạnh, mừng vì có một phút nghỉ ngơi, sợ hãi chờ đợi cuộc tấn công tiếp của đối phương.

William dơ gươm lên trời và hò hét để thu hút sự chú ý của quân cậu. Cậu vẫy thanh kiếm trên đầu ra lệnh tập hợp họ lại, rồi chỉ vào tường thành. Họ chuẩn bị tấn công bức tường một lần nữa.

Jack thấy một cơ hội.

Cậu nhặt một viên đá, nấp vào ná và nhắm cẩn thận vào William.

Viên đá bay trong không khí thẳng như đường của một thợ xây và trúng ngay giữa trán William, quá mạnh đến nỗi Jack nghe thấy tiếng kêu của đá đập vào xương.

William ngã xuống đất.

Quân ông do dự và cuộc tấn công dừng lại.

Một người đàn ông da đen to lớn nhảy xuống khỏi ngựa và chạy đến bên William. Jack nhận ra người cận thần của William, Walter, người luôn luôn

đi bên cạnh cậu ấy. Vẫn giữ dây cương, Walter quỳ xuống bên William. Lúc đó Jack hy vọng William sẽ chết. Rồi William chuyển động và Walter giúp cậu ấy đứng lên. William choáng váng. Mọi người ở cả hai phía đều nhìn họ. Trận mưa đá và tên ngừng lại trong chốc lát.

Vẫn còn loạng quạng, William trèo lên ngựa của Walter, với sự giúp đỡ của Walter, người trèo lên ngồi sau lưng cậu. Đó là khoảnh khắc của hồi hộp khi mọi người bắn khoản không biết William có thể tiếp tục chiến đấu nữa không. Walter vẩy kiếm thành vòng tròn trên đầu như ra hiệu tập hợp, rồi, trong sự thờ phào không chờ đợi của Jack, ông ấy chỉ vào rừng.

Walter thúc vào hông ngựa và chúng chạy đi.

Các kỵ binh khác theo sau. Những người còn đang chiến đấu trên thành lũy bỏ cuộc, lùi lại và chạy xuyên qua cánh đồng theo chân người chỉ huy của chúng. Một vài viên đá và mũi tên đuổi theo họ trên cách đồng lúa mì.

Cư dân thị trấn reo hò.

Jack nhìn xung quanh cậu, cảm thấy choáng váng. Mọi chuyện đã qua rồi sao? Cậu không tin được điều đó. Ngọn lửa cháy đã tàn – các phụ nữ đã thành công dập tắt chúng. Các đàn ông nhảy múa trên thành lũy, ôm nhau. Richard trèo lên chỗ cậu và vỗ vào lưng cậu. “Bức tường đã cứu chúng ta, Jack,” cậu nói. “Bức tường của anh.”

Cư dân thị trấn và các tu sĩ tụ họp xung quanh hai người, tất cả muốn chúc mừng Jack và chúc mừng nhau.

“Chúng có đi thật không?” Jack hỏi.

“Ồ, dĩ nhiên,” Richard trả lời. “Chúng sẽ không trở lại, bây giờ chúng đã nhận ra rằng chúng ta quyết tâm phòng thủ. William biết rằng cậu ấy không thể chiếm được một thị trấn có tường bao bọc nếu cậu không có một đội quân mạnh mẽ và chuẩn bị một cuộc vây hãm sáu tháng.”

“Như vậy là nó đã qua đi,” Jack thần thờ nói.

Aliena chen lấn qua đám đông với Tommy trên tay. Jack ôm cô trong tay. Họ vẫn sống và họ ở cùng với nhau, và cậu mang tâm tình biết ơn.

Bất ngờ cậu cảm thấy ảnh hưởng của hai ngày không ngủ, và cậu muốn nằm xuống. Nhưng không có thể. Hai người thợ xây trẻ nắm lấy cậu và nâng cậu lên vai họ. Tiếng hoan hô vang lên. Họ di chuyển, kéo theo đám

đông. Jack muốn nói với họ rằng không phải cậu là người đã cứu họ, nhưng chính họ đã cứu họ; nhưng cậu biết họ không nghe bởi vì họ muốn một anh hùng. Khi tin lan truyền đi, và cả thị trấn nhận ra rằng họ đã thắng, tiếng reo mừng như vũ bão. Họ đã sống trong sợ hãi vì William nhiều năm nay, Jack nghĩ, nhưng hôm nay họ đã giành được sự tự do của họ. Cậu được khênh đi quanh thị trấn trong một cuộc rước khải hoàn, vẫy tay và mỉm cười, và khao khát đến lúc được nằm xuống, nhắm mắt lại trong giấc ngủ hạnh phúc.

III

Hội chợ len Shiring lớn hơn và tốt hơn mọi khi. Khu vực trước nhà thờ xứ, nơi họp chợ, tử hình cũng như tổ chức hội chợ hàng năm, đầy các quầy hàng và dân chúng. Len là mặt hàng chính, nhưng cũng có tất cả mọi thứ có thể mua và bán được ở Anh: thanh kiếm mới lấp lánh, yên ngựa trạm khắc đẹp đẽ, đôi giày đỏ, mũ rơm, bánh gừng. Khi William cùng với Giám mục Waleran lượn quanh khu vực, cậu nhắm tính rằng hội chợ sẽ đem lại nhiều lợi nhuận cho cậu hơn trước đây. Cậu hài lòng với nó.

Cậu vẫn còn đau vì nhục nhã sau sự thất trận tại Kingsbridge. Cậu đã chờ đợi một cuộc tấn công vào một thị trấn không kháng cự và dễ dàng đốt phá nó, nhưng ngược lại cậu đã mất quân và ngựa, và phải quay về không. Tệ hại hơn nữa khi cậu biết rằng bức tường thành đã được xây dựng bởi Jack Jackson, người yêu của Aliena, người mà cậu rất muốn giết.

Cậu đã thất bại trong việc giết Jack, nhưng vẫn còn nuôi ý định trả thù.

Waleran vẫn nghĩ về Kingsbridge, và ông nói: “Tôi vẫn chưa hiểu làm sao họ có thể xây bức tường nhanh chóng như thế.”

“Nó có lẽ không phải là bức tường tốt,” William nói.

Waleran gật đầu. “Nhưng tôi chắc chắn Tu viện trưởng Philip sẽ cải thiện nó. Nếu tôi ở vị trí của ông ấy, tôi sẽ làm bức tường kiên cố hơn và cao

hơn, rồi xây một tháp canh và cắt cử người gác đêm. Việc đột kích của cậu vào Kingsbridge sẽ chấm dứt.”

William đồng ý, nhưng cậu làm ngơ. “Tôi vẫn có thể bao vây thị trấn.”

“Đó là chuyện khác. Một cuộc đột kích nhanh chóng có thể được nhà vua lơ đi. Một cuộc bao vây kéo dài, trong khi đó cư dân thị trấn có thể gửi sứ điệp xin vua bảo vệ họ... Nó có thể không dễ dàng cho cậu.”

“Stephen không chống lại tôi,” William nói. “Ông ấy cần tôi.” Cậu nói nhưng cậu không chắc chắn.

Một người đàn bà gầy gò, xấu xí đẩy một bé gái chừng mười ba tuổi trước mặt, có lẽ là con gái bà. Bà mẹ kéo đầu áo mỏng manh của bé gái sang một bên, để lộ bộ ngực nhỏ, chưa trưởng thành của cô. “Sáu mươi xu,” bà mẹ rít lên. William cảm thấy bị kích thích nhưng cậu lắc đầu và đi qua.

Bé gái điếm làm cậu nghĩ đến Aliena. Cô còn nhỏ hơn một đứa trẻ khi cậu cưỡng đoạt cô. Nó đã gần mười năm về trước, nhưng cậu không thể quên được cô. Có lẽ cậu sẽ chẳng bao giờ chiếm được cô cho riêng cậu; nhưng cậu vẫn có thể ngăn chặn bất cứ ai muốn có cô.

Waleran trầm tư. Ông không quan tâm ông đi đâu, nhưng dân chúng tránh đường ông, như thể ngay cả họ sợ đụng vào áo chùng đen của ông. Một lúc sau ông nói: “Cậu có nghe nói là nhà vua đã chiếm Faringdon không?”

“Tôi ở đó.” Nó là một chiến thắng quyết định nhất trong suốt cuộc nội chiến. Stephen đã bắt giữ hàng trăm hiệp sĩ và đánh đuổi Robert thành Gloucester lùi lại hướng tây. Cuộc chiến thắng này quá quan trọng đến nỗi Ranulf thành Chester, kẻ thù cũ của nhà vua ở phía bắc, đã đặt tay xuống thề trung thành với nhà vua.

Waleran nói: “Bây giờ nhà vua đã vững, ông sẽ không bỏ qua những cuộc đánh chiếm riêng tư của các bá tước.”

“Có lẽ,” William nói. Cậu băn khoăn, không biết bây giờ có phải là lúc để đồng ý với Waleran và nói với ông lời yêu cầu của cậu. Cậu ngần ngại vì xấu hổ. Khi nói lên lời yêu cầu, cậu phải tỏ lộ một cái gì đó trong tâm hồn

cậu, và cậu ghét làm điều đó với một người tàn nhẫn như Giám mục Waleran.

“Cậu nên để yên Kingsbridge ít nhất một thời gian,” Waleran tiếp tục. “Cậu có hội chợ lông. Cậu vẫn có chợ hàng tuần, mặc dù nó nhỏ hơn so với trước đây. Cậu có việc kinh doanh len. Và cậu có đất màu mỡ nhất trong vùng, hoặc trực tiếp dưới sự kiểm soát của cậu hay của người thuê đất cậu. Tình trạng của tôi cũng tốt hơn bình thường. Tôi đã phát triển tài sản của tôi và quản lý đất đai hệ thống hơn. Tôi đã xây lâu đài. Không cần thiết phải chiến đấu chống lại Philip – nhất là vào lúc tình hình chính trị có thể gây nguy hiểm cho chúng ta.”

Trên toàn khu vực dân chúng làm và bán thực phẩm, và không khí đầy mùi đồ ăn: súp cay, bánh mì mới, kẹo đường, thịt heo luộc, thịt hun khói chiên, bánh táo. William cảm thấy buồn nôn. “Chúng ta hãy đến lâu đài,” cậu nói.

Hai người rời khu chợ và lên đồi. Cảnh sát trưởng sẽ lo cho họ ăn trưa. William dừng lại ở cổng lâu đài.

“Có lẽ ông có lý về Kingsbridge,” cậu nói.

“Tôi vui vì cậu đã nhận ra điều đó.”

“Nhưng tôi vẫn muốn trả thù Jack Jackson, và ông có thể làm điều đó nếu ông muốn.”

Waleran nhướn cặp lông mày. Biểu hiệu muốn nói rằng ông đang thích thú lắng nghe, nhưng không cảm thấy có trách nhiệm phải thi hành.

William nói thêm: “Aliena đã xin công nhận hôn nhân của cô là vô hiệu.”

“Đúng, tôi biết.”

“Ông nghĩ nó có kết quả không?”

“Rõ ràng là hôn nhân này chưa thành.”

“Và đó là điểm quyết định?”

“Có lẽ. Theo Gratian – một người có học mà tôi đã gặp – những gì tạo nên cuộc hôn nhân là sự thỏa thuận của đôi bên; nhưng ông cũng cho rằng sự kết hợp thân xác ‘hoàn thành’ hay ‘làm hoàn hảo’ cho hôn nhân. Đặc biệt ông nói rằng nếu một người đàn ông kết hôn với một người đàn bà

nhưng không giao cầu với bà, rồi lại kết hôn với đàn bà thứ hai và giao cầu với bà ấy, thì cuộc hôn nhân thứ hai có hiệu lực, nói đúng hơn thành sự. Không nghi ngờ gì cô Aliena hấp dẫn đã lưu ý đến điểm này trong đơn xin cứu xét, nếu cô ta có sự cố vấn thì tôi tưởng tượng cô có từ Tu viện trưởng Philip.”

William thiếu kiên nhẫn về tất cả việc này. “Vậy có nghĩa là họ sẽ nhận được sự công nhận hôn nhân vô hiệu?”

“Trừ khi có ai lập luận lại trái với Gratian. Thực tế có hai lập luận chống lại ông: một thuộc về thần học và một thuộc về thực tế. Lập luận thần học cho rằng lập luận của Gratian làm cho hôn nhân giữa Giuse và Maria thành vô hiệu, bởi vì nó chưa thành. Lập luận thực tế có nguyên nhân chính trị: để hợp thức hóa hai phần tài sản, cuộc hôn nhân giữa hai đứa trẻ được thỏa thuận, những người về thể lý chưa có khả năng giao hợp. Nếu cô dâu hoặc chú rể chết trước tuổi dậy thì, cuộc hôn nhân sẽ không có giá trị, theo định nghĩa của Gratian, và nó gây ra nhiều việc khó xử.”

William chẳng bao giờ có khả năng theo dõi cuộc tranh luận thuộc về giáo sĩ này, nhưng cậu nắm được nội dung chính: “Ông muốn nói là nó có thể theo cách này hay cách kia?”

“Đúng.”

“Và nó theo cách nào là tùy thuộc vào người có áp lực trên đó.”

“Đúng. Trong trường hợp này kết quả không tùy thuộc vào bất cứ điều gì – không phải tài sản, không phải vấn đề của lòng trung thành, không phải liên minh quân sự. Nhưng nếu có sự chống đối, và một người nào đó – thí dụ như một tổng đại diện – lập luận chống lại Gratian một cách mạnh mẽ, đơn xin công nhận hôn nhân vô hiệu có thể bị từ chối.” Waleran nhìn William với cái nhìn hiểu biết làm cậu thấy bối rối. “Tôi đoán cậu sẽ yêu cầu tôi điều gì.”

“Tôi muốn ông phản đối việc vô hiệu hóa hôn nhân này.”

Waleran nheo mắt lại. “Tôi không biết cậu yêu hay ghét người đàn bà này.”

“Không,” William nói. “Chính tôi cũng không biết.”

Aliena ngồi trên cỏ, dưới bóng cây sồi to lớn. Thác nước nhỏ giọt như nước mắt rơi trên đá dưới chân cô. Đây là khu rừng nơi Jack đã kể cho cô những câu chuyện. Đây là nơi cậu đã hôn cô lần đầu, một nụ hôn tình cờ và nhanh chóng đến nỗi cô cứ dối lòng là chưa có gì xảy ra. Đây là nơi cô đã phải lòng cậu, và từ chối thừa nhận nó, ngay cả với chính mình. Bây giờ cô ước muốn với tất cả tâm hồn rằng ngày đó cô đã thuộc về cậu, và cưới cậu và có con với cậu, vì thế mà bây giờ, ngay cả bất cứ chuyện gì xảy ra, cô vẫn là vợ cậu.

Cô nằm xuống nghỉ ngơi vì đau lưng. Trời vào giữa mùa hè, nóng và yên ả. Việc mang thai lần này quá nặng, và cô còn phải trải qua ít nhất sáu tuần. Cô nghĩ cô đang mang một cặp song sinh, ngoại trừ cô cảm thấy cú đá chỉ ở một nơi, và khi Martha, em ghê của Jack, ép tai vào bụng Aliena, cô chỉ nghe được một tiếng tim đập.

Martha chăm sóc cho Tommy vào chiều chủ nhật này, vì thế Aliena và Jack có thể gặp nhau trong rừng và ở một mình với nhau để nói chuyện về tương lai của họ. Tổng giám mục đã từ chối việc công nhận vô hiệu hóa cuộc hôn nhân, rõ ràng Giám mục Waleran đã phản đối. Philip nói họ có thể nộp đơn một lần nữa, nhưng trong thời gian này họ phải sống riêng. Philip đồng ý rằng đó là bất công, nhưng ông nói đó có thể là ý Chúa. Còn Aliena coi đó như là một ác ý.

Sự cay đắng vì hối tiếc là một gánh nặng mà cô phải mang theo, giống như việc mang thai. Đôi khi cô ý thức hơn về nó, đôi khi cô hầu như quên nó, nhưng nó vẫn còn đó. Thông thường nó đau, nhưng nó là một nỗi đau quen thuộc. Cô hối tiếc vì đã làm Jack đau, cô hối tiếc về những gì cô làm cho chính cô, cô hối tiếc ngay cả về những đau khổ cô gây ra cho Alfred để tiện, người bây giờ đang sống ở Shiring và chẳng bao giờ xuất hiện ở Kingsbridge nữa. Cô đã lấy Alfred chỉ vì một lý do, đó là hỗ trợ Richard để chiếm lại lãnh địa. Cô đã thất bại để đạt được mục đích của cô và tình yêu thực cô dành cho Jack đã bị tàn lụi. Cô đã hai mươi sáu tuổi, đời của cô bị hủy hoại, và đó là do lỗi của cô.

Cô lưu luyến nhớ về những ngày đầu với Jack. Lần đầu tiên gặp Jack, cậu ấy vẫn còn là một đứa trẻ nhỏ, mặc dù là một đứa trẻ đặc biệt. Sau khi

cậu đã lớn, cô vẫn nghĩ cậu như một đứa trẻ. Đó là lý do tại sao cậu luôn ở trong sự canh chừng của cô. Cô đã quay mặt với mỗi người theo đuổi cô, nhưng cô không coi Jack là người theo đuổi cô, và vì thế cô đã cho cậu cơ hội biết cô. Cô tự hỏi tại sao cô lại đề kháng với tình yêu. Cô ngưỡng phục Jack và không có sự vui sướng nào trong đời sống giống như niềm vui được nằm bên cậu; tuy vậy cô đã một lần thông thả nhắm mắt lại trước niềm hạnh phúc như thế.

Khi cô nhìn lại, cuộc đời cô trước khi có Jack giống như trống vắng. Cô bận rộn điên cuồng, xây dựng việc kinh doanh lên, nhưng bây giờ những ngày bận rộn này dường như trở thành nhàm chán, giống như một dinh thự trống vắng, hay một bàn đầy đĩa bạc và ly bằng vàng nhưng không có đồ ăn.

Cô nghe tiếng bước chân và ngồi lên nhanh chóng. Jack đến. Cậu gầy và duyên dáng như một con mèo gầy gò. Cậu ngồi bên cô và hôn dịu dàng lên môi cô. Cậu có mùi mồ hôi và bụi đá. “Trời nóng quá,” cậu nói. “Chúng ta hãy tắm trong sông.”

Sự cám dỗ không thể chống lại được.

Jack cởi quần áo. Cô quan sát, nhìn cậu khao khát. Nhiều tháng nay cô không được nhìn cậu trần truồng. Cậu có nhiều lông đỏ trên chân nhưng không có trên ngực. Cậu nhìn cô, chờ đợi cô cởi quần áo. Cô xấu hổ: cậu chưa bao giờ nhìn thấy thân thể cô khi cô có thai. Cô từ từ cởi cúc áo và kéo nó qua đầu. Cô lo lắng nhìn về mặt cậu, sợ cậu sẽ ghét thân thể căng ra của cô, nhưng cậu không tỏ vẻ ghê tởm, trái lại cậu nhìn cô trêu mến. Tôi phải biết điều đó, cô nghĩ; tôi phải biết cậu ấy sẽ yêu tôi nhiều hơn.

Với một chuyển động nhanh chóng cậu quỳ trên mặt đất trước mặt cô và hôn lên làn da căng trên bụng cô. Cô cười xấu hổ. Cậu sờ vào rốn cô. “Rốn của em nhô ra,” cậu nói.

“Em biết anh sẽ nói điều đó!”

“Nó thường giống như một lúm đồng tiền, bây giờ nó giống một núm vú.”

Cô xấu hổ. “Chúng ta đi tắm thôi,” cô nói. Ở dưới nước cô sẽ cảm thấy ít gượng gạo hơn.

Hồ nơi thác nước sâu chừng ba bộ. Aliena trượt xuống nước. Nước lạnh làm cô dễ chịu. Jack nhảy xuống bên cạnh cô. Không có chỗ để bơi. Cậu cúi đầu xuống nước để rửa sạch bụi đá ra khỏi tóc cậu. Aliena cảm thấy dễ chịu trong nước: nó làm nhẹ gánh nặng của bào thai. Cô cúi xuống gội đầu.

Khi cô ngẩng lên, Jack hôn cô.

Cô lấp bấp và cười, thở không ra hơi, rồi vượt nước ra khỏi mắt. Cậu lại hôn cô. Cô giơ tay ra để giữ thăng bằng và tay cô chạm vào cơ thể Jack. Cô thở hổn hển vì thích thú.

“Anh nhớ việc này,” Jack nói vào tai cô, và giọng cậu khàn khàn với ham muốn và một vài cảm xúc khác, có lẽ nỗi buồn.

Cổ Aliena khô vì thèm muốn. Cô nói: “Anh định phá vỡ lời hứa?”

“Bây giờ và mãi mãi.”

“Anh muốn nói gì?”

“Chúng ta không sống riêng nữa. Chúng ta sẽ rời Kingsbridge.”

“Nhưng anh sẽ làm gì?”

“Đi tới thị trấn khác và xây nhà thờ chính tòa khác.”

“Nhưng anh sẽ không là thợ xây dựng chính. Nó sẽ không phải là thiết kế của anh.”

“Một ngày nào đó anh sẽ có cơ hội. Anh còn trẻ.”

Nó có thể, nhưng tất cả hầu như chống lại ý tưởng này, Aliena biết; và Jack cũng biết nữa. Sự hy sinh cậu dành cho cô làm cô mùi lòng. Không ai đã yêu cô như vậy; và không ai khác sẽ yêu cô như thế. Nhưng cô không muốn cậu phải bỏ mọi sự. “Em sẽ không đi,” cô nói.

“Em muốn nói gì?”

“Em sẽ không rời Kingsbridge.”

Cậu tức giận. “Tại sao không? Bất cứ nơi đâu chúng ta cũng có thể sống như vợ chồng, và không ai quan tâm đến. Chúng ta ngay cả có thể cưới trong nhà thờ.”

Cô sờ lên mặt cậu. “Em yêu anh quá nhiều để lấy anh ra khỏi nhà thờ chính tòa Kingsbridge.”

“Điều đó anh tự quyết định.”

“Jack, em yêu anh vì sự hy sinh. Việc anh sẵn sàng từ bỏ công trình cả đời của anh để sống với em... nó hầu như làm vỡ tim em, vì anh yêu em quá. Nhưng em không muốn là người phụ nữ muốn lấy anh ra khỏi công việc anh yêu quý. Em không sẵn sàng đi với anh theo cách đó. Nó sẽ tạo nên một bóng tối trên đời sống của chúng ta. Anh có thể tha thứ cho em về việc này, nhưng em sẽ không bao giờ.”

Jack buồn rầu. “Anh biết tốt hơn không nên chống lại em một khi em đã quyết định. Nhưng chúng ta sẽ làm gì?”

“Chúng ta cố xin vô hiệu hóa hôn nhân một lần nữa. Chúng ta sẽ sống riêng.”

Cậu đau khổ.

Cô chấm dứt: “Và chúng ta sẽ đến đây mỗi chủ nhật và bẻ gãy lời hứa của chúng ta.”

Cậu kéo sát cô vào người cậu, và cô cảm thấy sự thềm mồn nơi cậu. “Mỗi chủ nhật?”

“Vâng.”

“Em có thể lại có thai.”

“Chúng ta sẽ nắm lấy cơ hội đó. Và em dự định sản xuất vải như trước. Em sẽ mua len thô của Philip, và em sẽ tổ chức cư dân thị trấn quay tơ và dệt vải. Sau đó sẽ hồ nó trong nhà máy xay.”

“Làm sao em có thể trả cho Philip?” Jack ngạc nhiên nói.

“Em chưa trả ngay. Em sẽ trả ông ấy bằng kiện vải khi nó đã hoàn thành.”

Jack gật đầu. Cậu nói cay đắng. “Ông ấy sẽ đồng ý với điều đó bởi vì ông ấy muốn em ở lại đây và vì thế mà anh cũng sẽ ở lại.”

Aliena gật đầu. “Ngoài ra ông ấy nhận được vải rẻ.”

“Philip chết tiết này. Ông ấy luôn nhận được những gì ông ấy muốn.”

Alien thấy cô đã thẳng. Cô hôn cậu và nói: “Em yêu anh.”

Cậu hôn lại cô, chạy bàn tay khắp thân thể cô. Rồi cô ngưng lại và nói: “Nhưng anh muốn ở với em mỗi tối, không phải chỉ vào ngày chủ nhật.”

Cô hôn tai cậu. “Một ngày nào đó chúng ta sẽ ở với nhau,” cô thở. “Em hứa với anh.”

Cậu di chuyển ra phía sau cô, để mình trôi trong nước và kéo cô tới cậu, vì thế mà chân cậu ở phía dưới cô. Cô mở rộng chân và chui xuống nhẹ nhàng vào lòng cậu. Cậu vuốt ve bộ ngực căng phồng của cô và nghịch với núm vú sưng lên của cô. Sau cùng cậu vào trong cô, và cô rùng mình vì khoái lạc.

Họ yêu nhau chậm rãi và nhẹ nhàng trong ao nước lạnh, với tiếng thác nước kêu bên tai. Jack đặt tay quanh bụng cô và sờ vào giữa hai chân cô. Họ chưa bao giờ yêu nhau theo cách này vì thế mà cậu có thể vuốt ve cùng lúc những chỗ nhạy cảm của cô, và nó khác, rất khác, một cảm xúc mãnh liệt, cũng như một sự đau nhói khác với sự đau nhức âm ỉ; nhưng có lẽ bởi vì cô cảm thấy rất buồn. Một lúc sau cô buông mình cho cảm xúc. Cường độ của nó tăng lên nhanh chóng đến nỗi cao điểm làm cô ngạc nhiên, hầu như kinh hoàng và cô bị co giật vì khoái cảm và hét lên.

Cậu ở trong cô, chăm chỉ, không thỏa mãn, trong khi cô thở hổn hển. Cậu yên lặng, không còn di chuyển trong cô, nhưng cô nhận ra cậu không đạt được cao điểm. Một lúc sau cô bắt đầu chuyển động, khích lệ, nhưng cậu không đáp lại. Cô quay đầu và hôn trên vai cậu. Nước trên mặt cậu ấm. Cậu đang khóc.

PHẦN MƯỜI BỐN

1152 – 1155

I

Sau bảy năm Jack đã chấm dứt hai gian ngang – hai cánh tay của nhà thờ hình thánh giá – và đó là điều mà cậu đã chờ mong. Cậu đã cải tiến ý tưởng của nhà thờ Saint-Denis, làm mọi thứ cao hơn và hẹp hơn – cửa sổ, mái vòm nhọn và ngay cả chính khung vòm. Bên trên hành lang, hàng chùm cột vươn cao duyên dáng và tụ họp ở chính giữa mái vòm. Ánh sáng tràn vào trong qua cửa sổ cao với các đầu nhọn. Các đường gờ được làm tinh tế và đẹp, và các phần trang trí chạm khắc là những cánh lá bằng đá.

Nhưng trong phần cửa sổ phía trên hành lang có vết nứt.

Cậu đứng trên hành lang của phần cửa sổ cao, nhìn vào chỗ nứt sâu ở gian ngang phía bắc, suy tư vào một buổi sáng mùa xuân tràn đầy ánh sáng. Cậu bị sốc và bối rối. Theo kiến thức xây dựng, bức tường đã được xây chắc chắn, nhưng vết nứt tỏ ra điểm yếu. Vòm của cậu cao hơn bất cứ vòm nào mà cậu đã thấy, nhưng không quá cao. Cậu không làm lỗi lầm như Alfred là đặt vòm đá lên trên một cấu trúc không chịu được sức nặng: bức tường của cậu được thiết kế cho một vòm đá. Tuy nhiên các vết nứt đã xuất hiện trong phần cửa sổ trên cao, cùng chỗ nơi bức tường của Alfred sụp đổ. Alfred đã tính sai nhưng Jack chắc chắn đã không làm một lỗi lầm tương tự như vậy. Nó phải có nguyên nhân mới nào đó mà Jack chưa khám phá ra.

Nó không nguy hiểm, nhất là trong thời gian tạm thời. Các vết nứt đã được đổ đầy bằng vữa và chúng chưa xuất hiện trở lại. Tòa nhà an toàn,

nhưng nó yếu và sự yếu này lấy đi sự hào hứng của cậu. Cậu muốn nhà thờ của cậu tồn tại cho đến ngày tận thế.

Cậu rời phần cửa sổ trên cao và đi xuống theo cầu thang xoắn vào khu hành lang, nơi cậu đã thiết kế một nền để vẽ dự án, trong một góc phòng nơi ánh sáng chiếu qua một cửa sổ ở hành lang phía bắc. Cậu vẽ một hình thoi, rồi một hình vuông trong hình thoi, rồi một vòng tròn trong hình vuông. Các trụ chính của cột đá bắt đầu từ bốn điểm của hình thoi và vươn lên từ đỉnh cột theo hướng bắc, nam, đông và tây để trở thành một vòm hay khung sườn. Các trụ bổ sung bắt đầu từ các góc của hình vuông, vươn lên thành khung sườn vòm, một bên đi xéo qua gian giữa và một bên qua gian phụ bên cạnh. Vòng tròn ở giữa tượng trưng cho cốt lõi của trụ cột.

Tất cả thiết kế của Jack dựa trên hình học đơn giản và một số tỷ lệ không đơn giản, giả sử như tỉ lệ căn số bình phương của hai với căn số bình phương của ba. Jack đã học tính căn số ở Toledo, nhưng hầu hết thợ xây không tính được và thay vào đó họ dùng cấu trúc hình học đơn giản. Họ biết rằng nếu một vòng tròn được vẽ xung quanh bốn góc của một hình vuông, đường kính của vòng tròn dài hơn một cạnh của hình vuông theo tỷ lệ căn số bình phương của hai với một. Tỷ lệ này, căn số của hai với một, là công thức tính toán cổ xưa phổ thông nhất của thợ xây, đối với các công trình xây dựng đơn giản nó là tỷ lệ của chiều rộng bên ngoài với chiều rộng bên trong, và qua đó cho ra độ dày của bức tường.

Nhiệm vụ của Jack phức tạp hơn vì có liên quan đến ý nghĩa tôn giáo của các con số. Tu viện trưởng Philip dự định cung hiến nhà thờ mới này cho Đức trinh nữ Maria, bởi vì bức tượng Mẹ khóc làm nhiều phép lạ hơn mộ Thánh Adophus; vì thế ông muốn Jack dùng số chín và bảy là hai con số tiêu biểu cho Mẹ Maria. Cậu đã thiết kế gian chính với chín ô và gian cung thánh, sẽ được xây khi các phần khác đã hoàn thành, với bảy ô. Nhịp mái vòm ngằm ở hai gian phụ sẽ được nhìn thấy bảy vòm mỗi ô, và mặt tiền phía tây có chín cửa sổ nhọn. Jack không biết gì về ý nghĩa thần học của các con số, nhưng do bản năng cậu cảm thấy rằng nếu các con số được dùng đều đặn, nó sẽ tăng thêm sự hài hòa cho tòa nhà khi hoàn thành.

Trước khi cậu có thể chấm dứt bản vẽ về chân cột, cậu bị ngưng lại vì người thợ xây dựng mái chính cần sự giúp đỡ của cậu.

Jack theo ông ấy lên thang cuốn, ngang qua khu có cửa sổ và vào phần mái. Họ đi ngang qua mái vòm tròn, trên đỉnh của khung sườn vòm. Bên trên chúng, các thợ uốn tấm chì lớn và đóng đinh chúng vào các xà nhà. Họ làm việc từ dưới lên, để các tấm trên chồng lên các tấm dưới và giữ cho nước mưa chảy đi.

Jack nhìn thấy vấn đề ngay lập tức. Cậu đặt một tháp nhọn trang trí ở đầu mỗi khe mái, giữa hai mái dốc, nhưng cậu đã để cho thợ xây cả thiết kế, nhưng thợ xây đã không dự phòng cho nước mưa chảy qua dưới tháp nhọn. Thợ xây phải thay đổi nó. Cậu ra lệnh cho thợ cả làm mái truyền chỉ thị này cho thợ xây, rồi cậu trở về với bản vẽ của cậu.

Cậu kinh ngạc vì Alfred chờ cậu ở đó.

Cậu đã không nói chuyện với Alfred trong mười năm qua, mặc dù lâu lâu từ xa cậu vẫn nhìn thấy cậu ấy ở Shiring hay Winchester. Aliena đã không gặp cậu từ chín năm qua, mặc dù theo giáo hội họ vẫn là vợ chồng. Martha đến thăm cậu ở Shiring một năm một lần. Cô luôn luôn đem về cùng những thông tin tương tự: cậu sung túc, cậu xây nhà cho các người bán thịt ở Shiring; cậu vẫn sống độc thân, vẫn giống như xưa.

Nhưng bây giờ Alfred trông không có gì là sung túc. Cậu trông có vẻ mệt mỏi và chán nản. Alfred luôn luôn to lớn và khỏe mạnh, nhưng bây giờ cậu trông gầy gò: mặt cậu hóp lại, và bàn tay đầy đặn ngày trước bây giờ gầy trơ xương.

Cậu nói: “Chào Jack.”

Thái độ của cậu vẫn hiếu chiến, nhưng giọng nói của cậu dường như muốn lấy lòng – một pha trộn khó chịu.

“Chào Alfred,” Jack nói thận trọng. “Lần trước tôi gặp anh, anh mặc một áo lụa dài và dường như mập mạp.”

“Đó là ba năm về trước – trước khi mùa thu hoạch xấu bắt đầu.”

“À thì ra thế.” Ba mùa thu hoạch xấu gây nên một nạn đói. Nhiều nông nô chết đói, người thuê đất cơ cực, và có lẽ không ai ở Shiring còn có thể

xây một căn nhà đá nữa. Alfred đã cảm thấy khó khăn. Jack nói: “Điều gì đã đưa anh trở lại Kingsbridge, sau nhiều năm vắng bóng?”

“Tôi đã nghe nói về các gian ngang của cậu và tôi muốn xem.” Giọng cậu có một sự ngưỡng mộ cường bách. “Cậu đã học xây như thế ở đâu?”

“Paris,” Jack trả lời cộc lốc. Cậu không muốn tranh luận khoảng đời đó của cậu với Alfred, người đã gây ra cuộc ly hương cho cậu.

“Tốt.” Alfred trông ngô nghê, rồi nói với sự thờ ơ: “Tôi muốn làm việc ở đây để học hỏi thêm về những thủ đoạn mới này.”

Jack rất kinh ngạc. Thật sự Alfred can đảm để xin cậu việc làm? Để kéo dài thời gian cậu nói: “Còn nhóm làm việc của anh thì sao?”

“Tôi chỉ còn một mình,” Alfred nói, vẫn cố gắng giữ giọng bình thường. “Không còn đủ công việc cho một nhóm thợ.”

“Hiện nay chúng tôi không thuê thêm ai,” Jack nói trong cùng giọng điệu. “Chúng tôi có đủ một đội ngũ làm việc.”

“Nhưng cậu có thể luôn luôn cần một thợ xây tốt.”

Jack nghe thấy giọng van nơn và nhận ra Alfred thất vọng. Cậu quyết định phải trung thực. “Qua tất cả những gì chúng ta đã trải qua, tôi là người cuối cùng mà anh đến xin giúp đỡ, phải không Alfred?”

“Cậu là người cuối cùng,” Alfred thẳng thắn nói. “Tôi đã cố gắng ở khắp nơi. Không chỗ nào muốn người. Nó là một nạn đói.”

Jack nghĩ lại những lần Alfred đã ngược đãi cậu, hành hạ cậu và đánh đập cậu. Alfred đã đẩy cậu vào tu viện và rồi dồn cậu phải ra đi, xa nhà và xa gia đình. Cậu không có lý do để giúp Alfred. Cậu nói: “Tôi sẽ không thuê anh ngay cả khi tôi cần một người thợ.”

“Tôi nghĩ cậu có thể,” Alfred nói với sự ương ngạnh. “Sau tất cả, bố tôi đã dạy cậu mọi thứ cậu biết. Và vì ông mà cậu trở thành thợ xây dựng chính. Cậu không giúp tôi vì ông ấy sao?”

Vì Tom. Bất ngờ Jack cảm thấy lương tâm cắn rứt. Theo cách riêng, Tom đã cố gắng là một bố dượng tốt. Ông không nhẹ nhàng và thông cảm, nhưng ông đã đối xử với con riêng của ông giống như đối với Jack, và ông đã kiên nhẫn và rộng lượng truyền đạt kiến thức và kỹ năng của ông. Ông đã làm cho mẹ Jack hạnh phúc, hầu như mọi lúc. Sau cùng, Jack nghĩ, tôi là

một thợ xây dựng chính thành công và sung túc, đang trên đường đạt được tham vọng của mình là xây một nhà thờ đẹp nhất thế giới; và đó là Alfred, nghèo đói và không có việc làm. Đó chưa phải là một cuộc trả thù đủ sao?”

Không, chưa đủ, cậu nghĩ.

Rồi cậu mỉm lòng.

“Được,” cậu nói. “Vì Tom, tôi thuê anh.”

“Cảm ơn,” Alfred nói. Nét mặt của cậu không đọc được. “Tôi có thể bắt đầu ngay không?”

Jack gật đầu. “Chúng tôi đang đặt chân móng cho gian giữa. Hãy tham gia vào đó.”

Alfred dơ tay ra. Jack do dự một lúc, rồi lắc nó. Alfred nắm chắc tay Jack như chưa bao giờ cậu nắm.

Alfred đi ra. Jack đứng nhìn xuống bản vẽ của ông về chân cột trụ cho gian giữa. Cậu đã vẽ nó bằng kích thước thật, vì thế mà khi nó hoàn tất, thợ mộc chính có thể làm một mẫu bằng gỗ trực tiếp từ bản vẽ. Các thợ xây sẽ dùng khuôn mẫu để cắt đá.

Cậu có quyết định đúng không? Cậu nhớ lại bức tường của Alfred đã sụp đổ. Tuy nhiên, cậu sẽ không dùng Alfred cho những công việc khó khăn như mái trần hoặc mái vòm. Cậu ấy sẽ thích hợp cho các bức tường thẳng và nền nhà.

Trong lúc Jack vẫn còn suy nghĩ, tiếng chuông trưa báo hiệu giờ cơm. Cậu để dụng cụ vẽ xuống và đi theo cầu thang xoáy xuống tầng trệt.

Các thợ xây có vợ con về nhà ăn cơm trưa và những người độc thân ăn ở trong lều. Một số công trình xây dựng cung cấp bữa ăn trưa để tránh chậm trễ giờ làm buổi chiều, tránh vắng mặt và say xỉn; nhưng đồ ăn của các tu sĩ thường kham khổ và hầu hết các thợ xây dựng muốn tự lo đồ ăn cho mình. Jack vẫn còn sống trong căn nhà cũ của Tom với Martha, em ghê của cậu, người lo việc nhà cho cậu. Khi Aliena bận rộn, Martha chăm sóc Tommy và đứa con thứ hai của Jack, một bé gái có tên là Sally. Martha thường nấu cơm cho Jack và các trẻ em, và một đôi khi Aliena cùng ăn với họ.

Cậu rời tu viện và đi bộ nhanh về nhà. Trên đường đi Jack chợt nghĩ không biết Alfred có chờ đợi dọn về ở với Martha không? Dầu sao cô cũng

là em gái của cậu ấy. Jack đã không nghĩ về điều đó khi cậu đồng ý thuê Alfred.

Nó là một nỗi sợ ngu xuẩn, sau đó cậu nghĩ lại. Những ngày mà Alfred có thể bắt nạt cậu đã qua đi. Cậu là thợ xây dựng chính ở Kingsbridge, và nếu cậu nói Alfred không thể chuyển về ở chung nhà thì Alfred sẽ không thể.

Cậu dự kiến sẽ thấy Alfred ngồi ở bàn ăn, và thở phào nhẹ nhõm khi không thấy. Aliena đang lo cho các con ăn, trong khi Martha nấu một nồi trên lửa. Mùi của thịt cừu hầm bốc lên thơm phức.

Cậu hôn nhẹ lên trán Aliena. Cô đã ba mươi ba tuổi, nhưng trông cô như trẻ hơn cả mười tuổi: mái tóc nâu đậm của cô vẫn xoăn và dày, miệng cô vẫn xinh và đôi mắt đen đẹp. Chỉ khi cô trần truồng, những thay đổi vì thời gian và sinh con mới rõ nét: bộ ngực tuyệt vời của cô trở xuống hơn, hông rộng hơn và bụng không bằng phẳng và căng như trước.

Jack nhìn trù mẫm vào kết quả mà Aliena đã mang trong bụng: bé Tommy chín tuổi, một đứa con trai tóc đỏ khỏe mạnh, to lớn so với lứa tuổi của cậu, xúc thịt cừu vào miệng như thể cậu đã nhịn đói nhiều tuần; và Sally bảy tuổi với mái tóc quăn đen như mẹ, cười hạnh phúc và để lộ một lỗ giữa các răng cửa giống như của Martha khi Jack gặp cô mười bảy năm về trước. Mỗi buổi sáng Tommy đến trường trong tu viện học đọc và viết, nhưng các tu sĩ không nhận con gái nên Aliena phải dạy Sally học.

Jack ngồi xuống, và Martha bắc nồi ra khỏi lửa và ngồi xuống bên bàn. Martha là một thiếu nữ kỳ lạ, mặc dù cô đã hai mươi tuổi nhưng cô không quan tâm đến việc lập gia đình. Cô luôn dành nhiều cảm tình cho Jack và bây giờ cô hoàn toàn hài lòng là người người giúp việc cho cậu.

Không nghi ngờ gì, Jack là chủ một gia đình đặc biệt trong quận. Cậu và Aliena là hai cư dân hàng đầu trong thị trấn: cậu là thợ xây dựng chính ở nhà thờ chính tòa và cô là chủ nhà máy vải lớn nhất, ngoại trừ ở Winchester. Mọi người đều coi họ là vợ chồng mặc dù họ bị cấm qua đêm với nhau, và mỗi người sống trong nhà riêng, Aliena với em cô và Jack với em ghê của cậu. Mỗi chiều chủ nhật và ngày lễ họ đều biến mất, và mọi người biết họ làm gì, dĩ nhiên, ngoại trừ Tu viện trưởng Philip. Trong khi

đó mẹ Jack sống trong một hang động ở rừng, vì bà được coi là một phù thủy.

Jack luôn tức giận vì không được phép cưới Aliena. Cậu nằm thao thức, lắng nghe Martha ngáy trong phòng bên cạnh, và nghĩ: tôi đã hai mươi tám tuổi – tại sao tôi phải ngủ một mình? Ngày hôm sau cậu lại khó chịu với Tu viện trưởng Philip, từ chối tất cả những đề nghị và yêu cầu từ cuộc họp của tu viện vì cho rằng không khả thi hoặc quá mắc, và từ chối thảo luận để tìm kiếm những lựa chọn khác hoặc thỏa hiệp, như thế chỉ có một cách để xây nhà thờ chính tòa và cách đó là của Jack. Trong những trường hợp như vậy, Philip để cậu yên vài ngày và chờ cho cơn bão đi qua.

Aliena cũng không hạnh phúc, và cô đổ lên đầu Jack. Cô trở nên thiếu kiên nhẫn và cố chấp, phê bình mọi chuyện Jack làm, đưa các con đi ngủ khi cậu bước vào, nói cô không đói khi cậu ăn. Một hay hai ngày sau, cô sẽ bật khóc và nói lời xin lỗi, và rồi họ lại hạnh phúc, cho đến khi sự căng thẳng lại đến.

Jack múc một số thịt hầm vào chén và ăn. “Đoán xem ai đến công trường xây dựng hôm nay?” Cậu hỏi. “Alfred.”

Martha đánh rơi nắp nồi xuống bếp. Jack nhìn cô và thấy nỗi sợ hãi trên mặt cô. Cậu quay qua Aliena và thấy cô trắng bệch.

Aliena nói: “Anh ấy làm gì ở Kingsbridge?”

“Đi tìm việc. Các thương gia ở Shiring đã bị ảnh hưởng của nạn đói, tôi đoán thế, và họ không còn xây nhà đá như trước nữa. Anh ấy đã cho nhóm thợ của anh ấy nghỉ việc và anh ấy không có việc làm.”

“Em mong rằng anh đã đuổi anh ấy đi,” Aliena nói.

“Anh ấy nói anh nên cho anh ấy một công việc vì Tom,” Jack lo lắng nói. Cậu đã không dự đoán một phản ứng mạnh mẽ như thế của hai phụ nữ. “Mọi thứ anh đã mắc nợ Tom.”

“Đồ cút,” Aliena nói, và Jack nghĩ: cô đã học chữ đó từ mẹ mình.

“Dù sao anh cũng đã thuê anh ấy,” cậu nói.

“Jack!” Aliena hét lên. “Tại sao anh làm như thế? Anh không thể để cho anh ấy – con quỷ đó - trở lại Kingsbridge.”

Sally lên tiếng khóc. Tommy mở to mắt nhìn mẹ. Jack nói: “Alfred không phải là con quỷ. Anh ấy đói và không có tiền. Anh cứu anh ấy vì nhớ tới bố anh ấy.”

“Anh không nên thương hại anh ấy, nếu như anh ấy đã ép anh ngủ trên nền đất phía cuối chân giường của anh ấy như một con chó trong chín tháng trời. Anh ấy đã đối xử tồi tệ với em - hãy hỏi Martha.”

Martha nói: “Ngay cả với em.”

Jack nói: “Tình trạng tồi tệ của anh ấy bây giờ đối với anh đã là một trả thù đủ rồi.”

“Nhưng nó chưa đủ đối với em!” Aliena gầm lên. “Trời ơi, anh là một kẻ ngu ngốc, Jack Jackson. Một đôi khi tôi cảm tạ Thiên Chúa vì tôi không kết hôn với anh.”

Nó làm cậu đau. Jack nhìn đi chỗ khác. Cậu biết cô không nghĩ thế, nhưng cô không nên nói thế ngay cả trong lúc tức giận. Cậu lấy cái muỗng và tiếp tục ăn. Nó không dễ nuốt.

Aliena vỗ đầu Sally và đặt một miếng cà rốt vào miệng nó. Sally ngừng khóc.

Jack nhìn Tommy. Cậu vẫn nhìn Aliena với bộ mặt sợ hãi. “Ăn đi Tommy,” Jack nói. “Ngon lắm!”

Họ chấm dứt bữa ăn trưa trong im lặng.

Vào mùa xuân năm đó gian ngang của nhà thờ đã hoàn tất, Tu viện trưởng Philip đi một vòng giám sát đất đai của tu viện ở phía nam. Sau ba năm mất mùa ông cần một mùa gặt hái tốt, và ông muốn kiểm soát tình hình các trang trại.

Ông mang Jonathan với ông. Đứa bé mồ côi trong tu viện bây giờ đã mười sáu tuổi, cao lớn, ngưỡng nghịu và thông minh. Giống Philip vào lứa tuổi đó, cậu đã biết cậu muốn làm gì với cuộc đời cậu: cậu đã xong chương trình tập sinh và đã có lời khấn, và bây giờ cậu là Thầy Jonathan. Cũng giống Philip, cậu quan tâm đến việc phụng sự Thiên Chúa trong những công việc cụ thể. Cậu làm việc như phụ tá cho Cuthbert Whitehead, một quản lý đã lớn tuổi. Philip hãnh diện về cậu: cậu đạo đức, chăm chỉ và được lòng nhiều người.

Người hộ tống của họ là Richard, em trai của Aliena. Sau cùng Richard đã tìm được chỗ đứng của mình ở Kingsbridge. Sau khi họ xây tường thành, Philip đã đề nghị với ban lãnh đạo giáo xứ chỉ định Richard làm trưởng ban canh gác, chịu trách nhiệm cho an ninh của thị trấn. Cậu tổ chức người gác ban đêm, lo duy trì và cải thiện tường thành, và vào những ngày chợ hoặc ngày lễ cậu được quyền bắt kẻ gây rối và say rượu. Nhiệm vụ này là những việc cần thiết khi một ngôi làng lớn mạnh thành thị trấn, là những việc một tu sĩ không nên làm; vì thế ban lãnh đạo giáo xứ mà lúc đầu Philip tưởng như là mối đe dọa cho uy quyền của ông, bây giờ lại thành hữu dụng. Và Richard vui mừng. Cậu đã ba mươi tuổi, nhưng đời sống hoạt động làm cho cậu trông trẻ hơn.

Philip ước muốn chị của Richard cũng được ổn định. Nếu một người nào đó bị giáo hội bỏ quên, người đó phải là Aliena. Jack là người đàn ông cô yêu và là bố của con cô, nhưng giáo hội khẳng định cô đã kết hôn với Alfred, mặc dù cô chẳng có quan hệ xác thịt với cậu ấy; và cô không nhận được sự vô hiệu hóa hôn nhân vì giám mục chống lại. Nó đáng xấu hổ và Philip cảm thấy có lỗi, mặc dù ông không có trách nhiệm gì trong việc này.

Vào cuối chuyến đi, trên đường về xuyên qua khu rừng vào một buổi sáng mùa xuân đẹp, Jonathan nói: “Em tự hỏi làm sao Thiên Chúa lại để con người chết đói.”

Nó là một câu hỏi mà mỗi tu sĩ trẻ sớm hay muộn gì cũng sẽ đặt ra, và có nhiều câu trả lời cho nó. Philip nói: “Đừng đổ lỗi nạn đói này cho Thiên Chúa.”

“Nhưng Thiên Chúa làm nên thời tiết gây ra mất mùa.”

“Nạn đói không phải chỉ là hậu quả của mất mùa,” Philip nói. “Cứ vài ba năm lại có vụ mất mùa, nhưng dân chúng không phải chết đói. Về cuộc khủng hoảng này, hậu quả của nhiều năm nội chiến đóng một vai trò quan trọng.”

“Tại sao nội chiến lại ảnh hưởng đến việc đó?” Jonathan hỏi.

Lần này Richard với kinh nghiệm của một người lính trả lời cậu: “Trong chiến tranh những nông dân gặp nhiều thiệt thòi,” cậu nói. “Các thú vật

được dùng nuôi quân đội, cánh đồng lúa bị đốt cháy để ngựa quân địch cướp và các trang trại bị bỏ hoang vì các người trẻ phải tham gia quân đội.”

Philip thêm vào: “Và khi tương lai không chắc chắn, dân chúng không nỗ lực đầu tư thời gian và công sức giải phóng mặt bằng mới, tăng gia đàn gia súc, đào mương và xây dựng nhà kho.”

“Nhưng chúng ta không ngừng làm những công việc đó,” Jonathan nói.

“Tu viện khác. Nhưng hầu hết các nông dân bỏ hoang nông trại của họ trong thời gian chiến tranh, vì thế mà khi thời tiết xấu đến họ không thể chống lại nó. Các tu sĩ nhìn xa hơn. Nhưng chúng ta có vấn đề khác. Giá của len giảm vì nạn đói.”

“Em không nhìn thấy sự liên quan,” Jonathan nói.

“Tôi cho rằng dân chúng đang chết đói nên không mua quần áo nữa.” Đây là lần đầu tiên giá len không tăng lên hàng năm, Philip nhớ lại. Ông phải giảm tốc độ xây dựng nhà thờ, không nhận thêm tập sinh, cắt giảm rượu và thịt trong các bữa ăn của tu sĩ. “Thật không may mắn, chúng ta phải tiết kiệm đúng vào lúc có nhiều người đến Kingsbridge tìm kiếm việc làm.”

Jonathan nói: “Và vì thế họ xếp hàng dài trước cổng tu viện xin bánh và súp.”

Philip gật đầu. Ông đau đớn nhìn thấy những người cường tráng xin cơm bánh vì họ không tìm được việc làm. “Nhưng hãy nhớ rằng nó là hậu quả của chiến tranh, không phải mất mùa,” ông nói.

Với lòng nhiệt thành trẻ trung Jonathan nói: “Em hy vọng có một chỗ đặc biệt trong hỏa ngục cho các vua chúa đã gây nên sự khốn khổ như thế.”

“Tôi cũng hy vọng như vậy.”

Một nhân vật lạ xuất hiện từ lùm cây và chạy về hướng Philip. Quần áo của ông rách nát, tóc ông lù xù và khuôn mặt đầy bụi đất. Philip nghĩ người này chạy trốn trước một con heo điên hay một con gấu.

Rồi người này lao vào Philip. Quá bất ngờ, Philip ngã xuống ngựa.

Kẻ tấn công ngồi trên mình ông. Hắn hôi như một con vật và tiếng rên của ông cũng giống như một con vật nữa. Philip luồn lách và đẩy dụa. Kẻ tấn công dường như muốn lấy túi da mà Philip đeo trên vai. Philip nhận ra

hắn muốn cướp của ông. Không có gì trong túi, ngoại trừ một cuốn sách ‘Bài ca của Salomon’. Philip cố thoát thân, không phải ông gắn bó với cuốn sách, nhưng vì tên cướp bẩn quá.

Nhưng dây đeo đã rời và tên cướp không lấy được. Họ lăn lộn trên mặt đất cứng, Philip muốn thoát ra, còn tên cướp muốn cố giữ túi da. Philip mơ hồ nhận ra ngựa ông đã trốn đi.

Bất ngờ tên cướp bị Richard kéo ra. Philip lăn người ra và ngồi lên, nhưng ông chưa đứng lên được. Ông bàng hoàng và hụt hơi. Ông hít không khí trong lành, nhẹ người vì thoát được tên cướp độc hại. Ông cảm thấy nhiều chỗ bị đau nhức, nhưng không bị gãy gì. Ông chú ý đến người khác.

Richard đã vật tên cướp xuống đất và đứng trên hắn, một chân trên vai hắn và chĩa mũi kiếm vào cổ hắn. Jonathan giữ hai con ngựa còn lại và nhìn ngơ ngác.

Philip thận trọng đứng lên, cảm thấy loạng quạng. Khi tới bằng tuổi Jonathan, ông nghĩ, tôi có thể ngã ngựa và đứng dậy được ngay.

Richard nói: “Nếu ông trông tên cướp này, tôi sẽ lấy lại con ngựa của ông.” Cậu đưa cho Philip cây kiếm.

“Được,” Philip nói. Ông đẩy thanh kiếm đi. “Tôi không cần nó.”

Richard do dự, rồi cất thanh kiếm đi. Kẻ trộm nằm yên. Chân hắn thò ra khỏi áo ngoài, gầy như que củi và có cùng màu như que củi; và hắn đi chân không. Philip không ở trong tình trạng nguy hiểm nghiêm trọng: người đàn ông nghèo khổ này quá yếu để siết cổ con gà. Richard đi tìm ngựa cho Philip.

Khi tên cướp thấy Richard đi, hắn cựa quậy. Philip biết hắn muốn tìm cách trốn. Ông nói: “Ông muốn ăn gì không?”

Tên cướp ngẩng đầu nhìn Philip như thể hắn nghĩ Philip bị điên.

Philip đi đến bên con ngựa của Jonathan và mở túi đeo bên yên. Ông lấy một ổ bánh, bẻ ra và cho tên cướp một nửa. Bán tín bán nghi hắn cầm lấy và nhét tất cả vào miệng.

Philip ngồi trên mặt đất và theo dõi hắn. Người đàn ông ăn như một con vật, cố nhét vào miệng bao nhiêu có thể vì sợ bữa ăn có thể bị lấy lại. Lúc

đầu Philip nghĩ hẳn là một ông già, nhưng bây giờ khi nhìn kỹ hơn, ông nhận ra tên cướp còn rất trẻ, chừng hai mươi lăm.

Richard trở về, đem theo con ngựa của Philip. Cậu phẫn nộ khi thấy tên cướp đang ngồi ăn. “Tại sao ông lại cho hẳn đồ ăn của chúng ta?” cậu hỏi Philip.

“Bởi vì ông ấy sắp chết đói,” Philip nói.

Richard không trả lời, nhưng thái độ của cậu nói lên rằng, cậu cho các tu sĩ là điên khùng.

Khi tên cướp ăn xong, Philip nói: “Ông tên gì?”

Người đàn ông cảnh giác. Ông ấy do dự. Có lẽ đã từ lâu ông ấy không nói chuyện với người nào, Philip nghĩ. Sau cùng hẳn nói: “David.”

Dù sao hẳn vẫn còn tỉnh táo, Philip nghĩ. Ông nói: “Chuyện gì đã xảy ra với ông, David?”

“Tôi đã mất nông trại của tôi sau mùa gặt vừa qua.”

“Ai là chủ ruộng của ông?”

“Bá tước thành Shiring.”

William Hamleigh. Philip không ngạc nhiên.

Sau ba năm mất mùa hàng ngàn người thuê đất đã không có khả năng trả tiền thuê đất. Khi những người thuê đất của Philip không đủ khả năng trả tiền thuê, ông tha cho họ vì ông nghĩ đơn giản là nếu họ nghèo khó, họ cũng lại đến tu viện xin ăn. Các chủ đất khác, đặc biệt là William tận dụng cơ hội của cuộc khủng hoảng để đuổi người thuê và lấy lại trang trại của họ. Hậu quả là số người sống ngoài vòng pháp luật ở trong rừng tăng lên và họ sống bằng của ăn cướp từ khách du hành. Đó là lý do tại sao Philip phải đem Richard theo hộ vệ khắp nơi ông đi.

“Gia đình ông thì sao?” Philip hỏi tên cướp.

“Vợ tôi đem con về ở với mẹ. Nhưng ở đó không có chỗ cho tôi.”

Nó là một câu chuyện quen thuộc. Philip nói: “Ăn cướp của một tu sĩ là một tội, David; và sống bằng trộm cướp là một sai lầm.”

“Nhưng tôi sống thế nào được?” người đàn ông thét lên.

“Nếu ông dự định sống trong rừng, tốt hơn ông nên bắt chim và cá.”

“Tôi không biết cách bắt.”

“Làm người ăn cướp ông cũng không thành công hơn,” Philip nói. “Với hai tay không ông có cơ hội gì chống lại ba chúng tôi, và Richard đây có trang bị đủ vũ khí?”

“Tôi hoàn toàn tuyệt vọng.”

“Được, lần sau khi ông tuyệt vọng, hãy đến một tu viện. Ở đó luôn luôn có cái gì đó cho người nghèo.” Philip đứng lên. Hương vị chua của đạo đức giả trong miệng ông. Ông biết các tu viện không có thể cho tất cả những người sống ngoài vòng pháp luật ăn. Hầu hết họ không làm gì khác ngoài việc trộm cướp. Nhưng vai trò của ông trong đời là để tư vấn đời sống đạo đức, không phải để biện hộ cho tội lỗi.

Ông không thể làm gì nhiều hơn cho người bất hạnh này. Ông cầm lấy sợi dây cương và leo lên yên ngựa. Ông có thể nói rằng những vết thương từ việc ngã ngựa vừa qua sẽ còn làm ông đau nhức nhiều ngày nữa. “Hãy đi và đừng phạm tội nữa,” ông nói theo lời của Chúa Giê Su; rồi ông thúc ngựa đi.

“Ông tốt quá, thực sự tốt,” Richard nói khi họ cưỡi ngựa đi.

Philip lắc đầu buồn bã. “Vấn đề thực sự là: tôi chưa tốt đủ.”

Vào ngày chủ nhật trước lễ Chúa Thánh thần hiện xuống, William Hamleigh kết hôn.

Đó là ý tưởng của mẹ cậu.

Đã nhiều năm bà đã thôi thúc cậu tìm một người vợ và có con để nối dõi, nhưng cậu luôn thờ ơ. Phụ nữ làm cậu chán và, trong một cách mà cậu không hiểu và thực sự không muốn nghĩ về, họ làm cậu lo lắng. Cậu luôn luôn nói với mẹ là cậu sẽ kết hôn ngay nhưng cậu không làm gì về chuyện đó.

Sau cùng bà tìm cho cậu một cô dâu.

Tên cô là Elizabeth. Cô là con gái của Harold thành Weymouth, một hiệp sĩ giàu có và là người ủng hộ mạnh mẽ vua Stephen. Bà mẹ đã cắt nghĩa cho cậu rằng, nếu cậu cố gắng một chút cậu có thể có một hôn nhân tốt hơn – giả sử như với con gái một bá tước – nhưng cậu không để tâm trí vào việc đó, nên với Elizabeth là được rồi.

William đã gặp cô ấy trong cung vua ở Winchester, và bà mẹ đã để ý khi cậu nhìn chăm chăm vào cô. Cô có khuôn mặt đẹp, mái tóc nâu sáng đầy, cặp ngực to và hông bé – một mẫu người William ưa thích.

Cô mười bốn tuổi.

Khi William nhìn cô, cậu đã tưởng tượng gặp cô vào một đêm tối và ép cô vào các con hẻm sau của Winchester: cậu không nghĩ về hôn nhân. Tuy nhiên bà mẹ đã nhanh chóng tìm ra rằng, ông bố là người dễ chịu và cô là đứa con vâng lời nên cô sẽ làm theo lời bố. Sau khi bà chắc chắn với William rằng sẽ không có sự sỉ nhục như Aliena đã gây ra cho gia đình, bà mẹ sắp xếp một cuộc gặp.

William lo âu. Lần trước, khi cậu làm chuyện này, cậu mới là chàng trai hai mươi chưa kinh nghiệm gặp một thiếu nữ kiêu kỳ của một gia đình quý tộc. Nhưng bây giờ cậu đã là một chiến binh cứng rắn, ba mươi bảy tuổi, và cậu đã là bá tước thành Shiring từ mười năm qua. Thật là khờ dại khi cậu lo lắng về cuộc gặp với một cô gái mười bốn tuổi.

Tuy nhiên cô lại hồi hộp hơn. Cô cố gắng làm hài lòng cậu. Cô hằng hái kể về nhà và gia đình cô, về ngựa và chó, về mối quan hệ họ hàng và bạn bè của cô. Cậu ngồi im lặng, ngắm nhìn khuôn mặt cô, tưởng tượng cô sẽ ra sao khi cô trần truồng.

Giám mục Waleran làm phép cưới cho họ trong nhà nguyện của lâu đài lãnh chúa. Sau đó là một buổi tiệc kéo dài tới đêm. Theo phong tục, tất cả những nhân vật quan trọng trong quận phải được mời, và William sẽ xấu hổ nếu không thiết đãi một bữa tiệc hoành tráng. Họ nướng ba con bò, hàng chục con cừu và heo trong khuôn viên lâu đài, và khách khứa uống cạn bia, rượu táo và rượu vang trong hầm rượu của lâu đài. Mẹ của William chủ trì bữa tiệc với một cái nhìn đắc thắng trên khuôn mặt bà. Giám mục Waleran khó chịu về buổi tiệc thô tục, và ông ra về khi cậu của cô dâu bắt đầu kể những câu truyện hài hước về các đôi mới lấy nhau.

Cô dâu và chú rể lui về phòng ngủ của họ khi đêm xuống, và để khách khứa tiếp tục say sưa. William đã có mặt ở nhiều đám cưới đủ để biết những gì các người khách trẻ đang nghĩ, vì thế cậu cắt đặt Walter ở ngoài phòng và chặn cửa để tránh bị làm phiền.

Elizabeth cởi áo ngoài, giày rồi đứng đó trong bộ áo lụa. “Em không biết phải làm gì,” cô nói đơn giản. “Anh phải chỉ cho em biết.”

Điều đó không hoàn toàn như William đã tưởng tượng. Cậu đi về phía cô. Cô ngẩng mặt lên, và cậu hôn lên môi mềm mại của cô. Nhưng nó không tạo nên kích thích. Cậu nói: “Cởi áo ra và nằm xuống giường.”

Cô cởi áo qua khỏi đầu. Cô khá đầy đặn. Bộ ngực lớn của cô có núm vú nhỏ. Một đám lông màu nâu sáng bao phủ khu tam giác giữa chân cô. Ngoan ngoãn, cô đến giường và nằm xuống.

William đá chiếc giày của cậu ra. Cậu ngồi trên giường bên cạnh cô và siết chặt ngực cô. Da cô mềm mại. Người con gái ngọt ngào, chiều chuộng và vui vẻ này không giống với tưởng tượng đã làm cậu thêm khát, tưởng tượng về một người phụ nữ đầy đam mê, nằm thở hổn hển và đổ mồ hôi dưới người cậu, và cậu cảm thấy bị lừa.

Cậu đặt tay lên giữa hai đùi cô và cô dặng chân ngay. Cậu cho ngón tay vào cô. Cô kêu lên một tiếng nhỏ vì đau, nhưng vội vàng nói: “Không sao cả.”

Cậu phân vân không biết có phải cậu đã làm sai cách không. Cậu có một tưởng tượng hoàn toàn khác, trong đó hai người nằm bên nhau, vuốt ve, nói chuyện và làm quen dần với nhau. Tuy nhiên tiếng kêu của cô đã kích thích cậu, và cậu bỏ qua sự nghi ngờ và cậu sờ cô thô bạo hơn. Cậu quan sát khuôn mặt cô khi cô phải chống cự lại nỗi đau âm thầm.

Cậu lên giường và quỳ giữa hai chân cô. Cậu không bị kích thích hoàn toàn. Cậu tự cọ sát cho nó cứng hơn nhưng không kết quả. Cậu chắc rằng nụ cười chết tiệt của cô đã làm cậu bất lực. Cậu cho hai ngón tay vào cô và cô kêu lên đau đớn. Như thế tốt hơn. Rồi cô khờ dại này lại cười. Cậu nhận ra cậu phải chấm dứt nụ cười trên mặt cô. Cậu tát mạnh vào cô. Cô kêu lên và môi cô chảy máu. Như thế càng tốt hơn.

Cậu đánh cô thêm.

Cô bắt đầu khóc.

Sau đó mọi chuyện tốt đẹp.

Chủ nhật sau đó rơi vào lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống và một số đông sẽ tham dự ở nhà thờ chính tòa. Giám mục Waleran sẽ chủ sự giờ lễ. Sẽ có

nhiều người tham dự hơn mọi khi vì mọi người đều muốn ngắm gian ngang mới vừa được hoàn thành gần đây. Tin đồn rằng nó tuyệt đẹp. Trong giờ lễ này William sẽ giới thiệu vợ cậu cho người dân bình thường trong quận. Từ khi xây tường thành cậu đã không đến đây, nhưng Philip không thể cấm cậu đi nhà thờ.

Hai ngày trước lễ Chúa Thánh thần hiện xuống, mẹ cậu qua đời.

Bà ấy chừng sáu mươi tuổi. Nó hoàn toàn bất ngờ. Bà cảm thấy khó thở sau bữa cơm tối vào ngày thứ sáu và lên giường sớm. Cô hầu đánh thức William trước bình minh và cho cậu biết mẹ cậu đang bị nạn. Cậu ra khỏi giường, lấy tay chà lên mặt và đi gấp vào phòng bà. Cậu thấy bà há hốc miệng để thở, không còn nói nên lời và một cái nhìn kinh khủng trong mắt bà.

Hơi thở hỗn hển run rẩy của bà và đôi mắt chăm chăm của bà làm William hoảng sợ. Bà tiếp tục nhìn cậu như thể bà chờ đợi cậu sẽ làm gì đó. Cậu quá sợ hãi đến nỗi cậu quyết định rời phòng, và cậu quay đi; rồi cậu thấy người hầu đứng ở cửa, và cậu xấu hổ về sự sợ hãi của cậu. Cậu ép mình nhìn vào mẹ. Khuôn mặt bà dường như thay đổi thường xuyên trong ánh sáng lập lờ của một ngọn nến. Hơi thở khàn, đứt quãng của bà to dần, to dần cho đến khi đổ đầy đầu cậu. Cậu không hiểu tại sao nó không đánh thức cả tòa lâu đài dậy. Cậu bịt tai lại bằng hai bàn tay nhưng cậu vẫn nghe thấy nó. Dường như bà muốn hét lên với cậu, cách mà bà đã làm khi cậu còn là một đứa bé, và khuôn mặt bà cũng giận dữ nữa, miệng mở rộng, đôi mắt chăm chăm, mái tóc rối. Cậu tin chắc rằng bà đòi hỏi một cái gì đó phải lớn lên, và cậu cảm thấy chính mình trẻ đi và nhỏ đi, cho đến khi cậu cảm thấy một sự khiếp sợ mù quáng mà cậu chưa bao giờ có, một sự khiếp sợ đến từ nhận biết rằng người duy nhất cậu yêu lại là một con quái vật giận dữ. Nó thường xảy ra như thế này: Bà muốn cậu đến bên bà, hay đi ra, hay lên ngựa, hay xuống ngựa; và cậu sẽ chần chừ làm theo, vì thế bà sẽ la lên; và rồi cậu quá sợ hãi đến nỗi không hiểu bà muốn cậu làm gì; và nó sẽ là một bế tắc cuồng loạn, với tiếng la hét lớn hơn và lớn hơn của bà và cậu trở thành mù quáng, điếc và câm trước sự hoảng loạn.

Nhưng lần này khác.

Lần này bà chết.

Trước hết mắt bà nhắm lại. William bắt đầu cảm thấy bình tĩnh hơn. Dần dần hơi thở bà nông hơn. Khuôn mặt bà xám đi dù có nhiều mụn nhọt. Ngay cả ngọn nến dường như cháy yếu đi, và chiếc bóng chuyển động không còn làm cậu sợ. Sau cùng hơi thở bà dừng lại.

“Đây,” William nói, “có phải bây giờ bà tốt hơn không?”

Người giúp việc bật khóc.

Cậu ngồi xuống bên cạnh giường, nhìn vào khuôn mặt bất động của bà. Người giúp việc gọi vị linh mục. Ông giận dữ nói: “Tại sao bà không kêu tôi sớm hơn?” William không chăm chú nghe ông ấy. Cậu vẫn ngồi với bà cho đến bình minh; rồi các phụ nữ giúp việc yêu cầu cậu ra ngoài để họ có thể “lo cho bà”. William đi xuống sảnh đường, nơi cư dân lâu đài – hiệp sĩ, binh lính, giáo sĩ và người giúp việc – đang ăn sáng nhẹ. Họ ngồi ở bàn bên cạnh người vợ trẻ của cậu và uống ít rượu. Một hai người hiệp sĩ và người quản lý nói với cậu, nhưng cậu không trả lời. Sau đó Walter đi vào và ngồi bên cậu. Walter đã ở bên cậu nhiều năm và ông ấy biết khi nào nên im lặng.

Một lúc sau William hỏi: “Những con ngựa đã sẵn sàng chưa?”

Walter nhìn ngạc nhiên. “Để làm gì?”

“Cho cuộc hành trình đến Kingsbridge. Nó cần hai ngày đường – chúng ta phải khởi hành sáng nay.”

“Tôi nghĩ chúng ta không nên đi – trong hoàn cảnh...”

William giận dữ. “Tôi có nói là chúng ta không nên đi sao?”

“Không, thưa ngài.”

“Vậy thì chúng ta đi.”

“Vâng, thưa ngài.” Walter đứng dậy.

Họ lên đường sáng hôm đó, William và Elizabeth cùng với đoàn tùy tùng gồm các hiệp sĩ và người hầu cận. William cảm thấy như cậu ở trong mơ. Phong cảnh dường như di chuyển qua cậu, thay vì ngược lại. Elizabeth cưỡi ngựa bên cạnh cậu, yên lặng và bị thương nhẹ. Khi họ dừng lại Walter lo lắng mọi chuyện. Mỗi bữa ăn William ăn một ít bánh và uống nhiều chén rượu. Trong đêm ông ngủ chập chờn.

Khi họ đến gần Kingsbridge, ngang qua cánh đồng màu xanh họ có thể thấy nhà thờ chính tòa từ xa. Nhà thờ chính tòa cũ là một tòa nhà thấp, bành ra với những cửa sổ nhỏ như con mắt lấp láy dưới lông mày cong tròn. Nhà thờ mới trông hoàn toàn khác, ngay cả nó chưa hoàn thành. Nó cao và mỏng, và các cửa sổ lớn không tưởng được. Khi họ đến gần hơn, William thấy nhà thờ làm cho các tòa nhà tu viện xung quanh nó thành nhỏ xíu.

Con đường đông đúc với người cưỡi ngựa và người đi bộ, tất cả hướng về Kingsbridge: lễ Chúa Thánh thần hiện xuống được phổ biến vì nó rơi vào đầu mùa hè khi thời tiết tốt và những con đường khô ráo. Năm nay có nhiều người đến hơn mọi năm vì bị thu hút bởi sự mới lạ của tòa nhà mới.

Vào chặng đường cuối William và đoàn của cậu phi nước đại, đẩy dạt người đi bộ sang một bên, rồi chạy lên cây cầu gỗ bắc ngang dòng sông. Kingsbridge bây giờ là một trong những thị trấn chắc chắn nhất nước Anh. Nó có một bức tường đá dày với công sự và lỗ châu mai, và nơi đây, trước kia là cây cầu dẫn thẳng vào con đường chính, bây giờ là một tháp canh bằng đá có cánh cửa sắt to lớn đóng lại vào ban đêm. Tôi không nghĩ tôi có thể đốt cháy thị trấn này lần nữa, William mơ hồ nghĩ.

Dân chúng nhìn chăm chăm khi cậu cưỡi ngựa theo con đường chính vào tu viện. Dân chúng luôn nhìn William, dĩ nhiên, vì cậu là lãnh chúa. Hôm nay họ lại quan tâm tới cô dâu trẻ bên phía trái cậu. Bên phải cậu là Walter, như mọi khi.

Họ cưỡi ngựa vào khu tu viện và xuống ngựa ở chuồng ngựa. William đưa ngựa cho Walter và quay lại nhìn vào nhà thờ. Đầu phía đông, phần đầu của hình thánh giá, ở phía xa nên bị che khuất. Đầu phía tây, phần đuôi của hình thánh giá, chưa được xây dựng, nhưng hình dáng của nó được đánh dấu trên mặt đất bằng cọc và dây, và một vài nền móng đã được đào. Giữa hai phần này là phần mới, hai cánh tay của thánh giá là gian ngang phía bắc và phía nam, với một không gian ở giữa được gọi là khu trung tâm. Các cửa sổ to như có thể. William chưa bao giờ nhìn thấy một tòa nhà như thế trong đời cậu.

“Thật tuyệt vời,” Elizabeth nói, phá vỡ sự im lặng phục tùng của cô.

William ước gì cậu đã để cô lại ở nhà.

Với một chút kính sợ cậu chậm rãi bước lên gian giữa, giữa hàng cột và dây, với Elizabeth theo sau. Ô thứ nhất của gian giữa đã được xây một phần, nhưng nó trông như đang đỡ mái vòm nhọn to lớn, kéo dài từ cổng phía tây đến khu trung tâm. William đi dưới mái vòm không thể tưởng tượng được này và đến khu trung tâm đầy người.

Tòa nhà mới trông như không thật: nó quá cao, quá mảnh mai, quá duyên dáng và dễ vỡ để đứng thẳng. Nó như không có tường, không có gì đỡ mái nhà nhưng một hàng cột uyển chuyển vươn lên tới trời. Như những người xung quanh, William ngẩng cổ lên nhìn và thấy rằng các cột tiếp tục vươn lên trên mái trần và gặp nhau ở chính giữa mái vòm, giống như các cành cây đu đưa chéo với nhau ở trong rừng.

Buổi lễ bắt đầu. bàn thờ được thiết lập ở gần cuối gian cung thánh, với các tu sĩ ở sau nó, vì thế mà khu trung tâm và cả hai gian ngang dành cho cộng đồng. Nhưng mặc dù vậy đám đông vẫn tràn lên cả gian giữa chưa được xây dựng. William tiến lên phía trước, như nó là đặc quyền của cậu, và đứng gần bàn thờ chung với giới quý tộc khác trong vùng, những người gật đầu với cậu và thì thầm với nhau.

Mái trần bằng gỗ của gian cung thánh cũ không thích hợp với mái vòm cao phía đông của khu trung tâm, và nó rõ ràng là nhà xây dựng chính có ý sẽ phá hủy gian cung thánh và xây dựng lại theo kiểu mới.

Vừa khi ý tưởng này đến trong đầu cậu, William đã nhìn thấy người xây dựng chính Jack Jackson. Cậu là chàng đẹp trai với mái tóc đỏ, và cậu mặc một áo dài màu đỏ đậm thêu ở viền tay và cổ áo, giống như một nhà quý tộc. Cậu có vẻ hài lòng với chính mình, không nghi ngờ gì vì cậu xây hai gian ngang quá nhanh và mọi người ngạc nhiên về thiết kế của cậu. Cậu dắt một bé trai chừng chín tuổi giống cậu như đúc. William sửng sốt nhận ra rằng đó phải là con của Aliena, và cậu cảm thấy đau nhói vì ghen tị. Một lúc sau cậu thấy Aliena. Cô đứng một bên phía sau Jack với một nụ cười tự hào trên khuôn mặt. Tâm hồn William rộn ràng: cô vẫn đáng yêu như ngày nào. Elizabeth là một thay thế nghèo nàn, một mô phỏng nhợt nhạt của một Aliena thật sự và sống động. Trong tay Aliena dắt một bé gái chừng bảy

tuổi, và William nhớ lại cô đã có một đứa con thứ hai với Jack ngay cả họ chưa kết hôn.

William nhìn kỹ hơn Aliena. Cô không còn hoàn toàn đẹp như trước: xung quanh mắt cô có đường nhăn và đằng sau nụ cười tự hào là một chút buồn bã. Sau nhiều năm cô vẫn chưa có thể lấy Jack, dĩ nhiên, William nghĩ về nó và cảm thấy hài lòng: Giám mục Waleran đã giữ lời hứa và nhiều lần ngăn chặn việc vô hiệu hóa hôn nhân của họ. Ý nghĩ đó thường cho William niềm an ủi.

Đó là Waleran, bây giờ William nhận ra, người đang nâng Minh Thánh Chúa lên cao để mọi người trong cộng đoàn có thể nhìn thấy. Hàng trăm người quỳ xuống. Tấm bánh trở thành Minh Chúa Kitô vào thời điểm đó, một biến đổi làm William kính sợ, mặc dù cậu không hiểu điều gì thực sự xảy ra.

Cậu tập trung vào buổi lễ, chăm chú theo dõi hành động mẫu nhiệm của linh mục, lắng nghe những câu Latin mà không hiểu gì và lắng bầm những câu thưa quen thuộc. Cảm giác choáng váng của mấy ngày qua vẫn chưa nguôi ngoai, và ngôi nhà thờ mới huyền diệu, với ánh sáng mặt trời đùa chơi trên các hàng cột không tưởng được, tăng thêm cảm giác như thể trong một giấc mơ.

Buổi lễ sắp kết thúc, Giám mục Waleran nói với cộng đoàn: “Giờ đây chúng ta cầu nguyện cho linh hồn Nữ bá tước Regan Hamleigh, mẹ của bá tước William thành Shiring, người mới qua đời đêm thứ sáu.”

Khi nghe tin, có tiếng xì xèo bàn tán, còn William nhìn chăm chăm vào vị giám mục trong kinh hoàng. Sau cùng cậu nhận ra những gì bà đã cố gắng nói trước khi chết. Bà đã yêu cầu gặp một linh mục – nhưng cậu đã không đi tìm linh mục cho bà. Cậu đã nhìn bà suy yếu dần, cậu đã nhìn mắt bà nhắm lại, cậu đã nghe hơi thở bà ngưng lại và cậu đã để bà chết mà không được xưng tội. Làm sao cậu lại có thể làm như thế? Kể từ đêm thứ sáu linh hồn bà đã ở trong hỏa ngục, chịu nhiều đau khổ mà bà đã nhiều lần mô tả cho cậu, mà không có lời nguyện nào xoa dịu bà. Trái tim cậu trĩu nặng quá nhiều tội lỗi đến nỗi cậu cảm thấy nó đập chậm lại, và có lúc cậu tưởng mình cũng sẽ chết. Làm sao cậu có thể để bà ở nơi sợ hãi đó, để linh

hồn bà bị biến dạng như khuôn mặt bà bị những vết ung nhọt, trong khi bà mong mỗi niềm hạnh phúc trên thiên đàng? “Tôi phải làm gì?” cậu nói to, và đám đông xung quanh nhìn cậu ngạc nhiên.

Khi buổi lễ chấm dứt và các tu sĩ theo hàng đi ra, William vẫn còn quỳ đàng trước bàn thờ. Phần còn lại của cộng đoàn cũng bước ra ánh sáng mặt trời, bỏ mặc cậu ngoại trừ duy nhất Walter còn ở lại gần đó, quan sát và chờ đợi. William vẫn cầu nguyện với tất cả sức lực, giữ hình ảnh mẹ trong đầu, trong khi cậu lập lại kinh ‘Lạy Cha’ và những lời kinh khác mà cậu còn nhớ được. Một lúc sau cậu nhận ra còn nhiều việc khác cậu có thể làm. Cậu có thể thắp nến, cậu có thể xin các linh mục và tu sĩ dâng lễ cho linh hồn bà thường xuyên; cậu có thể xây một nhà nguyện đặc biệt vì lợi ích cho linh hồn bà. Nhưng tất cả những gì cậu nghĩ được dường như vẫn chưa đủ. Nó dường như cậu có thể nhìn thấy bà, thấy bà lắc đầu, nhìn cậu đau khổ và thất vọng, rồi nói: “Con còn để mẹ phải đau khổ bao lâu nữa?”

Cậu cảm thấy một bàn tay đặt trên vai cậu và cậu ngẩng lên. Giám mục Waleran đứng trước mặt cậu, vẫn còn mặc chiếc áo đỏ tuyệt đẹp ông vẫn mặc trong dịp lễ Chúa Thánh thần hiện xuống. Đôi mắt đen của ông nhìn sâu vào mắt William, và William cảm thấy như thể cậu không giữ được bí mật nào trước cái nhìn xuyên thấu đó. Waleran nói: “Tại sao ông khóc?”

William nhận ra khuôn mặt cậu đầm nước mắt. Cậu nói: “Bây giờ mẹ tôi ở đâu?”

“Bà ấy được thanh tẩy bằng lửa.”

“Bà ấy có phải đau khổ không?”

“Đau khổ kinh khủng. Nhưng chúng ta có thể làm cho linh hồn những người thân yêu của chúng ta chóng đi qua nơi sợ hãi đó.”

“Tôi sẽ làm mọi sự!” William nức nở. “Hãy cho tôi biết, tôi phải làm gì!”

Mắt Waleran long lanh với tham vọng. “Hãy xây một nhà thờ,” ông nói. “Giống như nhà thờ này. Nhưng ở Shiring.”

Một cơn giận dữ lạnh lùng luôn nổi lên trong Aliena mỗi khi cô đi qua vùng đất xưa kia thuộc về lãnh địa của bố cô. Tất cả các nương bị ngưng đọng, các hàng rào gãy đổ và trống rỗng, và các chuồng bò xiêu vẹo làm cô tức giận; những cánh đồng tro trọi làm cô buồn; và những ngôi làng bỏ

hoang phá vỡ tim cô. Nó không phải chỉ vì mất mùa. Lãnh địa có thể nuôi sống cư dân, ngay cả trong năm nay, nếu nó được quản lý đúng. Nhưng William không có ý niệm về quản lý và điều hành mảnh đất của cậu. Đối với cậu, lãnh địa là một kho tàng tư nhân, không phải mảnh đất để nuôi sống dân. Khi nông nô của cậu thiếu đồ ăn, họ chết đói. Khi người thuê đất của cậu không trả được tiền thuê, cậu đuổi họ đi. Từ khi William trở thành bá tước, diện tích đất canh tác đã thu nhỏ lại, vì những mảnh đất của người thuê bị đuổi đã trở lại thành mảnh đất hoang. Và cậu cũng không nhìn thấy được rằng, điều này không thể mang lại lợi ích cho chính cậu về lâu về dài.

Aliena cảm thấy có một phần trách nhiệm trong sự tồi tệ này. Nó là mảnh đất của bố cô, và cô và Richard đã không chiếm lại được cho gia đình. Họ đã bỏ cuộc khi William trở thành bá tước và Aliena mất hết tài sản; nhưng sự thất bại này vẫn làm cô đau lòng, và cô chưa quên lời thề với bố cô.

Trên con đường từ Winchester tới Shiring, với một xe đầy sợi và một người phu xe khỏe mạnh có thanh kiếm ở thắt lưng, cô nhớ lại đã cùng với bố cô cưỡi ngựa trên con đường này. Ông liên tục mở mang thêm đất canh tác bằng cách phá rừng, thoát nước đầm lầy hay cày xới sườn đồi. Trong những năm mất mùa ông luôn luôn để dành hạt giống cung cấp cho những người không biết lo xa hoặc những người quá đói không có cái để dành. Ông không bao giờ ép người thuê đất phải bán thú vật hoặc máy cày của họ để trả tiền thuê, bởi vì ông biết rằng nếu họ làm thế, họ sẽ không có khả năng để canh tác vào năm sau. Ông bảo trì đất tốt, giữ cho nó màu mỡ để nó cung cấp nhiều sản phẩm, như một nông dân tốt lo lắng cho con bò sữa của mình.

Bất cứ khi nào cô nghĩ về những ngày xưa, những ngày có người bố thông minh, tự hào và cương trực bên cạnh, cô cảm thấy sự mất mát ông như một vết thương. Cuộc sống đã bắt đầu đi xuống từ khi mất ông. Khi nhìn lại những gì cô đã làm kể từ đó, tất cả đối với cô dường như chỉ là khoảng trống: sống trong lâu đài với Matthew như trong một thế giới ảo tưởng; đến Winchester trong một hy vọng mỏng manh để gặp vua; ngay cả phần đấu để hỗ trợ cho Richard khi cậu chiến đấu trong cuộc nội chiến. Cô đã đạt được những cái mà người khác nghĩ là thành công: cô đã trở thành

một thương gia len giàu có. Nhưng cái đó chỉ đem lại cho cô vẻ hạnh phúc bên ngoài. Cô đã tìm thấy một cách sống và một chỗ đứng trong xã hội cho cô sự bảo đảm và ổn định, nhưng trong trái tim cô vẫn đau và mất mát – cho đến khi Jack xuất hiện trong đời cô.

Kể từ khi cô không thể lấy Jack, mọi chuyện lại thành tồi tệ. Cô trở nên căm ghét Tu viện trưởng Philip, người mà một lần trong đời cô đã coi như ân nhân và cố vấn của cô. Từ nhiều năm nay cô không còn nói chuyện thân thiện với ông. Dĩ nhiên, nó không phải do lỗi ở ông mà họ không nhận được sự vô hiệu hóa hôn nhân; nhưng ông là người đã quyết định họ phải sống xa nhau, và Aliena không thể tha thứ cho ông về điều đó.

Cô yêu con cái của cô, nhưng cô lo âu về chúng khi chúng được nuôi nấng trong một gia đình không tự nhiên như thế, với một người bố ra đi mỗi tối trước khi chúng lên giường ngủ. May mắn là cho đến nay không có hậu quả xấu nào: Tommy là một đứa bé vạm vỡ, đẹp trai, thích bóng đá, chạy đua và chơi quân đội đánh nhau; và Sally là một bé gái dịu dàng, chu đáo, thích kể chuyện cho búp bê của cô và thích nhìn Jack làm việc trên bản vẽ. Nhu cầu thường ngày và tình yêu đơn sơ của chúng là yếu tố bình thường chắc chắn trong cuộc sống lập dị của Aliena.

Cô vẫn còn làm việc, dĩ nhiên. Từ khi trưởng thành cô đã là thương gia của một số ngành nghề. Hiện tại cô có hàng chục công nhân trong các làng rải rác; họ kéo sợi và dệt cho cô trong nhà của họ. Một vài năm trước đây cô có hàng trăm, nhưng cô cũng cảm thấy ảnh hưởng của nạn đói giống như mọi người khác, nên cô không sản xuất nhiều vải hơn số lượng có thể bán ra. Ngay cả nếu cô kết hôn với Jack, cô vẫn muốn có một công việc độc lập của riêng cô.

Tu viện trưởng luôn nói rằng việc vô hiệu hóa hôn nhân có thể được cấp bất cứ lúc nào, nhưng Aliena và Jack đã sống cuộc sống khó chịu này bảy năm nay, ăn chung với nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái và ngủ riêng.

Cô cảm thấy niềm bất hạnh của Jack mạnh mẽ hơn cô. Cô ngưỡng mộ cậu. Không ai biết cô yêu cậu nhiều như thế nào, có lẽ ngoại trừ mẹ cậu, Ellen, người thấy mọi sự. Cô yêu cậu vì cậu đã đem cô trở về với đời sống. Cô đã sống giống như con sâu bướm trong cái kén, và cậu đã kéo cô ra và

cho cô biết cô là con bướm. Cô sẽ trải qua một cuộc đời mà không biết đến niềm vui và nỗi đau của tình yêu, nếu cậu không bước vào khu vườn bí mật của cô, và chia sẻ truyện thơ của cậu cho cô, và hôn cô nhẹ nhàng, và sau đó từ từ, dịu dàng đánh thức tình yêu ngủ sâu trong trái tim cô. Cậu quá kiên nhẫn, quá khoan dung mặc dù cậu còn trẻ. Vì điều đó cô sẽ mãi mãi yêu thương cậu.

Khi đi ngang khu rừng cô tự hỏi có lẽ nào tình cờ cô gặp mẹ Jack, Ellen, không. Họ thỉnh thoảng gặp bà, ở một hội chợ trong thị trấn nào đó; và chừng một lần trong năm bà lại lên vào Kingsbridge vào lúc hoàng hôn và qua đêm với các cháu của bà. Aliena cảm thấy một sự đồng cảm với Ellen: họ, cả hai là phụ nữ khác người, không phù hợp với khuôn mẫu nào. Tuy nhiên, cô ra khỏi khu rừng mà không gặp Ellen.

Khi đi ngang qua đồng lúa cô kiểm tra hoa trái trên cánh đồng. Nó sẽ là một mùa thu hoạch tốt, cô dự đoán. Họ không có mùa hè tốt, bởi vì có mưa và trời lạnh. Nhưng họ không có lũ lụt và bệnh ngũ cốc, một thứ bệnh đã phá hủy mùa gặt trong ba năm vừa qua. Aliena thầm cảm tạ. Hàng ngàn người sắp chết đói và một mùa đông xấu nữa sẽ giết chết hầu hết trong số họ.

Cô dừng lại cho bò uống nước ở một hồ giữa làng được gọi là Monksfield thuộc về tài sản của bá tước. Nó là một ngôi làng đẹp, rộng lớn, được bao bọc bởi những mảnh đất màu mỡ nhất trong vùng, và ngay cả nó một linh mục và một nhà thờ đá. Tuy nhiên năm nay chỉ có nửa cánh đồng xung quanh được gieo trồng. Những mảnh được gieo trồng bây giờ bao phủ với lúa vàng, phần còn lại mọc đầy cỏ dại.

Hai lữ khách khác cũng đã dừng lại ở đó cho ngựa uống nước. Aliena nhìn họ thận trọng. Một đôi khi cùng đi với người khác là điều tốt để bảo vệ lẫn nhau; nhưng nó cũng có thể gây nguy hiểm đối với phụ nữ. Aliena khám phá ra rằng một người đàn ông, như phu xe của cô chẳng hạn, sẽ sẵn sàng làm mọi điều mà cô ra lệnh khi họ ở một mình, nhưng trước mặt các đàn ông khác ông ấy sẽ trở thành bất tuân.

Tuy nhiên một trong hai lữ khách ở ao hồ Monksfield là một phụ nữ. Aliena nhìn kỹ hơn và nhận ra người phụ nữ đúng hơn là một cô gái.

Aliena nhận ra cô. Cô đã thấy cô gái này ở nhà thờ chính tòa Kingsbridge vào lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống. Đây là Nữ bá tước Elizabeth, vợ của William Hamleigh.

Cô trông đáng thương và nhút nhát. Cùng đi với cô là một binh lính, rõ ràng là người hộ vệ của cô. Đó có thể đã là số phận của tôi, Aliena nghĩ, nếu tôi kết hôn với William. Tạ ơn Chúa là tôi đã chống cự lại.

Người lính gật đầu với người phu xe và làm ngơ Aliena. Cô quyết định không cùng đi với họ.

Trong khi họ nghỉ, bầu trời chuyển sang màu đen và một cơn gió mạnh nổi lên. “Cơn bão mùa hè,” Aliena nói với người phu xe.

Aliena nhìn lo lắng vào bầu trời. Cô không ngại ướt, nhưng cơn bão sẽ làm chậm tốc độ của họ và có thể họ phải qua đêm ngoài trời. Một vài giọt mưa rơi. Họ phải tìm nơi trú ẩn, cô miễn cưỡng quyết định.

Nữ bá tước trẻ nói với cận vệ của cô: “Tốt hơn chúng ta nên lưu lại đây một lúc.”

“Không thể được,” người cận vệ nói cộc cằn. “Đó là lệnh trên.”

Aliena bị xúc phạm khi nghe người đàn ông nói như thế với cô gái. “Đừng ngu ngốc như vậy!” cô nói. “Ông được chỉ định để chăm sóc cho bà chủ của ông.”

Người cận vệ nhìn cô kinh ngạc. “Điều đó liên quan gì đến cô?” ông ấy nói một cách thô lỗ.

“Sẽ có một trận mưa dữ dội, đồ ngốc,” Aliena nói bằng giọng quý tộc nhất. “Ông không thể yêu cầu một phụ nữ đi trong thời tiết như thế này. Chủ của ông sẽ đánh ông vì tội ngu ngốc của ông.” Aliena quay lại phía Nữ bá tước Elizabeth. Cô con gái tò mò nhìn Aliena, thể hiện rõ ràng sự hài lòng vì có người dám chống lại người cận vệ hay bắt nạt này. Trời bắt đầu mưa. Aliena có một quyết định nhanh chóng. “Đi theo tôi,” cô nói với Elizabeth.

Trước khi người cận vệ có thể phản ứng, cô đã nắm tay người con gái và bước đi. Nữ bá tước Elizabeth sẵn sàng đi theo và cười toe toét như đứa trẻ được dắt ra khỏi trường học. Aliena nghi ngờ rằng người cận vệ sẽ theo sau họ và giật cô ấy lại, nhưng vào lúc đó có một tia sét đánh xuống và cơn

mưa nhỏ trở thành cơn bão. Aliena bật chạy, kéo Elizabeth theo và họ chạy qua khu nghĩa địa đến một ngôi nhà bằng gỗ bên cạnh nhà thờ.

Cánh cửa mở. Họ chạy vào. Aliena cho rằng đây là nhà của linh mục, và cô đúng. Một người đàn ông cộc cằn trong bộ áo dài đen, đeo một sợi dây có cây thánh giá nhỏ trên cổ, đứng dậy khi họ vào. Aliena biết rằng nhiệm vụ tiếp khách là một gánh nặng đối với nhiều linh mục trong giáo xứ, nhất là trong giai đoạn hiện tại. Dự đoán sẽ bị từ chối, cô nói một cách mạnh mẽ: “Người bạn đồng hành của tôi và tôi cần chỗ trú ẩn.”

“Vui lòng đón tiếp,” vị linh mục nói qua hai hàm răng nghiêng chặt.

Nó là một căn nhà hai phòng với một mái che bên ngoài dành cho thú vật. Nó không được sạch, mặc dù thú vật được giữ ở bên ngoài. Có một thùng rượu trên bàn. Một con chó nhỏ sủa ăng ăng khi họ ngồi xuống.

Elizabeth giữ chặt cánh tay Aliena. “Cảm ơn chị nhiều lắm,” cô nói. Có giọt nước mắt của lòng biết ơn trong đôi mắt cô. “Ranulf sẽ bắt tôi đi tiếp – ông ấy chẳng bao giờ nghe tôi.”

“Không có gì,” Aliena nói. “Những người đàn ông to lớn, mạnh mẽ này thường lại là người hèn nhát trong tái tim.” Cô theo dõi Elizabeth và nhận ra với một cảm giác kinh hoàng rằng, người con gái đáng thương này trông khá giống cô. Làm vợ của William đã đủ tệ hại rồi, huống chi cô lại là sự chọn lựa thứ hai của cậu ấy: nó phải là địa ngục trên trần gian.

Elizabeth nói: “Tôi là Elizabeth thành Shiring. Còn chị là ai?”

“Tên tôi là Aliena. Tôi ở Kingsbridge.” Aliena nín thở, tự hỏi không biết Elizabeth có nhận ra tên cô và biết rằng Aliena là người phụ nữ đã từ chối William Hamleigh không.

Nhưng Elizabeth còn quá trẻ để nhớ lại vụ tai tiếng đó, và cô chỉ nói: “Tên cô thật khác thường.”

Một phụ nữ ăn mặc cầu thả, với khuôn mặt phẳng và cánh tay đầy da từ phòng sau bước vào, nhìn họ ngờ vực và mời họ một ly rượu. Aliena đoán bà là vợ linh mục. Có lẽ ông sẽ gọi bà là người giúp việc, kể từ khi cuộc hôn nhân của các giáo sĩ bị cấm, trong lý thuyết. Vợ các linh mục gây ra nhiều rắc rối. Nó thật tàn nhẫn khi ép người đàn ông bỏ người đàn bà và điều đó thường làm mang tiếng giáo hội. Và mặc dù hầu hết dân chúng nói

chung chung rằng, các linh mục phải sống khiết tịnh, nhưng họ vẫn thường chấp nhận trong các trường hợp cụ thể, vì họ quen người đàn bà. Vì thế giáo hội vẫn làm ngơ trước tình trạng như thế này. Aliena nghĩ: Hãy biết ơn, bà ạ - vì ít nhất bà vẫn được sống với người đàn ông của bà.

Người lính và người phu xe đến, cả hai đều ướt. Người cận vệ, Ranulf, đứng trước mặt Elizabeth và nói: “Chúng ta không thể dừng lại ở đây.”

Trước sự ngạc nhiên của Aliena, Elizabeth vội tuân theo ngay. “Được,” cô nói và đứng lên.

“Ngồi xuống,” Aliena nói, kéo cô ấy lại. Cô đứng trước người cận vệ và vẩy ngón tay vào mặt ông ấy. “Nếu tôi nghe thấy lời nào của ông nữa, tôi sẽ gọi dân làng đến cứu nữ bá tước của Shiring. Họ biết cách đối xử với chủ của họ hơn là ông.”

Cô thấy Ranulf cân nhắc cơ hội của ông. Trong trường hợp nghiêm trọng ông phải xử lý với Elizabeth và Aliena, và cả người phu xe và vị linh mục nữa; nhưng ông sẽ gặp rắc rối nếu có một dân làng nào tham gia.

Sau cùng ông nói: “Có lẽ nữ bá tước tốt hơn nên tiếp tục đi.” Ông nhìn Elizabeth một cách hùng hổ.

Người con gái nhìn sợ hãi.

Aliena nói: “Vâng, thưa bà, Ranulf khiêm nhường xin bà cho biết ý kiến.”

Elizabeth nhìn cô.

“Hãy nói cho ông ấy điều cô muốn,” Aliena nói một cách khích lệ. “Nhiệm vụ của ông ấy là theo lệnh cô.”

Thái độ của Aliena cho Elizabeth can đảm. Cô hít một hơi dài và nói: “Chúng ta nghỉ lại đây. Đi ra ngoài và trông coi ngựa, Ranulf.”

Ông càu nhàu và đi ra.

Elizabeth nhìn ông đi với một biểu hiện của thích thú.

Người phu xe nói: “Nó chỉ đi đái.”

Vị linh mục cau mày vì sự thô tục của người phu xe. “Tôi chắc chắn nó chỉ là một cơn mưa bình thường,” ông nói bằng giọng khó chịu. Aliena không nhin được cười và Elizabeth cười theo. Aliena có cảm giác cô ấy không thường hay cười.

Âm thanh của cơn mưa trở thành tiếng trống lớn. Aliena nhìn qua cửa mở. Nhà thờ chỉ cách đó vài thước Anh nhưng cơn mưa đã che khuất nó. Nó sẽ là một cơn bão mạnh thực sự.

Aliena nói với người phu xe: “Ông đã che kín xe chưa?”

Người đàn ông gật đầu. “Cả thú vật nữa.”

“Được. Tôi không muốn sợi của tôi kết lại với nhau.”

Ranulf vào lại, ướt sũng.

Có một tia chớp, theo sau là một chuỗi sấm sét dài. “Nó sẽ không tốt cho mùa màng,” vị linh mục lo lắng nói.

Ông ấy có lý, Aliena nghĩ. Những gì chúng cần là ba tuần nắng ấm.

Lại có một tia chớp khác và một chuỗi dài sấm sét, và một cơn gió mạnh làm rung chuyển căn nhà gỗ. Nước lạnh nhỏ xuống đầu Aliena, và cô nhìn lên thấy nước nhỏ giọt từ mái nhà tranh. Cô chuyển chỗ ngồi khỏi chỗ nước nhỏ. Mưa thổi qua cửa, nhưng dường như không ai muốn đóng cửa lại: Aliena thích nhìn vào cơn bão hơn và hình như những người khác cũng cảm thấy như thế.

Cô nhìn Elizabeth. Mặt cô gái trắng bệch. Aliena đặt cánh tay xung quanh cô. Cô run rẩy mặc dù trời không lạnh. Aliena ôm cô.

“Tôi sợ,” Elizabeth thì thầm.

“Nó chỉ là một cơn bão,” Aliena nói.

Bên ngoài trời trở nên rất tối. Aliena nghĩ có lẽ nó đã gần đến giờ ăn tối; rồi cô nhận ra cô chưa ăn trưa: trời mới vào giữa trưa. Cô đứng lên và đi ra cửa. Bầu trời màu xám sắt. Cô chưa bao giờ gặp thời tiết đặc biệt như thế này trong mùa hè. Gió giật mạnh. Một ánh chớp chiếu sáng nhiều vật bay qua cửa: một tấm chăn, một bụi cây nhỏ, một bát gỗ, một thùng rỗng.

Cô đi vào lại, cau mày và ngồi xuống. Cô hơi lo. Căn nhà lại lắc lư. Cột giữa chống mái nhà rung chuyển. Đây là một trong những căn nhà xây tốt trong làng, cô ngẫm nghĩ lại: nếu căn nhà này không vững, những căn khác trong khu nghèo sẽ có nguy cơ sụp đổ. Cô nhìn vị linh mục. “Nếu tình trạng tồi tệ hơn chúng ta phải tập hợp dân làng lại và trú ẩn trong nhà thờ,” cô nói.

“Tôi sẽ không ra ngoài làm chuyện đó,” linh mục nói với một nụ cười ngắn.

Aliena nhìn ông không thể tin được. “Họ là đàn chiên của ông,” cô nói. “Ông là chủ chiên của họ.”

Vị linh mục nhìn lại cô với cái nhìn xắc láo. “Tôi chịu trách nhiệm với giám mục ở Kingsbridge, không phải cô, và tôi không làm trò hề như cô nói với tôi.”

Aliena nói: “Ít nhất đem những con bò cày vào nơi trú ẩn.” Tài sản quý báu nhất của ngôi làng này là đội tám con bò kéo cày. Không có những con vật này nông dân không thể canh tác. Không một nông dân nào có thể sở hữu một đội cày – đó là tài sản chung. Vị linh mục chắc chắn biết giá trị của đội cày, bởi vì sự thịnh vượng của ông cũng tùy thuộc vào đó nữa.

Vị linh mục nói: “Chúng tôi không có đội cày.”

Aliena hoang mang. “Tại sao?”

“Chúng tôi đã bán bốn con để trả tiền thuê; rồi chúng tôi giết những con khác để lấy thịt cho mùa đông.”

Điều đó giải thích tại sao nửa cánh đồng bỏ hoang, Aliena nghĩ. Họ chỉ có thể canh tác đất mềm, dùng ngựa hay nhân lực để kéo cày. Việc này làm cô tức giận. Nó thật là sự ngu ngốc cũng như vô tâm của William khi để cho những người này bán đội cày của họ, bởi vì điều đó có nghĩa là họ sẽ gặp khó khăn trong việc trả tiền thuê năm nay, ngay cả khi thời tiết đẹp. Nó làm cô muốn bóp cổ William.

Một cơn gió mạnh khác làm rung chuyển căn nhà. Bất ngờ một bên mái nhà dường như nghiêng đi; rồi nâng lên vài inch, tách ra khỏi tường nhà; và xuyên qua lỗ hổng Aliena nhìn thấy bầu trời đen và ánh chớp lóe ra. Cô nhảy lên khi cơn gió giảm đi và mái tranh hạ xuống. Bây giờ nó sẽ thành nguy hiểm. Cô đứng lên và hét vào vị linh mục, át đi cả tiếng ồn của thời tiết: “Ít nhất hãy đi và mở cửa nhà thờ!”

Ông bức bối nhưng ông làm theo. Ông lấy một chìa khóa từ ngực, mặc áo choàng vào, đi ra ngoài và biến mất trong mưa. Aliena bắt đầu tổ chức các việc khác. “Người phu xe, đem xe và bò của tôi vào nhà thờ. Ranulf, ông đi lấy ngựa. Elizabeth, đi theo tôi.”

Họ mặc áo choàng và đi ra. Khó có thể đi thẳng bởi vì gió mạnh và họ nắm tay nhau cho vững hơn. Họ đi qua nghĩa trang. Mưa đã chuyển sang mưa đá, và những hạt đá to rớt xuống rồi bật lên khỏi các ngôi mộ. Trong một góc nghĩa trang Aliena nhìn thấy một cây táo trụi như trong mùa đông: cơn lốc đã đem theo lá và quả của nó. Mùa thu năm nay sẽ không có nhiều táo trong vùng, cô nghĩ.

Một lúc sau họ đến nhà thờ và đi vào. Sự yên lặng bất ngờ tạo nên cảm giác như bị điếc. Gió vẫn hú, mưa vẫn gõ trên mái và sấm chớp vẫn đều đặn, nhưng như vọng về từ xa. Một số dân làng đã ở đó, quần áo họ ướt sũng. Họ đem theo tài sản giá trị của họ: gà trong bao tải, lợn bị trói gô, bò được dắt theo. Nhà thờ tối, nhưng cảnh tượng được tia chớp soi sáng. Một lúc sau người phu xe đẩy xe của Aliena vào, và Ranulf dắt ngựa theo sau.

Aliena nói với linh mục: “Hãy để thú vật vào phía tây và dân chúng vào phía đông, trước khi nhà thờ trở thành giống như chuồng ngựa. “Bây giờ dường như mỗi người chấp nhận Aliena là người phụ trách, và vị linh mục đồng tình với một cái gật đầu. Hai người tiếp tục công việc của họ, vị linh mục nói với các ông và Aliena với đàn bà. Dần dần dân chúng tách rời khỏi thú vật. Các bà đem trẻ em đến gian cung thánh nhỏ và các ông cột thú vật vào cột của gian giữa. Những con ngựa hoảng sợ, trợn tròn mắt và chồm lên, trong khi những con bò nằm xuống. Dân làng tụ họp thành từng nhóm gia đình và bắt đầu chuyền đồ ăn và thức uống cho nhau. Họ đã chuẩn bị cho một cuộc ở lại lâu dài.

Cơn bão rất mạnh nên Aliena nghĩ rằng nó sẽ chóng qua, nhưng thay vào đó nó càng tệ hại hơn. Cô đi tới cửa sổ. Cửa sổ dĩ nhiên không được làm bằng kính, nhưng bằng lụa đẹp và trong suốt. Aliena nhòai người qua thành cửa sổ để nhìn ra ngoài, nhưng tất cả những gì cô có thể thấy là mưa.

Gió trở lên mạnh hơn, gào thét xung quanh tường nhà thờ, và cô bắt đầu bồn chồn không biết nhà thờ có an toàn đủ không. Cô đi một vòng kín đáo xung quanh tòa nhà. Cô đã ở với Jack một thời gian dài để biết sự khác biệt giữa công việc xây tốt và dở, và cô cảm thấy nhẹ nhàn khi thấy rằng công trình đá ở đây gọn gàng và cẩn thận. Không có vết nứt. Tòa nhà được làm

bằng các phiến đá cắt, không phải đá vụn, và nó dường như chắc chắn như một ngọn núi.

Người giúp việc của linh mục thắp một ngọn nến, và đó là lúc Aliena nhận ra đêm đã xuống ở bên ngoài. Ban ngày đã quá tối nên sự khác biệt thật nhỏ. Các trẻ em mệt mỏi vì chạy lên chạy xuống ở gian bên cạnh nên cuộn tròn trong áo choàng và đi ngủ. Những con gà đút đầu dưới đôi cánh. Elizabeth và Aliena ngồi bên cạnh nhau trên nền nhà và dựa lưng vào tường.

Aliena tò mò về cô gái đáng thương này, người đã nhận vai trò làm vợ của William, một vai trò mà Aliena đã từ chối mười bảy năm về trước. Không còn có thể dừng được, cô nói: “Khi tôi còn trẻ, tôi biết William. Bây giờ cậu ấy ra sao?”

“Tôi ghê tởm cậu ấy,” Elizabeth nhiệt tình nói.

Aliena cảm thấy buồn sâu thẳm cho cô ấy.

Elizabeth nói: “Làm sao cô biết cậu ấy?”

“Sự thật là khi tôi bằng hay ít tuổi hơn cô, đáng lẽ tôi đã lấy cậu ấy.”

“Ồ không! Và làm cách nào cô đã không phải lấy cậu ấy?”

“Tôi từ chối, và bố tôi ủng hộ tôi. Nhưng có nhiều xáo động kinh khủng và gây ra nhiều đổ máu. Tuy nhiên tất cả đã vào trong quá khứ.”

“Cô từ chối cậu ấy!” Elizabeth hồ hởi. “Cô quá can đảm. Tôi mong tôi được giống như cô.” Bất ngờ cô lại chùng xuống. “Nhưng ngay với người phục vụ, tôi cũng không chống lại được.”

“Cô có thể. Cô biết không?” Aliena nói.

“Nhưng bằng cách nào? Họ ngay cả không màng quan tâm tới tôi, bởi vì tôi mới mười bốn.”

Aliena suy nghĩ câu hỏi một cách cẩn thận, rồi trả lời một cách dễ hiểu. “Để bắt đầu, cô phải trở thành người biết lắng nghe các ước muốn của chồng cô. Vào buổi sáng, hỏi xem hôm nay cậu ấy muốn ăn gì, muốn gặp ai, muốn cưỡi con ngựa nào, và tất cả những gì cô nghĩ ra. Sau đó đi đến nhà bếp, quản lý của sảnh đường và người phụ trách ngựa để cho họ lệnh truyền của bá tước. Chồng cô sẽ cảm ơn cô và giận dữ những ai coi thường cô. Vì thế mọi người sẽ quen làm những gì cô nói. Sau đó chú ý đến ai giúp

đỡ cô mau mắn và ai từ khước cô. Hãy chắc chắn rằng những người hữu ích phải được ưu tiên – cho họ công việc họ thích làm, và cho những người không giúp được gì những công việc bẩn thỉu. Chẳng bao lâu mọi người sẽ nhận ra rằng vâng lời nữ bá tước sẽ có lợi. Họ sẽ yêu cô hơn William, vì ông ấy cũng không phải là người dễ thương. Sau cùng cô sẽ trở thành một người quyền lực trong vị trí của cô, giống như các nữ bá tước khác.

“Cô nói nghe có vẻ dễ dàng.” Elizabeth nói một cách khao khát.

“Không, nó không dễ, nhưng nếu cô kiên nhẫn, và không dễ dàng bỏ cuộc, cô sẽ làm được điều đó.”

“Tôi nghĩ tôi có thể,” cô nói một cách dứt khoát. “Tôi thực sự nghĩ tôi có thể.”

Sau đó họ bắt đầu ngủ gật. Chỉ có cơn gió lâu lâu hú lên đánh thức Aliena. Nhìn quanh trong ánh nến lập lờ, cô thấy hầu hết người lớn cũng làm như cô, ngồi thẳng lên, ngủ gà ngủ gật, rồi đột ngột giật mình tỉnh dậy.

Có lẽ trời đã vào giữa đêm khi cô giật mình tỉnh dậy và nhận ra rằng lần này cô đã ngủ được hơn một giờ. Hầu hết mọi người xung quanh cô vẫn say ngủ. Cô thay đổi cách nằm, nằm phẳng trên nền nhà, và quần áo khoác chặt hơn vào mình. Cơn bão vẫn chưa ngưng, nhưng sự cần ngủ của dân chúng đã lướt thắng sự sợ hãi của họ. Âm thanh của cơn mưa thổi vào bức tường nhà thờ giống như tiếng sóng đánh vào bờ biển, và thay vì giữ Aliena thức nó lại ru cô vào giấc ngủ.

Một lần nữa cô lại giật mình thức giấc. Cô tự hỏi điều gì đã quấy rầy cô. Cô lắng nghe: tất cả yên lặng. Cơn bão đã qua. Một ánh sáng màu xám mờ chiếu qua cửa sổ. Tất cả dân làng vẫn còn say ngủ.

Aliena đứng lên. Sự chuyển động của cô đánh thức Elizabeth, cô tỉnh táo ngay.

Cả hai có cùng suy nghĩ. Họ đi ra cửa nhà thờ, mở cửa và đi ra ngoài.

Cơn mưa đã tạnh và gió chỉ còn lướt qua. Mặt trời chưa lên nhưng bầu trời bình minh có màu ngọc trai xám. Aliena và Elizabeth nhìn xung quanh họ vào trong ánh sáng trong, rõ ràng.

Ngôi làng đã biến mất.

Ngoài nhà thờ, không còn một căn nhà nào tồn tại. Toàn khu vực đã bị san phẳng. Một vài thanh gỗ nặng bay đến dựa vào bên cạnh nhà thờ, còn ngoài ra chỉ có các bếp giữa đám bùn lầy tỏ ra rằng, nơi đây ngày trước là một ngôi nhà. Ở một góc của một nơi mà ngày trước là ngôi làng, có năm sáu cây lớn, cây sồi và cây hạt dẻ, vẫn còn đứng, mặc dù đầu nó đã mất hết cành lá. Không còn sót lại cây non nào.

Choáng váng bởi sự tàn phá, Aliena và Elizabeth đi dọc theo nơi trước kia là con đường. Mặt đất rải rác gỗ vụn và chim chết. Họ đến bờ của cánh đồng lúa đầu tiên. Nó trông như một đàn gia súc đã bị nhốt ở đó ban đêm. Các cây lúa mì đã được san phẳng, gãy đổ, bật gốc và trôi đi. Mặt đất được khuấy lên và ngập nước.

Aliena kinh hoàng. “Ồ, Trời ơi!” cô lẩm bẩm. “Dân chúng sẽ lấy gì mà ăn?”

Họ đi ngang qua cánh đồng. Sự thiệt hại giống nhau ở khắp nơi. Họ trèo lên một ngọn đồi thấp và từ đỉnh đồi quan sát vùng nông thôn xung quanh. Mọi hướng họ nhìn, họ đều thấy mùa màng bị tàn phá, cừu chết, cây đổ, đồng cỏ ngập nước và nhà cửa bị san bằng. Sự tàn phá thật kinh khủng đến nỗi Aliena cảm thấy sợ hãi về thảm kịch. Nó trông như bàn tay Thiên Chúa đã giáng xuống nước Anh, tàn phá mặt đất, phá hủy mọi thứ con người làm ra chỉ trừ nhà thờ.

Sự tàn phá cũng làm Elizabeth kinh hoàng. “Nó thật kinh khủng,” cô nói. “Tôi không thể tin được. Không có gì còn lại.”

Aliena gật đầu. “Không còn gì,” cô lặp lại. “Không còn mùa thu hoạch trong năm nay.”

“Dân chúng sẽ làm gì?”

“Tôi không biết.” Trong một cảm giác pha trộn giữa lòng trắc ẩn và sợ hãi, Aliena nói: “Nó sẽ là một mùa đông khủng khiếp.”

II

Một buổi sáng, bốn tuần sau cơn bão lớn, Martha xin Jack nhiều tiền hơn. Jack ngạc nhiên. Cậu thường đưa cho cô hàng tuần sáu xu cho việc chi tiêu trong nhà, và cậu biết Aliena cũng đưa cho cô số tiền như vậy. Với số tiền đó cô mua đồ ăn cho bốn người lớn và hai trẻ em, và trả tiền củi cho lò sưởi và lau sậy cho nền ở cả hai nhà; nhưng có nhiều gia đình lớn ở Kingsbridge chỉ có sáu xu một tuần cho mọi thứ, cho đồ ăn và quần áo và cả tiền thuê nhà nữa. Cậu hỏi cô tại sao cô cần thêm.

Cô trông xấu hổ. “Mọi thứ đã lên giá. Người bán bánh đòi một xu cho một ổ bánh mì bốn cân Anh, và –“

“Bốn cân Anh một xu?” Jack nổi giận. “Chúng ta xây một lò và tự làm lấy bánh.”

“Vâng, một đôi khi em làm bánh mì bằng chảo.”

“Anh biết.” Jack nhận ra họ đã có bánh mì làm bằng chảo hai hay ba lần một tuần trong mấy tuần vừa qua.

Martha nói: “Nhưng giá bột mì cũng tăng lên, vì thế mà chúng ta không tiết kiệm được bao nhiêu.”

“Chúng ta sẽ tự mua lấy lúa mì và xay lấy.”

“Nó không được phép. Chúng ta được yêu cầu dùng nhà máy xay của tu viện. Ngoài ra lúa mì cũng lên giá.”

“Dĩ nhiên.” Jack nhận ra cậu thật ngớ ngẩn. Giá bánh tăng vì bột mì tăng, và bột mì tăng vì lúa mì tăng, và lúa mì tăng vì cơn bão đã tàn phá mùa gặt – một vòng luẩn quẩn mà không gì thoát ra được. Cậu thấy Martha bối rối. Cô luôn lo ngại khi cô nghĩ cậu không hài lòng. Cậu mỉm cười để nói cho cô biết mọi chuyện ổn cả, và vỗ nhẹ vào vai cô. “Nó không phải do lỗi của em,” cậu nói.

“Nhưng anh có vẻ như tức giận.”

“Không phải với em.” Cậu cảm thấy có lỗi. Martha thà cắt đứt tay cô chứ không lừa dối cậu, cậu biết. Cậu không thực sự hiểu tại sao cô lại hết lòng với cậu. Nếu đó là tình yêu, cậu nghĩ, chắc chắn cô đã chán cậu từ lâu, bởi vì cô và mọi người đều biết Aliena là tình yêu lớn nhất của đời cậu. Một lần cậu đã dự định gửi cô đi xa, ép cô ra khỏi cuộc sống quen thuộc này để qua đó cô tìm được người đàn ông thích hợp. Nhưng cậu biết từ trong cõi lòng

rằng nó không mang lại kết quả và nó chỉ làm cho cô không hạnh phúc một cách tuyệt vọng. Vì thế cậu để yên như vậy.

Cậu thò tay vào trong áo lấy túi tiền, và lấy ra ba xu bạc. “Tốt hơn em có mười hai xu mỗi tuần, và em xem có đủ tiêu không,” cậu nói. Nó dường như một số tiền lớn. Mỗi tuần cậu chỉ nhận được hai mươi bốn xu, mặc dù cậu được nhận thêm nệm, áo và giày.

Cậu uống phần bia còn lại và đi ra. Trời lạnh bất ngờ vào đầu mùa thu. Thời tiết vẫn bất thường. Cậu đi dọc theo đường phố vào khu tu viện. Mặt trời chưa lên và chỉ có vài thợ thủ công ở đó. Cậu đi lên theo gian giữa, nhìn vào nền móng. Họ sắp hoàn thành, thật may mắn, vì công việc của thợ xây có lẽ phải ngưng lại sớm trong năm nay vì thời tiết lạnh.

Cậu nhìn lên hai gian ngang mới. Niềm vui về việc sáng tạo của cậu đã vơi đi vì vết nứt trong tường. Nó đã xuất hiện trở lại sau cơn bão lớn. Cậu thất vọng kinh khủng. Dĩ nhiên đó là một cơn bão bất thường, nhưng nhà thờ của cậu được thiết kế để tồn tại qua cả trăm cơn bão như thế. Cậu lắc đầu bối rối, rồi trèo lên cầu thang xoắn. Cậu ước muốn có thể trao đổi với ai đó đã xây một nhà thờ tương tự, nhưng không có ai ở Anh, và ngay cả ở Pháp cũng chưa có ai xây cao như vậy.

Tự nhiên, thay vì đi về phía bản thiết kế trên nền nhà, cậu lại tiếp tục theo cầu thang lên mái nhà. Các tấm chì đã được lột, và cậu thấy tháp nhỏ trước đây chặn nước mưa bây giờ đã có một rãnh rộng rãi chạy qua chân nó. Gió thổi mạnh trên mái. Mỗi lần khi cậu ra gần cạnh mái, cậu phải tìm chỗ bám: nhiều thợ xây dựng chính đã bị chết vì gió thổi từ trên mái xuống. Gió ở đây dường như mạnh hơn trên mặt đất. Trong thực tế, gió dường như tăng không cân đối với độ cao bạn trèo lên...

Cậu đứng yên, nhìn vào khoảng không. Đó là câu trả lời cho vấn nạn của cậu. Không phải trọng lượng của mái vòm gây ra vết nứt, mà là do độ cao. Cậu đã xây nhà thờ đủ mạnh để chịu đựng trọng lượng, cậu chắc chắn như vậy; nhưng cậu đã không nghĩ về gió. Những bức tường cao như tháp này thường xuyên bị gió đập vào, và bởi vì nó quá cao, gió đủ mạnh để làm nó nứt. Đứng trên mái, cảm nhận sức mạnh của gió, cậu có thể tưởng tượng ảnh hưởng của nó trên cấu trúc cân bằng bên dưới cậu. Cậu biết công trình

quá rõ đến nỗi cậu hầu như cảm thấy sự căng thẳng như thể các bức tường là một phần thân thể của cậu. Gió đập mạnh vào nhà thờ, như thể nó đập vào cậu; và bởi vì nhà thờ không thể uốn cong, nó nứt.

Cậu chắc chắn là cậu đã tìm ra lời giải thích; nhưng cậu có thể làm gì chống lại nó? Cậu cần củng cố phần có cửa sổ phía trên để nó chống cự lại sức gió. Nhưng bằng cách nào? Xây thêm những trụ tường chống đỡ bức tường sẽ phá hủy đi ấn tượng nhẹ nhàng và duyên dáng mà cậu đã dày công hoàn thành.

Nhưng nếu điều đó giúp bức tường đứng vững, cậu sẽ phải làm.

Cậu đi xuống cầu thang. Cậu vẫn không phấn chấn hơn mặc dù sau cùng cậu đã hiểu vấn đề, bởi vì dường như cách giải quyết vấn đề sẽ phá hủy giấc mơ của cậu. Có lẽ tôi quá kiêu ngạo, cậu nghĩ. Tôi nghĩ là tôi có thể xây được nhà thờ chính tòa đẹp nhất thế giới. Tại sao tôi lại tưởng tôi có thể làm tốt hơn người khác? Điều gì làm tôi nghĩ tôi đặc biệt hơn? Có lẽ tốt hơn tôi nên sao chép thiết kế của một thợ xây dựng chính khác và hài lòng với nó.

Philip đang đợi cậu ở phòng có thiết kế trên nền. Có một nét lo âu trên trán vị tu viện trưởng, và mái tóc hoa râm chung quanh đỉnh đầu cạo trọc của ông rối bời. Ông trông như mất ngủ cả đêm.

“Chúng ta phải giảm chi tiêu của chúng ta,” ông nói không cần mào đầu. “Chúng ta không có tiền để tiếp tục xây dựng như tốc độ hiện tại.” Jack đã lo sợ về chuyện đó. Cơn bão đã phá hủy mùa màng trong hầu hết miền Nam nước Anh: chắc chắn nó ảnh hưởng đến tài chánh của tu viện. Nói chuyện về cắt giảm chi tiêu luôn luôn làm cậu lo sợ. Trong thâm tâm cậu đã sợ rằng, nếu việc xây dựng quá chậm trễ, có thể cậu chẳng nhìn thấy nhà thờ chính tòa của cậu hoàn thành. Nhưng cậu không tỏ lộ nỗi sợ hãi của cậu. “Mùa đông đang đến,” cậu tình cờ nói, “nên dù sao công việc cũng chậm lại. Và năm nay mùa đông đến sớm.”

“Không sớm đủ,” Philip nói dứt khoát. “Tôi muốn cắt đứt một nửa chi phí ngay lập tức.”

“Một nửa!” Nó nghe như không tưởng.

“Việc sa thải mùa đông bắt đầu ngay hôm nay.”

Nó tệ hơn như Jack dự đoán. Các công nhân mùa hè thường nghỉ vào đầu tháng mười hai. Họ trải qua những tháng mùa đông để làm nhà gỗ hay làm cày và xe bò cho gia đình họ hay làm thuê. Năm nay gia đình họ sẽ không vui khi thấy họ. Jack nói: “Ông có biết ông cho họ về nhà nơi mọi người sắp chết đói không?”

Philip nhìn cậu giận dữ.

“Dĩ nhiên ông biết,” Jack nói. “Xin lỗi vì tôi đã hỏi như vậy.”

Philip nói một cách mạnh mẽ: “Nếu tôi không dứt khoát chuyện này bây giờ, thì vào ngày thứ bảy giữa mùa đông toàn bộ công nhân sẽ đứng xếp hàng chờ lãnh lương và tôi sẽ chỉ cho họ xem một túi rỗng.”

Jack nhún vai bất lực. “Không có gì cần tranh cãi về chuyện đó.”

“Đó không phải là tất cả,” Philip cảnh báo. “Từ bây giờ sẽ không nhận thêm ai, ngay cả để thay thế cho thợ đã nghỉ.”

“Từ nhiều tháng nay chúng ta không thuê ai.”

“Cậu đã thuê Alfred.”

“Đó là chuyện khác.” Jack bối rối. “Dù sao, sẽ không thuê thêm nữa.”

“Và cũng không tăng lương.”

Jack gật đầu. Thi thoảng một người học việc hay một lao công yêu cầu được thăng lên thành thợ xây hay thợ cắt đá. Nếu các thợ thủ công khác nhận định rằng kỹ năng của người ấy đủ, yêu cầu đó sẽ được chấp nhận và tu viện phải trả lương họ cao hơn. Jack nói: “Thăng cấp là đặc quyền của hiệp hội các thợ xây.”

“Tôi không có ý định thay đổi điều đó,” Philip nói. “Tôi chỉ yêu cầu các thợ xây hoàn tất cả sự thăng cấp cho đến khi nạn đói qua đi.”

“Tôi sẽ truyền lại cho họ,” Jack nói lửng lơ. Cậu có cảm giác điều đó sẽ gây nhiều rắc rối.

Philip tiếp tục. “Từ bây giờ trở đi sẽ không làm việc vào các ngày lễ.”

Có rất nhiều ngày lễ nghỉ. Về nguyên tắc, nó là ngày nghỉ nhưng các công nhân được trả lương cho ngày nghỉ hay không là do đàm phán. Ở Kingsbridge có quy tắc là: nếu trong một tuần có hai hay nhiều ngày lễ, ngày lễ thứ nhất là ngày nghỉ lễ có lương và các ngày lễ sau là ngày nghỉ lễ không lương; và công nhân có thể nghỉ nhưng không bắt buộc. Hầu hết mọi

người chọn làm việc vào ngày lễ thứ hai. Bây giờ họ không còn chọn lựa đó. Ngày lễ nghỉ thứ hai là ngày nghỉ không lương bắt buộc.

Jack cảm thấy không thoải mái vì không dễ gì có thể cắt nghĩa cho hiệp hội thợ xây những thay đổi này. Cậu nói: “Tất cả những điều này sẽ diễn ra tốt đẹp hơn nếu tôi đưa chúng ra như một vấn đề để thảo luận, hơn là một việc đã được quyết định.”

Philip lắc đầu. “Như thế họ sẽ nghĩ rằng nó còn có thể đàm phán được. Họ sẽ đề nghị làm nửa ngày lễ nghỉ và cho phép một số nhất định được thăng cấp.”

Ông có lý, dĩ nhiên. “Nhưng nó không hợp lý hơn sao?” Jack nói.

“Dĩ nhiên là nó hợp lý,” Philip cau kinh nói. “Chỉ có vấn đề là tôi không thể làm khác được. Tôi còn lo rằng những biện pháp này chưa đủ - Tôi không có thể có bất cứ nhượng bộ nào.”

“Được rồi,” Jack nói. Philip rõ ràng bây giờ ở trong tâm trạng không thể thỏa hiệp được. “Còn có chuyện gì không?” cậu nói thận trọng.

“Có. Ngừng mua vật liệu. Tạm thời dùng đá, sắt và gỗ dự trữ.”

“Chúng ta được lấy gỗ miễn phí!” Jack phản đối.

“Nhưng chúng ta phải trả tiền chuyên chở về đây.”

“Thật vậy. Được rồi.” Jack đi tới cửa sổ và nhìn xuống đồng đá và gỗ xếp trong sân tu viện. Như một phản xạ, cậu biết ngay bao nhiêu vật liệu còn dự trữ. “Đó không phải là vấn đề,” một lúc sau cậu nói. “Với số lượng công nhân giảm, chúng ta còn đủ vật liệu cho đến mùa hè năm sau.”

Philip thở dài mệt mỏi. “Không có gì bảo đảm là mùa hè năm sau chúng ta lại có thể tiếp tục thuê thợ,” ông nói. “Nó tùy thuộc vào giá gỗ. Tốt nhất nên cảnh giác họ.”

Jack gật đầu. “Nó thật sự tồi tệ, phải không?”

“Nó tồi tệ hơn tôi đã trải qua,” Philip nói. “Những gì đất nước chúng ta cần là ba năm được mùa. Và một vị vua mới.”

“Tôi đồng ý với ông,” Jack nói.

Philip về lại nhà. Jack dành buổi sáng hôm đó tự hỏi làm cách nào để xử lý với những thay đổi đó. Có hai cách để xây gian chính: từ ô một, bắt đầu ở khu trung tâm ra hướng tây; hay từng lớp, đặt cơ sở cho toàn bộ gian

chính trước, sau đó xây cao lên sau. Cách thứ hai nhanh hơn nhưng đòi hỏi nhiều thợ xây. Đó là phương pháp mà Jack dự tính theo. Bây giờ cậu cân nhắc lại. Xây từng ô thích hợp hơn với việc giảm thiểu nhân công. Nó còn một ưu điểm nữa là bất cứ thay đổi nào cậu đưa vào thiết kế để kháng cự lại sức gió sẽ được thử nghiệm ở một hay hai ô, trước khi được dùng cho toàn bộ công trình.

Cậu cũng suy nghĩ về ảnh hưởng lâu dài của cuộc khủng hoảng tài chính. Công việc sẽ càng ngày càng chậm lại, qua nhiều năm. Một cách chán nản cậu thấy mình già đi, tóc bạc hơn và yếu đi mà không đạt được tham vọng trong đời cậu, và có lẽ sau cùng được chôn trong nghĩa trang tu viện, bên bóng của một ngôi nhà thờ chính tòa chưa hoàn tất.

Khi tiếng chuông ban trưa vang lên, cậu đi đến nhà nghỉ của thợ xây. Các ông đã ngồi xuống bên ly bia và pho mát của họ, và lần đầu tiên cậu chú ý đến nhiều người trong số họ không có bánh. Cậu yêu cầu các thợ xây, những người thường về nhà ăn trưa, ở lại thêm một lúc. “Tu viện sắp hết tiền,” cậu nói.

“Tu viện nào sớm muộn gì cũng thế thôi,” một người già nói.

Jack nhìn ông. Ông được gọi là Erward Twonose bởi vì ông có một mụn cóc trên mặt to gần bằng mũi của ông. Ông là một thợ cắt đá giỏi, có một cái nhìn khéo léo cho những góc chính xác, và Jack luôn dùng ông cho các trụ cột và mái vòm. Jack nói: “Các ông phải thừa nhận rằng tu viện này quản lý tiền bạc tốt hơn hầu hết các nơi khác. Nhưng Tu viện trưởng Philip không thể ngăn chặn cơn bão và mất mùa được, và bây giờ ông phải cắt giảm chi tiêu. Tôi sẽ kể cho các ông trước khi các ông dùng bữa trưa. Trước hết, chúng ta sẽ không mua thêm bất cứ vật liệu đá hay gỗ nào nữa.”

Các thợ thủ công từ các nhà nghỉ khác chạy qua lắng nghe. Một trong các thợ mộc già, Peter, nói: “Gỗ chúng ta đang có không đủ cho mùa đông.”

“Đúng,” Jack nói. “Chúng ta sẽ xây chậm hơn nhiều, bởi vì chúng ta chỉ còn vài thợ thủ công. Thời gian nghỉ mùa đông bắt đầu ngay hôm nay.”

Cậu biết ngay rằng cậu đã thông báo không đúng lúc. Sự phản đối từ nhiều phía, nhiều người lên tiếng cùng lúc. Tôi nên thông tin một cách nhẹ

nhàng hơn, cậu nghĩ. Nhưng cậu chưa có kinh nghiệm về việc này. Cậu là thợ xây dựng chính từ bảy năm qua, nhưng trong thời gian đó không có khủng hoảng tài chính.

Một giọng nói áp đảo sự huyền ảo là của Piere Paris, một trong số các thợ xây đến từ Saint-Denis. Sau sáu năm sống ở Kigsbridge, tiếng Anh của ông vẫn chưa hoàn hảo, và sự tức giận làm cho giọng ông cứng hơn, nhưng ông vẫn không mất sự can đảm. “Cậu không thể sa thải chúng tôi vào ngày thứ ba,” ông nói.

“Đúng,” Jack Blacksmith nói. “Ít nhất cậu phải để họ làm đến cuối tuần.”

Anh ghê của Jack, Alfred, nói vào: “Tôi nhớ khi bố tôi đang xây một căn nhà cho bá tước Shiring, và William Hamleigh đến và sa thải toàn bộ công nhân. Bố tôi đã yêu cầu ông trả cho mỗi người một tuần lương, và ông đã giữ con ngựa lại cho đến khi cậu ấy trả tiền.”

Jack kiên nhẫn nói: “Các ông nên kiên nhẫn nghe hết đã. Từ bây giờ sẽ không còn ngày nghỉ lễ nữa, và cũng không còn thăng cấp.”

Điều đó làm họ giận hơn. “Không thể chấp nhận được,” một người nói, và nhiều người khác lập lại. “Không thể chấp nhận được, không thể chấp nhận được.”

Jack phẫn nộ. “Các ông đang nói gì? Nếu tu viện không có tiền, các ông cũng không nhận được tiền lương. Các ông lập đi lập lại ‘không thể chấp nhận được, không thể chấp nhận được’ có nghĩa gì? Nó chỉ giống như các cậu học trò lập đi lập lại câu Latin.”

Edward Twonose lên tiếng lần nữa. “Chúng tôi không phải là một lớp học, chúng tôi là một hiệp hội thợ xây,” ông nói. “Hiệp hội có quyền thăng cấp và không ai có thể lấy nó đi.”

“Và nếu không có tiền trả thêm lương thì sao?” Jack sôi nổi nói.

Một người trong số thợ trẻ nói: “Tôi không tin điều đó.”

Đó là Dan Bristol, một người thợ được thuê làm việc cho mùa hè. Cậu không giỏi cắt đá nhưng có thể xây nhanh và chính xác. Jack nói với cậu: “Làm sao cậu có thể nói cậu không tin điều đó? Cậu biết gì về tài chính của tu viện?”

“Tôi biết những gì tôi nhìn,” Dan nói. “Các tu sĩ đang chết đói sao? Không. Có nến trong nhà thờ không? Có. Có rượu trong hầm không? Có. Tu viện trưởng có đi chân đất không? Không. Như vậy là có tiền. Ông ấy chỉ không muốn đưa nó cho chúng ta thôi.”

Một số người lớn tiếng đồng ý. Thực ra, có ít nhất một mục sai, và đó là rượu; nhưng bây giờ không ai còn tin Jack – cậu trở thành người đại diện của tu viện. Điều đó không công bằng: cậu không chịu trách nhiệm cho những quyết định của Philip. Cậu nói: “Này, tôi chỉ nói những gì tu viện trưởng nói với tôi. Tôi không bảo đảm nó đúng sự thật. Nhưng nếu ông ấy nói với chúng ta họ không có đủ tiền, và chúng ta không tin ông thì chúng ta có thể làm gì?”

“Chúng ta tất cả ngưng làm việc,” Dan nói. “Ngay lập tức.”

“”Đúng,” một giọng khác hòa theo.

Việc này đã vượt ra khỏi sự kiểm soát, Jack nhận ra với một cảm giác hoảng sợ. “Hãy đợi,” cậu nói. Một cách tuyệt vọng cậu tìm kiếm một điều gì đó để nói cho tình hình bớt căng thẳng. “Hãy trở lại làm việc ngay, và chiều nay tôi sẽ cố thuyết phục Tu viện trưởng Philip điều chỉnh lại kế hoạch của ông ấy.”

“Tôi không nghĩ chúng ta nên làm việc lại,” Dan nói.

Jack không thể tin được những gì đang xảy ra. Cậu đã dự đoán nhiều mối đe dọa cho việc xây dựng nhà thờ mơ ước của cậu, nhưng cậu không thể lường trước được rằng các thợ thủ công lại là người phá hỏng nó. “Làm sao chúng ta không nên làm việc lại?” cậu hỏi. “Vì lý do gì?”

Dan nói: “Như tình hình hiện nay, một nửa số người chúng tôi ngay cả không chắc chắn có được trả lương cho những ngày còn lại trong tuần không.”

“Điều đó ngược lại với phong tục và thói quen,” Piere Paris nói. Thành ngữ phong tục và thói quen được dùng nhiều trong tòa án.

Jack nói một cách tuyệt vọng. “Vậy thì ít nhất làm việc cho đến khi tôi nói chuyện xong với Philip.”

Erward Twonose nói: “Nếu chúng tôi làm việc, cậu có bảo đảm được rằng mỗi người sẽ được trả lương cho cả tuần không?”

Jack biết trong tâm trạng hiện nay của Philip cậu không thể bảo đảm được việc đó. Một cách nào đó cậu muốn nói ‘được’, và nếu nó cần thiết, cậu sẽ dùng tiền túi của mình để trả, nhưng cậu nhận ra ngay rằng toàn bộ tiền tiết kiệm của cậu không đủ chi phí cho một tuần lương ở đây. Vì thế cậu nói: “Tôi sẽ làm hết sức để thuyết phục ông ấy, và tôi nghĩ ông ấy sẽ đồng ý.”

“Như thế chưa đủ đối với tôi,” Dan nói.

“Tôi cũng vậy,” Pierre nói.

Dan nói: “Không bảo đảm, không làm việc.”

Và sự tán thành của mọi người làm Jack mất tinh thần.

Cậu thấy nếu cậu tiếp tục đối đầu với họ, cậu sẽ mất uy quyền nhỏ bé còn lại của cậu. “Hiệp hội phải có chung một tiếng nói,” cậu nói theo một hình thức thường được sử dụng. “Tất cả chúng ta có đồng ý đình công không?”

Lời tán thành đồng loạt vang lên.

“Thôi được,” Jack nói thảm bại. “Tôi sẽ trình với tu viện trưởng.”

Giám mục Waleran cười ngựa vào Shiring, theo sau là một đoàn quân nhỏ. Bá tước William chờ ông nơi cửa nhà thờ trong khu chợ. William cau mày bối rối: cậu không chờ đợi một cuộc viếng thăm chính thức. Vị giám mục thủ đoạn này lại có chuyện gì đây?

Cùng đi với Waleran là một người lạ trên lưng con ngựa thiện màu hạt dẻ. Người đàn ông cao lớn với cặp lông mày đen rậm và một chiếc mũi hếch. Dường như khuôn mặt ông có một nét khinh bỉ trường kỳ. Ông cười ngựa bên cạnh Waleran, như thể họ bình đẳng, nhưng ông không mặc trang phục của một giám mục.

Khi họ xuống ngựa, Waleran giới thiệu người lạ mặt. “Bá tước William, đây là Peter thành Wareham, tổng đại diện đang phục vụ cho tổng giám mục ở Canterbury.”

Không có lời giải thích về việc Peter đến đây làm gì, William nghĩ. Waleran chắc chắn bày mưu tính kế chuyện gì đây.

Tổng đại diện cúi đầu và nói: “Giám mục của ông đã nói với tôi về sự hào phóng của ông dành cho Mẹ Giáo hội, thưa Bá tước William.”

Trước khi William có thể trả lời, Waleran chỉ về phía nhà thờ xứ. “Tòa nhà này sẽ được đập xuống để nhường chỗ cho nhà thờ mới, thừa tổng đại diện,” ông nói.

“Ông đã chỉ định thợ xây dựng chính chưa?” Peter hỏi.

William ngạc nhiên tại sao một tổng đại diện ở Canterbury lại quan tâm đến một nhà thờ xứ ở shiring. Nhưng có lẽ đó chỉ là việc xã giao.

“Chưa, tôi chưa tìm được thợ xây dựng chính,” Waleran nói. “Có rất nhiều thợ xây tìm việc, nhưng tôi không có bất cứ người nào từ Paris. Dường như toàn thể thế giới đều muốn xây nhà thờ giống như ở Saint-Denis, và người thợ biết xây theo kiểu này đang được nhiều nơi thuê.”

“Khả năng xây theo kiến trúc này rất là quan trọng,” Peter nói.

“Một thợ xây, người có thể giúp chúng ta, sẽ gặp chúng ta sau.”

William lại bối rối. Tại sao việc xây theo kiểu ở Saint-Denis lại quan trọng đối với Peter?

Waleran nói: “Dĩ nhiên nhà thờ mới sẽ lớn hơn. Nó sẽ nhô ra vào trong khu chợ ở đây.”

Thái độ của Waleran làm William khó chịu, cậu xen vào: “Tôi không thể để nhà thờ lấn chiếm vào khu chợ.”

Waleran khó chịu. “Tại sao không?” ông nói.

“Mỗi một mét trong khu chợ đem lại tiền trong ngưỡng ngày chợ.”

Waleran trông như muốn tranh luận, nhưng Peter nói với một cái mỉm cười: “Chúng ta không ngăn chặn nguồn phun bạc!”

“Đúng như vậy,” William nói. Cậu là người trả tiền xây nhà thờ này. May mắn là bốn năm mất mùa đã qua đi và thu nhập của cậu đã có ít nhiều thay đổi. Những nông dân trả tiền thuê bằng hiện vật, và nhiều người đã trả cho William bằng ngũ cốc hoặc bằng một vài đôi ngỗng của họ, trong khi họ phải ăn cháo. Hơn nữa, ngũ cốc trị giá gấp mười lần so với năm năm về trước, và sự gia tăng về giá cả nhiều hơn là sự thiệt hại do các người thuê đã vỡ nợ và các nông nô đã chết đói. Cậu vẫn có nguồn để tài trợ cho nhà thờ mới.

Họ đi ra phía sau nhà thờ. Đây là khu vực nhà ở cho người thu nhập kém. William nói: “Chúng ta có thể xây rộng ra về phía này, và phá đổ

những căn nhà này.”

“Nhưng hầu hết họ là giáo sĩ,” Waleran phản đối.

“Chúng ta sẽ tìm các nhà khác cho giáo sĩ.”

Waleran nhìn cậu không hài lòng, nhưng không nói gì thêm về việc này.

Ở phía bắc nhà thờ, một người đàn ông chừng ba mươi lăm tuổi cúi chào họ. Qua cách ăn mặc của cậu, William có thể đoán cậu là một thợ thủ công. Tổng đại diện Baldwin, người thân cận của giám mục, nói: “Đây là người mà tôi đã kể với ông, thừa giám mục. Tên cậu ấy là Alfred thành Kingsbridge.”

Thoạt nhìn cậu ấy không gây thiện cảm: cậu ấy giống như một con bò to lớn, mạnh mẽ và ngu dốt. Nhưng nhìn kỹ hơn khuôn mặt cậu có một cái nhìn xảo quyệt, đúng hơn giống một con cáo hay một con chó tinh quái.

Tổng đại diện Baldwin nói: “Alfred là con của thợ xây Tom, thợ xây dựng chính đầu tiên ở Kingsbridge; và chính cậu cũng đã là thợ xây dựng chính một thời gian, cho đến khi cậu bị thay thế bởi em ghê của cậu.”

Người con của thợ xây Tom. Đây là người đã kết hôn với Aliena, William nhận ra. Nhưng cậu chưa bao giờ làm trọn cuộc hôn nhân. William nhìn cậu chú ý. Cậu chẳng bao giờ đoán được người đàn ông này lại có thể bất lực. Cậu trông khỏe mạnh và bình thường. Nhưng Aliena có thể có một ảnh hưởng kỳ lạ trên người đàn ông này.

Tổng đại diện Peter nói: “Ông có làm việc ở Paris và học kiểu kiến trúc của Saint-Denis không?”

“Không –“

“Nhưng chúng ta phải có một nhà thờ xây theo kiểu mới.”

“Hiện nay tôi đang làm việc ở Kingsbridge, nơi em tôi là thợ xây dựng chính. Cậu ấy đã đem lối kiến trúc mới này từ Paris về và tôi học được từ cậu ấy.”

William băn khoăn làm sao Giám mục Waleran đã mua chuộc được Alfred mà không gây nên sự nghi ngờ; rồi cậu nhớ rằng Tu viện phó của Kingsbridge, Remigius, là chân tay của Waleran. Remigius phải là người trung gian.

Cậu nhớ lại một biến cố ở Kingsbridge. “Nhưng mái nhà của ông đã sụp đổ.”

“Đó không phải là lỗi của tôi,” Alfred nói. “Tu viện trưởng Philip đã nhất định thay đổi thiết kế.”

“Tôi biết Philip,” Peter nói với giọng độc ác. “Một người bướng bỉnh và kiêu ngạo.”

“Làm sao ông biết ông ấy?” William hỏi.

“Nhiều năm về trước tôi là một tu sĩ trong tu viện Thánh Gioan trong rừng khi Philip phụ trách ở đó, Peter nói với vẻ cay đắng. Tôi phê bình cách lãnh đạo của ông ấy, và ông ấy đã chỉ định tôi phụ trách lo việc bác ái để loại tôi đi.” Sự tức giận của Peter vẫn còn cháy bỏng. Không còn nghi ngờ gì, đây là một yếu tố trong mưu đồ của Waleran.

William nói: “Hãy để việc này lại. Tôi không muốn thuê một thợ xây dựng chính mà mái nhà ông xây đã bị sụp đổ - không cần biết đến lý do.”

Alfred nói: “Ngoài Jack Jackson, tôi là người xây dựng chính duy nhất ở nước Anh đã làm việc ở một nhà thờ kiểu mới này.”

William nói: “Tôi không quan tâm tới Saint-Denis. Tôi tin linh hồn mẹ tôi cũng sẽ được an ủi ngay cả với kiểu kiến trúc truyền thống.”

Giám mục Waleran và Tổng đại diện Peter nhìn nhau. Một lúc sau Waleran nói với William bằng giọng nói nhẹ nhàng. “Một ngày nào đó nhà thờ này sẽ trở thành nhà thờ chính tòa Shiring,” ông nói.

Mọi chuyện trở thành rõ ràng đối với William. Nhiều năm trước đây Waleran đã dự định chuyển tòa giám mục từ Kingsbridge về Shiring, nhưng Tu viện trưởng Philip đã qua mặt ông. Bây giờ Waleran lại tiếp tục kế hoạch. Lần này dường như ông tính toán tinh quái hơn. Lần trước ông chỉ đơn giản xin tổng giám mục ở Canterbury chấp nhận yêu cầu của ông. Lần này ông bắt đầu xây dựng một nhà thờ mới, một nhà thờ lớn, hoành tráng đủ để trở thành nhà thờ chính tòa; cùng lúc ông tìm kiếm những người chân tay như Peter ở xung quanh tổng giám mục, trước khi ông xin tổng giám mục chấp nhận lời yêu cầu của ông. Tất cả đều tốt, nhưng William chỉ muốn xây một nhà thờ để tưởng nhớ đến mẹ, để cho linh hồn bà vượt qua

cơ lửa đời đời; và cậu phần nộ vì Waleran muốn lợi dụng nó cho mục đích riêng của ông.

Alfred nói: “Còn một chuyện nữa.”

Waleran nói: “Chuyện gì?”

William nhìn vào hai người. Alfred to lớn hơn, khỏe mạnh hơn và trẻ hơn Waleran, và cậu có thể đánh Waleran rơi xuống đất với một cánh tay khỏe mạnh của cậu; nhưng cậu lại hành động như một người nhút nhát trước một đối thủ mạnh hơn. Nhiều năm trước William có thể giận dữ khi thấy một linh mục da trắng thống trị một người đàn ông mạnh mẽ, nhưng cậu không còn khó chịu về những việc như vậy: Đó là bình thường trong đời sống.

Alfred nói nhỏ: “Tôi có thể đem toàn bộ công nhân ở Kingsbridge theo tôi.”

Bất ngờ cả ba người lắng tai nghe.

“Hãy nói lại lần nữa,” Waleran nói.

“Nếu ông thuê tôi làm thợ xây dựng chính, tôi sẽ đem toàn bộ thợ thủ công từ Kingsbridge theo tôi.”

Waleran nói thận trọng: “Làm sao chúng tôi biết ông nói thật?”

“Tôi không yêu cầu các ông tin tôi,” Alfred nói. “Hãy giao cho tôi công việc với điều kiện là phải đưa các công nhân của Kingsbridge theo. Nếu tôi không giữ lời hứa, tôi sẽ ra đi mà không nhận đồng lương nào.”

Vì những lý do khác nhau nhưng cả ba người đều ghét Tu viện trưởng Philip, và họ nhận ra ngay đây là một đòn đánh vào ông.

Alfred thêm vào: “Một số đông đã làm việc ở Saint-Denis.”

Waleran nói: “Nhưng ông sẽ đem họ theo bằng cách nào?”

“Nó là vấn đề ư? Hãy nói như thế này, họ thích làm việc với tôi hơn với Jack.”

William nghĩ Alfred nói dối về điều đó, và Waleran dường như cũng nghĩ như vậy vì ông ngả đầu về phía sau và nhìn Alfred một cách dò xét. Tuy nhiên, trước đó dường như Alfred đã nói sự thật. Dù vì lý do nào, cậu có thể mang các công nhân từ Kingsbridge theo với cậu.

William nói: “Nếu tất cả họ theo ông đến đây, công việc ở Kingsbridge sẽ bị ngưng lại.”

“Đúng,” Alfred nói. “Nó sẽ ngưng lại.”

William nhìn Waleran và Peter. “Chúng ta cần bàn thêm về chuyện này. Tốt hơn ông ấy có thể dùng bữa với chúng ta.”

Waleran gật đầu đồng ý và nói với Alfred: “Hãy theo chúng tôi đến nhà tôi. Nó ở đầu kia của khu chợ.”

“Tôi biết,” Alfred nói. “Tôi đã xây nó.”

Trong hai ngày Tu viện trưởng Philip từ chối đàm phán về cuộc đình công. Ông giận không nói nên lời, và bất cứ khi nào ông nhìn thấy Jack, ông quay lại và đi về hướng khác.

Vào ngày thứ hai, ba xe chở đầy bột đến từ một nhà máy xay xa xôi của tu viện. Xe hàng được binh lính hộ tống: hiện nay bột được quý như vàng. Bột được Thầy Jonathan nhận vào, vì thầy là phụ tá quản lý cho Cuthbert Whitehead đã già. Jack quan sát Jonathan đếm các bao tải. Đối với Jack, khuôn mặt Jonathan có một nét gì đó quen thuộc, như thể cậu giống một người nào đó mà Jack quen biết. Jonathan cao và lêu khêu, với mái tóc nâu nhạt – không giống Philip, người nhỏ, nhanh nhẹn và có tóc đen. Nhưng về tinh thần cậu giống Philip: cậu có tinh thần đạo đức cao, làm việc chăm chỉ, quyết định và tham vọng. Như mọi người đối xử với Philip, dân chúng cũng yêu mến cậu mặc dù thái độ cứng rắn của cậu về luân lý.

Trong khi Philip từ chối đàm phán, một cuộc nói chuyện với Jonathan cũng chẳng thiệt hại gì.

Jack quan sát khi Jonathan trả tiền cho binh lính và người phu xe. Cậu làm việc hoàn toàn có hiệu quả, và khi người phu xe yêu cầu hơn số tiền đã định – như họ thường làm, cậu từ chối một cách bình tĩnh nhưng cương quyết. Jack nhận ra rằng một nền giáo dục trong tu viện là một chuẩn bị tốt để trở thành người lãnh đạo.

Sự thiếu sót của Jack trong lãnh vực lãnh đạo đã thể hiện rõ ràng. Vì xử lý sai lầm với công nhân của mình, cậu đã để cho vấn đề trở thành một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Mỗi lần cậu nghĩ về cuộc họp đó, cậu lại

nguyên rủa sự thiếu khả năng của cậu. Cậu quyết tâm tìm cách giải quyết vấn đề.

Khi người phu xe càu nhàu đi khỏi, Jack làm như vô tình đi qua và nói với Jonathan: “Philip rất giận dữ về cuộc đình công.”

Có lúc Jonathan dường như muốn nói điều gì khó chịu – cậu tỏ ra tức giận với chính mình – sau đó khuôn mặt cậu bình thản lại và cậu nói: “Ông ấy tỏ ra tức giận, nhưng bên trong ông ấy bị thương tổn.”

Jack gật đầu. “Ông ấy xem chuyện đó như là sự tấn công vào bản thân ông.”

“Vâng. Ông cảm thấy thợ thủ công đã phản bội ông trong lúc cần thiết.”

“Tôi cho rằng một cách nào đó họ đã phản bội,” Jack nói. “Nhưng Philip đã làm một sai lầm lớn là cố gắng đối phương thức hoạt động qua các sắc lệnh.”

“Ông ấy có thể làm gì khác?” Jonathan vặn lại.

“Ông ấy có thể thảo luận với họ trước về sự khủng hoảng. Như thế có thể chính họ đề nghị kế hoạch tiết kiệm. Nhưng tôi không có quyền đổ lỗi cho Philip vì chính tôi cũng làm lỗi tương tự như vậy.”

Điều đó gây tò mò cho Jonathan. “Qua cách nào?”

“Tôi báo cáo cho công nhân sự cắt giảm một cách thẳng thừng và không khéo léo như Philip đã loan báo cho tôi.”

Jonatha muốn giận dữ, giống Philip, và đổ lỗi cho sự phản bội của công nhân; nhưng cậu đã miễn cưỡng nhìn thấy mặt kia của đồng tiền. Jack quyết định không nói gì nữa. Cậu đã gieo hạt giống.

Cậu rời Jonathan và trở về phòng vẽ của cậu. Khi nhặt các dụng cụ vẽ, Jack nhận ra rằng người mang lại hòa bình cho thị trấn là Philip. Thông thường ông là người phán quyết sai trái và làm trọng tài trong các vụ tranh chấp. Bây giờ chính Philip lại ở trong cuộc tranh cãi; ông tức giận, cay đắng và không nguôi cơn giận. Lần này phải có một người nào khác làm sứ giả hòa bình. Và người đó, Jack nghĩ, là chính cậu. Với tư cách thợ xây dựng chính cậu có thể nói chuyện với hai bên, và động cơ thúc đẩy cậu, không thể chối cãi, là cậu muốn tiếp tục xây dựng.

Cậu dùng nguyên ngày còn lại để suy nghĩ cách nào cậu có thể chu toàn nhiệm vụ này, và câu hỏi cậu luôn đặt ra cho chính cậu là: Philip sẽ làm gì?

Vào ngày hôm sau cậu cảm thấy sẵn sàng nói chuyện với Philip.

Nó là một ngày lạnh và ẩm thấp. Vào đầu giờ chiều Jack luẩn quẩn xung quanh khu công trường xây dựng hoang vắng, kéo mũ áo choàng lên đầu để giữ cho cậu khỏi ướt, giả vờ như đang nghiên cứu vết nứt trên phần tường khu cửa sổ phía trên (một vấn đề vẫn chưa được giải quyết), và đợi cho đến khi Philip vội vã đi từ tu viện về phía nhà ông. Khi Philip xuất hiện, Jack theo sau.

Cửa nhà Philip luôn luôn mở. Jack gõ cửa và bước vào. Philip đang quỳ trước bàn thờ nhỏ trong góc nhà. Người ta cho rằng, Jack nghĩ, ông đã cầu nguyện đủ hầu như cả ngày và cả nửa đêm trong nhà thờ và ông không cần cầu nguyện ở nhà nữa. Không có lò sưởi: Philip tiết kiệm. Jack yên lặng chờ đợi cho đến khi Philip đứng lên và quay lại. Rồi Jack nói: “Đã đến lúc phải có kết thúc.”

Khuôn mặt bình thường đáng yêu của Philip đanh lại. “Tôi không thấy có gì khó khăn về điều đó,” ông lạnh lùng nói. “Họ có thể trở lại làm việc khi họ muốn.”

“Với điều kiện của ông.”

Philip nhìn cậu.

Jack nói: “Họ sẽ không trở lại với điều kiện ông đưa ra, và họ cũng không đợi ông mãi để xem cái gì là hợp lý.” Cậu vội vàng nói thêm: “hay những gì họ nghĩ là hợp lý.”

“Không đợi mãi?” Philip hỏi. “Họ sẽ đi đâu khi họ mệt mỏi vì chờ đợi? Họ sẽ không tìm được việc làm ở đâu khác. Họ nghĩ rằng đây là nơi duy nhất bị ảnh hưởng bởi nạn đói sao? Nó ảnh hưởng trên cả nước Anh. Mỗi công trường xây dựng đều cắt giảm.”

“Vì thế ông muốn chờ họ bò đến xin lỗi ông,” Jack nói.

Philip nhìn đi chỗ khác. “Không, tôi không muốn điều đó,” ông nói. “Tôi cũng không tin rằng tôi đã gây cho cậu lý do để cậu nghĩ rằng tôi chờ đợi người khác làm chuyện đó.”

“Không, và đó là lý do tại sao tôi đến gặp ông,” Jack nói. “Tôi biết ông thật sự không muốn làm bề mặt những người này – nó không phải là bản chất của ông. Ngoài ra nếu họ trở lại với cảm giác bị thua thiệt và bức bối, họ sẽ làm việc không kết quả trong những năm tới. Vì thế, từ quan điểm của tôi cũng như của ông, chúng ta phải giúp họ giữ thể diện. Và điều đó có nghĩa là nhượng bộ.”

Jack nín thở. Đó là bài diễn văn lớn của cậu, và đây là thời điểm thành công hay thất bại. Nếu Philip không thay đổi, tương lai sẽ mù mịt.

Philip nhìn Jack một lúc. Cuộc tranh đấu với cảm xúc nội tâm phản chiếu trên khuôn mặt ông. Sau cùng nét mặt ông thư giãn ra và ông nói: “Tốt hơn chúng ta nên ngồi xuống.”

Jack nén một tiếng thở dài vì nhẹ nhõm khi cậu ngồi xuống. Cậu đã dự định sẽ nói gì tiếp theo: Cậu không muốn lặp lại hành động bộc trực, thiếu tính toán mà cậu đã làm với các thợ xây. “Chúng ta không cần bàn cãi về việc mua thêm vật tư,” cậu bắt đầu. “Tương tự như vậy, không ai phản đối việc không nhận thêm người mới. Tôi cũng nghĩ rằng, chúng ta có thể thuyết phục họ chấp nhận không làm việc trong ngày lễ nghỉ, nếu họ đạt được những nhượng bộ trong lãnh vực khác.” Cậu dừng lại cho Philip có giờ suy nghĩ. Cho đến lúc này cậu luôn chiều theo ý Philip và không đòi yêu cầu gì.

Philip gật đầu. “Được. Những nhượng bộ là gì?”

Jack lấy một hơi dài. “Họ bị tổn thương về đề nghị cấm nâng cấp. Họ nghĩ như thế là mất đi đặc quyền cổ xưa của hiệp hội thợ xây.”

“Tôi đã giải thích với cậu đó không phải là ý định của tôi,” Philip nói với giọng tức bực.

“Tôi biết, tôi biết,” Jack vội vàng nói. “Dĩ nhiên ông không muốn lấy đi đặc quyền của họ. Và tôi tin ông, nhưng họ không.” Một nét thương tổn trên mặt ông. Làm sao lại có người không tin ông? Vội vàng Jack nói: “Nhưng đó là quá khứ. Tôi đang định đề nghị một thỏa hiệp mà ông không mất gì.”

Philip nhìn một cách quan tâm.

Jack tiếp tục: “Hãy cho họ tiếp tục được quyền thăng cấp cho công nhân, nhưng trì hoãn việc trả lương vào năm sau.”

“Họ có chấp nhận điều đó không?” Philip hoài nghi nói.

“Chúng ta cứ thử.”

“Và chuyện gì xảy ra nếu tôi không có khả năng trả lương tăng vào năm tới?”

“Hãy đi qua cây cầu khi ông có nó.”

“Ý cậu là sẽ đàm phán lại vào năm tới?”

Jack nhún vai. “Nếu cần thiết.”

“Tôi hiểu,” Philip nói lửng lơ. “Còn chuyện gì nữa không?”

“Trở ngại lớn nhất là sa thải ngay lập tức những người lao động mùa hè,” Jack nói thẳng thắn. Vấn đề này không thể phớt lờ đi. “Việc sa thải ngay chưa bao giờ được phép trên các công trường xây dựng của thế giới Ki Tô giáo. Cuối tuần là sớm nhất.” Để giúp Philip đỡ cảm thấy ngu ngốc, Jack thêm vào: “Chính ra tôi đã phải cảnh báo ông về việc đó.”

“Vì thế mà tất cả những gì tôi phải làm là thuê họ thêm hai ngày nữa?”

“Tôi nghĩ bây giờ như thế sẽ chưa đủ,” Jack nói. “Nếu lúc đầu chúng ta xử lý một cách khác, có thể chúng ta đạt được điều đó, nhưng bây giờ họ muốn nhiều hơn là một thỏa hiệp.”

“Tôi chắc rằng ông đã có cái gì đó cụ thể trong đầu.”

Jack đã có, và nó là sự nhượng bộ duy nhất mà Jack yêu cầu Philip. “Bây giờ là đầu tháng mười. Chúng ta thường cho thợ mùa hè nghỉ vào đầu tháng mười hai. Chúng ta nhượng bộ họ một nửa, có nghĩa là sẽ sa thải họ vào đầu tháng mười một.

“Điều đó chỉ đáp ứng được một nửa những gì tôi cần.”

“Nó cho ông hơn một nửa. Ông vẫn được lợi từ việc các kho dự trữ được sử dụng hết, tiền tăng lương cho những người được thăng cấp chỉ phải trả vào năm sau và không làm vào ngày lễ nghỉ.”

“Những thứ đó chỉ là điều thêm thắt.”

Jack dựa lưng vào thành ghế, cảm thấy ảm đạm. Cậu đã làm tốt nhất những gì cậu có thể. Cậu không còn lập luận nào để tranh cãi với Philip, không còn nguồn nào để thuyết phục, không còn gì để nói. Cậu đã bắn mũi

tên cuối. Và Philip vẫn kháng cự. Jack đã sẵn sàng thừa nhận thất bại. Cậu nhìn khuôn mặt lạnh lùng của Philip và chờ đợi.

Philip nhìn về phía bàn thờ trong góc phòng một lúc lâu trong yên lặng. Sau cùng ông quay lại Jack và nói: “Tôi phải bàn chuyện này trong cuộc họp của nhà dòng.”

Jack như quy xuống vì nhẹ người. Nó không phải là một chiến thắng, nhưng nó đã gần tới chiến thắng. Philip không yêu cầu các tu sĩ thảo luận về những điều ông không chấp nhận và trong nhiều trường hợp họ chấp nhận những gì Philip muốn. “Tôi hy vọng họ chấp nhận,” Jack nói một cách yếu ớt.

Philip đứng lên và đặt một tay lên vai Jack. Lần đầu tiên ông mỉm cười. “Nếu tôi đưa vấn đề ra một cách thuyết phục như cậu, họ sẽ chấp nhận,” ông nói.

Jack ngạc nhiên về sự thay đổi tâm trạng đột ngột của ông. Cậu nói: “Việc này càng chóng giải quyết, nó càng có ít hậu quả lâu dài.”

“Tôi biết. Nó làm tôi tức giận, nhưng tôi không muốn cãi nhau với cậu.” Thật bất ngờ ông đưa tay ra.

Jack lắc nó và cảm thấy thoải mái.

Jack nói: “Tôi có thể thông báo cho các thợ xây đến nhà nghỉ vào buổi sáng để nghe phán quyết của cuộc họp nhà dòng không?”

“Được, xin làm như thế.”

“Tôi sẽ làm ngay.” Cậu quay đi.

Philip nói: “Jack!”

“Dạ?”

“Cảm ơn cậu.”

Jack gật đầu và đi ra. Cậu đi trong mưa mà không cần kéo cao chiếc áo mũ. Cậu cảm thấy hạnh phúc.

Buổi chiều hôm đó cậu đi tới nhà các thợ thủ công và loan báo cuộc họp vào sáng mai. Những người không có ở nhà – đa số là người độc thân và thợ mùa hè – cậu gặp họ ở quán bia. Tuy nhiên, họ vẫn tỉnh táo, vì giá bia đã tăng lên theo mọi thứ khác, và không ai có đủ tiền để uống say. Chỉ có một người thợ thủ công không thấy đâu là Alfred, người đã vắng mặt mấy

ngày nay. Sau cùng cậu ấy trở về vào lúc mặt trời xuống. Cậu đến quán bia với một cái nhìn đắc thắng trên bộ mặt dần độn của cậu. Cậu không nói cậu đã đi đâu, và Jack cũng không hỏi cậu. Jack để cậu ấy uống với những người khác, còn cậu đi về ăn tối với Aliena và các con.

Sáng hôm sau cậu triệu tập cuộc họp trước khi Tu viện trưởng Philip đến nhà nghỉ. Cậu muốn chuẩn bị tinh thần cho họ. Một lần nữa cậu đã chuẩn bị cho những gì cậu phải nói một cách cẩn thận, không muốn bị hỏng vì sự thiếu khôn khéo. Một lần nữa cậu cố xử lý những việc mà Philip có thể làm.

Các thợ thủ công có mặt sớm. Đời sống của họ bị đe dọa. Một hai người trẻ có mắt đỏ: Jack đoán quán bia đã mở cửa trễ tối qua và một vài người đã quên sự túng thiếu của họ trong vài khoảng khắc. Các thợ trẻ nhất và thợ mùa hè là những người có thể gây ra khó khăn. Các thợ thủ công lớn tuổi có một cái nhìn xa hơn. Thiếu số thợ thủ công phụ nữ thường thận trọng và bảo thủ và sẽ đồng ý với bất cứ thỏa thuận nào.

“Tu viện trưởng Philip dự định yêu cầu chúng ta trở lại làm việc, và sẽ cho chúng ta một vài thỏa thuận,” Jack bắt đầu. “Trước khi ông đến, chúng ta phải thảo luận những điều chúng ta có thể chấp thuận, những gì chúng ta từ chối và điều gì chúng ta không muốn đàm phán. Chúng ta phải tỏ cho Philip thấy sự thống nhất của chúng ta. Tôi hy vọng mọi người đồng ý.”

Nhiều người gật đầu.

Cậu làm cho giọng cậu trở nên tức giận và nói: “Theo quan điểm của tôi chúng ta nhất định từ chối chấp nhận việc sa thải ngay lập tức.” Cậu đập mạnh tay xuống bàn làm việc để nhấn mạnh sự không thể nhân nhượng trong điểm này. Nhiều người tỏ lộ sự đồng ý của họ lớn tiếng. Jack biết rằng đây là một đòi hỏi mà bây giờ chắc chắn Philip sẽ không nhượng. Cậu muốn khích động những người nóng nảy để khi Philip thừa nhận nó, họ sẽ nguôi cơn nóng ngay.

“Vì thế, chúng ta phải bảo vệ quyền của hiệp hội là được phép nâng cấp công nhân, bởi vì chỉ có các thợ thủ công mới có thể lượng giá một người có kỹ năng hay không.” Một lần nữa cậu lại không trung thực, cậu làm cho

họ không chú ý vào khía cạnh tài chánh để hy vọng rằng khi họ thắng điểm này, họ sẽ dễ dàng thỏa thuận về vấn đề trả tiền lương.

“Về vấn đề làm việc vào ngày lễ nghỉ, tôi có hai suy nghĩ. Những ngày lễ nghỉ thường là một vấn đề của thỏa thuận giữa chủ và người làm – không có một phong tục và thói quen tiêu chuẩn, như tôi được biết.” Cậu quay về phía Erward Twonose và nói: “Quan điểm của ông trong việc này như thế nào, Erward?”

“Thói quen thay đổi tùy theo từng công trình,” Erward nói. Ông hài lòng vì được hỏi ý kiến. Jack gật đầu, khuyến khích ông nói thêm. Erward nhớ lại các cách xử lý khác nhau về ngày lễ nghỉ. Cuộc họp đi theo chiều hướng mà Jack muốn. Một cuộc thảo luận dài dòng về một chủ đề không hấp dẫn sẽ làm người tham dự chán nản và mất hứng thú.

Tuy nhiên sự độc thoại của Edward bị gián đoạn bởi tiếng nói từ phía sau: “Những điều này không có liên quan gì.”

Jack nhìn lên và thấy người nói là Dan Bristol, một công nhân mùa hè. “Từng chuyện một. Xin vui lòng để cho Erward nói hết lời.”

Dan không dễ dàng im lặng. „Đừng quan tâm về điều đó,“ ông ta nói. “Điều chúng ta muốn là tăng lương.”

"Tăng lương?" Jack tức tối vì ý tưởng này.

Trước sự ngạc nhiên của Jack, Dan được hỗ trợ. Piere nói: „Đúng như vậy, một sự tăng lương. Hãy xem – một ổ bánh bốn cân Anh giá bốn xu. Một con gà mái giá thường là tám xu, bây giờ lên hai mươi bốn xu! Không người nào trong chúng ta có bia nặng từ nhiều tuần nay, tôi cá như vậy. Mọi thứ đã lên giá, nhưng hầu hết chúng ta vẫn giữ giá lương như khi mới được thuê, đó là hai mươi xu một tuần. Và với số tiền đó chúng ta phải nuôi gia đình.“

Jack nản chí. Cho đến lúc này mọi chuyện diễn ra suôn sẻ, nhưng sự chen ngang này đã phá hủy chiến thuật của cậu. Cậu hạn chế chống lại Dan và Piere, bởi vì cậu biết cậu sẽ có nhiều ảnh hưởng nếu cậu tỏ ra là người cởi mở. „Tôi đồng ý với cả hai ông,“ cậu nói làm cả hai ngạc nhiên. „Vấn đề là chúng ta có cơ hội gì để thuyết phục Philip tăng lương cho chúng ta vào một thời điểm mà tu viện thiếu tiền?”

Không ai trả lời. Thay vào đó Dan nói: "Chúng ta cần hai mươi xu một tuần để sống còn, và ngay cả như thế nó vẫn tồi tệ hơn trước."

Jack cảm thấy kinh hoàng và bối rối: Tại sao cuộc họp lại trượt ra khỏi bàn tay cậu? Pierre nói: „Hai mươi bốn xu một tuần.“ Và nhiều người khác gật đầu.

Jack nhận ra không phải chỉ có cậu là người đã chuẩn bị chiến thuật khi đến cuộc họp. Nhìn Dan một cách nghiêm khắc, cậu nói: „Các ông đã thảo luận điều này trước đó rồi phải không?"

"Đúng, đêm qua trong quán bia," Dan bướng bỉnh nói. "Điều đó có gì sai không?"

"Chắc chắn không. Nhưng vì lợi ích của những người đã không tham dự cuộc họp đó, ông có thể tóm tắt kết luận không?"

"Được." Những người đã không ở quán bia nhìn bức bối, nhưng Dan không hối hận. Vừa khi cậu định nói, Tu viện trưởng Philip bước vào. Jack ném một cái nhìn nhanh chóng về phía ông. Tu viện trưởng trông có vẻ vui. Ông bắt gặp ánh mắt Jack và gật đầu nhẹ mà người khác khó nhận thấy. Jack cảm thấy phấn khởi: Các tu sĩ đã chấp thuận sự thỏa hiệp. Ông mở miệng, ngăn lời Dan, nhưng đã quá muộn. "Chúng tôi muốn hai mươi bốn xu một tuần cho thợ thủ công," Dan nói to. "Hai mươi xu cho người lao công và bốn mươi tám xu cho thợ thủ công chính."

Jack lại nhìn Philip. Sự vui vẻ trên khuôn mặt ông biến mất, nhường chỗ cho nét cứng rắn, tức giận để đối đầu. "Xin dừng lại một chút," Jack nói. „Đây không phải là quan điểm của hiệp hội thợ xây. Đó chỉ là một đòi hỏi ngu xuẩn của một số người say trong quán bia."

"Không, không phải như thế," một giọng nói mới cất tiếng. Đó là Alfred. „Tôi nghĩ cậu sẽ thấy hầu hết các thợ thủ công ủng hộ đòi hỏi tăng lương gấp đôi."

Jack nhìn cậu ấy trong cơn giận. "Một vài tháng trước anh xin tôi một chỗ làm," cậu nói. "Bây giờ anh đòi tăng lương gấp đôi. Tôi sẽ để anh chết đói."

Tu viện trưởng Philip nói: "Và điều đó cũng xảy ra cho tất cả các ông nếu các ông không nhận ra."

Jack đã muốn tránh phát biểu những lời thách thức như vậy, nhưng bây giờ cậu không còn chọn lựa: chiến thuật của cậu đã sụp đổ.

Dan nói: “Chúng tôi sẽ không trở lại làm việc nếu ít hơn hai mươi bốn xu, và đó là tất cả.”

Tu viện trưởng Philip tức giận nói: “Nó ở ngoài vấn đề. Nó là một giấc mơ ngu xuẩn. Tôi không muốn thảo luận về nó.”

“Chúng tôi không muốn thảo luận chuyện gì khác nữa,” Dan nói. “Ít tiền lương hơn, chúng tôi sẽ không làm.”

Jack nói: “Thật ngu ngốc! Làm sao ông có thể ngồi đây và nói ông không làm nếu ít lương hơn? Ông sẽ không tìm được việc làm! Ông sẽ không còn chỗ nào để đi.”

“Chúng tôi không có chỗ đi sao?” Dan nói.

Cả nhà nghỉ im lặng.

Trời ơi! Jack nghĩ trong tuyệt vọng. Thế là họ đã có một chọn lựa khác.

“Chúng tôi đã có chỗ khác để đi,” Dan nói. Cậu đứng lên. “Và đối với tôi, ngay bây giờ tôi sẽ đi đến đó.”

“Cậu đang nói gì thế?” Jack hỏi.

Dan nhìn đặc thẳng. “Chúng tôi được đề nghị làm việc ở một công trường mới, xây một nhà thờ mới ở Shiring. Và thợ thủ công được trả hai mươi bốn xu một tuần.”

Jack nhìn quanh. “Có ai được đề nghị như vậy nữa không?”

Toàn nhà nghỉ nhìn một cách xấu hổ.

Dan nói: “Tất cả chúng tôi.”

Jack hoàn toàn thất vọng. Mọi chuyện đã được chuẩn bị. Cậu đã bị phản bội. Cậu cảm thấy đần độn và bị đối xử bất công. Cậu đã đánh giá sai tình hình. Sự tổn thương trở thành tức giận, và cậu tìm người gây ra trách nhiệm. “Ai là người,” cậu hét lên, “ai trong các ông là người phản bội?” Cậu nhìn họ. Chỉ có vài người nhìn vào mắt cậu. Sự xấu hổ của họ không cho cậu an ủi. Cậu cảm thấy như bị người tình bỏ rơi. “Ai là người đưa đề nghị của Shiring cho các ông?” Cậu la lên. “Ai là thợ xây dựng chính ở Shiring?” Mắt cậu ráo khắp những người hiện diện và dừng lại nơi Alfred.

Dĩ nhiên. Cậu cảm thấy ghê tởm. “Alfred?” cậu nói một cách khinh bỉ. “Các ông bỏ tôi để đi làm với Alfred?”

Tất cả im lặng. Sau cùng Dan nói: “Vâng, chúng tôi muốn.”

Jack biết mình thất bại. “Được,” cậu nói một cách cay đắng. “Các ông biết tôi, và các ông biết anh tôi; và các ông chọn Alfred. Các ông biết Tu viện trưởng Philip, và các ông biết Bá tước William; và các ông chọn William. Những gì còn lại tôi có thể nói với các ông là: các ông sẽ nhận được những gì các ông gây ra.”

PHẦN MƯỜI LĂM

I

“Hãy kể cho em một câu truyện,” Aliena nói. Đã từ lâu rồi anh không còn kể truyện cho em nghe. Anh có nhớ ngày xưa anh thường kể không?”

“Anh nhớ,” Jack nói.

Họ đang ở trong khu rừng kín đáo của họ. Đó là cuối mùa thu, vì thế thay vì ngồi dưới bóng mát bên dòng nước, họ đã đốt một đồng lửa dưới mỏm đá. Nó là một buổi chiều xám, lạnh và tối, nhưng làm tình đã sưởi ấm họ và ngọn lửa kêu lách tách vui tai. Cả hai họ đều trần truồng dưới chiếc áo choàng.

Jack mở áo choàng của Aliena và sờ vào ngực cô. Cô nghĩ ngực cô quá lớn, và cô buồn vì chúng không còn cao và rắn chắc như khi cô chưa có con, nhưng dường như cậu thích nó và điều đó làm cô nhẹ người. Cậu nói: “Một câu truyện về một nàng công chúa sống trên đỉnh của ngôi biệt thự cao.” Cậu sờ vào núm vú của cô một cách nhẹ nhàng. “Và một chàng hoàng tử sống ở trên đỉnh một tòa lâu đài khác.” Cậu sờ vào bên ngực kia. “Mỗi ngày họ nhìn nhau từ cửa sổ nhà tù của họ và mong vượt qua thung lũng ở giữa họ.” Tay cậu dừng lại ở khe giữa ngực cô, rồi bất ngờ di chuyển xuống. “Nhưng mỗi chiều chủ nhật họ gặp nhau trong rừng!” Cô kêu ré lên, giật mình và cười một mình.

Những buổi chiều chủ nhật là những giây phút quý báu trong một đời sống tan vỡ nhanh chóng.

Mùa thu hoạch xấu và giá len xuống đã tàn phá nền kinh tế. Thương gia phá sản, cư dân thị trấn thất nghiệp và nông dân chết đói. Jack vẫn có tiền lương, thật may mắn: với một nhóm thợ thủ công ít ỏi cậu đã dựng ô đầu

tiền của gian giữa. Nhà máy sản xuất vải của Aliena đã hầu như đóng cửa hoàn toàn. Và mọi sự ở đây tồi tệ hơn ở các nơi khác thuộc miền Nam nước Anh, vì cách William xử lý nạn đói.

Đối với Aliena, cách thức của William là khía cạnh đau đớn nhất của tình trạng. William cần tiền để xây nhà thờ mới ở Shiring, một nhà thờ để tưởng nhớ đến bà mẹ xấu xa và điên khùng của cậu. Cậu đã đuổi nhiều người thuê đất vì họ không thể trả tiền thuê, vì thế mà một số mảnh đất màu mỡ nhất nước Anh bị bỏ hoang, khiến tình trạng thiếu lương thực trầm trọng hơn. Ngoài ra cậu đã dự trữ ngũ cốc để đẩy giá lên cao hơn. Cậu chỉ có vài nhân viên và không phải nuôi ai, nên trong một thời gian ngắn cậu thu được nhiều lợi trong nạn đói. Nhưng về lâu về dài cậu đã làm thiệt hại đất đai và khả năng nuôi sống dân chúng của nó. Aliena nhớ lại lãnh địa dưới sự cai trị của bố cô, một vùng giàu có về những cánh đồng màu mỡ và thị trấn thịnh vượng, và nó làm tim cô tan nát.

Trong vài năm qua cô đã hầu như quên lời hứa mà cô và em cô đã thề với bố của họ. Kể từ khi William thành bá tước và cô bắt đầu có gia đình, ý tưởng Richard chiếm lại lãnh địa dường như chỉ là một tưởng tượng xa vời. Richard đã ổn định là người chỉ huy đội lính gác. Ngay cả cậu đã cưới một cô gái địa phương, con gái người thợ mộc. Đáng tiếc là cô gái nghèo lại có sức khỏe kém và đã chết năm trước không để lại người con nào.

Từ khi nạn đói bắt đầu, Aliena đã bắt đầu nghĩ về lãnh địa. Cô biết nếu Richard thành bá tước và với sự giúp đỡ của cô, cậu có thể làm nhiều điều để làm giảm bớt đau khổ do nạn đói gây ra. Nhưng nó chỉ là một giấc mơ: William được vua Stephen ưa chuộng, người đã chiếm ưu thế trong cuộc nội chiến và không có viễn tượng về một sự thay đổi.

Tuy nhiên, tất cả những lo nghĩ tan biến đi trong khu rừng bí mật khi Aliena và Jack nằm xuống trên mặt cỏ và yêu nhau. Từ ngày đầu tiên họ đã bị thu hút bởi nhau – Aliena chẳng bao giờ quên cô đã kinh hoàng như thế nào về sự ham muốn của cô vào lúc đầu – và ngay cả bây giờ, khi cô đã ba mươi ba tuổi, và sự sinh con đã làm mờ cô to hơn, và bụng cô không còn thon, nhưng Jack vẫn còn ham muốn cô đến nỗi họ yêu nhau ba bốn lần mỗi chiều chủ nhật.

Câu truyện khôi hài của Jack về khu rừng đã trở thành sự mơn trớn. Aliena kéo mặt cậu xuống và hôn; rồi cô nghe một giọng nói.

Cả hai lạnh người. Khoảng rừng của họ ở cách xa đường, và ẩn trong bụi cây: họ chẳng bao giờ bị làm phiền ngoại trừ tình cờ bởi con hươu vô ý hay con cáo béo. Họ nín thở và lắng nghe. Giọng nói lại vang lên và theo sau là giọng nói khác. Khi họ tập trung, họ nghe thấy tiếng xào xạc như có một đám đông di chuyển qua rừng.

Jack tìm đôi giày còn nằm trên mặt đất. Di chuyển lặng lẽ, cậu bước đến bên dòng nước, múc đầy nước vào đôi giày, và đổ vào đồng lửa. Ngọn lửa tắt với tiếng xì xì và một cụm khói bay lên. Jack di chuyển không một tiếng động vào bụi cây và biến mất.

Aliena mặc lại áo trong, áo dài và giày, rồi quần áo choàng xung quanh cô.

Jack trở về yên lặng như khi cậu đi. “Người sống ngoài vòng pháp luật,” cậu nói.

“Bao nhiêu?” cô thì thầm.

“Một số đông. Anh không thể thấy tất cả.”

“Họ đi đâu?”

“Kingsbridge,” cậu dơ một ngón tay lên. “Lắng nghe!”

Aliena nghiêng mình. Từ khoảng cách xa cô có thể nghe thấy tiếng chuông của tu viện Kingsbridge nhanh và không ngừng, dấu hiệu cảnh báo của nguy hiểm. Cô ngưng thở. “Ồ Jack! Còn các con.”

“Chúng ta có thể trở về trước nhóm người sống ngoài vòng pháp luật, nếu chúng ta lộn qua bùn và đi qua sông bằng gỗ hạt dẻ.”

“Vậy chúng ta đi thôi!”

Jack đặt một tay lên tay cô và lắng nghe một lúc. Cậu vẫn luôn nghe thấy những điều ở trong rừng mà cô không có thể. Cậu đã lớn lên trong môi trường hoang dã. Cô đợi. Sau cùng cậu nói: “Anh nghĩ tất cả họ đã đi qua.”

Họ rời khu rừng thưa. Một lúc sau họ đến đường cái. Không có ai trên đường. Họ băng ngang đường và xuyên qua rừng theo một con đường khó nhận ra. Aliena đã để Tommy và Sally lại cho Martha, và chúng chơi với nhau bên đồng lửa tí tách. Cô chưa biết sự nguy hiểm sẽ như thế nào,

nhưng cô sợ chuyện gì đó sẽ xảy ra trước khi họ về đến nhà. Họ chạy khi có thể, nhưng Aliena thất vọng vì hầu như đoạn đường quá gồ ghề, và cách duy nhất cô có thể làm là bước đi chậm chậm, trong khi Jack bước từng sải chân dài. Con đường này khó đi hơn đường cái, vì thế mà ít khi họ đi con đường này mặc dù nó nhanh hơn.

Họ trườn sườn đồi xuống đầm lầy. Những người lạ không cẩn thận thì thoảng bị chết trong đầm lầy này, nhưng nó không nguy hiểm cho người biết cách vượt qua. Tuy nhiên nước ngập bùn như muốn giữ chân cô lại, làm chậm bước chân cô, giữ cô xa Tommy và Sally. Bên kia đầm lầy là một chỗ cạn qua sông. Nước lạnh đến đầu gối của Aliena và rửa bùn đất khỏi chân cô.

Từ đó con đường thẳng tắp. Tiếng chuông báo động to hơn khi họ gần đến thị trấn. Cho dù người sống ngoài vòng pháp luật có gây nguy hiểm gì cho thị trấn, ít nhất cư dân đã được cảnh giác, Aliena nghĩ, cố giữ lòng can đảm. Khi cô và Jack ra khỏi rừng, băng ngang cây cầu vào bãi cỏ của Kingsbridge, hai mươi hay ba mươi người trẻ cũng đến nơi. Chúng chơi bóng đá ở một làng lân cận và mặc dù trời lạnh, chúng đổ mồ hôi.

Họ vội vã băng qua cây cầu. Cổng thành đã đóng, nhưng dân chúng trên tường có lỗ châu mai nhìn thấy và nhận ra chúng, và khi chúng đến gần, một cánh cổng nhỏ được mở ra. Jack lấy uy quyền để bắt bọn trẻ nhường cho Aliena và cậu vào trước. Họ cúi đầu đi qua cánh cửa nhỏ. Aliena thở phào nhẹ nhõm vì trở về thị trấn trước khi người sống ngoài vòng pháp luật đến.

Thở hỗn hển vì gắng sức, họ vội vã vào con đường chính. Cư dân thị trấn đã đến tường thành với giáo mác, cung tên và đá để ném. Các trẻ em được tập hợp lại và đem tới tu viện. Martha chắc đã đem Tommy và Sally đến đó, Aliena khẳng định. Cô và Jack đi thẳng đến khu tu viện.

Trong sân nhà bếp Aliena ngạc nhiên khi thấy mẹ Jack, Ellen, da ngăm đen và gầy hơn mọi khi, nhưng mái tóc đã lấm tấm bạc và vết nhăn quanh đôi mắt bốn mươi tuổi. Bà đang nói chuyện sôi nổi với Richard. Tu viện trưởng Philip ở cách đó một khoảng xa, hướng dẫn các trẻ em vào nhà họp. Dường như ông không nhìn thấy Ellen.

Martha đứng gần đó với Tommy và Sally. Aliena thở phào nhẹ nhõm và ôm các con vào lòng.

Jack nói: “Sao mẹ lại ở đây?”

“Mẹ đến để cảnh báo cho con về một nhóm người sống ngoài vòng pháp luật đang trên đường đến đây. Họ muốn đột kích thị trấn.”

“Chúng con thấy họ trong rừng,” Jack nói.

Richard vênh tai lên. “Anh đã thấy chúng? Họ có bao nhiêu người?”

“Anh không biết chắc chắn, nhưng có vẻ rất nhiều, ít nhất một trăm hay hơn nữa.”

“Họ được trang bị như thế nào?”

“Gậy gộc, dao. Một hoặc hai rìu. Hầu hết bằng gậy.”

“Họ đi theo hướng nào?”

“Phía bắc đây.”

“Cảm ơn anh. Em muốn quan sát từ bức tường thành.”

Aliena nói: “Martha, hãy đem các cháu vào trong nhà họp của tu viện.” Còn cô đi theo Richard, Jack và Ellen cũng vậy.

Khi họ vội vã đi qua các đường phố, dân chúng luôn hỏi Richard: “Chuyện gì vậy?”

“Những người sống ngoài vòng pháp luật,” cậu nói ngắn gọn và tiếp tục đi.

Về phía cạnh này Richard thể hiện mình tốt nhất, Aliena nghĩ. Yêu cầu cậu ra ngoài kiếm cơm ăn, cậu bất lực; nhưng trong lãnh vực quân sự, cậu lạnh lùng, điềm đạm và có khả năng.

Họ đến bức tường thành phía bắc và theo cầu thang lên đỉnh tường thành. Có từng đồng đá được xếp rải rác đều đặn để ném xuống kẻ tấn công. Cư dân có cung tên đã sẵn sàng ở lỗ châu mai. Từ nhiều năm nay Richard đã thuyết phục hội đồng thị trấn tổ chức báo động mỗi năm một lần. Lúc đầu đã có nhiều người chống đối, nhưng dần dần nó đã trở thành một trình tự thường niên, giống như một cuộc chơi trong mùa hè, và mọi người thích thú về chuyện đó. Bây giờ lợi ích thực sự của nó đã hiển nhiên qua việc cư dân thị trấn phản ứng nhanh nhẹn và tự tin khi nghe chuông báo động.

Aliena nhìn sợ hãi qua cánh đồng tới khu rừng. Cô không thấy gì.

Richard nói: “Chị đã về đến đây trước họ.”

Aliena hỏi: “Tại sao họ lại đến đây?”

Ellen nói: “Kho lương thực của tu viện. Trong hàng dặm xung quanh, chỉ đây còn có lương thực.”

“Dĩ nhiên.” Những người sống bên ngoài vòng pháp luật là những người đói, đất đai của họ bị William thu hồi. Họ không có cách nào khác để sống ngoài việc trộm cướp. Trong các làng không phòng vệ thì không còn gì để cướp: nông dân không khá hơn người sống ngoài vòng pháp luật. Lương thực chỉ còn nhiều trong các kho thóc của chủ ruộng.

Khi cô nghĩ về điều đó, cô thấy họ đến.

Họ bước ra khỏi bờ rừng giống như đàn chuột chạy ra từ đồng rơm khô bị đốt cháy. Họ hung húc xuyên qua cánh đồng về hướng thị trấn, hai mươi, ba mươi, năm mươi, một trăm người giống như một đoàn quân nhỏ. Có lẽ họ đã hy vọng tấn công thị trấn một cách bất ngờ và tiến qua cổng thành dễ dàng, nhưng khi họ nghe thấy tiếng chuông báo động, họ đã nhận ra rằng họ bị đón đầu. Tuy vậy họ vẫn tiếp tục trong nỗi tuyệt vọng vì chết đói. Một hai người đã bắt đầu bắn ra những mũi tên, và Richard hét lớn: “Hãy chờ! Đừng phạm những mũi tên!”

Lần trước, khi Kingsbridge bị tấn công, Tommy mới mười tám tháng tuổi và Aliena mang thai Sally. Cô đã ẩn náu trong tu viện cùng với những người lớn tuổi và trẻ em. Lần này cô muốn ở lại trên lỗ châu mai, cùng chống lại sự nguy hiểm. Hầu hết các phụ nữ khác cũng cảm thấy như vậy: số phụ nữ trên tường thành cũng ngang bằng với số đàn ông.

Mặc dù đã chuẩn bị kỹ, Aliena vẫn cảm thấy phân vân khi kẻ tấn công đến gần. Cô ở gần tu viện, nhưng có thể kẻ tấn công phá vỡ ở một điểm khác và đến tu viện trước khi cô có thể đến đó. Hay cô có thể bị thương trong cuộc chiến đấu và không có thể chăm sóc con cái được nữa. Jack ở đây và cả Ellen nữa: nếu họ bị giết, chỉ có Martha còn lại để chăm sóc cho Tommy và Sally. Aliena do dự, không quyết định.

Hầu hết kẻ tấn công ở bên bức tường thành. Một cơn mưa mũi tên rơi xuống họ, và lần này Richard không còn nói các cung thủ phải chờ đợi.

Nhiều kẻ tấn công bị sát hại. Họ không có áo giáp để bảo vệ. Họ không được tổ chức. Không ai lên kế hoạch tấn công. Như một đàn bò trong sự hoảng loạn, họ đâm đầu vào bức tường trống. Khi họ đến được đó họ không biết phải làm gì. Cư dân ném đá xuống từ lỗ châu mai. Nhiều kẻ trộm cướp tấn công cổng phía bắc bằng gậy gộc. Aliena biết độ dày của chiếc cửa bằng gỗ sồi bọc sắt: họ sẽ cần cả đêm để đâm thủng. Trong khi đó Alf Butcher và Arthur Saddler đã điều động một vạc nước sôi lên tường thành bên trên cánh cổng.

Ngay phía bên dưới Aliena một nhóm kẻ tấn công xếp chồng lên nhau tạo thành một Kim tự tháp người. Ngay lập tức Jack và Richard ném đá xuống họ. Nghĩ về con cái, Aliena cũng ném đá xuống và Ellen làm theo. Những kẻ tấn công chịu đựng được một lúc cho đến khi một người bị đá trúng vào đầu, và Kim tự tháp sụp đổ.

Một lúc sau có tiếng la hét vì đau đớn từ cổng phía bắc, khi nước sôi đổ xuống đầu những kẻ tấn công ở cánh cổng.

Bất ngờ một số kẻ tấn công nhận ra rằng những đồng đội bị chết và bị thương của họ là những con mồi dễ dàng và chúng tước đoạt họ. Cuộc đánh nhau bùng nổ giữa những người bị thương nhẹ và tranh cãi về tài sản của những người đã chết. Nó là một tình trạng hỗn loạn, Aliena nghĩ, một cuộc chiến kinh tởm và nhục nhã. Cư dân thị trấn ngừng ném đá khi những người tấn công chiến đấu chống lại nhau như những con chó tranh dành cục xương.

Aliena quay sang Richard. “Họ vô tổ chức để trở thành một mối đe dọa thực sự,” cô nói.

Cậu gật đầu. “Với một chút trợ giúp, họ có thể trở thành mối nguy hiểm thực sự, bởi vì họ tuyệt vọng. Họ không có lãnh đạo.”

Aliena bị ấn tượng vì một ý nghĩ: “Một đội quân chờ đợi một lãnh đạo,” cô nói. Richard không phản ứng, nhưng cô bị thu hút bởi ý nghĩ này. Richard là một nhà lãnh đạo tốt nhưng lại không có quân đội. Những người sống ngoài vòng pháp luật là một đội quân không có lãnh đạo. Và lãnh địa bị tan rã...

Một vài cư dân tiếp tục ném đá và bắn tên xuống kẻ tấn công, và cuộc trộm cắp trên xác người chấm dứt. Những người sống ngoài vòng pháp luật bắt đầu rút lui giống như bầy chó cúp đuôi chạy, nhìn lại sau lưng với vẻ tiếc nuối. Rồi ai đó mở cổng thành phía bắc, và một nhóm người trẻ chạy ra, mang trên tay gươm và rìu, đuổi theo đoàn người hỗn loạn. Người sống ngoài vòng pháp luật chạy trốn, nhưng một số bị bắt và bị xẻ thịt.

Ellen ghê tởm quay đi và nói với Richard: “Cậu nên ngăn chặn các chàng trai này lại.”

“Các chàng trai cần nhìn thấy máu, nhất là sau một cuộc chiến như thế này,” cậu nói. “Ngoài ra nếu lần này chúng ta giết được nhiều, lần sau chúng ta sẽ phải chiến đấu với ít người hơn.”

Đó là một cách suy nghĩ của người lính, Aliena nghĩ. Trong giai đoạn, khi cô cảm thấy cuộc sống của cô bị đe dọa mỗi ngày, có lẽ cô cũng sẽ giống như các chàng trai, đuổi theo người sống ngoài vòng pháp luật và giết họ. Bây giờ cô muốn quét sạch nguyên do gây ra cuộc sống ngoài vòng pháp luật, chứ không phải giết sạch người sống ngoài vòng pháp luật. Ngoài ra cô đã nghĩ ra cách sử dụng những người sống ngoài vòng pháp luật này.

Richard ra lệnh kéo chuông tu viện để thông báo về tình hình đã ổn định và tăng cường thêm canh gác đêm, với đội tuần tra và lính gác. Aliena đi tới tu viện gặp Martha và các con. Rồi họ gặp nhau ở nhà Jack.

Aliena vui vì họ được gặp nhau: cô và Jack cùng các con, và mẹ Jack, và em của Aliena, và Martha. Nó hoàn toàn giống như một gia đình bình thường; và Aliena có thể hầu như quên đi rằng bố cô đã chết trong ngục tối và cô đã chính thức kết hôn với anh ghẻ của Jack, và Ellen là một người sống ngoài vòng pháp luật, và –

Cô lắc đầu. Cô không thể coi đó như là một gia đình bình thường.

Jack lấy một thùng bia và rót bia vào một bình lớn. Mọi người cảm thấy sự căng thẳng và sôi nổi sau cơn nguy hiểm. Ellen đốt đồng lửa và Martha thái củ cải cho vào nồi nấu súp cho bữa ăn tối. Có thời họ đã có thể nướng nửa con heo trên lửa vào những ngày như thế này.

Richard uống một hơi bia dài, lau miệng và nói: “Tình trạng này còn xảy ra nhiều lần cho đến mùa xuân năm sau.”

Jack nói: “Họ nên tấn công nhà kho của Bá tước William, chứ không phải của Philip. Chính William là người đã gây ra sự nghèo đói cho hầu hết những người trong số họ.”

“Họ sẽ không thành công hơn trong cuộc đối đầu với Bá tước William như họ đã đối đầu với chúng ta, chỉ trừ khi họ có một chiến thuật. Họ giống như một đàn chó.”

Aliena nói: “Họ cần người lãnh đạo.”

Jack nói: “Cầu mong là họ đừng có người lãnh đạo. Nếu không họ sẽ thực sự nguy hiểm.”

Aliena nói: “Một người lãnh đạo có thể hướng dẫn họ tấn công tài sản của William thay vì của chúng ta.”

“Anh không đồng ý với em,” Jack nói. “Một người lãnh đạo sẽ làm theo ý đó sao?”

“Họ sẽ làm, nếu người đó là Richard.”

Tất cả im lặng.

Ý tưởng này đã nung nấu từ lâu trong tâm trí Aliena, và cô tin nó sẽ đạt kết quả. Họ có thể hoàn thành lời thề của họ với người bố, Richard có thể tiêu diệt William và trở thành bá tước, và lãnh địa sẽ được phục hồi nền hòa bình và thịnh vượng... Càng nghĩ về nó, cô càng hứng khởi. Cô nói: “Trong đám đông hỗn độn hôm nay có hơn một trăm người.” Cô quay sang Ellen. “Còn bao nhiêu người nữa trong rừng?”

“Không thể đếm được,” Ellen nói. “Hàng trăm. Hàng ngàn.”

Aliena chồm qua bàn ăn và nhìn vào mắt Richard. “”Hãy trở thành người lãnh tụ của họ,” cô nói như ra lệnh. “Hãy tổ chức họ thành đội ngũ. Hãy dạy họ chiến đấu. Hãy hoạch định kế hoạch tấn công. Rồi sai họ hành động – chống lại William.”

Khi nói, cô nhận biết rằng cô đang yêu cầu cậu mạo hiểm mạng sống của cậu, và cô lo sợ. Thay vì chiếm lại lãnh địa, cậu có thể bị giết.

Nhưng cậu không e ngại như vậy. “Trời ơi! Allie, chị có thể đúng,” cậu nói. “Tôi có thể có riêng một đoàn quân và lãnh đạo họ chống lại William.”

Khuôn mặt cậu toát lên nét thù hận lâu đời và Aliena chú ý đến vết sẹo trên tai phải của cậu, nơi một góc vành tai bị cắt đứt. Cô cố gắng đè nén ký ức đang chực trào lên.

Richard hứng khởi với ý tưởng đó. “Tôi có thể đột kích đàn thú vật của William,” cậu thích thú nói. “Ăn cắp đàn cừu của hắn, săn trộm hươu, phá vỡ chuồng trại và cướp nhà máy xay của hắn. Trời ơi! Tôi có thể làm cho bọn vô lại đó đau khổ, nếu tôi có một đội quân.”

Cậu là một người lính, Aliena nghĩ; đó là số phận của cậu. Mặc dù cô lo sợ cho sự an toàn của cậu, cô hứng khởi về viễn tượng cậu có thể có một cơ hội để hoàn thành sứ mạng của cậu.

Cậu chợt thấy một trở ngại. “Nhưng làm sao tôi có thể tìm thấy những người sống ngoài vòng pháp luật?” cậu hỏi. “Họ luôn luôn lẫn trốn.”

“Tôi có thể cho cậu biết,” Ellen nói. “Trên con đường đến Winchester có một con đường nhỏ bị cây cối che khuất, con đường đó dẫn đến mỏ đá bỏ hoang. Đó là nơi ẩn náu của họ. Nó được gọi là mỏ đá Sally.”

Bé gái Sally bảy tuổi nói: “Nhưng cháu không có mỏ đá!”

Mọi người cười lớn.

Rồi tất cả lại im lặng.

Richard biểu lộ sự quyết tâm. “Được,” cậu nhấn giọng. “Mỏ đá Sally.”

“Cả buổi sáng hôm đó các anh vất vả nhổ một cây lớn trên đồi,” Philip nói. “Khi các anh trở lại, Francis, em trai của anh, đứng ngay đó, trong chuồng dê, bế em trong tay. Em mới sinh được một ngày.”

Jonathan nhìn nghiêm trọng. Đây là khoảnh khắc nghiêm trang đối với cậu.

Philip quan sát tu viện nhỏ Thánh gioan trong rừng. Bây giờ không còn nhiều rừng: qua các năm tháng các tu sĩ đã phá nhiều mẫu rừng và canh tác thành những cánh đồng quanh tu viện. Có nhiều nhà bằng đá – một nhà họp, một nhà ăn và nhà ngủ - cộng với một loạt chuồng bằng gỗ và xưởng sữa. Nó không còn giống như nơi ông đã rời đó trước đây mười bảy năm về trước. Con người cũng khác xưa. Nhiều tu sĩ trẻ đảm nhận những trách nhiệm tại Kingsbridge. William Beauvis, người đã gây ra sự xáo trộn bằng cách bắn sập nền nóng vào đầu cha giáo tập, đã trở thành bề trên tu viện

này. Một vài người đã đi xa: người gây vấn đề Peter thành Wareham hiện đang ở Canterbury, làm việc cho một tổng đại diện trẻ, đầy tham vọng có tên là Thomas Becket.

“Em tự hỏi không biết họ như thế nào, Jonathan nói. “Ý em muốn nói bố mẹ em.”

Philip chia sẻ niềm đau với cậu. Chính Philip đã mất bố mẹ, nhưng chỉ từ năm lên sáu, và ông vẫn còn có thể nhớ về cả hai: mẹ ông yên lặng và đáng yêu, bố ông cao lớn và có râu đen – và đối với Philip - can đảm và mạnh mẽ. Jonathan ngay cả đã không có được điều đó. Tất cả những gì cậu biết về bố mẹ cậu là họ không muốn có cậu.

“Chúng ta có thể đoán ra một số điều về họ” Philip nói.

“Thật sao?” Jonathan hào hứng nói. “Những cái gì?”

“Họ nghèo,” Philip nói. “Những người giàu không có lý do bỏ rơi con của họ. Họ không có bạn bè: bạn bè biết khi bạn chờ đợi một đứa trẻ sắp sinh và thắc mắc nếu đứa con không được sinh ra. Họ tuyệt vọng. Chỉ những người tuyệt vọng mới có thể chịu để mất một đứa con.”

Khuôn mặt Jonathan đầy nước mắt. Philip muốn khóc thay cậu, cậu bé này – mọi người nói – rất giống Philip. Philip muốn có thể cho cậu một chút an ủi, nói với cậu vài lời nồng ấm và khích lệ về bố mẹ cậu; nhưng làm sao ông có thể nói rằng họ đã yêu cậu, khi họ đã để cậu chết?

Jonathan nói: “Nhưng tại sao Chúa lại làm những việc như thế?”

Philip thấy cơ hội: “Đó là một câu hỏi làm cho nhiều người bối rối. Nhưng trong trường hợp này anh nghĩ câu trả lời đã rõ ràng: Chúa muốn em cho Chúa.”

“Anh thực sự nghĩ như thế sao?”

“Trước đây anh đã chẳng nói với em sao? Anh luôn tin điều đó. Anh đã nói điều đó với tu sĩ ở đây vào ngày em được tìm thấy. Anh đã nói với họ rằng Chúa đã gửi em đến đây cho mục đích của Ngài, và nhiệm vụ của chúng ta là chăm sóc em lớn lên để phục vụ Chúa, để một ngày nào đó em có những khả năng cần thiết thực hiện nhiệm vụ Chúa trao cho em.”

“Em tự hỏi mẹ em có biết điều đó không?”

“Nếu bây giờ mẹ em đang ở bên các Thiên thần, mẹ em sẽ biết điều đó.”

“Anh nghĩ nhiệm vụ của em là gì?”

“Thiên Chúa cần các tu sĩ là nhà văn, người cắt nghĩa, nhạc sĩ và nông dân. Ngài cần người cho những công việc cần thiết như quản lý, bề trên tu viện hay giám mục. Ngài cần người có thể buôn bán len, chữa bệnh tật, giáo dục trẻ em và xây dựng nhà thờ.”

“Thật khó tưởng tượng rằng Ngài có một nhiệm vụ đặc biệt cho em.”

“Tại sao Ngài lại cố gắng nhiều thế với em?” Philip nói với một nụ cười. “Tuy nhiên, nó sẽ không phải là một vai trò lớn lao và lỗi lạc trong thế giới. Ngài muốn em trở thành một trong các tu sĩ âm thầm, một người khiêm nhường dành cuộc sống của mình cho việc cầu nguyện và chiêm niệm.”

Khuôn mặt Jonathan suy sụp. “Em nghĩ Ngài có thể làm điều đó.”

Philip cười. “Nhưng anh không nghĩ như vậy. Chúa không làm một con dao từ khúc gỗ, hay một chiếc áo đàn bà từ da giầy. Tự bản chất, em không thích hợp cho một cuộc sống yên lặng. Và Chúa biết điều đó. Anh đoán Ngài muốn em chiến đấu cho Ngài chứ không phải hát cho Ngài.”

“Em hy vọng như vậy.”

“Nhưng ngay bây giờ anh nghĩ Ngài muốn em đi gặp thầy Leo và xem thầy có bao nhiêu pho mát cho quản lý ở Kingsbridge.”

“Vâng.”

“Anh sẽ nói chuyện với em của anh ở nhà họp. Và hãy nhớ - nếu có ai trong số các tu sĩ hỏi em về Francis, hãy nói ít bao nhiêu có thể.”

“Em sẽ không nói gì.”

“Vậy em đi đi.”

Jonathan bước nhanh qua sân. Tâm trạng nghiêm trang qua đi nhường chỗ cho tâm trạng phấn khởi tự nhiên của cậu trước khi cậu đến nhà làm pho mát. Philip nhìn theo cậu cho đến khi cậu mất hút trong tòa nhà. Tôi cũng giống như vậy, ngoại trừ không thông minh như cậu, ông nghĩ.

Ông đi hướng ngược lại tới nhà hội. Francis đã gửi một sứ điệp yêu cầu gặp Philip một cách bí mật. Các tu sĩ ở Kingsbridge tin rằng Philip đi một vòng tham quan tới tu viện chi nhánh. Cuộc gặp nhau không thể dấu các tu sĩ ở đây được, dĩ nhiên, nhưng họ bị cô lập nên họ không thể nói với ai. Chỉ

có bề trên của tu viện thường đến Kingsbridge, và Philip yêu cầu ông giữ bí mật.

Ông và Francis đến đây buổi sáng hôm nay, và mặc dù họ không thể làm như thể cuộc gặp mặt là một sự tình cờ, họ cố gắng làm ra vẻ như nó chỉ là một cuộc gặp gỡ riêng tư. Họ cùng tham dự thánh lễ, ăn chung với các tu sĩ. Bây giờ mới là cơ hội cho họ gặp riêng nhau.

Francis chờ ông trong nhà hội. Ông ngồi trên ghế đá trước bức tường. Philip chẳng bao giờ nhìn thấy hình mình – trong tu viện không có gương soi – vì thế ông đã đo sự già nua của ông qua những thay đổi trong em ông, người chỉ ít hơn ông hai tuổi. Francis ở lứa tuổi bốn mươi hai, có một vài sợi tóc bạc trên mái tóc đen của ông, và những nếp nhăn xung quanh đôi mắt xanh sáng của ông. Ông mập nạc hơn khi Philip gặp ông lần trước. Mái tóc của tôi có lẽ điểm trắng nhiều hơn và tôi ốm hơn, Philip nghĩ, nhưng tôi tự hỏi ai trong chúng tôi có nhiều nét lo nghĩ hơn?

Ông ngồi xuống bên cạnh Francis và nhìn vào căn phòng bát giác trống rỗng. Francis hỏi: “Mọi chuyện ra sao?”

“Những người hoang dã lại đang thống trị,” Philip nói. “Tu viện không còn tiền, chúng tôi đã ngừng xây dựng nhà thờ chính tòa, Kingsbridge trên đường suy thoái, một nửa quận sắp chết đói và việc du hành không còn an toàn.”

Francis gật đầu. “Mọi chuyện xảy ra như thế trên toàn nước Anh.”

“Có lẽ những người hoang dã luôn luôn thống trị,” Philip buồn rầu nói. “Có lẽ lòng tham lam lớn hơn sự khôn ngoan trong các hội đồng của người có thể lực; có lẽ sự sợ hãi thắng lòng từ bi trong đầu của những người có kiếm trong tay.”

“Thông thường anh không bi quan như thế.”

“Thị trấn vừa bị nhóm người sống ngoài vòng pháp luật tấn công một vài tuần trước. Thật đáng thương: khi cư dân giết một vài người trong số họ, họ quay lại chiến đấu lẫn nhau. Nhưng khi họ rút lui, những người trẻ đã chạy theo đám người khốn khổ này và giết tất cả những ai họ bắt được. Nó thật kinh tởm.”

Francis lắc đầu. “Thật khó hiểu.”

“Anh nghĩ anh hiểu điều đó. Những người sống bên ngoài vòng pháp luật đã làm họ sợ hãi và họ muốn xua đuổi sự sợ hãi này bằng cách làm cho những người đã làm họ sợ hãi phải đổ máu. Anh đã nhìn thấy điều đó trong mắt những người đã giết bố mẹ chúng ta. Họ giết vì sợ hãi. Nhưng làm cách nào để giải thoát họ khỏi sự sợ hãi này?”

Francis thở dài. “Hòa bình, công lý, thịnh vượng... Những thứ khó mà đạt được.”

Philip gật đầu. “Đúng. Nhưng trở lại với vấn đề của chúng ta. Em có chuyện gì không?”

“Em đang làm việc cho con của Nữ hoàng Maud. Tên ông là Henry.”

Philip đã nghe nói về Henry này. “Ông ấy là người ra sao?”

“Ông là một người trẻ thông minh và quả quyết. Bố ông đã chết, nên ông trở thành bá tước của Anjou. Ông cũng là bá tước của Normandy, bởi vì ông là cháu lớn nhất của Henry già, người đã là vua của nước Anh và bá tước Normandy. Và ông đã kết hôn với Eleanor vùng Aquitaine, vì thế bây giờ ông cũng là công tước của Aquitaine.”

“Ông cai trị nhiều vùng lãnh thổ hơn vua nước Pháp.”

“Đúng như vậy.”

“Nhưng ông ra sao?”

“Có trình độ, chịu khó, nhanh nhẹn, bản khoăn và ý chí mạnh mẽ. Ông có một tính khí đáng sợ.”

“Một đôi khi anh muốn có một tánh khí đáng sợ,” Philip nói. “Nó làm người ta sợ. Nhưng mọi người biết anh luôn trầm tĩnh, vì thế người ta không nhanh nhẹn vâng lời anh như người ta vâng lời một tu viện trưởng có thể nổi giận bất cứ lúc nào.”

Francis cười. “Anh hãy giữ mình như vậy,” ông nói. Ông lại nghiêm trang. “Henry đã khiến em nhận ra tầm quan trọng của nhân cách một vị vua. Hãy nhìn vào Stephen: sự phán đoán của ông chật hẹp; ông được chỉ định cho những giai đoạn bùng nổ chớp nhoáng, rồi ông bỏ cuộc; ông dừng cảm đến nỗi điên dại và luôn tha thứ cho kẻ thù của mình. Những người phản bội ông chỉ phải mạo hiểm rất ít vì họ có thể trông chờ vào lòng thương xót của ông. Kết quả là ông đã chiến đấu không thành công trong

mười tám năm để cai trị một mảnh đất trước đây là vương quốc thống nhất khi ông nắm quyền. Henry đã kiểm soát nhiều hơn về tập thể các vùng đất thuộc về nam tước và bá tước hơn là Stephen đã kiểm soát.

Philip thắc mắc về một ý tưởng. “Tại sao Henry lại sai em đến nước Anh?” ông hỏi.

“Để khảo sát nước Anh.”

“Em đã thấy gì?”

“Đó là vô kỷ luật và đói kém, tan nát bởi bão tố và tàn phá bởi chiến tranh.”

Philip trầm tư gật đầu. Henry trẻ là công tước của Normandy bởi vì ông là người con trai lớn nhất của Maud, và bà lại là người con hợp pháp duy nhất của vua Henry, người đã là công tước của Normandy và vua của nước Anh.

Do nguồn gốc này Henry trẻ cũng có quyền đòi được trao quyền làm vua nước Anh.

Mẹ của ông cũng có cùng đòi hỏi đó, và đã bị phản đối bởi vì bà là một người phụ nữ và chồng bà là Angevin. Nhưng Henry không những là người đàn ông mà ông còn có lợi điểm là thuộc về Norman (phía mẹ ông) và Angevin (phía bố ông.)

Philip nói: “Henry có muốn làm vua nước Anh không?”

“Nó tùy thuộc vào báo cáo của em,” Francis nói.

“Và em sẽ nói gì với ông ấy?”

“Bây giờ là thời điểm tốt nhất.”

“Tạ ơn Chúa,” Philip nói.

II

Trên đường đến lâu đài Giám mục Waleran, Bá tước William dừng lại ở nhà máy xay Cowford của cậu. Chủ nhà máy xay, một người đàn ông trung

niên khắc khoải tên là Wulfric, có quyền xay hạt cho bấy làng quanh vùng. Cứ mỗi hai mươi bao hạt, ông giữ lại hai bao: một cho ông và một cho William.

William đến đó để thu phí của cậu. Thường thường cậu không tự thu phí, nhưng đây không phải là thời kỳ bình thường. Ngày nay ông phải có một đội quân vũ trang hộ tống mỗi xe chở bột mì hay những gì có thể ăn được. Để tiết kiệm người, William có thói quen đem theo một hay hai xe hàng với cậu mỗi khi cậu đi đâu với đoàn hiệp sĩ của cậu và thu thập những gì có thể.

Sự gia tăng về tội phạm của những người sống bên ngoài vòng pháp luật là một hậu quả đáng tiếc từ chính sách cứng rắn của cậu với những người thuê đất mà không có tiền trả. Những người không có đất trở thành trộm cướp. Nói chung, trong việc trộm cướp họ cũng không thành công hơn việc đồng áng, và William ước mong hầu hết họ sẽ chết trong mùa đông. Lúc đầu ước vọng của cậu dường như đúng: những người sống ngoài vòng pháp luật cướp những người đi một mình, những người chẳng có gì để cướp, hoặc họ tấn công một cách vô tổ chức những mục tiêu có phòng ngự. Sau này chiến thuật của họ đã tiến bộ. Bây giờ họ tấn công với số lượng người gấp đôi số người phòng thủ. Họ đến khi chuồng nuôi đầy thú, một dấu hiệu tỏ ra rằng họ đã trinh sát cẩn thận. Cuộc tấn công của họ bất ngờ và nhanh chóng, và sự tuyệt vọng cho họ sự can đảm. Tuy nhiên họ không ở lại để chiến đấu, nhưng mỗi người chạy trốn sau khi họ có được trong tay một con cừu, một miếng thịt heo hun khói, một miếng pho mát, một túi bột hay một bị tiền. Việc đuổi theo họ không có kết quả, vì họ biến vào rừng, phân tán và chạy theo mọi hướng. Một người nào đó ra lệnh cho họ và họ làm như vậy, như William được biết.

Sự thành công của những người sống ngoài vòng pháp luật là một sự tủi hổ cho William. Nó làm cậu giống như một tên hề, một người không thể kiểm soát được lãnh địa của mình. Tình trạng trở nên tồi tệ hơn vì người sống ngoài vòng pháp luật ít khi cướp của ai khác. Dường như họ cố tình thách thức cậu. William không ghét gì hơn là cảm giác bị mọi người cười sau lưng cậu. Cậu đã dùng cả đời để ép buộc mọi người tôn trọng cậu và

gia đình cậu, và những người sống ngoài vòng pháp luật này đã phá hủy mọi công trình của cậu.

Đặc biệt William tức giận về những gì mọi người nói sau lưng cậu như: “cho đáng tội vì cậu đã đối xử khắc nghiệt với những người thuê của cậu và bây giờ họ trả thù cậu và cậu phải gánh lấy.” Những câu nói ấy làm cậu cay đắng.

Dân làng Cowford kinh hoàng và sợ hãi khi William và các hiệp sĩ cưỡi ngựa vào. William quắc mắt nhìn những khuôn mặt gầy gò, sợ hãi nhìn ra từ sau cánh cửa rồi vội vã biến mất. Những người này đã gửi cha xứ của họ đến xin được phép tự xay hạt của họ trong năm nay vì họ không có khả năng trả một phần mười cho người xay hạt. William đã muốn kéo lưỡi vị linh mục này ra vì sự hỗn xược này.

Trời lạnh và xung quanh hồ nhà máy xay có băng đá. Bánh xe nước ngừng chạy và viên đá xay đứng yên. Một phụ nữ đi ra khỏi nhà ở đằng sau nhà máy. William lên cơn thèm khát khi nhìn thấy cô. Cô chừng hai mươi tuổi, có khuôn mặt đẹp và một vầng mây của những sợi tóc đen. Mặc dù nạn đói, cô có bộ ngực đầy đà và bắp đùi mạnh mẽ. Khi mới xuất hiện cô có một cái nhìn vô lễ, nhưng ánh mắt các hiệp sĩ của William làm cái nhìn đó biến đi khỏi khuôn mặt cô và cô cúi nhanh vào bên trong.

“Cô ấy không thích chúng ta,” Walter nói. “Cô phải thấy Gervase.” Nó là một câu khôi hài cũ rích, nhưng mọi người cười.

Họ cột ngựa. Đây không phải cùng nhóm mà William đã quy tụ lại quanh cậu khi cuộc nội chiến mới bắt đầu. Walter vẫn còn ở với cậu, dĩ nhiên, và Ugly Gervase cùng với Hugh Axe; nhưng Gilbert đã chết trong cuộc đánh nhau với các thợ mỏ, và Guillaume đã thay thế ông; và Miles đã mất một tay trong cuộc đọ kiếm về cờ bạc trong một quán bia ở Norwich, và nhóm có thêm Louis. Họ không còn là những chàng trai, nhưng họ ăn nói và hành động giống như xưa, cười nói và ăn uống, cờ bạc và đi điếm. William không còn đếm được bao nhiêu quán rượu họ đã tàn phá, bao nhiêu người Do Thái họ đã hành hạ và bao nhiêu trinh nữ họ đã phá trinh.

Người chủ nhà máy xay đi ra. Không nghi ngờ gì là nét mặt chua chát của ông là kết quả của những tháng năm không được ưa chuộng. Cái nhìn

cái kính của ông được che phủ bởi sự lo lắng. William thích những người trở nên lo lắng khi cậu nhìn họ.

“Tôi không biết ông có một người con gái, Wulfric,” William nói với cái nhìn dâm dật. “Ông đã dấu cô, không cho tôi biết.”

“Đó là Maggie, vợ tôi,” ông nói.

“Khốn nạn. Vợ ông là một bà già, tôi còn nhớ bà ấy.”

“Vợ May của tôi đã chết năm trước, thưa ngài. Tôi mới cưới vợ lần nữa.”

“Ông, con chó già cắn thiu!” William nói với nụ cười toe toét. “Cô ấy phải trẻ hơn ông ba mươi tuổi.”

“Hai mươi lăm –“

“Như thế đủ rồi. Bột mì của tôi đâu? Cứ hai mươi bao, tôi có một bao!”

“Tất cả ở đây, thưa ngài. Xin theo tôi.”

Đường dẫn đến nhà máy xay phải đi qua nhà. William và các hiệp sĩ theo Wulfric vào trong một phòng đơn. Người vợ trẻ, mới cưới của chủ nhà máy xay quỳ trước đồng lửa, đang đẩy củi vào. Khi cô cúi xuống, áo dài căng lên phần sau. Hồng cô có thịt, William quan sát. Dĩ nhiên, vợ của nhà máy xay phải là người cuối cùng bị đói trong nạn đói.

William ngừng lại nhìn vào hông cô. Các hiệp sĩ cười và chủ nhà máy xay lo âu. Cô gái nhìn quanh, nhận ra mọi người đang nhìn cô, và cô đứng lên, che thân trong lúng túng.

William nháy mắt với cô và nói: “Hãy đem cho chúng tôi ít bia, Maggie – chúng tôi là những đàn ông khát.”

Họ đi qua cửa đến nhà máy xay. Bột được đóng trong bao tải xếp xung quanh sân đập lúa. Không có nhiều. Thông thường các bao tải xếp cao hơn đầu người. “Tất cả chỉ có vậy thôi sao?” William hỏi.

“Năm nay thu hoạch kém, thưa ngài,” Wulfric lo lắng nói.

“Phần của tôi đâu?”

“Đây, thưa ngài.” Ông chỉ vào đồng có tám hay chín bao.

“Cái gì?” William đỏ mặt. “Đó là của tôi? Tôi đem theo hai xe bò, và ông cho tôi chỉ có thế?”

Khuôn mặt Wulfric buồn bã hơn. “Tôi rất tiếc, thưa ngài.”

William đếm chúng. “Chỉ có chín bao!”

“Đó là tất cả,” Wulfric nói. Ông sắp khóc. “Ông hãy nhìn đồng của tôi bên cạnh, nó cũng giống như vậy –“

“Con chó nói dối,” William tức giận nói. “Ông đã bán nó –“

“Không, thưa ngài,” Wulfric xác định. “Đó là tất cả những gì chúng ta có.”

Maggie đi ra khỏi cửa với sáu ly bia bằng sành trên một cái khay. Cô giới thiệu cho các hiệp sĩ. Mỗi người lấy một ly và uống như thèm khát. William làm ngơ cô. Cậu quá bị tổn thương để có thể uống. Cô đứng chờ đợi với một ly bia còn lại trên khay.

“Còn những cái này là gì?” William nói với Wulfric, chỉ tay vào đồng bao tải còn lại, chừng hai mươi lăm hay ba mươi xếp xung quanh tường.

“Đang chờ đem đi, thưa ngài – Ông có thể thấy dấu hiệu của chủ nó trên bao...”

Nó là sự thật: mỗi bao có ghi dấu một mẫu tự hay một biểu tượng. Nó có thể là một thủ đoạn, dĩ nhiên, nhưng William không có cách nào tìm ra sự thật. Cậu điên tiết. Nhưng đó không phải là cách cậu chấp nhận tình trạng như thế này. “Tôi không tin ông,” cậu nói. “Ông đã ăn cướp của tôi.”

Wulfric trân trọng quả quyết, mặc dù giọng nói của ông hơi run. “Tôi là người trung thực, thưa ngài.”

“Chưa bao giờ có người chủ nhà máy xay nào trung thực.”

“Thưa ngài –“ Wulfric nuốt nước bọt. “Thưa ngài, tôi chưa bao giờ lừa dối ngài một hạt lúa –“

“Tôi cá là ông đã ăn cướp sau lưng tôi.”

Mồ hôi rớt trên khuôn mặt Wulfric mặc dù trời lạnh. Ông lau trán bằng cánh tay áo. “Tôi thề có trời –.“

“Câm miệng lại.”

Wulfric im lặng.

William càng tức điên hơn nhưng cậu vẫn chưa biết phải làm gì. Cậu muốn cho Wulfric một sự kinh hãi, có lẽ để Walter đánh ông bằng găng tay xích, hay lấy một số bột của Wulfric... Rồi mắt cậu nhìn vào Maggie vẫn cầm chiếc khay với một ly bia còn lại trên đó, khuôn mặt đẹp của cô cứng đờ vì sợ, bộ ngực lớn trẻ trung của cô căng lên dưới lớp áo dài dính đầy

bột; và cậu nghĩ ra một hình phạt hoàn hảo cho Wulfric. “Túm lấy vợ ông ấy,” cậu nói với Walter bằng một góc miệng. Rồi cậu nói với Wulfric: “Tôi sẽ cho ông một bài học.”

Maggie thấy Walte đi về phía mình nhưng nó đã quá trễ để trốn thoát. Khi cô quay đi, Walter nắm lấy tay cô và kéo. Khi cô bị kéo lại, chiếc khay rơi và bia đổ trên nền nhà. Walter quật hai cánh tay cô ra phía sau và giữ cô lại. Cô run lên vì sợ.

Wulfric nói bằng giọng hoảng hốt: “Đừng, làm ơn thả cô ấy ra!”

William gật đầu hài lòng. Wulfric sẽ nhìn thấy người vợ trẻ của ông bị nhiều người đàn ông hăm hiếp và ông sẽ bất lực không thể cứu cô. Lần khác ông sẽ có đủ hạt để làm hài lòng chủ ông.

William nói: “Vợ ông mập lên vì bánh làm bởi bột ăn cắp, Wulfric, trong khi chúng tôi phải thắt lưng buộc bụng. Chúng ta hãy xem cô ta mập như thế nào, phải không?” Cậu gật đầu với Walter.

Walter nắm cổ áo dài của Maggie và kéo mạnh xuống. Chiếc áo rách và rơi xuống. Bên dưới cô mặc một áo lụa dài đến đầu gối. Bộ ngực cô phập phồng khi cô thở hổn hển vì sợ. William đứng trước mặt cô. Walter xoắn tay cô mạnh hơn, vì thế mà cô cong lưng lại trong đau đớn, và ngực cô lại vươn ra hơn. William nhìn Wulfric, rồi đưa tay lên ngực cô và bóp. Chúng mềm mại và nặng trong tay cậu.

Wulfric bước một bước về phía trước và nói: “Đồ quỷ -“

“Giữ ông ấy,” William nói to, và Louis tóm người thợ xay bằng cả hai tay và giữ ông ta lại.

William xé áo lót của cô gái.

Cổ ông khô đi khi ông nhìn thấy thân thể trắng, gợi cảm của cô.

Wulfric nói: “Đừng, xin đừng -“

Sự thèm khát của William chỗi dậy. “Đè cô ấy xuống,” cậu nói.

Maggie bắt đầu la hét.

William tháo dây đeo kiếm và vất nó xuống đất, trong khi các hiệp sĩ giữ tay và chân cô. Cô không thể chống lại bốn người đàn ông lực lưỡng, nhưng cô luôn quần quạy và la hét. William thích điều đó. Ngực cô lúc lắc

khi cô chuyển động, và đùi cô mở ra đóng lại, luân phiên ẩn hiện giới tính của cô. Bốn hiệp sĩ ghìm cô xuống sân đập lúa.

William quỳ giữa chân cô và kéo cao áo dài của cậu. Cậu nhìn chồng cô. Wulfric tuyệt vọng. Ông nhìn kinh hoàng và lẩm bẩm lời cầu xin không nghe thấy được vì tiếng gào thét. William thích thú thời điểm này: người phụ nữ sợ hãi, các hiệp sĩ giữ chặt cô xuống và người chồng phải chứng kiến.

Rồi đôi mắt của Wulfric ngược nhìn vào hướng khác.

William cảm giác ngay sự nguy hiểm. Mọi người đang nhìn vào cậu và cô gái. Điều duy nhất có thể chuyển sự chú ý của Wulfric là khả năng có một cuộc giải cứu. William quay đầu nhìn về hướng cửa.

Vào lúc đó một vật gì nặng đập mạnh vào đầu cậu.

Cậu gào lên đau đớn và ngã trên mình cô gái. Mặt cậu đập lên mặt cô. Bất ngờ cậu nghe thấy tiếng người la lớn, nhiều người. Trong khóe mắt cậu thấy Walter ngã xuống như thể ông cũng bị đập. Các hiệp sĩ buông Maggie. William nhìn vào khuôn mặt cô và đọc được sự kinh hoàng và sự bất cẩn thẳng trên đó. Cô luồn lách ra khỏi cậu. Cậu để cô đi và lăn nhanh ra.

Điều đầu tiên cậu nhìn thấy là một người hoang dã với một cây rìu bằng gỗ, và cậu nghĩ: Trời ơi! Ai thế? Có phải ông là bố của cô gái không? Cậu nhìn thấy Guillaume chỗi dậy và quay lại. Ngay vài giây sau chiếc rìu chém xuống cổ không được bảo vệ của Guillaume, lưỡi sắc của nó cắm sâu vào thịt, Guillaume ngã xuống William. Máu ông bắn đầy lên áo dài William.

William đẩy xác chết ra khỏi cậu. Khi cậu có thể nhìn lên lần nữa, cậu thấy nhà máy xay đã bị xâm chiếm bởi đám người hoang dã, bắn thủ được trang bị bằng gậy và rìu. Họ rất đông. Cậu nhận ra cậu đang bị nguy hiểm. Có phải dân làng đến cứu Maggie? Làm sao họ dám? Trước khi mặt trời xuống, một vài người sẽ bị treo cổ. Giận dữ, cậu chỗi dậy và rờ tìm thanh kiếm.

Cậu không có kiếm. Cậu đã bỏ đai kiếm để hãm hiếp cô gái.

Hugh Axe, Gervase và Louis đang đánh nhau kịch liệt chống lại nhóm người trông giống như ăn xin. Có nhiều nông dân chết trên mặt đất, đầu vậy ba hiệp sĩ đang bị đẩy lùi dần ra khỏi sân đập lúa. William nhìn thấy

Maggie trần truồng, vẫn đang la hét và cố gắng chạy ra cửa. Và ngay cả trong sự hoảng loạn và sợ hãi, phía sau trắng trẻo và tròn trĩnh của cô cũng gợi cho William nổi thèm khát tiếc rẻ. Rồi cậu nhìn thấy Wulfric đánh nhau với một số người tấn công. Tại sao người chủ nhà máy xay lại đánh nhau với người đã cứu vợ ông? Chuyện gì xảy ra đây?

Hoang mang, William nhìn quanh tìm bao kiếm. Nó ở trên mặt đất gần chân cậu. Cậu nhặt lên và kéo kiếm ra, rồi lui lại ba bước, tách ra khỏi đám đánh nhau một lúc. Nhìn qua cuộc đánh nhau, cậu thấy hầu hết những người tấn công không đánh nhau gì cả - họ nhặt các bao bột và trốn đi. William bắt đầu hiểu. Đây không phải là cuộc giải cứu do dân làng tổ chức. Đây là cuộc cướp bóc từ bên ngoài. Họ không quan tâm đến Maggie, và họ cũng không biết William và các hiệp sĩ đang ở trong nhà máy. Những gì họ muốn là cướp nhà máy xay và ăn cắp bột của William.

Rõ ràng họ là những người sống ngoài vòng pháp luật.

Cậu nóng mặt. Đây là cơ hội để tấn công lại những người đã khùng bố lãnh địa và ăn cắp chuồng thú vật của cậu.

Có ít nhất hai mươi người tấn công, đông hơn số hiệp sĩ của William. Cậu ngạc nhiên về sự dũng cảm của họ. Thông thường các nông dân nhút nhát như đàn gà trước nhóm các hiệp sĩ, mặc dù số người họ đông gấp đôi hay gấp mười. Nhưng những người này chiến đấu mạnh mẽ, và không chùn bước khi một người trong số họ ngã xuống. Họ dường như sẵn sàng chết khi cần thiết. Có lẽ vì dầu sao họ cũng sẽ chết, chết vì nạn đói; họ chỉ sống sót khi họ cướp được những bao bột này.

Louis đang đánh nhau với hai người thì một người thứ ba đến từ đằng sau và nện cậu bằng chiếc búa có đầu bằng sắt của thợ mộc. Louis ngã xuống và nằm bất động. Người đàn ông bỏ rơi chiếc búa và nhặt thanh kiếm của Louis. Bây giờ chỉ còn hai hiệp sĩ chống trả với hai mươi người tội phạm. Nhưng Walter đã bình phục lại sau cú đánh vào đầu và rút gươm ra, gia nhập cuộc cận chiến. William rút vũ khí ra và tham gia vào.

Bốn người họ tạo thành đội chiến mãnh liệt. Người sống ngoài vòng pháp luật bị đẩy lui, tuyệt vọng dùng những gậy gỗ và búa rìu chống lại các thanh kiếm lóng lánh. William bắt đầu nghĩ rằng họ sẽ mất tinh thần chiến

đấu và bỏ chạy trong rối loạn. Rồi một người hô lớn: “Ngài bá tước hợp pháp!”

Nó như một hiệu lệnh ra trận. Những người khác nghe tiếng kêu đó và người sống ngoài vòng pháp luật chiến đấu mãnh liệt hơn. Lời tung hô: “Bá tước hợp pháp – bá tước hợp pháp” đập mạnh vào trái tim William, ngay cả bây giờ, lúc cậu đang phải chiến đấu để cứu mạng cậu. Nó có nghĩa rằng người đang chỉ huy đội quân những tội phạm này đã nhắm tới tước vị của William. Cậu chiến đấu mạnh mẽ hơn như thể cuộc chiến này quyết định tương lai của lãnh địa.

Chỉ có một nửa những tội phạm thực sự chiến đấu chống lại các hiệp sĩ, William nhận ra. Những người còn lại khuôn vác bột. Trận chiến diễn ra trong một chiến thuật ổn định: đánh và đỡ, đâm và né tránh. Như những người lính, những người biết rằng cuộc rút lui sẽ xảy ra chẳng bao lâu nữa, những tội phạm bắt đầu chiến đấu theo phong cách phòng thủ thận trọng.

Đàng sau cuộc chiến của những tội phạm, những người khác khuôn nốt những bao bột cuối cùng ra khỏi nhà máy. Những tội phạm rút lui qua đường cửa thông từ ngoài sân đập lúa vào trong nhà. William nhận ra dù bất cứ điều gì xảy ra, các tội phạm cũng đã khuôn đi hầu hết số bột. Trong thời gian ngắn, toàn vùng sẽ biết họ đã cướp nó ngay trước mắt cậu. Cậu sẽ trở thành trò cười. Ý nghĩ đó làm cậu điên lên đến nỗi cậu đánh mạnh vào đối thủ của cậu và bằng một cú đánh cổ điển cậu đâm qua tim ông.

Rồi một người tội phạm, bằng một cú đâm bất ngờ, đã đánh trúng vào vai phải của Hugh và loại ông ra khỏi trận chiến. Bây giờ hai tội phạm trên đường ra cửa chiến đấu với ba hiệp sĩ còn sống sót. Điều đó tự nó đã đủ là một sự sỉ nhục; nhưng rồi, bằng một cử chỉ ngạo mạn, một người tội phạm vẫy tay người khác đi ra. Người đàn ông biến mất và người tội phạm cuối cùng lùi lại một khoảng cách, vào trong phòng đơn của chủ nhà máy.

Chỉ có một hiệp sĩ có thể đứng ở đường đi và đánh nhau với người tội phạm. William tiến lên, gạt Walter và Gervase sang hai bên: cậu muốn tự mình chiến đấu với người này. Khi hai thanh kiếm đụng nhau, William nhận ra ngay người này không phải là một nông dân vô sản: người ấy là

một tay kiếm mạnh mẽ như William. Lần đầu tiên cậu nhìn vào mặt người tội phạm; và cú sốc quá mạnh đến nỗi cậu gần đánh rơi thanh kiếm.

Địch thủ của cậu là Richard thành Kingsbridge.

Khuôn mặt Richard bừng lên vì hận thù. William có thể nhìn thấy vết sẹo trên tai cậu. William sợ sức mạnh của sự thù hận trong Richard hơn là lưỡi kiếm của cậu. William nghĩ cậu đã thực sự tiêu hủy Richard, nhưng bây giờ Richard trở lại, đứng đầu đội quân rách rưới và có thể biến William thành kẻ ngu ngốc.

Richard lợi dụng sự kinh hoàng của William và tấn công mạnh hơn. William tránh cú đánh. Cậu dơ cao thanh gươm, đỡ một cú đánh và nhảy lui lại. Richard ép về phía trước, nhưng bây giờ William được che chở bởi đường đi hẹp, Richard chỉ có thể đâm cậu mà không thể chém xuống. Tuy nhiên Richard đã đẩy lui William xa hơn, cho tới khi William ra tới sân nhà máy xay và cậu ở ngưỡng cửa. Nơi đó cuộc chiến lại thay đổi cục diện vì Walter và Gervase lại có thể tham gia. Dưới áp lực của ba người, cậu lùi lại. Khi cậu lui vào lại phía đường đi hẹp, Walter và Gervase bị loại ra ngoài và bây giờ chỉ còn mình William đánh nhau với cậu.

William nhận ra rằng Richard ở trong một tình trạng khó xử. Bao lâu cậu chiếm được mặt sân, cậu sẽ phải chiến đấu với ba người. Khi William mệt, cậu có thể nhường cho Walter. Nó gần như chắc chắn là Richard không thể một mình chống lại ba người một thời gian lâu. Cậu ở trong một cuộc chiến vô vọng. Có lẽ hôm nay William sẽ không kết thúc trong sĩ nhục. Có lẽ William sẽ giết được kẻ thù lâu đời nhất của cậu.

Richard có lẽ cũng nghĩ như vậy và đã đi đến cùng kết luận. Tuy nhiên không có dấu hiệu gì về sự mệt mỏi cũng như nản chí của cậu. Cậu nhìn William với một nụ cười man rợ làm William cảm thấy sợ và cậu nhảy về phía trước với một đòn đâm dài. William né tránh và vấp ngã. Walter lao về phía trước, bảo vệ William trước lưỡi kiếm kết liễu ân huệ - nhưng thay vì tiến lên, Richard quay gót và chạy trốn.

William đứng lên và Walter đụng vào cậu, trong khi Gervase tìm cách lách qua họ. Phải mất một lúc lâu ba người mới bình tĩnh lại, nhưng trong khoảng thời gian đó Richard đã băng qua căn phòng nhỏ, chạy ra ngoài và

đóng cửa lại. William chạy theo và đẩy cửa mở ra. Những người sống ngoài vòng pháp luật đang đào thoát – và lại một nhục nhã nữa cho William, họ trốn chạy bằng những con ngựa của các hiệp sĩ. Khi William ra khỏi nhà, cậu nhìn thấy Richard trên lưng con ngựa chiến của cậu, một con ngựa chiến tuyệt vời mà cậu đã mất nhiều tiền để mua nó. Rõ ràng con ngựa được cưỡi trối và đã được chuẩn bị trước. William cảm thấy nhục nhã khi nhớ lại đây là lần thứ hai Richard ăn cắp ngựa chiến của cậu. Richard đập vào hông nó, nó ngẩng đầu lên – nó không quen với người lạ - nhưng Richard là một kỵ sĩ giỏi và cậu làm nó đứng yên. Trong lúc đó William chạy về phía trước và lao thanh kiếm vào Richard; nhưng con ngựa chồm lên và mũi kiếm chỉ đâm vào yên ngựa bằng gỗ. Sau đó con ngựa phi nước đại xuống con đường làng, theo sau những người sống ngoài vòng pháp luật đang tẩu thoát.

William nhìn theo họ và mong có thể treo cổ họ.

Bá tước hợp pháp, cậu nghĩ. Bá tước hợp pháp.

Cậu nhìn quanh. Walter và Gervase đứng đằng sau cậu. Hugh và Luois bị thương, cậu không biết nặng nhẹ ra sao, và Guillaume đã chết, máu ông bắn lên mặt áo dài trước của William. William hoàn toàn bị hạ nhục. Cậu khó có thể ngẩng đầu lên.

May mắn là ngôi làng hoang vắng: nông dân đã chạy trốn, không muốn nhìn thấy cơn thịnh nộ của William. Người xay lúa và vợ ông cũng đã biến mất, dĩ nhiên. Những tội phạm đã lấy hết ngựa của các hiệp sĩ, chỉ để lại hai xe và những con bò.

William nhìn Walter. “Ông có nhìn thấy người cuối cùng là ai không?”

“Có.”

Walter đã quen càng ít nói bao nhiêu có thể khi chủ ông trong cơn tức giận.

William nói: “Đó là Richard thành Kingsbridge.”

Walter gật đầu.

“Và họ gọi cậu ấy là bá tước hợp pháp,” William kết thúc.

Walter không nói gì.

William đi ngược lại qua căn nhà và vào nhà máy xay. Hugh đã ngồi dậy, tay trái cậu giữ vai phải. Cậu trông xanh xao.

William nói: “Cậu cảm thấy thế nào?”

“Không có gì,” Hugh nói. “Những người này là ai?”

“Những người sống ngoài vòng pháp luật,” William nói. Cậu nhìn quanh. Có bảy hay tám người tội phạm nằm chết hay bị thương trên mặt đất. Cậu phát hiện ra Louis nằm trên mặt đất với đôi mắt mở. Lúc đầu cậu nghĩ ông đã chết, rồi Louis chớp mắt.

William nói: “Louis.”

Louis ngẩng đầu lên, nhưng ông nhìn ngư ngás. Cậu ấy chưa bình phục.

William nói: “Hugh, giúp Louis lên một xe bò. Walter đem xác Guillaume lên xe khác.” Cậu để họ lại và đi ra.

Không dân làng nào có ngựa, trừ chủ nhà máy xay. Con ngựa nhỏ gặm những cọng cỏ thừa thớt bên bờ sông. William tìm thấy yên ngựa và đóng lên mình nó.

Một lúc sau cậu cưỡi ngựa ra khỏi Cowford với Walter và Gervase lái hai xe bò khác.

Trên đường đến lâu đài Giám mục Waleran cơn giận của cậu không bớt đi. Thực ra, khi cậu ngẫm nghĩ về những gì cậu đã trải qua, cậu càng giận dữ hơn. Nó đã đủ xấu khi người sống ngoài vòng pháp luật có thể trêu chọc cậu. Nó tồi tệ hơn khi họ được lãnh đạo bởi Richard, kẻ thù lâu đời của cậu. Và nó càng không thể chấp nhận được vì họ đã gọi Richard là bá tước hợp pháp. Nếu họ không bị dập tắt một cách dứt khoát, chẳng bao lâu sau Richard sẽ dùng họ để tấn công trực tiếp vào William. Nó hoàn toàn bất hợp pháp nếu Richard chiếm lại lãnh địa theo cách đó, dĩ nhiên; nhưng William có cảm giác rằng nếu cậu khiếu nại cuộc tấn công bất hợp pháp đó, cũng chẳng ai quan tâm đến. William nhận ra vấn đề tồi tệ nhất của cậu bây giờ không phải là cậu đã bị phục kích, đã bị ăn cướp bởi những người tội phạm và chẳng bao lâu nữa toàn vùng sẽ cười về sự sỉ nhục của cậu, mà là quyền hành của cậu trên lãnh địa đang bị đe dọa trầm trọng.

Cậu phải giết Richard, dĩ nhiên. Vấn đề là làm sao tìm ra cậu ấy. Trên con đường đến lâu đài cậu đã ngẫm nghĩ về vấn đề đó; và khi cậu đến nơi

cậu biết rằng Giám mục Waleran có chìa khóa mở vấn đề đó.

Họ tiến vào lâu đài giống như một đám rước hề ở hội chợ: bá tước trên lưng ngựa con và hiệp sĩ lái xe bò. William ra lệnh gay gắt cho các nhân viên của giám mục, yêu cầu họ tìm bác sĩ cho Hugh và Loius và người khác tìm linh mục để cầu nguyện cho linh hồn Guillaume. Gervase và Walter vào bếp tìm bia. William đi vào khu nhà ở và được dẫn ngay vào khu riêng của giám mục. William ghét phải hỏi Waleran bất cứ chuyện gì, nhưng cậu cần sự giúp đỡ của Waleran để tìm ra nơi ở của Richard.

Giám mục đang đọc một cuộn sổ liệu về tài chánh, một danh sách dài vô tận về những con số. Ông nhìn lên và thấy sự tức giận trên nét mặt William. “Chuyện gì vậy?” ông hỏi bằng giọng thích thú làm cho William tức điên.

William nghiến răng. “Tôi phát hiện ra ai là người đã tổ chức và điều hành những người sống ngoài vòng pháp luật này rồi.”

Waleran nhướng mày.

“Đó là Richard thành Kingsbridge.”

“À!” Waleran gật đầu. “Dĩ nhiên. Nó có lý.”

“Nó nguy hiểm,” William nói giận dữ. Cậu ghét khi Waleran lạnh lùng và trầm tư về những vấn đề. “Họ gọi cậu ấy là ‘Bá tước hợp pháp.’” Cậu chỉ một ngón tay vào Waleran. “Chắc chắn rằng ông không muốn gia đình ấy chiếm lại lãnh địa này – họ ghét ông và họ là bạn của Tu viện trưởng Philip, kẻ thù lâu đời của ông.”

“Đúng, hãy bình tĩnh,” Waleran nói nhún nhường. “Cậu hoàn toàn đúng. Tôi không muốn Richard cai trị lãnh địa.”

“William ngồi xuống. Cơ thể cậu bắt đầu đau. Những ngày này cậu cảm thấy hậu quả của cuộc chiến, một hậu quả mà trước đây cậu không trải qua. Cơ bắp cậu mệt mỏi, tay chân cậu đau và chỗ cậu bị đánh hay ngã trở nên bầm tím. Tôi chỉ mới ba mươi bảy tuổi, cậu nghĩ; có phải tuổi già đã bắt đầu? Cậu nói: “Tôi phải giết Richard. Khi cậu ấy không còn nữa, đám người sống ngoài vòng pháp luật chỉ còn là một đám đông ồn ào bất lực.”

“Tôi đồng ý như thế”

“Giết cậu ấy thì dễ. Vấn đề là tìm ra cậu ấy. Nhưng ông có thể giúp tôi trong việc này.”

Waleran dùng ngón tay cái cọ vào mũi nhọn của ông. “Tôi không biết bằng cách nào.”

“Nghe đây. Nếu họ có tổ chức, họ phải tập trung ở một chỗ nào đó.”

“Tôi không hiểu cậu nói gì. Họ ở trong rừng.”

“Bình thường ông không thể tìm thấy người sống ngoài vòng pháp luật trong rừng, vì họ tản mác khắp nơi. Hầu hết họ không ở lại một chỗ nào đó hai đêm. Họ đốt lửa khắp mọi nơi và ngủ trên cây. Nhưng nếu ông muốn tổ chức những người như thế, ông phải quy tụ họ lại ở một chỗ. Ông phải có một nơi ẩn náu cố định.”

“Vì thế chúng ta phải tìm ra nơi Richard ẩn náu.”

“Chính xác.”

“Làm cách nào cậu tìm ra được?”

“Đó là công việc của ông.”

Waleran nhìn nghi ngại.

William nói: “Tôi cá là một nửa dân số Kingsbridge biết cậu ấy ở đâu.”

“Nhưng họ không cho chúng ta biết. Mỗi người dân ở Kingsbridge đều ghét ông và tôi.”

“Không phải mọi người,” William nói. “Không phải tất cả mọi người.”

Đối với Sally, lễ Giáng Sinh thật tuyệt vời.

Các đồ ăn đặc biệt cho lễ Giáng Sinh hầu hết đều ngọt: bánh hình các búp bê thơm mùi gừng; hồ được làm bằng lúa mì với trứng và mật ong; rượu lê, một thứ rượu ngọt làm cô cười khúc khích; và thịt được luộc nhiều giờ trước khi được nướng trong vỏ bánh ngọt. Năm nay có ít hơn mọi khi vì nạn đói, nhưng Sally rất thích nó.

Cô thích trang trí nhà cửa với lá ô rô và treo lên những chùm hoa tầm gửi cho mọi người hôn nhau dưới chùm hoa đó, mặc dù hôn nhau làm cô cười khúc khích như rượu lê. Người đàn ông đầu tiên đi ngang qua ngưỡng cửa sẽ mang lại may mắn, miễn là ông phải có mái tóc đen: Bố của Sally phải ở lại trong nhà suốt buổi sáng ngày lễ Giáng Sinh, vì tóc đỏ của cậu sẽ mang lại bất hạnh. Cô thích kịch Giáng Sinh trong nhà thờ. Cô thích nhìn các tu sĩ mặc như ba vua từ phương Đông, và các thiên thần và mục đồng. Và cô

cười như lắc lẻo khi gia đình Thánh Gia đến Ai Cập và các thần tượng rơi xuống vỡ ra hết.

Nhưng hay nhất là vai giám mục bé. Vào ngày thứ ba của lễ Giáng Sinh, các tu sĩ cho một tập sinh nhỏ nhất mặc áo giám mục, và mọi người phải vâng lời cậu ấy.

Hầu hết cư dân thị trấn chờ đợi giám mục bé ở sân tu viện. Khi xuất hiện, cậu sẽ ra lệnh cho những người lớn tuổi và những người có quyền thế làm những công việc tầm thường như lấy củi và dọn chuồng thú vật. Cậu cũng duyên dáng và chỉ trích người có quyền thế. Năm trước cậu đã bắt cha giữ phòng thánh vật lông một con gà: kết quả thật vui nhộn vì người giữ phòng thánh không biết phải làm gì và lông gà bay khắp nơi.

Cậu bước ra trang trọng, một đứa bé chừng mười hai tuổi với nụ cười tinh nghịch, mặc áo choàng lụa màu đỏ thẫm và tay cầm chiếc gậy gỗ. Cậu cười trên vai hai tu sĩ và các tu sĩ khác trong tu viện theo sau. Mọi người vỗ tay reo hò. Việc đầu tiên cậu làm là chỉ tay vào Tu viện trưởng Philip và nói: “Anh, chàng trai kia! Đi vào chuồng thú vật và chải lông lừa.”

Mọi người cười rống lên. Con lừa già này nổi tiếng là khó tánh và chẳng bao giờ cho chải lông. Tu viện trưởng Philip nói: “Vâng, thưa ngài giám mục của tôi.” Ông nói với nụ cười tươi và đi làm nhiệm vụ.

“Tiếp tục!” giám mục bé ra lệnh. Đoàn rước đi ra khỏi sân tu viện với cư dân thị trấn theo sau. Một vài người lẩn trốn và đóng cửa lại vì sợ sẽ được chọn làm những công việc khó chịu, nhưng như thế họ bỏ lỡ cuộc vui. Tất cả gia đình của Sally đã đến: mẹ và bố cô, anh Tommy, cô Martha và ngay cả cậu Richard, người đã bắt ngờ trở về vào tối hôm qua.

Theo phong tục, giám mục bé được dẫn đến quán bia. Ở đó cậu ra lệnh bán bia miễn phí cho cậu và tất cả tập sinh. Người làm bia vui vẻ làm theo.

Sally tìm thấy chỗ ngồi bên cạnh Cha Remigius, một trong số các tu sĩ lớn tuổi. Ông là người cao, không thân thiện và trước đây cô chẳng bao giờ nói chuyện với ông, nhưng bây giờ ông mỉm cười với cô và nói: “Thật tuyệt vời là cậu Richard về nhà vào lễ Giáng Sinh.”

Sally nói: “Cậu ấy cho con một con mèo con bằng gỗ mà cậu ấy tự đeo bằng dao.”

“Thật tốt. Con có biết cậu ấy ở nhà bao lâu không?”

Sally cau mày. “Con không biết.”

“Tôi nghĩ là cậu ấy sẽ đi ngay.”

“Vâng. Bây giờ cậu ấy sống trong rừng.”

“Con có biết ở chỗ nào không?”

“Có. Nó được gọi là mỏ đá Sally. Nó là tên của con.” Cô cười.

“Ừ nhỉ,” Remigius nói. “Hay thật.”

Sau khi họ uống xong bia, giám mục bé nói: “Và bây giờ - Andrew, cha giữ phòng thánh và Cha Remigius giặt quần áo cho bà góa Poll.”

Sally phá lên cười và vỗ tay. Góa phụ Poll là một bà tròn trịa, mặt đỏ, làm nghề giặt quần áo. Các tu sĩ khó tính chẳng thích gì công việc giặt giũ quần áo lót và vớ hôi hám mà người ta chỉ thay sáu tháng một lần.

Đám đông rời quán bia và rước giám mục bé đến nhà một phòng của góa phụ Poll ở bên cạnh. Poll đã cười ngất và mặt bà đỏ hơn khi họ nói với bà ai sẽ là người giặt quần áo cho bà.

Andrew và Remigius mang một giỏ nặng quần áo bẩn từ nhà xuống bờ suối. Andrew mở giỏ và Remigius với nét mặt khó chịu kéo ra chiếc áo đầu tiên. Một phụ nữ trẻ gọi to: “Cha Remigius, hãy cẩn thận. Nó là chiếc áo lót của tôi.” Remigius đỏ mặt và mọi người cười. Hai tu sĩ cẩn thận và giặt quần áo trong nước sông, với sự cố vấn và cổ vũ của đám đông. Andrew đã chán với công việc, Sally có thể thấy điều đó. Nhưng Remigius lại có nụ cười thỏa mãn lạ kỳ trên khuôn mặt.

Một quả cầu bằng sắt treo bởi một sợi dây xích lên một giàn giáo bằng gỗ, giống như một dây thòng lọng lung lẳng từ một giá treo cổ. Cũng có một sợi dây cột chặt vào quả cầu. Sợi dây này chạy qua một ròng rọc trên đỉnh dàn giáo và đầu dây kia thòng xuống mặt đất, nơi hai người lao công giữ nó. Khi người lao công kéo dây, quả cầu được kéo lên tới đỉnh giàn giáo, và sợi dây xích nằm dọc theo cánh tay của giàn giáo.

Hầu hết cư dân của Shiring đang đứng xem.

Sợi dây được buông ra, quả cầu sắt rớt xuống và đong đưa, đập vào bức tường nhà thờ. Tiếng đập vang như sấm, bức tường nhà thờ rung lên và William cảm thấy mặt đất rung chuyển dưới chân cậu. Cậu ước gì được kẹp

Richard vào tường, chính chỗ quả cầu đập vào. Cậu ấy sẽ bị đập bẹp như một con ruồi.

Người thợ kéo dây lên một lần nữa. William nhận ra cậu nín thở khi quả cầu sắt ngừng lại trên đỉnh giàn giáo. Người ta thả nó ra, quả cầu đong đưa và lần này nó đục một lỗ hổng trong tường đá. Đám đông vỗ tay reo hò.

Nó là một kỹ thuật khéo léo.

William hớn hở nhìn thấy công việc tiến triển trên công trường, nơi cậu sẽ xây nhà thờ mới, nhưng hôm nay cậu có một chuyện cấp bách hơn trong tâm trí. Cậu nhìn quanh tìm Giám mục Waleran và thấy ông đang đứng với thợ xây Alfred. William đến bên họ và kéo giám mục sang bên cạnh. “Người đó đã đến chưa?” cậu hỏi.

“Có lẽ rồi,” Waleran nói. “Hãy vào nhà tôi.”

Họ đi qua khu chợ. Waleran hỏi: “Ông có đem quân theo không?”

“Dĩ nhiên. Hai trăm người. Họ đang đợi trong rừng, ngay bên ngoài thị trấn.”

Họ đi vào nhà. William ngửi thấy mùi thịt hun khói và cậu chảy nước miếng, bất chấp sự vội vã của cậu. Lúc này hầu hết mọi người tiết kiệm đồ ăn, nhưng đối với Waleran nó hình như là một nguyên tắc: ông không để cho nạn đói thay đổi cách sống của ông. Giám mục không ăn nhiều, nhưng ông muốn mọi người biết rằng ông quá giàu và quyền lực nên không bị ảnh hưởng bởi sự thu hoạch.

Nơi ở của Waleran là một nhà phố tiêu biểu, có mặt tiền hẹp với một sảnh đường phía trước và một nhà bếp phía sau. Trong sân sau là một hầm chứa phân bón ruộng, một tổ ong và một chuồng heo. William nhẹ người khi thấy một tu sĩ đứng đợi ở sảnh đường.

Waleran nói: “Chào Cha Remigius.”

Remigius nói: “Chào giám mục. Chào Bá tước William.”

William háo hức nhìn vị tu sĩ. Ông là người nhút nhát với khuôn mặt kiêu ngạo và đôi mắt xanh nổi bật. Khuôn mặt ông quen quen, như thể ông thuộc về những người đứng đầu trong các nghi lễ tại Kingsbridge. William đã nghe nói nhiều năm trước rằng ông là gián điệp của Waleran trong tu

viện của Tu viện trưởng Philip, nhưng đây là lần đầu tiên cậu nói chuyện với ông. “Ông có thông tin gì cho tôi không?”

“Có lẽ,” Remigius trả lời.

Waleran vắt áo choàng lông của ông và đi tới đồng lửa để sưởi ấm bàn tay. Một người phục vụ mang rượu nóng trong chén bạc. William lấy một ít uống, bồn chồn chờ người phục vụ đi ra.

Waleran nhấm rượu và nghiêm khắc nhìn Remigius. Khi người phục vụ đi ra, Waleran nói với vị tu sĩ: “Ông lấy lý do gì để xin vắng mặt khỏi tu viện?”

“Không có lý do gì,” Remigius trả lời.

Waleran nhướng mày.

“Tôi không trở lại tu viện nữa,” Remigius ngang ngược nói.

“Làm sao vậy?”

Remigius lấy một hơi dài. “Ông đang xây một nhà thờ chính tòa ở đây.”

“Nó chỉ là một nhà thờ.”

“Nó sẽ rất lớn. Ông đang dự định làm nhà thờ chính tòa ở đây.”

Waleran do dự rồi nói: “Cứ cho là như vậy, về lý thuyết ông có lý.”

“Nhà thờ chính tòa phải được điều hành bởi một ban lãnh đạo, hoặc do các tu sĩ hay do một nhóm giáo sĩ.”

“Thì sao?”

“Tôi muốn thành tu viện trưởng.”

Thì ra thế, William nghĩ.

Waleran nói nghiêm nghị: “Và ông đã chắc chắn nhận được công việc đó đến nỗi ông rời Kingsbridge mà không có phép của Philip và không có lý do.”

Remigius không thoải mái. William thông cảm ông: Thái độ khinh bỉ của Waleran đủ làm cho người khác sốt ruột. “Tôi hy vọng tôi không quá tự tin,” Remigius nói.

“Có lẽ ông có thể dẫn chúng tôi đến Richard.”

“Vâng.”

William hào hứng ngắt lời: “Rất tốt. Cậu ấy ở đâu?”

Remigius vẫn im lặng và nhìn Waleran.

William nói: “Tiếp đi, Waleran, hãy cho ông ấy công việc đó vì lợi ích của Thiên Chúa.”

Waleran vẫn do dự. William biết ông ghét bị ép buộc. Sau cùng Waleran nói: “Được. Ông sẽ là tu viện trưởng.”

William nói: “Nào. Richard ở đâu?”

Remigius tiếp tục nhìn Waleran: “Từ hôm nay?”

“Từ hôm nay.”

Remigius quay về phía William: “Một tu viện thì không phải chỉ có một nhà thờ và một nhà ngủ. Tôi cần đất, cần nông trại và những nhà thờ trả thuế một phần mười cho tu viện.”

“Hãy cho tôi biết Richard ở đâu, và tôi sẽ cho ông năm ngôi làng với nhà thờ xứ, để ông bắt đầu công việc của ông,” William nói.

“Sự thành lập một tu viện theo thể thức phải được chứng nhận.”

Waleran nói: “Ông sẽ có, đừng lo về chuyện đó.”

William nói: “Thôi, hãy nói đi. Tôi có một đoàn quân đang đợi bên ngoài thị trấn. Richard đang ẩn náu ở đâu?”

“Nó là một nơi gọi là quặng đá Sally, trên đường đến Winchester.”

“Tôi biết chỗ đó!” William cố ghìm lại tiếng la đặc thẳng. “Đó là một mỏ đá hoang. Không còn ai đến đó nữa.”

“Tôi nhớ ra rồi,” Waleran nói. “Từ nhiều năm nay nó không còn hoạt động. Nó là nơi ẩn náu tốt. Nếu không vào đó, người ta không tìm ra nó.”

“Nhưng nó cũng là cái bẫy,” William nói với niềm vui sướng. “Ba mặt đá đã được đào, dựng thẳng đứng. Không ai có thể trốn thoát được. Và tôi không muốn giữ bất cứ tù nhân nào.” Sự phấn khích lên cao độ khi ông tưởng tượng cảnh tượng đó. “Tôi sẽ giết tất cả. Nó sẽ giống như giết gà trong chuồng.”

Hai người con của Chúa nhìn ông kỳ lạ. “Ông không thấy thoải mái sao, Cha Remigius?” William nói một cách khinh bỉ. “Có phải ý tưởng về cuộc tàn sát tập thể làm đau lòng ngài, thưa giám mục?” Cả hai lần cậu đều có lý, cậu có thể đọc được nét mặt họ. Những người của tôn giáo này là những người có mưu toan lớn, nhưng khi có đổ máu, họ vẫn phải tùy thuộc vào

những người của hành động. “Tôi biết ông sẽ cầu nguyện cho tôi,” cậu nói một cách mỉa mai và ra đi.

Con ngựa của cậu đã được cột bên ngoài, một con ngựa đen thay thế con ngựa cũ – nhưng không có cùng phẩm chất với con ngựa chiến mà Richard đã ăn cắp. Cậu lên ngựa và cười ra khỏi thị trấn. Cậu nén sự hứng khởi và cố gắng suy nghĩ về chiến thuật.

Cậu tự hỏi có bao nhiêu người sống ngoài vòng pháp luật ở mỏ đá Sally. Trong một số cuộc tấn công gần đây họ có tới cả trăm người. Ít nhất họ phải là hai trăm hay năm trăm người. Lực lượng của William có thể ít hơn, vì thế cậu phải tận dụng những lợi thế của cậu. Thứ nhất là bất ngờ. Sau đó là vũ khí: hầu hết người tội phạm có gậy, búa hay rìu, và không ai có áo giáp. Nhưng lợi thế nhất là quân của William có ngựa. Người tội phạm có vài con ngựa và họ sẽ chưa chuẩn bị trên yên ngựa khi William tấn công. Để chắc chắn hơn William quyết định gửi một vài cung thủ lên sườn đồi và bắn tên xuống mỏ đá một vài phút trước khi cuộc tấn công bắt đầu.

Việc quan trọng nhất là ngăn chặn bất cứ cuộc trốn thoát nào của các tội phạm, ít nhất cho đến khi Richard chắc chắn đã bị bắt hoặc chết. Cậu quyết định cử một số người tin tưởng đi phía sau và tàn sát bất cứ người nào cố gắng trốn ra.

Walter đang đợi với các hiệp sĩ và binh lính ở chỗ William đã rời họ vài giờ trước đó. Họ hăm hở và tinh thần họ lên cao: họ mong đợi một chiến thắng dễ dàng. Một lúc sau họ đã chạy nước kiệu trên đường đến Winchester.

Walter cười ngựa bên cạnh William, không nói lời nào. Một trong những tính tốt nhất của Walter là khả năng giữ im lặng. William nhận ra rằng có nhiều người nói với cậu liên tục, ngay cả khi họ không có gì để nói, có lẽ vì hồi hộp. Walter tôn trọng William, nhưng không bị hoảng sợ về cậu: họ đã ở với nhau quá lâu.

William cảm thấy một sự pha trộn quen thuộc của háo hức và sợ chết. Đánh nhau là khả năng duy nhất trong đời cậu, và mỗi lần đánh nhau cậu lại mạo hiểm mạng sống cậu. Nhưng cuộc tấn công này đặc biệt. Hôm nay

cậu có cơ hội tàn sát người đã là cái gai trong mắt cậu từ mười lăm năm qua.

Vào giữa trưa họ dừng lại một ngôi làng đủ lớn để có một quán bia. William mua cho đoàn quân bánh mì và bia và họ cho ngựa uống nước. Trước khi tiếp tục lên đường, cậu ban những hiệu lệnh cần thiết cho các ông.

Đi tiếp vài dặm, họ rẽ ra khỏi con đường dẫn đến Winchester và vào một con đường nhỏ, một con đường lẩn khuất hầu như không ai thấy, và William sẽ chẳng chú ý đến nó nếu cậu không tìm nó. Khi đã đi trên con đường đó, cậu có thể đi theo nó bằng cách quan sát cây cỏ: Có một dải bốn hay năm bãi rộng không có cây lớn.

Cậu gửi các cung thủ đi trước. Để họ có thể đến trước, cậu cho đoàn quân còn lại đi chậm hơn. Nó là một ngày tháng giêng trong sáng, và những hàng cây trụi lá khó làm giảm đi ánh sáng mặt trời lạnh. Đã từ lâu William không đến mỏ đá, và cậu không biết chắc chắn nó còn cách bao xa. Tuy nhiên, sau khi đi vào con đường nhỏ này một hai dặm cậu nhìn thấy dấu hiệu con đường này vẫn được sử dụng: cây cỏ bị chà đạp, những cành cây gãy, bùn bị khuấy lên. Cậu vui vì điều này xác nhận thông tin của Remigius.

Cậu cảm thấy bị căng thẳng như một dây cung. Các dấu hiệu trở nên rõ hơn: cỏ bị chà đạp nặng nề, phân ngựa, rác thải. Trong vùng hẻo lánh của khu rừng này những tội phạm không còn phải cố gắng che dấu sự hiện diện của họ. Không còn nghi ngờ gì. Người tội phạm sống ở đây. Cuộc chiến sắp bắt đầu.

Nơi ẩn nấp phải thật gần đây. William lắng tai nghe. Bất cứ vào lúc nào đó các cung thủ của cậu sẽ bắt đầu tấn công, và sẽ có tiếng la hét và nguyên rủa, tiếng rên la của đau đớn, và tiếng hí sợ hãi của ngựa.

Dấu vết dẫn đến một khoảng rừng thưa rộng rãi, và phía trước vài trăm mét William thấy lối vào mỏ đá Sally. Không có tiếng động. Một cái gì đó không bình thường. Cung thủ của cậu không bắn. William rùng mình vì sợ. Điều gì xảy ra? Có thể cung thủ của ông bị lính canh phát giác và giết chết trong âm thầm? Chắc chắn không thể tất cả bọn họ đều bị giết.

Nhưng không còn giờ để suy nghĩ: cậu đã ở giữa khu của người sống bên ngoài vòng pháp luật. Cậu cho ngựa phi nước đại. Quân cậu theo sau và họ phi âm âm về nơi trú ẩn. Niềm phấn khởi của William làm tan đi nỗi sợ hãi.

Con đường vào mỏ đá giống như một khe núi xoắn, và William không thể nhìn vào bên trong khi cậu đến gần. Liếc lên, cậu thấy một số cung thủ của cậu đứng trên đỉnh đồi nhìn xuống. Tại sao họ không bắn? Cậu linh cảm về một thảm họa và muốn quay trở lại, nhưng đoàn quân đang tiến lên không có cách gì ngăn lại được. Với thanh kiếm trong tay phải, dây cương ngựa trong tay trái, khiên thuẫn treo nơi cổ, cậu phi nhanh vào mỏ đá hoang.

Trong đó không có ai.

Sự thất vọng như một đòn đánh xuống cậu. Cậu sắp bật khóc. Cậu đã quá chắc chắn. Bây giờ sự thất vọng đã kẹp chặt ruột cậu giống như một cơn đau.

Khi ngựa đi chậm lại, cậu thấy rằng không lâu trước đây nó là nơi ẩn náu của người sống ngoài vòng pháp luật. Có nơi trú ẩn tạm thời làm bằng cành và lau sậy, tro tàn từ bếp lửa nấu ăn, và một đồng phân. Một góc khu vực được rào với vài cây gậy để nhốt ngựa. Đây đó William nhìn thấy dấu vết của con người đã ở: xương gà, bao tải rỗng, một giày rách, một nồi vỡ. Một trong các bếp lửa dường như có khói. Bất ngờ cậu có một chút hy vọng mỏng manh: Có lẽ chúng mới đi và họ vẫn còn có thể bắt kịp. Rồi cậu thấy một nhân vật duy nhất ngồi xổm trên mặt đất gần đồng lửa. Cậu đến gần. Nhân vật này đứng lên. Đó là một phụ nữ.

“Tốt, rất tốt, William Hamleigh,” bà nói. “Quá trễ như mọi khi.”

“Đồ trơ tráo! Tôi sẽ cắt lưỡi bà,” cậu nói.

“Đừng đụng vào tôi,” bà bình tĩnh trả lời. “Tôi đã nguyên rửa nhiều người tốt hơn ông.” Bà đưa tay lên mặt, xòe ba ngón tay ra giống như một phù thủy. Các hiệp sĩ lui trở lại, và William làm dấu Thánh giá xin sự chở che. Người phụ nữ nhìn cậu không chút sợ hãi với đôi mắt màu vàng rờn. “Cậu không nhớ tôi sao, William?” bà nói. “Một lần cậu đã muốn mua tôi với giá một bảng Anh.” Bà cười. “May mắn cho cậu là cậu đã không thành công.”

William nhớ đôi mắt này. Đây là góa phụ của thợ xây Tom, mẹ của Jack Jackson, bà phù thủy sống trong rừng. Cậu thực sự vui vì đã không mua được bà ấy. Cậu muốn xa bà nhanh bao nhiêu có thể, nhưng trước hết cậu muốn hỏi bà. “Được, bà phù thủy,” cậu nói. “Richard thành Kingsbridge đã ở đây phải không?”

“Cho đến hai ngày trước đây.”

“Và cậu ấy đã đi đâu, bà có thể nói cho tôi biết không?”

“Được, tôi có thể,” bà nói. “Cậu ấy và người sống ngoài pháp luật đã đi chiến đấu cho Henry.”

“Henry?” William hỏi. Một cảm giác kinh hoàng nói với cậu rằng bà nói về Henry nào. “Có phải con của Maud không?”

“Đúng như vậy,” bà nói.

William lạnh người. Công tước trẻ đầy nhiệt huyết vùng Normandy có thể thành công nơi mẹ ông đã thất bại, và nếu Stephen bị thất bại, William cũng có thể xuống chức với ông.

“Chuyện gì đã xảy ra?” cậu khẩn trương hỏi. “Henry đã làm gì?”

“Ông ấy đã vượt đại dương với ba mươi sáu tàu và đặt chân đến Wareham,” bà phù thủy trả lời. “Ông ta mang theo đội quân ba ngàn người, họ nói như vậy. Chúng ta đã bị xâm chiếm.”

III

Winchester đông đúc, căng thẳng và nguy hiểm. Cả hai đội quân đều đóng ở đây: lực lượng hoàng gia của Stephen đóng ở lâu đài, và quân khởi nghĩa của Công tước Henry – bao gồm cả Richard và nhóm người sống ngoài vòng pháp luật của ông – đóng quân bên ngoài tường thành, trên đồi Thánh Giles, nơi tổ chức hội chợ hàng năm. Quân lính của cả hai phía bị cấm không được di chuyển trong thành phố, nhưng nhiều người vẫn bất tuân lệnh cấm, họ dành buổi tối rong chơi trong các quán bia, nơi các trận

đá gà và nhà điểm, nơi họ say rượu, lạm dụng phụ nữ và đánh nhau vì trò chơi cờ bạc.

Sau cái chết của người con trai trưởng, Stephen đã thất bại trong mọi cuộc chiến vào mùa hè. Bây giờ Stephen ở trong lâu đài hoàng gia và Công tước Henry trong dinh thự giám mục. Các cuộc thương thuyết hòa bình được tiến hành bởi các đại diện; Tổng giám mục Theobald thành Canterbury đại diện cho phía nhà vua, và người môi giới già quyền lực, Giám mục Henry thành Winchester, đại diện cho Công tước Henry. Mỗi buổi sáng, Tổng giám mục Theobald và Giám mục Henry sẽ hội ý ở dinh thự giám mục. Vào buổi trưa Nam tước Henry sẽ đi qua các đường phố Winchester, với các sĩ quan của ông – bao gồm cả Richard – đến lâu đài để ăn trưa.

Lần đầu tiên nhìn thấy Công tước Henry, Aliena không thể tin được ông lại là người cai trị một đế quốc lớn như nước Anh. Ông chỉ chừng hai mươi tuổi, có làn da rám nắng và nhiều tàn nhang của một nông dân. Ông mặc một chiếc áo đen đơn giản, không thêu, và mái tóc đỏ cắt ngắn. Ông trông như một người con trai chăm chỉ của một tiểu điền chủ giàu có. Tuy nhiên, một lúc sau cô nhận ra ông có một hào quang của quyền lực. Ông khỏe mạnh, có bắp thịt, bờ vai rộng và một chiếc đầu to. Nhưng ấn tượng về sức mạnh thể xác được thay đổi qua đôi mắt xám tinh anh và tỉnh táo, và những người quanh ông chẳng bao giờ gần gũi ông quá, nhưng đối xử với ông bằng sự thân thiện thận trọng, như thể họ sợ ông có thể mắng mỏ bất cứ lúc nào.

Aliena nghĩ bữa ăn tối ở lâu đài phải căng thẳng khó chịu lắm, vì phải ngồi chung bàn với lãnh đạo quân đội của phe đối lập. Cô tự hỏi làm sao Richard có thể chịu ngồi chung với Bá tước William. Nếu cô là Richard, cô sẽ dùng dao tấn công William thay vì cắt thịt nai. Bản thân cô chỉ nhìn William từ xa và trong chốc lát. Cậu ấy trông lo âu và khó tính; đó là dấu hiệu tốt.

Trong khi các bá tước, giám mục và tu viện trưởng gặp nhau trong tòa nhà, giới quý tộc thấp hơn tụ tập trong sân lâu đài: các hiệp sĩ và cảnh sát trưởng, nam tước nhỏ, người phụ trách tòa án, người cai quản thành trì. Họ là những người không thể rời khỏi thủ đô trong khi tương lai của họ cũng

như tương lai của vương quốc đang được định đoạt. Aliena gặp Philip ở đó hầu như mỗi buổi sáng. Mỗi ngày có một tá những tin đồn khác nhau. Một ngày có tin đồn tất cả các bá tước ủng hộ Stephan sẽ bị mất chức (điều đó có nghĩa là sự kết thúc của William); ngày hôm sau lại có tin tất cả ở lại vị trí cũ, điều đó có nghĩa là hy vọng của Richard thành mây khói. Một lần có tin tất cả lâu đài của Stephen bị phá hủy, rồi sau đó tất cả lâu đài của nhóm khởi nghĩa, rồi lại lâu đài của bất cứ ai, rồi sau đó chẳng có lâu đài nào bị phá. Một tin đồn khác nói rằng mỗi người ủng hộ Henry sẽ được thăng hiệp sĩ và được một trăm mẫu đất. Richard không muốn điều đó, cậu muốn có lại lãnh địa.

Richard không biết tin đồn nào đúng. Mặc dù cậu là một trong số phụ tá tin cậy của Henry về chiến trường, nhưng cậu không được tham khảo về cuộc đàm phán chính trị. Philip dường như biết những gì đang diễn ra. Ông không nói ông có thông tin từ đâu, nhưng Aliena nhớ lại rằng ông có người em, người đã thăm viếng Kingsbridge vài lần, và đã làm việc cho Robert thành Gloucester cũng như cho Nữ hoàng Maud, và bây giờ có lẽ ông ấy làm việc cho Công tước Henry.

Philip tường thuật rằng cuộc đàm phán đã gần đến thỏa thuận. Sự thỏa thuận là Stephen sẽ tị nạn cho đến khi ông chết, nhưng sau đó Henry sẽ là người nối ngôi. Điều đó làm Aliena lo lắng. Stephen có thể còn sống thêm mười năm nữa. Những gì sẽ xảy ra trong thời gian tạm thời đó? Các bá tước của ông chắc chắn không bị lật đổ bao lâu ông còn cai trị. Vậy những người ủng hộ Henry như Richard thì sao? Họ sẽ được phần thưởng gì? Họ sẽ phải chờ đợi sao?

Philip có câu trả lời vào một buổi chiều, sau khi họ đã ở Winchester một tuần. Ông gửi một tập sinh đến nói với Aliena và Richard đến gặp ông. Khi họ đi qua những con đường bận rộn tới sân nhà thờ chính tòa, lòng Richard đầy háo hức, còn Aliena đầy chán nản. Philip đợi họ ở nghĩa trang, và họ nói chuyện với nhau giữa các ngôi mộ khi mặt trời xuống. “Họ đã đạt được thỏa thuận,” Philip nói không mào đầu. “Nhưng còn nhiều lộn xộn.”

Aliena không còn chịu được sự căng thẳng. “Richard có thể thành bá tước không?” cô khẩn trương hỏi.

Philip lắc bàn tay qua lại như một cử chỉ biểu lộ nó có thể là có mà cũng có thể là không. “Nó phức tạp. Họ đã đi đến một thỏa hiệp. Đất đai đã bị lấy bởi kẻ tiếm quyền sẽ được trả lại cho những người là chủ của nó trong thời vua Henry cũ.”

“Đó là tất cả những gì tôi cần!” Richard nói ngay lập tức. “Bố tôi là bá tước trong thời vua Henry cũ.”

“Im đi, Richard,” Aliena cắt ngang và quay sang Philip: “Vậy đâu là sự phức tạp?”

Philip nói: “Trong thỏa thuận không nói gì đến việc Stephen phải thực thi các thỏa thuận đó. Có lẽ nó sẽ không có bất kỳ thay đổi nào cho đến khi ông ấy chết và Henry lên nối ngôi.”

Richard chán nản. “Như vậy là tôi nên quên đi lãnh địa.”

“Không hoàn toàn như vậy,” Philip nói. “Nó có nghĩa rằng cậu là bá tước hợp pháp.”

“Nhưng tôi phải sống như một người ngoài vòng pháp luật cho đến khi Stephen băng hà – trong khi con thú William chiếm giữ lâu đài của tôi,” Richard giận dữ nói.

“Đừng nói to quá!” Philip nói khi một linh mục đi ngang. “Tất cả những điều này còn trong vòng bí mật.”

Aliena sôi sục. “Tôi không chấp nhận điều đó,” cô nói. “Tôi không sẵn sàng chờ đợi cho đến khi Stephen qua đời. Tôi đã chờ đợi mười bảy năm nay và như thế đã đủ.”

Philip hỏi: “Nhưng cô cậu có thể làm gì?”

Aliena nói với Richard: “Hầu hết cư dân trong vùng đều coi em như một bá tước hợp pháp. Stephen và Henry cũng đã thừa nhận em là bá tước hợp pháp. Em phải chiếm lại lâu đài và cai trị như một bá tước.”

“Em không thể chiếm lại lâu đài. William chắc chắn để quân lại canh giữ.”

“Em có một đoàn quân phải không?” cô trở nên thất vọng và tức giận. “Em có quyền lấy lại lâu đài và em có sức mạnh để làm việc đó.”

Richard lắc đầu. “Chị có biết rằng trong mười lăm năm nội chiến, em đã thấy có bao nhiêu lâu đài chiếm được do tấn công trực tiếp không? Không

có cái nào.” Như mọi khi, cậu dường như có thẩm quyền và chín chắn khi nói về quân sự. “Hầu như chẳng bao giờ xảy ra. Một đôi khi có thể chiếm được thị trấn, nhưng chưa bao giờ chiếm được lâu đài. Họ có thể đầu hàng sau cuộc bao vây; và em đã thấy một số lâu đài thất thủ vì hèn nhát, vì lừa đảo hay vì phản bội, nhưng không phải bằng chính vũ lực.”

Aliena chưa sẵn sàng để chấp nhận điều này. Nó nghe có vẻ bi quan. Cô không thể phí phạm đời cô để chờ đợi và hy vọng. Cô nói: “Điều gì sẽ xảy ra nếu em đem quân tới chiếm lâu đài của William?”

“Họ sẽ nâng cây cầu và đóng cửa thành trước khi chúng ta có thể vào trong. Chúng ta có thể lập trại bên ngoài. Rồi William sẽ mang quân tới để cứu lâu đài và tấn công trại của chúng ta. Nhưng ngay cả khi chúng ta đánh bại cậu ấy, chúng ta vẫn chưa chiếm được lâu đài. Các lâu đài khó bị chiếm nhưng dễ dàng cho việc phòng thủ - đó là đặc điểm của lâu đài.”

Khi cậu nói, một ý tưởng đã nảy mầm trong tâm trí sôi động của Aliena. “Hèn nhát, thủ đoạn hay phản bội,” cô nói.

“Cái gì?”

“Em đã thấy lâu đài bị thất thủ vì hèn nhát, vì thủ đoạn hay phản bội?”

“Ồ! Vâng.”

“Đó là cách William đã làm khi lấy lâu đài của chúng ta cách đây nhiều năm.”

Philip ngắt lời: “Thời gian đã thay đổi. Toàn vùng có hòa bình dưới triều đại Henry cũ, trong ba mươi lăm năm. William đã lấy lâu đài của bố cô một cách bất ngờ.”

Richard nói: “Cậu ấy dùng thủ đoạn. Cậu đã vào lâu đài lén lút cùng với vài người trước khi chuông báo động vang lên. Nhưng Tu viện trưởng Philip có lý: ngày nay chị không thể làm như thế. Dân chúng đã cảnh giác hơn.”

“Tôi có thể vào được bên trong,” Aliena nói tự tin, mặc dù khi nói những lời này trái tim cô đập hoảng loạn vì sợ.”

“Dĩ nhiên chị có thể - chị là đàn bà,” Richard nói. “Nhưng ngay cả khi chị ở trong đó, chị cũng không làm gì được. Đó là lý do tại sao họ để chị vào. Chị vô hại.”

“Đừng kiêu ngạo như thế,” cô khùng lên. “Chị đã giết người để bảo vệ em, và nó còn hơn là những gì em đã làm cho chị, quân vô ơn, vì thế đừng cho chị là vô hại.”

“Được, chị không vô hại,” cậu giận dữ nói. “Chị sẽ làm gì sau khi vào trong lâu đài?”

Sự tức giận của Aliena vơi đi. Tôi sẽ làm gì? Cô suy nghĩ một cách lo sợ. Tôi cũng có can đảm và tháo vát như con heo William. “William đã làm gì?”

“Giữ cho cầu khỏi kéo lên và cổng thành mở cho quân tấn công có thể đi vào.”

“Vậy thì đó là cái mà tôi cũng sẽ làm,” Aliena nói mà lòng đầy lo sợ.

“Nhưng bằng cách nào?” Richard nói một cách nghi ngờ.

Aliena nhớ lại cô đã giúp đỡ một cô gái mười bốn tuổi sợ hãi trong cơn gió bão. “Nữ bá tước còn thiếu chị một món nợ,” cô nói. “Và cô ấy ghét chồng.”

Họ cưỡi ngựa đi cả đêm. Aliena, Richard và năm mươi người tốt nhất của cậu đã đến gần lâu đài lãnh chúa vào hừng đông. Họ tìm chỗ trú trong rừng, cách lâu đài một cánh đồng. Aliena xuống ngựa, cởi áo khoác len Bỉ và giày da mềm, rồi quấn một chiếc khăn của nông dân quanh mình và mang đôi guốc mộc. Một người trao cho cô giỏ trứng tươi gói trong rơm mà cô sẽ khoác trên tay.

Richard nhìn cô từ trên xuống dưới và nói: “Hoàn hảo. Một cô gái nông dân đem sản phẩm cho nhà bếp lâu đài.”

Aliena cố nuốt nước bọt xuống. Hôm qua cô hằng hái và tảo bạo, nhưng bây giờ, khi cô sắp thực hiện kế hoạch của mình, cô sợ hãi.

Richard hôn má cô. Cậu nói: “Khi em nghe tiếng chuông, em sẽ đọc chậm rãi kinh ‘Lạy Cha’, sau đó đoàn quân tiên phong sẽ lên đường. Tất cả những gì chị phải làm là dụ cho lính bảo vệ mất dự phòng để cho mười lính của em có thể vào trong sân lâu đài mà không gây ra báo động.”

Aliena gật đầu. “Hãy ghi nhớ là chỉ cho nhóm quân chính rời khỏi chỗ nấp khi nhóm quân tiên phong đã qua cầu.”

Cậu mỉm cười. “Em sẽ dẫn đầu nhóm chính. Chị đừng sợ. Chúc chị may mắn.”

“Em cũng vậy.”

Cô ra đi.

Cô rời cánh rừng, bước qua cánh đồng trống về hướng lâu đài mà cô đã rời xa mười sáu năm về trước. Nhìn lại cảnh cũ, cô nhớ lại một cách sống động và đầy kinh hoàng về buổi sáng hôm đó, vào một ngày âm thấp sau cơn mưa và hai con ngựa đã ra khỏi cổng, đi xuyên qua cánh đồng ướt sũng nước mưa: Richard trên lưng con ngựa chiến, cô trên lưng con ngựa nhỏ và cả hai sợ đến chết được. Cô cố quên những gì đã xảy ra, cố quên đi bằng cách nhủ lòng mình theo tiếng vó ngựa: “Tôi không được nhớ. Tôi không được nhớ. Tôi không được. Tôi không được.” Nó có kết quả: một thời gian dài sau đó cô không còn nhớ đến việc hiếp dâm. Cô nhớ có một chuyện gì đó khủng khiếp đã xảy ra nhưng cô không nhớ từng chi tiết. Nó chỉ trở lại khi cô yêu Jack và ký ức đã làm cô kinh sợ đến nỗi cô không có thể đáp lại tình yêu của Jack. Tạ ơn Chúa là cậu đã kiên nhẫn. Đó là lý do tại sao cô biết tình yêu của cậu vững mạnh, vì cậu đã phải vượt qua nhiều thử thách và cậu vẫn yêu cô.

Khi cô đến gần lâu đài, cô cố gọi lên vài kỷ niệm đẹp để cho lòng lắng xuống. Cô đã trải qua tuổi thơ ở đây với bố và Richard. Họ có cuộc sống đầy đủ và chắc chắn. Cô đã chơi với Richard trên thành lũy lâu đài, quanh quần trong nhà bếp tìm bánh ngọt và ngồi bên cạnh bố tại bữa ăn trong sảnh đường. Tôi đã không biết mình được hạnh phúc biết bao, cô nghĩ. Tôi đã không phải lo sợ bất cứ chuyện gì.

Thời gian huy hoàng này sẽ trở lại ngay hôm nay, cô nói với chính mình, nếu tôi làm tốt mọi việc.

Cô đã tự tin nói rằng ‘Nữ bá tước còn mắc chị một món nợ, và cô ấy ghét chồng’, nhưng khi cưỡi ngựa trong đêm cô đã nghĩ rằng, mọi sự có thể không đúng như vậy. Trước hết cô có thể không vào được lâu đài: một cái gì đó xảy ra và lính đồn trú báo động, lính canh có thể nghi ngờ, và có thể vô phúc khi lính canh không cho cô qua. Thứ hai khi cô vào được bên trong chưa chắc cô đã thuyết phục được Elizabeth phản bội chồng. Từ khi gặp

Elizabeth đến nay đã hơn một năm: đàn bà có thể quen với những người đàn ông xấu xa nhất và có thể Elizabeth đã chấp nhận số phận của cô. Thứ ba, ngay cả khi Elizabeth muốn, cô cũng không có uy quyền hay sự cứng rắn để làm những gì Aliena muốn. Lần trước gặp nhau, cô là một cô gái sợ hãi, và có thể lính gác lâu đài không nghe lệnh cô.

Khi đi qua cây cầu cô thật căng thẳng: cô có thể nhìn thấy và nghe được mọi thứ một cách rõ ràng bất thường. Đội quân phòng ngự vừa thức dậy. Một vài lính gác nửa ngủ nửa mê ngồi uể oải, ngáp và ho khù khụ trên tường cao. Trước cổng một con chó già ngồi gãi. Cô kéo chiếc mũ về phía trước che mặt, sợ có người nhận ra cô.

Trên ghế băng ở cổng gác, một lính canh bất cẩn đang ăn một miếng bánh to. Quần áo ông cầu thả và dây đeo kiếm của ông treo ở cuối phòng. Với sự lo lắng trong lòng và nụ cười che nấp nỗi sợ, Aliena cho người lính gác xem giỏ trứng.

Ông vẫy tay cho cô đi qua trong một cử chỉ thiếu kiên nhẫn.

Cô đã vượt qua trở ngại đầu tiên.

Kỷ luật lỏng lẻo. Nó là điều dễ hiểu: đây là đám lính kiểng coi nhà, trong khi những người tốt nhất đã ra trận. Tất cả sự xáo động ở nơi khác.

Cho đến hôm nay.

Như vậy càng tốt. Aliena băng qua sân bên dưới với tinh thần căng thẳng. Nó là một cảm xúc kỳ lạ khi phải trở thành người lạ để đi trong nơi trước kia là nhà mình, phải lén lút vào nơi mà trước kia cô có quyền đi mọi chỗ cô muốn. Cô nhìn quanh, cẩn thận không để người khác phát hiện ra sự tò mò của cô. Hầu hết các tòa nhà bằng gỗ đã thay đổi: chuồng ngựa lớn hơn, nhà bếp đã chuyển đi và có một kho vũ khí bằng đá mới xây. Lâu đài bắn hơn mọi khi. Nhưng nhà nguyện vẫn còn đó, nơi cô và Richard đã ngồi chờ cơn giông bão qua đi trong cơn sốc, tê cứng và lạnh cóng. Một số ít nhân viên lâu đài bắt đầu công việc buổi sáng của họ. Một hay hai người lính đi trong sân. Aliena trông họ có vẻ đe dọa, nhưng có lẽ bởi vì cô ý thức rằng họ sẽ giết cô nếu họ biết cô đang định làm gì.

Nếu kế hoạch của cô thành công, tối nay cô lại có thể trở thành chủ nhân của lâu đài này. Ý tưởng này ly kỳ nhưng không thực tế, giống như một

giấc mơ tuyệt vời, nhưng không thực hiện được.

Cô đi vào nhà bếp. Một bé trai đốt lò sưởi và một bé gái cắt cà rốt. Aliena rạng rỡ cười với chúng và nói: “Hai mươi bốn trứng tươi.” Cô đặt giỏ trên bàn.

Bé trai nói: “Người nấu bếp chưa thức dậy. Bà phải đợi lấy tiền.”

“Tôi có thể lấy một chút bánh ăn sáng không?”

“Trong sảnh đường.”

“Cảm ơn.” Cô để giỏ lại và đi ra.

Cô đi qua cầu đến sân trên. Cô mỉm cười với người lính ở cổng gác thứ hai. Ông có mái tóc không chải và đôi mắt đỏ ngầu. Ông nhìn cô từ trên xuống và hỏi: “Cô đi đâu?” Giọng ông đầy thử thách một cách tinh nghịch.

“Tìm chút gì ăn sáng,” cô nói không ngập ngừng.

Ông liếc mắt dâm dật. “Tôi có cái cho cô ăn,” ông nói với theo.

“Coi chừng tôi cắn mất đấy,” cô ngoảng lại nói.

Lúc này họ không nghi ngờ cô. Họ không nghĩ rằng một người đàn bà có thể nguy hiểm. Họ thật ngu dốt. Đàn bà có thể làm hầu hết mọi việc đàn ông có thể làm. Ai làm những công việc ở nhà khi đàn ông ra trận hay theo thập tự quân? Có những phụ nữ làm mộc, nhuộm, thuộc da, làm bánh và bia. Chính Aliena là một trong số các thương gia quan trọng nhất trong vùng. Nhiệm vụ của các nữ tu viện trưởng điều hành tu viện nữ cũng giống như tu viện trưởng điều hành tu viện nam. Tại sao Nữ hoàng Maud, một người đàn bà lại gây ra cuộc nội chiến từ mười lăm năm nay? Những người lính ngu dại này đã không tưởng tượng một người đàn bà lại có thể là gián điệp của đối phương, bởi vì đó không phải là chuyện bình thường.

Cô theo những bậc thang trong tòa tháp ở vào sảnh đường. Không có người quản lý ở sảnh đường. Có thể vì chủ vắng nhà. Trong tương lai tôi phải chắc chắn luôn có người quản lý ở cửa, Aliena nghĩ, ngay cả chủ ở nhà hay vắng mặt.

Mười lăm hay mười hai người đang ăn sáng xung quanh chiếc bàn nhỏ. Một hai người nhìn lên cô, nhưng không ai chú ý đến cô. Sảnh đường hoàn toàn sạch sẽ, cô quan sát, và có một vài dấu vết của bàn tay phụ nữ: tường

trắng mới sơn, mùi thảo dược trộn lẫn với mùi trên nền nhà. Một cách nhỏ bé, Elizabeth đã để lại dấu vết. Đó là dấu hiệu của hy vọng.

Không nói gì với những người ngồi ở bàn, Aliena đi ngang qua phòng tới cầu thang ở trong góc, cố gắng làm như cô có quyền ở đó, nhưng cảnh tỉnh vì có thể bị ngăn lại bất cứ lúc nào. Cô đến chân cầu thang mà không ai để ý. Rồi, khi cô đi lên phía phòng riêng trên lầu cao nhất, cô nghe tiếng người nói: “Này, cô không được phép lên đó!” Cô làm ngơ. Cô nghe có ai đó đi theo cô.

Cô lên đến đỉnh, thở hỗn hển. Có phải Elizabeth ngủ trong phòng ngủ chính, nơi bố Aliena đã ở không? Hay cô có một giường riêng trong phòng của Aliena trước kia? Cô do dự một lúc, tim cô đập mạnh. Cô đoán rằng bây giờ William đã chán ở với Elizabeth mỗi đêm, và có lẽ đã cho phép cô có một phòng riêng cho chính cô. Aliena gõ vào chiếc phòng nhỏ và mở cửa.

Cô đứng. Elizabeth đang ngồi chải tóc bên đồng lửa, mặc quần áo ngủ. Cô nhìn lên, nhúm mày, rồi nhận ra Aliena. “À! Chào chị,” cô nói. “Thật là ngạc nhiên!” Dường như cô vui mừng.

Aliena nghe tiếng bước chân nặng nề đằng sau cô. “Tôi có thể vào không?” cô nói.

“Dĩ nhiên và rất hân hạnh.”

Aliena bước vào trong và đóng cửa nhanh chóng. Cô đi qua phòng đến nơi Elizabeth ngồi. Một người đàn ông xông vào nói: “Ê, cô nghĩ cô là ai mà dám vào đây?” và ông chạy theo cô như muốn tóm lấy cô.

“Hãy đứng yên đó!” Aliena nói bằng giọng ra lệnh. Ông do dự. Cô nói: “Tôi đến gặp nữ bá tước với một thông điệp của William, và ông đã biết tin đó nếu ông biết gác cửa thay vì cúi đầu ăn bánh mì.”

Ông nhìn ân hận.

Elizabeth nói: “Đúng như vậy, Edgar, tôi biết người phụ nữ này.”

“Vâng, thưa nữ bá tước,” ông nói. Ông đi ra và đóng cửa lại.

Tôi đã thành công, Aliena nghĩ. Tôi đã vào được bên trong.

Cô nhìn quanh trong khi hơi thở của cô đã trở lại bình thường. Căn phòng không khác xưa. Có một khay nhỏ đựng hoa khô, một bức thảm trên

tường, vài cuốn sách và tủ đựng quần áo. Chiếc giường vẫn ở chỗ cũ – thực ra vẫn là chiếc giường xưa – và trên gối là một búp bê giống như Aliena cũng có. Cô cảm thấy mình già.

“Đây là phòng cũ của tôi,” cô nói.

“Tôi biết,” Elizabeth nói.

Aliena ngạc nhiên. Cô đã không kể cho Elizabeth về quá khứ của cô.

“Tôi đã tìm hiểu về cô sau cơn gió bão khủng khiếp đó,” Elizabeth phân trần. Cô nói thêm: “Tôi ngưỡng phục cô lắm.” Đôi mắt cô lộ vẻ ngưỡng mộ.

Đó là một dấu hiệu tốt.

“Và William?” Aliena nói. “Cô có hạnh phúc với cậu ấy không?”

Elizabeth nhìn đi chỗ khác. “Vâng,” cô nói, “bây giờ tôi có phòng riêng, và cậu ấy thường xuyên vắng nhà. Thực ra mọi chuyện đã tốt hơn.” Rồi cô ấy khóc.

Aliena ngồi trên giường và ôm cô gái. Elizabeth khóc với tiếng nức nở và nước mắt rơi đầm đìa xuống má. Giữa tiếng nức nở cô hỗn hển: “Tôi – ghét – cậu - ấy! Tôi – ước - muốn – tôi – có - thể - chết!”

Cô còn quá trẻ và nỗi đau của cô rất đáng thương làm cho Aliena sắp khóc. “Tôi sợ có con với cậu ấy,” cô nói một cách khổ sở. “Tôi hoảng sợ vì tôi biết cậu ấy sẽ đối xử với đứa trẻ như thế nào.”

“Tôi hiểu,” Aliena nói. Chính cô cũng đã có lần sợ khi nghĩ rằng cô có thể có con với William.

Mắt Elizabeth mở rộng nhìn vào cô. “Những gì người ta kể... về việc cậu ấy đã làm cho cô có đúng không?”

“Vâng, đúng. Tôi bằng tuổi cô khi chuyện đó xảy ra.”

Họ nhìn vào mắt nhau một lúc lâu, sự kinh tởm đưa họ lại gần nhau. Bất ngờ Elizabeth không còn giống như một đứa trẻ nữa.

Aliena nói: “Cô có thể thoát được cậu ấy, nếu cô muốn. Ngay hôm nay.”

Elizabeth nhìn chằm chằm vào cô. “Có thật không?” cô nói với sự háo hức đáng thương. “Có thật không?”

Aliena gật đầu. “Đó là lý do tại sao tôi đến đây.”

“Tôi có thể về nhà không?” Elizabeth hỏi, mắt cô đầy lệ. “Tôi có thể về nhà, về Weymouth, về với mẹ tôi? Hôm nay?”

“Vâng, nhưng cô phải can đảm.”

“Tôi sẽ làm mọi chuyện,” cô nói. “Mọi chuyện! Hãy nói tôi phải làm gì.”

Aliena nhớ lại cô đã cắt nghĩa cho Elizabeth cách có được uy quyền trên nhân viên của chồng, và cô tự hỏi không biết Elizabeth có khả năng để đem lý thuyết đó vào thực hành không. “Các nhân viên còn ăn hiếp cô không.” Aliena hỏi thẳng thắn.

“Họ cố làm.”

“Nhưng cô không để họ lộng quyền chứ?”

Cô nhìn xấu hổ. “Vâng, một đôi khi tôi có thể. Nhưng bây giờ tôi đã mười sáu tuổi, và tôi đã là nữ bá tước được gần hai năm... và tôi cố gắng theo lời khuyên của cô, và nó thực sự có kết quả.”

“Hãy để tôi giả thích,” Aliena nói. “Vua Stephen đã có một hiệp ước với Nam tước Henry. Tất cả đất đai được trả lại cho người sở hữu nó trong thời vua Henry cũ. Điều đó có nghĩa là em trai Richard của tôi sẽ trở thành bá tước – một lúc nào đó. Nhưng cậu ấy muốn nó ngay bây giờ.”

Elizabeth mở to mắt. “Richard sẽ đánh nhau với William sao?”

“Richard bây giờ ở rất gần đây, với một đoàn quân nhỏ. Nếu cậu ấy có thể chiếm lâu đài hôm nay, cậu ấy sẽ được công nhận là lãnh chúa, và William sẽ chấm dứt.”

“Tôi không thể tin được,” Elizabeth nói. “Tôi không thể tin nó là sự thật.” Sự lạc quan bất ngờ của cô còn đau lòng hơn sự khốn khổ tột cùng mà cô đã có.

“Tất cả những gì cô phải làm là để Richard vào đây mà không phải đổ máu,” Aliena nói. “Và khi mọi chuyện êm xuôi, chúng tôi sẽ đưa cô về nhà.”

Elizabeth nhìn lo lắng. “Tôi không chắc chắn người ta có nghe theo lệnh của tôi không.”

Đó cũng là điều Aliena lo lắng. “Ai là trưởng đoàn lính gác?”

“Michael Armstrong. Tôi không thích ông ấy.”

“Gọi ông ta tới đây.”

“Chính xác.” Elizabeth chùi mũi, đứng lên và đi ra cửa. “Madge!” cô gọi bằng giọng kịch liệt. Aliena nghe tiếng trả lời từ xa. “Đi gọi Michael. Nói với ông ta hãy đến đây ngay – Tôi muốn gặp ông ta ngay lập tức. Làm ơn nhanh lên.”

Cô trở lại và vội vã mặc quần áo, trùm chiếc áo dài trên áo ngủ và cột dây giày. Aliena truyền đạt nhanh chóng cho cô: “Nói với Michael giết chuồng lợn để triệu tập mọi người ở trong sân. Hãy nói rằng cô đã nhận được một sứ điệp của Bá tước William và muốn nói chuyện với tất cả mọi người trong thành, với các binh lính cũng như cư dân. Hãy ra lệnh cho ba bốn người gác trong khi những người khác tụ họp ở sân bên dưới. Hãy nói với ông ấy là cô đang chờ một nhóm mười hoặc mười hai kỵ binh có thể đến bất cứ lúc nào để mang thêm một thông điệp khác, và đem họ gặp cô ngay khi họ đến.”

“Tôi hy vọng tôi có thể nhớ mọi chuyện,” Elizabeth lo lắng nói.

“Đừng lo, nếu cô quên, tôi sẽ nhắc cô.”

“Như vậy tôi thấy thoải mái hơn.”

“Armstrong là người như thế nào?”

“Hồi, hay cáu kỉnh và thân hình như con bò.”

“Có thông minh không?”

“Không.”

“Vậy thì tốt hơn.”

Một lúc sau người đàn ông đi vào. Người đàn ông có biểu hiện gắt gỏng, chiếc cổ ngắn, vai rộng, và mang theo mùi của chuồng heo. Ông nhìn Elizabeth dò hỏi, tạo ra ấn tượng là ông bị quấy rầy.

“Tôi nhận được một thông tin từ bá tước,” Elizabeth bắt đầu.

Michael đưa tay ra.

Aliena kinh hoàng nhận ra cô đã không nghĩ đến việc chuẩn bị cho Elizabeth một lá thư. Toàn kế hoạch có thể bị sụp đổ vì một sai lầm ngớ ngẩn này. Elizabeth nhìn cô với một cái nhìn tuyệt vọng. Aliena tìm một giải pháp. Sau cùng cô có sáng kiến: “Ông có biết đọc không, Michael?”

Ông nhìn phẫn uất. “Linh mục có thể đọc nó cho tôi.”

“Nữ bá tước của ông có thể đọc.”

Elizabeth nhìn sợ hãi, nhưng cô nói: “Chính tôi sẽ truyền thông điệp này cho toàn thể mọi người, Michael. Hãy kéo chuông và tụ họp mọi người trong sân. Nhưng để lại ba bốn người gác trên thành lũy.”

Như Aliena đã lo sợ, Michael không thích Elizabeth ra lệnh như thế. Ông nổi loạn. “Tại sao bà không để tôi công bố nó cho dân chúng?”

Aliena nhận ra một cách lo lắng rằng cô không thể thuyết phục được người đàn ông này: ông quá ngu ngốc để hiểu lý do. Cô nói: “Tôi đã đem tin tức từ Winchester cho nữ bá tước. Cô ấy muốn tự loan báo cho cư dân trong lâu đài.”

“Được, tin tức đó là gì?” ông hỏi.

Aliena không nói gì và nhìn Elizabeth. Một lần nữa Elizabeth lại tỏ ra sợ hãi. Tuy nhiên, Aliena đã không chuẩn bị cho Elizabeth nội dung thông điệp, vì thế mà cô không thể đáp ứng được đòi hỏi của Michael. Sau cùng cô tiếp tục như không nghe thấy những gì Michael nói. “Hãy nói với lính gác để ý đến một nhóm mười hay mười hai kỵ binh. Trưởng nhóm sẽ mang tin mới nhất của Bá tước William, và hãy cho họ vào gặp tôi ngay lập tức. Bây giờ hãy giật chuông đi.”

Rõ ràng Michael muốn phản ứng lại. Ông đứng yên, cau mày, trong khi Aliena nín thở. “Thêm thông tin nữa,” ông nói, như nó thật khó hiểu. “Người phụ nữ này mang một, và mười hai kỵ binh mang thông điệp khác.”

“Được, bây giờ ông đi giật chuông chứ?” Elizabeth nói. Aliena có thể nghe được giọng run run của cô ấy.

Michael chào thua. Ông không thể hiểu những gì đang xảy ra, nhưng ông không biết phải phản đối ra sao. Sau cùng ông miễn cưỡng nói: “Được, thưa bà,” và đi ra.

Aliena thở phào.

Elizabeth nói: “Công việc tiếp tục ra sao?”

“Khi họ tụ tập trong sân, cô nói với họ về hiệp ước hòa bình giữa vua Stephen và Nam tước Henry,” Aliena nói. “Điều đó sẽ đánh lạc hướng mọi người. Trong khi cô nói, Richard sẽ gửi đoàn quân tiên phong mười người. Tuy nhiên, lính gác sẽ nghĩ họ là sứ giả của Bá tước William, vì thế họ sẽ không hoảng loạn và kéo cầu lên. Cô phải cố gắng thu hút mọi người qua

những gì cô nói, trong khi đội quân tiên phong tiến vào lâu đài. Được không?”

Elizabeth nhìn lo âu. Cô hỏi: “Sau đó làm gì?”

“Khi tôi ra hiệu, cô hãy tuyên bố giao lâu đài cho bá tước hợp pháp Richard. Sau đó đội quân Richard sẽ rời chỗ trú ẩn và vào chiếm lâu đài. Vào thời điểm đó Michael sẽ nhận ra những gì đang xảy ra. Lính của ông sẽ hoang mang không biết theo ai, vì cô đã tuyên bố đầu hàng và gọi Richard là bá tước hợp pháp, và đội quân tiên phong đã ở trong lâu đài để ngăn cản không cho đóng cửa thành.” Tiếng chuông vang lên. Bao tử Aliena quặn lên vì sợ. “Chúng ta không còn giờ nữa. Cô cảm thấy thế nào?”

“Sợ.”

“Tôi cũng vậy. Chúng ta đi thôi.”

Họ xuống cầu thang. Tiếng chuông ở cổng gác vang lên như khi Aliena vẫn còn là cô bé vô tư. Cùng quả chuông, cùng tiếng kêu, chỉ có Aliena là khác, cô nghĩ. Cô biết tiếng kêu của nó vang qua các cách đồng, đến các góc cạnh của khu rừng. Bây giờ Richard sẽ chậm rãi đọc kinh ‘Lạy Cha’, để đo thời gian chờ đợi trước khi sai đội quân tiên phong đi.

Aliena và Elizabeth đi bộ từ tháp ở sang qua cây cầu xuống sân phía dưới. Elizabeth xanh vì sợ, nhưng nét mặt cứng rắn của cô nói lên sự quyết tâm. Aliena mỉm cười với cô để cho cô thêm can đảm, rồi kéo mũ xuống. Cho đến bây giờ cô chưa gặp ai quen, nhưng khuôn mặt cô được cả vùng biết đến và một lúc nào đó thế nào cũng có người nhận ra cô. Một vài người tò mò nhìn cô nhưng không ai bắt chuyện với cô.

Cô và Elizabeth đi tới giữa sân bên dưới. Vì mặt đất dốc xuống tới cổng nên Aliena có thể nhìn qua đầu người, xuyên qua cổng và ra ngoài cánh đồng. Đội quân tiên phong phải rời chỗ trú ẩn ngay bây giờ, nhưng cô không thấy dấu hiệu gì của họ. Trời ơi! Tôi hy vọng không có trở ngại, cô lo lắng nghĩ.

Elizabeth cần cái gì đó để đứng lên khi cô nói với dân chúng. Aliena bảo một người phục vụ lấy một bọc gỗ từ trong chuồng ngựa. Trong khi chờ

đợi, một bà già nhìn Aliena và nói: “Ôi! Đây là Aliena! Rất vui được gặp lại cô.”

Trái tim Aliena chùng xuống. Cô nhận ra bà là người nấu ăn trong lâu đài trước khi Hamleigh đến. Cô gượng cười và nói: “Chào Tilly, bà có khỏe không?”

Tilly đẩy nhẹ người hàng xóm. “Sau nhiều năm bà chủ Aliena lại trở về. Cô lại trở thành chủ của chúng tôi chứ, thưa bà?”

Aliena không muốn Michael Armstrong nghe thấy. Cô nhìn quanh lo lắng. May mắn thay, Michael không ở gần. Tuy nhiên một người lính nghe thấy cuộc nói chuyện và nhản trán nhìn Aliena. Aliena nhìn lại ông với cái nhìn không quan tâm. Ông ấy chỉ có một mắt – đó là lý do tại sao ông không ra trận với William mà ở lại đây. Aliena cảm thấy kỳ kỳ khi một người một mắt chăm chăm nhìn vào cô, và cô phải cố nén tiếng cười.

Người phục vụ đem bọc gỗ đến. Tiếng chuông ngưng. Aliena bình tĩnh lại khi Elizabeth đứng trên bọc và đám đông im lặng chờ đợi.

Elizabeth nói: “Vua Stephen và Nam tước Henry đã ký hiệp ước hòa bình.”

Cô ngưng lại, và đám đông reo hò. Aliena nhìn qua cửa. Ngay bây giờ, Richard, cô nghĩ; bây giờ là lúc, đừng quá trễ!

Elizabeth mỉm cười và để cho đám đông reo hò một lúc, rồi cô tiếp tục: “Stephen sẽ tiếp tục làm vua cho đến chết, sau đó Henry sẽ nối ngôi.”

Aliena quan sát lính gác trên tường thành và trong cổng gác. Họ hầu như thoải mái. Richard ở đâu?

Elizabeth nói: “Hiệp ước hòa bình sẽ đem lại nhiều thay đổi trong cuộc sống chúng ta.”

Aliena thấy các lính gác cảnh thức. Một người giơ tay che mắt nhìn vào cánh đồng, trong khi những người khác quay lại và nhìn xuống sân, hy vọng bắt gặp ánh mắt của chỉ huy trưởng. Nhưng Michael Armstrong đang chăm chú lắng nghe Elizabeth.

“Các vị vua hiện tại và tương lai đã đồng ý với nhau rằng, tất cả đất đai được trả lại cho người sở hữu đất đó trong thời vua Henry cũ.”

Tin này gây nên cuộc tranh luận trong dân chúng. Dân chúng suy đoán xem sự thay đổi này có ảnh hưởng đến lãnh địa Shiring không. Aliena nhận ra Michael Armstrong trầm tư suy nghĩ. Xuyên qua cổng, sau cùng cô đã thấy ngựa của đội quân tiền phong của Richard. Nhanh lên, cô nghĩ, nhanh lên! Nhưng họ đi một cách ổn định, không muốn gây náo động cho các lính gác.

Elizabeth đang nói: “Tất cả chúng ta phải tạ ơn Thiên Chúa cho hiệp ước hòa bình này. Chúng ta nên cầu nguyện cho Vua Stephen được khôn ngoan cai trị trong những năm cuối đời, và cho Nam tước Henry trẻ có thể giữ được sự hòa bình cho đến khi Chúa cất Stephen đi...” Cô đã làm một cách tuyệt diệu, nhưng cô bắt đầu lúng túng, như thể cô không còn gì để nói.

Các lính gác nhìn ra ngoài, theo dõi đội quân đang đến. Họ đã được biết nhóm người này sẽ đến và đã được lệnh cho người trưởng đoàn vào gặp nữ bá tước ngay, vì thế họ không có hành động nào, nhưng họ tò mò.

Người một mắt nhìn quanh và nhìn qua cổng, rồi quay lại và nhìn vào Aliena. Cô đoán chừng ông suy nghĩ về sự liên quan giữa sự hiện diện của cô ở đây và nhóm kỵ binh đang đến.

Một lính gác trên tường thành dường như đã có một quyết định, và ông biến mất trong cầu thang.

Đám đông bắt đầu bồn chồn. Elizabeth đã kéo dài thời gian một cách tuyệt vời, nhưng họ muốn biết ngay vấn đề chính. Cô nói: “Cuộc chiến này đã bắt đầu một năm sau khi tôi sinh ra, và giống như nhiều người trẻ khác trong vương quốc, tôi chờ mong để được nếm mùi hòa bình.”

Người lính gác trên tường thành ra từ tháp canh, đi nhanh qua sân và nói với Michael Armstrong.

Xuyên qua cổng Aliena có thể thấy các kỵ binh vẫn còn cách xa một vài dặm. Nó chưa đủ gần. Cô có thể hét lên trong thất vọng. Cô không thể chịu đựng tình trạng này thêm nữa.

Michael Armstrong quay lại và nhíu mày nhìn qua cổng. Rồi người đàn ông một mắt kéo tay áo Michael và nói một cái gì đó, tay chỉ vào Aliena.

Aliena sợ Michael sẽ đóng cửa thành và kéo cầu trước khi Richard có thể vào, nhưng cô không biết phải làm gì để ngăn cản ông. Cô tự hỏi cô có đủ

cứng cáp để lao vào ông trước khi ông có thể ra lệnh không. Cô có thể giết ông vì cô vẫn còn con dao găm dưới tay áo. Ông dứt khoát quay đi. Aliena vươn người và đụng vào cánh tay Elizabeth: “Dừng Michael lại!” cô rút lên.

Elizabeth mở miệng nói, nhưng không âm thanh nào phát ra. Cô điếng người vì sợ hãi. Rồi thái độ cô thay đổi. Cô hít một hơi dài, ngẩng đầu và nói bằng giọng uy quyền. “Michael Armstrong!”

Michael quay lại.

Đây là lúc không thể tháo lui, Aliena nhận ra. Richard vẫn còn ở xa nhưng cô không còn giờ. Cô nói với Elizabeth: Hãy nói cho họ ngay bây giờ!”

Elizabeth nói: “Tôi đã giao lâu đài này cho bá tước hợp pháp của Shiring, Richard thành Kingsbridge.”

Michael nhìn Elizabeth một cách không thể tin được. “Cô không thể làm điều đó!!” ông hét lên.

Elizabeth nói: “Tôi ra lệnh cho tất cả các ông bỏ vũ khí xuống. Không có đổ máu.”

Michaela nhìn quanh và hét: “Kéo cầu lên! Đóng cổng lại!”

Các lính vội vã theo lệnh, nhưng ông đã do dự quá lâu. Khi các người lính đến cánh cổng vững chắc bọc sắt để đóng lại, nhóm quân tiên phong của Richard vượt qua cây cầu và vào trong sân. Hầu hết quân của Michael không mặc áo giáp và ngay cả một số không có kiếm, và họ sợ hãi trước đám kỵ binh.

Elizabeth hét lên: “Mọi người hãy bình tĩnh. “Những sứ giả này sẽ nghe lệnh truyền của tôi.”

Có tiếng la từ lỗ châu mai trên thành, một người giơ tay lên quanh miệng và hét xuống: “Michael! Tấn công! Chúng ta bị tấn công! Hàng chục người đang đến.”

“Phản bội!” Michael gầm lên và rút kiếm. Nhưng hai người lính của Richard đã đến bên ông ngay lập tức, lưỡi gươm lấp láy. Máu chảy và ông ông ngã xuống. Aliena quay đi chỗ khác.

Một số người của Richard đã chiếm nhà gác và phòng nhỏ có máy quay cầu lên. Hai người đã lên đến tường thành và các lính gác của Michael đầu

hàng.

Xuyên qua cổng Aliena nhìn thấy đoàn quân chính phi nước đại qua cánh đồng hướng về lâu đài, và tinh thần cô lên cao giống như mặt trời lên.

Eliabeth hét to bao nhiêu có thể: “Đây là một đầu hàng trong hòa bình. Không ai bị tàn sát, tôi hứa điều đó. Hãy ở yên vị trí.”

Mọi người trong sân đứng như trời trồng, nghe tiếng ầm ầm của đoàn quân Richard mỗi lúc một gần hơn. Lính của Michael bàng hoàng và không biết phải làm gì: người chỉ huy của họ đã gục xuống, và nữ bá tước của họ đã ra lệnh đầu hàng. Người phục vụ trong lâu đài bị tê liệt vì những biến cố đến quá nhanh.

Rồi Richard đi qua cổng trên lưng con ngựa chiến.

Nó là một giây phút huy hoàng và trái tim Aliena dâng lên niềm tự hào. Richard đẹp trai, mỉm cười và đắc thắng. Aliena la to: “Bá tước hợp pháp!” Những người đi sau Richard cùng hô lên, và một số trong đám đông lập lại – những người không ưa William. Richard cười ngựa đi chậm vòng quanh sân, vẫy tay và đón nhận lời chúc mừng.

Aliena nghĩ về tất cả những gì cô đã trải qua để có được giờ phút này. Cô đã ba mươi bốn tuổi và cô đã mất nửa những năm tháng trong đời để chiến đấu cho điều này. Tất cả quãng đời trưởng thành của tôi, cô nghĩ; đó là những năm tháng mà tôi đã cống hiến. Cô nhớ những lần nhồi len vào bao tảo cho đến khi tay cô đỏ, sưng lên và chảy máu. Cô nhớ lại những khuôn mặt cô đã gặp trên đường, những khuôn mặt tham lam, độc ác và dâm dăng, những người có thể đã giết cô nếu cô tỏ ra yếu đuối. Cô nghĩ lại việc cô cứng lòng chống lại tình yêu của Jack và lấy Alfred; và cô nghĩ về những tháng cô đã ngủ trên nền nhà ở dưới chân giường cậu như một con chó; và cô đã làm tất cả những điều đó chỉ vì đã hứa sẽ cung cấp vũ khí và áo giáp để Richard có thể chiếm lại lâu đài này. “Nó đây, thừa bố,” cô nói lớn. Không ai nghe cô: họ đang reo hò quá lớn. “Đây là điều mà bố muốn,” cô nói với người bố đã qua đời của cô, và có cả cay đắng lẫn chiến thắng trong tâm hồn cô. “Con đã hứa và con đã giữ lời hứa. Con đã lo lắng cho Richard, và em đã chiến đấu bao năm nay. Bây giờ, sau cùng chúng con về lại mái nhà xưa và Richard sẽ là bá tước. Bây giờ...” Giọng cô như tiếng

hét, nhưng mọi người cũng đang la hét nên không ai để ý đến những giọt nước mắt chảy trên má cô. “Bây giờ, thưa bố, con đã thực hiện những gì bố muốn. Bố hãy ở trong mộ của bố và để con sống trong bình an!”

PHẦN MƯỜI SÁU

I

Remigius kiêu ngạo, ngay cả trong lúc cơ hàn. Ông vào ngôi nhà lớn bằng gỗ ở ngôi làng Hamleigh với đầu ngược cao, và nhìn qua đầu mũi những thanh xà bằng gỗ nâng đỡ mái nhà, những bức tường bằng đất sét và ngọn lửa ở giữa nền nhà được nện kỹ.

William quan sát ông đi vào. Có thể tôi đang xuống dốc, nhưng tôi chưa xuống sâu như ông, cậu nghĩ, chú ý đến đôi dép đã sửa nhiều lần, áo choàng bẩn thỉu, cằm chưa cạo râu và tóc không chải của ông. Remigius chưa bao giờ mệt, nhưng bây giờ ông gầy hơn bao giờ hết. Nét biểu hiện kiêu kỳ cố định trên khuôn mặt ông không che dấu được nét mệt mỏi và thất bại dưới vầng mắt ông. Remigius chưa gục ngã nhưng ông đã có những thất bại ê chề.

“Chúa chúc lành cho cậu,” ông nói với William.

William không cần những điều đó. “Ông cần gì, Remigius?” cậu nói, cố tình xúc phạm đến tu sĩ bằng cách không gọi “cha” hay “thầy”.

Remigius nao núng như ông bị đánh. William đoán ông đã nhận được một vài xúc phạm như thế từ khi bỏ tu viện và theo hướng đi riêng. Remigius nói: “Các mảnh đất cậu cho tôi, trong tư cách tôi là trưởng của ủy ban nhà thờ chính tòa ở Shiring, đã bị Richard chiếm lại.”

“Tôi không ngạc nhiên,” William trả lời. “Mọi thứ được trả lại cho người đã sở hữu nó trong thời vua Henry cũ.”

“Nhưng như thế tôi không còn phương tiện hỗ trợ.”

“Không phải chỉ có ông mà còn một số lớn người khác nữa,” William nói không suy nghĩ. “Ông phải trở về Kingsbridge.”

Khuôn mặt Remigius tái xanh vì tức. “Tôi không thể làm chuyện đó,” ông nói bằng giọng buồn.

“Tại sao không?” William nói như hành hạ ông.

“Cậu biết tại sao không.”

“Philip sẽ nghĩ gì? Ông ấy có nghĩ ông đã phản bội bằng cách cho tôi biết chỗ ẩn náu của người sống ngoài vòng pháp luật không? Ông ấy có giận vì ông trở thành trưởng ban nghi lễ nhà thờ chính tòa để thay thế nhà thờ của ông ấy ở Kingsbridge không? Như vậy tôi cho rằng ông không có thể trở về.”

“Cho tôi chút gì đó,” Remigius nài xin. “Một ngôi làng. Một trang trại. Một ngôi nhà thờ nhỏ.”

“Không có phần thưởng cho người thua cuộc, tu sĩ ạ.” William nói gay gắt. Cậu thích thế. “Trong thế giới bên ngoài tu viện, không có ai chăm sóc cho ông đâu. Con vịt ăn con sâu, con cáo vồ con vịt, con người giết con cáo, và ma quỷ săn con người.”

Giọng Remigius trầm xuống như thì thầm. “Tôi phải làm gì?”

William mỉm cười và nói: “Ăn xin.”

Remigius quay gót và rời khỏi nhà.

Vẫn còn tự kiêu, William nghĩ. Nhưng chẳng bao lâu nữa, ông sẽ phải đi ăn xin.

Cậu vui sướng khi có người thất bại hơn cậu. Cậu chẳng bao giờ quên được nỗi tuyệt vọng tột cùng khi đứng trước cổng lâu đài của mình mà bị từ khước không cho vào. Cậu đã nghi khi nghe Richard và một số quân của cậu ấy rời Winchester; khi hiệp ước hòa bình được công bố cảm xúc nôn nao đã trở thành báo động và cậu đã đem các hiệp sĩ và binh lính của cậu cấp tốc về lại lâu đài. Cậu còn để lại một đoàn quân canh giữ lâu đài, vì thế cậu chờ đợi sẽ gặp Richard đóng quân bao vây lâu đài trên cánh đồng. Khi đến gần cậu thấy mọi chuyện đều bình thường, cậu nhẹ người và mừng mình đã phản ứng thái quá với sự biến mất đột ngột của Richard.

Khi đến gần cậu thấy chiếc cầu đã được kéo lên. Cậu dừng lại bên con hào và kêu to: “Mở cửa cho bá tước!”

Richard xuất hiện trên tường thành và nói: “Bá tước đã ở trong thành.”

Nó giống như mặt đất sụp xuống dưới chân cậu. Cậu luôn lo sợ về Richard, luôn cảnh giác về cậu ấy như một đối thủ nguy hiểm, nhưng vào thời điểm đó cậu đã thiếu cảnh giác. Cậu đã nghĩ sự nguy hiểm thực sự sẽ đến khi Stephen chết và Henry nối ngôi, nhưng còn phải mười năm nữa mới đến lúc đó. Bây giờ ngồi trong căn nhà làng và nghĩ về những sai lầm, cậu nhận ra một cách cay đắng rằng thực sự Richard quá không ngoan. Cậu ấy đã vượt qua một khe hẹp. Bao lâu chiến tranh còn tiếp diễn, cậu ấy không thể bị buộc tội vì đã phá vỡ nền hòa bình của nhà vua. Theo điều khoản của hiệp ước hòa bình, cậu có quyền hợp pháp nhận lại lãnh địa. Và Stephen đã già yếu, mệt mỏi và thất bại, không còn sức lực để quan tâm đến những tranh dành khác.

Một cách rộng lượng Richard đã thả tự do cho những người lính muốn tiếp tục phục vụ cho William. Người một mắt, Walter, đã tường thuật cho William cách lâu đài đã bị tiếp thu. Sự phản bội của Elizabeth là điên rồ, nhưng đối với William, vai trò của Aliena trong việc này là một nhục nhã nhất. Đứa bé gái bất lực mà cậu đã hãm hiếp, đã hành hạ và đuổi ra khỏi nhà những năm trước đây bây giờ đã quay về và trả thù cậu. Mỗi lần cậu nghĩ về nó, bao tử cậu quặn lên nổi cay đắng như thể cậu đã uống dấm.

William muốn đánh nhau với Richard ngay. Cậu vẫn còn giữ đoàn quân của cậu, nuôi sống nó bằng đất đai trong vùng, bằng thuế và nguồn cung cấp từ nông dân. Với một chiến thuật đánh úp, cậu có thể chống lại kẻ thù của cậu. Nhưng Richard có lâu đài và có lợi thế về thời điểm, bởi vì Stephen, người nâng đỡ William đã già yếu, trong khi Richard được Nam tước Henry trẻ ủng hộ, người sẽ trở thành vua Henry thứ hai.

Vì thế William quyết định cắt giảm sự thiệt hại bao nhiêu có thể. Cậu trở về làng Hamleigh và sống trong căn nhà nơi cậu đã lớn lên. Làng Hamleigh và các làng xung quanh đã được cấp cho bố cậu cách đây ba mươi năm. Nó chẳng bao giờ là một phần của lãnh địa, vì thế Richard không có quyền đòi lại.

William hy vọng rằng nếu cậu hạ mình xuống, Richard sẽ hài lòng với sự trả thù và để cậu yên. Cho đến bây giờ nó có kết quả. Tuy nhiên, William ghét làng Hamleigh. Cậu ghét những căn nhà nhỏ, những con vịt dễ bị kích

động trên mặt hồ, ngôi nhà thờ bằng đá màu xám nhạt, những trẻ em với đôi má giống như trái táo, những phụ nữ hông rộng và đàn ông mạnh mẽ, bức bối. Cậu ghét sự khiêm tốn, buồn chán và nghèo đói, và cậu ghét nó vì nó tượng trưng cho sự xuống dốc quyền lực của gia đình cậu. Cậu quan sát các nông dân lê bước cày bừa vào mùa xuân và ước lượng phần thu nhập cậu sẽ nhận được, và cậu thấy nó ít ỏi. Cậu đi săn bắn trong vài mẫu rừng của cậu, nhưng không thấy con nai nào. Nhân viên kiểm lâm đã nói với cậu rằng: “Ngài chỉ có thể săn heo rừng, thưa ngài – người sống ngoài vòng pháp luật đã bắt hết nai trong nạn đói.” Cậu tổ chức tòa án ở sảnh đường nhà cậu, nơi gió lùa qua các kẽ hở của tường. Cậu xử khắc nghiệt, bắt phạt nhiều và tùy theo hứng, nhưng nó cũng không đem lại cho cậu sự hài lòng.

Cậu bỏ dở công việc xây dựng nhà thờ mới ở Shiring, dĩ nhiên. Cậu không có thể xây một nhà đá cho riêng cậu, huống hồ gì xây một nhà thờ. Các thợ xây đã bỏ việc khi cậu ngưng trả tiền lương cho họ và cậu không biết những gì đã xảy ra cho họ: có lẽ tất cả họ đã trở lại Kingsbridge và làm việc cho Tu viện trưởng Philip.

Nhưng bây giờ cậu thường có ác mộng.

Tất cả dường như giống nhau. Cậu thấy mẹ trong thế giới thần chết. Bà chảy máu từ tai và mắt, và khi bà mở miệng nói, nhiều máu ra theo. Cảnh tượng làm cậu kinh hãi. Trong ánh sáng ban ngày cậu không thể nói tại sao giấc mơ lại làm cậu sợ vì bà không đe dọa cậu. Nhưng vào ban đêm, khi bà đến với cậu, cậu hoàn toàn hoảng sợ, một sự hoảng sợ kinh hoàng, vô lý và mù quáng. Khi còn bé cậu lội vào một cái ao và mặt đất bất ngờ lún sâu hơn, rồi cậu bị chìm xuống, không thở được; và nhu cầu cần không khí này đã là một biến cố không thể phai mờ trong tuổi thơ của cậu. Nhưng cơn ác mộng bây giờ còn nhiều lần kinh hoàng hơn. Trốn chạy khỏi khuôn mặt máu me của mẹ cậu cũng giống như chạy trốn trong cát lún. Khi cậu tỉnh dậy, rên rĩ và đổ mồ hôi, cơ thể cậu mệt mỏi và căng thẳng. Và cậu thấy Walter cầm nến đứng bên cạnh – William ngủ trong sảnh đường, cách những đàn ông khác bằng một bức ngăn, vì họ không có phòng ngủ ở đây. “Ông kêu to trong giấc ngủ, thưa ngài,” Walter thì thầm. William thở mạnh, nhìn chăm chăm vào chiếc giường thực, bức tường thực và Walter thực,

trong khi ảnh hưởng của giấc mơ từ từ nhạt dần cho đến khi cậu không còn sợ nữa. Rồi cậu nói: “Không có gì cả. Nó chỉ là giấc mơ. Hãy đi đi.” Nhưng cậu sợ ngủ lại. Vào ngày hôm sau người ta thấy cậu như bị bỏ bùa.

Một vài ngày sau khi nói chuyện với Remigius, cậu ngồi trên cùng chiếc ghế cứng, bên cạnh cùng đồng lứa, khi Giám mục Waleran bước vào.

William giật mình. Cậu nghe tiếng chân ngựa nhưng cậu nghĩ đó là Walter trở về từ nhà máy xay. Cậu không biết phải làm gì khi nhìn thấy giám mục. Waleran luôn luôn kiêu ngạo và trịch thượng, và nhiều lần ông đã làm William cảm thấy ngu ngốc, vụng về và thô lỗ. Cậu cảm thấy xấu hổ khi Waleran nhìn thấy cảnh sống cơ bản của cậu bây giờ.

William không đứng lên chào vị khách. “Ông muốn gì?” cậu nói cộc lốc. Cậu không có lý do gì để lịch sự, cậu muốn Waleran đi sớm bao nhiêu có thể.

Giám mục bỏ qua sự thô lỗ của cậu. “Cảnh sát trưởng đã chết,” ông nói.

Lúc đầu William không hiểu Waleran muốn nói gì. “Điều đó liên quan gì tới tôi?”

“Cần một cảnh sát trưởng mới.”

William muốn nói vậy thì sao? Nhưng cậu đã chột dưng lại. Waleran nghĩ về ai sẽ là người trở thành cảnh sát trưởng mới. Có lẽ đó là lý do ông đến để nói với William về chuyện đó. Hy vọng bùng lên trong lòng cậu, nhưng cậu cố đè nó xuống: nơi đâu Waleran nhúng tay vào, niềm hy vọng thường kết thúc trong chán nản và tuyệt vọng. Cậu nói: “Ông nghĩ đến ai?”

“Ông.”

Đó là câu trả lời mà William không dám hy vọng. Cậu ước mong cậu có thể tin vào nó. Một cảnh sát trưởng khôn ngoan, cứng rắn có thể quan trọng và ảnh hưởng như một bá tước hay giám mục. Nó có thể là con đường đưa cậu trở lại với quyền lực và giàu sang. Cậu cố dò xét đầu mối. “Tại sao Vua Stephen lại chỉ định tôi?”

“Ông đã hỗ trợ vua chống lại Nam tước Henry, và kết quả là ông đã mất cả lãnh địa. Tôi nghĩ là vua sẽ bồi thường cho ông.”

“Chưa có ai làm điều gì chỉ vì lòng biết ơn,” William nói, lập lại câu nói của mẹ cậu.

Waleran nói: “Stephen không thể hài lòng với bá tước ở Shiring, một người chống lại ông ấy. Nhà vua muốn vị cảnh sát trưởng là một lực lượng đối kháng chống lại Richard.”

Bây giờ đã rõ tại sao. Ngược lại với ý muốn, William cảm thấy hứng khởi. Cậu tin rằng cậu thực sự có thể thoát khỏi hang góc được gọi là làng Hamleigh này. Cậu sẽ lại có một đoàn hiệp sĩ và binh lính đáng kể, thay vì vài ba người đáng thương như bây giờ. Cậu sẽ chủ trì các phiên xử quận ở Shiring, làm nhụt ý chí Richard. “Cảnh sát trưởng sống ở lâu đài Shiring,” cậu luyện tiếc nói.

“Ông sẽ lại giàu có,” Waleran thêm vào.

“Vâng.” Nếu khai thác đúng, chức cảnh sát trưởng có thể đem lại nhiều lợi nhuận. William có thể có nhiều tiền như khi ông là bá tước. Nhưng cậu tự hỏi tại sao Waleran lại đề cập đến nó.

Một lúc sau Waleran trả lời câu hỏi đó. “Sau đó, ông có thể tài trợ cho nhà thờ mới.”

Thì ra vậy. Waleran chẳng bao giờ làm gì mà không có động cơ kín đáo. Ông muốn William trở thành cảnh sát trưởng để cậu xây cho ông một ngôi nhà thờ. Nhưng William cũng có cùng ước muốn đó. Nếu cậu có thể hoàn thành nhà thờ để tưởng nhớ đến mẹ cậu, có lẽ cậu sẽ không còn những cơn ác mộng. “Ông có thực sự nghĩ chuyện này sẽ xảy ra không?” cậu hồ hởi hỏi.

Waleran gật đầu. “Nó sẽ mất tiền, dĩ nhiên, nhưng tôi nghĩ chúng ta sẽ thành công.”

“Tiền?” William lo lắng nói. “Bao nhiêu?”

“Khó có thể nói. Ở một vài nơi như Lincoln hay Bristol, chức cảnh sát trưởng giá năm hay sáu trăm bảng Anh; nhưng cảnh sát trưởng ở đó giàu hơn cả Hồng y. Ở một nơi nhỏ như Shiring, nếu ông là ứng cử viên được nhà vua chấp thuận – điều này tôi có thể lo cho ông – có lẽ ông có thể có được nó với giá một trăm bảng Anh.”

“Một trăm bảng Anh!” Niềm hy vọng của William sụp đổ. Ngay từ đầu ông đã sợ bị thất vọng. “Nếu tôi có một trăm bảng Anh, tôi đã không sống như thế này,” cậu cay đắng nói.

“Ông có thể có số tiền ấy,” Waleran nói nhẹ nhàng.

“Từ đâu?” William chợt có một ý tưởng. “Ông có thể cho tôi không?”

“Đừng quá ngu!” Waleran nói với sự khinh thường. “Đó là lý do tại sao có người Do Thái.”

William nhận ra với một cảm xúc hỗn độn của hy vọng và tức giận rằng vị giám mục lại đúng.

Đã hai năm qua, từ khi vết nứt xuất hiện, Jack đã không tìm được giải pháp cho vấn đề. Tệ hơn nữa, các vết nứt tương tự đã xuất hiện ở ô thứ nhất gian giữa. Có một lỗi quan trọng trong thiết kế của cậu. Cấu trúc đủ mạnh để chống đỡ sức mạnh của mái trần, nhưng không chống lại được cơn gió mạnh thổi vào bức tường cao.

Cậu đứng trên giàn giáo cao so với mặt đất, quan sát vết nứt mới và nghiên ngẫm về nó. Cậu cần nghĩ ra cách giảm phần trên của bức tường để nó không rung chuyển theo gió.

Cậu nhớ lại cách mà phần dưới của bức tường đã được củng cố. Bức tường bên ngoài của gian phụ cứng cáp, những trụ dầy nối với tường gian giữa bởi nửa vòng cung dẫu trong mái gian phụ. Nửa vòng cung và cột trụ hỗ trợ bức tường từ xa, giống như trụ tường bên ngoài. Vì các cột chống được dẫu nên gian giữa nhìn nhẹ nhàng và duyên dáng.

Cậu cần tạo nên một hệ thống tương tự để nâng đỡ phần trên của bức tường. Cậu có thể làm gian phụ thành hai tầng và lập lại cách kiến trúc ở phần dưới. Nhưng như thế ánh sáng xuyên qua cửa sổ ở phần trên sẽ bị chặn lại, và toàn bộ ý tưởng của kiểu kiến trúc mới là mang nhiều ánh sáng vào nhà thờ sẽ không thực hiện được.

Dĩ nhiên không phải lỗi đi bên cạnh đã đóng vai trò hỗ trợ, nhưng chính là những trụ cột nặng trong bức tường cạnh và nửa vòng cung kết nối ở trên. Gian phụ đã che dấu các yếu tố kiến trúc này. Nếu cậu có thể xây cột trụ và nửa vòng cung để nâng đỡ phần trên bức tường mà không cần kết hợp chúng với gian phụ, cậu có thể giải quyết được vấn đề.

Một giọng nói gọi ông từ bên dưới.

Cậu cau mày. Trước khi nghe tiếng gọi, cậu có một ý tưởng nào đó, nhưng bây giờ nó lại biến mất. Cậu nhìn xuống. Tu viện trưởng Philip gọi

cậu.

Cậu đi vào tháp và xuống cầu thang xoắn. Philip đợi cậu ở bên dưới. Tu viện trưởng đang tức giận. “Richard đã phản bội tôi!” ông nói không mào đầu.

Jack ngạc nhiên: “Bằng cách nào?”

Philip không trả lời ngay câu hỏi. “Tôi đã làm cho cậu ấy mọi thứ,” ông bung ra. “Tôi đã mua len của Aliena khi những người khác bắt ép cô – nếu không có tôi, cô ấy chẳng bao giờ bắt đầu công việc buôn bán được. Khi việc buôn bán khó khăn tôi đã cho cậu ấy công việc trông ban canh gác. Và tháng mười một năm trước tôi đã tiết lộ cho cậu ấy về hiệp ước hòa bình và nó giúp cậu ấy chiếm lại được lâu đài lãnh chúa. Và bây giờ khi cậu ấy có lại lãnh địa và cai trị trong huy hoàng, cậu ấy đã quay lưng lại với tôi.”

Jack chưa bao giờ thấy Philip tức giận. Đầu trọc của ông đỏ lên vì phẫn nộ và ông nói lắp bắp.

“Richard đã phản bội ông bằng cách nào?” Jack hỏi.

Một lần nữa ông lại làm ngơ trước câu hỏi. “Tôi luôn biết Richard là một người có cá tính yếu. Cậu ấy ít khi hỗ trợ Aliena, qua nhiều năm cậu chỉ đòi hỏi nơi cô ấy và chẳng bao giờ để ý đến nhu cầu của cô ấy. Nhưng tôi không nghĩ cậu ấy lại là kẻ hung ác.”

“Cậu ấy đã làm gì?”

Sau cùng Philip nói với cậu. “Cậu ấy từ chối không cho chúng ta sử dụng mỏ đá.”

Jack bị sốc. Đó là một hành động vô ơn. “Nhưng cậu ấy biện hộ ra sao?”

“Tất cả mọi thứ được trả lại cho chủ nhân trong thời gian của vua Henry thứ nhất. Và mỏ đá được trao cho chúng ta bởi vua Stephen.”

Sự tham lam của Richard là quá mức, nhưng nó không làm Jack tức giận như Philip. Bây giờ họ đã xây xong nửa nhà thờ, hầu hết với đá mà họ phải mua, bằng cách nào đó nó sẽ tiếp tục. “Nói một cách nghiêm khắc, tôi cho rằng cậu ấy đúng,” cậu lập luận.

Philip bị xúc phạm. “Làm sao cậu dám nói điều đó?”

“Nó cũng giống như ông làm cho tôi,” Jack nói. “Sau khi tôi mang về cho ông tượng Mẹ khóc, thiết kế cho ông một mẫu nhà thờ mới tuyệt đẹp,

xây một tường thành bảo vệ ông khỏi hiểm họa William. Ông loan báo rằng tôi không thể sống chung với người đàn bà là mẹ của các con tôi. Đó là sự vô ơn.”

Philip bị sốc vì sự so sánh đó. “Nó hoàn toàn khác nhau!” ông phản đối. “Tôi không muốn cậu sống xa nhau. Chính Waleran đã cản trở việc vô hiệu hóa hôn nhân của cậu. Nhưng luật Chúa nói cậu không được ngoại tình.”

“Tôi chắc Richhard sẽ nói tương tự như vậy,” Jack cố chấp. “Không phải Richard là người ra lệnh lấy lại tài sản. Cậu ấy chỉ thi hành luật.”

Tiếng chuông trưa vang lên.

“Có sự khác biệt giữa luật Thiên Chúa và luật của con người,” Philip nói.

“Nhưng chúng ta phải giữ cả hai,” Jack phản đối. “Và bây giờ tôi phải đi ăn cơm trưa với mẹ của các con tôi.”

Cậu đi và để Philip đứng lại bối rối. Cậu không thực sự nghĩ Philip vô ơn như Richard, nhưng cảm xúc cậu thoải mái ra. Cậu quyết định sẽ hỏi Aliena về quãng mỏ. Richard có thể bị thuyết phục để trao lại quyền sử dụng quãng mỏ. Cô ấy sẽ biết.

Cậu rời sân tu viện và đi qua những con đường về nhà nơi cậu sống với Martha. Aliena và các con ở trong nhà bếp như thường lệ. Nạn đói đã qua đi với mùa gặt hái được mùa năm trước, và đồ ăn không còn khan hiếm: có bánh mì và thịt cừu nướng trên bàn.

Jack hôn các con. Sally cho cậu một nụ hôn trẻ con mềm mại, nhưng Tommy, bây giờ đã mười một tuổi và muốn mau lớn, xấu hổ chìa má cho cậu. Jack mỉm cười nhưng không nói gì: cậu nhớ lại cậu cũng đã nghĩ hôn là ngớ ngẩn.

Aliena có vẻ bối rối. Jack ngồi trên ghế dài bên cạnh cô và nói: Philip đang nổi giận vì Richard không cho ông mỏ đá.”

“Thật tệ hại,” Aliena nói nhẹ nhàng. “Làm sao Richard có thể vô ơn như thế.”

“Em có nghĩ rằng có thể thuyết phục cậu ấy đổi ý không?”

“Em thực sự không biết,” cô nói. Cô không tập trung.

Jack nói: “Hình như em không quan tâm đến vấn đề này lắm?”

Cô nhìn cậu thách thức. “Không, em không quan tâm.”

Cậu biết tâm trạng này. “Tốt hơn em nói cho anh biết em đang nghĩ gì.”
Cô đứng lên. “Hãy vào phía phòng trong.”

Với một cái nhìn tiếc rẻ về đĩa thịt cừu, cậu rời bàn và theo cô vào trong phòng ngủ. Như thường lệ, họ để cửa mở để tránh nghi ngờ nếu có người nào đó vào nhà. Aliene ngồi trên giường và khoanh tay trước ngực. “Em đã có một quyết định quan trọng,” cô bắt đầu.

“Em đã sống cả quãng đời trưởng thành dưới hai chiếc bóng. Một là lời thề em đã hứa với bố của em trước khi ông qua đời. Chiếc bóng thứ hai là quan hệ của em với anh.”

Jack nói: “Nhưng em đã hoàn thành lời thề với bố của em rồi.”

“Vâng. Và em muốn được tự do khỏi chiếc bóng thứ hai nữa. Em quyết định sẽ rời bỏ anh.”

Tim Jack như ngừng đập. Cậu biết cô không dễ gì nói những điều như thế: cô rất nghiêm chỉnh. Cậu nhìn cô, không nói lên lời. Lời nói của cô làm cậu mất phương hướng: cậu chẳng bao giờ nghĩ rằng cô sẽ rời xa cậu. Làm sao chuyện này có thể xảy ra? Một nghi ngờ đến với cậu và cậu nói ra ngay: “Em có người nào khác?”

“Đừng ngó ngán.”

“Vậy tại sao?”

“Bởi vì em không còn có thể chịu đựng được nữa,” cô nói, và mắt cô đầy nước mắt. “Chúng ta không thể chờ đợi mười năm cho sự vô hiệu hóa hôn nhân này. Nó sẽ chẳng bao giờ có, Jack. Chúng ta phải cam chịu sống như thế này mãi mãi – trừ khi chúng ta chia tay nhau.”

“Nhưng...” cậu tìm cái gì đó để nói. Quyết định của cô đã rõ ràng nên tranh cãi với cô dường như vô vọng, giống như đi tránh cơn giông bão. Tuy nhiên cậu cố gắng. “Như chúng ta đang sống không tốt hơn là xa nhau sao?”

“Về lâu về dài không hơn gì.”

“Nhưng nếu em đi xa, nó sẽ thay đổi gì?”

“Em phải gặp người khác và phải lòng họ. Sau đó em có thể sống một cuộc sống bình thường,” cô nói, nhưng cô khóc.

“Em vẫn còn kết hôn với Alfred.”

“Nhưng không ai biết hoặc để ý đến. Hôn nhân của em có thể được một linh mục chúc lành, một linh mục chẳng bao giờ nghe nói về thợ xây Alfred và sẽ coi cuộc hôn nhân ấy là vô hiệu khi biết về nó.”

“Anh không tin những gì em nói.”

“Mười năm rồi, Jack. Em đã chờ đợi mười năm để có cuộc sống bình thường với anh. Em không thể chờ thêm nữa.”

Lời cô như những cú đánh vào cậu. Cô tiếp tục nói nhưng cậu không còn hiểu cô. Tất cả những gì cậu có thể nghĩ là được sống với cô. Cậu ngắt ngang cô: “Như em biết, anh sẽ chẳng yêu người nào khác.”

Cô nhăn mặt như thể cô đau, nhưng cô tiếp tục với những gì cô muốn nói. “Em cần vài tuần để thu xếp mọi việc. Em sẽ tìm một nhà ở Winchester. Em muốn các con quen dần với ý này trước khi cuộc sống của chúng bắt đầu -”

“Em định mang con anh đi sao?” cậu nói ngớ ngẩn.

Cô gật đầu. “Em xin lỗi,” cô nói. Lần đầu tiên dường như cô nghi ngờ về quyết định của cô. “Em biết chúng sẽ nhớ anh. Nhưng chúng cũng cần một đời sống bình thường nữa.”

Jack không thể chịu được nữa. Cậu quay đi.

Aliena nói: “Đừng đi. Chúng ta phải nói nhiều nữa. Jack –”

Cậu đi ra, không trả lời.

Cậu nghe cô khóc sau lưng cậu: “Jack!”

Cậu đi ngang phòng khách, không nhìn con cái và rời khỏi nhà. Trong sương sờ, không biết đi đâu, cậu đi về hướng nhà thờ. Các thợ xây vẫn ăn trưa. Cậu không thể khóc: nước mắt không làm vơi đi nỗi khổ. Không nghĩ ngợi, cậu leo cầu thang gian ngang phía bắc, lên đến đỉnh, và bước lên mái nhà.

Bên dưới hầu như không có gió nhưng bên trên gió thổi mạnh. Jack nhìn xuống. Nếu cậu từ đây rơi xuống, cậu sẽ rớt trên mái nhà gian phụ, gần gian ngang. Có thể cậu sẽ chết, nhưng không chắc chắn. Cậu đi tới gian trung tâm và đứng đó, nơi mái nhà bất ngờ kết thúc. Khi ngôi nhà thờ kiểu kiến trúc mới không vững vàng và Aliena rời bỏ cậu, cậu không còn gì để sống.

Quyết định của cô không tình cờ như nó có vẻ như thế, dĩ nhiên. Sự bất mãn của cô đã lớn lên trong nhiều năm – không phải chỉ có cô mà cả cậu cũng vậy. Nhưng họ đã quen với bất hạnh. Sau khi chiếm lại được lãnh địa, Aliena dường như tỉnh lại từ hôn mê và cô nhận ra cô chính là người chịu trách nhiệm cho cuộc đời cô. Tình trạng đã bất ổn từ trước, chứ không phải như cơn bão đã gây nên những vết nứt trong tường nhà thờ.

Cậu nhìn vào bức tường gian ngang và mái của hai gian phụ. Cậu có thể nhìn thấy trụ tường nặng nhô ra khỏi bức tường ở hai gian ngang, và cậu có thể tưởng tượng nửa vòng cung dưới mái của hai gian phụ, nối liền trụ tường với chân của bức tường có cửa sổ phía trên. Vấn đề có thể giải quyết được bằng cách, cậu đã nghĩ trước khi Philip làm cậu phân tâm buổi sáng hôm nay, là một trụ tường cao, có lẽ cao hai mươi bộ, với một vòng cung thứ hai bắt ngang khoảng trống tới bức tường nơi các vết nứt xuất hiện. Vòng cung và trụ tường cao sẽ tăng thêm độ giữ phần trên của nhà thờ và giữ bức tường vững chắc khi gió thổi.

Điều đó có thể giải quyết được vấn đề. Sự phức tạp là, nếu ông xây thêm một tầng thứ hai của gian phụ để che dấu trụ tường và nửa vòng cung thứ hai, cậu có thể mất ánh sáng; và nếu cậu không xây...

Khi tôi không xây thêm tầng phía trên, cậu nghĩ, chuyện gì sẽ xảy ra?

Cậu bị chi phối bởi cảm xúc rằng không có gì quá quan trọng từ khi cuộc sống của cậu bắt đầu tan rã và chia lìa; và trong tâm trạng đó cậu có thể nhìn thấy không có vấn đề gì nếu trụ tường đứng trơ trọi một mình. Đứng ở đây, trên đỉnh mái nhà, cậu dễ dàng tưởng tượng nó sẽ như thế nào. Một hàng cột đá mạnh mẽ sẽ vươn lên từ bức tường của hai gian phụ. Từ đỉnh mỗi cột, một nửa vòng cung sẽ bắt ngang khoảng trống sang đến phần cửa sổ phía trên. Có lẽ cậu sẽ trang trí đầu mỗi cột. Như vậy trông nó đẹp hơn.

Nó là một tư tưởng cách mạng khi xây một trụ chống mạnh mẽ, lộ thiên mà mọi người có thể nhìn thấy. Nó cũng thích hợp với phong cách kiến trúc mới là tỏ ra tòa nhà đã được xây như thế nào.

Một cách nào đó trực giác của cậu nói nó đúng.

Càng nghĩ về nó, cậu càng thích nó. Cậu tưởng tượng nhà thờ từ hướng tây. Nửa vòng cung sẽ trông giống như những cánh chim, tất cả thẳng hàng,

sẵn sàng cất cánh. Chúng không cần vĩ đại. Chúng có thể mảnh mai và thanh lịch, nhẹ nhàng nhưng mạnh mẽ, giống như những cánh chim. Những trụ tường có cánh, cậu nghĩ, đối với những nhà thờ nhẹ nó có thể bay.

Tôi tự hỏi, cậu nghĩ, nó có thành công không.

Một cơn gió bất ngờ làm cậu mất thăng bằng. Cậu bấp bênh trên góc mái nhà. Có lúc cậu nghĩ cậu sẽ ngã và chết. Sau đó cậu lấy lại thăng bằng và lui lại, tìm cậu đập mạnh.

Chậm rãi và cẩn thận, cậu trở lại theo mái nhà tới cửa tháp và đi xuống.

II

Công việc xây dựng nhà thờ chính tòa ở Shiring đã hoàn toàn ngừng hẳn. Tu viện trưởng Philip nhận thấy một chút hẫ hẫ về việc đó. Sau nhiều lần chán chường nhìn vào công trường xây dựng bỏ hoang, ông không thể không cảm thấy hài lòng vì chuyện đó bây giờ lại xảy ra cho kẻ thù của ông. Thợ xây Alfred chỉ có thời gian đập phá nhà thờ cũ và đặt chân móng cho gian cung thánh mới trước khi William bị hạ bệ và tiền bạc khô kiệt. Philip nhủ lòng rằng vui mừng về sự đổ nát của một nhà thờ là một tội. Tuy nhiên, ý Chúa rõ ràng rằng nhà thờ chính tòa được xây ở Kingsbridge, chứ không phải ở Shiring. Vận xấu đã theo đuổi dự án của Waleran dường như là một dấu hiệu rõ ràng của ý Thiên Chúa.

Bây giờ nhà thờ lớn nhất của thị trấn đã bị đập đi, tòa án quận được tổ chức ở sảnh đường lớn của lâu đài. Philip cười ngửa cùng với Jonathan lên đồi. Sau khi Remigius rời bỏ tu viện, Jonathan đã thành người phụ tá của Philip. Ông đã vị sức vì sự bội bạc của Remigius, nhưng sau đó ông vui vì đã thoát được ông ấy. Sau khi đánh bại Remigius trong cuộc bầu cử, ông ấy là một cái gai trong mắt Philip. Từ khi ông đi, tu viện sống thoải mái hơn.

Milius trở thành tu viện phó. Tuy nhiên ông vẫn tiếp tục giữ chức vụ thủ quỹ và có một đội ngũ ba người dưới quyền ông. Từ khi Remigius ra đi,

không ai có thể tưởng tượng được ông sẽ làm gì.

Philip có một sự hài lòng sâu xa khi làm việc với Jonathan. Ông vui vẻ giải thích cho cậu cách tu viện được điều hành, dạy cậu những khía cạnh của thế giới và chỉ cho cậu cách đối xử với con người. Chàng trai được nhiều người quý mến, nhưng một đôi khi cậu thiếu thông cảm và cậu có thể làm cho những người thiếu tự tin cáu tiết. Cậu phải học rằng những người đối xử một cách thù địch với cậu xuất phát từ yếu điểm của họ. Cậu chỉ nhìn thấy sự thù địch và phản ứng lại một cách giận dữ, thay vì nhìn thấy yếu điểm của họ và làm cho họ an tâm.

Jonathan có một trí thông minh sắc sảo, cậu thường làm cho Philip ngạc nhiên. Một đôi khi Philip thấy cậu mắc tội tự cao và nghĩ rằng Jonathan cũng giống như ông.

Hôm nay ông đem Jonathan theo ông để cậu tìm hiểu tòa án quận hoạt động như thế nào. Philip đang yêu cầu cảnh sát trưởng ra lệnh cho Richard để tu viện được dùng mỏ đá. Ông chắc chắn rằng Richard sai về mặt pháp lý. Luật mới về việc trao trả tài sản cho chủ cũ thời vua Henry cũ không ảnh hưởng đến quyền của tu viện. Mục đích của nó là cho phép Nam tước Henry thay thế các bá tước của Stephen bằng các bá tước của ông và thưởng công cho những người đã ủng hộ ông ấy. Nó rõ ràng không thể áp dụng cho các tu viện. Trong trường hợp này Philip tin rằng sẽ thắng, nhưng có một sự kiện không rõ ràng: vị cảnh sát trưởng đã chết và người thay thế sẽ được công bố vào ngày hôm nay. Không ai biết ai sẽ lên thay, nhưng mọi người dự đoán công việc đó sẽ được đảm trách bởi một trong bốn công dân hàng đầu ở Shiring: David Merchant, người bán lụa; Rees Welsh, một linh mục đã làm việc ở tòa án hoàng cung; Giles Lionheart, một hiệp sĩ với đất đai ngay bên ngoài thị trấn; hay Hugh Bastard, con trai không hợp pháp của giám mục ở Salisbury. Philip hy vọng Rees sẽ được chọn, không phải vì ông ấy là đồng hương của ông, nhưng bởi vì ông là người ủng hộ giáo hội. Nhưng Philip không quá lo lắng: bất cứ ai trong bốn người cũng sẽ xét xử cho quyền lợi của ông.

Họ cưỡi ngựa vào lâu đài. Nó không được bảo vệ nghiêm ngặt. Shiring đã thoát được nhiều cuộc chiến, vì bá tước của Shiring có một lâu đài riêng

re ở ngoài ô. Lâu đài này đúng hơn là trung tâm hành chính, với văn phòng và chỗ ở cho cảnh sát trưởng và binh lính của ông, và một ngục tối giam giữ tội nhân. Philip và Jonathan đem ngựa vào chuồng và đi vào đại sảnh trong tòa nhà lớn nhất.

Bàn ghế thường được kê theo hình chữ T đã được sắp xếp lại. Hàng đầu trên đỉnh của chữ T vẫn giữ nguyên, được nâng lên cao bằng một bậc; và những bàn khác được kê dọc theo bức tường hai bên, do đó nguyên đơn và bị cáo ngồi xa nhau và tránh bạo động.

Sảnh đường đã đầy. Giám mục Waleran ngồi trên bậc, trông ác độc. Trước sự ngạc nhiên của Philip, William Hamleigh ngồi với ông, nói chuyện to nhỏ với giám mục và quan sát những người vào sảnh đường. William làm gì ở đây? Từ chín tháng qua, cậu đã nằm dí ở trong làng, và Philip – cùng với nhiều người khác trong vùng – hy vọng rằng cậu sẽ ở đó mãi mãi. Nhưng cậu đang ở đây, ngồi trên ghế như thể cậu vẫn còn là bá tước. Cậu làm gì ở đây và cậu muốn gì, Philip tự hỏi.

Philip và Jonathan ngồi xuống bên phòng và chờ đợi phiên tòa bắt đầu. Trong tòa án có một bầu khí bận rộn và lạc quan. Bây giờ chiến tranh đã kết thúc, thành phần ưu tú của đất nước lại quan tâm đến việc kinh doanh để tạo nên của cải. Kinh doanh là một mảnh đất màu mỡ và những nỗ lực của họ đã có hiệu quả: người ta chờ đợi một mùa gặt hái tốt đẹp trong năm nay. Giá len tăng. Philip thuê lại hầu hết các thợ xây đã nghỉ việc trong cao điểm của nạn đói. Ở khắp mọi nơi, những người sống sót là những cá nhân trẻ, mạnh mẽ và khỏe mạnh, và bây giờ họ tràn đầy hy vọng. Người ta cảm nhận bầu khí này trong sảnh đường lớn ở Shiring – qua thái độ của con người, trong giọng nói của họ, qua những bộ giày mới của đàn ông, qua những khăn đầu sặc sỡ của phụ nữ và qua thực tế là họ đang sở hữu một cái gì đó có giá trị nên họ mới đem ra tòa.

Họ đứng lên khi phó cảnh sát trưởng và Bá tước Richard bước vào. Hai người trèo lên bậc và vẫn đứng, phó cảnh sát trưởng đọc lệnh của hoàng gia bổ nhiệm cảnh sát trưởng mới. Khi ông đọc phần mở đầu dài dòng, Philip lướt nhìn bốn ứng cử viên được dự kiến. Ông hy vọng người thắng cử có sự can đảm để tranh đấu cho luật pháp trước những ông trùm địa phương đầy

quyền lực như Giám mục Waleran, Bá tước Richard và Lãnh chúa William. Ứng cử viên được bổ nhiệm có lẽ đã được thông báo trước – không có lý do gì để giấu kín nó – nhưng không có ai trong số họ có vẻ phấn khởi. Thông thường người được bổ nhiệm sẽ đứng bên cạnh người sẽ đọc lệnh bổ nhiệm, nhưng những người đứng đó chỉ có Richard, Waleran và William. Philip kinh hoàng nghĩ rằng có lẽ Waleran được chỉ định làm cảnh sát trưởng. Rồi ông kinh hãi hơn khi nghe đọc: “... được chỉ định làm cảnh sát trưởng ở Shiring là William Hamleigh, và tôi ra lệnh cho mọi người giúp đỡ ông...”

Philip nhìn Jonathan và nói: “William!”

Có tiếng ngạc nhiên và phản đối trong số cư dân thị trấn.

Jonathan nói: “Tại sao cậu ấy có thể làm được chuyện đó?”

“Cậu ấy phải trả cho nó.”

“Cậu ấy lấy tiền ở đâu?”

“Mượn. Anh nghĩ như vậy.”

William di chuyển đến ngai gỗ ở giữa đỉnh dãy bàn và mỉm cười. Một thời cậu đã là một thanh niên đẹp trai, Philip nhớ lại. Cậu vẫn dưới bốn mươi, nhưng cậu trông già hơn. Thân cậu nặng nề, mặt cậu đỏ vì rượu và tất cả sức mạnh sống động và lạc quan làm nên khuôn mặt trẻ hấp dẫn đã biến mất, nhường chỗ cho một cái nhìn tàn tạ.

Khi William ngồi xuống, Philip đứng lên.

Jonathan đứng lên theo và thì thầm: “Chúng ta ra về à?”

“Theo anh,” Philip rít lên.

Căn phòng yên lặng. Tất cả ánh mắt dõi theo họ khi họ đi ngang căn phòng xử án. Đám đông rẽ ra cho họ đi. Họ đến cửa và đi ra ngoài. Lời bình luận tuôn ra vừa khi cánh cửa đóng sau lưng họ.

Jonathan nói: “Khi William xử án, chúng ta không có cơ hội.”

“Tệ hơn nữa,” Philip nói. “Khi chúng ta khẳng khái trong việc kiện của chúng ta, chúng ta có thể mất những quyền lợi khác.”

“Trời ơi! Em chẳng bao giờ nghĩ về điều đó.”

Philip gật đầu một cách chua chát. “Với William là cảnh sát trưởng, Waleran là giám mục và Richard phản bội là bá tước, tu viện Kingsbridge

không còn cơ hội có được công lý trong quận nữa. Họ có thể làm những gì họ muốn.”

Trong khi người coi ngựa gằn yên, Philip nói: “Anh đang kiến nghị nhà vua nâng Kingsbridge lên thành phố. Qua cách đó chúng ta có riêng tòa án, và chúng ta trả thuế trực tiếp cho nhà vua. Tác dụng là chúng ta ở ngoài thẩm quyền của cảnh sát trưởng.”

“Trong quá khứ anh luôn luôn chống lại chuyện đó,” Jonathan nói.

“Anh chống lại chuyện đó vì nó tạo cho thành phố nhiều quyền lực như tu viện. Nhưng bây giờ anh nghĩ chúng ta phải chấp nhận nó như cái giá phải trả cho sự độc lập. Lựa chọn khác là William.”

“Nhà vua có sẵn sàng cho chúng ta quyền pháp lý của một thành phố không?”

“Ông ấy có thể, ở một giá nào đó. Nhưng nếu ông ấy từ chối, có lẽ Henry sẽ cho khi ông ấy lên ngôi.”

Họ lên ngựa và cưỡi qua thành phố một cách chán nản. Họ đi qua cổng và qua bãi rác ngay bên ngoài thành. Một vài người già yếu tìm kiếm trong đồng rác cái gì đó để ăn, để mặc hay để đốt. Philip nhìn họ không để ý lắm, nhưng mắt ông bất ngờ dán chặt vào một người. Một hình dáng cao quen thuộc khom lưng trên đồng giẻ rách, lựa nó ra. Philip kìm dây cương ngựa lại. Jonathan tiến lên bên cạnh ông.

“Hãy nhìn,” Philip nói.

Jonathan nhìn theo ánh mắt ông. Một lúc sau cậu lặng lẽ nói: “Remigius.”

Philip quan sát. Waleran và William đã hiển nhiên bỏ rơi Remigius một thời gian trước đây, khi quỹ xây dựng nhà thờ mới khô cạn. Họ không còn cần ông. Remigius đã phản bội Philip, phản bội tu viện và phản bội Kingsbridge, trong hy vọng được trở thành Tu viện trưởng ở Shiring, nhưng bây giờ chẳng còn gì.

Philip quay ngựa ra khỏi con đường và vượt qua đồng rác đến chỗ Remigius đứng. Jonathan theo ông. Một mùi hôi như sương mù sông lên từ mặt đất. Khi đến gần, ông thấy Remigius gầy trơ xương. Tu phục của ông bẩn thỉu và ông đi chân không. Ông đã sáu mươi tuổi và trải qua cả cuộc

đời trưởng thành trong tu viện Kingsbridge: không ai dạy ông cách sống ngoài đời. Philip thấy ông kéo từ đồng rác một đôi giày da. Đôi giày có lỗ rách trong lòng bàn chân, nhưng Remigius nhìn nó với biểu hiện của một người tìm được kho tàng chôn giấu. Khi ông định thử chúng, ông nhìn thấy Philip.

Ông đứng thẳng lên. Mặt ông biểu lộ một cuộc nội chiến giữa xấu hổ và thách đố trong trái tim của ông. Một lúc sau ông nói: “Anh đến đây để hả hê về nỗi khổ của tôi à?”

“Không,” Philip nói nhẹ nhàng. Kẻ thù cũ của ông trong tình trạng đáng thương như thế này làm Philip không cảm thấy gì hơn là thương xót ông. Ông xuống ngựa và lấy một bình ra khỏi bao ở yên ngựa. “Tôi đến để cho anh một hớp rượu.”

Remigius không muốn nhận, nhưng ông quá đói khát để từ chối. Ông do dự một lúc, rồi giật lấy bình. Ông nghi ngờ ngửi rượu và đưa bình vào miệng. Khi đã bắt đầu uống, ông không còn có thể ngừng lại. Rượu chỉ còn nửa bình và ông đã uống hết trong vài phút. Ông lão đảo và hạ bình xuống.

Philip cầm lấy nó và cất lại vào trong bị. “Anh cũng cần cái gì để ăn,” ông nói. Ông đem ra một ổ bánh nhỏ.

Remigius lấy bánh và cho vào miệng. Rõ ràng từ nhiều ngày qua ông đã không có gì ăn và từ nhiều tuần không có một bữa ăn tươm tất. Ông có thể chết sớm, Philip buồn bã nghĩ; nếu không vì đói thì cũng chết vì xấu hổ.

Bánh đã trôi xuống nhanh. Philip nói: “Anh có muốn trở lại tu viện không?”

Ông nghe thấy Jonathan thở mạnh. Giống như nhiều tu sĩ khác, Jonathan đã hy vọng chẳng bao giờ thấy Remigius nữa. Có lẽ cậu nghĩ Philip điên nên mới đề nghị cho Remigius trở về.

“Trở về? Ở vị trí nào?” Nó tỏ ra con người cũ của Remigius.

Philip lắc đầu buồn bã. “Anh sẽ chẳng bao giờ nhận bất cứ một địa vị nào trong tu viện của tôi, Remigius. Anh có thể trở lại như một tu sĩ bình thường và khiêm tốn. Hãy xin Chúa tha thứ cho anh và sống cuộc đời còn lại trong cầu nguyện và suy niệm, chuẩn bị linh hồn anh cho cuộc sống mai sau.”

Remigius ngẩng đầu lên và Philip chờ đợi một sự từ chối; nhưng nó chẳng bao giờ đến. Remigius mở miệng muốn nói, rồi đóng lại và nhìn xuống. Philip đứng yên và im lặng, quan sát và tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra. Sự yên lặng kéo dài. Philip nín thở. Khi Remigius nhìn lên, mặt ông đầy nước mắt. “Vâng, thưa cha, xin vui lòng,” ông nói. “Em muốn về lại nhà.”

Philip cảm thấy một thoáng của niềm vui. “VẬY HÃY LÊN NGỰA CỦA TÔI.”

Remigius sửng sốt.

Jonathan nói: “Anh đang làm gì thế?”

Philip nói với Remigius: “Đi nào, làm như anh nói.”

Jonathan hoảng hốt. “Nhưng anh đi bằng gì?”

“Anh sẽ đi bộ,” Philip vui vẻ nói. “Một người trong chúng ta phải đi bộ.”

“Hãy để Remigius đi bộ!” Jonathan nói với giọng phẫn nộ.

“Hãy để ông ấy cười ngựa,” Philip nói. “Hôm nay ông ấy đã làm hài lòng Chúa.”

“Thế còn anh? Anh đã không làm hài lòng Chúa hơn Remigius sao?”

“Chúa Giê Su nói rằng thiên đàng vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn hơn là chín mươi chín người công chính,” Philip phản đối. “Em không nhớ đến dụ ngôn người con hoang đàng sao? Khi cậu ấy trở về, cha cậu đã giết con bê béo. Các thiên thần vui mừng vì nước mắt của Remigius. Chuyện nhỏ nhất anh có thể làm là cho ông ấy con ngựa của anh.”

Ông cầm lấy dây cương và dẫn đường qua đồng rác ra tới đường. Jonathan theo sau. Khi họ ra tới đường, Jonathan xuống ngựa và nói: “Anh làm ơn lấy con ngựa của em, và cho phép em được đi bộ.”

Philip quay lại cậu và nói với một chút nghiêm khắc. “Hãy lên ngựa của em. Đừng tranh luận với anh và hãy nghĩ về những gì đã xảy ra và tại sao.”

Jonathan bối rối. Cậu lên ngựa và không nói gì nữa.

Họ quay về hướng Kingsbridge. Nó xa chừng hai mươi dặm. Philip đi bộ, ông cảm thấy tuyệt vời. Sự trở lại của Remigius bù đắp hơn cho sự mất mỏ đá. Tôi thua trong vụ kiện, ông nghĩ, nhưng nó chỉ mất những hòn đá. Những gì tôi đạt được còn có giá trị hơn.

Hôm nay tôi đã thắng một linh hồn.

III

Táo chín mới nổi trôi trong thùng, tỏa màu đỏ vàng trong ánh mặt trời lấp lánh trên mặt nước. Sally, chín tuổi và dễ kích động, cúi mình trên thành thùng với hai bàn tay chắp sau lưng và cố gặm một trái táo bằng răng của mình. Trái táo trôi đi, khuôn mặt cô chúi xuống nước, rồi cô ngẩng lên thối phì phì và ré lên cười. Aliena cười nhẹ và lau mặt cô con gái nhỏ.

Nó là một buổi chiều mùa hè ấm áp, một ngày lễ và là ngày nghỉ, và hầu hết dân làng tụ họp trên cánh đồng bên kia sông cho trò chơi gặm táo trôi trên mặt nước. Đây là những dịp Aliena rất thích, nhưng đây là ngày lễ cuối cùng của cô ở Kingsbridge làm cô luôn bận tâm và xuống tinh thần. Cô vẫn quyết định rời Jack, nhưng từ khi quyết định cô đã bắt đầu cảm thấy trước nỗi đau của mất mát.

Tommy đang lang thang gần thùng nước và Jack gọi: “Chơi đi con, Tommy – hãy thử xem.”

“Con chưa chơi đâu,” cậu trả lời.

Vào lứa tuổi mười một Tommy biết cậu thông minh hơn em gái cậu và cậu nghĩ cậu hơn hầu hết mọi người nữa. Cậu nhìn một lúc, nghiên cứu kỹ thuật của những người đã thắng trò chơi. Aliena chăm chú nhìn cậu quan sát. Cô yêu cậu một cách đặc biệt. Jack bằng tuổi này khi cô gặp Jack lần đầu, và Tommy giống Jack khi còn nhỏ. Nhìn cậu cô nhớ lại tuổi thơ. Jack muốn Tommy trở thành thợ xây, nhưng Tommy chưa tỏ ra cậu thích thú về xây dựng. Tuy nhiên, thời gian còn dài.

Sau cùng cậu bước lên thùng. Cậu cúi mình xuống và gục đầu xuống chậm rãi. Cậu đẩy trái táo cậu chọn xuống mặt nước, nhấn cả mặt xuống sâu, và rồi ngẩng lên đắc thắng với một trái táo trong hàm răng.

Khi Tommy để tâm đến điều gì đó, cậu cũng đạt được nó. Trong cậu có một chút gì đó của ông ngoại, Bá tước Bartholomew. Cậu có một ý chí mạnh mẽ và một cảm giác nhạy cảm cho đúng và sai, tốt và xấu.

Sally kế thừa bản chất dễ tính và coi thường luật lệ do con người tạo ra của Jack. Khi Jack kể cho các con những câu truyện, Sally luôn luôn có cảm tình với những người yếu thế, trong khi Tommy thường hay lên án. Mỗi đứa trẻ có cá tính từ một phần của cha mẹ và nét mặt của người kia: Sally vui vẻ có nét cân đối và lọn tóc đen rối của Aliena, và Tommy dứt khoát có tóc màu cà rốt, nước da trắng và mắt xanh của Jack.

Tommy reo lên: “Cậu Richard đến!”

Aliena quay lại và dõi theo ánh mắt của cậu. Chắc chắn rồi, em cô, Bá tước Richard đang cưỡi ngựa vào bãi cỏ cùng với một nhóm các hiệp sĩ và cận thần. Aliena kinh ngạc. Làm sao cậu có đủ can đảm để chường mặt ra ở đây sau khi cậu đã đối xử tệ như thế với Philip về quặng mỏ?

Cậu đi đến thùng, mỉm cười và bắt tay mọi người. “Thử cắn một trái táo, cậu Richard,” Tommy nói. “Cậu có thể làm nó.”

Richard nhúng đầu vào thùng và ngẩng lên với một trái táo trong hàm răng trắng của cậu và bộ râu bạch kim của cậu ướt sũng. Trong trò chơi cậu thành công hơn là trong đời sống thật, Aliena nghĩ.

Cô không thể cho cậu tiếp tục như thế cậu chẳng làm điều gì sai. Những người khác có thể sợ nói bất cứ điều gì vì cậu là bá tước, nhưng đối với cô, cậu chỉ là một người em nhỏ đại khờ. Cậu đến hôn cô, nhưng cô đẩy cậu ra và nói: “Làm sao em dám ăn cắp mỏ đá của tu viện?”

Jack thấy cuộc tranh cãi nổ ra nên nắm tay các con và đi chỗ khác.

Richard có vẻ đau. “Tất cả tài sản được trả lại cho chủ cũ –”

“Đừng nói với chị điều đó,” Aliena ngắt lời. “Sau khi Philip đã làm tất cả cho em!”

“Mỏ đá là một phần thừa kế của em,” cậu nói. Cậu kéo cô ra bên cạnh và nói nhỏ để những người khác không nghe được. “Ngoài ra, em cần tiền. Em phải bán đá, Allie.”

“Đó là tại vì em đi săn cả thời gian!”

“Nhưng em phải làm gì?”

“Em phải làm cho đất thành giàu có! Có nhiều việc phải làm – sửa lại những đổ vỡ do chiến tranh và nạn đói gây ra, mang lại phương pháp canh

tác mới, dọn rừng và thoát nước ngập – đó là cách tăng sự giàu có của em. Không phải ăn cắp mỏ đá mà Vua Stephen đã cho tu viện Kingsbridge.”

“Em chẳng bao giờ lấy bất cứ cái gì không phải là của em.”

“Em cũng chẳng bao giờ làm cái gì khác!” Aliena bùng lên. Aliena quá tức giận để nói ra những điều mà tốt hơn không nên nói. “Em chẳng bao giờ làm bất cứ cái gì. Em lấy tiền của chị mua những vũ khí ngớ ngẩn. Em lấy công việc Philip cho em. Em lấy lãnh địa khi nó được trao cho em trên một cái đĩa chị đã dọn sẵn. Bây giờ em không thể điều hành nó mà không cần lấy những cái không thuộc về em.” Cô quay đi và giận dữ bỏ đi.

Richard đi theo cô, nhưng một người nào đó giữ cậu lại, cúi đầu và hỏi thăm cậu. Aliena nghe cậu trả lời lịch sự, sau đó bị lôi kéo vào cuộc trò chuyện. Như vậy lại tốt hơn: cô đã nói phần của cô và không muốn tranh cãi với cậu nữa. Cô đến chiếc cầu và quay lại. Bây giờ một người khác nói chuyện với cậu. Cậu vẫy cô, ra hiệu như muốn tiếp tục nói chuyện với cô, nhưng cậu bị mắc kẹt. Cô thấy Jack, Tommy và Sally đang chơi một trò chơi với gậy và bóng. Cô chăm chú nhìn họ chơi chung với nhau dưới ánh mặt trời, và cô cảm thấy cô không thể chia lìa họ. Nhưng còn cách nào khác, cô nghĩ, để tôi có một đời sống bình thường?

Cô vượt qua cây cầu vào thị trấn. Cô muốn ở một mình một lúc.

Cô đã thuê một căn nhà ở Winchester, một căn nhà rộng với một cửa tiệm ở tầng trệt, một phòng khách ở tầng trên, một phòng ngủ riêng, và một nhà kho lớn ở cuối sân để chứa vải. Nhưng càng gần đến ngày dọn đi, cô càng không muốn đi.

Các con đường ở Kingsbridge nóng và bụi bặm, và không khí đầy ruồi được phát sinh từ những đồng phân. Tất cả cửa tiệm đã đóng cửa và các nhà đã gài then. Thị trấn hoang vắng. Mọi người ở trên bãi cỏ.

Cô đến nhà Jack. Đó là nơi những người khác sẽ đến khi trò chơi cần táo qua đi. Cửa nhà mở. Cô cau mày khó chịu. Ai đã để cửa như vậy? Rất nhiều người có chìa khóa nhà: cô, Jack, Richard và Martha. Không có gì nhiều để ăn cắp. Aliena chắc chắn không để tiền ở đó: từ nhiều năm nay Philip đã cho cô gửi nó trong kho bạc của tu viện. Nhưng cả nhà sẽ đầy ruồi.

Cô đi vào. Trời tối và lạnh. Những con ruồi nhầy múa giữa phòng, nhặng bò trên khăn bàn và vài con ong bay quanh nôi mật.

Và Alfred đang ngồi ở bàn.

Aliena hét lên một tiếng hoảng sợ nhỏ, sau đó bình tĩnh lại và nói: “Làm sao anh có thể vào được?”

“Anh có chìa khóa.”

Cậu ấy đã giữ nó từ lâu, Aliena nghĩ. Cô nhìn cậu. Vai rộng của cậu đã gãy trơ xương và khuôn mặt cậu hốc hác. Cô nói: “Anh làm gì ở đây?”

“Anh muốn gặp em.”

Cô thấy mình run lên, không phải vì sợ mà vì giận. “Em không muốn gặp anh, bây giờ và chẳng bao giờ nữa,” cô khạc nhổ. “Anh đối xử với em như một con chó, và rồi khi Jack thương hại anh và thuê anh làm, anh đã phản bội sự tin tưởng của anh ấy và đem tất cả thợ của anh ấy đến Shiring.”

“Anh cần tiền,” cậu nói với một pha trộn của van nài và thách thức trong giọng nói.

“Vậy hãy đi làm.”

“Việc xây dựng đã ngưng lại ở Shiring. Anh không thể tìm được việc làm ở Kingsbridge.”

“Vậy hãy đi London – hãy đi Paris.”

Cậu bướng bỉnh như con bò. “Anh nghĩ em sẽ giúp anh.”

“Ở đây không có gì cho anh. Tốt hơn anh nên đi ra.”

“Em không có lòng thương xót sao?” cậu nói, giọng cậu không còn thách thức mà chỉ còn van xin.

Cô dựa vào bàn. “Alfred, anh không hiểu là em ghét anh sao?”

“Tại sao?” Cậu nói. Cậu trông đáng thương như thể điều đó là một bất ngờ cho cậu.

Trời ơi! Cậu ấy quá ngu ngốc, cô nghĩ; nó gần như cậu ấy muốn một lời xin lỗi. “Đi đến tu viện nếu anh cần sự từ thiện,” cô nói một cách mệt mỏi. “Khả năng tha thứ của tu viện trưởng vượt trên sức người phạm. Nhưng em thì không.”

“Nhưng em là vợ anh,” Alfred nói.

Nó đã đủ. “Em không phải là vợ anh,” cô rít lên. “Anh không phải là chồng em. Anh chẳng bao giờ là chồng em. Bây giờ hãy ra khỏi nhà này.”

Trước sự ngạc nhiên của cô, cậu nắm tóc cô. “Em là vợ anh,” cậu nói. Cậu kéo cô qua bàn về phía cậu, và với bàn tay còn lại cậu ôm ngực cô và bóp mạnh.

Aliena hoàn toàn bất ngờ. Đó là điều cuối cùng cô chờ đợi từ một người đàn ông đã ngủ cùng phòng với cô chín tháng trời mà không thực hiện một hành vi tình dục nào. Tự động cô hét lên và giằng mình ra khỏi cậu, nhưng cậu nắm chặt tóc cô và kéo cô lại. “Không có ai nghe tiếng em hét đâu,” cậu nói. “Họ ở bên kia bờ sông.”

Đột nhiên cô sợ hãi kinh hoàng. Họ ở một mình, và cậu ấy rất khỏe. Sau nhiều dặm đường cô đã đi qua, sau nhiều năm cô đã mạo hiểm trong các chuyến đi, bây giờ cô bị tấn công ngay tại nhà bởi một người đàn ông mà cô đã kết hôn!

Cậu nhìn thấy nỗi sợ trong mắt cô và nói: “Em sợ ư? Tốt hơn em nên tử tế với anh.” Rồi cậu hôn lên môi cô. Cô cắn môi cậu mạnh bao nhiêu có thể. Cậu gầm lên đau đớn.

Cô không nhìn thấy những cú đấm đang tới. Nó đập mạnh lên má cô đến nỗi cô đã kinh hoàng nghĩ rằng cậu ấy đã đập vỡ xương cô. Một lúc cô hoa mắt và mất thăng bằng. Cô lao đảo ra khỏi bàn và cảm thấy mình ngã xuống. Lau sậy trên nền nhà làm nhẹ đi cái ngã của cô. Cô lắc đầu cho tỉnh táo và với tay lấy con dao trong tay áo bên trái. Nhưng trước khi cô có thể rút ra, cả hai cổ tay của cô đã bị giữ và cô nghe Alfred nói: “Anh biết về con dao găm nhỏ đó. Anh đã nhìn thấy em thay quần áo, nhớ không?” Cậu buông tay cô, đấm một cái nữa vào mặt cô và nắm lấy con dao găm.

Aliena cố luồn lách đi. Cậu ngồi trên chân cô và đặt bàn tay trái lên cổ cô. Aliena đập tay xung quanh. Bất ngờ mũi giao găm kề ngay mắt cô. “Hãy yên hay anh sẽ móc mắt em,” cậu nói.

Cô cứng người. Ý nghĩ bị mù làm cô hoảng sợ. Cô đã nhìn thấy người bị mù vì hình phạt. Họ đi ăn xin ngoài đường, đôi mắt rỗng nhìn chăm chăm vào người qua lại. Những đứa nhỏ trêu chọc họ, ngáng chân cho họ vấp ngã

để họ giận giữ và cố gắng đuổi theo bắt kẻ trêu chọc họ. Thông thường họ sẽ chết trong vòng một hay hai năm.

“Anh nghĩ có thể làm em bình tĩnh lại,” Alfred nói.

Tại sao cậu ấy làm điều đó? Cậu ấy chẳng bao giờ có ham muốn nào với cô. Có phải vì cậu thất bại và giận dữ, và cô có điểm yếu? Có phải cô đại diện cho thế giới từ chối cậu?

Cậu nghiêng người về phía trước, hai đầu gối bên cạnh hông cô, giữ con dao vào mắt cô. Một lần nữa cậu đưa mặt cậu gần với mặt cô. “Bây giờ,” cậu nói, “hãy tử tế.” Cậu hôn cô.

Mặt chưa cạo râu của cậu làm xước da mặt cô. Hơi thở cậu toàn mùi bia và hành. Cô giữ miệng khép kín.

“Không được,” cậu nói. “Hãy hôn lại anh.”

Cậu hôn cô một lần nữa, và dí con dao gần hơn. Khi nó đụng vào mắt cô, cô chuyển động môi cô. Miệng cậu làm cô muốn nôn. Cậu đẩy lưỡi thô của cậu giữa đôi môi cô. Cô cảm thấy như cô phải ứa ra và cố gắng đè nén cảm giác kinh tởm vì sợ cậu ấy sẽ giết cô.

Cậu kéo người lên khỏi cô, nhưng vẫn giữ con dao vào mắt cô. “Bây giờ,” cậu nói. “Hãy sờ cái này.” Cậu lấy tay cô kéo vào trong áo dài của cậu. Cô chạm vào cơ quan sinh dục của cậu. “Cầm lấy nó,” cậu nói. Cô nắm nó. “Bây giờ cọ xát nhẹ nhàng.”

Cô vâng lời cậu. Khi cô làm cậu thỏa mãn điều này, có thể cậu sẽ buông tha cô, cô nghĩ. Cô sợ hãi nhìn vào mặt cậu. Mặt cậu đỏ lên và mắt cậu nhắm nghiền. Cô vuốt ve cậu ấy đến tận gốc, nhớ rằng Jack đã bị kích thích vì nó.

Cô sợ rằng cô sẽ chẳng bao giờ có thể hưởng sự âu yếm này lần nữa, và nước mắt cô rơi xuống.

Cậu giật con dao một cách nguy hiểm. “Đừng mạnh quá!” cậu nói.

Cô tập trung.

Rồi cánh cửa bật mở.

Tim cô đầy hy vọng. Một luồng sáng chiếu qua phòng và nhấp nháy qua làn nước mắt của cô. Alfred chết cứng. Cô kéo tay cô ra khỏi.

Cả hai nhìn về phía cửa. Ai đó? Aliena không thể nhìn thấy. Xin đừng cho một đứa con nào vào, lạy Chúa, cô cầu nguyện, con cảm thấy xấu hổ. Cô nghe một tiếng gầm giận dữ. Nó là giọng nói của một người đàn ông. Cô chớp đi những giọt nước mắt và nhận ra em trai Richard của cô.

Tội nghiệp Richard: nó còn tồi tệ hơn nếu là Tommy. Richard còn mang trên tai phải vết sẹo, nhắc nhở cậu về một biến cố mà cậu phải chứng kiến khi cậu mười bốn tuổi. Bây giờ cậu lại phải chứng kiến một cảnh khác. Làm sao cậu có thể chịu đựng được?

Alfred chồm dậy trên đôi chân, nhưng Richard còn nhanh hơn cậu. Aliena thấy Richard lao qua căn phòng nhỏ nhanh như chớp và dùng đôi giày đá trúng cằm Alfred. Alfred dựa vào bàn. Richard rượt theo cậu, vô ý đạp lên cả Aliena và tấn công Alfred bằng chân và tay. Aliena lăn ra chỗ khác. Mặt Richard có nét của tức giận không thể kiềm chế được. Cậu không nhìn Aliena. Cậu không lo lắng cho cô, cô hiểu. Cậu nổi giận không phải vì những gì Alfred đã làm cho cô hôm nay, nhưng vì những gì William và Walter đã làm cho cậu, Richard, mười tám năm về trước. Ngày đó cậu còn là một thiếu niên nhút nhát và bất lực. Bây giờ cậu là một thanh niên khỏe mạnh và một người lính có kinh nghiệm, và sau cùng cậu đã tìm thấy một mục tiêu cho sự tức giận điên cuồng mà cậu đã nuôi nó trong lòng từ những năm qua. Cậu đánh Alfred lần nữa, rồi lần nữa với cả hai nắm đấm. Alfred lão đảo quanh bàn, cố giơ hai tay lên bảo vệ mình. Rồi Richard bồi một cú đấm vào trúng cằm Alfred, cậu ấy ngã xuống.

Alfred nằm trên đồng lau sậy, nhìn lên kinh hoàng. Aliena sợ hãi trước bạo lực của em mình và nói: “Đủ rồi, Richard!” Richard làm ngơ và bước đến đá vào Alfred. Rồi bất ngờ Alfred nhận ra cậu vẫn còn con dao của Aliena trong tay. Cậu né cú đá, nhanh chóng đứng lên và vung dao ra. Giật mình, Richard nhảy lui lại. Alfred lao vào cậu, đẩy cậu lui về phía sau tường. Cả hai đều cao và có thân hình như nhau, Aliena nhận ra. Richard là một người quen với chiến đấu, nhưng Alfred có vũ khí: cả hai cân bằng nhau. Aliena bất ngờ lo cho em mình. Điều gì sẽ xảy ra nếu Alfred thắng? Chính cô cũng phải chiến đấu với Alfred.

Cô nhìn quanh tìm một vũ khí. Mắt cô sáng lên vì đồng cùi bên lò sưởi. Cô nhặt lên một bản gỗ nặng.

Alfred lại lao vào Richard. Richard tránh; và khi cánh tay Alfred vừa đưa ra, Richard nắm lấy cổ tay cậu ấy và kéo. Alfred mất thăng bằng, lao đảo về phía trước. Richard đâm cậu ấy nhiều lần, rất nhanh, bằng cả hai nắm đấm, nhắm vào mặt và cơ thể cậu ấy. Một nụ cười man rợ trên khuôn mặt Richard, nụ cười của người đàn ông đang trả thù. Alfred bắt đầu rên rỉ, và giơ tay lên bảo vệ mình.

Richard do dự, thở dốc. Aliena nghĩ nó sắp kết thúc. Nhưng bất ngờ Alfred lại đâm, với một tốc độ bất ngờ, và lần này mũi dao sượt qua má Richard. Richard nhẩy trở lại, đau đớn. Alfred tiến lên với con dao giơ cao. Aliena thấy Alfred có thể giết Richard. Cô chạy về phía Alfred, vung khúc gỗ với tất cả sức mạnh của cô. Cô đánh trượt đầu nhưng trúng khuỷu tay phải của cậu ấy. Cô nghe tiếng vỡ khi miếng gỗ đập xương. Miếng đòn làm tay Alfred tê liệt và con dao rơi xuống khỏi tay cậu.

Cách nó kết thúc thật nhanh chóng.

Richard cúi xuống, nhặt con dao của Aliena và với cùng chuyển động, cậu nâng nó lên và đâm vào ngực cậu ấy với một sức mạnh kinh hoàng.

Con dao găm chìm sâu đến chuôi.

Aliena nhìn chăm chăm, kinh sợ. Nó là một đòn khủng khiếp. Alfred hét lên như một con heo bị đâm tiết. Richard kéo con dao ra, và máu Alfred phun ra từ lỗ trong ngực cậu. Alfred mở miệng hét lên, nhưng không phát thành tiếng. Mặt cậu trở nên trắng, rồi xám, mắt cậu đóng lại, và ngã xuống. Máu thấm vào lau sậy.

Aliena quỳ bên cạnh cậu. Mắt cậu chớp chớp. Cậu vẫn còn thở nhưng sự sống đã ra khỏi cậu. Cô nhìn lên Richard đang đứng thở mạnh. “Anh ấy đã chết,” cô nói.

Richard gật đầu. Cậu ấy không còn cử động. “Em đã nhìn thấy nhiều người tử tế hơn anh ấy chết,” cậu nói. “Em đã giết những người không đáng chết như anh ấy.”

Aliena kinh hoàng về sự khắc nghiệt của cậu, nhưng cô không nói gì. Cô nhớ lại lần đầu tiên Richard giết người. Nó xảy ra sau khi William chiếm

lâu đài, và cô cùng Richard trên đường đến Winchester, và hai tên cướp đã tấn công họ. Aliena đã đâm một tên cướp, nhưng cô đã ép Richard, khi đó mới mười lăm tuổi, phải cho ông ấy nhát kiếm cuối cùng. Nếu cậu ấy nhẫn tâm, cô nghĩ với mặc cảm tội lỗi, thì ai là người đã gây ra cho cậu ấy như vậy?

Cô lại nhìn Alfred. Cậu ấy mở mắt và nhìn lại cô. Cô cảm thấy xấu hổ vì cô có ít sự thương hại với người sắp chết này. Cô nhìn vào trong mắt cậu và nghĩ rằng chính cậu ấy cũng chẳng có lòng thương xót, chẳng biết tha thứ, chẳng rộng lượng. Cậu đã nuôi dưỡng sự bức bối và hận thù trong suốt cuộc đời cậu và tìm niềm vui qua hành động gian ác và trả thù. Đời sống của anh có thể đã khác, Alfred, cô nghĩ. Anh có thể tử tế với em gái anh, và tha thứ cho em ghẻ của anh vì cậu ấy khôn ngoan hơn anh. Anh có thể đã kết hôn vì yêu thay vì để trả thù. Anh cũng có thể trung thành với Tu viện trưởng Philip. Anh cũng có thể hạnh phúc.

Mắt cậu bất ngờ mở rộng và cậu nói: “Trời ơi! Nó đau.”

Cô mong cậu chết nhanh.

Mắt cậu đóng lại.

Alfred ngừng thở.

Aliena đứng lên. “Bây giờ tôi là một góa phụ,” cô nói.

Alfred được chôn trong nghĩa trang ở tu viện Kingsbridge. Đó là ước nguyện của Martha và cô là người máu mủ thân thiết duy nhất còn sống. Cô cũng là người duy nhất buồn. Alfred chẳng bao giờ tốt với cô, và cô luôn luôn dựa vào Jack, người anh ghẻ của cô, để tìm kiếm an ủi và che chở; tuy nhiên cô muốn cậu được chôn ở một chỗ nào đó gần gũi để cô có thể thăm mộ cậu. Khi họ hạ quan tài xuống, chỉ có mình Martha khóc.

Jack nhẹ nhõm vì Alfred không còn nữa. Tommy, đứng với Aliena, quan tâm đến mọi thứ - đây là một đám tang trong gia đình đầu tiên và nghi thức an táng đối với cậu tất cả đều mới mẻ. Sally mặt trắng bệch và sợ hãi, nắm chặt tay Martha.

Richard đã có mặt. Cậu nói với Aliena trong buổi lễ rằng cậu đến để xin Chúa tha thứ cho việc giết người anh rể của cậu. Không phải vì cậu cảm thấy cậu đã làm sai, cậu vội vàng thêm vào: cậu chỉ muốn cho chắc chắn.

Aliena, khuôn mặt thâm tím và sưng lên vì những cú đánh của Alfred, nhớ lại người chết khi cô gặp cậu lần đầu. Cậu đã tới lâu đài lãnh chúa với bố cậu, thợ xây Tom, và Martha và Ellen và Jack. Khi đó Alfred đã là kẻ bắt nạt trong gia đình, to lớn và mạnh mẽ, với sự tinh quái xảo quyệt và thô tục. Nếu Aliena biết rằng ngày nào đó cô sẽ kết hôn với cậu ấy, có lẽ tốt hơn cô đã nhảy xuống khỏi tường thành. Cô không tưởng tượng được cô lại gặp gia đình ấy sau khi họ rời lâu đài; nhưng sau cùng cả cô và họ lại sống ở Kingsbridge. Cô và Alfred đã sáng lập hội đồng giáo xứ, một tổ chức hiện nay trở thành cơ chế quan trọng trong đời sống thị trấn. Đó là lúc Alfred cầu hôn cô. Ngay cả trong giấc mơ cô cũng không nghĩ ra là cậu cầu hôn cô vì muốn trả thù em ghẻ của cậu hơn là vì yêu cô. Cô đã từ chối cậu, nhưng sau đó cậu đã nghĩ ra cách đánh lừa cô, và đã thuyết phục cô kết hôn với cậu ấy bằng cách hứa hẹn sẽ hỗ trợ cho em trai cô. Nhìn lại điều đó, cô cảm thấy Alfred xứng đáng nhận sự thất vọng và nhục nhã trong hôn nhân của họ. Động cơ hôn nhân của cậu là nhẫn tâm và phần thưởng của cậu là không có tình yêu.

Aliena không thể không cảm thấy hạnh phúc. Dĩ nhiên cô không còn phải rời đi sống ở Winchester nữa: Cô và Jack có thể kết hôn ngay. Cô đã có một bộ mặt nghiêm trang trong đám tang và ngay cả một vài tư tưởng nghiêm trang, nhưng tim cô vỡ òa vì vui.

Philip đồng ý cho chôn Alfred trong nghĩa trang tu viện. Qua đó ông đã tỏ ra khả năng tha thứ vô hạn của ông đối với những người đã phản bội ông.

Khi năm người lớn và hai đứa bé đứng bên ngôi mộ chưa lấp đất, Ellen đến.

Philip bực mình. Ellen đã nguyên rủa một đám cưới Kitô giáo, và vì thế bà không được đến khu tu viện; nhưng ông không thể đuổi bà khỏi đám tang con trai riêng của chồng bà. Dù sao nghi thức an táng đã chấm dứt, vì thế Philip đi về.

Aliena ân hận. Philip và Ellen, cả hai đều tốt, và thật là xấu hổ vì cả hai trở thành kẻ thù. Nhưng họ tốt trong cách khác nhau và họ, cả hai đều cố chấp về quan niệm luân lý.

Ellen trông già hơn, với nhiều nét nhăn trên mặt và nhiều tóc bạc, nhưng mắt vàng rờng của bà vẫn đẹp. Bà mặc một áo da thô, còn ngoài ra không có gì khác, ngay cả không có giày. Cánh tay và chân bà rám nắng và gân guốc. Tommy và Sally chạy đến hôn bà. Jack theo sau và ôm bà, siết chặt bà.

Ellen dơ má cho Richard hôn và nói: “Cháu đã làm đúng. Đừng cảm thấy mắc tội.”

Bà đứng ở cạnh mộ, nhìn vào và nói: “Tôi là dì ghẻ của cậu ấy. Tôi ước gì tôi đã biết cách làm cho cậu ấy hạnh phúc.”

Khi bà quay ra khỏi ngôi mộ, Aliena ôm bà.

Tất cả họ chậm rãi đi ra khỏi đó. Aliena nói với Ellen: “Mẹ có thể ở lại một chút và ăn cơm trưa không?”

“Rất vui.” Bà luồn tay qua mớ tóc đỏ của Tommy. “Mẹ muốn nói chuyện với các cháu của mẹ. Chúng lớn nhanh quá! Khi mẹ gặp thợ xây Tom lần đầu, Jack bằng tuổi Tommy bây giờ.” Họ đến cổng tu viện. “Khi các con già hơn, năm tháng dường như trôi đi nhanh hơn. Mẹ tin như thế -.” Bà ngừng câu nói lại và dừng bước.

“Chuyện gì vậy?” Aliena hỏi.

Ellen nhìn chăm chăm vào cổng tu viện. Chiếc cổng gỗ mở. Đường phố bên ngoài vắng tanh, nhưng một đám trẻ từ phía xa đứng xúm vào nhau, nhìn vào cái gì đó mà họ không thấy.

“Richard!” Ellen nói gay gắt. “Đừng đi ra ngoài!”

Mọi người dừng bước. Aliena có thể nhìn thấy cái gì đã cảnh giác Ellen. Đám trẻ nhìn như thể chúng quan sát cái gì hoặc ai đó đang chờ ở ngoài cửa, bị che nấp bởi bức tường.

Richard phản ứng nhanh chóng. “Đó là cái bẫy!” cậu nói. Không nói thêm câu nào, cậu quay lại và chạy đi.

Một lúc sau một chiếc đầu đội mũ sắt xuất hiện ở cổng. Người đàn ông nhìn thấy Richard chạy về hướng nhà thờ, ông ấy hét lên báo động và lao vào sân. Theo sau ông là ba, rồi bốn và năm người khác.

Những người tham dự đám tang phân tán. Binh lính bỏ qua họ và đuổi theo Richard. Aliena sợ hãi và bối rối: ai là người dám tấn công bá tước

thành Shiring một cách công khai và trong một tu viện? Cô nín thở nhìn họ đuổi theo Richard qua sân. Cậu nhảy qua bức tường thấp mà các thợ xây vừa mới làm. Những người đuổi theo cậu nhảy theo sau, không quan tâm rằng họ đang vào một nhà thờ. Các thợ thủ công chết đứng ở vị trí, tay giơ bay và búa lên. Một người học việc trẻ hiểu ra vấn đề, cậu giơ một cái xẻng ra và một người lính ngã nhào. Những người khác không phản ứng gì. Richard đến cửa tu viện. Người đuổi theo cậu gần nhất giơ kiếm lên trên đầu cậu. Một thoáng kinh hoàng Aliena nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra khi cửa tu viện đóng và cậu không thể vào. Người lính đâm vào Richard. Richard đẩy cửa và len vào trong, và mũi kiếm đâm vào gỗ khi cánh cửa đóng sầm.

Aliena thở phào.

Những người lính tụ họp quanh cổng tu viện, rồi bắt đầu nghi ngờ. Họ dường như nhận ra một cách bất ngờ rằng họ đang ở đâu. Các thợ thủ công đã nhìn họ thù địch và đã giơ búa và rìu lên. Có cả trăm người thợ xây và chỉ có năm người lính.

Jack nói giận dữ: “Những người này là ai?”

Một giọng nói phía sau trả lời cậu: “Họ là người của cảnh sát trưởng.”

Aliena kinh hãi nhìn quanh. Cô biết giọng nói khủng khiếp đó. Ở cổng, William Hamleigh ngồi trên lưng con ngựa đen, trang bị vũ khí và mặc áo giáp. Nhìn thấy cậu, Aliena ớn lạnh.

Jack nói: “Hãy ra khỏi đây, đồ côn trùng.”

William đỏ mặt vì bị xúc phạm, nhưng cậu không di chuyển. “Tôi đến đây vì có lệnh bắt.”

“Người của Richard sẽ xé xác cậu.”

“Cậu ấy sẽ không còn quân khi ở trong tù.”

“Cậu nghĩ cậu là ai? Một cảnh sát trưởng không thể bắt một bá tước vào tù!”

“Có thể vì tội giết người.”

Aliena thở dồn dập. Ngay lập tức cô nhìn ra ngay kế hoạch quỷ quái của William. “Đó không phải là giết người!” cô bật ra.

“Nó là,” William nói. “Bá tước Richard giết thợ xây Alfred. Và bây giờ tôi phải cắt nghĩa cho Tu viện trưởng Philip là ông đang chứa chấp một kẻ

giết người.”

William thúc ngựa và cười ngựa qua họ, ngang qua đầu phía tây của gian giữa chưa xây, đến sân nhà bếp, nơi dân chúng thường được tiếp. Aliena nhìn theo cậu với sự ngờ vực. Cậu như con quỷ không thể tin được. Tội nghiệp Alfred, người mà họ vừa chôn cất, cậu đã có nhiều sai lầm vì nhỏ mọn và vì cá tính yếu ớt: sự xấu xa của cậu bi thảm hơn bất cứ điều gì khác. Nhưng William thật sự là đây tớ của ma quỷ. Aliena nghĩ: Khi nào chúng ta mới thoát được con yêu quái này?

Binh lính tụ họp với William ở trong sân bếp và một người trong bọn gõ cửa nhà bếp bằng đuôi kiếm. Các thợ xây rời bỏ công trường và đứng thành từng đám, nhìn trừng trừng vào kẻ xâm phạm. Họ trông có vẻ nguy hiểm với búa nặng và đục sắt trong tay. Aliena nói Martha đưa trẻ nhỏ về nhà, rồi cô và Jack đứng chung với các thợ xây.

Tu viện trưởng Philip ra cửa bếp. Ông thấp hơn William, và trong tu phục nhẹ mùa hè ông trông rất nhỏ so với người đàn ông lực lưỡng trên lưng ngựa trong áo giáp sắt; nhưng nét giận dữ chính đáng trên khuôn mặt ông làm ông đáng sợ hơn William.

William nói: “Ông đang chứa chấp một kẻ chạy trốn –“

Philip ngắt lời cậu với một tiếng gầm. “Hãy ra khỏi đây!”

William thử một lần nữa. “Đó là một kẻ giết người –“

“Hãy ra khỏi tu viện của tôi!” Philip hét lên.

“Tôi là cảnh sát trưởng –“

“Ngay cả nhà vua cũng không được đem những người bạo lực vào trong tu viện. Đi ra! Đi ra!”

Các thợ xây bắt đầu thăm thì với nhau. Các binh sĩ nhìn họ lo lắng. William nói: “Ngay cả Tu viện trưởng Kingsbridge phải trả lời cảnh sát trưởng.”

“Nhưng không trong điều kiện này! Đưa quân ông ra khỏi tu viện. Hãy để vũ khí trong chuồng ngựa. Khi ông sẵn sàng hành động như một người tội lỗi khiêm nhường trong nhà Chúa, ông có thể vào tu viện; và rồi tu viện trưởng sẽ trả lời câu hỏi của ông.”

Philip đi vào trong và đóng sầm cửa lại.

Các thợ xây cổ vũ.

Aliena cũng muốn hoan hô nữa. Cả đời cô đã sợ quyền lực và tính dã man của William. Bây giờ trái tim cô hớn hởi vì cậu bị Tu viện trưởng Philip coi thường.

Nhưng William chưa sẵn sàng chấp nhận thất bại. Cậu xuống ngựa. Chậm rãi cậu tháo dây đeo kiếm và trao cho người của cậu. Cậu nói vài lời nhỏ với họ và chúng rời khỏi sân tu viện, mang theo cây kiếm của cậu. William nhìn cho đến khi họ ra tới cổng; rồi cậu quay lại, đứng trước cửa nhà bếp.

Cậu hét lớn: “Mở cửa cho cảnh sát trưởng?”

Một lúc sau cửa nhà bếp mở ra, và Philip bước ra. Ông nhìn xuống William, bây giờ đứng không có vũ khí trong sân; rồi ông nhìn đám binh lính đứng hàng sau cổng ở phía xa sân; và sau cùng ông nhìn vào William và nói: “Được. Có chuyện gì?”

“Ông đang chứa chấp một kẻ giết người trong tu viện. Hãy giao nó cho tôi.”

Philip nói: “Không có kẻ giết người nào trong tu viện ở Kigsbridge.”

“Bá tước thành Shiring đã giết thợ xây Alfred bốn ngày trước.”

“Sai!” Philip nói. “Richard giết Alfred, nhưng đó không phải là giết người. Alfred bị bắt gặp trong hành động cưỡng hiếp.”

Aliena rùng mình.

“Cưỡng hiếp?” William nói. “Cậu ấy cưỡng hiếp ai?”

“Aliena.”

“Nhưng cô ấy là vợ cậu ấy!” William đặc thẳng nói. “Làm sao một người lại có thể cưỡng hiếp vợ mình?”

Aliena nhìn thấy hướng cuộc tranh luận của William, và sự giận dữ sôi sục trong cô.

Philip nói: “Cuộc hôn nhân đó chưa bao giờ hoàn thành và cô ấy đã xin vô hiệu hóa hôn nhân đó.”

“Nó chưa bao giờ được cấp. Họ đã kết hôn trong nhà thờ. Họ vẫn còn kết hôn theo luật. Đó không phải là cưỡng hiếp. Ngược lại.” William bất ngờ quay lại và chỉ tay vào Aliena. “Từ nhiều năm qua cô ấy đã muốn thoát

khỏi người chồng này, và sau cùng cô đã thuyết phục em trai cô loại bỏ cậu ấy – bằng cách đâm chết cậu ấy với con dao găm của cô ấy!”

Tim Aliena lạnh đi. Câu chuyện cậu ấy kể là một lời nói dối xuyên tạc, nhưng đối với những người không thực sự nhìn thấy những gì đã xảy ra, nó nghe như chuyện thật. Richard gập rắc rối.

Philip nói: “Cảnh sát trưởng không thể bắt giữ bá tước!”

Nó đúng như vậy, Aliena nhận ra. Cô đã không nhớ đến.

William kéo ra một cuộn giấy. “Tôi có lệnh của hoàng gia. Tôi bắt giữ cậu ấy theo lệnh của nhà vua.”

Aliena tuyệt vọng. William đã nghĩ về mọi chuyện. “Làm sao William có được nó?” cô lầm bầm.

“Cậu ấy quá nhanh,” Jack trả lời. “Cậu ấy phải đến Winchester và yết kiến nhà vua ngay khi cậu nghe tin.”

Philip giơ tay ra. “Cho tôi xem lệnh.”

William giơ nó ra. Họ đứng cách xa nhau nhiều bước. Họ không thể đưa cho nhau nếu không có người bước lên. Sau cùng William bỏ cuộc, cậu lên bậc thang và đưa lệnh của hoàng gia cho Philip.

Philip đọc nó và đưa lại. “Nó không cho ông quyền tấn công tu viện.”

“Nó cho tôi quyền bắt giữ Richard.”

“Cậu ấy đã xin tỵ nạn.”

“À.” William không ngạc nhiên. Cậu gật đầu như thể cậu nghe lời khẳng định của một điều gì đó không tránh khỏi, và cậu lùi lại vài bước. Khi cậu nói, giọng cậu cất lên để mọi người có thể nghe rõ. “Hãy nói cho cậu ấy biết cậu ấy sẽ bị bắt bất cứ khi nào cậu ấy rời khỏi tu viện. Người đại diện của tôi sẽ đóng trong thị trấn và bên ngoài lâu đài của cậu ấy. Hãy nhớ -.” Cậu ngược nhìn xung quanh đám đông đang tụ họp. “Hãy nhớ rằng ai làm hại người của cảnh sát trưởng là làm hại người phục vụ vua.” Cậu quay lại phía Philip. “Hãy nói với cậu ấy rằng cậu ấy có thể tỵ nạn bao lâu cậu ấy thích, nhưng nếu cậu ấy muốn ra đi, cậu ấy phải đối diện với công lý.”

Tất cả im lặng. William chậm rãi đi xuống bậc thang và đi ngang sân nhà bếp. Lời nói của cậu ấy vang lên như một lời kết án tù đầy. Đám đông rẽ ra cho cậu đi. Cậu ném một cái nhìn tự mãn khi cậu đi ngang qua Aliena. Tất

cả họ nhìn theo cậu cho đến khi cậu ra đến cổng và lên ngựa. Cậu ra lệnh và phóng đi, để lại hai người đứng ở cổng và nhìn vào.

Khi Aliena quay lại, Philip đang đứng bên cạnh cô và Jack. “Hãy vào nhà tôi,” ông nói lạnh lẽ. “Chúng ta phải thảo luận về chuyện này.” Ông đi vào lại nhà bếp.

Aliena có cảm giác ông hài lòng kín đáo về một chuyện gì đó.

Sự hấp dẫn đã qua. Các thợ xây trở lại với công việc, nói chuyện sôi nổi. Ellen đi về nhà với các cháu. Aliena và Jack đi qua nghĩa trang, đi sát công trình xây dựng và vào nhà Philip. Ông chưa ở đó. Họ ngồi đợi trên ghế dài. Jack cảm thấy Aliena lo lắng cho em cô, và cậu ôm cô an ủi.

Nhìn quanh Aliena nhận thấy năm này qua năm khác nhà của Philip đã từ từ thoải mái hơn. So với một ngôi nhà tư của một bá tước thì căn nhà này vẫn còn ít đồ đạc, nhưng nó không còn khắc khổ như xưa. Đằng trước bàn thờ nhỏ ở trong góc bây giờ là một tấm thảm nhỏ giúp cho đầu gối của tu viện trưởng dễ chịu hơn trong những giờ cầu nguyện đêm; và trên tường đằng sau bàn thờ treo một cây thánh giá bằng bạc cần đá, chắc là một quà tặng đắt giá. Nó không gây hại cho Philip khi ông dễ dàng hơn với mình vì ông đã lớn tuổi, Aliena nghĩ. Có lẽ ông cũng dễ dàng hơn với người khác nữa.

Một lúc sau Philip bước vào, mang theo Richard nhìn bối rối. Richard nói ngay: “William không thể làm chuyện đó, nó là điên cuồng! Tôi thấy Alfred cường hiếp chị tôi – cậu ấy có một con dao trong tay – cậu ấy ngay cả sắp giết tôi!”

“Bình tĩnh lại,” Philip nói. “Chúng ta hãy nói về chuyện này một cách thanh thản, và cố bình tĩnh để xác định những nguy hiểm, nếu có. Tại sao chúng ta không ngồi xuống?”

Richard ngồi xuống nhưng cậu tiếp tục nói ngay. “Nguy hiểm? Không có gì nguy hiểm. Một cảnh sát trưởng không thể bỏ tù một bá tước vì bất cứ lý do gì, ngay cả giết người.”

“Cậu ấy đang thử,” Philip nói. “Cậu ấy để người đợi bên ngoài tu viện.”

Richard làm một cử chỉ coi thường. “Tôi có thể đi qua những người này với đôi mắt bị bịt. Họ không phải là vấn đề. Jack có thể đợi tôi bên ngoài

tường thành với một con ngựa.”

“Rồi khi đến được lâu đài, cậu sẽ làm gì?” Philip hỏi.

“Giống như vậy. Tôi có thể lên qua người của William. Hay những người của tôi sẽ ra đón tôi.”

“Nói nghe hay lắm,” Philip nói. “Và sau đó?”

“Không có gì cả,” Richard nói. “William có thể làm gì?”

“Vâng, cậu ấy vẫn có một lệnh của hoàng gia triệu cậu để trả lời về một vụ giết người. Cậu ấy sẽ cố bắt giam cậu bất cứ khi nào cậu rời lâu đài.”

“Tôi sẽ đi mọi nơi với đoàn hộ tống.”

“Và khi cậu chủ sự tòa án ở Shiring và các nơi khác?”

“Giống như vậy.”

“Nhưng khi họ biết chính cậu là người trốn pháp luật, ai sẽ nghe theo quyết định của cậu?”

“Tôi sẽ khuyên mọi người,” Richard nói mơ hồ. “Họ nên nhớ lại William đã thực thi quyết định của cậu ấy như thế nào khi cậu ấy còn là bá tước.”

“Họ sẽ không sợ cậu như sợ William. Họ có thể nghĩ rằng cậu không khát máu và độc ác. Tôi hy vọng họ đúng.”

“Đừng tin vào nó.”

Aliena cau mày. Thông thường Philip không quá bi quan – trừ khi ông có một động cơ kín đáo nào đó. Cô nghi ngờ rằng ông đang đặt nền móng cho một kế hoạch ông đã có. Tôi cá rằng nó có liên quan đến mỏ đá.

“Lo ngại lớn nhất của tôi là nhà vua,” Philip nói. “Khi cậu từ chối trả lời về vụ buộc tội giết người, cậu coi thường nhà vua. Một năm trước tôi có thể nói: cứ tiếp tục sống và coi thường nó. Nhưng bây giờ chiến tranh đã chấm dứt, nó không còn dễ dàng cho các bá tước để làm những gì họ thích.”

Jack nói: “Nó dường như cậu phải trả lời việc buộc tội, Richard.”

“Cậu ấy không thể làm điều đó,” Aliena nói. “Cậu ấy không có hy vọng gì được công lý che chở.”

“Cô đúng,” Philip nói. “Vụ kiện này sẽ được tòa án hoàng gia xét xử. Sự kiện đã rõ: Alfred cố ép mình trên Aliena, Richard đi vào, họ đánh nhau, và Richard giết Alfred. Mọi chuyện tùy thuộc vào việc giải thích. Và William, một người ủng hộ trung thành của vua Stephen, làm đơn kiện, và Richard là

một trong những đồng minh lớn của Công tước Henry, sự phán quyết có lẽ sẽ kết tội Richard. Tại sao vua Stephen ra lệnh bắt? Có lẽ bởi vì ông quyết định trả thù Richard đã chiến đấu chống lại ông. Cái chết của Alfred cho nhà vua một lý do hoàn hảo.”

Aliena nói: “Chúng ta phải khiêu nại với Công tước Henry để nhờ can thiệp.”

Bây giờ đến phiên Richard không còn cảm thấy chắc chắn. “Tôi không muốn dựa vào ông ấy. Ông ấy ở Normandy. Có thể ông ấy viết một lá thư phản đối, nhưng ông có thể làm gì khác? Dĩ nhiên ông có thể cùng với một đội quân qua kênh, nhưng như vậy ông vi phạm hiệp ước hòa bình, và tôi nghĩ ông ấy sẽ không mạo hiểm điều ấy vì tôi.”

Aliena cảm thấy đau khổ và sợ hãi. “Ồ, Richard, em ở trong một hoàn cảnh khó xử, và tất cả chỉ vì em muốn cứu chị.”

Cậu cho cô nụ cười quên rũ nhất. “Em sẽ làm điều đó lần nữa vì chị, Alli.”

“Chị biết.” Cậu muốn làm điều đó. Mặc dù những lỗi lầm, Richard can đảm. Nó không công bằng với cậu vì cậu phải đối chọi với một vấn đề nan giải như thế này vừa khi cậu mới thành công để trở thành bá tước. Trong chức vụ bá tước cậu là một thất vọng đối với Aliena – một thất vọng kinh khủng – nhưng cậu không làm gì nên tội để phải nhận số phận này.

“Được, đó là một giải pháp,” cậu nói. “Tôi có thể ở trong tu viện này cho đến khi Công tước Henry lên nối ngôi hay tôi bị treo cổ vì tội giết người. Tôi có thể trở thành tu sĩ, nếu các tu sĩ không ăn quá nhiều cá.”

“Có thể có một cách khác,” Philip nói.

Aliena nhìn ông háo hức. Cô đã nghi ngờ ông có một âm mưu, và cô sẽ biết ơn ông nếu ông có thể giải quyết tình trạng khó xử của Richard.

“Cậu có thể làm việc đền tội cho vụ giết người,” Philip tiếp tục.

“Nó có liên quan đến việc ăn cá không?” Richard nói một cách cợt nhả.

“Tôi đang nghĩ về Đất Thánh,” Philip nói.

Tất cả yên lặng. Palestine được cai trị bởi vua ở Giêrusalem, Baldwin III, một Ki Tô hữu gốc Pháp. Đất Thánh bị liên tục tấn công bởi các nước Hồi giáo láng giềng, đặc biệt là Ai Cập ở phía nam và Damascus ở phía đông.

Để đi tới đó cần một năm hay sáu tháng, và tham gia đoàn quân chiến đấu bảo vệ Ki Tô giáo. Đó là một cách ăn năn tội mà một người có thể làm để tẩy rửa linh hồn của mình về tội giết người. Aliena bắt đầu cảm thấy lo: không phải mọi người sẽ trở về từ Đất Thánh. Nhưng cô đã lo lắng nhiều năm qua về Richard trong chiến tranh, và Đất Thánh có lẽ không nguy hiểm hơn nước Anh. Cô sẽ phải lo lắng nhưng cô đã quen.

“Vua của Giêrualem luôn cần những người lính,” Richard nói. Cứ vài năm sứ giả của giáo hoàng sẽ đi quanh các vùng, kể những câu chuyện về cuộc chiến và vinh dự trong việc bảo vệ Ki Tô giáo, cố gắng truyền cảm hứng cho người trẻ đi chiến đấu ở Đất Thánh. “Nhưng tôi vừa lãnh trách nhiệm trong lãnh địa của tôi,” cậu nói. “Và ai sẽ phụ trách lãnh địa của tôi trong khi tôi đi xa?”

“Aliena,” Philip nói.

Aliena bất ngờ không thờ được. Philip đề nghị cô lãnh trách nhiệm của một bá tước, và cai trị như bố cô đã làm... Lời đề nghị làm cô choáng váng một lúc, nhưng chẳng bao lâu sau khi cô bình tĩnh lại, cô thấy điều đó đúng. Khi một người đàn ông đi tới Đất Thánh, vợ ông thông thường sẽ chăm sóc việc nhà. Không có lý do tại sao một người chị lại không chu toàn được cùng vai trò cho một bá tước không có gia đình. Và cô sẽ điều hành lãnh địa theo cách cô luôn luôn biết nó phải được điều hành như thế nào, với công lý, viễn tượng và trí tưởng tượng. Cô sẽ làm những việc Richard đã thất bại. Tim cô rộn ràng khi cô nghĩ về nó. Cô sẽ cố gắng có những ý tưởng mới, cày với ngựa thay vì với bò, gieo trồng vào mùa xuân yếm mạch và đậu trên đất bỏ hoang. Cô sẽ dọn đất mới để trồng trọt, thiết lập các chợ mới, và mở quặng đá cho Philip –

Ông đã nghĩ về điều đó tất nhiên. Trong tất cả những kế hoạch khôn ngoan mà Philip đã mơ ước trong những năm qua, kế hoạch này có lẽ tài tình nhất. Trong một lúc ông giải quyết ba vấn đề: Ông giải cứu Richard khỏi móc treo cổ, ông đặt một người cai trị có khả năng điều hành lãnh địa và sau cùng ông có mỏ đá.

Philip nói: “Tôi không nghi ngờ gì là vua Baldwin sẽ chào đón cậu – đặc biệt nếu cậu đi với vài hiệp sĩ và binh lính, những người cũng cảm thấy

phấn khích để tham gia với cậu. Nó có thể là một đoàn thập tự quân nhỏ của riêng cậu.” Ông ngừng lại một lúc cho thấm. “William dĩ nhiên không thể đụng tới cậu ở đó,” ông tiếp tục. “Và cậu sẽ trở về như một anh hùng. Không ai dám treo cổ cậu nữa.”

“Đất Thánh,” Richard nói, và có một ánh của sự chết – hay vinh quang trong mắt cậu. Nó là một việc tốt cho cậu, Aliena nghĩ. Cậu không tốt trong việc cai quản lãnh địa. Cậu là một người lính và cậu muốn chiến đấu. Cô thấy cái nhìn xa xăm trên khuôn mặt cậu. Trong tâm trí cậu đã ở đó, với thanh kiếm trong tay, với hình chữ thập đỏ trên chiếc khiên. Cậu chiến đấu chống lại quân ngoại đạo dưới ánh mặt trời thiêu đốt.

Cậu hạnh phúc.

III

Táo chín mới nổi trôi trong thùng, tỏa màu đỏ vàng trong ánh mặt trời lấp lánh trên mặt nước. Sally, chín tuổi và dễ kích động, cúi mình trên thành thùng với hai bàn tay chắp sau lưng và cố gặm một trái táo bằng răng của mình. Trái táo trôi đi, khuôn mặt cô chúi xuống nước, rồi cô ngẩng lên thối phì phì và ré lên cười. Aliena cười nhẹ và lau mặt cô con gái nhỏ.

Nó là một buổi chiều mùa hè ấm áp, một ngày lễ và là ngày nghỉ, và hầu hết dân làng tụ họp trên cánh đồng bên kia sông cho trò chơi gặm táo trôi trên mặt nước. Đây là những dịp Aliena rất thích, nhưng đây là ngày lễ cuối cùng của cô ở Kingsbridge làm cô luôn bận tâm và xuống tinh thần. Cô vẫn quyết định rời Jack, nhưng từ khi quyết định cô đã bắt đầu cảm thấy trước nỗi đau của mất mát.

Tommy đang lang thang gần thùng nước và Jack gọi: “Chơi đi con, Tommy – hãy thử xem.”

“Con chưa chơi đâu,” cậu trả lời.

Vào lứa tuổi mười một Tommy biết cậu thông minh hơn em gái cậu và cậu nghĩ cậu hơn hầu hết mọi người nữa. Cậu nhìn một lúc, nghiên cứu kỹ thuật của những người đã thắng trò chơi. Aliena chăm chú nhìn cậu quan sát. Cô yêu cậu một cách đặc biệt. Jack bằng tuổi này khi cô gặp Jack lần đầu, và Tommy giống Jack khi còn nhỏ. Nhìn cậu cô nhớ lại tuổi thơ. Jack muốn Tommy trở thành thợ xây, nhưng Tommy chưa tỏ ra cậu thích thú về xây dựng. Tuy nhiên, thời gian còn dài.

Sau cùng cậu bước lên thùng. Cậu cúi mình xuống và gục đầu xuống chậm rãi. Cậu đẩy trái táo cậu chọn xuống mặt nước, nhấn cả mặt xuống sâu, và rồi ngẩng lên đắc thắng với một trái táo trong hàm răng.

Khi Tommy để tâm đến điều gì đó, cậu cũng đạt được nó. Trong cậu có một chút gì đó của ông ngoại, Bá tước Bartholomew. Cậu có một ý chí mạnh mẽ và một cảm giác nhạy cảm cho đúng và sai, tốt và xấu.

Sally kế thừa bản chất dễ tính và coi thường luật lệ do con người tạo ra của Jack. Khi Jack kể cho các con những câu chuyện, Sally luôn luôn có cảm tình với những người yếu thế, trong khi Tommy thường hay lên án. Mỗi đứa trẻ có cá tính từ một phần của cha mẹ và nét mặt của người kia: Sally vui vẻ có nét cân đối và lọn tóc đen rối của Aliena, và Tommy dứt khoát có tóc màu cà rốt, nước da trắng và mắt xanh của Jack.

Tommy reo lên: “Cậu Richard đến!”

Aliena quay lại và dõi theo ánh mắt của cậu. Chắc chắn rồi, em cô, Bá tước Richard đang cười ngửa vào bãi cỏ cùng với một nhóm các hiệp sĩ và cận thần. Aliena kinh ngạc. Làm sao cậu có đủ can đảm để chường mặt ra ở đây sau khi cậu đã đối xử tệ như thế với Philip về quặng mỏ?

Cậu đi đến thùng, mỉm cười và bắt tay mọi người. “Thử cắn một trái táo, cậu Richard,” Tommy nói. “Cậu có thể làm nó.”

Richard nhúng đầu vào thùng và ngẩng lên với một trái táo trong hàm răng trắng của cậu và bộ râu bạch kim của cậu ướt sũng. Trong trò chơi cậu thành công hơn là trong đời sống thật, Aliena nghĩ.

Cô không thể cho cậu tiếp tục như thế cậu chẳng làm điều gì sai. Những người khác có thể sợ nói bất cứ điều gì vì cậu là bá tước, nhưng đối với cô,

cậu chỉ là một người em nhỏ dại khờ. Cậu đến hôn cô, nhưng cô đẩy cậu ra và nói: “Làm sao em dám ăn cắp mỏ đá của tu viện?”

Jack thấy cuộc tranh cãi nổ ra nên nắm tay các con và đi chỗ khác.

Richard có vẻ đau. “Tất cả tài sản được trả lại cho chủ cũ –“

“Đừng nói với chị điều đó,” Aliena ngắt lời. “Sau khi Philip đã làm tất cả cho em!”

“Mỏ đá là một phần thừa kế của em,” cậu nói. Cậu kéo cô ra bên cạnh và nói nhỏ để những người khác không nghe được. “Ngoài ra, em cần tiền. Em phải bán đá, Allie.”

“Đó là tại vì em đi săn cả thời gian!”

“Nhưng em phải làm gì?”

“Em phải làm cho đất thành giàu có! Có nhiều việc phải làm – sửa lại những đổ vỡ do chiến tranh và nạn đói gây ra, mang lại phương pháp canh tác mới, dọn rừng và thoát nước ngập – đó là cách tăng sự giàu có của em. Không phải ăn cắp mỏ đá mà Vua Stephen đã cho tu viện Kingsbridge.”

“Em chẳng bao giờ lấy bất cứ cái gì không phải là của em.”

“Em cũng chẳng bao giờ làm cái gì khác!” Aliena bùng lên. Aliena quá tức giận để nói ra những điều mà tốt hơn không nên nói. “Em chẳng bao giờ làm bất cứ cái gì. Em lấy tiền của chị mua những vũ khí ngớ ngẩn. Em lấy công việc Philip cho em. Em lấy lãnh địa khi nó được trao cho em trên một cái đĩa chị đã dọn sẵn. Bây giờ em không thể điều hành nó mà không cần lấy những cái không thuộc về em.” Cô quay đi và giận dữ bỏ đi.

Richard đi theo cô, nhưng một người nào đó giữ cậu lại, cúi đầu và hỏi thăm cậu. Aliena nghe cậu trả lời lịch sự, sau đó bị lôi kéo vào cuộc trò chuyện. Như vậy lại tốt hơn: cô đã nói phần của cô và không muốn tranh cãi với cậu nữa. Cô đến chiếc cầu và quay lại. Bây giờ một người khác nói chuyện với cậu. Cậu vẫy cô, ra hiệu như muốn tiếp tục nói chuyện với cô, nhưng cậu bị mắc kẹt. Cô thấy Jack, Tommy và Sally đang chơi một trò chơi với gậy và bóng. Cô chăm chú nhìn họ chơi chung với nhau dưới ánh mặt trời, và cô cảm thấy cô không thể chia lìa họ. Nhưng còn cách nào khác, cô nghĩ, để tôi có một đời sống bình thường?

Cô vượt qua cây cầu vào thị trấn. Cô muốn ở một mình một lúc.

Cô đã thuê một căn nhà ở Winchester, một căn nhà rộng với một cửa tiệm ở tầng trệt, một phòng khách ở tầng trên, một phòng ngủ riêng, và một nhà kho lớn ở cuối sân để chứa vải. Nhưng càng gần đến ngày dọn đi, cô càng không muốn đi.

Các con đường ở Kingsbridge nóng và bụi bặm, và không khí đầy ruồi được phát sinh từ những đồng phân. Tất cả cửa tiệm đã đóng cửa và các nhà đã gài then. Thị trấn hoang vắng. Mọi người ở trên bãi cỏ.

Cô đến nhà Jack. Đó là nơi những người khác sẽ đến khi trò chơi cần táo qua đi. Cửa nhà mở. Cô cau mày khó chịu. Ai đã để cửa như vậy? Rất nhiều người có chìa khóa nhà: cô, Jack, Richard và Martha. Không có gì nhiều để ăn cắp. Aliena chắc chắn không để tiền ở đó: từ nhiều năm nay Philip đã cho cô gửi nó trong kho bạc của tu viện. Nhưng cả nhà sẽ đầy ruồi.

Cô đi vào. Trời tối và lạnh. Những con ruồi nhấy múa giữa phòng, nhặng bò trên khăn bàn và vài con ong bay quanh nôi mật.

Và Alfred đang ngồi ở bàn.

Aliena hét lên một tiếng hoảng sợ nhỏ, sau đó bình tĩnh lại và nói: “Làm sao anh có thể vào được?”

“Anh có chìa khóa.”

Cậu ấy đã giữ nó từ lâu, Aliena nghĩ. Cô nhìn cậu. Vai rộng của cậu đã gãy trơ xương và khuôn mặt cậu hốc hác. Cô nói: “Anh làm gì ở đây?”

“Anh muốn gặp em.”

Cô thấy mình run lên, không phải vì sợ mà vì giận. “Em không muốn gặp anh, bây giờ và chẳng bao giờ nữa,” cô khạc nhổ. “Anh đối xử với em như một con chó, và rồi khi Jack thương hại anh và thuê anh làm, anh đã phản bội sự tin tưởng của anh ấy và đem tất cả thợ của anh ấy đến Shiring.”

“Anh cần tiền,” cậu nói với một pha trộn của van nài và thách thức trong giọng nói.

“Vậy hãy đi làm.”

“Việc xây dựng đã ngưng lại ở Shiring. Anh không thể tìm được việc làm ở Kingsbridge.”

“Vậy hãy đi London – hãy đi Paris.”

Cậu bướng bỉnh như con bò. “Anh nghĩ em sẽ giúp anh.”

“Ở đây không có gì cho anh. Tốt hơn anh nên đi ra.”

“Em không có lòng thương xót sao?” cậu nói, giọng cậu không còn thách thức mà chỉ còn van xin.

Cô dựa vào bàn. “Alfred, anh không hiểu là em ghét anh sao?”

“Tại sao?” Cậu nói. Cậu trông đáng thương như thể điều đó là một bất ngờ cho cậu.

Trời ơi! Cậu ấy quá ngu ngốc, cô nghĩ; nó gần như cậu ấy muốn một lời xin lỗi. “Đi đến tu viện nếu anh cần sự từ thiện,” cô nói một cách mệt mỏi. “Khả năng tha thứ của tu viện trưởng vượt trên sức người phạm. Nhưng em thì không.”

“Nhưng em là vợ anh,” Alfred nói.

Nó đã đủ. “Em không phải là vợ anh,” cô rít lên. “Anh không phải là chồng em. Anh chẳng bao giờ là chồng em. Bây giờ hãy ra khỏi nhà này.”

Trước sự ngạc nhiên của cô, cậu nắm tóc cô. “Em là vợ anh,” cậu nói. Cậu kéo cô qua bàn về phía cậu, và với bàn tay còn lại cậu ôm ngực cô và bóp mạnh.

Aliena hoàn toàn bất ngờ. Đó là điều cuối cùng cô chờ đợi từ một người đàn ông đã ngủ cùng phòng với cô chín tháng trời mà không thực hiện một hành vi tình dục nào. Tự động cô hét lên và giằng mình ra khỏi cậu, nhưng cậu nắm chặt tóc cô và kéo cô lại. “Không có ai nghe tiếng em hét đâu,” cậu nói. “Họ ở bên kia bờ sông.”

Đột nhiên cô sợ hãi kinh hoàng. Họ ở một mình, và cậu ấy rất khỏe. Sau nhiều dặm đường cô đã đi qua, sau nhiều năm cô đã mạo hiểm trong các chuyến đi, bây giờ cô bị tấn công ngay tại nhà bởi một người đàn ông mà cô đã kết hôn!

Cậu nhìn thấy nỗi sợ trong mắt cô và nói: “Em sợ ư? Tốt hơn em nên tử tế với anh.” Rồi cậu hôn lên môi cô. Cô cắn môi cậu mạnh bao nhiêu có thể. Cậu gầm lên đau đớn.

Cô không nhìn thấy những cú đấm đang tới. Nó đập mạnh lên má cô đến nỗi cô đã kinh hoàng nghĩ rằng cậu ấy đã đập vỡ xương cô. Một lúc cô hoa mắt và mất thăng bằng. Cô lao đảo ra khỏi bàn và cảm thấy mình ngã

xuống. Lau sậy trên nền nhà làm nhẹ đi cái ngã của cô. Cô lắc đầu cho tỉnh táo và với tay lấy con dao trong tay áo bên trái. Nhưng trước khi cô có thể rút ra, cả hai cổ tay của cô đã bị giữ và cô nghe Alfred nói: “Anh biết về con dao găm nhỏ đó. Anh đã nhìn thấy em thay quần áo, nhớ không?” Cậu buông tay cô, đâm một cái nữa vào mặt cô và nắm lấy con dao găm.

Aliena cố luồn lách đi. Cậu ngồi trên chân cô và đặt bàn tay trái lên cổ cô. Aliena đập tay xung quanh. Bất ngờ mũi giao găm kề ngay mắt cô. “Hãy yên hay anh sẽ móc mắt em,” cậu nói.

Cô cứng người. Ý nghĩ bị mù làm cô hoảng sợ. Cô đã nhìn thấy người bị mù vì hình phạt. Họ đi ăn xin ngoài đường, đôi mắt rỗng nhìn chăm chăm vào người qua lại. Những đứa nhỏ trêu chọc họ, ngáng chân cho họ vấp ngã để họ giận giữ và cố gắng đuổi theo bắt kẻ trêu chọc họ. Thông thường họ sẽ chết trong vòng một hay hai năm.

“Anh nghĩ có thể làm em bình tĩnh lại,” Alfred nói.

Tại sao cậu ấy làm điều đó? Cậu ấy chẳng bao giờ có ham muốn nào với cô. Có phải vì cậu thất bại và giận dữ, và cô có điểm yếu? Có phải cô đại diện cho thế giới từ chối cậu?

Cậu nghiêng người về phía trước, hai đầu gối bên cạnh hông cô, giữ con dao vào mắt cô. Một lần nữa cậu đưa mặt cậu gần với mặt cô. “Bây giờ,” cậu nói, “hãy tử tế.” Cậu hôn cô.

Mặt chưa cạo râu của cậu làm xước da mặt cô. Hơi thở cậu toàn mùi bia và hành. Cô giữ miệng khép kín.

“Không được,” cậu nói. “Hãy hôn lại anh.”

Cậu hôn cô một lần nữa, và dí con dao gần hơn. Khi nó đụng vào mắt cô, cô chuyển động môi cô. Miệng cậu làm cô muốn nôn. Cậu đẩy lưỡi thô của cậu giữa đôi môi cô. Cô cảm thấy như cô phải ứa ra và cố gắng đè nén cảm giác kinh tởm vì sợ cậu ấy sẽ giết cô.

Cậu kéo người lên khỏi cô, nhưng vẫn giữ con dao vào mắt cô. “Bây giờ,” cậu nói. “Hãy sờ cái này.” Cậu lấy tay cô kéo vào trong áo dài của cậu. Cô chạm vào cơ quan sinh dục của cậu. “Cầm lấy nó,” cậu nói. Cô nắm nó. “Bây giờ cọ xát nhẹ nhàng.”

Cô vâng lời cậu. Khi cô làm cậu thỏa mãn điều này, có thể cậu sẽ buông tha cô, cô nghĩ. Cô sợ hãi nhìn vào mặt cậu. Mặt cậu đỏ lên và mắt cậu nhắm nghiền. Cô vuốt ve cậu ấy đến tận gốc, nhớ rằng Jack đã bị kích thích vì nó.

Cô sợ rằng cô sẽ chẳng bao giờ có thể hưởng sự âu yếm này lần nữa, và nước mắt cô rơi xuống.

Cậu giật con dao một cách nguy hiểm. “Đừng mạnh quá!” cậu nói.

Cô tập trung.

Rồi cánh cửa bật mở.

Tim cô đầy hy vọng. Một luồng sáng chiếu qua phòng và nhấp nháy qua làn nước mắt của cô. Alfred chết cứng. Cô kéo tay cô ra khỏi.

Cả hai nhìn về phía cửa. Ai đó? Aliena không thể nhìn thấy. Xin đừng cho một đứa con nào vào, lạy Chúa, cô cầu nguyện, con cảm thấy xấu hổ. Cô nghe một tiếng gầm giận dữ. Nó là giọng nói của một người đàn ông. Cô chớp đi những giọt nước mắt và nhận ra em trai Richard của cô.

Tội nghiệp Richard: nó còn tồi tệ hơn nếu là Tommy. Richard còn mang trên tai phải vết sẹo, nhắc nhở cậu về một biến cố mà cậu phải chứng kiến khi cậu mười bốn tuổi. Bây giờ cậu lại phải chứng kiến một cảnh khác. Làm sao cậu có thể chịu đựng được?

Alfred chồm dậy trên đôi chân, nhưng Richard còn nhanh hơn cậu. Aliena thấy Richard lao qua căn phòng nhỏ nhanh như chớp và dùng đôi giày đá trúng cằm Alfred. Alfred dựa vào bàn. Richard rượt theo cậu, vô ý đạp lên cả Aliena và tấn công Alfred bằng chân và tay. Aliena lăn ra chỗ khác. Mặt Richard có nét của tức giận không thể kiềm chế được. Cậu không nhìn Aliena. Cậu không lo lắng cho cô, cô hiểu. Cậu nổi giận không phải vì những gì Alfred đã làm cho cô hôm nay, nhưng vì những gì William và Walter đã làm cho cậu, Richard, mười tám năm về trước. Ngày đó cậu còn là một thiếu niên nhút nhát và bất lực. Bây giờ cậu là một thanh niên khỏe mạnh và một người lính có kinh nghiệm, và sau cùng cậu đã tìm thấy một mục tiêu cho sự tức giận điên cuồng mà cậu đã nuôi nó trong lòng từ những năm qua. Cậu đánh Alfred lần nữa, rồi lần nữa với cả hai nắm đấm.

Alfred lão đảo quanh bàn, cổ giơ hai tay lên bảo vệ mình. Rồi Richard bồi một cú đâm vào trướng cằm Alfred, cậu ấy ngã xuống.

Alfred nằm trên đồng lau sậy, nhìn lên kinh hoàng. Aliena sợ hãi trước bạo lực của em mình và nói: “Đủ rồi, Richard!” Richard làm ngơ và bước đến đá vào Alfred. Rồi bất ngờ Alfred nhận ra cậu vẫn còn con dao của Aliena trong tay. Cậu né cú đá, nhanh chóng đứng lên và vung dao ra. Giật mình, Richard nhảy lui lại. Alfred lao vào cậu, đẩy cậu lui về phía sau tường. Cả hai đều cao và có thân hình như nhau, Aliena nhận ra. Richard là một người quen với chiến đấu, nhưng Alfred có vũ khí: cả hai cân bằng nhau. Aliena bất ngờ lo cho em mình. Điều gì sẽ xảy ra nếu Alfred thắng? Chính cô cũng phải chiến đấu với Alfred.

Cô nhìn quanh tìm một vũ khí. Mắt cô sáng lên vì đồng củi bên lò sưởi. Cô nhặt lên một bản gỗ nặng.

Alfred lại lao vào Richard. Richard tránh; và khi cánh tay Alfred vừa đưa ra, Richard nắm lấy cổ tay cậu ấy và kéo. Alfred mất thăng bằng, lão đảo về phía trước. Richard đâm cậu ấy nhiều lần, rất nhanh, bằng cả hai nắm đấm, nhắm vào mặt và cơ thể cậu ấy. Một nụ cười man rợ trên khuôn mặt Richard, nụ cười của người đàn ông đang trả thù. Alfred bắt đầu rên rỉ, và giơ tay lên bảo vệ mình.

Richard do dự, thở dốc. Aliena nghĩ nó sắp kết thúc. Nhưng bất ngờ Alfred lại đâm, với một tốc độ bất ngờ, và lần này mũi dao sượt qua má Richard. Richard nhảy trở lại, đau đớn. Alfred tiến lên với con dao giơ cao. Aliena thấy Alfred có thể giết Richard. Cô chạy về phía Alfred, vung khúc gỗ với tất cả sức mạnh của cô. Cô đánh trượt đầu nhưng trúng khuỷu tay phải của cậu ấy. Cô nghe tiếng vỡ khi miếng gỗ đụng xương. Miếng đòn làm tay Alfred tê liệt và con dao rơi xuống khỏi tay cậu.

Cách nó kết thúc thật nhanh chóng.

Richard cúi xuống, nhặt con dao của Aliena và với cùng chuyển động, cậu nâng nó lên và đâm vào ngực cậu ấy với một sức mạnh kinh hoàng.

Con dao găm chìm sâu đến chuôi.

Aliena nhìn chăm chăm, kinh sợ. Nó là một đòn khủng khiếp. Alfred hét lên như một con heo bị đâm tiết. Richard kéo con dao ra, và máu Alfred

phun ra từ lỗ trong ngực cậu. Alfred mở miệng hét lên, nhưng không phát thành tiếng. Mặt cậu trở nên trắng, rồi xám, mắt cậu đóng lại, và ngã xuống. Máu thấm vào lau sậy.

Aliena quỳ bên cạnh cậu. Mắt cậu chớp chớp. Cậu vẫn còn thở nhưng sự sống đã ra khỏi cậu. Cô nhìn lên Richard đang đứng thở mạnh. “Anh ấy đã chết,” cô nói.

Richard gật đầu. Cậu ấy không còn cử động. “Em đã nhìn thấy nhiều người tử tế hơn anh ấy chết,” cậu nói. “Em đã giết những người không đáng chết như anh ấy.”

Aliena kinh hoàng về sự khắc nghiệt của cậu, nhưng cô không nói gì. Cô nhớ lại lần đầu tiên Richard giết người. Nó xảy ra sau khi William chiếm lâu đài, và cô cùng Richard trên đường đến Winchester, và hai tên cướp đã tấn công họ. Aliena đã đâm một tên cướp, nhưng cô đã ép Richard, khi đó mới mười lăm tuổi, phải cho ông ấy nhát kiếm cuối cùng. Nếu cậu ấy nhẫn tâm, cô nghĩ với mặc cảm tội lỗi, thì ai là người đã gây ra cho cậu ấy như vậy?

Cô lại nhìn Alfred. Cậu ấy mở mắt và nhìn lại cô. Cô cảm thấy xấu hổ vì cô có ít sự thương hại với người sắp chết này. Cô nhìn vào trong mắt cậu và nghĩ rằng chính cậu ấy cũng chẳng có lòng thương xót, chẳng biết tha thứ, chẳng rộng lượng. Cậu đã nuôi dưỡng sự bức bối và hận thù trong suốt cuộc đời cậu và tìm niềm vui qua hành động gian ác và trả thù. Đời sống của anh có thể đã khác, Alfred, cô nghĩ. Anh có thể tử tế với em gái anh, và tha thứ cho em ghẻ của anh vì cậu ấy khôn ngoan hơn anh. Anh có thể đã kết hôn vì yêu thay vì để trả thù. Anh cũng có thể trung thành với Tu viện trưởng Philip. Anh cũng có thể hạnh phúc.

Mắt cậu bất ngờ mở rộng và cậu nói: “Trời ơi! Nó đau.”

Cô mong cậu chết nhanh.

Mắt cậu đóng lại.

Alfred ngừng thở.

Aliena đứng lên. “Bây giờ tôi là một góa phụ,” cô nói.

Alfred được chôn trong nghĩa trang ở tu viện Kingsbridge. Đó là ước nguyện của Martha và cô là người máu mủ thân thiết duy nhất còn sống. Cô

cũng là người duy nhất buồn. Alfred chẳng bao giờ tốt với cô, và cô luôn luôn dựa vào Jack, người anh ghẻ của cô, để tìm kiếm an ủi và che chở; tuy nhiên cô muốn cậu được chôn ở một chỗ nào đó gần gũi để cô có thể thăm mộ cậu. Khi họ hạ quan tài xuống, chỉ có mình Martha khóc.

Jack nhẹ nhõm vì Alfred không còn nữa. Tommy, đứng với Aliena, quan tâm đến mọi thứ - đây là một đám tang trong gia đình đầu tiên và nghi thức an táng đối với cậu tất cả đều mới mẻ. Sally mặt trắng bệch và sợ hãi, nắm chặt tay Martha.

Richard đã có mặt. Cậu nói với Aliena trong buổi lễ rằng cậu đến để xin Chúa tha thứ cho việc giết người anh rể của cậu. Không phải vì cậu cảm thấy cậu đã làm sai, cậu vội vàng thêm vào: cậu chỉ muốn cho chắc chắn.

Aliena, khuôn mặt thâm tím và sưng lên vì những cú đánh của Alfred, nhớ lại người chết khi cô gặp cậu lần đầu. Cậu đã tới lâu đài lãnh chúa với bố cậu, thợ xây Tom, và Martha và Ellen và Jack. Khi đó Alfred đã là kẻ bắt nạt trong gia đình, to lớn và mạnh mẽ, với sự tinh quái xảo quyệt và thô tục. Nếu Aliena biết rằng ngày nào đó cô sẽ kết hôn với cậu ấy, có lẽ tốt hơn cô đã nhảy xuống khỏi tường thành. Cô không tưởng tượng được cô lại gặp gia đình ấy sau khi họ rời lâu đài; nhưng sau cùng cả cô và họ lại sống ở Kingsbridge. Cô và Alfred đã sáng lập hội đồng giáo xứ, một tổ chức hiện nay trở thành cơ chế quan trọng trong đời sống thị trấn. Đó là lúc Alfred cầu hôn cô. Ngay cả trong giấc mơ cô cũng không nghĩ ra là cậu cầu hôn cô vì muốn trả thù em ghẻ của cậu hơn là vì yêu cô. Cô đã từ chối cậu, nhưng sau đó cậu đã nghĩ ra cách đánh lừa cô, và đã thuyết phục cô kết hôn với cậu ấy bằng cách hứa hẹn sẽ hỗ trợ cho em trai cô. Nhìn lại điều đó, cô cảm thấy Alfred xứng đáng nhận sự thất vọng và nhục nhã trong hôn nhân của họ. Động cơ hôn nhân của cậu là nhần tâm và phần thưởng của cậu là không có tình yêu.

Aliena không thể không cảm thấy hạnh phúc. Dĩ nhiên cô không còn phải rời đi sống ở Winchester nữa: Cô và Jack có thể kết hôn ngay. Cô đã có một bộ mặt nghiêm trang trong đám tang và ngay cả một vài tư tưởng nghiêm trang, nhưng tim cô vỡ òa vì vui.

Philip đồng ý cho chôn Alfred trong nghĩa trang tu viện. Qua đó ông đã tỏ ra khả năng tha thứ vô hạn của ông đối với những người đã phản bội ông.

Khi năm người lớn và hai đứa bé đứng bên ngôi mộ chưa lấp đất, Ellen đến.

Philip bực mình. Ellen đã nguyện rửa một đám cưới Kitô giáo, và vì thế bà không được đến khu tu viện; nhưng ông không thể đuổi bà khỏi đám tang con trai riêng của chồng bà. Dù sao nghi thức an táng đã chấm dứt, vì thế Philip đi về.

Aliena ân hận. Philip và Ellen, cả hai đều tốt, và thật là xấu hổ vì cả hai trở thành kẻ thù. Nhưng họ tốt trong cách khác nhau và họ, cả hai đều cố chấp về quan niệm luân lý.

Ellen trông già hơn, với nhiều nét nhăn trên mặt và nhiều tóc bạc, nhưng mắt vàng rờng của bà vẫn đẹp. Bà mặc một áo da thô, còn ngoài ra không có gì khác, ngay cả không có giày. Cánh tay và chân bà rám nắng và gân guốc. Tommy và Sally chạy đến hôn bà. Jack theo sau và ôm bà, siết chặt bà.

Ellen dơ má cho Richard hôn và nói: “Cháu đã làm đúng. Đừng cảm thấy mắc tội.”

Bà đứng ở cạnh mộ, nhìn vào và nói: “Tôi là dì ghẻ của cậu ấy. Tôi ước gì tôi đã biết cách làm cho cậu ấy hạnh phúc.”

Khi bà quay ra khỏi ngôi mộ, Aliena ôm bà.

Tất cả họ chậm rãi đi ra khỏi đó. Aliena nói với Ellen: “Mẹ có thể ở lại một chút và ăn cơm trưa không?”

“Rất vui.” Bà luồn tay qua mớ tóc đỏ của Tommy. “Mẹ muốn nói chuyện với các cháu của mẹ. Chúng lớn nhanh quá! Khi mẹ gặp thợ xây Tom lần đầu, Jack bằng tuổi Tommy bây giờ.” Họ đến cổng tu viện. “Khi các con già hơn, năm tháng dường như trôi đi nhanh hơn. Mẹ tin như thế -.” Bà ngừng câu nói lại và dừng bước.

“Chuyện gì vậy?” Aliena hỏi.

Ellen nhìn chăm chăm vào cổng tu viện. Chiếc cổng gỗ mở. Đường phố bên ngoài vắng tanh, nhưng một đám trẻ từ phía xa đứng xúm vào nhau,

nhìn vào cái gì đó mà họ không thấy.

“Richard!” Ellen nói gay gắt. “Đừng đi ra ngoài!”

Mọi người dừng bước. Aliena có thể nhìn thấy cái gì đã cảnh giác Ellen. Đám trẻ nhìn như thể chúng quan sát cái gì hoặc ai đó đang chờ ở ngoài cửa, bị che nấp bởi bức tường.

Richard phản ứng nhanh chóng. “Đó là cái bẫy!” cậu nói. Không nói thêm câu nào, cậu quay lại và chạy đi.

Một lúc sau một chiếc đầu đội mũ sắt xuất hiện ở cổng. Người đàn ông nhìn thấy Richard chạy về hướng nhà thờ, ông ấy hét lên báo động và lao vào sân. Theo sau ông là ba, rồi bốn và năm người khác.

Những người tham dự đám tang phân tán. Binh lính bỏ qua họ và đuổi theo Richard. Aliena sợ hãi và bối rối: ai là người dám tấn công bá tước thành Shiring một cách công khai và trong một tu viện? Cô nín thở nhìn họ đuổi theo Richard qua sân. Cậu nhảy qua bức tường thấp mà các thợ xây vừa mới làm. Những người đuổi theo cậu nhảy theo sau, không quan tâm rằng họ đang vào một nhà thờ. Các thợ thủ công chết đứng ở vị trí, tay giơ bay và búa lên. Một người học việc trẻ hiểu ra vấn đề, cậu giơ một cái xẻng ra và một người lính ngã nhào. Những người khác không phản ứng gì. Richard đến cửa tu viện. Người đuổi theo cậu gần nhất giơ kiếm lên trên đầu cậu. Một thoáng kinh hoàng Aliena nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra khi cửa tu viện đóng và cậu không thể vào. Người lính đâm vào Richard. Richard đẩy cửa và lén vào trong, và mũi kiếm đâm vào gỗ khi cánh cửa đóng sầm.

Aliena thở phào.

Những người lính tụ họp quanh cổng tu viện, rồi bắt đầu nghi ngờ. Họ dường như nhận ra một cách bất ngờ rằng họ đang ở đâu. Các thợ thủ công đã nhìn họ thù địch và đã giơ búa và rìu lên. Có cả trăm người thợ xây và chỉ có năm người lính.

Jack nói giận dữ: “Những người này là ai?”

Một giọng nói phía sau trả lời cậu: “Họ là người của cảnh sát trưởng.”

Aliena kinh hãi nhìn quanh. Cô biết giọng nói khủng khiếp đó. Ở cổng, William Hamleigh ngồi trên lưng con ngựa đen, trang bị vũ khí và mặc áo giáp. Nhìn thấy cậu, Aliena ớn lạnh.

Jack nói: “Hãy ra khỏi đây, đồ côn trùng.”

William đỏ mặt vì bị xúc phạm, nhưng cậu không di chuyển. “Tôi đến đây vì có lệnh bắt.”

“Người của Richard sẽ xé xác cậu.”

“Cậu ấy sẽ không còn quân khi ở trong tù.”

“Cậu nghĩ cậu là ai? Một cảnh sát trưởng không thể bắt một bá tước vào tù!”

“Có thể vì tội giết người.”

Aliena thở dồn dập. Ngay lập tức cô nhìn ra ngay kế hoạch quỷ quái của William. “Đó không phải là giết người!” cô bật ra.

“Nó là,” William nói. “Bá tước Richard giết thợ xây Alfred. Và bây giờ tôi phải cắt nghĩa cho Tu viện trưởng Philip là ông đang chứa chấp một kẻ giết người.”

William thúc ngựa và cười ngựa qua họ, ngang qua đầu phía tây của gian giữa chưa xây, đến sân nhà bếp, nơi dân chúng thường được tiếp. Aliena nhìn theo cậu với sự ngờ vực. Cậu như con quỷ không thể tin được. Tội nghiệp Alfred, người mà họ vừa chôn cất, cậu đã có nhiều sai lầm vì nhỏ mọn và vì cá tính yếu ớt: sự xấu xa của cậu bi thảm hơn bất cứ điều gì khác. Nhưng William thật sự là đầy tớ của ma quỷ. Aliena nghĩ: Khi nào chúng ta mới thoát được con yêu quái này?

Binh lính tụ họp với William ở trong sân bếp và một người trong bọn gõ cửa nhà bếp bằng đuôi kiếm. Các thợ xây rời bỏ công trường và đứng thành từng đám, nhìn trừng trừng vào kẻ xâm phạm. Họ trông có vẻ nguy hiểm với búa nặng và đục sắt trong tay. Aliena nói Martha đưa trẻ nhỏ về nhà, rồi cô và Jack đứng chung với các thợ xây.

Tu viện trưởng Philip ra cửa bếp. Ông thấp hơn William, và trong tu phục nhẹ mùa hè ông trông rất nhỏ so với người đàn ông lực lưỡng trên lưng ngựa trong áo giáp sắt; nhưng nét giận dữ chính đáng trên khuôn mặt ông làm ông đáng sợ hơn William.

William nói: “Ông đang chứa chấp một kẻ chạy trốn –”

Philip ngắt lời cậu với một tiếng gầm. “Hãy ra khỏi đây!”

William thử một lần nữa. “Đó là một kẻ giết người –”

“Hãy ra khỏi tu viện của tôi!” Philip hét lên.

“Tôi là cảnh sát trưởng –“

“Ngay cả nhà vua cũng không được đem những người bạo lực vào trong tu viện. Đi ra! Đi ra!”

Các thợ xây bắt đầu thầm thì với nhau. Các binh sĩ nhìn họ lo lắng. William nói: “Ngay cả Tu viện trưởng Kingsbridge phải trả lời cảnh sát trưởng.”

“Nhưng không trong điều kiện này! Đưa quân ông ra khỏi tu viện. Hãy để vũ khí trong chuồng ngựa. Khi ông sẵn sàng hành động như một người tội lỗi khiêm nhường trong nhà Chúa, ông có thể vào tu viện; và rồi tu viện trưởng sẽ trả lời câu hỏi của ông.”

Philip đi vào trong và đóng sầm cửa lại.

Các thợ xây cổ vũ.

Aliena cũng muốn hoan hô nữa. Cả đời cô đã sợ quyền lực và tính dã man của William. Bây giờ trái tim cô hớn hở vì cậu bị Tu viện trưởng Philip coi thường.

Nhưng William chưa sẵn sàng chấp nhận thất bại. Cậu xuống ngựa. Chậm rãi cậu tháo dây đeo kiếm và trao cho người của cậu. Cậu nói vài lời nhỏ với họ và chúng rời khỏi sân tu viện, mang theo cây kiếm của cậu. William nhìn cho đến khi họ ra tới cổng; rồi cậu quay lại, đứng trước cửa nhà bếp.

Cậu hét lớn: “Mở cửa cho cảnh sát trưởng?”

Một lúc sau cửa nhà bếp mở ra, và Philip bước ra. Ông nhìn xuống William, bây giờ đứng không có vũ khí trong sân; rồi ông nhìn đám binh lính đứng hàng sau cổng ở phía xa sân; và sau cùng ông nhìn vào William và nói: “Được. Có chuyện gì?”

“Ông đang chứa chấp một kẻ giết người trong tu viện. Hãy giao nó cho tôi.”

Philip nói: “Không có kẻ giết người nào trong tu viện ở Kingsbridge.”

“Bá tước thành Shiring đã giết thợ xây Alfred bốn ngày trước.”

“Sai!” Philip nói. “Richard giết Alfred, nhưng đó không phải là giết người. Alfred bị bắt gặp trong hành động cưỡng hiếp.”

Aliena rùng mình.

“Cường hiếp?” William nói. “Cậu ấy cường hiếp ai?”

“Aliena.”

“Nhưng cô ấy là vợ cậu ấy!” William đắc thắng nói. “Làm sao một người lại có thể cường hiếp vợ mình?”

Aliena nhìn thấy hướng cuộc tranh luận của William, và sự giận dữ sôi sục trong cô.

Philip nói: “Cuộc hôn nhân đó chưa bao giờ hoàn thành và cô ấy đã xin vô hiệu hóa hôn nhân đó.”

“Nó chưa bao giờ được cấp. Họ đã kết hôn trong nhà thờ. Họ vẫn còn kết hôn theo luật. Đó không phải là cường hiếp. Ngược lại.” William bất ngờ quay lại và chỉ tay vào Aliena. “Từ nhiều năm qua cô ấy đã muốn thoát khỏi người chồng này, và sau cùng cô đã thuyết phục em trai cô loại bỏ cậu ấy – bằng cách đâm chết cậu ấy với con dao găm của cô ấy!”

Tim Aliena lạnh đi. Câu chuyện cậu ấy kể là một lời nói dối xuyên tạc, nhưng đối với những người không thực sự nhìn thấy những gì đã xảy ra, nó nghe như chuyện thật. Richard gập rắc rối.

Philip nói: “Cảnh sát trưởng không thể bắt giữ bá tước!”

Nó đúng như vậy, Aliena nhận ra. Cô đã không nhớ đến.

William kéo ra một cuộn giấy. “Tôi có lệnh của hoàng gia. Tôi bắt giữ cậu ấy theo lệnh của nhà vua.”

Aliena tuyệt vọng. William đã nghĩ về mọi chuyện. “Làm sao William có được nó?” cô lẩm bẩm.

“Cậu ấy quá nhanh,” Jack trả lời. “Cậu ấy phải đến Winchester và yết kiến nhà vua ngay khi cậu nghe tin.”

Philip giơ tay ra. “Cho tôi xem lệnh.”

William giơ nó ra. Họ đứng cách xa nhau nhiều bước. Họ không thể đưa cho nhau nếu không có người bước lên. Sau cùng William bỏ cuộc, cậu lên bậc thang và đưa lệnh của hoàng gia cho Philip.

Philip đọc nó và đưa lại. “Nó không cho ông quyền tấn công tu viện.”

“Nó cho tôi quyền bắt giữ Richard.”

“Cậu ấy đã xin tỵ nạn.”

“À.” William không ngạc nhiên. Cậu gật đầu như thể cậu nghe lời khẳng định của một điều gì đó không tránh khỏi, và cậu lùi lại vài bước. Khi cậu nói, giọng cậu cất lên để mọi người có thể nghe rõ. “Hãy nói cho cậu ấy biết cậu ấy sẽ bị bắt bất cứ khi nào cậu ấy rời khỏi tu viện. Người đại diện của tôi sẽ đóng trong thị trấn và bên ngoài lâu đài của cậu ấy. Hãy nhớ -.” Cậu ngược nhìn xung quanh đám đông đang tụ họp. “Hãy nhớ rằng ai làm hại người của cảnh sát trưởng là làm hại người phục vụ vua.” Cậu quay lại phía Philip. “Hãy nói với cậu ấy rằng cậu ấy có thể tỵ nạn bao lâu cậu ấy thích, nhưng nếu cậu ấy muốn ra đi, cậu ấy phải đối diện với công lý.”

Tất cả im lặng. William chậm rãi đi xuống bậc thang và đi ngang sân nhà bếp. Lời nói của cậu ấy vang lên như một lời kết án tù đầy. Đám đông rẽ ra cho cậu đi. Cậu ném một cái nhìn tự mãn khi cậu đi ngang qua Aliena. Tất cả họ nhìn theo cậu cho đến khi cậu ra đến cổng và lên ngựa. Cậu ra lệnh và phóng đi, để lại hai người đứng ở cổng và nhìn vào.

Khi Aliena quay lại, Philip đang đứng bên cạnh cô và Jack. “Hãy vào nhà tôi,” ông nói lạnh lẽ. “Chúng ta phải thảo luận về chuyện này.” Ông đi vào lại nhà bếp.

Aliena có cảm giác ông hài lòng kín đáo về một chuyện gì đó.

Sự hấp dẫn đã qua. Các thợ xây trở lại với công việc, nói chuyện sôi nổi. Ellen đi về nhà với các cháu. Aliena và Jack đi qua nghĩa trang, đi sát công trình xây dựng và vào nhà Philip. Ông chưa ở đó. Họ ngồi đợi trên ghế dài. Jack cảm thấy Aliena lo lắng cho em cô, và cậu ôm cô an ủi.

Nhìn quanh Aliena nhận thấy năm này qua năm khác nhà của Philip đã từ từ thoải mái hơn. So với một ngôi nhà tư của một bá tước thì căn nhà này vẫn còn ít đồ đạc, nhưng nó không còn khắc khổ như xưa. Đằng trước bàn thờ nhỏ ở trong góc bây giờ là một tấm thảm nhỏ giúp cho đầu gối của tu viện trưởng dễ chịu hơn trong những giờ cầu nguyện đêm; và trên tường đằng sau bàn thờ treo một cây thánh giá bằng bạc cần đá, chắc là một quà tặng đắt giá. Nó không gây hại cho Philip khi ông dễ dàng hơn với mình vì ông đã lớn tuổi, Aliena nghĩ. Có lẽ ông cũng dễ dàng hơn với người khác nữa.

Một lúc sau Philip bước vào, mang theo Richard nhìn bối rối. Richard nói ngay: “William không thể làm chuyện đó, nó là điên cuồng! Tôi thấy Alfred cường hiếp chị tôi – cậu ấy có một con dao trong tay – cậu ấy ngay cả sắp giết tôi!”

“Bình tĩnh lại,” Philip nói. “Chúng ta hãy nói về chuyện này một cách thanh thản, và cố bình tĩnh để xác định những nguy hiểm, nếu có. Tại sao chúng ta không ngồi xuống?”

Richard ngồi xuống nhưng cậu tiếp tục nói ngay. “Nguy hiểm? Không có gì nguy hiểm. Một cảnh sát trưởng không thể bỏ tù một bá tước vì bất cứ lý do gì, ngay cả giết người.”

“Cậu ấy đang thử,” Philip nói. “Cậu ấy để người đợi bên ngoài tu viện.”

Richard làm một cử chỉ coi thường. “Tôi có thể đi qua những người này với đôi mắt bị bịt. Họ không phải là vấn đề. Jack có thể đợi tôi bên ngoài tường thành với một con ngựa.”

“Rồi khi đến được lâu đài, cậu sẽ làm gì?” Philip hỏi.

“Giống như vậy. Tôi có thể lên qua người của William. Hay những người của tôi sẽ ra đón tôi.”

“Nói nghe hay lắm,” Philip nói. “Và sau đó?”

“Không có gì cả,” Richard nói. “William có thể làm gì?”

“Vâng, cậu ấy vẫn có một lệnh của hoàng gia triệu cậu để trả lời về một vụ giết người. Cậu ấy sẽ cố bắt giam cậu bất cứ khi nào cậu rời lâu đài.”

“Tôi sẽ đi mọi nơi với đoàn hộ tống.”

“Và khi cậu chủ sự tòa án ở Shiring và các nơi khác?”

“Giống như vậy.”

“Nhưng khi họ biết chính cậu là người trốn pháp luật, ai sẽ nghe theo quyết định của cậu?”

“Tôi sẽ khuyên mọi người,” Richard nói mơ hồ. “Họ nên nhớ lại William đã thực thi quyết định của cậu ấy như thế nào khi cậu ấy còn là bá tước.”

“Họ sẽ không sợ cậu như sợ William. Họ có thể nghĩ rằng cậu không khát máu và độc ác. Tôi hy vọng họ đúng.”

“Đừng tin vào nó.”

Aliena cau mày. Thông thường Philip không quá bi quan – trừ khi ông có một động cơ kín đáo nào đó. Cô nghi ngờ rằng ông đang đặt nền móng cho một kế hoạch ông đã có. Tôi cá rằng nó có liên quan đến mỏ đá.

“Lo ngại lớn nhất của tôi là nhà vua,” Philip nói. “Khi cậu từ chối trả lời về vụ buộc tội giết người, cậu coi thường nhà vua. Một năm trước tôi có thể nói: cứ tiếp tục sống và coi thường nó. Nhưng bây giờ chiến tranh đã chấm dứt, nó không còn dễ dàng cho các bá tước để làm những gì họ thích.”

Jack nói: “Nó dường như cậu phải trả lời việc buộc tội, Richard.”

“Cậu ấy không thể làm điều đó,” Aliena nói. “Cậu ấy không có hy vọng gì được công lý che chở.”

“Cô đúng,” Philip nói. “Vụ kiện này sẽ được tòa án hoàng gia xét xử. Sự kiện đã rõ: Alfred cố ép mình trên Aliena, Richard đi vào, họ đánh nhau, và Richard giết Alfred. Mọi chuyện tùy thuộc vào việc giải thích. Và William, một người ủng hộ trung thành của vua Stephen, làm đơn kiện, và Richard là một trong những đồng minh lớn của Công tước Henry, sự phán quyết có lẽ sẽ kết tội Richard. Tại sao vua Stephen ra lệnh bắt? Có lẽ bởi vì ông quyết định trả thù Richard đã chiến đấu chống lại ông. Cái chết của Alfred cho nhà vua một lý do hoàn hảo.”

Aliena nói: “Chúng ta phải khiếu nại với Công tước Henry để nhờ can thiệp.”

Bây giờ đến phiên Richard không còn cảm thấy chắc chắn. “Tôi không muốn dựa vào ông ấy. Ông ấy ở Normandy. Có thể ông ấy viết một lá thư phản đối, nhưng ông có thể làm gì khác? Dĩ nhiên ông có thể cùng với một đội quân qua kênh, nhưng như vậy ông vi phạm hiệp ước hòa bình, và tôi nghĩ ông ấy sẽ không mạo hiểm điều ấy vì tôi.”

Aliena cảm thấy đau khổ và sợ hãi. “Ồ, Richard, em ở trong một hoàn cảnh khó xử, và tất cả chỉ vì em muốn cứu chị.”

Cậu cho cô nụ cười quên rũ nhất. “Em sẽ làm điều đó lần nữa vì chị, Alli.”

“Chị biết.” Cậu muốn làm điều đó. Mặc dù những lỗi lầm, Richard can đảm. Nó không công bằng với cậu vì cậu phải đối chọi với một vấn đề nan giải như thế này vừa khi cậu mới thành công để trở thành bá tước. Trong

chức vụ bá tước cậu là một thất vọng đối với Aliena – một thất vọng kinh khủng – nhưng cậu không làm gì nên tội để phải nhận số phận này.

“Được, đó là một giải pháp,” cậu nói. “Tôi có thể ở trong tu viện này cho đến khi Công tước Henry lên nối ngôi hay tôi bị treo cổ vì tội giết người. Tôi có thể trở thành tu sĩ, nếu các tu sĩ không ăn quá nhiều cá.”

“Có thể có một cách khác,” Philip nói.

Aliena nhìn ông háo hức. Cô đã nghi ngờ ông có một âm mưu, và cô sẽ biết ơn ông nếu ông có thể giải quyết tình trạng khó xử của Richard.

“Cậu có thể làm việc đền tội cho vụ giết người,” Philip tiếp tục.

“Nó có liên quan đến việc ăn cá không?” Richard nói một cách cợt nhả.

“Tôi đang nghĩ về Đất Thánh,” Philip nói.

Tất cả yên lặng. Palestine được cai trị bởi vua ở Giêrusalem, Baldwin III, một Ki Tô hữu gốc Pháp. Đất Thánh bị liên tục tấn công bởi các nước Hồi giáo láng giềng, đặc biệt là Ai Cập ở phía nam và Damascus ở phía đông. Để đi tới đó cần một năm hay sáu tháng, và tham gia đoàn quân chiến đấu bảo vệ Ki Tô giáo. Đó là một cách ăn năn tội mà một người có thể làm để tẩy rửa linh hồn của mình về tội giết người. Aliena bắt đầu cảm thấy lo: không phải mọi người sẽ trở về từ Đất Thánh. Nhưng cô đã lo lắng nhiều năm qua về Richard trong chiến tranh, và Đất Thánh có lẽ không nguy hiểm hơn nước Anh. Cô sẽ phải lo lắng nhưng cô đã quen.

“Vua của Giêrusalem luôn cần những người lính,” Richard nói. Cứ vài năm sứ giả của giáo hoàng sẽ đi quanh các vùng, kể những câu chuyện về cuộc chiến và vinh dự trong việc bảo vệ Ki Tô giáo, cố gắng truyền cảm hứng cho người trẻ đi chiến đấu ở Đất Thánh. “Nhưng tôi vừa lãnh trách nhiệm trong lãnh địa của tôi,” cậu nói. “Và ai sẽ phụ trách lãnh địa của tôi trong khi tôi đi xa?”

“Aliena,” Philip nói.

Aliena bất ngờ không thờ được. Philip đề nghị cô lãnh trách nhiệm của một bá tước, và cai trị như bố cô đã làm... Lời đề nghị làm cô choáng váng một lúc, nhưng chẳng bao lâu sau khi cô bình tĩnh lại, cô thấy điều đó đúng. Khi một người đàn ông đi tới Đất Thánh, vợ ông thông thường sẽ chăm sóc việc nhà. Không có lý do tại sao một người chị lại không chu toàn được

cùng vai trò cho một bá tước không có gia đình. Và cô sẽ điều hành lãnh địa theo cách cô luôn luôn biết nó phải được điều hành như thế nào, với công lý, viễn tượng và trí tưởng tượng. Cô sẽ làm những việc Richard đã thất bại. Tim cô rộn ràng khi cô nghĩ về nó. Cô sẽ cố gắng có những ý tưởng mới, cày với ngựa thay vì với bò, gieo trồng vào mùa xuân yếm mạch và đậu trên đất bỏ hoang. Cô sẽ dọn đất mới để trồng trọt, thiết lập các chợ mới, và mở quặng đá cho Philip –

Ông đã nghĩ về điều đó tất nhiên. Trong tất cả những kế hoạch khôn ngoan mà Philip đã mơ ước trong những năm qua, kế hoạch này có lẽ tài tình nhất. Trong một lúc ông giải quyết ba vấn đề: Ông giải cứu Richard khỏi móc treo cổ, ông đặt một người cai trị có khả năng điều hành lãnh địa và sau cùng ông có mỏ đá.

Philip nói: “Tôi không nghi ngờ gì là vua Baldwin sẽ chào đón cậu – đặc biệt nếu cậu đi với vài hiệp sĩ và binh lính, những người cũng cảm thấy phấn khích để tham gia với cậu. Nó có thể là một đoàn thập tự quân nhỏ của riêng cậu.” Ông ngừng lại một lúc cho thấm. “William dĩ nhiên không thể đụng tới cậu ở đó,” ông tiếp tục. “Và cậu sẽ trở về như một anh hùng. Không ai dám treo cổ cậu nữa.”

“Đất Thánh,” Richard nói, và có một ánh của sự chết – hay vinh quang trong mắt cậu. Nó là một việc tốt cho cậu, Aliena nghĩ. Cậu không tốt trong việc cai quản lãnh địa. Cậu là một người lính và cậu muốn chiến đấu. Cô thấy cái nhìn xa xăm trên khuôn mặt cậu. Trong tâm trí cậu đã ở đó, với thanh kiếm trong tay, với hình chữ thập đỏ trên chiếc khiên. Cậu chiến đấu chống lại quân ngoại đạo dưới ánh mặt trời thiêu đốt.

Cậu hạnh phúc.

IV

Toàn thị trấn đến tham dự đám cưới.

Aliena ngạc nhiên. Hầu hết mọi người, một cách nào đó, coi cô và Jack như một cặp vợ chồng, và cô nghĩ họ sẽ cho rằng lễ cưới của cô chỉ là hình thức. Cô chỉ chờ đợi một nhóm nhỏ bạn bè bằng tuổi cô và các thợ thủ công của Jack. Nhưng mọi người, từ đàn ông đến đàn bà và trẻ em ở Kingsbridge đã đến. Cô cảm động về sự hiện diện của họ. Và họ vui cho cô. Cô nhận ra rằng họ đã thông cảm với cô trong những năm qua, mặc dù họ tự kiềm chế không nói điều đó với cô và bây giờ họ chia sẻ niềm vui với cô vì sau cùng cô được kết hôn với người đàn ông mà từ lâu cô đã yêu. Cô đi qua các con đường phố trong cánh tay em trai Richard của cô, sửng sốt vì những nụ cười dõi theo cô, say với hạnh phúc.

Richard sẽ đi Đất Thánh ngày mai. Vua Stephen đã chấp nhận giải pháp này – thật ra nhà vua đã vui vì tổng khứ được Richard một cách dễ dàng. Cảnh sát trưởng William rất bức tức, dĩ nhiên, vì mục đích của cậu là tước quyền sở hữu lãnh địa của Richard, và bây giờ cậu không còn cơ hội làm chuyện đó nữa. Richard vẫn còn cái nhìn xa xăm trong ánh mắt, như thể cậu không còn chờ ngày ra đi được nữa.

Đây không phải là điều mà bố cô dự định, cô nghĩ khi cô bước vào sân tu viện: Richard chiến đấu ở nơi xa và Aliena đóng vai trò bá tước. Tuy nhiên cô không còn cảm thấy có nghĩa vụ phải định hướng đời mình theo ước muốn của bố. Ông đã chết mười bảy năm, và một cách nào đó, cô biết một điều mà ông không hiểu: cô sẽ là một bá tước tốt hơn Richard.

Cô nắm lấy dây cương quyền lực trong tay. Nhân viên trong lâu đài đã thành lười biếng sau những năm thiếu lãnh đạo và cô đã thúc đẩy họ lên. Cô đã tổ chức lại các cửa hàng, sơn phết lại đại sảnh, dọn dẹp lò nướng bánh và nhà máy bia. Nhà bếp quá bẩn thỉu nên cô đã đốt đi và xây một cái mới. Cô tự trả tiền lương hàng tuần, qua đó cô muốn cho mọi người biết cô là người có quyền; và cô đã đuổi ba binh lính thường xuyên say sưa.

Cô đã ra lệnh xây một lâu đài mới cách Kingsbridge một giờ đi ngựa, vì lâu đài lãnh chúa ở quá xa nhà thờ chính tòa. Jack đã thiết kế tòa nhà mới. Họ sẽ dọn về đó bao lâu tháp ở được xây xong. Trong thời gian này họ phân chia thời gian ở lâu đài lãnh chúa và Kingsbridge.

Họ đã trải qua nhiều đêm với nhau trong phòng cũ của Aliena ở lâu đài lãnh chúa, xa cái nhìn không cho phép của Philip. Họ giống như đôi uyên ương trong tuần trăng mật, ngụp lặn trong đam mê thể xác. Có thể đó là lần đầu tiên họ có một phòng ngủ có khóa cửa. Riêng tư là một sự xa xỉ của vua chúa: những người khác ngủ và yêu nhau ở tầng dưới, trong phòng chung của mọi người. Ngay cả những cặp sống ở nhà riêng cũng luôn luôn có thể bị nhìn thấy bởi con cái của họ, hay người nhà hay hàng xóm tình cờ vào: dân chúng đóng cửa khi họ ra ngoài, không phải khi họ ở trong. Aliena đã chẳng bao giờ cảm thấy bị làm phiền về những điều đó, nhưng bây giờ cô khám phá ra sự thoải mái đặc biệt khi biết rằng mình có thể làm mọi chuyện mình thích mà không bị dòm ngó. Cô nghĩ về những điều cô và Jack đã làm trong tuần qua và cô đỏ mặt.

Jack đợi cô trong gian giữa mới xây của nhà thờ chính tòa, với Martha, Tommy và Sally. Trong lễ cưới, các cặp thường thề hứa với nhau trước cửa nhà thờ, sau đó mới vào trong tham dự thánh lễ. Hôm nay ô thứ nhất của gian giữa đóng vai trò cửa nhà thờ. Aliena vui vì họ kết hôn với nhau trong nhà thờ do Jack xây dựng. Nhà thờ chính tòa giống như một phần của Jack như quần áo cậu mặc, như tình yêu của cậu. Nhà thờ chính tòa trông giống cậu: duyên dáng, đầy sáng tạo, vui vẻ, và hoàn toàn không giống như cái trước đây.

Cô nhìn cậu âu yếm. Cậu đã ba mươi tuổi, một người đẹp trai với mái tóc đỏ và đôi mắt xanh lấp lánh. Cậu đã từng là cậu bé xấu xí, cô nhớ lại: cô đã nghĩ cậu ở dưới tầm của cô. Nhưng ngay lúc đầu cậu đã phải lòng cô, cậu nói vậy; và cậu vẫn còn nhăn mặt khi cậu nhớ lại mọi người đã cười cậu khi cậu nói rằng cậu chẳng bao giờ có bố. Nó đã gần hai mươi năm về trước. Hai mươi năm...

Cô có thể đã chẳng bao giờ gặp lại Jack, nếu không có Tu viện trưởng Philip, người vừa từ tu viện bước vào nhà thờ và đi vào gian giữa với nụ cười tươi. Ông trông thật vui vì sau cùng Aliena và Jack đã được kết hôn với nhau. Cô nghĩ lại lần đầu gặp ông. Cô nhớ lại một cách sống động sự tuyệt vọng mà cô cảm thấy khi các thương gia len cổ lừa cô, sau khi cô đã bỏ mọi nỗ lực và đầu khố vào trong bao tải len; và lòng biết ơn của cô đối

với một tu sĩ trẻ có mái tóc đen, người đã cứu cô và nói: “Tôi sẽ mua len của cô bất cứ lúc nào...” Tóc của ông giờ đã hoa râm.

Ông đã cứu cô, sau đó ông đã hầu như phá hủy cô khi ông buộc Jack phải chọn lựa giữa cô và nhà thờ chính tòa. Ông là người cứng rắn trong vấn đề đúng và sai; một chút giống bố cô. Tuy nhiên, ông muốn làm phép cưới cho cô hôm nay.

Ellen đã nguyện rửa hôn lễ trước của Alfred và lời nguyện đã có kết quả. Cô rất mừng. Nếu hôn nhân của cô với Alfred không hoàn toàn không thể chịu đựng được thì có lẽ cô vẫn còn sống với cậu ấy. Không thể tưởng tượng được những gì đã có thể xảy ra: cô rùng mình, nó giống như cơn ác mộng hay một tưởng tượng kinh hoàng. Cô nhớ lại người con gái Ả Rập gợi cảm, đẹp ở Toledo, người đã yêu Jack: Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cậu lấy cô ấy? Nếu Aliena đến Toledo với đứa con trên tay, và tìm thấy Jack chia sẻ thân xác và tâm trí với một người khác... Ý nghĩ đó làm Aliena cảm thấy kinh hoàng.

Cô lắng nghe cậu thì thầm kinh ‘Lạy Cha’. Không thể tưởng tượng được, cô nghĩ, khi cô đến sống ở Kingsbridge, cô chỉ coi cậu không hơn gì con mèo của người bán gạo. Nhưng cậu đã để ý đến cô: cậu đã yêu cô thầm kín qua những năm tháng đó. Cậu đã thật kiên nhẫn! Cậu đã thấy nhiều con trai quý tộc trong vùng đến cầu hôn cô, từng người một đã ra đi trong thất vọng, xấu hổ hay ngờ vực. Một cách khôn ngoan cậu đã nhận ra rằng không thể thắng được cô bởi sự cầu hôn, và cậu đã tiếp cận cô một cách gián tiếp, như một người bạn hơn là người yêu, gặp cô trong rừng và kể cho cô nghe những câu chuyện và làm cho cô yêu cậu mà không để ý đến. Cô nhớ lại nụ hôn đầu tiên, quá nhẹ nhàng và tình cờ, mặc dù nó đã cháy bỏng môi cô hàng tuần sau đó. Cô nhớ lại nụ hôn thứ hai thậm chí còn sống động hơn. Mỗi lần nghe tiếng ầm ầm của nhà máy xay, cô nhớ lại cơn dục vọng tối đen, không quen thuộc, không chờ đợi mà cô đã cảm nhận.

Một sự hối hận mãi mãi trong đời là cách cô đã trở thành lạnh lùng sau đó. Jack đã yêu cô hoàn toàn và chân thành, và cô quá sợ hãi đến nỗi quay đi, làm như thể cô không quan tâm đến cậu ấy. Nó làm cậu bị tổn thương sâu thẳm; và mặc dù cậu vẫn tiếp tục yêu cô, và vết thương đã lành, nhưng

như những vết thương sâu, nó để lại vết sẹo. Một đôi khi cô nhìn thấy vết sẹo đó, trong cách cậu nhìn cô khi họ cãi nhau và khi cô nói với cậu cách lạnh lùng, và mắt cậu dường như muốn nói: Vâng, anh biết, em có thể lạnh lùng, em có thể làm tổn thương anh, anh phải tự cảnh giác lấy.

Bây giờ cậu thề hứa yêu và chung thủy với tôi suốt đời, có một cái nhìn thận trọng trong mắt cậu không? Cậu có đủ lý do để nghi ngờ tôi, cô nghĩ. Tôi đã kết hôn với Alfred, và có sự phản bội nào lớn hơn thế nữa không? Nhưng tôi đã chuộc lỗi bằng cách đi một nửa thế giới Ki Tô giáo để tìm Jack.

Sự thất vọng, phản bội và làm hòa như vậy là những chất liệu trong cuộc sống hôn nhân, nhưng cô và Jack đã trải qua trước khi họ đi đến hôn nhân với nhau. Bây giờ, sau cùng, cô tin rằng cô hiểu cậu. Không gì có thể làm cô ngạc nhiên. Việc cô bây giờ mới làm phép cưới là một chuyện bất thường - nhưng ngược lại không tốt hơn sao? Người ta thường quan niệm: tốt hơn nên thề hứa trước, sau đó mới tìm hiểu nhau. Dĩ nhiên các linh mục sẽ không đồng ý với cô; thực vậy, nếu Philip biết những gì cô nghĩ trong đầu, ông sẽ bị đột quỵ; nhưng các linh mục biết về tình yêu ít hơn ai hết.

Cô thực hiện lời thề của cô, lặp lại câu nói theo Philip và nghĩ câu này tuyệt đẹp làm sao: Với thân xác của tôi, tôi tôn sùng anh. Philip sẽ chẳng bao giờ hiểu điều đó.

Jack sờ chiếc nhẫn vào ngón tay cô. Tôi đã chờ đợi điều này suốt cả đời, cô nghĩ. Họ nhìn vào mắt nhau. Một cái gì đó đã thay đổi trong cậu, cô có thể nói. Cô nhận ra rằng cho đến lúc này cậu đã chẳng bao giờ thực sự chắc chắn về cô. Bây giờ cậu toại nguyện.

“Anh yêu em,” cậu nói. “Anh sẽ yêu em mãi mãi.”

Đó là lời thề hứa của cậu. Phần còn lại thuộc về tôn giáo, nhưng bây giờ cậu đã thực hiện lời thề hứa của riêng cậu; và Aliena nhận ra rằng ngay cả cô nữa, cô cũng chẳng bao giờ chắc chắn về cậu cho đến lúc này. Một lúc nữa họ sẽ bước vào gian cung thánh để tham dự thánh lễ; và sau thánh lễ họ sẽ đón nhận lời chúc mừng và lời chúc tốt đẹp của cư dân thị trấn. Sau đó họ sẽ về nhà, cung cấp đồ ăn, bia cho cư dân thành phố liên hoan; nhưng

giờ phút nhỏ bé này chỉ dành riêng cho họ. Cái nhìn của Jack như muốn nói em và anh, cùng nhau, mãi mãi; và cô nghĩ cuối cùng chúng ta đã có nhau. Họ cảm thấy rất bình yên.

PHẦN MƯỜI BẢY

1170 -1174

I

Kingsbridge vẫn còn phát triển. Từ lâu nó đã nở rộng ra ngoài bức tường nguyên thủy, và bây giờ hơn một nửa số nhà nằm bên ngoài tường thành. Khoảng năm năm trước hội đồng thị trấn đã xây một bức tường thành mới bao quanh khu dân cư mọc lên ngoài thành phố cổ; và bây giờ lại có thêm những khu dân cư ở ngoài bức tường thành mới. Cánh đồng cỏ bên kia sông, nơi thường tổ chức ngày lễ Mùa gặt truyền thống và lễ Đêm mùa hè, bây giờ đã là một làng mới có tên gọi là Newport.

Vào một ngày chủ nhật lạnh mùa Phục sinh, Cảnh sát trưởng William cưỡi ngựa qua Newport và băng ngang cây cầu đá dẫn vào khu bây giờ gọi là thị trấn cổ của Kingsbridge. Hôm nay nhà thờ chính tòa mới của Kingsbridge được thánh hiến. William đi qua cổng thành vĩ đại và đi lên con đường chính mà gần đây đã được trải nhựa. Những ngôi nhà hai bên đều bằng đá với cửa hàng ở bên dưới và khu sinh sống ở tầng trên. Kingsbridge lớn hơn, bận rộn hơn và sung túc hơn cả Shiring, William nghĩ một cách cay đắng.

Cậu lên đến đầu đường và rẽ vào khu tu viện; và đó, trước mắt cậu, là nguyên do sự phát triển của Kingsbridge và sự suy giảm của Shiring: ngôi nhà thờ chính tòa.

Nó thật hấp dẫn.

Gian giữa cao tới tận trời được nâng đỡ bởi một hàng trụ tường duyên dáng. Phía tây có ba cửa vòm lớn, giống như các cửa khổng lồ, và một hàng

cửa sổ cao, mảnh khảnh, đầu nhọn, hai bên là những tháp thon. Khái niệm đã được báo trước trong gian ngang được xây cách đây tám năm, nhưng sự hoàn thành ý tưởng vượt quá sự chờ đợi của mọi người. Chưa có một kiến trúc nào như thế ở mọi nơi trên nước Anh.

Chợ vẫn họp ở đây vào mỗi chủ nhật, và khu sân trước cửa nhà thờ đã đầy các quầy hàng. William xuống ngựa và để Walter chăm sóc ngựa. Cậu đi qua sân đến nhà thờ: cậu năm mươi bốn tuổi, nặng nề và bị đau thường xuyên vì bệnh gút ở chân và bàn chân. Vì đau nên cậu thường hay tức giận.

Bên trong nhà thờ còn ấn tượng hơn. Gian giữa theo mẫu của gian ngang, nhưng thợ xây dựng tổng thể đã kiện toàn thiết kế của cậu, làm cho hàng cột ngay cả thanh hơn và cửa sổ rộng hơn. Nhưng còn có sự đổi mới nữa. William đã nghe nói về những kính màu được làm bởi các thợ thủ công mà Jack Jackson đã mang về từ Paris. Cậu tự hỏi tại sao người ta lại om sòm về nó, vì cậu tưởng tượng rằng một cửa sổ màu cũng giống như một tấm thảm hay một bức tranh. Bây giờ cậu nhìn thấy những gì họ muốn nói. Ánh sáng từ bên ngoài chiếu xuyên qua kính màu làm cho nó rực rỡ và hiệu quả của nó hoàn toàn huyền diệu.

Nhà thờ đầy người đang ngửa cổ nhìn lên các cửa sổ. Các hình ảnh lấy từ Kinh Thánh, thiên đàng và hỏa ngục, các thánh và các tiên tri, các môn đệ, và một số cư dân Kingsbridge đã trả tiền cho các cửa sổ, trong đó hình họ được vẽ - một thợ làm bánh bê một khay bánh, một thợ thuộc da với da trên tay, một thợ xây với la bàn và thước đo. Tôi cá Philip đã thu được một lợi nhuận ketch xù từ những cửa sổ này, William chua chát nghĩ.

Nhà thờ đã chật cứng vì thánh lễ Phục Sinh. Chợ đã lan rộng vào nhà thờ, như thường xảy ra. Khi đi theo gian giữa lên trên William đã được mời mua bia lạnh, bánh gừng nóng, và một gái điếm đề nghị ba xu cho một sự thỏa mãn nhanh. Hàng giáo sĩ luôn cố gắng đưa việc buôn bán ra khỏi nhà thờ, nhưng đó là công việc không thể làm được. William chào hỏi những cư dân quan trọng của thị trấn. Nhưng dù bị chi phối bởi chuyện xã giao hoặc thương mại, tâm trí và mắt William luôn bị thu hút bởi đường lượn của mái vòm. Mái vòm và cửa sổ, cột trụ và những đường xương của trần mái vòm, tất cả vươn lên trời để nhắc nhở đến mục đích của tòa nhà.

Nền nhà được lát đá, trụ cột được sơn và mỗi cửa sổ có kính. Kingsbridge, tu viện, và nhà thờ chính tòa nói lên sự giàu có của họ. Trong nhà nguyện nhỏ ở gian ngang có chân nến vàng và thánh giá nạm đá quý. Các cư dân hiển thị sự giàu có của họ qua áo quần sắc sỡ, trâm cài tóc, khóa thắt lưng bằng bạc, và nhẫn vàng.

Mắt cậu thấy Aliena.

Như thường lệ, tim cậu ngừng một nhịp. Cô đẹp như mọi khi, mặc dù cô đã ngoài năm mươi. Cô vẫn còn mái tóc xoăn, tuy nó ngắn hơn và màu nâu dường như sáng hơn như thể nó đã nhạt màu đi một chút. Bên cạnh mắt cô có những nét nhăn hấp dẫn. Cô mập hơn mọi khi nhưng vẫn là người phụ nữ hấp dẫn. Cô mặc áo khoác màu xanh dương với viền lụa đỏ, và giày da đỏ. Có một đám đông ngưỡng mộ quanh cô. Mặc dù cô không phải là nữ bá tước, thực ra chỉ là chị của một bá tước và em cô đang phục vụ tại Đất Thánh, nhưng mọi người đối xử với cô như cô là bá tước. Cô xuất hiện như một nữ hoàng.

Nhìn thấy cô, sự hận thù cháy bỏng trong lòng William. Cậu đã tiêu diệt bố cô, cưỡng hiếp cô, lấy lâu đài của cô, đốt cháy len của cô và đuổi em cô sống lưu vong, nhưng mỗi lần cậu nghĩ cậu đã đè chết được cô, cô lại trở lại, trèo từ thất bại lên bậc cao mới của quyền lực và giàu có. Bây giờ William đã già, bị bệnh gút, mập và cậu nhận ra rằng cậu đã phạm tội trong quyền lực của một đam mê khủng khiếp.

Bên cạnh cô là một chàng trai cao, tóc đỏ mà mới nhìn William tưởng là Jack. Tuy nhiên khi nhìn kỹ hơn, chàng trai còn quá trẻ, và William nhận ra đó là con trai của Jack. Đứa bé ăn mặc như một hiệp sĩ và mang gươm. Jack đứng bên cạnh con và thấp hơn con một vài inch, mái tóc đỏ chải về phía thái dương. Cậu trẻ hơn Aliena, dĩ nhiên, khoảng năm tuổi, nếu William nhớ không lầm, nhưng cả cậu nữa cũng có những nét xung quanh mắt. Cậu đang nói chuyện sôi nổi với một cô gái trẻ, chắc là con gái cậu. Cô giống Aliena và đẹp như cô, tuy nhiên tóc cô chải gọn và búi lại phía sau và cô ăn mặc giản dị. Nếu có một thân hình gợi cảm dưới lớp áo màu nâu đất đỏ, cô không muốn cho ai biết đến.

Sự phấn uất bùng lên trong lòng William khi cậu nhìn thấy sự thịnh vượng, phẩm cách và hạnh phúc của gia đình Aliena. Mọi sự họ có là của cậu. Nhưng cậu không ngừng nuôi hy vọng trả thù.

Giọng của hàng trăm tu sĩ cất lên trong bài thánh ca át đi tiếng nói chuyện và tiếng kêu của người bán hàng rong, và Tu viện trưởng Philip dẫn đầu đoàn rước tiến vào nhà thờ. Tu viện trước đây không có nhiều tu sĩ, William nghĩ. Tu viện đã lớn lên theo thị trấn. Philip, bây giờ đã ngoài sáu mươi, hầu như đã hói đầu hoàn toàn và mặt ra nên khuôn mặt gầy còm của ông bây giờ đã tròn trịa. Không ngạc nhiên gì khi trông ông có vẻ mãn nguyện: sự thánh hiến nhà thờ chính tòa này là mục đích ông đã cưu mang khi ông mới đến Kingsbridge ba mươi bốn năm về trước.

Có tiếng bình luận thầm thì khi giám mục Waleran bước vào trong bộ áo đẹp nhất. Khuôn mặt xanh xao, góc cạnh của ông đanh lại, không tỏ lộ cảm xúc, nhưng William biết lòng ông đang sôi sục. Nhà thờ này là biểu tượng chiến thắng của Philip trên Waleran. Mặc dù William cũng ghét Philip nữa, nhưng cậu thích thú một cách thầm kín khi nhìn thấy Giám mục Waleran kiêu căng bị hạ nhục.

Waleran ít khi đến đây. Sau cùng một nhà thờ mới cũng đã được xây ở Shiring – với một nhà nguyện đặc biệt tưởng nhớ đến mẹ của William – và mặc dù nó không lớn và ấn tượng như nhà thờ chính tòa này, nhưng Waleran đã biến nó thành nhà thờ chính của ông.

Bất chấp những nỗ lực của Waleran, Kingsbridge vẫn là nhà thờ chính tòa. Trong cuộc chiến kéo dài ba thập kỷ, Waleran đã làm mọi chuyện có thể để phá hoại Philip, nhưng sau cùng Philip đã chiến thắng. Chúng cũng có một chút giống William và Aliena. Trong cả hai trường hợp, sự yếu đuối và thận trọng đã chiến thắng sức mạnh và sự tàn nhẫn. William cảm thấy thế giới chẳng bao giờ hiểu nó.

Giám mục đã bị buộc phải đến đây hôm nay vì lễ thánh hiến: nó sẽ kỷ lục nếu ông không có mặt ở đây để chào đón các khách nổi tiếng. Một số các giám mục ở vùng lân cận, cũng như nhiều viện phụ và tu viện trưởng có mặt hôm nay.

Tổng giám mục thành Canterbury, Thomas Becket, sẽ không đến. Ông có một cuộc tranh cãi với người bạn cũ của ông, vua Henry; một cuộc tranh cãi quá cay đắng và sôi nổi đến nỗi tổng giám mục bị ép buộc phải rời khỏi nước, và đã tị nạn tại Pháp. Cuộc tranh luận xoay quanh một số vấn đề về pháp lý, nhưng nội dung chính của tranh luận rất đơn giản: nhà vua có được phép làm như ông muốn, hay quyền lực của ông có giới hạn? Đó là những tranh luận chính William đã có với Tu viện trưởng Philip. William quan niệm rằng bá tước có thể làm bất cứ chuyện gì trong lãnh địa của cậu – đó chính là quyền lực của một bá tước. Henry cảm thấy như vậy về vương quốc của ông. Tu viện trưởng Philip và Thomas Becket, cả hai theo quan điểm hạn chế quyền lực của người lãnh đạo.

Giám mục Waleran là một giáo sĩ đứng về phía người lãnh đạo. Đối với ông quyền lực là để sử dụng. Những thất bại trong ba thập kỷ qua đã không lay chuyển niềm tin của ông rằng ông là dụng cụ của ý muốn Thiên Chúa. Ông quyết tâm một cách tàn nhẫn để làm những việc mà ông cho là trách nhiệm thánh thiện của ông. William cảm thấy chắc chắn rằng ngay cả khi Waleran đang thi hành nghi lễ thánh hiến nhà thờ chính tòa Kingsbridge này, ông cũng đang tính toán cách nào để làm hỏng giây phút vinh quang của Philip.

Trong buổi lễ William luôn chuyển động. Đứng thì tồi tệ cho cậu hơn là đi. Khi cậu đến nhà thờ Shiring, Walter mang theo cho cậu một chiếc ghế. Sau đó cậu có thể lơ mơ một chút. Ở đây có nhiều người để nói chuyện và nhiều tổ chức dùng cơ hội để tiến hành công việc. William đi quanh, lắng lòng những người quyền thế, đe dọa những người yếu, thu thập tin tức về người này người kia. Cậu không còn gây kinh hoàng trong tim của dân chúng như trong thời vàng son cũ của cậu, nhưng trong vị trí là một cảnh sát trưởng, người ta vẫn sợ và không dám đến gần cậu.

Giờ lễ kéo dài vô tận. Có một gián đoạn dài khi các tu sĩ đi quanh bên ngoài nhà thờ và vẩy nước phép lên các bức tường. Gần cuối buổi lễ, tu viện trưởng loan báo việc bổ nhiệm tu viện phó mới: đó là thầy Jonathan, đứa trẻ mồ côi trong tu viện. Jonathan, bây giờ ở giữa tuổi ba mươi và cao

một cách bất thường, nhắc nhở William về thợ xây Tom ngày trước: ông cũng có nét như một người khổng lồ.

Khi thánh lễ kết thúc, những vị khách quý nấn ná ở gian ngang phía nam, và giới tiểu quý tộc tập trung xung quanh để gặp họ. William khập khễnh đến để tham gia với họ. Đã có thời ông đối xử bình đẳng với các giám mục, nhưng bây giờ ông phải cùng với các hiệp sĩ và chủ đất nhỏ cúi chào và lễ một chân ra phía sau trước các giám mục. Giám mục Waleran kéo William ra một phía và hỏi: “Tu viện phó mới là ai?”

“Đứa trẻ mồ côi trong tu viện,” William trả lời. “Cậu ấy luôn là người được Philip yêu mến.”

“Cậu ấy còn quá trẻ để thành tu viện phó.”

“Cậu ấy già hơn Philip, khi Philip trở thành tu viện trưởng.”

Waleran có vẻ trầm ngâm. “Đứa bé mồ côi trong tu viện. Ngày đó ra sao?”

“Khi Philip đến đây, ông ấy mang theo đứa bé.”

Nét mặt Waleran sáng lên khi ông nhớ ra. “Trời ơi! Đúng rồi. Tôi đã quên đứa bé của Philip. Làm sao tôi có thể để chuyện đó lọt ra khỏi tâm trí của tôi?”

“Nó đã ba mươi năm rồi. Ai còn quan tâm đến nữa?”

Waleran cho William một cái nhìn khinh bỉ mà William rất ghét, cái nhìn như nói rằng cậu ngu như bò, cậu không nhìn ra điều gì sao? Chân cậu đau và cậu cố gắng chuyển trọng lượng từ chân này qua chân khác. Waleran nói: “Đứa trẻ từ đâu đến?”

William nuốt nổi oán giận. “Nó được tìm thấy bị bỏ rơi gần tu viện chi nhánh trong rừng cũ của ông ấy, nếu tôi nhớ không lầm.”

“Càng tốt hơn,” Waleran hào hứng nói.

William vẫn chưa hiểu giám mục muốn gì. “Thì sao?” cậu ử rử nói.

“Có thể nói rằng Philip đã nuôi nấng đứa trẻ như nó là con riêng của ông không?”

“Vâng.”

“Và bây giờ ông ấy bổ nhiệm cậu ấy làm tu viện phó.”

“Có lẽ cậu ấy được các tu sĩ bầu lên. Tôi tin rằng cậu ấy được lòng nhiều người.”

“Bất cứ ai trở thành tu viện phó vào lứa tuổi ba mươi lăm, sau này sẽ là tu viện trưởng.”

William không muốn nói Thì sao? một lần nữa, vì thế cậu chờ đợi, cảm thấy mình như một đứa học sinh ngu xuẩn chờ Waleran giải thích.

Sau cùng Waleran nói: “Jonathan rõ ràng là con riêng của Philip.”

William phá lên cười. Cậu đã chờ đợi một suy nghĩ sâu sắc, và Waleran đã đưa ra một nhận xét hoàn toàn lố bịch. “Không một người nào quen biết Philip sẽ tin vào việc như thế,” cậu nói và lại cười. Waleran nghĩ cậu ngay cả rất thông minh, nhưng lần này cậu đã mất cảm giác về thực tại.

Giám mục phản ứng với sự khinh thường lạnh lùng. “Tôi nói Philip đã từng có một tình nhân khi ông điều hành tu viện nhỏ ở xa trong rừng. Rồi ông trở thành tu viện trưởng ở Kingsbridge và phải bỏ người phụ nữ đó ở lại. Cô ấy không muốn giữ đứa bé nếu nó không có bố, vì thế cô giao đứa bé cho ông. Philip là một người tình cảm, cảm thấy có trách nhiệm lo cho đứa bé nên đã dựng ra câu chuyện là tìm được nó.”

William lắc đầu. “Không thể tin được. Đối với bất cứ người nào khác, vâng. Nhưng đối với Philip thì không.”

Waleran kiên trì: “Nếu đứa bé bị bỏ rơi, làm sao ông ấy có thể chứng minh được nó từ đâu tới?”

“Ông ấy không thể,” William thừa nhận. Cậu nhìn sang gian ngang phía nam, tới chỗ Philip và Jonathan đứng với nhau và nói chuyện với giám mục thành Hereford. “Nhưng ngay cả họ không giống nhau.”

“Cậu không giống mẹ cậu,” Waleran nói. “Tạ ơn Chúa!”

“Tất cả những điều đó có nghĩa gì?” William nói. “Ông định làm gì với chuyện đó?”

“Tổ cáo ông ấy trước tòa án giáo hội,” Waleran trả lời.

Như vậy thì khác. Không một người nào quen biết Philip sẽ tin lời buộc tội của Waleran, nhưng một thẩm phán xa lạ với Kingsbridge có thể thấy nó hợp lý. William miễn cưỡng chấp nhận ý tưởng của Waleran là không có gì ngu ngốc. Như thường, Waleran sắc sảo hơn William. Waleran có vẻ tự

phụ, dĩ nhiên. Nhưng William háo hức về viễn tượng dim Philip xuống. “Trời ơi!” cậu háo hức nói. “Ông có nghĩ rằng nó sẽ thành công không?”

“Nó tùy thuộc vào ai là người thẩm phán. Nhưng tôi nghĩ tôi có thể sắp xếp được. Tôi phân vân...”

William nhìn vào Philip ở gian ngang, người đang đắc thắng và mỉm cười, với người ông bảo trợ cao lớn bên cạnh. Cửa sổ kính màu lớn chiếu một ánh sáng mê hoặc lên họ, và họ trông như những nhân vật trong mơ. “Gian dân và gia đình trị,” William hân hoan nói. “Trời ơi!”

“Khi chúng ta có thể ghép cho ông tội danh đó,” Waleran nói với sự thích thú, “nó sẽ là kết thúc của tu viện trưởng đáng nguyên rủa đó.”

Không một thẩm phán có lương tâm nào có thể cho rằng Philip có tội.

Sự thật là ông không bị cám dỗ nặng nề về thân xác. Ông biết, qua việc giải tội, rằng nhiều tu sĩ chiến đấu một cách vô vọng với sự ham muốn xác thịt, nhưng ông may mắn không bị như vậy. Đã có một thời gian, vào lứa tuổi mười tám, ông đã chịu đựng những giấc mơ không thanh tịnh, nhưng giai đoạn đó không kéo dài lâu. Trong cả cuộc đời, sự thanh tịnh dễ dàng đối với ông. Ông không bao giờ thực hiện những hành vi tình dục và có lẽ bây giờ ông đã quá già cho việc đó.

Tuy nhiên giáo hội coi lời buộc tội là nghiêm trọng và Philip đã được mời đến tòa án giáo hội. Một tổng đại diện của Canterbury sẽ hiện diện. Waleran đã muốn phiên tòa diễn ra tại Shiring, nhưng Philip đã chống lại thành công, và bây giờ nó sẽ tổ chức ở Kingsbridge, dù sao đó cũng là thành phố nhà thờ chính tòa. Bây giờ Philip dọn đồ cá nhân ra khỏi nhà tu viện trưởng để nhường chỗ cho tổng đại diện, người sẽ lưu lại đó.

Philip biết ông vô tội về việc gian dân, và nó dẫn theo một cách hợp lý rằng ông không có tội gia đình trị, bởi vì một người không thể thiên vị con ông nếu ông không có con. Tuy nhiên ông xem xét lại trái tim ông xem ông có sai lầm trong việc tích cực ủng hộ Jonathan không. Như những tư tưởng không trong sạch là một loại bóng tối của một tội nặng, có lẽ khuynh hướng thiên vị một đứa bé mồ côi mà mình yêu mến là bóng tối của gia đình trị. Các tu sĩ được yêu cầu từ bỏ sự an ủi của đời sống gia đình, tuy nhiên Jonathan giống như một người con đối với Philip. Philip đã chỉ định cậu

làm quản lý ở lứa tuổi còn quá trẻ, và bây giờ đã đề cử cậu làm tu viện phó. Có phải tôi làm chuyện đó vì niềm tự hào và niềm vui của riêng tôi? Ông tự hỏi lòng.

Vâng, đúng vậy, ông nghĩ.

Ông đã có sự hài lòng lớn lao để dạy Jonathan, quan sát cậu lớn lên, và nhìn cách cậu điều hành công việc của tu viện. Nhưng ngay cả nếu Philip không có những niềm vui mãnh liệt như vậy trong việc này thì Jonathan vẫn là người quản lý trẻ có nhiều khả năng nhất trong tu viện. Cậu thông minh, đạo đức, sáng tạo và tận tâm. Được lớn lên trong tu viện, cậu không biết cuộc sống nào khác và chẳng bao giờ ao ước về tự do. Chính Philip cũng đã lớn lên trong tu viện. Chúng ta, những đứa trẻ mồ côi trong tu viện, là những tu sĩ tốt nhất, ông nghĩ.

Ông lấy ra từ trong túi một cuốn sách: Tin Mừng theo thánh Luca, một cuốn sách thông thái. Ông đã đối xử với Jonathan như một người con, nhưng ông không làm gì nên tội để bị đem ra trước tòa án giáo hội. Sự kết án là phi lý.

Thật không may, chỉ riêng lời kết án đã gây nên thiệt hại. Nó làm giảm uy quyền luân lý của ông. Sẽ có những người chỉ nhớ về lời kết tội và quên đi sự phán quyết. Lần sau khi Philip nói: “Giới răn cấm người ta khao khát vợ chồng người,” một vài người trong cộng đoàn sẽ nghĩ: nhưng ông đã có sự vui thú đó khi còn trẻ.

Jonathan lao vào, thở dốc. Philip cau mày. Tu viện phó không được xông vào phòng và nói hỗn hển. Philip đang chuẩn bị giảng cho một bài về phẩm chất của người lãnh đạo trong tu viện, khi Jonathan nói: “Tổng đại diện Peter đã đến rồi!”

“Được rồi, được rồi,” Philip xoa dịu. “Anh đã xong.” Ông trao cho Jonathan chiếc cặp.

“Hãy đem xuống nhà ngủ, và đừng vội vàng ở bất cứ chỗ nào: Tu viện là nơi của an bình và tĩnh lặng.

Jonathan nhận chiếc cặp và lời khiển trách, nhưng cậu nói: “Em không thích cái nhìn của tổng đại diện.”

“Anh chắc ông ấy sẽ là một thẩm phán công bằng, và đó là những gì chúng ta muốn,” Philip nói.

Cánh cửa mở ra lần nữa và tổng đại diện bước vào. Ông ấy cao, gầy, bằng tuổi Philip, với mái tóc hoa râm mỏng và nét trịch thượng trên mặt. Ông trông có vẻ quen thuộc.

Philip đưa tay bắt và nói: “Tôi là Tu viện trưởng Philip.”

“Tôi biết ông,” tổng đại diện nói chua chát. “Ông không nhớ tôi sao?”

Giọng nói giận dữ như một cú đấm. Philip mất hết tinh thần. Đây là kẻ thù lâu đời của ông. “Tổng đại diện Peter,” ông nói mạnh. “Peter thành Warenham.”

“Ông ấy là một người quấy rầy,” Philip cắt nghĩa cho Jonathan một vài phút sau đó, khi họ đã rời tổng đại diện để ông nghỉ ngơi trong nhà của tu viện trưởng. “Ông đã than phiền rằng chúng ta không làm việc chăm chỉ đủ, hay chúng ta ăn quá nhiều, hay cầu nguyện quá ngắn. Ông ấy nói anh hay nông chiều. Anh chắc rằng ông ấy muốn làm tu viện trưởng. Dĩ nhiên ông ấy sẽ là một thảm họa. Anh cắt cử ông lo việc từ thiện để ông dành nửa thời gian ở bên ngoài. Anh làm vậy để thoát khỏi ông ấy, như thế tốt nhất cho tu viện và cho ông ấy. Nhưng anh chắc rằng ông ấy vẫn ghét anh về chuyện đó, mặc dù ba mươi lăm năm đã qua.” Ông thở dài. “Anh đã nghe, khi anh và em thăm tu viện thánh Gioan trong rừng sau nạn đói rằng Peter đã đến Canterbury. Và bây giờ ông ấy ngồi tòa xét xử anh.”

Họ đang ở trong khu tu viện. Thời tiết dịu dàng và mặt trời ấm áp. Năm mươi bé trai trong ba lớp khác nhau đang học đọc và viết trên đường đi phía bắc. Gió mang tiếng rì rầm học bài của chúng qua khu nhà bốn góc. Philip nhớ lại có lúc nhà trường chỉ có năm học trò và một thầy giáo tập già nua. Ông nghĩ về tất cả những gì ông đã làm ở đây: xây dựng nhà thờ chính tòa; biến đổi tu viện thiếu thốn thành một tổ chức thịnh vượng, bận rộn và ảnh hưởng; mở rộng thị trấn Kingsbridge. Trong nhà thờ, hơn một trăm tu sĩ đang hát lễ. Từ chỗ ngồi, ông có thể thấy những cửa sổ với kính màu đẹp một cách đáng kinh ngạc. Đằng sau ông, ở đường đi phía đông, một thư viện xây bằng đá chứa hàng trăm cuốn sách về thần học, thiên văn học, luân lý học, toán học, và trong mọi lãnh vực của kiến thức. Bên ngoài tu

viện, đất đai của tu viện được quản lý bởi nhân viên có khả năng, đã nuôi sống không những các tu sĩ mà còn hàng trăm nhân công nông trại. Và tất cả những thứ đó ông bị mất chỉ vì một lời nói dối sao? Tu viện Kingsbridge thịnh vượng và đạo đức này sẽ được trao cho người khác, trao cho một con tốt của Giám mục Waleran như tổng đại diện ninh nọt Baldwin hay kẻ ngu xuẩn tự cho mình là đúng như Peter thành Warenham, để họ đưa tu viện xuống tình trạng nghèo nàn và đồi bại nhanh chóng như Philip đã xây dựng nó lên ư? Những đàn cừ to lớn sẽ co lại thành vài con gầy gò, những nông trại lại trở thành đất cho cỏ mọc, thư viện đóng bụi vì không ai sử dụng, nhà thờ chính tòa đẹp đẽ lại chìm vào ẩm thấp và hư hỏng sao? Thiên Chúa đã giúp tôi đạt được nhiều như thế, ông nghĩ; tôi không tin Ngài muốn nó lại trở về hư không.

Jonathan nói: “Tổng đại diện Peter cũng không thể tìm thấy anh có tội.”

“Anh nghĩ ông ấy sẽ tìm ra,” Philip nói nặng nề.

“Với lương tâm, làm sao ông ấy có thể?”

“Anh nghĩ ông ấy cả đời đã nuôi dưỡng mỗi bất bình chống lại anh, và đây là cơ hội để chứng minh rằng anh là người có tội và ông ấy là người chính trực. Một cách nào đó Waleran đã tìm ra điều đó và đã thu xếp để Peter được bổ nhiệm xét xử vụ kiện này.”

“Nhưng không có bằng chứng!”

“Ông ấy không cần bằng chứng. Ông sẽ nghe lời buộc tội, và lời biện hộ; sau đó ông cầu nguyện xin sự soi sáng, rồi ông ấy loan báo phán quyết.”

“Thiên Chúa sẽ hướng dẫn ông ấy theo sự thật.”

“Peter sẽ không nghe Chúa. Ông ấy chẳng bao giờ là người biết lắng nghe.”

“Điều gì sẽ xảy ra?”

“Anh sẽ bị xuống chức,” Philip nói dứt khoát. “Họ sẽ để anh tiếp tục sống ở đây như một tu sĩ bình thường để làm việc đền tội. Nhưng có lẽ chắc hơn họ sẽ sa thải anh khỏi tu viện để tránh ảnh hưởng của anh ở đây.”

“Như vậy chuyện gì sẽ xảy ra sau đó?”

“Sẽ có một cuộc bầu cử, tất nhiên. Một điều không may là bây giờ các nhà chính trị của hoàng gia sẽ tham dự vào. Vua Henry tranh chấp với tổng

giám mục thành Canterbury, Thomas Becket, và bây giờ Tổng giám mục Thomas tị nạn ở Pháp. Một nửa số tổng đại diện theo ông. Một nửa khác ở lại và theo vua, chống lại tổng giám mục của họ. Peter rõ ràng thuộc về đám đông đó. Giám mục Waleran cũng đứng về phía nhà vua. Waleran sẽ đưa ra ứng cử viên cho chức vụ tu viện trưởng và người này được hậu thuẫn của các tổng đại diện ở Canterbury và nhà vua. Nó sẽ rất khó khăn cho các tu sĩ ở đây để chống lại ông ấy.”

“Anh nghĩ ai sẽ được?”

“Waleran chắc chắn đã nghĩ đến ai đó. Nó có thể là tổng đại diện Baldwin. Ngay cả nó có thể là Peter thành Warenham.”

“Chúng ta phải làm gì đó để chống lại nó!” Jonathan nói.

Philip gật đầu. “Nhưng hoàn cảnh dường như chống lại chúng ta. Chúng ta không thể làm gì để thay đổi tình hình chính trị được. Khả năng duy nhất...”

“Khả năng nào?” Jonathan không còn kiên nhẫn.

Tình hình quá vô vọng đến nỗi Philip cảm thấy không nên đùa với những tư tưởng chán nản: nó khơi dậy sự lạc quan của Jonathan để rồi cậu lại bị thất vọng. “Không có gì cả,” Philip nói.

“Anh định nói gì?”

Philip cân nhắc từng lời và nói: “Nếu có cách chứng minh anh vô tội, Peter sẽ không có thể kết án anh có tội.”

“Nhưng những gì được coi là bằng chứng?”

“Chính xác. Em không thể chứng minh được sự phủ nhận. Chúng ta phải tìm ra được bố thật của em.”

Jonathan đáp lại nhiệt tình ngay. “Vâng, đúng vậy. Chúng ta sẽ làm điều đó.”

“Bình tĩnh lại,” Philip nói. “Lúc đó anh đã cố gắng. Bây giờ, sau nhiều năm, nó sẽ không dễ hơn.”

Jonathan không để thoái chí. “Vậy không có manh mối nào để tìm ra nguồn gốc của em sao?”

“Không có manh mối nào cả, anh sợ như vậy.” Philip lo rằng ông đã khơi dậy trong Jonathan niềm hy vọng mà sẽ không thành tựu được. Mặc dù cậu

bé không nhớ gì về bố mẹ, nhưng sự kiện rằng họ đã bỏ rơi cậu làm cậu phiền muộn. Bây giờ cậu nghĩ cậu có thể giải bí ẩn và tìm ra lời giải thích rằng bố mẹ cậu đã yêu thương cậu thực sự. Philip cảm thấy chắc chắn điều này chỉ dẫn đến thất vọng.

“Anh có hỏi những người sống gần đó không?” Jonathan hỏi.

“Không có ai sống ở gần đó. Tu viện nằm xa trong rừng. Bố mẹ em có thể đến từ xa, Winchester chẳng hạn. Anh đã suy nghĩ tất cả về chuyện đó.”

Jonathan cố chấp. “Anh có thấy bất cứ người nào du hành trong rừng vào thời điểm đó không?”

“Không.” Philip cau mày. Điều đó có thật không? Một tư tưởng tàn mác trôi về tâm trí ông. Vào ngày đứa bé được tìm thấy, Philip đã rời tu viện để đến dinh thự giám mục, và trên đường ông đã nói chuyện với vài người. Bất ngờ ông nhớ lại. “Có, đúng rồi, thợ xây Tom và gia đình có đi ngang qua đó.”

Jonathan ngạc nhiên. “Anh chẳng bao giờ nói với em về chuyện đó.”

“Nó dường như không quan trọng. Anh đã gặp họ một hay hai ngày sau đó. Anh đã hỏi họ và họ nói họ không gặp bất cứ ai có thể là bố hoặc mẹ của đứa nhỏ bị bỏ rơi.”

Jonathan thất vọng. Philip sợ hướng điều tra này sẽ gây cho cậu hai thất vọng: cậu không tìm ra được gì về bố mẹ cậu và cậu sẽ thất bại trong việc chứng minh Philip vô tội. Nhưng bây giờ không gì có thể ngăn cản cậu được. “Họ làm gì trong rừng?” cậu kiên trì.

“Tom trên đường đến dinh thự giám mục. Ông ấy đi tìm việc làm. Đó là lý do họ đến đây.”

“Em muốn hỏi họ lần nữa.”

“Được, Tom và Alfred đã chết. Ellen sống ở trong rừng, và chỉ có Chúa biết khi nào bà ấy xuất hiện. Nhưng em có thể nói chuyện với Jack hay Martha.”

“Em sẽ thử.”

Có lẽ Jonathan có lý. Cậu có nghị lực của tuổi trẻ. Philip đã chán nản và bi quan. “Hãy tiếp tục,” ông nói với Jonathan. “Anh đã già và mệt mỏi; nếu

không anh đã nghĩ đến chuyện đó. Hãy nói chuyện với Jack. Đó là sợi chỉ mong manh để bám vào. Nhưng nó là hy vọng duy nhất của chúng ta.”

Thiết kế của cửa sổ được thảo ra đúng kích thước và màu sắc trên một chiếc bàn gỗ lớn đã được rửa với bia trước đó để tránh màu bị lan ra. Bản thảo cho thấy cây Jesse, gia phả của Chúa Ki tô bằng hình ảnh. Sally nhặt một mảnh nhỏ thủy tinh dày và đặt lên bản thảo trên hình một vua của Israel – Jack không biết chắc vua nào: cậu chẳng bao giờ có thể nhớ các biểu tượng phức tạp của hình ảnh tôn giáo. Sally nhúng cây cọ vào trong một chén nước vôi, và vẽ hình dạng người lên kính: vai, cánh tay và quần áo.

Trong đồng lửa bên cạnh bàn là một cây sắt với thanh cầm bằng gỗ. Cô lấy thanh sắt ra khỏi lửa và rồi, nhanh nhẹn nhưng cẩn thận, cô chạy đầu đỏ nóng của thanh sắt quanh đường cô vừa vẽ. Kính gãy ra chính xác dọc theo đường vẽ. Người học việc của cô nhặt tấm kính và bắt đầu làm nhẵn góc cạnh của nó bằng một viên đá mài.

Jack thích nhìn cô con gái làm việc. Cô làm nhanh và chính xác, dùng đến ít động tác. Khi còn nhỏ cô đã bị thu hút bởi các thợ kính mà Jack đem về từ Paris, và cô luôn nói rằng đó là công việc cô thích làm khi cô lớn lên. Và cô đã gắn bó với sự chọn lựa đó. Khi dân chúng lần đầu đến nhà thờ chính tòa Kingsbridge, họ sẽ bị ấn tượng nhiều hơn bởi kính của Sally hơn là kiến trúc của bố cô, Jack buồn bã nghĩ.

Người học việc đưa lại cho cô miếng kính đã được mài, và cô bắt đầu vẽ nếp gấp của chiếc áo lên trên bề mặt, dùng sơn làm bằng sắt quặng, urin và gôm arabic để cho dính. Dưới bàn tay của cô, tấm kính phẳng giống như tấm vải mềm. Cô rất khéo léo và chấm dứt nó nhanh chóng. Rồi cô đặt tấm kính đã sơn cùng với những tấm khác trong một chảo sắt, phía dưới lòng chảo bao phủ với vôi. Khi chảo đầy, nó sẽ được đưa vào lò nung. Sức nóng sẽ hòa sơn vào kính.

Cô nhìn lên Jack, cho cậu một nụ cười ngắn và rạng rỡ, rồi nhặt miếng kính khác lên.

Cậu đi chỗ khác. Cậu có thể nhìn cô cả ngày, nhưng cậu có việc khác phải làm. Như Aliena nói, cậu mất trí vì con gái của cậu. Khi cậu nhìn cô,

cậu thường kinh ngạc vì cậu chịu trách nhiệm cho sự hiện diện của người phụ nữ trẻ, thông minh, độc lập và trưởng thành này. Cậu hãnh diện vì cô là một thợ thủ công tốt như vậy.

Trở trêu thay, cậu luôn luôn ép Tommy trở thành một thợ xây dựng. Thực sự cậu đã bắt đứa bé làm việc vài năm trong công trường xây dựng. Nhưng Tommy lại quan tâm đến nông nghiệp, cưỡi ngựa, săn bắn và kiếm thuật, những việc mà Jack không thích. Sau cùng Jack đã thừa nhận bị thất bại. Tommy đã phục vụ như cận vệ cho một trong những hiệp sĩ địa phương và đã được phong hiệp sĩ. Aliena đã cho cậu năm làng làm tài sản. Khả năng của bố được truyền lại cho Sally. Còn Tommy đã lập gia đình với cô con gái trẻ của Bá tước Bedford, và họ có ba con. Jack trở thành ông nội. Nhưng Sally vẫn còn độc thân ở lứa tuổi hai mươi lăm. Sally có nhiều nét của bà nội Ellen. Cô đã tự lực cánh sinh.

Jack đi quanh đầu phía tây của nhà thờ và nhìn lên hai ngọn tháp sinh đôi. Chúng đã hầu như hoàn thành, và một chuông đồng to lớn đang trên đường từ xưởng đúc ở London đến đây. Hiện nay Jack không có gì nhiều để làm. Có lần cậu đã có một đội quân thợ cắt đá khỏe mạnh và thợ mộc, bây giờ cậu chỉ còn một nhóm nhỏ thợ điêu khắc và thợ sơn làm những công việc chính xác và tỉ mỉ trên một quy mô nhỏ: tạc tượng, xây tháp nhọn trang hoàng, mạ vàng đôi cánh thiên thần bằng đá. Không còn gì nhiều để thiết kế, ngoại trừ trường hợp bất thường cho những tòa nhà mới của tu viện như thư viện, nhà họp, nhiều phòng cho khách hành hương, nhà giặt và xưởng sửa. Lần đầu tiên trong nhiều năm, giữa các công việc vặt vãnh, cậu tự khắc những tượng đá. Cậu sốt ruột muốn kéo gian cung thánh cũ của thợ xây Tom xuống và xây lên đầu cuối phía đông theo thiết kế của riêng cậu, nhưng Tu viện trưởng Philip muốn thưởng thức nhà thờ đã hoàn thành một năm trước khi bắt đầu một kế hoạch xây dựng khác. Philip cảm thấy tuổi già của mình và Jack sợ rằng ông không còn sống để nhìn thấy gian cung thánh được xây lại.

Tuy nhiên, công việc sẽ tiếp tục sau khi Philip chết, Jack nghĩ khi thấy hình dáng cao lớn của Thầy Jonathan từ sân nhà bếp sải bước về phía cậu. Jonathan sẽ là một tu viện trưởng tốt, có lẽ ngay cả tốt hơn Philip. Jack vui

vì người kế nghiệp đã được chuẩn bị: nó cho phép cậu hoạch định kế hoạch tương lai.

“Tôi đang lo lắng về tòa án giáo hội này, Jack,” Jonathan nói không mào đầu.

Jack nói: “Tôi nghĩ nó chỉ gây nên tiếng động, còn ngoài ra không có gì xảy ra.”

“Tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng tổng đại diện hóa ra lại là một kẻ thù lâu năm của Tu viện trưởng Philip.”

“Thật quý quái. Nhưng ngay cả như vậy, chắc chắn ông ấy cũng không tìm ra Philip có tội.”

“Ông ấy có thể làm mọi chuyện ông ấy muốn.”

Jack lắc đầu ghe tởm. Một đôi khi cậu tự hỏi tại sao những người như Jonathan vẫn còn có thể tin vào giáo hội khi nó đồi bại đáng xấu hổ như thế. “Anh muốn làm gì?”

“Cách duy nhất để chứng minh Philip vô tội là tìm ra ai là bố mẹ của tôi.”

“Nó đã hơi trễ cho chuyện đó.”

“Đó là hy vọng duy nhất của chúng ta.”

Một phần nào Jack đã lung lay. Họ hoàn toàn tuyệt vọng. “Anh sẽ bắt đầu từ đâu?”

“Với anh. Anh ở trong rừng gần tu viện Thánh Gioan trong rừng vào thời điểm khi tôi được sinh ra.”

“Tôi?” Jack không hiểu Jonathan muốn gì. “Tôi đã sống ở đó cho đến khi tôi mười một tuổi. Và tôi phải lớn hơn anh mười một tuổi...”

“Cha Philip nói, ông ấy đã gặp anh, với gia đình anh và thợ xây Tom cùng với các con của Tom một ngày sau khi tôi được tìm thấy.”

“Tôi nhớ việc đó. Chúng tôi ăn hết đồ ăn của Philip. Chúng tôi gần chết đói.”

“Hãy suy nghĩ kỹ! Anh có nhìn thấy ai có một em bé, hay một phụ nữ trẻ, người có thể đã có thai, ở bất cứ chỗ nào gần khu vực đó không?”

“Đợi một chút!” Jack bối rối. “Anh nói với tôi là anh được tìm thấy gần tu viện Thánh Gioan trong rừng?”

“Đúng. Anh không biết chuyện đó sao?”

Jack không thể tin vào tai mình. “Không, tôi không biết chuyện đó,” cậu nói chậm rãi. Tâm trí cậu quay cuồng với lời tỏ lộ đó. “Khi chúng tôi đến Kingsbridge, anh đã ở đây và tôi đương nhiên nghĩ rằng anh đã được tìm thấy trong rừng gần đây.” Cậu bất ngờ muốn ngồi xuống. Có một đồng gạch đổ nát ở gần đó, và cậu ngồi xuống trên đó.

Jonathan sốt ruột: “Vậy, anh có thấy bất kỳ người nào ở trong rừng không?”

“Ồ, có,” Jack nói. “Tôi không biết phải kể với anh điều này như thế nào, Jonathan.”

Jonathan tái mặt. “Anh biết một số chuyện về việc này, phải không? Anh đã thấy gì?”

“Tôi đã thấy anh, Jonathan; đó là cái mà tôi đã thấy.”

Miệng Jonathan há to. “Cái gì... Như thế nào?”

“Vào buổi sáng sớm trên đường đi săn vịt, tôi nghe một tiếng khóc. Tôi tìm thấy một đứa bé mới sinh, cuộn trong một mảnh áo khoác cũ, nằm bên cạnh đồng than hồng của một đồng lửa đã tắt.”

Jonathan nhìn cậu chăm chăm. “Còn gì nữa?”

Jack gật đầu chậm rãi. “Đứa bé nằm trên một ngôi mộ mới.”

Jonathan nức nở. “Mẹ tôi?”

Jack gật đầu.

Jonathan bắt đầu khóc, nhưng cậu tiếp tục hỏi. “Anh đã làm gì?”

“Tôi đi tìm mẹ tôi. Nhưng trong khi chúng tôi trở lại chỗ đó, chúng tôi thấy một linh mục, cưỡi một con ngựa nhỏ, mang theo một đứa bé.”

“Francis,” Jonathan nói với giọng ghen ngào.

“Cái gì?”

Cậu nức nở mạnh hơn. “Tôi được tìm thấy bởi em của cha Philip, Francis, một linh mục.”

“Ông ấy làm gì ở đó?”

“Ông ấy trên đường đến gặp Philip ở tu viện Thánh Gioan trong rừng. Ông ấy đem tôi đến tu viện đó.”

“Trời ơi!” Jack nhìn chăm chăm vào người tu sĩ cao với dòng nước mắt rơi xuống trên má. Anh chưa nghe hết mọi chuyện, Jonathan, cậu nghĩ.

Jonathan nói: “Anh có thấy bất cứ ai có thể là bố của tôi không?”

“Có,” Jack nói nghiêm trang. “Tôi biết ông ấy là ai.”

“Hãy cho tôi biết!” Jonathan thì thầm.

“Thợ xây Tom.”

“Thợ xây Tom?” Jonathan nặng nề ngồi xuống trên mặt đất. “Thợ xây Tom là bố tôi?”

“Đúng.” Jack lắc đầu kinh ngạc. “Bây giờ tôi biết anh nhắc tôi nhớ tới ai. Anh và ông ấy là người cao lớn mà tôi chưa bao giờ gặp.”

“Ông ấy luôn luôn tốt với tôi khi tôi còn là một đứa bé,” Jonathan nói với giọng bàng hoàng. “Ông ấy thường chơi với tôi. Ông ấy thích tôi. Tôi thường gặp ông như gặp Tu viện trưởng Philip.” Nước mắt cậu rơi xuống. “Đó là bố tôi. Bố tôi.” Cậu nhìn lên Jack. “Tại sao ông ấy bỏ rơi tôi?”

“Họ nghĩ cách nào anh cũng sẽ chết. Họ không có sữa cho anh. Chính họ cũng sắp chết đói, tôi biết. Họ ở xa mọi làng xã. Họ không biết tu viện ở gần đó. Họ không có đồ ăn ngoại trừ củ cải, và củ cải cũng sẽ giết chết anh.”

“Vậy là một cách nào đó họ yêu tôi.”

Jack thấy cảnh tượng như mới xảy ra hôm qua: ngọn lửa tắt, đất mới trên ngôi mộ, đứa bé đỏ hồng nhỏ xíu cựa quậy cánh tay và đôi chân trong mảnh áo khoác cũ màu xám. Đồ phế liệu nhỏ đó của nhân loại đã trở thành người đàn ông cao lớn đang ngồi khóc trên mặt đất trước mặt cậu bây giờ. “Ồ, vâng, họ yêu anh.”

“Làm sao mà không ai nói về nó?”

“Tom xấu hổ, dĩ nhiên,” Jack nói. “Mẹ tôi phải biết điều đó, và chúng tôi những đứa trẻ cảm nhận nó, tôi nghĩ như thế. Dù sao nó cũng là một đề tài mà người ta không thể tự nhiên nói về. Và chúng tôi chẳng bao giờ nghĩ đứa bé đó là anh.”

“Tom chắc chắn biết chuyện này,” Jonathan nói.

“Vâng.”

“Tôi tự hỏi tại sao ông ấy không lấy tôi lại?”

“Mẹ tôi rời ông ấy chẳng bao lâu sau khi chúng tôi đến đây,” Jack nói. Cậu mỉm cười buồn bã. “Rất khó làm hài lòng bà, giống như Sally. Điều đó có nghĩa là ông phải thuê một người chăm sóc anh. Vì thế tôi giả sử ông ấy nghĩ: Tại sao không để đứa bé ở tu viện? Anh sẽ được chăm sóc tốt ở đó.”

Jonathan gật đầu. “Bởi Johny Eightpence già yêu quý. Xin Chúa cứu linh hồn ông.”

“Qua cách đó Tom có lẽ có nhiều thời gian với Anh. Anh chạy xung quanh sân tu viện mỗi ngày, và ông ấy làm việc ở đó. Nếu ông ấy đem anh về và để anh ở nhà với người giữ trẻ, ông ấy ít được thấy anh hơn. Và tôi tưởng tượng khi năm tháng trôi qua, khi anh lớn lên như đứa bé mồ côi trong tu viện, và dường như hạnh phúc trong cách đó, thì điều dễ hiểu là nên để anh lại đó. Một cách nào đó, người ta thường dâng con cho Chúa.”

“Lúc nào tôi cũng tự hỏi về bố mẹ tôi,” Jonathan nói. Tim Jack đau cho cậu. “Tôi đã cố gắng tưởng tượng họ ra sao, xin Chúa cho tôi gặp họ, bản khoản không biết họ có yêu tôi không, thắc mắc tại sao họ bỏ rơi tôi. Bây giờ tôi biết mẹ tôi chết khi sinh tôi và bố tôi ở gần bên tôi suốt thời gian cuối đời ông.” Cậu mỉm cười qua dòng nước mắt. “Tôi không thể nói cho anh hiểu tôi hạnh phúc thế nào.”

Jack cũng sắp khóc. Để che đậy sự xấu hổ cậu nói: “Anh giống Tom.”

“Thật vậy sao?” Jonathan hỏi.

“Anh có nhớ ông ấy cao thế nào không?”

“Tất cả người trưởng thành đều lớn.”

“Ông ấy có những đặc điểm tốt, giống anh. Một khuôn mặt trạm khắc đẹp. Nếu anh để râu, mọi người sẽ đoán ra.”

“Tôi nhớ ngày ông qua đời,” Jonathan nói. “Ông ấy mang tôi đi quanh hội chợ. Chúng tôi xem gấu đánh nhau. Rồi tôi trèo lên tường của gian cung thánh. Tôi quá sợ để đi xuống, vì thế ông đã trèo lên và bế tôi xuống. Rồi ông thấy quân của William đến. Ông đem tôi đến tu viện. Đó là lần cuối cùng tôi thấy ông.”

“Tôi nhớ việc đó,” Jack nói. “Tôi quan sát ông trèo xuống với anh trong cánh tay.”

“Ông ấy muốn tôi an toàn”

“Rồi ông lo lắng cho người khác,” Jack nói.

“Ông ấy thực sự yêu tôi.”

Jack đổi đề tài. “Điều này sẽ làm thay đổi việc kiện Philip, phải không?”

“Tôi quên mất chuyện đó,” Jonathan nói. “Đúng, nó sẽ thay đổi. Trời ơi!”

“Chúng ta có bằng chứng không thể chối cãi không?” Jack băn khoăn.

“Tôi nhìn thấy đứa bé, và vị linh mục, nhưng tôi thực sự không nhìn thấy đứa bé được giao cho tu viện nhỏ.”

“Francis biết. Nhưng Francis là em của Philip, vì thế chứng cứ của ông không được công nhận.”

“Mẹ tôi và Tom đi ra ngoài chung với nhau buổi sáng hôm đó,” Jack nói, cố nhớ lại. “Họ nói họ đi tìm vị linh mục. Tôi cá là họ đã tới tu viện và xem đứa bé có được an toàn không.”

“Nếu bà ấy khai như thế trong tòa án thì mọi chuyện sẽ chấm dứt,” Jonathan nói.

Philip nghĩ bà là một phù thủy,” Jack nêu ra khó khăn. “Ông ấy có sẵn sàng để bà làm chứng không?”

“Nhưng bà ta cũng ghét ông ấy nữa. Bà ấy có sẵn sàng làm chứng không?”

“Tôi không biết,” Jack nói. “Chúng ta sẽ hỏi bà ấy.”

“Gian dâm và gia đình trị?” Mẹ Jack kêu lên. “Philip?” Bà bật cười. “Nó quá vô lý!”

“Mẹ, đây là chuyện nghiêm trọng,” Jack nói.

“Philip sẽ không gian dâm ngay cả khi bỏ ông vào thùng với ba cô gái điếm,” bà nói. “Ông ấy không biết phải làm gì.”

Jonathan xấu hổ. “Tu viện trưởng thật sự gặp khó khăn, ngay cả việc lời buộc tội là vô lý,” cậu nói.

“Tại sao tôi phải giúp Philip?” bà nói. “Ông ấy chỉ làm tôi đau lòng.”

Jack đã sợ về việc này. Mẹ cậu đã chẳng bao giờ tha thứ cho Philip vì đã tách bà và Tom. “Ông cũng làm như vậy đối với con. Nếu con có thể tha thứ cho ông ấy, mẹ cũng có thể.”

“Tôi không phải là mẫu người dễ tha thứ,” bà nói.

“Vậy không phải làm chuyện đó vì Philip, mà vì con. Con muốn tiếp tục xây dựng ở Kingsbridge.”

“Tại sao? Nhà thờ đã hoàn thành.”

“Con muốn phá đổ gian cung thánh cũ của Tom và xây lại trong phong cách mới.”

“Ồ, lại xây nữa.”

“Mẹ. Philip là một tu viện trưởng tốt, và khi ông chấm dứt, Jonathan sẽ tiếp tục nhiệm vụ - nếu mẹ đến Kingsbridge và nói ra sự thật trước tòa.”

“Tôi ghét tòa án,” bà nói. “Chẳng có gì tốt từ tòa án cả.”

Thật điên rồ. Bà ấy cầm chìa khóa cho phiên tòa của Philip. Nhưng bà là một người già cứng đầu. Jack đã thực sự sợ cậu sẽ không thể thuyết phục được bà. Cậu quyết định thử đi cửa sau. “Con biết nó là một đoạn đường xa cho một người bằng tuổi của mẹ,” cậu nói ranh mãnh. “Mẹ bao nhiêu tuổi rồi – sáu mươi tám?”

“Sáu mươi hai, và đừng khiêu khích mẹ,” bà mắng. “Mẹ còn khỏe hơn con.” Nó có thể là sự thật, Jack nghĩ. Tóc bà trắng như tuyết, và mặt bà có những nét nhăn, nhưng đôi mắt vàng rờn vẫn nhìn xuyên thấu như xưa: vừa khi bà thấy Jonathan bà đã biết cậu là ai, và bà đã nói: “Vâng, tôi không cần hỏi tại sao cậu đến đây. Cậu đã biết cậu từ đâu đến, phải không? Trời ơi! Cậu cao như bố cậu và cũng gần to ngang như ông.” Bà vẫn độc lập và độc đáo như xưa.

“Sally cũng giống mẹ,” Jack nói.

Bà hài lòng. “Thật thế không?” Bà mỉm cười. “Giống chỗ nào?”

“Trong sự bướng bỉnh của cô ấy.”

“Hừ!” bà tức giận. “Cô ấy sẽ được thôi.”

Jack quyết định phải nài xin bà. “Mẹ, làm ơn đến Kingsbridge với chúng con và nói lên sự thật.”

“Mẹ không biết,” bà nói.

Jonathan nói: “Tôi có chuyện khác muốn hỏi bà.”

Jack băn khoăn không biết chuyện gì nữa đây. Cậu sợ Jonathan nói điều gì đó không hài lòng mẹ cậu: nó dễ xảy ra, đặc biệt đối với các giáo sĩ. Cậu nín thở.

Jonathan nói: “Bà có thể chỉ cho tôi nơi mẹ tôi được chôn cất không?”

Jack thở ra nhẹ nhàng. Chuyện đó không có gì sai. Thật vậy, Jonathan khó có thể nghĩ ra cái gì khác để làm dịu bà.

Bà bỏ ngay thái độ khinh bỉ. “Dĩ nhiên tôi sẽ chỉ cậu,” bà nói. “Chắc hẳn tôi có thể tìm ra nó.”

Jack không muốn mất nhiều thời gian. Phiên xử sẽ bắt đầu vào buổi sáng và họ còn đoạn đường dài để đi. Nhưng cậu cảm nhận cậu nên để cho số mệnh định đoạt.

Bà nói với Jonathan: “Cậu có muốn đến đó bây giờ không?”

“Vâng, làm ơn, nếu có thể.”

“Được.” Bà đứng lên. Bà nhặt chiếc áo choàng lông thỏ trắng và khoác nó trên vai. Jack định nói với bà rằng nó sẽ nóng quá, nhưng cậu dừng lại: người già luôn cảm thấy lạnh hơn.

Họ rời hang động đầy mùi tảo dư trữ và khói, rồi len qua đám cây rậm trước cửa hang và bước vào ánh mặt trời mùa xuân. Ellen đi không lưỡng lự. Jack và Jonathan tháo ngựa và theo sau. Họ phải dắt ngựa theo vì cây mọc um tùm, không thể cưỡi ngựa được. Jack nhận ra mẹ cậu đi chậm hơn mọi khi. Bà không còn khỏe như bà nói.

Jack tự mình không thể tìm ra chỗ đó. Đã có một thời gian cậu đi trong rừng dễ dàng như bây giờ cậu đi xung quanh Kingsbridge. Bây giờ đối với cậu khoảng rừng này cũng giống khoảng rừng kia; như các ngôi nhà của Kingsbridge tất cả đều trông giống nhau đối với một người lạ. Ellen theo vết đường của thú vật xuyên qua khu rừng rậm. Lâu lâu Jack nhận ra dấu hiệu liên quan đến tuổi thơ của cậu: một cây sồi to lớn nơi cậu đã trốn con lợn rừng; một khu thỏ ở, nơi đã cung cấp những bữa cơm ngon lành; một con suối, nơi cậu có thể bắt cá khi nào cậu muốn. Có lúc cậu biết mình ở đâu, rồi cậu lại mất hướng. Thật kỳ cục, cậu nghĩ, đã có lần cậu cảm thấy đây là nhà cậu, bây giờ nó thành một nơi xa lạ, những con rạch và những bụi cây trở thành vô nghĩa đối với cậu, giống như những viên đá vôi và những khuôn mẫu của cậu xa lạ đối với người nông dân. Nếu trước đây có lần cậu tự hỏi đời sống của cậu sẽ ra sao, cậu đoán rằng nó không giống như thực tế bây giờ.

Họ đã đi nhiều dặm. Nó là một ngày mùa xuân ấm áp, và Jack đổ mồ hôi. Nhưng Ellen vẫn mặc áo lông thỏ. Khoảng giữa trưa bà đến một chỗ nghỉ trong bóng râm. Jack nhận ra bà thở mạnh và mặt bà tái đi. Đã đến lúc bà phải rời rừng về ở với Jack và Aliena. Cậu quyết định sẽ cố thuyết phục bà.

“Mẹ có sao không?” cậu hỏi.

“Dĩ nhiên mẹ bình thường,” bà cắt ngang. “Chúng ta đã đến nơi.”

Jack nhìn quanh. Cậu không nhận ra nó.

Jonathan hỏi: “Có phải nó ở đây không?”

“Đúng,” bà trả lời.

Jack nói: “Con đường đâu?”

“Bên kia.”

Khi Jack định hướng được con đường, khoảng rừng thưa trở thành quen thuộc với cậu, và một dòng kỷ niệm quay về. Đây là cây hạt dẻ lớn: lúc đó cây không còn lá và hạt của nó rụng khắp nơi, nhưng bây giờ cây đang trở hoa, những nụ hoa trắng to giống như những cây nến cắm trên khắp cây. Những nụ hoa bắt đầu rơi, và cứ vài phút một đám mây của cánh hoa trôi dạt xuống.

“Martha đã kể những gì đã xảy ra,” Jack nói. “Họ dừng lại ở đây vì mẹ anh không còn có thể tiếp tục đi. Tom nhóm lửa và nấu súp với vài củ cải: không có thịt. Mẹ anh sinh anh ở đúng chỗ này, trên nền đất. Anh hoàn toàn khỏe mạnh, nhưng một cái gì đó xảy đến cho bà và bà chết.” Cách gốc cây vài bộ, một đồng đất nhỏ nhô lên. “Hãy nhìn,” Jack nói. “Anh có thấy gò đất nhỏ kia không?”

Jonathan gật đầu, mặt cậu căng thẳng như muốn đè nén cảm xúc.

“Đó là ngôi mộ.” Khi Jack nói, một đám mây nhỏ của những cánh hoa rơi từ cây và rớt xuống mộ như một tấm thảm hoa.

Jonathan quỳ xuống bên ngôi mộ và cầu nguyện. Jack đứng im lặng. Cậu nhớ lại khi cậu tìm được người thân ở Cherbourg: đó là một trải nghiệm khủng khiếp. Những gì Jonathan đang trải qua còn dữ dội hơn.

Sau cùng Jonathan đứng lên. “Nếu tôi là tu viện trưởng,” Cậu nói nghiêm trang, “tôi sẽ xây một tu viện nhỏ ở đây, với một nhà nguyện và

một nhà trọ, để trong tương lai không một lữ hành nào trên đoạn đường này phải trải qua những đêm mùa đông lạnh lẽo ngoài trời. Tôi sẽ dành nhà trọ này để tưởng nhớ mẹ tôi.” Cậu nhìn Jack. “Tôi đoán là anh cũng không biết tên bà, phải không?”

“Đó là Agnes,” Ellen nói dịu dàng. “Mẹ cậu tên là Agnes.”

Giám mục Waleran làm cho sự việc thêm đáng tin.

Ông bắt đầu bằng cách kể cho tòa án nghe về sự tiến triển nhanh chóng của Philip: làm quản lý tu viện khi ông hai mươi một tuổi; tu viện trưởng chi nhánh trong rừng năm hai mươi ba tuổi; tu viện trưởng ở Kingsbridge lúc hai mươi tám tuổi. Ông luôn luôn đề cao tuổi trẻ của Philip và gây ấn tượng rằng bất cứ ai lãnh chức vụ sớm như thế thường có khuynh hướng kiêu ngạo. Rồi ông miêu tả tu viện Thánh Gioan trong rừng, ở một nơi xa xôi và cô lập, rồi ông chuyển qua sự tự do và độc lập của tu viện trưởng ở đó. “Ai mà ngạc nhiên,” ông nói, “sau năm năm, một mình một côi, chỉ có sự giám sát nhẹ nhàng từ xa, khi người đàn ông trẻ, thiếu kinh nghiệm và tràn đầy sức sống này có một người con?” Nghe như nó là chuyện đương nhiên, không thể tránh khỏi. Philip muốn siết cổ ông.

Waleran tiếp tục kể về việc Philip đã mang Jonathan và Johny Eightpence với ông khi ông đến Kingsbridge. Các tu sĩ đã giật mình, Waleran nói, khi tu viện trưởng mới đến với một em bé và một người giữ trẻ. Nó đúng như vậy. Có lúc Philip quên đi sự căng thẳng và cố đè nén một nụ cười thâm thương.

Philip đã chơi với Jonathan, dạy cậu học và sau này chỉ định cậu thành trợ tá của ông, Waleran tiếp tục, như thế bất cứ người đàn ông nào cũng làm như thế với con mình, ngoại trừ các tu sĩ, những người không được phép có con. “Jonathan đã phát triển nhanh, giống như Philip” Waleran nói. “Khi Cuthbert Whitehead chết, Philip đã chỉ định cậu làm quản lý, ngay cả khi đó cậu mới hai mươi một tuổi. Thật sự không có ai khác trong tu viện có thể làm quản lý trong một tu viện hơn một trăm tu sĩ, mà phải để cho một cậu bé hai mươi một tuổi làm chuyện đó sao? Hay Philip muốn ưu tiên cho người máu mủ của mình? Khi Milius được cử đi làm tu viện trưởng ở Glastonbury, Philip đặt Jonathan làm thủ quỹ. Cậu ấy ba mươi bốn tuổi. Có

phải cậu là người khôn ngoan nhất và đạo đức nhất trong số các tu sĩ ở đây? Hay đơn giản cậu là người được Philip yêu thích?”

Philip nhìn quanh tòa án. Nó được tổ chức ở gian ngang phía nam nhà thờ chính tòa Kingsbridge. Tổng đại diện Peter ngồi trên một chiếc ghế rộng, chạm khắc giống như ngai vua. Tất cả ban lãnh đạo của Waleran có mặt, cũng như hầu hết tu sĩ của Kingsbridge. Không có nhiều việc để làm trong tu viện khi tu viện trưởng bị xét xử. Các giáo sĩ quan trọng trong vùng đều đến, ngay cả một số các cha xứ khiêm nhường. Cũng có cả đại diện từ các địa phận lân cận. Toàn thể cộng đồng tôn giáo miền Nam nước Anh chờ đợi lời phán quyết của phiên tòa này. Họ không quan tâm đến vấn đề Philip có đạo đức hay thiếu đạo đức; họ theo dõi phiên tòa để xem cuộc độ sức giữa Tu viện trưởng Philip và Giám mục Waleran.

Khi Waleran ngồi xuống, Philip tuyên thệ và bắt đầu kể câu chuyện về buổi sáng mùa đông đó cách đây đã lâu. Ông bắt đầu với sự khó chịu gây ra bởi Peter thành Wareham: ông muốn mọi người biết rằng Peter có thành kiến chống lại ông. Rồi ông gọi Francis để kể về đứa bé đã được tìm thấy như thế nào.

Jonathan đã đi ra ngoài, để lại một tin nhắn nói rằng cậu trên đường thu thập thông tin mới về nguồn gốc của cậu. Jack cũng biến mất nữa, qua đó Philip đi đến kết luận rằng chuyến đi đó có liên quan đến mẹ của Jack, bà phù thủy Ellen và Jonathan sợ ông sẽ cấm chuyến đi đó của cậu. Họ sẽ phải trở về sáng nay, nhưng họ vẫn chưa về tới. Philip không nghĩ Ellen có thể thêm gì về câu chuyện Francis đang kể.

Khi Francis chấm dứt, Philip nói: “Đứa bé không phải của tôi,” ông nói đơn giản. “Tôi thề rằng nó không phải là của tôi. Tôi chưa bao giờ có quan hệ tình dục với người phụ nữ nào. Cho đến hôm nay tôi sống trong tình trạng khiết tịnh mà Thánh Tông đồ Phao Lô khuyên chúng ta. Giám mục hỏi tại sao tôi đã đối xử với đứa bé như là con tôi?”

Ông nhìn quanh những người đang lắng nghe. Ông đã quyết định rằng cơ hội duy nhất của ông là nói sự thật và hy vọng Chúa sẽ nói đủ to để át đi sự diếc thiêng liêng của Peter. “Khi tôi được sáu tuổi, bố mẹ tôi chết. Họ bị lính của vua Henry cũ giết ở Wales. Em tôi và tôi được cứu bởi viện phụ

của một tu viện gần đó, và từ ngày đó chúng tôi được các tu sĩ chăm sóc. Tôi là một đứa bé mồ côi của tu viện. Tôi hiểu điều đó có nghĩa gì. Tôi hiểu đứa trẻ mồ côi khao khát sự âu yếm của bà mẹ như thế nào, ngay cả khi nó yêu người anh đang chăm sóc cho nó. Tôi biết Jonathan sẽ cảm thấy không bình thường, đặc biệt, không chính thức. Tôi nhận biết cảm xúc cô lập đó, cảm giác rằng tôi khác những người khác bởi vì tất cả có một người bố và một người mẹ, còn tôi không có. Giống cậu ấy, tôi cảm thấy xấu hổ với chính mình vì trở thành gánh nặng trên lòng hảo tâm của người khác; tôi tự hỏi tôi đã làm gì sai để tôi bị lấy đi những gì đối với người khác là điều tự nhiên. Tôi biết rằng cậu ấy sẽ mơ trong đêm về bộ ngực ấm áp, thơm tho và giọng nói êm dịu của một bà mẹ mà cậu ấy chẳng bao giờ biết, một người yêu cậu hoàn toàn và trọn vẹn.”

Khuôn mặt Peter trở như đá. Ông là thành phần Ki Tô hữu tồi tệ nhất, Philip nhận ra: ông chỉ nhận ra sự tiêu cực, chỉ nghĩ đến sự cấm đoán thi hành nó, yêu cầu hình phạt nặng cho mỗi hành vi phạm tội. Trong khi đó ông ngỡ đi lòng thương xót của Ki Tô giáo, từ chối lòng từ bi, trắng trợn không theo luân lý của tình yêu và công khai coi thường lề luật nhân từ của Chúa Giê Su. Họ giống như người Pha Ri Sêu, Philip nghĩ; không gì ngạc nhiên khi Chúa thích ăn với người thu thuế và tội lỗi.

Ông tiếp tục, mặc dù ông biết với một trái tim nặng nề rằng những gì ông nói không thể xuyên qua áo giáp tự coi mình là công chính của Peter. “Không ai có thể chăm sóc đứa trẻ như tôi, ngoài bố mẹ của nó; và những người này chúng ta chẳng bao giờ tìm thấy. Chúa có thể làm dấu hiệu nào rõ ràng hơn thế nữa không?” Ông nghẹn lời. Jonathan vừa bước vào trong nhà thờ, với Jack; và giữa họ là bà phù thủy, mẹ Jack.

Bà đã già đi: Tóc bà trắng như tuyết, và khuôn mặt bà có nhiều nếp nhăn. Nhưng bà đi như một nữ hoàng, đầu bà ngẩng cao, đôi mắt vàng rờn của bà nhìn thách thức. Philip quá ngạc nhiên để phản đối.

Phiên tòa im lặng khi bà vào gian ngang và đứng đối diện với Tổng đại diện Peter. Bà nói bằng một giọng vang như tiếng kèn, và vọng xuống từ mái trần của con bà. “Tôi thề trước các Thánh rằng Jonathan là con của thợ xây Tom, người chồng yêu quý của tôi, và vợ trước của ông.”

Có tiếng ồn ào ngạc nhiên từ đám đông các giáo sĩ. Một lúc lâu không ai có thể nghe thấy gì. Philip hoàn toàn kinh ngạc. Ông há miệng nhìn Ellen. Thợ xây Tom? Jonathan là con của thợ xây Tom? Khi ông nhìn Jonathan ông biết nó là sự thật: Họ giống nhau, không những về chiều cao, nhưng còn về khuôn mặt. Nếu Jonathan có một bộ râu, mọi chuyện sẽ rõ ràng.

Phản ứng đầu tiên của ông là sự mất mát. Cho đến bây giờ, đối với Jonathan ông là một người bố. Nhưng Tom là người bố thật, và mặc dù Tom đã qua đời, sự khám phá này sẽ thay đổi mọi chuyện. Philip không còn có thể thầm kín nghĩ mình là bố của cậu ấy; Jonathan sẽ không còn cảm thấy giống như con của ông. Bây giờ Jonathan là con của Tom. Philip đã mất cậu...

Philip nặng nề ngồi xuống. Khi đám đông bắt đầu im lặng, Ellen kể câu chuyện về việc Jack nghe tiếng khóc và tìm thấy một đứa bé mới sinh. Philip lắng nghe, choáng váng khi bà kể rằng bà và Tom đã ẩn trong bụi, quan sát Philip và các tu sĩ trở về sau khi làm việc buổi sáng hôm đó và gặp Francis đang đợi họ với một đứa bé mới sinh, và Johnny Eightpence cố gắng cho nó ăn với miếng giẻ nhúng vào xô sữa dê.

Philip nhớ rất rõ Tom đã quan tâm khi họ tình cờ gặp nhau sau đó một hai ngày và Philip đã kể cho ông về đứa bé bị bỏ rơi. Philip nghĩ sự quan tâm của ông là một phản ứng của bất cứ người nhân từ nào khi nghe một câu chuyện cảm động, nhưng thực ra ông muốn biết về số phận con ông.

Rồi Philip nhớ lại Tom đã yêu Jonathan như thế nào trong những năm sau đó, khi đứa bé trở thành một đứa trẻ và sau đó trở thành một cậu bé tinh nghịch. Không ai để ý đến nó: Trong những ngày này toàn bộ tu viện đã đối xử với Jonathan như một con vật cưng và Tom ở cả ngày trong sân tu viện, vì thế thái độ của ông hoàn toàn không gây chú ý; nhưng bây giờ, khi nhìn lại, Philip có thể thấy rằng sự quan tâm mà Tom dành cho Jonathan thật đặc biệt.

Khi Ellen ngồi xuống, Philip biết mình đã được chứng minh vô tội. Sự tiết lộ của Ellen quá kinh hoàng đến nỗi ông hầu như quên mình đang bị xét xử. Câu chuyện của bà về sinh đẻ và tử vong, tuyệt vọng và hy vọng, bí mật thời xa xưa và tình yêu vĩnh cửu làm cho câu hỏi về sự khiết tịnh của

Philip thành không quan trọng. Nó không phải là không quan trọng, dĩ nhiên; tương lai của tu viện tùy thuộc vào nó; và bây giờ Ellen đã trả lời câu hỏi một cách bi thảm đến nỗi dường như phiên xử không thể tiếp tục được. Với bằng chứng rành rành như thế, ngay cả Peter thành Warenham cũng không thể cho tôi là có tội, Philip nghĩ. Waleran một lần nữa lại thất bại.

Tuy nhiên Waleran không sẵn sàng thừa nhận thất bại. Ông chỉ một ngón tay buộc tội vào Ellen. “Bà nói thợ xây Tom bảo bà rằng đứa bé được mang tới tu viện là con của ông ấy?”

“Vâng,” Ellen nói một cách thận trọng.

“Nhưng hai người khác, những người có thể xác nhận điều này – tôi muốn nói tới hai đứa trẻ Alfred và Martha – đã không cùng đi với bà đến tu viện?”

“Không.”

“Và Tom đã chết, như thế chỉ có bà làm chứng rằng Tom đã nói đó là con ông. Câu truyện của bà không được xác nhận.”

“Ông muốn bao nhiêu bằng chứng nữa?” Bà nói sôi nổi. “Jack nhìn thấy đứa bé bị bỏ rơi. Francis nhặt nó lên. Jack và tôi gặp Tom và Alfred và Martha. Francis đem đứa bé đến tu viện. Tom và tôi dò thám tu viện. Bao nhiêu bằng chứng mới làm vừa lòng ông?”

“Tôi không tin bà,” Waleran nói.

“Ông không tin tôi?” Ellen nói, và bất ngờ Philip thấy bà giận dữ, giận dữ một cách sâu sắc và mạnh mẽ. “Ông không tin tôi ư? Ông, Waleran Bigod! Tôi biết ông là người khai man trước tòa.”

Chuyện gì nữa đây? Philip linh cảm sẽ có một cơn đại hồng thủy. Waleran tái mặt. Ở đây còn có nhiều chuyện, Philip nghĩ, những chuyện làm Waleran sợ hãi. Ông cảm thấy vui trong bụng. Waleran bất ngờ lão đảo.

Philip nói với Ellen: “Làm sao bà biết giám mục là người khai gian trước tòa?”

“Bốn mươi bảy năm về trước, trong tu viện này, có một tù nhân tên là Jack Shareburg,” Ellen nói.

Waleran ngắt lời bà. “Tòa án này không quan tâm đến biến cố đã xảy ra cách đây nhiều năm.”

Philip nói: “Có chứ, thưa giám mục! Những lời cáo buộc tôi về tội gian dân cách đây ba mươi lăm năm. Ông đã đòi hỏi tôi phải chứng minh sự vô tội của tôi. Bây giờ tòa án sẽ đòi hỏi ông như vậy.” Ông quay sang Ellen “Bà tiếp tục đi!”

“Không ai biết tại sao ông ấy lại bị tù, ngay cả chính ông ấy cũng không biết. Một ngày kia ông được thả tự do, và được tặng một chén có nạm đá quý như để đền bù cho những năm tháng bị tù một cách bất công. Dĩ nhiên ông chẳng muốn chén đó: ông không quen dùng nó và nó quá giá trị để có thể bán được ở ngoài chợ. Ông để nó lại ở đây, trong ngôi nhà thờ chính tòa cũ của Kingsbridge. Sau đó ông lại bị bắt – bởi Waleran Bigod, một linh mục miền quê giản dị, khiêm tốn nhưng đầy tham vọng – và chiếc chén lại xuất hiện một cách bí ẩn trong túi ông. Jack Shareburg bị vu cáo ăn cắp chén quý. Ông bị kết án vì lời thề của ba người: Waleran Bigod, Percy Hamleigh và Tu viện trưởng James của Kingsbridge. Và ông bị treo cổ.”

Một sự yên lặng sững sờ, rồi Philip nói: “Tại sao bà biết mọi việc này?”

“Tôi là người bạn duy nhất của Jack Shareburg, và ông ấy là bố của con trai tôi, Jack Jackson, thợ xây dựng tổng thể chính của nhà thờ chính tòa này.”

Tiếng ồn ào nổi lên. Waleran và Peter cùng nói một lúc, nhưng không ai nghe thấy gì trong sự huyên náo giữa các giáo sĩ hiện diện. Họ đến để xem một cuộc thách đấu, Philip nghĩ, nhưng họ không ngờ nó lại diễn biến như thế này.

Một lúc sau Peter tạo được sự yên lặng. “Tại sao ba công dân tuân thủ pháp luật lại kết hợp với nhau vu khống một người lạ vô tội?” ông hỏi một cách nghi ngờ.

“Vì quyền lợi của mình,” Ellen nói. “Waleran Bigod được lên làm tổng đại diện. Percy được hưởng trang trại Hamleigh và nhiều làng khác, và trở thành người giàu có. Tôi không biết phần thưởng cho Tu viện trưởng James là gì.”

“Tôi có thể trả lời câu hỏi đó,” một giọng nói cất lên

Philip nhìn quanh, giật mình. Người đang nói là Remigius. Ông đã ngoài bảy mươi, tóc bạc và thích nói dông dài. Bây giờ ông đứng lên, dựa vào cây gậy, mắt ông sáng và nét mặt ông tỉnh táo. Từ khi ông thất bại và trở lại tu viện, ông sống một cuộc sống thính lặng và khiêm nhường, và rất ít nói chuyện công khai. Philip tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra. Remigius sẽ theo phe nào? Ông có dùng cơ hội cuối cùng để đâm sau lưng kẻ thù lâu đời của ông là Philip không?

“Tôi có thể kể Tu viện trưởng James đã nhận được phần thưởng nào,” Remigius nói. “Tu viện nhận được các làng Northwold, Southwold và Hundredacre, cộng với khu rừng của Oldean.”

Philip kinh ngạc. Có thể nào tu viện trưởng cũ đã làm chứng gian vì được lợi vài ngôi làng?

“Tu viện trưởng James không bao giờ là một người điều hành giỏi,” Remigius tiếp tục. “Tu viện gặp khó khăn, và ông nghĩ rằng thu nhập thêm sẽ giúp tu viện vượt qua.” Remigius dừng lại, sau đó nói sắc sảo: “Nó mang lại lợi ít, hại nhiều. Lợi nhuận chỉ giúp được một thời gian, nhưng Tu viện trưởng James chẳng bao giờ lấy lại được niềm tự trọng của mình.”

Nghe Remigius nói, Philip nhớ lại nét nặng nề, chán nản của tu viện trưởng cũ, và bây giờ ông hiểu tại sao.

Remigius nói: “Thực ra James không thề gian, bởi vì ông chỉ thề rằng chiếc chén đó thuộc về tu viện; tuy nhiên ông biết Jack Shareburg vô tội, nhưng ông vẫn yên lặng. Ông đã hối hận về sự yên lặng đó trong suốt quãng đời còn lại của cuộc đời ông.”

Ông phải hối hận, Philip nghĩ, nó là một tội vì đối với một tu sĩ như thế là bị mua chuộc. Lời chứng của Remigius xác nhận câu chuyện của Ellen và lên án Waleran.

Remigius vẫn tiếp tục: “Một vài người già ở đây hôm nay sẽ nhớ rằng tu viện cách đây bốn mươi năm ra sao. Tóm lại: đổ nát, không còn một xu và đôi bại. Đó là vì sức nặng của tội lỗi đè lên tu viện trưởng. Khi ông sắp chết, ông đã xưng tội với tôi. Tôi muốn —.” Remigius dừng lại. Nhà thờ im lặng, chờ đợi. Ông thở dài và tiếp tục. Tôi muốn thay thế vị trí của ông và sửa lại những đổ vỡ. Nhưng Thiên Chúa đã chọn người khác cho trách

nhiệm đó.” Ông lại dừng và khuôn mặt già nua của ông tỏ vẻ đau đớn khi ông cố gắng chấm dứt. “Tôi có thể nói: Thiên Chúa đã chọn một người tốt hơn.” Ông đột ngột ngồi xuống.

Philip kinh ngạc, sửng sốt và biết ơn. Hai kẻ thù lâu đời của ông, Ellen và Remigius, đã cứu ông. Lời tiết lộ về những bí mật ngày xưa làm cho ông cảm thấy ông đã sống mà nửa con mắt đã đóng. Giám mục Waleran cúi giận. Ông đã cảm thấy chắc chắn rằng sau bao năm ông đã được an toàn. Ông nghiêng người về phía Peter, nói nhỏ vào tai tổng đại diện, trong khi tiếng ồn ào nổi lên từ những người tham dự.

Peter đứng lên và nói lớn: “Im lặng!” Nhà thờ hoàn toàn yên lặng. “Phiên tòa chấm dứt!” ông nói.

“Xin chờ một chút!” Đó là Jack Jackson. “Như vậy chưa đủ!” cậu hăng hái nói. “Tôi muốn biết tại sao.”

Làm ngơ Jack, Peter tiến về phía cửa vào tu viện, và Waleran theo sau.

Jack đi theo họ. “Tại sao ông làm như thế?” cậu hét lên với Waleran. “Ông đã thề gian và một người phải chết – Ông định ra khỏi đây mà không nói một lời sao?”

Waleran nhìn thẳng về phía trước, mặt trắng bệch, môi mím lại, nét mặt như đang đè nén cơn tức giận. Khi ông đi qua cửa, Jack hét lên: “Người đàn ông không xứng đáng, nói dối, tham nhũng kia, hãy trả lời tôi! Tại sao ông giết bố tôi?”

Waleran đi ra khỏi nhà thờ và cánh cửa đóng sầm lại sau lưng ông.

PHẦN MƯỜI TÁM

I

Lá thư từ vua Henry đến trong khi các tu sĩ đang trong nhà họp.

Jack đã xây một nhà họp chứa được một trăm năm mươi tu sĩ – số lượng lớn nhất trong một tu viện trên toàn nước Anh. Tòa nhà tròn có mái trần vòm bằng đá và hàng ghế theo bậc bằng đá để ngồi. Ban lãnh đạo tu viện ngồi trên băng đá xung quanh bức tường, cao hơn hàng ghế phía dưới; và Philip cùng Jonathan ngồi trên ghế trạm khắc dựa vào tường đối diện với cửa ra vào.

Một tu sĩ trẻ đọc chương thứ bảy của luật Thánh Biển Đức. “Bậc thứ sáu của đức khiêm nhường là khi một tu sĩ hài lòng với những gì tầm thường và hèn hạ...” Philip nhận ra ông không biết tên người tu sĩ đang đọc. Có phải vì ông quá lớn tuổi hay vì tu viện quá to? “Bậc thứ bảy của đức khiêm nhường là khi một người không chỉ thú nhận bằng miệng rằng ông thấp kém nhất và hèn hạ nhất so với người khác, nhưng còn tin như vậy trong sâu thẳm của trái tim ông.” Philip biết ông chưa đạt đến bậc khiêm nhường này. Ông đã đạt được nhiều điều trong sáu mươi hai năm qua, và ông đã đạt được nó nhờ sự can đảm, quyết tâm và trí thông minh của ông; nhưng ông cần phải nhẫn nhủ lòng thường xuyên rằng lý do thực sự của sự thành công của ông là sự giúp đỡ của Thiên Chúa, không có Thiên Chúa mọi nỗ lực của ông không là gì.

Đàng sau ông, Jonathan luôn cựa quậy. Jonathan còn gặp nhiều khó khăn về đức khiêm nhường hơn Philip. Kiêu ngạo là tật xấu của những người lãnh đạo giỏi. Jonathan đã sẵn sàng lãnh đạo tu viện ngay, nhưng cậu kiên nhẫn chờ. Cậu đã nói chuyện với Aliena và cậu háo hức muốn thử kỹ thuật

canh tác mới như cày với ngựa, trồng đậu và yếm mạch trên mảnh đất hoang trong mùa xuân. Nó cũng giống như ngày xưa, cách đây ba mươi lăm năm, khi tôi nuôi cừu lấy lông, Philip nghĩ.

Ông biết ông nên từ chức và để Jonathan nhận trách nhiệm tu viện trưởng. Ông muốn dành quãng đời còn lại cho việc cầu nguyện và chiêm niệm. Nó là một tiến trình mà ông cũng thường khuyên người khác. Nhưng bây giờ, khi ông đủ tuổi để về hưu, viễn tượng tương lai làm ông sợ. Ông vẫn khỏe mạnh và trí óc ông minh mẫn hơn bao giờ hết. Một đời sống trong cầu nguyện và chiêm niệm có thể làm ông điên.

Tuy nhiên, Jonathan không thể chờ đợi mãi mãi. Thiên Chúa đã cho cậu khả năng điều hành một tu viện lớn, và cậu không muốn phí phạm khả năng của cậu. Cậu đã thăm nhiều tu viện trong những năm qua và đã tạo được ấn tượng tốt bất cứ nơi đâu cậu đến. Vào những ngày này, nếu một viện phụ chết, các tu sĩ sẽ yêu cầu Jonathan làm ứng viên cho cuộc bầu cử, và Philip sẽ khó từ chối không cho phép.

Người tu sĩ trẻ mà Philip không nhớ tên vừa đọc xong, có tiếng gõ cửa và người gác cổng đi vào. Thầy Steven, người giám thị, cau mày nhìn ông ấy: người gác cổng không được quấy rầy các tu sĩ trong giờ họp. Thầy giám thị chịu trách nhiệm về kỷ luật, và cũng giống như những người khác giữ chức vụ này, thầy khắt khe với các luật lệ.

Người gác cổng nói thì thào: “Một sứ giả của nhà vua!”

Philip nói với Jonathan: “Em ra xem chuyện gì.” Sứ giả sẽ trao bức thư cho một nhân viên cao cấp trong tu viện. Jonathan đi ra. Các tu sĩ thì thầm với nhau. Philip kiên quyết nói: “Chúng ta tiếp tục cầu nguyện cho những người đã qua đời.”

Khi lời cầu cho người quá cố bắt đầu, ông tự hỏi vua Henry thứ hai muốn nói gì với tu viện Kingsbridge. Nó có khả năng là một tin vui. Henry đã bắt hòa với giáo hội từ sáu năm qua. Cuộc tranh cãi bắt đầu về thẩm quyền của tòa án giáo hội, nhưng sự cứng đầu của nhà vua và sự nhiệt thành của Tổng giám mục thành Canterbury, Thomas Becket, đã ngăn chặn thỏa hiệp, và cuộc tranh cãi đã trở thành cuộc khủng hoảng. Becket đã phải ép buộc đi lưu vong ở Pháp.

Đáng buồn là giáo hội ở Anh đã không nhất trí ủng hộ ông. Các giám mục như Waleran Bigod đứng về phía nhà vua để được đặc quyền của hoàng gia. Tuy nhiên, giáo hoàng đã thúc ép Henry làm hòa với Becket. Có lẽ hậu quả tệ hại nhất của cuộc tranh cãi này là vua Henry, vì cần sự hỗ trợ của giáo hội Anh, đã cho những giám mục thêm khát quyền lực như Waleran ảnh hưởng lớn ở hoàng gia. Đó là lý do tại sao một lá thư của nhà vua lại đáng ngại hơn bình thường đối với Philip.

Jonathan trở lại và trao cho Philip một cuộn giấy được niêm phong bằng sáp có con triện to lớn của hoàng gia. Tất cả tu sĩ chờ đợi. Philip thấy khó có thể yêu cầu họ tập trung vào việc cầu nguyện cho người qua đời trong khi ông có lá thư trong tay. “Được,” ông nói. “Chúng ta sẽ tiếp tục cầu nguyện sau.” Ông phá vỡ con triện và mở lá thư. Ông liếc qua phần chào hỏi rồi đưa cho Jonathan, người có mắt sáng hơn. “Làm ơn đọc nó.”

Sau lời chào đầu bình thường, nhà vua viết: “Làm giám mục thành Lincoln, tôi đề cử người phục vụ trung thành của chúng tôi Waleran Bigod, hiện đang là giám mục thành Kingsbridge...” Giọng Jonathan bị át đi vì những lời bình luận sôi nổi. Philip lắc đầu ghê tởm. Waleran đã mất hết uy tín ở địa phương sau những tiết lộ ở phiên tòa của Philip: ông không còn có thể tiếp tục làm giám mục. Vì thế ông đã thương thuyết với nhà vua để đề cử ông thành giám mục ở Lincoln. Lincoln là một trong những địa phận giàu nhất thế giới và là địa phận quan trọng thứ ba trong vương quốc, sau Canterbury và York. Từ đó chỉ còn một bước nhỏ để trở thành tổng giám mục. Henry ngay cả có thể đã chuẩn bị cho Waleran thay thế Thomas Becket. Ý nghĩ về Waleran trở thành tổng giám mục của Canterbury, người lãnh đạo giáo hội Anh, quá kinh khủng đến nỗi Philip cảm thấy bệnh vì sợ.

Khi các tu sĩ yên lặng, Jonathan tiếp tục: “... và tôi đã đề nghị hội đồng địa phận bầu ông.” Được, việc đó nói thì dễ hơn là làm, Philip nghĩ. Một lời đề nghị của hoàng gia thì gần như mệnh lệnh, nhưng không hoàn toàn: nếu hội đồng địa phận ở Lincoln chống lại Waleran, hay nếu họ có riêng một ứng viên, họ có thể gây khó khăn cho nhà vua. Sau cùng nhà vua có lẽ sẽ đạt được mục đích theo cách của mình, nhưng nó không phải là chuyện đương nhiên.

Jonathan tiếp tục: “Tôi ra lệnh cho quý ông, ban lãnh đạo của tu viện Kingsbridge, tổ chức một cuộc bầu cử giám mục mới cho Kingsbridge; và tôi đề cử cho chức vụ này người phục vụ trung thành của chúng tôi Peter thành Warenham, tổng đại diện của Canterbury.”

Một tiếng hét tập thể phản đối xuất phát từ các tu sĩ đang họp. Philip lạnh người vì kinh hoàng. Nhà vua đã chọn tổng đại diện Peter, một người kiêu ngạo, luôn bức bối, tự cho mình là đúng, làm giám mục mới của Kingsbridge. Peter cùng mẫu người như Waleran. Cả hai đều ngoan đạo và kính sợ Thiên Chúa, nhưng không có cảm xúc cho lỗi lầm của mình, vì thế mà họ cho ước muốn của họ là ý muốn của Thiên Chúa, và theo đuổi mục đích của mình bằng sự vô tâm. Với Peter làm giám mục, Jonathan trong chức vụ tu viện trưởng sẽ phải chiến đấu cả đời cho công lý và sự hợp lý trong một vùng được cai trị bởi bàn tay sắt của một người không có trái tim. Và nếu Waleran thành tổng giám mục thì sẽ không còn hy vọng gì về một viễn tượng tươi sáng hơn.

Philip thấy một thời kỳ đen tối trước mặt, giống như giai đoạn tồi tệ của cuộc nội chiến, khi các bá tước như William làm gì họ muốn, khi các linh mục kiêu ngạo sao lãng cộng đoàn của họ và các tu viện co lại trong chiếc bóng nghèo khổ, yếu ớt của mình. Ý nghĩ đó làm ông tức giận.

Ông không phải là người duy nhất tức giận. Giám thị Steven đứng lên, mặt đỏ và hét to: “Không thể được!” mặc dù theo luật của Philip, mọi người trong nhà hội phải nói một cách bình tĩnh và thanh thản.

Các tu sĩ reo hò, nhưng Jonathan chứng tỏ sự khôn khéo của mình bằng cách hỏi vị giám thị: “Chúng ta có thể làm gì?”

Đầu bếp Bernard, vẫn béo như trước, nói: “Chúng ta phải từ chối yêu cầu của nhà vua.”

Nhiều tu sĩ lên tiếng đồng tình.

Steven nói: “Chúng ta sẽ viết thư cho nhà vua và nói chúng ta sẽ bầu người mà chúng ta muốn.” Một lúc sau ông ngại ngùng thêm vào: “dưới sự hướng dẫn của Thiên Chúa, dĩ nhiên.”

Jonathan nói: “Tôi không đồng ý việc chúng ta từ chối thẳng thừng. Chúng ta càng nhanh chóng phản đối nhà vua, chúng ta càng mau làm cơn

thịnh nộ của nhà vua đổ xuống trên đầu chúng ta.”

Philip nói: “Jonathan có lý. Một người thua trận với nhà vua, người đó có thể được tha thứ, nhưng người thắng nhà vua, người đó phải chịu số phận bi đát.”

Steven bùng lên. “Anh muốn bỏ cuộc sao?”

Philip cũng lo lắng và sợ hãi như tất cả những người khác, nhưng ông phải tỏ ra bình tĩnh. “Steven, làm ơn bình tĩnh,” ông nói. “Chúng ta phải chiến đấu chống lại sự chỉ định kinh khủng này, dĩ nhiên. Nhưng chúng ta sẽ tiến hành nó một cách cẩn thận và khôn ngoan, luôn tránh cuộc đối đầu công khai.”

Steven nói: “Nhưng anh định làm gì?”

“Tôi không chắc chắn,” Philip nói. Lúc đầu ông đã chán nản, nhưng bây giờ ông bắt đầu cảm thấy hung hăng. Ông đã luôn phải chống lại cuộc chiến này trong đời ông. Ông chống lại nó ở đây trong tu viện, khi ông đánh bại Remegius để trở thành tu viện trưởng; ông đã chống lại nó trong miền, chống lại William Hamleigh và Waleran Bigod; và bây giờ ông đang chuẩn bị chống lại nó trên bình diện quốc gia.

“Tôi nghĩ, tôi phải qua Pháp,” ông nói, “để gặp Tổng giám mục Thomas Becket.”

Trong các cuộc khủng hoảng khác trong suốt đời ông, Philip có thể đưa ra một kế hoạch. Bất cứ khi nào ông hay tu viện của ông hay thị trấn của ông bị đe dọa bởi sức mạnh của người vô luật pháp và man rợ, ông luôn nghĩ ra một số hình thức phòng thủ hay tấn công. Ông không luôn chắc chắn sẽ thành công nhưng ông chẳng bao giờ phải bối rối, không biết phải làm gì như bây giờ.

Ông vẫn còn bối rối khi ông đến thành phố Sens, vùng đông nam của Paris, thuộc vương quốc Pháp.

Nhà thờ chính tòa ở Sens là tòa nhà rộng nhất mà ông đã thấy. Gian giữa rộng đến năm mươi bộ. So sánh với nhà thờ chính tòa Kingsbridge, nhà thờ Sens cho một ấn tượng về không gian hơn là ánh sáng.

Du hành xuyên nước Pháp lần đầu trong đời, Philip nhận ra có nhiều kiểu nhà thờ trên thế giới hơn là ông đã tưởng tượng, và ông hiểu du hành

đã ảnh hưởng lên suy nghĩ cách mạng của Jack Jackson. Khi đi ngang Paris, Philip cố ý dành thăm nhà thờ tu viện Thánh Denis, và ông thấy nơi Jack đã tìm được vài ý tưởng cho cậu. Ông cũng đã thấy hai nhà thờ với trụ tường có cánh như ở Kingsbridge: rõ ràng các thợ xây bậc thầy khác cũng phải đối diện với vấn đề như Jack đã gặp, và đã đi đến cùng kết luận.

Philip đi chào xã giao tổng giám mục ở Sens, William Whitehands, một giáo sĩ trẻ xuất sắc và là cháu của vua Stephen đã qua đời. Tổng giám mục William mời Philip dùng cơm trưa. Mặc dù ông cảm thấy hãnh diện, nhưng ông từ chối: ông đã đi một đoạn đường dài để gặp Thomas Becket, và bây giờ ông đã ở gần, ông không còn kiên nhẫn để chờ đợi. Sau khi tham dự thánh lễ ở nhà thờ chính tòa, ông ra khỏi thành phố theo dòng sông Yonne về hướng bắc.

Đối với một tu viện sung túc nhất ở nước Anh, cuộc du hành của Philip giản dị: ông mang theo hai người lính hộ vệ, một tu sĩ trẻ tên là Michael Bristol như người phụ tá, và một con ngựa chở sách thánh, bản chép và minh họa đẹp đẽ của thư viện Kingsbridge để làm quà tặng cho các viện phụ và giám mục trên đường đi. Những cuốn sách đắt tiền tạo nên những quà tặng ấn tượng và tương phản với đoàn tùy tùng khiêm tốn của Philip. Đây là chủ ý: ông muốn mọi người tôn trọng tu viện, chứ không phải tu viện trưởng.

Ngay bên ngoài cổng phía bắc của Sens, trong một cánh đồng đầy ánh nắng bên bờ sông, ông thấy tu viện Thánh Colombe đáng kính, nơi Tổng giám mục Thomas đã sống từ ba năm qua. Một trong các linh mục của Thomas chào ông thân thiện, gọi người phục vụ chăm sóc cho ngựa và hành lý, và hướng dẫn ông vào trong nhà khách, nơi tổng giám mục đang ở. Philip nghĩ rằng những người lưu vong phải vui mừng lắm khi có khách từ quê nhà viếng thăm, không những vì lý do tình cảm mà còn bởi vì nó là biểu hiệu của sự hỗ trợ.

Philip và người phụ tá được mời đồ ăn và rượu, rồi được giới thiệu với những người làm việc của Thomas. Những người của ông là các linh mục, hầu hết còn trẻ và – Philip nghĩ – thông minh. Chỉ một lúc ngắn sau, Michael đã tranh luận với một người về đề tài biến đổi bản thể. Philip nhắm

nhấp ly rượu và lắng nghe mà không tham dự vào. Sau cùng một linh mục nói với họ: “Quan điểm của cha là gì, thưa cha? Cha chưa nói lời nào.”

Philip mỉm cười. “Những vấn đề khúc mắc của thần học không làm tôi đau đầu nhiều.”

“Tại sao?”

“Bởi vì chúng chỉ được giải quyết ở thế giới sau đó. Hiện tại người ta có thể trì hoãn nó.”

“Rất hay,” một giọng nói mới cất lên, và Philip ngẩng lên và thấy Tổng giám mục Thomas thành Canterbury.

Philip cảm nhận ngay sự hiện diện của một nhân vật đặc biệt. Thomas cao, mảnh khảnh và đặc biệt đẹp trai, với vàng trán rộng, mắt sáng, làn da trắng và mái tóc đen. Ông trẻ hơn Philip chừng mười tuổi, có nghĩa là ông chừng năm mươi hay năm mươi mốt. Mặc dù những bất hạnh, ông có nét sống động và vui vẻ. Philip thấy ngay ông là một người thật hấp dẫn, và điều này giải thích một phần cho sự tiến thân nhanh chóng của ông, từ một hoàn cảnh bình thường.

Philip quỳ và hôn tay ông.

Philip nói: “Tôi rất hân hạnh được làm quen với ông! Tôi luôn luôn muốn thăm viếng Kingsbridge. Tôi đã nghe nhiều về tu viện của ông và ngôi nhà thờ mới tuyệt vời.”

Philip bị quyến rũ và hân diện. Ông nói: “Tôi đến để gặp ông bởi vì mọi sự chúng tôi đạt được đang ở trong tình trạng nguy hiểm, có thể bị tàn phá bởi nhà vua.”

“Tôi muốn nghe mọi chuyện ngay bây giờ,” Thomas nói. “Hãy vào trong phòng tôi.” Ông quay lại và ra khỏi phòng.

Philip theo sau, vừa cảm thấy vui vừa sợ hãi.

Thomas đưa ông vào căn phòng nhỏ. Có một cái giường giá trị bằng da và gỗ với khăn giường bằng lụa đẹp và chăn thêu, nhưng Philip cũng nhìn thấy một tấm nệm mỏng cuộn trong góc, và ông nhớ lại những câu chuyện rằng Thomas chẳng bao giờ dùng những đồ đạc sang trọng được chủ nhà cung cấp. Nhớ lại chiếc giường thoải mái của mình ở Kingsbridge, Philip

nhổi lên cảm giác tội lỗi khi nghĩ rằng ông ngáy trong sự thoải mái, trong khi người thủ lãnh của các giám mục nước Anh lại ngủ trên nền đất.

“Hãy nói về nhà thờ chính tòa,” Thomas nói. “Ông nghĩ gì về nhà thờ ở Sens?”

“Tuyệt vời,” Philip nói. “Ai là người xây dựng tổng thể chính?”

“William thành Sens. Tôi hy vọng một ngày nào đó sẽ thu hút ông ấy đến Canterbury. Hãy ngồi xuống. Kể cho tôi nghe những gì xảy ra ở Kingsbridge.”

Philip kể cho Thomas về Giám mục Waleran và Tổng đại diện Peter. Thomas quan tâm sâu sắc đến mọi việc Philip nói và đặt nhiều câu hỏi thông minh. Ông không những quyến rũ, ông còn thông minh. Ông cần cả hai để vươn lên đến vị trí mà từ đó ông có thể khuất phục được ý muốn của một trong những vị vua mạnh nhất nước Anh từ trước đến nay. Có tin đồn rằng dưới lớp áo tổng giám mục của ông, ông mặc chiếc áo sơ mi mềm mại, và dưới vẻ hấp dẫn bên ngoài, ông có một ý chí sắt.

Khi Philip chấm dứt câu chuyện, Thomas trông nghiêm trọng. “Điều này không thể cho phép xảy ra được,” ông nói.

“Thực vậy,” Philip nói. Giọng chắc chắn của Thomas cho ông can đảm. “Ông có thể ngăn chặn nó không?”

“Chỉ khi nào tôi trở lại chức vụ của tôi ở Canterbury.”

Đó không phải là câu trả lời mà Philip chờ đợi. “Nhưng ông có thể viết ngay cho giáo hoàng không?”

“Tôi sẽ,” Thomas nói, “ngay hôm nay. Giáo hoàng sẽ không nhận Peter là giám mục ở Kingsbridge, tôi hứa với ông. Nhưng chúng ta không thể ngăn cản ông ở trong dinh thự giám mục. Và chúng ta không thể chỉ định ai khác.”

Philip bị sốc và mất tinh thần bởi tính quyết đoán tiêu cực của Thomas. Trên đường đến đây ông đã nuôi hy vọng rằng Thomas sẽ làm những gì ông không thể làm, và đưa ra cách làm thất bại kế hoạch của Waleran. Nhưng Thomas xuất chúng cũng bị bối rối. Niềm hy vọng duy nhất là ông có thể trở về Canterbury. Khi đó dĩ nhiên ông sẽ có quyền phủ nhận sự đề

cử giám mục. Philip nói một cách chán nản: “Có hy vọng nào là ông sớm có thể trở về không?”

“Một vài hy vọng, nếu ông là một người lạc quan,” Thomas lập lại. “Giáo hoàng đã soạn ra một hiệp ước hòa bình và ép tôi và Henry phải đồng ý. Các điều khoản này đối với tôi có thể chấp nhận được: hiệp ước cho tôi những gì tôi đòi hỏi. Henry nói nó cũng có thể chấp nhận được đối với ông ấy. Tôi nhất định đòi ông ta chứng minh sự chân thật của ông bằng cách cho tôi một cái hôn hòa bình. Ông ấy từ chối.” Khi ông nói, giọng ông thay đổi. Sự to nhỏ của cuộc nói chuyện tự nhiên dần dần bình lặng và đều đều. Tất cả sự sống động biến đi khỏi khuôn mặt ông và ông trông như một linh mục giảng cho một cộng đoàn buồn ngủ về sự từ bỏ mình. Philip nhận ra trong biểu hiện của ông sự bướng bỉnh và hãnh diện đã giữ ông tranh đấu trong những năm qua. “Sự từ chối cái hôn là một dấu hiệu rằng ông có kế hoạch thu hút tôi về lại Anh và rồi không giữ lời hứa về những điều khoản đã được thỏa thuận.”

Philip gật đầu. Cái hôn hòa bình là một phần trong phụng vụ thánh lễ, và là dấu chỉ của sự tin tưởng. Không có nó, một hiệp ước không hoàn thành, từ một giao ước hôn nhân đến một thỏa thuận ngừng bắn. “Tôi có thể làm gì?” Philip nói, như hỏi với chính mình hơn là hỏi Thomas.

“Trở lại nước Anh và vận động cho tôi,” Thomas nói. “Viết thư cho các tu viện trưởng và viện phụ theo ông. Gửi những đoàn đại biểu từ Kingsbridge tới giáo hoàng. Kiến nghị với nhà vua. Giảng trong nhà thờ chính tòa nổi tiếng của ông, nói với dân chúng rằng vị linh mục cao cấp nhất của họ đã bị vua hất đi.”

Philip gật đầu, mặc dù ông không dự định làm những chuyện như thế. Thomas bảo ông đối lập với nhà vua. Nó có thể làm tăng tinh thần của Thomas, nhưng không mang lại gì cho Kingsbridge.

Philip có ý tưởng tốt hơn. Nếu Henry và Thomas đã gần xích lại với nhau, nó không khó để đẩy họ sát nhau. Có lẽ, Philip nghĩ một cách hy vọng, ông có thể làm một cái gì đó. Ý tưởng kích thích sự lạc quan của ông. Nó là một cú đá từ xa, nhưng ông chẳng mất gì.

Cuối cùng, họ chỉ tranh luận về một cái hôn.

Philip kinh ngạc khi ông thấy em ông đã già.

Tóc Francis đã hoa râm, có quầng thâm dưới mắt, và da mặt ông khô. Tuy nhiên ông ấy đã sáu mươi tuổi, nên có lẽ không có gì là ngạc nhiên. Và ông ấy có đôi mắt sáng và linh hoạt.

Philip nhận ra những gì đã làm phiền ông chính là tuổi tác của ông. Như mọi khi, mỗi lần nhìn thấy em ông, ông cũng nhận ra mình đã già. Từ nhiều năm nay ông không nhìn mình trong gương. Ông tự hỏi không biết ông có quầng thâm dưới mắt không. Ông sờ lên mặt. Nó rất khó để nói.

“Làm việc cho Henry có gì vui không?” Philip hỏi, tò mò, như mọi người đều muốn biết các vua chúa như thế nào trong đời sống riêng tư.

“Tốt hơn Maud,” Francis nói. “Bà ta khôn ngoan, nhưng quá quanh co. Henry rất cởi mở. Chúng ta luôn biết ông nghĩ gì.”

Họ đang ngồi trong hành lang của một tu viện ở Bayeux, nơi Philip đang ở. Hoàng gia ở gần đó. Francis vẫn còn làm việc cho Henry, như từ hai mươi năm qua. Bây giờ ông đứng đầu văn phòng thư ký, nơi soạn thảo tất cả thư từ của hoàng gia và các điều lệ. Nó là một nhiệm vụ quan trọng và đầy uy quyền.

Philip nói: “Henry mà cởi mở? Tổng giám mục Thomas không nghĩ như vậy.”

“Lại một đánh giá sai lầm nữa của Thomas,” Francis nói khinh bỉ.

Philip nghĩ Francis không nên khinh bỉ tổng giám mục. “Thomas là một nhân vật vĩ đại,” ông nói.

“Thomas muốn làm vua,” Francis phản ứng lại.

“Và Henry dường như muốn trở thành tổng giám mục,” Philip đáp lại.

Họ nhìn nhau. Nếu chúng ta cãi nhau, Philip nghĩ, nó không có gì là ngạc nhiên khi Henry và Thomas cãi nhau kịch liệt. Ông mỉm cười và nói: “Được, em và anh không cãi nhau về chuyện ấy nữa.”

Mặt Francis dịu lại. “Không, dĩ nhiên không. Nhưng anh đừng quên rằng cuộc tranh luận này đã làm em khó chịu trong sáu năm qua em. Em không thể khách quan về nó như anh.”

Philip gật đầu. “Nhưng tại sao Henry không chấp nhận kế hoạch hòa bình của giáo hoàng?”

“Ông ấy muốn,” Francis nói. “Chúng ta đứng trước sự hòa giải. Nhưng Thomas muốn hơn. Ông ấy nhấn mạnh về cái hôn hòa bình.”

“Nhưng nếu nhà vua chân thành, ông ấy chắc chắn nên cho một cái hôn hòa bình như một bảo đảm, phải không?”

Francis cất cao giọng. “Nó không có trong chương trình!” ông nói bằng giọng bức tức.

“Nhưng tại sao không cho nó bằng hình thức nào đó?” Philip lập luận.

Francis thở dài. “Ông ấy rất vui lòng. Nhưng đã có lần ông thề công khai là chẳng bao giờ cho Thomas một cái hôn hòa bình.”

“Nhiều vị vua đã không giữ lời thề của mình,” Philip nói.

“Những vị vua yếu đuối. Henry sẽ không đi ngược lại lời thề công khai. Điều đó làm ông khác với vua Stephen tồi tệ.”

“Vậy giáo hội có lẽ sẽ phải thuyết phục ông bằng cách khác,” Philip miễn cưỡng thừa nhận.

“Vậy tại sao Thomas cứ nhất định đòi nộ hôn?” Francis tức bực nói.

“Bởi vì ông ấy không tin tưởng Henry. Cái gì ngăn cản ông ấy khỏi việc phản bội thỏa thuận này? Thomas có thể làm được gì khi vua không giữ lời? Lại đi lưu vong một lần nữa sao? Những người theo ông luôn trung thành với ông, nhưng họ đã mệt mỏi. Thomas không thể làm lại như vậy một lần nữa. Vì thế, trước khi ông ấy chịu khuất phục, ông ấy muốn có sự bảo đảm chắc chắn.”

Francis lắc đầu buồn bã. “Nó là vấn đề của niềm tự hào,” ông nói. “Em biết Henry không có ý định lừa Thomas. Nhưng ông không muốn bị ép buộc. Ông ghét bị ép buộc.”

“Đối với Thomas cũng như vậy, anh nghĩ,” Philip nói. “Ông ấy đã đòi dấu hiệu này và ông ấy không thể lùi lại.” Ông lắc đầu một cách mệt mỏi. Ông đã nghĩ Francis có thể đề nghị một phương cách để đưa hai người gần lại với nhau, nhưng nhiệm vụ này dường như không thể được.

“Sự trớ trêu của việc này là Henry sẽ vui vẻ cho Thomas một nộ hôn sau khi họ đã hòa giải,” Francis nói. “Ông ấy không chấp nhận nó như một điều kiện tiên quyết.”

“Ông ấy đã nói như thế?” Philip hỏi.

“Vâng.”

“Như vậy mọi chuyện lại khác,” Philip hào hứng nói. “Chính xác ông ấy đã nói gì?”

“Ông ấy nói: ‘Tôi sẽ hôn miệng ông ấy. Tôi sẽ hôn chân ông ấy, và tôi sẽ tham dự thánh lễ của ông ấy – sau khi ông ấy trở về.’ Em nghe chính ông ấy nói như vậy.”

“Anh sẽ nói cho Thomas biết điều này.”

“Anh có nghĩ rằng ông ấy có thể chấp nhận nó?” Francis hồ hởi nói.

“Anh không biết.” Philip không dám hy vọng. “Nó dường như chỉ là một bước lui nhỏ. Ông ấy sẽ nhận được nụ hôn – chỉ trễ hơn một chút như ông ấy muốn.”

“Và đối với Henry nó cũng là một bước lui nhỏ tương tự như thế,” Francis nói với sự hứng khởi dâng cao. “Ông cho nụ hôn, nhưng hoàn toàn tự ý chứ không bị ép buộc. Trời ơi! Nó có thể thành công.”

“Họ có thể hòa giải ở Canterbury. Toàn bộ sự thỏa thuận sẽ được công bố trước đó, vì thế không ai trong họ có thể thay đổi vào giờ phút cuối. Thomas có thể dâng thánh lễ và Henry có thể cho ông nụ hôn ở đó, trong nhà thờ chính tòa.” Và sau đó, ông nghĩ, Thomas có thể ngăn chặn kế hoạch xấu xa của Waleran.

“Em sẽ đề nghị điều này với nhà vua,” Francis nói.

“Và anh với Thomas.”

Tiếng chuông tu viện vang lên. Hai anh em đứng lên.

“Cố gắng thuyết phục,” Philip nói. “Nếu nó thành công, Thomas có thể trở về Canterbury – và nếu Thomas trở về, Waleran Bigod sẽ kết thúc.”

Họ gặp nhau trong một đồng cỏ xinh đẹp bên bờ dòng sông ở biên giới giữa Normandy và vương quốc Pháp, gần các thị trấn Fréteval và Vievry-le-Raye. Henry đã có mặt ở đó với đoàn tùy tùng, khi Thomas đến với Tổng giám mục William ở Sens. Philip ở trong đoàn của Thomas, phát hiện em trai Francis bên nhà vua ở phía xa cánh đồng.

Henry và Thomas đã đạt được sự đồng ý – về lý thuyết.

Cả hai đã chấp nhận sự thỏa hiệp, theo đó nụ hôn sẽ được trao ở thánh lễ hòa giải, sau khi Becket trở về Anh. Tuy nhiên thỏa thuận này chưa được

thực hiện cho đến khi hai người gặp nhau.

Thomas cưỡi ngựa đến giữa cánh đồng, để đoàn tùy tùng lại, và Henry cũng làm như vậy, trong khi mọi người nín thở quan sát.

Họ nói chuyện hàng giờ với nhau.

Không ai nghe được họ nói gì với nhau, nhưng có thể đoán. Họ nói về sự tấn công giáo hội của Henry, cách các giám mục đã không vâng lời Thomas, hiến pháp Clarendon gây tranh cãi, sự lưu đày của Thomas, vai trò của giáo hoàng... Lúc đầu Philip sợ họ sẽ cãi nhau và gây thù oán với nhau hơn trước. Trước đây có lần họ đã đi gần đến một thỏa thuận, và đã gặp nhau như thế này, và rồi có điểm nào đó không đồng ý, họ cảm thấy niềm tự hào của họ bị tổn thương, vì thế họ đã nói với nhau những lời nặng nề rồi giận dữ bỏ đi, mỗi người đổ lỗi cho sự không khoan nhượng của người kia. Nhưng họ càng nói chuyện lâu, Philip càng lạc quan. Nếu một trong hai người nổ ra thì nó đã xảy ra sớm hơn, ông cảm thấy như thế.

Sức nóng của buổi chiều mùa hè dịu đi, và bóng râm của cây du đổ xuống dòng sông. Sự căng thẳng không thể chịu đựng được.

Rồi sau cùng một cái gì đó đã xảy ra. Thomas chuyển động.

Ông bỏ đi? Không. Ông xuống ngựa. Điều đó có nghĩa gì? Philip nín thở theo dõi. Thomas bỏ ngựa, tiến về phía Henry và quỳ xuống dưới chân ông.

Nhà vua xuống ngựa và ôm Thomas.

Đoàn tùy tùng ở cả hai phía reo hò và tung mũ lên trời.

Philip cảm thấy nước mắt rơi xuống. Cuộc xung đột đã được giải quyết – bằng lý trí và thiện chí. Đây là cách để giải quyết mọi việc.

Có lẽ nó là một điềm báo cho tương lai.

II

Đó là ngày lễ Giáng Sinh, và nhà vua nổi giận.

William Hamleigh sợ hãi. Cậu chỉ biết một người duy nhất có tính khí giống vua Henry, và đó là mẹ cậu. Henry cũng đáng sợ gần như bà. Một cách nào đó tự bản chất ông đã là người đáng sợ, với đôi vai rộng, lồng ngực mạnh khỏe và đầu to; nhưng khi ông giận đôi mắt xanh của ông trở nên đỏ ngầu, khuôn mặt tàn nhang của ông đỏ lên và tính bồn chồn quen thuộc của ông biến thành tốc độ giận dữ của một con gấu lâu ngày đã bị nhốt.

Họ ở Bur-le-Roi, một lều săn của Henry, trong một công viên gần bờ biển Normandy. Chính ra Henry đang hạnh phúc. Ông thích săn bắn hơn mọi thứ khác trên đời, và đây là một trong những nơi ông ưa thích nhất. Nhưng ông tức giận, và lý do là vì Tổng Giám mục Thomas thành Canterbury.

“Thomas, Thomas, Thomas! Đó là tất cả những gì tôi nghe từ các ông. Thomas làm cái này, Thomas làm cái kia. Thomas xúc phạm đến các ông. Thomas đối xử bất công với các ông. Tôi bệnh vì Thomas.”

William lén lút quan sát nét mặt của các bá tước, giám mục và các quan chức khác xung quanh bàn tiệc lễ Giáng Sinh trong đại sảnh đường. Hầu hết họ có vẻ lo lắng. Chỉ có một người tỏ vẻ mãn nguyện: Waleran Bigod.

Waleran đã dự đoán rằng chẳng bao lâu nữa Henry sẽ cãi nhau với Thomas lần nữa. Thomas đã chiến thắng quá rõ ràng, ông nói; chương trình hòa bình của giáo hoàng đòi hỏi nhà vua nhượng quá nhiều và đòi hỏi của Thomas về những lời hứa của hoàng gia sẽ dẫn đến một cuộc tranh cãi mới. Nhưng Waleran đã không đơn thuần ngồi chờ những gì sẽ xảy ra; ông đã cật lực để làm cho dự đoán của ông thành sự thật. Với sự giúp đỡ của William, Waleran thường xuyên phàn nàn về những gì Thomas làm từ khi ông trở về nước Anh: đi quanh các vùng với một đội quân hiệp sĩ, thăm bạn nỗi khổ của ông và gây nên những âm mưu xảo trá, trả thù những giáo sĩ, những người ủng hộ vua trong thời gian ông lưu đày. Waleran thêu dệt các báo cáo này trước khi nó đến tay nhà vua, nhưng trong những gì ông nói luôn có vài điều thật. Tuy nhiên ông thổi phồng ngọn lửa, một ngọn lửa đã âm ỉ cháy. Tất cả những người đã bỏ rơi Thomas trong sáu năm tranh cãi, bây giờ sống trong sợ hãi bị trả thù, hăng hái nói xấu ông với nhà vua.

Vì thế Waleran trông rất vui khi Henry giận dữ. Và ông có lý do để vui vì từ khi Thomas trở về, ông là người chịu nhiều đau khổ hơn những người khác. Tổng Giám mục đã từ chối sự đề cử ông trở thành giám mục ở Lincoln. Ngoài ra Thomas còn đề cử Tu viện trưởng Philip làm giám mục Kingsbridge. Nếu Thomas theo con đường của ông, Waleran sẽ mất Kingsbridge và cũng chẳng được Lincoln. Ông sẽ bị tiêu tan.

Vị trí của William cũng gặp khó khăn nữa. Với Aliena là nữ bá tước, Waleran đi khỏi, Philip là giám mục, và không nghi ngờ gì Jonathan là tu viện trưởng ở Kingsbridge, William sẽ bị cô lập, không còn đồng minh nào trong vùng. Đó là lý do tại sao ông tham gia cùng Waleran ở triều đình, để cộng tác làm suy yếu hiệp ước hòa bình vốn đã lung lay giữa vua Henry và Tổng Giám mục Thomas.

Không ai ăn nhiều thịt thiên nga, ngỗng, chim công và vịt trên bàn. William, vốn dĩ hay ăn và uống nhiều, chỉ gặm bánh mì và nhấm nháp đồ uống nóng, một thứ đồ uống được làm với bia, trứng và hạt nhục đậu khấu, để làm dịu bao tử bần gặt của cậu.

Henry đã tức giận khi nghe tin Thomas đã gửi một phái đoàn đến Tours – nơi Giáo hoàng Alexander đang ở - để phàn nàn về việc Henry không tuân hành hiệp ước hòa bình. Một trong những người cố vấn lớn tuổi của nhà vua, Enjurer de Bohun, nói: “Sẽ không có hòa bình cho đến khi ông treo cổ Thomas.”

William bị sốc.

Henry gầm lên: “Đúng thế!”

William biết rõ Henry coi lời nhận xét đó như một diễn tả về sự bi quan hơn là một đề nghị nghiêm túc. Tuy nhiên, William có một cảm giác rằng Enjurer không nói bóng gió.

William Malvoisin nói vu vơ: “Khi tôi ở Roma, trên đường trở về từ Jerusalem, tôi đã nghe kể về một giáo hoàng bị treo cổ vì tính xấc láo không thể chịu đựng được. Chết tiệt, tôi không thể nhớ ra tên ông.”

Tổng giám mục thành York nói: “Đường như không còn giải pháp nào khác với Thomas. Bao lâu ông còn sống, ông sẽ xúi giục nổi loạn, ở nhà cũng như ở ngoại quốc.”

Ba lời nhận xét này đối với William như có cùng một ý. Cậu nhìn Waleran. Lúc đó Waleran nói. “Việc kêu gọi Thomas giữ tinh thần đúng đắn chắc chắn không mang lại gì –“

“Hãy yên lặng!” nhà vua gầm lên. “Tôi đã nghe đủ rồi! Các ông chỉ biết than phiền. Khi nào các ông mới xắn tay áo lên để làm một cái gì đó?” Ông uống một ngụm bia. “Bia này uống như nước tiểu!” ông hét lên giận dữ. Ông đẩy ghế ra, và khi mọi người vội vàng đứng lên, ông đứng dậy và lao nhanh ra khỏi phòng.

Trong bầu khí yên lặng sợ hãi sau đó, Waleran nói: “Sứ điệp không thể rõ ràng hơn thế nữa, thưa các ngài. Chúng ta phải đứng lên và làm cái gì đó chống lại Thomas.”

William Mandeville, lãnh chúa thành Essex, nói: “Tôi nghĩ chúng ta phải gửi một phái đoàn của chúng ta đến Thomas để gặp ông và cho ông biết sự đúng đắn.”

“Và ông sẽ làm gì khi ông ấy từ chối nghe những lời hợp lý?” Waleran nói.

“Tôi nghĩ khi đó chúng ta sẽ bắt giữ ông nhân danh nhà vua.”

Nhiều người bắt đầu nói cùng một lúc. Đám đông chia thành từng nhóm nhỏ. Những người xung quanh lãnh chúa thành Essex lên chương trình gửi đại biểu đến Canterbury. William thấy Walern nói chuyện với hai hay ba hiệp sĩ trẻ. Waleran bắt gặp ánh mắt cậu và ra hiệu cho cậu đến gần.

Waleran nói: “Đoàn đại biểu của William Mandeville không mang lại kết quả gì. Thomas có thể xử lý họ bằng một tay.”

Reginald Fitzurse nhìn William cứng rắn và nói: “Một số người trong chúng tôi nghĩ đã đến lúc phải có biện pháp mạnh.”

“Ý ông làm sao?” William hỏi.

“Cậu đã nghe những gì Enjuger nói chứ?”

Richard le Bret, một cậu bé chừng mười tám, buột miệng nói: “Tử hình.”

William lạnh đến tim. Nó sẽ nghiêm trọng. Cậu nhìn Waleran. “Ông đã xin phép nhà vua chưa?”

Reginald trả lời. “Không thể. Ông ấy không thể đồng ý một việc như thế.” Ông cười nguy hiểm. “Nhưng ông ấy có thể thưởng những người

phục vụ trung thành sau đó.”

Richard trẻ nói: “Được, William. Cậu có hành động chung với chúng tôi không?”

“Tôi chưa chắc chắn,” William nói. Cậu cảm thấy vừa háo hức, vừa sợ hãi. “Tôi phải suy nghĩ về nó.”

Reginald nói: “Không còn thời gian để suy nghĩ. Chúng ta phải đi bây giờ. Chúng ta phải đến Canterbury trước William Mandeville, nếu không họ sẽ cản đường chúng ta.”

Waleran nói với William: “Họ cần một người lớn tuổi với họ, để hướng dẫn và lên kế hoạch hành động.”

William muốn đồng ý. Không những việc này sẽ giải quyết mọi vấn đề của cậu, mà có thể nhà vua còn cho cậu một lãnh địa vì chuyện này. “Nhưng giết một tổng giám mục là một tội kinh khủng!” cậu nói.

“Đừng lo lắng về nó,” Waleran nói. “Tôi sẽ tha tội cho cậu.”

Sự kinh khủng của những gì họ dự định làm đè nặng trên William như một cơn mây giông khi nhóm sát thủ trên đường đến nước Anh. Cậu không thể nghĩ gì khác; cậu không thể ăn hay ngủ; cậu hành động vô ý thức và nói lộn xộn. Khi con tàu cập bến Dover, cậu muốn bỏ kế hoạch.

Họ đến lâu đài Saltwood ở Kent ba ngày sau lễ Giáng Sinh, vào một buổi tối thứ hai. Lâu đài thuộc tổng giám mục thành Canterbury, nhưng trong thời gian lưu đây, Ranulf de Broc đã chiếm giữ và từ chối trả lại. Thật vậy, một trong những khiếu nại của Thomas với giáo hoàng là vua Henry đã thất bại trong việc trao trả lâu đài lại cho ông.

Ranulf cho William sự can đảm mới.

Ranulf đã tàn phá Kent trong khi tổng giám mục vắng mặt giống như William ở Shiring và không muốn trả lại lãnh địa mà ông đã chiếm được. Ông nhiệt tình về kế hoạch ám sát, vui mừng muốn tham gia và thích thú bắt đầu thảo luận ngay về kế hoạch. Cách tiếp cận vấn đề của ông xua tan đám mây mù của sợ hãi mê tín đang che khuất tầm nhìn của William. William bắt đầu lại tưởng tượng về viễn cảnh nếu cậu lại trở thành bá tước, được tự do làm những gì cậu thích.

Họ thức hầu như cả đêm để bàn về kế hoạch hành động. Ranulf vẽ một sơ đồ sân nhà thờ chính tòa và dinh thự tổng giám mục, rạch nó lên bàn với một con dao. Khu tu viện ở phía bắc của nhà thờ, đó là điều bất thường vì nó thường ở phía nam, giống như ở Kingsbridge. Dinh thự tổng giám mục gắn liền với góc tây bắc của nhà thờ. Cửa vào từ hướng sân nhà bếp. Trong khi họ lên kế hoạch, Ranulf sai người đến đơn vị đồn trú của ông ở Dover, Rochester và Bletchingley, ra lệnh cho các hiệp sĩ của ông đến gặp ông trên con đường đến Canterbury vào buổi sáng. Gần sáng các kẻ âm mưu lên giường để có thể ngủ một hay hai tiếng.

Chân William đau như lửa sau cuộc du hành dài. Cậu hy vọng đây là hoạt động quân sự cuối cùng của cậu. Chẳng bao lâu nữa cậu sẽ năm mươi lăm, nếu sự tính toán của cậu chính xác, và cậu sẽ quá già để chiến đấu.

Mặc dù mệt mỏi và được ảnh hưởng sự phấn khởi của Ranulf, cậu vẫn không thể ngủ được. Ý tưởng giết một tổng giám mục đối với cậu quá kinh khủng, ngay cả mặc dù cậu đã được tha tội. Cậu sợ rằng khi ngủ cậu sẽ có cơn ác mộng.

Họ đã vẽ lên một kế hoạch tấn công tốt. Nó có thể thất bại, dĩ nhiên: luôn luôn có một cái gì đó xảy ra ngoài ý muốn. Quan trọng là linh hoạt để đối phó với những điều không ngờ trước. Nhưng bất cứ chuyện gì xảy ra, nó sẽ không quá khó cho một nhóm người chiến đấu chuyên nghiệp để chế ngự một nhóm nhỏ các tu sĩ ẻo lả.

Ánh sáng lờ mờ của buổi sáng mùa đông âm u xuyên vào phòng qua cánh cửa sổ xếp. Một lúc sau William đứng dậy. Cậu cố cầu nguyện, nhưng cậu không thể. Những người khác cũng đã dậy sớm. Họ ăn sáng chung với nhau trong sảnh đường. Ngoài William và Ranulf, còn có Reginald Fitzurse, người William chỉ định làm trưởng nhóm tấn công; Richard le Bret, người trẻ nhất trong nhóm; William Tracy, người già nhất; và Hugh Morville, người cao cấp nhất.

Họ mặc áo giáp và lên ngựa của Ranulf. Nó là một ngày lạnh cóng, và bầu trời tối với những áng mây xám, như thể trời sắp đổ tuyết. Họ theo con đường cổ được gọi là Stone Street. Sau khi đi được hơn hai tiếng, họ có thêm một số hiệp sĩ nữa.

Điểm hẹn chính là tu viện Thánh Augustin nằm bên ngoài thành phố. Mặc dù Ranulf đã bảo đảm viện phụ của tu viện là kẻ thù cũ của Thomas, nhưng William vẫn quyết định nói với ông là họ đến để bắt Thomas, không phải để giết ông. Họ quyết định giữ bí mật này cho đến giờ phút cuối cùng: không ai biết mục đích thực sự của kế hoạch này, ngoại trừ William, Ranulf và bốn hiệp sĩ từ Pháp sang.

Họ đến tu viện vào buổi trưa. Những người Ranulf triệu tập đang chờ đợi. Viện phụ cho họ ăn trưa. Rượu của ông ngon và tất cả họ uống nhiều. Ranulf ra lệnh cho những người lính bao vây khu vực nhà thờ chính tòa và ngăn chặn không cho ai trốn thoát.

William run rẩy, ngay cả khi cậu đứng bên cạnh lò sưởi trong nhà khách. Nó chỉ là một cuộc hành quân đơn giản, nhưng hình phạt cho sự thất bại có thể là cái chết. Nhà vua sẽ tìm cách biện minh cho việc giết Thomas, nhưng ông không bao giờ hỗ trợ cho âm mưu giết người: ông sẽ phải chối không biết gì về chuyện đó và treo cổ các thủ phạm. William, với tư cách cảnh sát trưởng ở shiring, đã treo cổ nhiều người; nhưng khi nghĩ về thân xác ông treo lủng lẳng ở đầu sợi dây thừng làm ông rùng mình.

Cậu nghĩ về chuyện khác, nghĩ về lãnh địa mà có thể cậu sẽ nhận được như phần thưởng khi thành công. Thật là tuyệt vời nếu cậu có thể trở thành bá tước một lần nữa vào lúc xế bóng, được tôn trọng, kính sợ và vâng lời vô điều kiện. Có thể em Aliena, Richard, sẽ chết ở Đất Thánh và vua Henry sẽ trao lại cho William lãnh địa cũ của cậu. Ý tưởng này sưởi ấm cậu hơn ngọn lửa.

Khi rời tu viện, họ là một đoàn quân nhỏ. Tuy nhiên họ không gặp khó khăn gì khi vào Canterbury. Ranulf đã kiểm soát phần đất này trong sáu năm nay và ông chưa từ bỏ quyền lực của ông. Ông vẫn còn ảnh hưởng hơn Thomas, đó là lý do tại sao Thomas phản nản một cách cay đắng với giáo hoàng.

Chẳng bao lâu khi họ ở bên trong, các binh lính phân tán xung quanh khu nhà thờ chính tòa và ngăn chặn các đường ra. Kế hoạch đã bắt đầu. Cho đến giờ phút này, một cách lý thuyết mọi chuyện có thể dừng lại được

mà không có nguy hiểm; nhưng bây giờ, William nghĩ với một cái rùng mình sợ hãi, số phận đã được định đoạt.

Cậu để cho Ranulf giữ việc canh gác và thu thập một nhóm nhỏ gồm các hiệp sĩ và binh lính theo cậu. Cậu đặt hầu hết các hiệp sĩ đóng quân trong nhà đối diện với cổng chính vào khu nhà thờ. Rồi cậu đi qua cổng với nhóm còn lại. Reginald Fitzurse và ba người âm mưu khác tiến vào sân nhà bếp như thể họ là khách chính thức, chứ không phải là kẻ xâm nhập có vũ trang. Nhưng William lao vào nhà gác cổng và đe dọa người gác cổng với mũi gươm nhọn.

Cuộc tấn công được tiến hành.

Hồi hộp, William ra lệnh cho một người lính trói người gác cổng, cho người của ông vào nhà gác và đóng cổng lại. Bây giờ không còn ai có thể ra vào. Cậu đã kiểm soát được tu viện bằng vũ lực.

Cậu theo bốn người âm mưu vào trong sân nhà bếp. Có một chuồng ngựa ở phía bắc của sân, nhưng bốn người này đã cột ngựa vào một cây dâu tằm ở giữa sân. Họ tháo dây đeo kiếm và mũ sắt: họ muốn giữ vẻ bên ngoài của cuộc thăm viếng hòa bình lâu hơn nữa.

William bắt kịp họ và để vũ khí của cậu dưới gốc cây. Reginald nhìn cậu dò hỏi. “Mọi chuyện ổn cả,” William nói. “Nơi đây đã bị cô lập.”

Họ đi qua sân tới dinh thự và đi qua mái hiên. William chỉ định một hiệp sĩ địa phương tên là Richard đứng gác ở hiên. Những người khác bước vào đại sảnh đường.

Các nhân viên dinh thự đang ngồi ăn trưa. Điều đó có nghĩa là họ đã phục vụ Thomas và các linh mục cũng như các tu sĩ, những người ở cùng Thomas. Một nhân viên đứng lên. Reginald nói: “Chúng tôi là người của nhà vua.”

Cả phòng yên lặng, nhưng người nhân viên đang đứng nói: “Rất hân hạnh, thưa các ngài. Tôi là quản lý của sảnh đường, William Fitzneal. Làm ơn vào đây. Các ông muốn dùng cơm không?”

Ông ấy quá thân thiện, William nghĩ, mặc dù chủ ông đang bất hòa với nhà vua.

“Không cần ăn trưa, cảm ơn,” Reginald nói.

“Một ly rượu, sau chuyển đi dài?”

“Chúng tôi có một thông điệp của vua cho chủ của ông,” Reginald sốt ruột nói. “Xin vui lòng thông báo ngay sự có mặt của chúng tôi.”

“Rất tốt.” Người quản lý cúi đầu. Họ không có vũ khí, vì thế ông ấy không có lý do gì để khước từ họ. Ông rời bàn và đi về đầu kia của sảnh đường.

William và bốn hiệp sĩ theo sau. Ánh mắt của những nhân viên im lặng dõi theo họ. William run rẩy như vẫn thường xảy ra trước mỗi cuộc chiến, và cậu mong cuộc chiến bắt đầu ngay, vì cậu biết khi đó cậu sẽ bình thường.

Tất cả họ đi lên cầu thang đến tầng trên.

Họ vào phòng chờ rộng rãi có ghế băng quanh tường. Có một ngai lớn ở giữa một bức tường. Nhiều linh mục trong tu phục đen và các tu sĩ ngồi trên ghế băng, nhưng ngai ở giữa vẫn trống.

Người quản lý đi ngang phòng tới một cánh cửa mở. “Sứ giả của nhà vua, thưa ngài tổng giám mục,” ông nói lớn.

Không có tiếng trả lời, nhưng tổng giám mục có lẽ gật đầu, vì người quản lý vẫy tay cho họ vào.

Các linh mục và tu sĩ mở to mắt nhìn các hiệp sĩ đi qua phòng vào bên trong.

Thomas ngồi trên mép giường, mặc áo tổng giám mục. Chỉ có một người trong phòng: một tu sĩ, ngồi dưới chân Thomas, đang lắng nghe. William bắt gặp ánh mắt của người tu sĩ, và sững sờ nhận ra Tu viện trưởng Philip của Kingsbridge. Ông ấy làm gì ở đây? Nịnh hót ân huệ, không còn nghi ngờ gì. Philip là giám mục được bầu của Kingsbridge, nhưng chưa được xác nhận. Bây giờ William nghĩ với niềm vui đã man, ông ấy sẽ chẳng bao giờ làm giám mục.

Philip cũng giật mình khi nhìn thấy William. Tuy nhiên Thomas tiếp tục nói, như thể ông không để ý đến các hiệp sĩ. Đây là một chút bất lịch sự có chủ đích, William nghĩ. Các hiệp sĩ ngồi xuống trên chiếc ghế thấp và ghế băng xung quanh giường. William cho rằng như vậy không tốt: nó làm cho

cuộc thăm viếng có tính cách xã hội, và cậu cảm thấy một cách nào đó họ mất đi sức đẩy. Có lẽ đó là chủ đích của Thomas.

Sau đó Thomas nhìn họ. Ông không đứng lên để chào hỏi. Ông biết tất cả họ, chỉ trừ William, và mắt ông dừng lại ở Hugh Morville, người cao cấp nhất. “À, Hugh,” ông nói.

William đã đặt Reginald phụ trách phần này của kế hoạch, vì thế Reginald, chứ không phải Hugh nói với tổng giám mục. “Chúng tôi đến từ nhà vua ở Normandy. Ông muốn nghe thông điệp của nhà vua công khai hay riêng tư?”

Thomas cúi kính nhìn từ Reginald tới Hugh, rồi quay ngược lại, như thể ông tức giận phải đối phó với một người lớn tuổi nhất của đoàn đại biểu. Ông thở dài, rồi nói: “Hãy để tôi một mình, Philip.”

Philip đứng lên và đi qua các hiệp sĩ, nhìn lo âu.

“Nhưng đừng đóng cửa,” Thomas nói sau lưng ông.

Khi Philip đã ra ngoài, Reginald nói: “Tôi nhân danh nhà vua yêu cầu ông đến Winchester để trả lời những cáo buộc chống lại ông.”

William hài lòng khi thấy Thomas tái mặt đi. “Thì ra thế,” tổng giám mục bình tĩnh nói. Ông đứng lên. Người quản lý đứng lơ vơ ở cửa. “Gọi mọi người vào đây,” Thomas nói với ông. “Tôi muốn mọi người nghe điều này.”

Các tu sĩ và linh mục bước vào, Tu viện trưởng Philip ở trong số họ. Một vài người ngồi và những người khác đứng quanh tường. William không phản đối, trái lại, càng nhiều người càng tốt, vì mục đích của cuộc gặp gỡ không vũ khí này là để chứng minh trước các nhân chứng rằng Thomas đã từ khước theo lệnh của hoàng gia.

Khi họ đã ổn định, Thomas nhìn Reginald. “Nói lại!” ông nói.

“Tôi nhân danh nhà vua đòi ông đến Winchester để trả lời những cáo buộc chống lại ông,” Reginald lập lại.

“Những cáo buộc gì?” Thomas lặng lẽ nói.

“Tội phản quốc!”

Thomas lắc đầu. “Tôi sẽ không ra tòa án của Henry,” ông nói bình tĩnh. “Chúa biết tôi không có tội gì.”

“Ông đã rút phép thông công của những người phục vụ trung thành.”

“Không phải tôi, nhưng là giáo hoàng, người làm chuyện đó.”

“Ông đã rút quyền các giám mục khác.”

“Tôi đã đề nghị cho họ trở lại chức vụ theo điều kiện của lòng thương xót. Họ đã từ chối. Lời đề nghị của tôi vẫn mở.”

“Ông đã gây thiệt hại cho người kế vị vua bằng cách chê bai lễ đăng quang của con trai vua.”

“Tôi không làm những chuyện như thế. Tổng giám mục thành York không có quyền trao vương quyền cho bất cứ ai, và giáo hoàng đã khiển trách ông về tội vô liêm sỉ này. Nhưng không ai cho rằng lễ đăng quang này không có giá trị.”

Reginald nói giận dữ: “Điểm này dẫn theo điểm khác, đồ chết tiệt này.”

“Đủ rồi!” Thomas nói.

“Và chúng tôi cũng đã đủ với ông, Thomas Becket, Reginald hét to. Chúng tôi đã đủ với ông, với tính kiêu căng, phá rối và phản bội của ông.”

Thomas đứng lên. “Lâu đài tổng giám mục đã bị người nhà vua bao vây,” ông hét lên. “Tiền cho thuê của tổng giám mục được nhà vua thu. Tổng giám mục được lệnh không được rời thành phố Canterbury. Và các ông nói với tôi rằng các ông đã đủ rồi?”

Một linh mục cố can thiệp, nói với Thomas: “Thưa ngài, xin thảo luận vấn đề một cách riêng tư –“

“Để làm gì?” Thomas cắt ngang. “Họ đòi hỏi những điều tôi sẽ không làm và không muốn làm.”

Tiếng la hét đã thu hút mọi người trong dinh thự, và cửa vào phòng ngủ đầy những người đang mở to mắt lắng nghe. Lập luận đã đủ dài: không ai có thể phủ nhận việc Thomas đã từ chối lệnh của hoàng gia. William ra một hiệu lệnh cho Reginald. Nó là một cử chỉ kín đáo, nhưng Tu viện trưởng Philip đã chú ý đến nó và ông nhướng mày ngạc nhiên khi nhận ra rằng người lãnh đạo của nhóm không phải là Reginald mà là William.

Reginald nói một cách trịnh trọng: “Tổng Giám mục Thomas, ông không còn ở dưới sự hòa bình và bảo vệ của nhà vua nữa.” Ông nhìn quanh và ra lệnh cho những người đang theo dõi: “Hãy ra khỏi đây!”

Không ai di chuyển.

Reginald nói: “Các tu sĩ, nhân danh nhà vua tôi ra lệnh cho các ông canh giữ tổng giám mục và ngăn chặn ông ấy trốn thoát.”

Họ sẽ không làm những chuyện như thế, dĩ nhiên. William cũng không muốn họ làm như vậy, ngược lại, cậu muốn Thomas trốn thoát để có lý do giết ông dễ dàng hơn.

Reginald quay sang quản lý William Fitzneal, người cũng là tùy viên của tổng giám mục. “Tôi bắt ông,” ông nói. Ông nắm cánh tay người quản lý và đem ông ấy ra khỏi phòng. Ông ấy không cưỡng lại. William và những hiệp sĩ khác theo họ ra.

Họ chạy xuống cầu thang và đi qua sảnh đường. Người hiệp sĩ địa phương, Richard, vẫn còn gác bên mái hiên. William bắn khoả không biết làm gì với người quản lý. Cậu hỏi ông: “Ông thuộc về chúng tôi?”

Người đàn ông kinh hoàng. Ông nói: “Vâng, nếu ông thuộc về nhà vua.”

Ông quá sợ hãi để có thể gây nguy hiểm, mặc cho ông theo phe nào, William quyết định. Ông nói với Richard. “Để mắt tới ông ấy. Không để cho bất cứ ai rời tòa nhà. Giữ cho cổng vào luôn đóng.”

Cùng với những người khác cậu chạy qua sân tới gốc cây dâu tằm. Một cách vội vàng họ đội mũ sắt và đeo gươm. Họ sẽ làm bây giờ, William nghĩ một cách sợ hãi; chúng tôi sẽ trở lại đó và giết tổng giám mục thành Canterbury, ôi trời ơi! Đã từ lâu William không đội mũ sắt, và chiếc áo giáp nhằm bảo vệ cổ và vai cậu luôn trệch ra ngoài. Cậu nguyên rửa ngón tay vụng về của cậu. Cậu không còn thời gian để mò mẫm nữa. Cậu phát hiện ra một cậu bé đang há miệng quan sát cậu và cậu quát lên: “Hê! Tên mày là gì?”

Cậu bé nhìn lại về phía nhà bếp, không chắc chắn nên trả lời William hay chạy trốn: “Robert, thưa ngài,” một lúc sau cậu nói. “Họ gọi tôi Robert Pipe.”

“Đến đây, Robert Pipe, giúp tôi cái này.”

Cậu bé lại do dự.

William không còn kiên nhẫn. “Đến đây hay tôi thề rằng tôi sẽ cắt tay mày với lưỡi gươm này.”

Bất đắc dĩ cậu bé đi về phía trước. William chỉ cậu cách nâng cao chiếc áo giáp, trong khi cậu đội mũ sắt vào. Sau cùng cậu đội được mũ lên và cậu bé chạy trốn. Cậu bé sẽ kể cho con cháu cậu về việc này, William nghĩ thoáng qua.

Chiếc mũ sắt có một chỗ thông hơi, một vật che miệng có thể kéo xuống và cột lại bằng dây. Những người khác đã cột xong vì thế mà mặt họ được che dấu và họ không còn được nhận ra. William để nó mở một lúc nữa. Mỗi người họ có một lưỡi kiếm ở một tay và một cái rìu ở tay kia.

“Sẵn sàng chưa?” William nói.

Tất cả gật đầu.

Từ bây giờ không còn nói chuyện. Không cần mệnh lệnh, không còn những quyết định phải làm nữa. Họ chỉ cần đơn giản trở lại chỗ đó và giết Thomas.

William cho hai ngón tay vào miệng và huýt một tiếng sáo chói tai.

Rồi cậu cột miếng che miệng lại.

Một người lính chạy ra khỏi nhà gác và mở cửa chính.

Các hiệp sĩ của William, những người đóng quân trong nhà bên kia con đường, chạy ra và ulla vào trong sân, la to như họ đã được chỉ thị: “Lính của vua! Lính của vua!”

William chạy vào lại dinh thự.

Hiệp sĩ Richard và người quản lý William Fitzneal mở toang cửa cho cậu.

Khi cậu vào, hai nhân viên của tổng giám mục tận dụng cơ hội Richard và William Fitzneal phân tâm, đã đóng sầm cửa giữa mái hiên và hội trường lại.

William dùng sức nặng của mình chống lại cánh cửa nhưng cậu đã quá trẻ: họ đã gài thanh cửa. Cậu nguyên rủa. Một thất bại quá sớm! Các hiệp sĩ dùng búa bổ vào cánh cửa, nhưng không mấy khả quan: nó được làm để chống lại các cuộc tấn công. William cảm thấy cậu không còn làm chủ được tình hình. Chống lại sự hoảng loạn vừa chớm nở, cậu chạy ra khỏi mái hiên và nhìn quanh tìm kiếm cửa khác. Reginald đi với ông.

Không có gì phía bên này của tòa nhà. Họ chạy xung quanh đầu cuối phía tây của dinh thự, đi ngang nhà bếp vào trong vườn cây trái phía nam. William hài lòng: trên bức tường phía nam của dinh thự có một cầu thang dẫn lên trên lầu. Nó dường như là một lối đi riêng vào phòng ngủ của tổng giám mục. Cảm giác của hoảng sợ biến đi.

William và Reginald chạy đến chân cầu thang. Nó bị hư hại ở lưng chừng, và có một vài công cụ của người thợ và một cái thang gỗ gần đó, như thể cầu thang đang được sửa chữa. Reginald dựa chiếc thang gỗ vào bên cầu thang và trèo lên, bỏ qua các bậc thang hỏng. Ông lên đến đỉnh. Có một cửa dẫn đến một cửa sổ lồi ra ngoài với một ban công nhỏ. William quan sát Reginald thử cánh cửa. Nó khóa. Bên cạnh nó là một cửa sổ chớp. Với một đòn búa rìu, Reginald đập vỡ cửa chớp. Ông thò tay vào bên trong, rờ rẫm, rồi mở cửa và đi vào.

William bắt đầu trèo cầu thang gỗ.

Từ lúc bắt gặp ánh mắt của William, Philip lo sợ, nhưng các linh mục và tu sĩ trong đoàn của Thomas hài lòng. Rồi khi họ nghe thấy tiếng búa trên cửa sảnh đường, họ bắt đầu sợ, và nhiều người đề nghị ẩn trốn trong nhà thờ chính tòa.

Thomas khinh bỉ: “Ẩn trốn?” ông nói. “Ẩn trốn ai? Những hiệp sĩ nào? Một tổng giám mục không thể trốn chạy vì vài ba người hung hăng.”

Philip nghĩ ông có lý, ít nhất cho đến thời điểm này: chức vụ tổng giám mục trở thành vô nghĩa nếu ông sợ các hiệp sĩ. Người của Thiên Chúa, được bảo đảm trong sự nhận biết rằng tội lỗi của mình đã được tha, đổi diện với sự chết như một biến đổi hạnh phúc vào một nơi khác tốt hơn, và không sợ lưỡi gươm. Tuy nhiên ngay cả tổng giám mục cũng không được coi thường sự an toàn của mình. Hơn nữa, Philip đã biết từ kinh nghiệm bản thân về sự tàn bạo và dã an của William Hamleigh. Vì thế khi họ nghe tiếng vỡ của cửa sổ chớp, Philip quyết định hành động.

Qua cửa sổ ông có thể nhìn thấy dinh thự đã bị bao vây bởi các hiệp sĩ. Nhìn thấy họ, ông càng sợ hơn. Nó rõ ràng là một cuộc tấn công có kế hoạch cẩn thận, và những kẻ tấn công được chuẩn bị để thi hành với bạo lực. Ông vội vàng đóng cửa phòng ngủ và cài then ngang. Những người

khác quan sát ông, vui vì có người khác chịu trách nhiệm. Tổng Giám mục Thomas vẫn nhìn khinh khỉnh nhưng ông không ngăn những gì Philip làm.

Philip đứng bên cửa và lắng nghe. Ông nghe một người đi qua cửa sổ và vào phòng tiếp khách. Ông tự hỏi không biết cửa phòng ngủ vững chắc như thế nào. Tuy nhiên người đàn ông không tấn công cửa ra vào, nhưng xuyên qua phòng tiếp khách và xuống cầu thang. Philip đoán ông ấy đi mở cửa sảnh đường từ phía trong để cho các hiệp sĩ khác vào.

Qua đó Thomas có được vài phút an tâm.

Có một cánh cửa ở góc đối diện với phòng ngủ, một phần bị che đậy bởi chiếc giường. Philip chỉ vào nó và hỏi khẩn trương: “Cửa đó dẫn đi đâu?”

“Dẫn sang tu viện,” một người nói. “Nhưng nó đã bị khóa.”

Philip băng qua phòng và thử mở cửa. Nó khóa. “Ông có chìa khóa không?” ông hỏi Thomas, sau đó thêm vào “Thưa tổng giám mục.”

Thomas lắc đầu. “Con đường này chưa bao giờ được dùng, nếu tôi nhớ không lầm,” ông nói với sự phẫn nộ bình tĩnh.

Cánh cửa không quá chắc, nhưng Philip đã sáu mươi ba và sức mạnh tàn bạo không phải là sở trường của ông. Ông lùi lại và đá mạnh vào cửa. Chân ông đau và cửa lung lay nhẹ. Philip cắn răng và đá nó mạnh hơn. Nó bung ra.

Philip nhìn Thomas. Thomas vẫn có vẻ miễn cưỡng phải chạy trốn. Có lẽ ông chưa biết rằng lực lượng các hiệp sĩ và cuộc tấn công có tổ chức chứng tỏ ý định nghiêm trọng muốn làm hại ông. Nhưng qua trực giác ông biết rằng không thể làm cho Thomas sợ hãi để ông bỏ chạy. Thay vào đó, ông nói: “Đã đến giờ kinh chiều. Chúng ta không thể để cho mấy tên hung hăng quấy rầy giờ kinh thường nhật của chúng ta.”

Thomas mỉm cười, thấy rằng lập luận của ông đã được dùng để chống lại ông. “Rất tốt,” ông nói và ông đứng lên.

Philip dẫn đường, cảm thấy nhẹ người vì đã thuyết phục được Thomas đi, nhưng vẫn sợ tổng giám mục đi không đủ nhanh. Con đường dẫn xuống một cầu thang dài và chỉ có ánh sáng chập chờn hắt xuống từ phòng ngủ của tổng giám mục. Ở cuối đường có một cửa khác. Philip xử lý nó như ông đã làm với cánh cửa thứ nhất, nhưng nó vững chắc hơn và cửa không

mở ra. Ông bắt đầu đập cửa và la to: “Mở cửa! Nhanh lên! Nhanh lên!” Ông nghe thấy sự hoảng loạn trong giọng nói của mình, và cố gắng giữ bình tĩnh, nhưng tim ông đập mạnh và ông biết rằng các hiệp sĩ của William đã gần sau lưng.

Những người khác đã bắt kịp ông. Ông tiếp tục đập cửa và la to. Ông nghe Thomas nói: “Làm ơn giữ phẩm cách, Philip,” nhưng ông không để ý đến. Ông muốn bảo vệ phẩm giá của tổng giám mục – còn của ông không quan trọng.

Trước khi Thomas có thể phản đối lần nữa, có tiếng thanh cửa được gỡ xuống và một chìa khóa lặn trong ổ, và cánh cửa mở ra. Philip nhẹ người. Hai người quản lý kinh ngạc đứng đó. Một người nói: “Tôi không biết cửa này dẫn đi đâu.”

Philip sốt ruột đẩy họ. Ông thấy mình ở trong nhà kho của tu viện. Vượt qua những thùng và bao tải, ông đến cánh cửa khác. Nó dẫn ra ngoài.

Trời đã tối. Ông ở trong đường đi phía nam của tu viện. Ở đầu xa kia của đường đi, ông nhẹ người khi thấy cánh cửa dẫn vào trong gian ngang của nhà thờ chính tòa Canterbury.

Họ dường như đã được an toàn.

Ông phải đưa Thomas vào nhà thờ chính tòa trước khi William và các hiệp sĩ của ông bắt kịp. Những người đi sau đã ra khỏi nhà kho. Philip nói: “Vào nhà thờ, nhanh lên.”

Thomas nói: “Không, Philip, không nên đi nhanh. Chúng ta vào nhà thờ chính tòa với phẩm cách.”

Philip muốn hét lên, nhưng ông nói: “Dĩ nhiên, thưa ngài.” Ông có thể nghe thấy âm thanh đáng ngại của những bước chân nặng nề trong đường đi yên lặng: Các hiệp sĩ đã vào được phòng ngủ và đã khám phá ra đường chạy thoát. Ông biết sự bảo vệ tốt nhất cho tổng giám mục là phẩm giá của ông, nhưng nó cũng chẳng có hại gì khi ông qua khỏi nguy hiểm.

“Thánh giá giám mục đâu?” Thomas hỏi. “Tôi không thể vào nhà thờ nếu không có thánh giá.”

Philip rên lên trong tuyệt vọng.

Rồi một linh mục nói: “Tôi có mang theo thánh giá. Đây này.”

Thomas nói: “Làm ơn mang thánh giá đi trước tôi như thường lệ.”

Linh mục giơ nó lên và vội vàng đi về hướng nhà thờ.

Thomas theo sau ông.

Như nghi thức đòi hỏi, đoàn tùy tùng vào nhà thờ trước ông. Philip đi sau và giữ cửa cho ông. Vừa khi Thomas đi vào, hai hiệp sĩ lao nhanh ra khỏi nhà kho tu viện và chạy nhanh xuống đường đi phía nam.

Philip đóng cửa gian ngang. Có một thanh cửa được đặt trong lỗ tường bên cạnh khung cửa. Philip lấy nó ra và cài ngang cửa.

Ông nhìn quanh, thả người xuống vì nhẹ nhõm và dựa vào cánh cửa.

Thomas đi qua gian ngang rộng về hướng bậc thang dẫn lên gian phụ phía bắc của cung thánh, nhưng khi ông nghe tiếng gài cửa, ông bất ngờ dừng và quay lại.

“Không, Philip,” ông nói.

Tim Philip thót lại. “Thưa ngài tổng giám mục –“

“Đây là một nhà thờ, không phải là lâu đài. Không được khóa cửa.”

Cánh cửa lắc dữ dội như thể các hiệp sĩ cố gắng mở nó ra. Philip nói: “Tôi sợ họ muốn giết ông.”

“Có lẽ sau cùng họ sẽ làm được điều họ muốn, cho dù ông khóa cửa hay không. Ông có biết có bao nhiêu cửa trong nhà thờ này không? Mở nó ra.”

Có hàng loạt tiếng ầm lớn như thể các hiệp sĩ phá cửa bằng rìu. “Ông có thể ẩn trốn,” Philip nói một cách tuyệt vọng. “Có hàng chục chỗ ẩn – cửa vào nhà nguyện hầm ở ngay đây – trời đã tối –“

“Ẩn trốn, Philip? Tôi nên ẩn trốn ngay trong nhà thờ của tôi sao? Ông có làm thế không?”

Philip nhìn Thomas một lúc lâu. Sau cùng ông nói: “Không, tôi sẽ không làm.”

“Mở cửa ra,”

Với một trái tim nặng nề, Philip mở cửa.

Các hiệp sĩ ulla vào. Có năm người. Mặt họ dấu sau mũ sắt. Họ mang theo gươm và búa rìu. Họ trông như những người từ hỏa ngục.

Philip biết ông không nên sợ, nhưng cạnh sắc vũ khí của họ làm ông rùng mình sợ hãi.

Một người trong nhóm họ hét lên: “Thomas Becket, kẻ phản bội của nhà vua và vương quốc, ở đâu?”

Những người khác la lên: “Kẻ phản bội ở đâu? Tổng giám mục ở đâu?”

Trời đã hoàn toàn tối, và ngôi nhà thờ lớn chỉ được soi chiếu lờ mờ bởi những cây nến. Tất cả các tu sĩ mặc màu đen và độ nhìn của các hiệp sĩ bị giới hạn vì tấm chắn trên mặt. Philip bất ngờ có một hy vọng: có lẽ họ sẽ không nhận ra Thomas trong bóng tối. Nhưng Thomas dập tắt ngay niềm hy vọng đó khi ông đi xuống và bước về phía các hiệp sĩ: “Tôi đây – không phải kẻ phản bội của nhà vua, nhưng là một linh mục của Thiên Chúa. Các ông muốn gì?”

Khi tổng giám mục đứng đối diện trước năm người với mũi gươm đã được rút ra, bất ngờ Philip biết chắc rằng Thomas sẽ chết ở đây hôm nay.

Những người trong đoàn của Thomas cũng phải cảm thấy như vậy, bởi vì bất thành linh hầu hết họ bỏ trốn. Một số biến mất vào trong bóng tối của gian cung thánh, một số phân tán vào gian giữa, len lỏi trong số cư dân đang chờ giờ lễ, và một người mở một cửa nhỏ và chạy lên cầu thang xoắn. Philip chán nản. “Các ông phải cầu nguyện, không phải chạy đi!” ông hét lên đằng sau họ.

Philip cũng cảm thấy chính ông nữa cũng có thể bị giết, nếu ông không chạy đi. Nhưng ông không thể rời tổng giám mục.

Một hiệp sĩ nói với Thomas: “Hãy từ bỏ sự phản bội của ông!” Philip nhận ra giọng của Reginald Fitzurse, người phát ngôn viên của nhóm.

“Tôi không có gì để từ bỏ,” Thomas trả lời. “Tôi không phản bội.” Ông nói hoàn toàn bình tĩnh, nhưng mặt ông trắng ra. Ông biết, giống như mọi người khác, ông sẽ phải chết, Philip nghĩ.

Reginald hét vào mặt Thomas: “Chạy đi, nếu không ông sẽ phải chết.”

Thomas vẫn đứng.

Họ muốn ông ấy chạy đi, Philip nghĩ; họ không đủ can đảm giết ông ấy.

Có lẽ Thomas cũng biết điều đó nữa, bởi vì ông đứng thản nhiên trước mặt họ, thách thức họ đụng vào ông. Một lúc lâu họ đứng đối diện nhau: các hiệp sĩ không muốn đi bước trước, vị linh mục quá tự hào để chạy trốn.

Thomas phá vỡ sự yên lặng: “Tôi sẵn sàng chết, nhưng các ông không được đụng tới bất cứ người nào của tôi, linh mục hay tu sĩ hay giáo dân.”

Reginald phản ứng trước. Ông vung thanh kiếm vào Thomas, đẩy lưỡi kiếm gần hơn và gần hơn vào mặt Thomas như thể ông dám chạm lưỡi kiếm vào vị linh mục. Thomas đứng yên như tượng đá, mắt ông nhìn vào người hiệp sĩ, không nhìn vào lưỡi kiếm. Bất ngờ, với một chuyển động nhanh, Reginald hất mũ giám mục của Thomas xuống.

Bất ngờ Philip lại tràn đầy hy vọng. Họ không đủ can đảm để là chuyện đó, ông nghĩ; họ sợ phải đụng vào ông.

Nhưng ông sai lầm. Sự quyết tâm của các hiệp sĩ được củng cố thêm qua thái độ hất mũ ngớ ngẩn đó, như thể họ đã chờ đợi bị đánh phạt bởi bàn tay Thiên Chúa, và thực tế là không có gì xảy ra nên họ can đảm làm sự tồi tệ hơn. Reginald nói: “Đem ông ấy ra khỏi đây.”

Các hiệp sĩ khác cất kiếm vào vỏ và đến gần tổng giám mục.

Một người ôm ngang hông Thomas và cố bế ông lên.

Philip tuyệt vọng. Cuối cùng họ đã dám đụng đến ông. Sau tất cả họ đã muốn đặt tay lên người của Chúa. Họ phải biết trong trái tim rằng họ sẽ phải xuống hỏa ngục vì chuyện đó, nhưng họ vẫn làm.

Thomas mất sự thăng bằng, ông cử động cánh tay và bắt đầu chống lại. Các hiệp sĩ khác tham gia, cố nâng ông lên và đem ông đi. Những người còn lại duy nhất của Thomas là Philip và một linh mục tên là Erward Grim. Họ, cả hai chạy đến giúp Thomas. Erward nắm lấy áo choàng của Thomas và giữ chặt. Một hiệp sĩ quay lại và đâm Philip vào bên đầu. Ông choáng váng và ngã xuống.

Khi ông tỉnh lại, các hiệp sĩ đã bỏ Thomas ra. Thomas đứng với đầu cúi xuống và hai tay chắp vào nhau trong tư thế cầu nguyện. Một hiệp sĩ giơ cao lưỡi kiếm.

Philip, vẫn còn trên nền nhà, hét lên một tiếng dài phản đối bất lực: “Đ-ư-ừ-ư-n-g!”

Erward giơ cánh tay lên để đỡ đòn.

Thomas nói: “Con phó linh hồn con cho Chúa –.”

Mũi kiếm bổ xuống.

Nó trúng cả Thomas lẫn Erward. Philip nghe thấy tiếng hét của mình. Lưỡi kiếm cắt vào sọ của tổng giám mục và cắt đứt cánh tay của vị linh mục. Khi máu phun ra từ cánh tay Erward, Thomas quỵ xuống.

Philip nhìn kinh hoàng vào vết thương trên đầu Thomas.

Tổng giám mục ngã từ từ về phía trước vào bàn tay của ông. Ông tự đỡ mình một chốc lát, rồi khuôn mặt ông đập xuống nền đá.

Người hiệp sĩ khác nâng kiếm lên và đánh xuống. Philip tự động hét lên vì đau khổ. Lưỡi kiếm thứ hai bổ xuống vào đúng chỗ lần trước, và cắt đứt phần sọ trên của Thomas. Nó là một nhát kiếm mạnh đến nỗi lưỡi kiếm chạm vào nền đá và gãy làm đôi. Người hiệp sĩ ném phần đuôi kiếm xuống.

Một người hiệp sĩ thứ ba làm một hành động mà nó còn cháy bỏng mãi trong trí nhớ của Philip suốt quãng đời còn lại của ông. Ông ngoáy lưỡi kiếm vào trong vết thương trên đầu tổng giám mục để làm cho óc chảy ra trên nền nhà.

Chân Philip chùng lại và ông khụy xuống trên đầu gối, sự kinh hoàng bao trùm lấy ông.

Người hiệp sĩ nói: “Ông ấy không còn đứng dậy được nữa – chúng ta đi thôi.”

Tất cả họ quay ra và chạy đi.

Philip nhìn họ đi xuống gian giữa, vùng thanh kiếm xung quanh để làm cho cư dân tránh đường.

Khi kẻ giết người đã đi, một sự yên lặng lạnh người trong nhà thờ. Xác của tổng giám mục nằm úp mặt trên nền nhà, và đầu sọ bị cắt đứt với mái tóc nằm bên cạnh đầu. Philip úp mặt trong lòng bàn tay. Đây là điểm cuối của tất cả hy vọng. Kẻ man rợ đã thắng, ông tiếp tục suy nghĩ; kẻ man rợ đã thắng. Ông choáng váng, xây xẩm như thể ông chìm dần trong một hồ nước sâu, chết đuối trong tuyệt vọng. Không còn gì để người ta có thể bám víu. Những gì dường như chắc chắn bất ngờ thành bất ổn.

Cả đời ông đã chiến đấu chống lại quyền lực độc tài của những con người xấu xa, và bây giờ, trong cuộc chiến cuối cùng ông đã bị đánh bại. Ông nhớ lại khi William Hamleigh đến đốt Kingsbridge lần thứ hai, cả cư dân thị trấn đã xây bức tường thành trong một ngày. Thật là một chiến

thắng tuyệt vời. Sức mạnh không bạo động của hàng trăm người dân bình thường đã đánh bại sự tàn bạo trắng trợn của Bá tước William. Ông nhớ lại lúc Waleran Bigod muốn xây nhà thờ chính tòa ở Shiring để ông ấy có thể kiểm soát nó theo mục đích riêng. Philip đã vận động dân chúng toàn vùng. Hàng trăm, hàng ngàn người đã đổ xô đến Kingsbridge vào ngày lễ Chúa Thánh Thần kỳ diệu đó cách đây ba mươi ba năm, và sức mạnh lòng nhiệt thành của họ đã đánh bại Waleran. Nhưng bây giờ không còn hy vọng. Tất cả dân chúng ở Canterbury, ngay cả tất cả Ki Tô hữu trên toàn thế giới cũng không có thể làm Thomas sống lại.

Quỳ trên phiến đá ở gian ngang nhà thờ chính tòa Canterbury, ông lại nhìn thấy những người xông vào nhà ông và giết bố mẹ trước mắt ông, năm mươi sáu năm về trước. Cảm xúc của đứa bé sáu tuổi bây giờ trở về với ông không phải là sợ hãi, cũng không phải đau buồn. Nó là cảm xúc của tức giận. Cảm thấy bất lực để ngăn ngừa những người to lớn, mặt đỏ và khát máu. Ông đã nuôi một tham vọng rực lửa để ngăn chặn những người cầm gươm, làm cùn lưỡi kiếm của họ, làm què những con ngựa của họ và nộp họ cho một thẩm quyền khác, một thẩm quyền cao hơn vương quốc của bạo lực. Và một lúc sau, khi bố mẹ ông nằm trên mặt đất, viện phụ Peter đã đến và chỉ cho ông một con đường. Không vũ khí và không khả năng tự vệ, viện phụ đã ngăn chặn ngay cuộc đổ máu. Ông không có gì ngoài uy quyền của giáo hội và sức mạnh của lòng tốt của ông. Cảnh đó đã truyền cảm ứng cho Philip suốt cuộc đời.

Cho đến lúc này ông tin rằng ông và những người như ông đã chiến thắng. Họ đã đạt được những chiến thắng đáng kể trong nửa thế kỷ qua. Nhưng bây giờ vào cuối cuộc đời, kẻ thù của ông đã chứng minh rằng không có gì đã thay đổi. Chiến thắng của ông chỉ nhất thời, những tiến bộ của ông chỉ là ảo tưởng. Ông đã có một vài chiến thắng, nhưng nguyên nhân sâu thẳm vẫn còn đó. Những người giống như người đã giết bố mẹ ông và bây giờ giết tổng giám mục trong nhà thờ chính tòa như chứng minh rằng không có uy quyền nào có thể chống lại sự chuyên chế của người có thanh kiếm.

Ông chẳng bao giờ nghĩ họ sẽ dám giết tổng giám mục Thomas, nhất là trong một nhà thờ; cũng như ông đã chẳng bao giờ nghĩ có ai dám giết bố ông, và những người khát máu với lưỡi gươm và mũi sắt đã chỉ cho ông sự thật rùng rợn trong cả hai trường hợp. Và bây giờ, ở lứa tuổi sáu mươi hai, khi ông nhìn vào thân xác ghê rợn của Thomas Becket, ông bị ám ảnh bởi sự tức giận trẻ con, vô lý, chung chung của một đứa bé sáu tuổi có bố mẹ bị giết.

Ông đứng lên. Bầu khí trong nhà thờ nặng nề với cảm xúc khi dân chúng tụ họp quanh xác của tổng giám mục. Các linh mục, tu sĩ và cư dân thị trấn chậm rãi đến gần hơn, choáng váng và đầy sợ hãi. Philip cảm thấy đằng sau biểu hiện kinh hoàng của họ cũng có sự tức giận giống như ông. Một hai người âm thầm cầu nguyện, không thành tiếng. Một phụ nữ cúi xuống nhanh chóng và đụng vào xác chết, cầu mong được may mắn. Nhiều người khác làm theo. Rồi Philip nhìn thấy người phụ nữ đầu tiên lén lút thu thập máu vào một bình nhỏ, như thể Thomas là vị tử đạo.

Hàng giáo sĩ bắt đầu tỉnh lại. Người quản trị của tổng giám mục, Osbert, với dòng nước mắt chảy xuống trên khuôn mặt, lấy một con dao và cắt một dải vải từ áo sơ mi của ông. Rồi ông quỳ xuống bên cạnh xác và dùng ngón tay vụng về gắn lại vết thương trên đỉnh đầu, trong một nỗ lực cảm động muốn khôi phục lại một chút giá trị cho nhân vị của một tổng giám mục đã bị xúc phạm khủng khiếp. Khi ông làm như vậy, một tiếng rên đau đớn tập thể phát ra từ đám đông xung quanh.

Một vài tu sĩ đem đến một cái cáng. Họ nhẹ nhàng nâng Thomas vào cáng. Nhiều bàn tay giơ ra giúp đỡ họ. Philip nhìn thấy khuôn mặt đẹp trai của tổng giám mục an bình, chỉ có một dấu hiệu duy nhất của bạo lực là một đường máu nhỏ chảy từ đỉnh đầu phía phải, qua mũi vào tới cổ phía tay trái.

Khi họ nâng cáng lên, Philip nhận thanh kiếm gãy đã giết Thomas. Ông nghĩ về người phụ nữ đã thu thập máu của tổng giám mục vào chai như thể ông là một vị thánh. Hành động nhỏ bé của bà có một ý nghĩa lớn lao, nhưng Philip chưa chắc chắn nó là gì.

Dân chúng theo sau cáng, được thúc đẩy bởi một sức mạnh vô hình. Philip đi theo đám đông, cảm thấy sức quyến rũ siêu nhiên đang thu hút tất cả họ. Các tu sĩ khiêng xác qua gian cung thánh và đặt nhẹ nhàng trên nền trước bàn thờ chính. Đám đông, nhiều người trong họ cầu nguyện lớn tiếng, chăm chú nhìn một linh mục đem một tấm vải sạch và băng lại vết thương trên đầu một cách cẩn thận và đội lên chiếc mũ giám mục mới.

Một tu sĩ cắt chiếc áo khoác đen đầm máu của tổng giám mục. Ông không biết làm gì với miếng vải đầm máu đó, và muốn để nó sang một bên. Một người bước nhanh lên và lấy nó như thể nó là một báu vật.

Ý nghĩ mờ lung, không chắc chắn trong đầu Philip bây giờ hiện ra trong một ánh sáng đầy cảm hứng. Dân chúng coi Thomas như vị tử đạo, háo hức gom góp máu và quần áo của ông như thể nó có sức mạnh siêu nhiên của di tích thánh. Philip nhìn vụ giết người như một thất bại chính trị của giáo hội, nhưng dân chúng ở đây không nhìn như thế: họ nhìn thấy một cuộc tử đạo. Và cái chết của một vị tử đạo, trong khi có thể coi nó như một thất bại, chẳng bao giờ ngừng cung cấp cho giáo hội nguồn cảm hứng và sức mạnh.

Philip lại nghĩ đến hàng trăm người đổ xô về Kingsbridge để xây nhà thờ chính tòa, và về những người đàn ông, đàn bà và trẻ em, những người đã cùng nhau làm việc trong đêm để xây tường thành. Nếu những con người như thế có thể được huy động bây giờ, ông nghĩ với sự hứng khởi, tiếng kêu giận dữ của họ sẽ mạnh mẽ đến nỗi toàn thế giới có thể nghe được.

Nhìn vào những người đàn ông và đàn bà tụ tập quanh xác Thomas, khuôn mặt họ đau khổ, tràn ngập đau buồn và kinh hoàng, Philip nhận ra rằng họ chỉ muốn có một nhà lãnh đạo.

Nó có thể không?

Trường hợp này có điều gì quen thuộc, ông nhận ra. Một thân xác đầm máu, một đám đông người xem, vài người lính xa xa: ông đã thấy nó ở đâu? Những gì đã xảy ra sau đó, ông cảm thấy, là một đám nhỏ của người chết đã tụ hợp chống lại tất cả quyền lực và thẩm quyền của một đế quốc hùng mạnh.

Dĩ nhiên. Ki Tô giáo đã bắt đầu như thế.

Và khi ông hiểu điều đó, ông biết ông phải làm gì.

Ông đến trước bàn thờ và quay mặt xuống đám đông. Ông vẫn còn cây kiếm gầy trên tay. Mọi người nhìn ông. Một chút nghi ngờ. Ông nghĩ: Tôi có thể làm được việc đó không? Tôi có thể gây nên một phong trào, ở đây và ngay bây giờ, một phong trào có thể lay chuyển ngai vàng nước Anh không? Ông nhìn vào khuôn mặt họ. Ông nhìn thấy cả nỗi đau và giận dữ, và trong một số người có cả một chút hy vọng.

Ông giờ thanh kiếm lên cao.

“Đây là thanh kiếm đã giết một vị thánh,” ông bắt đầu.

Có tiếng thầm thì tán thành.

Thêm can đảm, Philip nói: “Ở đây, vào tối nay chúng ta đã chứng kiến một cuộc tử đạo.”

Các linh mục và tu sĩ ngạc nhiên. Giống Philip, họ đã không nhìn thấy ngay ý nghĩa thực sự của việc giết người mà họ đã chứng kiến. Nhưng cư dân thành phố đã thấy và họ lên tiếng ủng hộ.

“Mỗi người chúng ta phải ra đi và kể về những gì chúng ta đã thấy.” Nhiều người gật đầu mạnh mẽ. Họ đang lắng nghe – nhưng Philip muốn nhiều hơn. Ông muốn truyền cảm hứng cho họ. Giảng thuyết chưa bao giờ là sở trường của ông. Ông không phải là người có thể làm cho đám đông say mê, làm cho họ cười và khóc, và thuyết phục họ đi theo ông mọi nơi. Ông không biết cách làm cho giọng nói của mình gây chấn động, làm cho ánh sáng vinh quang tỏa sáng trong mắt. Ông là một con người thực tế, gắn liền với mặt đất; và ngay bây giờ ông cần nói như một thiên thần.

“Chẳng bao lâu nữa mỗi người đàn ông, đàn bà và trẻ em ở Canterbury sẽ biết rằng người của nhà vua đã giết Tổng giám mục Thomas trong nhà thờ chính tòa. Nhưng đó chỉ là khởi đầu. Tin tức sẽ lan đi khắp nước Anh, và rồi trên khắp các nước Ki Tô giáo.”

Ông thất bại, ông có thể nói. Có sự bất mãn và thất vọng trên khuôn mặt một số người. Một người lên tiếng: “Nhưng chúng tôi phải làm gì?”

Philip nhận ra họ cần có những hành động cụ thể ngay lập tức. Không thể kêu gọi một cuộc thập tự chinh rồi sai họ đi ngủ.

Một cuộc thập tự chinh, ông nghĩ. Đó là một ý tưởng.

Ông nói: “Ngày mai, tôi sẽ mang cây gươm này đến Rochester. Ngày hôm sau nữa tới London. Các ông bà có theo tôi không?”

Hầu hết họ ngậy người ra, nhưng một người nào đó ở phía sau nói to: “Vâng!” Rồi một hai giọng khác tán thành.

Philip cất cao giọng hơn. “Chúng ta sẽ kể câu chuyện của chúng ta cho mọi thị trấn và làng mạc ở nước Anh. Chúng ta sẽ chỉ cho mọi người lưỡi gươm đã giết Thánh Thomas. Chúng ta sẽ cho họ xem vết máu trên áo linh mục của ngài.” Ông nói mạnh mẽ và tỏ ra một chút tức giận. “Chúng ta sẽ tạo nên một làn sóng phản đối, lan truyền trên khắp các nước Ki Tô giáo, ngay cả đến tận Roma. Chúng ta sẽ biến toàn thể thế giới văn minh chống lại kẻ man rợ, những người đã gây ra tội ác khủng khiếp và xúc phạm đến Thiên Chúa này.”

Lần này hầu hết mọi người tán thành. Họ đã chờ đợi một cách để diễn tả cảm xúc của họ, và bây giờ ông cho họ.

“Tội ác này,” ông nói chậm rãi, giọng ông như hét lên, “sẽ chẳng bao giờ - chẳng bao giờ quên được!”

Họ gầm lên đồng ý.

Bất ngờ ông biết phải làm gì. “Chúng ta bắt đầu cuộc thập tự chinh của chúng ta ngay bây giờ!” ông nói.

“Vâng!”

“Chúng ta mang gươm này đi khắp đường phố Canterbury!”

“Vâng!”

“Và chúng ta sẽ kể cho mỗi cư dân trong thị trấn những gì chúng ta đã chứng kiến tối nay!”

“Vâng!”

“Hãy mang nến và theo tôi!”

Giơ cao gươm, ông đi thẳng xuống giữa nhà thờ chính tòa.

Họ theo sau ông.

Cảm thấy hứng khởi, ông đi qua gian cung thánh, qua khu trung tâm, và đi xuống theo gian giữa. Một vài tu sĩ và linh mục đi bên cạnh ông. Ông không cần quay lại: ông có thể nghe thấy bước chân của hàng trăm người đi sau ông. Ông đi ra cửa chính.

Ở đó ông có một khoảnh khắc của lo lắng. Xuyên qua vườn cây ăn trái ông có thể nhìn thấy binh lính lục soát dinh thự của tổng giám mục. Nếu những người theo ông đối đầu với những người lính này, cuộc thập tự chinh có thể kết thúc trong cuộc ẩu đả, trước khi nó thực sự bắt đầu, Philip nghĩ. Ông vội quay nhanh đi chỗ khác và dẫn đoàn người đi qua cửa gần nhất vào các đường phố.

Một tu sĩ cất lên một bài thánh ca. Có đèn và ánh lửa đằng sau những cửa sổ chớp của các căn nhà, nhưng khi đoàn rước đi qua, dân chúng mở cửa để xem chuyện gì đang diễn ra. Một số người hỏi người tham dự. Một số người tham gia vào.

Philip rẽ vào một góc và nhìn thấy William Hamleigh.

William đứng bên ngoài một chuồng ngựa. Dường như cậu vừa cởi bộ áo giáp, chuẩn bị lên ngựa và ra khỏi thành phố. Cậu có một số người bên cậu. Họ ngẩng lên chờ đợi. Có lẽ họ đã nghe tiếng hát và tự hỏi chuyện gì đang xảy ra.

Khi đoàn rước đến gần, William trông rất hoang mang. Sau đó cậu nhìn thấy chiếc gương gãy trên tay Philip, và cậu hiểu ra mọi chuyện. Cậu nhìn chăm chăm trong sự yên lặng kinh hoàng một lúc lâu, rồi cậu nói. “Ngừng lại!” cậu hét lên. “Tôi ra lệnh cho các ông phải giải tán!”

Không ai để ý đến. Những người đi chung với William trông lo âu: chống lại một đám đông hàng trăm người nhiệt thành, kiếm trong tay cũng chẳng giúp gì họ.

William nói thẳng với Philip. “Nhân danh nhà vua tôi ra lệnh cho ông ngừng việc này lại.”

Philip đi quẹt ngang cậu, đám đông phía sau đẩy ông tiến lên. “Quá trễ, William!” ông ngẩng đầu nói lại. “Đã quá trễ!”

III

Những chàng trai trẻ đến chỗ treo cổ sớm.

Chúng đã ở đó, trong khu chợ ở Shiring, ném những viên đá vào con mèo, sỉ nhục người ăn xin và đánh nhau, khi Aliena đến, đi bộ một mình, mặc một áo khoác rẻ tiền có mũ che để ẩn dấu danh tính của cô.

Cô đứng xa, nhìn giàn giáo. Cô không có ý định đến. Cô đã chứng kiến bao nhiêu vụ treo cổ trong cương vị bá tước. Bây giờ cô không còn có trách nhiệm đó, cô đã nghĩ cô sẽ hạnh phúc biết bao nếu cô chẳng bao giờ nhìn thấy người nào phải treo cổ nữa trong suốt quãng đời còn lại của cô. Nhưng lần này khác.

Cô không còn ở vị trí bá tước nữa vì em cô, Richard, đã bị giết ở Syria – không phải trong một cuộc chiến, trở trêu thay, mà trong một cuộc động đất. Tin này đã cần sáu tháng để đến tay cô. Đã từ mười lăm năm cô không gặp cậu, và bây giờ cô sẽ chẳng bao giờ thấy cậu nữa.

Trên đồi, cổng lâu đài mở ra và người tù đi ra với đoàn bảo vệ, theo sau bởi tân bá tước của Shiring, con trai của Aliena, Tommy.

Richard không có con, vì thế người thừa kế là cháu của cậu. Nhà vua choáng váng và mệt mỏi với vụ mang tiếng về Thomas Becket, đã nhanh chóng công nhận Tommy làm bá tước. Aliena đã nhanh chóng trao lại cho thế hệ trẻ hơn. Cô đã đạt được những gì cô muốn cho lãnh địa. Một lần nữa nó lại là một vùng trù phú và thịnh vượng, một mảnh đất của những con cừu mập, những cánh đồng xanh và những nhà máy xay mạnh mẽ. Một số chủ đất lớn và tiến bộ đã theo chân cô trong việc dùng ngựa cày, nuôi ngựa bằng lúa mạch được gieo trồng bằng hệ thống ba mùa luân phiên. Kết quả là đất có thể nuôi sống nhiều người hơn là dưới thời bố cô cai trị.

Tommy có thể là một bá tước tốt. Cậu sinh ra để làm chuyện đó. Jack đã từ chối không chấp nhận chuyện đó một thời gian dài. Cậu muốn con trai cậu trở thành thợ xây dựng, nhưng sau cùng cậu bị ép buộc phải nhìn nhận sự thật. Tommy chẳng bao giờ có thể cắt thẳng một viên đá, nhưng tự bản chất cậu là một nhà lãnh đạo, và vào lứa tuổi hai mươi tám cậu có khả năng quyết định, dứt khoát, thông minh và công bằng. Bây giờ cậu thường được gọi là Thomas.

Khi cậu lên năm quyền, dân chúng chờ đợi Aliena sẽ ở lại lâu dài, gặt gồng con dâu và chơi với cháu nội của cô. Nhưng cô đã cười họ. Cô thích vợ của Tommy – một người phụ nữ xinh đẹp, người con gái út của bá tước thành Bedford – và cô yêu ba đứa cháu nội của cô, nhưng ở lứa tuổi năm mươi hai cô chưa sẵn sàng về hưu. Cô và Jack đã lấy một căn nhà đá lớn gần tu viện Kingsbridge – có thời nó đã là khu nhà nghèo, nhưng bây giờ không còn nữa – và cô đã trở lại nghề kinh doanh len, mua và bán, thương lượng với tất cả sinh lực cũ của cô và sau một thời gian ngắn cô đã thu được số tiền lớn.

Đoàn tử hình đã vào trong khu chợ, và Aliena thức giấc từ giấc mơ. Cô nhìn kỹ vào người tù: cậu vấp vào sợi dây và ngã xuống đất, tay cậu bị cột ra sau lưng. Đó là William Hamleigh.

Một người nào đó ở phía trước nhổ vào cậu. Một đám đông lớn tụ tập trong khu chợ. Hầu hết mọi người vui vì nhìn William lần cuối, và ngay cả những người không có ác cảm với cậu cũng cảm thấy khác thường để xem một cựu cảnh sát trưởng bị treo cổ. Nhưng William đã tham dự vào những vụ giết người khét tiếng nhất mà mọi người có thể nhớ.

Phản ứng về vụ ám sát Tổng giám mục Thomas vượt qua sức tưởng tượng của mọi người. Aliena chưa bao giờ trải qua những kinh nghiệm tương tự như thế. Tin tức lan truyền nhanh như cháy rừng xuyên qua toàn bộ các nước Ki Tô giáo, từ Dublin tới Jerusalem và từ Toledo tới Oslo. Giáo hoàng lui vào để tang. Một nửa lực địa của vương quốc vua Henry ở dưới lệnh cấm, có nghĩa là tất cả các nhà thờ đều đóng cửa và không còn giờ lễ, ngoại trừ bí tích rửa tội. Ở Anh, dân chúng đã bắt đầu hành hương đến Canterbury, như thể nó là một đền thánh như Santiago de Compostela. Còn có nhiều phép lạ. Nước pha với máu của vị tử đạo và vải từ chiếc áo khoác Thomas đã mặc khi ông bị giết chữa nhiều bệnh tật, không những ở Canterbury mà còn trên toàn nước Anh.

Người của William đã cố ăn cắp xác ở nhà thờ chính tòa, nhưng các tu sĩ đã cảnh giác và giấu nó; và bây giờ nó được giữ trong một mái vòm bằng đá, và khách hành hương phải chui đầu qua một lỗ hồng trong tường để hôn quan tài bằng cẩm thạch.

Đó là tội ác cuối cùng của William. Cậu vội vã trở về Shiring, nhưng Tommy đã bắt cậu, buộc tội cậu phạm thánh và cậu bị kết tội bởi tòa án của Giám mục Philip. Thông thường không ai dám kết án một cảnh sát trưởng, vì ông là nhân viên cao cấp của triều đình, nhưng trong trường hợp này mọi chuyện ngược lại: không ai, ngay cả nhà vua, dám bảo vệ một trong những người đã giết Becket.

William có một kết thúc tồi tệ.

Mắt cậu hoang dại và nhìn vào khoảng trống, miệng cậu mở ra và chảy nước dãi. Cậu rên rỉ từng hồi. Trên mặt trước của áo dài có một vết bẩn chứng tỏ cậu đã đái ra.

Aliena nhìn kẻ thù lâu đời của cô loạng choạng đi đến giá treo cổ. Cô nhớ lại chàng trai trẻ, kiêu ngạo, nhẫn tâm hăm hiếp cô ba mươi lăm năm về trước. Thật khó có thể tin rằng cậu lại trở thành một sinh vật rên rỉ, khiếp sợ như cô thấy bây giờ. Ngay cả khi cậu là một hiệp sĩ già thất vọng, béo phì, bị bệnh gút, cậu cũng không giống như lúc này. Cậu bắt đầu chiến đấu và hét lên khi cậu đến gần giàn giáo. Các binh lính lùi cậu đi như lùi một con heo đến lò mổ. Trong trái tim, Aliena không thấy thương hại cậu: tất cả những gì cô cảm thấy là nhẹ người. William sẽ chẳng bao giờ làm ai khiếp đảm nữa.

Cậu đâm đá và la hét khi cậu được nhắc bổng lên chiếc xe bò. Cậu trông như một con vật, mặt đỏ, hoang dại và bẩn thỉu; nhưng cậu lấp bắp, rên rỉ và kêu ca như một đứa bé. Phải cần bốn người giữ cậu, trong khi người thứ năm tròng dây thòng lọng vào cổ cậu. Cậu vùng vẫy chống lại quá mạnh đến nỗi nút thắt chặt lại trước khi cậu rơi mình xuống, và cậu tự siết cổ cậu bằng chính nỗ lực của cậu. Các người lính lui lại. William quần quai, nghẹt thở, khuôn mặt phệ của cậu biến thành màu tím.

Aliena nhìn một cách kinh hoàng. Ngay cả trong lúc giận và hận nhất, cô cũng không mong cậu có một cái chết như thế này.

Không có tiếng ồn. William chết nghẹn và đám đông vẫn đứng. Ngay cả bọn con trai cũng lặng thinh trước cảnh tượng kinh khủng này.

Ai đó đánh vào hông con bò và các con thú đi về phía trước. Sau cùng William rơi xuống, nhưng cái rơi không làm gãy cổ cậu, và cậu treo lơ lửng

trên đầu sợi dây, chậm rãi nghệt thở. Mắt cậu vẫn mở. Aliena cảm thấy cậu đang nhìn cô. Vẻ nhản nhó trên khuôn mặt cậu khi cậu bị treo ở đó, quằn quại trong đau đớn, rất quen thuộc đối với Aliena, và cô nhận ra rằng cậu trông giống như khi cậu cưỡng hiếp cô, ngay lúc cậu sắp lên đến đỉnh. Ký ức đâm cô như một con dao, nhưng cô không để mình nhìn đi chỗ khác.

Nó kéo dài lâu nhưng đám đông hoàn toàn im lặng. Mặt cậu sẫm hơn và sẫm hơn. Sự quằn quại đau đớn của cậu trở thành sự co giật. Sau cùng mắt cậu lộn ngược lên, mi mắt đóng lại, cậu bất động, và rồi, một cách ghê tởm, lưỡi cậu thè ra, đen và sưng lên, giữa hai hàm răng.

Cậu đã chết.

Aliena không còn nước mắt. William đã thay đổi đời cô – lúc trước cô sẽ nói: cậu phá hủy đời cô –và bây giờ cậu đã chết và không còn có thể làm tổn thương cô hay bất cứ người nào khác.

Đám đông bắt đầu đi về. Các đứa trẻ trêu nhau, bắt chước cái chết ghê tởm của William, chúng lộn mắt lên và thò lưỡi ra. Một người lính trèo lên giàn giáo và cắt William xuống.

Aliena bắt gặp ánh mắt con trai cô. Cậu ngạc nhiên khi thấy cô. Cậu đi ngay đến cô và cúi xuống hôn cô. Con tôi, cô nghĩ, con trai lớn của tôi. Con của Jack. Cô nhớ lại cô đã kinh hoàng như thế nào khi nghĩ rằng cô có thể có con với William. Vâng, một số điều đã trở thành tốt đẹp.

“Con nghĩ mẹ không muốn đến đây hôm nay,” Tommy nói.

“Mẹ phải,” cô nói. “Mẹ phải nhìn cậu ấy chết.”

Cậu giật mình. Cậu không hiểu, thực sự không hiểu. Cô vui. Cô hy vọng cậu sẽ chẳng bao giờ phải hiểu những việc như thế.

Cậu vòng tay qua cô và hai mẹ con cùng nhau ra khỏi quảng trường.

Aliena không quay nhìn lại.

Vào một ngày nóng giữa mùa hè, Jack ăn trưa với Aliena và Sally trên hành lang bên trên gian ngang phía bắc mát mẻ. Họ ngồi trên các phiến thạch cao trên nền vẽ của cậu. Âm thanh của các tu sĩ hát giờ kinh ba trong nhà nguyện là những tiếng thì thầm thấp như tiếng thác nước chảy ở nơi xa. Họ có sườn cừu nguội với bánh mì trắng mới và một bình bia vàng. Jack đã dành buổi sáng phác thảo nhà nguyện mới mà cậu sẽ bắt đầu xây năm tới.

Sally cắn miếng sườn với hàm răng trắng trong khi cô quan sát bản vẽ. Một lúc nào đó cô sẽ góp ý phê bình về nó, cậu biết. Cô liếc nhìn Aliena. Cô đọc được nét mặt của Sally và cô biết điều gì sẽ đến.

“Tại sao bố lại muốn đầu phía đông tròn?” Sally hỏi.

“Bố dựa trên thiết kế của nhà thờ Sant-Denis,” Jack nói.

“Nó có lợi điểm nào?”

“Vâng, nó dễ dàng cho khách hành hương di chuyển xung quanh.”

“Vì thế bố chỉ có hàng cửa sổ nhỏ này.”

Jack đã nghĩ cô sẽ nói về cửa sổ ngay, vì cô là một thợ kính. “Cửa sổ nhỏ?” cậu nói, làm như cậu phẫn nộ. “Những cửa sổ này rất lớn! Lần đầu tiên khi bố đặt cửa sổ kích thước này vào nhà thờ, dân chúng nghĩ rằng toàn bộ tòa nhà sẽ đổ vì những bức tường không đủ mạnh để đứng vững.”

“Nếu nhà nguyện vuông ở đầu, bố sẽ có bức tường phẳng rất lớn,” Sally cứng đầu. “Bố có thể có những cửa sổ thực sự lớn.”

Cô có lý, Jack nghĩ. Với phần đầu tròn toàn thể nhà nguyện phải có cùng chiều cao liên tục, chia thành ba lớp truyền thống: đường đi mái vòm, hành lang phía trên và khu có cửa sổ trên cao nữa. Phần đầu vuông cho phép nhà nguyện thay đổi kiến trúc. “Có thể có cách khác để cho khách hành hương di chuyển,” cô nói trầm ngâm.

“Và ánh sáng mặt trời sẽ chiếu qua cửa sổ lớn,” Sally nói.

Jack có thể tưởng tượng nó. “Có thể có một hàng cửa sổ cao, thanh, giống như những thanh giáo trong giá.”

Sally nói: “Hay một cửa sổ to tròn giống như một đóa hoa hồng.”

Đó là một ý tưởng tuyệt vời. Một người nào đó đứng trong gian giữa, nhìn xuống nhà thờ về hướng đông, chiếc cửa sổ tròn sẽ giống như một mặt trời lớn nổ bung ra thành vô số mảnh vỡ của màu sắc tuyệt đẹp. Jack có thể thấy nó. “Bố tự hỏi không biết các tu sĩ chọn chủ đề nào.”

“Mười điều răn và các tiên tri,” Sally nói.

Cậu nhú mày nhìn cô. “Này con cáo già khôn ngoan! Con đã thảo luận ý tưởng này với Tu viện trưởng Jonathan rồi phải không?”

Cô cảm thấy có lỗi, nhưng cô không phải trả lời câu hỏi đó vì Peter Chisel, một thợ khắc đá trẻ, đã đến. Cậu là một người đàn ông nhút nhát,

vụng về với mái tóc đẹp rũ xuống mắt, nhưng những trạm khắc của cậu rất đẹp, và Jack may mắn có cậu. “Tôi có thể làm gì cho cậu, Peter?” cậu hỏi.

“Thực ra, tôi đi tìm Sally,” Peter nói.

“Được, cô ấy đây.”

Sally đứng lên, giữ bánh mì vụn ra khỏi áo dài của cô. “Chút nữa con về,” cô nói, sau đó cô và Peter đi qua ô cửa thấp và xuống cầu thang xoắn.

Jack và Aliena nhìn nhau.

“Cô bé đỏ mặt, phải không?” Jack hỏi.

“Em hy vọng như vậy,” Aliena nói. “Trời ơi! Đã đến lúc nó phải yêu ai chứ. Nó đã hai mươi sáu rồi.”

“Vâng, vâng. Anh đã không còn hy vọng. Anh nghĩ nó muốn thành một người giúp việc già.”

Aliena lắc đầu. “Không. Sally tràn đầy sức sống như những người khác. Cô ấy chỉ kén chọn.”

“Có phải vậy không?” Jack nói. “Các cô gái trong miền không muốn lấy Peter Chisel.”

“Các cô gái trong miền thích những người đàn ông to lớn đẹp trai như Tommy, người có thể nhẩy lên lưng ngựa và khoác áo choàng với viền bằng lụa đỏ. Sally lại khác. Cô muốn người khôn ngoan và tình cảm. Peter là mẫu người cho cô.”

Jack gật đầu. Cậu chưa bao giờ nghĩ về nó theo cách đó, nhưng bằng trực giác cậu cảm thấy rằng Aliena đúng. “Sally giống như bà nội của cô” cậu nói. “Mẹ anh cũng yêu một người kỳ cục.”

“Sally giống mẹ anh, và Tommy giống bố em,” Aliena nói.

Jack mỉm cười với cô. Cô đẹp hơn mọi khi. Tóc cô đã nhuộm hoa râm, và da cổ cô không còn mịn màng như tấm đá cẩm thạch. Nhưng khi lớn tuổi, cô không còn mập và nét mặt đẹp của cô càng tỏ lộ rõ ràng, cho cô một vẻ đẹp thanh bạch, giàu tính nghệ thuật. Jack đưa tay ra và sờ lên cằm cô. “Giống như trụ tường có cánh của anh,” cậu nói.

Cô mỉm cười.

Cậu đưa tay xuống cổ và trên ngực cô. Ngực cô cũng thay đổi nữa. Cậu còn nhớ ngày trước chúng vươn ra khỏi lồng ngực và núm vú hướng lên.

Rồi, khi cô mang thai, chúng đã to hơn, và núm vú trở nên rộng hơn. Bây giờ chúng thấp và mềm, và chúng lắc lư từ bên này sang bên kia khi cô đi. Cậu vẫn yêu chúng mặc cho những thay đổi. Cậu tự hỏi chúng sẽ ra sao khi cô già. Chúng sẽ nhăn nheo và có đầy nếp nhăn không? Có lẽ ngay cả như vậy tôi vẫn yêu chúng, cậu nghĩ. Cậu cảm thấy núm vú cô cứng hơn dưới ngón tay cậu. Cậu vươn người về phía trước và hôn cô.

“Jack, anh đang ở trong nhà thờ,” cô thầm thì.

“Không sao,” cậu nói, và cậu chà tay qua bụng đến háng cô.

Có tiếng bước chân trên bậc thang.

Cậu bỏ tay ra, cảm thấy tội lỗi.

Cô cười vì sự bối rối của cậu. “Chúa sẽ phán xét anh,” cô nói.

“Anh sẽ gặp em ở đó,” cậu giả giọng đe dọa.

Bước chân lên đến đỉnh cầu thang và Tu viện trưởng Jonathan bước vào. Cậu chào họ một cách nghiêm trang. “Tôi có điều muốn nói với anh, Jack,” cậu nói. “Anh có thể vào tu viện không?”

“Dĩ nhiên.” Jack đứng lên.

Jonathan đi xuống cầu thang xoắn.

Jack dừng lại ở ô cửa và chỉ ngón tay đe dọa về phía Aliena. “Một chút nữa,” cậu nói.

“Hứa nhé?” cô nói với một nụ cười.

Jack theo Jonathan xuống cầu thang và đi qua nhà thờ tới cửa vào gian ngang phía nam, ở đó có đường vào tu viện. Họ đi theo bức tường phía bắc, ngang qua các học sinh đang học với bảng bảng sấp, và dừng lại ở góc. Với một cái hất đầu, Jonathan hướng sự chú ý của Jack vào một tu sĩ đang ngồi một mình trên băng đá ở bức tường phía tây. Chiếc mũ trên đầu vị tu sĩ che khuôn mặt ông, nhưng khi họ dừng lại, vị tu sĩ quay lại, nhìn lên, và rồi nhanh chóng quay mặt đi.

Bất ngờ Jack lui lại một bước.

Vị tu sĩ là Waleran Bigod.

Jack tức giận nói: “Con quỷ này làm gì ở đây?”

“Chuẩn bị gặp đấng dựng nên ông,” Jonathan nói.

Jack cau mày. “Tôi không hiểu.”

“Ông ấy là một người tuyệt vọng,” Jonathan nói. “Ông ấy không còn địa vị, không còn quyền lực và không còn bạn bè. Ông nhận ra rằng Thiên Chúa không muốn ông là một giám mục vĩ đại và quyền lực. Ông ấy đã nhìn ra sai lầm. Ông ấy đến đây, đi bộ, và xin được làm một tu sĩ khiêm tốn để dành phần còn lại của cuộc đời xin Chúa tha thứ tội lỗi cho ông.”

“Tôi không tin được,” Jack nói.

“Lúc đầu, tôi cũng vậy,” Jonathan nói. “Nhưng sau đó tôi nhận ra rằng ông ấy luôn luôn là người kính sợ Chúa.”

Jack nghi ngờ.

“Tôi nghĩ thực sự ông là một người ngoan đạo. Ông chỉ có một sai lầm quan trọng: ông ấy tin rằng mục đích biện minh cho phương tiện trong việc phục vụ Thiên Chúa. Điều đó cho phép ông được làm bất cứ việc gì.”

“Ngay cả việc âm mưu ám sát một tổng giám mục!”

Jonathan giơ tay lên trong một cử chỉ tự vệ. “Thiên Chúa phải xử ông về việc đó – không phải tôi.”

Jack nhún vai. Philip cũng thường nói như vậy. Jack không thấy lý do để cho Waleran sống trong tu viện. Tuy nhiên đó là đường lối của các tu sĩ. “Tại sao anh muốn tôi gặp ông ấy?”

“Ông ấy muốn kể cho anh tại sao họ đã treo cổ bố anh.”

Jack lạnh người.

Waleran vẫn ngồi bất động như pho tượng, nhìn vào khoảng trống. Ông đi chân không. Dưới đường viền của tu phục bằng vải thô tự dệt, xương trắng bệch yếu ớt của ông hiện ra rõ ràng. Jack nhận ra Waleran không còn đáng sợ. Ông yếu ớt, thất trận và buồn bã.

Jack chậm rãi đi về phía ông và ngồi xuống trên ghế băng, xa ông một bộ.

“Vua Henry cũ quá mạnh mẽ,” Waleran nói không mào đầu. “Một số các nam tước không thích thế, vì họ bị hạn chế. Họ muốn lần sau sẽ có một vị vua yếu hơn. Nhưng Henry chỉ có một người con trai: William.”

Tất cả những điều đó là lịch sử xa xưa. “Đó là trước khi tôi sinh ra,” Jack nói.

“Bố cậu chết trước khi cậu sinh ra,” Waleran nói, với một chút kiêu hãnh cũ của ông.

Jack gật đầu. “Vậy xin tiếp tục.”

“Một nhóm các nam tước quyết định giết con trai William của Henry. Suy nghĩ của họ là nếu không có người kế vị rõ ràng, họ sẽ có nhiều ảnh hưởng hơn trong việc chọn lựa vua mới.”

Jack quan sát khuôn mặt gầy gò, nhợt nhạt của Waleran để xem ông có xảo trá không. Người đàn ông già trông rất mệt mỏi, nản chí và hối hận. Jack không thấy có dấu hiệu gì là ông có điều gì bí mật. “Nhưng William chết trong vụ đắm thuyền của ‘Con thuyền trắng’,” Jack nói.

“Vụ đắm thuyền đó không phải là một tai nạn,” Waleran nói.

Jack giật mình. Nó có thể là sự thật sao? Có phải người kế vị ngai vàng bị ám sát chỉ vì một nhóm các nam tước muốn có một vị vua yếu không? Nhưng nó không gây sốc hơn vụ ám sát một tổng giám mục. “Tiếp tục đi,” cậu nói.

“Người của các nam tước đánh đắm tàu rồi trốn đi trong một chiếc thuyền. Mọi người khác đều chết đuối, ngoại trừ một người đã bám vào cột buồm và trôi dạt vào bờ biển.”

“Đó là bố tôi,” Jack nói. Cậu bắt đầu hiểu Waleran muốn dẫn đi đâu.

Khuôn mặt Waleran trắng bệch và môi ông không còn giọt máu. Ông nói không cảm xúc và không nhìn Jack. “Ông đến một bờ biển gần một lâu đài. Lâu đài đó lại thuộc về một trong những kẻ chủ mưu và họ đã bắt ông. Ông không quan tâm đến việc tố cáo họ. Thực vậy, ông chẳng nhận ra rằng con tàu bị đánh chìm. Nhưng ông đã nhìn thấy những điều mà nó có thể tiết lộ sự thật cho người khác, nếu ông được tự do và kể về những gì ông thấy. Vì thế họ bắt cóc ông, đưa ông tới nước Anh, và giao cho một số người tin tưởng lo cho ông.”

Jack buồn rã rượi. Tất cả những gì bố cậu muốn làm là mua vui cho người khác, mẹ cậu nói như thế. Nhưng có vài điều mới lạ trong câu truyện của Waleran. “Tại sao họ không giết ông ngay?” Jack hỏi.

“Họ nên làm như thế,” Waleran nói dứt khoát. “Nhưng ông là người vô tội, một người hát rong, một người làm cho người khác được vui. Vì thế họ

không dám giết ông.” Waleran cười nhạt. “Ngay cả những người tàn nhẫn nhất cũng có một số ngại ngùng.”

“Vậy tại sao họ lại thay đổi ý định?”

“Bởi vì sau cùng ông đã trở thành nguy hiểm, ngay cả ở đây. Lúc đầu ông không nguy hiểm - ngay cả ông không nói được tiếng Anh. Nhưng ông đã học, dĩ nhiên, và ông bắt đầu kết bạn. Vì thế họ đã nhốt ông trong nhà tù dưới nhà ngủ của tu viện. Rồi người ta bắt đầu hỏi tại sao ông bị nhốt. Ông trở thành sự lo lắng. Họ nhận ra rằng họ sẽ chẳng nghỉ ngơi được bao lâu ông còn sống. Vì thế sau cùng họ bảo chúng tôi giết ông.”

Quá dễ dàng như thế, Jack nghĩ. “Nhưng tại sao ông vâng lời họ?”

“Cả ba chúng tôi đều tham vọng,” Waleran nói, và lần đầu tiên nét mặt ông biểu lộ cảm xúc, khi miệng ông nhăn lại tỏ vẻ hối hận. “Percy Hamleigh, Tu viện trưởng James và tôi. Mẹ cậu nói sự thật – chúng tôi, tất cả đều được thưởng công. Tôi trở thành tổng đại diện, và nó là một khởi đầu tốt đẹp cho con đường tiến thân của tôi trong giáo hội. Percy Hamleigh trở thành một điền chủ lớn. Tu viện trưởng James nhận được sự hỗ trợ cần thiết cho tài sản tu viện.”

“Và các nam tước?”

“Sau vụ đắm tàu, Henry bị tấn công trong ba năm sau đó bởi Fulk thành Anjou, William Clito ở Normandy và vua nước Pháp. Đã có lúc ông yếu thế. Nhưng ông đánh bại kẻ thù và cai trị thêm được mười năm nữa. Khi qua đời, ông không để lại người con trai nối ngôi nào. Stephan lên nối ngôi và triều đại của ông là triều đại mà các nam tước mong muốn. Trong hai thập kỷ nội chiến, các nam tước cai trị giống như vua trong lãnh thổ của họ mà không có thẩm quyền trung ương nào kiềm chế họ.”

“Và bố tôi đã chết cho điều đó.”

“Ngay cả điều đó trở thành chua chát. Hầu hết các nam tước này chết trong cuộc chiến, và một vài con của họ cũng vậy. Và lời nói dối chúng tôi loan ra trong vùng để có cơ giết bố cậu, sau cùng đã trở lại ám ảnh chúng tôi. Mẹ cậu nguyên rủa chúng tôi sau khi bố cậu bị tử hình, và lời nguyên rủa của bà có tác dụng. Tu viện trưởng James bị hủy hoại bởi sự nhận thức về những gì ông đã làm, đúng như Remigius nói trong tòa án. Percy

Hamleigh chết trước khi sự thật được tiết lộ, nhưng con ông bị treo cổ. Và hãy nhìn tôi: Lời khai man của tôi cách đây năm mươi năm đã quay ngược lại tôi và đã chấm dứt con đường công danh của tôi.” Waleran kiệt sức, như thể sự cố gắng tự kiềm chế mình đã làm ông căng thẳng khủng khiếp. “Tất cả chúng tôi đều sợ mẹ cậu, bởi vì chúng tôi không biết rõ bà biết những gì. Sau cùng chúng tôi biết bà biết không nhiều, nhưng như thế cũng đủ.”

Jack cảm thấy khô miệng. Sau cùng cậu đã biết sự thật về bố cậu, một điều mà cậu đã muốn biết trong suốt đời cậu. Giờ đây cậu không thể cảm thấy tức giận hay thù hận. Cậu chẳng bao giờ biết người bố thật của cậu, nhưng cậu đã có Tom, người đã cho cậu niềm đam mê về xây dựng. Đó là niềm đam mê thứ hai trong đời cậu.

Jack đứng lên. Những biến cố quá xa trong quá khứ để làm cậu khóc. Từ lúc đó đến nay đã có nhiều chuyện xảy ra, và hầu hết chúng đều tốt.

Cậu nhìn xuống người đàn ông già, buồn rầu đang ngồi trên băng ghế. Trớ trêu thay, người bây giờ phải chịu đựng sự cay đắng về hối hận lại là Waleran. Jack thương hại ông. Thật khủng khiếp, Jack nghĩ, khi biết mình già đi và thấy cuộc đời mình là những sai lầm. Waleran nhìn lên, và lần đầu tiên ánh mắt họ gặp nhau. Waleran ngần ngại và quay đi, như thể ông bị tát vào mặt. Lúc đó Jack có thể đọc được suy nghĩ của ông, và cậu nhận ra rằng Waleran đã nhìn thấy sự thương hại trong mắt cậu.

Và đối với Waleran, sự thương hại của kẻ thù của ông là sự sỉ nhục nhất.

IV

Philip đứng ở cổng phía tây của thành phố Canterbury, thành phố cổ kính của Ki Tô giáo. Ông mang đầy đủ dấu hiệu biểu trưng màu sắc lộng lẫy của một giám mục nước Anh, và cầm cây gậy giám mục có cần đá quý. Trời đổ mưa.

Ông sáu mươi sáu tuổi, và trời mưa lạnh đến xương ông. Đây là lần cuối cùng ông liều lĩnh đi xa nhà như thế. Nhưng không gì trên thế giới có thể làm ông bỏ qua ngày này. Một cách nào đó, nghi thức hôm nay sẽ phong vương công việc đời ông.

Từ ngày ám sát lịch sử Tổng giám mục Thomas đến nay là ba năm rưỡi. Trong khoảng thời gian ngắn đó sự tôn sùng thần bí về Thomas Becket đã lan truyền đi khắp nơi trên thế giới. Philip không tưởng tượng được những gì ông đã bắt đầu khi ông dẫn đầu đoàn rước nển nhỏ đó xuyên qua các đường phố Canterbury. Giáo hoàng đã tôn phong Thomas lên hàng thánh một cách nhanh chóng. Thậm chí còn có một dòng mới của các tu sĩ hiệp sĩ ở Đất Thánh được gọi là các Hiệp sĩ của thánh Thomas thành Acre. Vua Henry không thể chống lại một phong trào phổ biến mạnh mẽ như thế. Nó quá mạnh để bất cứ một cá nhân nào có thể chống lại được.

Đối với Philip, tầm quan trọng trong toàn bộ hiện tượng này nằm trong việc nó nói lên sức mạnh thực sự. Cái chết của Thomas đã tỏ ra rằng, trong cuộc xung đột giữa giáo hội và triều đình, triều đình có thể luôn luôn chiếm ưu thế vì sử dụng sức mạnh bạo lực. Nhưng sự tôn sùng Thánh Thomas chứng tỏ rằng một cuộc chiến thắng như thế luôn luôn là một cái trống rỗng. Quyền lực của một vị vua không tuyệt đối: nó có thể bị hạn chế bởi ý muốn của dân chúng. Sự chuyển biến này đã diễn ra trong quãng đời của Philip. Ông không chỉ chứng kiến nó, ông còn đóng góp cho nó. Và buổi lễ hôm nay sẽ tưởng nhớ đến nó.

Một người chắc nịch với chiếc đầu to đang đi trong mưa về hướng thành phố. Ông không có giày hay mũ. Ở một khoảng xa đằng sau ông, một nhóm người cưỡi ngựa theo ông.

Người đàn ông đó là Vua Henry.

Đám đông yên lặng như trong một tang lễ, trong khi vua ướt đẫm nước mưa đi bộ qua bùn tới cổng thành phố.

Philip bước vào con đường, theo chương trình đã xếp sẵn, và đi trước nhà vua, dẫn đường vào nhà thờ chính tòa. Henry theo sau, đầu cúi xuống. So với vẻ tự mãn thông thường của ông, thái độ của ông hôm nay là hình

ảnh của sự ăn năn. Dân chúng kinh hoàng lặng im nhìn vào vị vua nước Anh đang hạ mình trước mắt họ. Đoàn tùy tùng của vua theo xa xa.

Philip dẫn ông chậm rãi qua cổng nhà thờ chính tòa. Cánh cửa vĩ đại của nhà thờ lộng lẫy mở rộng. Họ bước vào, một cuộc rước trang trọng của hai người, là cực điểm của cuộc khủng hoảng chính trị của thế kỷ. Gian giữa chật kín. Đám đông dạt ra cho họ đi qua. Dân chúng thì thầm, choáng váng khi thấy vị vua tự hào nhất trong thế giới Ki Tô giáo, ước sừng, đi vào nhà thờ như một người ăn xin.

Họ đi từ từ theo gian giữa và xuống bậc vào nhà nguyện dưới hầm. Ở đó, bên cạnh ngôi mộ mới của vị tử đạo, các tu sĩ của Canterbury đang đợi, trong số họ có các giám mục lớn nhất và uy quyền nhất cùng với các viện phụ trong vương quốc.

Nhà vua quỳ trên nền nhà.

Kẻ nịnh thần của ông vào nhà nguyện sau ông. Trước mặt mọi người, Henry của nước Anh, tên thứ hai của ông, thú nhận tội của ông và nói rằng ông là nguyên nhân gây nên cuộc ám sát Thánh Thomas.

Sau khi đã thú tội ông cởi áo choàng ra. Phía trong ông mặc một áo dài xanh và một áo sơ mi bằng lông. Ông lại quỳ xuống, giơ lưng ra.

Giám mục thành London uốn cong cây roi.

Nhà vua bị đánh đòn.

Ông phải chịu năm đòn từ mỗi linh mục và ba đòn từ các tu sĩ hiện diện. Đánh đòn chỉ là tượng trưng, dĩ nhiên, vì nếu tám mươi tu sĩ hiện diện đánh thật, nhà vua chẳng sống sót nổi.

Giám mục thành London đựng lưng nhà vua năm lần nhẹ nhàng với cây roi. Rồi ông quay lại, đưa cây roi cho Philip, giám mục thành Kingsbridge.

Philip bước tới để đánh đòn nhà vua. Ông vui vì vẫn còn sống để chứng kiến biến cố này. Từ hôm nay, ông nghĩ, thế giới sẽ chẳng bao giờ như cũ nữa.

HẾT

★★★

• CHÚ THÍCH •

[1] Sào: 5,029 m

[2] Inch: 2,54 cm

[3] Foot: 30,48 cm

[4] Guilder: đồng bạc của Hà Lan, tương đương bốn mươi xu Dollar.